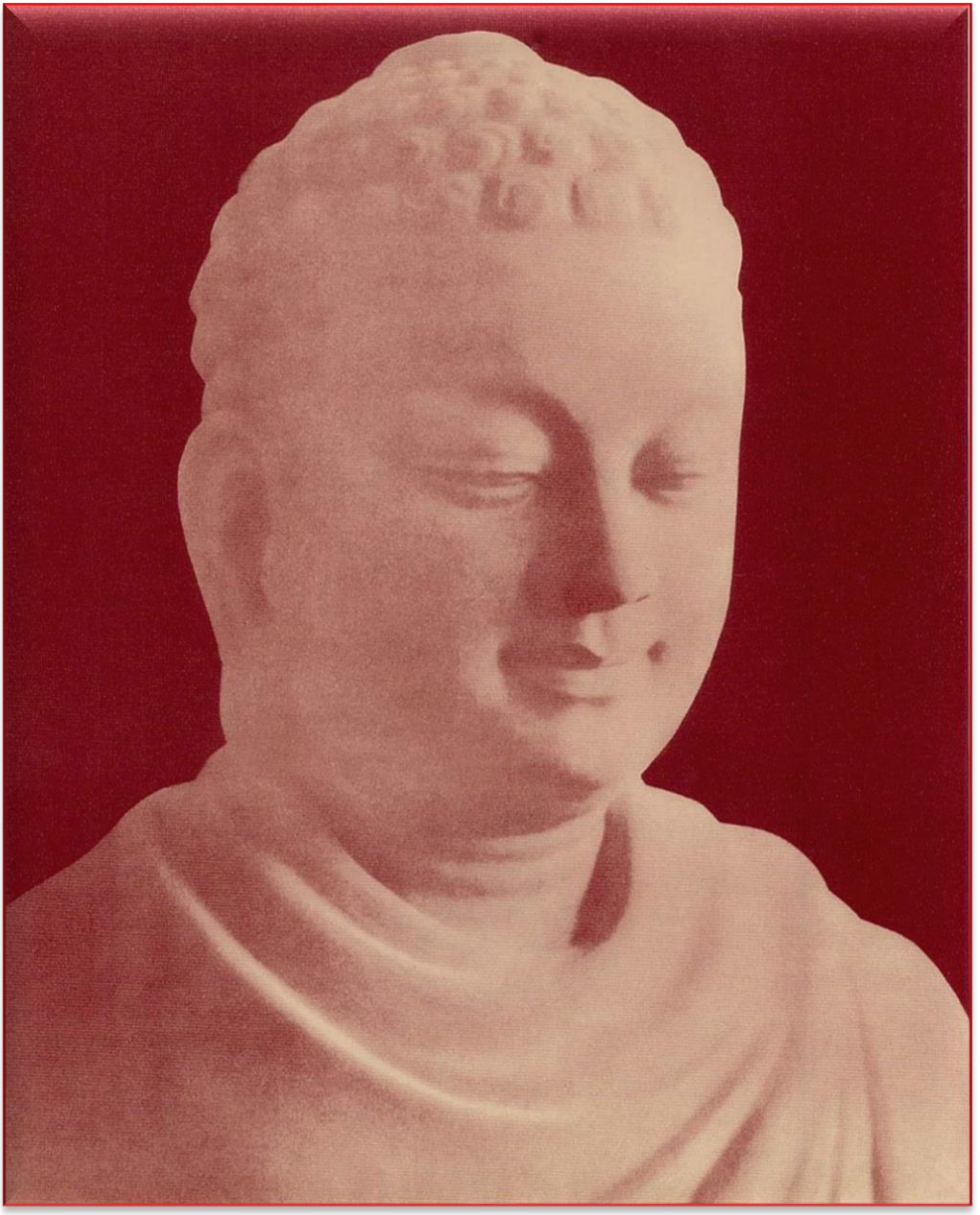


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 60

BỘ KINH TẬP VII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 60

BỘ KINH TẬP VII

SỐ 626 → 639

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 7 – T060

SỐ 626 3
KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG 3
QUYỂN THƯỢNG 3
QUYỂN HẠ 36
SỐ 627 71
KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHỔ SIÊU TAM-MUỘI 71
QUYỂN THƯỢNG 71
PHẨM 1: CHÁNH SĨ 71
PHẨM 2: HÓA PHẬT 81
PHẨM 3: CỬ BÁT 87
QUYỂN TRUNG 96
PHẨM 4: ĐỒNG ẤU 96
PHẨM 5: KHÔNG TÔI TA 100
PHẨM 6: TỔNG TRÌ 108
PHẨM 7: TAM TẠNG 111
PHẨM 8: BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN 114
PHẨM 9: BIẾN ĐỘNG 116
QUYỂN HẠ 123
PHẨM 10: QUYẾT NGHI 123
PHẨM 11: TÂM BẢN TỊNH 135
PHẨM 12: NGUYỆT THỦ THỌ QUYẾT 143
PHẨM 13: CHÚC LỤY 148
SỐ 628 151
KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP 151
QUYỂN 1 151
QUYỂN 2 162
QUYỂN 3 176
QUYỂN 4 191
QUYỂN 5 202
QUYỂN 6 214
SỐ 629 226
KINH PHÓNG BÁT 226
SỐ 630 234
KINH THÀNH CỤ QUANG MINH ĐỊNH Ý 234
SỐ 631 261
KINH PHÁP LUẬT TAM-MUỘI 261

SỐ 632 271
KINH TUỆ ẤN TAM-MUỘI 271
SỐ 633 308
PHẬT THUYẾT NHƯ LAI TRÍ ẤN KINH 308
SỐ 634 335
PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH 335
QUYỂN 1 335
QUYỂN 2 342
QUYỂN 3 352
QUYỂN 4 363
QUYỂN 5 377
SỐ 635 389
KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI 389
QUYỂN 1 389
PHẨM 1: ĐƯỢC TRÍ TÂM RỘNG LỚN 389
PHẨM 2: THANH TỊNH ĐẠO 398
PHẨM 3: ĐẠO VÔ TẬP 403
QUYỂN 2 410
PHẨM 4: THỈNH NHƯ LAI 410
PHẨM 5: HẠNH VÔ DỤC 415
QUYỂN 3 430
PHẨM 6: LÒNG TIN GẶP PHÁP 430
PHẨM 7: CHUYỂN BÁNH XE PHÁP 437
PHẨM 8: GIẢI QUYẾT CÁC NGHI NẠN 442
QUYỂN 4 450
PHẨM 9: PHÁP NHẪN KHÔNG KHỞI 450
PHẨM 10: CÁC PHÁP YẾU 453
PHẨM 11: THỌ PHONG BÁI 456
PHẨM 12: CHÚC LỤY PHÁP TẠNG 461
SỐ 636 466
KINH VÔ CỰC BẢO TAM-MUỘI 466
QUYỂN THƯỢNG 466
QUYỂN HẠ 490
SỐ 637 514
KINH BẢO NHƯ LAI TAM-MUỘI 514
QUYỂN THƯỢNG 514
QUYỂN HẠ 540
SỐ 638 569
KINH SIÊU NHẬT MINH TAM-MUỘI 569

QUYỂN THƯỢNG 569
QUYỂN HẠ 607
SỐ 639 635
KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI 635
QUYỂN 1 635
QUYỂN 2 659
QUYỂN 3 693
QUYỂN 4 722
QUYỂN 5 742

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 60

BỘ KINH TẬP

7

SỐ 626

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 626

KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-ca-sấm, người nước Nguyệt Thị.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ cùng với chúng hội gồm một vạn hai ngàn Tỳ-kheo, Bồ-tát tám vạn bốn ngàn người, tất cả đều tôn trọng lẫn nhau. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát đều đạt được các pháp Tổng trì, đạt đến chỗ không còn bị dục chi phối, chứng được pháp Vô sở tùng sinh, được Tuệ như thị Tam-muội, đều biết được nẻo hành nơi tâm của mọi người, đem pháp giáo hóa, khiến mỗi người đạt được điều mong muốn.

Các Tứ Thiên vương và trời Đế Thích, Thích thiên và các Thiên tử, các chúng Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân, tất cả đều đến pháp hội. Trong lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở một nơi khác của núi này, cùng với hai mươi lăm Thượng nhân hội đủ.

Hai mươi lăm người là những người nào? Chư vị đều là Bồ-tát, đó là: Nhã-na-sư-lợi, Na-la-đạt-sư-lợi, Tam-ba-sư-lợi, Kiếp-ba-đầu-sư-lợi, Ba-đầu-sư-lợi,... (Kiếp xà nhân, Đà-lâu Đà-la-ni, Đà-lâu-la, Đà-ba-ni-la, Đà-mâu-ha Đa-tư-ha, Mạt-sư-ha-duy, Ca-xà-câu-la-gia, Na-ca-xà-sa-ha, Chất-đâu-ba-trầm-ma-giá, Già-ba-quát-trấn-giá-tát, Hòa-bà-đà Ba-chi-bàn-câu-lợi, Sa-kiệt-mạt-ma-ha, Nghê-lâu-kỳ-phi-đà-biến, A-nan-đà-thí-xoa, Ba-chất-kỳ-la-da, A-nan-đà-a-lam-duy-ha-la, Ma-chì-tra-sa, Mâu-già-chì-đà, A-dụ-dạt-tát-hòa-át[*]). Đây là tên của tất cả hai mươi lăm vị Thượng nhân.

Bốn vị Thiên tử cõi trời Đâu-thuật đến chỗ của Văn-thù-sư-lợi, vì muốn nghe pháp. Tên của các vị Thiên tử này là: Sa-ma-đà-cưu-tốc-ma-la,

---

[*] Tên của hai mươi vị Bồ-tát này, bản chữ Hán không chấm câu, ở đây tạm ghi từng tên như vậy. (Chú thích của người dịch).

Vô-câu-tốc-ma, Mạn-na-la-kiền-đà-sa-ha, Ẩu-thuật-đàm-duy-ha.

Lại có một số ít Thiên tử khác cùng đi đến chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì muốn nghe pháp. Các Thiên tử, Thượng nhân đều ngồi, mỗi mỗi vị đều nói về trí tuệ hết sức tôn quý của Phật trí tuệ ấy là không cùng tột, không thể nghĩ bàn, không thể đo, không thể lường, không thể dùng trí phàm phu ứng hợp với thệ nguyện. Tất cả đều nói:

–Phải dấy khởi pháp với những phương tiện nào để soi sáng lãnh hội trí tuệ vô biên, cho đến Nhất thiết trí, không thể nghĩ bàn của Phật.

Bồ-tát Tuệ Thủ nói:

–Đối với công đức không bao giờ cho là đủ. Đối với mọi công đức không có chỗ mong cầu. Thực hiện được điều này là có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Tuệ Thí nói:

–Tâm bình đẳng như như, vắng lặng thì tâm ấy vui vẻ, nhu hòa tự nó gắn liền với lời dạy của Phật, tâm ấy liền nắm giữ tâm của Nhất thiết trí, luôn kiên cố đối với bốn hoằng thệ nguyện. Thực hiện được điều này thì có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Cụ Túc Bình Đẳng nói:

–Không thể so tính là bao nhiêu kiếp. Kiếp vị lai kia là vô số, vô lượng, không thể tính kể, đây là hoằng thệ nguyện, đối với hoằng thệ nguyện không tự cao ngạo. Thực hiện được điều này là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Cụ Túc Hạnh nói:

–Không tự nghĩ đến điều an là có thể đến được Tuệ vô cực. Vì sao? Vì muốn làm cho tất cả đều an ổn. Thực hiện được niệm này thì không cầu, tất cả cũng đều an. Làm được như thế thì có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Liên Hoa Cụ túc nói:

–Kẻ nào không chế ngự được tâm mình thì cũng không thể chế ngự được tâm ý kẻ khác. Kẻ nào có khả năng chế ngự được tâm ý mình thì mới có khả năng chế ngự tâm ý người khác. Thực hiện được điều này là có thể đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Liên Hoa Cụ Hạnh Kiếp nói:

–Ai chạy theo ham muốn thì không thể cứu được ham muốn, còn không phụ thuộc vào ham muốn thì mới cứu vớt được ham muốn. Bồ-tát kia, được lợi hay không được lợi, tâm ấy không hề thay đổi. Hoặc khổ hoặc vui, hoặc hủy báng hoặc khen ngợi hoặc xấu hoặc tốt, ở đấy đều không có

chỗ vướng mắc. Vì sao? Vì cũng chẳng ưu buồn, cũng không mừng vui. Thực hiện được việc này thì có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Chế Trì Chư Căn nói:

–Không niệm về tha nhân, tạo ra công đức là ta có thể làm được. Thực hiện điều ấy thì không thể vào được tuệ vô cực. Cần phải niệm một mình mà không thể không có bè bạn. Vì sao? Vì nhớ đến tất cả. Mọi người không lo toan thì ta phải lo toan cho họ. Tinh tấn liên tục không được phép lười biếng, nhằm hướng dẫn tất cả. Thực hiện được điều này là đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Trì Hạnh Như Địa nói:

–Hoặc giống như đất, tất cả cây cỏ, thuốc, nhà cửa, thành quách không thứ gì không lấy đất làm nhân mà đứng vững. Nhưng đất cũng không nghĩ mình là chỗ để đặt, tất cả hướng nhìn lên để được sống còn, cũng không cho đó là sự phiền hà. Bồ-tát cũng phải như vậy mà giữ lấy tâm. Phải như đất, cũng không vui, giận mà gìn giữ tâm. Phải làm cho tất cả, mỗi mỗi được như đất kia, cũng không nhớ nghĩ rồi xoay về với nhớ nghĩ. Những ai làm được việc này là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Bảo Nguyện nói:

–Phải nắm giữ tâm như sự tôn quý, không tự ti, dù ở trong mộng cũng không có hai tâm. Vì sao? Vì không có ý phân biệt La-hán, Bích-chi-phật. Những ai thực hiện được việc này thì nó giống như báu vật không rời. Nếu Bồ-tát không mất cái tâm đối với tất cả mọi người thì đối với tâm châu báu, không chỗ để tham tiếc. Những ai đi theo sự cầu tìm này thì đều mở ra được con đường là Đại thừa. Vì sao? Vì vô tâm cùng với tâm ngang bằng nhau và tuệ vô tâm cùng với tuệ tâm này là bình đẳng, cũng không chỗ tăng, không chỗ giảm. Tâm ấy không chỗ tham tiếc. Thực hiện được điều này là đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thấy sự sống chết của con người trong năm đường giống như rớt xuống biển. Tâm Nhất thiết trí mà thương xót nhớ nghĩ họ thì phải đưa tay ra dắt dẫn. Vì sao? Vì người không thông tuệ thì tạo ra thông tuệ làm đầu. Người tham chấp thì tạo không chỗ tham tiếc làm đầu. Người không trì giới thì dùng giới làm đầu. Người giận dữ thì lấy nhẫn nhục làm đầu. Người biếng nhác thì lấy tinh tấn làm đầu. Kẻ nào loạn ý thì vì họ tạo ra nhất tâm làm đầu. Kẻ nào vô tuệ thì vì họ tạo nên trí tuệ làm đầu. Kẻ nào không công đức thì vì họ tạo ra công đức làm đầu, đem công đức dẫn đầu ấn vào ba pháp bảo.

Sao gọi là ba?

–Khiến tất cả đầy đủ trí tuệ giáo hóa của Phật mà tạo tác.

–Tự hiểu rõ thân này là công đức quý báu đã tạo được.

–Niệm tất cả các pháp giống như hư không cho nên là hàng đầu của Pháp bảo. Đó là ba.

Những ai thực hiện được như vậy là có thể đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

–Thân kia tạo nên hoằng nguyện này, không chỗ khủng khiếp cũng chẳng sợ hãi, cũng không thoái lui, cũng không cởi áo, không dựng chân lông. Vì sao? Vì đối với sinh tử không có xấu ác. Cũng không vào Nê-hoàn. Sống bình đẳng với khổ, vui, không tạo ra hai tâm phân biệt. Thực hiện được việc ấy là đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Sư Tử Bộ Quá Vô Cụ nói:

–Kẻ nào yếu hèn thì không thể đạt đến tuệ này. Tuệ ấy là chỗ tạo thành của bậc Đại sĩ. Vì sao? Vì loại bỏ được các điều ác, vì không dua nịnh, vì lấy sự chất phác để ứng xử thì không cao ngạo không tâm nóng giận, si mê. Chỗ tạo thành của Đại sĩ không chạy theo phi pháp. Vì sao? Vì dùng sự trung chánh thì không dâm dật, không dùng tâm độc ác. Kẻ ngu si tối tăm do không có điều ấy. Nếu thân, miệng, ý được bình đẳng, lời lẽ nói ra là ngôn ngữ chân thật, không làm mất ý của mình, thì vô cùng tôn quý điều muốn làm đều được thành tựu. Vì sao? Vì lòng chí thành đều từ pháp tự mình vui thích, do như pháp mà không tham tiếc thọ mạng. Vì sao? Vì không tham thân thể, mạng sống, không xả bỏ tất cả. Chỗ thí giúp lòng không tham tiếc, muốn khiến người nhận được chỗ cứu giúp kia. Lối vào chân chánh thì chẳng phải tà đạo.

Người nào tham lam thì vì họ tạo kho châu báu. Ai có bệnh thì vì bệnh mà cho thuốc. Ai sợ hãi thì vì họ mà làm người bảo hộ. Ai hèn kém thì vì họ mà tạo ra cõi đạo. Ai đi vào đường tà thì vì họ mà dắt vào nẻo chánh. Ai vô trí thì vì họ mà tạo trí tuệ. Tất cả là đều thuận, thì chỗ nào để lòng nỗi lên sân hận? Đại sĩ vì độ thoát mà ở trong giải thoát nhẫn nhục. Pháp nhận lãnh vốn như là chỗ trú ngụ. Thực hiện được việc ấy thì mới được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Tử Ma Kim Sắc nói:

–Chỗ niệm của mình như hư không. Vì sao? Vì khắp cùng mọi nơi. Do lòng thương rộng lớn mà không chỗ nào là không che chở, tâm kia thường hiện lên vẻ mặt vui mừng mà lòng rạng rỡ. Các chốn dục lạc, tâm

kia không ở trong đó. Việc đem Thí giúp thì giống như bầu trời không đâu là không che phủ. Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ kia cũng lại che chở như vậy. Thực hiện được việc này là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Phát Ý Tức Chuyển Pháp Luân, nói:

–Có người nào mới phát tâm thì không nên để cho ma được tự tiện, không làm mất ý chư Phật, Thiên thần. Làm cho tâm trụ vững là ứng với việc chuyển pháp luân. Vì sao? Vì dùng lòng tốt đẹp để phát khởi. Vì sao? Vì tất cả các pháp là không chỗ sinh. Thực hiện được điều ấy là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Chư Ngữ Tự Nhiên Phổ Vô Bất Nhập nói:

Phải nắm giữ tâm thì không nơi đâu là không tỏ ngộ. Vì sao? Vì các pháp tự nhiên vốn không, tất cả điều gì nói ra đều không. Thí như hư không, không nơi đâu là không thâm nhập đến. Bồ-tát cũng phải như vậy, tâm Bồ-tát ngộ nhập khắp nơi, hành động đúng như lời nói, trí Bồ-tát hiểu hết tất cả. Những ai thực hiện được điều này là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Lạc Bất Động nói:

–Các âm sở hữu được thì không có phát tiếng, mọi tiếng vang sở hữu được nhưng không thể thủ đắc, do nhận biết vậy nên cũng không lấy gì vui, cũng không lấy gì buồn, cũng không lấy gì lười biếng. Vì sao? Vì giống như Thái sơn có thu hết gió cũng không bị lay động. Các âm tốt, âm xấu, tâm Bồ-tát cũng không lấy đó mà vui vẻ, cũng không lấy đó làm ưa thích. Vì sao? Vì không chỗ vướng mắc. Không chỗ vướng mắc thì gọi đó là Phật ngữ hoặc đạo ngữ khác, chúng hoàn toàn rỗng lặng, không sở hữu, nhìn thấy các dục có chỗ tạo tác thì chúng đều có tận cùng. Do nhận biết đầy đủ mà không cao ngạo. Thực hiện được pháp này thì mau đến chỗ thành Phật.

Bồ-tát Hải Ý nói:

–Tâm mình phải như biển là nơi thu nhận. Tuệ mà vô cùng thì giống như biển thu nhận các dòng chảy, hợp lại làm một vị. Bồ-tát đem các thứ sở hữu hợp lại làm một pháp. Vì sao? Vì dụng vi diệu, không cùng với mười hai nhân duyên biến đổi chỗ hiện hữu. Niệm Pháp thân cũng không tăng, cũng không giảm là vì tất cả làm công đức. Chỗ tạo nên công đức là muốn khiến tất cả đều được công đức. Điều này cho thấy công đức không thể hết, phải bảo vệ, không vướng mắc, không phân cắt. Lấy ý lực mà kiềm chế thân. Các chỗ có được, các chỗ tạo nên đều ngang bằng nhau không có khác. Thực hiện được điều này nên tuệ ý phát ra đầy đủ là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Đại Quang Minh nói:

–Phải nắm giữ tâm thì trí tuệ ấy được sáng như Phật. Đây chẳng phải là việc làm của kẻ tục. Tâm Bồ-tát tập thành quang minh, không đâu là không chiếu sáng. Vì sao? Vì muốn khiến cho thế gian biết lấy quang minh làm pháp, tâm kẻ đó tập thành Bố thí quang minh thì không đâu là không chiếu sáng. Tập Giới quang minh thì không đâu là không chiếu sáng. Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ đều tập thành quang minh này thì không đâu là không chiếu sáng. Thực hiện được những việc ấy là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Diệm Minh nói:

–Lấy công đức nơi tuệ tâm làm ánh sáng, thanh tịnh được chỗ sắc nhìn thấy thì không có ác. Pháp thanh, hương, vị, xúc, cũng như vậy để làm trong sạch sáu việc. Sáu việc ấy là gì? Đó là: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Các nơi này được thế thì bất cứ nơi nào cũng tạo ra niềm vui, vì chúng là dụng của tâm trong sạch. Con người trong cái nhìn của mình là muốn ai ai cũng đều thấu hiểu Phật pháp. Kẻ nào bất chính là do họ dùng pháp đoạt lấy. Sở hữu vật tốt đẹp của người không chút thương tiếc. Đã cho rồi thì không tiếc nuối. Thực hiện được điều học này là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Khả Ý Vương nói:

–Có kẻ nào mắng chửi, lăng nhục, đánh đập cũng không sân giận chỉ niệm Pháp. Vì sao niệm Pháp? Chỗ nào mắng chửi? Chỗ nào nóng giận? Ai đánh đập cũng thế. Vì bên trong không có gì gọi là được, bên ngoài cũng không có gì nghi ngại, tự mình với thân không chỗ thấy cũng không thấy ở người khác. Vì sao? Vì kẻ nào bức bách bằng chân, tay thì lấy sự hoan hỷ trao cho họ. Ai muốn lấy đầu thì tâm còn vui lên nhiều. Hoặc thành quách và châu báu, có kẻ nào bức bách lấy thì cũng không tham tiếc. Ai cầu xin vợ con thì liền đáp ứng trao cho, không có tâm nào khác. Hoặc đọc tụng khởi đầu bằng kinh này là được một chương hoan hỷ. Không vui vì Kim luân vương hoan lạc. Vì mọi người thuyết pháp mà không làm buông lơi. Xin dành cái vui cho mọi người phát tâm làm Bồ-tát, không làm Phạm thiên. Nguyện vui thấy Phật. Không tham châu báu của tam thiên đại thiên cõi nước. Thực hiện được điều này thì thường không biếng nhác. Hoan hỷ như vậy là có thể được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Sở Thị Vô Để nói:

–Trông thấy tất cả các thứ sở hữu mà không nghĩ đến các thứ này là ngã sở, đều là cõi nước thanh tịnh. Không niệm hữu cùng vô, thấy chư Phật mà không cầu tưởng sắc. Vì sao? Vì dụng Pháp thân, thấy được tâm mọi

người mà không cầu cái sở hữu của họ. Vì sao? Vì mắt đức của mình đạt được thanh tịnh, thế là có được đạo nhãn, thần túc hoàn bị. Từ việc đắc chứng Tuệ nhãn mà liền biết điều sở hữu không là chỗ đáng tham, vì vậy mà được mắt Phật, mười tám pháp đều đầy đủ. Do được mắt pháp mà đầy đủ mười Lực. Những ai hiện thực bốn hoằng thệ nguyện thì liền đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Tác Vô Để Hạnh nói:

–Tất cả chỗ tạo tác như chỗ tạo tác của Nhất thiết trí. Vì sao? Vì không chỗ trụ, do không chỗ trụ nên chỉ niệm các pháp. Bồ-tát thực hiện điều này là không dùng các thứ thuận. Đọa là sao? Là cũng không từ tội mà đọa, cũng không từ ma sự mà đọa. Vì sao? Vì không xả bỏ pháp, không phạm phi pháp, do thế mà đạt đến điều ấy. Nhằm vượt qua tội mà tạo ra việc ma sự. Do tương ưng ấy nên có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Thuyết Tức Ái Ý nói:

–Tất cả sở hữu không đi theo người nhận nó. Vì chỗ tạo tác nên trì chú đối với các ma. Do tự hiểu biết mà lìa sở hữu, cũng không chỗ nào lại tạo ra. Do biết không chỗ lại tạo ra nên chế ngự năm ấm. Do hiểu biết năm ấm nên không có ma sự. Do vượt qua ma giới mà tạo nên trung đạo không chỗ nào bị che lấp. Đã độ được rồi là không còn chỗ nào bị che lấp. Bồ-tát Ma-ha-tát thực hiện điều này là có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Sở Khởi Tức Hối nói:

–Các chỗ tạo ra tâm phi pháp mà hối lỗi và chỗ tạo tác như pháp thì hai tâm ấy không khác. Vì sao? Vì luôn phải chuyên tâm làm thiện. Thân ta có tạo được điều gì bao giờ cũng muốn cho người được tốt. Hoặc miệng, hoặc ý nói, nghĩ điều gì thì cũng muốn cho con người có điều tốt. Kẻ nào sầu ưu mà làm cho pháp rộng lớn ra là khiến sầu ưu không còn. Thực hiện như vậy thì đây là Bồ-tát ma-ha-tát có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Bồ-tát Đắc Nhất Thiết Nguyện nói:

–Điều gì hiện hữu như tịnh giới chẳng hạn thì sở nguyện ắt được. Vì như tịnh giới thì không lại phạm tục. Không phạm tục là ứng với ba mươi bảy phẩm cội gốc, như Nhất thiết trí nói chung. Kẻ nào áp dụng đúng tịnh giới thì không ngăn ngại ba mươi bảy phẩm. Đây là chỗ tạo tác của Bồ-tát ma-ha-tát, dẫn đến Tuệ vô cực.

Thiên tử Phổ Đẳng Hoa nói:

–Giống như cây có hoa, ai thấy cũng hoan hỷ. Nơi nào tạo ra tất cả công đức thì không ai là không cúi nhờ. Giống như cây Câu-kỳ trên cung

trời Đao-lợi, một khi hoa nở rực rỡ thì chư Thiên không ai là không vui thích. Bồ-tát dùng pháp vì tất cả mà tạo ra mắt giống như hoa, như báu mani trên trời không một vết bẩn. Bồ-tát thanh tịnh thì tâm Bồ-tát là như vậy. Người nào thực hiện được điều ấy thì có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Thiên tử Quang Minh Hoa nói:

–Giống như mặt trời hiện ra là xua hết các tối tăm, có các sắc đều thấy rõ. Bồ-tát dùng trí tuệ nên không chỗ nào là không chiếu sáng. Những ai ngu si, nếu tối tăm xua được hết là họ mở rộng ra tầm thấy. Vì sao? Vì cuối cùng kẻ ấy phải sáng ra. Kẻ nào ở trong tối mà thấy sáng thì liền được lối đi tắt của đạo. Bồ-tát do trụ trong lối đi tắt của đạo nên ai quên mất lối đi này thì chỉ bày lộ trình đạo cho họ. Do như vậy mà có thể đạt đến Tuệ vô cực.

Thiên tử Thiên Hương Hoa nói:

–Giống như hoa Mạn-đà-la, hương của nó nghe khắp ngang dọc, trên, dưới bốn hướng, mỗi phía đến bốn mươi dặm, Bồ-tát do nghe được Tam-muội tịnh giới, gìn giữ trí tuệ lấy đó làm hương mà tam thiên đại thiên thế giới không đâu là không nghe. Hương này chữa lành không biết bao nhiêu người bệnh. Do chỗ nghe Tam-muội tịnh giới, trí tuệ kia mà Bồ-tát trụ nơi đây làm phương tiện đi đến Tuệ vô cực.

Thiên tử Tín pháp hạnh đắc nói:

–Phải trụ ở nơi pháp, phải làm theo pháp, vì như pháp Bồ-tát thì không bao giờ lười nhác, không có vấn đề hiểu mà lại không nhớ nghĩ, do thế mà được mười việc, tập sáu pháp Ba-la-mật, dùng bốn Tâm bình đẳng, năm câu, bốn việc nói chung là ba giải thoát nhẫn nhục, lợi lạc, khiến người phát tâm. Thân kia không bỏ rơi nó, vận dụng phương tiện quyền xảo để chỉ bày, các pháp yếu đều nắm giữ, lòng tin không có khác. Đây là mười việc, những ai thực hiện các điều ấy là có thể đến được Tuệ vô cực.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo các Thượng nhân và các Thiên tử:

–Bồ-tát trụ nơi không chỗ trụ. Sao gọi là trụ không chỗ trụ? Vì ở trong ba cõi mà không lấy ba cõi làm đối tượng tu tập. Trong thì không lấy đó tu tập, ngoài thì không lấy đó làm đối tượng tìm cầu. Tuy là ngoài nhưng không khiến đệ tử lơi lỏng việc tu tập, cũng không bỏ mất quả vị Bích-chi-phật. Tập gọi là sinh tử. Chỗ học tập sinh tử gọi là vô sở tri. Tập chính là danh, nơi học tập danh là sắc. Tập là nhân duyên, chỗ học tập này thì có chỗ thấy. Tập gọi là ái, chỗ học tập ái thì gọi là gốc của sự hiện hữu. Tập là hữu ngã, chỗ học tập hữu ngã thì gọi là phi ngã. Tập là tham, chỗ học tập của tham là sự Bố thí không khác. Tập gọi là phạm giới, chỗ học tập này

thì đối với Giới không tự cao ngạo. Tập gọi là sân giận, chỗ học tập này là Nhẫn nhục, không cao ngạo. Tập là không tinh tấn, chỗ học tập này là Tinh tấn không tự cao ngạo. Tập gọi là loạn tâm, chỗ học tập này là Nhất tâm, không tự cao ngạo. Tập gọi là vô tri, chỗ học tập này là Trí tuệ không cao ngạo. Tập gọi là không công đức, chỗ học tập này là công đức không cao ngạo. Tập là pháp thế tục, chỗ học này là đạo pháp, không tự cao ngạo. Tập là vô thoát, chỗ học tập này gọi là được giải thoát đầy đủ, không cao ngạo. Tập là có tội, chỗ học tập này là không có tội cũng không cao ngạo. Tập là hữu dư, chỗ học tập này là diệt hết không còn hữu dư, cũng không cao ngạo. Bồ-tát tu tập đến chỗ không còn gì tu tập, bảo hộ tất cả mà không chấp trước, cũng không đoạn diệt. Thực hiện được điều ấy là liền đạt đến Tuệ vô cực.

Tất cả các pháp là không chỗ chứng đắc. Vì sao? Vì không chỗ để chứng nhập cũng không chỗ nào là không thể chứng nhập. Được Nhất thiết trí này tức là đạt được Nhất thiết trí. Nói cái Nhất thiết trí vô sở đắc là được cái Nhất thiết trí không so lường sắc… cho đến cảm thọ, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Không theo pháp số cũng không theo việc chối bỏ pháp số. Cũng không kể đến bố thí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bố thí cũng không rời Nhất thiết trí. Cũng không kể đến Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ. Vì sao? Vì Nhất thiết trí là từ trí tuệ. Nhất thiết trí không chỗ nào là không có, cũng không quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì do đã vượt qua ba đời. Nhất thiết trí đó không do mắt nhìn thấy. Tai, mũi, miệng, ý cũng vậy. Vì sao? Vì do vượt qua các giới. Người nam, người nữ nào muốn cầu Nhất thiết trí thì phải trụ như Nhất thiết trí.

Phải trụ như thế nào? Đối với tất cả các pháp không chỗ trụ thì đây là chỗ trụ của Nhất thiết trí. Không tự niệm pháp là ngã sở. Thực hiện được điều đó là Nhất thiết trí. Tất cả nhân pháp, Phật pháp đều bình đẳng… không sai khác, đó là Nhất thiết trí. Những ai muốn được Nhất thiết trí thì phải lãnh hội từ bốn đại mới được. Vì sao? Vì là thân thì không tạo sự cố chấp về thân.

Vì sao vậy? Vì không lấy gì tạo, mà do nhân duyên tạo nên. Những ai có pháp công đức hay không có pháp công đức, những ai sở hữu nó cho đây là ngã sở thì đều chẳng phải ngã sở. Cái ngã là không có chỗ sinh mà đã không chỗ sinh thì không có chấp trước. Những ai chấp trước thì đây là không sinh, kẻ nào thấy đó là kiến chấp thì đều không có sinh. Đem cái trí tuệ hiểu được là không sinh và không có chỗ sinh mà quán sát được như vậy ấy là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khi thuyết giảng pháp này thì có hai ngàn Thiên tử đều chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh. Một vạn hai ngàn người đều phát đạo tâm vô thượng bình đẳng.

Bồ-tát Lạc Bất Động nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng ta cùng đến chỗ Phật hỏi xem Bồ-tát phải trụ như thế nào?

Ngay lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa làm Như Lai, ngồi giữa hội chúng. Hình dáng Văn-thù mặc pháp phục như là Phật Thích-ca Văn.

Văn-thù-sư-lợi bảo Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi:

–Nay Phật tại đây, có thể hỏi về Bồ-tát trụ.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi không biết đây là hóa Phật, đến trước quỳ, hỏi:

–Thưa Như Lai! Bồ-tát có được chỗ trụ thì phải như thế nào?

Vị hóa Phật dạy:

–Như ta đã làm, Bồ-tát phải trụ như vậy.

Lại hỏi:

–Trụ như Phật là trụ thế nào?

Vị Phật ấy dạy:

–Không từ sự Bố thí, cũng không từ Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ. Cũng không từ dục, cũng không từ sắc, cũng không từ vô sắc, cũng không từ thân làm, cũng không từ miệng làm, cũng không từ ý làm, vì các sở hành không chỗ vướng mắc.

Vị Phật kia hỏi Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi:

–Hóa thì có chỗ nào từ hành không?

Bồ-tát liền đáp:

–Không có chỗ nào từ hành.

Vị Phật kia dạy:

–Như hóa, không chỗ từ hành thì Bồ-tát phải thực hiện hành ấy.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi lại hỏi:

–Văn-thù-sư-lợi là Phật thì đâu cần phải hóa Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ông tự biết các pháp như hóa không?

Bồ-tát liền đáp:

–Sự thật, các pháp như là biến hóa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đã biết các pháp là biến hóa thì tại sao lại hỏi Như Lai biến hóa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này nhân giả! Do đó chư Phật thảy đều là hóa hiện.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:

–Phật từ nơi đâu hóa hiện?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Chỗ hóa ra gốc là thanh tịnh.

–Do đâu mà có biến hóa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Nên Phật không có ta, không có ngã, không có nhân, không có thọ, không có mạng, cũng không nương tựa nơi Phật trụ, cũng không nương tựa nơi phàm nhân trụ.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi lại hỏi vị hóa Phật:

–Học cái gốc này từ chỗ nào để tự đến được Phật.

Vị Phật kia nói:

–Không chỗ học là Bồ-tát học. Vì sao? Vì cũng không tự niệm, ta muốn cầu điều này, cũng không cầu điều này, cũng không buồn, cũng không vui, cũng không duyên, cũng không chỗ hóa, cũng không chỗ thấy, cũng không nơi chốn, cũng không có tưởng, cũng không có tên riêng, cũng không có sắc, tất cả đều không chỗ mong cầu. Bồ-tát này học thì thực hiện sự học này vì nó là cái học bình đẳng. Thực hiện sự học này thì không chỗ vướng mắc, không chỗ ràng buộc. Thực hiện sự học này là không có ham muốn, không có nóng giận, không có si mê. Thực hiện sự học này thì không chỗ thương, không chỗ ghét. Ai học được cái học ấy thì không niệm ngã của mình để tạo ra sự học này. Đây là cách học để tạo nên sự học ấy, nên không bị đọa vào đường ác.

Vị Phật kia dạy:

–Nếu có phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề, muốn đến chỗ thành Phật thì phải thực hiện sự học như ta.

Lại hỏi:

–Nơi nào là chỗ Phật học?

Vị Phật kia dạy:

–Cũng không tạo tội, cũng không rơi vào tội lỗi, cũng không chỗ trao cho; cũng không nơi nắm giữ, cũng không chỗ không nắm giữ; cũng không trì giới, cũng không có giới; cũng không nhẫn nhục, cũng không

ác ý; cũng không tinh tấn, cũng không lười biếng; cũng không thiền, cũng không loạn tâm; cũng không trí tuệ, cũng không chỗ biết; cũng không chỗ học, cũng không có chỗ học; cũng không chỗ thành, cũng không có chỗ thành, cũng không Bồ-tát, cũng không pháp Phật; cũng không tự niệm có thân, cũng không niệm người khác có thân. Chỗ thấy kia không có tưởng, cũng không pháp tưởng, cũng chẳng phải là không pháp tưởng, không phải tưởng vô tưởng.

Vị Phật dạy:

–Hiểu rõ như vậy thì Bồ-tát phải hành trì sự học ấy. Vì sao? Vì tất cả các pháp như ảo hóa, đây là tướng của chúng. Tất cả các pháp đều hợp. Vì sao? Vì tuy việc của chúng nhiều không thể kể xiết song suy niệm ra thì chúng đều là không, không có sở hữu, hợp lại tức là không. Các pháp không thể nhận biết? Vì sao? Vì các pháp như nhau mà không đặc thù sai biệt. Các pháp đều vắng lặng. Vì sao? Vì không lời lẽ, không ngôn từ, nên không có nơi chốn. Vì sao? Vì các pháp không chỗ sinh. Ai tin như vậy thì cũng không nghĩ đến chỗ hành trì cũng không nghĩ đến chỗ đắc chứng giải thoát, cũng không là Bồ-tát tự cao ngạo.

Vị Phật kia dạy:

–Nếu nghe sự học này mà không khiếp, không sợ, không hãi thì mới gọi là Bồ-tát. Giống như hư không không sợ lửa, không sợ gió, không sợ mưa, không sợ khói, không sợ mây, cũng không sợ sấm, cũng không sợ chớp. Vì sao? Vì pháp này luôn rỗng lặng. Bồ-tát phải như vậy, tất cả không chỗ kinh hãi, tâm Bồ-tát do như hư không mới chế ngự được các ma, nên có thể làm Phật, có thể vì tất cả mà làm việc cứu hộ. Vị hóa Phật kia thuyết lời này xong thì không hiện ra lại.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nay Như Lai là chỗ để thưa trình?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền đáp:

–Chỗ từ đó đến là nơi mà mình thưa trình, chỗ thưa trình của mình là nơi đến từ chỗ ấy.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Sự hóa hiện kia không từ đâu đến, không từ đâu đi, sao gọi là từ đó đến?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ví như hóa hiện thì đến không đường lối, đi không đường lối, các pháp cũng như thế, không chỗ từ đâu đến không chỗ từ đâu đi.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi lại hỏi:

–Nơi nào là chốn của các pháp ấy?

Bồ-tát Văn-thù liền đáp:

–Tự nhiên trụ là nơi chốn của các pháp ấy.

Lại hỏi:

–Tất cả nơi chốn nào là nơi chốn của pháp kia?

Văn-thù đáp:

–Như chỗ mình tạo nên là chỗ của các pháp kia.

Lại hỏi:

–Các pháp không chỗ tạo tác là không có tội?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như vậy thì các pháp không chỗ tạo tác, không có tội. Pháp kia, cũng không có tạo tác, không có tạo ra tội, các pháp sở hữu đều chứng nhập pháp thân.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Không có tạo tác, không có tội, sao lại bảo con người tùy theo chỗ tạo tác kia?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Xét kỹ như chỗ hỏi thì người cũng không chỗ tạo tác, cũng không có tội. Vì sao? Vì pháp của người này là Pháp thân, cũng không có tạo tác, cũng không có tội, như chỗ tạo ra, như chỗ nhận được. Ba việc này là như nhau.

Bồ-tát Ba-chi-bàn-câu-lợi lại hỏi:

–Ba việc này là đồng đều với nhau sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như Lai là bình đẳng cho nên ba việc luôn là ở bình đẳng.

Lại hỏi:

–Như Lai ấy là vô tác, vô tội, vô đắc, ba việc này sao lại cùng duyên với nhau?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như Lai là vô tác, vô tội, vô đắc. Tác kia, tội kia, đắc kia là ba việc như nhau cho nên bình đẳng. Tội kia do qua rồi nên không thấy tội, tội cũng không rời ra khi sang đến vị lai, Như Lai do thế mà thuyết giảng.

Lúc này, như đang ở tại trú xứ của Phật Thích-ca Văn, các Tôn giả Xá-lợi-phất, A-nan và chư tôn Tỳ-kheo, tất cả nương theo oai thần Phật đều

được nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay! Lành thay! Việc làm của Thượng nhân, lấy pháp tạo sự cảm ứng khắp mọi nơi mà không rời Pháp thân, người trí nghe thuyết giảng này, chẳng ai là không phát tâm.

Phật dạy:

–Như qua lời lẽ, xét kỹ thì Bồ-tát học mà không chỗ học. Những điều nói ra là bình đẳng không có gì khác. Như gieo trồng hạt nào thì cho ra quả ấy. Cái mà Bồ-tát phải học là tuệ. Như vậy những điều nói ra là đúng như tuệ mà noi.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Như sở học của ông thì tự đạt đến tuệ này.

Bồ-tát Đảnh Trung Quang Minh bạch Phật:

–Sở học của Thanh văn là học những gì? Sở học của Bồ-tát là học những gì?

Phật dạy:

–Có giới hạn, có chấp trước, đó là đệ tử học. Không có giới hạn, không có chướng ngại là Bồ-tát học. Như Thanh văn thì sự học của họ nhỏ, trí của họ ít. Bồ-tát thì cái học rộng lớn. Chỗ nhận biết của họ không có cùng, nói ra điều gì đều không trở ngại.

Bồ-tát Quang Trí bạch Phật:

–Chỉ mình Như Lai mới tạo được sự cảm ứng, khiến chúng hội của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều đến đây. Vì sao? Vì ở pháp hội này những gì đã đạt được đều khiến không bị mất mát. Vì sao? Vì điều thuyết giảng của Bồ-tát Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là sâu xa vi diệu, những ai muốn nghe thì tùy theo chỗ ấy mà mỗi một đều thọ nhận được. Phật liền tạo sự cảm ứng đối với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Ngay khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với hai mươi lăm Thượng nhân và các Thiên tử đều đến đứng trước Phật mà tác lễ.

Bồ-tát Quang Trí hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Phật đang ở tại đây vì sao Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại ở chỗ khác thuyết pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Sở dĩ không ở tại đây vì Phật là bậc vô cùng tôn quý không thể sánh. Hoặc những điều tôi nêu giảng có thể là ý của Như Lai hoặc không là ý của Ngài, nên ở tại một mặt núi khác.

Bồ-tát kia hỏi:

–Thuyết pháp nào mà có thể là ý của Như Lai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phật tự biết pháp ấy.

Lại hỏi:

–Mặc dù như thế, song ý của Bồ-tát Văn-thù và ý của Phật được kết hợp để nêu giảng chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như điều gì tôi biết chút ít thì phải thuyết giảng về điều ấy.

Liền bảo:

–Lời nào thì phải thuyết giảng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như chỗ thuyết minh về pháp được nêu giảng mà không sai biệt, như Như Lai, như bản tế không thể luận bàn, như pháp trụ, như pháp thuyết đó là ý của Như Lai, không chỗ dừng, không chỗ đoạn, cũng không duyên, cũng không chỗ duyên, cũng không chỗ tăng, cũng không chỗ giảm. Nói lên điều thuyết giảng này mà không mất ý Như Lai. Đối với thân cũng không chỗ lỗi, cũng không khiến người khác có chỗ lỗi, cũng không mất pháp, cũng không mất sinh tử, cũng không mất Nê-hoàn. Nói lên sự thuyết giảng này thì cũng không mất ý Như Lai.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Như điều Bồ-tát Văn-thù thuyết giảng đó có thể là ý của Như Lai. Vì sao? Vì cũng không quá mức cũng không bớt đi, trong đó vừa hợp với không chốn tưởng. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi luôn hành trì Tam-muội để giảng nói sự việc như vậy. Không thấy các pháp có chỗ tăng, có chỗ giảm. Như lời lẽ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trình bày thì không làm mất ý của Như Lai.

Khi thuyết giảng lời chỉ bảo này có tám trăm Thiên tử chứng được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh.

Bấy giờ, trong chúng hội lại có hai trăm Thiên tử, trước đó đã phát tâm Bồ-đề mà chưa được kiên cố đều muốn thoái chuyển. Mỗi người đều nghĩ rằng pháp Phật không bờ bến nên khó đến được với Phật. Chúng ta không dự được cái học của hàng Bồ-tát, chi bằng chọn quả La-hán, Bích-chi-phật mà Bát-niết-bàn.

Phật đều biết những vị này có thể trở thành Bồ-tát, nhưng đang có ý thoái chuyển. Phật liền hóa làm một Ca-la-việt mang bình bát đầy thức ăn trăm vị đến trước Phật, làm lễ dâng cúng:

–Xin Ngài thương xót nhận cho.

Phật liền nhận bát. Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

–Tuy ăn nhưng phải nghĩ đến ân xưa.

Xá-lợi-phất tâm niệm:

–Phật xưa thuộc về bậc tu tập nào mà Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo phải nghĩ đến ân cũ?

Liền hỏi Phật:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xưa có công đức gì mà nêu sự việc ấy với Như Lai?

Phật dạy:

–Lại nhẫn thôi! Nay vì ông sẽ khai mở điều nghi ấy.

Phật liền lấy bát bỏ xuống đất. Bát ấy liền biến mất trong đất để sang các nước Phật, thẳng xuống quá bảy mươi hai cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Cõi nước đó tên gọi là Âu-ha-sa *(Hán ngữ gọi là Minh khai tịch)*, vị Phật của cõi này hiệu là Đồ-tỳ-la-da *(Quang Minh Vương theo nghĩa Hán)*. Hiện giờ, bát kia dừng lại ở trong hư không, tại quốc độ của Phật ấy, cũng không ai cầm lấy.

Bát đi qua các nước Phật thì người hầu Phật nơi các nước ấy đều hỏi Phật:

–Bát này từ đâu đến đây?

Chư Phật bảo:

–Phương trên có cõi nước gọi là Sa-ha, Phật ở cõi nước này hiệu là Thích-ca Văn. Bát từ nơi Phật ấy đến. Vì sao? Vì cứu hộ tâm thoái đọa của các Bồ-tát, lấy sự biến hóa tạo thành cảm ứng.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông đi tìm bát đem về.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng theo oai thần Phật, tự đem tuệ lực nhập vào vạn Tam-muội, qua vạn nước Phật cũng không thấy cũng không tìm được bát. Từ Tam-muội trở về, bạch Phật:

–Tìm bát chẳng thấy bát đâu, chẳng nhận được.

Phật dạy:

–Bỏ ư?

Phật lại gọi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông đi tìm kiếm bát về.

Tôn giả Mục-liên liền vâng theo oai thần Phật, tự nương sức thần túc nhập vào tám ngàn Tam-muội qua tám ngàn nước Phật không đâu tìm thấy, không đâu nhận được. Tôn giả Mục-liên liền từ Tam-muội trở về, bạch Phật:

–Tìm bát chẳng thấy đâu, không thể nhận được.

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề đi tìm bát về.

Tôn giả Tu-bồ-đề liền nhập một vạn hai ngàn Tam-muội qua một vạn hai ngàn nước Phật, cũng không tìm thấy, cũng không nhận được, liền từ Tam-muội trở về, bạch Phật:

–Tìm bát chẳng thấy đâu, chẳng thể nào được bát.

Khi ấy năm trăm vị Tỳ-kheo tôn túc, mỗi vị dùng thần túc đi tìm kiếm bát, cũng không thể tìm thấy, cũng không thể được.

Tôn giả Tu-bồ-đề từ tòa ngồi đứng lên thưa Bồ-tát Di-lặc:

–Nhân giả là bậc cao tài là bậc Nhất sinh bổ xứ, hiện là vị Phật đương lai. Chúng tôi đi tìm bát không thể được, mong Bồ-tát đi tìm cho.

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Như lời ông nói, Nhất sinh bổ xứ là thật nhưng hiện giờ cũng không bằng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, về việc tạo ra Tam-muội và nêu tên về Tam-muội. Hãy lắng nghe điều ta nói!

Khi ta làm Phật, nhiều như cát sông Hằng đều là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, song lại không thể biết bước đi của ta kể cả việc đưa chân lên, hạ chân xuống. Còn như hiện nay thì quả thật chẳng sánh được, chi bằng bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, để Bồ-tát đi tìm bát cho.

Tôn giả Tu-bồ-đề liền bạch Phật:

–Cúi mong Như Lai hãy khiến Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi tìm bát.

Phật liền bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi tìm bát về.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi im lặng nhận lời. Nhận lời chỉ dạy rồi liền tự tư niệm chỉ ngồi yên tại chỗ, không rời Phật, không bỏ hội chúng, ở nơi đây mà có thể đến chỗ có bát. Tam-muội lúc bấy giờ là không nơi nào không biến nhập, rồi ngay tại chúng hội này lấy tay chỉ đất, tay ấy hạ xuống là đi sang đến các đất Phật. Phật ở các cõi ấy đều vì Bồ-tát Văn-thù mà tiếp rước đầy đủ. Phương dưới không đâu là không nghe âm thanh kia nói rõ ấy là lời thăm hỏi đến từ Phật Thích-ca Văn. Cánh tay của Bồ-tát Văn-thù từ nơi mỗi một sợi lông phóng ra trăm, ức, ngàn ánh sáng. Mỗi một ánh sáng có ức, trăm, ngàn hoa sen. Trên mỗi một hoa sen đều có Bồ-tát. Tất cả Bồ-tát kia, vị nào cũng đều khen ngợi Phật Thích-ca Văn. Nơi các cõi đi qua

này đều vì Bồ-tát mà chấn động đủ sáu cách. Quốc độ ấy đều trang nghiêm cờ phướn lọng báu. Qua nơi chốn nào đều thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lấy tay phải rờ chân tất cả chư Phật, đều nói lên lời thăm hỏi của Phật Thích-ca Văn.

Vượt khỏi bảy mươi hai cõi nhiều như cát sông Hằng, đến nước Minh khai tịch tới chỗ của Phật Đồ-tỳ-la-da, trước Phật làm lễ và đạt lời thăm hỏi của Phật Thích-ca Văn. Trên cánh tay của Bồ-tát Văn-thù mỗi sợi lông có ức trăm ngàn ánh sáng, ức trăm ngàn hoa sen, Trên mỗi hoa sen có Bồ-tát ngồi. Các Bồ-tát đều khen ngợi công đức của Phật Thích-ca Văn. Ánh sáng của chư Bồ-tát và ánh sáng của Phật Đồ-tỳ-la-da không lẫn lộn vào nhau. Mỗi một ánh sáng đều thấy Phật Quang Minh Vương, một bên có người đứng hầu rất tôn nghiêm. Bồ-tát tên là Quang Tôn tự hỏi Phật Đồ-tỳ-la-da:

–Cánh tay của ai đây, sao mà đẹp đẽ đến thế? Mỗi sợi lông tay là đóa sen sáng ngời!

Bồ-tát ca ngợi công đức của Đức Phật ấy.

Phật Đồ-tỳ-la-da bảo:

–Thượng phương qua bảy mươi hai cõi nhiều như cát sông Hằng có nước tên là Sa-ha, Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Văn. Hiện nay trước mặt có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi, thệ nguyện của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Trí của Bồ-tát không đâu là không thấu đạt. Vì tiếp theo ở trước Phật Thích-ca, nên Bồ-tát Văn-thù vươn dài tay đến tận nơi này. Các Bồ-tát ở cõi này đều có suy nghĩ ấy nên cùng bạch Phật Đồ-tỳ-la-da:

–Chúng con giống như người khát nước muốn được uống nước, nguyện mong được thấy Phật Thích-ca Văn, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và nước Sa-ha.

Phật Đồ-tỳ-la-da liền dùng tướng ở giữa hai lông mày phóng ra ánh sáng chiếu suốt qua bảy mươi hai cõi nước nhiều như cát sông Hằng, cho đến nước Sa-ha đều mở rộng cho các Bồ-tát cùng thấy. Bất cứ người nào nhìn thấy ánh sáng phóng ra ấy đều được an ổn, thân họ giống như Già-ca-việt-la. Phàm là Tỳ-kheo đều chứng quả Tu-đà-hoàn, ai đã vượt qua khỏi ba đường ác, đều là người có được Thiền duy vụ lúc ấy chứng đắc La-hán. Còn ai là thân Bồ-tát được ánh sáng này đều chứng đạt Tam-muội Nhật minh.

Các Bồ-tát nơi cõi Phật Đồ-tỳ-la-da, từ nơi đây họ đều nhìn thấy cõi Sa-ha kia cùng các chúng Thanh văn, Bồ-tát. Vì nhìn thấy cõi nước ấy mà nước mắt họ chảy ròng, liền nói:

–Nếu lưu ly trong ngần và ma-ni kia rớt xuống bùn nhơ, thì thật là

đáng tiếc. Vì sao? Vì nước Sa-ha, các Bồ-tát như lưu ly mà sinh ở cõi ấy thì thật là đáng tiếc cho họ.

Phật Đồ-tỳ-la-da bảo Bồ-tát Ba-kỳ-đầu:

–Ông không hiểu rõ Bồ-tát ở đấy thì chẳng được phép nói về họ. Vì sao? Vì ở quốc độ ta mười kiếp hành thiền không bằng người của cõi nước Phật kia hành trì tâm Từ, từ sáng sớm đến trưa, những công đức ở đó gấp bội công đức ở cõi này. Bồ-tát của cõi ấy tuy có túc mạng, song việc hành pháp của họ chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay, tội của họ đều dứt hết.

Bồ-tát ở cõi Sa-ha đều hỏi Phật:

–Ánh sáng này từ đâu đến khiến thân tâm đều an ổn?

Phật Thích-ca liền bảo:

–Phương dưới qua bảy mươi hai cõi nhiều như cát sông Hằng có thế giới gọi là Âu-ha-sa, Phật nơi cõi ấy hiệu là Đồ-tỳ-la-da phóng ra ánh sáng từ tướng quang minh ở giữa hai lông mày.

Các Bồ-tát đều bạch Phật:

–Nguyện muốn nghe thấy cõi Âu-ha-sa và Như Lai Đồ-tỳ-la-da.

Bấy giờ Phật Thích-ca Văn, từ dưới chân phóng ra ánh sáng chiếu xuống phương dưới, qua bảy mươi hai cõi nhiều như cát sông Hằng, đến cõi Âu-ha-sa và Phật Đồ-tỳ-la-da, cuối cùng là mở rộng toàn bộ. Bồ-tát ở cõi Âu-ha-sa thấy ánh sáng của Phật Thích-ca đi vào thân họ, đều được đầy đủ Tam-muội Ma-tỳ-đê (Hán ngữ gọi là Tu-di quang minh). Bồ-tát ở thế giới Sa-ha tận mắt thấy vị Phật ấy và quốc độ của Ngài. Giống như đứng ở mặt đất, mọi người đều nhìn thấy, trời, trăng, sao đêm. Hạ phương thấy rõ thế giới này, cũng như thế giới này thấy rõ Hạ phương, là cõi Âu-ha-sa của Phật Đồ-tỳ-la-da.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với tay phải cầm lấy bình bát rồi cùng với vô số câu-lợi-na-thuật đầy đủ trăm ngàn Bồ-tát về lại phương trên. Nơi các cõi đã đi qua, mỗi một sợi lông có hoa sen kia, ánh sáng mờ nhạt dần rồi mất hẳn. Bát tìm được liền nằm gọn trong tay, ở giữa chúng hội, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ chỗ ngồi đứng lên tác lễ Phật, rồi lấy bát dâng lên, Phật nhận bát. Tất cả Bồ-tát từ thượng, hạ phương đều tác lễ. Mỗi vị Bồ-tát tự đem Phật danh mà tạ Phật Thích-ca Văn. Ngay khi ấy, Như Lai khiến mỗi Bồ-tát về lại chỗ ngồi. Tất cả Bồ-tát đều vâng theo Ngài, mỗi mỗi đều ngồi xuống.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Điều ông thắc mắc về mối liên hệ nên dùng việc Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi trả lời cho chỗ đã đặt ra.

Nay ta vì ông mà nói rõ sự việc:

Thuở quá khứ, vô số a-tăng-kỳ kiếp không thể tính được. Bấy giờ, có Phật hiệu là Dũng Mạc Năng Thắng. Cõi đó gọi là Vô thường, đệ tử Phật gồm chúng Thanh văn là tám vạn bốn ngàn người, Bồ-tát một vạn hai ngàn người, tất cả cùng dự hội, vị Phật kia vì ba thừa mà thuyết giảng các pháp.

Phật nói:

–Hồi Như Lai Dũng Mạc Năng Thắng ở đời năm ác mà làm Phật, có Tỳ-kheo tên là Tuệ Vương thông tỏ kinh pháp, mang bát vào nước Duy trí khất thực, nhận được cơm trăm vị và rất nhiều thức ăn ngon. Lúc này có người con nhà quyền quý tên là Ly Cấu Vương được nhũ mẫu ẵm bế đứng ở ngoài cửa thành. Đứa trẻ này từ xa đã trông thấy Tỳ-kheo Tuệ Vương bèn chạy đến ôm chân và lấy làm thích thú, xin thức ăn ngon kia. Tỳ-kheo liền lấy bánh mật trao cho nó, đứa bé ăn ngay. Biết mùi vị thơm ngon, đứa bé lẽo đẽo theo Tỳ-kheo không còn nhớ đến nhũ mẫu nữa. Cứ thế đi đến chỗ Phật Dũng Mạc Năng Thắng, liền tác lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Tỳ-kheo Nhã-na-la-da lấy bát đồ ăn khất thực được đưa cho đứa bé này bảo nó dâng lên Phật Dũng Mạc Năng Thắng. Đứa bé nhận bát rồi dâng bát lên Như Lai. Phật nhận bát thọ thực xong thì bát vẫn đầy. Bát đồ ăn đứa bé dâng cúng kia luôn luôn như cũ.

Lại lấy thức ăn ấy trao khắp tám vạn bốn ngàn Tỳ-kheo và Bồ-tát, một vạn hai ngàn người, tất cả các vị đều no đủ, nhưng thức ăn dâng cúng vẫn lại như cũ. Phật dùng oai thần khiến đứa bé vui mừng, kể cả việc đứa bé nhờ vào công đức của chính nó tức là dốc hết lòng tin, cứ thế lòng tin của nó luôn đối diện với Phật, tức ca ngợi Phật kia bằng cách đem bát thức ăn dâng cúng lên Phật, vì thế bát lúc ấy cứ đầy và thức ăn đem cúng kia cũng không vơi bớt, dù có cúng dường khắp Tỳ-kheo và Bồ-tát, thức ăn cũng vẫn đầy trong bát. Mới biết tôn kính Phật thì không bao giờ cạn hết mong cầu mà lại tăng ích. Cúng dường Phật kia thì công đức trở thành sức mạnh mà tăng lên.

Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đứa bé này, do một bát thức ăn cho đến bảy ngày thức ăn kia cũng không vơi bớt, vẫn đầy như cũ. Đức Phật A-ba-la-kỳ-đà-tha ấy chỉ bày, dẫn dắt đứa bé ấy, tự nó quay về với Phật và pháp, Tỳ-kheo tăng, trao cho năm giới, chỉ bảo hối tội, khuyến trợ công đức bèn phát tâm Bồ-đề, cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cha mẹ đứa bé ấy tìm kiếm con mình khắp nơi, rồi đến chỗ Phật,

trước Phật cung kính làm lễ Ngài rồi đứng qua bên. Đứa bé kia gặp lại cha mẹ, lễ lạy rồi ngỏ lời:

–Con nay tỏ ngộ pháp Bồ-tát, tất cả nguyện xưa, con lại dùng để phát tâm. Vì sao? Vì gặp được Phật là khó. Với lời dạy ấy thì cha mẹ sẽ nhìn thấy hình ảnh Phật và các vẻ đẹp của Ngài, tuệ Phật không nơi đâu là không khắp cùng, đạo của Ngài là đạo cứu độ, nguyện thân con được làm Sa-môn. Vì sao? Vì cái khó là được cùng hội với Như Lai.

Cha mẹ liền nói:

–Lành thay! Lành thay! Cha mẹ chiều theo ước muốn của con, vui mừng với lời cầu nguyện ấy của con. "Chúng ta cũng lại phát tâm, làm theo pháp của con thì nay phải bỏ tất cả đất đai, nhà cửa, cũng lại noi theo con mà làm Sa-môn!"

Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lời lẽ của đứa trẻ này khiến cha mẹ nó và năm trăm người đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, được sống nơi Phật A-ba-la-kỳ-đà-tha, đều làm Sa-môn.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Điều nghi ngờ của ông, tức Tỳ-kheo Nhã-na-la-da nay là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, còn đứa bé kia, con của Duy-ma-la-hòa-da chính là thân ta. Văn-thù-sư-lợi dùng thức ăn trao cho ta, tạo ra công đức mà làm việc phát tâm. Chính đây là nguồn gốc công đức phát tâm Bồ-đề, đạt quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông muốn biết điều ấy, thì nay mười Lực của Phật, bốn Điều không sợ hãi, trí tuệ ấy không thể luận bàn, tất cả đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm điểm phát khởi. Vì sao? Vì tâm đó là chỗ căn bản.

Phật lại dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Như thân ta, cùng với a-tăng-kỳ cõi chư Phật không thể tính kể, tất cả đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm điểm xuất phát, có tên gọi là Phật Thích-ca Văn, số lượng Phật là như vậy. Lại có hiệu là Phật Đề-thức-phất, lại có hiệu Phật Thức, lại có hiệu Phật Đề-hòa-kiệt, lại có hiệu Phật Duy Vệ …

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Kể tên của chư Phật ấy từ kiếp này đến kiếp khác thì chẳng biết bao giờ cho hết, tất cả đều từ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm chỗ xuất phát. Hiện nay có vị đang Chuyển pháp luân, có vị đang Bát-nê-hoàn, có vị đang hành

Bồ-tát đạo, có vị đang ở cõi Đâu-thuật thiên thượng, có vị đang trong thai mẹ, có vị đang sinh ra, có vị đang bỏ nhà cầu Phật, có vị đang ở chỗ Phật ngồi nơi cội cây, có vị đang thành Phật, … không thể nào nói hết.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là cha mẹ của Bồ-tát…, đây chính là Ca-la-mật, đã nêu ra câu hỏi vì lý do nào mà đạt được quả vị Như Lai và bao nhiêu chỗ chứng đắc của ta đều chịu ân Văn-thù-sư-lợi, do vậy mà mang ân Văn-thù.

Hai trăm Thiên tử kia liền tự nghĩ: "Học các pháp thì mới có thể thành tựu, chúng ta hãy còn có thể học được. Vì sao? Vì hiện Phật Thích-ca Văn này đã được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dẫn dắt phát tâm để tự đi đến chỗ thành Phật. Chúng ta vì sao lười biếng?" Do suy niệm như vậy nên tâm được kiên cố đều được tâm tin tưởng hoàn toàn nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng tay biến hóa mà lấy được bát, tạo ta cảm ứng khắp nơi. Đây được gọi là cách học tập tận cội nguồn. Từ cõi này cho đến các phương dưới, qua vô số người, tất cả đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười phương chư Phật hiện nay đều đem châu báu, lọng hoa để làm pháp cúng dường nên cõi của tam thiên đại thiên đều được che phủ. Từ lọng hoa kia, nghe rõ âm thanh Phật như tiếng nói của Phật Thích-ca Văn, đều là sức cảm ứng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Người nam, kẻ nữ nào muốn chóng đạt Bát-nê-hoàn thì phải phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì có người sợ sinh tử, không thể phát tâm, là tâm Bồ-đề cầu đạt quả vị chỉ muốn cầu Thanh văn làm A-la-hán, sớm đạt được Bát-nê-hoàn. Người phát tâm Bồ-đề phải thể hiện được lời này: Ta luôn trông thấy ở trong sinh tử, nơi ấy có các Bồ-tát tinh tấn thì họ đã thành Phật. Vì sao? Vì từ quá khứ trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp không thể tính được, bấy giờ có Phật hiệu là Nhất Thiết Độ, thọ một vạn tuổi, trong số trăm ức đệ tử có vị Tỳ-kheo, tên là Mạc Năng Thắng, trí tuệ của vị ấy rất cao vời, sau lại có vị Tỳ-kheo tên là Đắc Đại Nguyện, thần túc của vị ấy cũng cao vòi vọi.

Lúc ấy, Đức Như Lai sửa lại y phục cầm bát, cùng các Tỳ-kheo vào nước Thường danh văn để khất thực. Tỳ-kheo trí tuệ đầy đủ đi bên phải Phật còn các Tỳ-kheo thần túc bậc nhất đi bên trái Phật. Đi sau hầu Phật là Tỳ-kheo tên Hối Trí. Tám ngàn Bồ-tát đi trước dẫn đường. Trong đó có người như trời Đế Thích, có người y phục như Thiên tử, có người giống như trời, có người giống như bốn Thiên vương, đều sai bảo người sửa sang

đường sá cho Như Lai đi.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi ấy để vào thành nước đó, Phật rẽ sang lối tắt đi ngang qua chợ. Có ba người con nhà tôn quý, cả ba đều còn nhỏ, mặc y phục cực kỳ đẹp đẽ, ngồi chung lại nô đùa. Một trong ba đứa trẻ này, từ xa trông thấy Phật đi về phía nó và các Tỳ-kheo, Bồ-tát ánh sáng thật vời vợi. Đứa bé ấy gọi hai bạn mình, lấy tay chỉ về phía xa cho thấy Như Lai sẽ đến. Thấy ánh sáng theo cùng với đoàn đẹp đến thế, hai đứa bé kia trầm trồ: Đã thấy Phật rồi. Còn đứa trẻ thấy Phật đầu tiên thì bảo:

–Đấy là một bậc tôn quý trong tất cả không còn gì sánh bằng. Chúng ta phải cùng chung nhau cúng dường. Vì sao? Vì phước cúng dường là vô lượng. Hai đứa trẻ kia liền đáp:

–Hương hoa cũng chẳng có thì lấy gì để cúng đây?

Đứa trẻ kia thì cởi chuỗi bạch châu đeo trên mình mắc vào trong tay, bảo với hai người bạn trẻ:

–Dùng bạch châu này có thể đem cúng dường Phật trí, được gặp Như Lai, không cần phải tham làm gì.

Hai đứa trẻ kia cũng noi theo bạn, mở lấy bạch châu mang trên đầu cầm nơi tay. Cả ba đều lấy làm vui liền bảo nhau đi đến chỗ Phật giống như chúng được sang sông. Vì sao? Vì do tâm của chúng trong sạch cùng an trụ. Một đứa trẻ lại hỏi hai bạn:

–Đem công đức này để mong cầu điều gì?

Một đứa nói:

–Nguyện như vị Tỳ-kheo ở bên phải Phật.

Đứa kia thì bảo:

–Nguyện được như Tỳ-kheo thần túc bậc nhất ở bên trái Phật.

Hai đứa này, sau khi nói lên lời nguyện ấy, lại cùng hỏi người bạn của mình:

–Bạn thì nguyện như thế nào?

Người bạn liền trả lời:

–Tôi muốn được như Phật, ánh sáng của Ngài không gì sánh bằng, như sư tử đi một mình, luôn có số đông đi theo tôi.

Khi đứa trẻ ấy nói lên lời này thì trên hư không có tám ngàn Thiên tử đồng nói:

–Lành thay! Lành thay! Như lời nguyện thì cả thế gian này đều chịu

ân người.

Ba đứa trẻ này cùng dắt nhau đến trước Phật. Đức Như Lai bảo người hầu là Sa-kiệt:

–Ông thấy ba đứa trẻ này mới đó mà đã mang bạch châu đến không? Đứa bé đi ở giữa kia lòng vui thích, bước đi lại tinh tấn. Khi một chân đưa lên thì tội của nó lùi lại một trăm kiếp, còn một chân để xuống thì sau đó mọi việc lại phải thêm vào hàng trăm Già-ca-việt-la. Đế Thích cũng ngang bằng với Phạm thiên. Công đức của một chân đưa lên kia là công đức được gặp Phật một trăm lần.

Vừa dứt lời thì ba đứa trẻ đã đến, trước Như Lai chúng tác lễ rồi mỗi đứa lấy bạch châu của mình tung lên Phật. Hai đứa trẻ phát tâm Thanh văn thì số ngọc tung ấy mỗi hạt chỉ lên đến vai Phật, còn lại một đứa phát tâm Bồ-đề cầu quả vị Phật thì bạch ngọc được tung lên đến trên đầu Phật, giữa hư không chúng hóa thành chiếc màng hoa ngọc giao tiếp giữa trời trùm khắp bốn phương trong ấy có tòa ngồi, Như Lai ngồi trên tòa ấy.

Khi ấy Phật kia mỉm cười, Tôn giả Sa-kiệt hỏi Phật:

–Như Lai cười, con hiểu là phải có ý gì? Xin được nghe Ngài nói ra điều ấy.

Phật dạy:

–Có thấy hai đứa bé phát tâm Thanh văn chăng? Vì sao? Vì đều sợ hãi sinh tử, do vậy mà không phát tâm Bồ-tát. Vì sao? Vì muốn mau chứng đắc Bát-nê-hoàn.

Người hầu kia hỏi:

–Đứa trẻ còn lại thì sao?

Phật lại bảo:

–Đứa trẻ đi giữa ấy về sau tự đạt tới quả vị Phật. Còn hai đứa trẻ làm Thanh văn, một thì trí tuệ vượt bậc, còn một thì thần túc cũng lại như thế.

Phật Thích-ca Văn hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông biết đứa trẻ đi giữa thời ấy nay là ai không?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Con không rõ.

Phật bảo:

–Chính là thân ta đây.

–Ông biết đứa trẻ ở bên phải là ai không?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Con không rõ.

–Đứa trẻ ở bên phải lúc ấy nay chính là Tôn giả Xá-lợi-phất, còn đứa trẻ ở bên trái kia nay là Tôn giả Mục-kiền-liên đây.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Các ông vốn sợ sinh tử, không phát tâm Bồ-tát mà muốn mau Bát-nê-hoàn. Hãy nhìn kỹ đứa trẻ phát tâm Bồ-đề cầu quả vị Phật kia, tức là nay ta tự đi đến chỗ thành Phật, còn các ông vì không rời pháp của ta mà làm Thanh văn nên được giải thoát.

Phật lại bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ai muốn mau chứng Nê-hoàn thì phải phát tâm cầu Phật như ta. Nói đến sự mau chóng ấy là vì không gì vượt qua Nhất thiết trí. Vì sao? Vì không có điều trở ngại, vì quả vị của nó là hơn hết, vì công dụng là vô tận, vì dùng tâm Bồ-đề cầu đạt quả Phật thì không gì có thể sánh nổi, vì có được sự tốt đẹp đặc thù, vì vượt qua các Thanh văn, Bích-chi-phật. Người nào muốn phát tâm cầu Phật thì liền được tâm của Nhất thiết trí.

Cũng vậy, khi thuyết về phẩm Đại thừa thì có vạn người đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt quả vị Phật. Tất cả chư vị Tỳ-kheo kia như Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, A-nan, Ma-ha Ca-diếp, Mâu-việt-nan-đầu-da, Hòa-trí-nan-ly-phân-đà-đầu-đà, Tu-bồ-đề…, đều đem đầu mặt đảnh lễ nơi chân Phật, đồng cất lời:

–Kẻ nam, người nữ nào muốn cầu đạo thì phải phát tâm tôn kính. Vì sao? Vì như Phật đã vì chúng ta mà nói ra trăm ngàn pháp, chúng ta lại không thể phát tâm Bồ-đề, do đấy mà chúng ta có điều hối hận là đã làm La-hán. Không như tạo tội căn bản ngũ nghịch, tội kia vẫn còn được thoát khỏi nên có thể phát tâm Bồ-đề cầu quả vị Chánh giác. Nay thì chỉ dùng lấy cái không lợi ích. Vì sao? Vì hạt giống Phật đã bị thiêu rụi. Kẻ nào chỉ là một thứ đồ vật thì mới không kham nổi tâm Bồ-tát. Vì sao? Vì giống như người chết không còn ích gì cho sự sống. Nay chúng ta đã được thoát khỏi cái vô ích. Ở trên trời, dưới trời, có loài hai chân hoặc bốn chân đều nương tựa vào đất mà được sống còn, nếu có loài nào phát tâm là tâm Bồ-đề thì chư Thiên và người đều phải chịu ân họ.

Bấy giờ, vua A-xà-thế ngồi xe tứ mã cùng với đầy đủ quần thần ra khỏi thành đi đến trước Phật làm lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mọi người do từ nhân duyên nào mà tạo ra tội?

Phật bảo vua A-xà-thế:

–Do sống theo cái ta với nhân, ngã mà tạo ra tội. Vì tham thân mà

dụng có thân, cho nên tội nằm trong thân, không lìa khỏi được nó.

Vua A-xà-thế hỏi:

–Hỗ trợ cho tham ái thì gốc của nó nằm ở chỗ nào?

Phật dạy:

–Không sáng suốt là gốc.

Vua liền hỏi:

–Căn nguyên của không sáng suốt là gì?

Phật dạy:

–Chỗ tạo tác cùng với các niệm khác. Đây chính là cội rễ.

Vua lại hỏi:

–Chỗ nào giúp cho niệm khác?

Phật dạy:

–Thân kia vốn không đồng với chỗ tạo ra thì gọi đó là chỗ ấy.

Vua lại hỏi:

–Vốn nó khác thì sao gọi là chỗ giúp cho niệm khác?

Phật dạy:

–Chỗ hóa hiện như trò ảo, không sở hữu được, cho nên là khác.

Vua lại hỏi:

–Ai là kẻ biến hóa?

Phật dạy:

–Không có người tạo tác cho nên nó là biến hóa.

Vua lại hỏi:

–Không chỗ sinh, không sở hữu thì phải so tính như thế nào?

Phật dạy:

–Vì dụng của nó là không chỗ sinh, không sở hữu, nên không thể so tính.

Vua lại hỏi:

–Chỗ nghi ngờ thì từ nhân duyên nào mà khởi phát?

Phật dạy:

–Vì không chỗ để căn cứ.

Vua hỏi:

–Sao gọi là không chỗ dựa?

Phật dạy:

–Như lời nói ra, điều nghe được thì ấy là chỗ nghi. Đây gọi là điều không căn cứ.

Vua lại hỏi:

–Đạo này ở chỗ nào? Chỗ nào là tín?

Phật dạy:

–Thoát ra khỏi dâm, nô, si thì đấy là đạo.

Vua hỏi:

–Chỗ nào là niềm tin này?

Phật dạy:

–Các pháp căn bản không được chỉ bày, song tâm kia không khác cho nên là tín.

Vua A-xà-thế liền nói:

–Lành thay! Lành thay! Như điều Như Lai thuyết giảng, thì vì sao mọi người không tin tự tạo tác? Nay ta nghe theo lời của người ác ra lệnh cho kẻ hạ thần giết chết cha ta, vì cái tham lợi nước sai khiến, vì cái tham châu báu sai khiến, vì cái tham làm chúa tể muôn dân sai khiến, vì tham địa vị cao quý sai khiến. Nay ta sai bảo kẻ hạ thần sát hại cha ta. Tham thân, nghi ngờ, cô độc, không thể tự mình cởi trói, hoặc uống, hoặc ăn, ở nơi vui đùa hoan lạc. Hoặc nơi điện ngự, nghe ngóng xét dò việc nước. Hoặc ở trong cung với năm thứ dục lạc, hoặc một mình cùng với mọi thứ đều đầy đủ, ngày đêm với chúng nào quên. Uống ăn thì không thể nào tiêu, thân này cũng đâu có nằm, sắc diện cũng không hòa vui. Khi ấy, tâm ta thường là điểm dựa của lo sợ, biết không thể tránh khỏi địa ngục Nê-lê nên đem lời giải bày. Nếu mù lòa thì nhờ ân Phật mà được mắt sáng. Nếu bị nhận chìm do nước thì nương theo Phật mà ra khỏi. Những ai có nỗi khổ niềm đau thì Phật là người khiến họ được an ổn. Những ai có khiếp sợ thì Phật là người làm việc bảo hộ họ. Những ai đang bần cùng thì Phật có thể vì họ mà làm ra châu báu. Những ai mất đi lối đạo thì Phật có thể chỉ bày cho họ con đường đạo. Phật vì lòng thương rộng lớn mà không cho việc làm ấy là sự cần mẫn thái quá, tâm bình đẳng đối với tất cả, kiên cố với sự việc để làm cho tăng trưởng, thường nhẫn với khổ, vui mà không bỏ đối với bất cứ một ai. Nay thân ta như là thân của sự sợ hãi, sầu bi, chỉ có Phật là đang gia hộ ta, khiến nguy được an. Thân không có khả năng để cứu lấy, chỉ cúi xin Phật để nhận được sự cứu giúp. Không nơi quay về thì con cúi xin Ngài nhận làm nơi để con quay về. Giống như không mắt, chỉ mong sao được mắt để nhìn thấy, như ước muốn của người què là làm sao để đứng vững. Nay phải vào địa ngục A-tỳ cho đến đại địa ngục Nê-lê, điều khiến được là

xin không vào. Ngưỡng mong Như Lai hãy vì con mà nói rõ điều hồ nghi của con khiến lòng được giải tỏa, đến chết cũng không còn ngờ vực, khiến trọng tội từ đó được giảm nhẹ.

Phật nghĩ đến vua A-xà-thế đã nói lên được các điều kia, sâu thẳm mà vi diệu, bệnh này chẳng thể nào trị liệu được, chỉ riêng có Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới tạo được cảm ứng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nhờ oai thần Phật, nói với vua A-xà-thế:

–Muốn giải tỏa hồ nghi thì sáng mai làm thức ăn thỉnh mời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi… đến cung vua để nhận sự cúng dường. Những vị quan và thuộc hạ đều nhận được phước kia, kể cả dân chúng nước La-duyệt-kỳ đều nhân công đức này để có thể tạo công đức cho mình.

Vua A-xà-thế liền bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Mong đoái tưởng ban đại ân, sáng mai, xin được chiếu cố, mời Bồ-tát vào cung dùng bữa cúng dường.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tạo sự đầy đủ thì có thể đó là sự cúng dường.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Phật pháp đâu phải vì cơm ăn, áo mặc!

Vua A-xà-thế liền bạch:

–Phải lấy cái gì để cúng dường?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu đã thấu rõ được sự vi diệu thì việc cúng dường kia xét cho cùng không chỗ nào vẩn đục, cũng không chỗ vướng mắc, cũng không chỗ nghi ngờ, không chỗ khó khăn, không chỗ sợ sệt, không chỗ kinh hãi. Như vậy là do lòng thương xót mà được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo vua A-xà-thế:

–Ý niệm về các pháp cũng không niệm hữu, cũng không niệm vô, điều này là do lòng thương mà được. Không phải niệm tâm quá khứ, cũng không phải niệm tâm vị lai, cũng không phải niệm tâm hiện tại, ý niệm về niệm này là để lòng thương càng được nhân lên. Nhà vua không phải nhớ nghĩ đến bất cứ chỗ nào để có thể thấy được tất cả, cũng chẳng chân thành tạo ra niệm ấy là để lòng thương càng được tăng lên.

Vua A-xà-thế lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như lời Bồ-tát nói thì tất cả các pháp đều không có khác? Cúi xin hãy vì con nên càng thương xót nhận lời mời của con.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Nên dừng lại thôi! Đạo kia, chẳng phải là do điều ấy, hoặc từ uống ăn. Hoặc vua không niệm có ta, có ngã, thọ mạng, người, cho vì niệm ấy do lòng thương được tăng lên. Nếu tâm không chỗ nắm bắt, cũng không chỗ duyên, cũng không là bốn đại, cũng không là năm ấm, cũng không sáu suy, cũng không chấp giữ ba cõi, cũng không ở công đức, cũng không niệm không có công đức, cũng không ở tục, cũng không ở đạo, cũng không ở tội, cũng không ở vô tội, cũng không ở còn, cũng không ở hết, cũng không ở thoát, cũng không ở không thoát, cũng không ở sinh tử, cũng không ở Niết-bàn. Thực hiện được như vậy là do lòng thương xót được tăng lên.

Vua A-xà-thế lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nghe pháp này tâm ý lại bội phần phấn khích, do vậy nên con muốn thỉnh Bồ-tát để con nhờ pháp ấy mà được an ổn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nhà vua mong cầu có được chỗ duyên, muốn được an ổn, do vậy không duyên thì không an ổn. Vì sao? Vì nhân của pháp kia là không có chỗ duyên, không có an, không niệm về pháp ấy cũng không cao ngạo. Tất cả là không chỗ niệm cho nên nơi duyên dựa an lập. Ở trong ấy không có ý ác, về sau lại không có tai biến, nếu sau có tai biến ấy là không an. Từ xưa đến chỗ sau cùng đều không có khác biệt, vì vậy mới là an ổn.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Nói lên chỗ pháp nào không có sai biệt là có thể được an chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu vô tác, rỗng lặng, không có chủ thể tạo tác thì không có tướng, không có nguyện, không có chỗ làm, cũng không có người làm ra. Ai có ý niệm về ngã, có chỗ tạo ra, không chỗ tạo ra, tức là có sai khác. Cũng không cầu, không chỗ duyên với thân, miệng, ý thì đây là tạo tác. Vì sao? Vì không có tướng sống chết, cho nên các pháp nếu có chỗ duyên thì phải biết tất cả đều không chỗ để duyên.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Vì sao gọi là sống chết, không sống chết?

Bồ-tát Văn-thù bảo:

–Không niệm quá khứ cùng tận, cũng không niệm vị lai chưa đến, cũng không niệm hiện tại mà niệm vô thường. Với các pháp không niệm có chỗ tăng, có chỗ giảm. Lãnh hội được sự sống chết như thế này thì không còn sống chết.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Chưa giải thoát thì phải như thế nào để hợp với đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Nhà vua biết ánh sáng mặt trời, mặt trăng cùng với bóng tối hợp lại được không?

Vua A-xà-thế thưa:

–Hợp không được. Vì sao? Vì mặt trời xuất hiện thì các tối tăm bị xua tan.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Phải chăng vua biết được bóng tối từ chỗ nào đến?

Nhà vua đáp:

–Không thể biết được xuất xứ của nó là từ chỗ nào.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Cho nên nói là lúc đạo trí đến giống như mặt trời mọc không thể biết các tối tăm đang ở đâu. Lúc đó cũng không biết bóng tối chưa thoát ra đang ở nơi nào?

Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Đạo cùng với cái "chưa thoát" giống nhau. "Chưa thoát" cùng với đạo giống nhau. Vì sao? Vì hoàn toàn là cái rỗng lặng, vì chưa thoát cùng với đạo bình đẳng. Các pháp đều bình đẳng. Ai biết điều này thì "chưa thoát", ấy là đạo. Vì sao? Vì cầu không thoát, không biết nơi chốn, cho nên gọi là đạo. Vì sự cầu kia không chỗ thoát mà không thể thấy thì đấy là đạo.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Vì sao bảo rằng không thoát mà là đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Với không thoát thì đấy là đạo. Không tạo tác về đó là đạo.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Đạo kia, phải học như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Giống như học các pháp.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Để học các pháp thì cần phải có nơi chốn ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Học như thế thì không thể đến được đạo.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Còn học như kia thì sẽ đến Nê-hoàn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như vậy là có pháp từ Nê-hoàn đến là bảo rằng ta từ Nê-hoàn lại?

Vua A-xà-thế thưa:

–Cũng không có đi, cũng không có đến.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với vua A-xà-thế:

–Vậy học đạo mà biết là không nơi chốn, mới là đạo.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Phải trụ vào con đường để học cái học ấy?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Không có chỗ trụ, đấy là học đạo.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Vậy người học đạo thì không trụ ở tịnh giới, Tam-muội, trí tuệ?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Đạo kia, không duyên vào giới, không cầu Tam-muội, không cao ngạo là trụ ở trí tuệ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi vua A-xà-thế:

–Có thể duyên vào giới, cầu Tam-muội, tự cao nơi trí tuệ, như vậy là có chỗ trú ngụ sao?

Vua A-xà-thế thưa:

–Không có chỗ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Cho nên phải biết đạo là không nơi chốn để trụ.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Người nam, người nữ phải như thế nào để tự mình đi đến đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Những ai muốn học đạo thì không thấy pháp hữu thường, vô thường, không thấy pháp có thoát, không có thoát, cũng không thấy pháp an vui hoặc khổ, cũng không thấy pháp là ngã hoặc mọi người, cũng không thấy pháp từ nơi sinh tử đến Niết-bàn. Người học đạo như thế là đi đến đạo.

Vua A-xà-thế liền thưa:

–Lành thay! Lành thay! Như điều thuyết giảng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, con cúi mong Bồ-tát Văn-thù nhận lời mời của con. Vì sao? Vì nỗi

hồ nghi ở trong con. Con đã tự suy nghĩ kỹ rằng các pháp là không ta, không ngã, không thọ, không mạng, nhưng con vẫn còn có nỗi nghi ngờ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như không có thì không thể khiến có. Do không có nên cũng không chỗ thoát, cũng chẳng phải là không chỗ thoát. Ai nói về ngã mà cho là có chỗ thoát khỏi? Do không có thoát nên cũng chẳng chỗ thoát, cũng chẳng không chỗ thoát. Vì sao? Vì các pháp đều thoát.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhận lời mời của vua A-xà-thế vì lợi ích cho vô số người.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Xin nhận sự chỉ giáo của Như Lai. Vì sao? Vì không trái với lời dạy.

Vua A-xà-thế lấy làm vui mừng hết mực liền từ tòa ngồi đứng lên đảnh lễ Phật, các Tỳ-kheo và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rồi ra về. Vừa đi, vua A-xà-thế lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với đoàn tùy tùng là bao nhiêu người?

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

–Năm trăm người đều được mời đến thọ trai ở vương cung.

Nhà vua bèn theo đường về lại thành. Vua liền ban lệnh cho đại quan sai người làm thức ăn trăm vị. Ngay ngày ấy cho sửa sang trên điện vua. Nơi đây, cờ phướn, màn trướng, lọng hoa được trang hoàng để đón rước. Hoa được rải khắp sàn nơi cung điện, đem danh hương xông đều khắp chốn. Sắp đặt năm trăm tòa cao, tất cả đều trải các thứ ngọc nổi tiếng được chuốt gọt đủ kiểu, màu sắc của nó đẹp vô ngần. Nội cung họp lại, tất cả điều chỉnh lại sắc đẹp bằng hương hoa khắp người. Ban lệnh cho thành, quách, các ngả tư đường, chợ, làng mạc đều phải quét dọn sạch sẽ, đặt hương hoa hai bên đường. Cạnh đường thì đều dàn dựng màn trướng, cờ phướn làm nổi bật uy nghiêm. Cổng làng nào cũng đều dựng song kết hoa đón mừng. Ra lệnh cho dân chúng, mọi người sáng sớm ấy phải đón đường nghênh tiếp cúng dường.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền vào đầu đêm tự nghĩ: "Ta cùng với một số ít xuất hiện đến chỗ mời hội thì cũng không tạo được sự cảm ứng, chi bằng đến cõi khác để mời chư Bồ-tát đi đến nơi ấy rồi khiến họ cung thỉnh, tất cả đều nghe lời thuyết pháp của ta." Khi ý niệm này hiện lên, bấy giờ chỉ trong khoảng như duỗi cánh tay, Bồ-tát Văn-thù liền từ đó mất dạng, đến phương Đông, qua tám vạn hai ngàn cõi Phật, đến cõi tên là Thường danh văn. Vị Phật ở đấy có hiệu là Duy Tịnh Thủ, hiện tại có chúng Bồ-tát không

có đạo khác, cõi này thường chuyển pháp luân không thoái. Tất cả các thứ cây trên cõi ấy đều là các báu, hoa, lá, quả của chúng gồm vô số sắc màu. Một khi gió thổi qua các cây này thì chỉ nghe tiếng Phật, chỉ nghe tiếng Pháp và tiếng Tăng không thoái chuyển. Ở đây cái thường dùng là nghe âm thanh của Tam bảo, cho nên cõi Phật ấy tên gọi là Sa-đà-duy-cù-trá.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã có mặt tại nơi đây, Bồ-tát Văn-thù tác lễ, bạch Như Lai Duy Tịnh Thủ:

–Xin vì lời mời của tôi mà bảo hết chư vị Bồ-tát sang quốc độ Sa-ha, đến vương quốc A-xà-thế, dự bữa cúng dường.

Phật liền nói với chúng Bồ-tát:

–Ai muốn đi thì hoan hỷ đến dự hội.

-oOo-

KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, hai vạn hai ngàn Bồ-tát đồng cất tiếng:

–Chúng con mong muốn cùng với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi dự hội.

Lập tức toàn thể số Bồ-tát kia cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lên đường, thoáng chốc là đến một địa điểm thuộc cõi Sa-ha, tất cả đều an tọa. Nơi đây được gọi là Thất trung, vì khả năng dung nạp do oai thần của Bồ-tát ấy. Sau khi tất cả cùng ngồi rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp, pháp ấy gọi là Đà-lân-ni.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với các Bồ-tát:

–Bất cứ pháp nào có thể nhận biết thì gọi là Đà-lân-ni, vì thế nên hiểu rõ tất cả các pháp. Ý nghĩa của Đà-lân-ni là không chỗ mong cầu. Chỗ tạo tác không có sai khác, có ý niệm liền đầy đủ, chỗ hiểu biết đúng như trí tuệ. Pháp Đà-lân-ni biết rõ tất cả cội nguồn của sự vật. Ngôn ngữ của Đà-lân-ni như chân lý, tự gìn giữ không thoái đọa vì diệu dụng của nó là hướng thượng đều chứng nhập các pháp hành. Đà-lân-ni là đầu nguồn của đạo, không cắt đứt nguồn cội nơi Phật, là nguồn nắm giữ pháp, là đầu nguồn của Tổng trì nơi Tăng. Với các pháp không sợ người hỏi, tức là khả năng biết đối đáp, trước đám đông không khiếp sợ. Vì sao? Vì không có điều gì phải sợ hãi. Muốn giáo hóa chư Thiên thì tùy theo ý muốn của trời mà chỉ dạy, khiến mỗi mỗi được hiểu biết. Các loài Rồng, Dạ-xoa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân và Thích, Phạm cũng vậy. Xuống nữa là tất cả các loài côn trùng, các loài chim thú, mỗi mỗi loài đều biết được và tùy theo ý muốn của các loài mà giáo hóa, khiến được như ý đều hiểu rõ có công đức hay không có công đức.

Biết hết chỗ hành chỗ trụ của mọi người khiến tâm mình vững vàng như đại địa. Đối với thế gian không chạy theo tám việc, trong đó có chỗ nào tạo công đức thì thuận làm. Với đạo không rời sự chỉ bày, soi sáng, với người thì tùy theo chỗ vui của họ mà khiến cho tất cả đều nhờ ân. Nơi đâu làm cho giới hiện thực thì khiến cho tất cả đều ở trong giới. Trí tuệ không chỗ nào là không tỏ ngộ khắp, là chỗ coi trọng của tất cả, vì thế mà không cho đó là sự nhọc nhằn, khổ sở. Tâm không có khác với pháp, biết nó là cái

gốc giáo hóa của mình. Vâng theo sự giáo hóa ấy, thường đem pháp bố thí, không bao giờ chán. Việc thuyết pháp không kỳ vọng phải được, pháp kia lại không đoạn chỗ thiện căn bản nơi Bồ-tát. Vì sao? Vì lấy tinh tấn để nuôi dưỡng thành quyết tâm. Bố thí không cho là đầy đủ vì đây là diệu dụng của Nhất thiết trí. Đem lại giới mà không coi đó là đầy đủ. Vì sao? Vì cung kính tất cả mọi người. Nhẫn nhục mà không cho là đầy đủ vì là phương tiện đạt đến thân Phật. Lấy tinh tấn mà không cho là đầy đủ vì các công đức được tập hợp. Đem lại Thiền mà không cho là đầy đủ vì không có chỗ mong cầu. Đem lại Tuệ mà không chán đủ. Vì sao? Vì không chỗ nào là không niệm. Lấy pháp làm phước đức tự mình dựa vào đó để sống còn. Tất cả không chỗ do dự. Kẻ nào hành trì như vậy đó là Đà-lân-ni.

Đà-lân-ni, chính là sự tổng trì tất cả các pháp. Sao gọi là trì? Vì Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô dục, không chỗ vướng mắc, không chỗ thấy. Do sự nắm giữ này mà không chỗ sinh, không chỗ tạo, là pháp làm nên sự nắm giữ ấy. Cũng không đến, cũng không đi, cũng không trụ, cũng không loạn, cũng không khởi, cũng không hoại, cũng không chỗ nắm, cũng không chỗ giữ. Với nẻo thoát không có tưởng chấp về thoát, cũng không chỗ trụ, cũng không phải trụ, cũng không ta, cũng không ngã, cũng không thọ mạng, cũng không người, cũng không chỗ chấp, cũng không bỏ, cũng không thật, cũng không dối, cũng không chỗ nghe, cũng không chỗ thấy, cũng như hư không, không chỗ xưng gọi, cũng không chỗ xúc chạm, cũng không chỗ nhận biết, luôn nắm giữ tất cả các pháp nên gọi là Đà-lân-ni.

Lại có Đà-lân-ni nắm giữ các pháp như huyễn ảo, giống như mộng, như dợn nắng, như bọt nước tụ, như bọt nước nổi giống như biến hóa đều nắm giữ các pháp, nên gọi là Đà-lân-ni. Lại có Đà-lân-ni, lấy vô thường nắm giữ các pháp, hoặc chỗ thấy vô ngã mà vắng lặng. Các pháp căn bản đều thoát ra từ Đà-lân-ni này. Với pháp không chỗ tranh, cũng không thoái đọa cũng không kỳ hẹn. Do nắm giữ tất cả các pháp ấy, nên gọi là Đà-lân-ni. Hoặc giống như đất không nơi đâu là không gìn giữ, không coi sự nắm giữ ấy là điều cần kíp. Bồ-tát lấy Đà-lân-ni đạt được làm cái gốc cho tất cả. Mọi công đức tạo ra được từ a-tăng-kỳ kiếp đều có thể hợp chung lại mà phát ra Nhất thiết trí. Tâm không đâu không nắm giữ, cũng không buông bỏ, cũng không cho đó là điều phiền hà. Vì sao? Vì như đất là nơi nâng đỡ mọi vật. Bồ-tát lấy Đà-lân-ni đạt được làm lợi ích cho tất cả. Nếu như cây cối, vạn vật do đất mà sinh trưởng thì Bồ-tát đem Đà-lân-ni đạt được để sinh ra tất cả các pháp công đức. Hoặc giống như đất cũng không động, cũng không lay, cũng không chỗ thích, cũng không chỗ ghét, hoặc giống

như đất nhận hết cả nước mưa nhưng cũng không chán dứt.

Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên tất cả chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật đều hỏi pháp cũng không chán đủ. Vì tất cả thuyết pháp cho đến tận cùng cũng chẳng cho là nhiều. Hoặc giống như đất, hàm dưỡng các hạt giống, gặp lúc đủ duyên thì đều được mọc lên. Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên đều hàm dưỡng các hạt giống pháp công đức, tồn tại theo thời gian. Đúng thời, các pháp liền hội đủ, cho đến ngồi nơi cây Phật mà không rời Nhất thiết trí. Bồ-tát đã đắc chứng Đà-lân-ni thì dũng mãnh như vị tướng, trong binh không ai là không tuân phục, Bồ-tát do đạt được Đà-lân-ni nên ngồi nơi cội cây Bồ-đề hàng phục chúng ma, cho nên gọi là Đà-lân-ni.

Lại có Đà-lân-ni, với các pháp không nơi nắm giữ. Vì sao? Vì đối với hữu thường, vô thường, cũng không vui, cũng không khổ, có thân, không có thân, không có người, không có thường, tất cả các pháp đều không chỗ nắm giữ. Vì sao? Vì không có hai tâm. Hoặc giống như đất không nắm giữ hư không. Đà-lân-ni, không chỗ nắm giữ tất cả các pháp, giống như hư không, không nắm giữ cái có sở hữu. Đà-lân-ni, với các pháp cũng không nắm giữ pháp nào, giống như nước không giữ lấy các cấu bẩn. Đà-lân-ni với các pháp cũng không nắm giữ pháp nào. Vì giống như có nơi đến mà không có nơi chốn nào để đến, vì Đà-lân-ni không nắm giữ nơi chốn. Đà-lân-ni ấy không thể tận cùng, không có tận cùng, không thể lường xét nên không chỗ nào là không chứng ngộ. Không chỗ nào là không chứng ngộ cho nên cương giới của nó là rỗng lặng. Đà-lân-ni cùng với hư không giống nhau.

Khi thuyết giảng pháp Đà-lân-ni, có năm trăm Bồ-tát đều chứng pháp Đà-lân-ni.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vào canh hai giảng thuyết về Bồ-tát tạng, các pháp chẳng pháp nào là không từ đây xuất phát. Hoặc pháp công đức, hoặc pháp không công đức, hoặc tục, hoặc đạo, hoặc có tội, hoặc không có tội, hoặc còn lại, hoặc không còn lại, hoặc thoát, hoặc không thoát, tất cả đều vào hết tạng này. Vì sao? Vì là diệu dụng của các pháp, vì không chỗ nào là không chứng đắc, giống như cõi tam thiên đại thiên hàm nhận trăm ức cõi nước, trăm ức trời, trăng, trăm ức núi Tu-di, trăm ức biển lớn vào hết nơi tam thiên đại thiên. Cũng không pháp phàm, cũng không pháp đạo đều vào hết trong tạng Bồ-tát. Pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, hoặc pháp Bồ-tát cũng vào hết trong tạng ấy. Vì sao? Vì đều tổng trì các hành, nắm giữ hành nơi Thanh văn, nắm giữ Bích-chi-phật, nắm giữ Bồ-tát, giống như rễ

của cây kia đâm sâu, cắm chặt vào đất thì gốc, cành, nhánh lá hoa, quả của nó đều tươi tốt. Bồ-tát tạng không chỗ nào là không nắm giữ, không chỗ nào là không thành. Tất cả đã nắm giữ các pháp công đức thì đều nắm giữ tâm của Nhất thiết trí. Bồ-tát tạng kia, như là vật dụng đựng thì tên gọi của nó là vật nhận vô số, giống như biển chứa nhận các thứ nước, nhận các châu báu. Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc vây bọc khắp trong biển này, vì tất cả, biển tạo ra các thứ báu kia. Tạng Bồ-tát, nhân duyên của nó là vô kể cũng như biển ấy, nhận vô số giới, là nơi thấy, nghe Tam-muội, trí tuệ. Nó là vật đựng thì thâu nhận không sót một thứ gì theo chỗ nhận thấy nên gọi là tạng Bồ-tát. Hoặc giống như biển, đã sinh đến đó là không còn uống nước khác. Vì sao? Vì đều do biển. Kẻ nào đang là tạng này thì đều là do pháp ấy, không ở bên ngoài đạo. Vì sao? Vì nhận hết pháp vị nơi Nhất thiết trí. Nên gọi là Bồ-tát tạng. Tạng ở đây gồm ba. Ba tạng ấy là gì? Là Thanh văn tạng, Bích-chi-phật tạng và Bồ-tát tạng:

Thanh văn tạng là vì nghe pháp từ người khác. Vì sao? Vì nghe âm thanh ấy.

Bích-chi-phật tạng là vì duyên vào mười hai nhân duyên. Do nhân duyên hết mà đạt đến quả vị Phật Bích-chi.

Bồ-tát tạng là thấu đạt vô số pháp mà tự nhiên đưa đến thành Phật. Còn với hàng Thanh văn hay Bích-chi-phật thì ba tạng kia Thanh văn hay Bích-chi-phật không thể có được. Khi thuyết giảng pháp này thì ba tạng kia mỗi tạng đều đạt được như sở hành. Vì sao? Vì khi nói lên điều này thì Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát mỗi hàng đều chứng đắc nẻo hành của mình, nên gọi là ba tạng. Ai đạt được pháp Bồ-tát là liền được ba tạng. Vì sao? Vì Thanh văn, Bích-chi-phật không xa rời pháp của Phật.

Lại có ba tạng học. Sao gọi là ba tạng? Vì có Thanh văn học, có Bích-chi-phật học, có Bồ-tát học.

Thanh văn học thì cái dụng có hạn độ, vì chỉ tạo sự sáng suốt cho mình.

Bích-chi-phật học thì gọi là các học bậc trung, vì không có lòng thương rộng lớn.

Bồ-tát pháp thì nhập vào pháp thân không thể đo lường do diệu dụng là tâm Từ rộng lớn.

Thanh văn thì không học việc Bích-chi-phật, cũng không rõ việc Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật không học việc Bồ-tát, cũng không rõ việc của Bồ-tát.

Bồ-tát thì biết rõ chỗ học của Thanh văn mà không lấy đó làm vui.

Không có chỗ mong cầu ở trong đó, cũng không ở trong đó mà cầu giải thoát. Bồ-tát cũng biết chỗ học của Bích-chi-phật, không lấy đó làm vui cũng không ở trong đấy mà cầu giải thoát, biết chỗ tu học của Bồ-tát, biết vui với cái học của mình tự chăm lo niềm vui, phải ở trong nhân này để được giải thoát, chỉ bày cho Thanh văn mà thị hiện, đem hạnh Bồ-tát giáo hóa họ. Bồ-tát đối với Bích-chi-phật cũng như thế, nên gọi là Bồ-tát tạng.

Giống như dùng vật đựng nhận lưu ly. Vì diệu dụng của lưu ly nên đồ đựng kia cũng tạo ra được màu sắc của lưu ly. Bồ-tát do đạt chứng nơi tạng, do chỗ thấy các pháp không xa rời Phật, Bồ-tát vì đạt đến tạng mà các pháp được thấy đều thấy ở nơi pháp Phật. Bồ-tát, các pháp đều học, không chỗ nào là không học. Vì sao? Vì chỗ nhận thức lãnh hội không có khác, các pháp đều chứng như Phật chứng. Tạng Bồ-tát thì văn tự để giáo hóa là vô số, không có chỗ để lường tính. Vì sao? Vì không tăng, giảm, là sự quang minh không thể luận bàn, là ánh sáng đều chiếu vào tối tăm, là chỗ tạo ra có nhân từ, lợi lạc không có điểm cùng. Chứng được Nhất thiết trí thì không nơi đâu là không tỏ ngộ. Ai học cái học này mới gọi là học, vì đều chứng ngộ tạng, chứng nhập Ma-ha-nhã-na. Ma-ha-nhã-na là Tuệ vô cực. Người chứng, người chưa chứng, do tuệ kia mà chứng được nó.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì các Bồ-tát, sau khi thuyết giảng về tạng rồi thì lại đối với ba nơi ấy nêu giảng về Bất thoái chuyển nơi luân Kim cang hành. Khi nêu bày vấn đề này, chúng hội nghe đều chứng đạt sự việc ấy. Pháp luân kia cũng không có chỗ vận hành. Bất thoái chuyển vận hành thì không có chỗ mong cầu, tâm Bồ-tát đối với tất cả không hề có khác. Vì sao? Vì không niệm thiện ác, lấy tâm bình đẳng, mà học pháp, nhìn thấy các cõi Phật, cũng lại nhìn thấy sự bình đẳng không vướng mắc vào cái tốt, xấu kia, do chư Phật bình đẳng không sai khác. Bánh xe kia không chỗ nào là không lăn vào khắp. Vì sao? Vì không làm hoại Pháp thân, vì thế nên là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này không đoạn tuyệt với nơi chỗ nào. Vì sao? Vì không hai tâm. Pháp luân này là chỗ thấy như thật, vì sao? Vì do Pháp luân mà đạt đến Phật, nên gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Những ai đi theo pháp luân Bất thoái chuyển thì đều thoát ra khỏi các tưởng chấp. Những ai tin pháp luân ấy thì đều sẽ được chứng quả như Phật, vì không dùng hai việc. Từ một việc thoát ra khỏi chỗ thoát, Như Lai là chỗ làm nhân, thoát ra khỏi chỗ thoát kia thì vô tưởng, không còn tưởng. Do vậy, các pháp có tưởng chấp kia thì không có giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát ấy không có hai. Vì sao? Vì không có thân, miệng, ý. Vì sao? Vì chỗ thoát kia

cũng không từ thân, miệng, ý nên gọi là giải thoát. Thực hiện điều ấy thì tự mình lấy đó làm theo mà không theo người khác, nên gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này không chuyển sắc. Vì sao? Vì sắc kia là tự nhiên. Thọ, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không chuyển. Vì sao? Vì do thức là tự nhiên. Tất cả các pháp cũng không chuyển. Vì sao? Vì Pháp thân không chuyển pháp, nên đây gọi là pháp luân Bất thoái chuyển. Pháp luân này chỗ chứng ngộ là không có biên vực. Vì sao? Vì không còn sự đoạn tuyệt. Pháp luân này cũng không có chỗ vướng mắc, cũng không có đoạn dứt. Vì sao? Vì pháp luân kia không có cửa. Vì sao? Vì không hai tâm. Bánh xe của chân đế cũng không chuyển. Vì sao? Vì không thể thuyết minh. Bánh xe pháp này cũng không có thể thấu hiểu. Vì sao? Vì tiếng của pháp luân cũng không có thì làm sao thấy được hình ảnh của nó? Vậy nên chân lý nơi pháp luân do rỗng lặng nên có thể dẫn về chỗ giải thoát mà không thể đạt tới. Ví như hư không thì chẳng nơi đâu là không có mặt. Vì sao? Vì bất cứ nơi nào nó cũng thâm nhập. Do trên căn bản "không" là diệu dụng của giải thoát. Pháp luân Bất thoái chuyển cũng có thể đi, cũng có thể bước. Sao gọi là đi, sao gọi là bước? Vì như mũi dùi kim cương xuyên thủng được các thứ ngọc ngà châu báu… Vì sao bảo có thể dùng dùi xuyên thủng các pháp kia? Vì giống như dùng dùi hư không xuyên thủng tất cả. Do vậy, nên gọi là pháp, là không chốn tưởng, nên là kim cương. Vì sao? Vì nó khoan thủng tất cả các chốn mong cầu. Vô nguyện thì sánh như khoan kim cương xuyên thủng các chỗ chưa giải thoát khiến chúng được giải thoát. Pháp thân thì sánh như kim cương, các chỗ tán loạn thì theo như lý hư không mà giải thoát nó. Như Lai thì như kim cương đều xuyên thủng cái không sở hữu, giải thoát kia như kim cương siêu việt mọi thứ không giải thoát. Nê-hoàn thì thấy rõ các pháp tự nhiên.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì các Bồ-tát, thuyết giảng về pháp luân Bất thoái chuyển này khiến Bồ-tát đều chứng đắc Tam-muội La-tỳ-câu-tốc *(theo Hán thì gọi là Phật quang minh hoa)*. Được Tam-muội này rồi, mỗi sợi lông nơi thân các Bồ-tát kia đều phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng, nơi ánh sáng ấy đều có trong trăm ngàn ức vị Phật ngồi. Tất cả chư Phật, mỗi mỗi vị đi đến phương khác, ở đâu cầu Phật đạo thì đến đó để giáo hóa.

Sáng sớm ấy, vua A-xà-thế sai sứ giả đến nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Xin thương xót! Đã đến giờ xin Bồ-tát cùng chư vị hạ cố đến.

Khi ấy, Ma-ha Ca-diếp cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều muốn vào

thành để khất thực. Mới đi được nửa đường nghĩ còn sớm nên lại quay về. Trên đường về, Ma-ha Ca-diếp cùng với Tỳ-kheo ghé qua chỗ đón của Văn-thù-sư-lợi. Đến nơi, tất cả đều đứng ngoài cửa. Văn-thù-sư-lợi hỏi Ma-ha Ca-diếp:

–Hiện còn sớm Tôn giả muốn đến chỗ nào?

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Muốn đi khất thực.

Văn-thù lại nói với Ma-ha Ca-diếp:

–Nay tôi với Tôn giả cùng khất thực.

Ma-ha Ca-diếp bảo:

–Đã đầy đủ lễ là cúng dường rồi. Vì sao? Vì pháp mà đến, chứ không phải để ăn.

Văn-thù-sư-lợi bảo Ma-ha Ca-diếp và các Tỳ-kheo:

–Vì pháp thì phải tề tựu hết về đó và cũng còn thọ trai nữa. Vì sao? Vì hiện pháp kia không mất và cũng không làm mất việc thọ trai ấy. Hợp cả hai làm một.

Ma-ha Ca-diếp bảo:

–Chúng ta luôn phải nhẫn, không vì thọ trai mà chỉ vì nghe pháp. Vì sao? Vì cả hai đều là các pháp sâu xa luôn đi liền với sự nghe ấy.

Ma-ha Ca-diếp lại hỏi:

–Hôm nay cùng với chư Đại Bồ-tát dự hội để thọ trai?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Hiện nơi cúng dường thọ trai, người kia cũng không thoát ly sinh tử, cũng không chứng nhập Nê-hoàn, cũng không vượt khỏi điều ham muốn, cũng không do đạo mà chứng, nơi cúng trai kia cũng không chỗ tăng, cũng không chỗ giảm, cũng đối với các pháp không chỗ nắm giữ, cũng không xả bỏ.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Ai làm việc bố thí này thì việc bố thí ấy là không giới hạn?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Vâng, nhận lời mời của nơi ấy.

Văn-thù-sư-lợi tự nghĩ:

–Nay phải vào thành, việc làm thì phải tạo sự cảm động như Phật. Khi niệm ấy hình thành thì liền được Tam-muội Vô sở bất cảm động. Liền khi ấy cõi Sa-ha bằng phẳng như tấm gương. Các gò, đống, núi non tất cả

đều không hiện ra. Ánh sáng không nơi đâu là không tiếp đến. Nơi địa ngục Nê-lê khổ não thì bao nỗi thống khổ kia được tiêu trừ, tất cả đều được an ổn. Còn ở cõi này, mọi người trong lúc ấy đều không dâm, nộ, si, cũng không có tâm ghen ghét, không tự cao, tự đại cũng không dấy khởi ý.

Bấy giờ mọi người đều có tâm Từ, xem nhau như cha, mẹ. Trong lúc ấy nơi đây hiện sáu cách chấn động. Các Thiên tử nơi cõi Dục, các Thiên tử nơi cõi Sắc dùng trăm thứ kỹ nhạc để cúng dường Văn-thù-sư-lợi, gồm cả hoa trời mưa xuống rơi khắp trên người Văn-thù, mưa hoa theo Văn-thù-sư-lợi đến tận chỗ dừng lại. Thế là đến cửa thành, ở đây được trang hoàng hết sức trang nghiêm tận cùng các ngõ ngách. Lấy các loại hoa kết giăng đan chéo khiến hai bên đường đi đẹp hẳn lên, lấy loài hoa đặc biệt nổi tiếng rải đều lên đất nơi Văn-thù đi qua. Còn ở bên trên không gian ấy là màn, trướng, lọng che, được làm bằng các thứ báu tốt nhất. Con đường này rộng sáu trượng ba thước, có lan can suốt hai bên. Dùng các loại hoa báu làm cây, cách khoảng sắp thành hàng bên đường, lấy báu làm dây buộc liền vào các cây, lần lượt kết nối nhau. Mỗi cây này, hương tỏa khắp bốn mặt, mùi thơm bón mươi dặm còn nghe. Giữa hai cây, biến hóa có ao nước, chung quanh bờ ao là các thứ báu dùng để ngăn che, lấy lưu ly điểm xuyết trang hoàng. Cát trong ao nước đều là vàng. Nước nơi ao có tám vị. Các loại hoa đều sinh ra từ ao này, giữa ao có các loài chim le, nhạn, uyên ương… đuổi nhau đùa giỡn. Dưới mỗi mỗi cây đều có rễ nổi lên bên trên, có giá đỡ bằng các thứ châu báu. Trên giá ấy đều đặt lò hương làm bằng ngọc quý, dùng các danh hương để đốt. Cứ mỗi một giá ấy là một trăm người nữ xinh đẹp dùng hoa sen đựng danh hương chiên-đàn đưa lên. Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện ra Tam-muội ấy thì oai thần của Tam-muội biến hóa khắp nơi nơi.

Văn-thù-sư-lợi từ tòa ngồi đứng dậy chỉnh lại y phục rồi bảo Ma-ha Ca-diếp:

–Ông đi trước ta theo sau. Vì sao? Vì kính bậc cao niên lại ở nơi pháp Phật làm Sa-môn trước ta do vậy nên phải đi trước.

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Pháp kia không có trước, sau, không so tính tuổi tác mà có tôn ty.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thế nào gọi là kính lão?

Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Trí tuệ là tôn kính. Học vấn rộng nhiều gọi là tôn kính. Làm tròn việc mình đang làm thì đấy là tôn kính. Biết được hết nẻo hành của mọi

người thì đấy là tôn kính.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Văn-thù-sư-lợi cũng có trí tuệ, học vấn đầy đủ, làm tròn việc mình đang làm, hiểu rõ nẻo hành của mọi người, do vậy phải là bậc tôn kính.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Nay bằng vào tuổi tác thì cũng là bậc lớn, cũng lại là bậc đáng tôn kính, nên phải đi trước, tôi xin hoan hỷ đi theo sau. Nay xin đem ví dụ để làm rõ, chỉ mong được lắng nghe: Ví như sư tử con, gan dạ, khí lực, sức mạnh của nó không như sư tử lớn, dù nhỏ song nhờ hơi sư tử lớn, nên các loài cầm thú nghe được sư tử ấy thì loài nào là không khiếp sợ? Giống như voi lớn lại có sáu ngà, tuổi của voi là sáu mươi. Nếu người dùng da thuộc làm dây để buộc voi lớn kia với dây da thuộc của sư tử con. Voi lớn nghe mùi dây da ấy là cắm đầu chạy vào núi. Tuy Bồ-tát phát tâm mà chưa thành tựu uy lực, song chẳng phải là sức mạnh của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đang có được. Chúng ma, chẳng có ma nào là không kinh động, sợ hãi rút lui. Sư tử con ấy thấy sư tử lớn là nó kêu rống lên, có chỗ để cho nó tác oai, tâm nó không hốt hoảng cũng không sợ hãi vội vàng. Vì sao? Vì lại bội phần vui mừng. Hiện được như vậy là Bồ-tát gặp Phật, có việc làm để Bồ-tát làm, tâm Bồ-tát không hoảng hốt, cũng không khiếp sợ. Vì sao? Vì bội phần hoan hỷ. Nay ta bước đi thì cũng phải như vậy.

Xá-lợi-phất nói:

–Muốn so lường chỗ tôn kính, hoặc là Thanh văn, hoặc là Bích-chi-phật, việc phát tâm kia phải là tâm Bồ-tát thì đấy là chỗ kính trọng. Vì sao? Vì người ấy có chỗ mong cầu đều từ tâm Bồ-tát dấy khởi.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Cho nên Văn-thù-sư-lợi chính là bậc được tôn kính, luôn luôn phải đi trước, chúng tôi theo sau.

Văn-thù-sư-lợi bèn phải đi trước, các Bồ-tát đi tiếp, sau nữa là các Thanh văn tháp tùng, đều theo người dẫn đường. Trời làm mưa hoa, đất hiện sáu cách chấn động, chư Thiên trên không dùng kỹ nhạc để giúp vui. Vào lúc ấy, ánh sáng tràn ngập khắp nơi. Đến thành La-duyệt-kỳ, nhưng đoàn chưa vào cửa thành. Vua A-xà-thế hay tin Văn-thù-sư-lợi tới sớm, theo sau là Bồ-tát có đến hai vạn hai ngàn năm trăm vị, còn Tỳ-kheo là năm trăm người cùng đến dự hội. Nhà vua tự nghĩ: "Ta cho làm đủ số năm trăm người, nay phải làm sao để giải quyết. Phải ngồi vào chỗ nào cho đủ?"

Lúc này, Thiên vương tên là Hưu Tức Tâm cùng Tôn Duyệt-xoa tên là Kim Cang Tỳ và đầy đủ đám tùy tùng cùng đến tương kiến với vua A-

xà-thế, nói:

–Chớ khiếp, xin chớ lo ngại, đừng cho đó là khó.

Nhà vua liền hỏi:

–Phải làm như thế nào đây? Mà không coi đó là khó?

Vị kia bảo:

–Văn-thù-sư-lợi đã tạo phương tiện quyền xảo nơi trí Tuệ vô cực, do công đức đầy đủ sự quang minh mà đến. Thần túc công đức, do thần túc ấy mà một bát cơm của Văn-thù-sư-lợi có cả tam thiên đại thiên thế giới người ăn, uống, thảy đều no đủ nhưng thức ăn kia không bao giờ hết. Hai vạn ba ngàn vị này có gì đáng lo? Cho nên đừng coi đó là việc khó khăn. Vì sao? Vì hiện giờ mọi việc đều đã đầy đủ tất cả. Văn-thù-sư-lợi với chỗ công đức kia là vô cùng tôn quý, nên không thể cùng tận được hết.

Vua A-xà-thế, lúc ấy rất vui mừng, tâm vua hết mực hân hoan, niềm vui bội phần, vua liền chỉ dẫn dùng kỹ nhạc, cầm hương hoa đưa lên, đích thân đi ra đón tiếp Văn-thù-sư-lợi… thỉnh tất cả đoàn vào cung. Khi ấy, trong hàng Bồ-tát có một vị tên là Phổ Thị Tất Kiến, được Văn-thù-sư-lợi ban cho pháp Tam-ma-đà-a-lâu-nậu-đà khiến sửa sang nghiêm chỉnh chỗ hội để có thể dung chứa người đến. Bồ-tát này nhận lời dạy. Ngay khi ấy, bốn mặt, Bồ-tát ngắm nhìn thì cũng là lúc tất cả đã bày biện xong. Cũng ở trong chúng hội có Bồ-tát tên là Pháp Lai, được Văn-thù ra lệnh phải có đủ giường và tòa ngồi. Lập tức Bồ-tát này nhận lời dạy và chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay là có ngay hai vạn ba ngàn giường, tòa ngồi, được trải lên trên đó các loại gấm vóc, the lụa gồm vô số màu sắc đẹp đẽ khác lạ so với màu sắc thông thường của sự vật.

Văn-thù-sư-lợi và các Bồ-tát, Thanh văn tất cả đều ngồi vào tòa ngồi. Vua A-xà-thế đến trước bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Vật phẩm dùng để cúng dường là quá ít, xin đợi cho chốc lát, để được bày biện cúng dường đầy đủ chư vị.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Thức ăn làm rồi có thể tự đầy đủ, chớ bận tâm.

Thiên vương Duy Sa-môn cùng với đám quyến thuộc đi theo, tất cả đến để yết kiến, đều cung kính hầu hạ hai bên. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân cùng với đại phu nhân tên là Thủ-da và các Thiên nữ, tất cả cầm danh hương cúng dường, tung lên chỗ Văn-thù-sư-lợi và chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng. Chư Bồ-tát, cũng không vì Thiên nữ, cũng không vì kỹ nhạc, cũng không vì hoa hương mà tâm có sự chuyển động. Phạm thiên lại tự hóa mình

làm thiếu niên Bà-la-môn cực kỳ đẹp đẽ đoan nghiêm cầm quạt đứng bên phải Văn-thù-sư-lợi để quạt hầu. Các Phạm thiên tử cũng đều cung kính đứng hầu. Chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng thì đứng ở bên trái Văn-thù. Long vương A-nậu-đạt ở trên hư không nơi hội chúng này nhưng không ai nhìn thấy, cầm chuỗi hạt châu rũ xuống như tấm phướn. Từ xâu chuỗi hạt châu nước rơi xuống, nước có tám vị. Để cho việc đang làm đúng theo điều mong muốn thì dùng nước này. Văn-thù-sư-lợi và chư vị Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng, người người trước mặt đều có chuỗi hạt châu rũ xuống, nước từ trong ấy chảy ra cung cấp đầy đủ chỗ cần dùng.

Vua A-xà-thế lại nghĩ: "Các Bồ-tát đến dự hội mà không mang bát theo, nay phải lấy đồ dùng gì mà ăn?"

Văn-thù-sư-lợi biết được ý nghĩ này của vua liền nói:

–Bồ-tát tuy không mang theo bát nhưng ở chỗ thọ thực suy niệm về bát thì từ cõi kia bát liền tự đến trong tay của Bồ-tát ấy.

Vua A-xà-thế hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Chư Bồ-tát này đều từ cõi nào đến đây? Tên hiệu của vị Phật nơi cõi ấy là gì?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Cõi ấy có tên là Sa-đà-duy-cù-trà. Phật nơi cõi đó hiệu là Duy-thủ-đà-thi-lợi. Từ trú xứ ấy các Bồ-tát đến đây để thọ trai các pháp vị nhân từ. Vì sao? Vì xưa nay muốn nghe pháp, luôn có chỗ hồ nghi về lòng nhân từ.

Các Bồ-tát bèn niệm bát, ngay lúc ấy bát lại bay lên, đến ao A-nậu-đạt, theo hàng lớp bát tự làm đầy nước ao để rửa sạch. Các thể nữ rồng xinh đẹp, đồng loạt từ dưới ao trồi lên cầm lấy hai vạn ba ngàn bát đến trao cho các Bồ-tát của cõi Cù-tra, mỗi vị, mỗi vị bát đặt vào trong tay. Vua A-xà-thế đứng hầu Văn-thù-sư-lợi. Văn-thù-sư-lợi liền bảo nhà vua phân phối cơm và đồ ăn. Vua đích thân làm công việc ấy, song thức ăn kia đều không vơi, vẫn như cũ. Vua A-xà-thế lại bạch:

–Thức ăn kia đã phân đều khắp, không chỗ nào thiếu, ấy vậy lại vẫn như cũ.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Thức ăn hết chăng?

Nhà vua liền đáp:

–Không hết.

Sở dĩ chưa hết là do vì vua còn mối nghi.

Chư Bồ-tát ăn cơm xong, cầm bát ném lên hư không, bát sắp hàng

mà đứng yên không rơi xuống đất, cũng không lay động.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Bát này tại sao đứng yên, trụ và tựa vào đâu?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Chỗ trụ của bát này như chỗ trụ nơi sự hồ nghi của nhà vua.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Bát này cũng không có chỗ trụ là nơi chốn, cũng không ở trên đất, cũng không có chỗ dựa, cũng không có xứ sở sao?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như nỗi hồ nghi của vua, cũng không có chỗ trụ. Các pháp cũng như bát, không chỗ trụ, không chỗ rớt xuống.

Việc thọ trai đã xong, vua A-xà-thế liền lấy một chiếc ghế ngồi trước Văn-thù-sư-lợi, bạch:

–Xin giải cho mối hồ nghi của con.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dù nhiều như cát sông Hằng, Phật cũng không thể vì thế mà nói rõ hồ nghi ấy.

Vua A-xà-thế bây giờ với nỗi khiếp sợ, từ ghế ngã xuống đất, như cây lớn bị sụp đất ngã nhào.

Ma-ha Ca-diếp bảo vua A-xà-thế:

–Chớ nên sợ hãi. Vì sao? Vì Văn-thù-sư-lợi đã chứng đạt phương tiện quyền xảo nhiệm mầu, do vậy nên nói ra lời ấy. Chầm chậm, vua có thể hỏi rõ về sự việc.

Vua A-xà-thế liền hỏi:

–Chư Phật nhiều như cát sông Hằng, lời nói ấy thuộc về chỗ nêu bày nào mà không thể nói rõ chỗ hồ nghi của con?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này đại vương! Gọi là đã từ tâm làm nhân duyên mà có thể thấy Phật sao?

Vua liền đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dùng tâm vì tâm sinh nên là có thể thấy Phật chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Dùng hữu tâm mà có thể gặp Phật sao?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Sinh tử với giải thoát là hai việc. Chấp trì hai việc ấy mà làm Phật ư?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Có pháp nên nương nhờ theo pháp ấy chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Ai tạo ra pháp như vậy thì có thể là nói một cách xác quyết chăng?

Vua đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Do vậy nên ta nói sự hồ nghi của vua, Phật nhiều như cát sông Hằng mà cũng không thể nói rõ. Vì sao? Nếu người nào bảo rằng mình có thể dùng bụi làm cấu bẩn hư không là có thể làm được chăng?

Vua nói:

–Không thể.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Hoặc có người bảo là mình có thể làm cho hư không hết cấu bẩn là có thể làm được chăng?

Vua nói:

–Không thể làm cho hết được.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Các pháp của Phật, tất cả đều như hư không. Vì sao? Vì gốc của các pháp ấy là sự giải thoát, cũng không thấy các pháp có gốc hoặc có giải thoát. Cho nên ta nói:

–Chỗ hồ nghi của vua, chẳng phải là điều mà chư Phật nhiều như cát

sông Hằng có thể nói.

Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Như Lai không thủ đắc tâm ở trong hay ở ngoài thì lấy chỗ nào mà tạo ra hồ nghi? Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn đều là giải thoát. Thế thì sao lại có hồ nghi?

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Gốc của sự giải thoát kia đã không có, lại gắn liền với hư không. Vì nó vốn không sở hữu các pháp nên gọi là giải thoát, cũng không tự nhiên, không có chỗ thành tựu nhưng không nơi đâu là không thấy. Các pháp có sở hữu, không sở hữu, các pháp không chỗ nhận thức nên không chỗ để có thể nhận thấy. Các pháp gọi là mặc nhiên đó là tưởng không thể nhận biết. Các pháp không khái niệm, đã vượt qua tự nhiên cho nên siêu việt mọi sự lường xét. Vì các pháp ấy đã đoạn sinh tử nên các pháp là không có xứ sở. Vì không có nguyện nên các pháp là không có nguyện. Vì không có sinh tử nên các pháp bình đẳng, không chỗ vướng mắc. Vì thanh tịnh nên các pháp đều là thanh tịnh. Vì vốn trong ngoài đều tịnh nên các pháp không có đối đãi. Vì không có bạn nên các pháp là không có bạn lữ. Vì nhất tâm nên các pháp là nhất tâm. Vì là giải thoát nên các pháp không có tột cùng. Vì không chỗ đoạn nên các pháp không có biên vực. Vì không có lường xét nên các pháp không thể nhận thấy lường xét. Vì chỗ tạo tác sai khác nên các pháp gọi chỗ tạo tác sai khác ấy là cầu tuệ. Vì không thể được an nên các pháp là vô thường. Vì không hai tâm nên các pháp đều yên định. Vì vượt quá mọi nẻo tịnh nên các pháp đều quyết đoán. Vì không chỗ cầu nên không pháp tự nhiên. Vì không thể thủ đắc nơi thân nên các pháp không hồ nghi. Vì vắng lặng bên trong nên các pháp luôn nhẹ nhàng! Vì không thẩm xét nên các pháp tịch tĩnh. Vì thản nhiên nên các pháp là không ta. Vì không có ngã sở nên các pháp là rốt ráo trọn vẹn. Vì giải thoát nên các pháp là không chỗ tụ hội, chuyển lên. Vì không suy niệm nên các pháp đều tin hết. Vì không chỗ nào vướng mắc, đoạn dứt nên các pháp là một vị. Vì là vượt thoát nên các pháp an ổn. Vì không có tưởng nên các pháp không có tưởng. Vì không bị hoại nên các pháp thảy đều không. Vì vượt những cầu mong nên các pháp không có nguyện. Vì gọi là ba cõi nên các pháp dùng để đoạn dứt ba cõi. Do không vướng mắc quá khứ, vị lai, hiện tại nên tất cả các pháp như Nê-hoàn. Đó là để sinh ra cái chưa sinh.

Văn-thù-sư-lợi bảo A-xà-thế:

–Cái gọi là không chỗ sinh có thể khiến được thanh tịnh chăng?

Vua nói:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Phật biết rõ các pháp như Nê-hoàn nên không làm cho thoát nỗi hồ nghi kia của vua. Vì sao? Vì phải đứng nhìn thẳng các pháp. Thấy các pháp rồi cũng không chỗ lấy, không chỗ bỏ, cũng không đối với các pháp có chỗ dừng lại. Các pháp đã không chỗ dừng cho nên an. Đã an thì liền không còn nghi. Đã không còn nghi thì liền không sở hữu cái tạo ra. Không sở hữu cái tạo ra thì gọi là không có chủ. Ở trong vô chủ này phải thể hiện nhẫn. Vì sao? Vì không dùng các pháp để tự nhớ nghĩ về ngã nên các pháp nhẫn không thể tạo ra. Cho rằng có thể làm tức là không thể làm vì các pháp không có tạo tác. Không có tạo tác, không chỗ tạo tác, tức là Nê-hoàn. Kẻ nào tin điều này thì lấy bình đẳng làm sự giải thoát, cũng không chỗ tăng, cũng không chỗ giảm. Các pháp vốn không nên không có tạo tác, nếu như có thể tạo tác thì đều vốn không. Cái vốn không này cũng chẳng phải đúng mà cũng chẳng phải không đúng, nên cái vốn không không có sai khác. Đã tin không có sai khác thì các hồ nghi không còn nữa. Mắt kia cũng không bẩn, cũng không sạch. Mắt ấy tự nhiên cho nên nó vốn không. Vốn nó không tự nhiên nên gọi là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng không có bẩn, cũng không có sạch. Ý kia tự nhiên cho nên vốn nó không có. Vốn không tự nhiên nên gọi là ý. Sắc cũng vốn không thì vốn không tự nhiên. Sắc, thọ, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không có bẩn, cũng không sạch. Thức ấy tự nhiên vốn không mà vốn không tự nhiên, nên gọi là thức. Tất cả các pháp không có bẩn, không có sạch, các pháp tự nhiên vốn không, mà vốn không tự nhiên nên gọi là các pháp. Tâm ấy cũng không thể thấy. Sắc cũng không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì như ảo hóa, không thể bảo dùng bên trong, cũng không thể nói dùng bên ngoài. Vì sao? Vì vốn nó trong sạch, do vậy nên không có cấu bẩn. Vốn tâm kia cũng không để nhận, cũng không để tăng, cũng không để giảm, cũng không để lo, cũng không để sầu. Người nghe pháp này không có điều nghi. Vốn nó khác biệt mà nghĩ sai khác nên nó có cấu bẩn. Phải biết vốn nó sai biệt mà nghĩ sai khác. Ai không như vậy thì không thể vì đó mà khiến có. Vua không cần phải nghĩ đến điều ấy, giống như người nói rằng mình có thể khiến cho hư không có cấu uế do khói mây hoặc bụi cát. Làm như vậy, có thể khiến cho hư không cấu bẩn không?

Vua nói:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Tâm kia vốn do thanh tịnh nên dâm, nộ, si không đến, vì sao lại nói như hư không hiện ra ở năm thứ: Một là tro, hai là bụi, ba là khói, bốn là sương mù; năm là mây. Có thể nhìn thấy hết cả nên không thể bảo hư không tạo ra cấu bẩn. Như người nói ngã sở này tạo ra cái phi ngã sở, vì thế mà có dâm, nộ, si. Đối với tâm, lúc đầu không tạo ra cấu bẩn thì cũng không tạo nên hồ nghi. Vì sao? Vì tâm lúc đầu có chỗ tạo tác thì cũng không thể nào đề phòng được tâm sau. Tâm sau có chỗ tạo tác thì không làm trở ngại đối với tâm trước. Hiện tại tâm cũng không nơi chốn. Người trí đã nhanh chóng vạch rõ chỗ tạo ra mà không có mong cầu. Không chỗ mong cầu cho nên là tướng thanh tịnh. Tất cả các pháp không có cấu bẩn thì không nơi đâu là không sáng tỏ. Không chỗ sinh, không có xứ sở. Không có xứ sở là sinh địa của Phật. Sinh địa tức là các pháp. Là các pháp nên là sinh địa, nên không thể nêu bày. Người trí tuệ thì nơi các pháp không có giải thoát nhưng lấy pháp làm sự giải thoát các nghi ngờ. Vì không sở hữu, không có pháp cứu độ, nên hồ nghi thuộc về Pháp thân. Gọi Pháp thân thì không chỗ nào không chứng nhập nơi các pháp, cũng không thấy Pháp thân có chỗ chứng nhập. Vì sao? Vì các pháp đều là Pháp thân, như các pháp bình đẳng nên Pháp thân cũng bình đẳng. Do vậy gọi Pháp thân là chỗ chứng ngộ. Khi thuyết giảng pháp này, vua A-xà-thế chứng được pháp nhẫn. Vua vui mừng, hoan hỷ liền thốt nên lời:

–Lành thay! Lành thay! Mối hồ nghi của ta đã được giải tỏa.

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đây là hồ nghi rất lớn, thuộc vấn đề thuyết giảng các pháp thì cơ bản là không có. Vì sao mà hồ nghi được? Phải là nghe hồ nghi từ nơi nào?

Vua A-xà-thế nói:

–Cúi nhờ đại ân mà được sự sai bảo mọn. Nay mạng sống của con nếu hết thì không lo không đến Nê-hoàn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như điều mong cầu của vua là không có gốc. Vì sao? Vì gốc của các pháp là Nê-hoàn, nên không có chỗ sinh.

Vua A-xà-thế liền từ ghế ngồi đứng dậy, lấy y giạ nổi tiếng đẹp lạ, giá trị của nó là trăm ngàn. Vua cầm y giạ nhiễu quanh thân Văn-thù-sư-lợi. Trong lúc ấy Văn-thù-sư-lợi thân đã biến mất. Y giạ kia vẫn ở chỗ cũ, trên hư không chỉ nghe tiếng mà không trông thấy hình bóng Văn-thù-sư-lợi đâu cả. Trong âm thanh ấy nghe được lời nói:

–Nếu muốn thấy thân Văn-thù-sư-lợi thì vua phải tự mình nhìn

thấy hồ nghi. Không phải chỉ thấy hồ nghi mà còn phải nhìn thấy các pháp. Như chỗ thấy thì nên làm. Rồi từ không trung nghe tiếng bảo:

–Có chỗ nào vua nhìn thấy thì liền lấy y giạ ấy cúng nơi đó. Sau đấy Văn-thù-sư-lợi ngồi vào tòa. Có Bồ-tát tên là Đắc Thượng Nguyện. Vua A-xà-thế lại cầm xấp giạ muốn dâng cúng lên Bồ-tát. Bồ-tát Đắc Thượng Nguyện nói:

–Vua cầu thoát hồ nghi để được Nê-hoàn, ta không từ chỗ cầu ấy để có chỗ nhận, hơn nữa không nhận vật có sở hữu của người phàm. Vì sao? Vì kẻ phàm bảo trong hội có kẻ tục nghe việc, do vậy mà không nhận cúng, cũng không từ cầu La-hán, Bích-chi-phật để có chỗ nhận. Cũng không từ pháp Như Lai để có chỗ nhận. Những ai không gần pháp ấy, không lìa pháp ấy, ta nhận vật này, người dâng cúng vật cũng không nhị tâm, kẻ nhận vật cúng cũng không hai tâm, cho nên gọi chỗ nhận đó là vượt quá sự giải thoát.

Nhà vua liền lấy y giạ mặc cho Bồ-tát ấy, hốt nhiên Bồ-tát chẳng hiện, không còn biết là chỗ nào, chỉ nghe thấy tiếng Bồ-tát nhưng không thấy được hình dáng, dạy bảo:

–Lấy giạ dâng cúng chỗ thân hiện ra kia, rồi Bồ-tát ngồi xuống tòa ấy. Tiếp theo có Bồ-tát Kiến Chư Huyễn.

Vua A-xà-thế lại lấy y giạ dâng cúng lên Bồ-tát như trước. Bồ-tát Kiến Chư Huyễn nói:

–Nếu có chấp nơi người khác có ngã thì ta không nhận vật này. Cũng không từ chỗ có khuyết, nhơ, cũng không từ đó để được giải thoát, từ nơi ấy mà nhận vật. Cũng không theo ý định, cũng không theo ý loạn mà nhận vật. Cũng không từ trí tuệ mà nhận vật, cũng chẳng từ không trí tuệ mà nhận vật.

Vua A-xà-thế liền lấy y giạ trải trên tòa ngồi. Bồ-tát kia tức thì mất bóng. Lại nghe tiếng Bồ-tát mà không thấy hình bóng, dạy bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y dâng cúng vị đó, rồi Bồ-tát ngồi vào tòa. Có Bồ-tát tên là Bất Kiến Huyễn Chí Nê-hoàn. Vua A-xà-thế lấy tay nâng vải lên đi về phía tòa ấy thưa:

–Nhân giả, xin thọ nhận. Bồ-tát này nói:

–Nếu tự mình còn vướng mắc vào người khác thì ta không nhận vật này. Ai không vướng mắc vào năm ấm, bốn đại, sáu suy thì cũng không vướng mắc nơi Phật, cũng không vướng mắc nơi pháp, cũng không vướng mắc nơi Tăng. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ vướng mắc.

Vua A-xà-thế cầm lấy y giạ định mặc cho Bồ-tát thì ngay lúc ấy Bồ-

tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng của Bồ-tát, nhưng không thấy hình dáng đâu, bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y giạ cúng cho vị ấy! Rồi ngồi vào tòa của mình.

Tiếp nữa có Bồ-tát tên là Tư-ha-mạt. Vua A-xà-thế liền lấy y giạ dâng cúng.

Bồ-tát này nói:

–Ai không nhìn rõ thì ta không nhận vật này. Nay ông phát tâm Bồ-tát, nắm giữ tâm như Bồ-tát, tâm bình đẳng với các pháp, cũng bình đẳng với các pháp Phật, không chỗ lấy, cũng không chỗ bỏ. Với các pháp, cũng không nghi, cũng không có nghi, cũng không nghĩ các pháp có ngã, không nghĩ các pháp có chỗ thoát. Có ý niệm này thì ta mới nhận vật ấy.

Vua A-xà-thế liền lấy y giạ mặc cho Bồ-tát. Ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị đó! Rồi Bồ-tát ngồi vào tòa của mình.

Kế đến có Bồ-tát tên là Tam-muội Câu-tốc-ma. Vua A-xà-thế cầm y muốn dâng lên cúng.

Bồ-tát này bảo:

–Nếu có Tam-muội như vậy, vua không còn nghi thì mới nhận vật kia. Gốc nơi Tam-muội đều biết các pháp không có chỗ thoát thì ta mới nhận vật ấy.

Vua A-xà-thế liền cầm y mặc cho Bồ-tát này. Ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Rồi Bồ-tát ngồi vào tòa. Kế nữa có Bồ-tát tên là Vô Lượng Tinh Tấn nói:

–Tất cả các thứ tiếng tự nó vang lên mà không thể nắm bắt, ai làm được việc ấy thì ta mới nhận vật này.

Vua A-xà-thế lại lấy y, đứng dây mặc cho Bồ-tát này, liền khi ấy Bồ-tát biết mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y dâng cúng vị đó, rồi ngồi vào tòa.

Tiếp nữa, có Bồ-tát tên là Ly Sở Tác Cấu. A-xà-thế muốn lấy y mặc cho Bồ-tát đó.

Bồ-tát này nói:

–Ai không tự nghĩ đến ngã thân thì trao cúng cho họ. Cũng không

nghĩ có người từ ngã chấp giữ cũng không nghĩ phải có lợi ích. Ai không nghĩ như vậy ta mới nhận vật này.

Vua lại lấy y mặc cho Bồ-tát ấy. Ngay lúc đó, Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy rồi ngồi vào tòa.

Kế nữa có Bồ-tát tên là Đàm-ma-duy-cụ-hòa-na-la-da. Vua A-xà-thế lại lấy y dâng cúng cho vị ấy. Bồ-tát này nói:

–Nếu ở hàng Thanh văn thị hiện mà không Bát-nê-hoàn, ở hàng Bích-chi-phật thị hiện mà không Bát-nê-hoàn, không trụ ở sinh tử, cũng không đến Nê-hoàn thì ta mới nhận vật cúng này.

Vua A-xà-thế liền lấy y mặc cho Bồ-tát ấy, bỗng nhiên Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Cứ lần lượt từng Bồ-tát như vậy, vua A-xà-thế lấy y dâng cúng. Ngay lúc ấy Bồ-tát liền biến mất và giường ghế, tòa ngồi kia đều cũng mất dạng. Lại nghe tiếng Bồ-tát nói:

–Ai hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Vua A-xà-thế nói với Ma-ha Ca-diếp:

–Con từ Phật nghe đức nhân từ hết sức tôn quý của Tôn giả nay lấy y dâng cúng, xin Tôn giả nhận cho.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Tôi đâu dám nhận! Vì sao? Vì tôi còn dâm, nộ, si chưa diệt trừ hết, nên không thể nào nhận. Tôi cũng không rời bỏ được cái si ám, cũng không lìa điều ác, cũng không xa rời chỗ nhận biết về Khổ, cũng không Tập, cũng không tận, cũng không chứng Tận, cũng không niệm Đạo, cũng không thấy Như Lai, cũng không nghe pháp, cũng không thuộc hàng Tỳ-kheo Tăng, cũng không sinh tuệ, cũng không có mắt trong sạch, cũng không do thức có chỗ trụ mà tạo tác. Ai cúng cho tôi vật ấy thì đức kia không thể lớn, cũng không thể đạt được quả vị giải thoát tôn quý.

Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Giá như đại vương tác ý giống như thế thì tôi mới nhận cho.

Vua A-xà-thế vội lấy y mặc cho Ca-diếp thì lúc ấy Tôn giả liền biến mất, chỉ nghe tiếng nói:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị đó.

Thế là lại lấy y thứ tự cúng cho các Tỳ-kheo. Cứ như vậy từng Tỳ-kheo một đều biến mất cho đến hết cả năm trăm vị cũng đều như thế, chỉ

nghe tiếng nói của các Tỳ-kheo bảo:

–Ai có hiện ra thì lấy y cúng cho vị ấy.

Vua A-xà-thế phải tự suy nghĩ lâu lắm, rằng chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng đều đâu mất hết, phải đem y dâng cúng cho ai đây?

Vua trở về tự tay trao cho phu nhân, người cao quý nhất trong cung, nhưng phu nhân của vua cũng biến mất. Tức thì vua A-xà-thế chứng được Tam-muội, không nhìn thấy các sắc, cũng không thấy người mẹ, cũng không thấy người nam, cũng không thấy bé trai, cũng không thấy bé gái, cũng không thấy tường, thành, cũng không thấy cây, cối, cũng không thấy nhà cửa, cũng không thấy thành hào. Vua còn có niệm khác: Cho là có ngã thân, các sắc, thức thì chúng đều dừng lại. Lại nghe tiếng nói của chính vua:

"Nếu như tất cả có chỗ thấy thì phải tự thấy chỗ hồ nghi của mình. Nếu chỗ thấy hồ nghi thì thấy tất cả các pháp như vậy. Chỗ thấy phải thấy cái không chỗ thấy, phải thấy cái pháp không chỗ thấy thì chính đấy là thấy pháp. Ai có được cái thấy ấy thì nên lấy y trao cho."

Vua tỏ ngộ cái không nơi chốn để thấy, liền lấy y kia với ý định trở lại mặc cho mình thì vua cũng chẳng thấy thân mình đâu. Tâm, ý, thức đã không còn chỗ tưởng thì gọi là thoát khỏi tưởng, thoát khỏi hồ nghi. Thế là từ Tam-muội, trở về thấy chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng, các quan thuộc, tất cả cái gì đã có đều hiện hữu như cũ. A-xà-thế lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Điều thuộc về các chúng hội đều đang ở đây, mà sao con không thấy?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như chỗ hồ nghi của nhân giả thuộc về chúng hội ở nơi kia được nghe.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Có thấy chúng hội chăng?

A-xà-thế thưa:

–Có thấy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy thế nào?

A-xà-thế thưa:

–Như chỗ thấy sự hồ nghi của con thì thấy chúng hội cũng như vậy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy chúng hội chăng?

A-xà-thế thưa:

–Có thấy. Hồ nghi của con như thế nào thì thấy chúng hội cũng như vậy.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thấy hồ nghi như thế nào?

A-xà-thế thưa:

–Như không thấy chúng hội ấy là thuộc về con. Hồ nghi này ở trong, ở ngoài cũng không chỗ thấy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Vua có nghe lời Phật dạy rằng ai tạo ác nghịch thì phải bị đọa vào địa ngục Nê-lê không?

Vua nói:

–Có nghe.

Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Vua có tự biết mình phải vào địa ngục chăng?

A-xà-thế lại hỏi:

–Phật kia khi thành Phật mới có pháp sinh lên trời hay vào Nê-lê ấy không? Mới có an ổn đến Nê-hoàn ấy không?

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Không.

Vua nói:

–Con nhận biết các pháp thảy đều không. Vì sao? Vì Nê-lê cũng lại là rỗng lặng, cõi trời, sự an ổn cũng rỗng lặng. Các pháp không chỗ có thể hủy hoại, cho nên chứng nhập pháp thân. Pháp thân ấy cũng không ở trên trời, cũng không nơi cõi người, cũng không ở Nê-lê, cầm thú, quỷ đói. Kẻ nghịch ấy cũng không rời pháp thân, kẻ làm nghịch kia thì thân đều là chỗ chứng ngộ của pháp thân… Gốc của các nghịch đều là gốc của các pháp. Quá khứ, vị lai không đến, đi thì các pháp cũng không đến, đi. Đã biết rõ về điều ấy thì cũng không vào Nê-lê, cũng không lên cõi trời, cũng không đạt Nê-hoàn.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Phật thuyết giảng là có nghịch ác. Vì sao bây giờ nói là không có?

Vua liền đáp:

–Con không trái với lời dạy của Phật.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Tại sao?

Vua đáp:

–Vô ngã là lời dạy của Phật. Xét kỹ lời dạy này thì vì vô ngã nên chính đó là không có người, cũng không có người tạo tội, cũng không chịu tội.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Vua đã thoát khỏi hồ nghi chưa?

Vua liền đáp:

–Từ xưa đã thoát, về sau cũng thoát.

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Chỗ nghi của vua đã hết chưa?

Vua thưa:

–Từ lâu xa đã hết rồi.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Vì sao chúng hội này biết vua thoát khỏi sự có nghịch, không nghịch?

Vua nói:

–Vì tôn kính pháp, nắm chắc ngã, nên biết không nghịch. Giống như Bồ-tát đã có được nhẫn nhục thì đều nắm giữ cái ác, như là đã được ý nguyện tốt.

Na Kỳ Đầu Lương Gia bảo vua A-xà-thế:

–Các nghịch đã sạch do đo đạt được nhẫn.

Vua nói:

–Vì tất cả các pháp đều tịnh, không một vết nhơ, nên pháp này cũng không thể nhớp bẩn. Vì sao? Vì đạo giải thoát không có dấu vết bẩn nhơ. Do đi vào con đường đại nghịch mà không bỏ sinh tử, không thấy Nê-hoàn. Vì sao? Vì đạo giải thoát đã không thể đến gần được.

Khi nói lên lời này, vua A-xà-thế liền nhanh chóng chứng đắc tín nhẫn. Ngay khi ấy ba mươi hai người ở trước Văn-thù-sư-lợi đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng. Năm trăm vị hạ quan đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Dân chúng nước La-duyệt đi đến đứng đầy nghẹt cả cửa cung. Họ muốn thấy Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp. Văn-thù-sư-lợi, khi ấy liền lấy ngón chân cái ấn xuống đất khiến tường vách cung điện và đất đều là lưu ly. Tất cả mọi người bên ngoài đều thấy chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng nơi hoàng

cung như người soi gương thì tự thấy hình vậy.

Bấy giờ tất cả đều thấy rõ ràng cùng lắng nghe lời thuyết pháp của Văn-thù-sư-lợi. Tám vạn bốn ngàn người đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Lại có năm trăm người phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Văn-thù-sư-lợi vì vua, hạ quan trong cung và mọi người thuyết giảng giáo pháp xong, ai ai cũng được an ổn. Văn-thù liền từ tòa ngồi đứng dậy cùng chư Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng dự hội đi ra cửa cung.

Vua A-xà-thế và quan thuộc trong cung đều ra ngoài cửa thành để tiễn đưa. Khi ấy dưới cây có người đang hô lớn:

–Tự ta giết mẹ ta!

Người này phải được giải thoát. Văn-thù bèn hóa ra một người cùng với cha mẹ đi dự hội. Cha mẹ nói:

–Đây là chánh đạo, có thể theo làm chánh đạo này.

Người con nói:

–Đây chẳng phải là chánh đạo. Ba lần nói như vậy, cùng với cha mẹ mình tranh cãi, nên nổi nóng, người con lại khởi ý giết cả cha mẹ. Người trước đó hô lớn là đã giết mẹ thấy người này giết cả cha mẹ, liền đến cạnh kẻ giết cả cha mẹ kia vốn là hóa nhân, tự đem lời giải bày:

–Chỗ ta hành động đã là phi pháp còn ở đây thì giết cả cha mẹ! Người chỉ giết mẹ tự nghĩ: "Ta chỉ giết mẹ thôi! Còn người này giết cả cha mẹ, tội của ông ta rất nặng. Đối với ông ta, thì mình hãy còn nhẹ hơn nhiều."

Kẻ hóa nhân nói với người chỉ giết mẹ:

–Chi bằng ta đi đến chỗ Phật, Phật là chỗ quay về cho những kẻ không chỗ quay về, là nơi bảo hộ cho những kẻ không được bảo hộ. Như lời Phật dạy, ta phải vâng theo lời dạy của Ngài, không dám trái lỗi.

Kẻ hóa nhân bèn lên đường. Người chỉ giết mẹ liền đi theo sau. Như vậy, người nhận được pháp nào, ta cũng nhận như vậy. Tuy ngươi và ta có khác nhau nhưng cùng khóc lóc mà đi. Đến chỗ Phật cả hai cùng tác lễ rồi đứng lên bạch rằng:

–Con làm việc phi pháp do lầm lạc mà giết cha mẹ!

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Như lời ông nói trước sau rất mực chí thành. Vì sao? Vì không che giấu tội giết cha mẹ, cho đến trước Như Lai cũng bộc bạch hành động như vậy.

Phật dạy:

–Chớ khiếp, đừng sợ hãi, hãy theo lời dạy của ta!

Kẻ hóa nhân thưa:

–Như lời Phật dạy, xin Ngài thương xót gia hộ chúng con.

Phật dạy:

–Hãy quay lại tự xem xét các pháp của tâm, nắm giữ tâm quá khứ, vị lai, hiện tại, nắm giữ tâm như thế nào mà lại giết cha mẹ?

Phật lại dạy:

–Đã là tâm quá khứ thì đã diệt, đã tận nên cũng không thể thấy tội chỗ nào, cũng không thấy tội đang là chỗ nào. Tâm vị lai thì không thể nói lên được. Vì sao? Vì chưa sinh, chưa có, vì không có. Không có tưởng, không có niệm. Tâm hiện tại cũng không chỗ trú dừng, hoặc tâm khởi lên ý thì diệt, cũng không tụ hội, cũng không thể biết đi đến chỗ nào? Từ chốn nào đến? Cũng không thể biết xanh, cũng không biết đỏ, trắng vàng, đen. Tâm ấy không thể thấy, không có hình, cũng lại không thể nắm giữ, không có bạn, giống như ảo hóa. Với thân cũng không thể thấy ở trong, cũng không thể thấy ở ngoài, cũng không thấy ở chính giữa.

Phật dạy:

–Tâm ấy cũng không thể từ ái mà có thể thấy, cũng không thể từ sân, nộ mà có thể thấy, hoặc nằm mộng mà có thể thấy, hoặc tạo ra hoặc không chỗ tạo ra, tâm cũng không chỗ cho, cũng không chỗ nhận, vì tâm ấy vốn thanh tịnh, cũng không có tỳ vết, dơ bẩn, cũng không có tâm để trong sạch.

Phật lại dạy:

–Tâm kia cũng chẳng phải ở khoảng giữa này, cũng chẳng phải nơi khoảng giữa kia. Hoặc giống như ảo hóa nên không thể nắm giữ được. Vì sao? Vì không bạn bè. Ai biết như vậy thì không nên tạo tưởng chấp ấy, cũng không nghĩ có ngã, không ngã, cũng không nghĩ là có chỗ thấy, cũng không nghĩ là có chỗ trụ. Các pháp vắng lặng, không có tạo khởi, ai tin điều ấy thì không nhận đường ác. Vì sao? Vì không có chỗ nào là tỳ vết dơ bẩn. Tâm pháp kia cũng không chỗ sinh, cũng không chỗ vướng mắc.

Kẻ hóa nhân kia liền thưa:

–Lành thay! Lành thay! Như Như Lai, do Pháp thân mà tự thành Phật. Nay như lời Phật dạy mà biết: Đã có lòng tin thì không nghi, không tạo tội, không nhận lấy tội, không chỗ sinh, không chỗ diệt. Như các pháp con nguyện được làm Sa-môn.

Phật dạy:

–Như nguyện của ông.

Ngay lúc ấy hóa nhân kia liền như Sa-môn, lập tức bạch Phật:

–Chỗ phạm tội của con là giết cha mẹ nay đã giải thoát mà chứng đắc A-la-hán. Xin được Bát-nê-hoàn.

Phật dạy:

–Cứ theo như chỗ muốn của lòng.

Hóa Tỳ-kheo này bèn bay lên không cách đất hai mươi trượng, trong hư không liền nhập Niết-bàn, lửa từ thân phát ra lại tự thiêu đốt thân.

Kẻ giết mẹ kia thấy người này đã vào Nê-hoàn, nghe đầy đủ lời dạy của Như Lai thì tự nghĩ:

Chỗ tạo tác của người kia quá nghịch ác, nay làm Sa-môn mà được độ thoát vào Nê-hoàn. Tội của ta hãy còn có thể cải thiện, vì sao không tự quay về với Phật để cũng có thể đạt được như vậy?

Liền đến trước Phật tác lễ tự bạch:

–Việc làm của con là phi pháp tự giết mẹ mình, nay đem thân tự quay về với Phật.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Lời của ông bộc bạch là chí thành, không có khác. Như lời ông nêu thì nhận thức được lời dạy của Như Lai về chỗ tạo ra tội mà không che giấu. Lại nên quán xét pháp của tâm nghĩ đến tâm quá khứ, tâm vị lai, tâm hiện tại, chỗ nào là tâm giết hại mẹ kia? Tâm quá khứ đã không còn gì hết, cũng không ngoài, cũng không trong, cũng không nơi chốn. Tâm vị lai không thể nói ra được, cũng chưa sinh, cũng chưa có, không có tưởng, cũng không có chỗ tưởng. Tâm hiện tại không có chỗ trú dừng. Tâm có chỗ sinh thì hủy hoại, cũng không chỗ tụ, cũng không thấy có chỗ là nơi đến, cũng không thấy có chốn từ đâu lại. Tâm kia cũng không xanh, đỏ vàng, trắng, đen. Tâm kia không có hình tướng nên không thể thấy, không thể nắm giữ lấy, cũng không thể lắng nghe. Vì sao? Vì không có tiếng vang, không thể thu giữ, không có bạn, giống như trò ảo, không ở ngoài mà thấy thân, ở trong không chỗ nắm bắt, ở chính giữa cũng không có chỗ. Tâm kia cũng không vết nhơ, cũng không có ác, cũng không có nghi ngờ. Tâm kia không chỗ tạo tác, cũng chẳng có đối tượng tạo tác; không chỗ cho, cũng không chỗ được, vì tâm ấy vốn thanh tịnh, không có vết bẩn, cũng lại không sạch. Tâm kia cũng không tại đấy, ở đấy mà không đấy. Tâm kia như hư không, không thể thu giữ, không có bạn, người trí nào không niệm về tưởng này thì cũng không tạo sự ràng buộc, cũng không tạo ra trong sạch, không tạo ra có chỗ thấy, cũng không tạo ra chỗ nào, cũng không có chỗ để dừng, cũng chẳng có vướng mắc. Do tâm thoát cho nên không chỗ trở ngại, cũng không sinh chỗ ác, vì sao? Vì pháp của tâm cũng

không có chỗ vướng mắc, cũng không chỗ tụ họp, cũng không ở chỗ dừng của sinh tử.

Kẻ giết mẹ kia, bấy giờ nơi các lỗ chân lông trên thân, mỗi lỗ là lỗ lửa của Nê-lê, từ tất cả lỗ ấy tạo ra sự đớn đau không thể kể hết, liền tự giải bày:

–Nay con xin tự quay về với Như Lai, xin thương xót gia hộ khiến con được an ổn.

Phật bèn dùng tay màu vàng ròng đặt lên đầu người giết mẹ kia, ngay lúc ấy lửa dữ liền tắt, bệnh khổ cũng tiêu trừ, người kia quỳ trước Phật nguyện làm Sa-môn.

Phật dạy:

–Như điều ước muốn!

Khi ấy liền trở thành Sa-môn.

Như Lai đem pháp Tứ đế thuyết giảng cho kẻ kia, tức thì chứng được Pháp nhãn, thấu ngộ sự việc kia nên chứng quả A-la-hán, liền bạch Phật:

–Nay con muốn vào Niết-bàn.

Phật dạy:

–Như điều ước muốn của ông.

Sa-môn bèn bay lên hư không, cách đất một trăm bốn mươi trượng, ở trên đấy, thân liền phóng ra lửa, lửa xoay lại tự đốt cháy thân. Chư Thiên hàng trăm, ngàn người đều bay lên hư không để cúng dường.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Như Lai quả thật là bậc chí kính. Vì sao? Vì kẻ tạo điều ác đều khiến được giải thoát. Chẳng ai hiểu nổi ngoài Phật hoặc Văn-thù-sư-lợi và chư Bồ-tát chứng ngộ sâu xa bốn hoằng thệ nguyện thì mới biết được sự việc này. Ngoài ra, ở quả vị La-hán, Bích-chi-phật khó hiểu nổi nội dung của sự việc, còn như theo chỗ hành của mọi người thì làm sao hiểu hết được.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Như Lai chánh biến tri, ở chỗ nhẫn của Bồ-tát ấy chẳng phải là quả vị La-hán, Bích-chi-phật cũng chẳng phải là chỗ hành của mọi người. Vì sao? Ví như có người chỗ làm một nơi mà cái phải đạt được ở một ngả. Như vậy, hạng người nào nhận thức được tội tạo ra, biết phải vào Nê-lê, mà được sự dẫn dắt của ta thì không vào Nê-lê mà có thể đến Nê-hoàn. Còn hạng người nào tin ở mình phải vào Nê-hoàn thì ta biết họ phải vào Nê-lê. Vì sao? Vì họ có chỗ không biết thấu đáo về nẻo hành của mọi người.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Ông có thấy người giết mẹ kia nhập Bát-nê-hoàn không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Có thấy.

Phật dạy:

–Do người này đã từng cúng dường năm trăm vị Phật một cách trọn vẹn. Lần lượt từng vị Phật một theo nghe pháp mà tâm tịnh. Vì sao? Vì hiện lại được nghe pháp ấy mà Bát-nê-hoàn. Ai biết được pháp sâu xa, hội nhập chỗ vi diệu thì vui mừng phấn khích, tâm kia không còn sợ hãi. Nếu bị cái ác làm cho mê lầm, hoặc tâm kia không đầy đủ nên phạm thì phải giải thoát. Ai tin tâm pháp vốn trong sạch thì người này không rơi vào đường ác. Vì sao? Vì không bị trở ngại.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi cùng với chư Bồ-tát, Ma-ha Ca-diếp, Tỳ-kheo tăng, vua A-xà-thế và quần thần, quan thuộc cũng đến nơi chỗ Phật.

Xá-lợi-phất hỏi vua A-xà-thế:

–Nay nghe pháp nói về hồ nghi đã hiểu rõ chăng?

Vua liền đáp lời:

–Đã nghe, đã hiểu.

–Sao gọi là nghe? Khi thuyết giảng về hồ nghi không có chỗ được, cũng không có chỗ không được, không chỗ nắm giữ, cũng không chỗ xả bỏ. Lúc nghe pháp ấy thì từ nay về sau không còn cấu bẩn.

Khi ấy Xá-lợi-phất thưa Phật:

–Vua A-xà-thế chỗ tội còn lại như thế nào?

Phật dạy:

–Pháp mà vua A-xà-thế nghe được, giống như một hạt cải còn tội thì nặng như núi Tu-di.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Vua A-xà-thế phải vào Nê-lê chăng?

–Giống như Thiên tử Đao-lợi mặc y phục gọi là Chúng hảo bảo xuống đây rồi quay về lại cõi Đao-lợi. Vua A-xà-thế cũng lấy y phục, châu báu trang nghiêm nơi thân, giống như Thiên tử này từ trên lại xuống, tuy vào Nê-lê, Nê-lê tên là Tân Đầu vào trong đấy cũng không có khổ đau, rồi giống như Thiên tử trên đây, quay về lại chốn cũ.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Hay thay! Tội của vua A-xà-thế tạo ra như thế mà được giảm nhẹ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hiểu gì về vua này?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không biết.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vua A-xà-thế này do đã từng cúng dường bảy mươi ba ức Phật, từ nơi mỗi vị trong số chư Phật ấy thường được nghe pháp thâm diệu. Tâm vua không rời tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác vô thượng.

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

–Ông nhìn thấy Văn-thù-sư-lợi chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Có thấy.

Vua A-xà-thế xuất phát từ gốc nơi Văn-thù này mà đạt được tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng. Bấy giờ là thuở quá khứ thật xa xưa, có Phật hiệu là An Ẩn Giác, kiếp tên gọi là Vô trần cấu, do trong kiếp này, có ba ức ức người đều được sự khuyên bảo của Văn-thù-sư-lợi mà chuyển pháp luân.

Phật lại nói với Xá-lợi-phất:

–Chư Phật nhiều như cát sông Hằng, vì vua A-xà-thế thuyết pháp mà không hiểu được chỗ hồ nghi của nhà vua. Vì sao? Vì chỗ phát tâm của Văn-thù-sư-lợi phải từ sự hiểu biết về sự hồ nghi ấy. Đời đời vua A-xà-thế thường theo Văn-thù-sư-lợi nghe pháp sâu xa vi diệu.

Phật dạy:

–Bồ-tát vốn xưa có chỗ tạo tác, ai là Bồ-tát thì phải lấy cái gốc phát tâm cũ của mình làm nhân, để được sự hiểu biết. Nay vua A-xà-thế tuy vào Nê-lê song quay trở lại sinh lên cõi trời nơi phương trên, cách thế giới đây năm trăm bốn mươi lăm cõi, tên cõi ấy là Duy vị *(Hán dịch là Nghiêm tịnh)* Phật nơi cõi ấy hiệu là La-đà-na-ky-đầu *(Hán gọi là Tân hảo)*. Vị Phật ở đây cùng với Văn-thù-sư-lợi luôn hợp ý nhau. Với cõi này, muốn nghe hiểu được các điều thuyết pháp thì phải chứng đắc pháp nhẫn Vô sở tùng sinh thì Di-lặc làm Phật thì vua A-xà-thế từ cõi kia, sinh ra ở đất nước này, tên gọi của A-xà-thế vào lúc ấy là Bồ-tát A-già-khư-tỳ. Từ nhân duyên ấy, Phật Di-lặc đem pháp chỉ dạy cho các Bồ-tát. Pháp được thuyết giảng không quá dài, cũng không ngắn mà vừa phải, bình đẳng. Lúc đang thuyết về A-già-khư-tỳ: Về thuở quá khứ của Phật Thích-ca Văn, có vua tên là A-xà-thế nghe theo lời của người ác mà giết cha mình. Từ Văn-thù-sư-lợi, vua A-xà-thế nghe các pháp, sau khi nghe thì hoan hỷ tín nhận. Tội vua

tạo ra ngay lúc ấy không còn nữa. Khi Phật Di-lặc thuyết giảng pháp này thì có tám ngàn Bồ-tát đều đắc chứng pháp nhẫn Vô sở tùng sinh, trở lại sau tám a-tăng-kỳ kiếp, A-già-khư-tỳ đương hành đạo Bồ-tát để giáo hóa người, cũng đang làm thanh tịnh cõi mình. Người nào nghe pháp, hành đạo thì hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Bích-chi-phật, hoặc hành pháp Bồ-tát đều không còn phiền não cấu uế, tất cả không còn bị trở ngại. Mọi người đều sáng tỏ nơi trí tuệ, không còn chỗ hồ nghi. Vua A-xà-thế kia, như điều đã nêu thì tám a-tăng-kỳ kiếp về sau sẽ được làm Phật. Kiếp ấy tên gọi là Thóa-viết-tỳ-đà-biến *(Hán dịch là Hoan hỷ kiến)* cõi tên là A-già-đàm *(Hán dịch là Dược vương)*. Người nơi cõi ấy bị bệnh không ai là không chóng lành. Như Lai kia đương thời, hiệu là Duy-thủ-đà-duy-sa-da *(Hán dịch là Tịnh Kỳ Sở Bộ)*, thọ mạng là bốn tiểu kiếp, có bảy mươi vạn Thanh văn đều từ bố thí được giải thoát, đều phải biết tám Thiền duy vụ. Lúc ấy hiện có mười hai ức Bồ-tát, tất cả đều chứng nhập các tuệ hiểu tường tận phương tiện quyền xảo.

Sau khi Phật vào Nê-hoàn, pháp của Phật ấy trụ thế cho đến ức vạn năm về sau mới hết. Cõi kia, tất cả mọi người đến chết cũng không có hồ nghi. Sau khi mạng sống hết, không sinh vào tám nẻo ác. Vì sao? Vì do việc nghe pháp sâu xa vi diệu từ Phật, các bẩn cấu không hề bị vướng mắc.

Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Không thể xem thường mọi việc. Vì sao? Vì từ xem thường mà phạm tội kia.

Phật dạy:

–Ta biết rõ các điều con người tạo ra, những người khác còn không biết, nói chi là chỗ hướng đến! Chỉ có Phật mới nhận biết mà thôi.

Xá-lợi-phất nói với hội chúng:

–Việc này thật vi diệu, là hành lợi căn mới biết điều ấy. Từ nay về sau không dám nói tội của người này nêu phước của người kia. Vì sao? Vì nẻo hành trì của mọi người là không thể nghĩ bàn. Như chỗ Phật nói ra thuộc về vua A-xà-thế đã được quảng diễn. Bấy giờ, một vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng, tất cả đồng xin Duy-thủ-đà-duy-sa-da khi làm Phật, được sinh vào cõi ấy. Phật đều ấn chứng là khi làm Phật nơi cõi kia thì tất cả được sinh vào cõi ấy.

Vua A-xà-thế có con tuổi lên tám, tên là Chiên-đàn-sư-lợi, ngay lúc ấy liền lấy châu báu đang đeo nơi mình, mở ra tung lên chỗ Phật, liền nói:

–Do phát tâm Bồ-đề cầu đạo Chánh đẳng Chánh giác này nếu như Đức Duy-thủ-đà-duy-sa-da khi đó làm Phật thì con nguyện làm Già-ca-

việt-la. Về sau Phật Bát-nê-hoàn, con nguyện tiếp nối theo Ngài làm Phật thì chỗ vật báu tung lên đều hóa làm bảy báu đan xen nhau nơi hư không, ngang dọc ngay ngắn bằng phẳng, trong bảy báu có giường ngồi đầy đủ ngần ấy thứ ngọc ngà châu báu, những the lụa gấm vóc làm màn kia cũng lại như vậy, Phật an tọa trên giường ấy.

Khi đó, Phật mỉm cười, vô số màu sắc ánh sáng từ miệng Phật phóng ra đến khắp cùng mười phương, rồi quay về nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng và từ nơi đỉnh đầu Phật ánh sáng đi vào.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

–Như Lai không cười suông, phải có ý gì.

A-nan tán thán:

–Trí tuệ kia là rất cao vời, không chỗ trở ngại, đều biết rõ nẻo hành của mọi người, tùy theo chỗ muốn của họ mà chỉ bày, dẫn dắt, khiến đạt được sở nguyện. Trên trời dưới trời, ngôi vị đặc biệt tôn kính này chỉ có một. Ngài cười là có lý do của nó, nên cúi xin được nghe. Nếu mọi người nơi mười phương đều đứng trước nơi đây, từng người một thưa hỏi trăm ngàn ức việc, hẳn đều được giải đáp thỏa đáng không gặp khó khăn gì. Nụ cười ấy thuộc về ý nghĩa gì, xin được nghe lời dạy của Phật. Đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, Phật đều thấu hiểu sự việc một cách đầy đủ, không chút trở ngại. Nụ cười ấy thuộc về vấn đề gì, xin được xác định chỗ nghi ấy.

Ánh sáng của Phật vượt hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hơn hẳn Thích, Phạm, che lấp các núi Già-ca-hòa, khiến tất cả đều thấy rõ ánh sáng của Phật. Thấy rõ ánh sáng của Phật thì con người không chỗ nào còn bị vướng mắc. Vì sao? Vì Phật không hề có một chút cấu uế. Nụ cười ấy thuộc về sự việc gì, cúi xin Ngài làm sáng tỏ điều ấy.

Phật bảo A-nan:

–Chiên-đàn-sư-lợi này đã cúng dường Như Lai phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, dần dà đến khi Duy-thủ-đà-duy-sa-da làm Phật thì sinh vào cõi nước của Phật ấy, làm Già-ca-việt-la, đưa đám gia thất, nô bộc đi theo, sẽ cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng kia. Phật kia Bát-nê-hoàn, đứa trẻ này sau đó noi theo Phật ấy ở nơi Già-ca-việt-la thọ mạng hết lại sinh lên cõi trời Đâu-thuật. Thọ mạng hết lại từ cõi Đâu-thuật sinh vào cõi nước của Phật kia, tự thành Phật, hiệu là Chiên-đàn-ky-tôn, sở hữu tất cả như Đức Phật trước không khác. Thọ mạng của Phật này theo chỗ sở thích, các Thanh văn, Bồ-tát cũng tùy sở thích. Từ chỗ của vua A-xà-thế, các Bồ-tát khác, tất cả đều nói:

Như Văn-thù-sư-lợi ở các phương diện cũng như Phật, không có

không gian thời gian. Vì sao? Vì việc làm cùng với Phật không khác. Các Bồ-tát kia được sự chỉ dạy của Văn-thù-sư-lợi thì cũng không khác. Vì sao? Vì không sinh trở lại vào cõi ác, không sợ chúng ma, cũng không sợ tội, không chỗ nào bỏ cấu nhiễm. Hoặc nơi thành quách, quận, nước, huyện, ấp, hoặc ở chốn gò đống, nếu có sự tu học pháp kia, thọ trì kinh ấy, đọc tụng biên chép thì thấy những người này phải như thấy Phật không khác. Ở nơi nào mà được nghe pháp thì phải nghĩ đây chính là nơi chốn của Phật.

Phật bảo các Bồ-tát:

–Xét kỹ thì đúng như lời A-nan đã nói. Vì sao?

Về thời quá khứ xa xưa vô số a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Phật tên là Đề-hòa-kiệt đã thọ ký cho ta khi ta phát tâm Bồ-đề để cầu đạo quả Giác ngộ vô thượng và thành Phật. Ta lấy tóc trải lên đất thỉnh Như Lai đi chân lên đó, chính nhờ công đức này mà được lời thọ ký: "Ông trải qua a-tăng-kỳ kiếp về sau, sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Văn."

Khi ấy, Phật Đề-hòa-kiệt nói với các Tỳ-kheo tăng:

–Về chỗ được thọ ký không phải vì chân giẫm lên tóc trải nơi đất. Vì sao? Vì đó chính là chỗ tinh thần vô cùng tôn kính. Chư Thiên, dân chúng tất cả cùng chung quy kính nơi chốn ấy. Ở đây có ai nên dựng tháp?

Ngay lúc ấy, tám mươi ức Thiên tử đều nghĩ: "Ta muốn dựng ở đây", thì có Ca-la-việt tên là Bạt-đà-điều, liền bạch rằng:

–Con muốn dựng tháp ở đây.

Liền khi ấy tạo dựng tháp bảy báu, trang nghiêm, đẹp đẽ. Sau khi tháp xây dựng xong, Ca-la-việt đến chỗ Phật Đề-hòa-kiệt bạch:

–Việc làm tháp đã hoàn thành xin được hỏi Như Lai phước đức dựng tháp kia như thế nào?

Phật Đề-hòa-kiệt nói:

–Nếu Bồ-tát ở nơi chốn đạt được pháp nhẫn viên mãn như bánh xe mà tạo dựng tháp, thì phía dưới đi xuống tận biên vực của đất, chư Thiên, quỷ, thần, tất cả sẽ lấy đất kia để cúng dường thì đều như Xá-lợi không khác. Như vậy, chỗ nhận thọ ký của Bồ-tát nhất định đạt được pháp nhẫn, tròn như bánh xe, ở trong đầy bảy báu, trên lên đến cõi trời tam thập tam, đem bố thí Phật. Có người làm tháp này thì phước đức hơn hẳn trường hợp trên.

Vị Phật kia nói:

–Như ta thọ ký cho ma nạp này về sau làm Phật Thích-ca văn thì ông sẽ tạo dựng làm tháp này. Nhân công đức ấy nên sẽ theo Phật Thích-ca Văn

mà được thọ ký là a-tăng-kỳ kiếp về sau sẽ thành Phật.

Phật nói với chúng hội:

–Có biết Ca-la-việt Bạt-đà-điều thời ấy chăng?

Các người dự hội chẳng ai biết được.

Phật liền dạy:

–Nay ở trong hội đây, ông Ca-la-việt tên là Tác-la-nhất-da-xà.

Ngay lúc ấy, Như Lai, thọ ký cho Tác-la-nhất-da-xà:

–Ông sẽ làm Phật, hiệu là Tu-đà-phiến *(theo Hán thì tên gọi là Quyết Kiến)*.

Phật lại dạy:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà dốc sức biên chép kinh này hoặc đọc tụng vì mọi người giảng giải về pháp xứ kia viên mãn như bánh xe, các thứ cát bụi, dưới thì tận cùng biên vực của đất, trên thì đến trời Tam thập tam. Kẻ trí kia chỉ lấy một hạt bụi để cúng dường tháp. Vì sao? Vì Bồ-tát từ pháp này mà được nhẫn.

Phật dạy:

–Kẻ nam, người nữ nào đem bảy báu làm đầy khắp tam thiên đại thiên cõi Phật, ngày ba lần đem các báu ấy mà bố thí chỉ chuyên nghĩ về việc việc bố thí kia thực hành trong trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc lại đến trăm ngàn kiếp. Những ai nhất tâm đọc tụng phẩm A-xà-thế này, hoặc kính cẩn, hoặc tôn thờ, hoặc thọ trì đọc tụng vì tất cả mà thuyết giảng giải thích chỗ trí tuệ trong kinh ấy. Những ai hướng lòng tin đến kinh thì cũng không khác. Phước này vượt hơn việc làm bố thí với công đức như trên. Người nam, kẻ nữ nào trong trăm kiếp gìn giữ giới tịnh nhưng vừa nghe pháp này, tâm tin, vui, mừng thì phước kia hơn hẳn chỗ giới tịnh ấy với công đức như trên. Tuy làm người bị đánh, đập mắng, chửi trăm kiếp mà tâm không hề giận dữ thì đấy là nhẫn nhục. Những ai nghe pháp này, hướng sự tin tưởng vào việc hành nhẫn thì phước đức hơn hẳn chỗ nhẫn nhục với công đức như trên. Những ai trong trăm kiếp mà tinh tấn, cung kính, phụng sự mọi người, không cho đó là việc cực khổ, cũng không tiếc thân mạng và những ai nghe, tin pháp này, làm cho mọi người hiểu rõ sự việc trong kinh, thì phước ấy hơn hẳn sự tinh tấn như trên. Những ai đem thân trong trăm kiếp hành trì Thiền, không bằng đem pháp này giáo hóa mọi người, thì công đức kia hơn hẳn việc hành trì thiền như trên. Nếu có trăm kiếp tu tập trí tuệ nhưng nghe pháp này hiểu rõ tâm vốn thanh tịnh thì công đức ấy hơn hẳn trường hợp trên đây.

Các Bồ-tát đều bạch Phật:

–Chúng con đều sẽ dốc sức phụng hành, đạt đến các cõi Phật rồi sẽ đem pháp mà giáo hóa con người.

Phật nói với các Bồ-tát:

–Các ông dốc lòng phụng hành giáo pháp. Tất cả việc làm của các ông đều như Phật không khác. Vì sao? Vì hành pháp ấy mới hiểu rõ Phật sự.

Tất cả các Bồ-tát đến hội đều dùng hoa cúng dường, tung lên chỗ Như Lai, biến khắp cả cõi tam thiên đại thiên. Chư Bồ-tát mỗi người tự nói lên pháp này thật sự là tôn quý. Mong pháp của Phật Thích-ca Văn giảng nói, sẽ tồn tại lâu dài nơi cõi Diêm-phù-lợi để đem lại sự sáng suốt.

Văn-thù-sư-lợi luôn sẽ an trụ lâu dài. Vì sao? Vì thường phải theo dõi lắng nghe pháp thâm diệu.

Các Bồ-tát nói:

–Dù phải nát thân này cũng chưa đủ để báo đáp ân kia.

Phật dạy:

– Kẻ nam, người nữ nào theo người khác nghe pháp này thì không đem thân báo ân kia. Muốn thấy Như Lai thì nhìn vào người nam, kẻ nữ kia, xem họ đã nghe được pháp nơi chốn nào, phải cúng dường họ như Phật. Những ai có lòng tin vào pháp này thì nhìn họ như thấy Phật.

Các Bồ-tát đều từ tòa ngồi đứng lên tác lễ Phật Thích-ca văn. Trong thoáng chốc, ở đây không còn thấy Bồ-tát. Mỗi vị đều trở về lại cõi của mình. Do pháp này mà tự ở nơi trú xứ vì tất cả mọi người giảng nói đầy đủ, nói lên được chỗ trí tuệ này. Người nghe pháp này thì nhiều vô số, họ đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Giác ngộ vô thượng.

Phật nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Nắm giữ được pháp này thì phải dốc tâm đọc tụng, phải vì tất cả mọi người nói sự việc kia một cách rộng rãi, phải thể hiện tâm từ bi cả trên trời lẫn dưới trời và cùng tất cả mọi nơi chốn.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Về thời quá khứ, từ các trụ xứ của Phật, con đã nghe pháp này. Gìn giữ, đọc tụng, nay lại nghe pháp này, nên cũng phải vì tất cả mà thuyết giảng rộng rãi. Mặc dù Như Lai Bát-nê-hoàn, sau đó, con ở cõi trời Đâu-thuật, song người nữ, kẻ nam nào muốn học pháp này, con đều khuyến khích, giúp đỡ bảo hộ họ. Vào đời sau cùng, khi tất cả pháp sắp chấm dứt, nếu có kẻ nào nghe được pháp kia, nơi chốn nào có kinh này, thì biết rằng

đó đều là chỗ bảo hộ của con. Hoặc có ma trong đạo nhằm hủy hoại chánh pháp thì con phải hộ trì, khiến ma không thể dễ dàng phá hoại.

Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Phải gìn giữ kinh này, đọc tụng, dứt hết các hồ nghi. Nếu A-tu-luân dấy động khởi binh, muốn đến tấn công Thiên chủ thì nên niệm kinh này tất được thắng lợi, quân binh của A-tu-luân liền bị đẩy lùi.

Phật lại dạy:

–Nếu có quận, nước, huyện, ấp, gò, hoặc chốn đống nơi nào phụng thờ kinh này thì đều phải đến hộ trì. Ai gặp phải nạn quan quyền, hoặc phải đến cửa quan thì nên niệm kinh này. Đi trong chốn giặc cướp thì phải niệm kinh này. Hoặc bị giặc cướp bắt đánh thì phải niệm kinh này. Hoặc tại đồng hoang quạnh quẽ, nên niệm kinh này. Hoặc gặp oan gia, hoặc cùng với oan gia đắc ý, thì nên niệm kinh này. Ai có lòng chí thành đối với pháp ấy thì không điều gì mà không được thuận lợi.

Phật bảo A-nan:

–Gìn giữ kinh này, dốc tâm đọc tụng, lại vì tất cả mà thuyết giảng về pháp kia. Nếu có người nam, kẻ nữ, được nghe pháp này thì đều không còn hồ nghi. Các hồ nghi đã hoàn toàn hết thì cũng không còn chỗ che giấu tội, không còn bị sinh tử che lấp cũng không ở trong đạo rời xa chỗ che chở của pháp. Tất cả những ai tạo tác theo tà đạo thì không còn làm theo nữa. Suốt đời không cùng với ma sự gặp nhau. Vì sao? Vì có được diệu dụng của sự nghe pháp ấy. Những ai đã tạo nghịch ác, nghe pháp này mà tín, vui, hoan hỷ thì dứt bỏ không còn tạo tác nghịch ác nữa, cũng không nhận tội nghịch, ác.

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Con chứng biết pháp này là nhờ Văn-thù-sư-lợi, khi thuyết giảng pháp ở chỗ thọ trai nơi cung điện của vua A-xà-thế, giải tỏa việc làm nghịch ác. Lúc ấy, được sự hoan hỷ, tín nhẫn đều từ việc giải tỏa hồ nghi. Nay con thuyết giảng pháp ấy ai có phạm tội nghịch ác thì theo pháp nhẫn này đều được giải thoát, cũng như vua A-xà-thế.

Ngay khi đó, Ma-ha Ca-diếp lại nói:

–Mọi người vốn đều thanh tịnh nhưng tự tạo sự trái ngược cho là ngã sở, phi ngã sở cũng không tự biết cái gốc thanh tịnh của mình, đều đem cái trong sạch kia tạo ra tội cho mình thì sự giải thoát không còn, như vua A-xà-thế. Đấy là do cái ngu của mọi người, chỗ làm ngược lại để tự giết mình, do vậy mà nhận lấy nỗi khổ sở nhọc nhằn, liền vào Nê-lê.

Ma-ha Ca-diếp nói:

–Ai phụng thờ, tín, vui nơi pháp ấy, thì chúng ta chứng nhận cho họ không rơi vào đường ác.

Phật dạy:

–Như chỗ nêu bày của ông thì tất cả chư Phật, Bồ-tát tâm hoàn toàn thanh tịnh.

A-nan lại bạch Phật:

–Cúi xin Như Lai khiến cho người đời sau luôn gặp được pháp này.

Như Lai lúc ấy, từ tướng thân phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp vô số cõi Phật. Các thành tường, cây cối đều phát ra âm thanh. Pháp kia phải là như thế. Vì sao? Vì hoặc kiếp hết, lửa cháy bốc lên, người nào được nghe thì tụ hội lại để nghe. Nếu đáng được nghe pháp này thì tuy đang ở trong biển cũng quay về để được nghe pháp này.

Phật bảo A-nan:

–Như nơi thành, tường, cây, cối, âm thanh của chúng phát ra có thể nghe được thì theo như lời Phật dạy mà xét, ai đã tạo công đức, đã hành pháp Đại thừa thì đời sau đều lại được nghe pháp ấy.

Khi thuyết giảng kinh này, chư Thiên và người gồm chín vạn sáu ngàn đều chứng đắc đạo Tu-đà-hoàn. Bảy vạn tám ngàn người đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, tám ngàn người chứng được đạo A-la-hán. Đất nơi tam thiên đại thiên đều chấn động đủ sáu cách. Mọi tối tăm đều thông mở, tất cả đều sáng lên. Các Thiên tử cõi Dục, các Thiên tử cõi Sắc, dùng vô số kỹ nhạc để cúng dường Phật, đều lấy hoa trời, hương trời tung lên chỗ Phật, cùng tỏ bày:

–"Gọi là pháp luân, thì những người nghe pháp này đã đạt đến cho chuyển pháp luân." Các ngoại đạo nghe pháp này liền tự hiểu, nhân đấy khiến họ chịu khuất phục thì Bồ-tát nên ấn chứng cho họ. Những ai được ấn chứng ấy thì có thể tu tập đi đến đạo tràng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, vua A-xà-thế, chư Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi là phần căn bản, các Tôn giả, Thanh văn Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, A-nan là phần căn bản. Chư Thiên, Kiền-đà-la, mọi người nghe Phật thuyết giảng kinh rồi đều đến trước Phật cung kính đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 627

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHỔ SIÊU TAM-MUỘI

Hán dịch: Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

PHẨM 1: CHÁNH SĨ

Nghe như vầy:

Một thuở, Đức Phật hành hóa trên núi Linh thứu tại thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm ba vạn hai ngàn vị, tám vạn ngàn Bồ-tát đều đạt đến bậc Thánh không chỗ nào chẳng sáng tỏ, là bậc Sa-môn Đại sĩ, đã đạt thần thông, đã được Tổng trì biện tài vô ngại, chứng đắc pháp nhẫn Vô sở trước bất khởi, hiểu rõ định hạnh, thấy được tâm của chúng sinh để tùy nghi hóa độ mà vì họ thuyết pháp, trời Tứ Thiên vương, trời Đế Thích, vua trời Phạm Nhẫn và còn vô số các trời, rồng thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Già-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, nhân phi nhân… mỗi loại có hàng trăm ngàn chúng đều đến trong hội.

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Nhuyễn Thủ đang ở trên sườn một ngọn núi khác, cùng với hai mươi lăm vị Chánh sĩ mà giảng luận đạo pháp. Tên các vị Bồ-tát đó là Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát Long Thí, Bồ-tát Thủ Cụ, Bồ-tát Thủ Tạng, Bồ-tát Liên Thủ, Bồ-tát Liên Thủ Tạng, Bồ-tát Trì Nhân, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Sử Tử Bộ Lôi Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Phát Ý Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Biện Chư Cú, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Hải Ý, Bồ-tát Đại Sơn, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Sát Vô Ngạn, Bồ-tát Du Vô Tế Pháp Hạnh, Bồ-tát Siêu Ma Kiến, Bồ-tát Vô Ưu Thí, Bồ-tát Chư Nghị Cáo. Đó là hai mươi lăm vị Chánh sĩ. Trên trời Đâu-suất có bốn vị Thiên tử đều đứng hầu sau Bồ-tát Nhuyễn Thủ, những vị Thiên tử đó là: Thiên tử Phổ Hoa, Thiên tử Quang Hoa, Thiên tử Mỹ Hương, Thiên tử Thường Tấn Pháp Hạnh. Lại có nhiều vô số kể các Thiên tử khác đều đến đó đứng hầu.

Những Chánh sĩ, các Thiên tử ấy cũng đều ngồi lại lần lượt giảng giải, bàn luận hỏi rằng:

–Thưa Nhân giả! Muốn biết trí tuệ của Phật rộng khắp vô hạn, không thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng lượng, không thể diệt độ đến cõi cùng cực, không thể dùng cái ý tưởng nhỏ mọn mà tư duy nguồn cội của áo giáp đại đức. Phải dùng cái phương tiện thệ nguyện gì để mặc áo giáp giới đức mà có thể đạt tới Đại thừa, Phật thừa, các thông tuệ thừa, bất khả tư nghị thừa, để cho những điều ấy ứng hợp với đạo ư?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Tích lũy công đức chẳng biết nhàm chán, kiến lập phúc lộc tốt lành chẳng thể hạn lượng mà chẳng hủy hoại áo giáp giới đức. Tất cả việc đã làm không mong cầu gì thì điều ấy ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa vậy.

Bồ-tát Long Thí nói:

–Tâm bình đẳng rộng khắp, điều hòa ý chí, tính thấm nhuần, ý nhu nhuyến, mà lòng nhân hậu kiên trì an trụ chính nguyện. Bằng các thông tuệ, mặc giáp giới đức, hóa độ sinh tử thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Thủ Cụ nói:

–Số kiếp nhiều không kể xiết hướng về Đại thừa, mặc giáp giới đức, đối với số kiếp chẳng nghĩ đến kiếp số thì ứng với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Thủ Tạng nói:

–Những ai tự kiến lập, an ổn cho riêng mình thì chẳng thể đạt đến thông tuệ của Đại thừa, bỏ sự an vui của mình, kiến lập cho chúng sinh, muốn cho luôn có sự an vui lớn, khiến chẳng cầu mong cũng không chỗ khởi. Khuyến tấn mọi người đứng vững nơi đạo pháp thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Liên Thủ nói:

–Này chư vị! Còn nhớ Như Lai đã giảng rằng: Giả sử có người tự chẳng nhu thuận, không có tịch tĩnh, chẳng theo Luật dạy mà muốn điều phục tịch tĩnh cho người khác, đem Luật khuyên người, thật chưa từng có vậy! Tự mình điều thuận tịch tĩnh, tuân theo luật pháp mới có thể hóa độ, khích lệ được kẻ cang cường, rối loạn, ức chế được kẻ phạm cấm giới. Như thế thì ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa vậy.

Bồ-tát Liên Thủ Tạng nói:

–Kẻ cùng ở trần lao sống theo pháp thế gian thì chẳng hóa độ được cuộc đời. Những ai chẳng cùng trần lao sống theo pháp thế gian thì mới

có thể độ được đời. Vậy nên Bồ-tát có lợi, không lợi, hoặc khen, hoặc chê, có danh, không danh, hoặc khổ, hoặc vui, chẳng động, chẳng lay thì mới ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Trì Nhân nói:

–Không thể theo người khác mà đạt đến các thông tuệ Đại thừa. Ta riêng một mình mà không có bè bạn. Do vì chúng sinh nên thề mặc áo giáp đức, thiết lập sự hộ trì tất cả thì ta đã kịp thời đến cứu tế, ủng hộ, luôn tinh tấn dù trong chốc lát cũng chẳng biếng nhác, giáo hóa dân chúng, kiến lập, phát khởi học tập. Đó là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Trì Địa nói:

–Ví như các Nhân giả được sự nâng đỡ của đất, tất cả các loại trái cây, trăm thứ hạt để ăn, dược thảo, cây cối đều nhờ đất mà sinh, nhưng đất không vứt bỏ thứ gì, cũng chẳng cầu báo đáp. Dân chúng, mọi thứ, mọi loài đều nhờ đất mà sống. Đất chẳng từ chối, chán nản, chẳng mệt nhọc, Khai sĩ, Đại sĩ cũng phải như vậy, phải phát tâm như đất, tâm không chỗ chấp trước, chẳng đem vui, giận khuyên bảo lê dân khiến họ hướng về Phật tuệ mà không nghĩ tưởng đến việc báo đền. Ấy là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Bảo Chưởng nói:

–Nhân giả nên biết! Mặc giáp đức cao thượng mới đến được Phật tuệ, không thể bại hoại khiến phải bỏ Đại thừa, dù ở trong mộng cũng chẳng để tâm vào hai thừa: Thanh văn, Duyên giác, thường dùng tâm thật, các tâm thông tuệ, vì người giảng giải, tuyên nói với tấm lòng trân quý không chỗ tham trước, không chỗ ái kính, khuyên chúng Đại thừa thề mặc áo giáp đức. Học thừa của họ không phải không có thừa, chẳng tăng, chẳng giảm. Tâm họ như vậy, không chỗ kính mộ thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thấy chúng sinh rơi vào trong sáu đường mà phát tâm thương xót, ban ân huệ cho chúng sinh, làm người trao cho họ giáo pháp. Họ không tin thì làm người tạo cho họ lòng tin. Họ thiếu trí thì làm người giúp cho họ nghe rộng hiểu nhiều. Họ xan tham thì làm người làm cho họ có trí tuệ. Họ phạm giới thì làm người giúp họ hộ trì giới cấm. Họ sân hận thì làm người cho họ hạnh nhẫn nhục. Họ biếng nhác thì làm người giúp họ tinh tấn. Họ loạn ý thì làm người khiến họ được nhất tâm. Họ tà trí thì làm cho họ có trí tuệ. Cứ tùy theo chúng sinh xa rời pháp thanh tịnh nào mỗi mỗi đều ứng thời thiết lập đầy đủ các pháp đối trị. Bậc Khai sĩ tạo nhiều thủ ấn của gốc đức ấy, đưa đến ba món báu.

Những gì là ba? Đó là:

1. Kiến lập đủ cho quần sinh trí tuệ Phật, khuyến khích, giúp đỡ họ đến với Bảo ấn thủ.

2. Đã thành tựu cội gốc công đức là Bảo ấn thủ.

3. Nghĩ tất cả pháp như hư không là Bảo ấn thủ.

Kiến lập lên như thế nào là ba báu. Đó là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

–Các Nhân giả nên biết! Nếu mặc áo giáp Vô úy thì không sợ hãi. Những áo giáp đức đã thề mang vào như: Áo giáp không khó, áo giáp không ngăn ngại, áo giáp không khiếp nhược, áo giáp không biếng nhác. Đó chính là Phật tuệ. Vậy hành giả chẳng nên kinh sợ, không khó, không ngại, không khiếp nhược, không biếng nhác, lìa khỏi ách nạn, chẳng rởn lông kinh sợ, từ đầu đến cuối không lỗi lầm dơ bẩn, cũng chẳng ngưỡng mong đức của Nê-hoàn, bình đẳng an trụ trong khổ vui mà không hai hạnh. Như vậy là ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa.

Bồ-tát Sư Tử Bộ Lôi Âm nói:

–Các Nhân giả nên biết! Những việc chẳng phải tài hạnh thấp hèn kia là đã kiến tạo nên người Chánh sĩ.

Người Chánh sĩ hướng về bình đẳng, rời khỏi tà kiến.

Người Chánh sĩ lòng chất phác mà không dua nịnh.

Người Chánh sĩ lao nhọc, khiêm nhường, nhu thuận, tôn thầy, kính Thánh.

Người Chánh sĩ siêng học, chẳng biết mệt mỏi. Đã học thì học đến tận nguồn gốc.

Người Chánh sĩ kính mừng chánh trị, kiến lập chánh nghiệp.

Người Chánh sĩ nếu có muốn là muốn xả bỏ những pháp ô uế.

Người Chánh sĩ nếu có sân giận thì ý không có oán kết.

Người Chánh sĩ nếu có ngu si thì dùng trí tuệ chiếu trừ tối tăm.

Người Chánh sĩ tịch nhiên, rỗng lặng, gần với kho tàng định.

Người Chánh sĩ bố thí đầy đủ ân huệ và mọi tai nạn, bần khổ đều được cứu tế ngay.

Người Chánh sĩ giữ gìn thân, miệng, ý, trong sáng mà lặng yên.

Người Chánh sĩ lời nói việc làm tương ứng, tánh tình chất phác, ngay thẳng.

Người Chánh sĩ chí đã kiên cường, ưa chuộng pháp chân đế.

Người Chánh sĩ lìa phi pháp, gần gũi hộ trì chánh pháp, ưa hộ trì chánh pháp.

Người Chánh sĩ khinh thường thân mạng mình nhưng chẳng bỏ rơi chúng sinh.

Người Chánh sĩ đã vang dậy danh tiếng, thích bố thí nhưng lòng không ham thích.

Người Chánh sĩ chí thuần thục đạo pháp, tiêu trừ hóa giải hết hung ác, giả trá.

Người Chánh sĩ thì đem kho báu cứu tế nghèo thiếu.

Người Chánh sĩ là thuốc hay trị lành các bệnh tật.

Người Chánh sĩ hộ trì những kẻ sợ hãi, khiến họ được tự trở về.

Người Chánh sĩ dắt dẫn các tà kiến đến chỗ không bờ bến.

Người Chánh sĩ gắng sức tế độ nhọc nhằn, dơ bẩn, khuyên đến với kinh điển.

Người Chánh sĩ nhẫn nhịn điều hòa sân giận mà thuận theo điều cần nên làm. Vậy nên, kiến lập pháp của bậc chánh sĩ, đó chính là ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa vậy.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Tu bằng lòng Từ vô lượng hư không. Hạnh tinh tấn kia chưa từng phế bỏ hạnh đại Bi, các căn vui mừng đều lộ vẻ hớn hở. Đối với các ái dục đã được vui sướng xem như hư không, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ đều cũng như hư không thì ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa vậy.

Bồ-tát Phát Ý Chuyển Pháp Luân nói:

–Phát tâm Bồ-tát, đã phát tâm thì chẳng nên phát tâm để cho ma phá hoại được, không để cho Như Lai vui mừng, không để cho trời người chẳng vui mừng, không để cho gốc đức bị hao tổn. Nếu muốn xây dựng đạo ý thì phải tùy thuận khuyến dụ, khiến cho chúng ma tệ ác chẳng làm hại được. Phát tâm mà thuận theo ý Như Lai thì trời, người vui mừng, chẳng mất gốc đức mà bản thân đã tạo nên. Tu được tất cả sự phát tâm như thế tức là chuyển bánh xe pháp. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy, các nhân duyên phát tâm của họ là không có chỗ sinh. Họ hiểu rõ các pháp hằng không sinh khởi. Chư Phật Như Lai thuận theo Chánh giác để chuyển pháp luân. Phát tâm mặc áo giáp giới đức như vậy là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa.

Bồ-tát Biện Chư Cú nói:

–Người Chánh sĩ nên biết! Cái đạo tâm ấy là người Chánh sĩ vào khắp trần lao, sân hại, hữu lậu, vô lậu, hữu vi vô vi, cũng vào nơi tội lỗi mà không hệ lụy trong tội lỗi, cũng vào trong việc thiện, cũng vào pháp thế gian để độ pháp thế gian, cũng vào những điều chấp là đoạn diệt và thường còn, cũng vào những việc của các ấm, các suy, các nhập, cũng vào đất, nước, gió, lửa. Vì sao? Vì phần các nhân duyên đều tự nhiên. Cái tánh vốn thanh tịnh, ở đâu nếu đã có lời nói thì tất cả mọi thuyết giảng đều là rỗng không và không có sở hữu. Ví như hư không chỗ nào chẳng vào được. Đạo tâm như thế sẽ đến khắp tất cả, Bồ-tát với trí tuệ như thế thì trừ bỏ tất cả văn tự, biện tài, phân biệt được các trần là kiến lập được tuệ biện tài. Nếu có thể vào được Nhất thánh trí như thế tức là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Biện Tích nói:

–Tất cả điều đã nói đều không có lời để nói. Tất cả âm thanh là những gì không thể có được. Bồ-tát với trí tuệ như thế thì lời tốt, lời xấu đều chẳng vui chẳng thích. Ví như núi Thái sơn, gió thổi đến thì liền bị dội lại mà núi chẳng lay động. Bồ-tát được như vậy thì đối với các học phái khác tất cả lời nói của chúng sinh chẳng làm lay động được. Các pháp ngoại đạo cũng không trụ chấp như Như Lai đã nói: Đối với pháp ngoại đạo các pháp khác phải quan sát, không vì đó mà để tăng giảm, cũng không rối loạn tâm mình. Thấy hết các biện tài, tất cả các pháp. Thấu rõ tường tận các pháp mà chẳng tự cao, cũng không chỗ suy nghĩ. Bồ-tát hay tu hành tuệ như thế thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Hải Ý nói rằng:

–Bồ-tát đã vào thì như vào biển, hiểu rõ đại đạo, tất cả Thanh văn chẳng thể bì kịp. Bồ-tát tin ưa chuyên tâm vào một pháp vị vào bao nhiêu pháp cũng không có nhiều pháp. Bồ-tát quan sát pháp thâm diệu chưa từng bị mê loạn. Đối với pháp duyên khởi chẳng tăng, chẳng giảm, đối với các kinh điển không thấy có nhiều. Đó gọi là không sinh, không khởi. Tất cả chúng sinh khởi nghiệp vì chẳng trồng gốc đức. Phước là không cùng tận. Việc giáo hóa không giới hạn. Bồ-tát phải phân biệt rõ, bỏ đi quan niệm đoạn diệt và thường còn, chẳng thọ lãnh các pháp, chẳng đoạn dứt các pháp phải kiến lập ý chí làm vô lượng pháp khí. Bồ-tát chẳng quên xả pháp, tu tập các thông tuệ, cũng chẳng bỏ pháp đem pháp bình đẳng vì chúng sinh thuyết giảng. Bồ-tát phải tu tập tất cả các pháp thiện đức, đầy đủ vô số pháp Phật như thế. Đem tấm lòng như vậy mà

mặc áo giáp giới đức thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Đại Sơn nói:

–Các Nhân giả nên biết! Thừa này vượt trên cả thế gian thì gọi là Phật tuệ. Hạnh ấy đã nhập vào thì chẳng thể hạn lượng. Do vậy nên vượt qua tất cả chí tánh của thế gian. Đã có thể vượt qua được hành vi thế gian thì chỗ tin tưởng vượt quá thế gian. Đã vượt quá thế gian về Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ cũng như vậy, đều có thể vượt qua tất cả tuệ của thế gian. Việc tạo phước hơn cả mọi phước lộc của thế gian. Như vậy mới ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

–Giả sử Bồ-tát mắt thấy sắc mà không ghét, sắc đó tự nhiên thì tâm kia thanh tịnh. Tai nghe tiếng cũng không ghét. Âm thanh tự nhiên thì tâm thanh tịnh. Mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, tâm hiểu các pháp. Đối với cõi sáu tình mà không ghét. Cõi sáu tình ấy tự nhiên vắng lặng thì tâm thanh tịnh. Không đem lòng yêu ghét thì tâm thanh tịnh. Quan sát chúng sinh thuận theo pháp Phật thì không pháp khí nào không tương ứng. Lại nữa chúng sinh ở trong tà kiến, cũng thấy như ở trong pháp khí của Phật. Người tự yêu mình, ở với vua chúa hoan hỷ theo tập tục, có dịp ban cho lại liền răn bảo, thì tôn kính ngang bằng như thế. Hành hóa của Bồ-tát Đại sĩ như thế thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Hỷ vương nói:

–Giả sử có người mắng nhiếc, bài báng, khinh dễ, hủy nhục, đánh đập… Bồ-tát đối với việc này, lòng chẳng ôm hận mà còn vui mừng, đem tư tưởng bạn lành đối đãi với kẻ đối nghịch, thị hiện sức nhẫn để nhẫn nhục được. Trong lòng vui vẻ tư duy pháp ấy. La mắng chỗ nào? Ai là kẻ la mắng? Tin hiểu bên trong rỗng không. Tự thấy thân mình, lại thấy người khác thì hoan hỷ, liền có thể đem thân mạng, các chi phần như: đầu, mắt, tay, chân, vợ, con trai, con gái, quốc gia, thành ấp, xóm làng, của cải, lương thực, đồ trân báu ban cho… Lòng càng thêm hớn hở. Nghe được một câu kệ tụng mà bỏ đi vương vị Chuyển luân của vinh hiển ở đời cũng đành. Thường ưa vì người giảng nói kinh pháp, chẳng ham thích ngôi vị Đế Thích. Nghĩ rằng khai hóa được một người khiến phát đạo tâm, chứ chẳng cầu về cõi Phạm thiên. Nguyện được thấy Như Lai chứ chẳng tham nơi tam thiên đại thiên thế giới đầy trân bảo quý giá. Từ khi sinh ra đã thông đạt, chẳng thiếu các căn, ưa kính nhận đạo pháp, vui vẻ tạo hạnh như vậy là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Vô Sát kỳ nói:

–Giả sử thấy tất cả pháp đến "bờ kia" chẳng rơi vào tham thân thanh tịnh các cõi Phật, nhìn thấy các cõi Phật cũng đều thanh tịnh, cũng không tưởng, hành, thấy tất cả các Đức Phật không phát sinh sắc tưởng, thấy được tư tưởng của chúng sinh tuy có Nhục nhãn nhưng nhìn tội phước thanh tịnh đầy đủ Thiên nhãn không bị hủy hoại, tuy có được Tuệ nhãn, lìa khỏi các phiền não mà vẫn tin ưa Phật nhãn, thành tựu đầy đủ mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đã được Pháp nhãn đầy đủ mười lực Như Lai, giả sử Bồ-tát đã mặc áo giáp đức tin để hành hóa như vậy tức la ứng với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Du Vô Tế Pháp Hạnh nói:

–Này các Tộc tánh tử! Các Nhân giả nên biết, tất cả duyên mà Bồ-tát đã làm đều quy về các tuệ thông mẫn. Vì sao? Vì quán tất cả nhân duyên vốn chẳng trụ ở trong, chẳng ở bên ngoài, chẳng tại miệng nói. Giả sử Bồ-tát chẳng trụ nhân duyên, cũng chẳng ngự trị chướng ngại của phiền não, cũng chẳng khuyến dẫn chướng ngại tội phước, không chướng ngại báo ứng… không chướng ngại các căn… không chướng ngại các pháp… không chướng ngại phi tuệ… Đã qua khỏi tội phước phiền não ma giới thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Siêu Ma Kiến nói:

–Các Tộc tánh tử! Đã trụ nơi ngã, ngã sở chấp bản thân mình tức ở với trong nghiệp của ma; đã đoạn dứt ngã, ngã sở chẳng thấy hư vọng, đã trừ kiến chấp thì không còn các ấm. Đã trừ các ấm thì chẳng thấy ma, đã qua khỏi các cảnh giới ma thì liền thành tựu Vô ngại giải thoát môn. Bồ-tát đã thành tựu Vô ngại giải thoát môn thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Vô Ưu Thí nói:

–Các Nhân giả nên biết, kẻ phạm ác về sau phải chịu nước sôi, lửa bỏng. Người làm nghiệp thiện về sau không lo lắng. Vậy nên, Bồ-tát phải tu nghiệp lành, điều đã làm thì không thể sai sót, điều đã tạo dựng thì về sau không phải hối hận, không gì ngăn ngại được. Giả sử chúng sinh buồn lo chẳng vui thì Bồ-tát vì họ thuyết giảng pháp xa lìa lo buồn. Hành hóa như vậy của Đại sĩ Bồ-tát thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Bồ-tát Chư Cáo Nghị nói:

–Thưa các Tộc tánh tử! Có bậc sĩ phu phụng trì cấm giới thì sở nguyện của họ ắt phải được, đã đạt được sở nguyện, sự đạt được này có được là do không buông lung, đã kiến lập được không buông lung thì đủ các phẩm pháp đạo, đã kiến lập đủ các phẩm pháp đạo thì các thông tuệ

giới cấm đều chân chánh vậy. Bồ-tát đã an trụ nơi pháp không buông lung thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Thiên tử Phổ Hoa nói:

–Thưa các Tộc tánh tử! Ví như khi cây đầy hoa thì đem lại lợi ích cho tất cả mọi người. Bồ-tát dùng gốc công đức để tự trang nghiêm thì giống như cây hoa tươi tốt, đem lại nhiều lợi ích cho muôn dân. Như cây Trú độ của trời Đao-lợi luôn nở rộ chư Thiên của trời Đao-lợi không ai không kính ngưỡng. Bồ-tát dùng các pháp môn để tự trang sức mình như thế thì chư Thiên, Rồng, Thần, Kiền-đạp-hòa, Người, A-tu-la, không ai không tôn kính. Ví như vầng trăng sáng trên trời không chút bợn nhơ, đầy đủ các đức như bậc Khai sĩ chí tánh thanh tịnh, đức nghi hiển hiện đầy đủ thì ứng hợp các thông tuệ Đại thừa vậy.

Thiên tử Hoa Quang nói:

–Thưa các Tộc tánh tử! Ví như mặt trời mọc diệt trừ hết các tối tăm, xưa nay ánh sáng vẫn hiển hiện. Cũng như vậy Bồ-tát ban cho đời đầy đủ ánh sáng trí tuệ, đạo pháp trí tuệ, vì các chúng sinh ngu tối vô minh mà hiển thị ánh sáng lớn, dẫn đường cho chúng sinh đến với pháp tự nhiên. Các u tối kia chẳng có thể che lấp được ánh sáng. Ánh sáng kia thì có thể tiêu diệt được các tối tăm. Bồ-tát dẫn đường chỉ lối cho chúng sinh an trụ nơi nẻo chánh. Bồ-tát Đại sĩ thấy chúng sinh ở nơi đường tà thì hiện đường chánh làm cho an trụ nơi nẻo chánh thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Thiên tử Tâm Hoa Hương nói:

–Thưa các Tộc tánh tử! Ví như cây tâm hoa, hương thơm của nó xông ra khắp bốn ngàn dặm. Mùi hương ấy không thể tưởng. Cũng như vậy, Bồ-tát đem mùi thơm của giới, bác văn, định, tuệ, giải thoát, tri kiến để làm hương thơm xông khắp tam thiên đại thiên thế giới, để cho hương thơm đạo pháp không nơi nào không lan tỏa, tất cả mùi tật bệnh liền được trị khỏi. Giả sử Bồ-tát trang bị hương pháp này thì ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Thiên tử Thường Tấn Pháp Hạnh nói:

–Các Nhân giả nên biết! Người tinh tấn thì không có tâm biếng nhác. Vậy nên Bồ-tát tu các công đức mà chẳng chán nản, mệt mỏi, thường phải tuân tám pháp hạnh.

Những gì là tám?

1. Lục độ vô cực.

2. Tứ đẳng phạm hạnh.

3. Đạt được ngũ thông.

4. Dùng bốn ân cứu giúp chúng sinh.

5. Chí nguyện ở ba cửa giải thoát, đạt được pháp nhẫn.

6. Khuyên chúng sinh khai hóa Phật tuệ khiến phát đạo tâm.

7. Dùng phương tiện quyền biến để dẫn đường chúng sinh.

8. Tiếp tế hữu vi, hiểu rõ các pháp.

Đó là tám pháp hạnh. Bồ-tát tuân theo tám pháp hạnh là ứng hợp với các thông tuệ Đại thừa vậy.

Lúc ấy, Nhuyễn Thủ nói với các Chánh sĩ và Thiên tử:

–Chư vị muốn biết Bồ-tát có tinh tấn hoặc chẳng tinh tấn đối với các thông tuệ không. Vì sao? Vì quen chứa nhóm là hạnh tại ba cõi. Nếu siêng tu thì gọi các thấy biết đời trước. Quen chứa nhóm thì gọi là bên trong, nếu chẳng quen chứa nhóm thì gọi là bên ngoài. Quen chứa nhóm gọi là Thanh văn địa, nếu siêng tu gọi là Duyên giác địa. Quen tập ấy gọi là ở trong các kết sử mà siêng tu, nếu tu thì gọi là chẳng đắm trước pháp phàm phu. Quen chứa nhóm thì gọi là danh, nếu tu thì gọi là sắc. Quen chứa nhóm thì gọi là báo ứng, nếu tu thì gọi là có sở kiến. Quen chứa nhóm thì gọi là chấp trước, nếu tu thì gọi có sở đắc. Quen chứa nhóm thì gọi là ngã sở, nếu tu thì gọi là ngã. Quen chứa nhóm thì gọi là tham lam, nếu tu thì gọi là bố thí chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm thì gọi là phạm giới, nếu tu thì gọi là trì giới chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm gọi là sân hận, nếu tu gọi là nhẫn nhục mà chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm thì gọi là biếng nhác, nếu tu thì gọi là tinh tấn mà chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm thì gọi là loạn ý, nếu tu thì gọi là nhất tâm mà chẳng có tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm thì gọi là ngu si, nếu tu thì gọi là trí tuệ mà chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm gọi là gốc chẳng lành, nếu tu thì gọi là gốc thiện bình đẳng mà chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm gọi là không tội gốc phước, nếu tu thì gọi là trồng cội gốc đức mà chẳng tưởng kiêu mạn quen chứa nhóm gọi là pháp thế tục, nếu tu thì gọi là pháp xuất thế mà không có tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm gọi là pháp hữu vi, nếu tu thì gọi là pháp vô vi mà không tưởng kiêu mạn. Quen chứa chứa nhóm gọi là pháp tội, nếu tu thì gọi là pháp vô tội mà chẳng tưởng kiêu mạn. Quen chứa nhóm gọi là các hữu lậu, nếu tu thì gọi là vô lậu mà chẳng tưởng kiêu mạn. Đó gọi là chứa nhóm cho đến sự tuân tu lìa kiến chấp chẳng đắm trước, chẳng đoạn. Nếu Bồ-tát hướng về tôn chỉ của mình thì ứng hợp với các thông tuệ của Đại thừa vậy.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nếu chẳng được đến với các thông tuệ, vì

sao chẳng đến? Phải cần những gì để đến với tuệ thông mẫn? Các thông tuệ thì lìa các tạo tác. Các thông tuệ ấy cũng không chỗ đến, cũng không có thành tựu. Các thông tuệ ấy lại là các thông tuệ, cũng không màu sắc, hình dáng, cũng không đau bệnh. Tư tưởng sinh tử là hình tướng của thức vậy. Các thông tuệ ấy cũng không phép tắc, cũng không phi pháp. Các thông tuệ ấy cũng không có bố thí. Vì sao? Vì các thông tuệ chính là Bố thí. Các thông tuệ lại không có Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ. Vì sao? Vì các thông tuệ chính là thánh tự nhiên. Các thông tuệ ấy không quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì các thông tuệ ấy siêu thoát ba đời. Các thông tuệ không nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm thức. Vì sao? Vì đã vượt trên các cõi vậy.

Này chư vị! Chư vị muốn biết về các thông tuệ! Nếu các Bồ-tát muốn được các thông tuệ an trụ chắc chắn ở thông tuệ thì phải an trụ như thế nào? Đối với các pháp mà không chỗ trụ thì đó chính là an trụ ở các thông tuệ. Tất cả các pháp đều chẳng phải ngã sở. Tất cả các pháp đều chẳng phải ngã sở. Các thông tuệ ấy đối với tất cả các pháp không chỗ trụ chấp. Các thông tuệ ấy bình đẳng với phàm phu địa, bình đẳng với Phật địa, thì đối với tất cả cũng là bình đẳng. Các thông tuệ ấy lại làm cho Bồ-tát chẳng phải cầu điều gì nữa. Các thông tuệ chỉ nên theo bốn đại giới mà cầu tự nhiên tạo tác hành động. Vì sao? Vì tự nhiên ấy không thể nắm bắt, tự nhiên ấy thì không có hình dạng. Ở đây pháp thiện tên gọi là "ngã". Đối với "ngã thân" mà không có thân, không có thiện ác, không "ngã", không thọ, không mạng, không nhân. Giả sử "ngã thân" không thể nắm bắt lại cũng không có kẻ khác thì đó cũng không hành, cũng không thật có. Dù có hình dạng thì cũng không thật, nhận thức ấy cũng không thể nắm bắt, cũng không có thật. Tuệ kia nhận thức đối với sở hữu, vô sở hữu, có thật, không thật… Các tuệ ấy là các thông tuệ.

Khi Nhuyễn Thủ nói lời này, hai ngàn Thiên tử đạt được pháp Nhẫn bất khởi, một vạn hai ngàn người đều phát tâm nơi đạo Vô thượng chánh chân.

-oOo-

PHẨM 2: HÓA PHẬT

Lúc này, Bồ-tát Biện Tích bạch với Bồ-tát Nhuyễn Thủ:

–Vả lại chúng ta nên đều đến hầu hạ Như Lai để trực tiếp thưa hỏi

Đại thánh là Bồ-tát Đại sĩ nên kiến lập hạnh gì?

Nhuyễn Thủ liền ở ngay chỗ ấy hóa làm Như Lai, hình thể giống như Đức Phật Năng Nhân. Đồng chân Nhuyễn Thủ bảo Biện Tích:

–Này Thiện nam! Như Lai đang ở đây, sao ông không hỏi việc thiết lập hạnh của Bồ-tát Đại sĩ?

Lúc ấy Biện Tích hỏi Đức Như Lai hóa thân:

–Kính thưa Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ phải thiết lập hạnh gì?

Hóa Phật bảo:

–Như ta đã thiết lập và Bồ-tát cũng phải tu hạnh như vậy.

Lại hỏi:

–Thế Tôn đã tạo lập hạnh ra sao?

Hóa Phật đáp:

–Ta cũng chẳng hành bố thí, chẳng hành cấm giới, chẳng hành nhẫn nhục, chẳng hành tinh tấn, chẳng hành nhất tâm, chẳng hành trí tuệ, chẳng hành Dục giới, chẳng hành Sắc giới, chẳng hành Vô sắc giới, chẳng tạo hạnh của thân, chẳng tạo hạnh của lời nói, tâm chẳng nghĩ đến hành động, tất cả không hành động cũng không nhân duyên. Đó chính là hạnh Bồ-tát.

–Này Thiện nam! Ý ông thế nào? Sự hóa hiện ấy đâu phải là có hạnh ư?

Đáp:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Hóa hiện ấy không phải hạnh.

Hóa Phật đáp:

–Đúng vậy, này thiện nam! Bồ-tát Đại sĩ phải tạo hạnh ấy.

Biện Tích bạch Nhuyễn Thủ:

–Nay đã thấy Phật thì sẽ không hóa hiện ư?

Nhuyễn Thủ đáp:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả chẳng nghe tất cả các pháp hóa hiện tự nhiên ư? Tướng huyễn biến mà chẳng thoái chuyển.

Biện Tích đáp:

–Đúng vậy, quả thật các pháp hóa hiện tự nhiên, huyễn biến mà chẳng thoái chuyển.

Nhuyễn Thủ đáp:

–Này Thiện nam! Nay Nhân giả vì sao nói ta là thị hiện Như Lai sẽ không biến hóa nữa ư? Tất cả chư Phật và tất cả pháp chẳng phải là biến hóa sao?

Biện Tích lại hỏi:

–Ai là người biến hóa?

Đáp rằng:

–Nghiệp thanh tịnh tự nhiên mà hóa ra vậy. Lại nữa, này Thiện nam! Bồ-tát chẳng nên an trụ nơi ngã, nhân, thọ, mạng, đối với Thánh đạo của Đức Phật và phàm phu mà chấp có an trụ.

Biện Tích hỏi Đức hóa Như Lai:

–Thưa Đức Thế Tôn! Học cái gì để tự chứng được quả Phật?

Đáp rằng:

–Vô học chính là sự học của Bồ-tát. Sự học của Bồ-tát không có hình tượng, cũng không gì so sánh, cũng không chỗ nắm bắt, cũng không tưởng niệm, cũng chẳng lìa tưởng niệm, cũng không có hạnh, không có hạnh cũng chẳng phải không hạnh thì đó gọi là sự học của Bồ-tát, không đắm trước, chẳng phải không đắm trước, không kiêu mạn, cũng chẳng phải không kiêu mạn, cũng chẳng buông lung, cũng chẳng tu tập, chẳng lìa tu tập, không tưởng không chấp thủ, không chỗ đi ở, cũng không có tưởng, chẳng khởi chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi không trụ không hóa, cũng không có hình, cũng không ngôn từ, lìa khắp tất cả các "hạnh tưởng" thì đó là sự học của Bồ-tát. Người tạo sự học ấy chính là cái học bình đẳng. Học như vậy thì không chỗ hướng về, thì không chỗ tăng thêm, cũng không chỗ hao tổn. Học như vậy cũng không vướng mắc, cũng không chỗ giải thoát, cũng không chỗ nhiễm ô, cũng không lìa trần cấu, cũng không oán kết, chẳng rơi vào ngu tối. Học như vậy mới gọi là học. Học như thế thì chẳng sa vào các đường.

Này Thiện nam! Như vậy Bồ-tát Đại sĩ muốn được đắc đạo Vô thượng chánh chân thì phải theo cái sự học của ta.

Biện Tích lại hỏi:

–Sao gọi là học Phật?

Hóa Phật đáp:

–Như ta không có giới thì cũng không chỗ phạm chẳng bố thí, chẳng nhận, chẳng giới, chẳng phạm, chẳng nhẫn, chẳng sân, chẳng tinh tấn chẳng biếng nhác, chẳng thiền định, chẳng tán loạn, chẳng trí tuệ, chẳng ngu si, vô học chẳng vô học, không có điều gì chẳng thực hành, mà ta không chứng đắc cũng không ai có thể sánh bằng được. Không Phật, không Pháp, cũng không ngã tưởng, cũng không nhân tưởng, cũng không thọ tưởng, cũng không mạng tưởng, cũng không pháp tưởng, cũng không hữu tưởng, cũng

không vô tưởng. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không chỗ tạo tác. Tất cả các pháp do không chỗ tạo tác nên tự nhiên như huyễn, cũng không có tướng, cũng không có hai. Tất cả các pháp lìa các đối tượng ưa thích. Tất cả các pháp mà chẳng thể thấy. Tất cả các pháp vượt qua cái thấy của mắt. Các pháp bình đẳng không sai khác, đặc thù. Các pháp ngu tối mà không lối đi, vô vi không người nên không lời dạy bảo, nên không xứ sở. Không có lời dạy bảo nên không chỗ sinh. Ai tin điều này thì chẳng nghĩ có chỗ tin, cũng chẳng tự đại, cũng chẳng nghĩ đến đạo.

Vậy nên, này Thiện nam! Nếu có Bồ-tát so sánh như vậy để học Phật đạo thì chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng khó khăn, chẳng lo mới là Bồ-tát.

Này Thiện nam! Như sự sợ của hư không, chẳng sợ lửa, chẳng sợ gió, chẳng sợ mưa, chẳng sợ sương mù, chẳng sợ bụi, chẳng sợ sấm, chẳng sợ mây, chẳng sợ chớp, chẳng sợ tuyết. Vì sao? Hư không là tự nhiên nên gọi là sợ như "hư không". Cũng như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp mà không chỗ sợ, đối với tất cả pháp chẳng nghĩ khổ vui. Giả sử tâm Bồ-tát bình đẳng như thế thì có thể thành Phật, hàng phục các ma, thành được đạo Vô thượng chánh chân, là Tối chánh giác, đồng thời có thể dẫn đường, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khi Đức hóa Phật nói lời này xong, liền biến mất không biết ở đâu. Bồ-tát Biện Tích hỏi Nhuyễn Thủ:

–Nay Đức Như Lai đã về chỗ nào?

Đáp rằng:

–Về từ chỗ đã đến đây.

Bồ-tát lại hỏi:

–Như Lai từ chỗ nào đến?

Đáp rằng:

–Như chỗ đã đi.

Lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhuyễn Thủ! Vậy sự hóa hiện ấy không từ đâu đến và không đi về đâu?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Ví như sự hóa hiện ấy không từ đâu đến cũng không đi về đâu thì tất cả các pháp cũng lại như vậy. Tất cả chúng sinh… không có khác, chẳng đến, chẳng đi.

Lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhuyễn Thủ! Tất cả các pháp đi về đâu?

Đáp rằng:

–Về với tự nhiên.

Lại hỏi:

–Tất cả chúng sinh về chỗ nào?

Đáp:

–Sẽ tùy theo sự tạo tác của họ.

Lại hỏi:

–Thưa Nhuyễn Thủ! Tất cả các pháp không tạo tác, không báo ứng ư?

Đáp rằng:

–Thiện nam! Pháp giới ấy không tạo tác, không báo ứng, không đi qua bình đẳng chế ngự các pháp thì đó là pháp giới.

Lại hỏi:

–Tại sao nói có tạo tác, có báo ứng, có qua đi mà còn gọi là không qua đi?

Đáp:

–Này Thiện nam! Sự tạo tác ấy như thật, quả báo ấy như thật, sự đi qua cũng vậy.

Lại hỏi Bồ-tát Nhuyễn Thủ:

–Sao gọi là tạo tác? Báo ứng là gì? Sự qua đi do nhân ra nào?

Đáp rằng:

–Tạo tác ấy như thật, báo ứng cũng như thật, sự qua đi cũng như thật.

Lại hỏi Bồ-tát Nhuyễn Thủ:

–"Như thật" ấy không gốc chăng? Cũng không có tạo tác, không có báo ứng, không có nơi để đi chăng?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! "Như" không có nguồn gốc, cũng không tạo tác, cũng không báo ứng, cũng không có nơi đi đến. Do đó tạo tác, báo ứng, nơi đi đến cũng thế, không đến không đi. Tạo tác, báo ứng, đều đến nơi đã đến. "Như" ấy là gốc, không chỗ quy thú.

Khi nói lời ở trước Đức Thế Tôn Năng Nhân, Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả A-nan và các đại đệ tử khác đều nghe lời giảng ấy. Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

–Kính thưa Như Lai! Thật lạ chưa từng có! Các Chánh sĩ ấy là những bậc Đại thánh nhân mà đồng thanh gầm lên tiếng sư tử về một pháp. Họ

nói không biết bao nhiêu âm thanh, lời nói cùng phù hợp với pháp mà không lầm lẫn, lộn xộn. Ai nghe những điều ấy mà chẳng phát tâm nơi đạo Vô thượng chân chánh ư?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng như điều ông nói, Bồ-tát học rộng không trở ngại, điều đã nói hôm nay không chỗ ngăn ngại, như đã gieo giống ấy thì ắt thu hoạch được quả kia, như xuất hiện báo ứng ấy thì cũng thế. Như vậy Bồ-tát học không ngăn ngại, theo Thánh tuệ ấy mà nói phân biệt. Như Xá-lợi-phất vốn đã học điều cấm giới, nên có trí tuệ biện tài cũng thế.

Bồ-tát Quang Tịnh hỏi Thế Tôn:

–Sao gọi là sự học của Thanh văn? Sao gọi là sự học của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Có giới hạn, có ngăn ngại là sự học của Thanh văn. Không giới hạn, không ngăn ngại là sự học của Bồ-tát. Học của Thanh văn vì sự giới hạn kia mà trở thành ngăn ngại. Do cái điều này nên nói có giới hạn trở thành ngăn ngại mà sự học của các Bồ-tát không có giới hạn nên không ngăn ngại. Do điều này nên đã nói không giới hạn thì không có ngăn ngại.

Bồ-tát Quang Tịnh bạch Phật:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Nguyện xin Ngài thị hiện cảm ứng khiến cho các vị Chánh sĩ vân tập đến đây, để cho chúng hội này được nghe pháp đã nói, ai cũng được hiểu không còn hoang mang nữa. Vì sao? Vì hạnh của Nhuyễn Thủ thâm sâu, sự luận bàn kinh pháp của ngài cũng thiết yếu vi diệu nữa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền hiện điềm lành, thì Nhuyễn Thủ cùng với hai mươi lăm vị Chánh sĩ và các Thiên tử đến chỗ Phật cúi lạy dưới chân rồi đứng sang một bên. Bồ-tát Quang Tịnh nói với Nhuyễn Thủ:

–Thưa Nhân giả! Vì cớ gì Nhân giả ra khỏi hội Như Lai, một mình ở chỗ khác mà luận giảng kinh pháp?

Nhuyễn Thủ đáp:

–Này Thiện nam! Biết Đức Như Lai rất tôn quý mà mình không thể sánh nỗi với chư Phật đại Thánh. Cho nên tất cả những điều đã nói hoặc sợ chẳng đúng nên tôi tránh ở một bên.

Lại hỏi Nhuyễn Thủ:

–Nhân giả đã nói pháp gì? Có đúng với Như Lai không?

Nhuyễn Thủ đáp:

–Điều tôi nói Đức Thế Tôn đã biết rồi!

Quang Tịnh nói:

–Tuy nhiên, xin Nhân giả cứ nói ý ấy ra đi!

Đáp:

–Như cần kíp thì tôi sẽ tuyên nói ngay bây giờ. Thưa Thiện nam! Những điều đã nói chẳng trái với pháp giới, chẳng mất bản thể vô vi, chẳng mất bản tế. nếu điều đã nói được như thế thì đúng với Như Lai. Lại nữa, nếu những điều đã nói không tranh cãi chân lý, không trách cứ, không khởi dậy, cũng không nhân duyên, không có sắc tượng, cũng không so sánh được tức là là vâng thuận theo Như Lai. Không đồng với ngã, không giống hình người khác, chẳng ngang bằng diện mạo của pháp, không "phải không khác tướng" không "có tướng đầu tiên hay cuối cùng", không có tướng Nê-hoàn. Nói như thế là đúng với Như Lai.

Đến đây, Thế Tôn bảo Nhuyễn Thủ:

–Hay thay! Hay thay! Ta thích lời nói này. Đúng như ông đã nói! Nói như thế là không trái với Như Lai. Lại nữa, này Nhuyễn Thủ! Giả sử xa lìa hết tất cả an lạc mà không rối loạn, nếu chẳng cần xa lìa các đối tượng của tưởng, không có các tưởng, có nói điều này là đã về với tịch nhiên mà chẳng chuyển động, người mặc áo giáp công đức lớn, tâm ý định tĩnh mà nói pháp thì không thể hủy hoại kinh điển ấy, chẳng thấy có các pháp tăng lên, có hủy diệt, nói những điều như thế thì đúng với Như Lai.

Khi Phật nói lời này, tám trăm Bồ-tát chứng đắc được Pháp bất khởi.

-oOo-

PHẨM 3: CỬ BÁT

Bấy giờ, một ngàn hai trăm Thiên tử ở trong chúng hội mà thuở xa xưa họ đã tạo hạnh Bồ-tát, bây giờ đã quên mất ý đạo, chí chẳng kiên cố nên tự nghĩ: "Phật tuệ lồng lồng chẳng thể hạn lượng, ý đạo Vô thượng chánh chân khó thể hiểu được. Sự học của Bồ-tát mà chẳng thể thành tựu thì Tối chánh giác rất khó có thể đạt được. Đối với điều này, chúng ta chẳng thể học hỏi được, chi bằng đổi lại cầu học Thanh văn, Duyên giác để nắm chắc diệt độ."

Bấy giờ Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của các Thiên tử, thấy những người này kham nỗi đạo Vô thượng chánh chân, làm Tối chánh giác mà lại muốn phế bỏ, chỉ theo Tiểu thừa. Phật muốn khuyến hóa các Thiên tử nên rời khỏi đạo tràng, ở trong chúng hội, hóa làm một vị trưởng giả tay

bưng bình bát đựng trăm món đồ ăn thức uống đem đến chỗ Đức Phật, rồi bạch với Đức Thế Tôn:

–Kính thưa Đại Thánh! Xin Ngài xót thương nhận thực phẩm cho!

Phật liền nhận lấy bát. Bồ-tát Nhuyễn Thủ đứng dậy, đến chỗ Đức Phật, chắp tay bạch:

–Hôm nay được bữa ăn thịnh soạn, hẳn phải nghĩ đến ân xưa? Con xin chí thành lắng nghe. Đức đại thánh đâu chỉ ăn mà chẳng đem đạo pháp ban cho chúng con! Xin gia ân đem đạo pháp ban cho để khắc phục lại ý tưởng trước kia.

Đến đây, Hiền giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: "Nhuyễn Thủ trước kia đã có ân đức gì mà lại nói với Đức Thế Tôn là tuy nhận bữa ăn cũng nên hồi tưởng lại ân pháp trước đây?" Rồi bạch Phật:

–Bồ-tát Nhuyễn Thủ đời trước đã có ân gì với Đấng Đại Thánh mà thưa Như Lai tuy nhận thức ăn nhưng phải nghĩ đến ân pháp đời trước?

Phật dạy:

–Hãy đợi trong giây lát thì ông sẽ tự phát hiện ra. Như Lai đã biết chẳng phải ông đã kịp hiểu ra.

Rồi Đức Phật liền thả bát xuống đất. Bát rơi xuống biến mất, đi vào các cõi Phật. Các Đức Phật Chánh Giác hiện đang tại thế, mỗi mỗi đều thấy bát ở dưới chân mình.

Ở tại phương dưới cách đây các cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông Hằng đến cõi nước của Đức Như Lai Quang Minh Vương, tên là Chiếu diệu, bát trụ ở trên hư không của nước ấy, không ai nắm giữ mà tự nhiên đứng vững. Chúng đệ tử các Đức Phật hiện tại đều thưa hỏi Đức Phật của họ là bát từ đâu đến. Các Đức Phật đều bảo với họ ý như sau: "Thế giới phương trên có cõi nước tên là Nhẫn, ở đó có Đức Như Lai tên là Năng Nhân, hiện đang thuyết pháp. Đức Năng Nhân Như Lai thả rơi bát ấy để mà khuyến hóa các Bồ-tát có tâm sai khác, ý chí thoái lui."

Đến đây, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Ông hãy đi tìm bát, hãy quan sát biết được chỗ mà bát đã đến!

Xá-lợi-phất tức thời vâng lời, tự dùng trí lực, vâng Thánh chỉ của Đức Phật vào Tam-muội chánh thọ, dùng một vạn định vượt qua một vạn cõi Phật, tìm kiếm khắp nơi mà chẳng biết bát ở đâu, liền trở về bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con tìm mà chẳng thấy, chẳng biết bát ở đâu!

Rồi Thế Tôn bảo Đại Mục-kiền-liên:

–Nay ông hãy đi tìm kiếm bát về, hãy quan sát bát hiện ở chỗ nào?

Mục-kiền-liên nhận lời rồi, dùng lực thần túc, vâng Thánh chỉ của Đức Phật, bằng Tam-muội chánh thọ vào tám ngàn định, trong phút chốc vượt qua tám ngàn cõi Phật, tìm kiếm mà chẳng thấy, chẳng biết chỗ của bát, liền trở về bạch Phật:

–Con đã dùng hết thần lực mà chẳng tìm được bát, đâu có thể tròn bổn phận ư?

Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Ông hãy đi tìm bát, biết chỗ nó đến để đem về lại.

Tu-bồ-đề cũng liền nhận lời, bằng Tam-muội chánh thọ vào một vạn hai ngàn định, trong phút chốc vượt qua một vạn hai ngàn cõi Phật để tìm mà chẳng thấy bát, chẳng biết chỗ dừng của nó ở đâu.

Như vậy, cả năm trăm vị Thanh văn ở tại hư không đều hiện thần túc, sức Tam-muội, thần thông thể lực bậc Thánh, Thiên nhãn nhìn suốt… để đi tìm bát mà chẳng biết chỗ đến của nó, cũng chẳng thể tìm được.

Khi ấy Tu-bồ-đề liền đến trước Bồ-tát Từ Thị nói:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả là bậc tài cao, là Như Lai Nhất sinh bổ xứ sẽ chứng đạo Vô thượng chánh chân, thành Tối chánh giác. Ân từ bi rộng lớn, đạt nhiều trí tuệ, mọi người chẳng bì kịp, một mình đi lại ba cõi mà không bạn bè, chắc Nhân giả biết bát ở đâu. Xin Nhân giả có thể đến đó kính cẩn mang về đây, may ra nhờ uy lực của Nhân giả mà bát được mang trở về.

Bồ-tát Từ Thị đáp lại Tu-bồ-đề:

–Đúng như Nhân giả đã nói, tôi thọ được tuệ Như Lai sẽ thành Chánh giác. Hôm nay, Nhuyễn Thủ đã khởi định ý tiến, dừng, ngồi, đứng, tôi đây không bì kịp, chẳng thể hiểu rõ Tam-muội ấy. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Tuy vào đời sau tôi sẽ thành Phật, có số Bồ-tát nhiều như cát sông nhưng tất cả đều là do Bồ-tát Nhuyễn Thủ đã khai hóa, dẫn dắt. Muốn biết cất một bước chân đã nghĩ chẳng biết về đâu. Vậy nên, thưa Nhân giả! Chúng ta phải thỉnh Bồ-tát Nhuyễn Thủ. Chỉ có vị Đại sĩ ấy mới biết được nơi chỗ mà bát dừng, mới đảm nhận việc đem bát về lại thôi!

Rồi Tu-bồ-đề thưa với Đức Thế Tôn:

–Nguyện xin Thế Tôn rủ lòng ban lời dạy bảo.

Đức Đại Thánh liền sai Nhuyễn Thủ đi lấy bát. Nhuyễn Thủ vâng lời tự nghĩ rằng: "Ta chẳng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chẳng rời khỏi chúng hội mà mang bát về lại đây." Nhuyễn Thủ vào Tam-muội tên là Phổ siêu thì các Bồ-tát ở đây đều định ý chánh thọ. Lúc này Nhuyễn Thủ duỗi bàn tay

phải vào trong lòng đất, vượt qua phương dưới, vượt qua các Đức Phật, đại Thánh nhiều vô cùng, rồi lần lượt bàn tay của Bồ-tát làm lễ từng vị một. Trong bàn tay ấy tự nhiên có tiếng xưng tụng Đức Như Lai Năng Nhân, Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Rồi kính hỏi thăm vô lượng các Đức Phật đang ở đời, khinh thường lợi dưỡng, thế lực, đi ở được an ổn chăng? Rồi từ mỗi một lỗ chân lông trên bàn tay, cánh tay ấy tự nhiên xuất phát hàng trăm ngàn vạn ức ánh hào quang sáng chói. Mỗi một hào quang đều biến hiện ra trăm ngàn hoa sen. Trên mỗi hoa sen ấy đều có Đức hóa Như Lai đầy đủ tướng tốt. Tất cả đều ngồi kiết già trên hoa sen. Rồi từng vị Thế Tôn ấy đều cùng khen ngợi danh đức, công huân của Đức Năng Nhân Như Lai.

Hiện tượng này đã trải qua các cõi Phật. Ngay khi ấy, các đất nước đều chấn động sáu cách các cõi nước của chư Phật, ánh sáng tự nhiên chiếu soi khắp nơi, tất cả các cõi Phật đều hiện ra bàn tay ấy. Lại nữa, các cõi Phật lại tự nhiên có lụa ngũ sắc, cờ, phướn, lọng báu… không chỗ nào chẳng trang nghiêm, hoa tung khắp chốn, trang sức nơi nơi. Bàn tay của Bồ-tát Nhuyễn Thủ đi qua các cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông. Làm lễ các Đức Phật xong, bỗng trong chốc lát, bàn tay ấy đến thế giới Chiếu diệu, ở đó có cõi nước của Đức Phật Quang Minh Vương. Làm lễ Đức Phật xong, tự nhiên bàn tay ấy phát ra âm thanh lớn xưng tụng Đức Năng Nhân Như Lai, kính hỏi vô lượng việc. Đức Như Lai Minh Vương có vị Bồ-tát thị giả tên là Quang Anh, liền thưa với Đức Như Lai ấy rằng:

–Đây là bàn tay nào mà thù thắng vi diệu, lồng lộng uy thần khó bì kịp vậy? Sao tự nhiên phát ra trăm ngàn vạn ức ánh hào quang sáng rực, trong mỗi ánh hào quang ấy đều hóa ra trăm ngàn hoa sen trang nghiêm thanh tịnh, trên mỗi một hoa sen đó đều có Như Lai an tọa, lại ca ngợi công huân của Đức Năng Nhân thánh triết?

Đức Phật Quang Minh Vương bảo thị giả Quang Anh:

–Có Thiện nam ở phương Trên, cách đây số cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông, ở đó có thế giới tên là Nhẫn, có Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiệu là Năng Nhân, hiện đang thuyết pháp. Ở đó có vị Đại sĩ tên là Nhuyễn Thủ, ông ấy mặc áo giáp giới đức không thể nghĩ bàn, có tất cả sức thần thông Độ vô cực, tự tại ở chỗ ngồi, chẳng hề đứng mà di chuyển bàn tay đến đây để mang bát về.

Khi ấy, các vị Bồ-tát ở cõi của Đức Phật Quang Minh Vương đều khát khao, ngưỡng mộ muốn được chính mắt thấy Đại sĩ Nhuyễn Thủ ở thế giới Nhẫn của đức Năng Nhân Như Lai kia. Đức Phật Quang Minh Vương biết hết suy nghĩ trong tâm ý của chúng hội liền phóng ra hào quang Mi

đảnh tướng. Ánh sáng đó chiếu suốt qua các cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông, lên đến cõi Nhẫn. không chỗ nào mà chẳng sáng rực rỡ. Có chúng sinh nào ở đó được nhờ ánh sáng ấy soi rọi thì tất cả được yên ổn, không có hoạn nạn. Như ở bốn cõi của hoàng đế Chuyển luân thánh vương có những người tu hành tinh chuyên học định, gặp ánh sáng ấy thì đều được Tu-đà-hoàn. Người đã đắc thiền định rồi thì qua hết ba cõi, đạt được Tứ chứng đức. Người đã lậu tận rồi thì được vào tám cửa giải thoát. Bậc La-hán thiền định thì được Vô trước nguyện. Thân các vị Bồ-tát được ánh sáng ấy soi rọi thì đều thành tựu được Nhật quang Tam-muội. Như thế, các Bồ-tát Đại sĩ của cõi Phật Quang Minh Vương Như Lai nhìn Đức Thế Tôn Năng Nhân, Bồ-tát Nhuyễn Thủ, tất cả Thánh chúng Thanh văn Tỳ-kheo, các vị Bồ-tát… Bồ-tát Quang Anh nhìn thấy các Bồ-tát của thế giới Nhẫn liền rơi nước mắt, rồi đem lời này bạch với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Như nước tinh khiết vi diệu, như châu sáng Như ý mà bị rơi vào chỗ bất tịnh, thật đáng thương tiếc! Các vị Bồ-tát này sinh ở thế giới Nhẫn cũng lại như vậy, rất đáng thương cảm!

Đức Phật Quang Minh Vương bảo Bồ-tát Quang Anh rằng:

–Ông chớ tuyên bố lời này. Vì sao? Ở cõi Phật chúng ta mà siêng tu thiền hạnh đến mười kiếp chẳng bằng ở cõi Nhẫn tu từ sáng sớm đến buổi ăn sáng. Phát khởi tấm lòng thương nghĩ đến chúng sinh, công đức này tối thắng không ai bằng, khó có thể bì kịp. Vì sao? Vì các chúng Bồ-tát Đại sĩ ấy không có ấm cái, trần lao đã hết. Các vị ở cõi Nhẫn hộ trì chánh pháp thì công đức chẳng thể lường.

Bấy giờ, các vị Bồ-tát ở cõi Nhẫn được ánh sáng chiếu vào thân mình thì hỏi Đấng Thiên Trung Thiên Năng Nhân:

–Thưa Thế Tôn! Đây là ánh sáng gì? Ai đã phóng đến tiêu diệt hết trần lao, khiến chúng con không còn tỳ vết?

Phật bảo:

–Này các Thiện nam! Ở phương Dưới, cách đây số cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông, có một thế giới tên là Chiếu diệu, Đức Như Lai ở đó hiệu là Quang Minh Vương Như Lai Chí Chân ấy phóng ra hào quang Mi đảnh quang. Ánh sáng ấy chiếu suốt qua các cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông. Ánh sáng rực rỡ đó soi đến từ cõi ấy.

Khi đó, các Bồ-tát và chúng Thanh văn đều bày tỏ với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con muốn nhìn thấy thế giới Chiếu diệu, Đức Quang Minh Vương Như Lai và các chúng Bồ-tát ở đó.

Năng Nhân Như Lai từ lòng bàn chân phóng ra hào quang Thiên bức

tướng luân quang. Ánh sáng ấy chiếu khắp cõi Phật nhiều bằng bảy mươi hai lần cát sông ở phương Dưới, đến cả cõi Chiếu diệu, không đâu mà không cùng khắp. Ở thế giới phương Dưới, thân của các chúng Bồ-tát nhờ ánh sáng ấy đều thành tựu được Tam-muội Tu-di quang. Bấy giờ, ở cõi Phật này và thế giới kia có hiện tượng: từ cõi ấy nhìn thấy cõi kia, từ cõi kia nhìn thấy cõi này. Nhìn thấy qua lại lẫn nhau, giống như người ở cõi Diêm-phù-đề này, đứng trên đất ngẩng lên nhìn mặt trời, mặt trăng và ở thế giới phương Dưới, họ quan sát các Bồ-tát, Đức Năng Nhân Như Lai và thế giới Nhẫn cũng như vậy. Còn nhân dân cõi này nhìn thấy ở phương dưới giống như chư Thiên đứng trên đỉnh núi Tu-di cúi nhìn xuống thiên hạ ở cõi Diêm-phù-đề. Các vị Bồ-tát trên đó nhìn thấy Đức Quang Minh Vương Như Lai, các vị Bồ-tát… dưới đó mặc áo giáp đại đức khó bì kịp, khó đo lường được.

Lúc này, Bồ-tát Nhuyễn Thủ đưa bàn tay phải đến cõi Chiếu diệu, cõi nước Phật của Đức Quang Minh Vương Như Lai ở giữa hư không, bàn tay ấy liền cầm lấy bát rồi cùng với vô số trăm ngàn các chúng Bồ-tát có quyến thuộc vây quanh, vọt lên phương Trên. Bàn tay bưng bát đã trải qua các cõi Phật, chuyển dần lên trên thì ánh sáng hoa sen liền biến mất. Bàn tay phải cầm bát trở về thế giới Nhẫn, Bồ-tát Nhuyễn Thủ ở trước Đức Đại Thánh quỳ xuống dâng bát trao lên rồi bạch Đức Thế Tôn:

–Kính mong Thế Tôn rủ lòng nhận cho!

Phật liền nhận lấy bát. Các Bồ-tát cùng bàn tay Bồ-tát Nhuyễn Thủ đều đã trở về lại, đến chỗ Đức Phật, cúi đầu xuống đất, mọi người đều tự tuyên xưng danh hiệu Đức Như Lai, rồi kính hỏi thăm:

–Đức Phật Đại Thánh đáng kính không lường! Thánh thể thù thắng, dạo bước hóa độ không giới hạn, tuệ lực vô biên, vẫn được bình an khang kiện chăng?

Các chúng Bồ-tát đã kính hỏi thăm xong, lui về ngồi một bên, đúng vào chỗ ngồi yên ổn mà Phật đã chỉ cho. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Nay ông hãy lắng nghe! Suy nghĩ cho kỹ! Hôm nay ta vì ông nói. Thuở xa xưa, khi thân ta tu tập Bồ-tát là chính do Nhuyễn Thủ đã phát. Nay sở dĩ ông ấy nói cái ý rằng: Thế Tôn tuy nhận thức ăn mà phải nghĩ đến cái ân pháp thí xưa; đó là chuyện đời quá khứ xa xưa, cách đây hàng ức trăm ngàn kiếp, nhiều vô số kể. Bấy giờ có Đức Phật hiệu là Mạc Năng Thắng Tràng Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Vô biệt dị. Đức Mạc Năng Thắng Tràng Như Lai có tám muôn bốn ngàn chúng Thanh văn, mười hai ức chúng Bồ-tát Đại sĩ. Đức Phật Thế Tôn ấy ở trong đời ngũ

trược diễn thuyết giáo pháp Tam thừa. Có một vị Tỳ-kheo làm Pháp sư tên là Tuệ Vương, sáng sớm đắp y, mang bát vào nước Hoằng quảng khất thực. Tỳ-kheo ấy khất thực được hàng trăm món, rất nhiều thức ăn. Khất thực xong ra về, đến ngã tư đường thì gặp con của một Tôn giả tên Ly Cấu Tý xa trông thấy vị Tỳ-kheo đi đến thì rời khỏi nhũ mẫu, theo vị Tỳ-kheo xin ăn. Khi ấy, vị Tỳ-kheo cho đứa bé một thứ mật ngon. Đứa trẻ ăn vào biết mật ấy ngon ngọt, liền theo vị Tỳ-kheo, khi mật sắp hết nó quay lại nhìn nhủ mẫu, ý muốn được bồng trở lại. Vị Tỳ-kheo lại cho mật, đứa trẻ lại đi theo. Cứ tiến lên dần dần đến chỗ Đức Mạc Năng Thắng Tràng Như Lai. Hai người cúi đầu dưới chân Đức Phật rồi đứng trước mặt Ngài. Đến đây, vị Tỳ-kheo Tuệ Vương đem đồ ăn khất thực của mình cho đứa bé mà bảo:

–Này Đồng tử! Ngươi hãy đem của khất thực này cúng dường Như Lai!

Đức Như Lai liền nhận của cúng dường đó. Thức ăn đã chuyển vào bát của Đức Phật mà chẳng giảm bớt, hao tổn tí nào, rồi lần lượt đem thức ăn khất thực ấy cúng dường cho bốn mươi tám ngàn Thanh văn, mười hai ức Bồ-tát. Chỉ chừng ấy thức khất thực mà Đức Phật và Thánh chúng đều no đủ. Cúng dường như thế trọn bảy ngày mà thức ăn khất thực ấy vẫn như cũ chẳng hề tổn giảm. Khi ấy, đứa trẻ rất đỗi vui mừng, phát sinh lòng thành, đứng trước Đức Thế Tôn mà nói kệ tụng:

Phật, Thánh chúng no đủ
Bát thức ăn chẳng hao
Phụng sự Đấng Thế Tôn
Ruộng phước không nghi ngờ.
Thế Tôn nhận no đủ
Thức ăn chẳng giảm hao
Dâng lên Đấng Thế Tôn
Đạo vô tận chẳng nghi.
Món ăn chẳng giảm bớt
Vật cúng thành nhiều hơn
Cung kính Đẳng Chánh Giác
Pháp thanh tịnh tăng lên.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi đó đứa trẻ dùng một bát thức ăn cúng dường Đức Thế Tôn và các Thánh chúng, nương Thánh chỉ Phật, lòng đã thanh tịnh nên đứa trẻ cúng dường đầy đủ trong bảy ngày mà thức ăn chẳng tổn hao. Tỳ-kheo Tuệ Vương giáo huấn đứa trẻ quy y Phật, Pháp và Thánh chúng, thọ lãnh cấm

giới, lòng gắng sám hối lỗi lầm, khuyến khích hỏi đạo, khiến phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.

Lúc ấy, cha mẹ đứa trẻ đi kiếm con mình, tìm đến chỗ của Đức Như Lai Mạc Năng Thắng Tràng, cúi đầu làm lễ, rồi lui về đứng một bên. Đứa trẻ hỏi thăm cha mẹ, dùng kệ tán thán:

Chí con cầu Phật đạo
Thương xót các chúng sinh
Nhàn hạ khó gặp được
Xin thân sinh cho phép.
Vả xem thân Chánh giác
Các tướng đẹp trang nghiêm
Tuệ độ đến vô cực
Đạo ý ai chẳng phát.
Con xin phép mẹ cha
Được bỏ tục xuất gia
Thuận theo lời dạy trí
Được học định tịch tĩnh.
Cha mẹ liền đáp là:
Đạo chúng ta ưa thích
Nhờ con mà biết được
Cũng nguyện muốn bỏ nhà.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi đó, đứa trẻ hóa độ cho cha mẹ mình và năm trăm người đều tâm niệm học pháp, ý chí ấy đặt ở đạo Vô thượng chánh chân. Tất cả đều ở đời Đức Phật ấy bỏ nhà tu đạo, đều được Đức Phật dạy cho hạnh của đạo Bồ-tát như: Sáu độ vô cực, bốn đẳng tâm, bốn ân… phân biệt hiểu rõ về "không", tinh tấn chẳng biếng nhác, tự tu chứng đến Phật quả.

Này Xá-lợi-phất! Có biết Tỳ-kheo Tuệ Vương làm Pháp sư bấy giờ là ai khác ư? Chớ có ý niệm ấy. Vì sao? Vì chính là Bồ-tát Nhuyễn Thủ vậy. Còn Ly Cấu Tý, con ông Tôn giả ấy chính là ta đây vậy. Đời trước xa xưa, Bồ-tát Nhuyễn Thủ đã đem thức ăn cho ta để cúng dường Phật và Thánh chúng, khiến cho ta phát tâm nơi đạo Vô thượng chánh chân. Đó chính là nguồn gốc phát tâm ban đầu của bản thân Ta. Do đó nên biết rằng hôm nay Như Lai đã thành tuệ Thánh giác vô cực, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám Tuệ bất cộng vô quái ngại, tất cả đều là do ân khuyến hóa của Bồ-tát Nhuyễn Thủ. Vì sao? Vì do từ khi phát tâm cho đến khi đạt được các thông tuệ, như ta đây đã nhờ nhân ấy mà đạt thành đại đạo. Nay ta quan

sát thấy ở các cõi Phật trong thế giới mười phương, nhiều không nói hết, không kể xiết, các Đức Phật hiện đang tại thế mà đồng hiệu là Năng Nhân đều do Nhân giả Nhuyễn Thủ đã khuyến hóa cả. Các vị ấy hiệu là Thạnh Thánh, hoặc hiệu là Minh Tịnh, hoặc tên là Sở Hoan, hoặc tên là Định Quang, hoặc gọi là Ly Lậu, hoặc gọi là Diệu Thắng…

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Hôm nay, ta dành ra một kiếp, hoặc hơn một kiếp để tuyên dương, diễn thuyết danh hiệu của các Đức Phật hiện đang chuyển pháp luân mà do Bồ-tát Nhuyễn Thủ Đại sĩ đã khai hóa thì chẳng thể nói hết được, huống chi là kể về những người tu Bồ-tát thừa, hoặc kẻ ở trên cung trời Đâu-suất, hoặc người trở lại vào thai mẹ rồi khi sinh ra lại bỏ nhà tu đạo, hoặc bậc ngồi dưới cây Bồ-đề, hoặc người ở chốn đạo tràng thành Tối chánh giác… nhiều đến nỗi chẳng thể ví dụ được. Muốn nói lên sự thật này thì quả thật không hư dối. Bồ-tát Nhuyễn Thủ chính là cha mẹ của Bồ-tát vậy. Người thương xót khuyến hóa, hiển bày đạo lớn. Nói đến người thân trong đời thì phải nói đến Bồ-tát Nhuyễn Thủ. Nay ta hướng về Nhuyễn Thủ để tuyên dương báo ân, lại nói rõ ràng. Mặc dù lúc đang ăn ấy có cúng cho ta bát thức ăn nhưng ăn mãi vẫn còn. Thời xưa của ta, được ban cho trước chính là ở chỗ đó.

Bấy giờ, hai trăm vị Thiên tử sắp thoái lui, trong lòng đều nghĩ: “Ta phải kiên định ý chí, cung kính đạo pháp, tiêu trừ các nhân duyên, khử bỏ các căn nguyên. Hôm nay, Đức Thế Tôn lúc trước đã phát nguyện, Bồ-tát Nhuyễn Thủ khuyến hóa và khai ngộ nhiều người, khiến đến với đạo mà chẳng thoái chuyển Vô thượng chánh chân. Chúng ta sao lại muốn thoái lui, sao ở trước Đức Như Lai lại dấy khởi ý thấp hèn, chí lại sùng bái việc nhỏ? Nay chúng ta phải bỏ Thanh văn, Duyên giác, chí ân cần cầu ý đạo Vô thượng chánh chân.” Lúc Bồ-tát Nhuyễn Thủ duỗi bàn tay thị hiện biến hóa đến tận chỗ Đức Phật Quang Minh Vương, nơi đất nước ở phương dưới mà đặt bát vào tất cả mọi nơi, lại giảng thuyết việc nói kinh điển khai hóa thuở xa xưa, ở các cõi Phật phương dưới, số loài chúng sinh nhiều không thể kể xiết trong cõi của Đức Thế Tôn này liền phát tâm đạo. Chúng sinh khắp mười phương thế giới đều đến cúng dường Bồ-tát Nhuyễn Thủ. Các Đức Phật Thế Tôn đều điều khiển lọng báu đến cúng thí kinh điển. Lúc ấy lọng báu che trùm tam thiên đại thiên cõi Phật. Từ các lọng báu kia tự nhiên phát ra âm thanh: “Quả đúng như đấng Năng Nhân đáng kính! Quả đúng như lời Đức Như Lai đã tán dương.” Chính đây là sự khuyến hóa của Bồ-tát Nhuyễn Thủ.

KINH VĂN-THÙ SƯ LỢI PHỔ SIÊU TAM-MUỘI

QUYỂN TRUNG

PHẨM 4: ĐỒNG ẤU

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Giả sử có thiện nam, thiện nữ nào muốn được mau diệt độ thì phải nên phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân. Vì sao? Nay ta nhìn thấy họ sợ tai nạn từ vô thỉ đến nay mà chẳng chịu phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân, chí họ nguyện theo Thanh văn, muốn được mau diệt độ, do đó họ tiếp tục ở trong vòng sinh tử mà còn ưa thích nữa. Nhưng các Bồ-tát thì thông đạt, tinh tấn, trụ bình đẳng nơi pháp, thành tựu được các thông tuệ, tu Nhất thiết trí. Vì sao? Về thuở quá khứ xa xưa, số kiếp nhiều không kể xiết, không thể nghĩ bàn, có một vị Như Lai hiệu là Nhất Thiết Đạt Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu ra đời.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đức Nhất Thiết Đạt Như Lai Chánh Giác có chúng hội Thanh văn có đến hàng trăm ức tuổi thọ, Đức Phật ấy trụ thế đến trăm ngàn năm. Đức Phật có vị đệ tử Thanh văn đứng đầu trí tuệ cao vời tên là Siêu Thù, có thần túc siêu tuyệt tên là Đại Đạt. Thuở đó, Đức Như Lai ra đời trong đời năm trược. Sáng sớm, Đức Phật đắp y chỉnh tề, mang bát cùng Thánh chúng quyến thuộc vây quanh đi vào thành của một nước lớn tên là Văn vật để khất thực. Vị đại Thanh văn trí tuệ tối tôn kia hầu bên phải Đức Phật. Những vị trí tuệ học rộng hiểu nhiều tối cao thù thắng thì làm tùy tùng sau Đức Phật. Tám ngàn vị Bồ-tát đi trước dẫn đường, hóa hiện hoặc thân như Đế Thích, hoặc thân như Phạm thiên, như Tứ Thiên vương, hoặc như hình dạng Thiên tử, nghiêm trang trên đường đi.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Khi Đức Như Lai sắp vào thành thì thấy có ba đứa trẻ trang sức các loại báu và chuỗi ngọc. Chúng nô đùa tự nhiên giữa đường đi. Có một đứa

trẻ trông thấy Đức Như Lai sáng rỡ, uy thần hiển hách, cao vời lồng lộng, đoan nghiêm không ai bằng, chí tánh Ngài thanh tịnh đạt được sự điều thuận tuyệt vời, tịch mịch đệ nhất, các căn đã hàng phục như là rồng, voi nhân từ, như việc lớn lắng trong, không chút bợn nhơ. Ngài có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân thể như khi mặt trời mọc, ánh sáng chiếu ngời ngời. Ngài cùng đi với đại chúng giống như mặt trăng giữa ngàn vì sao. Một đứa trẻ bảo hai đứa kia: "Các ngươi không thấy Đức Như Lai đến ư? Đây đúng là Đấng Như Lai chí tôn vô thượng của tất cả, là ruộng phước của thế gian, ánh sáng rực rỡ, huy hoàng khó ai sánh nỗi. Chúng ta đây đều nên cúng dường Ngài sẽ được lợi ích rộng lớn."

Rồi dùng kệ tụng khen:

Bậc ấy chúng sinh kính
Ruộng phước không ai trên
Chúng ta phải dâng cúng
Cúng Ngài phước không lường

Đứa trẻ thứ hai nói kệ:

Ta nay không có hoa
Cũng không có các hương
Thánh ấy không ai sánh
Lấy gì mà cúng dường.

Đến đây, một đứa trẻ liền cởi vòng ngọc đeo cổ trị giá hàng trăm ngàn rồi dùng kệ tụng khen:

Dùng vật này hiến cúng
Đấng Phước Điền vô thượng
Người trí sáng ở đâu
Thấy Ngài đều cung kính.

Lúc ấy, hai đứa trẻ còn lại theo đứa trẻ kia, đều cởi chuỗi ngọc đeo cổ, cầm ở tay mà ca tụng:

Cúng dường Bậc Chánh Giác
Qua sóng nước sông sâu
Thoát vô lượng ý chí

Trụ trong pháp bình đẳng.

Bấy giờ, một đứa trẻ bảo hai đứa trẻ kia: "Các ngươi dùng cội gốc đức ấy, chí muốn cầu điều gì?"

Một đứa trẻ đáp:

Ở cạnh Đức Thế Tôn

Bên phải đại Thanh văn
Thần tốc tối siêu việt

Ta nguyện được như ông.

Khi ấy hai đứa trẻ nói với đứa trẻ kia: "Này ngươi dùng cội gốc đức ấy muốn được điều gì?"

Đáp rằng:

Muốn như Đức Như Lai
Chí Chân, Chánh Đẳng Giác
Thấy rõ khắp tất cả
Giống như sư tử bước
Soi Thánh chúng sáng rỡ
Ta nguyện được như thế
Bậc nhất ba cõi kính

Độ thoát cả mười phương.

Một đứa trẻ vừa nói lời này thì trong hư không, tám ngàn vị Thiên tử đều khen ngợi: "Hay thay! Hay thay! Chúng ta rất ưa thích lời nói này. Nay Nhân giả đã phát ý thì chư Thiên, thế gian đều được nhờ cứu giúp."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bên cạnh Nhất Thiết Đạt Như Lai Chánh Giác có vị thị giả tên là Hải Ý học rộng hiểu nhiều bậc nhất. Ngài gọi mà bảo: "Ông có thấy ba đứa trẻ đều cầm chuỗi ngọc đi đến chăng?" Bồ-tát Hải Ý thưa: "Thưa Đấng Thiên Trung Thiên, con đã thấy." Đức Thế Tôn bảo rằng: "Này Tỳ-kheo! Ông nên biết, đứa trẻ ở giữa đã kiến lập cái chí tánh cao vời khó lường kia, cứ trong mỗi một bước vượt qua được hoạn nạn cả trăm kiếp từ vô thỉ đến nay, một lần cất bước cội gốc công đức thì sẽ lại làm Chuyển luân thánh vương trăm lần, nhận địa vị Đế Thích cũng lại như thế… thăng lên cõi Phạm thiên là vua trời Phạm cũng sẽ như vậy, mỗi lần cất một bước cội gốc công đức lại gặp trăm Đức Phật."

Ba đứa trẻ đến chỗ Đức Như Lai Nhất Thiết Đạt, cúi đầu dưới chân Ngài rồi tung chuỗi ngọc báu lên Đức Thế Tôn. Những đứa trẻ phát khởi ý nhỏ Thanh văn thì tung chuỗi ngọc lên ngang tầm mi mắt Đức Phật, còn đứa trẻ phát khởi tâm thông tuệ thì chuỗi ngọc ấy tung lên giữa hư không trên Đức Phật. Chúng biến thành đường sá, lầu đài, màn rủ, bốn bên che chắn trang nghiêm bằng phẳng. Ở trong đó hóa làm giường ngồi để Đức Như Lai dùng. Đến đây, Đức Nhất Thiết Đạt Như Lai liền vui cười. Vị thị giả hỏi Đức Phật: "Kính thưa Thế Tôn! Vì cớ gì Ngài cười? Ngài cười chắc có ý gì?" Như Lai bảo: "Này Hải Ý! Ông nhìn thấy hai đứa trẻ phát khởi ý

Thanh văn, tay cầm chuỗi ngọc tung lên cúng dường Như Lai chứ?" Tỳ-kheo Hải Ý đáp: "Thưa Đại Thánh, con đã thấy." Phật lại bảo: "Này Tỳ-kheo! Ông nên biết hai đứa trẻ đó sợ nạn sinh tử, phát khởi ý khiếp nhược, lòng mong cầu cứu giúp. Do vậy, chẳng phát ý đạo Vô thượng chánh chân mà muốn được Thanh văn làm đệ tử tôn quý. Về đời sau đều sẽ chứng đắc, một người thì trí tuệ tối tôn, người thứ hai thì thần túc vô song."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ý ông nghi ngờ gì chăng? Vị đồng tử ở giữa phát khởi ý thông tuệ là bản thân ta đó. Vị đồng tử nguyện đứng bên phải chính là ông. Vị đồng tử nguyện đứng bên trái chính là Đại Mục-kiền-liên.

Này Xá-lợi-phất! Ta quán sát các ông khi ấy vốn sợ nạn sinh tử, tuy có trồng cội gốc đức mà không thể phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân, tâm chí khiếp nhược, muốn mau diệt độ thì chẳng thể mau chóng được. Ông nương nơi pháp của ta mà đạt được vô vi, nay ông nhìn thấy các thông tuệ của ta chăng? Bằng hữu của các ông làm đệ tử Đức Phật mới được giải thoát. Do nhân này nên ta mới quán sát như vậy. Giả sử có người muốn mau chóng diệt độ thì phải phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân. Vì sao? Đã nói là nhanh chóng, đã gọi là các thông tuệ thì không có gì có thể vượt qua, chắc thật mà không lừa dối. "Thừa" đó là bậc nhất, yên ổn khắp các chúng sinh thì đó là các thông tuệ vậy, là vi diệu tôn quý vô thượng, là không ai sánh bằng, là so sánh vô song, không ai có thể vượt qua, là "Thừa" vô quái ngại, tất cả thừa Thanh văn, Duyên giác đều chẳng bì kịp, đó gọi là các Thừa thông tuệ.

Khi Phật nói pháp điển Đại thừa ấy, một vạn người phát khởi đạo ý Vô thượng Chánh chân. Ngay khi ấy các vị đại Thanh văn như: Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Ly Việt, A-nan, Luật Hòa Lợi, Phân-nậu-văn-đà-ni Tử, Tôn giả Tu-bồ-đề… tự gieo mình xuống đất, cúi đầu dưới chân Phật, bạch Thế Tôn:

–Kính thưa Đại Thánh! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát khởi ý chí lớn, nên cúng dường, sẽ được đạo giải thoát vi diệu ở hạnh chí chân. Vì sao? Vì giả sử trăm ngàn các Đức Phật Thế Tôn vì chúng con thuyết giảng các hạnh thông tuệ nhưng chúng con chẳng thể kham nhận vì không có thế lực. Nếu phát tâm thông tuệ đối với Nhất thiết tuệ ấy thì không chỗ ngăn ngại thù thắng khó bì kịp. Chúng con thà phạm tội ngũ nghịch đọa vào địa ngục vô gián mà chẳng dừng lại, chứ chẳng bỏ đi ý đạo Vô thượng chánh chân để làm Thanh văn. Vì sao? Vì giả sử phạm ngũ nghịch, tội đọa vào địa ngục, chịu các khổ độc, khi khổ đau kia hết rồi, từ địa ngục thoát ra mà

chẳng xa lìa, tâm không chỗ ngăn ngại các thông tuệ. Xét như hôm nay phải làm gì để không kham chịu? Thiêu đốt chánh chân, bại hoại nguồn gốc đối với Phật tuệ, đối với trí vô quái ngại thì chẳng phải pháp khí của Phật, ví như người đã chết không còn lợi ích cho thân thuộc, chúng ta dùng thừa Thanh văn để lập chí giải thoát cũng giống như vậy. Như thế là bỏ tất cả, không lợi ích cho chúng sinh. Ví như đất này làm sung túc cho tất cả chúng sinh hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân.

Bạch Thế Tôn! Cũng giống như thế những ai phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân thì chúng sinh ở trên chư Thiên, thế gian đều nhờ ân đức được độ cả.

-oOo-

PHẨM 5: KHÔNG TÔI TA

Bấy giờ Thế Tôn nói đầu đuôi câu chuyện ấy sắp kết thúc thì vua A-xà-thế cỡi xe tứ mã đem theo bốn binh chủng: voi, xe, bộ, kỵ, đến chỗ Phật cúi đầu dưới chân, nhiễu phải ba vòng, lùi về ngồi một bên rồi bạch Thế Tôn:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Chúng sinh nương vào nhân nào để an trụ? Trụ vào nhân duyên gì để mà hưng khởi? Do điều gì mà đắc tội?

Phật bảo nhà vua:

–Chúng sinh đã trụ vào nhân, ngã, thọ, mạng. Do đó chúng sinh tạo tội lỗi, nương vào thân tham mà khởi duyên điên đảo. Nhân đó mà khởi lên tai họa.

Vua lại hỏi:

–Thân tham ấy nguồn gốc ở đâu?

Thế Tôn đáp:

–Nguồn gốc thân tham ấy là không trí tuệ.

Vua lại hỏi:

–Căn bản của không trí tuệ ấy là cái gì?

Đáp rằng:

–Căn bản là nghĩ theo tà.

Lại hỏi:

–Nghĩ theo tà thì chỗ nào là căn bản?

Đáp rằng:

–Hư giả là căn bản.

Lại hỏi:

–Hư giả chỗ nào là căn bản?

Đáp rằng:

–Các tưởng không thật chính là căn bản.

Lại hỏi:

–Các tưởng không thật thì chỗ nào là căn bản?

Đáp rằng:

–Nghĩa là vô sở hữu, vô giác là căn bản.

Lại hỏi:

–Sao gọi là vô hữu, vô giác?

Đáp rằng:

–Nghĩa là vô sinh, vô hữu gọi là vô giác.

Lại hỏi:

–Vô sinh, vô hữu thì lấy gì mà tính toán và ở chỗ nào?

Đáp rằng:

–Vô sinh, vô hữu nên không thể tính toán.

Lại hỏi:

–Sự hồ nghi do nhân duyên gì khởi lên?

Đáp:

–Hồ nghi là từ do dự khởi lên.

Lại hỏi:

–Do dự là thế nào?

Đáp rằng:

–Nghe lời nói của Hiền thánh là chân lý mà còn hoài nghi, ấy gọi là do dự.

Lại hỏi:

–Sao gọi là Hiền thánh?

Đáp:

–Hiền thánh là những người đã diệt trừ tất cả ái dục và các kiến chấp. Chân lý là biết tất cả pháp đều không thật có.

Vua A-xà-thế bạch Đức Thế Tôn:

–Đã gọi là Hiền thánh không có sở hữu thì thật là hư ngụy! Thế Tôn đã an trụ từ chốn trần lao mà tạo lập ra, nương vào sự nghe của thế gian. Các Hiền thánh đã giảng thuyết mà lòng còn do dự thì bị tội không thể kể

xiết.

Bạch Thế Tôn! Cha lành của chúng con! Ngài không còn tội lỗi, không còn chỗ ràng buộc hay còn sợ nguy hiểm đến tính mạng. Con vì tham đất nước, mê hoặc của báu, mê theo vinh hoa phú quý, sản nghiệp, đắm lợi hại dân mà làm điều nghịch hại, luôn hồ nghi, kinh sợ, chẳng thể tự yên ổn, như tại cuộc vui mà đùa giỡn không chán, như ở trong cung cùng thể nữ du hý, hoặc nằm hoặc ngồi mà làm việc triều chính. Như ở riêng một mình nghe xét việc nước, xử sự bá quan, ngày đêm lo lắng không thể bỏ đi, uất kết trầm ngâm chẳng buồn ăn uống, tuy có bữa ăn thịnh soạn, chẳng thấy ngon, mắt kia mờ mờ, nhìn thấy mông lung, thân thể tiều tụy, tâm luôn run rẩy hồi hộp, ở chẳng được yên sợ sau khi chết phải đọa vào địa ngục. Con ngưỡng cầu Đức Như Lai ban cho những kẻ sợ hãi hết sợ, kẻ mù tối được mắt thấy, kẻ chìm đắm được cứu vớt, kẻ gặp khổ não được an lạc, kẻ không chỗ về được về, kẻ không được hộ trì được cứu tế, kẻ nghèo cùng được cho của cải, kẻ bệnh tật được trị liệu dứt bệnh, kẻ rơi vào đường tà được thấy nẻo chánh, kẻ đang ở nẻo chánh thì phát khởi lòng đại Bi, lòng chấp nhận lao khổ chẳng cho đó hoạn nạn, bình đẳng cứu giúp muôn loài, lòng Từ bi kiên cố, rốt ráo đầu đuôi chẳng vì khổ lạc mà lay động. Như Lai đã cứu độ chúng sinh thì không để sót một ai, không bỏ rơi một người nào.

Kính thưa Đức Thế Tôn! Người trông cậy của mọi người! Ngài ban ân an ủi trừ khử nỗi kinh sợ. Người cô đơn không ai cứu, xin Ngài ra tay cứu vớt, khiến cho kẻ đói khát được no đủ, kẻ thiếu thốn sắp quị xuống đất, xin nhờ Ngài nâng đỡ, kẻ không chỗ về, xin được trở về, kẻ chìm đắm xin gia ân cứu vớt. Bản thân con xin được không bị đọa vào địa ngục vô gián, được đến nơi không còn phân biệt.

Kính thưa Đức Đại Thánh! Đúng là cần phải thuyết giảng đạo pháp để giải quyết sự hồ nghi của con, đánh tan sự sầu kết, khiến cho con không còn do dự nữa, khiến cho trọng tội ấy được trở nên nhẹ nhàng.

Lúc này, Đức Thế Tôn nghĩ: "Vua A-xà-thế nói đã thông đạt mà còn rất vi diệu, đã vào được pháp rất thâm áo, những người khác không thể kham nhận được, muốn giải quyết được sự hồ nghi khiến vua không còn kết sử thì chỉ có ông Nhu Thủ kia mới có thể làm sạch được mọi chướng ngại."

Bấy giờ Xá-lợi-phất vâng Thánh chỉ của Đức Phật, gọi vua A-xà-thế bảo:

–Bệ hạ muốn biện luận sự nghi hoặc thì phải chuẩn bị một bữa trai

soạn, rồi mời Bồ-tát Nhu Thủ đến thì sẽ giải quyết được những kết sử hư ngụy, trần lao, hồ nghi của nhà vua, trấn an được đất nước và để cho những người trong cung vua được cúng dường trai soạn. Nhờ đó, thể nữ và những người hầu trong cung được phước vô lượng, vô số chúng sinh trong thành La-duyệt, của nước Ma-kiệt đều hưởng được lợi ích.

Vua A-xà-thế liền bạch với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Xin Bồ-tát rủ lòng thương xót, đi cùng với chúng tôi dự bữa tiểu thực.

Nhu Thủ đáp:

–Đại vương hãy thôi vì đã cúng dường đủ rồi, ở chánh pháp luật chưa có ghi điều này, nhận y phục hoặc thức ăn đầy đủ, chỉ tăng thêm lòng mong cầu.

Nhà vua lại nói:

–Phải bày tỏ thế nào để biểu lộ tấm lòng son của mình?

Nhu Thủ đáp:

–Giả sử đại vương nghe sâu xa, cái chân nghĩa đặc thù của diệu nghiệp mà không lo, không sợ, không kinh hãi, không run rẩy, thì mới là gia tăng lòng bi mẫn. Giả sử đại vương chẳng tưởng niệm pháp, cũng chẳng phải vô tưởng, không tưởng cái vô tưởng, như vậy hành giả mới gia tăng lòng thương xót. Giả sử đại vương bỏ tâm chẳng tưởng, cũng không phải chẳng tưởng, chẳng nghĩ đến tâm, cũng không có chẳng tưởng, đối với tâm hiện tại cũng không chỗ chấp thủ thì mới là gia tăng lòng ai mẫn. Giả sử đại vương cũng chẳng rơi vào tà kiến cũng chẳng diệt trừ, cũng không kiến chấp cũng chẳng phải không kiến chấp thì mới là gia tăng lòng ai mẫn.

Vua A-xà-thế lại bạch với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Nay đã nói hết sự chuyển tải của pháp, xin Bồ-tát rủ lòng thương xót nhận lời mời ấy!

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Đại vương nên biết! Điều pháp luật ghi chép chẳng dùng ân để ban và cúng dường người khất thực quần áo thức ăn uống, nên đại vương chẳng chấp có ngã chẳng chấp có nhân, chẳng chấp có thọ, chẳng kể có mạng thì mới là gia tăng lòng ai mẫn, mới là nhân của cúng dường. Giả sử nhà vua chẳng tự yêu thân, chẳng yêu thân người khác, tất cả đều không chấp thì mới là gia tăng lòng ai mẫn. Giả sử đại vương chẳng hộ trì tâm mình, chẳng chấp nhân duyên, chẳng ở tại các ấm, các nhập, không có pháp, bên trong

không có pháp bên ngoại, chẳng ở trong ba cõi, chẳng vượt qua ba cõi, không thiện, không bất thiện, không đức, không bất đức, chẳng ở với thế gian, cũng chẳng vượt qua thế gian, không tội không phước, cũng không hữu lậu, cũng chẳng vô lậu, cũng chẳng hữu vi cũng chẳng vô vi, chẳng bỏ sinh tử, chẳng nhận diệt độ. Ấy là gia tăng lòng ai mẫn.

Nhà vua đáp:

–Đúng thế, thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Tôi sẽ nhận lãnh đúng như lời pháp ấy. Do đó, xin Bồ-tát sẽ nhận lời mời của tôi, rủ lòng thương xót xuống những người hạ liệt chúng tôi.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Nhà vua nên biết! Giả sử các pháp có chỗ nương tựa, có chỗ thọ lãnh, có chỗ đạt được, có chỗ cứu hộ thì chẳng cần lòng ai mẫn, chẳng cần được đến chỗ yên ổn. Giả như đối các pháp có chỗ nương tựa mà khởi lên tưởng niệm, có chỗ kiến lập mà khởi lên buông lung, đó đều là nương chấp vào tưởng niệm có chỗ ủng hộ buông lung. Giả sử đại vương mong đến cứu cánh cùng cực yên ổn vĩnh viễn mới không có khổ đau. Giả như nhà vua lại có chỗ tạo tác thì chẳng có được lòng ai mẫn, chẳng đến được sự yên ổn.

Vua A-xà-thế lại hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Thọ trì pháp gì mà không có khổ đau, đạt đến giải thoát?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Nếu rõ được lý Không mà không tạo tác, cũng không có chỗ chẳng tạo tác. Vô tưởng, Vô nguyện, cũng không có tạo tác, cũng không chẳng tạo tác. Giả như đại vương có tạo lập mà hành động ấy là hành động của thân, miệng, ý. Đó chính là tạo tác. Giả sử chẳng có tạo tác, cũng không hành, do thân, miệng, ý. Đó chính là tạo tác. Giả sử chẳng có tạo tác, cũng không vận hành, do thân, miệng, ý không tạo nghiệp nên không tạo tác. Này đại vương! Vậy nên tất các các pháp đều không có tướng. Không vận hành ấy đã không thật có thì chính là tướng đó.

Nhà vua lại hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Sao gọi là vận hành mà không vận hành, chẳng có tạo tác cũng không chẳng tạo tác, chẳng tăng, chẳng giảm?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Giả sử chẳng nghĩ đến quá khứ đã qua, chẳng nghĩ đến tương lai chưa tới, chẳng nghĩ đến hiện tại mà không khởi lên, chẳng tưởng thường còn hay vô thường. Đó là hành cũng không chẳng hành, điều này có thể

bình đẳng với sắc, đối với các nhân duyên mà làm các duyên chẳng tăng chẳng giảm.

Nhà vua lại hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Các dục của trần lao chính là đạo ư? Thế nào là cùng hòa hợp?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Ý nhà vua thế nào? Ánh sáng mặt trời cùng với bóng tối hòa hợp ư?

Nhà vua đáp:

–Chẳng được vậy. Ánh sáng mặt trời vừa xuất hiện thì bóng tối bị tiêu diệt.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Nhà vua có biết bóng tối đi về đâu không? Ở phương nào? Tích tụ ở đâu không?

Nhà vua đáp rằng:

–Chẳng biết được.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Như vậy, nếu đại vương phát khởi đạo tuệ thì phiền não bị tiêu diệt mà chẳng biết chỗ tụ họp lại của phiền não cũng không có xứ sở, không có phương hướng. Vậy nên, bệ hạ phải biết rằng: Đạo cùng phiền não chẳng hòa hợp, lại bình đẳng với phiền não thì gọi là đạo, bình đẳng với đạo thì phiền não cũng bình đẳng. Phiền não cùng với đạo bình đẳng không sai khác. Tất cả các pháp cũng lại bình đẳng. Giả sử phân biệt như sự bàn bạc ấy thì phiền não là đạo. Vì sao? Vì có nhiều phiền não nên phải thị hiện có đạo vậy. phiền não vô hình, không thể nắm bắt. Cầu phiền não chính là cầu đạo vậy.

Nhà vua lại hỏi:

–Sao lại gọi là cầu phiền não mà là cầu đạo ư?

Ngài Nhu Thủ nói rằng:

–Giả sử có mong cầu chẳng vượt khỏi tâm người cũng chẳng nghĩ rằng đó là phiền não thì đó là tà đạo vậy. Vì thế nên phiền não là đạo. Phiền não ấy cũng nhập vào đạo.

Nhà vua lại hỏi:

–Sao gọi là phiền não mà nhập vào với đạo? Sao gọi là hành?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Đối với tất cả pháp mà không vận hành thì mới là hành đạo. Đối với tất cả pháp cũng không chẳng hành thì đó hành đạo.

Nhà vua lại hỏi:

–Hành đạo như thế thì đi về đâu?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Hành như vậy là không chỗ hướng đến.

Nhà vua lại hỏi:

–Đạo lẽ nào chẳng phải đến Nê-hoàn ư?

Bồ-tát Nhu Thủ hỏi:

–Có phải các pháp đến diệt độ không?

Nhà vua đáp:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Thưa đại vương! Như vật đạt đến không có chỗ đến là đạo của Thánh hiền.

Nhà vua lại hỏi:

–Hiền thánh ấy ở đâu?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Đạo Hiền thánh ấy thì không chỗ trụ.

Nhà vua lại hỏi:

–Đạo Hiền thánh ấy chẳng thực hành cấm giới, học rộng hiểu nhiều, định, tuệ ư?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Cấm giới của Hiền thánh là không có hành tướng, không có tướng buông lung, là định ý bậc Thánh. Tướng không chấp trước là định ý bậc Thánh, tướng không chỗ niệm là trí tuệ Thánh. Ý vua thế nào? Vì không có chỗ sở hành ấy không có buông lung lại có nơi chốn ư?

Nhà vua đáp:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Vì thế nhà vua nên biết, không chỗ trụ thì chính là đạo Hiền thánh.

Nhà vua lại hỏi:

–Thiện nam, thiện nữ, sao gọi là hướng đạo?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Giả sử đã chẳng cầu thì chẳng nhìn thấy pháp thường, vô thường, cũng không sở đắc, chẳng chấp các pháp có tịnh không tịnh, có rỗng không,

không rỗng không, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc khổ, hoặc vui. Đối với các pháp cũng không thể nắm bắt, chẳng thấy các pháp ở đầu tiên hay cuối cùng, ai muốn diệt độ thì thực hành như thế, là hướng về với đạo.

Vua A-xà-thế bạch với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Do vậy, xin Bồ-tát hãy nhận lời mời của tôi. Nhân đây khiến cho tôi lìa khỏi các điên đảo, khiến được giải thoát phân biệt tịnh hạnh. Xin hãy cùng các quyến thuộc cùng về cung để thọ thực.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Như vừa rồi đã nói, tất cả đều không thật có, không có sinh ra, không có "lành thay" với "chẳng lành thay". Vô sở hữu kia không có giải thoát thì giải thoát ấy vô sở hữu, cũng không giải thoát. Cũng không giải thoát là vì sao? Vì tất cả các pháp đều tự nhiên thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Nhu Thủ:

–Ông nên nhận lời mời của vua A-xà-thế. Nhờ duyên này khiến cho vô số người thành tựu được lợi ích đạt đến sự yên ổn.

Bồ-tát Nhu Thủ được Đức Thế Tôn khuyên, liền nói:

–Thưa vâng, con sẽ nhận lời mời ấy. Con chẳng dám trái lời dạy của Như Lai.

Vua A-xà-thế rất vui mừng được nhận lời mời rồi, vua phát sinh tâm thiện, cúi đầu dưới chân Đức Phật và Bồ-tát Nhu Thủ. Tất cả Thánh chúng đều lui ra. Nhà vua hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Quyến thuộc của Bồ-tát Nhu Thủ có bao nhiêu vị?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Sẽ có năm trăm người cùng đến.

Nhà vua vào thành, trở về cung. Ngay đêm ấy, vua cho dọn ra hàng trăm món thức ăn, bày ra năm trăm tòa ngồi trải nhiều tọa cụ lên trên, rồi cho treo lụa năm màu, phướn, lọng để trang hoàng cung điện, cho đốt các loại hương thơm, tung các loại hoa và ở các đường phố, ngã tư trong ngoài thành đều được quét dọn sạch sẽ, rảy nước thơm cả. Vua ra lệnh cho dân chúng trai gái, lớn nhỏ trang sức đẹp đẽ, mang theo hương hoa để cùng nghênh đón Bồ-tát Nhu Thủ.

-oOo-

PHẨM 6: TỔNG TRÌ

Bấy giờ vào lúc đầu đêm, Bồ-tát Nhu Thủ ra khỏi tịnh thất, tự nghĩ: "Bản thân ta chẳng nên cùng một số ít quyến thuộc đến chỗ nhà vua mời. Nay ta nên đến các cõi Phật khác để mời thêm các vị Bồ-tát cho họ được nghe thuyết giảng kinh pháp, đoạn trừ các hồ nghi và đến cung vua A-xà-thế thọ thực."

Bồ-tát Nhu Thủ trong thời gian co duỗi cánh tay của lực sĩ, bỗng nhiên biến mất. Trong giây lát, Bồ-tát đã vượt qua tám muôn cõi Phật, đến tận cõi Thường danh văn ở phương Đông, Đức Phật ở đó hiệu là Ly Văn Thủ Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Ngài vì các vị Bồ-tát nói pháp điển thanh tịnh. Ở cõi pháp ấy, Đức Như Lai cùng một lúc chuyển pháp sáu độ vô cực, tự nhiên thông đạt đầy đủ, tuyên thuyết rộng rãi pháp không thoái chuyển. Ở cõi pháp ấy, tất cả các cây trổ không biết bao nhiêu loại hoa, quả trái sum suê. Từ những cây ấy đều tự nhiên phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng chúng Bồ-tát không thoái chuyển. Vậy nên, danh hiệu thế giới ấy là Thường danh văn.

Bồ-tát Nhu Thủ đến chỗ Đức Phật Ly Văn Thủ, cúi đầu dưới chân bạch Đức Như Lai:

–Kính thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn sai các vị Bồ-tát cùng với con đi đến cõi Nhẫn, tề tựu về cung của vua A-xà-thế, theo lời mời của vua.

Đức Như Lai Ly Văn Thủ bảo các vị Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Các ông hãy cùng với Bồ-tát Nhu Thủ đến thế giới Nhẫn cho ông ấy vui lòng.

Hai vạn hai ngàn vị Bồ-tát Đại sĩ đang ở trong hội cùng lúc lên tiếng đáp:

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con nguyện cùng với Bồ-tát Nhu Thủ đến cõi Nhẫn.

Lúc ấy, từ nước Thường danh văn, Bồ-tát Nhu Thủ cùng hai vạn hai ngàn vị Bồ-tát bỗng nhiên biến mất. Tất cả hiện đến trong thất của Bồ-tát Nhu Thủ. Bồ-tát Nhu Thủ nhóm họp các vị Bồ-tát Đại sĩ vào đầu đêm thuyết giảng pháp Tổng trì. Thế nào gọi là Tổng trì? Sở dĩ gọi Tổng trì vì bao gồm: Các pháp (1). Tâm chưa từng quên (2). Chí nguyện không loạn (3). Tâm ấy chưa từng bỏ phế (4). Học nghiệp trí tuệ (5). Xét tinh túy các pháp, quán sát kỹ càng nghĩa lý (6). Phân biệt chánh tuệ (7). Chứng được quả chỉ là văn tự vậy (8). Đạt đến tịch nhiên (9). Sắp đặt tất cả các pháp theo chương cú (10).

Nắm tất cả cốt yếu của Hiền thánh (1). Chẳng đoạn dứt lời Phật dạy (2). Chẳng trái với Phật (3). Bao gồm tất cả chúng Hiền thánh (4). Đối với kinh pháp, chia điển tịch (5). Nhập vào tất cả trí tuệ tuyệt vời (6). Chẳng dựa vào chúng hội, cũng không khiếp nhược (7). Đi khắp các chúng hội tuyên dương kinh điển không sợ hãi (8). Phát xuất các thiện nam, đắn đo, kén chọn minh trí (9). Với trời, rồng, thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc thông suốt các ngôn ngữ ấy mà vì họ nói pháp (12).

Phát ra tiếng Thích, Phạm (1). Hiểu thấu bình đẳng chân chánh, biết rõ các nguồn cội (2). Biết kén chọn tà kiến các chỗ kiến lập (3). Tổng trì quan sát tất cả nguồn gốc hướng đến của chúng sinh (4). Đã trụ tâm bình đẳng (5). Đối với tám pháp thế tục chẳng chuyển động (6). Đầy đủ tất cả pháp chân chánh (7). Tùy theo tội phước, báo ứng, quả chứng của họ mà vì họ thuyết pháp (8). Khơi dậy cho chúng sinh tạo ra ý chí (9). Kiến lập cho chúng sinh sống với giới cấm (13).

Trí tuệ ấy nhập vào khắp cả (1). Vì các chúng sinh gánh vác trách nhiệm năng nề (2). Chẳng do khổ cực mà nhàm chán (3). Hiểu rõ các pháp vốn tánh thanh tịnh (4). Do bản tánh thanh tịnh ấy mà vì người diễn nói (5). Do hiểu bản tánh tuệ thanh tịnh nên thiết lập đạo nghĩa (6). Trí tuệ không ngăn ngại (7). Tu tập thiết lập pháp khí (8). Tâm ấy kiên cố, chưa từng biếng nhác, mệt mỏi (9). Đã giảng nói thì không có nghi kết (14).

Chẳng tham tất cả lợi ích cúng dường (1). Chẳng quên bỏ các tâm thông tuệ (2). Gắng sức chứa nhóm nhiều các hạnh, ưa thích vắng lặng (3). Bố thí không biết nhàm chán đều khuyến giữ gìn các thông tuệ (4). Giữ cấm giới không nhàm chán, do đó khuyến hóa được tất cả chúng sinh (5). Nhẫn nhục không nhàm chán, cầu giống như sắc thân Đức Phật (6). Tinh tấn không nhàm chán, tích tụ được các gốc đức (7). Nhất tâm không nhàm chán, tu hành tinh chuyên khiến không còn các tối tăm (8). Trí tuệ không nhàm chán nhập vào tất cả hạnh (9). Đem sự nghiệp đạo pháp đến với tất cả mà không chỗ sinh ra (15).(*)

Này các Thiện nam! Gọi là Tổng trì là bao gồm tất cả, không thể nghĩ bàn, yếu nghĩa các pháp, nắm giữ các pháp, không có sự tạo tác cũng chẳng phải có sự tạo tác nên gọi Tổng trì.

Lại nữa, này các Thiện nam! Tổng trì ấy là bao gồm các pháp. Sao gọi Tổng trì các pháp? Là nắm lấy tất cả các pháp, tất cả đều rỗng không, nắm lấy các pháp, tất cả không tưởng, nắm lấy các pháp, tất cả không

(*) *Thứ tự số đếm giữ nguyên bản.*

nguyện, lìa các hành, tịch mịch không hình tướng đều không thật có, cũng không thể hiểu, cũng không thể hành, không có xứ sở, cũng không chỗ sinh, cũng không chỗ khởi, cũng không nơi đến, cũng chẳng diệt hết, không lại không qua, cũng không hoại, cũng không vượt qua, cũng không chỗ tan rã, cũng không chỗ tịnh, cũng không bất tịnh, cũng không nghiêm, cũng không chẳng nghiêm cũng không chấp trước, cũng không thật có, cũng không kiến, chấp cũng không nghe, cũng không đến, cũng không giáo hóa, cũng không hữu lậu, cũng không tưởng niệm, cũng chẳng rời tưởng niệm, không ứng, chẳng ứng, cũng không điên đảo, cũng không đầy đủ, không ta, không người, không thọ, không mạng, cũng không buông lung, cũng không giữ lấy, cũng không chấp thủ, cũng không đặc thù, giống như hư không không có tiếng khen, cũng không đạt được, không chỗ phá hoại, cũng không có hai, quả nhiên an trụ nơi bản tế. Tất cả pháp giới, tất cả các pháp đều an trụ nơi bản thể vô vi. Đó gọi là Tổng trì.

Lại nữa, này các Thiện nam! Tất cả các pháp ví như huyễn mà đều tự nhiên. Nắm giữ tự nhiên như mộng, tự nhiên như sóng nắng, tự nhiên như bóng, tự nhiên như tiếng vang, tự nhiên như hóa hiện, tự nhiên như bọt nước, tự nhiên như bong bóng, tự nhiên như hư không… phân biệt các pháp như thế thì chính là Tổng trì.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này các Thiện nam! Ví như sự nâng đỡ của đất không chỗ nào chẳng giống nhau, chẳng thêm, chẳng bớt, cũng không chỗ đặt để, chẳng cho là nhàm chán. Giả sử Bồ-tát đạt được Tổng trì thì có thể lợi ích tất cả chúng sinh, ban ân, cứu tế vô số kiếp, từ cội gốc đến cả các thông tuệ mà tâm Tổng trì cũng không chỗ đặt để, chẳng nhàm chán.

Này các Thiện nam! Ví như ở trên đất này, tất cả chúng sinh nhờ vào đó mà sinh sống, loài hai chân, loài bốn chân, không loài nào mà chẳng nhờ. Bồ-tát Đại sĩ đạt được Tổng trì cũng lại như vậy, nhiều loài chúng sinh được nhiều lợi ích.

Này các Thiện nam! Ví như dược thảo, cây cối, trăm giống lúa, các loại trái cây đều nhờ đất sinh ra, giả sử Bồ-tát thành tựu được Tổng trì cũng cũng lại như vậy, liền có thể mở được tất cả cội gốc đức và pháp của chư Phật.

Này các Thiện nam! Ví như sự nâng đỡ của đất cũng không chỗ đặt để, cũng chẳng lo lắng, chẳng động, chẳng lay, chẳng tăng, chẳng giảm. Bồ-tát cũng như vậy, không chỗ đặt để, chẳng lo lắng, chẳng tăng chẳng giảm, cũng chẳng lay động.

Này các Thiện nam! Ví như ở trên đất này nhận nước trời mưa chẳng nhàm chán. Như thế, Bồ-tát thành tựu được Tổng trì đều nhận tất cả kinh điển của chư Phật và pháp của các Bồ-tát. Tất cả Duyên giác, Thanh văn, kể cả người chánh kiến, người hành bình đẳng, Sa-môn, Phạm chí khác, tất cả chúng sinh ở trên trời, ở thế gian nghe nói pháp ấy chẳng nhàm chán, nghe nói kinh chẳng mệt mỏi.

Này các Thiện nam! Ví như việc gieo trồng trên đất đều theo thời tiết mọc lên, chẳng mất thời vụ, cũng chẳng lẫn lộn trái thời tiết, hợp thời vụ thì càng phát triển. Như thế, Bồ-tát đạt Tổng trì thì bao gồm tất cả các pháp công đức, chẳng xâm phạm lừa dối người, cũng chẳng trái thời, đầy đủ các hạnh ngồi ở gốc cây Phật, nơi đạo tràng, đạt đến các thông tuệ.

Này các Thiện nam! Ví như kẻ cao sĩ dũng mãnh ở các nước thành vào cuộc chiến đấu, hàng phục kẻ địch thì không ai mà chẳng theo về. Như thế, Bồ-tát đạt được Tổng trì thì ngồi ở gốc cây Phật nơi đạo tràng, hàng phục chúng ma.

Này các Thiện nam! Ví như xét tất cả pháp là thường, vô thường, nếu vi diệu thì an ổn, phi ngã và chấp cũng là vô thường cùng các lầm lỗi và khổ, cũng phi ngã. Này các Thiện nam! Vì rời hai phía nên gọi là Tổng trì.

Này các Thiện nam! Ví như hư không, không gì chẳng nắm giữ, cũng chẳng phải nắm giữ, cũng chẳng phải không nắm giữ. Như thế Bồ-tát đạt được tổng trì thì nắm tất cả yếu nghĩa các pháp.

Này các Thiện nam! Ví như tất cả các pháp và các tà kiến đều là "không", đều nắm lấy tất cả. Như vậy, Tổng trì là bao gồm nghĩa lý của tất cả các pháp.

Này các Thiện nam! Nếu nói về Tổng trì thì không có khi nào hết được. Do không cùng tận thì không buông lung, do không buông lung thì không ở trung gian, đã bình đẳng thì không có thân, như cõi hư không, đã như hư không thì hư không và đất đều không có hai.

Bồ-tát Nhu Thủ vừa nói xong, năm trăm vị Bồ-tát cũng chứng đắc Tổng trì này.

-oOo-

PHẨM 7: TAM TẠNG

Vào giữa đêm, Bồ-tát Nhu Thủ vì các Bồ-tát Đại sĩ giảng thuyết ba tạng bí mật của Bồ-tát. Sao gọi là yếu nghĩa của tạng bí mật của Bồ-tát? Vì các kinh pháp không điều nào chẳng quy nhập vào tạng này. Như pháp thế

tục, pháp xuất thế, pháp hữu vi, pháp vô vi hoặc pháp thiện, hoặc pháp bất thiện, pháp hữu tội, pháp vô tội, pháp hữu lậu, pháp vô lậu… đều quy nhập vào tạng Bồ-tát. Vì sao? Vì hiểu yếu nghĩa kinh điển của tạng Bồ-tát thì hiểu rõ tất cả nghĩa các pháp.

Này các Thiện nam! Ví như tam thiên đại thiên thế giới này, hàng trăm ức đất đai bốn thiên hạ, hàng trăm ức mặt trời, mặt trăng, hàng trăm núi chúa Tu-di, hàng trăm ức biển lớn đều quyện hợp vào tam thiên đại thiên thế giới làm một cõi Phật.

Này các Thiện nam! Như thế pháp phàm phu và các pháp học khác như: pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, hoặc pháp Bồ-tát và cả pháp Phật đều đến quy vào tạng Bồ-tát. Vì sao? Vì tạng Bồ-tát bao gồm tất cả Thanh văn, Duyên giác đem nuôi dưỡng Đại thừa.

Này các Thiện nam! Ví như gốc rễ của cây kia có kiên cố thì cành lá, hoa trái mới thêm sum suê. Lại nữa, này các Thiện nam! Giả như có đạt được tạng Bồ-tát thì Bồ-tát Đại sĩ mới đạt được tất cả các thừa để đem nuôi dưỡng tất cả các pháp của phước đức. Tạng Bồ-tát tên là Vô lượng khí. Gọi Vô lượng khí là ví như biển cả, chứa được nước nhiều vô lượng. Đó là vật chứa đựng bao hàm nên các Rồng, Quỷ, Thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca lưu la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc và các loại chúng sinh cầm thú đều lấy từ đó, nên còn gọi là Vô hạn khí. Kinh điển bí mật cốt yếu của tạng Bồ-tát cũng lại như vậy. Đó là sự bố thí vô hạn về văn, giới, định, tuệ, giải thoát, tri kiến. Do vậy, nên gọi là tạng Bồ-tát. Ví như loài có máu sinh ở biển cả, vì sinh ra ở đó nên chẳng uống nước nào mà chỉ uống nước biển. Như vậy, nếu Bồ-tát đã hành tạng Bồ-tát thì không tu hành các pháp khác, mà chỉ thường tu hành các pháp nghĩa thông tuệ. Do vậy nên gọi là tạng Bồ-tát.

Lại nữa, này các Thiện nam! Bồ-tát có ba tạng cốt yếu. Sao gọi là ba?

1. Tạng Thanh văn.

2. Tạng Duyên giác.

3. Tạng Bồ-tát.

Tạng Thanh văn là nương theo âm hưởng người khác mà được giải thoát.

Tạng Duyên giác là hiểu rõ duyên khởi của mười hai nhân duyên, phân biệt báo ứng, chấm dứt nhân sinh khởi.

Tạng Bồ-tát là nắm giữ nghĩa lý vô lượng của các chánh pháp, tự phân biệt giác ngộ.

Lại nữa, này các Thiện nam! Thừa Thanh văn ấy không có ba tạng,

Duyên giác ấy cũng không có ba tạng, chỉ có pháp Bồ-tát mới nghiên cứu, rèn luyện ba tạng mật yếu. Nhờ pháp Bồ-tát mà phát sinh ba tạng là Thanh văn, Duyên giác và đạo Vô thượng chánh chân. Vậy nên gọi là ba tạng. Bồ-tát thuyết pháp khuyến hóa chúng sinh khiến họ ở nơi ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Vô thượng chánh giác. Vậy nên Bồ-tát tên là Tam tạng. Có ba tạng này thì không học tạng khác. Những gì gọi là ba? Đó là Thanh văn học, Duyên giác học và Bồ-tát học.

Sao gọi là Thanh văn học? Sự học này chỉ làm sáng tỏ bản thân mình.

Duyên giác học thì gọi là Trung học.

Hành đại Bi thì gọi là Bồ-tát học. Sự học này đạt đến vô lượng trí tuệ, bao gồm cả đại Bi.

Thừa Thanh văn kia chẳng học theo sự học của thừa Duyên giác, cũng chẳng hiểu thấu Duyên giác. Còn Duyên giác kia chẳng học theo sự học của Bồ-tát, cũng chẳng hiểu được sự học của Bồ-tát. Nhưng Bồ-tát thì học hết sự học của Thanh văn đều hiểu rõ mà chẳng theo cái học đó, cũng chẳng khuyến khích tu theo hạnh ấy. Bồ-tát học sự học của Duyên giác, hiểu rõ hết nhưng chẳng ưa theo sự học ấy, cũng chẳng khuyến hóa tu theo cái thừa đó. Nhưng Bồ-tát lại còn học theo sự học của Bồ-tát, hiểu rõ hết cả và ưa thích khuyến hóa tu theo hạnh của thừa đó. Bồ-tát khuyến hóa bằng hạnh của mình rồi thuyết giảng hạnh giải thoát của Thanh văn. Bồ-tát cũng thuyết giảng hạnh giải thoát của Duyên giác, Bồ-tát phân biệt sự tu tập giải thoát của Bồ-tát.

Như vậy, này các Thiện nam! Bồ-tát hiểu rõ sự học này gọi là tạng Bồ-tát, giống như đồ vật đựng trong vật bằng lưu ly tức thời tự nhiên tánh chúng hiện bày như sắc lưu ly.

Như vậy, này các Thiện nam! Giả sử Bồ-tát đã được thể nhập trong tạng Bồ-tát thì đối với các pháp, Bồ-tát nhìn thấy tất cả pháp đều là Phật pháp. Giả sử Bồ-tát đã vào tạng Bồ-tát thì chẳng nhìn thấy các pháp có xứ sở. Giả sử Bồ-tát hiểu rõ các Phật thừa thì chẳng thấy hình tượng các pháp. Những ai chẳng học đến Bồ-tát học thì thấy các pháp có xứ sở. Giả sử Bồ-tát học theo sự học của Bồ-tát thì chẳng thấy các pháp có xứ sở. Giả sử Bồ-tát học theo sự học của Bồ-tát thì chẳng thấy các pháp có trụ xứ. Những ai chẳng tu hành thì chấp tất cả đều là tự nhiên. Như vậy, này các Thiện nam! Giả sử Bồ-tát vào tạng Bồ-tát thì nơi mọi hành động của các pháp, tất cả đều thấy là pháp của chư Phật. Giả sử, Bồ-tát vào tạng Bồ-tát thì chẳng thấy các pháp có các hình tượng. Giả sử Bồ-tát hiểu rõ các Phật pháp thì cũng chẳng nhìn thấy xứ sở các pháp. Học Bồ-tát học thì chẳng thấy chỗ quy thú

của các pháp. Những ai không tu tập quán sát thì họ nhìn thấy tất cả chúng sinh nhìn thấy chẳng thuận thì Bồ-tát đều thấy các pháp thuận chính. Bồ-tát nhìn đến các pháp thì không có một pháp nào là chẳng phải Phật pháp cả. Vậy nên, gọi là tạng Bồ-tát.

Lại nữa, này các Thiện nam! Tạng Bồ-tát đã nói thì không bờ không đáy, dùng văn tự để diễn đạt thuận mà đúng lúc thì chẳng thể kể xiết, chỗ kiến lập của nó chẳng thể nghĩ bàn, tỏa ánh sáng xuống thì không đâu chẳng thông đạt. Ánh sáng không bờ cõi, không chỗ nào chẳng soi tới, rất nhiều ích lợi, khiến chúng sinh đều quay về các thông tuệ, lại còn khiến cho chúng sinh đều ưa thích bản thể vô vi. Giả sử có người học đến sự học kia, vừa mới học thì tất cả đều sẽ nhập vào tạng Bồ-tát. Vào được Đại thừa rồi, muốn học thì sẽ đạt được tất cả. Nếu họ chẳng đạt được Đại thừa thì cũng khiến họ đến với Đại thừa, khiến vào khắp cả. Như vậy, Bồ-tát Nhu Thủ vì các chúng Bồ-tát nhóm họp ở đây, ngay lúc nửa đêm thuyết giảng bí mật cốt yếu của kinh điển tạng Bồ-tát, phân biệt diễn giảng rộng rãi ý nghĩa mục đích hướng đến.

-oOo-

PHẨM 8: BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

Vào cuối đêm, Bồ-tát Nhu Thủ lại vì các Bồ-tát Đại sĩ tuyên giảng rộng rãi về Bất thoái chuyển luân Kim cang cú tích.

Sao gọi là Bất thoái chuyển luân?

Lại nữa, này các Thiện nam! Sở dĩ gọi Bất thoái chuyển luân là như khi nghe Bồ-tát thuyết giảng kinh pháp nếu có người đến nghe thì đều hiểu được nghĩa lý rồi quay về luôn, chẳng quay trở lại, do thuyết giảng về Bất thoái chuyển luân khiến cho họ ưa thích, tin tưởng. Hạnh Bất thoái chuyển luân của Bồ-tát là chẳng vì chúng sinh tạo ra một số hạnh, chẳng vì các pháp tu một số hạnh, chẳng ở trong đất nước sinh khởi một số hạnh, chẳng đối với chư Phật khởi lên một số hạnh, chẳng ở các thừa tu hành một số hạnh, tất cả chỗ đến đều nhìn thấy khắp, chuyển bánh xe pháp mà chẳng hủy hoại pháp giới. Đó mới gọi là Chuyển pháp luân. Vậy nên, có tên là Bất thoái chuyển luân, do đã chuyển bánh xe mà không đoạn dứt. Bánh xe ấy đúng lý thì không có hai. Như vậy, bánh xe ấy đúng là bánh xe Từ bi. Ý nghĩa nẻo về tự nhiên của bánh xe ấy là ở chỗ mình đã đến. Chỗ hướng về của bánh xe ấy là bánh xe đạo tràng pháp giới.

Lại nữa, này các Thiện nam! Giả sử Bồ-tát tin tưởng, ưa thích hạnh Bất thoái chuyển luân ấy giải thoát được khổ đau của bản thân mình, tin tưởng, ưa thích tất cả những điều đã tin, tất cả tư tưởng mà Như Lai đã dấy khởi cũng đều tin cả. Do tin nên được giải thoát đối với Như Lai thì không có hai giải thoát, cũng chẳng nói có hai, như tướng tốt giải thoát của Như Lai ấy là tướng các pháp, là tất cả pháp tướng. Tin Như Lai giải thoát thì không có tướng, đã lìa tướng giải thoát thì tự nhiên tế độ được bản thân mình. Hạnh như thế thì đâu có thể hơn được, cũng đâu có thể vượt qua tuệ ấy được. Vậy nên gọi là Bất thoái chuyển luân.

Lại nữa, này các Thiện nam! Bất thoái chuyển luân chẳng quay trở lại sắc. Sắc là tự nhiên vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thức chẳng thoái chuyển, thức cũng tự nhiên. Vì sao? Vì thức chẳng thoái chuyển đối với tất cả các pháp, giống như bản thể vô vi chính là pháp luân. Vậy nên, gọi là Bất thoái chuyển luân. Pháp luân ấy không có bờ cõi, hạn định, không ràng buộc, không góc cạnh, không có đoạn dứt, không thường hằng vậy. Pháp luân ấy không có pháp môn, không có hai nên chính là cửa pháp luân. Pháp luân ấy không thể chuyển, không chuyển được nên pháp luân ấy cũng không thể nói. Pháp luân ấy không thể nói nên pháp luân ấy cũng không có danh xưng, không chỗ hiển hiện chiếu sáng, pháp luân ấy không đạt được vậy.

Lại nữa, xét về Bất thoái chuyển luân này vào hư không thì không có tướng trụ vào cửa thanh tịnh thì không có tướng đến nhưng đến khắp nơi vì tướng rỗng không. Tất cả đều an trú ở cội gốc thanh tịnh vô tướng. Vậy nên gọi là Bất thoái chuyển luân.

Lại nữa, này các Thiện nam! Bất thoái chuyển luân có chỗ đi mà có chỗ đến. Vậy nên gọi là Bất thoái chuyển luân. Có chỗ buông bỏ có chỗ đi đến cho nên gọi là Bất thoái chuyển luân.

Như thế, Bồ-tát Nhu Thủ nói với các vị Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Sở dĩ gọi là Kim cương cú tích vì tất cả các pháp đều tịch diệt. Sao gọi là tất cả các pháp đều tịch diệt? Này các Thiện nam! Đã thấu rõ lý không, chính là Kim cương cú tích. Tiêu trừ sáu mươi hai tà nghi nên vô tướng ấy là Kim cương cú tích. Đoạn trừ tất cả các tưởng niệm nên vô nguyện ấy là Kim cương cú tích. Vượt hết tất cả năm đường hữu vi, khiến được tịch diệt nên pháp giới ấy là Kim cương cú tích. Siêu việt bao nhiêu bờ cõi nên bản thể vô vi ấy là Kim cương cú tích. Đạt đến vô ngã tịch diệt nên lìa khỏi sắc dục ấy là Kim cương cú tích. Diệt trừ tham dục, sự chấp trước nên duyên khởi hành ấy là Kim

cương cú tích. Chẳng hoại bản tánh, xét rõ vô vi ấy là Kim cương cú tích, thấy các pháp tự nhiên….

Bồ-tát Nhu Thủ vì các vị Bồ-tát phân biệt khắp các pháp trọn ba đêm liền, các vị Bồ-tát kia đều được thân cận với Tam-muội Quang Minh. Bồ-tát đạt đến định này thì mỗi một lỗ chân lông phóng ra trăm ngàn ánh hào quang, mỗi một ánh hào quang hóa hiện trăm ngàn các Đức Phật. Nghi dung các Đức Phật ấy lại giống Đức Phật Thiên Trung Thiên của cõi Phật hiện tại, đang làm Phật sự, khai đường dẫn lối cho chúng sinh. Các Đức Phật ấy được tất cả chúng sinh nghênh đón, nghe nhận giáo pháp.

-oOo-

PHẨM 9: BIẾN ĐỘNG

Rạng ngày hôm sau, bấy giờ vua A-xà-thế dậy sớm, đến chỗ Bồ-tát Nhu Thủ cúi đầu thưa:

–Vật phẩm cúng dường đã bày biện rồi, đã đến lúc xin Bồ-tát khởi hành.

Hiền giả Đại Ca-diếp sáng nay dậy sớm, đắp y, mang bình bát cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo sắp vào đại thành Xá-vệ khất thực. Đến giữa đường Tôn giả Ca-diếp nghĩ: "Ta đi khất thực quá sớm như vậy mới có thể gặp được Bồ-tát Nhu Thủ", nghĩ xong liền đi đến. Tôn giả cùng với Bồ-tát bàn luận giải bày rộng rãi, những điều cốt yếu.

Bồ-tát Nhu Thủ nói với Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Còn sớm, sao đã đến?

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

–Muốn đi khất thực sớm để học hỏi Đại sĩ.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Nay Tôn giả nên cùng quyến thuộc tề tựu về chỗ trai soạn cúng cho tôi thì tôi sẽ cúng cho Tôn giả thực phẩm.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Vật phẩm cúng dường đã có được rồi. Tôi vì pháp nên đến đây, chẳng vì ăn uống!

Bồ-tát Nhu Thủ lại nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Tôn giả nhận lời mời là nhận cả hai việc: Cúng dường đại pháp và đồ ăn thức uống, cũng chẳng chọn đạo pháp cũng chẳng bỏ việc ăn uống

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Chúng tôi chỉ trân trọng đạo pháp, tuyệt đối chẳng vì ăn uống. Chúng tôi đem hết thân mạng, ý chí suốt đời bảo tồn đạo pháp. Vì sao? Vì chúng tôi chẳng theo người khác mới có thể đạt đến được. Chẳng hạn như pháp môn này, nghĩa chân chánh mà Bồ-tát đã nói.

Rồi lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Hôm nay Bồ-tát và các Bồ-tát vì sao thọ thực?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp lại:

–Chúng ta thọ thực và bố thí cho họ, việc này cũng chẳng lợi ích lâu dài, cũng chẳng hao tổn, chẳng động đến sinh tử, chẳng gần với Nê-hoàn, cũng chẳng vượt qua cõi phàm phu, cũng chẳng chứng minh pháp của Hiền thánh, chẳng vượt Thanh văn chẳng bỏ Duyên giác. Chúng ta sẽ nói việc thỉnh mời kia, việc bố thí ấy cũng chẳng trừ sạch tuệ thanh tịnh cùng sự hiểu biết chẳng tồn tại mà ích lợi, chẳng đến được giải thoát; đối với kinh pháp cũng không chỗ dấy khởi, cũng chẳng đắc pháp, cũng không chỗ cởi bỏ.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Đúng là đại thí, bố thí vô cực, đã vào đến chỗ bản thể vô vi vậy.

Bấy giờ Bồ-tát Nhu Thủ tự nghĩ: "Hôm nay vào thành chắc được Đức Phật cảm động biến hóa." Ngay lúc ấy Bồ-tát dùng thần túc Tam-muội biến động để nhập định. Khi vừa dùng định này để nhập định tức thời tất cả tam thiên đại thiên thế giới, khắp nơi đều bằng phẳng như bàn tay. Ở khắp cõi Phật này được ánh đại hào quang kia soi khắp, không đâu chẳng tới. Ánh sáng ấy đến địa ngục thì mọi khổ đau tức thời ngưng nghỉ, đến với loài súc sinh, ngạ quỷ thì các bất an tức thời được yên ổn, tâm tưởng của các loài chúng sinh đều được khai mở, không còn tham giận, không xan tham ganh ghét, cũng không dua nịnh, không có các kết sử, sân hận kiêu mạn, không chỗ dấy khởi, cũng không phiền não.

Bấy giờ, chúng sinh nhìn thấy nhau như cha mẹ, thấy tam thiên đại thiên thế giới này chấn động. Thiên tử Dục Hành, Thiên tử Sắc Hành đều đến chúng hội để cúng dường Bồ-tát Nhu Thủ. Họ tấu nhạc, đờn ca, diễn xướng hàng trăm ngàn thứ, mưa hoa trời xuống trang nghiêm đường đi. Bồ-tát Nhu Thủ vừa khởi các định ấy, thì từ thất Bồ-tát đến cửa thành, tự nhiên đường cái bằng phẳng, vừa rộng vừa dài đều được trang hoàng bằng vô số bảy báu trân quý, có bao nhiêu vật dụng trang trí tự nhiên xuất hiện, báu vật nhiều không kể xiết hóa làm hào báu. Trong hào ấy mọc lên hoa

sen, cành hoa chen đầy đỏ hồng rực rỡ. Trên hào hóa ra chuỗi ngọc giăng, màn phủ dựng lên cờ, phướn, lọng, hoa bằng lụa là năm sắc. Giáp vòng hào ấy đều có lan can. Bên trái, bên phải lan can đều có cây báu rất cao to. Các cây báu được nối kết lại với nhau bằng những sợi dây báu. Bên cạnh mỗi một cây báu đều có giá báu, trên đặt lư hương đốt các loại hương thơm quý giá. Mỗi một lư hương đốt các loại hương thơm xa đến bốn mươi dặm. Khoảng giữa các cây hóa ra ao tắm báu, trong các ao ấy tràn đầy nước tám vị. Đáy ao toàn là cát bằng vàng, lan can quanh khắp ao bằng các thứ báu. Bờ ao bằng lưu ly. Dưới ao mọc toàn hoa sen xanh. Đất dưới những cây báu cũng bằng các thứ báu. Trên tất cả đất báu đặt các lư hương báu, đốt các loại hương quý. Nơi mỗi một cây báu có năm trăm ngọc nữ đứng thẳng hàng. Họ đều kiến lập công đức bố thí.

Bồ-tát Nhu Thủ vừa dùng định Tam-muội chánh thọ này, ngay khi ấy có thầy ngoại đạo kia thị hiện biến hóa, lồng lộng không lường, không đâu chẳng phô bày.

Bồ-tát Nhu Thủ liền đứng dậy, đắp y, mang bát, chuẩn bị ra đi. Bồ-tát nói với Tôn giả Ca-diếp rằng:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tiện thể xin đi lên trước, tôi xin đi theo sau. Vì sao? Vì Tôn giả niên kỷ đã cao, thuộc hàng kỳ túc, vốn tu phạm hạnh, làm Sa-môn đã lâu, chưa gặp Đức Như Lai mà đã xuất gia tu học. Kể ra thế gian đã có nhiều La-hán theo Tôn giả tu học. Do vậy, nên Tôn giả phải đi trước, tôi nay xin theo sau.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Xét theo pháp luật thì chẳng lấy tuổi tác làm tôn trưởng. Theo pháp luật thì lấy trí tuệ làm tôn trưởng. Thần trí bậc thánh mới là đáng tôn kính, học nhiều hiểu rộng, có biện tài thì mới gọi là tôn trưởng, các căn minh triệt mới gọi là tôn trưởng, thông hiểu pháp luật mới là tôn trưởng. Do những điều kể trên, Bồ-tát Nhu Thủ trí tuệ lồng lộng, học rộng hiểu nhiều, thông đạt hết các biện tài vô ngại, hiểu rõ nguồn gốc chúng sinh nên Bồ-tát rất to lớn, rộng rãi, cao xa. Bồ-tát quả là một bậc Đại tôn trưởng. Vậy nên, Đại sĩ phải đi trước, tôi xin đi sau.

Nay muốn ví dụ để phân biệt ý nghĩa này, Tôn giả Ca-diếp nói tiếp:

–Ví như con của sư tử vừa sinh chưa lâu, tuy là còn nhỏ, khí lực chưa thành, nhưng bước đi của sử tử con ấy còn lưu lại cái hơi của nó khiến nai rừng, các thú vật đánh được cái hơi mạnh ấy đều trốn chạy hết. Như có con voi lớn sáu ngà, sáu mươi năm tuổi, thân cao lớn, nếu dùng dây da buộc con voi ấy ba lớp mà nó đánh được hơi uy mãnh của sư tử con thì sợ hãi,

kinh hoàng, khích động hết sức, vùng đứt ba lớp dây trói, vội vàng chạy trốn mất vào nơi hang hốc, khe suối, rừng rậm, hốc cây… Nếu vào sông lớn thì tự lặn mất. Chim làm tổ trên cây, cố che khuất. Thú chạy dưới đất náu mình ẩn trốn. Loài dưới nước như cá, ba ba, lặn sâu xuống vực cho đến các loài chim bay lượn giữa hư không, Bồ-tát phát tâm cũng lại như vậy. Giả sử người phát tâm, trí tuệ đạo lực chưa được thành tựu, lòng còn khát ngưỡng, học tập bước sư tử, đi qua con đường của các bậc Thanh văn, Duyên giác thì tất cả chúng ma ở cung điện Tự tại đều sợ hãi, chẳng được tự yên ổn. Giả sử sư tử con thấy các sư tử khác thế lực uy mãnh, nếu con sư tử này gầm lên, sư tử con nghe âm thanh ấy chẳng kinh, chẳng sợ cũng chẳng sợ hãi, không sợ hoạn nạn mà càng thêm vui mừng, hớn hở. Nương theo thế lực ấy, sư tử con cũng sẽ gầm lên. Như vậy, Đại sĩ Nhu Thủ khi nghe Đức Phật gầm tiếng sư tử thì chẳng lo lắng, cũng chẳng sợ hãi, không sợ hoạn nạn mà còn vui mừng hớn hở, tâm yên ổn vậy. Tôi cũng sẽ tập tiếng gầm sư tử của Phật như hôm nay. Giả sử có nói về sự bình đẳng của bậc Chánh chân, bậc Duyên giác, bậc Thanh văn là Đức Như Lai vì tôn trọng sự phát tâm Bồ-tát, điều ấy chính là căn bản. Lời nói ấy chí thành, bình đẳng, không tà vạy. Vì sao? Vì chính do điều ấy sinh ra tất cả các pháp mà hiển hiện khắp nơi. Do vậy nên tôi biết rõ Đại sĩ Nhu Thủ là bậc đáng tôn kính. Tuổi Đại sĩ tuy nhỏ mà đã là bậc Thánh tôn trưởng nên phải đi trước, tôi nên theo sau.

Bồ-tát Nhu Thủ liền đi trước, rồi đến các Bồ-tát, các chúng Thanh văn mới theo sau. Bồ-tát Nhu Thủ vừa hướng về con đường báu trang nghiêm thì trời đổ mưa hoa, vô số nhạc cụ chẳng tấu mà tự vang lên. Ngay lúc ấy, đất đai chấn động, ánh hào quang lớn không đâu mà chẳng soi thấu. Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ đã thị hiện biến hóa, uy thần cảm động, phóng ánh hào quang lớn, mưa hoa, xông hương các tiếng âm nhạc hòa nhau tấu lên mà tiến vào thành Vương xá. Vua A-xà-thế suy nghĩ: "Bồ-tát Nhu Thủ cùng với hai mươi ba ngàn chúng Bồ-tát và các quyến thuộc Thanh văn làm tùy tùng đang trên đường đi đến, vua liền lo sợ. Hôm nay, ta chuẩn bị vật phẩm cúng dường cho năm trăm người mà người đến thì nhiều quá, đâu có thể cúng dường đều khắp được! Chư vị đã ngồi vào rồi, lấy gì để dùng đây?" Rồi vua lại nghĩ: "Bồ-tát Nhu Thủ quả nghi ngờ nhau mới phát khởi tâm này."

Ngay khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ đã kiến lập thần oai thánh đức, vua trời Tức Ý liền tự hóa thân làm quỷ thần Kim Tỷ, biến hiện thân thể vi diệu, gọi vua A-xà-thế bảo:

–Đại vương hãy yên tâm, chớ lo nghĩ khiến mệt long thể. Bồ-tát Nhu Thủ phương tiện, quyền xảo khéo léo, trí Tuệ vô cực, thị hiện công đức lớn, uy linh hiển hách, thần lực sáng rực rỡ. Bồ-tát lên đường đến đây thì phần ăn của một người có thể dùng cho khắp cả tam thiên đại thiên thế giới chúng sinh đều được no đủ, huống gì ở đây chỉ có hai mươi ba ngàn quyến thuộc đến mà thôi. Vậy nên, chẳng đủ khiến đại vương lo nghĩ khó nhọc. Đại vương hãy an tâm, chớ lo thêm vật phẩm cúng dường. Tất cả những người đến đây đều sẽ được no đủ hết. Vì sao? Vì Bồ-tát Nhu Thủ được sự hộ giúp rộng lớn không cùng tận, khó lường được.

Khi ấy vua A-xà-thế vui mừng không tự kềm chế được phát ý nghĩ rộng lớn về Bồ-tát Nhu Thủ như Phật Thế Tôn. Vua A-xà-thế cùng các quần thần, quan lại trong cung mang theo hương hoa, các thứ bột thơm, quần áo, cờ, phướn, lọng bằng lụa năm màu, nhạc cụ, đàn cầm, đàn sắt, không hầu… đến phụng nghênh Bồ-tát Nhu Thủ. Họ cúi đầu làm lễ xong, theo hầu Bồ-tát Nhu Thủ vào thành về cung.

Khi Bồ-tát Nhu Thủ cùng các quyến thuộc mới vào thành, nhân dân nội thành đều mang của cải đến để cúng dường. Ở trong hội có một vị Bồ-tát tên là Phổ Quán, Bồ-tát Nhu Thủ bảo vị ấy:

–Này Thiện nam! Hãy khiến cho cung điện, nhà cửa kia che chở hết chúng hội.

Vị ấy liền nhận lời, quan sát trái phải, thấy được khắp cung điện của vua A-xà-thế. Tự nhiên cung điện rộng lớn, lọng hoa bằng lụa năm sắc treo giăng, cờ phướn dựng đầy. Đất ở cung vua bằng phẳng, rộng rãi, tung đầy hương hoa. Lại có vị Bồ-tát tên là Pháp Siêu, Bồ-tát Nhu Thủ bảo vị ấy:

–Này Thiện nam! Hãy bày biện trang nghiêm các tòa ngồi.

Vị ấy liền nhận lời ngay. Chỉ trong khoảnh khắc, ở cung điện kia tự nhiên đầy đủ giường ngồi cho hai mươi ba ngàn người với ngần ấy loại trang hoàng vi diệu trang nghiêm, vô số tọa cụ trải trên đó. Bồ-tát Nhu Thủ và các vị Bồ-tát đều đến ngồi vào chỗ, tiếp theo là hàng Thanh văn.

Nhà vua thấy Bồ-tát Nhu Thủ, các vị Bồ-tát và các vị Thanh văn ngồi xong, tự đến trước thưa rằng:

–Xin quý Ngài hãy đợi trong giây lát, để tôi bày biện thêm vật phẩm cúng dường.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Đại vương hãy an tâm, tự khắc sẽ đầy đủ, chớ lấy làm nhọc sức.

Khi ấy, Tứ Thiên vương cùng với quyến thuộc đều đến hầu cúng Bồ-

tát Nhu Thủ. Lại có Thiên đế Thích, phu nhân Lương Thiện và hàng ngàn ngọc nữ mang đến nào là chiên-đàn của trời, đủ loại hương nào là hương mật, hương bột dùng để tung lên cúng dường tất cả các vị Bồ-tát, các vị Thanh văn. Khi các vị Bồ-tát thấy các hoa hương và các ngọc nữ thì họ không tưởng đến ngọc nữ, không tưởng đến hoa hương. Trời Phạm Nhẫn Tích hóa làm thân hình của Phạm chí Ma-nạp, tay cầm quạt đứng hầu bên trái Bồ-tát Nhu Thủ, dùng quạt để quạt. Các Thiên tử cõi Phạm đều cầm quạt hầu các vị Bồ-tát, đều đứng quạt. Vua rồng Vô Nhiệt ẩn mình trên hư không thả rủ xuống một chuỗi trân châu. Từ trong chuỗi trân chân ấy tuôn ra nước tám vị, vừa trong mát vừa ngọt lành, cung cấp đủ dùng cho các vị Bồ-tát ấy. Trước các vị Thanh văn đều có rủ chuỗi ngọc xuống cũng tuôn ra nước ngon lành để cung cấp cho các vị ấy dùng. Vua A-xà-thế tự nghĩ: "Các vị Bồ-tát này chẳng mang theo bát, họ sẽ dùng thế nào?"

Bồ-tát Nhu Thủ biết tâm vua nghĩ nên bảo:

–Các vị Chánh sĩ ấy đi đến đây chẳng mang bát đi theo. Họ có thể đi qua các cõi Phật, vừa ngồi xuống muốn ăn là bát tự nhiên hiện ra do các vị Bồ-tát ấy đã kiến lập được. Hơn nữa, Đức Như Lai ở chỗ các vị Bồ-tát ấy xưa đã từng tạo nguyện như thế.

Bát từ hư không hiện đến trong bàn tay các vị Bồ-tát. Vua A-xà-thế hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Các vị Bồ-tát này từ cõi Phật nào đến? Thế giới đó tên gì? Đức Như Lai Chánh Giác hiệu là gì?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thế giới tên là Thường danh văn, Đức Như Lai hiệu là Ly Văn Thủ, nay đang thuyết pháp. Các vị Bồ-tát này từ đó đến tham dự buổi cúng dường của nhà vua là muốn được thức tỉnh sự hồ nghi của nhà vua vốn ôm ấp hư vọng.

Khi chí nguyện của các vị Bồ-tát đã kiến lập được bản nguyện của Đức Như Lai thì bát từ hư không tự nhiên bay đến, rơi vào ao nước tám vị của rồng Vô Nhiệt, tẩy rửa sạch sẽ rồi đến chỗ các vị Đại sĩ. Hai vạn ba ngàn thể nữ rồng mang hương thơm đặt vào tay các vị Bồ-tát. Thấy thế nhà vua càng thêm hớn hở, liền cúi đầu trước Bồ-tát Nhu Thủ. Bồ-tát Nhu Thủ bảo nhà vua:

–Hãy bày biện phẩm vật cúng dường, nên biết đã đúng thời.

Nhà vua nhận lời chỉ giáo, liền cho bày thức ăn lên bao nhiêu là món ăn ngon lành trân quý. Tất cả đều dùng mà thực phẩm chẳng giảm bớt. Như vậy, thức ăn của vua A-xà-thế vốn chỉ cúng dường cho năm trăm vị, thì bây

giờ đủ cho hai mươi ba ngàn vị đều đủ mà thức ăn vẫn như cũ. Vua A-xà-thế bạch Bồ-tát Nhu Thủ:

–Thức ăn hiện vẫn như cũ, sao chẳng giảm bớt?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Giống như nhà vua hôm nay, hồ nghi chưa hết, nghi ngờ chưa hết nên giống như thức ăn ấy, dùng mà chẳng tiêu mất.

Các vị Bồ-tát dùng cơm xong liền lấy bát ấy ném lên không trung, bát ở giữa hư không, không chỗ nương tựa mà chẳng rơi rớt. Vua A-xà-thế hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Hôm nay, các bát ấy sao dừng được vậy?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Giống như sự hồ nghi của đại vương còn tồn tại, nay các bát ấy đang ở nơi kia.

Nhà vua đáp:

–Bát không có chỗ đứng.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Giống như nhà vua đã có hồ nghi thì cũng không có chỗ đứng. Nay các bát này không chỗ y cứ mà chẳng rơi rớt. Như vậy các pháp đều không thật có, cũng không có chỗ trụ. Do đó, các pháp cũng không đọa lạc.

-oOo-

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHỔ SIÊU TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

PHẨM 10: QUYẾT NGHI

Đến đây, vua A-xà-thế thấy các vị Bồ-tát và chúng Thanh văn ăn xong, rửa tay rồi, nhà vua lấy cái giường thấp, ngồi trước Bồ-tát Phổ Thủ để lắng nghe thuyết pháp. Nhà vua thưa:

–Kính xin Bồ-tát Phổ Thủ giải cho tôi sự hồ nghi.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Sự hồ nghi đại vương dù cho hằng hà sa số các Đức Phật Thế Tôn cũng chẳng có thể giải quyết được.

Khi nhà vua tự xét mình không cứu, không hộ được nên rơi từ giường xuống như cây đại thọ bị xô đổ xuống đất. Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Xin đại vương hãy tự yên ổn, chớ hốt hoảng, chớ lấy làm sợ hãi. Vì sao? Vì Bồ-tát Phổ Thủ mặc áo giáp đại đức, phương tiện thiện xảo mà thiết lập lên lời nói này. Nhà vua có thể từ từ mà hỏi.

Nhà vua liền bắt đầu hỏi Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thưa Đại sĩ! Sao Đại sĩ nói sự hồ nghi của tôi dù cho số Đức Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng cũng không thể vì tôi giải quyết được?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Ý nhà vua thế nào? Các Đức Phật Thế Tôn duyên theo tâm mà làm ư?

Đáp:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Các Đức Phật Thế Tôn phát tâm mà làm ư?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Các Đức Phật Thế Tôn diệt tâm mà làm ư?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Lại hỏi:

–Các Đức Phật Thế Tôn làm theo hữu vi ư?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Lại hỏi:

–Các Đức Phật Thế Tôn đã dạy hành vô vi ư?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Ý vua thế nào? Các pháp ấy mà không có pháp, không có người thực hành, không có chỗ hướng đến mà có thể có người giáo hóa đối với sự đoạn trừ pháp đó sao?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy

Bồ-tát Phổ Thủ nói tiếp:

–Nhà vua nên biết, do vậy tôi mới nói lời này, sự hồ nghi của nhà vua dù cho các Đức Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng cũng chẳng thể giải quyết được.

Lại nữa, này đại vương! Giả sử có người tự nói rằng: "Ta lấy bụi đất, tro, khói, mây mù làm cho ô nhiễm hư không." Người ấy đủ sức làm ư?

Đáp rằng:

–Chẳng thể làm ô nhiễm được!

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Giả sử đại vương sai tôi lấy hư không này đem rửa sạch, tôi làm được ư?

Đáp rằng:

–Không thể được!

Bồ-tát Phổ Thủ lại nói:

–Thưa đại vương! Như vậy bản thân Đức Như Lai hiểu rõ các pháp giống như hư không. Đã thành Tối chánh giác thì tự nhiên thanh tịnh, không chỗ nhiễm ô. Vì vậy, nên thấy có pháp nào bị ô nhiễm là thấy ngược ư? Đâu có thể thấy rõ là trừ sạch được? Đại vương hãy quán sát cái nhìn của pháp ấy. Vì vậy nên vừa rồi tôi nói rằng: "Các Đức Phật Thế Tôn nhiều như các sông Hằng cũng chẳng thể giải quyết được vậy."

Lại nữa, này đại vương! Các Đức Phật Thế Tôn chẳng chứng đắc bên trong tâm mà có chỗ trụ, chẳng chứng đắc bên ngoài tâm mà có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả các pháp tự nhiên thanh tịnh, không có xứ sở. Tự nhiên ấy là không có xứ sở, không có chí nguyện. Có chỗ trụ ấy là vì sao? Là vì được tự tại vậy!

Các pháp tự nhiên nên không tự nhiên vậy!

Các pháp không kiến lập nên không ngã đổ vậy!

Các pháp không thật có nên không thể nắm bắt vậy!

Các pháp rời khỏi hình dáng nên không hình dáng vậy!

Các pháp rỗng rang nên không ngăn ngại vậy!

Các pháp không có tướng giáo hóa nên không thể giáo hóa vậy!

Các pháp tự nhiên không vướng mắc nên lìa khỏi chấp trước vậy!

Các pháp bỏ nơi hướng đến nên không hướng đến vậy!

Các pháp không biệt ly nên không biệt ly vậy!

Các pháp không chỗ sinh nên không chỗ nương tựa vậy!

Các pháp tự nhiên thanh tịnh nên tâm tánh thanh tịnh vậy!

Các pháp không phân chia bình đẳng như hư không nên không gì so sánh vậy!

Các pháp không bè đảng nên không có bạn bè vậy!

Các pháp lìa khỏi hai nên không có hai vậy!

Các pháp rỗng lặng nên không lường vậy!

Các pháp không chấm dứt nên không biên tế vậy!

Các pháp không bến bờ nên không chân thật vậy!

Các pháp từ điên đảo chẳng chân thật mà không có chỗ trụ nên không điên đảo vậy!

Các pháp thường thanh tịnh, được an ổn rồi nên yên ổn vậy!

Các pháp không nơi hướng đến nên thanh tịnh vậy!

Các pháp vốn thanh tịnh, do minh đạt nên đã tự nhiên vậy!

Các pháp vô ngã mà hiện sáng nên yên ổn vậy!

Các pháp không tưởng niệm nên không do dự vậy!

Các pháp bên trong tịch nhiên nên không lừa dối vậy!

Các pháp hoàn toàn không chân thật nên tịch mịch vậy!

Các pháp tướng rỗng rang nên không có ngã, ngã sở vậy!

Các pháp trừ tận ngã nên không xuyên thủng rơi rớt vậy!

Các pháp tướng giải thoát nên về với tịch diệt vậy!

Các pháp lìa nhớ nghĩ nên không sợ sệt vậy!

Các pháp lìa số lượng nên tạo ra "một bình đẳng" vậy!

Các pháp đều ngự thoát nên hoảng hốt vậy!

Các pháp chẳng tưởng, chẳng bờ cõi nên không có tưởng vậy!

Các pháp không hủy hoại cái duyên an nhàn tịch mặc nên thuận với lý không vậy!

Các pháp lìa các kiến chấp nên không có nguyện cầu vậy!

Các pháp lìa được ba đời nên đoạn dứt được ba đời vậy!

Các pháp không quá khứ, vị lai và hiện tại nên vô vi bình đẳng vậy!

Các pháp hoàn toàn vô sinh nên theo ý nhà vua thì thế nào? Pháp kia không sinh cũng không khởi, cũng không thật có, không chân đế, đâu ai có thể làm ô nhiễm nó được ư?

Nhà vua đáp:

–Chẳng được vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Pháp kia chắc có thể đoạn trừ được chăng?

Đáp rằng:

–Chẳng được vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ lại nói:

–Tất cả các pháp bình đẳng với Nê-hoàn. Đức Như Lai hiểu được điều này nên đạt đến Tối chánh giác. Do điều này nên sự hồ nghi của nhà vua chẳng thể giải quyết được. Vậy nên, đại vương chẳng thể tu hành, có chỗ tạo lập cũng chỉ theo tâm điên đảo. Nhà vua phải tu hành tạo lập quán sát của chân đế, quán sát bản thể vô vi, thiết lập được khả năng quán sát ấy thì đối với các pháp không chỗ nắm bắt, cũng không chỗ hiểu, chẳng cùng chung ở. Nếu đại vương chẳng ở cùng với các pháp thì ấy mới là tin. Có niềm tin ấy mới là tịch mịch. Có sự tịch mịch ấy mới là tự nhiên tịnh. Có tự nhiên thanh tịnh mới là không chỗ tạo tác. Có sự không tạo tác thì tất cả các pháp không có chủ. Nhờ đó tạo ra Nhẫn, tất cả các pháp không có tác giả. Nhà vua nên biết điều này, không tạo tác là diệt độ. Xét các pháp kia cũng không tạo tác, không phá hoại, cũng không có tạo, cũng không chẳng tạo, đó là diệt độ. Giả sử đại vương thuận theo sự giải thoát là bình đẳng giải thoát. Đã bình đẳng giải thoát rồi thì đối với pháp ấy không nơi chốn, không đuổi kịp, chẳng tăng, chẳng giảm. Vì sao? Vì ở tất cả các pháp không lợi ích, cũng không mong cầu, các pháp không nguồn gốc. Các pháp không

nguồn gốc thì không chỗ sinh. Không chỗ sinh thì không nguồn gốc. Bản thể vô vi ấy bình đẳng không sai khác, nên gọi là không nguồn gốc. Giả sử đại vương tin hiểu bản thể vô vi thì tất cả hồ nghi tự nhiên bị đoạn dứt. Lại nữa, nếu nhà vua mắt không nhiễm ô, cũng không sáng sạch, sự tự nhiên của mắt là không nguồn gốc vậy, không nguồn gốc tự nhiên thì gọi là mắt vậy. Tai, mũi, lưỡi, thân và tâm ý cũng lại như vậy.

Này đại vương! Tâm ấy không có nhiễm ô, cũng không thanh tịnh. Tự nhiên của tâm là không nguồn gốc. Không nguồn gốc thì gọi là tâm. Nhà vua nên biết, sắc không nhiễm ô cũng không thanh tịnh, sắc ấy tự nhiên là không nguồn gốc. Không nguồn gốc tự nhiên thì gọi là sắc vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thức không nhiễm ô, cũng không thanh tịnh. Sự tự nhiên của thức là không nguồn gốc. Không nguồn gốc tự nhiên thì gọi là thức vậy. Nhà vua nên biết, tất cả các pháp không có nhiễm ô, cũng không thanh tịnh. Các pháp tự nhiên là không nguồn gốc, không nguồn gốc tự nhiên thì gọi là các pháp. Tâm không hình sắc, cũng không thể thấy không chỗ nguy hại, không có xứ sở, không có ngôn giáo.

Ví như huyễn, chẳng ở bên ngoài, chẳng ở bên trong. Tâm ấy vốn tịnh mà tự nhiên sáng. Giả sử tâm thanh tịnh thì không nhiễm ô, cũng không thanh tịnh. Nhà vua nên hiểu, đây, kia vốn thanh tịnh, tâm chẳng thể nhiễm ô, không có thanh tịnh, không có hư vọng, cũng không nhiễm trước, không chỗ nguy hại, do không có tưởng chân thật nên có tạo tác, không có chân thật nên thiết lập chỗ trụ. Phàm phu ngu si dựa vào ham muốn trần lao thì sao gọi là không có chân thật mà phát khởi tưởng không chân thật. Do không chân thật nên không thể khởi chân thật. Tất cả các pháp trụ đều chẳng chân thật. Do chấp ở đó nên không có tưởng chân thật.

Thưa đại vương! Ví dụ như hư không này không màu sắc, không thấy chẳng thể cầm nắm được, cũng không bỏ được, cũng không ngôn giáo. Giả sử có người nói rằng: "Nay hư không này không màu sắc, không thấy không cầm nắm được, cũng không thể bỏ, không có ngôn giáo. Ta nay muốn dùng bụi, khói, tro, mây mù để làm ô nhiễm hư không."

Nhà vua đáp:

–Chẳng thể được.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Như vậy, này đại vương! Tâm vốn thanh tịnh, tự nhiên hiển sáng thì chẳng có thể dùng bụi, khói, tro, mây, sương mù làm ngăn ngại, làm ô nhiễm. Ví như bụi khói mây mù trụ ở hư không, nhưng nhất định chẳng nhiễm vào hư không, làm nó dơ bẩn được.

Như vậy, thưa đại vương! Phát khởi tư tưởng ngã, ngã sở là do duyên kết sử là tham, sân, si chứ chẳng nhiễm ô tâm pháp, chẳng nhiễm ô cái thanh tịnh tự nhiên của tâm pháp. Vậy nên, đại vương đối với điều kia chớ ôm lấy hoài nghi. Nhà vua nên biết, tâm quá khứ và tâm vị lai kia thì không hình dáng. Tâm vị lai và tâm quá khứ cũng không hình mạo. Tâm hiện tại thì không chỗ nương tựa, cũng không thật có. Ý của tâm trước, chẳng ngăn ngại tâm sau. Ý niệm của tâm sau, chẳng ngăn ngại tâm trước. Tâm hiện tại ấy cũng lại như vậy. Bậc trí đối với việc kia mà tạo ra sự quan sát ấy. Tâm không thật có cũng chẳng phải không thật có. Tâm quá khứ đã diệt tận, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại không trụ, nhìn thấy các pháp, tâm vị lai không trụ, tiêu trừ các kiến chấp không chỗ ngăn ngại thì đó là giải thoát. Tưởng thanh tịnh thì các pháp lìa khỏi dơ bẩn, bình đẳng, khắp thế gian sáng suốt bình đẳng khắp không chỗ sinh ra thì không có ngôn giáo, không có ngôn giáo thì không chỗ nào chẳng ở. Đức Thế Tôn đã nói cái ý nghĩa của tịch nhiên, tịch nhiên ấy đối với pháp kia thì không có chỗ. Giả sử có người tìm cầu nơi ngôn giáo, tìm tòi các pháp.

Thưa đại vương! Giả sử ở tại các pháp mà không ý niệm thì trừ được tất cả kết sử hồ nghi, mà đối với các pháp không chỗ đoạn trừ. Vì sao? Vì sự hồ nghi ấy cùng pháp vừa bình đẳng lại không sai khác. Vậy nên nói là các pháp ngự trị bình đẳng, tất cả các pháp và cả pháp giới, ở các pháp này sẽ ngự trị bình đẳng. Vì sao? Vì tất cả các pháp nhập vào trong pháp giới. Thiết lập pháp giới bình đẳng thì các pháp bình đẳng. Vậy nên nói rằng pháp giới bình đẳng với tất cả các pháp. Pháp giới ấy bình đẳng thống lãnh các pháp.

Khi Bồ-tát Phổ Thủ nói lời này, thì vua A-xà-thế đạt được pháp nhẫn Nhu thuận, vui mừng hớn hở, lòng được an lạc lớn. Nhà vua liền chắp tay khen rằng:

–Hay thay! Rất sung sướng được nghe lời diệt trừ sự hồ nghi của tôi.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nhà vua nên biết, đây là cái kết sử hồ nghi rất tối tăm vậy.

Nhà vua đã hoàn toàn xa lìa tất cả các pháp nên nói:

–Hay thay! Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Tôi rất sung sướng nghe lời đoạn trừ nghi hoặc ấy.

Nhà vua lại nói:

–Do vì diệt hết các sự ngăn che của các "ấm" "chấp ngã", giả sử thân mạng tôi đến lúc chết thì sẽ được đến với đạo.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đó là sự nghi ngại rất lớn của đại vương. Diệt được nó mới đạt được cứu cánh tất cả các pháp đến với diệt độ, mới có thể mong cầu tưởng đến Nê-hoàn. Tất cả các pháp là Niết-bàn rốt ráo mà lại mong tưởng diệt độ ư? Nê-hoàn cứu cánh ấy là bản tánh thanh tịnh của các pháp mà không chỗ sinh.

Bấy giờ, vua A-xà-thế lấy áo mềm mại, đẹp đẽ trị giá hàng trăm ngàn, dâng lên Bồ-tát Phổ Thủ để đền đáp ân pháp mà Bồ-tát đã che chở cho mình. Bồ-tát Phổ Thủ bỗng nhiên biến mất, chẳng biết thân Bồ-tát đã đi về đâu, ở hư không có tiếng nói:

–Như hôm nay đại vương chẳng nhìn thấy thân của Bồ-tát Phổ Thủ thì quan sát sự hồ nghi ấy cũng sẽ như thế. Như thấy sự hồ nghi, thấy tất cả các pháp cũng lại như vậy. Như quan sát các pháp đã thấy như vậy, thấy không chỗ thấy.

Lại nói rằng:

–Này đại vương! Đại vương đã thấy thân nên dùng áo để cúng dường.

Ngồi tiếp theo Bồ-tát Phổ Thủ là Bồ-tát tên Tuệ Anh Tràng, vua A-xà-thế đem áo cúng dường cho vị ấy. Khi ấy, vị Bồ-tát chẳng chịu nhận áo, nói với vua:

–Tôi chẳng muốn thoát khỏi sở hữu, cũng chẳng sân hận, cũng chẳng diệt độ. Tôi cũng chẳng gần với pháp phàm phu mà nhận áo ấy. Tôi cũng chẳng theo hạnh cứu giúp phàm phu, chẳng theo học, cũng lại chẳng theo pháp thoát khỏi phiền não, chẳng theo ‘bất học’, chẳng theo vô học mà vượt qua pháp. Tôi chẳng theo Duyên giác, cũng chẳng theo pháp vượt qua Duyên giác mà nhận áo ấy. Tôi cũng chẳng theo sự thọ nhận của Như Lai, cũng chẳng theo pháp giải thoát của Như Lai mà nhận áo này. Giả sử đại vương cũng hành pháp này, chẳng xả pháp này thì tôi mới nhận. Người được nhận nếu có người ban cho, người nhận người cho đều bình đẳng, không sai khác. Người bố thí như thế này là đúng như Chúng Hựu thanh tịnh đã dạy.

Vua A-xà-thế lấy áo mặc vào thân ngài Tuệ Anh Tràng, ở trên tòa lập tức Bồ-tát biến mất. Rồi ở hư không lại nghe có tiếng nói:

–Thân hiện tiền kia, hãy lấy áo để cúng dường!

Thứ đến, có vị Bồ-tát tên là Tín Hỷ Tịch, vua A-xà-thế đem áo cúng cho vị ấy. Bồ-tát kia nói:

–Tôi cũng chẳng theo cái thấy có tự thân như có sự nhận cũng chẳng theo cái thấy có người khác, chẳng theo cái thấy có sắc trần mà có sự thọ nhận. Tôi chẳng theo sự lìa bỏ sắc trần, cũng không theo sự nương tựa vào

tịch tĩnh mà có sự thọ nhận. Tôi chẳng theo sự không nương tựa, chẳng theo định ý, chẳng theo loạn chí, chẳng theo trí tuệ, chẳng theo vô tuệ mà có sự thọ nhận.

Nhà vua liền mặc áo lên người Bồ-tát thì Bồ-tát cũng biến mất, trên không trung như có tiếng nói:

–Vị nào đang có mặt thì đem áo để cúng dường.

Thứ đến, có vị Bồ-tát tên là Bất Xả Sở Niệm, vua A-xà-thế đem áo cúng cho vị ấy. Khi ấy, vị Bồ-tát cũng chẳng chịu nhận mà bảo rằng: Tôi không theo sự nương nhờ vào thân mà có sự thụ nhận, không theo sự nương nhờ vào lời nói, không theo sự nương nhờ vào tâm, không theo sự nương nhờ vào tuệ, không theo sự nương nhờ vào luận nghị, không theo sự nương nhờ vào các ấm, không theo sự nương nhờ vào chủng loại, không theo sự nương nhờ vào sự suy tàn, không theo sự nương nhờ vào thật lý, không theo sự nương nhờ vào âm thanh của Phật mà có sự thụ nhận. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có chỗ nương nhờ cũng không có chỗ chấp trước, rốt ráo hằng an ổn không chấn động. Vua A-xà-thế đem áo cúng dường thì Bồ-tát cũng biến mất, ở hư không có tiếng nói với vua:

–Vị Bồ-tát kia hiện có mặt thì hãy đem áo để cúng dường!

Ngồi tiếp là vị Bồ-tát tên là Tôn Chí. Vua A-xà-thế đem áo cúng cho vị ấy. Khi đó vị Bồ-tát cũng chẳng chịu nhận nói:

Nhà vua nên biết, tôi chẳng theo sự giải thoát thấp hèn mà nhận. Giả sử đại vương phát tâm đạo Vô thượng chánh chân, tâm ấy bình đẳng thì ý đạo bình đẳng, ý tin đạo bình đẳng. Đạo đã bình đẳng thì tâm kia cũng bình đẳng. Ý đạo đã bình đẳng thì các pháp bình đẳng. Đã có thể bình đẳng tất cả các pháp thì mới nhận áo. Đối với tất cả pháp mà chẳng thọ, chẳng xả, cũng không bố thí, thoát khỏi các pháp mà không có ý cũng chẳng phải không có ý, nhìn tất cả pháp chẳng thấy ngã, ngã sở. Như vậy, hành giả mới nhận áo.

Vua A-xà-thế đem áo cúng dường cho vị Bồ-tát đó Bồ-tát liền biến mất. Rồi từ hư không như có tiếng nói:

–Vị Bồ-tát nào hiện có mặt thì hãy đem áo để cúng dường.

Kế tiếp có vị Bồ-tát tên là Định Hoa Vương, vua A-xà-thế đem áo cúng vị ấy. Khi ấy, vị Bồ-tát cũng chẳng chịu nhận nói rằng:

–Giả sử đại vương tu hành các Tam-muội, chẳng mong đạt định ý, tin hiểu các pháp vốn thanh tịnh, bình đẳng không có giải thoát thì tôi mới nhận áo ấy.

Vua A-xà-thế lấy áo mặc lên thân vị Bồ-tát ấy. Khi đó, vị Bồ-tát cũng liền biến mất, rồi ở không trung có tiếng:

–Vị nào hiện có mặt thì đem áo để cúng dường!

Vị Bồ-tát tiếp theo tên là Vô Đãi Đắc. Vua A-xà-thế đem áo cúng dường cho vị ấy. Vị Bồ-tát kia cũng chẳng chịu nhận, nói rằng:

–Thưa đại vương! Giả sử đối với tất cả "ấm" mà tin được giải thoát. Văn tự, âm thanh, tất cả bình đẳng mà chẳng thể nắm bắt được. Đã thấy các pháp không thể nắm bắt thì dẫn đường lợi ích không đạt được nghĩa lý, chẳng nắm giữ các vẻ đẹp, chẳng chỉ bày trang sức. Làm hạnh ấy thì tôi mới nhận lấy.

Vua A-xà-thế đem áo trao cho vị ấy thì Bồ-tát kia bỗng nhiên biến mất. Rồi ở trong hư không có tiếng nói:

–Vị nào hiện có ở đây thì đem áo để cúng dường!

Vị Bồ-tát kế tiếp tên là Tịnh Tam Cấu. Vua A-xà-thế đem áo cúng cho vị ấy, thì vị Bồ-tát kia cũng chẳng chịu nhận mà nói rằng:

–Giả sử đại vương chẳng tự chấp thân, cũng không thọ nhận. Người kia có ban cho thì cũng không vọng mong cầu. Nếu như thế thì tôi mới nhận áo.

Vua A-xà-thế đem áo trao cho thì vị ấy cũng biến mất. Rồi ở không trung có tiếng nói:

–Vị Bồ-tát hiện có mặt thì đem áo để cúng dường!

Vị Bồ-tát ngồi tiếp tên là Hóa Chư Pháp Vương. Vua A-xà-thế đem áo cúng cho vị ấy. Khi ấy, vị Bồ-tát cũng chẳng chịu nhận mà nói rằng:

–Giả sử nhà vua thị hiện Thanh văn mà vào Nê-hoàn, cũng chẳng diệt độ, thị hiện Duyên giác mà vào Nê-hoàn cũng chẳng diệt độ, thị hiện Như Lai mà vào Nê-hoàn cũng chẳng diệt độ. Không có pháp đầu tiên, cuối cùng, không pháp diệt độ thì tôi mới nhận áo.

Vua A-xà-thế đem áo trao cho vị ấy thì vị ấy cũng biến mất. Trên không trung nói rằng:

–Vị Bồ-tát nào hiện có mặt thì đem áo để cúng dường!

Vua A-xà-thế lần lượt đem áo dâng lên, nhưng các vị Bồ-tát đều biến mất, từng người một đều nói:

–Vị nào hiện có ở đây thì đem áo để cúng dường!

Giường, tòa, bàn ghế cũng biến mất.

Vua A-xà-thế nói với Hiền giả Đại Ca-diếp:

–Bây giờ, ai hiện còn ở đây, phải nhận áo này! Nhân giả đã được Đức Phật tối tôn khen ngợi nên phải nhận áo này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Tôi thì tham, sân, si không trừ hết vậy! Như tôi hôm nay chẳng nên nhận áo. Tôi chẳng xả vô minh, chẳng trừ ái dục, chẳng đoạn khổ não, chẳng diệt các tập, làm chẳng đến tận cùng, chứng cũng chẳng theo đường lối. Tôi chẳng thấy Phật, cũng chẳng nghe pháp, chẳng thống lãnh Thánh chúng, chẳng trừ phiền não, chẳng phát khởi tư tưởng, chẳng rời bỏ tư tưởng, chẳng kiến lập tuệ, cũng chẳng lìa khỏi tuệ. Mắt tôi chẳng tịnh, cũng chẳng tạo tuệ, cũng không chỗ diệt. Nếu nhà vua đem áo ấy ban cho tôi thì chẳng được phước lớn, cũng chẳng phải không phước. Tôi cũng chẳng ở với pháp sinh tử, không ở với pháp diệt độ, đại vương đem áo ấy ban cho tôi thì chẳng thể rốt ráo được phước đức của Bậc Chúng Hựu. Giả sử đại vương có thể làm như thế, hiểu hết các nghĩa lý thì tôi nhận áo này.

Nhà vua đem áo trao cho Tôn giả Ca-diếp thì Tôn giả bỗng nhiên biến mất, ở hư không nghe tiếng nói:

–Vị nào hiện có ở đây thì đem áo cúng dường!

Vua A-xà-thế lần lượt đem áo dâng lên thì chư vị đều biến mất. Như thế, tất cả các vị đại đệ tử, từng người một biến mất đi hết cả năm trăm người. Rồi lại nghe tiếng nói:

–Nhà vua nhìn thấy thân ai thì đem áo ban cho người đó.

Nhà vua tự nghĩ rằng: "Bồ-tát Thanh văn đều biến mất hết. Ta sẽ đem áo về cho bà hậu phi thứ nhất." Nhà vua vào cung quan sát khắp cả cũng chẳng nhìn thấy tất cả thể nữ. Vua A-xà-thế liền được thân cận định ý như thế. Mắt của nhà vua chẳng nhìn thấy các sắc, cũng chẳng thấy nam nữ, chẳng thấy đồng tử, chẳng thấy đồng nữ, chẳng thấy lớn nhỏ, chẳng thấy tường vách, chẳng thấy cây cối, chẳng thấy nhà cửa, chẳng thấy thành quách mà liên tục thấy thân tướng. Lại nghe tiếng ở trên không trung nói:

–Cứ thân nào hiện thì đem áo ban cho.

Nhà vua liền tự mặc vào thì chẳng thấy thân nữa. Liền trắng như tuyết, tiêu hết tất cả sắc tướng. Lại nghe tiếng nói:

–Giả sử đại vương chẳng thấy các màu sắc, hình tướng của mình, nhu nhuyến, yên ổn quan sát hồ nghi, cũng sẽ thấy hồ nghi như thế. Quan sát tất cả pháp cũng lại như vậy. Như không kiến chấp thì đó mới là "thấy" rời khỏi "các thấy". Giả sử lìa "thấy" để có "sự thấy" thì "không thấy" chẳng lìa "các thấy". Như vậy, "thấy" ấy là quán bình đẳng. Giả sử đối với các

pháp chẳng có "chỗ thấy", đã không "chỗ thấy" thì chính là quán bình đẳng. Lúc này vua A-xà-thế lìa khỏi tất cả những tưởng niệm mà mình đã có. Rồi vua ra khỏi Tam-muội, trở về với hiện thực. Nhà vua lại thấy chúng hội, các hậu phi, thể nữ, thành quách, cung điện, nhà cửa trở lại như cũ. Vua A-xà-thế bạch với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Trước đó, chúng hội họp ở đâu? Ở trước mặt mà tôi chẳng thấy họ.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp lại:

–Giống như những hồ nghi mà nhà vua đã nhóm họp. Chúng hội ấy trước vẫn ở chỗ đó.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Này đại vương! Đại vương thấy chúng hội ư?

Đáp rằng:

–Thấy rồi!

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Sao gọi là thấy.

Đáp rằng:

–Giống như hồ nghi, nhìn thấy chúng hội cũng lại như vậy.

Lại hỏi:

–Thấy những gì ở hồ nghi ư?

Đáp rằng:

–Như nhìn chúng hội, đã thấy các hình sắc trước mắt. Hồ nghi cũng vậy, chẳng thấy trong ngoài.

Lại hỏi:

–Này đại vương! Đức Thế Tôn nói rằng: "Kẻ phạm ngũ nghịch thì tội không được dừng nửa chừng, không có gián đoạn." Nhà vua tự biết phải đến địa ngục ư?

Nhà vua liền đáp:

–Sao gọi là Phổ Thủ? Khi Đức Như Lai Chí Chân thành Chánh giác phải chăng thấy có pháp về nhà tù ư? Chỗ ấy về là tam đồ ư? Chỗ ấy về là trên trời ư? Chỗ ấy về là Nê-hoàn ư?

Đáp rằng:

–Thưa đại vương! Chẳng phải vậy.

Nhà vua nói:

–Này Đại sĩ Phổ Thủ quan sát thấy nay tôi đã hiểu rõ tất cả các pháp thì đối với các kinh pháp cũng không có sở đắc, rơi vào địa ngục cũng như

sinh lên trời hay vào Nê- hoàn. Tất cả các pháp đều là chân như thì chẳng khác nào phân biệt chỗ quy thú của hư không, ngắm nhìn hư không, không vào địa ngục, chẳng lên trên trời, chẳng vào Nê-hoàn. Tất cả các pháp không thể phá hoại. Tất cả các pháp đều trở về pháp giới. Pháp giới ấy chẳng về đường ác, chẳng lên trên trời, chẳng vào Nê-hoàn thì tội nghịch vô gián kia gọi là pháp giới. Các nguồn gốc của các tội nghịch thì gọi là pháp giới. Do đó nguồn gốc thanh tịnh ấy chính là tội nghịch. Các tội nghịch ấy chính là nguồn gốc thanh tịnh.

Vậy nên nói rằng: Các pháp vốn thanh tịnh.

Này Bồ-tát Phổ Thủ! Vậy nên, tất cả các pháp đạt đến vô sinh, từ đó tự biết chẳng rơi vào đường ác, cũng chẳng lên trời, chẳng vào Nê-hoàn.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Tại sao nhà vua làm rối loạn giáo pháp của Phật?

Nhà vua đáp:

–Tôi cũng chẳng trái giáo pháp của Đức Thế Tôn, chẳng trái Phật pháp. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn phân biệt diễn giảng nguồn gốc vô ngã, nói nguồn gốc chân đế, đã không có ngã thì không có nhân, nhân không thật có. Chúng sinh hư vô không có thật. Như vậy, rõ ràng những cái ấy không chỗ tạo ra, cũng không tạo tác, cũng không thọ lãnh.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Thưa đại vương! Đại vương đã đoạn dứt hồ nghi rồi ư?

Đáp rằng:

–Đã tiêu trừ rốt ráo.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi rằng:

–Đại vương thế nào? Do dự đã dứt tuyệt rồi ư?

Đáp rằng:

–Đã dứt tuyệt vĩnh viễn.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Hôm nay ở trong chúng hội, mọi người biết nhà vua có tội nghịch mà tại sao nhà vua nói không tội nghịch?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Lại hỏi:

–Tại sao?

Đáp rằng:

–Đó đã là nghịch thì giải thoát đối với không kết sử mà chứng đắc. Các nghịch đó tách rời khỏi "hội nghịch" thì các nghịch ấy là pháp Nhẫn nhu thuận của Bồ-tát, mà muốn khiến mọi người được vào cái nhẫn ấy thì chẳng nên đối với họ nắm giữ các "nghịch". Này Bồ-tát Phổ Thủ, sở dĩ gọi là "nghịch" vì từ đó đến đây không có các "nghịch". Do vậy chẳng nên đối với họ nắm giữ các 'nghịch'.

Khi ấy, Bồ-tát Tuệ Anh Tràng khen rằng:

–Vì con đường của đại vương trang nghiêm sạch sẽ nên mới có thể thành tựu được pháp nhẫn như thế.

Nhà vua đáp:

–Gốc ngọn của tất cả các pháp đều thanh tịnh. Lại nữa tất cả các pháp là hoàn toàn rỗng không, tịch mặc không chỗ nhiễm ô. Do đó, nên chẳng thể nhiễm ô mà làm dơ bẩn đạo Vô sở trước. Đó gọi là đạo. Lại nữa, đạo ấy chẳng hướng đến sinh tử, chẳng đến với Nê-hoàn. Đạo của các Thánh hiền là đạo không nắm giữ, không chỗ khởi đạo. Đó gọi là đạo, là đạo không có đạo

Khi vua A-xà-thế nói lời ấy, là đã thành tựu được pháp nhẫn Minh đạt nhu thuận. Khi ấy trong cung bốn mươi hai thể nữ thấy uy thần biến hóa của Bồ-tát Phổ Thủ nên đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân, năm trăm dân chúng xa lìa phiền não chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy, vô số trăm ngàn người đều đến tụ tập ở dưới cửa vương cung, muốn được nghe pháp, phụng sự cúng dường. Bồ-tát Phổ Thủ dùng ngón chân ấn xuống đất thì cả thành Vương xá đều trở thành lưu ly trong suốt, nên tất cả dân cư ở trong thành đều nhìn thấy Bồ-tát Phổ Thủ, các vị Bồ-tát và các vị Thanh văn, ví như tự thấy bóng mình khi soi vào gương sáng.

Bồ-tát Phổ Thủ vì những người tề tựu lại đây mà ứng thời nói pháp. Tám vạn bốn ngàn người nghe pháp đều đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, năm trăm người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

-oOo-

PHẨM 11: TÂM BẢN TỊNH

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ vì vua A-xà-thế và quyến thuộc cùng vô số người đến trong hội, khai hóa nói pháp. Bồ-tát liền đứng dậy cùng với chúng Tỳ-kheo, vua A-xà-thế, quần thần, quan lại và vô số người ra khỏi cửa cung lên đường.

Trên đường đi, họ thấy một người con trai làm hại mẹ mình ở dưới gốc cây, tiếng khóc than áo não vang vọng. Làm thế nào để cuối cùng người ấy được độ ngay trong hiện tại? Làm sao cho nó hối hận, tự trách việc đã làm của mình, vì đã hại mẹ, tạo tội đại nghịch phải đọa địa ngục? Rồi đây người ấy sẽ tu theo hạnh luật.

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Thủ ở trước chúng Tỳ-kheo hóa làm một gia đình hóa nhân, đi đến chỗ người hại mẹ. Họ đứng ở giữa đường, cách chỗ ấy không xa. Người hại mẹ kia trông thấy một nhóm người gồm cha mẹ và đứa con trai. Cha mẹ bảo người con trai:

–Đây là đường chính.

Đứa con kia đáp:

–Đó không phải là đường chính.

Họ tranh cãi nhau. Rồi người con hóa ra ấy hiện bày tham, sân, si giết hại cả cha mẹ hóa thân. Đứa con tội nghịch kia trông thấy người con hóa thân giết hại phụ mẫu hóa thân liền kêu khóc, đau xót không kềm chế được. Người con hóa thân liền tìm đến chỗ người giết hại mẹ mà nói rằng:

–Tội giết cha mẹ sẽ bị đọa địa ngục, kêu khóc làm gì! Phải mau tìm kế sách gì đi!

Người hại mẹ ấy tự nghĩ: "Này người mới đến này giết hại cả song thân, ta chỉ hại mẹ thôi, kẻ ngu si tối tăm kia tội chẳng lớn lắm sao! Tội nghịch của ta còn thua nó. Nếu như nó chịu tội thì tội ta còn nhẹ hơn!" Người con hóa thân buồn khổ, chua chát lắm, đồng thời nói:

–Ta sẽ đến chỗ Đức Phật Năng Nhân. Tội kia không cứu được thì Đức Phật sẽ vì ta mà bày ra cách cứu độ. Tội kia đáng sợ thì Đức Phật an ủi, diệt trừ khổ đau cho ta. Như Đức Phật có điều dạy bảo thì ta sẽ tuân theo, phụng hành.

Khi ấy, người con hóa thân, kêu khóc lên đường tiến về phía trước. Người hại mẹ liền theo sau người này thầm nghĩ: "Như người kia biết hối lỗi thì ta đây cũng phải vậy thôi. Tội ta nhẹ, tội người kia rất nặng." Người con hóa thân đến chỗ Đức Phật cúi đầu xuống đất mà bạch rằng:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con làm điều đại nghịch, sát hại song thân, phạm tội ấy rất lớn!

Đức Phật bảo người con hóa thân rằng:

–Lành thay! Này thiện nam! Ông vì chí thành không gian dối, lời nói, hành động tương xứng, đến trước Như Lai nói lời thành thật, chẳng nói hai lưỡi, cũng chẳng tự bức bách. Ông phải tự tư duy, quan sát pháp tâm: Vì

sao tâm mình làm hại song thân? Do tâm quá khứ ư? Do tâm vị lai ư? Hay do tâm hiện tại chăng? Tâm quá khứ kia đã diệt hết, tâm hiện tại kia đã đi mất, không có xứ sở, cũng không phương hướng, chẳng biết ở đâu? Còn tâm vị lai thì cũng chưa đến, không chỗ tụ tập, chưa thấy quay về, cũng không quay lại. Này ông, phải biết tâm cũng không tồn tại ở bên trong thân, cũng chẳng ở ngoài thân, cũng không cảnh giới, chẳng ở hai nơi, chẳng được dừng nửa chừng. Quan sát tâm ấy cũng không có năm màu: Xanh vàng, trắng, đỏ, đen.

Này ông nên biết, tâm ấy không màu sắc cũng chẳng có thể nhìn thấy được, cũng không chỗ trụ, cũng chẳng thoái chuyển, không có ngôn giáo, chẳng thể cầm nắm, giống như huyễn hóa. Ông muốn quan sát tâm, chẳng thể phân biệt chẳng thể hiểu rõ, chẳng thể gọi là tham, chẳng thể cho là sân, chẳng thể biết là si. Không tham, sân, si. Ông nên biết, tâm không hành động sinh tử, cũng không tạo tác, cũng không hiển hiện, cũng chẳng hiện tại. Tâm ấy thanh tịnh, cũng không cấu nhiễm, cũng không thanh tịnh. Tâm chẳng ở đây, cũng chẳng ở kia chẳng ở chỗ khác. Tâm giống như hư không, cũng không có gì sánh bằng, cũng không màu sắc, hình dạng, cũng không ngôn giáo. Bậc trí chẳng nên nương cậy, chớ nên nói rằng: Ta chính là ngã sở, không nên tạo xứ sở, không nên dấy tưởng, chớ tạo sự rốt cùng, chớ có chỗ làm, không nói về thân mình, chớ cho rằng ngã, ngã sở, chớ nghĩ đến quá khứ. Vì sao? Ông nên biết, tất cả các pháp đều không chỗ trụ, giống như hư không.

Ông hãy lắng nghe, hiểu được như vậy đó. Đức Phật chẳng cho rằng, người đối với pháp có sự giải thoát, hoặc có nhiễm ô đều chẳng về đường ác. Thiết lập tâm thanh tịnh mà không cấu nhiễm thì không có các đường để hướng về.

Khi ấy, người con hóa thân liền tán thán:

–Con được nghe điều chưa từng có. Thưa Đấng Thiên Trung Thiên Như Lai nhân đó thành Tối chánh giác, biết rõ pháp giới, không có tạo tác, cũng không thọ nhận, không có sinh ra, không diệt độ, không chỗ nương cậy. Con nguyện được xuất gia, theo Phật Thế Tôn làm Sa-môn thọ giới Cụ túc.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Này Tỳ-kheo, hãy đến đây!

Khi ấy người con hóa thân được làm Sa-môn, liền bạch Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con đã được thần thông. Nay con muốn diệt độ.

Nhờ uy thần của Đức Phật, người con hóa thân kia bay lên giữa hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước mà diệt độ. Thân người ấy bốc cháy, tự thiêu thân thể. Đến đây người tội nghịch thấy người hóa thân kia được làm Sa-môn, nghe nhận kinh pháp, được nghe điều Đức Phật đã nói, ông tự nghĩ: "Trước đây người ấy tự hại song thân, ở trước Thế Tôn được làm Sa-môn, rồi được diệt độ. Nay ta cớ sao chẳng được như người ấy, được làm Sa-môn, cũng sẽ diệt độ?"

Nghĩ như thế rồi, ông đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu dưới chân Đấng Đại Thánh, bạch trước Đức Phật:

–Con cũng tạo tội nghịch tự hại mạng mẹ mình.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Này Thiện nam! Ông vì chí thành không gian dối, lời nói, hành động tương xứng, đến trước Như Lai nói lời thành thật, chẳng nói hai lưỡi, cũng chẳng tự bức bách. Ông phải tự tư duy quán sát pháp tâm: Vì sao tâm mình giết hại mẫu thân? Do tâm quá khứ ư? Do tâm vị lai ư? Hay là do tâm hiện tại chăng? Tâm quá khứ kia đã diệt tận rồi. Tâm hiện tại kia liền đi mất ngay. Nó không có xứ sở, cũng không phương hướng, chẳng biết an trụ ở đâu. Còn tâm vị lai thì cũng chưa đến, không chỗ tụ tập, chưa thấy quay trở lại, cũng không qua lại. Ông nên biết, tâm cũng chẳng ở bên trong thân, cũng chẳng ở ngoài thân, cũng không cảnh giới, chẳng ở hai nơi, chẳng được dừng nửa chừng. Quán sát tâm ấy thì cũng không có năm sắc: xanh, đỏ vàng, trắng, đen.

Ông nên biết, tâm ấy không màu sắc, cũng chẳng thể thấy, cũng không chỗ trụ, cũng chẳng thoái chuyển, không có ngôn giáo, chẳng thể cầm nắm, giống như huyễn hóa. Ông muốn quan sát tâm, chẳng thể phân biệt, chẳng thể hiểu rõ, chẳng nên gọi là tham, chẳng nên gọi là sân, chẳng nên biết là si, không tham, sân, si. Ông nên biết, tâm không hành động sinh tử, cũng không chỗ tạo tác, cũng không chỗ hiển hiện, cũng chẳng hiện tại, tâm ấy thanh tịnh, cũng không cấu nhiễm, cũng không thanh tịnh. Tâm chẳng ở đây, cũng chẳng ở đó, chẳng ở chỗ khác, giống như hư không, tâm không có gì sánh bằng, cũng không màu sắc, hình dáng, cũng không ngôn giáo. Bậc trí chẳng nương cậy. Chớ nên nói rằng: ta chính là ngã sở, chớ nên tạo xứ sở, không được dấy khởi tưởng, chớ tạo rốt cùng, chớ có chỗ làm, không nói thân mình, chớ cho rằng ngã, ngã sở, chớ nghĩ về quá khứ. Vì sao? Ông nên biết, tất cả pháp đều không chỗ trụ, giống như hư không.

Này ông, hãy lắng nghe, hiểu rõ như vậy đó. Như Lai chẳng cho rằng người đối với pháp có giải thoát hoặc nhiễm ô đều chẳng quy trở về đường

ác. Thiết lập tâm thanh tịnh mà không cấu nhiễm thì không có các đường.

Lúc ấy người con bị tội nghịch bị lửa địa ngục từ trong lỗ chân lông phát ra, đau đớn khủng khiếp mà không ai cứu giúp nên bạch trước Đức Phật:

–Con nay bị thiêu đốt, xin Đấng Thiên Trung Thiên cứu tế cho. Con xin quy mạng Đức Đại Thánh.

Đến đây Đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng đặt lên đỉnh đầu người ấy, tức thời lửa tắt ngay, lại không còn đau khổ. Người ấy nhìn Đức Như Lai có nhiều tướng tốt thì bản thân hết đau khổ mà được yên ổn. Người ấy lại bạch trước Đức Phật xin được làm Sa-môn, Đức Phật liền cho phép vì cái chí tịch tĩnh đó. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì người ấy thuyết giảng Tứ đế. Người ấy nghe pháp này thì xa trần cấu đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Vị ấy tu hành theo lời Phật dạy thành tựu Tư-đà-hàm, A-na-hàm, chứng đến La-hán. Vị ấy lại bạch Đức Phật rằng:

–Con muốn nhập Nê-hoàn.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tùy theo ý của con!

Đến đây vị Tỳ-kheo nhảy vọt lên hư không, cách mặt đất bốn trượng, chín thước, trong thân phát ra lửa tự đốt thân mình. Hàng trăm ngàn người, trời ở trong hư không kéo đến cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy người kia thọ trì luật giáo ấy mà được diệt độ thì rất lấy làm lạ nên bạch Đức Phật:

–Thật khó bì kịp vậy. Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Đức Như Lai đã ban ân thuyết giảng pháp luật, mới khiến cho kẻ tội nghịch được nhận giáo pháp. Nhưng như vậy hạnh ấy có chỗ sai khác. Người đủ sức cứu tế hạng người ấy chỉ có Đức Như Lai mà thôi. Bồ-tát Phổ Thủ mặc áo giáp đại đức sánh cùng Bồ-tát, có thể nhìn thấy căn nguyên của tất cả quần sinh mà độ họ, chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.

Đức Phật nói:

–Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đúng như điều đã nói. Đó chính là pháp nhẫn của Phật Đại sĩ, là cảnh giới của Bồ-tát.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Các ông đã nhìn thấy một người tưởng như đã đọa địa ngục rồi mà Đức Phật nhìn thấy đã đưa đến pháp diệt độ. Các ông nhìn thấy người đáng được diệt độ thì Đức Thế Tôn xét biết họ bị rơi vào đường ác. Hoặc căn cứ vào người có đức, tri túc, ở nơi chỗ vắng, giữ giới, đạt định Tam-muội thì các ông cho là đã đạt đến pháp diệt độ, nhưng

Như Lai thấy ngược trở lại là bị rơi vào địa ngục. Vì sao? Vì hạng người như các ông lìa khỏi sự vận hành của tâm, chẳng thể quan sát khắp được các căn nguyên tấm lòng của chúng sinh. Hành động cửa chúng sinh nhiều không thể nghĩ bàn.

Này Xá-lợi-phất! Ông có thấy người giết mẹ này không? Nhờ được nghe pháp thậm thâm mà ông ta đạt đến cõi Vô dư Bát-nê-hoàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Dạ thấy, thưa Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Người giết mẹ ấy đã gieo trồng cội gốc đức với năm trăm Đức Phật, nghe pháp thâm diệu hiểu rõ thông suốt, tâm vốn thanh tịnh sáng ngời, lại nhập vào kinh điển này, nhận tất cả pháp mà được giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Do đó nếu có thiện nam, thiện nữ, sau khi ta diệt độ được nghe ý nghĩa pháp này thì liền tín nhận. Lại có người mê hoặc tâm chống trái, theo bạn xấu, phạm tội mà chẳng mất pháp nhẫn thì mới đến Vô dư mà được giải thoát. Ta chẳng cho là những người ấy phải rơi vào đường ác vậy. Có kẻ tin ưa pháp thâm diệu như thế thì đạt được quả như vậy. Do cớ ấy, nếu có thêm nhiều chúng sinh ở nơi đường chánh chân, nghe được pháp điển này liền tin ưa, thuyết giảng bình đẳng, khen ngợi chương cú, vì người khác phân biệt diễn giảng rộng rãi thì công đức đều như thế cả. Huống gì những người vâng theo lời đã dạy mà phụng sự tu hành.

Bồ-tát Phổ Thủ cùng các vị Bồ-tát Đại sĩ, Tôn giả Đại Ca-diếp, vua A-xà-thế và vô số người kéo đến chỗ Đức Phật cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi lui về ngồi một phía.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Bồ-tát Phổ Thủ cùng các vị trong chúng hội đều đã an tọa rồi, liền nói với vua A-xà-thế:

–Thưa đại vương! Sự hồ nghi của đại vương đã dứt rồi ư?

Đáp rằng:

–Vâng, thưa Tôn giả đã đoạn dứt rồi vậy.

Lại hỏi:

–Thế nào gọi là đoạn?

Đáp rằng:

–Chẳng thọ lãnh, chẳng bỏ đi thì gọi là đoạn. Cũng không đạt được gốc ngọn, vĩnh viễn hiểu ra không có cấu nhiễm thì gọi là đoạn vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Thế Tôn:

–Vua A-xà-thế đã dứt hết được bao nhiêu? Còn lại bao nhiêu?

Đức Thế Tôn bảo:

–Tai ương của vua còn lại nhỏ như hạt cải, tội đã diệt được của vua lới như núi Tu-di. Vua đã vào đến pháp thâm diệu, đã nói được nghĩa lý của kinh điển, đã đạt đến pháp Vô sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Vua A-xà-thế lại sẽ đi về đường ác ư?

Đáp rằng:

–Như Thiên tử ở cõi trời Đao-lợi ở lầu gác bảy báu rỡ ràng, xuống cõi Diêm-phù-đề, trở về bản xứ. Này Xá-lợi-phất! Như vậy vua A-xà-thế đã vào địa ngục tên là Tân-trạch-la *(Tấn gọi là Tập dục)*, vừa vào liền ra khỏi. Bản thân vua chẳng gặp hoạn nạn, khổ não.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Thế Tôn thật khó bì kịp. Các căn của vua A-xà-thế minh đạt mới được như thế ư? Lại có thể tiêu trừ bao nhiêu tội như sự độc hại của tai ương nặng trong địa ngục ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vua A-xà-thế trước đã cúng dường bảy mươi hai ức các Đức Phật Thế Tôn, trồng các cội gốc đức, nhận lãnh kinh điển, khuyến hóa đạo Vô thượng chánh chân cho người đã nghe pháp. Ông không thấy Bồ-tát Phổ Thủ ư?

Đáp:

–Thưa đã thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

–Bồ-tát Phổ Thủ khuyên vua A-xà-thế phát ý đạo Vô thượng chánh chân vào kiếp xa xưa khó mà kể được vào thời Đức Ly Cấu Tạng Như Lai, trải vô số chư Phật, ở trong kiếp kia có ba ức Đấng Bình Đẳng Chánh Giác đều là do Bồ-tát Phổ Thủ khuyến dụ, khiến chuyển pháp luân, sống mãi ở đời. Có đến hàng trăm ngàn Đức Thế Tôn chẳng thể vì vua A-xà-thế thuyết pháp để giải quyết sự hồ nghi của vua. Chỉ có Bồ-tát Phổ Thủ mới có thể vì vị vua ấy giải quyết trừ được lưới hồ nghi. Vì sao? Bồ-tát Phổ Thủ đã nhiều lần theo chư Phật nghe được pháp thâm diệu này. Do vậy, nên phát khởi tư tưởng: "Chỗ kia có vị Bồ-tát đáng được độ, thì ngay khi phát khởi ý tưởng là được làm bổn sư của người ấy." Rồi Bồ-tát vì họ thuyết pháp nên mới có thể giải quyết được vậy.

Vua A-xà-thế từ địa ngục Tập dục khinh ra, sinh lên phương trên, nơi đó cách đây năm trăm cõi Phật, thế giới ấy tên là Trang nghiêm. Đức Phật ở đó hiệu là Bảo Anh Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp sẽ gặp trở lại lần nữa. Bồ-tát Phổ Thủ theo nghe kinh thâm diệu tại cõi ấy liền thành tựu được Bất khởi pháp nhẫn.

Khi Bồ-tát Di-lặc thành Chánh giác, Bồ-tát sẽ lại trở xuống cõi Nhẫn này, hiệu là Bồ-tát Đại sĩ Bất Động. Đức Như Lai Di-lặc sẽ vì chúng hội tuyên dương, ca ngợi những việc làm trước đây của Bồ-tát Bất Động. Đức Di-lặc lại phân biệt kinh điển này, trình bày hết nghĩa lý: Bồ-tát Bất Động Đại sĩ vào thời Đức Phật Năng Nhân làm vua một nước lớn tên là A-xà-thế, theo bạn xấu tự sát hại cha mình, rồi theo Bồ-tát Phổ Thủ nghe kinh điển này, chứng được Nhu thuận pháp nhẫn, nhân đó tiêu trừ hết tội, không còn nữa.

Đức Di-lặc Như Lai vì Bồ-tát Bất Động mà thuyết giảng kinh pháp này, tám ngàn vị Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn bất khởi. Tám mươi bốn ngàn vị Bồ-tát diệt trừ vô số không thể kể xiết những tội lỗi tích tụ lâu đời.

Này Xá-lợi-phất! Như vậy vua A-xà-thế từ hôm nay đến tám trăm, khó kể xiết kiếp tu hạnh Bồ-tát, khai hóa chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Vua A-xà-thế đã hóa độ chúng sinh, làm bậc Thanh văn hoặc bậc Duyên giác, hoặc tu hành Đại thừa. Các chúng sinh ấy, hoặc có tội hoặc không trần cấu, hoặc hồ nghi… đều tiêu trừ hết, không có do dự. Qua tám ngàn không thể kể xiết kiếp sẽ đạt được đạo Vô thượng chánh chân, làm Tối chánh giác, kiếp tên là Hỷ kiến trong thế giới tên là Vô tạo ấm, Đức Phật hiệu là Tịnh Giới Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thọ được mười bốn kiếp, các chúng Thanh văn có đến bảy mươi vạn người, làm thành đại hội. Tất cả những vị ấy trí tuệ thông suốt, ý chí luôn đặt ở tám cửa giải thoát. Các chúng Bồ-tát có đến mười hai ức người. Các vị ấy đều được Trí độ vô cực, phương tiện thiện xảo. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, chánh pháp sẽ trụ thế một ức năm, nhân dân của thế giới Vô tạo ấm từ khi sinh đến khi chết không có hồ nghi. Sau khi họ chết chẳng rơi vào ba đường ác. Đức Như Lai Tịnh Giới vì chúng sinh thuyết giảng kinh pháp, nên họ đều bỏ các dơ bẩn, không có trần lao đều được thanh tịnh.

Này Xá-lợi-phất! Vậy nên mọi người nhìn nhau chẳng thấy bình đẳng. Sở dĩ chẳng bình đẳng vì căn người khó thấy, chỉ riêng Đức Như Lai mới có thể thấy tướng người bình đẳng. Làm đúng như Đức Phật thì bình đẳng với người vậy.

Hiền giả Xá-lợi-phất và chúng hội kinh ngạc, rất vui mừng thưa:

–Kể từ ngày hôm nay đến khi chết, chẳng quan sát người khác, chẳng dám nói người này về địa ngục, người kia sẽ diệt độ. Vì sao? Vì hành động của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn.

Khi Đức Phật thuyết giảng ví dụ về vua A-xà-thế đoạn trừ nghi này, ba vạn hai ngàn Thiên tử phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Họ đều thệ nguyện: "Khi Đức Thế Tôn Tịnh Giới thành Chánh giác chúng tôi sẽ sinh ra ở cõi Phật ấy, chẳng tạo ra thế giới tham dục." Đức Phật liền thọ ký cho họ sẽ sinh vào cõi kia.

-oOo-

PHẨM 12: NGUYỆT THỦ THỌ QUYẾT

Vua A-xà-thế có một vị Thái tử tên là Nguyệt Thủ, tuổi vừa lên tám. Thái tử cởi chuỗi ngọc đeo trên cổ, đem tung lên Đức Phật, mà thưa rằng:

–Con dùng công đức này nguyện cầu đạo Vô thượng chánh chân. Con dùng gốc thiện ấy để khi Đức Như Lai Tịnh Giới thành Chánh giác, nguyện được ở cõi ấy làm chủ bốn châu thiên hạ, Chuyển luân thánh vương để được trọn đời cúng dường Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Sau khi Đức Phật diệt độ, con phụng trì Xá-lợi, thọ nhận kinh điển. Về sau, con mới được thành đạo Vô thượng chánh chân, làm Tối chánh giác.

Thái tử vừa tung chuỗi ngọc lên hư không, liền trở thành lầu các bảy báu sáng rỡ, bốn phương, bốn góc trên dưới ngang bằng, nghiêm chỉnh vi diệu. Ở bên trong lầu đài ấy đặt bốn chiếc giường báu trải toàn lụa là năm sắc của cõi trời. Đức Như Lai ngồi lên đó, tướng tốt trang nghiêm. Khi ấy, Đức Phật liền cười. Đức Thế Tôn cười thì có vô số không thể giới hạn trăm ngàn sắc hào quang từ trong miệng ngài phát ra, chiếu soi không thể nghĩ bàn, không có bờ cõi, thấu đến các cõi Phật, lên tận cõi Phạm thiên. Cung điện của ma, ánh sáng mặt trời, mặt trăng tự nhiên mờ khuất. Ánh sáng ấy trở lại soi sáng quanh thân Ngài vô số vòng, rồi theo đỉnh đầu vào trở lại. Hiền giả A-nan liền đứng dậy, sửa áo bày vai phải, quỳ gối, chắp tay dùng kệ khen:

Vượt tất cả trí tuệ
Siêu việt mọi cản ngăn
Hiểu rõ hết quần sinh
Tâm, hành mọi căn nguyên
Để phân biệt gốc ngọn

Mà ứng thời nói kinh
Soi khắp đời xin nói
Vì sao cười lặng thinh?
Mười phương bao chúng sinh
Tất cả ở trước Ngài
Người nhiều vô số ức
Từng người khó hỏi han
Đấng Thánh sư Năng Nhân
Mới kham giải nghi hoặc
Lành thay, nguyện giảng nói
Xót thương cớ gì cười?
Chư Phật đời quá khứ
Trụ lập chỗ tối thắng
Thế Tôn đời vị lai
Nhiều như cát sông Hằng
Phân biệt biết sáu đường
Đấng Tuệ độ vô cực
Vì sao hiện mỉm cười?
Xin Ly Cấu giải nghi
Ánh sáng hơn trời trăng
Che lấp cung Phạm ma
Thông suốt đến Thiết vi
Chiếu vượt các đỉnh núi
Yên ổn khắp chúng sinh
Khô kiệt, các lao nhọc
Khéo nói trừ phiền não
Cớ gì lại mỉm cười?

Đến đây, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông thấy Thái tử Nguyệt Thủ không?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thưa vâng, con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Hôm nay, Nguyệt Thủ ở trước Đức Phật trồng các cội công đức, dùng để khuyến cầu đạo Vô thượng chánh chân. Thái tử tu hạnh Bồ-tát, từng chút một sẽ thấm dần dần. Đến khi Đức Như Lai Tịnh Giới thành Phật thì vị thái tử này sinh vào cõi Phật kia làm Chuyển luân vương. Ông cúng dường, phụng sự Đức Tịnh Giới Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác,

trọn đời luôn lấy bố thí làm chỗ an trụ. Sau khi Đức Phật diệt độ thì ông cúng dường xá-lợi, thống lãnh chánh pháp. Sau khi chánh pháp diệt tận thì ông mất, để sinh lên cõi trời Đâu-suất. Rồi ở chính kiếp ấy, ông được thành đạo Vô thượng chánh chân, thành Tối chánh giác, hiệu là Nguyệt Anh Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư Vi Phật Chúng Hựu, cõi nước, thọ mạng của Đức Phật, các chúng Tỳ-kheo cũng giống như thế giới của Đức Tịnh Giới Thế Tôn không sai khác vậy.

Bấy giờ, những người đến trong hội, các vị Bồ-tát Đại sĩ ở các thế giới phương khác cùng với Bồ-tát Phổ Thủ đều đến cõi Nhẫn này nghe nói lời ấy. Họ bạch Đức Phật:

–Bồ-tát Phổ Thủ có thể đi đến thì sẽ quan sát thấy xứ sở đó. Xứ sở ấy đều là các Đức Như Lai không có khiếm khuyết, các Đức Phật Thế Tôn lại chẳng nhọc sức lo nghĩ. Vì sao? Thưa Đức Thế Tôn! Bồ-tát Phổ Thủ đã giáo hóa không có đường ác, chẳng đau khổ, chẳng nhàn nhã và không có việc ma, tội lỗi, trần uế. Chỗ ấy có khu vực, quận, nước, huyện ấp, gò đống, xóm làng, thành quách. Ở chỗ ấy chánh điển được lưu bố khắp nơi. Nhìn thấy xứ sở ấy, Đức Như Lai du hóa, cư trú không có hư không.

Đức Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này các Thiện nam! Đúng như điều đã nói. Nay kinh điển này đã tuyên bố khắp nơi, thì đó chính là sự an trú của Đức Như Lai.

Lại nữa, này các Thiện nam! Thuở xa xưa thời Đức Phật Định Quang, ta đã được thọ ký vào đời ấy. Ta trải tóc lên đất, Đức Định Quang Như Lai đạp lên tóc ấy mà đi. Ta dùng hoa sen tung lên cúng dường nên đạt được pháp nhẫn. Đức Phật thọ ký cho ta: "Sau vô số kiếp ông sẽ được làm Phật hiệu là Năng Nhân Như Lai."

Như vậy, này các Thiện nam! Khi ấy Đức Phật Định Quang bảo các Tỳ-kheo: "Các ông chẳng nên đạp trên đất ấy đi qua. Vì sao? Vì đây chính là chỗ đất thần thánh tháp Phật của trên trời và thế gian. Vị Bồ-tát trải tóc lên nơi ấy mà thành tựu được pháp nhẫn. Ai muốn dựng lên tháp ở đây?" Các vị Thiên tử kia có đến hàng tám mươi ức người, cùng lúc thưa: "Chúng con sẽ dựng lên". Bấy giờ, trong chúng hội có một vị trưởng giả tên là Hiền Thiện, bạch với Đức Thế Tôn: "Con sẽ dựng chùa, tháp ở chỗ đất ấy." Đức Phật nói: "Được đấy".

Này các Thiện nam! Ông trưởng giả Hiền Thiện ngay ở chỗ ấy, cho xây dựng ngôi tháp bảy báu trang nghiêm đầy đủ. Làm xong, ông lại đến

chỗ Đức Phật hỏi Ngài: "Ở tại đất ấy, con đã dựng lên tháp bảy báu thì phước đi về đâu?"

Đức Như Lai Định Quang đáp: "Trưởng giả nên biết! Bồ-tát Đại sĩ đạt được Nhẫn bất khởi, chỗ đất ấy giống như bánh xe, xuống tận bờ mé đất, tất cả chúng sinh nhận lấy bụi đất đều như là Xá-lợi nên cúng dường, rồi mới bay lên trời tam thập tam, trong ấy đất đầy cả bảy báu, đem bố thí chư Phật. Nếu muốn đem công đức đó so với phước đức xây dựng chùa tháp thì chẳng bì kịp nhau. Phước xây dựng chùa tháp rất nhiều, khó kể xiết. Trưởng giả ở đây đã trồng cội gốc các công đức, như nay ta thọ ký cho vị Bồ-tát đó sẽ làm đạo Vô thượng chánh chân. Nếu ông ấy làm Phật cũng sẽ lập đại đạo cho ngươi."

Này các Thiện nam! Ý các ông nghĩ sao? Bấy giờ trưởng giả tên Hiền Thiện đó phải chăng là ai khác ư? Chớ có nghĩ thế. Vì sao? Vì trong hội chúng đây có một trưởng giả tên là Thọ Hạnh nay được ta thọ ký cho: vào đời vị lai, ông sẽ thành Phật đạo, hiệu là Thiện Kiến Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Vi Phật Chúng Hựu. Vì vậy, nên các thiện nam, thiện nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ, nữ cư sĩ, hoặc đứng hoặc ngồi chép kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, vì người khác thuyết giảng thì ở chỗ đất ấy xuống tận bờ cõi đất, tất cả các hạt bụi đều là chúng sinh, thêm nữa đất này đều như Xá-lợi. Vì sao? Vì Bồ-tát đạt được nhẫn thành tựu được các đức cũng lại như vậy.

Thế nên, Đức Phật ân cần phó chúc bảo các ông rằng: "Nếu có thiện nam, thiện nữ đem bảy báu chứa trong tam thiên đại thiên thế giới này ra bố thí cho Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ngày đêm đều ba lần mà chẳng biếng nhác, bố thí như thế cho đến một kiếp hoặc hơn một kiếp, chẳng bằng thọ trì kinh điển này. Vua A-xà-thế trừ các hồ nghi không có do dự, sạch các "ấm"', "cái", phân biệt tất cả các pháp bình đẳng. Hoặc chép, hoặc đọc, thọ trì phúng tụng, nghe kinh tin ưa, ghi chép vào tre, lụa, xếp đặt kinh quyển giữ gìn trang nghiêm, thọ trì thành thạo, khiến cho chánh pháp này trụ được lâu dài thì phước công đức này hơn sự bố thí kia rất nhiều, chẳng thể kể xiết."

Đức Phật nói:

–Này các Thiện nam! Nếu có người ở trăm kiếp phụng trì cấm giới, biết dừng biết đủ mới được ở nơi thanh vắng, chí ưa chẳng xả. Nếu người ấy nghe kinh này, tin ưa theo thì phước công đức này hơn cả việc giữ cấm giới kia. Nếu có người ở trong trăm kiếp tu hành nhẫn nhục, dù cho

tất cả chúng sinh mắng nhiếc, đánh đập, cho đến đánh bằng gậy đau đớn mà đều nhịn nhục. Nếu có người lại được nghe kinh này mà tin ưa theo thì phước công đức ấy siêu việt hơn cả người tu nhẫn nhục kia. Nếu có người trăm kiếp tu hành tinh tấn, cúng dường tất cả loài chúng sinh, chẳng yêu quý thân mình cùng tuổi thọ, cũng chẳng bằng nghe được kinh này mà hoan hỷ tin nhận. Nếu có người ở trăm kiếp tu hành thiền định, có kẻ gây nhiễu loạn mà chẳng bị mê hoặc, cũng chẳng bằng nghe kinh này hoan hỷ tin nhận. Nếu có người ở trăm kiếp tu hành trí tuệ, học rộng, hiểu thông, không chỗ nào không đạt, giả sử họ được nghe phẩm "Cứu cánh bản tịnh tâm sướng tự nhiên" của kinh điển này mà hoan hỷ tin theo, thọ trì, phúng tụng thì phước công đức ấy siêu việt hơn sự tu tuệ kia, có thể nhanh chóng kiến lập các thông tuệ vậy.

Khi ấy, các vị Bồ-tát đều bạch Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Chúng con đã thọ nhận kinh điển ấy rồi, ở tại các cõi Phật chúng con đi qua, ở trụ xứ nào chúng con cũng sẽ tuyên bố. Vì sao? Vì tuyên bố các kinh điển này là làm Phật sự.

Lúc ấy các vị Bồ-tát lại tung hoa lên khắp tam thiên đại thiên thế giới, đồng thời cũng khen ngợi:

–Giả sử kinh điển này được lưu truyền khắp cõi Diêm-phù-đề, lại ở đời lâu dài thì chánh pháp của Đức Như Lai Năng Nhân thành tựu Bồ-tát Phổ Thủ sẽ khiến cho còn mãi. Chúng con chưa từng xem xét, nghe được kinh này như vầy, giả sử có nghe được thì chúng con chẳng thể báo đáp ân của Đức Phật cùng Bồ-tát Phổ Thủ. Chúng con sẽ dùng vật gì để lập sự cúng dường lớn. Thiện nam nào theo người nghe kinh điển ấy thì ân kia khó mà báo đáp. Giả sử có người muốn gặp Đức Như Lai để nghe kinh này thì xem như người ấy đã gặp Thế Tôn. Giả sử muốn cúng dường Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thì phải cúng dường vị thiện nam ấy. Nếu nhìn thấy thiện nam, thiện nữ ấy thì phải chiêm ngưỡng họ như Đức Phật Thế Tôn.

Các vị Bồ-tát bàn bạc như vậy rồi, mỗi vị đều trở về nước của mình. Mỗi người đều tự ở trước Đức Như Lai của họ, vì mọi người thuyết giảng lại giáo pháp mà họ vừa thọ lãnh. Ở trước Đức Phật của mỗi đất nước kia, họ mở đường dẫn lối, khai hóa vô số quần sinh, khiến họ phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

-oOo-

PHẨM 13: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông nên nhận lấy chánh pháp Minh điển này để vì vô số người mà phân biệt thuyết giảng, đem lại cho họ nhiều yên ổn, nhiều Từ bi. Chư Thiên người đời đều được nhờ ân.

Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con nhận lời dạy của kinh điển ấy rồi thì cũng theo các Bậc Đẳng Chánh Giác trong quá khứ đã nhận kinh này. Hôm nay, con được gặp Đức Thế Tôn, được nghe pháp này. Kính thưa Đức Đại Thánh Như Lai! Hiện tại con đem kinh này diễn giảng khiến cho lưu truyền khắp nơi. Sau khi Đức Phật diệt độ, ở tại cung trời Đâu-suất con sẽ vì quần sinh thuyết giảng sự phát triển các cội gốc công đức này. Nếu thiện nam, thiện nữ ở đời sau nhưng tai được nghe kinh ấy, chí nguyện ở Đại thừa thì nên biết đó là sự kiến lập của Bồ-tát Di-lặc. Người phụng trì kinh này, nếu có ác ma theo rình tìm sơ hở thì chúng con sẽ nương Thánh chỉ của Đức Thế Tôn mà đến hộ trì họ, khiến cho họ không lầm lỗi.

Đức Phật bảo trời Đế Thích:

–Ông nên thọ lãnh phẩm "A-xà-thế đoạn nhất thiết kết" của kinh này. Vì sao? Vì giả sử trời và A-tu-luân hận thù mà chiến đấu, nếu trời nghĩ đến kinh ấy thì chư Thiên thắng lợi, còn A-tu-luân bị hàng phục.

Đức Phật nói:

–Này Câu-dực! Nay ta phó chúc cho ông, nếu kinh điển này ở tại châu vực, quận, nước, huyện, ấp, thành quách, gò đống, xóm làng nào thì ông sẽ ủng hộ cho đất ấy, làm cho các oán hận thù địch chẳng làm gì được. Hoặc đến vua quan, hoặc rơi vào đám giặc, hoặc gặp cầm thú, hoặc gặp quỷ thần, hoặc gặp dâm tặc, hoặc gặp nạn khủng bố nước lửa thì liền phải nhớ đến kinh điển này mà thuyết giảng ca tụng. Hoặc có oan gia, giặc giã nghịch ác cũng chẳng làm gì được.

Bấy giờ Đức Phật liền bảo A-nan:

–Ông hãy nhận kinh điển này giữ gìn đọc tụng. Vì sao? Giả sử có người theo ông cầu học ý nghĩa của kinh này thì thiện nam, thiện nữ ấy đoạn trừ tất cả các hồ nghi, không có do dự, rửa sạch các kết sử, trừ khử vĩnh viễn. Các ma tội ác chẳng thể che trùm được, những tai ương đời trước, tà hại ngăn ngại thì tự nhiên tiêu diệt. Vì sao? Vì nghe kinh này thì không còn hồ nghi.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ta phó chúc cho ông, ân cần răn bảo. Như có kẻ phạm nghịch tội mà hiểu rõ yếu nghĩa của kinh này, hoan hỷ vui mừng thì không có tội nghịch nữa, cũng không nguy hại, cũng không tội lỗi.

Trưởng lão Ca-diếp bạch Đức Thế Tôn:

–Kính thưa Đấng Đại Thánh! Con đã chứng kiến rõ sự vi diệu của kinh điển này. Trước đây, khi tề tựu ở cung vua A-xà-thế phân biệt việc nghịch thì vua A-xà-thế liền thành tựu được pháp Nhẫn bất khởi, lưới nghi hoặc bị tiêu trừ. Con nghĩ rằng: "Vua A-xà-thế vốn chẳng hiểu rõ các pháp, cũng chẳng phân biệt được các việc nghịch."

Kính thưa Đức Thế Tôn! Tánh các pháp tự nhiên vốn tịnh, mà trái lại tư tưởng con người chấp là ngã, ngã sở nên hình thành các kiến chấp không thể sửa đổi, rèn luyện bản tánh thanh tịnh của tất cả các nghịch tội vậy. Như việc vua A-xà-thế chứa nhóm sự điên đảo, các tư tưởng hư ngụy nên trở thành tai họa khổ đau. Nếu thông suốt điều này thì không có các tai nạn. Con nói từ trước đến nay các chúng sinh không có tội, không có pháp đường ác. Họ hiểu được điều này thì trở nên siêu tuyệt, không có đầu mối, kết thúc.

Đức Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Này Ca-diếp! Đúng như điều đã nói, sự chân chánh về đạo nghĩa của các Đức Phật Thế Tôn là không có trần cấu.

Hiền giả A-nan bạch Đức Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Ngài kiến lập kinh điển này khiến cho về sau, đời mạt thế được lưu hành ở cõi Diêm-phù-đề.

Bấy giờ, từ hai bên hông của Đức Thế Tôn phóng ra hào quang rất sáng, chiếu soi khắp tam thiên đại thiên thế giới. Cây cối, tường vách đều tự nhiên phát ra âm hưởng như vầy: Đức Như Lai đã kiến lập kinh điển này, giả sử được kinh điển này ở trong biển cả hoặc nơi kiếp thiêu, khi đang nghe kinh này thì không được dứt nửa chừng mà không nghe vậy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tất cả cây cối, tường vách đã phát ra âm thanh đúng như điều ông đã nói, các Chánh sĩ ấy gieo trồng các cội gốc công đức. Vào đời sau cùng, họ thọ nhận kinh này nhất định chẳng đoạn dứt nửa chừng.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, chín mươi sáu ngàn người, trời xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn tịnh, sáu mươi tám ngàn người, trời đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, hai mươi hai ngàn vị Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi, tám ngàn người lìa khỏi các tham dục, tam thiên đại thiên

thế giới chấn động. Ngay khi ấy, âm thanh lớn phát ra tuyên cáo khắp trên trời, thế gian đều hãy đến cúng dường kinh điển này. Nhạc cụ của chư Thiên chẳng tấu mà tự vang lên, tuyên cáo khắp cả trên trời, thế gian đều đến để tung hoa, đốt hương đủ các loại hương thơm, bột thơm, hương xoa thắm đượm. Họ đều hướng về nơi chuyển pháp luân. Đức Như Lai ở chỗ này thuyết giảng kinh đều là vì hàng phục các tà đạo khác, trừ bỏ hạnh tà ức chế các ma. "Ấn Như Lai này là tinh tấn tu hành pháp của Như Lai, các thiện nam cần phải phân biệt cầu chánh kiến cứu cánh của pháp ấn này."

Đức Phật thuyết giảng như vậy, vua A-xà-thế, Bồ-tát Phổ Thủ, Đại sĩ Di-lặc, tất cả vị Bồ-tát, các vị đại Thanh văn, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả A-nan… chư Thiên, người trong thế gian, A-tu-luân, nghe điều Phật đã nói, không ai không vui mừng.

-oOo-

SỐ 628

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Thiên.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng một vạn hai ngàn năm trăm vị đại Bí-sô ở nơi núi Thứu Phong thuộc thành Vương xá. Lúc đó có tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ-tát từ các cõi Phật cũng đến pháp hội. Các Đại Bồ-tát ấy đều là những vị đại trí tuệ, chứng đắc Đại tổng trì, có biện tài vô ngại, đều chứng pháp Nhẫn vô sinh, nhập vào môn trí tổng trì của Tam-ma-địa, hiểu biết rất rõ về sở thích của các chúng sinh, giảng nói rành mạch về pháp yếu và y như pháp được giải thoát.

Lại có bốn Đại Thiên vương, trời Đế Thích, chủ cõi Ta-bà là Đại phạm Thiên vương cùng vô lượng trăm ngàn Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… cũng đều đến pháp hội.

Lúc ấy, còn có Đại Bồ-tát tên Diệu Cát Tường cùng với hai mươi lăm vị Đại Bồ-tát ở bên triền núi kia. Tên của các vị là Đại Bồ-tát Long Cát Tường, Đại Bồ-tát Long Thọ, Đại Bồ-tát Cát Tường Sinh, Đại Bồ-tát Cát Tường Tạng, Đại Bồ-tát Tối Thượng Liên Hoa Cát Tường, Đại Bồ-tát Liên Hoa Cát Tường Sinh, Đại Bồ-tát Trì Thế, Đại Bồ-tát Trì Địa, Đại Bồ-tát Bảo Thủ, Đại Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Đại Bồ-tát Sư Tử Ý, Đại Bồ-tát Sư Tử Vô Úy Âm, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Bình Đẳng Tâm Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Liễu Biệt Nhất Thiết Cú Nghĩa Đại Biện, Đại Bồ-tát Biện Tích, Đại Bồ-tát Hải Ý, Đại Bồ-tát Diệu Cao Vương, Đại Bồ-tát Ái Kiến, Đại Bồ-tát Hỷ Vương, Đại Bồ-tát Vô Biên Thị, Đại Bồ-tát Vô Biên Tác Hạnh, Đại Bồ-tát Phá Chư Ma, Đại Bồ-tát Vô Ưu Thọ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Nghĩa Thành.

Lại có, bốn Thiên tử ở cõi trời Đâu-suất, tên các vị ấy là Thiên tử Phổ Khai Hoa, Thiên tử Quang Minh Hoa, Thiên tử Mạn-đà-la Hoa Hương,

Thiên tử Tinh Tấn Pháp Hành. Vì có lòng tin ưa pháp nên các Thiên tử này đưa các quyến thuộc đến chỗ Bồ-tát Diệu Cát Tường để nghe, thọ nhận chánh pháp. Sau khi đến pháp hội, các Đại Bồ-tát và chúng Thiên tử theo thứ lớp mà ngồi.

Bấy giờ đại chúng đều suy nghĩ: "Nhất thiết trí của Phật thâm diệu sâu xa vô lượng, rộng lớn vô biên, không thể nghĩ bàn, không ai sánh bằng, tối thượng không gì hơn, không thể thấu rõ được thì làm sao các Đại Bồ-tát mặc đủ áo giáp tinh tấn để có thể chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề?"

Lúc này trong chúng hội có Đại Bồ-tát tên là Long Cát Tường nói với các Bồ-tát:

–Nếu có Bồ-tát trồng các căn lành, tâm không còn chấp trước mà hồi hướng về thật tế, đó gọi là mặc áo giáp tinh tấn an trụ vào pháp của các căn lành, thì Đại Bồ-tát ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Long Thọ nói:

–Nếu Bồ-tát phát khởi tâm bình đẳng, tâm điều phục, tâm ưa thích, tâm vui vẻ, tâm hòa nhã, tâm không phân biệt, đó gọi là mặc áo giáp tinh tấn một cách kiên cố thì vị ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Cát Tường Sinh nói:

–Nếu có Bồ-tát trong nhiều kiếp ưa thích muốn biết rõ về Nhất thiết trí của Phật thì ở trong vô lượng kiếp nên mặc áo giáp tinh tấn vì các chúng sinh mà làm những việc khổ khó làm, không tự cao ngạo ngã mạn, thì vị ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Cát Tường Tạng nói:

–Nếu các Bồ-tát có tâm lợi tha, không vướng vào sự vui thích của chính mình, không lệ thuộc vào sự thích thiền định, luôn tạo lợi ích lớn cho chúng sinh, đem vô lượng căn lành hồi hướng cho họ thì vị ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Tối Thượng Liên Hoa Cát Tường nói:

–Theo như những gì Đức Phật nói, nếu các Bồ-tát đối với tất cả pháp không có mình, không có người, không hiển bày, không giấu kín, có thể điều phục khắp nơi nhưng không có hành động gì, tuy hành nhưng mà không còn gì để hành. Đó là Bồ-tát trụ vào pháp tương ưng với Xa-ma-tha. Tự mình có thể hành và có thể dạy người khác hành thì Bồ-tát này và có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Liên Hoa Cát Tường Sinh nói:

–Nếu các Bồ-tát chấp vào pháp thế gian thì không thể nào hiểu được Nhất thiết trí của Phật. Nếu đối với pháp thế gian không có gì để ưa thích chấp trước, không lợi, không suy, không chê, không khen, không ca ngợi, không gièm chê, không khổ, không vui tức là đối với các pháp vẫn không tăng không giảm. Đó gọi là Bồ-tát đã ra khỏi thế gian thì vị ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Trì Thế nói:

–Nếu các Bồ-tát đem các hạnh thù thắng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh để được tự lợi, không vì mình và người mà sinh tâm phân biệt, chỉ đem căn lành hồi hướng cho tất cả, phát đại tinh tấn, thường gieo trồng các căn lành cho chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát an trụ vào các hạnh thù thắng thì vị ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Trì Địa nói:

–Ví như mặt đất hay sinh ra cây cối, thuốc cỏ... tươi tốt, kết trái đều được thành tựu, cho đến vạn vật đều nhờ đất mà có. Nhưng đất không nghĩ: "Ta sinh ra cây cỏ và làm cho chúng phát triển, đối với vạn vật nhờ đất mà được đứng vững. Tất cả chúng sinh nương vào địa pháp giới mà được sinh trưởng, nhưng đại địa không nghĩ rằng có thể sinh ra chúng sinh." Đại Bồ-tát cũng như vậy, phát tâm bình đẳng giống như mặt đất, luôn luôn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, không nghĩ rằng ta có thể làm lợi lạc cho tất cả các loài. Nếu xa lìa sự phân biệt ấy thì chứng được Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Bảo Thủ nói:

–Áo giáp tinh tấn là để hành các hạnh thù thắng rộng lớn, vô lượng. Nếu mình không đủ căn lành lớn thì không thể nào hành được. Nếu các Bồ-tát trụ vào tâm bình đẳng, không còn tư tưởng phân biệt, thậm chí trong giấc mộng đối với các chúng sinh không còn vui, giận, luôn mong cho các hữu tình đều mặc áo giáp Đại thừa, chứng Phật trí trụ vào bình đẳng, cũng không có ý của hàng Thanh văn, Duyên giác thì Bồ-tát ấy có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Tất cả cảnh giới chúng sinh đều phát tâm đại Bi, ban bố khắp pháp ấn. Các chúng sinh ai không tin thì làm cho có chánh tín, người không nghe thì làm cho họ nghe nhiều, kẻ tham lam keo kiệt thì thực hành bố thí. Người hủy phá cấm giới thì làm cho giới đầy đủ. Ai sân giận thì làm cho họ hành nhẫn nhục, người biếng nhác khiến họ phát tinh tấn. Ai tán loạn thì khiến họ trụ vào thiền định. Người ngu si thì khiến họ có đầy đủ trí tuệ và dạy họ thường tu tập pháp lành để tất cả đều được đầy đủ trọn vẹn căn lành.

Thường hành ba loại Bảo ấn của Bồ-tát. Ba Bảo ấn là gì? Nghĩa là làm thế nào để chúng sinh được đầy đủ Phật trí, có bao nhiêu căn lành đều hồi hướng về cho tất cả chúng sinh. Đây là Bảo ấn thứ nhất. Mình làm điều thiện nào đều được lợi ích, thành tựu căn lành cho tất cả chúng sinh. Đây là Bảo ấn thứ hai. Quán cõi hữu tình giống như hư không, tự tánh thanh tịnh. Đây là Bảo ấn thứ ba. Nếu Bồ-tát thường thực hành những điều này không bao giờ dừng nghĩ thì chứng được Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

–Nếu Bồ-tát tinh tấn kiên cố, không còn sợ sệt gì cả, không có gì hủy hoại được, không có tâm biếng nhác, không có tư tưởng kinh hãi, dũng mãnh không thoái lui, đối với đau khổ trong luân hồi không run không sợ mà lại có thể vượt ra khỏi để chứng Niết-bàn. Đối với pháp khổ vui luôn luôn bình đẳng không có hai tướng, được như vậy tức là Bồ-tát mặc áo giáp tinh tấn, có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Sư Tử Vô Úy Âm nói:

–Ví như thế gian có lực sĩ không bao giờ thua ai, làm việc gì cũng đều hoàn tất. Đó gọi là Chánh sĩ.

Chánh sĩ ấy luôn thực hành chánh pháp, tránh xa các tội cấu, không sinh tà kiến, siêng năng tu hành hạnh lớn, tâm hòa nhã không có tướng thô ác, xa lánh kẻ hung bạo. Đó gọi là Chánh sĩ.

Thường phát ra những lời nói hoàn hảo, gần gũi với bạn lành, đem tâm nồng hậu tôn trọng cung kính sư trưởng, thực hành theo đạo chân chánh, không chút sai trái. Đó gọi là Chánh sĩ.

Xa lìa những tham ái, tu tập theo hạnh chánh mạng, dùng nghiệp thanh tịnh để dứt trừ những tội lỗi, đem tâm trí tuệ để đoạn trừ tà kiến ngu si, đối với ba nghiệp luôn an trú trong tịnh, không gây rối ren cho người, không bàn luận tốt xấu hay dở, không chê không khen. Đó gọi là Chánh sĩ.

Thương xót kẻ nghèo khổ, ban bố ân tuệ, không có phân biệt giữa kẻ oán người thân, bên trong thì tâm thật thà chất phác, bên ngoài thì thể hiện tướng nhu hòa, tránh xa những sự dua nịnh, luôn giữ hạnh chân thật, lấy pháp vô thượng để làm vui cho tâm mình, an nhiên vững vàng sống trong sự bình đẳng. Đó gọi là Chánh sĩ.

Chúng sinh nào có những sự chướng ngại thì phá trừ cho họ, đem bố thí tất cả thân mạng tài sản với pháp thắng nghĩa không tham tiếc, thấy chúng sinh nào thiếu phước thiếu tuệ thì tìm cách diệt trừ pháp bất thiện cho họ, sau đó ban bố cho họ kho báu pháp diệu, chúng sinh nào nghèo khổ thì bố thí trân báu, chúng sinh nào tật bệnh thì bố thí thuốc thang, chúng

sinh nào sợ sệt thì bố thí sự an vui, người không chỗ nương tựa thì làm chỗ che chở cho họ, người bị đọa luân hồi thì cứu độ họ, người ở trong nhà tối tăm thì làm ánh sáng mà chiếu dắt dẫn họ đi, người đang ở trong đường tà thì chỉ dạy để đi đường chánh, luôn luôn dùng giáo pháp để chỉ dạy hướng dẫn cho tất cả chúng sinh, thấy lỗi lầm của người không sân giận. Đó gọi là Chánh sĩ.

Các Bồ-tát tu hành hạnh như vậy thì có thể an trụ vào pháp tương ưng của Xa-ma-tha và có thể chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Các Bồ-tát thấy chúng sinh nên tu hành đại Từ quán giống như hư không, không có biên giới. Hành đại Bi quán rộng lớn vô biên cũng như vậy, thường sinh hoan hỷ, giữ gìn các căn lành, tránh xa những đắm nhiễm, luôn thực hành sáu pháp Ba-la-mật không cho bê trễ, hành Bố thí giống như hư không, không có gì làm trở ngại được. Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ cũng đều như vậy. Bồ-tát thực hành được như thế thì có thể chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Bình Đẳng Tâm Chuyển Pháp Luân nói:

–Nếu có Bồ-tát hành đạo Bồ-đề, đối với các pháp không còn thấy các tướng và tâm phân biệt. Vị này không bị ma làm não hại, luôn được chư Phật nhớ nghĩ, được chư Thiên, Rồng, Thần luôn ủng hộ, tạo ra căn lành nào đều chân thật không mất. Nếu Bồ-tát đối với pháp mà tâm còn thấy có tướng, còn phát sinh tư tưởng, phân biệt thì vị này ở cảnh giới ma, bị ma quấy nhiễu, chư Phật không hộ trì, chư Thiên không ủng hộ. Nếu vị nào vững chãi bất động, không còn thấy có tướng, không còn phân biệt, thì đó là Bồ-tát Chuyển pháp luân vô thượng, ban bố cho tất cả. Vì sao? Vì Bồ-tát hiểu rõ các pháp là không phát sinh, không tạo tác. Mặc dầu Bồ-tát còn phát sinh các tâm nhưng không chấp trước vào nó, đem tâm vô tướng mà chứng Phật Bồ-đề, cho đến chuyển bánh xe pháp vi diệu cũng như vậy. Đây gọi là Đại Bồ-tát mặc áo giáp tinh tấn, chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Liễu Biệt Nhất Thiết Cú Nghĩa Đại Biện nói:

–Các vị Chánh sĩ nên biết! Tất cả xứ là Bồ-đề. Phiền não là Bồ-đề. Các việc đã làm là Bồ-đề. Pháp hữu vi là Bồ-đề. Pháp vô vi là Bồ-đề. Pháp hữu lậu là Bồ-đề. Pháp vô lậu là Bồ-đề. Tâm có chấp trước là Bồ-đề. Tâm không chấp trước là Bồ-đề. Căn lành là Bồ-đề. Căn chẳng lành là Bồ-đề. Pháp thế gian là Bồ-đề. Pháp xuất thế gian là Bồ-đề. Pháp luân hồi là Bồ-đề. Cõi Niết-bàn là Bồ-đề. Hư vọng là Bồ-đề. Chân thật là Bồ-đề. Uẩn, xứ, giới là Bồ-đề. Địa, thủy, hỏa, phong, không là Bồ-đề. Vì Đại Bồ-tát

hiểu rõ tự tánh của tất cả pháp đều là không, các việc đã tạo ra đều không có tự tánh, với tất cả ý nghĩa đều biết rõ một cách như thật. Ví như hư không đầy khắp tất cả nơi, pháp Bồ-đề cũng như vậy ở tất cả xứ. Nếu Bồ-tát hiểu rõ các pháp sẽ được đầy đủ biện tài và được chánh trí, phân biệt các câu nghĩa thì vị này có thể chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Biện Tích nói:

–Nếu Bồ-tát với trí tuệ giải thoát, có làm được điều gì cũng không nắm giữ, bởi vì tâm không thấy tướng. Không tăng giảm, không lay, không động. Tất cả lời nói ra cũng đều xác định đúng lý, bị chê bai hay được khen ngợi cũng không lay động. Tất cả lời nói của ngoại đạo, tất cả lời nói của Như Lai, dù trong, dù ngoài, dù ẩn hay hiện đều bình đẳng không có sai khác, biết tất cả pháp đều quy về tịch diệt. Tâm không chấp trước đối tượng nào cả, giữ vững bất động như núi Diệu cao không động chuyển. Nếu Bồ-tát với trí tuệ giải thoát, tâm trở về tịch diệt thì có thể chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Hải Ý nói:

–Nếu Bồ-tát có trí tuệ như biển lớn, biết vạn pháp đều quy về một vị bình đẳng. Bồ-tát đa văn nắm giữ hết tánh của các pháp như một vị không khác, biết rõ tự tánh chân thật của các pháp chẳng phải vô sở hữu, mà pháp do duyên sinh tức là nghĩa chân thật, tất cả pháp lành từ đấy sinh ra, nên biết pháp ấy không tăng, không giảm, tánh của gốc ngọn phước lợi nhiều vô tận, là cứu cánh tịch diệt, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, nên biết một cách như thật. Còn như đối với chúng sinh mà phát sinh tâm vô lượng, không quên, không bỏ, thường có tâm tôn trọng giảng nói rõ ràng cho họ, chỉ dạy bình đẳng về pháp bất cộng, trồng các căn lành cho khắp chúng sinh thì Bồ-tát này mặc áo giáp tinh tấn, chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Diệu Cao Vương nói:

–Các vị Chánh sĩ nên biết, Nhất thiết trí của Phật chẳng biết được một cách dễ dàng đâu, khó mà lường tính, làm sao có thể chứng được. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát vượt qua tất cả tâm hành của chúng sinh trong thế gian, vượt qua tất cả sự thấy nghe của chúng sinh trong thế gian, cho đến tin ưa, tri thức đều có thể vượt qua chúng sinh trong thế gian mà Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ được phước đức vượt hơn núi Tu-di, thì Bồ-tát này có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Ái Kiến nói:

–Đại Bồ-tát nào quán xét sáu trần cảnh mà không có gì để quán cho

đến duyên mà không có gì để duyên. Vì sao? Vì nếu sắc hay tâm thì bản tánh nó đều thanh tịnh. Vì sắc thanh tịnh nên mắt không có gì để thấy. Vì thanh thanh tịnh nên tai không có gì để nghe. Vì hương thanh tịnh nên mũi không có gì để ngửi. Vì vị thanh tịnh nên lưỡi không có gì để nếm. Vì xúc thanh tịnh nên thân không có gì để cảm giác. Vì pháp thanh tịnh nên ý không có gì để duyên. Vì sao? Vì các căn thanh tịnh nên tự tánh nó đều không, không có mình, không có người, không yêu thích, không chán bỏ, tự tánh là bình đẳng, quán chúng sinh không có cao thấp, tất cả đều bình đẳng. Đối với Phật pháp có tâm quyết định không sinh nghi ngờ, vui thích với pháp không nhàm chán, được rồi thì bố thí trở lại, bố thí rồi không hối tiếc, dần dần hành trì đầy đủ trọn vẹn tất cả Phật pháp. Đại Bồ-tát nào làm đúng như vậy thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Hỷ Vương nói:

–Đại Bồ-tát tâm an trụ vào bố thí, nhẫn nhục, nếu có người đến mắng chửi, quở trách, khinh khi, đánh đập mà Bồ-tát không có tâm sân giận họ mà còn có tư tưởng hoan hỷ, luôn làm bạn lành với các chúng sinh, không còn tướng mình và người, không có người hủy nhục, không có người bị hủy nhục, các pháp đều là không. Vì nội không, ngoại không, tướng ngã, tướng nhân cũng đều không, cho nên luôn sinh tâm hoan hỷ, thực hành hạnh bố thí. Giả sử có người đến xin đầu, mắt, tay, chân, vợ, con, quyến thuộc cho đến thân mạng của mình cũng không tiếc rẻ, lại bố thí một cách hoan hỷ. Bồ-tát thích cầu diệu pháp, nếu nghe một bài kệ, giả như có đổi ngôi vị Chuyển luân vương cũng không luyến tiếc. Nếu làm tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, giả sử có được ngôi vị Đế Thích cũng không ưa thích. Nếu vừa nghe pháp hy hữu giả sử có được ngôi vị Phạm thiên vương cũng không ưa thích. Nếu được thấy chư Như Lai giả sử trong tam thiên đại thiên thế giới đầy ngập châu báu thì cũng bỏ vứt như sỏi gạch, thích nhìn chư Phật với lòng tràn đầy hoan hỷ, các căn đầy đủ thành tựu pháp phần Bồ-đề, thì vị này có thể chứng Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Vô Biên Thị nói:

–Đại Bồ-tát nào không còn thấy tướng ngã, quán tất cả pháp đều thanh tịnh không còn nghi ngờ gì cả, thì có thể thấy tất cả chư Phật, quán các sắc mà không còn chấp trước, không có tưởng sắc, thấy các chúng sinh mà không có tưởng về chúng sinh, cho đến quán tất cả sắc tướng ở thế gian cũng đều như vậy.

Tất cả cõi Phật thấy bằng Nhục nhãn đều thanh tịnh, vì nghiệp báo thanh tịnh nên được đầy đủ Thiên nhãn, do có đại thần thông mà được đầy

đủ Tuệ nhãn, pháp Bất cộng của Phật được tròn đầy nên được đầy đủ Pháp nhãn, xa lìa các phiền não nên được đầy đủ Phật nhãn, Bồ-tát này sẽ được đầy đủ mười Lực và có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Vô Biên Tác Hạnh nói:

–Tất cả những gì của chư Phật làm đều là Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề là do Nhất thiết trí phát sinh ra, không có nội tưởng, không có ngoại tưởng, cũng không có trung gian, cho nên với tất cả pháp, Bồ-tát không chấp trước thì diệt sạch hoàn toàn phiền não, không còn việc của ma và ra khỏi cảnh giới ma. Bồ-tát này có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Phá Chư Ma nói:

–Nếu Bồ-tát không còn sinh ngã kiến tức là xa lìa các kiến. Nếu các kiến không còn phát sinh thì có thể xa lìa nghiệp ma, tức là đã tỏ ngộ được các uẩn. Các uẩn đều là không, diệt hẳn tướng ngã. Tướng ngã đã diệt thì ma không làm gì được. Nếu nghiệp ma đã diệt thì các chướng được giải thoát. Nếu xa lìa các chướng thì đắc Bồ-đề, đó gọi là chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Vô Ưu Thọ nói:

–Nếu người tạo nghiệp bất thiện thì luôn lo sợ, hối hận tự trách mình. Còn người tạo các nghiệp thiện thì không lo sợ gì cả. Thế nên Bồ-tát luôn thực hành pháp lành không gián đoạn, liên tục nơi hiện tại. Bồ-tát này không bị mũi tên độc lo buồn làm tổn hại, có thể mặc áo giáp tinh tấn và chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bồ-tát Nhất Thiết Nghĩa Thành nói:

–Thiện nam nào giới pháp đầy đủ, hạnh nguyện đầy đủ thì có thể an trụ vào căn bản của giới pháp. Ví như hương thơm xông ướp tất cả, có thể xa lìa các lỗi lầm, xa lìa các ác, mới viên mãn pháp phần Bồ-đề. Nếu pháp phần Bồ-đề đã viên mãn thì thành Nhất thiết trí. Do đó nên biết rằng chân giới là gốc. Pháp phần Bồ-đề mà được thành tựu, Bồ-tát nào hiểu đúng như vậy thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Sau khi các Bồ-tát nói pháp xong, trong chúng hội có Thiên tử ở cõi trời Đâu-suất tên Phổ Khai Hoa nói như vầy:

–Thưa các Bồ-tát! Ví như thế gian có cây hoa đẹp nở rộ tốt tươi, sắc hương thơm sạch, ai ai cũng ưa thích. Các Đại Bồ-tát cũng như vậy. Các pháp giải thoát giống như hoa nở tăng thêm sắc đẹp được tất cả Đại Bồ-tát ưa thích, lại giống như cây mọc trong vườn của cung trời Đao lợi. Cây ấy cao lớn sum suê, hoa nở rất đẹp trông rất thích mắt. Thưa các Đại Bồ-tát! Nếu đầy đủ pháp giải thoát thì như hoa nở tăng thêm vẻ đẹp, được tất cả

Bồ-tát và trời người ưa thích. Cũng giống như đại Ma-ni quý báu tối thượng, trong suốt không có tỳ vết, đủ đức như ý. Các Đại Bồ-tát trong tâm thanh tịnh, không còn các cấu nhiễm, đầy đủ pháp công đức. Như vậy thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Thiên tử Quang Minh Khai Hoa nói:

–Các Bồ-tát như mặt trời tỏa ánh sáng phá tan các tăm tối, làm hiển lộ tất cả sắc tướng. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đầy đủ ánh sáng trí tuệ làm ngọn đuốc diệu pháp chiếu khắp chúng sinh để diệt trừ những si ám. Tất cả đều được ánh sáng trí tuệ thông suốt hiện ra, không còn các tăm tối và không bị sự ngu mờ che lấp, luôn đi theo đạo sáng suốt. Cho nên Bồ-tát hướng dẫn chỉ dạy cho những chúng sinh bị lạc đường trở về con đường chân chánh. Bồ-tát này có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Thiên tử Mạn-đà-la Hoa Hương nói:

–Thưa các Bồ-tát! Mùi thơm của hoa Mạn-đà-la bay xa cả trăm do-tuần. các Đại Bồ-tát đầy đủ giới, định, tuệ cũng như vậy. Hương giới, hương định, hương tuệ bay xa khắp tất cả trong thế gian.

Nếu chúng sinh nào mà ngửi được hương thơm ấy thì tất cả phiền não đều được tiêu trừ. Đại Bồ-tát đầy đủ hương pháp công đức như vậy thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Thiên tử Tinh Tấn Pháp Hành nói:

–Nếu các Bồ-tát biếng nhác thoái lui thì không thể tu tiến về hạnh thù thắng để đắc quả Bồ-đề của Phật. Nếu tâm tinh tấn không kể kiếp số, luôn luôn dũng mãnh, trồng các căn lành, tâm không nhàm chán, thường thực hành tám pháp Trợ đạo. Thế nào là tám?

1. Siêng năng làm tăng thêm pháp tương ưng với hạnh thù thắng.

2. Thường tu bốn pháp hạnh vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

3. Tu tập năm pháp trí tuệ thuộc trí thông.

4. Thường tu hành theo bốn Nhiếp pháp, đó là: Bố thí, ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

5. Đối với ba môn giải thoát đầy đủ pháp nhẫn.

6. Giảng nói rộng rãi về diệu pháp cho mọi người.

7. Phát tâm Vô thượng đại Bồ-đề.

8. Làm phương tiện tốt lành hồi hướng cho tất cả mọi người đều được ở trong chánh pháp.

Bồ-tát nào hành theo tám pháp này thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với các Bồ-tát và chúng trời:

–Này các Đại Bồ-tát! Đối với các pháp nên xa lìa mọi phân biệt thì có thể chứng Phật trí. Làm thế nào để lìa sự phân biệt? Nghĩa là không phân biệt ba cõi, không phân biệt các kiến, không phân biệt đây là nội kia là ngoại, không phân biệt đây là quả vị Thanh văn, kia là quả vị Duyên giác, hay địa vị chúng sinh phàm phu; cũng không phân biệt đây là luân hồi, kia là phiền não; đây là năng quán, kia là sở quán; đây là nhân, kia là quả; là cảnh giới hay chẳng phải cảnh giới, là tăng hay giảm, kia là kiến của ngã, đây là sở kiến của ngã, là xan tham hay bố thí, là hủy giới hay trì giới, là sân giận hay nhẫn nhục, là biếng nhác hay tinh tấn, là tán loạn hay thiền định, là ngu si hay trí tuệ. Cũng không phân biệt căn lành này hay sinh các pháp lành, còn kia là căn không lành thì sinh pháp không lành. Không phân biệt đây là pháp thế gian kia là pháp xuất thế gian, mà trụ vào pháp bình đẳng, không phân biệt là vô vi hay hữu vi, không phân biệt tâm có chấp trước hay tâm không chấp trước, không phân biệt là hữu lậu hay vô lậu.

Các Đại Bồ-tát nên biết! Pháp ấy không còn sự phân biệt mà là trụ vào chỗ tương ưng với bình đẳng thì có thể chứng đắc Nhất thiết trí của Phật.

Lại nữa, thưa các Đại Bồ-tát! Vô thượng Bồ-đề của chư Phật vốn không thể thủ đắc. Vì sao? Vì chẳng phải nơi tâm để duyên, chẳng phải nơi trí để biết, mà chỉ có Phật mới chứng được thôi. Ai bình đẳng với chư Phật thì cũng bình đẳng với Nhất thiết trí. Quán về Nhất thiết trí đều vô sở hữu. Vì vô sở hữu cho nên không chấp trước vào Nhất thiết trí, chẳng phải sắc nắm bắt mà thọ, tưởng, hành, thức cũng đều không thể nắm bắt, đó gọi là Nhất thiết trí, không có tướng của pháp mà cũng không có tướng của phi pháp, đó gọi là không của Nhất thiết trí. Bố thí ba-la-mật có thể chứng, Trì giới ba-la-mật có thể chứng, Nhẫn nhục ba-la-mật có thể chứng, Tinh tấn ba-la-mật có thể chứng, Thiền định ba-la-mật có thể chứng nhưng Trí tuệ ba-la-mật thì không thể chứng. Vì sao? Vì các pháp không có chỗ thủ đắc, cho nên Nhất thiết trí cũng không chỗ thủ đắc.

Lại nữa, thưa các Bồ-tát! Nhất thiết trí chẳng phải ba đời có thể thủ đắc, vì quá khứ không thể thủ đắc, hiện tại không thể thủ đắc và vị lai cũng không thể đắc. Vì không chấp trước vào ba đời nên chẳng phải là đối tượng để nhãn thức quán, chẳng phải là đối tượng để nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức quán. Vì sao? Vì xa lìa các cảnh giới. Các Đại Bồ-tát nào muốn thành tựu Nhất thiết trí thì nên trụ như vậy. Vì sao? Vì tất cả pháp cũng đều trụ như vậy. Vì các pháp bình đẳng nên Nhất thiết trí cũng bình đẳng, cho đến

pháp chư Phật, pháp phàm phu cũng đều bình đẳng. Đó gọi là Nhất thiết trí. Các Đại Bồ-tát nên trụ như vậy, nên học như vậy. Ví như tự tánh của bốn đại đều không, nếu nó vốn có tánh thì cũng không thể thủ đắc. Vì sao? Vì tự tánh của chúng là không. Vì tự tánh của các pháp thiện hay bất thiện ở thế gian đều không, nên nó cũng không thể thủ đắc. Vì sao? Vì không phân biệt. Phân biệt đã là không nên đó là nghĩa chân thật.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường nói pháp này, trong hội có hai ngàn Thiên tử đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Một vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

-oOo-

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

QUYỂN 2

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Biện Tích thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Chúng ta hãy đến chỗ Đức Phật để hỏi Đại Bồ-tát nên trụ như thế nào.

Khi ấy vẫn ngồi yên giữa chúng hội, Bồ-tát Diệu Cát Tường thâu nhiếp thân tướng Bồ-tát, hóa hiện ra thân tướng Như Lai với đầy đủ tướng tốt, giống y như Phật Thích-ca Mâu-ni.

Lúc này, Bồ-tát Biện Tích không biết tướng hóa hiện nên cho là Đức Như Lai và đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nên trụ như thế nào?

Hóa Phật trả lời:

–Theo những gì ta làm thì Bồ-tát nên trụ như vậy.

Bồ-tát Biện Tích thưa:

–Theo Phật Thế Tôn thì trụ như thế nào?

Hóa Phật nói:

–Phật Thế Tôn không tu hành pháp Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, không chấp trước vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc; không hành thân nghiệp, không sinh ngữ nghiệp, không tạo ý nghiệp. Như vậy đối với tất cả xứ đều không có chỗ hành.

Này Thiện nam! Vì tất cả những gì để hành đều như huyễn hóa.

Bồ-tát Biện Tích thưa:

–Vậy thì Phật, Thế Tôn cũng là tướng huyễn hóa sao?

Hóa Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy. Đại Bồ-tát nên trụ như thế.

Bồ-tát Biện Tích lại bạch Phật:

–Vì sao Thế Tôn cũng là tướng huyễn hóa?

Hóa Phật nói:

–Này Thiện nam! Không những vậy mà tất cả các pháp đều là tướng huyễn hóa.

Bồ-tát Biện Tích thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tánh không của các pháp đều là tướng huyễn hóa, không lẽ Phật Thế Tôn của con cũng là huyễn hóa sao?

Hóa Phật nói:

–Này Thiện nam! Đâu chỉ có Đức Phật đây là tướng huyễn hóa mà tất cả Như Lai cũng đều là tướng huyễn hóa.

Bồ-tát Biện Tích thưa:

–Ai là người có thể hóa?

Hóa Phật nói:

–Do nghiệp thanh tịnh, chứ chẳng phải là có chủ thể hóa cùng đối tượng được hóa, cũng không có ta, không có người, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có sĩ phu, không có thức, không có Bổ-đặc-già-la, không có Phật, không có các tướng phàm phu.

Bồ-tát Biện Tích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên học như thế nào để chứng đắc Bồ-đề?

Hóa Phật nói:

–Tất cả các pháp không có chỗ học, Bồ-tát nên học như vậy. Các pháp không có chỗ hành, Bồ-tát nên học như vậy. Các pháp không có gì sợ, Bồ-tát nên học như vậy. Các pháp không có nghi ngờ, Bồ-tát nên học như vậy. Các pháp không có sở hữu, không có chỗ duyên, không hư vọng, không tụ tập, không tạo tác, không văn tự, không sinh, không diệt, không đã có, không hiện có và không sẽ có; chẳng phải huyễn hóa, chẳng phải hình tượng, chẳng phải chỗ quán của trí, xa lìa tất cả tưởng. Đại Bồ-tát nên học như vậy. Ai học như vậy thì gọi là học đúng, không giảm mất cũng không tăng trưởng. Nếu ai học như vậy thì không còn gì để viễn ly, không còn gì để bàn luận, không còn gì để vui thích, không còn gì để nhàm chán, không vui không giận, không đến không đi. Nếu ai học như vậy, gọi là học đúng. Cho nên, này Thiện nam! Nếu có người nào cầu Vô thượng Bồ-đề thì nên biết rằng không có luân hồi, không có Niết-bàn, không nắm bắt, không xả bỏ, không bố thí, không xan tham, không giữ giới, không phạm giới, không nhẫn nhục, không sân giận, không siêng năng, không biếng nhác, không định, không loạn, không trí tuệ, không ngu si, chẳng phải học, chẳng phải vô học, chẳng hành chẳng phải không hành, không có gì để đắc không có gì để chứng, không có Bồ-đề, không có Phật pháp, không có tưởng ngã, không có tưởng người, không có tưởng chúng sinh, không có tưởng thọ giả, không có tưởng Bổ-đặc-già-la, không có tưởng

pháp, cũng không có tưởng phi pháp, chẳng phải hữu tưởng chẳng phải vô tưởng. Vì sao? Vì các pháp như huyễn hóa, không có hai, không sai khác, không có tướng chuyển động. Với tất cả pháp chẳng phải sắc nắm bắt tướng. Mắt không thể quán được vì tất cả pháp không có tướng phân biệt, tâm không thể biết. Tánh của các pháp là không, không pháp nào có thể hành, không có Bồ-đề nào để chứng đắc. Cho nên, này Thiện nam! Các Đại Bồ-tát nên hành như vậy, nên học như vậy. Nếu có thiện nam nào nghe nói điều này mà không kinh sợ, không nghi ngờ thì người ấy có thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Thiện nam! Ví như hư không không có gì có thể xâm hại được, lửa không thể đốt, gió không thể làm lay chuyển, nước không thể thấm ướt, bụi không thể làm dơ, khói mây sấm sét không thể nào vướng vào được, bởi vì hư không không chướng ngại. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tâm không chướng ngại, không bị các pháp làm chuyển động, tâm không ưa thích không nhàm chán giống như hư không. Các uẩn không bị chúng ma làm lay động, Bồ-tát ấy sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề tạo lợi ích lớn vô cùng tận cho chúng sinh.

Sau khi nói pháp xong, Hóa Phật bỗng biến mất. Bồ-tát Diệu Cát tường trở lại thân cũ.

Bồ-tát Biện Tích thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Như Lai Thế Tôn vừa mới giảng pháp từ đâu đến vậy, bây giờ đi về đâu?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Vốn không từ đâu đến nên bây giờ không đi về đâu.

Bồ-tát Biện Tích lại hỏi:

–Đến mà không đến thì từ đâu đến?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Từ như vậy mà đến.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Theo như Phật đã nói thì tất cả Như Lai đều là tướng huyễn hóa. Vậy tướng huyễn hóa chẳng từ đâu đến cũng không đi về đâu sao?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Đúng vậy, đúng vậy. Tướng huyễn hóa không đến, không đi. Tất cả pháp, tất cả chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Biện Tích lại hỏi:

–Tất cả pháp trụ chỗ nào?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Các pháp không có tự tánh nên trụ như vậy.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Tất cả chúng sinh trụ thế nào?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tất cả chúng sinh mỗi mỗi đều có nghiệp báo nên cũng trụ như vậy.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Tất cả nghiệp báo của chúng sinh như thế nào?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Các pháp không có chủ nên cũng không có nghiệp báo. Vì các pháp bình đẳng nên trụ như vậy.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Nếu không có nghiệp báo thì sao lại nói mỗi mỗi có nghiệp báo?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Tạo ra nghiệp gì thì thọ quả báo theo nghiệp đó, đó là nghiệp báo.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Nghiệp báo của chúng sinh là tánh không, đang sống cũng như vậy thì làm sao thọ quả báo?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Như pháp chân thật thì không có nghiệp không có quả báo, không có sinh, chẳng phải có chẳng phải không, đó là nghiệp báo. Nhưng nghiệp báo của chúng sinh không mất mát, tánh của tự nghiệp là không, nên đó là nghĩa chân thật.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường nói pháp này, trong chúng hội của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có Tôn giả Xá-lợi Tử, A-nan và những vị Thanh văn khác nhờ oai lực của Phật mà được nghe pháp diệu của Bồ-tát Diệu Cát Tường đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử đứng dậy thưa Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát đều dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói pháp thâm diệu. Nếu người nào được nghe thì không ai là không phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Đại Bồ-tát đem tâm không chấp trước mà tu học các hành, đem tâm không biếng trễ mà giảng nói chánh pháp.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như những gì Bồ-tát làm, thọ quả báo, có trí

tuệ và giảng pháp cũng đều như vậy. Như ông Tôn giả Xá-lợi-phất thì nẻo hành hóa, ta học đều là hạnh của Thanh văn còn có tướng chấp trước, chỗ đạt được trí tuệ cũng như vậy.

Bấy giờ, có vị Bồ-tát tên Quang Nghiêm đứng dậy đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hạnh của Thanh văn?

Phật bảo:

–Này Thiện nam! Hạnh của Thanh văn nghĩa là đối với pháp còn có hạn lượng, đối với sự tu hành không thể xa lìa các tướng, thích tránh sinh tử để chứng Niết-bàn, chán bỏ chúng sinh không cứu vớt, trí tuệ còn hạn hẹp, không có tâm rộng lớn, cho nên Bồ-tát quán các hành của Thanh văn giống như hạng ngu mờ, do đấy tâm của Bồ-tát hành mà không chấp trước, trí tuệ không chướng ngại và còn có thể độ khắp chúng sinh đạt được vô lượng lợi ích.

Bồ-tát Quang Nghiêm lại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Diệu Cát Tường và các Đại sĩ, sao bây giờ không đến hội này để giảng nói diệu pháp? Chúng con rất muốn nghe. Vì sao? Vì Bồ-tát Diệu Cát Tường đã chứng đắc pháp thâm diệu, nhập vào môn giải thoát, dùng vô ngại biện tài nói rõ về pháp giải thoát.

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền dùng thần thông cảnh giác bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường đến pháp hội. Khi ấy, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng hai mươi lăm Đại Bồ-tát và chúng trời, người đều đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, tất cả đều lễ lạy sát chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi lui qua một bên.

Bồ-tát Quang Nghiêm thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Vì sao Đại sĩ rời bỏ chỗ Phật để nói pháp chỗ khác?

Diệu Cát Tường trả lời:

–Giáo pháp mà Đức Phật nói ra rất sâu xa khó lãnh hội, lìa các ngôn ngữ, tôi không thể biết.

Bồ-tát Quang Nghiêm hỏi:

–Phật nói pháp rất thâm diệu khó lãnh hội, như Đại sĩ đây có trí tuệ vô lượng mà còn không thể hiểu thì chúng tôi làm sao mà hiểu nổi.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Chỉ có Phật với Phật mới thông đạt tất cả, ngoài Như Lai ra không ai có thể tin ngộ được, cho nên tôi tùy theo năng lực giảng nói của mình mà nói pháp, chỉ theo pháp mà nói còn đối với pháp giới chân tế thì chẳng lìa,

chẳng phải không lìa. Nói như vậy gọi là nói pháp. Đối với ngôn ngữ, đối với hý luận, đối với danh tướng, đối với các thứ sinh diệt cũng chẳng lìa chẳng phải không lìa, là các pháp bình đẳng, đó gọi là nói pháp. Các pháp không có tướng mình, không có tướng người, không có tướng pháp cũng không có tướng phi pháp, không có tướng luân hồi, không có tướng Niết-bàn, đó gọi là nói pháp.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khen ngợi Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Lành thay! Lành thay! Này Diệu Cát Tường! Ông nói pháp đúng là nói pháp đích thực. Vì sao? Vì các pháp lìa ngôn ngữ, lìa tất cả tưởng, không có pháp lớn không có pháp nhỏ, đoạn trừ những phân biệt, chẳng phải là tâm Tam-muội để quán để thấy, không có một pháp nào tăng hay giảm, nói pháp như vậy gọi là hiểu pháp, tức là đã thấy Phật.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói pháp này, trong chúng hội có tám ngàn Bồ-tát chứng pháp Nhẫn vô sinh, có hai trăm Thiên tử trước đây phát tâm Đại thừa chẳng bao lâu lại suy nghĩ: "Pháp của Phật sâu xa khó hiểu, khó biết, không thể cùng tận, chúng ta không thể nào hiểu rõ ý thâm diệu ấy, thực hành những hạnh thù thắng để chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không bằng với quả Thanh văn, Duyên giác thì cầu Niết-bàn, nhất định không có nghi ngờ gì cả." Thế rồi tất cả thoái lui tâm Đại thừa.

Biết được tâm niệm của các Thiên tử, Đức Thế Tôn dạy các Thiên tử:

–Các ông đừng có tâm biếng trễ mà làm mất đi tâm Đại thừa, cần phải phát tâm Vô thượng Bồ-đề cho kiên cố, không hề thoái lui.

Vì muốn độ các Thiên tử, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền hóa làm một trưởng giả cầm bình bát đầy những thức ăn uống vào pháp hội. Đến chỗ Phật, ông dâng thức ăn cúng dường Thế Tôn, rồi đầu mặt lạy sát chân Ngài, thưa rằng:

–Cúi xin Thế Tôn hãy thương xót con mà thọ nhận thức ăn này!

Để tùy thuận theo ý của trưởng giả, Thế Tôn nhận thức ăn, lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường đứng dậy, chắp tay cung kính, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thức ăn mà Phật thọ nhận không có hạn lượng, đáp ứng cả pháp giới, không bị chấp trước, không có người bố thí, không có người thọ nhận, tất cả đều bình đẳng, như pháp mà thọ thực.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử nghi ngờ nghĩ rằng: "Ông trưởng giả cúng dường thức ăn này từ đâu đến, chẳng lẽ do Bồ-tát Diệu Cát Tường biến hóa ra để làm Phật sự hay sao." Biết sự hồ nghi của Tôn giả Xá-lợi-phất. Thế

Tôn liền nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử! Chớ nghĩ như vậy, dù đến hay đi thì tự Phật đã biết thời.

Thọ thực xong, Thế Tôn đem bình bát ném xuống đất. Bình bát được ném mạnh rơi vào thế giới phương dưới, trong lúc chư Phật ở các cõi đều đang nói pháp.

Đệ tử của chư Phật đều hỏi:

–Bát này từ đâu đến?

Chư Phật đều nói:

–Thế giới phương trên tên là Ta-bà, có Phật Thế Tôn hiệu Thích-ca Mâu-ni, hiện đang thuyết pháp. Bình bát này từ cõi ấy đến đây, vì nhằm để giáo hóa các Bồ-tát. Bình bát ấy rơi xuống hơn bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới tên Quang minh, Phật hiệu Quang Minh Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang giảng pháp, bình bát ấy lơ lửng giữa hư không trước Phật ấy.

Sau khi ném bình bát, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử! Ông hãy dùng thần lực quan sát xem bình bát đã ném nay đang ở cõi nào và trụ nơi đâu?

Tôn giả Xá-lợi Tử liền nhập vào tám mươi ngàn môn Tam-ma-địa, ở trong các định ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử dùng trí lực của mình và sức thần thông của Phật, quán xét khắp mười ngàn cõi Phật nhưng không thấy bình bát ấy ở đâu cả. Sau khi ra khỏi định, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã quán sát qua mười ngàn cõi Phật nhưng không thấy bình bát ấy ở đâu cả.

Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Tôn giả hãy dùng thần lực quán sát xem bình bát đang ở đâu?

Vâng Thánh chỉ của Phật, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập vào tám ngàn môn Tam-ma-địa. Ở trong những định ấy, Tôn giả dùng thần thông của mình xem qua tám ngàn cõi Phật ở thế giới phương dưới, quan sát khắp nơi nhưng cũng không thấy bình bát ở đâu cả. Sau khi ra khỏi định Tôn giả thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã dùng thần thông qua tám ngàn cõi Phật ở thế giới phương dưới, nhưng không thấy bát ấy ở đâu cả.

Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Ông hãy dùng thần thông quán sát xem bình bát đã ném nay ở cõi nào và trụ nơi đâu?

Vâng Thánh chỉ của Phật, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nhập vào một vạn hai ngàn môn Tam-ma-địa. Ở trong định ấy, Tôn giả quán sát khắp một vạn hai ngàn cõi Phật nhưng không thấy bình bát ấy ở đâu. Sau khi ra khỏi định, Tôn giả thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã dùng sức thần thông, quán sát khắp một vạn hai ngàn cõi Phật nhưng không thấy bình bát ấy ở đâu cả.

Như vậy lần lượt năm trăm đệ tử Thanh văn đều dùng thần thông của mình và sức Thiên nhãn để quán sát, nhưng đều không thấy bình bát ấy.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề thưa Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Nhân giả được Đức Thế Tôn thọ ký còn một đời nữa sẽ được làm Phật, cúi xin Nhân giả hãy nhập vào Tam-ma-địa, quán sát bình bát ấy đang ở đâu để trình cho các đại chúng.

Bồ-tát Từ Thị nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Đúng là tôi được Phật thọ ký còn một đời nữa sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh giác, nhưng tất cả môn Tam-ma-địa của Bồ-tát Diệu Cát Tường, tên của chúng tôi; còn không thể biết huống chi là chứng nhập, chỉ có Bồ-tát Diệu Cát Tường mới có thể chứng nhập được hết, vì mọi nẻo hành hóa và tạo tác đều thông đạt cả. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Những gì chư Phật Như Lai làm tôi đâu có thể biết, cho nên trí tuệ thần thông của tôi chưa kịp bằng Bồ-tát Diệu Cát Tường. Bình bát mà Thế Tôn đã ném chỉ có Bồ-tát Diệu Cát Tường mới biết ở đâu thôi. Chúng tôi đã đến khắp nơi nhưng đều không thể biết.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Diệu Cát Tường có công đức thù thắng, ngoài Như Lai ra không ai có thể sánh bằng. Bồ-tát ấy sẽ biết chỗ bình bát Như Lai đã ném đang ở đâu. Cúi xin Thế Tôn sai Bồ-tát Diệu Cát Tường dùng đại thần thông lấy bát ấy trở về để trình cho đại chúng mà làm Phật sự.

Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Ông là người biết bình bát ấy đang ở đâu và trụ chỗ nào.

Sau khi nhận lời dạy của Phật, Bồ-tát Diệu Cát Tường suy nghĩ: "Ta không rời khỏi tòa, không lìa pháp hội của Phật, cũng không ẩn thân mà vẫn lấy bình bát ấy về trình cho đại chúng." Nghĩ như vậy xong, Bồ-tát liền nhập vào Tam-ma-địa, ở trong định ấy làm duỗi tay phải của mình ra qua

mỗi mỗi cõi Phật ở thế giới phương dưới, nơi trước mỗi Đức Phật, tay của Bồ-tát phát ra tiếng như vầy:

–Con nay kính lạy chư Phật, Phật Thích-ca Mâu-ni của con có gởi lời thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, an vui, đi đứng nhẹ nhàng và có khỏe mạnh không?

Sau khi gởi lời thăm hỏi, thì nơi mỗi lỗ chân lông trên tay ấy phóng ra trăm ngàn câu-chi ánh sáng. Mỗi ánh sáng có trăm ngàn hoa sen, trên mỗi hoa sen có Như Lai ngồi. Mỗi Đức Như Lai đều khen ngợi Phật Thích-ca Mâu-ni, mỗi thế giới đều chấn động sáu cách, hiện ánh sáng lớn chiếu khắp cõi Phật. Lại hiện ra các cờ phướn, lọng báu đủ loại trang nghiêm để làm Phật sự. Mỗi cõi Phật cũng đều như vậy. Qua bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật rồi lại đến chỗ Phật Quang Minh Vương. Tay ấy lại phát ra tiếng thăm hỏi rất cung kính cũng như trên, lại phóng trăm ngàn ánh sáng. Trong mỗi ánh sáng có trăm ngàn hoa sen. Trên mỗi hoa sen đều có Phật ngồi. Chư Phật đều khen ngợi Đức Thích-ca Như Lai. Ánh sáng chiếu hợp lại thông suốt vô lượng.

Bấy giờ, trong pháp hội của Phật Quang Minh Vương có Bồ-tát tên Quang Tràng đứng dậy thưa với Đức Như Lai Quang Minh Vương:

–Tay ấy từ đâu đến mà hiện tướng như vậy, lại phóng ánh sáng này, trong ánh sáng còn hiện ra hoa sen như vậy, trên mỗi hoa sen đều có chư Như Lai khen ngợi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Vì sao có sự việc như thế, cúi xin Phật chỉ dạy cho con.

Như Lai Quang Minh Vương nói với Bồ-tát Quang Tràng:

–Phương trên cách đây bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang giảng pháp giáo hóa đại chúng, ở đó có Bồ-tát tên Diệu Cát Tường gồm đầy đủ công đức, mặc áo giáp tinh tấn chẳng nghĩ bàn, có đại trí lực đã đến bờ bên kia. Ở trong pháp hội Phật Thích-ca Mâu-ni, Bồ-tát ấy ngay nơi tòa, duỗi tay phải để thu lấy bình bát ấy. Do đó mà có sự việc này.

Bấy giờ, Như Lai Quang Minh Vương từ nơi giữa chặng mày phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật, đến thế giới Ta-bà đều tỏa chiếu rực rỡ rộng lớn. Những chúng sinh ở thế giới này nhờ ánh sáng chiếu nên rất vui mừng giống như vua Chuyển luân. Những người tu hạnh Bồ-tát được ánh sáng ấy chiếu đều chứng đắc quả, tu hành viên mãn.

Tất cả Đại Bồ-tát đều đạt được môn Tam-ma-địa Nhật Quang. Những ai tu hạnh Thanh văn đều được tám pháp môn giải thoát. Các Bồ-tát ở cõi

Phật Quang Minh Vương nhờ ánh sáng của Như Lai đều thấy Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà và Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng các chúng Thanh Văn đang vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Đại Bồ-tát Quang Tràng thấy chúng sinh nơi cõi Ta-bà này tạo nghiệp cấu nhiễm nên rất buồn bã thưa với Như Lai Quang Minh Vương:

–Bạch Thế Tôn! Con nhờ ánh sáng của Phật nên được thấy cõi Ta-bà, nhưng cõi Ta-bà ấy đầy dẫy nhiễm cấu. Các Đại Bồ-tát sinh vào cõi đó giống như châu báu phệ-lưu-ly bị chìm trong bùn, việc ấy như thế nào?

Như Lai Quang Minh Vương nói với Bồ-tát Quang Tràng:

–Này Thiện nam! Ông đừng nói như thế. Những người tu hạnh Bồ-tát ở thế giới của ta đây, tu tập thiền định trong mười kiếp nhưng không bằng chúng sinh nơi cõi Ta-bà kia phát khởi một niệm về Từ, Bi, Hỷ, Xả có thể đạt được vô lượng công đức, tiêu trừ tất cả chướng nặng phiền não. Vì sao? Vì chúng sinh nơi cõi Ta-bà rất dũng mãnh, lanh lợi, cho nên các Bồ-tát đã sinh vào cõi ấy. Vì ủng hộ Phật pháp, ông chớ nên buồn bã làm gì.

Các chúng Bồ-tát nơi pháp hội của Phật Thích-ca Mâu-ni được ánh sáng chiếu, bèn thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có ánh sáng chiếu rực rỡ khắp như vậy và làm cho chúng con rất vui thích, làm cho các chúng sinh diệt trừ hết các phiền não?

Phật Thích-ca Mâu-ni dạy các Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Phương dưới cách đây bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật có thế giới tên Nhật quang minh, Đức Phật Như Lai nơi cõi ấy hiệu là Quang Minh Vương Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang giảng pháp giáo hóa chúng sinh, giữa chặng mày của Phật đó đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới này.

Khi ấy các Bồ-tát thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn thấy Đức Phật Quang Minh Vương và các Bồ-tát ở cõi Quang minh kia, cúi xin Phật dùng sức thần thông để chúng con được thấy.

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bèn hiện bày tướng bánh xe ngàn căm dưới bàn chân. Trong bánh xe phóng ra ánh sáng lớn, chiếu xuống bảy mươi hai hằng hà sa số cõi chiếu rực rỡ rộng lớn trong cõi Phật Quang Minh Vương. Các chúng Bồ-tát nương nơi ánh sáng của Phật đều được thấy Phật Quang Minh Vương và các Bồ-tát cõi ấy đạt được pháp môn

Tam-ma-địa Diệu cao đăng.

Lúc này, ánh sáng ở mỗi cõi Phật nơi phương dưới chiếu rực rỡ đến tận khắp cõi Ta-bà, làm cho hai bên nhìn thấy nhau không bị chướng ngại. Như vậy các thế giới của phương dưới cho đến các chúng Bồ-tát của cõi Phật Quang Minh Vương các Bồ-tát ở cõi Ta-bà này đều nhìn và chiêm ngưỡng nhau. Ví như ánh sáng mặt trời xua tan những tăm tối, tất cả chúng sinh đều được thấy nhau. Khi ấy, các Đại Bồ-tát đều phát tâm tinh tấn cầu đạt đại quả.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường duỗi tay đến trước Đức Như Lai Quang Minh Vương đứng giữa hư không sắp lấy bình bát, thì có vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha chúng Đại Bồ-tát ở các cõi Phật cung kính vây quanh theo bình bát để lên cõi Ta-bà và tướng ánh sáng đẹp đẽ ấy cũng dần dần biến mất. Bồ-tát Diệu Cát Tường đặt bình bát ở giữa hư không trước Phật Thích-ca Mâu-ni. Thế rồi Bồ-tát ra khỏi định, đứng dậy đến trước Phật, lạy sát chân và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con vâng lệnh của Phật, đã lấy bình bát được ném xuống phương dưới, nay con để giữa hư không trước Đức Phật, cúi xin Phật nạp thọ.

Thế Tôn im lặng nhận. Bấy giờ, chư Bồ-tát nơi các cõi Phật ở thế giới phương dưới theo bình bát đến, đều cùng nhau đảnh lễ lạy sát chân Phật Thích-ca Mâu-ni và cùng xưng danh hiệu Phật của mình và thưa:

–Đức Phật Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác... thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, an vui, đi đứng nhẹ nhàng, có khỏe mạnh không? Giáo hóa chúng sinh có thuận hợp chăng?

Sau khi biểu lộ sự cung kính, được Thế Tôn an ủi rồi, các Bồ-tát ngồi qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Tôn giả hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho ông về những nhân duyên xưa và việc làm trong quá khứ của Bồ-tát Diệu Cát Tường.

Tôn giả Xá-lợi Tử vâng lời và lắng nghe.

Phật nói:

–Này Xá-lợi Tử! Vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp về quá khứ, có Phật hiệu là Vô Năng Thắng Tràng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Thế giới của Đức Phật ấy tên là Bất khả hủy, có tám vạn bốn ngàn chúng Thanh văn, một vạn hai ngàn chúng Bồ-tát. Đức Phật ấy giảng nói pháp Tam thừa để giáo hóa chúng sinh. Đức Phật ấy

cũng ở trong đời đủ năm thứ ô trược, nói sáu pháp Ba-la-mật cho các Bồ-tát. Này Xá-lợi Tử! Bấy giờ có Bí-sô tên Trí Vương, thông minh, trí tuệ, giảng nói thông suốt về pháp giải thoát. Buổi sáng, Bí-sô ấy đắp y ôm bình bát vào thành theo thứ tự khất thực. Thành ấy tên là Quảng đại. Sau khi bình bát đã đầy thức ăn, Bí-sô sắp sửa ra khỏi thành thì có con của vị trưởng giả tên là Tịnh Tý đang ngồi trong lòng mẹ. Thấy Bí-sô ấy ôm bình bát đi ngang qua, đồng tử liền đến trước Bí-sô muốn xin thức ăn uống trong bình bát. Thấy đồng tử có căn lành thành thục, Bí-sô nghĩ đây là đại pháp khí nên lấy một vắt cơm trong bình bát hoan hỷ đưa cho đồng tử. Được thức ăn, đồng tử phát tâm hoan hỷ và theo Bí-sô Trí Vương đến chỗ Phật Vô Năng Thắng Tràng Như Lai. Lúc này, đồng tử đến trước Phật lễ lạy sát chân Phật. Bí-sô Trí vương đem thức ăn đã khất thực được đưa cho đồng tử và nói:

–Con hãy đem thức ăn này dâng cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng, con sẽ được phước đức vô lượng.

Làm đúng như lời Bí-sô dạy, đồng tử dâng thức ăn ấy lên Thế Tôn, sớt thêm thức ăn vào bát của Thế Tôn nhưng cứ vẫn còn. Sau đó lần lượt cúng dường đại chúng. Các Bồ-tát Thanh Văn trong chúng hội cũng thọ nhận thức ăn, ai nấy đều no đủ cả mà thức ăn vẫn cứ còn.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Đồng tử Tịnh Tý đã cúng dường với lòng đầy hoan hỷ.

Đồng tử trên đến trước Phật nói kệ:

Đem thức ăn vô tận
Con cúng Phật, đại chúng
Nay con cúng dường xong
Chắc chắn được phước đức.
Thức ăn cúng vô tận
Công đức Phật vô tận
Nay con cúng dường Phật
Quyết được phước vô tận.
Đem thức ăn vô tận
Con cúng dường Thế Tôn
Để tăng trưởng căn lành

Mãi mãi không cùng tận.

Thế rồi, đồng tử đem thức ăn trong bình bát cúng dường Như Lai và chúng Thanh văn Bồ-tát suốt bảy ngày, nhờ oai lực của Phật nên thức ăn vẫn còn.

Khi ấy, Bí-sô Trí Vương nói với đồng tử:

–Con đã cúng dường xong, bây giờ hãy xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thọ giới pháp của Phật, thọ trì suốt đời.

Nghe lời dạy của Bí-sô, đồng tử quy y Phật, Pháp, Tăng. Sau khi quy y rồi, đồng tử rất hoan hỷ phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Bấy giờ vì tìm con nên cha mẹ của Tịnh Ý đi vào pháp hội của Như Lai Vô Năng Thắng Tràng. Đến nơi, hai người lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Thấy cha mẹ, đồng tử Tịnh Ý rất vui mừng thăm hỏi và ở trước cha mẹ nói kệ:

Cha mẹ nay đến đây
Chư Phật rất khó gặp
Con cầu đại Bồ-đề
Vì tất cả chúng sinh.
Hãy quán tướng tốt Phật
Thân phóng ánh sáng đẹp
Những người có trí tuệ
Nên cầu quả Bồ-đề.
Con nay muốn xuất gia
Xin cha mẹ cho phép
Con không thích giàu vui

Bởi vì Phật khó gặp.

Cha mẹ nói kệ với con mình:

Ta cho con xuất gia
Hướng Vô thượng Bồ-đề
Ta theo nhân duyên con

Cũng sẽ học như vậy.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Đồng tử Tịnh Ý được cha mẹ cho phép xuất gia. Còn cha mẹ của đồng tử có lòng tin ưa chánh pháp một cách sâu xa cũng lại xuất gia và quy y Phật, Pháp, Tăng với lòng hoan hỷ tín thọ. Lúc đó lại có năm trăm người đồng thời phát tâm Vô thượng Bồ-đề xin xuất gia và được Phật thâu nhận cả.

Phật dạy Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Tôn giả nên biết! Bí-sô Trí Vương lúc đó không ai khác, nay chính là Bồ-tát Diệu Cát Tường. Còn đồng tử Tịnh Ý chính là thân ta.

Này Xá-lợi Tử! Thuở xưa, ta làm con của trưởng giả, nhờ Bồ-tát Diệu Cát Tường trao bình bát cho ta, khiến ta phát tâm đại Bồ-đề.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Từ lúc mới phát tâm đại Bồ-đề đến lúc chứng quả đầy đủ mười Lực, Vô úy, tất cả công đức, đầy đủ Trí vô tận ta đều nhờ Bồ-tát Diệu Cát Tường hướng dẫn chỉ dạy. Vì sao? Vì ta phát tâm giống như hư không, không có biên giới. Này Xá-lợi Tử! Tất cả vô lượng, vô số Phật ở mười phương đồng một danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni, đều giống như ta là được Bồ-tát Diệu Cát Tường khai mở tâm Bồ-đề.

Này Xá-lợi Tử! Ở thời quá khứ có Như Lai Kỳ-để-sa, Như Lai Phất-sa, Như Lai Nhiên Đăng, Như Lai Thi-khí, chư Phật như vậy trong vô lượng kiếp ta đã khen ngợi danh hiệu của chư vị ấy. Và chư Phật ấy cũng giống như ta là được Bồ-tát Diệu Cát Tường khai mở tâm đạo, được thành Chánh giác chuyển diệu pháp luân.

Này Xá-lợi Tử! Tất cả những ai tu hạnh Bồ-tát, đầu tiên ở cõi trời Đâu-suất, thị hiện tướng giáng sinh ra thế gian. Trước hết là sinh ở cung vua, sau đó tu những hạnh khổ cho đến khi ngồi nơi đạo tràng cũng đều nhờ Bồ-tát Diệu Cát Tường giáo hóa chỉ dạy.

Này Xá-lợi Tử! Tôn giả nên biết rằng Bồ-tát Diệu Cát Tường là mẹ của các Bồ-tát, vì sinh ra tất cả Bồ-tát. Những gì ta nói đều là sự thật. Những nhân duyên xưa kia như vậy thì nay ông nên biết như vậy.

Khi Đức Phật nói lời này, tất cả cõi Phật nơi mười phương đều hiện đủ loại lọng báu đến cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường, nơi mỗi lọng đều phát ánh sáng lớn chiếu khắp cõi Ta-bà, trong lọng lại phát ra âm thanh vi diệu.

–Đúng như vậy, đúng như những gì Phật Thích-ca Mâu-ni đã nói. Đúng vậy, đúng vậy, thuở xưa đều do Bồ-tát Diệu Cát Tường làm cho phát tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, trong pháp hội của Phật Thích-ca Mâu-ni, có hai trăm Thiên tử trước đây thoái lui tâm Bồ-đề, nay thấy Phật Thế Tôn và Bồ-tát Diệu Cát Tường hiện ra đủ các việc không thể nghĩ bàn như vậy và nghe Phật giảng nói về nhân duyên xưa kia, nên họ đều suy nghĩ: "Đại pháp vô thượng của tất cả chư Phật không thể nào được nghe, huống chi là được thấy công đức của chư Phật Như Lai, ta nay đến trước Thế Tôn xả bỏ tâm thấp kém mà phát tâm Vô thượng đại Bồ-đề, chắc chắn đạt được đạo quả đại Bồ-đề Vô thượng." Nghĩ vậy xong, họ liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề một cách kiên cố, không thoái chuyển.

-oOo-

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

QUYỂN 3

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni lại bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Tôn giả nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu các hạnh của Bồ-tát, không nên ưa thích quả Thanh văn. Vì sao? Này Xá-lợi Tử! Vì tất cả chúng sinh ở trong luân hồi, không biết sợ hãi thì làm sao giải thoát? Cho nên các Bồ-tát nên phát đại tinh tấn ở trong luân hồi dùng đủ cách hóa độ để họ sợ sinh tử nhằm ra khỏi ba cõi. Nếu ông chỉ thích quả Thanh văn thì không thể nào phát tâm đại Bồ-đề để cứu độ tất cả chúng sinh. Cho nên tất cả chúng sinh nếu được gặp Bồ-tát khuyên dạy phát sinh tinh tấn thì được giải thoát khỏi sinh tử và cũng có thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Này Xá-lợi Tử! Vào thời quá khứ có Phật ra đời tên là Cụ Túc Công Đức gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Trong pháp hội của Phật ấy có trăm câu-chi chúng Thanh văn, có tám ngàn chúng Bồ-tát. Đức Phật ấy sống mười vạn tuổi, có hai vị Thanh văn làm thượng thủ. Một vị tên Xuất Hiện có Trí tuệ bậc nhất. Còn vị thứ hai tên Phấn Tật có Thần thông bậc nhất. Bấy giờ, đúng giờ ăn Như Lai Cụ Túc Công Đức đắp y ôm bát có đại chúng đi theo vào một vương thành theo thứ lớp khất thực. Thành này tên Diệu âm. Khi Phật vào thành, vị Thanh văn trí tuệ đi bên phải Đức Phật, vị Thanh văn thần thông thì ở bên trái, còn chúng Thanh văn khác đều đi phía sau. Riêng chúng Bồ-tát thì đi trước hướng dẫn. Lại có Đại phạm thiên vương, Đế Thích Thiên chủ, Hộ thế Tứ Thiên vương và các chúng trời đi theo Thế Tôn vào vương thành ấy.

Bấy giờ, trong thành có ba đồng tử trang sức đủ loại trên thân đứng ở bên đường cùng nhau đùa nghịch. Ba đồng tử nhìn thấy Thế Tôn với tướng tốt đẹp đẽ, oai đức vô lượng, ánh sáng rực rỡ giống như vàng ròng, hình dáng oai nghiêm như đại Long vương. Thấy vậy, ba đồng tử hoan hỷ sinh lòng cung kính. Đồng tử thứ nhất nói:

–Các bạn thấy Đức Phật Thế Tôn kia không? Là Bậc tối tôn tối thượng trong chúng sinh, có phước đức vô cùng tận, trời người đều cung

kính. Chúng ta nên cùng nhau cúng dường, chắc chắn được quả lớn.

Cùng nhau bàn luận xong, đồng tử thứ nhất nói kệ:

Phật này tôn quý trong chúng sinh
Bậc xứng đáng trời người cúng dường
Chúng ta nên thiết lễ cúng dường
Được quả báo lớn, không uổng công.

Hai đồng tử còn lại nói kệ:

Tôi bày cúng dường không hương hoa
Cũng không có những vật tốt đẹp
Nhưng chỉ có cả thân mạng này
Sẽ đem cúng dường Phật Thế Tôn.

Thế rồi đồng tử thứ nhất liền cởi những châu ngọc anh lạc quý báu đeo trên thân giá trị hàng trăm ngàn lượng vàng nói với hai đồng tử bằng kệ:

Nay tôi sẽ đem anh lạc này
Cúng Phật Như Lai Đại Trí Tôn
Nguyện tôi sau khi cúng dường Phật
Sẽ được đại phước đức vô thượng.

Thấy đồng tử ấy đã cúng dường rồi, hai đồng tử còn lại cũng đều cởi những anh lạc quý giá đeo nơi thân, hướng tới đồng tử kia nói kệ:

Tôi đem anh lạc dâng cúng dường
Bậc Nhất Thiết Tối Thắng Chánh Giác
Đã cúng dường với lòng thành này
Nguyện cầu được chánh pháp của Phật.

Thấy hai đồng tử này cùng dâng cúng anh lạc, đồng tử trước nói với họ:

–Hai bạn đã tạo phước lợi vô tận, đối với Phật pháp nên cầu những quả gì?

Đồng tử thứ hai nói:

–Tôi nguyện vào đời vị lai được làm đệ tử ở bên phải của Đức Thế Tôn và được Trí tuệ bậc nhất.

Đồng tử thứ ba nói:

–Tôi nguyện vào đời đương lai được làm đệ tử ở bên trái của Đức Phật và được Thần thông bậc nhất.

Sau khi nói sở nguyện của mình xong, hai đồng tử lại hỏi đồng tử thứ nhất:

–Bạn dẫn đường rất giỏi, là bạn lành của tôi. Vậy bạn dâng cúng dường là muốn cầu gì?

Đồng tử thứ nhất trả lời:

–Sở nguyện của tôi là nguyện sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, đầy đủ Nhất thiết trí, phóng ánh sáng rực rỡ, để tất cả chúng sinh thấy đều hoan hỷ mà phát tâm Bồ-đề, giống như sư tử chúa có đại chúng vây quanh, giống như Phật ngày nay không khác.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Khi ba đồng tử ấy phát thệ nguyện thì trong hư không có tám ngàn Thiên tử cùng nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Các ông nói lời này rất hay. Sự mong muốn về đạo quả thù thắng quyết định là có thật không nghi ngờ."

Ba đồng tử ấy đều đem anh lạc đến trước Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Như Lai Cụ Túc Công Đức thấy ba đồng tử đem các anh lạc đến chỗ Phật liền nói với Bí-sô Hải Tuệ:

–Này Bí-sô! Ông có thấy ba đồng tử này không?

Hải Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy!

Phật nói:

–Này Bí-sô! Tâm nguyện của đồng tử thứ nhất khác với hai đồng tử kia, vì cất chân, hạ chân đều tự tại, đặc biệt tôn quý giống như Chuyển luân thánh vương. Giả sử trăm ngàn Phạm vương, Đế Thích cũng không thể sánh bằng. Nay đến chỗ Phật phát tâm đạo vì muốn cầu chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Đến chỗ Phật, ba đồng tử đều lễ lạy sát chân Thế Tôn và đem anh lạc dâng lên cúng dường, được Đức Phật thọ nhận. Người phát tâm Thanh văn thì những anh lạc đã hiến cúng trụ trước Phật. Người ai phát tâm Bồ-đề thì anh lạc đã hiến cúng trụ trong hư không phía trên Đức Phật, biến thành đài báu có bốn trụ, được trang hoàng đẹp đẽ, trên ấy có vô lượng chư Phật ngồi kiết già, hiện các tướng đẹp, đủ những trang nghiêm thù thắng vô lượng.

Bấy giờ, Như Lai Cụ Túc Công Đức liền nhập Tam-muội, quán khắp tướng biến hóa của chư Phật Như Lai. Từ giữa mặt Phật ấy, phóng ra ánh sáng đủ màu sắc, như xanh vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, xanh lục, tỏa chiếu khắp vô biên thế giới lên đến trời Phạm thiên, che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Sau khi ánh sáng ấy chiếu như vậy rồi thì nhiễu quanh Phật theo

bên phải ba vòng và trở lại nhập nơi đảnh đầu của Như Lai.

Bí-sô Hải Tuệ thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng này, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con được biết.

Phật bảo Bí-sô:

–Ông thấy anh lạc mà hai đồng tử kia cúng dường Phật đang trụ trước Phật không?

Bí-sô thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo Bí-sô:

–Hai đồng tử này vì cầu quả Thanh văn, ưa thích chứng Niết-bàn tự lợi nên không thể phát tâm đại Bồ-đề.

Này Bí-sô! Anh lạc mà đồng tử đầu tiên cúng dường đang ở trong hư không phía trên Đức Phật, hiện ra những biến hóa. Người ấy vì cầu chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Còn hai đồng tử kia chỉ thích trí tuệ và thần thông nên không tạo lợi lạc cho muôn loài, nên sự cúng dường ấy cũng không có tướng thù thắng. Ông nên biết, ai phát tâm đại Bồ-đề thì được phước đức cũng không thể lường. Nay ông nên xả bỏ tâm Thanh văn mà cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Đồng tử thuở đó phát tâm Bồ-đề chẳng phải là người nào khác, mà chính là ta vậy. Người thích trí tuệ chính là ông. Còn người thích thần thông chính là Tôn giả Mục-kiền-liên. Thanh văn các ông dù tránh khỏi luân hồi, chỉ thích cầu về Niết-bàn, không bao giờ làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Chư Phật thì tâm bình đẳng giống như hư không vô cùng vô tận, phước tụ vô lượng và công đức vô lượng vượt qua cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.

Này Xá-lợi Tử! Các ông hãy mau phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề..

Khi ấy, các đại Thanh văn Tôn giả Xá-lợi Tử, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-nê-lô-đà, Ưu-ba-ly, Phú-lâu-na, Tu-bồ-đề... đồng thanh thưa:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã khai mở chỉ đạo một cách tường tận. Chúng con nay phát tâm đại Bồ-đề. Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn biết cho, thiện nam, thiện nữ nào trồng các căn lành, muốn cầu giải thoát, nên phát tâm rộng lớn và hạnh nguyện rộng lớn. Người ấy sẽ được thấy và nghe chánh pháp với trăm ngàn chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Chúng con từ xưa đến nay vì trí tuệ hạn hẹp nên không dám mong cầu trí vô biên của Phật, nay tự trách mình mà dốc phát tâm rộng lớn. Ví như có người sau khi đã tạo nghiệp bất thiện, nếu không ăn năn hối lỗi sửa ác theo lành thì không thể nào tránh khỏi những khổ não. Thanh văn chúng con chỉ cầu tự lợi nếu không bỏ tâm hạn hẹp để cầu trí tuệ của Phật thì trọn không thể được Niết-bàn vô dư, lại giống như người sắp chết tâm thức hôn mê rối loạn, không còn có thể lưu luyến với quyến thuộc yêu thương. Cũng vậy, chúng con cầu Niết-bàn tự lợi nên không có tâm nguyện hóa độ chúng sinh.

Xin Thế Tôn biết cho, Vô thượng Bồ-đề giống như mặt đất. Tất cả chúng sinh trên thế gian đều nhờ đất mà được tồn tại, nhờ đất mà được phát triển. Cũng vậy, tất cả căn lành đều nương vào Vô thượng Bồ-đề mà được sinh trưởng.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vạn người sau khi nghe Phật nói về nhân duyên của những việc xưa và nghe các Tôn giả Xá-lợi Tử nói như vậy đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, vua nước Ma-già-đà sửa soạn xa giá đến chỗ Đức Phật. Sau khi đến pháp hội của Phật, vua đem đầu mặt lạy sát chân đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, vua chắp tay hướng về Phật nhất tâm cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh do đâu mà tạo nghiệp? Nhân duyên tạo nghiệp dựa vào đâu mà tồn tại?

Phật nói:

–Này đại vương! Tất cả chúng sinh, thọ giả cho đến Bổ-đặc-già-la đều nương vào thân kiến của ngã mà tồn tại để rồi phân biệt một cách điên đảo. Do phân biệt nên mới tạo nghiệp. Vì tạo nghiệp nên không được giải thoát.

Vua lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thân kiến của ngã lấy gì làm căn bản?

Phật nói:

–Lấy vô minh làm căn bản.

Vua hỏi:

–Như vậy, vô minh ấy lấy gì căn bản?

Phật nói:

–Lấy tác ý không như lý làm căn bản.

Vua hỏi:

–Tác ý không như lý lấy gì làm căn bản?

Phật nói:

–Lấy tâm không bình đẳng làm căn bản.

Vua hỏi:

–Sao gọi là tâm không bình đẳng?

Phật nói:

–Từ vô thỉ đến nay không biết đúng như thật nên gọi là tâm không bình đẳng.

Vua hỏi:

–Sao gọi là không biết đúng như thật?

Phật nói:

–Từ vô thỉ đến nay, tất cả chúng sinh đối với không chấp là có, đó gọi là không biết như thật.

Vua hỏi:

–Đối với không cho là có, nghĩa là sao?

Phật nói:

–Vì pháp phân biệt là không sinh, không thật mà chấp là có thật.

Vua hỏi:

–Nếu pháp không sinh thì nay lấy gì để nói?

Phật nói:

–Này đại vương! Vì thân của ngã hãy còn không, nên pháp không có chỗ nêu bày.

Vua hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thân là không thì làm sao tạo tác, làm sao tồn tại?

Phật nói:

–Này đại vương! Mặc dầu có tạo tác nhưng không chấp trước vào nó.

Vua hỏi:

–Vậy không chấp trước ấy phải nói như thế nào?

Phật nói:

–Pháp không chấp trước, nên nói đúng như thật, đó là lời nói của bậc Thánh.

Vua hỏi:

–Sao gọi là lời nói đúng như thật? Sao gọi là lời nói của bậc Thánh?

Phật nói:

–Này đại vương! Đối với tất cả pháp lìa trần lìa kiến, lời nói chân thật ấy gọi là nói đúng như thật. Người nào nói đúng như thật, đó là lời nói của bậc Thánh. Người nào có lời nói của bậc Thánh tức là người hiểu rõ các pháp vốn không chỗ sinh, nên trụ như vậy, nên học như vậy.

Nghe Phật giảng nói pháp, vua nước Ma-già-đà rất hoan hỷ và thưa Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã dạy rất rõ về pháp chân thật chưa từng có này. Như Phật Thế Tôn lấy trí vô lậu để làm lợi lạc khắp cho tất cả chúng sinh, cho nên nói pháp chân thật. Đối với chúng sinh bị nghiệp tội trói buộc thì không thể nào nghe, thọ nhận để tu hành. Con cũng như vậy, xin Thế Tôn thương nghĩ đến con, từ xưa đến nay, con không gặp bạn lành, do tâm bất thiện nên con cũng tạo nhiều nghiệp bất thiện. Vì thế mà con không thể nào gần gũi Thế Tôn để nghe chánh pháp. Con ở nơi thâm cung, chỉ thích vui chơi, ăn uống, yến tiệc, đêm ngày không chút tạm bỏ, nên con không thể đến chỗ Đức Phật để nghe chánh pháp.

Bạch Thế Tôn! Con nay hối hận về lỗi lầm và tự trách mình. Những tội ác xưa đã tạo đã ăn sâu vào tư tưởng của con, ngày đêm không khi nào thấy an lạc, giống như người tội bị mắc nợ luôn luôn sợ hãi. Thế Tôn có lòng đại Bi là cha của chúng sinh, làm chỗ nương tựa cho người không nơi nương tựa, làm người dẫn đường cho người mắt không thấy, làm sự an lạc cho những người đau khổ, làm người chỉ đường chánh cho người bị lạc, làm người bố thí châu báu cho người nghèo thiếu, tâm Thế Tôn bình đẳng không mệt mỏi, làm lợi lạc cho tất cả, không có tư tưởng kẻ oán người thân. Cúi xin Thế Tôn thương xót cứu độ cho con, nghĩ đến những tội lỗi đã tạo, con rất sợ hãi, giống như người sắp rớt xuống hầm hố chỉ mong được cứu vớt. Con sợ bị đọa trong các đường ác, cúi xin Thế Tôn cứu hộ diệt trừ tội cấu của con, để con được hiểu ngộ chánh pháp.

Biết vua nước Ma-già-đà sám hối tội lỗi, tha thiết phát lộ, ưa thích pháp sâu xa của Đại thừa, Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Bồ-tát Diệu Cát Tường có trí tuệ biện tài, có thể giảng nói cho vua." Nhờ oai lực của Đức Phật, nên Tôn giả Xá-lợi Tử biết tâm niệm của Đức Thế Tôn bèn nói với vua nước Ma-già-đà:

–Đại vương nên biết! Bồ-tát Diệu Cát Tường có biện tài vô lượng, trí tuệ vô lượng, nói hoàn hảo về pháp giải thoát. Bồ-tát chắc chắn sẽ giảng nói chánh pháp cho vua để vua tỏ ngộ, đạt được an lạc lớn. Vua nên thỉnh

Bồ-tát vào cung cúng dường thức ăn uống để được vô lượng lợi ích.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại khuyên bảo tất cả dân chúng trong thành Vương xá hãy chiêm ngưỡng lễ lạy ca ngợi và tùy hỷ theo sự nghe thấy, trồng các căn lành đạt được phước thù thắng.

Theo lời của Tôn giả Xá-lợi Tử, vua nước Ma-già-đà liền thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát có lòng đại Bi xin hãy thương xót con vào cung để con cúng dường thức ăn uống. Cúi xin Bồ-tát thương mà nhận lời thỉnh cầu này.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với vua:

–Ta nhận lời mời của vua để cho vua được thỏa nguyện. Vua phát tâm thù thắng đó là ta đã nhận sự cúng dường rồi. Vua ưa thích nghe pháp, ta sẽ giảng nói cho.

Này đại vương! Đối với các pháp không nên chấp trước, đó là ta nói pháp cho vua. Đối với các pháp, không nên nghi ngờ, đó là ta nói pháp cho vua. Đối với các pháp, không chấp trước vào tướng ba đời, đó là ta nói pháp cho vua. Đối với các pháp Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác là tướng tịch diệt, đó là ta nói pháp cho vua.

Vua thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Cúi xin Bồ-tát thương xót con cùng các đại chúng đồng nhận cúng dường của con.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Đại vương hãy gác qua một bên về việc đem thức ăn uống, y phục cúng dường cho đại chúng. Vì sự thương xót mà nhận sự cúng dường, đây không phải là lợi, không phải là phước. Phàm người cúng dường là đối với pháp nên sinh tâm hy hữu, không có tưởng về tạo tác, không có tưởng ngã, không có tưởng chúng sinh, không có tưởng thọ mạng, không có tưởng Bổ-đặc-già-la, không chấp trước vào tướng mình, không chấp trước vào tướng người. Đó là cúng dường. Nên quán các pháp không nắm bắt, không có uẩn xứ giới, không có trong, không có ngoài, không ở trong ba cõi, chẳng lìa ba cõi, không thiện cũng không ác, không ưa thích, không nhàm chán, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng có phiền não, chẳng lìa phiền não, chẳng phải luân hồi, chẳng phải tịch diệt, ai quán đúng như vậy tức là cúng dường.

Vua lại hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát xin hãy thương xót tạo lợi lạc mà nhận sự cúng dường của

con.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Không nên cầu lợi lạc, không có gì để thương xót. Vì tâm ấy không chấp trước, không động không chuyển, không khen không chê, không nắm bắt không xả bỏ, không cầu lợi lạc nên không có gì để thương xót. Các pháp bình đẳng và không sở đắc. Đó gọi là nhận sự cúng dường.

Này đại vương! Nếu ai được như vậy thì đó là lợi lạc chân thật.

Vua thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Pháp vốn là vô tướng và không động tác. Vậy con dâng sự cúng dường cũng như vậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Không tánh, vô tướng cũng không động tác. Người nào cầu pháp là vô tưởng, vô nguyện, vô hành, vô tác cũng chẳng phải là vô tác. Vì sao? Này đại vương! Vì tự tánh của các pháp vốn không động, cũng không có tạo tác. Tự tánh của chúng sinh vốn không, nên ba nghiệp không có động tác. Đại vương nên quán tất cả hành đều là vô tác, đó là hiểu rõ tự tánh của tất cả pháp là không.

Vua nói:

–Các hành có tạo tác sao lại nói là không?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Như pháp quá khứ đã diệt, pháp vị lai chưa đến, pháp hiện tại không chỗ sinh. Các hành hữu vi cũng lại như vậy. Sở dĩ không chấp vào ba đời vì tất cả đều là vô thường, pháp không tăng cũng không giảm.

Này đại vương! Nên hiểu rõ các hành là như vậy.

Vua hỏi:

–Hai pháp Thánh đạo và phiền não có bình đẳng không?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Hai pháp đều bình đẳng, không tăng, không giảm.

Này đại vương! Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện có hòa hợp với tối tăm không?

Vua thưa:

–Không! Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì những tối tăm không còn.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Vậy khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì những tối tăm ấy đi về đâu?

Vua trả lời:

–Những tối tăm ấy cũng không có chỗ đi.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Phiền não và Thánh đạo cũng như vậy. Hai pháp này không gặp nhau cũng không tăng, không giảm, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ.

Này đại vương! Vì phiền não bình đẳng nên Thánh đạo cũng bình đẳng. Vì hai pháp này bình đẳng cho nên các pháp cũng đều bình đẳng.

Đại vương nên biết! Tánh của phiền não là không, cũng không có chỗ trụ. Nhờ phiền não mà được Thánh đạo. Vì được Thánh đạo nên không còn phiền não. Cho nên hai pháp này không tăng, không giảm, cũng không khác nhau.

Vua hỏi:

–Phiền não và Thánh đạo từ đâu sinh ra?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Do tâm sinh ra. Nếu tâm không sinh thì phiền não không sinh. Nếu phiền não không sinh thì Thánh đạo không sinh. Cho nên biết rằng, phải quán phiền não như vậy và Thánh đạo cũng phải quán như vậy. Nếu đã quán như vậy thì tâm vô sở đắc.

Vua hỏi:

–Pháp Thánh đạo có quy về Niết-bàn không?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Không. Vì các pháp không đến không đi. Niết-bàn cũng thế.

Vua hỏi:

–Thánh đạo trụ thế nào?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Thánh đạo trụ như vậy.

Vua hỏi:

–Thánh đạo không phải chỗ trụ của giới, định, tuệ sao?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Các pháp là vô hành, vô tướng, xa lìa các hý luận. Nếu là giới, định, tuệ thì tức là hý luận. Nếu có hành, có tướng thì không nên trụ như vậy. Trụ như vậy tức là chẳng phải trụ, chẳng phải bất trụ. Thánh đạo cũng như vậy.

Vua hỏi:

–Tất cả thiện nam, thiện nữ nếu tu hạnh Bồ-đề thì có đắc Thánh đạo không?

Bồ-tát nói:

–Người nào tu hạnh Bồ-đề thì không có pháp nhỏ nào có thể đắc. Vì đạo Bồ-đề chẳng phải khổ chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng thường, chẳng phải vô thường, chẳng tịnh chẳng uế, không có luân hồi để nhàm chán, cũng không có Niết-bàn để chứng đắc. Cho nên tất cả pháp đều không thể thủ đắc. Pháp Thánh đạo cũng không thể thủ đắc.

Vua thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Lành thay! Đại sĩ thật là hy hữu. Đại sĩ giảng nói rất hoàn hảo về pháp giải thoát làm con đều tin hiểu. Con thành tâm cung kính bày sự cúng dường. Con sẽ dâng thức ăn uống để cúng dường đại chúng, xin Bồ-tát đến chỗ con.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Thức ăn không có sự làm, bố thí không có sự thọ. Người bố thí và người thọ nhận không hai, không khác. Vua đã thành tâm thì tôi sẽ thọ nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Nay đã đúng lúc, hãy nhận lời thỉnh của vua để làm lợi ích lớn cho nhiều người.

Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa Phật:

–Con vâng lệnh Phật đã nhận lời thỉnh cầu của vua và sẽ cùng đại chúng thọ nhận sự cúng dường.

Biết Bồ-tát Diệu Cát Tường đã nhận lời thỉnh cầu của mình, vua nước Ma-già-đà rất vui mừng và được an ổn lớn, nên cung kính lễ lạy Thế Tôn và Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng các đại chúng. Sau đó vua đến hỏi Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Bồ-tát Diệu Cát Tường đã nhận sự cúng dường của con, các Bồ-tát cùng đến là bao nhiêu vị?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Sẽ đi chung với năm trăm vị Bồ-tát đến dự hội của vua.

Bấy giờ, vua nước Ma-già-đà về cung trước, sửa soạn phòng xá rộng lớn, bảo những người tôi tớ đều phải thanh lọc tâm mình cho thanh tịnh, chuẩn bị sắp đặt đủ thứ món ăn uống thượng hạng, dựng cờ phướn, lọng báu với các loại châu ngọc quý giá, rải các hoa đẹp, đốt đủ loại hương thơm,

gắn trân châu, anh lạc hết trên hoa ấy, trải năm trăm chỗ ngồi. Còn ở thành vua thì cho sửa sang đường xá, rải hoa, đốt hương, không còn bụi nhơ, dọn sạch sẽ những con đường ấy.

Khi ấy, dân chúng trong thành nghe Bồ-tát Diệu Cát Tường vào cung vua nhận sự cúng dường, tất cả đều hoan hỷ, nhất tâm mong chờ. Ai nấy đều đem hương hoa đứng chực sẵn bên đường.

Lúc này vào đầu đêm, Bồ-tát Diệu Cát Tường suy nghĩ: "Sáng mai đến chỗ vua thỉnh, Bồ-tát đi cùng ta ít quá. Ta nên tới các cõi Phật để mời các vị Đại Bồ-tát cùng dự thắng hội trang nghiêm trong cung vua. Nếu ta thuyết pháp cho vua thì các Bồ-tát ấy có thể làm các vị chứng minh." Vừa nghĩ xong, Bồ-tát liền biến mất, trong chốc lát đã vượt qua tám vạn cõi Phật ở phương Đông, đến một thế giới tên Thường thanh. Phật hiệu là Cát Tường Thanh Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy giảng nói pháp Đại thừa cho các Bồ-tát. Các Bồ-tát này đều ở vào địa không thoái chuyển. Trong cõi Phật ấy có cây bảy báu trổ nhiều hoa quả, nơi cành lá cây ấy thường phát ra âm thanh vi diệu, như là tiếng khen ngợi Phật, tiếng khen ngợi Pháp, tiếng khen ngợi Bồ-tát địa không thoái chuyển, thường phát ra tiếng khen ngợi Tam bảo như vậy. Nên gọi là thế giới Thường thanh.

Sau khi đến cõi đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường đến trước Như Lai Cát Tường Thanh lễ dạy dưới chân ngài và thưa:

–Con từ cõi Ta-bà đến đây. Con được vua nước Ma-già-đà thỉnh vào cung để cúng dường thức ăn uống, nhưng vì chúng Bồ-tát ít quá, nên con đến thỉnh mời các thượng sĩ Đại Bồ-tát vào sáng mai đi cùng con đến cung vua thọ nhận sự cúng dường, để cho tất cả chúng sinh được phước. Cúi xin Đức Thế Tôn bảo các Bồ-tát nhận lời thỉnh cầu của con.

Bấy giờ, Như Lai Cát Tường Thanh bảo tám vạn Đại Bồ-tát:

–Này các nam tử! Nay Bồ-tát Diệu Cát Tường đến thỉnh các ông đến cung vua nước Ma-già-đà trong thế giới Ta-bà để nhận cúng dường thức ăn uống. Các ông hãy cùng đi mà làm Phật sự.

Nghe lời dạy của Đức Thế Tôn, các Bồ-tát liền phụng hành. Thế rồi Bồ-tát Diệu Cát Tường làm lễ từ biệt Như Lai Cát Tường Thanh và cùng tám vạn Đại Bồ-tát biến mất trở về cõi Ta-bà đến chỗ cũ. Sau khi cùng các Đại Bồ-tát an tọa, Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tôi có pháp môn tên là Đại tổng trì, nay tôi sẽ giảng nói, phân biệt cho các Đại sĩ. Sao gọi là pháp môn Tổng trì? Nghĩa là người nào muốn chứng pháp môn Tổng trì thì phải trụ tâm nơi chánh niệm không tán loạn,

lìa bỏ si giận, dùng trí tuệ thông đạt tất cả pháp, thực hành đạo của Như Lai, đắc môn biện tài, trụ vào vô tướng, thể nhập tất cả pháp, nắm giữ hết các trí môn, nối dõi Thánh đạo, giữ gìn Tam bảo, nói năng luận bàn điều gì không bị ngưng trệ, trở ngại, hiểu rõ ngôn ngữ của tất cả chúng sinh.

Tất cả những thứ ngôn ngữ khác nhau của tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân cho đến Đế Thích, Phạm vương dưới đến loài bàng sinh dị loại vẫn có thể theo từng ngôn ngữ của chúng mà thuyết pháp, biết rõ căn tánh của chúng sinh lợi hay độn, tùy theo hạng ấy mà được hiểu biết, các căn thanh tịnh, tránh xa các tà kiến, bình đẳng an trụ vào pháp môn Tổng trì, không vướng vào tám loại pháp thuận nghịch ở thế gian, viên mãn tất cả pháp lành xuất thế, giảng nói cho chúng sinh về hành nghiệp nhân duyên quả báo để họ được nhiều an lạc, dùng trí tuệ thông đạt tất cả xứ, có thể làm cho chúng sinh bỏ được gánh nặng. Tâm không lo buồn, biết tự tánh của các pháp, tùy theo căn cơ mà giảng pháp để phù hợp với chứng bệnh làm cho họ tinh tấn đạt được nhiều thiện lợi. Tâm của Bồ-tát hoan hỷ không mong cầu quả báo. Nếu có các căn lành chỉ hồi hướng lên Nhất thiết trí, cầu Nhất thiết trí, làm lợi lạc lớn cho tất cả chúng sinh. Đối với lục độ đều hành thành tựu.

Hạnh bố thí viên mãn hồi hướng lên Nhất thiết trí. Hạnh trì giới viên mãn hồi hướng cho chúng sinh để chúng được an lạc. Hạnh nhẫn nhục viên mãn được tướng tốt của Phật, trang nghiêm đầy đủ. Tinh tấn viên mãn làm thành thục tất cả căn lành. Thiền định viên mãn đắc pháp tương ưng tự tại vô ngại. Trí tuệ viên mãn thông đạt tất cả pháp. Đối với pháp được tự tại tránh xa các lỗi lầm.

Này Thiện nam! Pháp môn Tổng trì là như vậy. Nếu được pháp môn này rồi thì không bị quên mất. Vì tổng là giữ gìn Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Thiện nam! Pháp môn Tổng trì lại có thể giữ gìn tất cả pháp, nghĩa là hiểu rõ tất cả pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, không động, không tạo tác, lìa các phân biệt, không sinh không diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, không đến không đi, chẳng thành chẳng hoại, chẳng tụ chẳng tan, chẳng phải hữu tánh chẳng phải vô tánh, chẳng phải hữu tưởng chẳng phải vô tưởng, lìa các hý luận, chẳng phải ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, Bổ-đặc-già-la, không nắm bắt, không xả bỏ, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết. Đó gọi là giữ gìn tất cả pháp.

Lại nữa, này Thiện nam! Pháp môn Tổng trì còn gọi là giữ tất cả

pháp, vì tự tánh nó là không, như thấy trong mộng, như bọt nước, như sóng nắng, như hư không... lại có thể giữ gìn tất cả pháp là khổ, không, vô thường, vô ngã, tịch diệt... tự tánh nó không tạo tác, không lạc, không khổ, không đắc, không chứng. Pháp môn Tổng trì lại ví như mặt đất vì giữ gìn thế gian, không lớn, không nhỏ, nó đều giữ gìn cũng không mệt mỏi. Đại Bồ-tát đắc pháp môn Tổng trì cũng như vậy. Vì chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, thâu nhiếp các căn lành không cho tan mất, dù trải qua a-tăng-kỳ kiếp cũng không chút biếng nhác, thoái lui. Lại như mặt đất có thể nuôi dưỡng vạn vật.

Bồ-tát được pháp môn Tổng trì có thể giáo hóa làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Như mặt đất có thể sinh sản ra cây cối để làm chất dinh dưỡng nuôi chúng sinh. Bồ-tát được pháp môn Tổng trì có thể sinh ra tất cả pháp lành để làm lợi ích chúng sinh. Như mặt đất không tăng không giảm, giữ gìn vạn vật không cao không thấp. Tâm Bồ-tát được pháp môn Tổng trì cũng như vậy, không tăng không giảm, giữ gìn chúng sinh không có tư tưởng oán hay thân. Như mặt đất nhận nước mưa không bao giờ nhàm chán. Bồ-tát được pháp môn Tổng trì ưa thích nghe thọ pháp hội Bồ-tát của Phật không nhàm chán. Như mặt đất có thể giữ gìn tất cả hạt giống, theo thời gian tăng trưởng, không bao giờ dừng nghỉ. Bồ-tát được pháp môn Tổng trì có thể giữ gìn tất cả hạt giống pháp lành. Lại như người dũng sĩ ở thế gian, oai lực mạnh mẽ có thể chiến thắng quân địch khác. Bồ-tát được pháp môn Tổng trì có đầy đủ tinh tấn, thần thông oai đức có thể chiến thắng quân ma.

Này Thiện nam! Nên biết, tự tánh của tất cả pháp là không quên không ghi nhớ, là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là tịnh hay bất tịnh, là ngã hay vô ngã, là hữu tình hay chẳng phải hữu tình, là thọ mạng hay chẳng phải thọ mạng, là Bổ-đặc-già-la hay chẳng phải Bổ-đặc-già-la... Pháp môn Tổng trì cũng như vậy, cũng không ghi nhớ vì các pháp lìa hai tướng, cũng không quên mất.

Này Thiện nam! Pháp môn Tổng trì giống như hư không, tuy giữ gìn mặt đất nhưng không có tư tưởng giữ gìn, thâu giữ tất cả pháp mà không có tướng nắm giữ. Lại như ánh sáng mặt trời chiếu sáng tất cả tướng, pháp môn Tổng trì có thể quán chiếu tất cả pháp. Lại như chúng sinh có thể giữ tất cả các loại phiền não không bao giờ tan mất. Pháp môn Tổng trì có thể giữ gìn tất cả pháp không cho tan mất. Lại như chư Phật, Bồ-tát có bánh xe tâm ghi nhớ, có thể chuyển tâm ý của tất cả chúng sinh. Pháp môn Tổng trì có thể giữ gìn tất cả pháp mà cũng không có tướng giữ gìn.

Này các Thiện nam! Theo những ví dụ đã nói ở trên là không cùng tận, các pháp không cùng tận, thì pháp môn Tổng trì cũng không cùng tận. Vì vô lượng, vô biên giống như hư không.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp này, trong hội có năm trăm Đại Bồ-tát chứng được pháp môn đại Tổng trì.

-oOo-

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

QUYỂN 4

Bấy giờ vào giữa đêm, Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói về pháp môn Bồ-tát tạng cho các Bồ-tát:

–Này các Đại sĩ! Cần phải hiểu rõ pháp môn của Bồ-tát tạng là không có một pháp nào nằm ngoài tạng của Bồ-tát. Tất cả pháp thế gian hay xuất thế gian, hữu vi vô vi, thiện hay bất thiện, hữu tướng hay vô tướng, hữu lậu, vô lậu đều là tạng của Bồ-tát.

Này Thiện nam! Ví như trong tam thiên đại thiên thế giới có trăm ức bốn đại châu, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, có trăm ức núi Tu-di, có trăm ức biển lớn nhưng tất cả không nằm bên ngoài tam thiên đại thiên thế giới. Pháp tạng của Bồ-tát cũng vậy, tất cả pháp phàm phu, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác cho đến pháp của chư Phật cũng không nằm ngoài tạng của Bồ-tát. Vì sao? Vì Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và chư Phật thừa đều đồng một thừa. Ví như cây đại thọ dù có thân nhánh cành lá sum suê tươi tốt nhưng cũng cùng chung một gốc. Tạng Bồ-tát vì vốn phát sinh ra pháp tam thừa nhưng không sai khác, nó rộng lớn không thể nào lường tính được. Ví như biển lớn rộng mênh mông không có bờ bến, giả sử A-tu-la vương, các Dạ-xoa... cho đến các đại lực sĩ muốn lường biển ấy nhưng không thể nào biết được. Các Thanh văn, Duyên giác, tất cả chúng trời, người muốn biết Pháp tạng của Bồ-tát cũng không thể cùng tận. Những vị có trí tuệ muốn biết pháp giới, định, tuệ của Bồ-tát còn không thể biết. Chỉ có người nhập vào tạng Bồ-tát mới tự mình biết được thôi.

Này Thiện nam! Ví như tất cả chúng sinh cư trú trong biển lớn chỉ uống nước biển, chứ không thể biết được mùi vị của sông. Người tu Bồ-tát thừa chỉ biết pháp tạng Bồ-tát, không thích đạo Thanh văn, Duyên giác.

Này Thiện nam! Trong tạng Bồ-tát miễn cưỡng gọi là ba, đó là Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Chỉ nghe lý Tứ đế mà chứng Niết-bàn, đó gọi là tạng Thanh văn. Chỉ thích lý duyên sinh mà chứng Niết-bàn đó gọi là tạng Duyên giác. Còn tạng Bồ-tát là chứng đạt Nhất thiết trí.

Này Thiện nam! Nên biết rằng tạng Thanh văn, tạng Duyên giác và tạng Bồ-tát đều bình đẳng như nhau. Vì lòng ham muốn của chúng sinh nên

có sự học về ba thừa. Sở dĩ người học cầu Thanh văn là vì trí tuệ họ cạn hẹp, không rộng lượng, sợ khổ nơi luân hồi nên rất ưa thích pháp Tứ đế để chứng Niết-bàn cầu an ổn. Người thích cầu Duyên giác thì tâm còn hạn ngại, không có tâm rộng rãi với chúng sinh, không có tâm đại Bi để hành hạnh lợi tha, chứng Niết-bàn cho đó là cứu cánh. Đại Bồ-tát học tạng Bồ-tát với tâm rộng lớn vô lượng, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể lường xét được. Chỉ có các Bồ-tát tu học pháp ấy mới có thể hiểu rõ.

Này Thiện nam! Thanh văn, Duyên giác chỉ ưa thích thừa của mình, tu các căn lành để cầu quả Nhị thừa, còn đối với pháp của Bồ-tát thì không thể nào biết được. Các Bồ-tát quán pháp Thanh văn thì đối với đạo Tứ đế đều chứng biết hết tất cả, phân biệt rất rõ nhưng không chứng quả ấy; quán pháp của Duyên giác đối với mười hai nhân duyên Bồ-tát đều chứng biết tất cả, phân biệt rõ nhưng không chứng quả ấy. Bồ-tát làm viên mãn các hành và thông đạt tất cả. Ví như tô báu bằng lưu ly đựng các vật thì những vật ấy đều cùng một màu trong suốt như nhau. Pháp của Thanh văn và Duyên giác khi nhập vào trong tạng Bồ-tát vốn không khác. Cho nên các Đại Bồ-tát đã nhập vào tạng Bồ-tát rồi thì thấy các pháp bình đẳng không khác nhau, không có tướng pháp của chư Phật, không có tướng pháp của Bồ-tát, không có tướng pháp của Nhị thừa. Với tất cả pháp không có sự nhớ nghĩ vì lìa các ngôn ngữ văn tự, không nêu ra, không biểu thị. Vì sao? Vì vô tướng nên không thể quán. Vì vô nghĩa nên không thể nhớ nghĩ. Người học như vậy là thâu nhiếp Nhất thiết trí.

Này Thiện nam! Đó gọi là tạng Bồ-tát, thông đạt tự tại vô ngại như vậy.

Vào cuối đêm, Bồ-tát Diệu Cát Tường lại giảng nói câu Kim cang về pháp luân không thoái chuyển cho các Đại Bồ-tát.

Bồ-tát nói:

–Này Thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát nào khéo giảng pháp để người nghe hiểu rõ ràng, người nói người nghe tất cả đều là pháp bất thoái chuyển, nó không động chuyển không bị hư hoại.

Này Thiện nam! Pháp không thoái chuyển, dù là thừa hay cảnh giới của thừa, dù Phật, Pháp, Tăng cũng đều là bất thoái chuyển luân. Vì sao? Bất thoái chuyển luân là pháp giới. Nếu lìa pháp giới thì không do đâu sinh, luân ấy không có tướng chuyển nên gọi đó là chuyển pháp luân. Không khác không hai tức là tự tánh của pháp giới.

Này Thiện nam! Cho nên người nào tu các hạnh Bồ-tát mà biết như vậy thì được giải thoát, được bất thoái chuyển luân. Đại Bồ-tát biết rõ như

vậy là đã giải thoát sẽ được chứng quả Như Lai, làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, đối với môn giải thoát không có hai pháp để đắc. Tướng giải thoát của Như Lai và tướng giải thoát của tất cả pháp đều như nhau. Tất cả pháp không có tướng giải thoát cũng không có hai tướng. Vì sao? Vì thân chẳng giải thoát, tâm cũng chẳng giải thoát. Vì tự tánh của hai pháp là tướng giải thoát. Tất cả pháp cũng như vậy. Các Bồ-tát biết rõ như vậy tức là Bất thoái chuyển luân.

Thiện nam! Nên biết rằng, bất thoái chuyển luân không có chỗ chuyển. Vì sao? Vì sắc và tự tánh của sắc vốn không có chỗ chuyển, Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, tự tánh của thức cũng không có chỗ chuyển. Tự tánh của các pháp đều không có chỗ chuyển, đó tức là bánh xe không thoái chuyển. Pháp luân ấy vốn xưa nay không hư hoại, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có sở đắc, chẳng phải không sở đắc, chẳng nói chẳng phải không nói, không danh tự, không chấp trước.

Lại nữa, tướng Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn là pháp phân biệt không thể đắc, do đâu mà đắc? Tất cả tướng ấy giống như hư không, không có chỗ nương tựa. Tự tánh của các pháp không có chỗ để trụ, đó gọi là câu Kim cang về pháp luân không thoái chuyển.

Này Thiện nam! Tánh không của các pháp không thể hủy hoại. Câu Kim cang ấy lìa tất cả kiến nên trụ như vậy, đó là Không giải thoát môn. Câu Kim cang ấy lìa các phân biệt, nên trụ như vậy, đó là Vô tướng giải thoát môn. Câu Kim cang ấy xa lìa các nghi hoặc, nên trụ như vậy, đó là Vô nguyện giải thoát môn. Câu Kim cang ấy xa lìa các hữu chấp, nên trụ như vậy, đó là pháp giới. Câu Kim cang xa lìa tất cả pháp, không có ngã, không tạo tác, không tham, không chấp trước, tự tánh an trụ vào Niết-bàn thanh tịnh. Đó gọi là câu Kim cang.

Vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, Bồ-tát Diệu Cát Tường đã giảng nói tất cả pháp cho các Bồ-tát. Các Bồ-tát ấy đều đắc pháp môn Tam-ma-địa Quang minh hoa Tam-ma-địa. Từ trong lỗ chân lông trên thân của các Bồ-tát ấy phóng ra trăm ngàn ánh sáng. Nơi mỗi ánh sáng hiện ra trăm ngàn chư Phật. Mỗi Đức Phật ở mười phương thế giới vì các chúng sinh mà thi hành Phật sự.

Sau khi đã chuẩn bị những thức ăn uống xong, vua nước Ma-già-đà vào sáng sớm, đến chỗ Bồ-tát Diệu Cát Tường, thưa với Bồ-tát:

–Nay đã đến giờ, xin Bồ-tát hãy đến nhận sự cúng dường của con.

Bồ-tát nhận lời thỉnh, vua liền trở về cung.

Bấy giờ vào buổi sáng, Tôn giả Đại Ca-diếp đắp y ôm bát cùng năm

trăm Bí-sô vào đại thành Vương xá theo thứ lớp mà khất thực. Đi nửa đường Tôn giả suy nghĩ: "Bây giờ ta không vào thành này mà hãy đến chỗ của Bồ-tát Diệu Cát Tường để nghe chánh pháp." Suy nghĩ vậy xong, Tôn giả cùng chúng Bí-sô đến chỗ Bồ-tát Diệu Cát Tường. Đến đó, Tôn giả vui mừng kính lễ thăm hỏi Bồ-tát rồi đứng lui qua một bên.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Vì sao đến giờ ăn mà Tôn giả Ca-diếp lại ôm bát đến đây?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Tôi định vào thành Vương xá để khất thực nhưng tôi đến đây trước.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tôi sẽ cúng dường thức ăn uống cho Tôn giả và chúng Bí-sô!

Tôn giả Ca-diếp trả lời:

–Thưa Bồ-tát! Không được đâu! Tôi đến đây là vì nghe pháp chứ chẳng phải xin thức ăn uống.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tôn giả nên biết, người cầu đạo có hai loại để nuôi dưỡng, một là thức ăn uống và hai là diệu pháp.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Thưa Đại sĩ! Hữu tình trên thế gian nếu lìa ăn uống thì không phù hợp được, không thể nuôi dưỡng sắc thân thì làm sao có thể nghe thọ chánh pháp?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tôn giả hãy nhận thức ăn uống. Tôi sẽ cúng dường cho Tôn giả. Sau khi được nhận sự cúng dường thì không lìa luân hồi, không chứng Niết-bàn, chẳng lìa pháp dị sinh, không lìa pháp Thánh đạo. Vì sao? Vì người được cúng dường và người cúng dường không tăng, không giảm, không có pháp để sinh, không có pháp để diệt, không có pháp để học cũng không có pháp để đắc cho nên tôi sẽ cúng dường thức ăn uống cho Tôn giả.

Ca-diếp thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Lành thay! Bồ-tát là đại thí chủ. Người bố thí như vậy chính là chân bố thí.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường suy nghĩ: "Ta hãy vào đại thành Vương xá vì vua nước Ma-già-đà mà làm Phật sự lớn." Nghĩ vậy xong, Bồ-tát liền nhập vào Tam-ma-địa Nhất thiết thần thông biến hóa. Ở trong Tam-ma-địa ấy phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp thế giới Ta-bà, thấy tam thiên đại thiên thế giới rõ như lòng bàn tay. Tất cả loài hữu tình nơi địa ngục,

bàng sinh nhờ ánh sáng ấy chiếu đến đều được lìa các khổ, không có một chúng sinh nào sinh tâm ba độc, cũng không còn oán ghét thù nhau, yêu thương nhau như con như mẹ, tất cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách. Khi ấy, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc đều đến cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường. Họ tấu lên trăm ngàn điệu nhạc, mưa hoa đẹp của trời đầy ngập khắp đường để tạo sự trang nghiêm. Bồ-tát Diệu Cát Tường dùng thần lực khiến cho con đường ấy đều bằng phẳng giống như bàn tay, trang hoàng với vô số châu báu, rải hoa đẹp lớn như bánh xe. Đó là những loại hoa Ưu-bát-la, Câu-mẫu-đà, Bôn-noa-lợi-ca... lại dùng tràng lưới báu che phía trên, dựng các cờ phướn, lọng báu đầy khắp hư không. Lại hiện đài bảy báu và các cây báu. Trên cây báu ấy, hoa quả bằng lưu ly báu, dùng các dây báu nối kết lại với nhau. Mỗi cây hoa báu đều tỏa ra mùi thơm vi diệu bay khắp cả do-tuần. Giữa rặng cây ấy có ao đáy bằng cát vàng ròng chứa đầy nước gồm đủ tám công đức và mọc nhiều hoa đẹp. Đó là hoa Ưu-bát-la, Bát-nạp-ma, Câu-mẫu-đà, Bôn-noa-lợi-ca...

Lại có những giống chim như chim uyên ương, chim nhạn, vịt trời qua lại trong đó. Dưới mỗi gốc cây có hai mươi hai Thiên nữ cầm hương chiên-đàn để cúng dường. Ở trong định, Bồ-tát Diệu Cát Tường hiện ra những sự việc thù thắng như vậy. Sau khi xuất định, Bồ-tát nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Bây giờ tôi với Tôn giả cùng đến đại thành Vương xá vào cung vua nước Ma-già-đà để thọ sự cúng dường thức ăn. Đại đức là bậc kỳ túc nên đi trước. Còn tôi phải đi sau.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Như vậy không được. Đại sĩ có đại trí tuệ, thần thông vô lượng, đa văn biện tài, nói thông suốt về pháp giải thoát, được Phật Thế Tôn của tôi khen ngợi. Chúng sinh thấy đều phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát. Trong chúng Thanh văn, tuy tôi gọi là bậc kỳ túc nhưng không làm được, sao dám đi trước, tôi xin đi sau Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề, tất cả Thanh văn, Duyên giác và cả bản thân tôi còn không sánh kịp, huống chi bằng người hành lâu đạo Bồ-tát. Ví như sư tử con mới sinh liền có sức mạnh lớn, mạnh mẽ xông xáo không sợ sệt gì cả, mùi trên thân nó lan tỏa theo gió, bầy thú nào nghe được cũng đều kinh hãi, cho đến voi lớn tuy có nhiều sức mạnh, tất cả thế gian không ai điều phục được vậy mà nó nghe mùi của Sư tử con mới sinh cũng phải kinh sợ. Chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề dũng mãnh kiên cố thì tất cả chúng ma đều lo sợ, Thanh văn, Duyên giác không sao sánh kịp. Nghe Phật nói pháp Đại thừa,

các Đại Bồ-tát tâm bất động, rất hoan hỷ và gầm lên tiếng sư tử điều phục được tất cả. Cho nên Bồ-tát Diệu Cát Tường ở trong chân pháp không có ba thừa, chỉ lấy tâm Bồ-đề làm trên hết. Vì tất cả các pháp lành đều do tâm Bồ-đề sinh ra. Nay Bồ-tát đi trước giống như tâm Bồ-đề sinh ra vô lượng pháp lành.

Thế rồi, Bồ-tát Diệu Cát Tường đi trước, chúng Đại Bồ-tát đi hai bên, chúng Thanh văn đi phía sau, rời khỏi trụ xứ vào thành Vương xá. Khi ấy trời mưa nhiều loại hoa, trên hư không trỗi lên trăm ngàn âm nhạc, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp đại chúng, trong ánh sáng ấy lại mưa nhiều hoa sen. Dân chúng trong thành Vương xá được thấy Bồ-tát, lòng họ rất vui mừng, đem các hương hoa để tung rải cúng dường.

Bấy giờ, nghe Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng tám vạn Đại Bồ-tát và năm trăm chúng Thanh văn đến hội, vua nước Ma-già-đà suy nghĩ: "Ta đã chuẩn bị xong năm trăm phần thức ăn uống, nay chúng Bồ-tát này rất đông, thức ăn thì ít bây giờ làm sao cho đủ, lại ngồi đâu cho đủ." Trong lúc vua đang nghĩ vậy, Bồ-tát Diệu Cát Tường liền sai Thiên vương Đa Văn và Cung-tỳ-la, chủ Đại Dạ-xoa trong chốc lát biến thành đồng tử đến trước vua, thưa:

–Đại vương đừng lo lắng suy nghĩ, Bồ-tát Diệu Cát Tường có đại phương tiện, phước đức trí tuệ không thể nghĩ bàn, có thể đem một phần thức ăn cung cấp cho tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đều no đủ mà thức ăn vẫn còn dư. Nay tám vạn Bồ-tát và năm trăm chúng Thanh văn này, số ấy không nhiều vua có gì phải lo. Vì sao? Vì Bồ-tát Diệu Cát Tường có phước đức trí tuệ vốn vô cùng tận, thức ăn cũng vô tận.

Nghe họ nói vậy, vua nước Ma-già-đà rất vui mừng, sung sướng, đối với Bồ-tát Diệu Cát Tường càng cung kính tôn trọng, hết sức thán phục, cùng quyến thuộc đem hương hoa, hương bột, hương xoa... trỗi các âm nhạc ra đón Bồ-tát. Thấy Bồ-tát, vua quỳ lạy, thăm hỏi, rải hoa hương và đi trước đưa Bồ-tát vào cung.

Sau khi đến cung vua, Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với Bồ-tát Phổ Chiếu:

–Này Thiện nam! Ông hãy sửa soạn đạo tràng, đã đến giờ rồi.

Nhận lệnh, Bồ-tát Phổ Chiếu liền dùng sức thần thông làm cho cung điện của vua bỗng nhiên rộng lớn, sạch đẹp, trang hoàng đủ cách không gì bị trở ngại, treo các loại hoa, dựng cờ phướn, lọng báu, linh báu, anh lạc, trang hoàng thành đạo tràng vĩ đại nhất. Bồ-tát Diệu Cát Tường lại bảo Bồ-

tát Pháp Thượng:

–Này Thiện nam! Ông hãy vì tôi mà sắp đặt tòa thượng diệu cho các đại chúng.

Khi ấy trong khoảnh khắc khảy móng tay, Bồ-tát Pháp Thượng liền triệu tập tám vạn ba ngàn tòa tốt đẹp hiện ra nơi đạo tràng được trang nghiêm đủ loại châu báu. Những tòa ấy đầy khắp trong đạo tràng mà không hề chật chội.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường liền đến tòa ngồi, bảo các chúng Thanh văn, Bồ-tát đều đến chỗ ngồi của mình.

Lúc này, vua nước Ma-già-đà thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Cúi xin Bồ-tát và đại chúng thương xót con, đợi một chút nữa thức ăn uống sẽ mang đến.

Bấy giờ, Tứ đại Thiên vương cùng các quyến thuộc đến nơi đạo tràng, lễ lạy cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường và đại chúng. Lại có Thiên chủ Đế Thích và các quyến thuộc cùng quyến thuộc A-tu-la đều đem hương bột chiên-đàn đến đạo tràng cúng dường đại chúng. Lại có Đại phạm Thiên vương chủ cõi Ta-bà biến thành đồng tử cùng các Phạm chúng đứng làm thị giả hai bên, ai cũng cầm phất báu đến đạo tràng. Sau khi lễ lạy Bồ-tát Diệu Cát Tường tất cả đều lui ra đứng qua một bên. Các Phạm chúng đến cũng cầm phất báu và đứng qua một bên nơi các Bồ-tát và chúng Thanh văn. Lại có Long vương Vô Nhiệt Não đến đạo tràng trụ giữa hư không, ẩn thân, rũ xuống vô số những anh lạc. Trong anh lạc tuông ra nước đủ tám thứ công đức, tất cả đại chúng dùng không hết.

Khi ấy, vua nước Ma-già-đà suy nghĩ: "Các Bồ-tát này đều không có bình bát làm sao mà ăn?" Biết tâm niệm của vua, Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với vua:

–Vua đừng nghĩ như vậy, các Bồ-tát này không mang bình bát. Khi nào cần thì sẽ có tất cả bình bát ở cõi Phật của họ tự nhiên đưa đến.

Vua rất vui mừng, liền thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Các Bồ-tát này ở cõi Phật nào và từ đâu đến? Con muốn nghe danh hiệu Phật và quốc độ của các Bồ-tát đã đến đây.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Đại vương nên biết! Phương Đông có cõi tên là Thường thanh, Phật hiệu Cát Tường Thanh Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp. Các Bồ-tát này từ cõi đó đến, thọ nhận sự cúng dường của vua, để cho đại vương thấy được việc hy hữu.

Ngay lúc đó, thế giới Thường thanh đem đến tám vạn ba ngàn bát báu. Nhờ sức oai thần của Đức Phật ấy và diệu lực từ hạnh nguyện của các Bồ-tát mà bát báu từ hư không tới thế giới Ta-bà này. Đến ao Vô nhiệt não thì có tám vạn ba ngàn Long nữ lấy nước tám công đức để rửa sạch rồi tất cả đem tới trước các Bồ-tát. Thấy sự việc như vậy, vua nước Ma-già-đà khen ngợi thật là không thể nghĩ bàn, chưa từng có, lòng vua rất vui mừng.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với vua:

–Bình bát của các Bồ-tát đã đến rồi, vua hãy phân các thức ăn uống cúng dường đại chúng.

Vua liền đem tất cả thức ăn uống đã chuẩn bị xong dâng lên cúng dường Bồ-tát và các đại chúng.

Bấy giờ đại chúng trong đạo tràng, ai nấy đều no đủ, không một vị nào thiếu thốn. Thấy thức ăn uống vẫn còn dư, vua thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Thật là hy hữu, thưa Đại sĩ! Con đem ít thức ăn cúng dường khắp đại chúng mà vẫn còn dư.

Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Pháp chân thật không cùng tận nên thức ăn từ nơi ấy sinh cũng không cùng tận.

Sau khi ăn xong, các đại chúng Bồ-tát đều ném bát lên hư không, không hề bị lay động.

Vua thưa Bồ-tát:

–Bát ấy trụ ở đâu?

Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Pháp chân thật có chỗ trụ chăng?

Vua trả lời:

–Pháp chân thật không có chỗ trụ.

Bồ-tát nói:

–Đại vương nên biết! Pháp chân thật không có chỗ trụ, bát ấy cũng không có chỗ trụ. Nếu bát có chỗ trụ thì các pháp cũng thế.

Đại vương nên biết! Vì tánh của các pháp là không, nên phải trụ như vậy.

Sau khi cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường và các đại chúng xong, vua nước Ma-già-đà đứng trước Bồ-tát nói với lòng khao khát được nghe pháp, vua liền thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát có lòng đại Từ bi vì con mà nói pháp hy hữu!

Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Pháp hy hữu nghĩa là, giả sử hằng hà sa số chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trải qua trăm ngàn kiếp cũng nói không hết.

Nghe nói vậy, vua kinh hãi, mê muội, không vui. Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp nói với vua:

–Vua đừng cho rằng hằng hà sa số chư Phật không thể giảng nói pháp hy hữu, hay Bồ-tát Diệu Cát Tường cũng không thể nói. Nhưng vì pháp của chư Phật là không cùng tận, chẳng phải dùng lời nói mà có thể nêu bày hết được. Đại vương hãy theo sự ưa thích của mình mà hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường. Đại sĩ này có vô lượng sức phương tiện thiện xảo, chắc chắn có thể nói pháp hy hữu cho vua.

Nghe nói vậy, vua liền tỉnh ngộ và thưa:

–Vừa nghe Bồ-tát nói, tôi có nghi ngờ, nhờ Tôn giả nói rõ khiến tôi tỉnh ngộ.

Vua liền thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát cũng như hằng hà sa số chư Phật đều không thể giảng nói pháp hy hữu, con nghe như vậy, lòng con trở nên mờ mịt, cúi xin Bồ-tát quyết nghi cho con.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Hằng hà sa số chư Phật đều chẳng phải là không thể giảng nói pháp hy hữu. Pháp không có đối tượng giảng nói đó là pháp hy hữu.

Này đại vương! Đối với tất cả pháp, tâm không chỗ trụ, pháp ấy không thể giảng nói. Chư Phật Như Lai cũng không thể nói. Đối với chư Phật, Thế Tôn, đại vương có thấy tướng chăng?

Vua trả lời:

–Không!

Bồ-tát lại hỏi:

–Tâm sinh có thể thấy không? Tâm diệt có thể thấy chăng?

Vua trả lời:

–Không!

Bồ-tát hỏi:

–Pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp chân thật, pháp hư vọng đều có thể

thấy chăng?

Vua trả lời:

–Không thể thấy.

Bồ-tát hỏi:

–Với tất cả pháp có tướng để thấy, với tất cả pháp có gì để nói chăng?

Vua trả lời:

–Không!

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Do nghĩa như vậy nên ta nói: Pháp hy hữu, hằng hà sa số chư Phật không thể giảng nói.

Lại nữa, này đại vương! Hư không không có tướng cũng không chuyển động, khói, mây, bụi, sương không thể dính vào. Tánh của hư không vốn là thanh tịnh, không pháp nào có thể làm nhiễm cũng không pháp nào có thể làm tịnh. Chư Phật Như Lai hiểu rõ tất cả pháp giống như hư không. Vì nghĩa đó mà hằng hà sa số chư Phật giảng nói không thể hết.

Lại nữa, này đại vương! Trong tướng vô trụ, chư Phật Như Lai an nhiên, bất động, hoạt dụng mà thường tịch. Vì sao? Vì pháp không thay đổi, vì lìa xứ chẳng phải xứ. Pháp không thể đắc vì lìa các tướng chấp thủ. Đại vương nên biết! Các pháp chẳng phải sinh cũng chẳng phải không sinh, chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng chân thật chẳng phải không chân thật, chẳng phải hữu tưởng chẳng phải vô tưởng, không tạo tác chẳng phải không tạo tác, không trí tuệ không ngu si, không giữ lấy tướng, chẳng phải không giữ lấy tướng, chẳng tập chẳng tan, không đến không đi, chẳng điên đảo chẳng lìa điên đảo, chẳng phải là phiền não chẳng phải lìa phiền não, chẳng phải tự nhiên sinh, chẳng phải do vật khác sinh.

Này đại vương! Các pháp như hư không, không chuyển động, các pháp không gì bằng vì không bạn bè; các pháp không có hai tướng vì không phân biệt; các pháp không có biên giới vì không thể thấy, các pháp không có lường xét vì chẳng có lớn nhỏ, các pháp không cùng tận vì thường chuyển, các pháp rộng lớn vì hiển bày khắp pháp giới, các pháp không có chỗ trụ vì không có trong, ngoài, chặng giữa, các pháp không phân biệt vì lìa vọng tưởng.

Các pháp là thường vì không biến đổi, các pháp là lạc vì không khổ não.

Các pháp có chủ tể vì lìa vọng chấp.

Các pháp là thanh tịnh vì không có cấu nhiễm.

Các pháp tịch tĩnh vì luôn lắng trong.

Các pháp không chỗ thủ đắc vì lìa tướng ngã.

Các pháp không chỗ lạc vì tướng giải thoát.

Các pháp không bỉ thử vì lìa chấp ngã.

Các pháp không hủy hoại vì lìa các tướng.

Các pháp một vị vì đồng tánh giải thoát.

Các pháp một tướng vì lìa các dị tưởng.

Các pháp đều Không vì lìa các kiến.

Các pháp Vô tướng vì tướng thanh tịnh.

Các pháp Vô nguyện vì lìa ba đời.

Các pháp không ngoài ba đời vì quá khứ, hiện tại, vị lai không thể nắm bắt được. Sinh tử, Niết-bàn vốn bình đẳng nên các pháp đều bình đẳng.

Này đại vương! Các pháp đã như vậy thì phiền não nghi ngờ còn sinh chăng?

Vua trả lời:

–Không! Vì các pháp đều không, nên phiền não nghi ngờ làm sao còn.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Nếu phiền não không sinh thì pháp không giảng nói. Tánh của phiền não là không nên các pháp bình đẳng. Sinh tử, Niết-bàn vốn bình đẳng. Phiền não, Bồ-đề cũng bình đẳng.

-oOo-

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

QUYỂN 5

Lại nữa, này đại vương! Pháp hy hữu rất sâu xa khó lãnh hội, là tướng tịch diệt của tất cả pháp, chẳng nắm bắt, chẳng xả bỏ, chẳng tụ tập, chẳng tan rã, do nhân duyên sinh, không có chủ tể. Vì do duyên sinh nên chẳng phải mình, chẳng phải người, các pháp không có tự tánh. Vì tự tánh là không, nên nó không sở đắc. Do không sở đắc nên tất cả pháp tịch tĩnh. Tướng tịch tĩnh là tướng chân thật. Đại vương nên có lòng tin chân chánh nên tu học như vậy, nên quán sát như vậy. Nếu học như vậy là lìa tất cả tướng, chẳng phải có sở học chẳng phải không có sở học, không được không mất. Nếu hiểu rõ như vậy là chánh giải thoát. Tướng giải thoát là các pháp. Tánh không của các pháp là nghĩa chân thật, tức là không chấp trước, không hạn ngại. Nên đó gọi là pháp hy hữu vô thượng.

Lại nữa, này đại vương! Ông nên biết rằng nhãn căn chẳng nhiễm chẳng tịnh. Vì sao? Vì tự tánh của nhãn căn vốn chân thật. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn cũng chẳng nhiễm chẳng tịnh, vì tự tánh của chúng vốn chân thật.

Này đại vương! Sắc chẳng nhiễm chẳng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng nhiễm chẳng tịnh. Vì sao? Vì tự tánh của uẩn vốn chân thật. Cho đến tất cả pháp cũng như vậy chẳng nhiễm chẳng tịnh vì tự tánh vốn chân thật.

Đại vương nên biết! Tâm không có hình tướng nên mắt không chỗ quán, tâm không chỗ trụ. Trong, ngoài, chặng giữa đều không thể thủ đắc. Vì sao? Vì tự tánh của tâm chẳng nhiễm chẳng tịnh, không tăng giảm không động chuyển. Cho nên, này đại vương! Nên quán như thật đừng có nghi ngờ hãy trụ vào pháp chân thật. Vì tâm này chân thật nên các pháp cũng như vậy.

Này đại vương! Ví như hư không lìa các sắc tướng, cũng không động chuyển. Nếu có người nói: "Ta lấy khói, mây, bụi, sương làm ô nhiễm hư không" thì điều này ông có tin không?

Vua trả lời:

–Không! Vì hư không không có tướng nên không bị cấu nhiễm.

Bồ-tát nói:

–Tâm cũng như vậy, xưa nay vốn thanh tịnh không chứa chấp trần cấu. Cũng vậy, cho đến tất cả pháp, tự tánh của chúng là không nhiễm.

Lại nữa, này đại vương! Tất cả pháp và pháp giới chẳng hợp chẳng lìa, vốn tánh bình đẳng không có sai khác. Nếu ai hiểu rõ điều này tức là đối với các pháp không bị chướng ngại cũng không tăng không giảm.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp này, vua Ma-già-đà đã giác ngộ tánh không của các pháp, lòng rất vui mừng lập tức đạt được Pháp nhẫn Vô sinh, phát tâm hy hữu, chắp tay cung kính thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát có lòng đại Bi và phương tiện thiện xảo, pháp Bồ-tát nói rất là hy hữu, vi diệu sâu xa, xưa con chưa từng được nghe. Hôm nay, con không còn nghi ngờ gì nữa, tâm đã được mở bày sáng tỏ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Đừng cho rằng: "Nghi ngờ đã được trừ", nếu ai nói như vậy tức là chưa đoạn được các tướng. Vì còn có tướng ở nơi tâm thì đó là đại nghi ngờ.

Đại vương nên biết! Các pháp tịch diệt không nói năng, không biểu thị, không nghe không đắc, thì chẳng lẽ có nghi ngờ để trừ sao?

Vua nói:

–Thưa Bồ-tát! Nếu như vậy thì tất cả phiền não tham, sân, si... có làm chướng ngại tâm không?

Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Trước đây ta đã nói hư không vốn thanh tịnh, không bị nhiễm, nghĩa ấy như vậy. Này đại vương! Tâm vốn thanh tịnh, phiền não tánh không, hai pháp này không nắm bắt được thì sao bị chướng ngại. Cho nên trong tâm đừng có sinh tướng tội cấu.

Đại vương nên biết! Tâm quá khứ không thể nắm bắt được tâm vị lai không thể nắm bắt được, tâm hiện tại không thể nắm bắt được cho đến tất cả pháp cũng như vậy. Ở trong ba đời không đến, không đi, không trụ, không chấp, không có chỗ nhập vào không có chỗ nương tựa, lìa các vọng tưởng, chẳng phải dùng tri kiến để lường kịp. Nếu lìa tướng tri kiến thì đó là Phật nói. Cho nên người trí nên quán như vậy, nên hiểu rõ như vậy.

Bấy giờ, nhà vua thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Như Bồ-tát đã nói thì con hiểu rõ tự tánh của tâm, tự tánh của các

pháp xưa nay vốn thanh tịnh, không bị những chướng làm ô nhiễm, cũng không có tướng để nắm bắt được. Cho nên hôm nay ở trước Bồ-tát con được lòng tin không hoại.

Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Nếu như vậy tức là được giải thoát, xa lìa các lỗi lầm.

Nghe Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp vi diệu, vua nước Ma-già-đà rất vui mừng, liền đứng dậy đem vải mịn thượng diệu giá trị hàng trăm ngàn tiền đến dâng cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường và định lấy vải ấy khoác vào thân Bồ-tát. Lúc đó, trong khoảng một sát-na, Bồ-tát biến mất, chỉ nghe giữa không trung có tiếng nói:

–Này đại vương! Nếu còn thấy có tướng thì ta không thọ nhận. Nếu muốn ta thọ nhận thì không còn thấy thân mình, không còn thấy thân người, không có người bố thí, không có người được bố thí, cho đến tất cả pháp cũng đều như vậy, không còn thấy các tướng xa lìa tâm chấp giữ.

Này đại vương! Vải để cúng dường đó nếu có thể thấy thân ai thì nên cúng dường cho vị ấy.

Bấy giờ có Bồ-tát tên Trí Ngộ. Vua liền đem vải ấy dâng cúng Bồ-tát. Bồ-tát ấy nói:

–Này đại vương! Nếu còn thấy tướng thì tôi không nhận. Nếu tôi thọ nhận thì không chấp nơi dị sinh (phàm phu) và pháp của hàng dị sinh, không trụ vào Hữu học và pháp Hữu học, không chứng Vô học và pháp Vô học, không hướng đến Duyên giác và pháp Duyên giác, cũng không cầu giải thoát Niết-bàn của chư Phật Như Lai để làm quả chứng. Như vậy, đối với tất cả pháp không có tướng để chấp. Hai loại chủ thể thí và đối tượng được thí đều thanh tịnh không lợi, không đắc. Nếu ai bố thí như vậy thì tôi có thể nhận.

Lúc ấy, nhà vua định lấy vải khoác vào thân Bồ-tát, nhưng lập tức Bồ-tát đã biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai thì hãy cúng dường vị ấy.

Bấy giờ, có Bồ-tát tên Thiện Tịch Giải Thoát. Vua liền đem vải dâng cúng, Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Nếu còn thấy tướng thì ta không nhận. Nếu ta nhận thì không còn có ta thấy và vật ta thấy, chẳng phải hợp phiền não chẳng phải lìa phiền não, chẳng phải tâm trụ định chẳng phải tán loạn, chẳng phải trí tuệ chẳng phải ngu si, lìa các nắm bắt và xả bỏ. Nếu bố thí như vậy thì

có thể thọ nhận.

Lúc ấy, đại vương định lấy vải khoác lên thân Bồ-tát nhưng lập tức Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không rằng:

–Nếu có thể thấy thân ai thì hãy cúng dường vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Tối Thắng Tác Ý, vua liền đem vải đến cúng dường. Bồ-tát nói:

–Này đại vương! Nếu còn thấy có tướng thì ta không nhận. Nếu ta nhận thì không còn có các tướng, không hành thân nghiệp, không sinh ngữ nghiệp, không tạo ý nghiệp, không chấp vào uẩn, xứ, giới, hiểu rõ tất cả pháp đều không thể nắm bắt được, chẳng phải dùng trí để biết, chẳng phải dùng lời nói để lường xét, không có chỗ nương tựa mà phải lắng trong như hư không. Người bố thí như vậy thì ta nhận.

Lúc ấy, nhà vua định đem lấy vải khoác lên thân Bồ-tát nhưng lập tức Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai thì nên cúng dường vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Thượng Ý. Vua liền đem vải dâng lên cúng dường, Bồ-tát nói:

–Nếu còn tướng để thấy thì ta không nhận. Nếu ta nhận thì không còn chấp tướng và tâm mong cầu. Nếu ai nói phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề đó là chấp tướng có mong cầu. Vì sao? Vì lìa tâm hữu tướng đó là tâm Đại Bồ-tát. Vì tâm này bình đẳng cho nên tâm Bồ-đề cũng bình đẳng. Tâm Bồ-đề này là tâm của tất cả Như Lai. Do tâm bình đẳng cho nên các pháp cũng bình đẳng, không hai không khác, không nắm bắt, cũng không xả bỏ. Vì lìa nắm bắt và xả bỏ nên tướng ngã không sinh, tướng ngã đã diệt thì không có gì để mong cầu. Người bố thí như vậy thì ta có thể nhận.

Lúc đó, nhà vua định lấy vải khoác lên thân Bồ-tát nhưng lập tức Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai thì cúng dường cho vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Tam-muội Khai Hoa, vua liền đem vải đến cúng dường, Bồ-tát ấy nói:

–Còn thấy có tướng thì ta không nhận. Nếu như ta nhận thì đối với tất cả môn Tam-ma-địa đã chứng nhưng lại vô tướng, không phân biệt, hiểu rõ tự tánh của tất cả pháp là không động tức là Tam-ma-địa. Bố thí như vậy thì ta nhận.

Lúc đó, nhà vua định đem vải khoác vào thân Bồ-tát, nhưng lập tức

Bồ-tát đã biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai thì cúng dường cho vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Thành Tựu Ý, vua lại đem vải đến cúng dường, Bồ-tát ấy nói:

–Này đại vương! Còn thấy có tướng thì ta không nhận. Nếu như ta nhận thì hiểu rõ tất cả ngôn ngữ văn tự, tự tánh vốn không, không có tướng để chấp. Ai sinh tâm ham muốn cầu các pháp thì rơi vào hữu tướng, không gọi là thành tựu. Nếu hiểu rõ tất cả pháp là không sở đắc tức thành tựu tất cả. Tất cả đều như ý. Bố thí như vậy thì ta nhận.

Lúc đó, nhà vua định khoác vải lên thân Bồ-tát, nhưng lập tức Bồ-tát biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai, thì cúng dường cho vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Tam Luân Thanh Tịnh, vua liền đem vải đến cúng dường, Bồ-tát ấy nói:

–Này đại vương! Còn thấy có tướng thì ta không nhận. Nếu như ta nhận thì phải không có người cúng dường, không có người thọ nhận. Người thọ nhận không sở đắc, người cúng dường không sở đắc, ngã còn không có thì sở hữu của ngã cũng không. Bố thí như vậy thì ta nhận.

Lúc đó, nhà vua định đem vải khoác lên thân Bồ-tát, nhưng Bồ-tát đã biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai, thì cúng dường cho vị ấy.

Lại có Bồ-tát tên Pháp Hóa, vua liền đem vải đến cúng dường, Bồ-tát ấy nói:

–Này đại vương! Còn thấy có tướng thì ta không nhận. Nếu như ta nhận thì không lấy Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác làm quả chứng, cũng không lấy đại Bát-niết-bàn làm quả chứng, không lìa pháp luân hồi, không cầu pháp Niết-bàn. Vì sao? Vì sinh tử và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng. Bố thí như vậy thì ta nhận.

Lúc ấy, nhà vua định lấy vải khoác lên thân Bồ-tát nhưng Bồ-tát đã biến mất, chỉ nghe tiếng trong hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai, thì cúng dường cho vị đó.

Nhà vua đã đem vải dâng cúng dường, nhưng các Đại Bồ-tát đều ẩn thân không thọ nhận.

Nhà vua lại đem vải ấy đến chỗ Tôn giả Đại Ca-diếp, thưa:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Trong chúng Thanh văn, Tôn giả tuổi cao đức lớn được Đức Phật khen ngợi là hạnh Đầu-đà đệ nhất, cúi xin Tôn giả

nhận vải thượng diệu này để con được thỏa lòng dốc cúng dường.

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Này đại vương! Còn thấy có tướng thì ta không nhận. Như người mà ta nhận là không đoạn tham, sân, si, không bị nhiễm chấp, cho đến vô minh, hữu ái cũng đều không đoạn, cũng không tương ưng với không. Thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, không thấy Phật, không nghe Pháp, không nhập vào Tăng chúng, chẳng phải Tận trí, Vô sinh trí mà có thể đắc, có thể chứng, không có người bố thí, không có người nhận, không có quả lớn, không có quả nhỏ, không có luân hồi để nhàm chán, không có Niết-bàn để chứng. Các pháp thanh tịnh xa lìa các tướng. Người bố thí như vậy thì có thể nhận.

Vua liền đem vải định khoác vào thân Tôn giả, nhưng Ca-diếp cũng biến mất, chỉ nghe tiếng giữa hư không nói:

–Nếu có thể thấy thân ai thì nên cúng dường vị đó.

Cứ như vậy, nhà vua đã đem vải quý dâng cúng cho năm trăm đại Thanh văn nhưng vị nào cũng ẩn thân không thọ nhận.

Khi ấy, vua suy nghĩ: "Chúng Thanh văn, Bồ-tát này đều không nhận vải cúng dường của ta. Bây giờ ta đem về hậu cung để tặng phu nhân và các quyến thuộc, chắc chắn mọi người sẽ nhận." Suy nghĩ vậy xong, vua đem vải vào cung định đưa cho họ, nhưng vua không thấy phu nhân. Vua lại nghĩ sẽ đem cho các cung tần nhưng cũng chẳng thấy họ đâu cả. Như vậy, vua lần lượt quán sát tất cả phòng ốc, cung điện, thành đều trống trơn chẳng thấy gì cả. Đại vương lại suy nghĩ: "Vải đẹp thượng diệu này không được cúng dường." Nghĩ vậy xong, vua định lấy vải tự khoác vào thân mình, nhưng tức khắc vua cũng không thấy thân mình đâu nữa, chỉ nghe tiếng giữa hư không:

–Nếu có thể thấy thân ai thì hãy cúng dường vị ấy. Này đại vương! Ông hãy tự quán về sắc thân của mình nay ở đâu?

Vua tự quán mà không thấy tướng của mình, thì quán người khác cũng vậy. Tướng của mình và người đều không thể nắm bắt được. Nếu ai thấy như vậy tức là thấy pháp chân thật. Pháp chân thật là xa lìa tất cả kiến chấp. Vì lìa các kiến chấp cho nên trụ vào pháp bình đẳng.

Khi nghe giữa hư không nói như vậy, đại vương lìa tâm hữu tướng, đoạn trừ tưởng nghi ngờ. Như từ trong giấc ngủ mà được tỉnh ngộ, tức thì quyến thuộc, hậu phi, phòng ốc, cung điện, thành quách, đều hiện ra sắc tướng của nó trở lại như cũ. Vua liền đến chỗ đại chúng Bồ-tát, lại được nhìn thấy tất cả thân tướng của các Bồ-tát như trước không khác.

Bấy giờ, đại vương đến trước Bồ-tát Diệu Cát Tường, thưa:

–Đại chúng Bồ-tát vừa rồi đã đi đâu mà con không thấy?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này đại vương! Vua đừng nghi ngờ, đại chúng này tướng vốn không đến thì đi về đâu?

Này đại vương! Bây giờ vua có thấy đại chúng đây không?

Vua trả lời:

–Dạ con đã thấy.

Bồ-tát hỏi:

–Vua thấy thế nào?

Vua trả lời:

–Như thấy pháp chân thật thì quán đại chúng này cũng như vậy.

Bồ-tát hỏi:

–Pháp chân thật ấy vua thấy thế nào?

Vua trả lời:

–Pháp chân thật lìa tất cả tướng, chẳng phải dùng mắt để quán, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa nên nói tướng nơi hai pháp là không thể nắm bắt được.

Bồ-tát Diệu Cát Tường lại nói với vua:

–Đại vương nên biết! Trước đây vua đã tạo nghiệp ác. Tôi nghe Phật đã ghi nhận là vào đời sau sẽ bị đọa vào đường ác phải không?

Vua thưa Bồ-tát:

–Thưa Đại sĩ! Không có việc ấy. Phật Thế Tôn chưa từng nói người bị đọa đường ác hay người chứng đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì trong pháp chân thật không có hai tướng riêng biệt.

Bồ-tát lại nói:

–Này đại vương! Không phải thế. Như Đức Phật đã nói nghiệp quả của thiện ác ứng chiếu như vậy. Nếu nói như thế thì nghĩa là thế nào?

Đại vương nói:

–Thưa Đại sĩ Bồ-tát! Theo ý của con thì chư Phật Như Lai tùy theo phương tiện mà khéo nói về sinh tử, Niết-bàn, để các chúng sinh nhàm chán khổ nơi sinh tử mà hướng đến vui của Niết-bàn. Nếu nói một cách như thật thì sinh tử và Niết-bàn đều bình đẳng. Vì sao? Vì các pháp đều không, không có tự tánh. Tánh của các pháp ấy là tánh của pháp giới. Trong tánh của pháp giới không có hai thứ riêng biệt. Do ý nghĩa đó mà các pháp không

chỗ sinh, không chỗ trụ, không ham muốn, không nhàm chán. Nay con có lòng tin chân chánh nên không còn lo sợ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Lành thay, đại vương! Vua nói điều này rất rõ ràng, đó là lìa các tướng hữu.

Vua nói:

–Thưa Bồ-tát! Tự tánh của con là không, vậy người nói là ai? Pháp vốn vô tướng, vậy lìa cái gì? Như Phật đã nói, trong pháp chân thật thì ngã tướng vốn không lìa tình, chẳng phải là tình. Các hành không tạo tác cũng không có người thọ nhận.

Bồ-tát nói:

–Đại vương! Trong pháp chân thật mặc dầu ông đã hiểu rõ nhưng còn sinh chấp trước.

Vua hỏi:

–Làm sao để lìa chấp trước?

Bồ-tát trả lời:

–Không hủy hoại tướng của cõi ác, đó là không chấp trước.

Vua nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Theo ý của con tướng của cõi ác là không động chuyển, không hủy hoại, không chấp trước, không có gì lo sợ. Nay con đã lìa được các chấp trước, vĩnh viễn không còn sinh chỗ thấy về tướng hữu. Ví như Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn không còn tưởng về ba độc.

Khi ấy Bồ-tát Trí Tràng nói với vua:

–Đại vương! Đối với đạo trí tuệ, vua đã được thanh tịnh, lìa các trần nhiễm, đạt đầy đủ pháp Nhẫn.

Vua thưa Bồ-tát:

–Các pháp rất thanh tịnh, rộng lớn không thể lường. Phiền não không thể làm nhiễm ô, Niết-bàn không thể nắm bắt được, chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể tự chứng tri.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường và các Đại sĩ vào cung vua giảng nói chánh pháp, vua nước Ma-già-đà đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Trong cung vua có ba mươi hai nữ nhân, sau khi thấy Bồ-tát Diệu Cát Tường dùng thần thông biến hóa, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Trong chúng hội có năm trăm người đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Tất cả dân chúng trong thành Vương xá đều đem hương hoa thơm đẹp nổi tiếng tụ tập trước cửa cung vua để cúng dường Bồ-tát Diệu Cát Tường và các đại chúng.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường cảm thấy thương xót tất cả dân chúng trong thành, để làm lợi ích cho họ, Bồ-tát bèn dùng ngón chân đặt xuống đất. Tức thì mặt đất đều thành màu phệ-lưu-ly trong suốt sáng rỡ thấu cả trong lẫn ngoài.

Khi ấy, trong thành tất cả dân chúng dù nam hay nữ cũng đều được thấy Bồ-tát Diệu Cát Tường và các đại chúng không bị chướng ngại. Ví như gương tròn trong sáng chiếu rõ mặt của mình, tất cả dân chúng đều chiêm ngưỡng thân tướng của Bồ-tát cũng như vậy. Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường vì họ mà giảng nói pháp có tám vạn bốn ngàn người đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, năm trăm người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Sau khi Bồ-tát Diệu Cát Tường thọ sự cúng dường thức ăn uống của vua nước Ma-già-đà, vì vua mà giảng nói giáo pháp thì quyến thuộc trong cung vua cho đến tất cả dân chúng đều được lợi lạc, phát tâm hy hữu và rất vui mừng.

Bồ-tát Diệu Cát Tường liền đứng dậy, cùng đại chúng Bồ-tát lần lượt rời khỏi cung vua. Vua nước Ma-già-đà, đám tùy tùng cùng quyến thuộc lễ lạy bái tạ và theo các vị Bồ-tát đến pháp hội của Đức Phật. Bồ-tát đã ra khỏi cung vua và đi chậm rãi. Giữa đường, Bồ-tát thấy một người ở bên gốc cây khóc lóc thảm thiết, nói:

–Tôi đã tạo nghiệp sát sinh, thật đáng sợ hãi, đời sau nhất định bị đọa vào địa ngục, làm thế nào để tôi được cứu độ đây?

Thấy người này, Bồ-tát quán biết căn duyên của họ đã thành thục, có thể hóa độ được. Bồ-tát liền hóa thành một người giống y như người kia, đến gần bên ông ta cũng khóc lóc thảm thiết, nói như vầy:

–Tôi tạo nghiệp sát sinh rất đáng sợ hãi, đời sau nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục.

Sau khi nghe vậy, người kia liền nói với hóa nhân:

–Tôi cũng tạo nghiệp sát sinh như vậy. Đã gặp nhau ở đây, ai có phương tiện để cứu độ được?

Hóa nhân liền nói với người kia:

–Chúng ta tạo tội rất nặng, dù rất lo sợ, nhưng không có ai cứu được, chỉ có Phật Thế Tôn mới có đại phương tiện để cứu độ được thôi. Chúng ta nên cùng nhau đến chỗ Phật.

Hóa nhân nói vậy xong rồi liền đi trước. Người kia thấy vậy cũng đi theo đến chỗ Phật. Sau khi đến pháp hội của Phật, hóa nhân đem đầu mặt lễ lạy sát chân Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tạo nghiệp sát sinh sợ bị đọa nơi địa ngục, cúi xin Phật từ bi cứu độ!

Thế Tôn liền khen:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Nay ở trước Phật ông đã nói lên lời thành thật. Việc ông làm gọi là nói một cách chân thật. Theo lời ông đã nói, người tạo nghiệp sát sinh thì với ông, từ nơi tâm nào mà có tướng tội, là quá khứ, vị lai hay hiện tại? Nếu khởi tâm quá khứ thì quá khứ đã diệt, tâm không thể nắm bắt được. Nếu khởi tâm vị lai thì vị lai chưa đến, tâm không thể nắm bắt được. Nếu khởi tâm hiện tại thì hiện tại không dừng nên tâm cũng không thể nắm bắt được. Ba đời đều không thể nắm bắt được tức là không tạo tác. Vì không tạo tác nên thấy tướng của tội ấy ở đâu?

Này thiện nam! Tâm không chỗ trụ, không ở bên trong, bên ngoài hay chặng giữa, tâm không có sắc tướng, chẳng phải xanh vàng, đỏ, trắng. Tâm không tạo tác vì không có người tạo. Tâm chẳng phải huyễn hóa vì vốn chân thật. Tâm không có biên giới vì chẳng hạn lượng. Tâm không lấy, bỏ vì chẳng phải thiện ác. Tâm không động chuyển vì chẳng sinh diệt. Tâm như hư không vì không chướng ngại. Tâm không nhiễm tịnh vì lìa tất cả số lượng.

Này thiện nam! Những người có trí nên quán như vậy. Ai quán như vậy tức là cầu tất cả pháp nhưng tâm không thể nắm bắt. Vì sao? Vì tự tánh của tâm tức là tánh của các pháp. Tánh không của các pháp là tánh chân thật. Do nghĩa này, ông không nên lầm lạc mà sinh sợ hãi.

Nghe Phật giảng nói pháp chân thật, hóa nhân rất vui mừng và thưa với Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói rõ về tự tánh thanh tịnh của pháp giới. Con nay ngộ được tánh không của nghiệp tội nên không sợ hãi. Con muốn ở trong Phật pháp được xuất gia tu đạo, giữ phạm hạnh. Cúi xin Đức Thế Tôn thâu nhận con.

Phật nói:

–Hay thay! Này thiện nam! Nay đã đúng lúc ta thâu nhận ngươi.

Khi ấy, chỉ trong chốc lát, hóa nhân râu tóc tự rụng, ca-sa mặc vào thân thành tướng Bí-sô và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bây giờ con nhập Niết-bàn, cúi xin Phật cho phép.

Phật nói:

–Tùy ý.

Khi ấy, nhờ diệu lực nơi oai thần của Phật, hóa nhân liền vọt lên hư

không cao bảy cây đa-la, hóa lửa tự thiêu thân không còn gì cả, giống như hư không kia.

Sau khi thấy hóa nhân xuất gia và nghe Phật thuyết pháp, người tạo nghiệp thật liền suy nghĩ: "Người này tạo nghiệp tội giống như ta, mà được giải thoát trước. Ta cũng nên cầu xin Phật hóa độ." Suy nghĩ xong, liền lễ lạy sát chân Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tạo nghiệp sát sinh sợ đời sau bị đọa vào đại địa ngục, cúi xin Phật từ bi rủ lòng cứu độ.

Phật nói:

–Lành thay, này thiện nam! Ở trước Phật, ông đã nói lên lời thành thật. Nghiệp ông đã tạo sinh ở tâm nào? Tướng của tội nghiệp ra sao?

Vì người này do căn lành đã thành thục nên sau khi nghe Phật hỏi thì từ các lỗ chân lông trên thân phát ra lửa dữ, cháy xung quanh thân ông. Ông ta liền thưa:

–Con nay quy y Phật, xin Phật rủ lòng cứu độ con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn duỗi cánh tay vàng lên trên đỉnh đầu ông ta. Lập tức lửa trên thân của người ấy liền dập tắt, không còn khổ não và được an lạc lớn, với lòng tin thanh tịnh, chắp tay thưa trước Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Trước đây con nghe Phật giảng nói pháp thanh tịnh, pháp giới, lìa tướng. Nay con được giác ngộ về tánh không của nghiệp tội nên không còn tư tưởng sợ hãi. Con cũng muốn ở trong pháp Phật được xuất gia tu trì phạm hạnh, cúi xin Phật thâu nhận con.

Phật nói:

–Lành thay! Đã đúng lúc ta thâu nhận ngươi.

Tức thời râu tóc của người này tự rụng, ca-sa mặc vào thân thành tướng Bí-sô như người trăm tuổi lạp. Các căn ổn định, oai nghi đỉnh đạc, sở nguyện được viên mãn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng pháp Tứ đế cho ông ta. Nghe pháp xong, ông ta liền xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh, lại quán rất kỹ về đế lý. Ngay trong pháp hội, ông ta chứng quả A-la-hán và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bây giờ con muốn nhập Niết-bàn cúi xin Phật cho phép.

Phật nói:

–Tùy ý.

Khi ấy, Bí-sô bèn vọt lên hư không cao bảy cây đa-la hóa lửa tự thiêu thân không còn gì cả. Lúc đó, trong pháp hội có một trăm ngàn trời người

phát tâm hy hữu đều cung kính lạy Phật.

-oOo-

KINH VỊ TẰNG HỮU CHÁNH PHÁP

QUYỂN 6

Sau khi thấy người tạo nghiệp sát sinh kia theo Phật xuất gia, chứng đắc quả Thánh với việc hy hữu như vậy, Tôn giả Xá-lợi Tử thưa Phật:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như Lai có lòng đại Từ bi dùng phương tiện thiện xảo, giảng nói chánh pháp. Người đã tạo nghiệp sát kia gốc tội rất nặng mà chỉ trong chốc lát Như Lai đã cứu độ, khiến người ấy được giải thoát. Đây chính là do diệu lực từ phương tiện của chư Phật, Như Lai. Pháp mà Ngài đã nói đều là cảnh giới của chư Phật. Chỉ có Đại sĩ Diệu Cát Tường và các Bồ-tát mặc giáp tinh tấn mới hiểu rõ, thông suốt. Đó chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác chúng con. Vì sao? Vì các hàng Thanh văn trí tuệ cạn hẹp, căn cơ của chúng sinh còn không thể phân biệt được, thì sao có thể hiểu rõ về pháp của phương tiện.

Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Cảnh giới của chư Phật chỉ có các Bồ-tát đạt đầy đủ pháp Nhẫn mới có thể hội nhập. Hàng Thanh văn các ông mặc dầu lìa kiến chấp về Bổ-đặc-già-la, nhưng chỉ cầu Niết-bàn tự lợi. Mặc dầu tu tập công đức hạnh Đầu-đà nhưng cũng chỉ thích cầu đầy đủ về giới, định, tuệ, không thích tu học pháp của chư Phật, làm việc gì cũng có tướng, có ngại, cho nên đối với cảnh giới của Phật đều có thể nghĩ bàn.

Này Xá-lợi Tử! Ông nên biết người tạo nghiệp sát được hóa độ vừa rồi đã từng cung kính, cúng dường, trồng căn lành với năm trăm Đức Phật và cũng từng được nghe pháp như vậy. Cho nên người này nay ở trước ta được nghe giảng chánh pháp, nhờ sức từ căn lành xưa kia mà được thấy lý chân thật của các pháp, như pháp mà giải thoát.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Nếu người nào được nghe chánh pháp này dù chỉ nghe một bài kệ bốn câu thì người ấy không bị đọa vào các cõi ác, dứt khổ não, được giải thoát và nhất định thành tựu Nhất thiết trí của Phật, huống gì còn thọ trì đọc tụng như pháp mà tu hành. Công đức người ấy đạt

được là vô lượng, vô biên.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng chúng Đại Bồ-tát, các đại Thanh văn Ca-diếp... và vua nước Ma-già-đà với quyến thuộc đồng thời trở về pháp hội của Phật Thích-ca Mâu-ni nơi núi Thứu phong. Sau khi đến chỗ Phật, tất cả đều lễ lạy sát chân Đức Thế Tôn và lui đứng qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử nói với vua Ma-già-đà:

–Pháp hy hữu Đại thừa mà vua ưa thích, Bồ-tát Diệu Cát Tường đã khai thị giảng nói, như vậy với pháp ấy vua thật sự đã hiểu rõ rồi chăng?

Vua trả lời:

–Thưa Tôn giả! Tôi đã hiểu rõ về pháp hy hữu.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Vua hiểu rõ như thế nào?

Vua trả lời:

–Theo ý của tôi thì đối với tất cả pháp lìa các nhiễm chấp, không được không mất, chẳng nắm bắt, chẳng xả bỏ, chẳng phải cảnh giới của tâm, tướng không thể nắm bắt tức là pháp chân thật, hiểu rõ như vậy nên dứt hẳn các nghi ngờ, tất cả các chướng lụy không do đâu mà sinh.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Căn lành của vua Ma-già-đà đã thành thục, ưa thích mùi hương pháp sâu xa của Đại thừa, thấy được pháp vô sinh, tận trừ các nghiệp chướng. Như vậy là thật sự đã diệt tận hay là còn? Việc này như thế nào cúi xin Phật hãy giảng nói cho con!

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử! Nghiệp chướng hiện có của nhà vua này đều tiêu hết, không còn. Này Xá-lợi Tử! Ví như hạt cải lượng của nó rất nhỏ, núi chúa Tu-di có thể nghiền nát nó được không? Ông nên biết, nghiệp chướng của vua giống như hạt cải, còn pháp thâm diệu mà ta đã giảng nói giống như núi chúa kia. Cho nên vua ấy được nghe pháp thâm diệu thì đâu còn chướng lụy nào mà không diệt tận.

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vua này thật là lợi căn sáng suốt, có thể nghe pháp, hiểu rõ và diệt sạch các chướng. Như những gì Phật nói là chân thật không hư dối.

Phật nói:

–Này Xá-lợi Tử! Vua này đã từng cung kính, cúng dường, trồng các căn lành với bảy mươi hai câu-chi Đức Phật ở thời quá khứ. Sau khi

nghe chánh pháp từ nơi chư Phật ấy, nhờ căn lành đó nên về đời vị lai vua nhất định chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Ông có thấy Bồ-tát Diệu Cát Tường này không?

Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

–Thưa đã thấy.

Phật nói:

–Nay vua nước Ma-già-đà này có nhân duyên lớn với Bồ-tát Diệu Cát Tường. Này Xá-lợi Tử! Về quá khứ có kiếp tên Vô cấu, có Phật ra đời hiệu là Diệu Tý. Trong kiếp ấy lại có ba câu-chi Đức Phật hiện ra đời. Chư Phật kia đều do Bồ-tát Diệu Cát Tường khai mở tâm đạo. Chư Phật Như Lai ấy sống rất lâu, chuyển đại pháp luân làm lợi ích cho chúng sinh. Trong kiếp đó, vua nước Ma-già-đà đã được gặp Bồ-tát Diệu Cát Tường giáo hóa mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Sau khi phát tâm, vua đã trồng các căn lành nơi chư Phật Thế Tôn ấy mà nghe, thọ pháp hy hữu của Đại thừa.

Này Xá-lợi Tử! Ông nay nên biết, nhờ nhân duyên căn lành sâu dày đó mà sau khi vua Ma-già-đà qua đời, vượt qua bốn trăm cõi Phật ở phương trên có cõi Phật tên Trang nghiêm, Đức Phật nơi cõi đó hiệu là Bảo Tụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhà vua sẽ sinh vào cõi Phật ấy, cũng gặp Bồ-tát Diệu Cát Tường, nghe thọ pháp thâm diệu. Nghe rồi vua hiểu rõ ràng và chứng pháp Nhẫn vô sinh. Cho đến đời vị lai, Bồ-tát Từ Thị nơi cõi Ta-bà này sau khi thành tựu đạo quả Vô thượng chánh giác, thì vua Ma-già-đà ấy từ cõi Phật Trang nghiêm kia sẽ sinh đến, ở trong pháp của Như Lai Từ Thị, được làm Bồ-tát tên là Vô Động, lúc ấy vua cũng gặp Bồ-tát Diệu Cát Tường. Bấy giờ, Như Lai Từ Thị sau khi giảng nói lại pháp cho Bồ-tát Vô Động đã được nghe từ thuở quá khứ, bèn nói với đại chúng:

–Các ông có thấy Bồ-tát Vô Động kia không? Bồ-tát này đâu phải người nào xa lạ, chính là vua nước Ma-già-đà trong pháp hội của Phật Thích-ca Mâu-ni ở quá khứ. Vị này được nghe thọ chánh pháp nơi Bồ-tát Diệu Cát Tường và được đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi Tử! Khi Như Lai Từ Thị giảng nói pháp vi diệu cho Bồ-tát Vô Động, trong chúng hội có tám ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, hai vạn bốn ngàn các tiểu Bồ-tát tiến lên Sơ địa.

Này Xá-lợi Tử! Từ đó về sau, Bồ-tát Vô Động ấy tu hành trong tám trăm a-tăng-kỳ kiếp, làm thanh tịnh cõi Phật giáo hóa chúng sinh hướng vào địa Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, khiến cho các chúng sinh diệt trừ

tất cả nghiệp chướng, hiểu rõ chánh pháp, dứt hết nghi ngờ.

Sau khi trải qua tám trăm a-tăng-kỳ kiếp, Bồ-tát Vô Động ở thế giới Vô nhiễm sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, hiệu là Thanh Tịnh Cảnh Giới Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật ấy sống bốn trung kiếp, chánh pháp trụ ở đời một câu-chi năm, có bảy mươi vạn chúng Thanh văn đều đầy đủ ba Minh, sáu Thông, đắc tám Giải thoát. Có mười hai câu-chi chúng Đại Bồ-tát, tất cả đều đầy đủ phương tiện trí tuệ. Tất cả chúng sinh nơi cõi đó đều ưa thích pháp sâu xa. Đức Phật Như Lai ấy giảng nói rộng rãi khắp nơi, chúng sinh nghe pháp đều giác ngộ, lìa các phiền não, thân tâm thanh tịnh và không còn tưởng về tướng ngã.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói việc vua Ma-già-đà sẽ thành Phật cho Tôn giả Xá-lợi Tử nghe, trong pháp hội có ba vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, họ cùng phát nguyện:

–Con nguyện sẽ được sinh vào thế giới Vô nhiễm để thấy Đức Như Lai Thanh Tịnh Cảnh Giới thành đạo Chánh giác.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền thọ ký cho họ:

–Các vị sẽ được sinh vào thế giới đó, để thấy Như Lai ấy thành tựu đạo quả Chánh giác.

Thuở đó, vua nước Ma-già-đà có một thái tử tên Nguyệt Cát Tường vừa mới tám tuổi, trước đây có theo phụ vương đến pháp hội của Phật. Sau khi nghe pháp của Phật, thái tử tự cởi các thứ châu báu, anh lạc đeo nơi cổ, dâng lên cúng dường Đức Phật và nguyện như vầy:

–Nay con xin dâng cúng Phật để được căn lành mà hồi hướng đến đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Con nguyện vào đời sau được sinh trong cõi Đức Như Lai Thanh Tịnh Cảnh Giới làm Kim luân vương trọn đời, con đem tứ sự cúng dường Đức Phật ấy và chúng Bí-sô. Sau khi Phật ấy diệt độ, con sẽ thâu lấy xá-lợi của Phật mà cung kính cúng dường. Con nguyện tiếp tục ở cõi Phật đó chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Thái tử Nguyệt Cát Tường phát nguyện xong, nhờ diệu lực từ oai thần của Phật nên anh lạc được cúng dường đã trụ trong hư không, phía trên Đức Phật biến thành lầu bảy báu, bên trong có tòa bảy báu, trên tòa có Phật ngồi kiết già, trang nghiêm, đầy đủ tướng tốt.

Bấy giờ, từ giữa chặng mày của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng nhiều màu xanh vàng, đỏ, trắng, hồng, lục, tỏa chiếu khắp vô biên thế giới, lên đến cõi Phạm thế che lấp cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng ấy tỏa chiếu xong thì trở lại bao quanh Phật ba vòng rồi nhập nơi vào đỉnh đầu

của Đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan đứng dậy, trịch bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay thưa trước Phật, nói kệ:

Đại Mâu-ni đã đến bờ kia
Đầy đủ các công đức thù thắng
Được trời, người, thế gian tôn quý
Bậc Nhất thiết trí lìa các chấp.
Căn tánh, tâm hành của chúng sinh
Như Lai đều biết rõ tận tường
Giảng pháp diệu làm lợi quần sinh
Bậc tối thắng hơn cả thế gian.
Ánh sáng lớn hy hữu phóng ra
Chiếu khắp tất cả cõi mười phương
Câu-chi na-do-tha chúng sinh
Nhờ ánh sáng chiếu được an ổn.
Bậc Thiện Thệ đã đủ mười Lực
Niệm tuệ viên mãn xuất thế gian
Biết rõ tâm, việc làm chúng sinh
Giảng pháp đoạn nghi không ai bằng.
Tất cả Phạm vương và Đế Thích
Mặt trời, trăng, sao các cõi trời
Nghe Phật giảng nói môn pháp diệu
Xa lìa phiền não được an ổn.
Như Lai tối thắng trong tất cả
Chúng sinh nào nghi được giải bày
Duyên gì nay phóng ánh sáng ấy
Xin Phật Từ bi nói cho con.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy thái tử Nguyệt Cát Tường chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ thưa, con đã thấy.

Phật nói:

–Trong quá khứ, thái tử này đã tu hạnh Bồ-tát, cúng dường Như Lai để trồng sâu căn lành. Do cơ duyên ấy đã thành thục, nay ở trước ta phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nêu bày đại thệ nguyện, vì thế mà Như Lai phóng ra ánh sáng này.

Này A-nan! Vào đời vị lai trong pháp của Đức Như Lai Thanh Tịnh

Cảnh Giới ở cõi Vô nhiễm, thái tử này làm Kim luân vương cúng dường Đức Phật ấy và chúng Bí-sô. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, vương lại thâu lấy xá-lợi để cung kính cúng dường. Vị Kim luân vương ấy qua đời thì sinh vào cõi trời Đâu-suất. Sống trong thế giới Vô nhiễm mãn một kiếp, Kim luân vương chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, tên là Nhật Tràng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật Thế Tôn ấy và tất cả chúng Bồ-tát Thanh văn đều có tuổi thọ như nhau.

Được nghe Đức Phật thọ ký cho thái tử Nguyệt Cát Tường, các chúng Bồ-tát từ phương khác đến pháp hội đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Diệu Cát Tường ở nơi nào cũng làm đại Phật sự, đem lại lợi ích cho chúng sinh không uổng phí. Vì sao? Vì Đức Phật và Bồ-tát với tâm đại Bi làm các phương tiện, ở nơi thành ấp, đô thị cho đến khắp cả xóm làng đều vì các chúng sinh mà giảng pháp giáo hóa, để các chúng sinh nghe pháp được giải thoát, lìa các sợ hãi, đoạn trừ tất cả phiền não, chướng nặng. Hôm nay chúng con được ở đây nghe Đức Phật và Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp diệu và thấy việc hy hữu phóng ánh sáng, làm lợi ích chúng sinh thật không uổng phí.

Đức Thế Tôn bảo các Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Phật và Bồ-tát ở nơi nào cũng vì các chúng sinh giảng nói chánh pháp, hành hóa Phật sự, nên quán nơi ấy như tháp của Phật. Vì sao? Vì trong đời quá khứ ta gặp Đức Như Lai Nhiên Đăng, vì ta có lòng tin sâu sắc nên đã trải tóc trên đất để nâng chân Đức Phật. Ta liền chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Biết ta đã đắc pháp Nhẫn vô sinh, Đức Như Lai Nhiên Đăng liền thọ ký đạo quả Vô thượng Bồ-đề cho ta và nói:

–Qua a-tăng-kỳ kiếp về đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười tôn hiệu.

Sau khi thọ ký cho ta, Đức Phật Nhiên Đăng nói với chúng Bí-sô:

–Ở đất này các ông nên có ý tưởng tôn trọng đừng khinh khi. Vì sao? Vì ở đất này có thiện nam trải tóc trên đất để nâng chân Thế Tôn. Do diệu lực thù thắng ấy mà đạt được đầy đủ pháp Nhẫn, làm cho tất cả hàng trời, người ở vùng đất này chiêm ngưỡng, cung kính, giống như tháp của Phật không khác.

Lúc Đức Phật Nhiên Đăng giảng nói như vậy, có tám mươi câu-chi trời, người đồng thanh thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con ở đất này có lòng tôn trọng cung kính như tháp của Phật.

Khi ấy, trong pháp hội có một trưởng giả tên Hiền Thiên, bạch Phật Nhiên Đăng:

–Nay con xây tháp bảy báu ở đây để các chúng sinh chiêm ngưỡng lễ lạy đạt được phước đức.

Theo lời nói, trưởng giả sinh tâm hy hữu, tập trung tất cả châu báu xây một ngọn tháp cao rộng đẹp đẽ, trang hoàng đủ loại. Công trình ấy rất nguy nga, chẳng phải làm một ngày mà hoàn thành. Sau khi xây tháp xong, trưởng giả liền đến thưa Phật Nhiên Đăng:

–Bạch Thế Tôn! Con đã xây xong ngọn tháp bảy báu rất đẹp, vậy đời sau con được bao nhiêu phước?

Phật nói:

–Này trưởng giả! Nếu có thiện nam nào ở nơi vùng đất của Đại Bồ-tát đã chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh chọn đào lấy đất ấy xuống tới đụng nước, rồi lấy đất này cung kính cúng dường thì phước đạt được hãy còn như là cúng dường tháp miếu của Phật, huống chi là nay ông với lòng tin thanh tịnh, xây tháp bảy báu nên phước đức đạt được nhiều gấp bội người kia, vô lượng, vô biên không thể lường tính.

Phật Nhiên Đăng lại nói với trưởng giả Hiền Thiên:

–Hôm nay ở đây, ông trồng sâu căn lành thì vào đời vị lai sẽ được Phật Thích-ca Mâu-ni thọ ký đạo quả Vô thượng chánh giác.

Vì các Bồ-tát từ phương khác đến pháp hội, Đức Phật Thích-ca đã nói về nhân duyên thọ ký thuở xưa và bảo các Bồ-tát:

–Các ông nên biết! Khi xưa ta đã trồng căn lành nơi Phật Nhiên Đăng, nên nay ta được thành Phật. Lúc ấy, ta đã đạt được địa của pháp Nhẫn, được trời người ở đó cung kính như tháp Phật. Hôm nay các ông ở nơi vùng đất này cũng nên có lòng tôn kính.

Lại nữa, này các Bồ-tát! Các ông nên biết! Trưởng giả Hiền Thiên thuở ấy không phải người nào lạ nay chính là trưởng giả Hiền Thiên này đây, vì trong pháp thuở ấy cũng tên là Hiền Thiên. Đời sau, vị này sẽ được thành Phật, hiệu là Thiện Kiến Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ mười tôn hiệu.

Lại nữa, này các Bồ-tát! Pháp thâm diệu ta đã giảng nói, nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì tụng đọc, giảng nói cho người khác, thì nơi vị ấy ở được trời người cung kính, tôn trọng như tháp Phật

không khác.

Lại nữa, này các Bồ-tát! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu hạnh bố thí, tập trung bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, ngày đêm sáu thời cúng dường chư Phật và chúng Bí-sô, như vậy cho đến kiếp tận cũng không bằng đối với chánh pháp vị tằng hữu này mà nghe, thọ trì, đọc tụng dù chỉ mỗi một bài kệ bốn câu thì công đức của vị này nhiều hơn gấp bội vị trước.

Lại nữa, nếu người nào tu hạnh trì giới, trong một kiếp giữ giới pháp của Phật không hủy phạm, viên mãn tất cả công đức của tịnh giới, cũng không bằng đọc tụng thọ trì chánh pháp này. Công đức này nhiều hơn trước cả ngàn phần.

Lại nữa, nếu người nào tu hạnh nhẫn nhục, trong một kiếp luôn tu nhẫn nhục đối với tất cả chúng sinh không sân giận, làm hại, đạt được hạnh nhẫn viên mãn như vậy, nhưng cũng không bằng đọc tụng thọ trì chánh pháp này rồi như pháp mà tu hành, đạt được pháp nhẫn, đầy đủ công đức, như vậy là tối thượng.

Lại nữa, nếu người nào tu tinh tấn, trong một kiếp siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh, tâm không chút biếng trễ, đạt được tinh tấn viên mãn nhưng không bằng thọ trì đọc tụng chánh pháp này, công đức đạt được nhiều gấp bội ở trước.

Lại nữa, nếu có người nào tu thiền định, trong một kiếp trụ trong định, nhất tâm chuyên chú, xa lìa các tán loạn, đạt được hạnh định viên mãn như vậy cũng không bằng thọ trì đọc tụng chánh pháp này, công đức đạt được nhiều gấp bội ở trước.

Lại nữa, nếu người nào tu trí tuệ, trong một kiếp tu các phương tiện trí tuệ, đạt được trí tuệ viên mãn như vậy, nhưng không bằng nghe, thọ trì, đọc tụng chánh pháp này, công đức đạt được là lớn lao vô lượng, sớm viên mãn quả Nhất thiết trí.

Nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói về công đức sâu xa của pháp này, các Bồ-tát từ phương khác đến pháp hội, đều thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe, thọ pháp này, khi trở về trú xứ sẽ giảng nói rộng khắp cho mọi người để các chúng sinh đều được lợi ích.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói:

–Lành thay! Lành thay! Này các Thiện nam! Các ông nên làm cho pháp này được truyền bá khắp, hãy vì các chúng sinh mà thi hành Phật sự.

Lúc này, các vị Bồ-tát ấy bèn tung rải hoa đẹp đầy khắp tam thiên đại

thiên thế giới để cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Diệu Cát Tường, rồi nói:

–Nguyện cho chánh pháp này tồn tại lâu dài trong cõi Diêm-phù-đề để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nguyện Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Diệu Cát Tường sống lâu nơi thế gian, phóng ra ánh sáng pháp để chiếu soi khắp chúng sinh. Hôm nay, chúng con được dự vào pháp hội này, được thấy Phật Thế Tôn, được nghe nói pháp diệu là đều nhờ Bồ-tát Diệu Cát Tường khuyên dạy. Giả sử chúng con xả bỏ đầu mắt tay chân của mình để cúng dường cũng còn không thể báo trọn ân của Bồ-tát. Nay tung rải hoa này chưa gọi là báo ân cúng dường. Cho nên nếu có thiện nam, thiện nữ nào được thấy chư Phật, được nghe chánh pháp, giả sử xả bỏ đầu mắt tay chân của mình cũng không bao giờ báo ân hết cho chư Phật. Cho nên đối với Phật, Bồ-tát và các kinh pháp cần phải có lòng tin thanh tịnh, tôn kính, cúng dường, đừng xem thường và có ý tưởng nghi ngờ. Ai có ý tưởng như vậy sẽ mắc trọng tội.

Nói xong, các Đại Bồ-tát từ phương khác đến pháp hội đều cung kính lạy sát chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi biến mất khỏi pháp hội trở về nơi cõi Phật của mình. Mỗi vị ở trước mỗi Đức Phật thưa:

–Ở cõi Ta-bà, con được nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói chánh pháp. Sau khi thọ trì, con sẽ giảng nói rộng rãi cho chúng sinh ở đây, để tất cả các chúng sinh nhất định chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chánh pháp này rất là hy hữu, con đã thấy Bồ-tát Diệu Cát Tường thọ nhận thức ăn cúng dường trong cung của vua nước Ma-già-đà, Bồ-tát giảng nói pháp ấy cho vua và nhà vua đã chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, con cũng tùy hỷ nghe, thọ pháp ấy, tự thầm trách mình, nên rất vui mừng.

Bạch Thế Tôn! Về đời sau cùng, nếu có chúng sinh nào nghe chánh pháp này, hiểu một cách đúng đắn thì người ấy mới có thể biết được tự tánh của pháp, đoạn trừ các nghi ngờ, đương lai nhất định thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác.

Phật nói:

–Này Ca-diếp! Lành thay! Lành thay! Ông nói lời ấy thật rất hoàn hảo. Nếu các chúng sinh nào sau khi nghe pháp này vào đời vị lai chắc chắn sẽ chứng quả Bồ-đề của Phật.

Đức Phật bảo Bồ-tát Từ Thị:

–Ông nay nên thọ trì pháp này vào đời rốt sau hãy giảng nói rộng khắp, lưu truyền để cho các chúng sinh được lợi ích, được an lạc lớn.

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Theo lời Thế Tôn chỉ dạy, con xin sẽ thọ trì. Bạch Thế Tôn! Ở nơi Phật thời quá khứ con cũng đã từng nghe, thọ pháp này. Nay ở trước Phật, con lại được nghe, thật là hân hạnh sung sướng. Vào đời sau, con sẽ hộ trì, giảng nói, truyền bá để pháp này tồn tại lâu dài, đến khi qua đời, con sinh lên cõi trời Đâu-suất, ở đấy, nếu có chúng sinh nào căn tánh thành thục, ưa thích pháp Đại thừa thì con cũng khai thị giảng nói để người ấy phát tâm đạo, còn ở cõi Diêm-phù-đề thì không khiến bị đứt đoạn. Lại trong đời mạt pháp, có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng chánh pháp này, nếu bị các ma làm nhiễu loạn thì khi đó con bí mật đến các nơi ấy hết lòng bảo vệ, không để các ma làm hại.

Bạch Thế Tôn! Trong đời mạt pháp, nếu ai được nghe pháp này, rồi đọc tụng, y như pháp tu hành, thì nên biết đó là do oai thần của Phật kiến lập.

Bấy giờ Đức Phật bảo Thiên chủ Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Ông hãy thọ trì, ghi nhớ chánh pháp này để ủng hộ cho đời sau cùng. Vì sao? Vì pháp này có thể đoạn trừ các nghi ngờ, có thể làm sạch các nghiệp chướng, bình đẳng với các pháp, lại có oai lực lớn.

Đế Thích nên biết! Nếu gặp lúc đánh nhau với chúng A-tu-la ông nên ghi nhớ pháp này, sẽ được chiến thắng, còn A-tu-la sẽ rút lui.

Lại nữa, nếu ai ở trong các nạn như nạn vua, nạn giặc cướp, nạn hổ lang, trùng, thú, kẻ ác mà tư duy, ghi nhớ pháp này thì người ấy sẽ tránh xa được các nạn.

Thiên chủ Đế Thích thưa:

–Theo Thế Tôn chỉ dạy, con sẽ hộ trì pháp ấy vào đời sau cùng. Nếu thành ấp, đô thị, xóm làng, chỗ nào có pháp ấy, con sẽ đến đó cung kính, cúng dường. Có ai trì giữ pháp này thì con sẽ đến bảo vệ, giúp đỡ.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy thọ trì chánh pháp này của ta vào đời sau cùng dốc sức giảng nói lưu truyền rộng khắp nơi các chúng sinh. Vì sao? Vì pháp này thâm diệu xưa chưa từng có. Nếu người nam, người nữ nào thọ trì pháp ấy thì chấm dứt được các nghi ngờ, diệt trừ tất cả phiền não, cấu uế cho nên Tôn giả phải ghi nhớ, thọ trì.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhờ nơi oai thần của Phật gia hộ vào đời sau cùng, sẽ giảng nói rộng pháp này, để các chúng sinh đều được lợi ích.

Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Chúng con phụng hành như thế nào?

Phật nói:

–Này A-nan! Kinh này tên là Vị Tằng Hữu Chánh Pháp, nên thọ trì như vậy.

Sau khi Đức Thế Tôn phó chúc lại cho các Bồ-tát, Thanh văn và Đế Thích, thì Đức Thế Tôn ngay trong pháp hội từ hai bên thân phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế giới nơi mười phương. Trong ánh sáng ấy phát ra âm thanh vi diệu bảo đại chúng:

–Chánh pháp mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã giảng nói dù cho kiếp hoại, biển lớn có khô cạn đi nữa, nhưng chánh pháp này không hề bị hủy hoại, có thể đem lại lợi ích lớn cho chúng sinh.

Sau khi từ nơi ánh sáng phát ra âm thanh như vậy rồi thì ánh sáng ấy lại quay tròn quanh thân Phật.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy giữ gìn lời nói của ta, đừng quên mất vào đời sau sẽ giảng rõ pháp ấy, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói Vị Tằng Hữu Chánh Pháp, có chín vạn sáu ngàn hàng trời, người xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh, bảy trăm tám mươi vạn người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đắc pháp Nhẫn vô sinh, tám mươi vạn Bí-sô không chấp giữ nơi các pháp, được lậu dứt sạch ý thông tỏ. Lúc này tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách, cõi trời, cõi Dục, cõi Sắc ở trong hư không trỗi lên trăm ngàn âm nhạc để cúng dường Thế Tôn và pháp đã giảng nói. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói chánh pháp này xong, tất cả các ma, ngoại đạo nghe được thảy kinh hãi nên đều quy y Đức Phật giống như Phật ban đầu chuyển pháp luân, chiến thắng Thiên ma. Pháp này là dấu ấn của chư Phật, là dấu ấn của đại pháp, là dấu ấn của giải thoát. Người nào có trí nên học như vậy, tu hành như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, vua nước Ma-già-đà cùng quyến thuộc, các Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường..., các đại Thanh văn: Đại Ca-diếp, A-nan, Xá-lợi Tử, Mục-kiền-liên... cho đến trời, người nơi thế gian, các chúng A-tu-la, Càn-thát-bà... Nghe Phật giảng nói, thảy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 629

KINH PHÓNG BÁT

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay xếp vào mục lục của Tây Tấn

Một thuở nọ, ở tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật cùng các Bồ-tát, vô số Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Thiên vương, Thích, Phạm, A-tu-luân, quỷ thần, rồng, người và phi nhân đều có mặt trong pháp hội.

Đức Phật giảng nói pháp tu tập của Bồ-tát: Trải qua vô số kiếp đối với những khổ não nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, với tất cả âu lo nên Bồ-tát hành bố thí khắp cả mười phương. Tất cả vàng bạc, châu báu, xe ngựa, nô tỳ, vợ con, đầu mắt xương thịt đều đem cho người khổ nghèo khắp mười phương mà không thương tiếc. Bấy giờ, trên cõi trời Đao-lợi có hai trăm Thiên tử đời trước hành đạo Bồ-tát chưa được vững, nghe Đức Phật cầu đạo khổ cực, nên nghĩ rằng đạo rất khó chứng đắc, bèn chuyển qua cầu đạo La-hán, Bích-chi-phật. Biết ý muốn thoái lui của các Thiên tử, Đức Phật liền biến hóa làm một người đẹp đẽ không ai bằng, bưng một trăm vị thức ăn đến trước Đức Phật, quỳ dài, chắp tay làm lễ, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn hãy thương xót con mà nhận cơm này.

Đức Phật liền nhận. Trong chúng hội có Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi đang ngồi trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin nhớ ân đức xưa.

Các Bồ-tát trong chúng hội đều nghe và lần lượt hỏi nhau: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đời trước có những ân gì với Đức Phật mà ông ta muốn được cơm của Phật?" Đức Phật thả bình bát xuống đất và bình bát lún sâu trong đất cho đến cõi của Phật Lại-tỳ-la-da, cõi tên là Ba-đà-sa. Bình bát treo lơ lửng giữa hư không. Thấy vậy, các Bồ-tát trong cõi đó quỳ dài chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bình bát đang treo lơ lửng kia từ đâu đến, sao không rớt xuống đất?

Phật ấy bảo:

–Hãy đợi chốc lát, các ông sẽ thấy oai thần biến hóa của Bồ-tát.

Bấy giờ Phật Thích-ca Văn bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

–Hãy đi tìm bình bát.

Đại Mục-liên liền nhập vào tám ngàn Tam-muội vào khắp tám ngàn cõi Phật nhưng không thấy, liền trở về bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con tìm bình bát rất kỹ nhưng không biết ở đâu.

Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông hãy đi tìm bình bát.

Xá-lợi-phất nhập cả vạn Tam-muội, đi xuống qua vạn cõi Phật tìm bình bát nhưng không có, liền trở về bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đi xuống qua vạn cõi Phật tìm bình bát rất kỹ nhưng không thấy.

Đức Phật lại bảo Hiền giả Đại Ca-diếp đi tìm bình bát. Đại Ca-diếp liền nhập vào một vạn hai ngàn Tam-muội, lại xuống qua một vạn hai ngàn cõi Phật tìm bình bát mà không được, trở về bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con tìm bình bát rất kỹ nhưng không thấy.

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Di-lặc:

–Thưa Nhân giả! Đại sĩ có tài cao nhiều công đức, đã đầy đủ trí tuệ, đương lai sẽ thành Phật. Chỉ có Đại sĩ biết bình bát ở đâu.

Bồ-tát Di-lặc nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Mặc dầu vào đời vị lai tôi sẽ thành Phật với công đức tròn đầy, công hạnh đầy đủ nhưng không bằng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Số lượng Bồ-tát nhiều như vạn vật cỏ cây đầy khắp hằng hà sa cõi Phật trong mười phương cũng không thể biết những ý nghĩ trong một bước chân của Đức Phật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biết Tam-muội sâu xa, chỉ có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới biết chỗ bình bát của Phật.

Hiền giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật quỳ dài chắp tay bạch Phật:

–Xin Thế Tôn ra lệnh cho Bồ-tát Văn-thù đi tìm bình bát.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông hãy đi tìm bình bát về đây.

Bồ-tát Văn-thù suy nghĩ: "Hiền giả Xá-lợi-phất sẽ không rời khỏi tòa ngồi mà bình bát được đem về đến." Nghĩ vậy xong, Bồ-tát Văn-thù nhập vào Tam-muội, ví như ánh sáng mặt trời xuất hiện thì không chỗ nào mà không chiếu tới. Bồ-tát nhập vào Tam-muội thì tất cả mười phương không

chỗ nào mà không đến. Từ trong áo ca-sa, Văn-thù thò tay xuống khám xét qua mười cõi Phật. Từng mỗi đốt ngón tay phát ngàn vạn vừng ánh sáng, mỗi đầu ánh sáng đều có một hoa sen. Trên mỗi hoa sen có một Bồ-tát đều ngồi giống như Văn-thù. Cõi phương dưới ấy có Phật Liên Hoa Thượng, tất cả Bồ-tát đều nghe âm thanh của Phật Thích-ca Văn cảm tạ chư Phật, lại nghe âm thanh từ xa của Bồ-tát Văn-thù lễ lạy chư Phật. Như vậy là tay Văn-thù đã đến cõi Phật Lại-tỳ-la-da. Các Bồ-tát trong cõi ấy đều bạch Phật:

–Tay ấy là của ai mà không thấy biên giới.

Phật Lại-tỳ-la-da nói với các Bồ-tát:

–Qua vô biên vô số cõi Phật nơi phương trên có cõi tên là Sa-ha-lâu-đà, Phật nơi cõi ấy hiệu Thích-ca Văn, có Bồ-tát ngồi phía trước tên Văn-thù phóng ra ánh sáng rất kỳ diệu, trí tuệ không ai sánh bằng, đã làm đủ mọi sự biến hóa như vậy.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Chúng con đều muốn được diện kiến Phật Thích-ca Văn và Bồ-tát Văn-thù.

Đức Phật Lại-tỳ-la-da từ trên trán phóng ra ngàn ức ánh sáng chiếu vô số cõi Phật ở phương giữa. Vừa đến cõi Phật Thích-ca, các Bồ-tát hỏi Phật:

–Nay có khói sáng của lửa dữ phát ra. Trong chốc lát lửa phát ra đó là lửa nơi địa ngục phải không?

Phật bảo:

–Chớ nói như vậy, đó chẳng phải là lửa nơi địa ngục. Lửa ấy ở trong cõi Sa-ha-lâu-đà của Phật Thích-ca.

Các Bồ-tát hỏi Phật:

–Vì sao gọi là Sa-ha-lâu-đà và sao có lửa dữ như vậy?

Phật bảo các Bồ-tát:

–Cõi Sa-ha-lâu-đà có ba độc xấu ác lẫn lộn: Tham dục, sân hận, ngu si.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Các Bồ-tát trong cõi Sa-ha-lâu-đà nhẫn nhục không sân giận, làm những việc đáng làm.

Phật bảo các Bồ-tát:

–Người trong cõi Phật Thích-ca dù có bị mắng chửi, khinh khi, đánh đập Bồ-tát, nhưng Bồ-tát nhẫn nhục không bao giờ sân giận, lại thương xót

mọi loài trong mười phương và mong muốn họ được độ thoát. Tất cả đều nhờ oai thần của Bồ-tát gia hộ. Vì sự nhẫn nhục của Bồ-tát cho nên gọi là Sa-ha-lâu-đà.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Nghe Phật dạy! Chúng con rất vui mừng, sẽ không sinh vào chỗ con người tệ ác trong cõi Phật Thích-ca.

Phật Lại-tỳ-la-da dạy các Bồ-tát:

–Đừng nói như vậy, đừng nói như vậy! Các ông không thể nào biết được ý nguyện của các Bồ-tát trong cõi Sa-ha-lâu-đà được đâu.

Phật nói:

–Ta sẽ nói cho các ông biết: Có Đức Phật ở phương Đông hiệu Đầu Ý. Cõi ấy tên Ha-ba-ly-ma-đề-đà-nhạ.

Bồ-tát trong cõi của Phật Đầu Ý hành trì pháp Lục độ đều rốt ráo nhưng không bằng Bồ-tát cõi Sa-ha-lâu-đà hành trì pháp Lục độ trong một ngày một đêm. Vị ấy luôn nghĩ đến sự đau khổ của chúng sinh nơi mười phương và mong cho họ được độ thoát. Vì sao? Người trong cõi Sa-ha-lâu-đà tu hành khổ cực. Ví như khi một cõi Phật bị lửa thiêu đốt, có người mặc áo mới từ phương Đông đi đến vào trong lửa, rồi từ trong lửa đi ra phía Tây. Khi người ấy ra khỏi lửa, không bị cháy, điều đó có khó chăng?

Các Bồ-tát thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Rất khó.

Phật nói:

–Bồ-tát trong cõi Sa-ha-lâu-đà tu hành trong một ngày một đêm bị khinh khi mắng chửi, nhưng Bồ-tát nhẫn nhục, không sân giận, giống như người đi trong lửa kia vậy, thân không bị nạn thiêu đốt, nhưng vẫn không bằng Bồ-tát ấy trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần.

Hai vạn Bồ-tát bạch Phật:

–Chúng con muốn lên cõi Sa-ha-lâu-đà để cúng dường Phật Thích-ca Văn và các Bồ-tát Văn-thù...

Đức Phật Lại-tỳ-la-da nói với các Bồ-tát:

–Muốn đến cõi Sa-ha-lâu-đà thì trước hết các ông hãy điều phục tâm ý của mình. Ví như đại địa được hương hoa vật tốt mà không vui, bị phân thối, đờm giải, máu mủ đầy dẫy cũng không sân giận.

Phật nói:

–Vì cớ gì mà ta nói như vậy? Vì trong cõi của Đức Phật Thích-ca Văn có Bồ-tát, đời trước từng cúng dường rất nhiều chư Phật. Hạng người

có công đức ấy, đối với lòng lành, dùng lời nói dạy dỗ, nay sinh trong đời ác này.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Các Bồ-tát ở nơi cõi Sa-ha-lâu-đà nhiều đời trước đã cúng dường chư Phật, để cầu đạo rộng lớn. Vì sao lại sinh vào chỗ người xấu ác trong cõi Sa-ha-lâu-đà?

Phật bảo các Bồ-tát:

–Có hai nhân duyên. Đời nay sinh vào cõi Sa-ha-lâu-đà vì đời trước đã cùng Phật Thích-ca Văn tu hành cầu quả vị Phật cho nên đời đời ở bên nhau. Và lại có Bồ-tát, đời trước tạo ác rất nhiều cho nên sinh vào cõi ác xấu ấy.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Nay các Bồ-tát sinh vào cõi Sa-ha-lâu-đà nhờ nhân duyên gì mà trừ bỏ được ác đời trước?

Phật nói:

–Nếu thiện nam, thiện nữ sinh vào cõi Sa-ha-lâu-đà tìm cầu đạo Bồ-tát, sinh vào nhà nghèo khổ, nhờ nhân duyên ấy mà trừ bỏ đi sự xấu ác đời trước. Người nhiều bệnh tật nên trừ bỏ sự xấu ác đời trước. Gặp cha mẹ, anh em, vợ con đau ốm, qua đời, đau buồn thảm thiết, nhờ đó mà trừ bỏ tội ác đời trước. Lại gặp các quan quyền sợ sệt bỏ cha mẹ nhà cửa tài sản để chạy trốn, lưu lạc sầu khổ, nhờ đó mà trừ tội ác đời trước. Một ngày nọ mất cả tài sản sự nghiệp đến nỗi cùng cực, nhờ đó mà trừ bỏ tội ác đời trước.

Hoặc sinh trong đất nước hung ác, vốn bị nước khác đánh tan, bỏ chạy sầu khổ không chỗ dung thân, nhờ đó mà hết tội ác đời trước.

Hoặc sinh vào loại người xấu ác nghèo khổ, mặt mày xấu xí, ung nhọt, mắt mờ, tai điếc, không sánh bằng người, cha mẹ, anh em, vợ con, dòng họ đều căm ghét, người ấy sầu khổ, nhờ đó mà trừ được tội ác đời trước.

Hoặc nghe có đạo tốt thì vui mừng, muốn tìm minh sư dạy bảo, thầy có dạy bảo kinh đạo thì bừng sáng, thọ nhận còn không gặp minh sư thì buồn rầu, nhờ đó mà trừ hết tội ác ở đời trước.

Hoặc nghe đồn phương xa có thầy cao minh, trí tuệ thông đạt, muốn đến đó để học kinh, nhưng thân thể thì bệnh hoạn gầy ốm tay chân co quắp không thể cử động được vàng bạc vật dùng thì thiếu thốn, không có bạn bè nên không thể đi, nghĩ tới những điều đó lại sầu khổ, nhờ vậy mà trừ hết tội ác đời trước.

Hoặc có người đi cầu thầy giỏi, muốn theo học kinh, Đại sư thì sáng suốt thông đạt, biết đạo giải thoát, còn đệ tử thì ngu si, không có trí tuệ, ý mù mờ, liền sầu khổ, nhờ đó mà trừ bỏ tội lỗi đời trước. Nếu có thầy giỏi muốn dạy đệ tử thông suốt kinh đạo và những việc thế gian, nhưng đệ tử ngu si không thể tiếp nhận, liền rời bỏ thầy mà đi, sau đó trở về, nhớ lại những lời răn dạy của Pháp sư nên rất vui mừng, lòng hối hận, buồn lo, nhờ đó nên hết tội ác ở đời trước.

Hoặc có người cầu đạo Bồ-tát, nằm mộng thấy oan gia cầm binh khí đao kiếm tìm đuổi, rất sợ hãi, vì trong mộng sợ hãi khủng khiếp nên hết tội ác đời trước.

Hoặc có thiện nam, thiện nữ hành Bồ-tát tại gia, tội ác đời trước chưa hết, nên chết sẽ bị đọa trong địa ngục chịu khổ đau một kiếp. Được thầy giỏi dạy dỗ rồi sám hối trong một ngày một đêm thì hết bệnh nơi thân, tâm không bị đọa vào địa ngục nữa.

Đức Phật Lại-tỳ-la-da vừa nói xong thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi duỗi tay ra lấy bình bát. Cõi của Phật Lại-tỳ-la-da và vô số cõi Phật ở phương giữa, trên đến cõi của Phật Thích-ca Văn đều chấn động lớn. Tất cả mọi người đều kinh hãi. Hiền giả Xá-lợi-phất đến trước quỳ dài chắp tay thưa Phật:

–Vì lý do gì mà đại địa chấn động như vậy, làm cho ai cũng đều kinh hãi?

Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Mặt đất chấn động như vậy là do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tìm lại bình bát đó.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Bình bát ấy ở đâu?

Phật nói:

–Bình bát ấy ở nơi phương dưới, qua vô số cõi Phật có Đức Phật hiệu Lại-tỳ-la-da, cõi ấy tên là Ba-đà-sa. Hiện nay bình bát đang ở đó.

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa Phật:

–Nay các Bồ-tát, A-la-hán, Trời, Người, A-tu-la, Quỷ thần, Rồng muốn thấy cõi Phật Lại-tỳ-la-da ở phương dưới và các cõi Phật nơi phương giữa, muốn được tận mắt thấy Văn-thù-sư-lợi biến hóa để lấy bình bát.

Bấy giờ Đức Phật từ dưới chân phóng ra trăm ức ánh sáng chiếu khắp vô số các cõi Phật ở mười phương. Như vậy làm cho tất cả các Bồ-tát ở cõi của Đức Phật Lại-tỳ-la-da, thấy rõ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến hóa lấy bình

bát.

Khi ấy, các Bồ-tát, các chúng Trời, Người, A-tu-luân, Quỷ, Thần, Rồng đều rất hoan hỷ. Các A-la-hán thì rất ưu buồn, tuôn nước mắt. Họ nói:

–Bồ-tát hãy còn có thể biến hóa, làm những việc đáng làm như vậy huống gì là ánh sáng nơi oai thần của Phật thật khó có thể tạo được. Chúng ta thà vào trong địa ngục trăm kiếp, sau khi ra khỏi, được nghe pháp của Bồ-tát mà phụng hành, lo gì không đạt được sở nguyện.

Các Bồ-tát trong cõi Phật Lại-tỳ-la-da và vô số Bồ-tát ở vô số các cõi Phật đều lên đến chỗ Phật Thích-ca Văn. Các Bồ-tát suy nghĩ: "Hãy đi đến cúng dường Phật Thích-ca Văn." Trong đó, có Bồ-tát rải hoa che lấp một cõi Phật, có Bồ-tát rải hương thơm, có Bồ-tát rải áo trời, có Bồ-tát rải vàng bạc châu báu; có Bồ-tát trỗi các âm nhạc, các Bồ-tát trong một cõi Phật như vậy đều đến trước Phật, đầu mặt sát đất lễ lạy Phật rồi lui ra qua bên ngồi. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lấy bình bát ra khỏi đại chúng. Các Bồ-tát, A-la-hán, Trời, Người, A-tu-luân, Quỷ thần, Rồng đều hoan hỷ.

Hiền giả Xá-lợi-phất đứng dậy đến trước Phật quỳ dài, chắp tay, thưa:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có những ân đức gì với Đức Phật mà sao hôm nay nói phải nhớ đến ân xưa?

Phật dạy Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Trải qua vô số kiếp về trước có Đức Phật hiệu là La-đà-na-kỳ, có sáu vạn Tỳ-kheo A-la-hán, bảy ức hai ngàn vạn Bồ-tát. Trong số chúng Bồ-tát có một vị tên Nhạ-na-la-da, sáng sớm thức dậy vào thành khất thực. Khi bát đầy trở về đi dọc theo ven đường, có một nhũ mẫu đang bế con ông trưởng giả tên là Duy-ma-la-ba-hưu.

Thấy vị Sa-môn ôm bát đi tới, đứa bé chạy đến chỗ vị ấy. Sa-môn lấy đường phèn, bánh đưa cho đứa bé. Đứa bé ăn rất ngon và đi theo ông ta. Nhũ mẫu cũng đi theo giữ bé. Đứa bé ăn hết rồi thì bánh hiện ra như cũ. Bé định quay về, nhưng Sa-môn lại lấy bánh đưa cho nữa. Ăn bánh rồi đứa bé liền theo Sa-môn, ra khỏi thành đến chỗ Phật, bé thấy Phật đẹp đẽ, thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, bé nhìn không thấy chán, thấy các Bồ-tát và Tỳ-kheo, nó rất vui mừng. Sa-môn liền dạy đứa bé đi rửa tay, súc miệng và đưa bánh trong bát cho đứa bé bảo đến dâng cúng Phật: "Nay ông được an ổn sau này được phước lớn." Đứa bé liền nhận bát bánh đem đến trước Phật, trực tiếp lấy bánh đặt vào trong bình bát của Phật, rồi qua dâng cúng cho các Bồ-tát và Tỳ-kheo tăng. Tất cả đều được no nê mà bát bánh vẫn còn như cũ. Cúng Phật, Bồ-tát và Tỳ-kheo tăng như vậy suốt bảy

ngày, đứa bé rất hoan hỷ tự nói: "Nay ta dâng một bát bánh cúng Phật, Bồ-tát và Tỳ-kheo tăng bảy ngày đầy đủ, chắc chắn được phước, nhờ một công đức ấy mà được thành Phật."

Phật bảo các Bồ-tát và A-la-hán:

–Đây là ân đức thuở xưa. Bồ-tát Nhạ-na-la-da nay chính là Bồ-tát Văn-thù đây vậy. Đứa bé Duy-ma-la-ba-hưu thuở ấy nay chính là ta. Nay ta được thành Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, với oai thần tôn quý, đô thoát khắp mười phương. Tất cả chúng sinh đều nhờ ân của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vị ấy vốn là thầy của ta. Vô số chư Phật đời quá khứ đều là đệ tử của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Người ở đời vị lai cũng nhờ oai thần ân sức của Bồ-tát Văn-thù mà thành tựu. Ví như đứa trẻ thế gian có cha mẹ, Văn-thù là cha mẹ trong Phật đạo.

Khi Phật giảng nói kinh này, có hai trăm Bồ-tát trên cõi trời Đao-lợi suy nghĩ: "Phật vốn nhờ Văn-thù giáo hóa để tạo công đức thành Phật. Vì sao ở trước Phật, Văn-thù không thành Phật?"

Phật nói:

–Vì Bồ-tát Văn-thù đi sâu vào thiện quyền để giáo hóa chúng sinh cho nên chưa chứng đạo.

Phật bảo các Bồ-tát và bốn chúng Tỳ-kheo:

–Hai trăm Bồ-tát ở cõi trời trước đây muốn lui lại để giữ quả nhị thừa, do thấy Bồ-tát Văn-thù biến hóa, ta phải báo ân nên nay đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề tu đạo Bồ-tát, đời sau đều sẽ thành Phật.

Phật giảng nói kinh này xong, các Bồ-tát, Tỳ-kheo tăng, các chúng Trời, Người, A-tu-luân, Quỷ thần, Rồng đều rất vui mừng, đứng dậy lạy Phật và lui ra.

-oOo-

SỐ 630

KINH THÀNH CỤ QUANG MINH ĐỊNH Ý

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng
Chi Diệu, người nước Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cư ngụ ở tinh xá trong nước Ca-duy-la-vệ. Sáng sớm, Đức Phật đắp y rồi bảo A-nan:

–Ông hãy mời các Bồ-tát đã trừ sạch các điều ác cùng các vị không còn chấp thủ đến đây. Hôm nay sẽ có người thưa hỏi những điều cốt yếu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng lời Phật, lập tức tuyên bố lời dạy của Như Lai đến bốn chúng. Khi ấy, có năm ngàn vạn Bồ-tát và Thanh văn đến chỗ Đức Như Lai, cúi đầu kính lễ sát chân Đức Phật, rồi đứng qua một bên. Lại có hiền nữ Khí Ác Chúng cùng với mười bốn vạn người nữ trong nước đến chỗ Đức Như Lai, cúi đầu kính lễ sát chân Phật rồi lui ra ngồi trên tòa. Lại có tám mươi ức vạn hai ngàn Bồ-tát đến chỗ Như Lai, chư vị cúi đầu sát đất rồi đứng im lặng cung kính. Lại có bốn vạn cư sĩ tại gia giữ giới đến chỗ Đức Phật, kính lễ sát đất rồi đứng ra một bên.

Đức Phật dùng oai thần làm chấn động các cõi Phật khắp mười phương, có tám trăm ức vạn Bồ-tát và chư Thiên, những vị sẽ thành tựu và sẽ phát tâm đều bay đến chỗ Đức Phật, kính lễ sát đất rồi đứng thẳng hàng trong hư không. Lại có mười hai tướng quân Thiên thần cùng bốn mươi vạn tướng quân quyến thuộc đến chỗ Đức Phật kính lễ sát đất rồi phân ra đứng hầu hai bên Đức Phật. Chúng hội hôm ấy, trong khoảng chừng một bữa ăn, đều đến chỗ Đức Phật, Phật liền khiến họ an tọa. Có vị tự thân chưa chứng đắc bốn Thần túc cũng đều tề tựu. Các vị Bồ-tát, các vị Thiên thần thân thể nhẹ nhàng ở khắp mười phương cùng đến, hoặc đã có được thần túc đồng vọt lên giữa hư không, ngồi ở trên tòa tự nhiên; mỗi vị hóa ra lọng hoa, thẳng hàng đẹp đẽ đều là do oai thần của Đức Phật biến hóa ra. Chư vị Bồ-tát đến trong chúng hội đều có hạnh vi diệu, tâm và miệng thanh tịnh, thân đầy đủ các giới, trừ sạch ba uế, sáu tai họa, năm sự ngăn che và các lửa phiền não, diệt trừ nhơ uế, đoạn trừ lưới nghi, kết sử, phá tan kiến chấp sai lầm và nguồn gốc của sự ngu si, mười hai nhân duyên… đều đã chấm

dứt, thanh tịnh như ánh trăng, mỗi vị đều tùy theo thế tục mà hành hóa.

Có Bồ-tát tên là Vô Uế Vương, lại có Bồ-tát tên là Quang Cảnh Tôn, lại có vị tên là Trí Như Sơn Hoằng, lại có vị tên là Đại Hoa Tịnh, lại có vị tên là Chuyển Căn Hương, lại có vị tên là Nguyệt Tinh Diệu, lại có vị tên là Quang Chi Anh, lại có vị tên là Chỉnh Bất Pháp, lại có vị tên là Thiện Trung Thiện, lại có vị tên là Côn Lôn Quang, lại có vị tên là Nhật Quang Tinh, lại có vị tên là Sư Tử Oai, lại có vị tên là Ý Tạp Bảo, lại có vị tên là Viêm Xí Diệu, lại có vị tên là Đức Phổ Hợp, lại có vị tên là Phổ Điều Mẫn, lại có vị tên là Kính Đoan Hạnh, lại có vị tên là Từ Nhân Thự, lại có vị tên là Tuệ Tác, lại có vị tên là Tán Kết, lại có vị tên là Nghiêm Nghi Cụ Túc, lại có vị tên là Cao Viễn Hạnh, lại có vị tên là Quang Đức Vương, lại có vị tên là Hộ Thế, lại có vị tên là Đạo Thế, lại có vị tên là Đại Lực, lại có vị tên là Chánh Tịnh, lại có vị tên là Thiên Sư, lại có vị tên là Thiện Quán, lại có vị tên là Quán Âm, như vậy mỗi vị đều có danh hiệu khác nhau.

Bấy giờ, có vị thiện nam tôn quý tên là Thiện Minh cùng năm trăm quyến thuộc, mỗi người đều có tôi tớ cầm lọng theo hầu, đều đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu kính lễ dưới chân Đức Như Lai rồi đứng quan sát khắp bốn phía trong chúng hội, ngước nhìn lên hư không, thấy toàn bậc Tối thượng, lại thấy Đấng Thiên Tôn ở trên tòa an tọa trang nghiêm, vị ấy nghĩ: "Hôm nay, ta có phước lớn mới gặp được chúng hội này, ta sẽ sắm sửa phẩm vật cúng dường trong một ngày, nhưng xét khả năng thì không thể cúng dường đầy đủ, nếu bố thí không cùng khắp thì chẳng phải bố thí, ta phải làm sao đây?"

Lúc ấy, biết ý nghĩ tốt lành của Thiện Minh, Đức Phật liền bảo:

–Này thiện nam! Hãy đến đây! Ngươi đã nghe pháp Như Lai thuyết giảng chưa?

Vị thiện nam thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa thông đạt.

–Này thiện nam! Khi khởi tâm biết là đang khởi mới là bậc trí, chẳng xét nhiều hay ít hay có sự mong cầu mới là bố thí. Vừa rồi, ông suy nghĩ không thể cúng dường đủ cho Như Lai và chúng hội, ông lo lắng làm gì! Như Lai có thể khiến cho việc không thành tựu được thành tựu, không đầy đủ được đầy đủ, tất cả luôn đầy đủ, việc làm luôn trọn vẹn, đó là Như Lai.

Như Lai thành tựu, không xét theo các vật dụng dục lạc như y phục, thực phẩm mà chính là việc đầy đủ Giới, không chấp nhận sáu tai họa, năm việc ngăn che, không nghĩ đến an vui thế tục, không có các tưởng về bốn loại thức ăn, cũng chẳng trang sức các loại y phục, mũ nón, lúc nào ở đâu

cũng biết về chân lý vô thường, ở nơi cảnh giới dục lạc mê hoặc mà vẫn biết rõ các pháp là khổ, ở trong ngôi nhà tham dục mà vẫn thấu triệt nguồn gốc của Không, thọ thân này nhưng vẫn biết rõ chẳng phải là thân chân thật, chúng không có ngã, không tạo tác, không có duyên, không tham đắm, đây là việc Như Lai đã thành tựu.

Bấy giờ, nghe Đấng Thiên Tôn giảng nói, Thiện Minh tâm hoan hỷ, trừ hết kết sử, thân được nhẹ nhàng, thưa:

–Từ xưa, con rất tăm tối, bị mười hai nhân duyên trói buộc, tâm ở trong tối, bị đọa vào ba đường, nay được nghe pháp chưa từng có, xin nguyện đích thân nhận lãnh như lời dạy của Đấng Thiên Tôn.

Thiện Minh được pháp lạc vi diệu liền nói kệ khen ngợi:

Đấng Thiên Nhân Tôn
Như Lai tối thượng
Từ bi cứu giúp
Thí khắp ba cõi.
Khiếp sợ, tham lam
Ban cho pháp quý
Khiến tất cả mê
Giải thoát, thông suốt.
Thân Phật quý báu
Tướng tốt vô song
Vì người khởi ý
Nói pháp không cùng.
Trí như các dòng
Đổ ra biển cả
Pháp thấm ba cõi
Tuôn khắp mười phương.
Tướng Phật viên mãn
Tuệ báu đủ đầy
Tự tại hiện pháp
Dẫn dắt không ngừng.
Tuệ chiếu ngu tối
Dẫn đến nơi tịnh
Con nguyện quy y
Được đến bờ kia.

Khi ấy, Thiện Minh khen ngợi xong, liền quỳ xuống trước Đức Phật, thưa:

–Cúi xin Thế Tôn chấp thuận ý của con! Hôm nay, con muốn thiết lễ cúng dường, cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương tưởng chấp thuận cho.

Đức Thiên Tôn im lặng nhận lời như pháp thường. Thiện Minh vẫn đứng cung kính, do chưa thấy Đức Như Lai nhận lời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo:

–Đức Thiên Tôn lặng im tức là đã hứa khả.

Thiện Minh nghe rồi, rất đỗi vui mừng, kính lễ Phật rồi đi ra ngoài cửa, sai mọi người đến rồi lại thưa:

–Hôm nay con muốn cúng dường thực phẩm cho hai ngàn vị, cúi xin Đấng Thiên Tôn nhận lời.

Tôn giả A-nan liền bạch với Đức Phật đầy đủ như lời Thiện Minh vừa nói.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy nói với Thiện Minh, hãy thiết lễ cúng dường với khả năng ông ấy có, Như Lai sẽ cùng với tất cả đại chúng đến dự, chớ lo sợ không chu toàn.

Tôn giả A-nan liền nói lại với Thiện Minh như lời Đức Phật dạy.

Tôn giả A-nan lại bảo:

–Hiền giả cứ trở về, chớ khởi lên tâm khác hay lo sợ không đầy đủ, có oai thần của Phật thì không có gì là không đủ!

Thiện Minh liền đảnh lễ Tôn giả A-nan rồi trở về. Về đến nhà, ông bảo với tất cả vợ con tôi tớ...:

–Hôm nay, ta có thỉnh Đấng Thiên Tôn, thần thông vi diệu, thông đạt tất cả, là Bậc Nhất Thiết Trí, người nào dùng một vật để cúng dường vị ấy thì đời đời được phước không thể cùng tận, lại có thể cứu giúp người khác thoát khỏi sự dẫn dắt của kết sử. Các người hãy cung kính trang nghiêm thanh tịnh bày biện phẩm vật, sửa soạn đầy đủ thức ăn, làm các món ăn ngon tuyệt, mỗi người hãy tận tâm thành ý, Đấng Thiên Tôn khó gặp, ức kiếp mới có, nên vì điều thiện ấy mà được thanh tịnh.

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Bồ-tát tên là Lực Biện Chúng Hữu, Đức Phật bảo vị ấy đến giúp đỡ Thiện Minh việc cúng dường đại chúng này.

Lúc ấy, mười hai vị chúa Thiên, Thần và bốn vị Thiên vương, Long vương có thế lực lớn vâng lời Phật dạy đều đi theo Bồ-tát Lực Biện Chúng Hữu đến giúp đỡ Thiện Minh. Đến nơi, chư vị ấy bảo Thiện Minh:

–Hiền giả hãy yên tâm! Đức Phật sai chúng tôi đến đây để giúp đỡ

ông.

Thiện Minh liền đảnh lễ Bồ-tát cùng chư Thiên, các vua rồi cung kính, từ tốn thưa:

–Làm phiền đến các bậc Thượng nhân! Con đã sắm sửa xong thức ăn đủ cho hai ngàn vị, cả đại chúng sẽ đến nhưng sợ nhà này quá nhỏ, con không biết phải làm sao!

Bấy giờ, Bồ-tát Lực Biện Chúng Hữu cùng chư Thiên đều nói:

–Ông chớ lo lắng.

Rồi mỗi vị đều nhìn khắp nơi, lập tức phòng nhà ấy tự nhiên rộng rãi, to lớn như cung điện chư Thiên, ở trong nhà lại có ngàn vạn ức tòa đều do các báu từ đất biến thành, màu lưu ly xanh, giường tòa ở trong nhà cũng như vậy. Trong khoảng khảy móng tay, liền có trăm ngàn vạn ức người bày biện thức ăn, thảy đều đầy đủ, đốt các hương thơm, treo các cờ bằng lụa, các đường đi đều rộng rãi, bằng phẳng, trong suốt như thủy tinh, cây cối thẳng hàng, âm nhạc tự nhiên, tiếng nhạc hòa quyện êm dịu, âm thanh thuyết pháp bằng tám loại âm thanh của Đế Thích, Phạm thiên.

Lúc ấy, Bồ-tát Lực Biện Chúng Hữu cùng các vị chúa Thiên thần trở về chỗ Đức Phật.

Thiện Minh thấy việc biến hóa to lớn này rồi, rất đỗi kinh ngạc, vui mừng, liền đến chỗ Đức Phật, thưa:

–Nhờ đại Bi của Đức Như Lai, con đã thiết lễ đầy đủ, cúi xin Thế Tôn cùng đại chúng đến thọ trai.

Đức Phật liền sai Bồ-tát Vô Uế Vương cùng sáu trăm vạn người đi trước dẫn đường, tất cả đều đi trên hư không, Đức Phật đi chính giữa, số còn lại đi theo sau. Đức Như Lai đi ra khỏi cửa thì đất liền chấn động, chư Thiên rải hoa, đốt các hương thơm, lại ca ngâm các khúc nhạc hay cùng đi theo. Đến nơi, tất cả đều an tọa. Các vị chúa Thiên, Thần liền giúp bày biện thức ăn.

Sau khi Đức Phật chú nguyện thức ăn xong, tất cả đều dùng no đủ mà thức ăn vẫn không giảm bớt, các vật dụng đựng thức ăn vẫn đầy như cũ. Thiện Minh tự nghĩ: "Đấng Thiên Tôn có uy thần biến hóa rộng lớn mới làm được như vậy. Sau khi Phật thọ thực, rửa tay xong, ta sẽ hỏi ý này."

Sau khi Đức Phật dùng nước rửa tay xong, trong khoảnh khắc duỗi cánh tay, Phật cùng đại chúng lập tức trở về ngồi nơi tinh xá. Bấy giờ, Thiện Minh lại khen ngợi:

Thiên Tôn thật vi diệu

Khó gặp ở thế gian
Biến hóa thật trác tuyệt
Ai thấy cũng vui mừng.
Quán sát rất đặc thù
Hóa diệu khó ai sánh
Chẳng làm mà tự đủ,
Chẳng nhọc, chúng no đủ
Chẳng nói, tự nhiên bảo
Chẳng dạy, khiến tự làm
Chẳng làm điều lỗi lầm
Do đạt được đức này.
Vốn tu pháp thuật gì
Phát sinh điều tốt này
Vốn tích chứa đức gì
Được tôn quý cao vời?
Nguyện xin thương xót con
Khai mở tài sản pháp
Trừ lưới tâm kết sử
Khiến không còn nghi ngờ.

Thiện Minh khen ngợi xong, liền ngồi sang một bên chắp tay thưa:

–Chỗ ở của con tên là làng Phước an cách đây không xa, cúi xin Đức Phật rủ lòng thương chiếu cố đến nơi ấy. Con ở nơi làng ấy thường ưa học hỏi, học những oai nghi của thế gian mà thuở xưa các vua đã chế ra, học những pháp của Thần tiên, Thánh nhân. Khi được nghe Đấng Thiên Tôn ở gần nước này, con liền khởi ý nhớ nghĩ đến, trong giấc mộng thấy mơ màng, có đệ tử của Đấng Thiên Tôn là Tôn giả Xá-lợi-phất thường đến nhà con để giảng pháp cho con, pháp rất sâu xa vi diệu, con hiếm khi được nghe, tâm tuy mừng nhưng vẫn còn hoang mang. Hôm nay, được đến lễ bái Đức Thiên Tôn và được gặp đạo pháp, con sẽ thực hành và đạt đến, tâm rất vui mừng, như đêm tối được thấy ánh sáng, ý muốn thiết lễ cúng dường, nhân đây có điều muốn thưa hỏi, nhưng còn chút ít sợ sệt, chưa muốn thưa. Xin Đấng Thiên Tôn thần thông biết rõ tâm con, dùng diệu lực của Đạo để giúp con.

–Bạch Thế Tôn! Những giường tòa, phẩm vật bỗng nhiên có đủ, thức ăn đã đựng đầy trong bát tuy chúng đã dùng no nhưng vẫn như cũ, Thế Tôn dùng thần thông vi diệu nào để được như vậy? Lại nữa, con quan sát ba mươi hai tướng của Đấng Thiên Tôn, các tướng đều tốt đẹp, nhìn không

nhàm chán, đi thì đĩnh đạc, không nhanh không chậm, ngồi thì ngay thẳng, không hướng tới trước ngã về sau, nói tám loại âm thanh không nhanh chẳng chậm, lời nói thành pháp luật, sáng rỡ như mặt trời, khiến cho tất cả chúng sinh đều nhận ân phước đức, thuở xưa Thế Tôn tu hành pháp gì mà nay được như vậy? Con lại thấy Đấng Thiên Tôn chân chẳng đạp đất, tướng bánh xe rõ rệt, trang nghiêm như bức tranh, thân thể nhẹ nhàng, biến hiện khắp nơi, đây đều do hạnh gì mà đời này được như vậy. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương giải thích rõ khiến cho con biết rõ gốc ngọn.

Khi ấy, Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Như lời ông vừa hỏi, Như Lai sẽ giảng nói rõ ràng. Hãy chú tâm để nghe nhận, chớ quên mất.

Thiện Minh thưa:

–Con xin lắng nghe.

Đức Phật nói:

–Thuở xưa, Như Lai tu hành hạnh sáu đức, đời đời không bỏ, như vậy cho đến lúc thành Phật, bất cứ ở đâu cũng tùy ý biến hóa, dùng Nhất thiết trí thông đạt tất cả.

Thiện Minh thưa:

–Thế nào là hạnh sáu đức?

Đức Phật nói:

–Đó là Bố thí rộng lớn, Trì giới rộng lớn, Nhẫn nhục rộng lớn, Tinh tân rộng lớn, Nhất tâm rộng lớn, Trí tuệ rộng lớn.

Thiện Minh thưa:

–Thế nào là Bố thí rộng lớn?

Đức Phật nói:

–Người tu đạo, trước tiên nên biết thân là vô thường, do bốn đại, vật chất tạo thành, xương thịt là bất tịnh đều nên từ bỏ, sẽ trở lại nguồn gốc của chúng, không thể thường trụ, thân chẳng có ngã, có tài sản cũng chẳng phải ngã sở, tâm không có hình sắc, thông đạt danh vô thường, do duyên và sự vận hành của duyên trói buộc. Sở dĩ có sự vận hành của thân là do thân không thường còn, cũng sẽ rỗng, mục. Quán sát như vậy thì kiến lập được bốn đức tin: Trong thân, ngoài thân, trời đất, vạn vật đều trong trạng thái vô thường, sẽ trở về sự tan hoại, sẽ tan rã, tiêu mất. Kiến lập đức tin như vậy rồi, quán thể chẳng phải thể, quán vật chẳng phải vật, liền có thể tùy ý bố thí đầy đủ khắp mọi người, lại dùng pháp thí giáo hóa người tăm tối. Đó gọi là Bố thí rộng lớn.

Thế nào gọi là Trì giới rộng lớn?

Trì giới rộng lớn, nghĩa là có thể hộ trì ba nghiệp của thân, giữ bốn lỗi của miệng, kiểm soát ba ác của ý. Sự tu hành của thân là: Nếu thấy tất cả chúng sinh bò, đi, cựa quậy thì phải thương xót, nuôi cho chúng sống, tùy nơi sống của chúng ở dưới nước hay ở đất liền mà nên đem chúng trở lại khiến chúng an ổn, nếu thấy những loại như châu báu quý giá, những vật mềm mại mịn màng đáng ưa, tuy thân bần cùng khốn khổ nhưng vẫn chế ngự tâm mình không tham mà lấy và thấy đồ trang sức phấn sáp đẹp đẽ thì phải quán sát bên trong nhơ uế thối rữa, mủ máu hôi hám, đây là ba giới của thân. Sự tu hành về miệng là: nếu người khác đem bốn lỗi về mình thì nên biết rõ đó là bốn lỗi của miệng, phải dùng lời nói thiện, nhu hòa để nói lại, chí thành không trau chuốt, đáp lại để giáo hóa họ khiến người ấy trở lại theo mình. Đây là bốn giới của miệng. Sự tu hành về ý là: Tâm chứa nhóm trí tuệ, tư duy sinh tử, luôn an trụ nơi trí tuệ, không bị mê hoặc theo các lưu, lại có thể hội nhập đạo phẩm cốt lõi của không, vô; phân biệt rõ chân thực thô tháo, không hề nghi ngờ, thấy điều thiện thì khuyến khích, thấy thành tựu thì cùng hoan hỷ. Đây là ba giới của ý, cho nên, lúc mới hành đạo, trước tiên phải tự mình thực hành mười giới, lại chỉ bảo cho người khác siêng năng không hề biếng nhác, thực hành không nghỉ ngơi, không có ý tưởng mỏi mệt. Đó gọi là Trì giới rộng lớn.

Thế nào là Nhẫn rộng lớn?

Nhẫn rộng lớn, nghĩa là nếu người mắng ta nên xét tiếng từ âm thanh mà có, quán như vậy, thấy rõ không hình tướng: Vốn từ âm thanh mà có, phát ra từ tâm ý, quán tâm ý cũng không có hình tướng, quán sát nơi tâm nương tựa đó là bốn đại, bốn đại trở về gốc thì cũng chẳng có tên gọi, cũng chẳng phải người, ta, cũng chẳng phải nam nữ, cũng không già trẻ, xét rõ thấy không chủ thể, sự tủi nhục hiện tại không hình tướng, do văn tự lập ra, trong hai loại hay không có cũng cùng không hình tướng, xét điều thứ ba này, không cũng chẳng thật có, người trí dùng ý quán sát như vậy thì không khởi sân hận, do rỗng không nên nhẫn cũng không, lại đối với các ác nhẫn nhục không làm, đối diện cũng chẳng khởi, kiểm soát tâm, hàng phục ý, thân tự có khả năng làm như vậy, lại chỉ bảo cho người khác. Đây là Nhẫn rộng lớn.

Thế nào là Tinh tấn rộng lớn?

Nên giảm bớt ăn, không nếm mùi vị, trừ bỏ ngủ nghỉ, đêm ngày tỉnh ý, xa thế tục, gần gũi đạo, giữ gìn các giới, đứng ngồi đúng pháp, không mất oai nghi, không phạm các hạnh, nên tu tập theo cốt lõi đạo pháp, miệt

mài tụng niệm, ngày thì siêng nghe pháp, đêm thì luôn kinh hành, lời nói đúng luật; thân, miệng, ý luôn nương theo và nghĩ nhớ đến pháp, không lìa bỏ kinh văn, lúc giảng pháp thì ý không phiền não, giáo hóa người tối tăm không hề biếng nhác, tâm chẳng trái ý, tự mình chuyên cần, tự thân thực hành, lại còn chỉ bảo người khác đó là Tinh tấn rộng lớn.

Thế nào là Nhất tâm rộng lớn?

Hiếu với cha mẹ mà nhất tâm, tôn kính thầy bạn mà nhất tâm, đoạn trừ ái, xa lìa thế tục mà nhất tâm, thể nhập ba mươi bảy phẩm mà nhất tâm, rỗng lặng tịch tĩnh mà nhất tâm, ở nơi phiền não loạn động mà nhất tâm, nhiều tham dục, nhiều tranh cãi, nhiều tạo tác, nhiều phiền não.... ở những nơi như vậy mà nhất tâm; đối với các việc khen chê, được mất, thiện ác không dao động mà nhất tâm, đếm hơi thở thể nhập thiền, xả bỏ sáu tụ thanh tịnh mà nhất tâm, tự mình làm lại bảo người khác làm. Đây là Nhất tâm rộng lớn.

Thế nào là Trí tuệ rộng lớn?

Bồ-tát tùy sự thọ nhận nơi thân mà có sự nhơ uế của ba thọ, sáu tai họa, năm sự ngăn che, sáu mươi hai tưởng chìm đắm, tám mươi tám nạn trói buộc, một ngàn tám trăm loại bệnh tật. Đối với những điều này, dùng trí tuệ khai mở hết, quán sát sự sinh khởi và đoạn diệt của chúng, xem rõ bệnh ấy nên cho thuốc gì, đã nắm giữ hết những điều cốt yếu khiến thân không phá giới, ý không theo thế gian, ở trong sự kính yêu của mọi người, tâm an trụ trong kho tàng của đạo, tuy nương nhờ vào nhà sáu loại tai họa nhưng tâm ở nơi nhà sáu điều thanh tịnh; tuy ở nhà năm ngăn che nhưng tâm ở nhà đoạn diệt; tuy nương vào nhà không kiên cố nhưng tâm luôn hộ trì phương tiện, ngồi nơi đất rắn rít nhưng tâm luôn ngay thẳng, xả bỏ; nương thuyền bè hiểm trở nhưng tâm tự biết nẻo cứu giúp, gần rừng lửa lớn nhưng tâm an ổn dập tắp lửa. Đó là bậc Bồ-tát dùng trí tuệ làm phương tiện nhổ sạch nạn sinh tử, chấm dứt tưởng ba cõi đến được đất diệt độ, tự mình làm lại chỉ bảo người khác làm. Đây là trí tuệ rộng lớn, là nghĩa của hạnh sáu đức vậy. Vừa rồi ông hỏi về đức thần biến và vô lượng tướng tốt của Như Lai, thì ta nhờ đây mà đạt được. Thực hành sáu pháp này và các tuệ, định, ba mươi bảy phẩm thì nắm giữ vô biên hạnh căn bản, được chứng quả vị Phật, hiệu là Thiên Tôn, không có gì không làm được.

Bấy giờ, Thiện Minh và chúng hội nghe Đức Phật giảng xong, đều thưa:

–Chúng con nguyện phát tâm Vô thượng độc tôn bình đẳng. Hôm nay chúng con được phước lớn khiến cho tất cả mọi người đều mau được hạnh

này.

Khi ấy, Thiện Minh đạt được bốn pháp thanh tịnh: một là mắt thanh tịnh, hai là thân thanh tịnh, ba là miệng thanh tịnh, bốn là ý thanh tịnh, liền im lặng cúi đầu tư duy ý nghĩa pháp này.

Bấy giờ, Thiện Minh lui một bên, quỳ gối thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đấng Thiên Tôn đã giảng nói pháp Ba-la-mật rộng lớn, các giới pháp vi diệu, giữ gìn ý, hàng phục tâm, diệt sạch các cấu bẩn, những ai nghe được pháp này, công đức rất lớn, huống là thực hành thì công đức khó lường xét được.

Đức Như Lai lại nói:

–Thuở trước, Như Lai chẳng phải chỉ thực hành sáu pháp này thôi đâu, lại còn thực hành pháp định ý và nắm giữ ba mươi bảy pháp không ngăn mé mới được thành tựu đầy đủ Phật sự, bốn Vô sở úy, mười Lực, mười tám thần thông vi diệu cùng các pháp đặc biệt khác, biến hóa tự tại, thuyết giảng trôi chảy, được gặp chư Phật, bay đến mười phương, thọ ký cho tất cả, những người chưa hóa độ thì được hóa độ, phá tan tà kiến, dẫn dắt người mê loạn, nếu sinh ra phải chịu khổ thì không chấp giữ, không đoạn trừ, dùng sự không chấp giữ, không đoạn trừ này làm nhân duyên hành hóa, dạy bảo các người mê hoặc.

Thiện Minh thưa:

–Các đức vi diệu và vô số việc như vậy, Như Lai tu hành định ý gì mà đạt được? Cúi xin Đấng Thiên Tôn vì chúng sinh đời hiện tại và vị lai mà giảng nói ý nghĩa sâu xa này, khiến chúng sinh được giải thoát.

Đức Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Điều ông muốn hỏi, nay Như Lai sẽ phân biệt giảng nói đầy đủ nghĩa cốt yếu cho ông, ông hãy chú ý lắng nghe.

Thiện Minh thưa:

–Con xin nghe nhận.

Đức Phật nói:

–Có pháp định ý tên là Thành cụ quang minh, ở thế gian nếu có người thực hành từ một ngày đến bảy ngày thì phước đức không thể ví dụ. Những ai nghe được pháp này, đời trước đã cúng dường trăm ngàn ức Đức Phật, người ấy ngồi nghe đầy đủ, không hề nghi ngờ, đời này mới được gặp lại pháp Thành cụ quang minh này và được tu hành hạnh ấy, trong khoảng khảy móng tay, xa lìa hẳn ba đường ác, công đức dần dần viên mãn mới mau chóng thành Phật, những việc ông hỏi vừa rồi đều có thể thành tựu đầy

đủ.

Thiện Minh thưa:

–Phải thực hành bao nhiêu việc mới đạt được định ý tôn quý này?

Đức Phật nói:

–Nên thực hành một trăm ba mươi lăm việc thanh tịnh mới đạt được định này: Xa lìa sự tạo tác của thân, lìa bỏ lỗi của miệng, trừ nhớ nghĩ của ý, diệt sạch ba nhơ uế, xa sáu tai họa, ngăn ngừa năm ngăn che, phá tan mười hai nhân duyên, mở oán kết và sáu mươi hai kiến chấp, khỏi hẳn các bệnh, vui với các phiền não, bỏ các việc to lớn, bỏ thân thể, lìa thân thuộc, dứt các tập, đoạn các ái, không có gì để làm, chẳng có gì không thể làm, chẻ tham lam, cắt rễ dục, không mê theo các lưu, có thể ngăn bệnh tật, không chấp ngã, chẳng phải không ngã, lập bốn đức tin, trụ bốn Niệm xứ, thành tựu bốn Chánh cần, gieo trồng năm Căn, chứa nhóm năm Lực, thông đạt bảy trí, tu hành tám chánh, thể nhập tám niệm, tám tinh tấn đều là không, siêng năng tu tập, xa lìa điều không thể thực hành, học trí cao thượng, tự tôn kính ý, không cống cao, luôn nhu nhuyến, rưới mưa pháp, như một pháp không chấp là hai, không có ba tưởng, không khởi tưởng không lợi ích, tưởng không bờ mé, tưởng chẳng phải không, tưởng chẳng phải tưởng, tưởng không có nơi chốn, chẳng trụ tưởng không nơi chốn, khéo tư duy đến Phật, biết Phật là thanh tịnh, biết thanh tịnh rồi nên khéo học, tâm an trụ chân chánh, không quay về tà, bình đẳng với thiện ác, sáng giống như tối, đối với sáng và tối biết đều là không, không nghi ngờ pháp, không cho là có thanh tịnh hay là không, quán có không vốn là một, đã biết một thì trừ một, không đối với một mà khởi tưởng, siêng lắng nghe, khéo tu tập, nhờ tu tập mà thể nhập không bờ mé, chứa nhóm ý thù thắng, chẳng nghe theo tâm, khéo phòng hộ thức không loạn động, qua lại ba cõi mà không chấp thủ, quán sát các tánh, thông đạt là không có nguồn gốc, biết không có nguồn gốc thì không cho là đủ, dùng sự không đầy đủ để tự thức tỉnh, quán các pháp đồng với không, thường trụ nơi không chấm dứt, không tưởng, pháp thường, vô thường là tối thượng, không nghĩ nhân, không dễ dãi với thế gian, không đắm trước các vật, xả bỏ mong cầu, biết rõ pháp hội họp, xa lìa, không chấp giữ, thân tan rã đều do sự dời đổi; biết pháp thượng, trung, hạ là bình đẳng, đời này và đời sau quán hai nhân như hư không, tâm không tham dục, luôn nhân từ, tu hành thanh tịnh, khéo dẫn dắt người, biết người hướng đến sự nhơ uế, đối với sự nhơ uế phải lắng cho trong sạch, tâm xa lìa ái, có thể nhảy vào lửa, dùng lửa thanh tịnh để đốt các nhơ uế, đã trừ sạch nhơ uế thì thanh tịnh rỗng rang, không nghĩ thiện, chẳng nghĩ

ác, không xét xấu, chẳng xét tốt, không nghĩ khổ, chẳng nghĩ vui, đối với khen chê không mừng giận, tâm thể nhập thanh tịnh, mở kho tàng lớn, nhập vào Đại pháp dùng đạo lực hộ trì pháp, quán sát Khổ, Tập để siêng năng tu hành, dùng Diệt, Đạo làm ánh sáng để thấy sự dấy khởi của tất cả tánh thức, trừ hết kết sử tối tăm, ý ngừng tư duy, siêng cầu chánh niệm để thể nhập đạo, trừ sạch ba ái, bỏ bốn mất, tăng bốn thành, lìa năm ngăn che, chấm dứt sáu mạn, tu sáu hòa kính, đầy đủ sáu pháp chứng, thực hành bảy tuệ, tăng cường tám năng lực, nhổ chín kết sử, chứa nhóm chín diệt, có khả năng thanh tịnh mười thệ nguyện lớn, trang bị đủ mười lực trí tuệ rồi, không học lại mười pháp ngay thẳng, thường giữ gìn gieo trồng pháp tuệ, tôn kính Tam bảo, dùng pháp thí không cùng tận, đối với các pháp có thể thực hành đầy đủ, thể nhập không vướng mắc, hội nhập Không, chẳng biếng nhác, bỏ ý niệm không có ngã, tưởng không có ngã, chấp không có nhân, không lường xét, tịch tĩnh như diệt độ.

Đó là một trăm ba mươi lăm pháp thực hành để thành tựu định ý Thành cụ quang minh.

Khi Đức Phật giảng nói giới pháp định ý Thành cụ quang minh này, ba mươi vạn Bồ-tát đạt được đầy đủ công đức của định ý này, kiến lập địa thứ mười, Thiện Minh chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, năm trăm người cùng đi tâm rất vui mừng đều phát tâm Vô thượng độc tôn bình đẳng, bốn mươi vạn Bồ-tát đều an trụ hạnh không thoái chuyển, năm vạn người đã diệt trừ điều ác đều chứng đạo Vô sở trước, cư sĩ, nữ cư sĩ giữ năm giới gồm hai ngàn người đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, chư Thiên ở giữa hư không trỗi âm nhạc khen ngợi:

–Lành thay! Chúng sinh ở thế gian đạt được pháp cốt yếu tối thượng, những ai ở trong tối tăm, nhơ uế hôm nay đều được mau chóng trừ sạch, như nước sạch rửa nhơ uế, nay nghe được pháp lớn, tâm ô nhiễm tiêu trừ, nguyện khiến bánh xe pháp thường vận chuyển, khiến cho tất cả mau đạt được tuệ vi diệu. Chúng con thường gặp Đấng Thiên Tôn, khởi tâm chẳng xa lìa, mau đạt được định ý Thành cụ quang minh, sẽ giảng nói trong giáo pháp rộng khắp, chiếu soi nơi tăm tối, như hôm nay trong đại hội này đã kiến lập vô số nguồn gốc đạo.

Thiện Minh bạch Phật.

–Hôm nay, được nghe Đấng Thiên Tôn giảng định ý này, tự tâm con thanh tịnh quán sát, con không có tâm thông tuệ nên không biết rõ nơi nào, đối với con bên trong bên ngoài cũng đều như vậy.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Ví như căn nhà tối, cầm ngọn đuốc vào thì không thể biết bóng tối đi đâu, nếu có thể thực hành trọng vẹn pháp định ý này thì cũng không thể biết, không thể rõ sự biến mất của mười hai nhân duyên. Này Thiện Minh! Chẳng phải chỉ như vậy mà thôi, còn không thể thấy xứ sở của sự khởi diệt sinh tử khắp mười phương, cho đến Tu-đà-hoàn, La-hán, Duyên giác, Phật, đến cả Như Lai đều không thấy có tưởng, thấy hay chẳng phải thấy vậy, do không có đối tượng để tưởng, tất cả tưởng thanh tịnh, dừng ở tưởng thanh tịnh cũng chẳng dừng ở tưởng thanh tịnh. Đó là cái thấy rỗng không, không có đối tượng để thấy.

Thiện Minh thưa:

–Bạch Đấng Thiên Tôn! Thế nào là không dừng ở tưởng thanh tịnh là thấy rỗng không, lúc này tâm ở đâu, đối tượng thấy thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Thiện Minh! Bấy giờ tâm không ở trong cũng chẳng ở ngoài, không phải đạo cũng chẳng là thế tục, không có cũng chẳng không, không khởi không diệt, cũng chẳng ở nơi sự lay động. Tâm này không nguồn gốc, giới hạn, không tiếng vang, rõ hết gốc ngọn, nên thấy như vậy, thấy vậy chính là thấy, là rỗng không, là diệt, pháp định ý đều là không thật có, nhờ sự thấy này mà Bồ-tát nên quán sát niệm, trừ ý niệm thì thanh tịnh. Quán sát ý niệm này rồi chính là thành tựu giáo pháp định ý Thành cụ quang minh vậy. Pháp này không thể nắm giữ, hàng Bồ-tát nghe được tên pháp này chớ sợ, chớ nghi, nên tư duy chân thật pháp này, không thoái lui, không biếng nhác, đây là được năng lực oai thần của định ý này hộ trì.

Này Thiện Minh! Những ai muốn học pháp này nên làm bốn việc thì thể nhập vào nẻo không còn kiến chấp.

Những gì là bốn?

1. Không có thân.

2. Không có nhà cửa.

3. Không có thế gian.

4. Không có của cải.

Những ai có thể làm như vậy thì được thể nhập bốn điều cốt yếu.

Những gì là bốn điều cốt yếu?

1. Cốt yếu về Phật.

2. Cốt yếu về Pháp.

3. Cốt yếu về Không.

4. Cốt yếu về Diệt.

Đó là bốn điều cốt yếu.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi:

Không người, không ngã tưởng
Cũng chẳng không thông tuệ
Không chấp mười hai nhân
Đó là thành tựu định.
Pháp định này vốn không
Chẳng có nơi kiến lập
Thương đời hiện tên gọi
Rỗng lặng hợp oai nghi
Tâm người và ý thức
Khởi ba pháp như vậy
Thực hành, thành định ý
Không khởi cũng chẳng diệt.
Rỗng không, thành tựu Địa
Đoạn trừ khổ sinh tử
Thảy không còn dấu vết
Là hợp tu định ý.
Chúng sinh nương tướng chuyển
Tà kiến chấp danh pháp
Tham cầu lợi, tưởng thường
Trói buộc vô số kiếp.
Tu hành thường ngăn ngại
Lo buồn, ý mê hoặc
Bốn biến như hình bóng
Qua lại chưa hề dừng.
Tu định không chỗ nương
Quán chánh, không chấp danh
Tham tưởng diệt, được diệt
Bỏ trói buộc, an tịnh.
Tu tịnh, chẳng mê hoặc
Phiền não, biết là không
Chấm dứt sinh, già, bệnh
Không còn khởi lo buồn.
Mắt tuệ đã sáng rỡ
Trí vốn không giới hạn
Thông tuệ, đến bờ kia
Tu định, được như vậy.

Trăng sao sáng ở đời
Mặt trời chiếu Côn lôn
Và cung điện Thích, Phạm
Định này sáng hơn thế.

Đức Phật bảo Thiện Minh:

–Thuở xưa, cách đây vô số kiếp, có Đức Phật hiệu là Tôn Phục Dục Vương, Đức Phật sống lâu mười vạn năm, chẳng phải ở phía Nam nước Thiên Trúc này, mà chỗ Đức Phật ấy cư trú là trời Tịnh diệu, phương Bắc ngày nay. Cõi nước đó cách đây ba vạn ức cõi Phật. lúc Đức Phật Tôn Phục Dục Vương trụ thế, dân chúng sống lâu hai vạn năm, Đức Phật luôn có sáu mươi vạn đệ tử, chúng Bồ-tát không thể tính kể, dân chúng an lạc, cùng nhau tu giới đức và hạnh Hiền thánh vì muốn giảm bớt ba điều nhơ uế.

Bấy giờ, hàng Bồ-tát khắp mười phương trong đại hội của Đức Phật ấy đều thọ trì, giảng nói định ý Thành cụ quang minh này, thành tựu đầy đủ Phật sự.

Lúc ấy, có vị trưởng giả tên Mẫn Kiến, năm trăm tuổi, còn là thiếu niên đối với dân chúng nước ấy. Được nghe đại hội của Đức Phật, Mẫn Kiến xin cha mẹ được đi đến chỗ Đức Phật để quán sát, tu tập chánh pháp của Phật. Cha mẹ cho phép, Mẫn Kiến liền đến yết kiến Đức Phật, kính lễ sát đất rồi đứng ngay thẳng, tâm rất vui mừng cởi chuỗi ngọc đủ loại báu quý giá trên thân dâng lên Đức Phật. Đức Phật dùng oai thần, lập tức biến hóa thành lọng hoa che trên đại chúng và khiến tất cả chúng hội đều an tọa rồi giảng nói pháp định ý Thành cụ quang minh. Thiếu niên ấy tâm càng vui mừng, liền phát nguyện:

–Nguyện con sinh ra ở đâu cũng thường được gặp định ý Thành cụ quang minh này, tu hành mau chóng, giới đức không giảm sút.

Lúc ấy, thiếu niên kia dùng tất cả châu báu để bố thí rồi phát nguyện như trên, do vậy, đời đời được nghe nhận pháp này.

Này Thiện Minh! Ông biết thiếu niên lúc đó là ai không? Là ông đó. Nay ta ra đời, ông lại gặp được định ý này. Từ nay về sau, không bao lâu nữa, khi đạt được trí tuệ, hai trăm kiếp sau, ông sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thế Vương, là bậc tôn quý bậc nhất trong chư Thiên và cả thế gian, sẽ giáo hóa cho người tăm tối giống Như Lai hôm nay.

Nghe Đức Phật thọ ký và ban danh hiệu cho mình, tâm Thiện Minh thanh tịnh, thân nhẹ nhàng, ví như lưu ly trong ngoài tinh khiết không hề nhơ uế, dù đem nó đặt để bất cứ đâu, về sau tâm Thiện Minh thanh tịnh như vậy. Nếu khi đạt được như thế thì được mười pháp tịch tĩnh:

1. Tịch tĩnh không bị kiến chấp lay động.

2. Đối với các phiền não thường đầy đủ tịch tĩnh.

3. Đối với các tưởng, tịch tĩnh không tưởng.

4. Đối với các niềm vui của thế gian và các việc xoay vần liên tục, tịch tĩnh mà xả bỏ hết.

5. Đối với đức, chẳng phải đức đều tịch tĩnh không mong cầu, nhớ nghĩ, cũng chẳng nghĩ là không.

6. Pháp thiện, pháp ác tịch tĩnh không chấp thủ.

7. Người khiêm cung, bậc Hiền thánh, tịch tĩnh không mong cầu.

8. Cúng dường, xả bỏ, tịch tĩnh không vui buồn.

9. Đối với tất cả như pháp hay chẳng như pháp đều tịch tĩnh, đồng với nguồn gốc.

10. Thể nhập tịch tĩnh đối với những nơi bất tịnh, dùng pháp giáo hóa, tịch tĩnh, không chấp giữ, phân biệt, không có ý niệm nhàm chán, xả bỏ, nên dùng tâm như vậy.

Thiện Minh thưa:

–Bạch Đấng Thiên Tôn! Thế Tôn trao pháp cốt yếu cho con, con sẽ giảng nói khắp tất cả để báo ân, khiến người chưa nghe được nghe, người chưa biết được biết, người chưa độ được độ. Con đã nhiều lần sinh tử, tuy nhiều tuy lâu nhưng chẳng vì thế mà mệt mỏi, đã không chấp trước, đã giác ngộ, đã chí thành, đã không mê hoặc, đã có thể vào hàng ngũ này thì tùy nhân duyên mà thị hiện. Con không xem sinh tử là sinh tử, đã nhận được oai thần của Phật rồi, con đều hiểu rõ và sẽ cùng tu với năm trăm vị này. Cúi xin Đấng Thiên Tôn ban đại Bi nơi bốn tâm bình đẳng để dẫn dắt thể nhập giáo pháp, khiến con mau đạt được định ý Thành cụ quang minh này.

Bấy giờ, Đức Thiên Tôn mỉm cười, chúng hội đều thấy ánh sáng từ miệng phát ra, có năm màu sắc rực rỡ chiếu khắp mười phương, những ai đang đau khổ thì đều được an lạc, rồi ánh sáng ấy trở về đỉnh đầu như thường lệ.

Tôn giả A-nan sửa y phục, ngồi sang một bên chắp tay thưa:

–Đức Phật chưa từng cười vô cớ, Phật cười chắc là có nguyên do. Cúi xin Đức Như Lai giảng nói cho những người chưa nghe được nghe.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói kệ:

Tôn nhan Phật đẹp đẽ
Mặt, mũi, miệng trang nghiêm
Thân vàng ròng đẹp tuyệt

Phật cười, do nhân gì?
Trong miệng, răng trắng muốt
Môi đỏ như ánh lửa
Tám mươi tướng tốt đẹp
Cười chắc có nguyên do.
Răng bóng, bốn mươi chiếc
Lưỡi rộng phủ khắp mặt
Lời nói thoảng hương thơm
Phật cười, ai thành tựu?
Lông mi, râu xanh biếc
Hai mí mắt cân đối
Chính giữa tướng Bạch hào
Phật cười, ai mong nghe?
Thiên nhãn đã thông suốt
Đạo nhãn đã tròn đầy
Pháp nhãn cùng Tuệ nhãn
Bốn nhãn này đều đủ.
Cười ắt có cảm hứng
Giáo hóa người chưa chứng
Hoặc Phật sẽ thọ ký
Nên cười, rạng tôn nhan.

Đức Phật bảo:

–Này A-nan! Như Lai cười chân thật không hư dối. Năm trăm Hiền sĩ đi theo Thiện Minh, đời trước đã cúng dường hai trăm ức Đức Phật, đã ngồi nơi ấy, nghe một trăm ba mươi lăm hành của tuệ Thành cụ quang minh này. Từ khi mới được nghe, trải qua nhiều đời, họ thường kiên cường dũng mãnh, chứa nhóm nhiều điều thiện nhỏ, nhưng chưa thể hàng phục tâm để thọ trì hạnh của định ý tối thượng vi diệu thanh tịnh này. Tuy vậy, nhưng nhờ công đức được nghe, họ sinh bất cứ nơi đâu cũng thoát khỏi ba đường ác, thường được gặp pháp định ý tôn quý này. Hôm nay đến trong hội này, họ chú tâm nghe nhận, hiểu rõ cặn kẽ, thể nhập chân lý. Vào đời Đức Phật Từ Nhân, họ sẽ chứng đắc định ý Thành cụ quang minh này, sau ba mươi sáu vạn ức kiếp đều sẽ được thành Phật, lại dùng pháp này để giáo hóa, mỗi vị đều có một cõi nước, đều có danh hiệu là Tràng Tiết Bố Diệu Vương, lại tên Đại Quang Biến Hiển, Đại Thế Phục Ác, Mãnh Thạnh Oai Đức, Lưu Thủy Tịnh Âm, Cao Đức Phổ Tiếp, Cảnh Hiện Trừ Kiết và Hóa Huyễn Tự Tại, tên mỗi vị đều như vậy.

Bấy giờ, năm trăm hiền sĩ nghe Đức Phật thọ ký nên rất đỗi vui mừng, chứng đắc năm tâm không thoái chuyển:

1. Cúng tế cầu được phước tâm không lay chuyển.

2. Tất cả năm vị đều có thể nếm, đều là thân mạng của chúng sinh, không hề lay chuyển làm hại chúng sinh để làm ngon miệng mình.

3. An trụ chân chánh nơi hạnh Vô thượng độc tôn, không bao giờ lay chuyển, xả bỏ đạo nhỏ.

4. Biết pháp là tôn quý không gì sánh bằng, siêng năng tu hành, tuy có pháp khác hư vọng, xen lẫn nhưng tự mình dùng tâm pháp quán sát không hề lay chuyển.

5. Giả sử đời có Phật hay không có Phật, pháp hưng thịnh hay pháp suy tàn hoặc chấm dứt, tâm vẫn trụ nơi định ý, không vì chẳng có ngôi Tam bảo mà lay chuyển, làm theo nghiệp tà.

Đó là năm tâm không lay chuyển.

Khi thấu đạt được ý nghĩa tâm pháp này, chư vị ấy đều quỳ trước Đức Phật thưa:

–Đức Như Lai thương xót chúng con nên trao cho chúng con danh hiệu Phật, chúng con sẽ báo đáp ân này. Về sau, nếu có sinh vào đời tệ ác, chúng con sẽ siêng tu chân chánh, giữ gìn, tuyên nói pháp tôn quý, giáo hóa người chưa biết, người loạn động khiến chân chánh, người biếng nhác khiến siêng năng, người thoái lui khiến gắng sức, người chao đảo thì nâng đỡ, người thiếu sót thì bổ sung, người tăm tối thì chiếu ánh sáng, người kết sử khiến giải thoát, người sát sinh thì nói tai họa chết yểu, người trộm cắp thì nói sự nghèo khổ, bần cùng, người dâm dục thì nói họa của thân, người nói lời thêu dệt lừa dối thì nói tai họa của sự tiêu diệt tánh, người say sưa thì nói sự suy biến của thân.

Hôm nay, ở trước Đức Phật chúng con xin phát năm lời nguyện, tu hành hạnh Bồ-tát cho đến khi thành Phật không bao giờ dừng nghỉ. Cúi xin Đức Phật thương xót chúng con mà chấp nhận những lời nguyện này.

Nguyện thứ nhất: Chúng con tu tập hạnh Bồ-tát khiến thân mau được biến hóa khắp mười phương. Nếu gặp đời không có Phật, bốn chúng đệ tử hoặc người biết pháp tin là thật có Phật đã diệt độ, người ở thế gian thì sinh tà kiến, lưới nghi, không biết Phật cũng chẳng biết pháp, liền nói không có Phật, chỉ có hư vọng mà thôi, nếu xét có Phật sao không thấy oai thần của Phật? Hai bên tranh cãi như vậy, trong lúc tranh cãi, chúng con liền đến giáo hóa, thị hiện thân Phật, tướng tốt chiếu sáng, lại biến hóa oai thần trước hai người tranh cãi, khiến họ thấy liền tin có Phật, rồi lại nói: "Các ông chớ

nghi ngờ!" Người nghi ngờ này liền kinh sợ, vui mừng. Nhờ đây, chúng con thuyết pháp, dạy cho họ được giải thoát, rồi họ lại đi giáo hóa, như vậy không cùng tận.

Nguyện thứ hai: Đức Phật có mười hai bộ loại kinh cốt yếu, vô lượng pháp môn rất sâu xa vi diệu, sau khi Đức Như Lai diệt độ, mỗi đệ tử học một kinh, chỉ biết một quyển mà không thể biết hết, chưa hiểu sự bình đẳng về phương tiện của bốn thuyết, liền vấn nạn lẫn nhau, hoặc nói không, hoặc nói có, nói nghĩa này như vậy, nghĩa này không như vậy. Người thật biết nghĩa của pháp thì nói về tướng mạo của từ ngữ, người không hiểu ý nghĩa thì tham danh tự, trau chuốt hình dáng, nếu thông suốt liền vào trong chúng hội, hai bên tranh cãi, sân hận, bỏ thiện theo ác. Lúc họ đang tranh cãi, chúng con sẽ đến, hiện thân biến hóa vượt hơn chúng hội khiến họ im lặng không còn tranh cãi, những người ấy đã chân chánh rồi, chúng con giảng nói kinh pháp khiến họ đều vui mừng, rồi họ lại đi giáo hóa, như vậy không cùng tận.

Nguyện thứ ba: Sau khi Đức Phật diệt độ, những người thế tục, ngoại đạo và trong đại chúng đệ tử Đức Phật, hàng đệ tử Phật bàn luận giảng nói về ý nghĩa của pháp, phân biệt tà, chánh của các đạo, thứ lớp cao thấp, liền cho rằng trong chín mươi sáu đạo, Phật là tôn quý nhất, Ngài có bốn thần thông, bay đi biến hóa. Chư Thiên, nhân gian không thể bằng trí của Phật. Người ở thế gian không thấy Phật, theo tà kiến tin theo pháp nhỏ, bỏ pháp lớn, liền nói với đệ tử Phật: "Các ông chớ nói dối, cho rằng Phật có thần thông, bay đi biến hóa. Từ xưa đến nay trong loài người không ai được như vậy." Lúc họ đang nói điều này, chúng con hóa làm thân tướng Đức Phật, thị hiện các tướng tốt, biến hiện thần thông, đi giữa hư không, thân phát ra lửa, nước, khiến các người thế gian ngoại đạo kinh sợ, khi họ thấy được sự biến hóa thần thông rồi, chúng con thuyết pháp cho họ, trao chánh giới, rồi họ lại đi giáo hóa, cứ như vậy không cùng tận.

Nguyện thứ tư: Nếu người đọc tụng kinh Phật, ở một mình nơi nhà trống hoặc ở núi non, hoặc dân chúng, trưởng giả tôn quý ở nước lớn mà không có thầy dạy pháp hoặc thầy không sáng suốt, không có ai để thưa hỏi, tâm luôn nghi ngờ, chúng con sẽ hóa làm người dẫn dắt đi đến những nơi ấy, giảng rõ từng câu, phân biệt rõ ràng, khai mở tâm nghi ngờ khiến họ hội nhập vào pháp vi diệu, không còn nghi ngờ, rồi họ lại đi giáo hóa, cứ như vậy không cùng tận.

Nguyện thứ năm: Nguyện sinh ở cõi nước nào cũng được gặp Phật, sau khi Đức Phật diệt độ, hàng đệ tử xây tháp tạo hình tượng Phật và dựng

giảng đường bàn luận ý nghĩa kinh pháp. Nếu người thế tục ít học hỏi, kém trí tuệ, bị trói buộc bởi bốn điên đảo, nghe đệ tử Đức Phật giảng nói pháp xuất thế, cốt lõi của sinh tử, liền đến vấn nạn, không tin pháp chân chánh, chê bai, chỉ trích, tham danh cầu lợi, hoặc còn sân hận muốn đến phá hoại, lấn hiếp, mắng nhiếc, khinh thường khiến họ khó đến được chánh đạo, không thể tu hành. Đang lúc này, chúng con liền biến hóa hiện thân Phật, giảng nói pháp tuyệt diệu cho họ, hiện bày sự sinh tử, tai ương, phước đức ứng hợp với họ, đem họ đến cõi trời để xem phước đức, dẫn đến địa ngục để thấy tội báo, dùng oai thần của pháp để làm cho họ chấn động, dùng diệu lực của trí để hàng phục khiến những người ấy được hàng phục, tin theo đạo lớn, rồi lại đi giáo hóa, cứ như vậy không cùng tận. Chúng con tu đạo Bồ-tát như thế cho đến khi thành Phật, luôn thực hành năm lời nguyện này không hề ngừng nghỉ. Cúi xin Đức Thế Tôn dùng ân phước lớn để che chở, hộ trì cho chúng con khiến chúng con đạt được chí nguyện.

Bấy giờ, Đức Phật nói:

–Lành thay! Những lời nguyện này, những ai muốn thành tựu Bồ-tát thì nên nhớ nghĩ, từ nay về sau chắc chắn không mất di. Các ông nên thường hộ trì tu hạnh này, chớ để đoạn dứt, siêng tu tất cả mới mau đạt được chí nguyện này.

Đức Phật nói kệ:

Khởi tâm nguyện rộng lớn
Dùng năm nguyện giáo hóa
Vô số kiếp sẽ thành
Người nghi được vào đạo.
Đức này chẳng thể lường
Tu tập các hạnh lành
Nếu người nghe nguyện này
Lưới nghi được trừ sạch.
Năm nguyện là Phật địa
Giáo hóa hợp với đạo
Tuệ lớn, chẳng thể sánh
Nguyện này vượt loài người.
Năm trăm bậc Hiền sĩ
Phát nguyện ít ai bằng
Đời sau chẳng thể mất
Tất cả phước an vui.

Đức Phật bảo các Hiền sĩ và tất cả chúng hội:

–Pháp này là chân thật, nên phụng hành, nên lấy pháp này làm căn bản, nên nhẫn nhục không làm ác, không dùng lời dối trá, trau chuốt mà giảng pháp. Nếu ở nơi thanh vắng hoặc ở nơi tôn ty trong chúng hội thì bên trong nên chế ngự tâm mình khiến đúng như giới pháp, không vì ở nơi thanh vắng mà làm trái, không vì ở nơi chúng hội mà tự cao, không xem sự tôn vinh làm cao quý, không vì sự thấp hèn mà lay chuyển, không hổ với thiện, không thẹn với ác, không làm các việc vô ích, tâm như chánh pháp không bị lay động, chẳng tạo tác các niêm tăng hay giảm. Các Bồ-tát như vậy là đạt được căn lành của năm nguyện, mau chóng thành tựu quả vị Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Uế Vương đang ngồi một bên liền quỳ gối thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay cúi xin Đức Như Lai thị hiện oai thần của định ý Thành cụ quang minh này, khiến tất cả chúng hội được thấy rồi vui mừng, đều sẽ phát tâm kiến lập cội công đức này, những người chưa thành tựu được thành tựu, những người chưa độ được độ.

Khi ấy, trong chúng hội có vị Bồ-tát tên là Đại Lực Phổ Bình, Đức Phật bảo vị Bồ-tát này thị hiện oai thần của định ý Thành cụ quang minh. Bồ-tát liền vâng lời, nhưng vẫn ngồi yên không lay động, thể nhập vào định ý tịch tĩnh, trong khoảng khảy móng tay, các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, các núi lớn nhỏ, các núi chướng ngại lớn nhỏ, thảy đều biến mất, tất cả đều bằng phẳng, có màu lưu ly xanh biếc, lại khiến các cõi Phật khác ở khắp mười phương đều thông suốt, cùng thấy rõ nhau, cùng cách xa mà như cách một tầm vậy, quán sát nơi cư trú của chư Phật khắp mười phương như xem các vì sao, không thể tính toán được, lại dùng tay phải nâng tam thiên đại thiên thế giới chư Phật khắp mười phương đặt lên một ngón tay rồi nâng lên hạ xuống như nâng một hạt bụi, nhân dân và chúng sinh trong nước ấy không hề hay biết cũng chẳng có ý niệm sợ hãi.

Bấy giờ, Bồ-tát ấy lại đem các cõi nước của tất cả chư Phật khắp mười phương để trong đồ đựng vuông vức một thước mà không chật hẹp, biến hiện xong rồi trở lại như cũ. Tất cả chúng hội đều thấy như vậy nên rất đỗi vui mừng, cùng phát nguyện lớn, tâm họ đều an trụ nơi địa Vô thượng độc tôn, tám trăm vạn Bồ-tát và chư Thiên đều được định tuệ an lạc, sáu mươi vạn người đều thể nhập pháp môn giải thoát, sáu vạn tám ngàn người chứng đắc định ý Thành cụ quang minh này, các Bồ-tát mười phương tất cả đều hoan hỷ.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Những ai tu học định ý Thành cụ quang minh này nhưng vì ở nơi mê hoặc, chấp có, vì chấp có nên ô nhiễm, tăm tối, vì chấp

thủ nên ví như trong đêm tối lại nhắm mắt mà đi nên chẳng thấy gì. Người không thể thấy nên nay thọ thân thiện hay ác là do nhân đời trước đã tạo, vì không hiểu biết nên kêu la gào khóc cho rằng đời này làm thiện mà lại nhận tội ác, hoặc đời trước làm ác lại được phước lành, không tư duy rõ nguồn gốc này, bị buộc chặt vào lưới nghi; do ở nơi lưới nghi nên có khả năng học cũng chẳng muốn học, có thể siêng năng cũng chẳng muốn siêng năng, có thể hội nhập cũng không muốn hội nhập, do đó mất định này, ở trong buồn khổ, lo âu nhiều kiếp từ xưa đến nay không hề ngừng nghỉ, gọi là sự vận hành khổ nhọc.

Này Thiện Minh! Như Lai ra đời mục đích vì những người mê muội, những ai tu học chánh định này thì dù đó là loài sinh tử, ý niệm mê hoặc đi nữa cũng mau được diệt trừ, lại có thể dẫn dắt tất cả các chúng sinh tham chấp. Này Thiện Minh! Hãy luôn tư duy về pháp Không, chớ trụ nơi mê hoặc.

Thiện Minh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Hiền sĩ sinh ở trong dòng họ thống lãnh các quan chức hoặc làm việc nước, tâm nhiều phiền loạn không thể chuyên nhất, muốn học định này thì nên làm thế nào?

Đức Phật nói:

–Hiền sĩ có nhân duyên làm quan hoặc ở nơi chẳng yên ổn muốn học định này mà không thể giữ gìn tâm thì nên biên chép kinh này để cúng dường, thiết lập lầu gác, đốt hương kính lễ, trong triều có người nhập định thì trong ba thời luôn cúi đầu làm lễ, chí tâm khẩn cầu, lại nên thực hành mười lăm việc:

1. Không sát sinh.
2. Phóng sinh.
3. Không trộm cắp.
4. Bố thí cho người khác.
5. Không dâm dục.
6. Tránh xa hương và sắc.
7. Không lừa dối.
8. Nói lời ngay thẳng an lành.
9. Không uống rượu.
10. Không tặng rượu cho người khác.
11. Giúp đỡ những người ốm yếu không để họ chết oan uổng.
12. Gặp người sắp sinh thì gia tâm Từ bi khiến họ được vẹn toàn.

13. Nghe nhận thệ nguyện rộng lớn, dùng giáo lý chân chánh để giáo hóa tất cả không để sót mất.

14. Có ai đến quy y thì bình đẳng dạy bảo ứng hợp với pháp luật khiến chẳng sai trái.

15. Dùng phương tiện thiện xảo làm tối thượng, bố thí khắp dân chúng, trọn đời không biếng nhác.

Tu hành mười lăm giới này chẳng được buông bỏ, đây cũng là ứng hợp với giáo pháp định ý, chắc chắn không sót mất, về sau mãi mãi được giải thoát.

Thiện Minh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phàm phu bị tội báo đời trước lôi kéo, ở nơi không an ổn, bị cột trói quản thúc, nhưng có chí nguyện đối với định ý Thành cụ quang minh này nhưng lại không được làm theo ý muốn, muốn tu học định ý này thì phải làm sao?

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Người phàm phu ấy nếu chí tâm muốn học thì cũng như trên đã nói, biên chép kinh này, xây dựng lầu đài, đốt hương kính lễ, suốt ba thời nên tu hành thêm mười việc:

1. Giữ gìn năm giới không thiếu khuyết.

2. Nên dùng thời gian nhàn hạ mà siêng năng tụng niệm định ý này.

3. Tuy làm nhiều việc mà trong tâm luôn nhớ nghĩ khiến chẳng quên mất.

4. Dù ở nơi chốn khổ sở lao nhọc, nên biết là do hành động đời trước đã tạo mà không hề sân hận.

5. Nếu ở nơi không có hình tượng Phật, không thể xa lìa chúng xấu ác thì tâm luôn ghi nhớ, hướng về bốn phương làm lễ, như đối trước Đức Phật không khác.

6. Cẩn trọng nhu nhuyến, điều hòa tâm ý, khiêm hạ đối với tất cả.

7. Mọi việc làm đều tới nơi tới chốn, không hư dối.

8. Làm lợi ích cho bạn bè, không yêu quý sức lực của mình.

9. Nếu thấy người già yếu, tật bệnh khổ sở thì nên thương xót giúp đỡ, luôn chí tâm không giả dối.

10. Nên quy y ngôi Tam bảo không hề quên mất.

Đó là mười việc. Người phàm phu tuy ở nơi chốn khốn khổ, nên tu hành mười việc này, chớ bỏ sót, chớ biếng nhác, cũng khiến giáo pháp định

ý này mãi mãi không mất, về sau được giải thoát lâu dài.

Thiện Minh bạch Phật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu có hiền nữ sinh ở trong dòng họ có duyên nghiệp với việc tại gia, không thể xa lìa, muốn học định ý Thành cụ quang minh này thì phải làm sao?

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Người nữ có nhân duyên tại gia, chí tâm muốn học định ý này thì cũng như trước đã nói, nên biên chép kinh này, xây dựng lầu gác, cúng dường cờ hoa, đốt hương lễ bái, cúi đầu sát đất, trong ngày từ khi gà gáy, chia làm ba thời luôn lễ bái không gián đoạn, chí tâm cẩn trọng, thường nguyện xa lìa thân nữ, tâm đoạn dứt ái dục, thường như vậy không hề biếng nhác, lại nên thực hành hai mươi việc:

1. Giữ mười lăm giới của bậc Hiền sĩ như trên, cùng mười giới của phàm phu không hề thiếu sót.

2. Trừ sạch tâm đố kỵ.

3. Giảm bớt sự ưa thích vòng đeo trang sức.

4. Bỏ trang sức phấn sáp.

5. Không buông lung.

6. Y phục đơn giản, không xa hoa cầu kỳ.

7. Chăm lo trong nhà, dùng tâm từ để đối xử.

8. Dịu dàng sai bảo tôi tớ, không dùng hình phạt đau đớn.

9. Giúp người neo đơn, cho y phục bình đẳng.

10. Hiếu thuận với bậc trưởng thượng, nhân từ với người dưới.

11. Nói nhỏ nhẹ từ tốn, nên tự xét mình.

12. Khiêm nhường, thành thật, thường biết hổ thẹn.

13. Làm việc gì thì biết chắc việc ấy, dùng hương thơm tinh khiết để dâng cha mẹ chồng, cúng dường ngôi Tam bảo và thầy bạn.

14. Đối với thân sơ thiện ác luôn từ bi bình đẳng, không có tướng về bốn niệm sai biệt này.

15. Nếu ở nơi phòng riêng hoặc ở nơi thanh vắng không có ai thì tâm cũng không nghĩ đến tham dục.

16. Đoan chánh, chuyên nhất, tâm luôn trụ nơi pháp.

17. Muốn bố thí làm phước báo tôn quý sau đó mới thực hành.

18. Tâm không tự chuyên nhất, thường dùng sự tùy thuận để nhắc nhở bản thân mình, khiến như Chánh pháp.

19. Trọn đời không có ý niệm tà nhìn qua tường thấp.

20. Đứng ngồi, nói năng không hề đùa giỡn, thường ứng hợp với pháp luật không hề xem nhẹ.

Đó là hiền nữ tại gia tu hành pháp chánh định, như vậy chớ để sai sót, công đức được dần dần đầy đủ, về sau được giải thoát lâu dài.

Thiện Minh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nữ dòng họ thấp hèn, tánh thích làm điều thiện nhưng nhà nghèo khổ, làm việc cực nhọc, lo lắng về y phục, ẩm thực, chẳng được tự do, bên trong nhàm chán tội lỗi muốn mau được giải thoát, nghe pháp định ý Thành cụ quang minh thanh tịnh tôn quý này, chí tâm muốn tu hành thì nên làm thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Thiện Minh! Những người nữ ở nhà nghèo nàn muốn tu học định này, tuy không thể thực hành đầy đủ pháp chân thật này nhưng nên tu tập theo mười việc sau, chớ làm trái:

1. Gần gũi bạn hiền, giữ gìn năm giới không hề thiếu sót.

2. Tuy bị đói lạnh nhưng nhẫn nhục không hề sát sinh trộm cắp, tự mình làm cho no ấm.

3. Tuy ở một mình vẫn không tà dâm, luôn rèn luyện tâm ý.

4. Tuy nghèo khổ vẫn nhẫn chịu không mong cầu tài sản.

5. Đối với rượu, thức ăn, ca múa nên nhẫn chịu không hề nhớ đến.

6. Tôn kính thực hành pháp định này.

7. Luôn thực hành năm tâm thiện:

- Nhớ nghĩ tâm bố thí.

- Tâm cung kính.

- Tâm lễ tiết.

- Tâm khiêm hạ đối với tất cả.

- Tâm hàng phục các trạng thái.

8. Tuy đang làm việc nhưng tâm luôn nhớ nghĩ đến pháp này không biếng nhác.

9. Sáu ngày chay nên vào tháp lễ bái ngôi Tam bảo.

10. Tuy không có tiền của để bố thí nhưng thường đích thân quét dọn tháp miếu, đem nước sạch cúng dường chúng Tăng, tắm rửa sạch sẽ dùng sức lực để bố thí, siêng năng không nhàm chán.

Đó là mười việc mà người nữ ở nhà nghèo khó nên tu tập, không hề

biếng nhác, thời được cao vời, sinh ra liền gặp Phật, thường gặp pháp định ý, về sau được giải thoát lâu dài.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Như Lai đã giảng nói rõ về bốn loại giới pháp của hiền nữ phàm phu, hiền nữ quý tộc, hiền nữ dòng họ thấp hèn và những ai ưa thích hạnh này, nêu đích thân thực hành không thiếu sót thì phước đức của người ấy khó ví dụ được.

Này Thiện Minh! Ví như có người dùng bảy báu đầy khắp mười phương lên đến tầng trời hai mươi tám để bố thí, trăm ngàn kiếp không ngừng nghỉ, so với công đức của bốn hạng người tu hành bốn phẩm pháp của định ý Thành cụ quang minh này thì phước đức người tu hành lớn hơn vạn ức lần. Vì sao? Vì phước bố thí ấy có chấm dứt, có khổ đau, có đến đi, có phiền não, có ăn uống, tu hành định ý Thành cụ quang minh này thì không có năm việc trên, tịch nhiên thanh tịnh, diệt trừ tất cả. Đây gọi là pháp tôn quý bậc nhất, là thù thắng vậy.

Này Thiện Minh! Nên giảng nói rộng rãi giới này, khiến cho tất cả đều được nghe nhận, thọ trì theo, hàng Bồ-tát cũng nên khuyến khích, ủng hộ họ.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Minh! Sau khi Như Lai diệt đô, có người tu hành định ý Thành cụ quang minh này và biên chép, thọ trì, cúng dường, đảnh lễ kinh này thì sẽ có mười hai vị đại Thiên thần ủng hộ, khiến không bị quấy nhiễu, luôn giàu có, ở nơi yên ổn, không bị kẻ ác làm thương tổn. Nay Như Lai sẽ nói tên các vị thần này cho ông, những ai bị tai nạn lửa, nước, giặc giã, đao binh mà đọc tụng kinh điển này thì không bị nguy hiểm làm hại, mười hai vị Thiên thần liền đến ủng hộ, không bao giờ bị tai ương. Như Lai không nói sai vậy, nên giảng nói kinh này rộng rãi khiến tất cả chúng sinh được đọc tụng, tu tập. Mười hai vị thần là: Thần Đại Hộ, thần Phước Cứu, thần Hựu Chúng, thần Bất Ách, thần Thiện Tướng, thần Quang Minh, thần Đạo Giới, thần Bạt Khổ, thần Đại Đô, thần Độ Ách, thần An Ẩn và thần Phổ Tế.

Này Thiện Minh! Đó là mười hai vị Thần, họ lại nguyện với Như Lai là hộ trì người nào tu tập pháp này, nơi nào có pháp định ý Thành cụ quang minh này lưu hành thì họ sẽ khiến có năm việc thanh tịnh:

1. Khiến tòa cao tôn trí kinh này được thanh tịnh.

2. Đốt hương quét đất khiến được thanh tịnh.

3. Y phục được thanh tịnh.

4. Tâm, miệng, ý thường thanh tịnh.

5. Khi đọc tụng kinh, trước cúng nước trong sạch, rửa tay súc miệng thường khiến thanh tịnh.

Đó là năm việc.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Như Lai đem pháp định ý Thành cụ quang minh này giao phó cho ông, khéo biên chép kinh này cẩn thận chớ để thêm bớt, siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ mau được giải thoát. Này A-nan! Kinh này rất khó gặp. Vì sao? Vì đây là kinh cốt yếu phát xuất từ sáu pháp Ba-la-mật, mới được thể nhập Chánh định, là một trăm ba mươi lăm hạnh này, trong đây có lời giáo hóa, có lời dạy khiêm nhường, có lời dạy nhẫn nhục, có lời dạy lễ tiết, có lời dạy về các pháp thiện, có lời dạy về pháp không cho đến chốn diệt độ, có đầy đủ tất cả. Tướng tốt và năng lực trí tuệ của thân Phật đều từ pháp này phát ra, là pháp tôn quý, cao thượng, đoạn trừ sinh tử, gọi là pháp không thể so sánh được. Như Lai lại giao phó cho ông, là đem sự chân thật để trao, nên thông đạt điều này, Như Lai xuất hiện ở đời khó có thể gặp được, pháp chân chánh cũng khó được gặp. Ông chớ nên xa lìa.

Tôn giả A-nan thưa:

–Con xin nhận lời Đấng Thiên Tôn dạy bảo.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, các vị Bồ-tát từ mười phương và các Thiên thần đến kính lễ Đức Phật rồi hoan hỷ trở về nước của mình. Chúng Bồ-tát, La-hán, Trời, Rồng, Quỷ thần cùng bốn bộ chúng ở cõi Ta-bà nghe kinh này xong rất đỗi vui mừng, tất cả đều đảnh lễ Phật sát đất và lui ra.

-oOo-

SỐ 631

KINH PHÁP LUẬT TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Ngô, cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy.

Thuở nọ, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo, các Bồ-tát, bốn bộ chúng đệ tử, trời, người, rồng, thần… tất cả nhóm họp đông đủ.

Khi ấy, Đức Phật nói với chúng hội:

–Có Tam-muội Pháp luật, Bồ-tát học Tam-muội này nên dùng sự hòa thuận để điều phục tâm tánh, thể nhập sâu xa vào pháp vi diệu nhưng không được khinh mạn. Vì sao? Vì người chưa thể nhập vào pháp sâu xa, không biết công đức của ba môn học giới, định, tuệ là sâu dày hay cạn mỏng, hoặc vì buông lung nên bỏ mất bổn tâm. Nên biết, những người ấy có mười hai hạng, tự rơi vào tội lỗi lớn, không thể nào hối cải được. Những gì là mười hai hạng người học đạo?

Người không gặp bậc minh sư, hiểu biết chưa rộng mà tự cao ngạo ngã mạn, muốn cầu danh tiếng, chê bai pháp Bồ-tát cho rằng chẳng cần thiết, lại nói lời dối gạt rằng: "Thầy tôi giảng nói, đã tự đọa mình lại làm cho người khác bị đọa." Hạng người này giống như ví dụ về người hầm nấu thịt khỉ có chất độc, chỉ muốn hại người khác mà không hề biết mình đang tự giết mình. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ nhất.

Có người học được kho tàng pháp của Bồ-tát, được nghe kinh điển sâu xa, chưa từng thưa hỏi với bậc thầy, không biết nghĩa lý, lại tự dụng tùy ý, khinh thường Bồ-tát đã thành tựu. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ hai.

Có người đã học kinh điển sâu xa, giữa chừng lại bị rơi vào chữ nghĩa, chê cười đại đạo, cho là chuyện xa vời. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ ba.

Lại có người học mà không thể nhập sâu xa, chỉ muốn nương vào đạo để lo chu toàn cho cuộc sống, không hiểu rõ nghĩa lý của đạo, chỉ luôn đi

hủy báng kinh pháp. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ tư.

Có người tuy học nhưng không dốc hết tâm ý, chỉ muốn để yên thân và tỏ vẻ mình là người hiểu biết, dùng những lời nói hay đẹp trong kinh, cho người khác là sai quấy, lại khiến cho người khác có kiến chấp điên đảo ưa dua nịnh theo rồi chỉ trích, vạch lỗi người khác, cho người khác là không đúng, là tầm thường, dối trá, chê bai điều tốt xấu, hay dở của người khác để mong mình được tiếng khen. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ năm.

Có người ngu tối luôn luôn ganh ghét bậc hiền tài, đối với người giảng pháp, luôn có lòng ác muốn làm hại, không màng gì đến đạo đức, chỉ tham lợi dưỡng. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ sáu.

Có người vừa mới học đạo, nhờ bậc minh sư chỉ dạy nên được hiểu rõ, nhưng người ấy chẳng nhớ ân đức của thầy, lại nói: "Do ta tự biết, chẳng nhờ ai giảng giải", rồi không chịu theo thầy thưa hỏi về kinh pháp. Hạng người này không hề biết hồi tâm chuyển ý, tội không phải nhẹ. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ bảy.

Có người đã phát tâm Bồ-đề, muốn học kinh điển, Phật pháp, nhưng theo thầy chưa lâu, lễ tiết chưa quen, nghe lời thầy giảng dạy, biết được các phương tiện quyền biến nhưng chưa tường tận nghĩa lý, dùng nhiều lời lẽ hoa mỹ để giảng nói một cách phi pháp, lại ngầm ý bắt chước theo việc làm của thầy, tự cho là chính mình làm. Do vậy, bị mất trí tuệ quyền biến, rơi vào lưới ma. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ tám.

Hạng người có học mà cũng như vất bỏ qua một bên. Thế nào là vất bỏ một bên? Nghĩa là nhờ theo bậc minh sư, được hiểu rõ trí tuệ quyền biến, thấy người đã thể nhập vào trí tuệ ấy, không một lần nào đến để thưa, giữa chừng lại biếng nhác, ôm lòng xấu ác, cứ nghĩ do điều dở của thầy làm mình bị rơi vào phi pháp, không tự hiểu biết, trái với đạo và bỏ mất trí tuệ, đó là vất bỏ một bên. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ chín.

Có người hiểu được trí tuệ quyền biến vi diệu nhưng lại có tội bất kính, phế bỏ kinh điển, lại nói sai sự thật rằng: "Thầy chẳng biết điều gì, những điều ta được học từ nơi thầy đều chẳng đúng. Từ nay, ta không theo phụng sự thầy nữa", khiến cho những người không biết đều tin theo. Hạng người này chẳng những tự uống thuốc độc mà còn cho người khác uống nữa. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ mười.

Lại có người học đạo, theo bậc minh sư được hiểu rõ kinh điển sâu xa, có Bồ-tát có lòng tin và dốc lòng tu hành muốn theo cầu học nhưng người ấy nhất định không dạy, lại nói: "Không có Hiền thánh, chỉ có Thanh văn", chưa từng có chánh kiến về kinh điển, niềm tin vào giới luật cũng

chẳng có. Hạng người này tìm tòi kinh điển là để phản bác với người khác, rồi dùng lời lẽ thế tục để so sánh, giảng giải, dạy cho người khác một cách hư dối, khiến cho đạo chân chánh thành ra nghĩa hời hợt. Những người đã tự chuốc tội lớn lại làm cho người khác bị lầm lạc. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ mười một.

Có người tuy có học đạo nhưng không dốc lòng kính tin, chẳng biết thật, giả, không sợ tội lỗi, dua nịnh theo người giàu sang, không hiểu rõ đạo, hủy báng Phật pháp, chê bai chúng Tăng. Những người này tự làm mình bị đọa vào tám nạn, lại làm cho người khác bị tăng thêm tội lỗi. Đó là hạng người tự thiêu đốt thứ mười hai. Người phạm tội này không thể sám hối trừ tội, vừa ra khỏi ba đường ác thì liền bị đọa vào lại.

Đó là mười hai hạng người rất khó hóa độ.

Đức Phật lại nói:

–Này A-nan! Vì thế nên ta dạy cho ông về Tam-muội Pháp luật, ông hãy giảng nói cho người khác khiến họ được hiểu rõ để phòng hộ tâm ý, không tạo những phước nhỏ. Nếu phạm tội dù nhỏ mảy may thì tội sẽ lớn như núi Tu-di, bỏ mất ba ngôi quý báu trong thời gian lâu dài, bị đọa vào đường không biết đến bao giờ. Nếu chỉ tham ái trong giây lát thì sẽ bị khổ sở không thể nói hết.

Khi Đức Phật giảng nói như vậy, tất cả đại chúng ai ai cũng đều cảm thấy xấu hổ. Những người giác ngộ được điều ấy đều nhập vào địa thứ sáu. Tất cả chúng hội đều đứng dậy đồng thanh khen ngợi:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã vì chúng con và những người học đạo đời sau mà mở bày ánh sáng lớn, khiến cho tất cả chúng con đều đạt Tuệ nhãn.

Rồi tất cả chúng hội đồng đảnh lễ Phật, cung kính nguyện thọ trì lời dạy của Phật.

Đức Phật nói:

–Vào đời xa xưa, có vị Bồ-tát tên là Hữu Đạo Chí cùng với mười bốn vạn người đều phát tâm Bồ-tát ở chỗ Đức Phật Vi-la-đề. Trong số ấy, có một người tài năng bậc nhất tên là Hiền Hạnh. Khi ấy, Bồ-tát Hữu Đạo Chí phụng sự, tôn Hiền Hạnh làm thầy. Trải qua nhiều kiếp vẫn không quên mất tâm ý, Hiền Hạnh tu hành tinh tấn sau sẽ thành Phật hiệu là Thế Đầu Bào, chỉ có Hữu Đạo Chí được thọ ký, còn những người khác đều rơi vào hạnh Thanh văn, hiện nay đang ở trong năm đường.

Vì chưa hiểu rõ, Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những vị ấy đã được gặp Phật, sau đó họ có được kinh sâu xa hay không?

Đức Phật đáp:

–Tất cả đều đạt được, nhưng không nỗ lực tu học, không thưa hỏi về trí tuệ, không cung kính phụng sự thầy tổ và khinh người, khinh pháp.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những vị ấy đều đã phát tâm cầu đại đạo vì sao lại bị đọa lạc?

Đức Phật nói:

–Là do bốn điều sau đây:

1. Tuy có học đạo nhưng không biết phương tiện thiện xảo, khinh thường thầy bạn, không hề nhất tâm, tâm ý luôn luôn thay đổi.

2. Tuy học đạo nhưng không tinh tấn, chẳng có đạo lực, chỉ ham danh dự, mong được người khác cung kính.

3. Học đạo mà đối với việc hầu thầy không hề chịu khó, siêng năng, chỉ lo việc tỏ ra vẻ bề ngoài, cao ngạo ngã mạn, không lúc nào biết dốc lòng.

4. Ưa học theo ngoại đạo, tập tành theo người tà kiến, đem những lý thuyết của những học phái khác để so sánh với kinh điển sâu xa của Phật rồi nói pháp nào cũng như pháp ấy.

Khi ấy, mười bốn vạn người đều suy nghĩ như vậy. Đời sau đó, họ dần dần thoái chuyển, cách xa đại đạo. Chỉ có Hữu Đạo Chí ý chí mạnh mẽ, vẫn phụng sự Hiền Hạnh cho đến lúc thành Phật đúng theo lời thọ ký.

Khi Phật giảng nói như vậy, một trăm mười vạn trời, người đều phát tâm Bồ-tát.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, người học đạo phải có tâm cung kính, trái lại, nếu buông lung thì sẽ mất gốc rễ đại đạo, phải hết sức cẩn thận! Từ nay, những người mới học đạo, muốn thể nhập vào pháp, phải biết phân biệt được thiện, ác, không rời xa thầy lành, bạn tốt cho đến khi thành tựu.

Đức Phật nói:

–Chỉ có một số ít người, luôn cố chấp theo ý mình, không thể nào hóa độ được.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Phàm người có tướng ác, họ có thể tự biết hay không?

Đức Phật nói:

–Người ngu trong thiên hạ chỉ thấy điều ác của người khác, chẳng tự biết điều ác của mình, ngược lại, chỉ thấy điều thiện của mình, không thấy điều thiện của người khác. Người tự xưng mình là người trí thì chẳng phải người trí, tự cho mình sáng suốt thì đó đúng là người hết sức ngu tối, nói rằng: "Ta biết rõ về kinh điển", thì đó là người mê lầm, người cho rằng mình biết pháp lớn mà không phụng sự thầy, thật không thể đáng tin. Trí Phật bao la rộng lớn không thể suy lường, chỉ thấy nghe được chút đỉnh lại cho là đủ, rồi tự cao ngạo, ngã mạn, đó lại là người trí hay sao? Chỉ có người dốc lòng tu học, thân cận thầy lành mới là người trí tuệ sáng suốt. Người ngu không thể biết có người trí tuệ sáng suốt ở đời. Vì thế mới có người trí kẻ ngu riêng biệt.

Phàm người ngu si chỉ thấy người khác cao ngạo, không tự biết mình cao ngạo. Người tự thấy lỗi của mình mới có thể nói điều thiện với họ. Còn người tự thấy mình có điều thiện thì không thể nói phép tắc gì với họ. Những người nào tự nghĩ mình có thể hiểu những điều khó khăn thì có thể bàn luận về đạo cùng với họ, người không như thế thì sự bàn luận ấy chỉ làm cho họ càng tăng thêm tâm kiêu mạn. Người tự cho mình có khả năng thì không thể giảng nói về pháp nhẫn nhục cho họ, vì nếu có hiểu họ cũng không thọ trì.

Người hiểu rõ ý nghĩa của đạo và luôn khiêm tốn thì có thể giảng nói những điều cốt yếu của kinh điển vi diệu; còn người không như vậy, thì giảng chỉ làm trói buộc sự hiểu biết.

Người thâm nhập vào pháp vi diệu thì có thể nói cho họ về các pháp không đầu mối. Người không như vậy thì họ lại nói lời nghi ngờ rằng: "Ta biết pháp Bồ-tát nói còn có sự tham đắm, ta đã thể nhập vào thanh tịnh…", mà không tự biết mình là người nhiễm ô, vừa bắt đầu học thì nói mình đã hiểu rõ. Người ấy chỉ biết các việc ma mà không hề biết mình đang ở trong lưới ma, như tằm làm kén tự ràng buộc mình. Muốn biết rõ tất cả, phân biệt được các ý nghĩa trong ngoài, cạn sâu…, nên thưa hỏi những người đã tu học lâu và thành tựu pháp Bồ-tát, gần gũi bậc thầy lành mới có thể hiểu rõ được thế nào là việc làm của ma.

Đức Phật tiếp:

–Học đạo không thể không thực hành kỹ càng, không thể không giữ gìn tâm ý. Nếu quên mất bản tâm sẽ bị rơi vào phi pháp, tâm ý làm theo những điều tà vạy. Những việc không nên làm thì chớ làm. Những người

bị phạm lỗi lớn, bị đọa vào đường ác là đều do ngu si, không làm theo chánh pháp, bị ở trong chỗ của ma, tạo tội chẳng phải nhỏ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người mới phát tâm thật sự rất cần phải tự giữ gìn, nếu thích ở yên trong pháp Tiểu thừa thì bỏ mất Đại thừa, hạng người như vậy không phải ít. Thuở xưa vào đời trước, con cũng có tâm ý như thế, mất pháp Đại thừa, chỉ được pháp Đại thừa, muốn sám hối chẳng còn kịp nữa.

Đức Phật nói:

–Bản tâm của mình mà không hiểu rõ thì đều bị như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là nguồn gốc của người, nguồn gốc của năm ấm, nguồn gốc của sáu nhập, nguồn gốc của mười hai duyên khởi và nguồn gốc hội nhập của chín mươi sáu học phái…? Thế nào là nguồn gốc của bốn Đế, nguồn gốc của đệ tử Thanh văn, nguồn gốc của danh hiệu Phật, nguồn gốc của Như Lai…?

Làm thế nào để biết những điều đó, chúng con chưa từng nghe Phật dạy, vì không hiểu rõ nguồn gốc là không nên bị rơi vào Tiểu thừa. Kính mong Ngài vì những người mới học đạo mà phân biệt giảng nói.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Ông đã hỏi những điều rất hay. Ta sẽ giảng giải, những ai muốn nghe thì hãy lắng nghe.

Khi ấy, tất cả chúng hội đều vâng dạ xin lắng nghe.

Đức Phật nói:

–Nguồn gốc của người là không từ đâu sinh ra, không có đối tượng thọ nhận, không người làm ra, không chủ tể, không sắc, không có thức, không sinh, không diệt. Nên biết nguồn gốc như vậy.

Nguồn gốc của năm ấm là không có chỗ ở, tùy theo đối tượng chấp thủ mà liền thành ấm, sự thành hoại đều như huyễn, tất cả không có gì mạnh mẽ. Biết được như vậy thì không còn chấp thuận các ấm.

Nguồn gốc của sáu nhập giống như cánh đồng trống không, vì có đối tượng xúc nên gọi là các nhập. Các nhập ấy như hư không, chẳng có nơi chứa nhóm. Người biết nguồn gốc thanh tịnh thì không còn chấp thuận các nhập.

Nguồn gốc của mười hai duyên khởi không có đầu mối, không từ đâu đến, không đi về đâu. Người ngu si thì không thể nhìn thấy được, các duyên không có giới hạn, cho đến già, chết đều như mộng, chẳng thật có. Muốn

đạt được pháp Nhẫn vô sinh phải biết nguồn gốc như vậy.

Nguồn gốc hội nhập của chín mươi sáu học phái đều từ tham dục, sáu mươi hai kiến chấp bỏ cái bên trong nắm giữ cái bên ngoài. Bỏ bên trong nắm giữ cái bên ngoài nghĩa là sao? Nghĩa là: Thân chỉ là một loại huyễn hóa, hư dối, chẳng thật, mà lại mong cầu vạn mối, tham lam không xả bỏ, vì muốn giữ thân tồn tại lâu dài mà phải bị ở mãi trong sinh tử.

Nguồn gốc của bốn Đế cũng không có cội rễ, Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều do quan sát mà hiểu ra. Người thấy được pháp không thanh tịnh là nhờ biết được nguồn gốc của bốn Đế này.

Nguồn gốc của Thanh văn là ban đầu quan sát thấy thế gian là có, không hiểu thế gian là vốn không, nhàm chán khổ sinh tử, chuyên tâm quan sát các pháp, đoạn trừ năm ấm, thực hành thanh tịnh theo pháp không, trừ sạch các tưởng, diệt tận các lậu, rồi đạt được giải thoát. Đó là nguồn gốc của A-la-hán.

Nguồn gốc của Bích-chi-phật là gì? Người học thực hành các pháp công đức khi chưa am hiểu thấu đáo, vừa nghe có Phật liền muốn đạt danh hiệu Phật là gì. Không có lòng đại Bi, chẳng biết phương tiện thiện xảo, lại nói ta đây có ý tưởng đặc biệt nên được nhìn thấy Phật. Muốn tu theo đạo thanh tịnh mà chẳng gần gũi bạn lành. Tuy chứa nhóm công đức nhiều như cát ở sông cũng đều vô ích, chẳng thể nhập được vào trí tuệ quyền biến, không tu hành làm trang nghiêm cõi nước và các tướng tốt, nửa chừng thoái lui, nhờ giác ngộ pháp nhân duyên mà được thành Phật. Đó là nguồn gốc của Bích-chi-phật.

Nguồn gốc của người chứng quả Phật là từ khi phát tâm đến khi thấy được thân như hư không, các pháp vốn thanh tịnh, hiểu rõ chúng sinh vốn đầy đủ các công đức, tất cả các ấm, giới, nhập đều vốn không; hiểu rõ các công đức lúc thành tựu cũng chẳng khác lúc lập thệ nguyện, trí tuệ có được không sinh cũng không diệt, không đến cũng không đi, không ở trong Niết-bàn cũng chẳng lìa pháp không, giống như hư không, không thể nào dời đổi. Đó là nguồn gốc của người chứng quả Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tâm ý của Phật thật vi diệu, chẳng phải như các A-la-hán. Đức Phật biết rõ mọi điều, những người mới học đạo như chúng con đều ở trong trói buộc mà mong cầu giải thoát, ý chí nhỏ, sự học còn cạn cợt, chúng con phải nương nhờ Đức Phật để được giải thoát. Tuy nghe đại đạo nhưng chúng con không hề để tâm tu học, giống như người nông dân nghe được những việc làm của vua, trong chốc lát tuy có thích vậy

nhưng không thể bắt chước được. Những người tuy đã ở lâu trong ba đường ác nhưng dốc lòng tu học đại đạo thì cũng có thể thành Phật, hàng A-la-hán chúng con lại chẳng có tâm ấy. Những người tu hành hạnh Bồ-tát thật vô cùng thích thú, chư vị đã phát tâm lớn, thể nhập vào pháp sâu xa rộng lớn, chỉ cần tinh tấn tu hành mà thôi.

Bấy giờ, có vị Bồ-tát tên là Dũng Thanh, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại đạo thật vi diệu, chẳng phải đối tượng hiểu biết của tri thức thế gian, chỉ có những người thể nhập sâu xa mới thấu đạt lý vi diệu ấy. Sợ những Bồ-tát mới phát tâm học ba môn học sau này cũng như những đệ tử Thanh văn và các Duyên giác, còn mê mờ chưa tỏ ngộ, thấy nghe được đôi chút lại cho rằng mình đã sáng suốt, rồi tranh cãi hơn thua càng thêm lầm lạc. Kính xin Đức Thế Tôn từ bi dứt trừ nghi ngờ cho chúng con: Những người tu học đều thực hành thiền định, mỗi người thành tựu mỗi khác, làm sao để phân biệt biết được? Hàng đệ tử Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, các bậc Đại thừa, các ngoại đạo và những vị tiên thành tựu năm Thần thông… ý nghĩa thiền định của các vị ấy là gì?

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay Đại sĩ! Vì muốn ủng hộ cho tất cả nên mới thưa hỏi như vậy. Tuy tất cả những người ấy đều thực hành thiền định nhưng ý nghĩa không giống nhau. Những người học theo thừa Thanh văn nghe có bốn Thiền liền dốc lòng tu tập và nhanh chóng đạt được, không kịp biết đến các pháp lớn sâu xa vi diệu khác, sợ khổ, nhàm chán về thân, nhất tâm tư duy, chỉ muốn tự độ mình, không nghĩ đến chúng sinh, chỉ mong đạt được diệt độ. Những việc làm phước đức: Trì giới, tinh tấn đều mong đạt đến Niết-bàn, không biết Đức Phật vào ra Niết-bàn đều vì lòng đại Từ, lại nói rằng: "Muốn đạt đến Niết-bàn phải thông suốt về bốn Thiền, đạt ba hoạt", vừa đoạn trừ sinh tử xong thì liền qua đời. Đó là sự nhập vào thiền định của A-la-hán.

Bích-chi-phật từ khi mới phát tâm đến lúc thành tựu, không hề gần gũi bạn lành, cho rằng ở thế gian có thực hành điều gì cũng luôn có chấp thủ. Chấp thủ là gì? Là tạo các công đức để mong cầu được thành Phật; tin rằng thiền định là vi diệu, không cần đến các hạnh khác, cũng không biết ý nghĩa hướng đến của thiền định của Phật. Thiền của Như Lai là không có ý, không có tưởng, không nhận thức, không chứng đắc. Nhưng những vị Bích-chi-phật này không hiểu rõ ràng thấu đáo sự giữ ý thanh tịnh, không tạo tác trong đó, không hiểu ý nghĩa của pháp trí tuệ quyền biến, chỉ nhờ chứng đắc các thiền, thấy rõ tánh không, hiểu pháp nhân duyên mà đắc đạo.

Trí tuệ sáng suốt hơn A-la-hán nhưng không thể sánh bằng Phật, không có mười Lực, bốn Vô úy và mười tám pháp Bất cộng. Đó là sự nhập thiền của Bích-chi-phật.

Thiền định của Bồ-tát là từ khi mới phát tâm cho đến khi thành tựu, không hề rời xa bậc minh sư, học rộng có trí tuệ sâu xa, hiểu rõ căn bản của thiền định. Hiểu rõ như thế nào? Nghĩa là tâm vốn là không, đạo cũng vốn là không, không trói không buộc, không giải thoát, không thực hành, không ra không vào, không xả không chấp, chỉ là thị hiện hạnh trí tuệ quyền biến, không gián đoạn cội rễ công đức và tâm Từ bi, tu hành các tướng tốt, làm trang nghiêm cõi Phật, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng, đạt được Nhất thiết trí, không gì không hiểu biết. Vì vậy nên gọi là Phật. Vì biết người đời nhiều tham dục và tâm ý tán loạn nên Phật thị hiện ngồi nơi gốc cây vắng vẻ nhập vào thiền định để khiến cho họ hiểu rõ. Phật dùng đạo pháp để chế ngự tâm ý cũng là vì các đối tượng ưa thích các pháp, làm cho họ đạt được điều mong muốn. Vì thế, thiền định của Như Lai không giống với thiền của Tiểu thừa và của những vị đạt được năm thần thông. Những người tu học chỉ chú trọng đến sự vô vi những chẳng hề hiểu rõ điểm cốt yếu của pháp, chỉ lo tránh đời để an ổn một mình, giữ tâm ý chuyên nhất là được, nhắm mắt quan sát rõ ràng khắp thân thể nội tạng, giữ gìn thần khí để cầu được thăng tiến tinh thần, điều ác tiêu trừ, phước đức tăng thêm, tư duy cho đến khi đạt được năm Thần thông, tuổi thọ lâu dài… Đó gọi là người tu Tiên.

Tu hành cùng cực đối với pháp như vậy, nhưng vẫn không biết được Niết-bàn, sau này họ sẽ bị hết sạch các phước đức và ở mãi trong sinh tử không dứt. Đó là thiền định của các ngoại đạo đạt được năm Thần thông.

Đức Phật tiếp:

–Các Thanh văn và Bích-chi-phật tuy đạt được Niết-bàn nhưng vẫn không biết rõ nguồn gốc. Vì sao? Vì những người ấy vốn đã cho rằng đời là có, đạo là không, nên chỉ cần diệt trừ năm ấm thì được diệt độ. Chỉ có Như Lai là biết rõ cội rễ của Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai biết thế tục và đạo pháp, tất cả các pháp đều vốn là không, như vốn không có chỗ tồn tại, không sinh, không diệt. Đó là Niết-bàn. Vì vậy, các Thanh văn đệ của Như Lai và các Duyên giác được gọi là diệt độ. Bồ-tát nên hiểu rõ đại pháp sâu xa, vi diệu, thấu đạt chân lý để tu học tuy không ở gần bậc minh sư, tâm phải thanh tịnh, không được buông lung.

Bấy giờ, Dũng Thanh chắp tay, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Được gặp Phật là rất khó. Hôm nay Đức Đại Thánh

với lòng đại Từ Ba-la-mật đã diệt trừ mọi nghi ngờ cho chúng con. Những người muốn tu học phải nên nghe nhận theo lời dạy của Phật, thực hành theo những điều của bậc Hiền thánh. Nếu không theo lời Phật dạy tức chẳng khác những người làm việc làm của ma. Những hàng trời, người, ma đều không được phá hoại những vị tu hạnh thanh tịnh ấy.

Thưa xong Bồ-tát Dũng Thanh cung kính cúi đầu đảnh lễ ngang chân Phật.

Khi ấy, có hai trăm mười vạn hàng trời, người đều phát nguyện đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội Pháp luật này gồm những ý nghĩa gì?

Đức Phật bảo:

–Tam-muội này phân tích rõ ràng về tâm đạo, giải thích về trí tuệ và phước đức căn bản của người thể nhập, phân biệt được sự tu hành của Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, biết được đâu là chân lý, đâu chẳng phải là chân lý. Nói tóm lại, đó được gọi là Tam-muội Pháp Luật.

Này A-nan! Người nào tin hiểu đối với kinh pháp này sẽ được nghe phương tiện thiện xảo của chư Phật trong khắp mười phương.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả chúng hội đều rất hoan hỷ, các vị cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 632

KINH TUỆ ẤN TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc
Chi Khiêm, người nước Nguyệt Thị.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với cả chúng đại Tỳ-kheo gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị, Bồ-tát có bốn mươi ức vị. Các vị đều đắc Đà-lân-ni, đều đắc các Tam-muội, đều đạt được pháp Không, đều đạt được pháp Tịch vô tưởng, đều đạt nguyện không lay động, đều đạt được hạnh Vô sở trước Đà-lân-ni, đều đạt được vô ương số môn Đà-lân-ni.

Bấy giờ, Đức Phật liền nhập vào Tam-muội Tam-ma-việt, bỗng nhiên không còn bóng dáng, không thể thấy, không thể nắm bắt; như hư không, không thể biết, không chỗ trụ, không thể được, không ngã, không tạo tác, không đến, cũng không đi, chẳng trụ, cũng chẳng dừng, chẳng phải ngẫu nhiên, cũng chẳng phải không ngẫu nhiên, cũng chẳng phải thân, chẳng buồn, cũng chẳng vui, chẳng phải tâm, cũng chẳng phải không tùy tâm, chẳng làm theo lời nói, cũng chẳng có lời nói nào rỗng không, cũng chẳng dính mắc.

Lúc Đức Phật thi triển Tam-muội Tam-ma-việt sẽ không được thấy thân Phật, cũng không thể tưởng tượng được. Chẳng những thân Phật, tâm ý Phật không thể tưởng tượng được, mà cũng không thấy y trong, y ngoài và chỗ ngồi, không thấy lúc kinh hành, cũng chẳng nghe tiếng.

Khi ấy, oai thần của Tam-muội, chiếu khắp tam thiên đại thiên nhật nguyệt; cùng với tam thiên đại thiên cõi Phật; các ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đều bị che phủ, không thấy; những ngọc báu ma-ni, các ngọc quý du chấn, các trời và những chỗ ngồi của trời, các loại danh hương của hàng Trời, Người, Thích, Phạm đều không phát huy được khả năng của nó. Đó là do sức oai thần của Tam-muội phủ kín. Tam thiên đại thiên cõi nước, chỉ nghe hương Tam-muội ấy, nó chiếu khắp các cõi Phật, nhân dân ở trong ấy, mắt không bị núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu-di, các núi đen làm cản trở. Lúc ấy, lại có bảy báu xen nhau che

phủ khắp tam thiên đại thiên cõi nước, tất cả cõi Phật và cả vườn trúc. Núi Kỳ-xà-quật có vô số loài hoa, nở rộ khắp trong ấy. Vùng đất ấy bằng phẳng, trên mặt đất hoa sen mọc. Hoa sen ấy lớn như bánh xe. Mỗi hoa sen có mười vạn cánh, trên hoa đều có lọng bảy báu. Mặt đất của nước Ma-kiệt-đà trở nên mịn màng, giống như tơ lụa trời. Có vô số Đức Phật ở phương Đông, sai vô ương số Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đến cõi nước Sa-ha-lâu-đà, có Đức Phật, hiệu là Thích-ca Văn, Đa-đà-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam Phật, hiện đang ở tất cả cảnh giới chư Phật, thâm nhập Đa-đà-kiệt, Tuệ-ấn Tam-muội Tam-ma-việt. Ngoài phương tiện quyền xảo ra; nếu có Bồ-tát, trải qua trăm kiếp, phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, tích lũy công đức thì không bằng nghe Tam-muội ấy trong chốc lát. Các Bồ-tát vâng lời dạy của Đức Phật ở cõi ấy, giữ lấy thần túc, bay đến trong vườn trúc, đảnh lễ Đức Phật, rồi lui ngồi trên hoa sen. Cũng vậy, vô số Đức Phật ở phương Nam, cũng sai vô ương số Bồ-tát. Phương Tây, phương Bắc, phương Đông nam, phương Đông bắc, phương Tây nam, phương Tây bắc, phương Trên, phương Dưới; vô số chư Phật như thế đều sai vô ương số Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đi đến cõi nước Sa-ha-lâu-đà, có Đức Phật, hiệu là Thích-ca Văn, Đa-đà-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam Phật đang ở tất cả cảnh giới chư Phật, thâm nhập Đà-kiệt Tuệ ấn Tam-muội Tam-ma-việt. Ngoài phương tiện quyền xảo ra, nếu có Bồ-tát nào trải qua trăm kiếp phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, tích lũy công đức thì không bằng nghe Tam-muội ấy trong chốc lát. Các Bồ-tát vâng lời dạy Đức Phật ở cõi ấy, giữ lấy thần túc bay đến trong vườn trúc, đến đảnh lễ Đức Phật, rồi lui ra, ngồi trên hoa sen.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tăng và các vị Bồ-tát, ở các phương xa, trong tam thiên đại thiên cõi nước, đều tập họp đến pháp hội, ở trước Đức Phật, trong vườn trúc. Nhờ oai thần của Tam-muội ấy, mà vô ương số Bồ-tát và bốn mươi ức Tỳ-kheo, đều đã tập họp đông đủ đến pháp hội, ở trong vườn trúc. Do đó, cả tam thiên đại thiên thế giới, chư Thiên ở cõi trời Đế Thích, chư Thiên ở cõi trời Phạm thiên, chư Thiên ở cõi trời Ma-di-hoàn, chư Thiên ở cõi trời Biến tịnh, tất cả các vua: Rồng, các vua quỷ thần, các vua Kiền-đà-la, vua A-tu-luân, các vua Ca-lưu-la, các vua Chân-đà-la, các vua Ma-hưu-lặc... Vua của các loài ấy, mỗi vị đều dẫn theo vô ương số quyến thuộc, đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi đảnh lễ trước Đức Phật, rồi lui đứng sang một bên.

Khi ấy, các trời, người, phi nhân, trong tam thiên đại thiên cõi nước, từ dưới lên đến hai mươi tám tầng trời đều chật ních cả hư không. Các đệ tử lớn của Đức Phật như: Xá-lợi-phất-la, Ma-ha Mục-ca-lan, Câu-đề-ca-

chiên-diên, Bân-nậu-văn-đề-ni-phất-la v.v... liền đến trước Văn-thù-sư-lợi, hỏi:

–Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Nay Đức Phật, nhập vào Tam-muội Tam-ma-việt, chúng tôi hoàn toàn không thấy, không biết Phật đã đến nơi nào? Xin nói cho chúng tôi biết điều đó.

Văn-thù-sư-lợi nói với Xá-lợi-phất-la:

–Các nhân giả đều có đầy đủ trí tuệ, sao các vị không vào Tam-muội của mình, cùng nhau tìm xem khắp vô ương số cõi Phật, để biết thân Phật đang ở đâu?

Ngay lúc ấy, Xá-lợi-phất-la... mỗi vị đều vào Tam-muội của mình, cùng nhau tìm khắp vô ương số cõi Phật, nhưng hoàn toàn không thấy thân Phật, cũng không biết Phật đến nơi nào. Xá-lợi-phất-la liền xả định, đến trước Văn-thù-sư-lợi, hỏi:

–Chúng tôi dùng mọi thứ Tam-muội, tìm khắp vô ương số cõi Phật nhưng không thấy thân Phật, cũng không biết nơi Phật đến. Chúng tôi muốn nghe biết, cúi xin Tôn giả nói cho điều ấy.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất-la! Ai không biết thân Phật đến nơi nào, thì hãy ngồi yên, chốc lát nữa đây, tự Đức Phật sẽ trở về.

Khi Đức Phật ra khỏi Tuệ ấn Tam-muội, tức thời cả ba ngàn cõi Phật đều chấn động. Xá-lợi-phất-la... liền đến trước Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật trụ trong Tam-muội gì, mà chúng con dùng con mắt trí tuệ tìm, mà hoàn toàn không biết Phật ở đâu?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất-la:

–Này Xá-lợi-phất! Nơi Phật đến, không ở trong phạm vi hiểu biết của A-la-hán, Bích-chi-phật... chỉ riêng Phật tự biết mà thôi. Và sao? Vì không có sự nhớ nghĩ, không động, không quấy nhiễu.

Này Xá-lợi-phất-la! Thân Phật có một trăm sáu mươi hai việc, khó có thể biết được. Một trăm sáu mươi hai việc ấy là gì? Là chẳng phải thân hình, không tạo tác, không khởi, không diệt, chưa từng có, không thể so sánh, cũng không có vật gì để so sánh, không đi, cũng không nơi đến, không thể biết, không có tập tất cả định, không sở hữu, cũng không có, chẳng hành, cũng chẳng trụ, chẳng sinh, cũng chẳng thọ, chẳng nghe, cũng chẳng thấy, chẳng có mùi hương, cũng chẳng có vị, không trơn lán, không đến thưa hỏi, không đáp lại, cũng không thưa hỏi đáp lại. Chẳng tâm, cũng chẳng niệm, chẳng tâm niệm lìa tâm và tâm đẳng, tâm vô

đẳng, vô sở dữ, không đến, không đi, không thấm nhuần, không thấm sạch, lại không có, chẳng khiếp, cũng chẳng sợ, chẳng dao, cũng chẳng động, chẳng tạo ra, cũng chẳng thành tựu, chẳng đầy, cũng chẳng vơi, cũng chẳng thấy, chẳng sáng, cũng chẳng không sáng, chẳng tối tăm, cũng chẳng không tối tăm, chẳng diệt, đã lìa diệt, tịnh ở trong diệt và tịnh ở trong thanh tịnh, đối với sắc không chỗ có, không ái dục, hoàn toàn chẳng có ngã, lìa chẳng có ngã, trụ nơi không chỗ trụ, cũng không nơi chốn, không thuận theo, cũng chẳng không thuận theo, chẳng có pháp, cũng chẳng không pháp, chẳng ruộng phước, cũng chẳng không ruộng phước, chẳng hết, cũng chẳng không hết, không có gì cả, lìa sự không có gì, xa lìa văn tự, xa lìa tiếng vang, xa lìa lời dạy, xa lìa hạnh, xa lìa niệm, chẳng họa, cũng chẳng không họa, chẳng lượng, cũng chẳng không lượng, chẳng lại, cũng chẳng qua, chẳng song song, cũng chẳng không song song, chẳng nương, cũng chẳng không nương, không tướng, cũng không phải không tướng, không có tướng, có khả năng hiện tướng, không có các nhập, chẳng có đắm say, lìa các đắm say, khiến mọi người được tin, không thọ nhập trú, chắc chắn lại ở trong chắc chắn, tất cả không phải hoàn toàn ta độ, cũng không thấy đối tượng của ta độ, tịnh không có đối tượng để tịnh, vượt qua mọi ách nạn, không thấy có ách nạn vượt qua, nói và không nói cả hai đều bình đẳng, đẳng vô sở đẳng, vô lượng đẳng, dữ không đẳng, vô xứ đẳng, vô sinh đẳng, bất khả đắc đẳng, nơi an ổn không có nơi nào an ổn hơn, vắng lặng càng vắng lặng, vắng lặng trong sáng suốt lại càng sáng suốt, đối với hành không chuyển không thể chuyển hành, hoàn toàn dứt bặt những đối tượng chấp trước, sự chắc chắn của các pháp không có hai, từ xưa đến nay không có gì cả, điều người giác ngộ đã giác chắc chắn, đã trải qua tất cả hạnh, thực hành việc độ mà không độ gì cả, chẳng đúng, cũng chẳng sai, chẳng dài, cũng chẳng ngắn, chẳng tròn, cũng chẳng vuông, chẳng thân, cũng chẳng thể, chẳng nhập, cũng không sở nhập, chẳng thế gian, cũng chẳng có sở hữu thế gian, chưa từng có người thấy, cũng chưa từng có người biết, chẳng bỏ, cũng chẳng không bỏ, chẳng có nhân duyên với đời, cũng chẳng không nhân duyên với đời, như vậy thân không thể được, chẳng có, cũng chẳng không, không có quá khứ, cũng không có vị lai, chẳng có tâm niệm, cũng chẳng lo buồn, chẳng làm, cũng chẳng không làm, chẳng tranh chấp, cũng chẳng không tranh chấp, chẳng Niết-bàn, cũng chẳng không Niết-bàn, chẳng hạnh, cũng chẳng không hạnh. Đó là một trăm sáu mươi hai việc.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất-la:

–Này Xá-lợi-phất-la! Thân Phật như thế, muốn tưởng, để thấy thân Phật nhưng không ai có khả năng thấy. Vì sao? Vì thân Phật không thể dùng tưởng để thấy biết.

Khi ấy, Đức Phật muốn cho Tuệ ấn Tam-muội được trải rộng khắp mười phương nên liền nói kệ:

Thân này, chẳng phải thân
Với thân đã giải thoát
Không tạo, cũng không có
Hư hoại, không được gì.
Tướng của tất cả pháp
Song cũng chẳng không song
Muốn thấy thân chư Phật
Nơi chốn đều như thế.
Không phải, chẳng không phải
Chẳng lo, chẳng không lo
Không giữ, cũng không buông
Không bằng, cũng không hơn,
Không vui, cũng không trú
Tất cả không sinh theo
Thân Phật đã như thế
Mới đến chỗ an ổn.
Chẳng tạo, cũng chẳng thể
Trống rỗng, không có tưởng
Không tâm, cũng chẳng sắc
Có ngã, chẳng phải một,
Với thọ, không chỗ thọ
Với hữu, không có chi
Tất cả Bậc Chánh Giác
Thân ấy chắc như thế.
Không mạnh cũng không yếu
Không tốt cũng không xấu
Không đứt cũng không liền
Không có, cũng không mất,
Cũng không được chi cả
Nhiều, ít không chỗ quên
Muốn thấy các thân Phật
Hoàn toàn không nhơ bẩn.
Không thấy, cũng không nghe

Chẳng hương, không trơn láng
Không biết, cũng không động
Vì đó giống như hình,
Thân trú ở mọi nơi
Rõ tâm người dính mắc
Phật đã thành thân ấy
Tất cả đều như thế.
Chẳng thân, cũng chẳng thể
Chẳng bằng, chẳng chắc chắn
Chẳng sạch, chẳng không sạch
Các căn không chỗ có,
Không chứa, chẳng không chứa
Ví như trăng trong nước
Muốn thấy các thân Phật
Tất cả đều như thế.
Từng thân nối tiếp nhau
Nhân duyên vốn tự nhiên
Không sinh, cũng không diệt
Không đến, cũng không qua,
Không thấy ở ba cõi
Chợt hiện, giống như huyễn
Muốn thấy thân chư Phật
Không dao, cũng không động,
Chẳng tiếng, cũng chẳng tranh
Chẳng im, cũng chẳng lặng
Chẳng được, chưa từng có
Chẳng đây, cũng chẳng kia,
Giống như tánh hư không
Tự nhiên không có gì
Đã thấy Phật như thế
Sớm tối nên cúng dường,
Khắp tất cả mười phương
Ngàn ức các cõi Phật
Trên đến trời hăm tám
Đầy ắp các châu báu,
Đều làm vật cúng dường
Cho đến vô số kiếp
Không bằng chép kinh ấy

Phước này vượt hơn kia.
Ví như cát sông Hằng
Lại gấp vô số kiếp
Lần lượt ở trong ấy
Hành tâm Từ bình đẳng,
Không bằng tuệ rõ ràng
Hiểu ấn Tam-muội ấy
Như vậy vô số giới
Đức ấy hơn hẳn kia.
Như ở trong năm đường
Xoay vần vô số kiếp
Bao nhiêu kiếp như thế
Tất cả đều chịu được,
Không bằng tuệ chốc lát
Hiểu ấn Tam-muội ấy
Phước ấy như hạt cải
Sánh với núi Tu-di.
Như người ở ba cõi
Sinh ra rồi lớn lên
Tất cả đều gánh vác
Chịu đựng vô số kiếp
Thân ấy chẳng biết mệt
Không than van khổ nhọc
Đều chịu đựng như thế
Không bằng hiểu Tam-muội.
Như người sinh cùng khắp
Lại ở nhiều kiếp số
Trăm kiếp cát sông Hằng
Tất cả dùng làm số,
Không bằng sớm tối gắng
Hành ấn Tam-muội ấy
Phước ấy muốn thí dụ
Không thể sánh bằng tuệ.
Người trí như thế đó
Làm y như lời nói
Ở trong vô số kiếp
Ví như một hạt bụi,
Chắc chắn rõ ràng là

Bậc Tuệ Ấn Tam-muội
Phước ấy muốn thí dụ
Như một giọt nước biển.
Chớ đem sắc tướng tốt
Quen tưởng muốn gặp Phật
Chớ như người chấp có
Muốn gặp Đa-đà-kiệt,
Phải như người giác ngộ
Người thấy là thấy Phật
Thấy Phật như thế rồi
Tất cả không ba ngàn.

Này Xá-lợi-phất-la! Đó là Đa-đà-kiệt Tuệ ấn Tam-muội. Các Đại Bồ-tát ở khắp mười phương, không bị ngăn ngại đều mong được gặp chư Phật, muốn vậy trong lòng phải chí thành, sớm tối thực hành Tam-muội này. Đã thấy có vô ương số Bồ-tát khắp mười phương, thực hành môn Tam-muội, trụ ở pháp không chỗ chướng ngại và đạt được pháp môn nương tựa Đà-lân-ni. Từ đó thành tựu tướng của mình; thành tựu sự tốt đẹp cho mình. Người thực hành như thế thì các tội lỗi được tiêu trừ, vượt qua tất cả các việc ma. Lời Phật nói ra đều rõ ràng chắc chắn. Nơi ở và lời nói của Phật, không trống rỗng hay khiếm khuyết mà đều đầy đủ. Việc làm của thân không có tỳ vết, mọi ý tưởng nhớ nghĩ đều sạch không nhơ. Nếu muốn rõ những gì Phật đã làm, muốn hiểu rõ ý của mọi người, Phật sẽ khiến cho đạt được sở nguyện. Người muốn khởi nguyện thành tựu ở cõi Phật đó, thì phải thực hành Tam-muội ấy. Người muốn được ánh sáng trong đảnh của Phật, người muốn làm Tỳ-kheo tăng, người muốn trang nghiêm cõi nước mình; tự tại với điều mình muốn, làm những điều mình cần làm, thì phải phụng hành Tam-muội ấy. Vì sao? Ví như tất cả cây thuốc, dù ở đâu, nếu muốn tìm, thì đều có đầy đủ. Tam-muội ấy cũng như thế, Bồ-tát ở trong Tam-muội này, mong cầu những điều gì cũng đều được đầy đủ.

Đức Phật liền nói kệ:

Tuệ vô thượng là vua của tuệ
Tuệ có thể phá mê đắm dục
Tuệ cao tột vào cửa trí tuệ
Đó là ấn kinh vô lượng tuệ.
Ở trí địa biết căn, hành, trụ
Trí không ngại, trí trừ tối tăm
Trí thuyết pháp, trí diệt mê đắm
Kinh như mặt trời chiếu ba cõi.

Luôn bình đẳng thực hành Tam-muội
Mọi dính mắc chắc chắn dứt trừ
Giữ gìn các Tam-muội tuệ ấn
Chư Phật bình đẳng với tất cả.
Muốn được của báu Độ vô cực
Nguyện cầu phước tướng, phước thần túc
Chí thành nguyện chi, đều được cả
Chư Phật vui với Tam-muội ấy.
Vua yêu nước và cả thần dân
Như Lai là báu trên các báu
Tiêu trừ sạch ham muốn, giận, nhơ
Tam-muội quý báu nói là kinh.
Theo ta học, hết lòng kính thuận
Giữ thanh tịnh, trừ bỏ chấp ngã
Tuệ dũng mãnh phá tan sinh tử
Trì pháp vững vàng, đắc Tam-muội.
Tuệ đáng nói, đều cần phải nói
Trì tuệ này, trí càng thêm nhiều
Tuệ có thể phóng ánh sáng khắp
Kinh ấy là cánh cửa trí tuệ
Có khả năng dẹp hết chấp ngã
Sáu mươi hai tà kiến nghi hoặc.
Đến cửa Phật, không còn sợ hãi
Từ pháp này đủ tướng tốt đẹp
Ba ngôi báu, Phật đứng hàng đầu
Có khả năng nói bảy Giác ý.
Vì biếng nhác, chỉ bày phương tiện
Tam-muội ấy, không bao giờ hết
Tất cả pháp sẽ nói rộng ra
Vào Đà-lân-ni không ngằn mé.
Mang pháp ấy vào khắp mười phương
Đà-lân-ni thí như biển cả
Ở trong đó thành tựu Bố thí
Trì giới, Nhẫn nhục và Tinh tấn
Thiền định, Trí tuệ, không cùng tận
Trụ kinh ấy, thành tựu vô cực
Chẳng sợ hãi với bao tội lỗi
Cùng các ma chướng và ác đạo.

Hành Tam-muội không thể bị hại
Như điều mong cầu được thành Phật
Bồ-tát trụ ở trong pháp ấy
Lấy cả mười phương để chứng minh.
Người nào đến mong cầu pháp khí
Gìn giữ kinh ấy được pháp trụ
Như Phật quá khứ, kinh là mẹ
Chư Phật vị lai cũng thế thôi
Chư Phật hiện tại từ đó ra
Người thực hành đúng là con Phật.
Tội lỗi diệt trừ, hạnh không lay
Vượt qua đệ thất, trụ pháp khứ.
Có ai trú ở nơi kinh ấy
Mới đầy đủ báu của chư Phật.

Khi Đức Phật nói pháp ấy, có các vị Bồ-tát, nhiều như ba mươi số cát sông Hằng, đều đạt được Tam-muội ấy; có sáu mươi tám na-thuật Bồ-tát khác, các tội chướng đều tiêu trừ và trụ ở địa vị không thoái chuyển và đều đắc Bất khả tận sở nhập thanh Đà-lân-ni; có sáu mươi ức trời và người, từ xưa đến nay, chưa từng khởi tâm Bồ-tát, nay đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đều nguyện muốn được nghe Tam-muội ấy. Sau khi nghe xong, liền trụ ở địa vị không thoái chuyển và sẽ được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Phật liền thọ ký cho những Bồ-tát ấy. Về sau, trải qua ba mươi ức trăm ngàn kiếp đều sẽ được thành Phật, hiệu là Ly ư khủng bố. Các Bồ-tát đều tự phát nguyện, liền đắc Vô sở tùng sinh pháp nhẫn. Sau đó, ở cõi nước các vị sẽ được thành Phật và đồng một chữ.

Bấy giờ, Đức Phật nhìn khắp pháp hội, bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Vì lẽ đó, này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát nào, muốn giữ gìn pháp ta, phải làm sao trụ được vào Vô sở trước, phải biết hối, phải giữ gìn, phải thuyết giảng, luôn luôn ở một mình nơi thanh tịnh, không nên có chỗ ỷ lại nương vào!

Văn-thù-sư-lợi, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa sang y phục, đảnh lễ Phật sát đất, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có khả năng hộ trì pháp Vô sở trước ấy, đối với đạo Bồ-tát, không có ngã và ngã chấp, không có, cũng chưa từng có, không thấy cũng không nghe, không được cũng không mất.

Bấy giờ, trong chúng hội, ba mươi ức Bồ-tát đều chắp tay đứng dậy,

bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có khả năng ủng hộ hạnh Bồ-tát, trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp.

Các vị Bồ-tát đều đem y trên người, cúng dường Đức Phật và phát nguyện.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu như nhớ lại hạnh nguyện thuở xưa, thì về sau phải giữ gìn pháp này.

Lúc đó, trong ba mươi ức Bồ-tát, chỉ có tám ngàn Bồ-tát, có khả năng giữ gìn pháp này mà thôi. Còn những Bồ-tát khác đều hời hợt không thể giữ gìn pháp. Về sau pháp ta sẽ bị nhầm lẫn, cũng không hối, cũng không giữ gìn!

–Này Di-lặc! Có bảy việc, phát tâm Bồ-tát, đó là:

1. Phát tâm Bồ-tát.

2. Khi pháp sắp diệt hết, thì phát tâm Bồ-tát để giữ gìn pháp, không cho đoạn mất.

3. Phát tâm Bồ-tát, khởi lòng thương xót nhân và phi nhân khắp mười phương.

4. Thấy Bồ-tát, liền phát tâm Bồ-tát.

5. Phát tâm Bồ-tát và bố thí.

6. Gặp người khác phát tâm Bồ-tát, liền phát tâm Bồ-tát theo.

7. Nghe Phật có ba mươi hai tướng đoan chánh, mọi người đều hướng đến ca ngợi, liền phát tâm Bồ-tát.

Này Di-lặc! Đó là bảy việc. Trong đó, ba hạng Bồ-tát đầu, có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Bồ-tát này giữ gìn pháp không để diệt hết. Các Bồ-tát vì thương xót nhân và phi nhân mà phát tâm Bồ-tát. Những Tam-muội này có khả năng giữ tâm Bồ-tát mau đắc địa vị không thoái chuyển. Còn bốn hạng phát tâm Bồ-tát sau, đều là hạng Bồ-tát hời hợt.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Có năm pháp trụ, mau đắc quả vị không thoái chuyển:

1. Tâm bình đẳng đối với nhân, phi nhân trong mười phương.

2. Không ham thích đến tiền tài châu báu của người khác.

3. Nếu có người nói khinh pháp, sau khi người ấy chết không được nói lỗi của người ấy.

4. Có người cúng dường y phục, mùng mền, giường chõng, đồ ngồi, thuốc thang chữa bệnh, nếu thấy đáng nhận thì đến nhưng không vì chỗ mến mộ gì cả.

5. Thâm nhập pháp nhiệm màu.

Đó là năm pháp. Nếu Bồ-tát trụ, thì biết đó là tướng của Bồ-tát thoái chuyển.

Lại có năm pháp, Bồ-tát trụ hạng hời hợt:

1. Mặt mày xấu xí.

2. Làm việc gì cũng đều nhút nhát.

3. Bỏn sẻn, tham lam.

4. Dụ dỗ, dua nịnh.

5. Miệng chỉ nói suông.

Đó là năm pháp trụ, là tướng của Bồ-tát hời hợt.

Lại có năm pháp, Bồ-tát trụ, biết là pháp không thoái chuyển.

1. Không có ngã.

2. Không có nhân.

3. Không ở trong pháp có hai.

4. Không chấp vào địa vị Bồ-tát.

5. Không dùng tưởng để gần Phật.

Đó là năm pháp trụ của Bồ-tát mau đắc không thoái chuyển.

Lúc ấy, Đức Phật liền nói kệ:

Không nên cao ngạo
Cũng không ganh ghét
Làm dối, nói quấy
Tìm xấu, tốt người.
Nói không chân thật
Và hay khiếp nhược
Hạng người như thế
Không thể giữ pháp.
Nếu có hành giả
Ở nơi vắng lặng
Rất hay nhẫn nhịn
Không chỉ nói suông.
Ví như Tê giác
Thích sống một mình
Những hạng như thế

Giúp được sau này.
Thường thích sống riêng
Thích nơi thanh tịnh
Như chim nhút nhát
Thích ở rừng sâu.
Chẳng thích cúng dường
Ví như hư không
Hạng người như thế
Giữ được tôn pháp.
Thân thể thọ mạng
Đều chẳng màng đến
Huống gì trân bảo
Có ở thế gian.
Nỗ lực tinh tấn
Không chấp vào đâu
Pháp khí như thế
Giữ pháp sau này.
Ở đời vị lai
Có hạng người này
Sẽ tự khoe khoang
Tôi hành Bồ-tát.
Ý chí mê loạn
Đắm nhiễm thế gian
Không thể phụng hành
Giữ gìn minh pháp.
Ta nhớ quá khứ
Đề-hòa-kiệt Phật
Quá hơn thế nữa
Tám mươi ức kiếp
Lúc ấy có Phật
Hiệu là Quang Minh
Vì cả mọi người
Nói Tam-muội này.
Đại hội thứ nhất
Tám mươi na-thuật
Đại hội thứ hai
Sáu bảy na-thuật
Đại hội thứ ba

Bảy ba na-thuật
Tất cả đạt được
Vị không thoái chuyển.
Thọ mạng Phật kia
Trụ ba mươi ức
Sau ót chiếu sáng
Bảy mươi do-tuần.
Số Tỳ-kheo tăng
Chín mươi chín ức
Đều được tự tại
Chứng A-la-hán.
Bấy giờ có vua
Thống lãnh nhân dân
Tên là Tuệ Thượng
Là Chuyển luân vương.
Lúc ấy khắp cả
Cõi Diêm-phù-lợi
Vùng ấy khoảng chừng
Hai vạn do-tuần
Bốn phía cõi ấy
Cũng đều như thế.
Thể nữ của vua
Sáu mươi ức người
Có ngàn người con
Thảy đều đầy đủ
Nước ấy tên là
Cực lạc Vô Yểm
Vua trị các nước
Hai vạn quận huyện.
Nhân dân trong nước
Đều có vườn chơi
Thường vui, an ổn
Ngũ cốc, sung túc
Ví như trên trời
Mọi thứ đầy đủ.
Bấy giờ nhà vua
Trong mộng được nghe
Có Phật ở đời

Hiệu là Quang Minh
Sau khi thức dậy
Vội đến chỗ Phật
Quần thần theo hầu
Sáu mươi ức xe.
Lúc ấy từ Phật
Nghe Tôn kinh này
Tam-muội mầu nhiệm
Tạng Phật sâu xa
Liền đem cả nước
Dâng lên chư Phật.
Nơi đáng cúng dường
Chẳng thiếu điều chi.
Tất cả các nước
Vì cúng dường Phật
Dùng Chiên-đàn hương
Xây dựng giảng đường,
Tất cả giảng đường
Nhà vua cúng dường
Nơi để kinh hành
Vàng mỏng trải đất
Suốt trong tám vạn
Bốn ngàn năm ấy
Chẳng màn việc nước
Chỉ cung phụng Phật
Không thích ngủ nghỉ
Nỗ lực thờ Phật
Chẳng khởi tâm tục
Không tiếc giang sơn.
Giả sử có người
Nói công đức vua
Nói mãi việc ấy
Không thể nói hết.
Những gì cúng Phật
Không thể tính đếm
Vì sao như thế?
Vì cầu Tam-muội.
Phải ở một mình

Suy xét nội tâm
Với Tam-muội này
Sâu xa, mầu nhiệm
Mà ta không thể
Ngay nơi ăn uống
Muốn đạt điều mong
Thành Tam-muội ấy.
Lập tức bỏ nước
Cạo bỏ râu tóc
Vào chốn rừng sâu
Thọ, hành chánh giới
Suốt ba ngàn năm
Không có nghỉ ngơi
Hành Tam-muội này
Chưa từng ngủ nghỉ.
Phật Thiên Trung Thiên
Trong lúc hành đạo
Pháp Phật nói ra
Đều hiểu và thọ.
Phật Quang Minh ấy
Sau khi Niết-bàn
Cả nước xây tháp
Sáu mươi bốn ức.
Cúng dường mỗi tháp
Năm trăm lọng che
Bảy báu xen nhau
Cùng với hương hoa.
Gấm lụa, chư Thiên
Màn trướng, treo đầy
Đèn sáng trên cây
Có tới tám ngàn.
Ăn uống đạm bạc
Điều độ giữ gìn
Tích lũy số ấy
Tám mươi vạn năm
Vì cả mọi người
Nói ấn Tam-muội.
Chưa từng hy vọng

Với bất cứ ai
Nếu người tán thán
Chẳng lấy làm vui
Huống gì ở đời
Phải có ái dục.
Nếu có người thỉnh
Ý thường xa lìa
Nội hạnh chí tâm
Sau này hộ pháp.
Bảy mươi na-thuật
Cùng tám mươi ức
Ở trong số ấy
Đời đời gặp Phật
Tính đếm như thế
Cúng dường vô cực
Thường gặp Chánh pháp
Đắc Tam-muội này.
Nếu có phát tâm
Giữ hạnh Bồ-tát
Người muốn học ấy
Phải học như ta.
Không cần của báu
Muốn rõ nhiệm mầu
Trong hành chí tâm
Không có hư danh.
Người ở đời sau
Sẽ tự khoe khoang
Việc làm của tôi
Là hạnh Bồ-tát
Muốn được cúng dường.
Người chẳng cầu pháp
Trụ ở trong "Có"
Nói tất cả "Không"
Cũng chẳng rõ "Không".
Thế nào là "Không"?
Trong tâm không trừ
Việc làm phi pháp
Miệng chỉ nói suông.

Trụ ở trong "Có"
Nói hạnh Bồ-tát
Ta không chỗ nghi.
Vua Tuệ Thượng ấy
Là A-di-đà
Ngàn con của vua
Kiếp này thành Phật
Trong chúng hội đây
Người ở trước ta
Đồng loạt xuất gia
Đều làm Tỳ-kheo.
Ta nhớ quá khứ
Vô số chư Phật
Trụ ở danh tự
Thường làm Sa-môn
Kinh Phật nói ra
Thảy đều tụng đọc
Thực hành siêng năng
Nương ở trong "Có"
Tạo hạnh như thế
Không thể tính đếm
Sớm ở trong tưởng
Cúng dường chư Phật
Cúng dường như thế
Không được tuệ hạnh
Chuyển ý tác hạnh
Liền hướng tuệ môn
Về sau cùng hội
Đề-hòa-kiệt Phật
Đoạn nghi ngờ ta
Liền thấy bình đẳng
Lúc ấy Đức Phật
Thọ ký ta rằng
Ở đời vị lai
Sẽ được thành Phật.

Bấy giờ, Đệ nhất phu nhân của vua Bình-sa, tên là Bạt-đà-tư-lợi, thân mẫu của A-xà-thế. Tuyên-na-lạp là con gái của Câu-lân. Đệ nhất phu nhân của vua Bình-sa, bà Bạt-đà-tư-lợi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến đảnh

lễ trước Đức Phật, dùng y tạp thái châu và năm trăm lọng hoa bảy báu, cúng dường Đức Phật, rồi tự nói:

–Ở đời vị lai, con sẽ hiểu Tam-muội này, sẽ thọ trì Tam-muội ấy. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì pháp này, con sẽ ủng hộ vị ấy, cúng dường y phục, mùng mền, thức ăn uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh; dạy mọi người phát tâm Bồ-tát, không chê bai pháp Không, không chỉ nói suông. Dù tan nát thân mạng cũng không tiếc sự sống, huống gì mọi thứ ở thế gian.

Lúc ấy, có tám vạn thể nữ trong cung vua Bình-sa và sáu vạn Ưu-bà-di trong nước Ma-kiệt-đề, nghe Tam-muội này đều phát tâm Bồ-tát, đều mong thích Tam-muội ấy. Như thế, đời sau họ sẽ thọ trì Tam-muội này.

Bấy giờ, Đức Phật mỉm cười, từ trong miệng, phóng ra vô số ánh sáng đủ loại màu sắc: Xanh vàng, đỏ, trắng chiếu khắp vô ương số cõi Phật, bao phủ cả ánh sáng mặt trăng mặt trời, trở lại nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi nhập vào đảnh.

Lúc đó, ở trước Đức Phật, phu nhân Bạt-đà-tư-lợi, nói kệ khen ngợi Phật:

Trong loài người không ai hơn
Hạnh của Phật chẳng ai bằng
Nay ba cõi, không ai sánh
Oai thần Phật, như hoa nở.
Như chim bay trong hư không
Phật mỉm cười tất cả vui
Lời nói ra đều dịu dàng
Bao trùm khắp cả mười phương
Miệng nói năng như hoa sen
Cả trời, người thích ngắm nhìn
Nay nói ra đều ưa thích
Tiếng vang vọng như Phạm thiên

Cảm điều gì nay Phật cười?

Bấy giờ, Đức Phật vì Bạt-đà-tư-lợi Tuyên-na-lạp, phu nhân của vua Bình-sa mà nói kệ:

Ta tự nhớ vô ương
Hằng hà sa số kiếp
Lúc ấy, ở đời có
Phật hiệu là Phước Minh
Truyền dạy ở thế gian

Thọ sáu mươi bảy kiếp
Chúng Tăng của Phật ấy
Cũng có vô ương số.
Lúc ấy, có Chuyển luân
Vua tên là Tuệ Cương
Vua có hai người vợ
Một người tên Nguyệt Minh
Dục lạc không màng đến
Không chấp vào các pháp
Xuất gia đi học đạo
Hộ pháp một ức năm.
Như vậy không thể đếm
Vô số các Đức Phật
Sinh thời pháp sắp diệt
Hộ chánh pháp sau này
Mãi đến đời vị lai
Hằng hà sa Đức Phật...
Sẽ lại ở nơi ấy
Sinh ra giữ pháp sau.
Chuyển luân vương Tuệ Cương
Nhằm thời Phật A-súc
Vua cùng các phu nhân
Đều sinh ở nước ấy,
Đã giữ pháp thường còn
Mạng chung sinh thân nam
Ở Tu-ma-ha-đề
Gặp Phật A-di-đà.
Ưu-bà-di Ma-kiệt
Cùng tám ngàn thể nữ
Như khi pháp sắp diệt
Thường sẽ hộ pháp Phật,
Thân sau cùng sẽ được
Ba hai tướng như Phật
Ngồi trên tòa hoa sen
Đến trước Phật Di-đà.
Các thể nữ cúng dường
Sẽ như vua Tuệ Cương
Như thế kiếp vị lai

Tất cả không ái dục,
Ở cuối đời vị lai
Tất cả sẽ thành Phật
Dạy dỗ cả trời, người
Vì họ, nói chánh pháp.
Lúc ấy trong cõi Phật
Không có việc ma chướng
Cõi ấy không ái dục
Cũng không ba đường ác.
Thường lấy vô ương số
Các Bồ-tát làm Tăng
Không nghe ở trong đạo
Có tên A-la-hán.
Nếu có người muốn giữ
Pháp của các Đức Phật
Không muốn được danh tiếng
Chẳng mong được thọ mạng.
Người hành trụ như thế
Mau, gần thành Bồ-tát
Chí nguyện mình tự tại
Muốn sinh ở nước nào.
Giống như các Bồ-tát
Phải khởi ý cung kính
Ta khởi ý cung kính
Hộ pháp, không chỗ dựa
Hành giả làm như thế
Được lìa bỏ sinh tử
Ở thế gian chớ tạo
Thói quen tham đắm dục.
Ta ở vô số kiếp
Sở dĩ bỏ vợ con
Nước non và đầu, mắt
Vì lẽ cầu Phật pháp.
Người không hạnh, nhận cúng
Phật pháp vì thế hoại
Lần hồi khởi tranh đua
Vì muốn được cúng dường
Ngồi đến tám mươi ức

Người rơi lệ mà nói:
Nếu khi pháp sắp hết
Chúng ta, phải giữ pháp!
Lời nói động ba ngàn
Chư Thiên rải hoa khen:
Hay thay! Cho thế gian
Người mới nghe kinh ấy
Tất cả cát sông Hằng
Vô số các cõi Phật
Đầy ắp các châu báu
Đều đem cúng dường Phật,
Không bằng tin chốc lát
Hiểu Tam-muội ấn này
Phước ấy muốn thí dụ
Không thể so với tuệ,
Không gắng sức vươn lên
Để được hạnh Bồ-tát
Nghe chánh pháp của Phật
Liền phát tâm Bồ-tát.
Nếu có người cung kính
Đối với tôn kinh này
Người tạo hạnh như thế
Sẽ mau được thành Phật.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vị lai sẽ có bao nhiêu người thọ trì Tam-muội này?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Di-lặc! Ở đời vị lai, hoặc có người trì tưởng khởi công đức, giả sử ta nói ra sẽ có người không thích.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mong Đức Phật thương xót cả mọi người, xin Thế Tôn nói cho điều ấy. Nếu có những Bồ-tát nào, tha thiết muốn học, thì Bồ-tát ấy, sẽ giữ gìn hạnh của mình, không để khuyết giảm tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Di-lặc! Có Bồ-tát đã ở trước một trăm Đức Phật, phát tâm Bồ-tát, nhưng sau đó làm hư hoại hạnh Bồ-tát.

Hoặc có Bồ-tát đã ở trước ngàn Đức Phật phát tâm Bồ-tát nhưng sau

đó phát tâm Bồ-tát trở lại, chê bai kinh điển Đại thừa và cũng không tìm hiểu kinh ấy.

Hoặc có Bồ-tát, đã ở trước mười vạn Đức Phật phát tâm Bồ-tát nhưng sau đó phát tâm Bồ-tát trở lại, không chê bai kinh điển Đại thừa và cũng không đọc, không phúng tụng kinh ấy.

Hoặc có Bồ-tát, đã ở trước một trăm vạn Đức Phật phát tâm Bồ-tát nhưng sau đó, phát tâm Bồ-tát trở lại, không chê bai kinh điển Đại thừa và cũng không đọc không phúng tụng kinh ấy.

Hoặc có Bồ-tát đã ở trước một ức Đức Phật, phát tâm Bồ-tát, nhưng sau đó phát tâm Bồ-tát trở lại, nghe và ghi chép kinh điển Đại thừa mà trong lúc nghe kinh ấy không hiểu gì cả!

Hoặc có Bồ-tát đã ở trước mười ức Đức Phật, phát tâm Bồ-tát, nhưng sau đó phát tâm Bồ-tát trở lại, có được kinh điển Đại thừa biên chép đọc tụng kinh ấy, nhưng lại không thể đắc pháp nhẫn, cũng không thể đắc Tam-muội này và cũng không thích Tam-muội này.

Hoặc có Bồ-tát đã ở trước tám mươi ức Đức Phật, nghe Tam-muội này, thọ trì, đọc tụng Tam-muội ấy. Đã phát tâm Bồ-tát ở trước tám mươi ức Đức Phật, có được kinh điển Đại thừa, thọ trì biên chép đọc tụng. Đạt được Tam-muội này, giữ vững không có vết nhơ, thực hành Tam-muội ấy không bao giờ bị ma quấy nhiễu, không bị phạm phải tội lỗi. Hoặc ở trong a-tăng-kỳ kiếp đã tạo ra các tội lỗi, hoặc bị nhức đầu, liền trừ hết tội ấy; hoặc loạn tâm ý, hoặc bị chê bai, hoặc bị coi thường, hoặc ít được cúng dường, trong một đời đều dứt hết tội lỗi ở đời trước của mình; hoặc cúng dường a-tăng-kỳ Đức Phật, sau đó, không bao giờ yếu đuối, hèn nhát, tâm trụ vững trong sự hiểu biết rõ ràng.

Hoặc có Bồ-tát mắc tội trong ác đạo, sẽ sinh ra nơi không đoan chánh, nhưng sau đó, tội ấy được tiêu trừ. Hoặc nhiều bệnh tật, gầy yếu, hoặc không được người kính trọng, sinh trong nhà thấp hèn, sinh trong nhà bị coi thường, sinh trong nhà nghèo khổ, sinh trong nhà xa xôi hẻo lánh; sinh trong nhà bỏn sẻn, tham lam, sinh trong nhà ngoại đạo; sinh cùng với kẻ oán ghét không thể sống chung; sống chung với người không hiểu về mình, trong lòng nhiều mối lo toan buồn phiền; sinh trong nước nào, thì nước đó thường xảy ra chiến tranh; sinh ở quận nào, thì quận đó thường xảy ra việc đánh nhau; sinh ở trong huyện nào, thì huyện đó thường xảy ra việc đánh nhau; sinh ở trong làng nào, thì làng đó thường xảy ra việc đánh nhau; sinh ở trong dòng họ nào, thì dòng họ đó thường chóng đối lẫn nhau; sinh ở những nơi đánh nhau; không gặp Thiện tri thức; chẳng từng nghe pháp;

thiếu thốn y phục, mùng mền, cơm nước, giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh, dù được, thì chỉ chút ít mà thôi. Nói năng hợp với người thường, mà không hợp với hàng trưởng giả, họ cũng không thể hiểu ý mình. Đối với công đức, không thể làm cho tăng thêm. Luôn luôn sống trong lỗi lầm, luôn luôn bị người khác quấy rối, không thể nhận được những vật cúng dường. Hoặc được nghe pháp, nhưng không hiểu. Hoặc thấy ác mộng, ngay trong mông, trừ được tội lỗi đời trước của mình, bị tội lỗi lung lạc, bị ma quấy nhiễu mà không biết việc của ma, thường ở chung với những người không ưa thích. Nếu có y phục, mùng mền tốt đẹp, thức ăn uống ngon, thì đem biếu hết cho người khác. Đối với một trăm Đức Phật, tự mình tạo công đức, tâm không vết dơ, lúc ấy, những tội chướng kia thảy đều tiêu diệt. Thế nên, chắc chắn lại càng chắc chắn hơn, bên trong khởi lòng lành. Người có khả năng đảm nhận Tứ hoằng thệ của Bồ-tát, đối vơi pháp sâu xa mầu nhiệm vẫn trụ vững vàng để hành hạnh. Người ở đời vị lai, sẽ giữ lấy pháp này.

Lúc ấy, Bồ-tát Khả Ý Vương và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cùng với sáu mươi Hiền giả lưu lại ở đời vị lai để giữ gìn pháp sau này.

Đức Phật liền nói kệ:

Chớ hành dua nịnh
Nương chấp nơi "Có"
Phải chánh ý mình
Trì tuệ đi đứng.
Vào sâu pháp mầu
Trụ nhẫn bất động
Nên tạo hạnh ấy
Mau cầu Tam-muội.
Chớ nên nịnh bợ
Xa lìa chấp nhơ
Chớ tham các cõi
Thích việc đua tranh.
Nên hành bình đẳng
Ví như hư không
Hành giả như thế
Mười thứ lực quý.
Thường phải vững tâm
Trú nơi Bồ-tát
Nên học pháp mầu
Ẩn sâu của Phật.

Tất cả các thọ
Tâm tuệ không ham
Đã có hạnh này
Đắc Tam-muội quý.
Tâm thường bình đẳng
Đối với thương ghét
Gặp Thiện tri thức
Như thấy chư Phật.
Thích hạnh bố thí
Trong hành bình đẳng
Người có hạnh này
Mau rõ Tam-muội.
Tuệ kinh sáng ngời
Báu không thể hết
Trụ Tam-muội ấy
Không thể tính kể.
Kinh ấy sáng ngời
Hơn ánh mặt trời
Nên nói kinh ấy
Phải vào tôn tuệ.
Ví như trời trăng
Các đèn báu sáng
Giống như mùa Đông
Tuyết trên núi cao.
Ví như Thích, Phạm
Cùng với Tứ thiên
Ánh sáng kinh ấy
Hơn hẳn với họ.
Kinh trừ phiền não
Và tội của tâm
Hàng phục các ma
Liền được an ổn.
Thần túc thấy khắp
Biết được mạng xưa
Biết rõ tất cả
Ý người muốn gì!
Ta nhớ đời trước
Trải vô số kiếp

Ái dục đều dứt
Tất cả không còn.
Lúc Phật khen ngợi
Nói ấn kinh này
Phải học như ta
Không lâu sẽ được.
Nếu có hành giả
Biết chắc rỗng "Không"
Trong tâm rõ "Không"
Nó vốn tự nhiên
Người tạo hạnh này
Là chấp nơi "Không"
Người giữ gìn pháp
Xa lìa nơi "Không".
Sau ta Niết-bàn
Có người nói rằng:
Tất cả các pháp
Xem chúng như mộng.
Hoặc trì các pháp
Muốn hiểu biết rõ
Ý kia khởi gì
Nên vì chấp ấy
"Không" chẳng có sinh
Cũng không người tạo
Cũng không người đến
Không thấy có trụ
Không hành pháp này
Chấp ở trong "Có"
Liền tự nói rằng:
Ta đã rõ "Không".
Được nghe chánh pháp
Từ Thiện tri thức
Rợn cả chân lông
Rơi lệ nói rằng:
Thầy thật tôn quý
Là bậc Hiền giả.
Về sau lại nói
Trăm điều xấu xa

Nhiều điều hèn hạ
Của hạng khốn cùng!
Vì mong cúng dường
Khen ngợi chính mình
Cầu được tiếng tăm
Nhờ làm Sa-môn.
Loạn nhơ chánh giáo
Đệ tử giữ pháp
Nương nơi Phật đạo
Mà làm Sa-môn.
Tu hạnh Bồ-tát
Bồ-tát bất trụ
Như tại bờ biển
Trông sang bờ kia.
Người hạnh không đủ
Chẳng phải Bồ-tát
Ở nơi vắng vẻ
Nói ta hành tịnh.
Hạnh trong người ấy
Không trụ thanh tịnh
Thường mong cúng dường
Gần gũi thiện tín,
Bèn tự nói rằng:
Ta là Sa-môn.
Nếu ở đạo ta
Làm vị Sa-môn
Trụ trong pháp Phật
Như hoa sen nước.
Ở trong kinh này
Như pháp thực hành
Người có hạnh ấy
Giữ được Phật pháp.
Nay Khả Ý Vương
Phải thọ giáo ta
Chớ tạo hạnh chấp
Như người thế gian.
Xa lìa thế tục
Được Phật khen ngợi

Cho nên phó chúc
Hãy giữ pháp sau.
Ví như na-thuật
Người trong cõi nước
Đem cát sông Hằng
Thảy đều rải khắp.
Mỗi một hạt cát
Đều thành một trái
Mỗi một trái này
Thành cát sông Hằng.
Số tính như thế
Ngàn lần gieo trồng
Lại tính như thế
Số cát sông Hằng.
Tính đếm như thế
Hơn vô số cõi
Đem mỗi hạt cát
Dùng làm số tính.
Đem số tính ấy
Phương Đông như thế
Tính số cát ấy
Đều tính cho hết
Khắp cả mười phương
Thảy đều như thế
Số cõi như vậy
Vô số chư Phật
Mỗi một Đức Phật
Số đều như nhau.
Tất cả Đức Phật
Có vạn thứ tiếng
Ở vô ương số
Hằng hà sa kiếp
Nói công đức kinh
Không khi nào hết.
Nếu người có hạnh
Với nghĩa kinh này
Luôn phải ghi nhớ
Trụ kinh pháp ấy.

Phụng hành bền vững
Như trên đã nói
Kinh ấy tôn tuệ
Không có ngằn mé.
Ví như hạt cải
Bên cạnh Tu-di
Như người đến biển
Lấy một giọt nước.
Công đức nói kinh
Cũng lại như thế
Tôn trọng kinh này
Tạo hạnh không chấp.

Bấy giờ, Bồ-tát Khả Ý Vương và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng sáu mươi vị Hiền, hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp gọi là pháp. Những gì là pháp? Làm sao biết được tướng trạng của pháp?

Đức Phật bảo Bồ-tát Khả Ý Vương và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng sáu mươi vị Hiền:

–Này thiện nam tử! Pháp là tướng trạng của sự không tạo tác.

Không tạo tác ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không thể được.

Không thể được ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không thể tận.

Không thể tân ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ khởi.

Không chỗ khởi ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ diệt.

Không chỗ diệt ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ được.

Không chỗ được ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ nương.

Không chỗ nương ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không xứ sở.

Không xứ sở ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ ra.

Không chỗ ra ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không dao động.

Không dao động ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của lìa dao động.

Lìa dao động ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không tâm.

Không tâm ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không niệm.

Không niệm ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không hai.

Không hai ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của bình đẳng.

Bình đẳng ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của chẳng có.

Chẳng có ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ trụ.

Không chỗ trụ ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không chỗ hành.

Không chỗ hành ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của không biếng nhác.

Không biếng nhác ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của pháp không nơi chốn.

Pháp không nơi chốn ấy, là tướng trạng gì?

–Là tướng trạng của Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử pháp ấy xoay vần, không biết nhau, thì pháp nào sẽ tân, để cho chúng con giữ gìn pháp sau này?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Người khởi pháp pháp tưởng, muốn được độ. Người muốn được độ, trụ nơi pháp. Người trụ nơi pháp, liền ở hai pháp. Người ở hai pháp, là hạnh làm diệt pháp. Pháp cũng không diệt cũng chẳng phải không diệt. Ta nay bảo các ông giữ gìn pháp sau này.

Lúc ấy, Đức Phật liền nói kệ:

Đã trụ tôi, ta

Bèn nói có đời
Trì tưởng, tạo hạnh
Muốn thoát thế gian
Người khởi niệm ấy
Là trụ hai pháp.
Đó là mê hoặc
Chẳng hành chánh pháp
Pháp, không ai tạo
Cũng không ai hoại
Không thể thấy biết
Cũng không nơi người.
Người chấp nơi có
Do khởi hạnh tưởng
Bèn tự nói rằng:
Ta đã nhẫn "Không"
Khởi tưởng niệm "Không"
Đó là phi pháp.
Pháp không chỗ có
Bèn hành có pháp
Những điều khởi ra
Là không chỗ có
Hạnh luôn vắng lăng
Đó là pháp ấn.
Với tưởng, có động
Lập tức tự trói
Pháp vốn thanh tịnh
Bèn khởi "Có" pháp.
Tất cả các pháp
Giống như tiếng vang
Người chấp nơi có
Là ở hai pháp.
Tuệ pháp thanh tịnh
Tuệ, không được tuệ
Tuệ, ở trong tuệ
Không có ai được.
Tất cả không thấy
Người hay khởi tập
Si, tuệ đều không

Đều không chỗ có
Nếu để tự nhiên
Sẽ có chỗ có
Liền sẽ hoại diệt
Thành tựu Niết-bàn.
Giả sử các pháp
Có chỗ trụ ở
Người cùng phi nhân
Đều được Niết-bàn.
Như người ở đời
Tự nắm, tự buông
Nghĩ phải, nghĩ quấy
Mà cầu Niết-bàn.
Tự khởi tôi, ta
Tất cả đều thế
Đã khởi các pháp
Cũng không hiểu, nhớ.
Ngu si và trí
Với hai việc này
Lời miệng nói ra
Là không chỗ có
Người khởi tưởng hành
Mù mịt trong ấy
Hoại diệt, sinh tử
Muốn cầu Niết-bàn.
Tâm không biết tâm
Nó vốn tự nhiên
Với vốn tự nhiên
Cũng không biết tâm.
Tất cả các pháp
Tự nhiên như mộng
Hễ muốn khởi hạnh
Chấp có chắc chắn
Người khởi có pháp
Chẳng phải hạnh vững
Người diệt hạnh pháp
Chẳng phải pháp bền
Giả sử diệt hạnh

Đó chính là chắc
Các khởi có pháp
Đều sẽ thành Phật
Cái giác của Phật
Là không chỗ giác,
Nói hay thuyết pháp
Là không chỗ thuyết
Nói hay độ người
Là không chỗ độ.
Phật vì chắc thấy
Không chỗ khởi pháp
Giả sử Niết-bàn
Thì đó là sắc
Các đệ tử Phật
Đều phải ở trong
Nếu khiến Niết-bàn
Pháp là thường trụ
Tứ đẳng thương xót
Các loại nhuyến động
Tất cả mọi người
Không thể gặp nhau.
Ở đời, tự đặt
Trì ngã, tác nhân
Xem kỹ thế gian
Không ngã, không nhân
Không còn chỗ chấp
Đó là Niết-bàn.
Chợt, đều nói là
Tự cho là chắc
Nhận sự hoại diệt
Muốn được vì đạo
Đã không khởi pháp
Bèn vì một pháp
Trì pháp hữu hành
Ở đó bốn Đế
Chỗ ở chư Phật
Đều ở một pháp
Ngồi cội Bồ-đề

Sao có bốn đế?
Hành giả như vậy
Không rõ Bồ-tát
Tạo hạnh như thế
Hủy hoại Phật pháp.
Người làm Sa-môn
Phải như pháp ấy
Nếu có ái dục
Không nên chất chứa.
Muốn thành Tam-muội
Hạnh luôn vững chắc
Ví như tê giác
Luôn thích sống riêng
Tám mươi ức Phật
Vua trong loài người
Hành Tam-muội ấy
Chư Phật đều biết.
Nếu có tôn thiên
Bậc đã thấy chắc
Sớm tối ủng hộ
Những người trì pháp.
Kinh qua không hết
Chiếu sáng tất cả
Vào pháp tạng này
Cửa không đầu mối.
Có hạnh tin ấy
Loại Tam-muội này
Thường ở trong mộng
Gặp gỡ chư Phật.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người nào, muốn đắc đạo Bồ-tát thì Bồ-tát phải thực hành Tam-muội này. Nếu muốn thành tựu tướng, muốn thành tựu điều tốt, thành tựu mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, muốn thương xót lớn mà không dính mắc vào đâu, muốn được Tuệ nhãn tự nhiên, muốn thành Tỳ-kheo tăng, muốn thành Bồ-tát, hoặc muốn thành tựu cõi Phật, muốn đắc tuệ Đà-la-ni nghe được tiếng nói tất cả mọi người, muốn lìa thế gian, muốn biết con đường sẽ đi đến của tất cả mọi người, muốn được sức mạnh, muốn hiểu rõ Tam-muội thì phải phụng

hành như đã dạy ở trên, tức là ngang bằng Phật. Như tướng, như đại tướng, như tướng trong hàng tướng, được ở trên tất cả, được thương xót tất cả, được thành Như Lai. Những lời nói ra đều bình đẳng, vô lượng đẳng và không đẳng, vô xứ đẳng, sở thuyết đẳng, cao tột trong loài người. Vì sao? Vì ta trụ ở Tam-muội này, khi Đề-hòa-kiệt thành Phật, ta đã đạt Phật đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử khi Đề-hòa-kiệt thành Phật đạo, thì sao lại là thế gian?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Vì cần làm ba việc, nên ở tại thế gian:

1. Để làm Phật sự.

2. Độ Nhân phi nhân khắp mười phương.

3. Không trái với bản nguyện.

Lúc đó, ta đã thành Phật đạo đã vào Niết-bàn rồi.

Đức Phật liền nói kệ:

Hành Tam-muội này
Nhớ nghĩ không đáy
Mau được thành Phật
Khắp cả mười phương
Vô ương số Phật
Người hộ trì pháp
Lại đều được nghe
Vô lượng vô biên
Các kinh chánh giáo
Người trì kinh này
Liền được vô cực
Môn Đà-la-ni.
Muốn biết tiếng người
Các tuệ Tam-muội
Phải nghe kinh này
Thông suốt bốn Đế,
Tuệ chẳng chỗ chấp
Hay dứt các cõi
Không khởi không diệt
Không có nơi chốn,
Đạt đến thanh tịnh

Liền được tướng tốt
Tất cả công đức
Và mười thứ Lực.
Muốn rõ nhiệm mầu
Tuệ pháp sâu xa
Phải hành kinh này
Muốn được hiểu rõ
Tất cả người đời
Ai đọa địa ngục
Muốn dạy họ chắc
Dứt trừ dâm, nộ
Hành giả thanh tịnh
Đối với kinh này
Sớm tối gắng sức
Tạo hạnh vô thượng,
Phải vui siêng năng
Trong hăm mốt ngày
Phụng hành ấn kinh
Chớ nên biếng nhác
Cùng với an ổn
Muốn cầu pháp này
Luôn giữ hòa diệu
Tâm không ganh ghét
Ở nơi tĩnh lặng
Đem pháp ban bố
Giữ giới cúng dường
Mới được nguyện ấy.
Giữ tâm bình đẳng
Dùng Tam-muội kinh
Chỉ dạy mọi người
Chớ thích ái dục
Phải như hoa sen
Không nhiễm bùn nước
Tinh tấn vững vàng
Như chim bay xa
Ở trong hư không
Hạnh này về sau
Liền được vô cực

Môn Đà-la-ni.

Khi Đức Phật nói kinh này, ba ngàn cõi nước chấn động sáu cách. Các chúng trời đem ức trăm thứ hoa, hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu đan xen nhau, bảy báu, chuỗi ngọc vàng, hoa đủ màu sắc, ngọc ma-ni, thủy tinh, lưu ly để cúng dường Đức Phật, tất cả tôn thiên, chư Thiên, Ngọc nữ, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Tỳ-kheo tăng, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rất vui mừng, đều rời bỏ nhà cửa, xả bỏ vợ con, những đồ quý báu, phát tâm Bồ-tát. Trong một na-thuật, không thể nói đầy đủ hết về việc làm của Bồ-tát. Những người phát tâm Bồ-tát ấy, đều đạt được không thoái chuyển. Vô ương số người, nhiều như cát sông Hằng đều chứng quả A-la-hán. Các vị Bồ-tát ở khắp mười phương bay đến đều hoan hỷ ra về.

Khi Đức Phật nói pháp ấy, có a-tăng-kỳ người đều phát tâm Bồ-tát, tám mươi na-thuật người đều được không thoái chuyển, ba ức sáu vạn Bồ-tát được Tam-muội này. Vô ương số người đều chứng quả A-la-hán. Các vị Bồ- tát từ khắp mười phương đến đều được Tam-muội này.

Khi Đức Phật nói kinh xong, Bồ-tát Khả Ý Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi sáu mươi vị Hiền sĩ, Bạt-đà-tư-lợi-tuyên-na-lạp, phu nhân của vua Bình-sa cùng với chư Thiên, Nhân dân, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân... đều rất vui mừng, ở trước Đức Phật đảnh lễ, rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 633

PHẬT THUYẾT NHƯ LAI TRÍ ẤN KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch
(Khai nguyên phụ lưu Tống Lục).

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi vị và ba vạn ức Bồ-tát đều đắc Đà-la-ni, trụ nơi Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, không dính mắc vào các pháp môn, đắc Đà-la-ni môn, biết được các căn đầy đủ và không đầy đủ của tất cả chúng sinh và biết tất cả hành của chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nhập Tam-muội cảnh giới Phật, không màu sắc, không chấp, không hiện rõ, không hình tướng, không hiển bày, không gốc rễ, không biến, không đắc, không ngã, không chủ, không tạo tác, không phải không tạo tác, không đến, không đi, không trụ, không phan duyên, vô vi, chẳng phải vô vi, chẳng tương ưng, chẳng phải không tương ưng, không tâm, chẳng tâm hành, chẳng thật, chẳng phải không thật, chẳng tự tại, chẳng gần, chẳng lìa các pháp. Khi nhập Tam-muội ấy không thấy thân của Như Lai và tướng của thân, không thấy tâm và tướng của tâm, không thấy y, không thấy ngồi, không thấy chỗ ngồi, không thấy đi. Như vậy, Tam-muội phát sinh những công đức như vậy, đó là cảnh giới Phật.

Tức thời, từ định này, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Ở thế giới này, ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, các vì sao, các diệu bảo thần châu, các lửa điện ở cung trời, cung Thích cho đến cung Phạm đều không phát sáng. Nhờ năng lực của Như Lai Tam-muội mà ba ngàn thế giới đều nghe được hương thơm vi diệu. Trời Vô hữu dư, nghe được hương thơm trước. Trong tất cả thế giới, những nơi tối tăm, như núi Chước-ca-la, núi Đại Chước-ca-la, núi chúa Tu-di và các núi danh tiếng; chúng sinh ở trong ấy, không thấy được hình dạng chính mình, nhờ ánh sáng của Đức Phật chiếu đến làm sáng rực khắp.

Khi ấy, màn lưới bằng bảy báu, bao phủ cả tam thiên đại thiên thế giới ấy lại hiện ra tướng hiếm có. Tất cả thế giới đều mọc lên những loại

hoa đẹp đẽ lạ thường. Vườn trúc Ca-lan-đà và núi Kỳ-xà-quật thông thành một hôi. Mặt đất bằng phẳng, mọc lên hoa sen ngàn cánh, lớn như bánh xe. Trên mỗi hoa, đều có màn lưới bằng bảy báu, trang nghiêm lọng lẫy, rũ xuống như mây. Cõi nước Ma-kiệt-đề mịn màng như bộ lông chim Ca-lăng-già.

Bấy giờ, các Đức Phật ở hằng sa thế giới phương Đông, bảo hàng vạn a-tăng-kỳ Bồ-tát thuộc hàng Nhất sinh bổ xứ:

–Các ông hãy đến thế giới Ta-bà, cõi nước ấy có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, sắp vào tất cả cảnh giới Phật, nói Tam-muội tên là Như Lai Trí Ấn. Hiện giờ Phật nhập định này. Nếu có Bồ-tát nghe Tam-muội này, thì hơn hẳn trăm ngàn kiếp thực hành sáu pháp Ba-la-mật, các ông nên đến đó nghe.

Những Bồ-tát này vận dụng thần lực, trong thời gian khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã đến vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thế giới Ta-bà. Các vị đến trước Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng, rồi ngồi trên tòa sen. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía, trên, dưới cũng lại như thế.

Lúc đó, ở tam thiên đại thiên thế giới này, có các vị Thanh văn, Duyên giác và những người phát tâm rộng lớn đều cũng đã tập họp đông đủ, đến chỗ Đức Phật, trong vườn trúc. Ở thế giới này, lại có tám mươi ức Bồ-tát, chỉ trong khoảng thời gian một niệm, cũng đều tập họp đến. Bốn bộ chúng ngồi theo thứ lớp. Lại có ba mươi vạn Thanh văn, nương thiền định của Đức Phật cũng đều ở cả trong hội. Trong tam thiên đại thiên thế giới này, Thích Đề-hoàn Nhân, Hộ thế Tứ vương, cho đến trời Đại tự tại, trời Tịnh cư... Tất cả các vua: Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lầu-la, Tu-hòa-na... cùng vô số quyến thuộc vây quanh đều đã đến nhóm hội, đảnh lễ dưới chân Đức Phật, theo thứ lớp vào chỗ ngồi. Lúc ấy, ở tam thiên đại thiên thế giới này, những vị đại oai đức, cũng đều đến tập họp, trên đến trời Phạm thế, không trống thiếu chỗ nào.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Đại Câu-hy-la, Đại Ca-chiên-diên, Tu-bồ-đề, Bân-nậu-văn-đà-ni Tử, hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Hiền giả! Hiện nay Như Lai ở đâu? Dùng hình sắc gì để thấy Như Lai? Như Lai buộc niệm, tướng ấy như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Thanh văn các vị, có trí tuệ lớn, thành tựu Tam-muội tự tại, các vị hãy dùng sức định, quán sát thân và nơi buộc niệm của Đức Phật, để biết

Phật ở đâu?

Các đại Thanh văn liền nhập Tam-muội, quán sát, nhưng không thấy thân và nơi buộc niệm của Đức Phật. Lúc đó, các đại Thanh văn, quán sát khắp cả tam thiên đại thiên thế giới này, nhưng cũng không thấy thân Phật và tướng của thân Phật, các vị mới thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng tôi không thấy thân và nơi buộc niệm của Như Lai. Nay chúng tôi phải làm thế nào để thấy được thân Phật?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Hãy đợi một tý! Tự các vị sẽ thấy Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, cả tam thiên thế giới liền chấn động mạnh. Thân Phật thù thắng đặc biệt, uy nghiêm, sáng chói. Lúc đó, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội Như Lai đã nhập ấy, lấy gì làm tướng? Tuệ nhãn của các đại Thanh văn, quán sát đều không thể thấy được. Tam-muội này lấy cảnh giới gì?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Tam-muội này là không duyên, không xứ, là cảnh giới Phật thì chẳng phải là chỗ hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ bàn, là thần lực của Phật.

Này Xá-lợi-phất! Thân Phật chân thật; chẳng phải thân, chẳng tạo tác; chẳng khởi, chẳng diệt; chẳng cao lớn, chẳng hóa, chẳng tín; là Niết-bàn vô vi, chẳng dấu vết, chẳng đi; không đây, không kia, bản tánh thanh tịnh, không có một pháp, chẳng thọ nhận, chẳng nguyện, chẳng sinh mạng, chẳng báo ứng; chẳng thấy, chẳng nghe; chẳng hiểu biết, chẳng trình bày; chẳng ngửi, chẳng nếm; chẳng xúc chạm, chẳng não, bức, chẳng lường tính, chẳng đối đãi; chẳng tâm, chẳng nhớ; chẳng suy nghĩ, chẳng không suy nghĩ; chẳng vào, chẳng lại, chẳng qua; đến, đi dứt bặt; chẳng ảnh, chẳng tỳ vết; chẳng đoạn dứt, chẳng phải vật; chẳng phải thật, chẳng tạo tác; chẳng phải tạo, chẳng thành tựu; chẳng lấy, chẳng che phủ; chẳng hiện, chẳng nương; chẳng sáng, chẳng tối; vắng lặng, chẳng vắng lặng; thường trú vắng lặng; tịnh, chẳng phải tịnh; bản tánh thanh tịnh, không có một pháp; chẳng sinh, chẳng khởi; chẳng thích ở yên; chẳng nơi chốn; chẳng động, chẳng hoạn; chẳng lời nói, chẳng pháp, chẳng phi pháp; chẳng ruộng phước, chẳng không ruộng phước; chẳng hết, chẳng không hết; xả bỏ các dính mắc, gọi là không; chẳng chống trái; chẳng âm thanh; lìa danh tự, xả bỏ nhớ tưởng; chẳng tương ưng, chẳng không tương ưng, chẳng diệt, chẳng không

diệt; chẳng lượng, chẳng không lượng; chẳng đến, chẳng đi; chẳng hai, chẳng không hai; chẳng phải bờ bên đây, chẳng phải bờ bên kia; chẳng phải giữa dòng; chẳng phân, chẳng không phân; chẳng nghiệp, chẳng báo; chẳng nghe, chẳng nghĩ; chẳng lường, chẳng chướng ngại; chẳng tướng, chẳng không tướng; chẳng môn, chẳng lìa, chẳng chấp; ưa thực hành các pháp, pháp pháp giống nhau; như chân thật; vì độ thoát chúng sinh, thật không có chỗ độ; giải cho người chưa giải thoát, điều phục người chưa điều phục; cứu giúp người chưa được cứu giúp; chỉ dạy pháp không hai; chẳng bằng, chẳng không bằng; chẳng giống nhau, chẳng không giống nhau; vô đẳng cam lồ đẳng; dữ không đẳng; vô xứ đẳng, vô đắc đẳng; tịch diệt tận diệt, khéo điều phục hành xứ; chuyển bánh xe không thoái; quyết định không nghi; chẳng lìa pháp, chẳng lìa hai pháp; chỗ tập bản hạnh thanh tịnh, đầy đủ oai nghi giải thoát; chẳng cao, chẳng thấp; chẳng vuông, chẳng tròn; chẳng tướng thân, chẳng tướng ấm; chẳng tướng nhập, chẳng tướng giới; chẳng khởi hữu vi, chẳng khởi vô vi; chẳng phải chân thật vô vi; chẳng mạng, chẳng phi mạng; chẳng sinh, chẳng hiện; chẳng có người thấy; chẳng thật sinh, chẳng nói năng, chẳng chịu đựng; tướng của thân không động; chẳng đảo ngược, chẳng dao động, chẳng thật, chẳng nhớ, chẳng hòa hợp; chẳng tạo tác, chẳng không tạo tác; chẳng rõ ràng, chẳng tướng; chẳng Niết-bàn, không vào Niết-bàn; chẳng định, chẳng phi định.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là tướng thân của Như Lai, tất cả chúng sinh đều nương tướng ấy. Ai có khả năng biết được Tam-muội này không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Dạ vâng! Đúng vậy! Thưa Thế Tôn! Trong tất cả tướng, không có thân Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn làm rộng thêm Như Lai Tam-muội Trí ấn, nên mới nói bài kệ:

Như thân, phi thân, thân giải thoát
Không hoại, không tạo, cũng không được
Pháp chẳng tương ưng, không tương ưng
Đó là hiện rõ thân Thiện Thệ.
Chẳng hợp, không hợp, không dính mắc
Chẳng chấp, chẳng xả, chẳng cao bằng
Chẳng tạo, chẳng nơi, chẳng không nơi
Thân này, chẳng rõ, không chỗ muốn.
Chẳng chấp, chẳng tạo, không chỗ có

Chẳng sắc, chẳng tâm, chẳng hai một
Không phân, chẳng phân, không khởi diệt
Chân thật, không ngã, hiện thân Phật.
Chẳng mạnh, chẳng yếu, cũng không đoạn
Chẳng im, chẳng nguyện, chẳng tận cùng
Chẳng được, chẳng định, chẳng nương dựa
Thân thật, không nhiễm, hiện như thế.
Chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng ngửi chạm
Chẳng nương, chẳng bày, hiện hình bóng
Nếu có người thấy, tâm vui vẻ
Như vậy, diễn nói pháp thành tựu.
Chẳng ấm, chẳng giới, chẳng hư thật
Các căn chẳng sinh, chẳng nhơ sạch
Chẳng bền, không bền, trăng in nước
Muốn quán thân Thiện Thệ như thế.
Từ nhân duyên sinh, chẳng chân thật
Chẳng khởi, chẳng diệt, chẳng động, đi
Chẳng hiện, hiện ba, như huyễn sư
Quán Phật không chỗ nương, như vậy.
Chẳng lặng, không lặng, chẳng tương ưng
Chẳng buộc, chẳng dục, chẳng hợp tan
Như đánh hư không, thật trống rỗng
Quán Phật như thế, chân cúng dường.
Mười phương thế giới, ngàn ức cõi
Chứa nhóm trân bảo đến Phạm thế
Cúng tất cả Phật vô lượng kiếp
Nếu có ghi chép phước hơn kia.
Nếu có tội ở hằng sa kiếp
Tu tập bốn Đẳng khắp thế gian
Giữ trọn tịnh giới không gì sánh
Tin hiểu kinh này phước cao tột.
Xa xưa sinh tử đến thân này
Khắp nơi chúng sinh hành nhẫn nhục
Nếu có tạm tin Trí Ấn kinh
Ví như Tu-di cạnh hạt cải.
Ba cõi chúng sinh vô số loài
Ở vô lượng kiếp mang vác đi
Thân không lười mỏi, không hối hận

Hay nhẫn kinh này phước vô song.
Trăm thế giới số cát chúng sinh
Ở vô lượng kiếp tu thiền định
Một ngày, một đêm trì kinh này
Công đức hơn kia không thể đếm.
Trí bỏ hai bên hành trung đạo
Hơn hẳn vô lượng trần số kiếp
Nếu với kinh này nói cho hiểu
Ví như giọt nước trong biển cả.
Không nên dùng sắc, quán sắc tướng
Chớ như người ngu, nghĩ xem Phật
Thấy thật ta là Tu-bồ-đề
Ruộng phước ba cõi rất thanh tịnh.

Nói kệ xong, Đức Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là Như Lai trí ấn Tam-muội, có khả năng bao trùm khắp tất cả mười phương thế giới, là trí tuệ vô ngại của Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Nếu muốn mau thấy chư Phật và chư Bồ-tát khắp mười phương, thì sớm tối phải siêng năng tu Tam-muội này, sẽ thấy được tất cả.

Này Xá-lợi-phất! Tam-muội này là vô lượng môn của Bồ-tát, thực hành cùng khắp các hạnh Đà-la-ni có khả năng giữ gìn pháp giới, khiến không đoạn tuyệt. Đà-la-ni này giữ gìn các pháp môn. Nếu ai thành tựu được tướng này thì đó gọi là Bồ-tát, có khả năng thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ hạnh tương ưng, nghiệp hạnh thanh tịnh, ra khỏi cảnh giới ma, không động, không xuất, giống như thực hành hạnh Phật. Ba nghiệp thân, miệng, ý đều được thanh tịnh. Muốn rõ pháp bí mật thanh tịnh của Như Lai, thì phải nên tu học Tam-muội ấy. Muốn lần lượt nói pháp, thì cũng học Tam-muội này. Muốn biết khắp các pháp; muốn như chân đế; muốn thoát khỏi vạn ức sinh tử, tạo sự chứng ngộ; muốn hiểu rõ mười hai nhân duyên; muốn biết rõ tâm ý, sở hành hướng đến của tất cả chúng sinh; muốn có được cõi Phật thanh tịnh vi diệu thì phải học Tam-muội này. Muốn được ánh sáng vi diệu, muốn thành tựu quyến thuộc, muốn làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, muốn thành tựu tướng tốt, muốn thành tựu nhạo thuyết biện tài, muốn biết các pháp thì nên học Tam-muội này. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Giống như châu báu như ý, nó đáp ứng tất cả mong cầu của mọi người. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Tam-muội này là tất cả việc làm tốt đẹp của Bồ-tát, có khả năng thành tựu đầy đủ tất cả hạnh nguyện.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trí tuệ tối thắng thượng trí quang
Trí quang, trí phú, trí phú tàng
Trí tuệ tạo chỗ vào cửa trí
Vô lượng trí ấn, ấn kinh này,
Căn tuệ, trí tác, trí tuệ địa
Trí khởi, trí quang, diệt tối tăm
Tuệ không thể hết, tuệ mở bày
Các kinh, nhật nguyệt chiếu ba cõi,
Bình đẳng, đẳng phú, đẳng Tam-muội
Tướng pháp chân thật dứt trói buộc
Tất cả Tam-muội, cửa Trí ấn
Đây là giống Phật bốn biện tài.
Diệt cấu, vô tận, qua bờ giác
Chứa đức, khởi phước, phước ứng khắp
Là ta đã được gốc sướng vui
Tam-muội này là báu Thiện Thệ.
Như vua yêu nước, khéo chăm dân
Của báu đầy dẫy tùy ứng đến
Rửa bỏ tham dục, si và giận
Bảo Hải hay nói kinh điển này.
Thiện Tịch năng diệt, khởi nhớ nghĩ
Khéo trừ các uế, tịnh, ngã, kiến
Như cầm chắc kiếm hoại vô hoại
Báo Phật được ấn Tổng trì đó.
Trí hay che giúp các chúng sinh
Trí tuệ đã làm trí giàu có
Trí quang chiếu khắp không ngằn mé
Kinh này sẽ được trí tuệ môn.
Điều mình, điều người, đoạn hai tưởng
Diệt sạch sáu mươi hai các kiến, ái...
Được vào cam lồ môn Như Lai
Sẽ thành ba mươi hai tướng tốt,
Đạo và thắng đạo, đạo thứ lớp
Trợ pháp Bồ-đề, chẳng trợ pháp
Khéo hay giác ngộ, người biếng nhác
Tướng tuệ vô lượng không thể hết.
Tương ưng, cùng pháp, hiểu thứ lớp

Vô lượng tuệ quang Đà-la-ni
Thành tựu Bố thí ba-la-mật
Trì giới, Nhẫn nhục cũng như thế
Tinh tấn, Thiền định, Trí vô tận
Trụ Bát-nhã này, độ thành tựu
Chớ sợ nghiệp báo và phiền não
Chớ sợ chúng ma và nẻo ác.
Tu tập kinh này không chướng ngại
Tùy chỗ nhớ nghĩ đạo được thành
Các Phật tử, trụ trong Hiền kiếp
Mười phương đến hội, làm chứng, ta.
Pháp khí, không hoại đều đến đây
Đều phải phụng trì kinh pháp này
Kinh này, quá khứ sinh ra Phật
Cũng là mẹ các Phật vị lai
Và ở hiện tại sinh các Phật
Siêng tu kinh này, anh em Phật
Nghiệp sạch, không nhơ, hành không thoái
Vượt khỏi bùn lầy lên bất động
Người hợp kinh này, trụ chân thật
Được Diệu pháp tạng của Như Lai.

Lúc Thế Tôn giảng nói rộng rãi pháp ấy, có ba mươi hằng sa Bồ-tát đều đắc Tam-muội này, sáu mươi tám ức na-do-tha Bồ-tát đã ở trong ngàn kiếp, tịnh tu các hạnh, đối với đạo vô thượng được không thoái chuyển, âm thanh vô tận, tuệ quang Đà-la-ni. Lại có sáu mươi vạn trời và người, chưa phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nay đều phát tâm nghe Tam-muội này và đều sinh tâm vui thích theo. Khi sinh tâm vui thích theo thì liền được không thoái chuyển. Được Phật thọ ký:

–Ở đời vị lai, trải qua ba vạn kiếp, sẽ được thành Phật, hiệu là Vô úy. Lại có những vị, đã tu hành từ lâu, được Vô sinh nhẫn đều ở nước khác, thành đạo vô thượng, tất cả đồng một hiệu.

Giữa lúc, bốn chúng vây quanh, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Các ông trụ nơi pháp bất trụ, không hý luận, không tác hạnh. Tất cả pháp không chỗ nương nên giữ gìn đạo vô thượng này, giảng nói rộng rãi cho người khác.

Lúc ấy, Đồng tử Văn-thù từ chỗ ngồi đứng dây, sửa sang y phục, quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con quán tất cả pháp đều không thể được. Con sẽ giữ gìn Bồ-đề vô thượng này, như đạo vô thượng của Thế Tôn, vô tại vô bất tại, không xứ sở, không hiện, không thể cầm nắm, không được, không mất.

Khi ấy, trong hội, ba mươi ức Bồ-tát từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn giữ gìn pháp, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai, dù trải qua vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha kiếp tu tập khó được.

Mỗi một vị đều cởi áo đang mặc trên người, dâng cúng Như Lai, phát nguyện vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Di-lặc! Ông phải khéo lắng nghe và ông cũng nên biết, đây là việc của ông: "Ở đời vị lai năm mươi năm, phải giữ gìn kinh này".

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Dạ vâng! Bạch Đức Thế Tôn, Con sẽ giữ gìn kinh này.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Trong ba mươi ức Bồ-tát, sẽ có tám ngàn Bồ-tát giữ gìn chánh pháp, còn những Bồ-tát khác, chưa đủ khả năng tự điều phục mình nên không thể giữ gìn chánh pháp. Về sau vào đời mạt pháp, ở trong chánh pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai, trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu tập khó được sẽ phát sinh việc tranh cãi, xem thường, phá hoại; không nói, không có khả năng nghe nhận, không có khả năng giữ gìn.

–Này Di-lặc! Có bảy pháp phát tâm Bồ-đề. Bảy pháp đó là:

1. Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như Phật.

2. Chánh pháp sắp diệt, vì giữ gìn nên phát tâm Bồ-đề.

3. Thấy các chúng sinh bị các khổ thúc ép, khởi lòng nhớ nghĩ rộng lớn mà phát tâm Bồ-đề.

4. Bồ-tát khuyên dạy các chúng sinh khác phát tâm Bồ-đề.

5. Khi bố thí tự mình phát tâm Bồ-đề.

6. Thấy người khác phát tâm thì theo học phát tâm.

7. Thấy hoặc nghe Như Lai trang nghiêm có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì phát tâm Bồ-đề.

Này Di-lặc! Trong bảy nhân duyên phát tâm Bồ-đề như thế; Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như Phật. Chánh pháp sắp diệt, vì giữ gìn nên phát tâm Bồ-

đề. Thấy các chúng sinh bị các khổ thúc ép, khởi lòng thương rộng lớn nên phát tâm Bồ-đề. Ba hạng phát tâm này có khả năng vì chư Phật. Bồ-tát giữ gìn chánh pháp và có khả năng mau được địa vị không thoái chuyển, thành tựu Phật đạo. Còn bốn hạng phát tâm sau thì cang cường khó điều phục, không có khả năng giữ gìn chánh pháp.

Lại nữa, này Di-lặc! Bồ-tát thành tựu được năm pháp, phải biết đó là không thoái chuyển. Năm pháp đó là:

1. Đối với chúng sinh, khởi tâm bình đẳng.

2. Thấy người khác được lợi ích, không sinh ganh ghét.

3. Thấy người giữ gìn pháp, thà mất thân mạng chứ không xoi mói lỗi lầm của người ấy.

4. Hay xả bỏ tất cả lợi dưỡng.

5. Tin pháp sâu xa, không tin những kinh, thơ, văn tụng của thế gian.

Này Di-lặc! Bồ-tát thành tựu năm pháp gọi là không thoái chuyển.

Này Di-lặc! Bồ-tát lại có năm pháp, tâm họ cang cường, có thể hủy diệt chánh pháp. Năm pháp đó là:

1. Khởi sắc không tốt.

2. Tin và làm những việc làm hèn mọn.

3. Tham đắm lợi dưỡng.

4. Bảo vệ cho kẻ đà-việt còn tham tiếc.

5. Ôm lòng nịnh hót quanh co, làm việc không chân thật. Miệng tuy nói "Không", nhưng việc làm không hợp với lời nói.

Đó là năm việc làm hủy diệt chánh pháp.

Lại nữa, này Di-lặc! Bồ-tát lại có năm pháp, có thể thành tựu không thoái chuyển. Năm pháp đó là:

1. Không được ngã.

2. Không được chúng sinh.

3. Thấu rõ pháp giới, không được, không nói.

4. Không được Bồ-đề.

5. Không dùng sắc thân xem xét Như Lai.

Này Di-lặc! Bồ-tát thành tựu năm pháp như thế thì gọi là không thoái chuyển.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Vì trí, khởi ganh ghét
Như quạ, sâu, phá cây

Chẳng tin lời hẹp hòi
Hay giữ Bồ-đề Phật.
Đồng hoang, siêng năng tu
Gắng nhẫn thường lặng lẽ
Như tê giác lìa đàn
Khéo giữ đạo không mất.
Xa chúng, thích thanh nhàn
Như nai thích chỗ vắng
Không chấp, như gió thoảng
Hạnh ấy giữ gìn pháp
Không tiếc thân và mạng
Không nhiễm ái thân tộc
Siêng tu, không, vô ngã
Có thể thành Bồ-đề.
Đời sau có chúng sinh
Nói ta hành Bồ-đề
Tâm khinh ngạo, nịnh hót
Không thể giữ chánh pháp.
Nhớ trước Phật Nhiên Đăng
Hơn tám mươi ức kiếp
Có Phật hiệu Nguyệt Kế
Giảng nói Tam-muội này.
Hội đầu tám mươi ức
Na-do-tha Bồ-tát
Nghe Phật giảng nói pháp
Đều được không thoái chuyển.
Hội thứ hai nói pháp
Bảy mươi ba do-tha
Hội thứ ba nghe pháp
Bảy mươi ức do-tha.
Phật thọ vô lượng kiếp
Sáng sáu mươi do-tuần
Chín mươi chín ức tăng
Vô sinh, tâm tự tại.
Lúc ấy, Chuyển luân vương
Tên gọi là Tuệ Khởi
Thống lãnh Diêm-phù-đề
Bảy mươi ngàn do-tuần

Làm vua bốn thiện hạ
Thể nữ sáu mươi ức.
Vua ấy có ngàn con
Cõi nước tên Lạc quang
Trăm ngàn thành trang nghiêm
Vườn chơi đều đầy đủ
Đều vui vẻ hưng thịnh
Giống như trời Đao-lợi.
Vua ấy, mộng nghe tiếng
Phật Nguyệt Kế ra đời
Trăm sáu mươi ức chúng
Đều đi đến chỗ Phật.
Khi vua nghe kinh này
Pháp sâu xa, thân định
Bỏ nước, đem dâng Phật
Cúi mong tùy nghi dùng.
Các thành xây tinh xá
Bằng gỗ chiên-đàn quý
Cấp nhiều người giúp việc
Vàng trải dọc đường đi.
Thời gian vua cúng Phật
Trọn vẹn tám ngàn năm
Chuyên tinh không ngủ nghỉ
Không chán, không nuối tiếc.
Vật thiết cúng một ngày
Số ấy nhiều vô lượng
Những món cúng dường Phật
Vì cầu Tam-muội này.
Ở yên tu tĩnh niệm
Tam-muội rất sâu xa
Không dùng tướng có được
Cũng chẳng được phương tiện
Liền bỏ nước xuất gia
Mặc pháp phục Xá-na
Buộc niệm ba ngàn năm
Thiền định không ngơi nghỉ.
Trong khoảng thời gian ấy
Phật nói pháp khai ngộ

Sau diệt độ, xây tháp
Sáu vạn bốn ngàn ức
Cúng dường năm trăm lọng
Dùng bảy báu trang nghiêm
Mỗi thứ trăm kiểu nhạc
Thắp tám ngàn ngọn đèn,
Mặc y phục thô xấu
Bảy vạn ba ngàn năm
Thường nói Tam-muội này
Tâm ấy không ham muốn,
Chẳng đắm lời ngợi khen
Không cầu trí thế gian
Xin ăn không nhận mời
Giữ pháp, trụ vào đó,
Tám vạn ức na-do
Trì tịnh giới của Phật
Đều cúng dường như trên
Đầy đủ Tam-muội này.
Nếu muốn đắc Bồ-đề
Phải nên học như Phật
Người kính tu kinh này
Chớ tin luận ngoại đạo.
Đời sau nói hành đạo
Ngược lại, hủy giới cấm
Vì lợi không vì pháp
Tuy đọc chẳng hiểu "Không"
Nói "Không" chẳng trôi chảy
Tà mạng không thanh tịnh
Luận "Không" mà chấp "Không"
Tự nói không nghi đạo.
Bấy giờ vua Tuệ Khởi
Chính là Phật Di-đà
Ngàn người con của vua
Là ngàn Phật hiền kiếp.
Lúc cùng vua xuất gia
Quyến thuộc và đệ tử...
Nay ở trước mặt ta
Là bốn chúng hội này.

Nhớ ức na-do Phật
Xuất gia nghe chánh pháp
Nghe liền hay thọ trì
Đắc "Không" chẳng chỗ nương.
Khởi vô lượng phương tiện
Cúng dường các Như Lai
Không đắc tướng Bồ-đề
Đều do hành chân thật.
Được thấy Phật Nhiên Đăng
Đoạn cầu, được bình đẳng
Lúc ấy, được thọ ký
Vị lai sẽ thành Phật.

Bấy giờ, có người nữ tên Hiền Thủ là đại phu nhân của vua Tần-bà-la, lại có phu nhân khác tên là Kim Quang Câu đạt nữ; cả hai từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Đức Phật dùng vạt áo đựng hoa bảy báu, mỗi người đem năm trăm gói hoa, rải lên Đức Phật và dùng áo Kiếp-bối-dục có giá trị trăm ngàn, dâng lên Như Lai, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đối với định này, con tin hiểu thọ trì. Nếu có người đọc tụng, con sẽ ủng hộ, theo chỗ mong cầu của họ mà cúng dường. Con sẽ đem pháp Đại thừa để giáo hóa chúng sinh không tin là không, là bất không; không chỉ nói suông mà nhất định thọ trì, chắc chắn thực hành như lời nói, không tiếc thân mạng, huống gì của báu để họ cũng sẽ như lời nói dạy dỗ trao truyền nhau.

Lúc đó, tám ngàn cung nữ ở hậu cung của vua Tần-bà-la, sáu vạn Ưu-bà-di ở nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đối với Tam-muội này đều sinh tâm tùy thích và phát lời thề:

–Về sau, ở đời mạt pháp, chúng con sẽ giữ gìn chánh pháp.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết rõ những suy nghĩ trong lòng họ liền mỉm cười, những tia sáng có màu sắc thật tốt đẹp từ miệng Ngài phát ra, chiếu khắp mười phương, rồi trở lại nhập vào đỉnh đầu.

Bấy giờ, Hiền Thủ và Kim Quang sinh tâm kính tin, liền cùng nhau nói kệ tụng:

Thắng nhân tụ đức vô như Phật
Cây, hoa, công đức, vua, các sao
Lời diệu, vui vẻ theo thứ lớp
Thế Tôn mười lực duyên gì cười?
Mặt tròn như trăng mở mắt đời

Phạm âm thanh tịnh, khắp muốn nghe
Mềm, cứng điều hòa, thân tâm vui
Đấng Hùng Sư Tử vì sao cười?
Hòa, nhẫn, không nói chân chánh
Ứng thanh, tròn đầy, đủ các vị
Thông suốt các hạnh vô lượng nghĩa
Xin công đức tụ, giảng nghĩa cười.
Tám thứ diệu âm đều đầy đủ
Sáu mươi trang nghiêm, tiếng hòa nhã
Hiểu bảy trăm thứ các ngôn âm
Thông đạt nghĩa vị sáu mươi ức.
Tám mươi ức số, âm tương ưng
Mười na-do-tha tiếng, cũng vậy
Không thể hạng lượng, vô cực tôn
Cúi xin giảng nói, duyên gì cười!
Trong các núi cùng tột không động
Hiểu nghĩa tương ưng, diệt các nghi
Hay dứt các khổ, được an vui
Bảo Tụ Như Thật nói duyên cười
Núi vàng giảng giải bảy xe báu
Giống như hoa, trăng, mọi người thích
Độc bộ, âm thanh như sư tử
Xin nói duyên, phóng quang, mỉm cười
Cao tột ba cõi, sạch ba cấu
Ở vô lượng kiếp, hành thiện, tịch
Ánh sáng cười đầy khắp mười phương
Khéo léo giảng rộng cam lồ môn.
Tiếng cầm, sắt, đồng, bạt, tiêu, địch
Đánh trống, thổi ốc, các diệu âm
Tiếng Khẩn-na-la, Ca-lăng-già
Loan, Hồng, Hạc, Câu-sí-la, hót
Bính tiết, không hầu đều trổi vang
Không bằng Như Lai một diệu âm.
Như vậy, chúng mười phương đến hội
Những thứ thấy biết đều không đồng
Xin nói như thật, diệt kiến ái
Trở về nước rồi, mãn các nguyện.
Mỗi mười phương ức chúng, sai đến

Đều vì chánh pháp, tới hội này
Nhân cười ắt sẽ mưa pháp vũ
Giảng thuyết pháp gì, khiến mừng vui.

Hiền Thủ và Kim Quang nói kệ này xong, Đức Thế Tôn dùng kệ tụng đáp lại:

Ta nhớ hằng sa kiếp quá khứ
Phật hiệu Phước Quang, Thế Gian Giải
Phật thọ bảy mươi sáu vạn ức
Số chúng Thanh văn không hạn lượng.
Có Chuyển luân vương tên Tuệ Ngự
Phu nhân Nguyệt Quán, thứ tên Viêm
Lìa bỏ nhà, thích cầu chánh pháp
Cả một ức năm, luôn giữ gìn.
Sáu mươi vạn ức, ba mươi vạn
Với chư Phật này, giữ chánh pháp
Ba mươi hằng sa Phật vị lai
Giữ gìn chánh pháp không cắt đứt.
Phật A-súc bảo vua Tuệ Ngự
Các người thường cùng sinh ở đó
Vì duyên giữ pháp, xả thân nữ
Sinh ở nước, vô lượng cực lạc.
Những hộ pháp này, cũng sẽ sinh
Pháp sắp muốn diệt làm chỗ trụ
Ắt sinh cực lạc hoa ngàn cánh
Tướng tốt trang nghiêm làm con Phật.
Được sinh nơi ấy, được Chánh giác
Kiếp vua trang nghiêm, không gai gốc
Ở đó được thành đạo Vô thượng
Nắm giữ chánh pháp và trời, người
Cõi nước Phật kia, không việc ma
Không nghiệp báo ác, không thai sinh
Ngày có vô lượng Bồ-tát họp
Không có tên Duyên giác, Thanh văn.
Không tiếc thân mạng, giữ Phật đạo
Không vì danh dự mà thoái chuyển
Vì mau thành tựu đạo Vô thượng
Lại muốn mau thành tất cả nước.
Các ngươi hòa hợp tin kính Phật

Cung kính, không nương, giữ Bồ-đề
Khi mạt thế, đại pháp sắp hoại
Không nên theo đó tham lợi dưỡng
Ta ở ức kiếp cho vợ con
Bỏ đầu, mắt, thân, cầu Phật đạo.
Chẳng pháp vì lợi nói lỗi pháp
Thí chủ keo kiệt, sinh giận ghét
Tám vạn ức người lệ tuôn rơi
Sẽ hộ pháp diệt, nương Bồ-đề
Động ba ngàn cõi, trời mưa hoa
Ái kính kinh này, thọ mạng lớn
Như cõi Phật đây hằng hà sa...
Vàng đầy ắp, vô lượng kiếp cho.
Nếu có thể tin Trí ấn kinh
Cho hằng sa báu, không thể sánh
Chớ dối trao truyền đạo không vui
Nghe Phật hiếm có, sinh đạo tâm
Nên lần lượt học kinh điển này
Hành như lời nói, thành Chánh giác.
Đồng hoang trì giới cung kính tu
Ba nghiệp với chúng, tưởng như quen
Tu kính sáu hòa, sinh tưởng Phật
Muốn cầu diệu pháp học kinh này.
Nếu có ghi chép pháp ấn đây
Đọc tụng, giảng dạy vì người nói
Công đức này thân không nghĩ bàn
Phật tử sẽ sinh nước Cực lạc.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, sẽ có bao nhiêu vị Bồ-tát thọ trì Tam-muội này?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Di-lặc! Trong đời vị lai, ít có người thích tin, phần nhiều làm tan mất căn lành, cắt đứt với chánh pháp. Người hành pháp này rất khó, rất khó.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu ta nói hết những hạnh không tương ưng của Bồ-tát, thì suốt đến đời vị lai, cũng không thể cùng tận.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin nói điều đó! Cúi xin nói điều đó! Nên thương xót chúng con, để trong đời vị lai, có người tu tập hạnh chân thật, được nghe kinh này, theo như lời nói mà tu hành sẽ ứng với đạo Vô thượng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Thật đúng như lời ông nói, nếu có Bồ-tát nào, đã ở chỗ trăm Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, nhưng ở đời vị lai, quên mất đạo tâm!

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ ngàn Đức Phật, đã phát tâm vô thượng, trồng các căn lành, đến đời vị lai, phát sinh tâm Bồ-đề, nhưng không tin Đại thừa, khinh thường Đại thừa.

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ vạn Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, ở đời vị lai phát sinh tâm Bồ-đề, nặng tin Đại thừa nhưng không thọ trì, cũng không đọc tụng.

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ ức Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, ở đời vị lai, phát sinh tâm Bồ-đề, có khả năng lắng nghe, có khả năng ghi chép, nhưng không hiểu nghĩa lý sâu xa mầu nhiệm, không có khả năng quyết định.

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ mười ức Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, ở đời vị lai, phát sinh tâm Bồ-đề, lắng nghe thọ trì Đại thừa, ghi chép, đọc tụng, nhưng đối với Bồ-đề nhẫn không thể thành tựu.

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ ba mươi ức Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, ở đời vị lai, phát sinh tâm Bồ-đề, nghe Đại thừa, có khả năng thọ trì, ghi chép, đọc tụng, thành tựu đại nhẫn, đối với Tam-muội này, vẫn chưa tương ưng, không được ứng với biện tài.

Này Di-lặc! Lại có Bồ-tát, ở chỗ tám mươi ức Đức Phật, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành, ở đời vị lai, phát sinh tâm Bồ-đề, lắng nghe Đại thừa, có khả năng thọ trì, ghi chép, đọc tụng, được Tam-muội này, nhẫn lực đầy đủ, hiểu tất cả pháp, giảng nói rộng rãi về Bồ-đề, ma không thể quấy nhiễu, không có các... nghiệp chướng. Những hạnh ác đã tạo ở a-tăng-kỳ kiếp, làm cho đầu nóng, tâm bức não, bị mọi người khinh khi, chê cười thì đời này đều trừ diệt, sẽ được ở vô lượng vô số chỗ Phật, cung kính cúng dường, không bao giờ thoái chuyển tâm Bồ-đề, được chí vững chắc, buộc niệm không tán loạn. Như vậy, nghiệp ác đời trước của Bồ-tát, ở đời vị lai phải thọ sắc thân xấu, các tội liền diệt; nhưng lại có nhiều bệnh khổ vì bị người ghét, sinh trong nhà thấp hèn, hoặc sinh trong nhà nghèo khổ, hoặc sinh ở vùng xa xôi hẻo lánh, ở nhà tà kiến; gặp gỡ những bạn xấu, thường

chống đối nhau; mọi người không cung kính; nhiều nỗi lo lắng buồn phiền; bị vua giận dữ, gặp lúc nước điêu tàn, xóm làng tan hoang, dòng họ chia lìa, tri thức bỏ đi, không gặp pháp hội, những điều cần muốn người ta không ban cho. Giả sử có nơi, gặp những người không ưa thích, nhưng được thí cho chút ít, người giàu sang thì xua đuổi, người tham lam thì gần gũi kính thuận, muốn tu nghiệp lành thì nhiều điều trở ngại, ngu muội tán loạn, không đạt được pháp thứ, không có những người giúp việc, ngủ nghỉ thường thấy ác mộng, hoặc lại mộng khác. Tội nghiệp vừa dứt, thì bị nghiệp xưa lôi kéo, bị ma ngăn cản, giả dối để giữ thân tướng, để cho ma có cơ hội quấy nhiễu, không hiểu các pháp, nơi có lợi dưỡng thì tự sinh tâm thấp hèn. Mọi người đều đoan chánh, còn mình thì hình hài xấu xí, người ta không nhớ thương. Thấy người khác được lợi thì tâm sinh ghét ganh và coi thường nói xấu nhau... lược nói là như thế.

Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát, ở chỗ trăm Đức Phật, cùng tạo công đức nhưng không muốn hư mất; do nhân duyên ấy, nên phá hoại lẫn nhau, huống gì người không tạo.

Như vậy, này Di-lặc! Phải tinh tấn, vững vàng, dùng chánh ức niệm mà khởi ức đại nhẫn, thành tựu pháp sâu xa, trí phương tiện mầu nhiệm. Ở đời vị lai, người muốn trì pháp này phải khởi tinh tấn.

Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Hỷ Vương… có khoảng sáu mươi Bồ-tát là những vị đứng đầu như vậy cùng bạch với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, chúng con nghe công đức giữ pháp này; ở đời vị lai, chúng con sẽ gìn giữ pháp này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ít muốn, không nhơ, không nịnh hót
Thường chánh ức niệm, xa lìa hành
Nhẫn nhục vững vàng không dao động
Vì giữ châu báu cho mười phương,
Oai nghi vắng lặng không dính mắc
Không cầu, không muốn, lìa tranh cãi
Tâm như hư không, không dấu vết
Hành ứng chân như, thể Tam-muội.
Bồ-đề vững chắc luôn trước mặt
Thông suốt sâu xa là Chánh giác
Không điều ghét yêu, không chỗ chấp

Mới có thể được Tam-muội này.
Đối với oán, thân, tâm bình đẳng
Với Phật, bạn lành, tưởng không khác
Kính tu sáu hòa, giới sạch trong
Là mau hiểu được Tam-muội này.
Hiểu rõ thế gian là hơn hết
Biện tài pháp ấn, trăm ức tướng
Trí tuệ chiếu soi như mặt trời
Ngay nơi ấy nói môn nhập trí,
Ngày tháng sớm tối nơi thảnh thơi
Cũng như núi Tuyết, nơi thường ở:
Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân vương
Như thầy thuốc giỏi, đây cũng thế.
Kinh này tâm sạch, diệt nghiệp báo
Kinh này là cam lồ, hàng ma
Thần túc nầy, biết rõ tâm người
Cũng ứng với tất cả loài khác.
Nhớ biết đến na-do-tha kiếp
Có thể diệt trừ tất cả ái
Phật khen đấy là Như Lai ấn
Đây tương ưng đạo, như xem tay.
Kinh này lựa chọn các nghĩa không
Là chỗ đứng: Rỗng, lặng, chân thật
Là: Có, không, nhị biên, hý luận
Luôn xả, không chấp giữ chánh pháp.
Sau Phật Niết-bàn, có người nói
Ta xem các pháp: Không, như mộng
Các pháp không khởi, không người tạo
Trong lúc bày ra tưởng là trụ.
Pháp không, không sinh, không người tạo
Không thấy, không đến cũng không động
Hễ chấp nơi pháp, là giặc pháp
Mà tự nói rằng, ta học không.
Nếu nghe chánh pháp từ người ấy
Thương khóc lệ tuôn rợn chân lông
Tự khen ngợi mình không thoái chuyển
Sau nói tướng xấu của chúng kia.
Sang, hèn, nghèo, khốn, mất của báu

Hoặc, ta đắc pháp được nhiều lợi!
Hoặc, ta xuất gia, thân tộc vinh!
Nhưng với Phật tử sinh giận ghét.
Vì đạo Vô thượng, nên xuất gia
Muốn hành Bồ-đề mà không trụ
Như vượt biển cả, lại xa bờ
Đối với Bồ-đề không chắc tin.
Ở núi, đầm vắng, oai nghi đủ
Thầy, bạn thanh tịnh, quyến thuộc lành
Vì lợi dưỡng nên cầu thân hữu
Mà tự ca ngợi chân xuất gia.
Xuất gia phải hợp chánh pháp này
Giống như hoa sen không dính mắc
Kinh này tương ưng hành thứ lớp
Là chân giải thoát thường giữ gìn.
Hỷ Vương! Nay ta truyền dạy ông
Cẩn thận theo đó, khéo học hỏi
Như pháp tu hành đủ Phật đức
Các ông phải nên học như ta.
Giả sử ruộng như na-do cõi
hằng sa số giống, trồng trong ấy
Mỗi giống sinh ra hằng sa hạt
Tất cả giống sinh, cũng như thế.
Như vậy xoay vần ngàn vạn loại
Chằng chịt, sum suê, riêng lớn lên
Như chỗ giống ấy không thể đếm
Tất cả cũng không thể tính lường,
Tìm cách đem đến tận phương Đông
Cứ thế gieo trồng, không bỏ sót
Tất cả các phương cũng như vậy
Đệ tử của Phật đông vô số
Mỗi một chư Phật có trăm đầu
Mỗi một đầu Phật có trăm lưỡi
Như vậy trải qua vô lượng kiếp
Đều cùng ca ngợi ứng kinh này.
Ghi chép, thọ trì và đọc tụng
Công đức giảng nói, không thể hết
Như hạt cải bên núi Tu-di

Một nhành lá đầy cả hư không
Như một giọt nước trong biển cả
Nên ứng kinh này, lìa hạnh có
Vì nghe, thọ trì, chép, đọc, tụng
Cho nên ta nói kệ như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, sáu mươi Bồ-tát như thế, đều đắc Vô duyên hạnh, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói rằng pháp, thế nào là pháp?

Đức Phật bảo Bồ-tát Hỷ Vương:

–Này Hỷ Vương! Pháp đã nói là không tạo tác, không trình bày, mà có nói năng.

Bồ-tát Hỷ Vương thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Nếu pháp, không tạo tác, không trình bày thì vì sao mà có nói năng?

Đức Phật bảo:

–Này Hỷ Vương! Nếu pháp, không tạo tác, không trình bày, thì không thể được nói năng như thế. Ông hãy xem các pháp là không được, không hết, không khởi, không giảm; không diệt, không tham, không sinh, không ở, không nơi chốn; không đây, không kia, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, giả danh; chẳng phải giả danh, chẳng tâm, chẳng phải chẳng tâm; chẳng phải đối, chẳng phải chẳng đối; chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng; bình đẳng, chẳng phải bình đẳng; cảnh giới, chẳng phải cảnh giới; phần, chẳng phải phần; gần, chẳng phải gần; chẳng phải nhiễm, chẳng phải nói năng.

Bồ-tát Hỷ Vương thưa:

–Dạ vâng, Thế Tôn! Thế nào là chẳng phải nhiễm, chẳng phải nói năng?

Đức Phật bảo:

–Này Thiện nam! Chẳng nhiễm, chẳng nói năng gọi là Niết-bàn.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tướng của pháp như thế thì pháp nào diệt? Pháp nào có thể giữ?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Khởi tướng pháp là đùa cợt các pháp, mà đùa cợt các pháp, thì khởi có, không, nhị biên. Khởi nhị biên, đó là diệt pháp. Trong Đệ nhất nghĩa, không có pháp, không có pháp diệt, cũng không có

tranh cãi:

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Hoặc có nói thật, mà không khác
Hoặc lại có khác nói vô thường
Hoặc có được pháp, tính hai bên
Đó là hý luận, không tương ưng.
Pháp không có tạo, cũng không hoại
Vốn không thấy mình, không thấy người
Cũng không tương ưng niệm trình bày
Nếu tự nói rằng, ta nhẫn, "Không"
Buộc niệm nơi "Không", không tương ưng
Là pháp không sinh, dối, so lường
Những điều đã tạo, đều lưới ma
Tâm không chỗ duyên là pháp ấn.
Nếu có suy tính là phàm phu
Các pháp vốn không mà cố giữ
So lường các pháp, tính tiếng nói
Người ngu cố giữ: Có, không hai
Trí mong cầu trí, không được trí
Trí tuệ trọn không sinh nơi trí
Giảng nói hữu vi, tướng giả, rỗng
Cũng chẳng có trí, chẳng không trí.
Nếu pháp phần ít là thật có
Hư hoại thành ra pháp đoạn diệt
Giả sử có pháp thật trụ ấy
Thì tất cả pháp đều thường trụ.
Người ngu buông bỏ rồi lại được
Đó là hoại ấm, trái pháp tướng
Chấp chặt nơi ngã, được thật ngã
Người trí biết pháp chẳng có, không.
Minh và vô minh, không hai pháp
Nếu nghe giảng nói thì kinh sợ
Đây là buộc niệm, tướng biên kiến
Hữu vi hư hoại, nói Niết-bàn.
Tâm không thể biết thật tướng tâm
Thật tướng, cũng lại không biết tâm
Tất cả các pháp đều như mộng
Hoặc nói chân thật, chấp ngã kiến.

Pháp từ duyên khởi, chẳng chân đế
Nếu pháp diệt hết, cũng chẳng đế
Thế nên phương tiện là chân thật
Khởi pháp như thật, Phật ứng khởi.
Trí tuệ Như Lai, không thể được
Tuy nói các pháp không rõ ràng
Tuy trị các bệnh không giải thoát
Như vậy gọi là hiểu Thiện tịch.
Giả sử Niết-bàn có phần ấy
Chư Phật, Thanh văn ứng đến đó
Các pháp tường vách, không Niết-bàn
Người trí không nên sinh hý luận.
Chẳng thể thấy có chúng sinh thật
Cũng không thể bày lời nói có
Chúng sinh tự khởi, tướng khả kiến
Đấy là Niết-bàn không chỗ chấp.
Hoặc có nói ấm là chân đế
Hoặc nói diệt ái gọi là đạo
Chỉ một chân đế không sinh diệt
Hoặc lại giảng nói bốn chân đế.
Tìm cầu không được, vốn một pháp
Huống ngồi đạo thọ, thấy bốn Đế
Những tâm tạp uế cùng xuất gia
Bại hoại pháp ta, tạo vọng khởi.
Vì quả Sa-môn và danh dự
Chớ gần bạn ác, thân bạn lành
Như tê giác riêng sống đồng hoang
Tương ưng với nghĩa Tam-muội này.
Tám mươi ức Phật, Lưỡng Túc Tôn
Hộ niệm người chép, trì kinh này
Chư Thiên kiến đế cũng hộ niệm
Sớm tối đề phòng không xa rời.
Ánh sáng vô lượng không cùng tận
Tuệ sáng chỉ dẫn trăm pháp môn
Trong mông khai ngộ khiến thành tựu
Trì Tam-muội này rất hiếm có.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu người nào muốn thành tựu Phật Bồ-đề thì đối với Tam-muội

này, phải chuyên tâm học tập, thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, thành tựu Phật nhãn, tự thành Chánh giác, thành tựu chúng Thanh văn, thành tựu chúng Bồ-tát, thành tựu cõi nước Phật, thành tựu đại trí Đà-la-ni. Muốn hiểu rõ ngôn ngữ của tất cả chúng sinh, muốn được tài ứng biện, muốn có quyết định biện tài, muốn được thần túc, muốn thuyết pháp không thoái, muốn hiểu rõ tất cả pháp tương ưng, muốn làm sáng tỏ các pháp thì phải nên tu tập Tam-muội như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát tương ưng với Tam-muội này thì được công đức như trên, gọi là Phật, gọi là Biến Học, gọi là Châu, là Cứu, gọi là Ứng Cúng, gọi là Nhất Thiết Trí, gọi là Điều Phục, gọi là Thế Gian Giải, gọi là Vô Thượng Sĩ, gọi là Như Lai. Cứ như lời nói mà thực hành, không gì bằng, không có gì có thể so sánh, là luận thứ nhất, là luận chân thật, là cao cả hơn hết. Vì sao?

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta trụ ở Tam-muội này, thấy Đức Phật Nhiên Đăng liền đắc Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thấy Phật Nhiên Đăng liền đắc Bồ-đề thì tại sao phải trải qua a-tăng-kỳ kiếp ở trong sinh tử, tu tập hạnh khổ nhọc khó hành?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ta vì chúng sinh mà làm Phật sự, giáo hóa chúng sinh khiến cho họ trụ trong ba thừa vì là bản nguyện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lúc đó, ta cũng đắc Bồ-đề cũng nhập Niết-bàn.

Đức Thế Tôn vì lẽ đó mà nói kệ:

Năng và thử tương ưng
Tự giác phước vô lượng
Trăm ức Phật mười phương
Đều hộ niệm người này.
Không thoái chuyển cam lồ
Không lo trăm tướng hiển
Tu tập ắt đạt được
Vô tận tổng trì vương.
Định trí Tam-muội này
Hiểu tất cả ngôn âm
Hay hoại tướng các pháp
Giải thoát trừ các kết.
Thiện tịch không khởi diệt

Không chấp, trừ các nghi
Thành mười lực, tướng tốt
Tất cả công đức Phật.
Khéo lặng hiểu các âm
Những thứ tiếng loài khác
Lần lượt rõ, khiến vui
Sạch, có, không, nhị biên,
Trí quyết định tối thắng
Diệt trừ tất cả kết
Nếu hay học kinh này
Quyết rõ đạo không nghi
Nếu trong hăm mốt ngày
Chuyên tâm học kinh này
Không lười, không ngủ nghỉ
Không gần gũi ái lạc.
Lời dịu dàng hòa vui
Từ bi, không ganh ghét
Tu tập sáu hòa kính
Trì giới đắc Tam-muội
Đẳng tâm, đủ oai nghi
Trực tâm ưa giải thoát
Không tạo các duyên khởi
Tri túc, không nhiễm nhơ.
Vững vàng không khinh, giận
Không hiện tướng tà, ngụy
Như chim không bị nhốt
Ắt được vua Tổng trì.
Ba ngàn cõi chấn động
Trời tấu các âm nhạc
Rưới mưa hoa đẹp thơm
Và một ngàn lọng phướn.
Lại mưa nón trời đẹp
Xa cừ, báu, anh lạc
Ma-ni và trân châu
Áo viên bảo quang duyệt.
Ở trên vô lượng trời
Các rồng, chim cánh vàng
Rồng vua A-tu-la

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
Thiện nam và thiện nữ
Đều cởi áo viên bảo
Đem dâng cúng Đức Phật
Mong cầu đạo Vô thượng.
Ta nói vô hạn lượng
Cũng không thể nêu rõ
Nếu phát tâm Bồ-đề
Thì đắc không thoái chuyển
Điều phục được La-hán
Số ấy như hằng sa
Chúng sinh trăm thế giới
Nghe pháp rất vui mừng.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, có a-tăng-kỳ chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tám mươi na-do-tha trời và người đều đạt được không thoái chuyển đối với đạo Vô thượng. Sáu vạn ba mươi ức trời, người đều đắc Vô sinh pháp nhẫn. Vô số chúng sinh đắc quả A-la-hán. Những vị Đại Bồ-tát ở khắp mười phương đến dự pháp hội đều đắc Tam-muội này.

Đức Phật nói kinh xong, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm người đứng đầu trong hội chúng với sáu mươi Bồ-tát không thể nghĩ bàn như thế. Tất cả Bồ-tát ở Hiền kiếp, Bồ-tát Di-lặc làm vị đứng đầu. Hiền Thủ và Kim Quang, các Bồ-tát khắp mười phương đến hội, các đại Thanh văn và bốn bộ chúng, trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-luân, tất cả thế gian, nghe pháp Phật nói đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 634

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH

Hán dịch: Tây Thiên, Tam tạng Bảo Pháp
Đại sư Sa-môn Trí Cát Tường.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một hôm, Đức Thế Tôn vào đại thành Vương xá, lần lượt khất thực, thọ nhận của tín thí đầy đủ, trở về rừng Ca-lan-đà thọ thực. Thọ thực xong, Đức Thế Tôn ngồi kiết già, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo và các Đại Bồ-tát, trăm vạn vị, vui vẻ vây quanh. Các đại chúng ấy, đều đắc Đà-la-ni, bình đẳng, vô ngại, tâm ngộ Tổng trì, đắc Tam-ma-địa, an trú trong pháp môn giải thoát tánh Không, Vô tướng, Vô nguyện, đầy đủ vô lượng công đức thù thắng. Luận bàn về suy nghĩ của các vị, thì không ai có thể bì kịp; được mọi sự hiểu biết, an trụ vắng lặng trong pháp môn như thế. Đối với những phân biệt thảy đều bình đẳng, không theo những thứ đẹp vui ở thế gian, biết rõ thức tánh sai biệt của chúng sinh. Với tất cả mọi lúc đều biết được cái tốt cái ác, lìa các sự ghét thương, chỉ một vị bình đẳng.

Bấy giờ, lông trắng giữa chặng mày của Đức Thế Tôn, chợt phóng ra những tia sáng lớn, cả chúng hội ấy đều kinh ngạc, cung kính chắp tay chiêm ngưỡng Như Lai, mắt không tạm rời.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Các ông phải nên buộc tâm suy nghĩ, an trụ, nơi cảnh giới hiểu biết của Như Lai. Đối với ngã, ngã sở, tốt xấu, phân biệt đều phải xa lìa. Đối với chính mình thì khen chê xét nét khổ vui; xét biết tất cả chúng sinh đều do duyên nhiễm ô mà thọ tướng sai khác, giong ruổi theo sự tốt đẹp, vui sướng, sớm tối không rời, dùng đủ các sức phương tiện đều làm cho đoạn trừ. Quán sát các chúng sinh, mỗi loại đều tạo ra những nghiệp không tốt, thuận theo lời chỉ bảo của người khác, cùng nhau xua đuổi. Ở chung với các đồng phận, làm những việc không có ý nghĩa, lợi ích. Do vậy, tâm thức của hữu tình ngu muội, nên đối với cảnh chân thật, không hiểu biết gì cả,

mất tâm thánh thiện, chạy theo bạn bè xấu ác, không hiểu, không suy nghĩ thấu triệt thắng pháp sâu xa. Chân thật nghĩa đế mà khởi lên các phân biệt, rồi cho là chân thật; không lựa chọn, thiếu hiểu biết mà tâm vẫn tin chắc. Đối với lời dạy và những hạnh tốt của Đức Phật thì không sinh tâm ưa thích. Giả sử có tu tập điều lành cũng không hợp với chánh lý; chấp có, chấp không, chấp có và không làm cứu cánh. Ta dùng sức Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa để có khả năng biết rõ. Các ông phải nên lưu tâm, thương xót các hữu tình ấy.

Nghe Đức Phật nói, cả đại chúng đều ca ngợi sức mạnh thắng định của Như Lai, đều có khả năng biết rõ tất cả những sai khác như thế.

Khi nói lời ấy xong, Đức Thế Tôn liền nhập vào Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa. Cả đại chúng đều thấy Như Lai nhập vào thắng định ấy. Đối với thân tướng và các thứ tướng của Phật, lúc này khắp chúng hội bỗng nhiên không còn trông thấy, không biết được cả đến Pháp y và cận thân y mà Như Lai đang mặc, cũng không thấy, không biết. Bốn tướng oai nghi của Như Lai cho đến tất cả tướng chuyển động, cũng đều không thể thấy, không thể biết. Như Lai có được âm thanh sai biệt cũng không thể nghe, không thể hiểu rõ. Vì sao? Vì Như Lai an trụ trong sức thắng công đức của Trí ấn Tam-ma-địa như thế, tâm không lay chuyển, không thể nào so lường được.

Lại nữa, do sức thắng định của Như Lai mà đối với các ngoại cảnh, đủ các thứ trang nghiêm mà khắp cả chúng hội đều không thể thấy, cũng không thể biết rõ. Với các chỗ trú là cõi nước thanh tịnh cũng đều không thể thấy, không thể biết rõ. Vì sao? Vì Như Lai an trụ trong sức thắng công đức của Như Lai Trí Ấn Tam-ma-địa, tâm không chuyển động, không thể so lường được.

Lúc đó, đối với hình tướng của Đức Phật, đại chúng đã không thấy gì, nên mỗi vị đều nương vào sức oai thần của Phật mà ca ngợi công đức của thắng định, nhưng trong thân tâm mong cầu lìa xa các sự sợ hãi.

Khi đó, lại từ trong định, Như Lai phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Trong lúc ấy, các thứ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, các vì sao, điện, lửa, dược châu đều bị che lấp. Lại ở trong định, phát ra mùi hương thơm lạ, hương thơm ấy vi diệu đến nỗi những hương thơm chiên-đàn, trầm thủy ở thế gian không thể sánh bằng. Lúc ấy, trời Sắc, trời Vô sắc, Phạm vương, Đế Thích và các trời, người, bốn chúng, tám bộ, núi Đại thiết vi, núi Tiểu thiết vi, núi Tu-di là chúa các núi, dưới nước, trên đất bằng, cõi hư không, nơi tối tăm, tất cả hữu hình đều thấy ánh

sáng ấy và khen là chưa từng có. Họ đến rừng Ca-lan-đà để tìm ánh sáng ấy. Những thứ có được như hương, hoa, y phục, nón quý, chuỗi ngọc đều đem cúng dường. Nhìn thấy các vị Bồ-tát và chúng Thanh văn ở trong hội, giống như hoa sen nở rộ ở trong ao báu. Mùi hương lạ, thơm phưng phức tỏa khắp trong chúng hội. Khi trời, người ngửi thấy mùi hương thơm ấy thì mỗi vị đều có được trí tuệ sáng suốt. Lại ở trong hư không, có y phục, chuỗi ngọc vô cùng tốt đẹp, rũ xuống khắp nơi, làm trang nghiêm thêm sự cúng dường. Khi ấy, cả đại chúng đều vui vẻ, cung kính lễ bái, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, ở phương Đông, trải qua một câu-chi Khắc-già-sa số, mỗi một sa số là một câu-chi, tất cả Như Lai trú ở cõi nước phương ấy đều là phân thân của Đức Thích-ca để giáo hóa lợi sinh. Cũng vậy, các Đức Như Lai đều tập họp chúng hội, các Đại Bồ-tát vô số a-tăng-kỳ không thể tính đếm. Các Bồ-tát ấy chứng ngộ bình đẳng sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sắc tướng của các vị đầy đủ sự tốt đẹp, chúng hội trời, người đều không sánh bằng.

Bấy giờ, tất cả Như Lai phân thân, mỗi Đức Như Lai đều bảo các Bồ-tát:

–Này thiện nam! Thế giới Ta-bà, có Phật Thế Tôn, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ở đời, hóa độ hữu tình, lìa các tội nhơ, trải qua vô lượng thời, giảng nói chánh pháp, chỉ bày tri kiến sâu xa khó hiểu của Phật, có Đà-la-ni môn tên là: Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề. Nay ta vì các ông ca ngợi vắn tắt:

–Này các Thiện nam! Các ông hãy lắng nghe! Các Đại Bồ-tát ở trăm ngàn kiếp, tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật đủ trí tuệ lớn, phước đức vô lượng, chứng ngộ việc tu tập, thường không lười biếng, vĩnh viễn lìa tội nhơ, xả bỏ những duyên xấu ác, trụ trong Tam-ma-địa, được trí tuệ Phật, tâm không lay chuyển. Vì tâm không động, nên tỏ rõ các pháp. Nếu có hữu tình nào, gần gũi Như Lai và Đại Bồ-tát, huân tu trí tuệ, ba nghiệp cung kính, dùng thắng pháp tài, thực hành các pháp cúng dường, trải qua vô lượng thời; cũng không bằng trong khoảng một sát-na, an trụ nơi thắng Tam-ma-địa như thế, công đức đạt được, không thể so lường, thường sinh nơi tốt đẹp nhất ở các cõi nước của chư Phật.

Lúc các Đức Phật nói những lời ấy xong, liền an trụ trong thiền định, dùng sức thần thông, tóm thâu các Bồ-tát đưa đến thế giới Ta-bà, hiện ra đồng một thân vào thành Vương xá lần lượt khất thực, thọ của tín thí đầy đủ. Các vị đi đến rừng Ca-lan-đà, mới phân chia thức ăn ra, cúng dường chúng hội. Cả chúng hội đều được no đủ. Ăn uống đã xong, dọn dẹp y

bát, ngồi kiết già. Các Đức Phật và các Bồ-tát từ tất cả cõi nước đến, cũng lại như vậy không hai, không khác.

Lại nữa, ở phương Nam trải qua một câu-chi Khắc-già-sa số, mỗi sa số là một câu-chi, tất cả chư Phật, ở các cõi nước phương ấy, cũng tóm thâu các Bồ-tát ở nước ấy, đem đến nhóm hội cũng như vậy. Như phương Đông và phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên, dưới, tất cả chư Phật và các Đại Bồ-tát đều đến nhóm hội cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, thấy tất cả các Đức Phật phân thân đều đã đến nhóm hội, tâm tướng vui mừng; chỉ Đức Phật với Đức Phật mới thấy nhau mà thôi.

Lúc ấy, các Như Lai đồng nhập Trí ấn Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề như thế, tâm ý tĩnh lặng, không một chút động loạn. Do tâm không động, sáng rõ các pháp, không hai không khác. Thân tướng của các Đức Phật cũng không hiện ra.

Lúc đó, thấy chư Phật ở khắp mười phương đều đến nhóm hội đã dùng sức định thù thắng, làm cho thân tướng không hiện; khiến trời, người, đại chúng trong hội ấy đều vừa kinh ngạc, vừa vui mừng, bèn sửa sang y phục, chắp tay, theo chiều bên phải nhiễu quanh ba vòng, dùng hoa sen quý và các thứ hoa đẹp đủ màu sắc đem cúng dường. Ngay lúc nhóm hội, các Đại Bồ-tát ở vô lượng thế giới, tâm của các Ngài đều đã được thanh tịnh đều có đủ con mắt chánh pháp, ở tất cả thời, tâm tướng chứng được sự vắng lặng, các vị đều sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thấy Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng các Đức Như Lai, an trụ trong Trí ấn Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề như thế, do sức thắng định mà các tướng đều ẩn mất. Do chí nguyện mong cầu mà lòng các Ngài vô cùng vui vẻ; dùng sức tinh ý, không rời khỏi chỗ ngồi với sự hiểu biết sẵn có, nhập vào cảnh giới Phật, đắc Đà-la-ni môn.

Khi ấy, các Bồ-tát bảo cả đại chúng ở thế giới Ta-bà này:

–Này thiện nam! Các ông phải nên tha thiết mong cầu công đức của Phật. Đối với các hữu tình, nên để tâm thương xót. Nên biết rằng, các Đại Bồ-tát ở trong trăm ngàn kiếp, hành sáu pháp Ba-la-mật, đủ trí tuệ lớn, phước đức vô lượng, đối với tất cả pháp đều hiểu biết rõ, lìa các hý luận, ở sâu trong thiền định, không quên mất, không ngu muội, đạt được các tánh tướng; đối với thắng pháp ấy, phải nên mong cầu.

Lúc ấy, Thanh văn, Duyên giác cả tam thiên đại thiên thế giới, có đủ trí tuệ lớn đắc đại thần thông, bỏ bờ sinh tử, lìa sự trói buộc của phiền não, tự chính mình tu chứng Niết-bàn tròn đầy. Chúng đại Tỳ-kheo và các tể

quan, Bà-la-môn, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... đều đi đến pháp hội của Đức Thích-ca Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác và của các Đức Phật phân thân, ở rừng cây Ca-lan-đà thuộc thành lớn Vương xá này, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, cung kính lễ bái, mỗi người đều dùng hoa sen thượng diệu đủ màu sắc; hoa ấy ngàn cánh, có xen lẫn bảy báu có đến vô lượng số để cúng dường.

Lại có tám mươi câu-chi na-dữu-đa số chúng các Đại Bồ-tát. Các Bồ-tát ấy đều ở cõi nước phương khác, được các Đức Phật, Như Lai sai đến, có sức dũng mãnh lớn không sợ sinh tử, có đại Từ bi, không thích Niết-bàn đều dùng thần lực, nhập vào đại thiền định, hiện các oai nghi. Các vị ở các cõi nước ấy, chỉ trong khoảng thời gian khảy móng tay đã đến pháp hội Đức Thích-ca Mâu-ni Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tại rừng cây Ca-lan-đà trong thành Vương xá với ba nghiệp cung kính; dùng âm thanh vi diệu, thanh tịnh, tôn trọng, ca ngợi. Thấy thân chư Phật ẩn mất không hiện, lòng khao khát chiêm ngưỡng Thế Tôn, bèn nhiễu quanh chúng hội, đảnh lễ sát đất lui sang một phía đồng ngồi kiết già trên hoa sen báu.

Lại có ba ức các chúng Tỳ-kheo, thích tu tự lợi cầu giải thoát, nương theo oai lực Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa đi đến nhóm hội. Lúc ấy, tam thiên đại thiên thế giới ở phương khác, Đế Thích, Phạm vương, trời Đại tự tại, Tịnh cư Thiên tử, mặt trời, mặt trăng, các vì sao và tất cả Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hổ-la-già, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Nhân phi nhân... đều cùng với quyến thuộc, thấy ánh sáng của Đức Phật, cùng nhau đi đến nhóm hội, số chúng đông như thế. Ví như có người, đem mỗi sợi tóc cắt nhỏ như vi trần, số tóc một người cho đến số tóc của ngàn vạn người, cũng cắt như thế, rồi đếm một sợi tóc vi trần là một chúng sinh thì số chúng sinh đến dự pháp hội lại hơn cả số tóc vi trần kia.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Ca-diếp-ba, Ma-ha Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Tu-bồ-đề... Biết các đại chúng, tuy ở trong hội, nhưng không nhìn thấy sắc thân và chỗ trú của Như Lai. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy đến trước Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chân thưa:

–Thưa Nhân giả! Hôm nay, Đức Thế Tôn nhập vào Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa, nhưng tại sao chúng tôi không thấy thân và chỗ trú của Như Lai?

Lúc đó, Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường bảo Xá-lợi-phất:

–Thanh văn các vị, đầy đủ trí tuệ, được các giải thoát, thường tu phạm hạnh, lìa các sợ hãi, tất cả trời, người đều luôn cung kính. Các vị, phải nên tự chính mình, nương vào môn Tam-ma-địa mà mình đã đạt được, dùng sức trí tuệ mà quán sát sắc thân và chỗ trú của Như Lai.

Ngay lúc ấy, Xá-lợi-phất... liền nhập vào môn Tam-ma-địa mà mình đã được, dùng sức trí tuệ, quán sát tìm kiếm sắc thân và chỗ trú của Như Lai ở khắp vô số cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới; dùng hết thần lực nhưng đều không thể thấy thân và chỗ trụ của Như Lai!

Xá-lợi-phất vội thưa với Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Thưa Nhân giả! Chúng tôi nương vào Tam-ma-địa của mình, dùng sức trí tuệ, quán sát tìm kiếm sắc thân và chỗ trụ của Như Lai, nhưng hoàn toàn không thấy gì cả. Cúi xin Nhân giả, phân biệt chỉ bày để cho chúng tôi đều thấy.

Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường liền bảo Xá-lợi-phất:

–Thanh văn các vị tuy đầy đủ trí tuệ và thần thông, nhưng đối với Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa thì không đủ khả năng suy nghĩ. Cho nên đối với thân và chỗ trú của Phật, các vị không đủ khả năng để thấy được. Vì sao? Vì Thanh văn các vị, dùng tâm sai biệt, để quán xem sắc thân và chỗ trụ của Như Lai. Do sự phân biệt này, mà các vị bị chướng ngại. Thân Như Lai ấy, chẳng phải là đối tượng quán thấy của tâm phân biệt. Bởi vì, thân các vị tức là thân Như Lai; nơi các vị trú tức nơi Như Lai trú; cho đến thân của tất cả hữu tình cũng tức là thân Như Lai, nơi tất cả hữu tình trụ, cũng tức là nơi Như Lai trụ. "Không" và "Có" chỉ là một tướng, ta và người là không hai; không bỏ hữu vi mà chúng vô vi; không lìa vô vi mà ngộ hữu vi. Dùng tâm như thế, để quán xem thân và chỗ trụ của Như Lai như vậy mới thấy được.

Các vị đã dùng tâm có phân biệt, mà muốn thấy cảnh giới vô tướng của Như Lai, thì dù trải qua vô lượng vô số kiếp, cũng không thể thấy được.

Lúc ấy, chúng hội xúc động, buồn rầu, lìa tâm phân biệt, an trụ trong chánh niệm, thân tâm trong ngoài giống như hư không vắng lặng mà trụ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, tâm của Phật bao la như biển cả, lắng trong xuyên suốt như ngọc lưu ly, nhìn khắp chúng sinh hoặc thân hoặc cõi nước, cùng với các Đức Như Lai bình đẳng không hai; thân tướng bỗng nhiên cao lớn, cả chúng hội đều nhìn thấy.

Lúc ấy, cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động. Tất cả chư Thiên tâm rất vui mừng, lìa các sự sợ hãi. Ở trong hư không mưa hoa trời, hoa ấy thật đẹp rực rỡ, từ từ rơi xuống. Lại ở trong hư không, nhạc trời trỗi

vang, đủ những bài ca vịnh với âm thanh tốt nhất. Các thứ nhạc cụ như: Đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tỳ-bà, đàn sinh, ống tiêu không trổi mà tự kêu vang, tất cả đều dùng để cúng dường pháp hội ấy.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Thế Tôn, cúi người, chắp tay bạch Phật:

–Đại Bi Thế Tôn! Trí ấn Tam-muội mà Như Lai đã nhập vào, chúng con không hiểu biết gì cả. Chúng con đều đã dùng thần thông, nhập vào môn Tam-ma-địa của mình, dùng sức trí tuệ, tìm kiếm sắc thân và chỗ trụ của Như Lai ở khắp nơi, nhưng mờ mịt không thể thấy được, không thể biết rõ. Môn Tam-ma-địa và sức trí tuệ trước đây của chúng con có được, còn kém cỏi, hạn hẹp, chưa được như pháp môn tự tại vô tướng chánh trí của Như Lai. Cúi xin Đức Thế Tôn, từ bi thương xót, mở bày dẫn dắt cho chúng con, để chúng con được ngộ nhập pháp môn tri kiến định tuệ của Như Lai và lãnh hội được ngay cảnh giới vô tướng ấy.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Trí ấn tam-ma-địa mà ta đã nhập vào như thế, chẳng phải là chỗ hiểu biết và là khả năng tìm kiếm của trí tuệ, mà hàng Thanh văn, Duyên giác các ông đã đạt được. Chỉ có Phật với Phật mới có khả năng biết điều đó. Vì sao? Vì sắc thân của Như Lai do tâm không động, lìa các sự mong cầu, xả bỏ duyên phân biệt, dứt bặt tướng ta và người, lắng đọng rất vắng lặng. Đem sức mạnh của thắng trí, cùng với đại định Như Lai làm một thể tướng. Như Thanh văn ông và các Duyên giác, chỉ cầu ích lợi cho mình, không thích lợi cho người. Pháp môn và cảnh giới trí tuệ mà các ông đã chứng, chưa đủ để hiểu thông suốt. Mình và người ngăn cách, không và có trái ngược nhau, thì đối với pháp không, vô tướng, Trí ấn Tam-muội của Phật Như Lai là khó hiểu, khó vào. Thế nên, đối với thân tướng và chỗ trụ của Đức Phật, các ông không thể nào thấy được, cũng không biết rõ được là đúng thôi!

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH

QUYỂN 2

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Các Đức Phật Như Lai hoặc được công đức về thân, hoặc được công đức về tâm là điều khó tu, khó chứng, cũng khó ngộ nhập. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì chư Phật Như Lai mắt thấy các sắc thức không động vì cảnh sắc. Tai nghe các tiếng, nhưng thức không động vì cảnh giới của tiếng. Mũi ngửi các mùi hương, nhưng thức không động vì cảnh giới của hương. Lưỡi nếm các vị nhưng thức không động vì cảnh của mùi vị. Thân xúc chạm nhưng thức không động vì cảnh giới pháp. Vì sao? Vì thức trí tự tại, đối với ngoại cảnh không vọng tánh tốt xấu, không khởi yêu ghét.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai tâm duyên với các pháp, thắng trí tương ưng, rõ biết cảnh mình xem xét. Vô sinh mà chẳng phải vô sinh, đó là được vô sinh cao tột. Vắng lặng mà chẳng phải vắng lặng, đó là vắng lặng cao tột. Thiền định mà chẳng phải thiền định, đó là được thiền định cao tột. Luật nghi mà chẳng phải luật nghi, đó là được luật nghi cao tột. Hý luận mà chẳng phải hý luận, đó là lìa hý luận tốt nhất. Phân biệt mà chẳng phải phân biệt, đó là lìa phân biệt tốt nhất. Đoạn diệt mà chẳng phải đoạn diệt, đó là được sự đoạn diệt tốt nhất.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai hễ có nói ra điều gì, là lìa các hư dối, đều chân thật, nghĩa vị đầy đủ, dứt bặt sự tranh luận, tướng tâm bình đẳng, lìa các tướng khác và pháp không bình đẳng; có khả năng, khiến cho người nghe, trừ bỏ những điều ham muốn xấu ác, không phát sinh sự thấy biết sai lầm, lìa sự suy nghĩ không đúng đắn.

Này Xá-lợi-phất! Chỗ chứng ngộ của chư Phật Như Lai không đi, không đến; không thường, không đoạn; chẳng phải không, chẳng phải có; lìa thấy, lìa nghe; không hình lớn nhỏ, không tướng vuông tròn.

Này Xá-lợi-phất! Đối với khả năng chứng đạo, chư Phật Như Lai đều có tướng tánh tròn đầy, trí tuệ sáng suốt, xa lìa dị tướng và chẳng phải dị tướng, không có các sự lựa chọn và chẳng lựa chọn. Thể như kim cang, không thể phá hoại. Dụng như hư không, không nắm không buông. Đối với

pháp thắng thiện, không có chỗ ái chấp, đối với hạnh rộng lớn cũng không sợ hãi, tướng tâm rỗng lặng, lìa nói năng, nghe, thấy.

Này Xá-lợi-phất! Đối với chỗ an trú của các Như Lai, biên tế thắng định, hoàn toàn thanh tịnh, không chán sự ồn ào, không thích vắng lặng, bất cứ lúc nào cũng thường du hý, đối với pháp và phi pháp, sự sai khác của tình khí thế gian đều có khả năng liễu ngộ, đều tùy thuận theo cảnh, sức thiền định vững vàng, dù gặp duyên xấu ác, cũng không thể phá hoại.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai đối với tất cả cảnh vui thú, những sự giàu sang tôn quý ở thế gian, đều hiểu đó như mông như huyễn, như dấu vết bỏ lại, không nhờ vả mong cầu điều gì ở phụ tướng, tể quan, đại Bà-la-môn. Thế nên, không bị danh tiếng lợi dưỡng trói buộc.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai dù có nghe tiếng tình hay phi tình, cũng không duyên vào lý do này mà sinh phân biệt; không có phân biệt và cũng xa lìa tâm phân biệt.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật Như Lai đối với sở duyên, thường quyết định cảnh tướng, không sinh thắng giải; chẳng có tâm thắng giải và cũng xa lìa tâm thắng giải.

Này Xá-lợi-phất! Đối với các thời phần, chư Phật Như Lai không tính toán sự trì hoãn hay gấp gáp; có hết hay không hết, thành hoại sai khác, chẳng có tâm sai khác và cũng xa lìa tâm sai khác. Biết rõ các pháp không lời, không nói, lìa quá khứ, vị lai, hiện tại. Đối với tâm và tâm sở thì không có tương ưng hay tương ưng; suy nghĩ lo lắng thảy đều không sinh; không có bờ sinh tử, cũng không có bờ giải thoát. Đối với tình khí thế gian, không có phân biệt cao, giữa, thấp, thân tâm vững chắc, không thể phá hoại.

Này Xá-lợi-phất! Thân tướng chư Phật Như Lai có được, không có hành động tạo tác, lìa các việc: Chống đối kẻ oán ghét, tin theo người thân thiết, dùng lòng từ bình đẳng ẩn hiện không hai. Do nhân duyên đời trước, lìa vô biên chướng ngại, tu vô biên hạnh. Đối với các chúng sinh ban cho trí đại Bi, quán sát đúng đắn điều mong cầu của họ mà tùy nghi làm cho lợi ích đầy đủ, đáp ứng sự mong cầu khiến cho các hữu tình, vui mừng hết mực. Cho nên, đối với thân tướng trí tuệ đã đạt được, chỉ tự chứng biết, ngoài ra, không thể giải thích. Đối với sắc thân của chính mình không có giới hạn, ngang bằng với hư không, không có ẩn hiện, cùng khắp tất cả, được trang nghiêm bằng năng lực thắng công đức, tướng tốt đầy tràn, không có thiếu giảm. Ở trong uẩn, xứ, giới, vô tại, vô bất tại, với những thói quen và sự nghiệp của những hữu tình, đều có khả năng xả bỏ, ngoại trừ trí phương tiện, thị hiện sự tu tác, trong tâm thanh tịnh, ngoài thân sạch sẽ.

Này Xá-lợi-phất! Như trên đã nói đều là hoặc tâm hoặc thân của Như Lai, tướng công đức thắng thiện trang nghiêm, bình đẳng cùng khắp. Nếu dùng tâm phân biệt của các ông, để thấy chỗ có thân tướng thắng định nhậm trì của Như Lai, thì không thể thấy được thân Như Lai.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc thân viên mãn của Như Lai, được gọi là vô tướng? Trí ấn tam-ma-địa rộng khắp, bình đẳng như thế nào?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn làm rõ lại nghĩa này, liền nói kệ:

Tướng thân tâm Như Lai
Sinh ra từ định, trí
Không vay mượn ngoại cảnh
Thức tướng phân biệt động.
Ý duyên tất cả pháp
Với thân không có khác
Lìa phải quấy sai biệt
Đặt được chỗ cao tột.
Nếu dùng sức trí yếu
Muốn thấy thân Thiện Thệ
Như trời trong, trăng hiện
Lầm gọi trăng trong nước.
Tướng thân vốn vi diệu
Cũng do trì thắng định
Lìa dài, ngắn, vuông, tròn
Không qua lại, đứng yên.
Trong tâm vắng không động
Tĩnh mịch như hư không
Dứt bặt tướng thân tâm
Tự nhiên không chỗ có.
Vì tâm không chỗ có
Không đắm hương, vị, xúc
Lìa các uẩn, xứ, giới
Dùng để quán Như Lai.
Như thấy trăng trong nước
Tuy không được chân thật
Đã lìa tâm phân biệt
Đó cũng gọi là thấy.
Môn Như Lai Trí ấn

Chẳng riêng ta chứng đắc
Nếu chúng sinh tâm lớn
Mong cầu không chán mỏi,
Được Đẳng trì tối thượng
Nương sức thắng định này
Với môn Phật Trí ấn
Cũng chẳng không chỗ được.
Kinh này sinh ra phước
Vô tận như hư không
Ta dùng trí phương tiện
Lược chút ít khen ngợi
Các cõi Phật mười phương
Trăm ngàn câu-chi cõi
Trong đó đầy châu báu
Nếu người đem cúng dường
Trải qua vô lượng kiếp
Không bằng nghe kinh này
Ghi chép hoặc thọ trì
Phước người ấy đã được
So người ban cho trước
Lại gấp mấy hằng sa.
Nếu người hành tâm Từ
Làm lợi các hữu tình
Không bằng nương kinh này
Ngộ Phật Tam-ma-địa.
Nếu với cõi chúng sinh
Tâm thường hành nhẫn nhục
Không bằng trong chốc lát
Tu tập định thù thắng,
Công đức của người ấy
Giống như núi Tu-di
Đem nghiền làm vi trần
Hơn kém chẳng sánh được.
Nếu người hành tinh tấn
Dũng mãnh làm điều thiện
Không bằng nghe kinh này
Nương giáo, ngộ lý ấy
Các công đức đã được

Trăm ngàn, vạn, ức phần
Nếu đem so lường nhau
Nhiều hơn chẳng bằng một.
Nếu ta tu thiền định
An trụ vô lượng kiếp
Ngồi nằm hoặc kinh hành
Vòng quanh các cõi Phật
Không bằng trong một lúc
Nghe công đức kinh này.
Nếu ở trần sa kiếp
Hay tu tập trí tuệ
Cởi bỏ dây phiền não
Danh tiếng vang khắp nơi
Không bằng trong sát-na
Khen Phật Trí ấn hải
Như đem nước biển cả
So sánh với một giọt.
Nếu ai muốn thấy Phật
Phải lìa các danh tướng
Biết rõ tánh các pháp
Chẳng không, cũng chẳng có.
Nếu chỉ rõ biết không
Giống như Tô-bộ-để
Với môn Phật Trí ấn
Cũng không ngộ nhập được.

Khi nói kệ ấy xong, Đức Thế Tôn lại bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Pháp Như Lai Trí ấn Tam-ma-địa, như ta đã nói. Nếu có Bồ-tát, có khả năng ở thế giới chư Phật khắp mười phương, muốn đầy đủ trọn vẹn trí tuệ vô ngại, thì phải nên tu học Tam-ma-địa ấy. Sớm tối siêng năng thân tâm an trụ, mà không tán loạn, cũng không lười biếng.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát như thế, nếu có mong muốn thấy được các cõi nước chư Phật, khắp mười phương thế giới và tất cả Như Lai, thì đều được như sở nguyện.

Này Xá-lợi-phất! Tam-ma-địa này là pháp môn cao hơn hết, là vô lượng, vô biên Pháp nhãn sâu xa, của các Đại Bồ-tát; đối với các pháp đều có được sự hiểu biết thông suốt, không còn chướng ngại, không bị quên mất. Đó gọi là pháp môn Như Lai tối thắng Tổng trì Đà-la-ni.

Nếu các Bồ-tát, tâm muốn hoàn thiện tất cả tướng nói năng, muốn thành tựu tánh vi diệu Vô thượng Bồ-đề thì cần phải hết lòng siêng năng tu tập pháp môn Trí ấn Tam-ma-địa ấy. Nếu các Bồ-tát, muốn xa lìa những nghiệp ác, việc làm không bị các chướng ngại, thành tựu pháp thanh tịnh tối thượng, dùng sức trí tuệ đánh dẹp ma oán, xa lìa điều ác, các tướng bình đẳng, như trí Như Lai, không nhiễm các nhơ bẩn, hết sạch các nghiệp chướng, trong sạch không dơ, an trụ nơi trí địa rốt ráo của Như Lai, có khả năng, khiến cho các điều ác và tất cả ma oán dứt sạch, không còn chỗ lung lạc, giác trí sáng suốt; biết rõ đủ những thứ cảnh tướng, phân biệt, yêu thích, của tất cả chúng sinh, các nghiệp lành và ác, nhân quả sai khác của tất cả các chúng sinh kia; biết rõ tâm địa vi tế, phiền não trói buộc, của tất cả các chúng sinh; có khả năng, biết được phương pháp tháo gỡ, tất cả những sợi dây trói buộc của các hữu tình thì cần phải tu học pháp môn Trí ấn thắng Tam-ma-địa, phương tiện cao tột mà Như Lai đã nói.

Nếu các Bồ-tát muốn cho chúng sinh an vui mãi mãi, tâm luôn suy nghĩ cầu pháp vô thượng thì cần phải siêng năng tu tập môn Tam-ma-địa sẽ tự nhiên thành tựu được thắng pháp vô thượng.

Nếu các Bồ-tát, muốn giảng nói các phương pháp để sửa trị mọi thứ căn bệnh, của các hữu tình, ứng hợp với các Phật Như Lai thì phải siêng năng tu tập môn Trí ấn tam-ma-địa này sẽ tự nhiên được phân biệt, giảng nói pháp, không bị chướng ngại.

Nếu các Bồ-tát, tâm mong muốn được Thánh pháp của ba thừa kia, phân biệt tướng chân đế và tục đế, tỏ ngộ pháp nghĩa sâu xa thì cần phải tu tập môn Trí ấn tam-ma-địa này, sẽ tự nhiên đối với pháp, trí tuệ sáng suốt không sinh ám độn.

Nếu các Bồ-tát, muốn ở câu-chi trăm ngàn kiếp số, liễu ngộ được sự sinh diệt, huyễn hóa, không vững chắc; có khả năng chứng biết, tự tánh chân thật của các pháp, thanh tịnh giải thoát thì cần phải siêng năng tu tập môn Trí ấn tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, mong muốn đối với mười hai nhân duyên sinh diệt, vô minh vì vô thỉ phát sinh, nghiệp hành chiêu tập khổ báo, tham đắm, dính mắc, ái dục đầy dẫy, giả có tụ thành tướng sinh, tử, bệnh, biến đổi, vô thường, trôi lăn các nẻo, ngay với nhân sinh diệt, mà tự giác ngộ thì cần phải siêng năng tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, muốn biết rõ tất cả tạp loại hữu tình, khởi kiến, tạo tướng nghiệp báo sai khác, tâm thức thông minh hay ngu muội, chánh niệm hay điên đảo, dị phần hữu tình, biết rõ ràng như thật, căn tánh lợi độn, tìm

cách dạy bảo, dần dần khiến ngộ nhập chánh pháp chân thật, trụ Tín hạnh địa thì cần phải siêng năng tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, tâm mong muốn thành tựu các cõi nước của chư Phật, nghiệp nhân thanh tịnh, cảnh giới thuần thiện, thân tâm vắng lặng, quyến thuộc đều thuận, xa lìa ganh ghét, kiêu mạn, lỗi lầm, gần gũi cung kính, yêu thương, bình đẳng, không tưởng oán ghét thì phải nên tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, muốn khơi dậy trí tuệ nơi mình, có ánh sáng thù thắng vi diệu, soi sáng sự sinh tử, ngu si nghiệp chướng, nặng nề của mình và người, cắt đứt nghi hoặc ở ba cõi, diệt các khổ báo, giải thoát tự tại thì phải nên tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, muốn biết sự chết ở đây, sinh ở kia, thọ mạng dài ngắn, nơi trải qua nhiều kiếp, cho đến sự sinh diệt trong từng sát-na, phân hạng định do nghiệp đời trước, sức mạnh dẫn dắt, cảm lấy những điều như vậy, quả báo của tự loại, biết rõ như thật, trước sau quyết định, thọ mạng căn bản, của tất cả hữu tình trong mười phương thế giới thì phải nên siêng năng tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu Bồ-tát, muốn biết sự bắt đầu thực hành diệu hạnh ở nhân địa, sự đoạn diệt tu chứng của bốn Thánh đế, sự quán ngược quán xuôi mười hai nhân duyên, vắng lặng, tự giác, vi diệu, sâu xa; hạnh nhân thanh tịnh của mười Ba-la-mật, mỗi mỗi đều được quả báo rốt ráo của hàng Thanh văn và Bích-chi-ca, Bồ-tát, Như Lai thì cần phải siêng năng, tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu Bồ-tát, đối với tất cả ngôn ngữ, âm thanh, muốn tranh luận, khéo léo, mau lẹ, hợp thời, đối đáp không sơ xuất, không nhầm lẫn, phương tiện khéo léo với các thế tục và dùng đến thắng nghĩa, để chỉ dạy rõ ràng, khiến cho người dễ hiểu, không sinh nghi hoặc, có được quyết định chắc chắn thì phải siêng năng tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu có Bồ-tát, muốn biết rõ chánh nhân Phật pháp, khéo léo thực hành phương tiện, tùy thuận của ba thừa, căn bản sai khác có cao, thấp và giữa, xứng tánh ngộ nhập nhân địa Bồ-tát, dần dần dùng sự huân tu, để trồng các căn lành, được trí Như Lai thì phải nên siêng năng, tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Nếu các Bồ-tát, ý muốn thành tựu trí giác tròn đầy của chư Phật Như Lai, không khởi phân biệt, hiện đủ loại thân, dùng lòng Từ bình đẳng, chuyển hóa, nhiếp thọ tất cả những hữu tình, khiến cho chúng, khởi tâm vui vẻ, yêu thích, tu học tâm nguyện hạnh địa của Bồ-tát thì cần phải siêng

năng, tu tập thắng Tam-ma-địa này.

Này Xá-lợi-phất! Pháp Tam-ma-địa mà ta đã nói, đó là cao tột hơn cả, như châu ma-ni. Hễ tất cả hữu tình, thích muốn điều gì đều được như ý, không có gì là không đầy đủ.

Này Xá-lợi-phất! Nếu các Đại Bồ-tát... đạt được pháp Như Lai Tam-ma-địa này, thì các pháp Thánh tài và hạnh vi diệu, tất cả đều được như ý, hạnh nguyện tròn đầy. Thế nên, cần phải siêng năng tu học.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn làm cho rõ nghĩa này, nên liền nói kệ:

Trí Như Lai có được
Cao tột không ai bằng
Theo tánh tướng sai khác
Tất cả đều chứng được.
Ánh sáng trí bình đẳng
Chiếu khắp các chấp, buộc
Hay nhập môn trí tuệ
Được vô lượng tự tại.
Tướng trí và tánh trí
Hay nhận định các pháp
Phân biệt các ác, lành
Thế tục và thắng nghĩa
Hiểu rõ pháp như thế
Trí tuệ không có hết
Ví như ánh mặt trời
Chiếu sáng cả ba cõi,
Khắp những nơi tối tăm
Xua tan được tất cả
Thành tựu pháp bình đẳng
Là Thánh trí chân thật.
Tất cả Tam-ma-địa
Từ Trí ấn mà ra
Gọi là chư Phật chủng
Cũng gọi Đại ma-ni
Lợi ích các hữu tình
Cũng như người thế gian
Có châu báu quý nhất
Của cải không cùng tận,
Giúp những người nghèo khổ

Khiến đều được no đủ
Pháp tài cho chúng sinh
Cũng không bao giờ hết.
Thần thông và trí tuệ
Là pháp tốt đẹp nhất
Đều từ Tam-ma-địa
Trí ấn báu sinh ra.
Ví như các cõi nước
Có ngọc ma-ni lớn
Các vua đều yêu thích
Các quan đều giữ gìn.
Ma-ni báu lớn thế
Các vật báu không hơn
Ta nói Trí ấn báu
Rất đặc biệt bậc nhất.
Trí tổng trì sáng suốt
Phá tan các kiến hoặc
Cảnh giới đều rõ ràng
Xa lìa các tối tăm.
Tâm an trú vắng lặng
Không phân biệt tốt xấu
Tu trí tuệ thanh tịnh
Tài pháp không cùng tận.
Tham đắm không dính mắc
Không sáu mươi hai kiến
Chánh niệm đều bình đẳng
Vào pháp môn cam lồ.
Mau được trí Như Lai
Thành tựu thân tướng tốt
Đầy đủ ba mươi hai
Đạt Bồ-đề cao tột.
Bằng tất cả Phật giác
Diệu trí đã sáng ngời
Đến bờ kia giác ngộ
Tự tánh chứng Niết-bàn.
Đủ tự, tha viên mãn
Công đức đều thành tựu
Không lường, không ngằn mé

Pháp sâu xa nhiệm mầu.
Tổng trì Đà-la-ni
Giải thoát, thường vắng lặng
Thường đầy đủ mười Lực
Lại dùng biển nguyện lớn
Bố thí ba-la-mật
Trì giới và Nhẫn nhục
Tinh tấn cùng Thiền định
Trí tuệ thường vững vàng.
An trụ trong Lục độ
Luôn luôn, không gián đoạn
Không có những sợ hãi
Lìa phiền não khổ nghiệp.
Ma-la và quyến thuộc
Không thể có cơ hội
Hay dẫn dắt chúng sinh
Không xả bỏ chánh pháp.
Dần vào nhà Như Lai
Được dạo cửa Trí ấn.
Thường ở trong hiền kiếp
Thế giới khắp mười phương.
Tất cả các hội Phật
Đều gần gũi vui theo.
Đó là chân Phật tử
Không ai phá hoại được
Nếu có người tin hiểu
Hay ghi chép kinh này
Hoặc đọc tụng thọ trì
Vui thích lưu truyền khắp
Luôn luôn không lười mỏi
Với nghĩa vị rõ ràng.
Phải biết kinh như vậy
Mẹ chư Phật ba đời
Sinh ra Trí ấn báu
Kho công đức Như Lai.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH

QUYỂN 3

Bấy giờ, trong hội, tất cả Bồ-tát, đông đến số Khắc-già sa na-dữu-đa, nghe Phật Như Lai nói Tam-ma-địa ấy liền lìa được các chướng ngại, tâm được giải thoát. Đối với pháp Đà-la-ni bí mật sâu xa, tùy ý ngộ nhập, nhận định rõ ràng, quyết định giữ gìn. Lại có sáu mươi tám na-dữu-đa Bồ-tát, ở trăm ngàn kiếp đã tu tập thiền định giải thoát, lìa các vọng tưởng sinh tử sợ hãi, thường thích huân tu thắng hạnh vi diệu, nghe pháp Tam-ma-địa tối thắng này, trong lòng cảm thấy hớn hở. Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạt được không thoái chuyển, chứng được âm thanh Đà-la-ni, đạt được biện tài vô ngại giải.

Lại có sáu mươi ức các trời, người, nghe Phật nói pháp môn Trí ấn, vui mừng vô lượng, cung kính ca ngợi, lễ bái cúng dường và đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm sinh ưa thích; đối với thắng pháp sâu xa Tam-ma-địa, không có nghi hoặc đều sinh tâm tin hiểu; đối với tâm Bồ-đề, vững chắc không xả bỏ. Đối với môn Trí ấn, thì dũng mãnh tinh tấn. Do sức đại nguyện, vốn tu các căn lành nên căn tánh thành thục, liền được trụ ở địa vị không thoái chuyển; tin và lãnh nhận hạnh nguyện mà Như Lai đã thực hành, tâm ý quyết định, không có sự thoái thất.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết được nhân duyên căn lành của các Bồ-tát ấy đã thành thục và muốn thọ ký cho họ. Phật bảo các Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Từ nay, trải qua ba mươi ức kiếp về sau, các ngươi đều ở cõi nước của chư Phật, tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, đạt được hạnh nguyện tối thắng khó thực hành, tất cả đều có khả năng thành tựu tròn đầy, các tập khí đều dứt sạch, đạt đại Bồ-đề, sẽ thành Phật và đồng một hiệu là Vô Úy Như Lai.

Đức Phật lại bảo chúng trời, người:

–Này các Thiện nam! Chúng trời, người các vị, trong quá khứ đã ở chỗ vô lượng các Đức Phật, trồng các căn lành, thích tu Đại thừa. Hôm nay, ở trong hội này, được nghe pháp sâu xa nhiệm mầu, ít có như thế, hãy vui vẻ mà lãnh nhận gìn giữ. Này các Thiện nam! Các vị từ nay trải qua ức ngàn kiếp sẽ cùng được thành Phật và đồng là Trí Ấn Như Lai.

Khi Đức Phật thọ ký cho các vị Bồ-tát và chúng trời, người, về sau sẽ thành Phật xong, Phật nhìn khắp chúng hội, dùng âm thanh dịu dàng, nói với Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Ta xem những Bồ-tát, trời, người ở trong hội này, tuy họ ở nơi Bồ-đề tối thượng, phát tâm dũng mãnh, vững chắc không thoái lui; nhưng vào đời mạt pháp, tà kiến, họ chưa đủ khả năng ở trong đạo, để tạo dựng nên chánh pháp. Chỉ có mình ông, ở đời ác năm trược, trong tam thiên thế giới là làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, tìm cách giữ gìn, phân biệt giảng nói, khiến cho lưu truyền rộng rãi khắp cả mọi nơi, khiến cho chúng sinh lìa được những giả dối; những đắm say tình ái, không bị danh dự trói buộc.

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường, từ tòa ngồi, đứng dậy, nghiêm trang, sửa sang y phục, quỳ gối phải sát đất, chắp tay đảnh lễ Thế Tôn, đem những thứ hoa cúng dường, chiêm ngưỡng khen ngợi, được chưa từng có, rồi bạch Phật:

–May thay! Bạch Thế Tôn! Như con xem xét thấy tất cả các pháp, đều không thể nắm bắt mà nguyện của con thì thích giữ gìn Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề và tâm nguyện ưa thích ấy cũng không thể nắm giữ.

Bạch Thế Tôn! Đạo Bồ-đề này, tánh lìa phân biệt, chẳng phải ở trong, ngoài, chặng giữa; không thấy, không nghe, không giữ, không bỏ, hoàn toàn vắng lặng, không thể tìm tướng, lìa mọi hý luận.

Lúc ấy, trong hội lại có ba trăm câu-chi Bồ-tát, từ chỗ ngồi, đứng dây, đảnh lễ sát đất, cung kính ca ngợi, rồi bạch Phật:

–Chúng con cũng sẽ giữ gìn pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bí mật sâu xa, khó hiểu được của Đức Thế Tôn đã đạt được đó ở vô lượng a-tăng-kỳ na-dữu-đa câu-chi số kiếp. Nguyện ở đời vị lai, tìm cách vì người mà lãnh nhận giữ gìn, đọc tụng, trình bày diệu nghĩa, ghi chép, cung kính cúng dường.

Khi tất cả Bồ-tát nói như thế xong, mỗi vị, đều cởi y đang mặc trên thân, để cúng dường Đức Phật. Phát nguyện xong, các vị lui sang ngồi một bên.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Ông có khả năng đầy đủ, có lòng Từ bi rộng lớn. Ở đời vị lai, nếu có những chúng sinh không ưa chánh pháp, thì ngay lúc ấy, ông hộ trì pháp này, để khiến cho những chúng sinh ấy, không sinh tà kiến.

Đại Bồ-tát Di-lặc ở trước Thế Tôn đảnh lễ sát đất, rồi bạch Phật:

–Con nguyện ở đời ác năm trược, sẽ tìm cách giữ gìn Tam-ma-địa

này, không để đứt mất, khiến cho các chúng sinh còn tà kiến tán loạn, dần dần ngộ nhập vào pháp mầu tối thượng của kinh điển Đại thừa.

Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Hôm nay, ba trăm tám ngàn câu-chi Bồ-tát, ở trong hội này, đều an trụ pháp, tin hiểu thọ trì, tâm sinh nguyện thích, siêng năng tu học, thề không lui bỏ. Lại có Bồ-tát, tâm chưa vững vàng, nên đối với pháp này, không có khả năng lãnh thọ giữ gìn, cũng không yêu thích; ở đời vị lai, trong kiếp năm trược, sẽ không đủ khả năng hộ trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai đã tu ở vô lượng a-tăng-kỳ na-dữu-đa câu-chi kiếp số. Ở trong pháp ấy, lại sinh tranh cãi cùng các phiền não, không thể đảm nhận, giữ gìn sự ưa thích tu học.

Bồ-tát Di-lặc lại bạch Phật:

–Tại sao là Bồ-tát mà không ưa thích thắng pháp tối thượng? Nếu có Bồ-tát, có ý muốn tu tập pháp hạnh như thế, thì phải phát bao nhiêu thứ tâm mới có thể thành tựu?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Hãy lắng nghe, này Thiện nam! Do các Bồ-tát đều sinh ngã pháp, bị chướng ngại bởi ngu si ám độn. Tuy có trí tuệ mà không sáng suốt, nên đối với Bồ-đề, tâm không quyết định, mấy phen lui bỏ, phần nhiều không ưa thích. Nếu có Bồ-tát đối với Thắng Tam-ma-địa Trí ấn thượng thừa như thế, có ý muốn cho vững vàng, mong cầu ưa thích chứng nhập thì đối với Bồ-đề phải phát bảy thứ tâm.

Những gì là bảy?

1. Như nhân địa thuở xưa của Phật Thế Tôn, thưa hỏi các bậc Thiện tri thức, không tiếc thân mạng, chỉ vì cầu Phật đạo nên phát tâm Bồ-đề.

2. Đối với tất cả thắng pháp nhiệm mầu, thì ưa thích tu học, chuyên tâm giữ gìn vì như vậy... nên phát tâm Bồ-đề.

3. Hiện tại, những hữu tình có nhiều thứ khổ, sớm tối lo buồn, không khi nào giải thoát, khởi tâm đại Bi muốn cứu vớt khắp; vì như vậy... nên phát tâm Bồ-đề.

4. Muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, không có ý tưởng oán hay thân, tất cả đều được vui vẻ, giải thoát, tự tại; vì như thế... nên phát tâm Bồ-đề.

5. Đối với khắp tất cả chúng sinh... vui vẻ bố thí, tìm cách nhiếp thọ, khiến cho họ lìa sợ hãi, đối với pháp Như Lai, không sinh khiếp nhược; vì như vậy... nên phát tâm Bồ-đề.

6. Thấy các Bồ-tát phát tâm Bồ-đề mà sinh ưa thích, gần gũi, tu học, cùng các Bồ-tát phát tâm Bồ-đề.

7. Vì nghe thân tướng của Như Lai cao đẹp đặc biệt, công đức tròn đầy, thanh tịnh bậc nhất, vì cầu Thánh quả vô cấu xuất thế; nên phát tâm Bồ-đề.

Này Thiện nam! Như vậy Bồ-tát phát bảy thứ tâm mầu nhiệm tối thắng này, có thể dần dần thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không xả bỏ chúng sinh, giữ gìn chánh pháp. Đó là bảy thứ phát tâm Bồ-đề.

Này Thiện nam! Nếu các Bồ-tát, khéo có thể tu tập bốn Vô lượng tâm, học tập kho tàng pháp sâu xa của Như Lai, lại có thể thành tựu năm thứ thắng pháp. Các Bồ-tát đầy đủ thắng pháp ấy, gọi là không thoái chuyển.

Bồ-tát Di-lặc, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm pháp nào được không thoái chuyển?

Đức Phật đáp:

–Này Thiện nam! Năm pháp ấy là:

1. Đối với các chúng sinh, khởi tâm bình đẳng; đối với quyến thuộc của mình không sinh thân thiết; đối với các hữu tình khác cũng không chán bỏ.

2. Thấy các hữu tình được lợi dưỡng thì thật lòng vui vẻ; khéo léo khen ngợi, không sinh tâm ganh ghét buồn phiền.

3. Đối với thắng pháp mầu nhiệm của Phật Như Lai, thì có ý mong muốn lắng nghe và muốn được trình bày. Vì muốn hộ trì tạng pháp như thế, nên không tiếc thân mạng, lưu truyền rộng khắp, liên tục không dứt.

4. Có được của cải riêng tư, hay những thứ tài sản quý báu, không có lòng bỏn sẻn đều đem ban phát cho tất cả hữu tình, đem cả thức ăn uống, thuốc thang tốt nhất bình đẳng giúp khắp, khiến họ đều đầy đủ.

5. Đối với pháp công đức thù thắng tối thượng, trí tuệ rộng lớn, tổng trì bí mật của các Như Lai thì vui vẻ, ưa thích, siêng năng tu học.

Đó là năm thứ thắng pháp của Bồ-tát, đối với thắng pháp ấy phải có sự quyết định mong cầu, tâm không thoái lui.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Lại có năm pháp mà tánh của chúng cứng rắn, hay ngăn cản Bồ-đề, không thể giải thoát. Năm pháp đó là:

1. Đối với pháp ba thừa, không đủ khả năng hiểu rõ.

2. Tham cầu lợi dưỡng mà không nhàm chán.

3. Thường ôm lòng bỏn sẻn, tiếc nuối, không hề biết ban ân.

4. Dua nịnh, không thật, không khi nào dừng dứt.

5. Miệng chỉ nói không mà không rõ các tướng.

–Này Bồ-tát Di-lặc! Đó là năm pháp, làm cho thói quen cứng rắn, ngăn che Bồ-đề không thể thành tựu quả Thánh vô thượng.

Lại có năm pháp, nếu các Bồ-tát có đầy đủ thì đối với thắng pháp Như Lai đã nói sẽ có khả năng khai bày, dẫn dắt, giảng nói vững vàng, tu tập, nhập vào địa vị Thánh tánh. Bồ-tát như thế gọi là không thoái chuyển.

Những gì là năm pháp?

1. Vô ngã, xa lìa sự trói buộc của tướng, không chấp vào mình và người.

2. Vô pháp, xa lìa sự trói buộc, sự dính mắc vào thế tục và thắng nghĩa, giữ gìn tự tánh.

3. Tánh trí và tướng trí bình đẳng không hai, không có thương ghét, vắng lặng, sáng suốt.

4. Không chấp vào Bồ-đề và chúng sinh, không ngu muội về sự tuần tự theo thứ lớp của nhân quả tốt xấu.

5. Biết rõ tướng sai khác về sắc thân công đức, thần thông, biến hóa, thành đạo, nhập diệt của Như Lai.

–Này Thiện nam! Biết rõ đầy đủ năm pháp như vậy gọi là không thoái chuyển, có khả năng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Loài chúng sinh vô trí
Vọng nói pháp phi pháp
Luận bàn chuyện thế tục
Tìm kiếm việc tốt xấu.
Tự nghiệp thân, miệng, ý
Mà không thể giữ gìn
Người chuyên ý tu tập
Ưa thích sự yên lặng.
Hành trì giới, nhẫn nhục
Nói năng thường dịu dàng
Hay giữ gìn Bồ-đề
Như tê giác sống riêng.
Lìa bỏ nơi ồn ào

Thích sống nới vắng vẻ
Như hươu ở rừng sâu
Không có những sợ hãi.
Hành giả tu như thế
Như gió thoảng bay qua
Vì giữ gìn pháp mầu
Có thể bỏ thân mạng.
Tâm kia không chỗ muốn
Động tĩnh và hành sử
Đều làm cho lợi ích
Trí tuệ luôn sáng suốt.
Không ngu tướng các cảnh
Đời ác năm trược sau
Các hữu tình không tin
Không thể thọ pháp này.
Gặp việc sinh nghi hoặc
Không biết rõ được gì
Lừa dối hành tà hạnh
Tâm cuồng loạn, điên đảo.
Người ngu si như thế
Với pháp Bồ-đề này
Sẽ không thể giữ gìn
Cũng không ưa tu tập.
Ta nhớ thuở quá khứ
Ở chỗ Phật Đăng Minh
Nghe Tam-ma-địa này
Và phát tâm tu tập.
Lại hơn cả trăm ngàn
Câu-chi kiếp số trước
Cũng có Phật xuất thế
Hiệu gọi là Kế Tràng
Vì vô lượng chúng sinh
Nói Tam-ma-địa này.
Nói pháp, hội thứ nhất
Có đến tám mươi ức
Na-dữu-đa Bồ-tát
Tâm đạt không thoái chuyển.
Số chúng, hội thứ hai

Bảy mươi na-dữu-đa
Nói pháp, hội thứ ba
Lại có bảy mươi ba
Na-dữu-đa Bồ-tát
Đều trụ địa không thoái.
Phật ấy thọ dài lâu
Nơi thân phóng ánh sáng
Rộng sáu mươi do-tuần
Lại có Tỳ-kheo tăng
Chín trăm ngàn câu-chi
Xa lìa khổ trói buộc
Đều đắc A-la-hán.
Khi ấy có Luân-vương
Tên gọi là Phước thượng
Thống lãnh Diêm-phù-đề
Vùng đất vua cai quản
Bảy trăm ngàn do-tuần
Làm vua bốn thiên hạ
Phi tần và thể nữ
Số ấy sáu câu-chi
Và có ngàn vương tử
Các tướng đều đầy đủ
Cõi ấy tên Quang tuệ
Nhân dân đều an lạc
Có tám trăm câu-chi
Thành và vườn Lộc uyển
Nhiều hoa trái tốt nhất
Mọi thứ đều tốt đẹp
Ma-ni báu trang nghiêm
Như quang cảnh các trời.
Một hôm, Chuyển luân vương
Trong giấc ngủ, mộng thấy
Có Đức Phật xuất thế
Phật hiệu là Kế Tràng.
Trong mộng vừa thức giấc
Tìm vị tướng lãnh binh
Quan quân và nhân dân
Trăm sáu mươi câu-chi

Đều đi đến chỗ Phật
Để nghe Tam-ma-địa.
Lúc vua nghe kinh ấy
Pháp sâu xa chân thật
Tâm rất là vui mừng
Liền đem cả cõi nước
Dâng hết cho Đức Phật
Để làm vật cúng dường.
Khắp tất cả cõi nước
Dùng chiên-đàn thượng diệu
Xây dựng các tinh xá
Vườn cây đều đầy đủ
Vàng bạc các châu báu
Nhiều thứ để trang trí.
Cúng dường Phật như thế
Trải qua tám vạn năm
An trụ trong Phật pháp
Hay xa lìa việc ác
Với tình và chẳng tình
Thường khởi tu thắng thiện
Xả bỏ những yêu thích
Tận đáy lòng không dục
Chỉ dùng lời chân thật
Hóa, lợi ích quyến thuộc.
Cho đến một hôm nọ
Thiết lễ để cúng dường
Số ấy không ngằn mé
Cúng dường Phật như vậy
Vì cầu Tam-ma-địa
Được gọi sinh nhà Phật
Là chân thật hơn hết
Pháp sâu xa nhiệm mầu
Chẳng trụ tướng năng cầu
Chẳng vọng chỗ tâm được
Là Tam-ma-địa này
Tên Như Lai Trí-ấn.
Lúc vua nghe pháp này
Bỏ nước mà xuất gia

Trải qua tám vạn năm
Luôn tu Tam-ma-địa
Sớm tối, ngày qua ngày
Chưa từng có lười biếng.
Suốt trong thời gian ấy
Phật nói pháp khai ngộ
Kế Tràng Như Lai đó
Sau vào Bát-niết-bàn
Vua cho xây dựng tháp
Sáu mươi bốn câu-chi
Mỗi một tháp báu ấy
Có năm trăm tầng mái
Dùng bảy báu trang nghiêm
Và nhiều thứ kỹ nhạc
Đốt trăm ngàn hương đèn
Ánh sáng soi rực rỡ
Đủ những thứ cúng dường
Trang nghiêm đầy đủ khắp
Tính tổng cộng số ấy
Bảy vạn ba ngàn năm.
Lại vì các chúng sinh
Nói Tam-ma-địa này
Pháp thù thắng vô tướng
Tâm kia không chỗ trụ.
Nếu vì người cung kính
Người cúng dường ca ngợi
Tâm không sinh vui mừng
Xa lìa các tướng có
Và dùng các chú thuật
Thường hộ trì chánh pháp
Trải tám ngàn câu-chi
Bảy mươi na-dữu-đa
An trụ pháp Như Lai
Vắng lặng thường sướng vui
Với tất cả nơi học
Hoàn toàn đều đầy đủ
Thành tựu pháp Bồ-đề.
Ba nghiệp đều thanh tịnh

Với pháp đã thọ học
Buộc tâm không gián đoạn
Đối với pháp chưa học
Gắng siêng năng tu tập
Dùng sức đại trí tuệ
Và thắng giải ấn trì
Tư duy thường ghi nhớ
Không có điều quên mất
Xa lìa các hý luận
Cho đến các tưởng khác
Chẳng bằng trong đời ác
Dối hành hạnh Bồ-đề
Tuy giáo hóa hữu tình
Tham cầu ở danh dự
Vì lợi dưỡng nói pháp
An trú những tướng "có"
Nói tất cả đều không
Thật chẳng rõ tánh "không"
Đó gọi là dính mắc.
Tâm ngộ khác với lời
Mạn tà không thanh tịnh
Và thực hành phi pháp
Miệng chỉ giỏi nói "không"
Tâm bị tướng trói buộc
Nếu tu hành như thế
Hoàn toàn không được gì.
Luân vương Phước Thượng ấy
Tức Phật Vô Lượng Thọ
Nay ở cõi An lạc
Ngàn vương tử thuở ấy
Ở trong hiền kiếp này
Là ngàn Phật Thế Tôn
Có trong đại hội này.
Trước ta nghe pháp ấy
Xuất gia cùng thời vua
Làm một vị Tỳ-kheo
Nhớ lại thuở xa xưa
Câu-chi na-dữu-đa

Tất cả trong Phật pháp
Xuất gia nghe chánh pháp
Nghe, đều hay hiểu rõ
Do vậy vô lượng kiếp
Thực hành mọi phương tiện
Với các pháp cúng dường
Không đắm tướng Bồ-đề
An trụ trong chân thật
Được gặp Phật Đăng Minh
Phước trí đều như nhau
Ngài thọ ký cho ta
Đời vị lai thành Phật
Hiệu là Thích-ca Văn.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH

QUYỂN 4

Bấy giờ, trong hội, có phu nhân của vua Tần-bà-sa, tên là Hiền Cát Tường cũng gọi là Câu-chi Kim Quang, mẫu thân của vua A-xà-thế; từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi mình sát đất, đảnh lễ dưới chân Như Lai. Đảnh lễ như thế xong, quỳ hai gối xuống đất, chắp tay, diện mạo vui vẻ, dùng lời lẽ dịu dàng, ca ngợi công đức của Phật. Lại dùng trăm ngàn thứ báu vô giá, dâng lên, cúng dường Đức Thế Tôn. Và dùng năm trăm hoa bảy báu tung lên hư không, hoa ấy trở thành lọng mây hoa, che khắp cả chúng hội.

Khi Hiền Cát Tường làm những việc cúng dường như thế xong, bà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghĩ ở vị lai vào đời ác trược, những loại hữu tình lòng tin và các căn mỏng manh, phiền não lại thêm nhiều. Con mong cho họ tin hiểu, thọ trì pháp môn Tam-ma-địa tối thắng này. Nếu thấy có người ghi chép, thọ trì, lắng nghe, đọc tụng, vì người khác giảng nói, mở bày hướng dẫn hóa độ, lần lượt lưu truyền khắp nơi, khiến cho không đoạn dứt, khiến cho mọi người nghe thấy đều sinh tâm tin hiểu, siêng năng tu tập, người như thế gọi là pháp khí; thì đối với người thọ trì ấy, con sẽ vui mừng, khen ngợi gần gũi, hầu hạ, cung cấp những thứ cần dùng như: thức ăn, nước uống, y phục, giường chiếu, thuốc thang, các việc cúng dường đầy đủ không thiếu thốn. Lại dùng pháp Đại thừa sâu xa, làm cho họ ngộ nhập, khiến họ trụ nơi dòng giống Đại thừa, mau được thành thục pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không lừa dối phân biệt, là không hay chẳng phải không, biết rõ các pháp, lìa sự dính mắc về ngôn ngữ, tùy ngộ tùy học, không sinh hý luận, vì giữ gìn chánh pháp mà đối với thân mạng, còn không ham tiếc, huống nữa là những vật dụng, của cải ở thế gian, đó chỉ là thứ tăng thêm phiền não, sinh tử; chỉ nên tu học pháp thù thắng Tam-ma-địa như thế.

Thưa xong, phu nhân Hiền Cát Tường lui ngồi sang một bên.

Nghe nói như vậy, tám ngàn thể nữ hậu cung của vua Tần-bà-sa đều phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và nguyện ưa thích Đại thừa vô thượng, muốn học tập và an trụ vào môn Tam-ma-địa thù thắng

này. Tất cả đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, cung kính, đảnh lễ sát đất, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở vị lai trong đời mạt pháp, chúng con đều sẽ thọ trì pháp sâu xa nhiệm mầu tròn đầy này và nguyện bảo vệ cúng dường người thọ trì nó.

Khi thấy việc ấy rồi, sáu mươi vạn chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ở nước Ma-kiệt, đều vui vẻ cùng pháp tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với Trí ấn Tam-ma-địa này, hết lòng vui theo và nguyện như vầy: "Ở vị lai, trong đời ác trược, chúng con cũng nguyện bảo vệ và gìn giữ trọn vẹn đối với pháp mầu này."

Đức Thế Tôn biết được tâm nguyện miệng thề của những Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và phu nhân Hiền Cát Tường Câu-chi Kim Quang, cùng với tám ngàn thể nữ hậu cung... của nước Ma-kiệt-đà; họ đã nguyện, tin hiểu, thọ trì pháp mầu như thế thì sẽ luôn luôn tu tập, không có gián đoạn, biết quả vị chư Phật từ pháp này sinh ra; Đức Thế Tôn liền mỉm cười, bộc lộ sự hoan hỷ. Vì nhân duyên cười ấy, có trăm ngàn thứ tia sáng thật tốt đẹp từ miệng Đức Phật phát ra. Những tia sáng ấy, có màu xanh vàng, đỏ, trắng, pha-chi-ca. Những thứ sắc tướng ấy lan tỏa khắp thế giới. Các chúng sinh trong những thế giới ấy, thấy ánh sáng này, đều lìa sự sợ hãi, dẹp trừ được tất cả phiền não ma oán. Ánh sáng ấy, trên chiếu đến trời Hữu đảnh, những nơi mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng không đến được, thì ánh sáng ấy đều chiếu đến thông suốt; dưới chiếu đến tất cả các địa ngục lớn và các nẻo ác, làm cho những sự khổ não đều dừng dứt, trừ hết những sự dơ xấu, đạt được sự trong sạch. Ánh sáng ấy, quay trở lại, theo chiều phải, xoay quanh Đức Phật ngàn vòng, rồi nhập vào đỉnh của Thế Tôn.

Bấy giờ, phu nhân Hiền Cát Tường Câu-chi Kim Quang, thấy ánh sáng ấy rồi, nhưng không biết ý nghĩa, lợi ích, về việc phóng quang của Như Lai. Từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa sang y phục ngay ngắn, cung kính, chắp tay, quỳ hai gối xuống đất, tâm, miệng, ý vững vàng, đảnh lễ Đức Thế Tôn, nói kệ ca ngợi Đức Phật:

Phật đức sai khác không ngằn mé
Cao tột, ba cõi không ai bằng
Như hoa nở rộ, hương ngào ngạt
Tựa trăng trên không lúc tròn đầy.
Tâm Phật bình đẳng lìa buồn vui
Vì sao hôm nay Phật mỉm cười?
Con nay nguyện biết nhân duyên ấy

Mong hãy giảng nói pháp nhiệm mầu.
An vui đầy đủ, Đấng mười lực
Trước chúng như trăng giữa muôn sao
Lời lẽ nói ra giàu nghĩa vị
Làm mắt chúng sinh các thế giới.
Pháp như cơn mưa không phân biệt
Tùy các căn tánh, khiến hiểu được
Phạm âm trong trẻo, phước vô biên
Hễ ai nghe được đều vui vẻ.
Nhờ nghe pháp thắng nhân duyên này
Được các sướng vui chưa từng có
Mong Phật tạo tiếng sư tử hống
Trừ sạch đủ các thứ nghiệp báo.
Chúng sinh nghe pháp đều vui mừng
Bình đẳng vui theo các nghĩa vị
Mình, người thấy, nghe và thọ trì
Hợp căn đúng thời, được hiểu rõ.
Do vậy, khai phát tâm Bồ-đề
Đều với chỗ nghe, sinh tôn trọng
Đầy đủ tám thứ vô lậu âm
Ứng khắp vô biên các tánh dục.
Trong tất cả công đức thuyết pháp
Tương ưng vô số không trái ngược
Khiến các hữu tình được thọ hóa
Ngộ nhập, nghe giữ, tâm vững vàng
Không bị phiền não quấy tâm kia
Khiến với chỗ được không thoái chuyển
Thọ trì cấm giới, những luật nghi
Dù gặp nghịch duyên đều nhẫn được.
Xa lìa trần lao không khổ lụy
Thân tâm an trú vui Niết-bàn
Ở trong thắng hạnh Bồ-đề này
Suy nghĩ tu tập luôn tinh tấn.
Thân Phật giống như núi vàng ròng
Cũng như bảo tháp sáng rực rỡ
Hoa sen khỏi nước nở tròn xoe
Hễ ai thấy nghe đều chiêm ngưỡng.
Như sư tử chúa, lúc dạo chơi

Cất tiếng rống lớn, hàng phục thú
Cúi xin giảng nói nhân duyên cười
Để con, chúng hội, trừ nghi hoặc.
Phật đối các pháp đều tự tại
Khế hợp, vô tướng, lý chân thật
Khiến các hữu tình, tánh sai khác
Đều được ba nghiệp, sạch không dơ.
Không bỏ chúng sinh, thường hộ trì
Khéo chuyển nhân lành, được quả tốt
Mười phương thế giới các chúng sinh
Nghe rồi suy nghĩ tu tập đúng,
Dập tắt tất cả lửa phiền não
Như uống cam lồ, lòng mát dịu
Âm thanh thuyết pháp của Như Lai
Các âm thế gian chẳng thể sánh.
Tỳ-bà, tiêu, sáo và tù và
Không hầu, trống, sắt, diệu ca ngâm
Đánh phù, kiền chùy và chập chã
Nhạc cụ như thế cùng nổi lên
Mạng mạng, Tần-già và Oanh vũ
Những chim như thế cùng nhau hót
Phật phát tâm dịu dàng, vi diệu
Những âm kia, cộng lại chẳng bằng.
Mười phương chúng, đến đây nhóm hội
Không giữ tâm, xấu, tốt, sai khác
Xin nguyện tìm cách tùy nghi nói
Điều phục những kẻ tâm hung ác
Khiến họ bỏ được tâm không tốt
Nguyện khắp vô biên được tốt hơn.
Họ từ câu-chi cõi nước, đến
Vì muốn nghe Thế Tôn nói pháp
Nay nguyện lãnh ngộ âm chánh pháp
Lìa các sợ hãi được an vui.
Xin nguyện Thế Tôn rưới mưa pháp
Từ bi giảng nói pháp vô thượng
Để được trọn vẹn vô lậu âm
Rốt ráo đều thành quả Bồ-đề.

Nghe phu nhân Hiền Cát Tường Câu-chi Kim Quang nói kệ xong,

Đức Thế Tôn lại vì chúng hội mà nói kệ:

Ta ở vô lượng đời
Trong Khắc-già sa kiếp
Có vị Đại Pháp vương
Hiệu Vô Tướng Phước Quang
Phật thọ rất lâu dài
Bảy mươi sáu câu-chi
Giáo hóa bốn thiên hạ.
Chúng Thanh văn cõi ấy
Số đông không thể lường
Dùng pháp môn Trí ấn
Dẫn dắt các chúng sinh.
Có vị Chuyển luân vương
Tên gọi là Thắng Tuệ
Vua có hai phu nhân
Một người tên Đế Tràng
Người kế tên Nhật Quang
Nghe môn Trí ấn này
Sớm tối thường tinh tấn
Siêng tu các nghiệp lành
Suốt một câu-chi năm
Giữ gìn mắt chánh pháp
Suốt sáu mươi câu-chi
Làm thầy dẫn mọi loài,
Đã ở ba mươi ức
Vô lượng chỗ chư Phật
Chứa nhóm nhiều công đức
Trong vô lượng thế giới
Mắt pháp thường cứu giúp.
Ba mươi Khắc-già sa
Chư Phật đời vị lai
Ở khắp thế gian kia
Bình đẳng hộ trì khắp
Mắt chánh pháp như thế
Đều khiến không đoạn dứt.
Vua Thắng Tuệ lúc ấy
Nay là Phật A-súc
Chúng hội thanh tịnh kia

Phu nhân và quyến thuộc
Tất cả đều đồng sinh
Cõi nước Phật như thế
Giữ pháp tâm không lười.
Lại ở đời vị lai
Chuyển thân người nữ ấy
Được trở thành thân nam
Liền sinh ở vô lượng
Thế giới Phật an vui
Như nay, lúc mạt pháp
Chỉ có Hiền Cát Tường
Hộ được pháp Như Lai
Giữ gìn không phá hoại.
Nên dùng tâm Bồ-đề
Cùng khắp các cõi Phật
Khi chánh pháp sắp hết
Tất cả đều cứu giữ
Khiến người tỏ pháp kia
Đồng sinh nước An lạc
Ngồi hoa sen ngàn cánh
Được tướng tốt chư Phật
Trang nghiêm đều đầy đủ
Đã sinh cõi ấy rồi
Lại cúng dường chư Phật
Rốt sau sẽ lần lượt
Ở kiếp Trang nghiêm kia
Được thành đạo Vô thượng.
Dùng vô lượng Bồ-đề
Truyền trao cho trời, người
Khiến phát tâm vô thượng
Cùng bảo vệ chánh pháp
Cõi ấy lìa ma oán
Cho đến ba nghiệp độc
Không sinh các tội lỗi
Các ác đều không có
Không ở trong thai tạng
Thanh tịnh mà hóa sinh
Cùng vô số Bồ-tát

Đều nhóm pháp hội này
Không có các Thanh văn
Cũng không nghe đến tên
Xa lìa các duyên ác
Thường tu hạnh Bồ-đề.
Bỏ danh tiếng, lợi dưỡng
Không luyến đắm họ hàng
Dứt bỏ tài, thân mạng
Nhiêu ích loài chúng sinh
Tìm cách mà nói pháp
Khiến sinh lòng tin hiểu
Nếu có thể tu tập
Phật Vô thượng Bồ-đề
An trụ trong pháp này
Không cầu vui thế gian
Như thuyết mà tu hành
Khắp cả các cõi Phật
Luôn sinh tâm cung kính
Giữ gìn pháp chư Phật
Có người lòng ganh ghét
Phải nên giữ gìn kỹ
Đem hết lòng thương xót
Răn dạy các chúng sinh
Khiến tu học như vậy
Đều lìa các khổ ách
Như ta, thuở xa xưa
Vì mong cầu Chánh giác
Ở trong câu-chi kiếp
Bỏ đầu, mắt, tủy, não
Châu báu và vợ con
Tất cả không luyến ái
Nếu ở trong pháp ta
Không sinh lòng tin chắc
Tuy cạo tóc, nhuộm y
Ngu, quên, tướng chân thật
Ham cầu tài, danh dự
Vì lợi dưỡng nói pháp
Gần gũi chẳng luật nghi

Bỏ thọ, trì, đọc, tụng
Tuy muốn học Sa-môn
Làm mất hạnh Sa-môn!
Khi Phật nói lời ấy
Chúng trời, người, hội này
Có tám mươi câu-chi
Đều sinh lòng đau xót
Nghĩ những người như thế
Sẽ đắm chìm nẻo ác
Đồng thanh nói như vầy:
Con nguyện ở vị lai
Dùng sức tâm Bồ-đề
Bình đẳng gìn giữ khắp
Phát nguyện như thế xong
Cõi tam thiên đại thiên
Thảy đều chấn động mạnh
Chư Thiên mưa nhiều hoa
Ở trong cõi nước ấy
Gai gốc và dơ bẩn
Vì thắng nhân duyên này
Tất cả đều diệt sạch
Chẳng khác ở các trời
Đều thanh tịnh cùng khắp
Ở trong đời vị lai
Có người nghe như vậy
Kinh điển Đại thừa ấy
Được tuệ mạng tối thắng
Chúng trời, người mười phương
Đều vui vẻ, cung kính
Ca ngợi kinh Đại thừa
Đủ các loại nghĩa hay
Tất cả những Long vương
Chúng Dạ-xoa, La-sát
Trừ bỏ tâm độc ác
Đều cung kính cúng dường
Nếu hữu tình, mạt pháp
Được nghe kinh Trí Ấn
Sâu xa và cao tột

Mà có thể tin hiểu
Người ấy sẽ được phước
Nay thí dụ sơ lược
Tựa như Khắc-già sa
Làm số cõi nước Phật
Chứa đầy những châu báu
Đều dâng cúng Thế Tôn.
Tu thắng hạnh như thế
Trải Khắc-già sa kiếp
Công đức người ấy được
Không bằng nghe kinh này
Môn Trí ấn cao tột
Chỉ dẫn và giảng nói
Công đức hơn người kia
Số vô lượng, vô biên
Phước ấy không hình tướng
Tâm hữu vi chẳng biết
Nếu nhờ nghe Phật pháp
Pháp Trí ấn nhiệm mầu
Phát sinh tâm Bồ-đề
Cùng các pháp tương ưng
Nương lời nói của Phật
Như thuyết mà tu hành
Và trong đời mạt pháp
Siêng quán sát, nhớ, giúp
Thích ở nơi vắng vẻ
Một lòng cầu giải thoát
Chứa nhóm vô số lượng
Các công đức tốt nhất
Thường dùng ba loại giới
Truyền dạy các hữu tình
Tâm thương xót mến giúp
Như mẹ nhớ con mình
Lời vui vẻ, dịu dàng
Dạy, khiến lìa oán tặc
Ở trong chánh pháp Phật
Không sinh tưởng đảo điên
Mình, người đều nhiêu ích

Khiến mau đến Chánh giác
Nếu với Tam-ma-địa
Môn Trí ấn rộng lớn
Hay ghi chép, nhận, giữ
Đọc, tụng, giảng giải đúng
Lần lượt trao chúng sinh
Mình, người được giải bày
Cũng khiến cho đạt được
Các nghiệp báo tốt nhất
Lời ý và suy nghĩ
Tất cả, đều không thể
Người ấy được sinh về
Nước An lạc chư Phật.
Thế Tôn thấy họ rồi
Liền khởi tưởng quen thân
Tâm thương xót gìn giữ
Vui vẻ mà nhiếp thọ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu người, nương theo tánh, mà có thể thọ trì pháp môn Trí ấn Tam-ma-địa này? Ở trong đời vị lai, họ giữ gìn chánh pháp, rồi từ nơi chánh pháp ấy mà yêu thích; cũng có thể ngay trong pháp môn Trí ấn bí mật sâu xa của Như Lai mà sinh tin hiểu vui thích tu hành?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Những chúng sinh ở đời ác năm trược kia, bị các khổ não bức bách, không thể tính đếm. Chỉ có Bồ-tát, ở trong đời ác ấy, nương theo chánh pháp mà sinh tin hiểu, hạng người như thế, rất là hiếm có. Nhưng ở đời mạt pháp, những chúng sinh ấy... thường nghe những lời nói thêu dệt, lừa dối, khiêu khích đấu tranh nhau, hoặc phá bỏ căn lành. Đối với pháp môn Trí ấn tối thắng này, sẽ có những lời giảng nói không đủ khả năng làm cho hiểu rõ. Chỉ có Bồ-tát ở trong đời ác năm trược ấy, khi pháp sắp diệt, đối với chúng sinh khổ não, với lòng Từ bi thương xót, dùng các phương tiện, nhiêu ích nhiếp thọ. Những người bị khổ não bức bách như thế, nếu không có Bồ-tát hướng dẫn, hóa đạo, thì đối với pháp sâu xa, sẽ không đủ khả năng tin hiểu, thọ trì, đọc tụng.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–May thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì thương xót muốn an vui cho hữu tình mà tuyên nói pháp mầu như thế, khiến cho tất cả chúng sinh, ở đời

vị lai kia, được nghĩa lý lợi ích ấy, sinh lòng xúc động, thương cảm, ưa thích tu tập. Nếu Bồ-tát ấy, được pháp môn này, thuận theo thắng hạnh tối thượng của Như Lai, vững vàng mong cầu, không phá bỏ đạo tâm vô thượng, thì có khả năng mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khế hợp với trung đạo của Phật, tương ứng với thắng hạnh mà không lui bỏ.

Đức Thế Tôn lại bảo Di-lặc Đại Bồ-tát:

–Cũng có Bồ-tát, thuở xa xưa đã ở chỗ trăm Đức Thế Tôn, thân gần, cung kính, hầu hạ, cúng dường, phát tâm Bồ-đề, gieo giống căn lành, trồng những cội công đức; nhưng ở vị lai, trong đời ác năm trược ấy, đối với Bồ-đề rộng lớn vô lượng sâu xa, nghĩa lý mầu nhiệm này, lại chưa đủ khả năng tin hiểu và đối với pháp môn Trí ấn rộng lớn này thì không thể ngộ nhập.

Lại nữa, này Di-lặc! Cũng có Bồ-tát, ở chỗ ngàn Đức Thế Tôn trong quá khứ, phát tâm Bồ-đề, gần gũi, cung kính, gieo giống căn lành, trồng các cội công đức. Bồ-tát như thế, nhưng ở vị lai, trong đời ác năm trược, tuy gặp bạn lành phát tâm Bồ-đề nhưng đối với pháp môn Trí ấn rộng lớn, nghĩa lý vi diệu thì chưa thể rõ hiểu; thường khởi tâm nghi hoặc, không sinh yêu thích, không thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, lưu truyền và cũng không đủ khả năng vì người giảng nói, khiến cho họ sinh tin hiểu.

Lại nữa, này Di-lặc! Lại cũng có Bồ-tát, ở chỗ trăm ngàn Đức Phật trong quá khứ, phát tâm Bồ-đề, gieo các căn lành, trồng các cội công đức. Ở vị lai, trong đời ác năm trược, tuy gặp bạn lành phát tâm Bồ-đề, nhưng đối với pháp môn Trí ấn rộng lớn, sâu xa, tối thượng này, chỉ tin hiểu chút đỉnh về với nghĩa lý sâu xa, nên chưa đủ khả năng ngộ nhập, cũng không đủ khả năng thọ trì, đọc tụng, vì người mà khen ngợi giảng nói Bồ-đề rộng lớn, vô thượng nghĩa lý, lợi ích, sâu xa được.

Lại nữa, này Di-lặc! Cũng có Bồ-tát, cho đến ở chỗ một câu-chi Đức Phật trong quá khứ, phát tâm Bồ-đề, gieo các căn lành, trồng các cội công đức; ở vị lai, trong đời mạt pháp, vị ấy gặp bạn lành, phát tâm Bồ-đề, đối với pháp môn Trí ấn rộng lớn, mầu nhiệm, tối thắng này, cũng lắng nghe, ghi chép, đọc tụng, ưa thích, thọ trì, nhưng đối với nghĩa lý sâu xa thì chưa đủ khả năng hiểu rõ, không đủ khả năng vì người phân biệt giảng nói. Với Đệ nhất nghĩa, với tâm đại Bồ-đề, chưa đủ khả năng ấn định. Với môn Trí ấn Tam-ma-địa này cũng không liễu ngộ gì cả!

Lại nữa, này Di-lặc! Cũng có Bồ-tát, ở chỗ ba mươi câu-chi Đức Thế Tôn trong quá khứ đã phát tâm Bồ-đề, gieo các căn lành, trồng các cội công đức; ở vị lai, trong đời mạt pháp, vị ấy tuy gặp bạn lành, phát tâm Bồ-đề,

được nghe pháp môn Trí ấn rộng lớn này, cũng có thể lắng nghe, đọc tụng, thọ trì, biên chép, lưu truyền và vì người giảng nói nhưng đối với pháp Trí ấn Tam-ma-địa, không có tâm quyết định, giữ gìn, ấn khả, nên cũng không thể thành tựu nghĩa lợi chân thật.

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát, ở chỗ tám mươi câu-chi các Đức Thế Tôn, được nghe pháp Tam-ma-địa tối thượng và cứ như thuyết mà tu hành. Lại có thể giáo hóa lợi ích cho các loại hữu tình, khiến cho họ tin thọ; ở những chỗ Phật ấy, phát tâm Bồ-đề, gieo các căn lành, trồng các cội công đức. Ở vị lai, trong đời mạt pháp, các vị ấy, nhờ năng lực tâm Bồ-đề, nghe được pháp môn Trí ấn rộng lớn vô thượng, sâu xa này, mới có khả năng hiểu rõ, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, lưu truyền, vì người giải nói, hết lòng yêu thích, đảm nhận và giữ gìn, khiến mau được tròn đầy. Đối với môn Tam-ma-địa nhiệm mầu ấy, đã hiểu rõ đúng đắn; đối với tất cả pháp, thảy đều thông đạt.

Lại ở trong pháp Bồ-đề vô thượng rộng lớn, lìa các phân biệt, đánh dẹp tất cả các ác, ma oán, phá bỏ tất cả nghiệp chướng không tốt. Trong vô lượng kiếp, theo chỗ có được tạo ra những nguyên nhân hạnh khổ, sẽ thọ báo ở đời vị lai và đều được thoát khỏi.

Lại đối với nhân không tốt, tạo ra ở quá khứ, cho đến đời ác sau, khi pháp sắp diệt, tâm lành mỏng manh, phá hoại chánh pháp, ưa đắm vào ngôn giáo của thế tục, ngoại đạo, tăng thêm hý luận, thực hành hạnh phi pháp, nói lời vô nghĩa, không phân biệt cao thấp, phần nhiều tham cầu với những hữu tình ác, gặp không cung kính, khinh mạn, nhục mạ, đối với những điều cần thiết cho bản thân, tất cả đều thiếu thốn! Nhờ một đời này, chứng ngộ thắng pháp, có sức công đức lớn; cho nên nhân khổ như thế đều được trừ diệt; cũng nhờ ở quá khứ, thân gần cúng dường các Đức Phật, nhóm các căn lành, như đã nói ở trên. Ở vị lai, trong đời mạt pháp, vị ấy phát tâm Bồ-đề mới có khả năng đảm nhận giữ gìn pháp môn Tam-ma-địa tối thắng này, lìa được các khổ trói buộc, đạt được không thoái chuyển, ba nghiệp bền vững, không sinh tán loạn, siêng năng mong cầu Thánh quả Bồ-đề.

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát, ở trong quá khứ, tạo nghiệp không tốt, phải đọa nẻo ác. Ở vị lai, trong đời mạt pháp, khi pháp sắp muốn diệt, được nghe pháp môn ấy và ưa thích thọ trì. Vì nhân duyên này nếu bị bệnh khổ, sợ hãi, thiêu đốt lẫn nhau, các nghiệp tội đời trước liền được trừ diệt. Các căn không đủ, thọ các khổ não, sinh vào nhà tà kiến, thường gặp gỡ những hạng ngu si; sinh vào nhà thấp hèn, bị người sai khiến; sinh vào nhà nghèo khổ khốn cùng, ăn mặc thiếu thốn; sinh vào nhà bỏn sẻn, tham

lam, không hay cứu giúp; nếu có nói ra điều gì, người ta cũng không tin, phạm vào vương pháp, thù oán gặp nhau, dòng họ biết mà chán bỏ, lòng nhiều lo buồn, pháp hội Từ bi mà gặp nhiều điều ngăn ngại; dù muốn nói pháp, nhưng người không thích nghe, những đồ vật cần thiết như: Thức ăn đồ uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang có gặp được nhưng cũng không được ban cho, nghèo khổ khốn cùng, họ hàng ruồng rẫy, người giàu sang xua đuổi, hoặc bị người ác tìm đến quấy rối, ganh ghét hãm hại; tu các pháp lành nhưng không thể tăng trưởng, hoặc ở trong mộng luôn thấy các điều xấu, bởi vì thấp hèn, nên các khổ bức bách…. Những nghiệp tội đời trước ấy, cũng liền được tiêu diệt. Nghiệp chướng đã diệt, dù gặp duyên khổ và các giặc oán, cũng không thể làm hại; cùng với ma theo nhau, tuy không xa lìa, nhưng có thể biết được cảnh giới của các ma; đối với các danh tiếng, cho đến lợi dưỡng, tâm không yêu thích; được người gần gũi cho đến cung kính, tôn trọng, ngợi khen, nhưng cũng không lấy đó làm vui. Tu các hạnh lành, ban ân tuệ cho các hữu tình, không sinh bỏn sẻn mà cầu giải thoát, giữ gìn giới cấm, không hủy phạm điều gì, tu hạnh nhẫn nhục, nhiêu ích hữu tình, cứu khổ ban vui. Tu hạnh tinh tấn, gắng gìn giữ ba nghiệp, cần cầu các điều lành, lìa các ham muốn xấu xa. Tu tập thiền định, tán loạn không sinh. Dùng đại trí tuệ mà tỏ ngộ các pháp tánh, phương tiện nguyện lực làm lợi lạc cho hữu tình. Nghe vô lượng pháp môn, tâm không quên mất. Tu tất cả điều lành, làm lợi ích hữu tình. Quả vui ở đời không sinh hy vọng, khiến các chúng sinh mau bước lên bờ giác ngộ.

Lại nữa, này Di-lặc! Những Bồ-tát ấy đã từng ở chỗ trăm Đức Thế Tôn trong quá khứ, phát tâm Bồ-đề, chân thật bình đẳng, gieo giống căn lành, trồng các cội công đức, lìa các khổ trói buộc, còn bị những chúng sinh ác, ở đời mạt pháp, đi đến não hại, không thể tin hiểu tu tập với những kẻ ấy; huống gì những chúng sinh ác, ở đời mạt pháp, không trồng căn lành, mê hoặc tán loạn mà có thể giác ngộ ư? Thế nên, ở đời mạt pháp, những người không tốt, đối với pháp tối thắng, sâu xa này, không có khả năng tin thọ theo như lý mà tu học được!

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát có khả năng đối với pháp này, tin hiểu sâu xa, ý chí bền vững, mặc áo giáp nhẫn nhục, hàng phục các ma, tu hành lâu dài; quyết bảo vệ đảm nhận giữ gìn, không thoái lui khuất phục. Trí tuệ rộng lớn, vô lượng pháp lành sẽ từ pháp này sinh ra. Một lòng mong cầu Vô thượng Bồ-đề, mỗi niệm tương ưng, vững vàng không bỏ. Lại ở đời vị lai, góp phần diễn nói diệu nghĩa, siêng năng không mỏi mệt, rốt ráo bảo vệ gìn giữ pháp môn Tam-ma-địa tối thượng này. Thông tỏ tất cả những việc tốt xấu, an trụ trong pháp, siêng tu các hạnh.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TRÍ ẤN KINH

QUYỂN 5

Bấy giờ, Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng với sáu mươi vị Đại Bồ-tát không thể nghĩ bàn... là những vị đứng đầu ở trong đại chúng đều chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Đại Bi Thế Tôn! Hôm nay chúng con được nghe pháp thắng mầu nhiệm như thế, ở đời vị lai sẽ giữ gìn vững vàng, dạy các chúng sinh, phát tuệ Vô thượng. Đối với thắng pháp này, cứ như điều đã nói mà thực hành, xa lìa các điều ác, không sinh kiêu căng cũng không cống cao, không có tâm dua nịnh, yêu ghét; đối với mình, người, không có cảnh thân quen hay oán ghét mà tất cả đều bình đẳng. Đối với pháp yếu Trí ấn tổng trì đại pháp vô thượng mà các Đức Như Lai đã đạt được, dù trải qua vô số câu-chi trăm ngàn vạn ức na-dữu-đa kiếp, vẫn ưa thích thọ trì, biên chép, đọc tụng cho đến lưu truyền xoay vần liên tục mà không để cho gián đoạn.

Đức Thế Tôn nghe Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng với sáu mươi vị Đại Bồ-tát không thể nghĩ bàn... phát sinh tâm vô thượng, giữ gìn chánh pháp, nói những ngôn từ lợi ích an vui cho chúng sinh xong, ở giữa đại chúng bèn dùng lời dịu dàng trong trẻo, nói kê:

Trồng các căn lành lìa siểm mạn
An trú vắng lặng không điều ác
Nhẫn nhục bền vững chẳng dao động
Luôn nhớ nghĩ đúng với thắng tuệ.
An trụ như vậy, đủ sức mạnh
Có thể giữ gìn tụ pháp, tài
Lìa những hạnh ác, không lầm lỗi
Không vì danh tiếng và lợi dưỡng
Không có tranh cãi, lìa dính mắc
Bình đẳng khắp cả như hư không
Người như thế, có thể giữ gìn
Dần dần được thành Tam-muội này.
Nhẫn nhục bền vững, thích Bồ-đề

Sớm tối siêng năng không biếng nhác
Giữ gìn oai nghi lìa điều ác
Với pháp sâu xa càng tăng trưởng,
Tất cả của quý ở thế gian
Quyến thuộc, họ hàng không luyến ái
Thảy đều chán bỏ, lìa các chấp
Không tưởng oán, thân, tâm bình đẳng.
Người như thế đó được thành tựu
Tam-ma-địa châu báu vô thượng
Suốt cả ngày đêm gắng siêng năng
Đối với pháp này sinh giác ngộ
Tôn trọng cung kính với bạn hiền
Vui vẻ, khen ngợi Tam-muội này
Hay hiểu, pháp thế gian vô tận
Đối với cảnh nhiễm, không chỗ chấp
Các pháp ấn nhẫn, tâm thanh tịnh
Như trăm câu-chi mặt trời chiếu.
Trí tuệ sáng suốt phá tối tăm
Vào được pháp nghĩa sâu như thế
Ấy người cởi trí lìa các chấp
Giống như nhật nguyệt ở hư không
Như núi Tuyết lớn... rất vững vàng
Trấn áp đại địa hay trang nghiêm.
Cũng như Thích, Phạm, Chuyển luân vương
Có đại oai nghi, người cung kính
Cũng gọi Vô thượng đại y vương
Hay trừ tất cả các bệnh khổ.
Hết các nghiệp chướng, tâm thanh tịnh
Đánh phá Ma-la, các quyến thuộc
Dần dần thành tựu tha tâm trí
Phân biệt tất cả tâm sai biệt.
Nhớ lại quá khứ na-dữu kiếp
Diệt trừ lửa phiền não hừng hực
Người này thiện thệ đáng ngợi khen
Chứng ngộ Bồ-đề, lý chân không.
Hay nhập môn Như Lai Trí ấn
Đạt được vô biên các kho báu
Thông đạt danh tướng, không tự tánh

Không chấp "có", "không" ở Trung đạo.
Quán sát năm uẩn như huyễn trần
Biết chắc bốn đại, thể chẳng chân
Tất cả hữu vi đều sinh diệt
Dối tâm tạo ra, thành luân hồi.
Thắng trí Tam-muội, tánh vắng lặng
Lìa các phân biệt khó nghĩ bàn
Ba đời rỗng lặng, vốn như vậy
Không đến, không đi, không chỗ động.
Gặp lúc mạt pháp, người tà kiến
Với chánh pháp Phật, chấp "có", "không"
Với lại pháp này không chỗ chứng
Tự nói tôi được pháp tánh không,
Là điều tăng trưởng, thấy chúng sinh
Đời đời xa lìa tâm Bồ-đề
Lại thấy có người tùy thuận học
Thương khóc, lệ rơi, rợn lông, thân.
Cũng ở mạt pháp, cả dòng Thích
Suy tổn đủ điều không uy nghi
Vì cầu Bồ-đề mới xuất gia
Với Bồ-đề ấy, không an trụ,
Phá giới, phá kiến, hủy oai nghi
Sớm tối gần gũi hạng không tốt
Vì tham lợi dưỡng và của cải
Có được bao nhiêu cho họ hàng,
Như qua biển cả, mất phao nổi
Chắc chắn trông sang bờ xa thẳm
Họ có Thượng thừa, chân Thích tử
Như vậy xả bỏ những thế gian.
Giống như hoa sen ra khỏi bùn
Bản tánh thanh tịnh không bị nhiễm
Nay ta dạy ông Hoan Hỷ Vương
Phải nên nghĩ đúng, luôn gìn giữ
Đánh dẹp vọng tưởng, sinh chân trí
Với mong cầu này, các đức đầy
Siêng năng tu học không lười biếng
Ấy mới thật là con chư Phật.
Giống như lúa mạch ở thế gian

Số như hà sa na-dữu-đa
Đem hạt giống này, gieo ruộng tốt
Xoay vần sinh nhau vô lượng kiếp
Đã được hạt tốt, chẳng thể lường
Tính đếm thí dụ còn chẳng xuể
Xoay vần như thế tận phương Đông
Hà sa số giống cũng như thế.
Cho đến mười phương cõi nước Phật
Những hạt giống tốt không sai khác
Một hạt như thế là một Phật
Giả sử một Phật có trăm đầu,
Một đầu lại hiện trăm chiếc lưỡi
Cùng khen Như Lai Tam-ma-địa
Ở trong Khắc-già sa kiếp ấy
Cũng lại tuyên nói không thể tận.
Như đem hạt cải sánh Tu-di
Như đem cọng cỏ, chống hư không
Hoặc một giọt nước bằng đầu lông
Đem so nước bao la bốn biển,
Công đức như thế cùng so lường
Ví như toán số không tính nổi
Nên đối với kinh sâu xa này
Phải luôn siêng năng mà tu học.

Bấy giờ, Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng với sáu mươi không thể nghĩ bàn Đại Bồ-tát... nghe Phật Thế Tôn nói kệ xong, liền phát khởi tâm đại Bồ-đề vững vàng, hoan hỷ tinh tấn, lại bạch Phật:

–Đại Bi Thế Tôn! Thế Tôn có được Đệ nhất nghĩa đế, Niết-bàn hơn hết, pháp nghĩa sâu xa. Cả hội chúng con, tuy sinh khởi lòng tin, nhưng chưa đủ khả năng hiểu rõ. Cúi xin Thế Tôn, phân biệt giảng nói cho chúng con!

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng nhất viên âm, bảo Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường, cùng với sáu mươi Đại Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

–Này Thiện nam! Thắng pháp này, xưa nay vắng lặng. Lìa các phân biệt, dứt những hý luận, giả sử có tên gọi là để chỉ bày tuyên nói.

Các Bồ-tát thưa:

–Đại Bi Thế Tôn! Vì sao pháp này lìa các phân biệt, dứt hý luận, giả sử có nói năng cũng chỉ là phương tiện, chỉ bày?

Đức Phật bảo:

–Này Thiện nam! Thắng pháp này, tuy có nói năng, nhưng thể của nó là không thể có được, cho nên gọi là không phân biệt.

Vì sao thể của pháp này là không thể có được?

–Vì thắng pháp ấy không tu, không tạo tác nên không thể được.

Vì sao pháp này không tu không tạo tác?

–Vì thắng pháp ấy vốn không sinh diệt, nên chẳng tu chẳng tạo tác.

Vì sao pháp này không có sinh diệt?

–Vì thắng pháp ấy, tánh nó lìa đối tượng chấp trước cũng chẳng phải chủ thể chấp trước không sinh diệt.

Vì sao pháp này không có chủ thể chấp trước và đối tượng chấp trước?

–Vì thắng pháp ấy, không trụ, không xứ.

Vì sao pháp này không trụ xứ?

–Vì thắng pháp ấy, không tướng biến đổi, nên không trụ xứ.

Vì sao pháp này không có tướng biến đổi?

–Vì thắng pháp ấy, không đây không đó, nên không biến đổi.

Vì sao pháp này không đây không đó?

–Vì thắng pháp ấy, chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi.

Vì sao pháp này chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi?

–Vì thắng pháp ấy chẳng phải giả chẳng phải thật.

Vì sao pháp này chẳng phải giả chẳng phải thật?

–Vì thắng pháp ấy, chẳng phải tâm, cũng chẳng phải phi tâm.

Vì sao pháp này chẳng phải tâm, cũng chẳng phải phi tâm?

–Vì thắng pháp ấy không thể hiểu khác.

Vì sao pháp này không thể hiểu khác?

–Vì thắng pháp ấy không có sự biến hóa của thức.

Vì sao pháp này không có sự biến hóa của thức?

–Vì thắng pháp ấy, chẳng phải tương ưng, cũng chẳng phải không tương ưng.

Vì sao pháp này chẳng phải tương ưng, cũng chẳng phải không tương ưng?

–Vì thắng pháp ấy, tự tánh bình đẳng.

Vì sao pháp này tự tánh bình đẳng?

–Vì thắng pháp ấy, tướng không được thể cầu.

Vì sao pháp này tướng không được thể cầu?

–Vì thắng pháp ấy, không có tướng an trụ.

Vì sao pháp này không có tướng an trụ?

–Vì thắng pháp ấy, không có tự tướng.

Vì sao pháp này không có tự tướng?

–Vì thắng pháp ấy, bản tánh rỗng lặng.

Vì sao pháp này bản tánh rỗng lặng?

–Vì thắng pháp ấy không có sự dính mắc.

Vì sao pháp này không có sự dính mắc?

–Vì thắng pháp ấy, trong sạch, lìa nói năng.

Này Thiện nam! Do thắng pháp này lìa các phân biệt, không tu, không làm cho đến lìa nói năng, tánh trong sạch nên gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng với sáu mươi vị Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn... bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thắng pháp như thế, con người khó có thể hiểu được. Bạch Thế Tôn, tất cả các pháp đã vào pháp giới tánh rồi, là không chỗ được. Tánh pháp như vậy, thì làm sao chúng con giữ gìn?

Đức Phật bảo Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng với sáu mươi vị Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn...:

–Này các Thiện nam! Thắng pháp như thế là không thể nghĩ bàn, lìa các phân biệt, cho đến hý luận. Nếu đối với pháp này, khởi tưởng phân biệt, cho đến hý luận thì pháp có hai. Nếu pháp có hai thì rơi vào sinh diệt. Vì sao? Vì pháp cao tột này là Nghĩa đế thứ nhất, không có sinh, cũng không có diệt. Biết rõ như thế, gọi là giữ gìn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì các Bồ-tát, lại nói kệ:

Thắng pháp không làm, chẳng có, không
Lìa các nói năng và phân biệt
Nếu có được pháp, chấp hai bên
Đó là phân biệt và hý luận.
Đối với pháp ấy, không tương ưng
Chỉ hay tăng trưởng với tuệ nhiễm
Pháp ấy không tướng, không ghét thương

Lìa các tìm cầu, không chỗ được.
Nếu tự nói rằng, tôi nhẫn, không
Tự sinh phân biệt và hý luận
Những tánh không ấy không thể được
Dùng tâm phân biệt, khó so lường.
Nếu với các pháp không nghi, chê
Ấy mới gọi là không thoái chuyển
Lìa dây phiền não, được giải thoát
Với thắng pháp này, tâm ấn nhẫn.
Nếu người dối, rồi sinh phân biệt
Tìm cầu vượt qua, mất chánh giải
So lường các pháp, chấp có, không
Vì tánh và tướng, vốn không hai.
Dùng trí tìm trí, không thể được
Ngoài trí, lại không trí tuệ khác
Giảng nói loanh quanh, tướng hữu vi
Trí ấy chẳng trí, lầm chân không.
Nếu nói chút ít là thật có
Vì tưởng hư dối, thành sinh diệt
Nếu chứng chân thật, liền biết được
Tất cả các pháp vốn thường trụ
Người ngu vọng tưởng, thành lưu chuyển
Vì chán sinh tử, cầu Niết-bàn
Tăng trưởng ngã kiến, có sai khác
Người trí hiểu rõ, pháp không hai.
Minh và vô minh vốn đồng thể
Do vì không hiểu, lòng sợ hãi
Người ấy chấp chặt nơi biên kiến
Tăng trưởng nói năng, các hý luận.
Nói pháp hữu vi, là Niết-bàn
Đối với chánh pháp sinh phá hoại
Tâm cùng phi tâm, không tự tánh
Mà tự tánh ấy, chẳng phải tâm.
Tất cả các pháp vốn không tướng
Không có nói năng, thật rỗng lặng
Pháp từ duyên khởi, chẳng chân thật
Các pháp diệt hết, cũng chẳng chắc
Tám Đế, bốn Đế, rõ chân tục

Cũng gọi trí phương tiện Như Lai
Thật trí Như Lai không thể được
Các pháp nói ra, cũng như vậy.
Ví như thầy thuốc chữa các bệnh
Tùy bệnh kê đơn, không dính mắc
Nếu hay như thế, sinh giác ngộ
Đó mới gọi là con Thiện Thệ.
Niết-bàn, bản tánh đều bình đẳng
Rộng như hư không, không ngằn mé
Thánh trí ba thừa, đồng Niết-bàn
Không diệt, không tăng, không hý luận.
Pháp giới thật, không một chúng sinh
Cũng không một chữ, để nói năng
Hữu tình chấp, tự tâm phân biệt
Cho là Niết-bàn không chỗ trụ.
Vô minh, vọng niệm, kết luân hồi
Hoặc, nghiệp, sinh, khổ, thường liên tục
Nhất chân thật đế, lìa khai kiến
Hoặc nói bốn loại, cũng tùy nghi.
Vì có Khổ báo, nói do Tập
Diệt được lý rồi rõ Đạo đế
Mạt pháp chúng sinh nhiều vọng tưởng
Không vì tịnh hạnh mà xuất gia.
Do vì danh lợi, phá oai nghi
Vì chứa phiền não, khởi tranh đấu
Các Tỳ-kheo, tu tập công đức
Với thắng pháp này, thành tựu được
Xa lìa danh tiếng và của cải
Thích sống thanh nhàn, không tìm giữ
Như lân, tê giác riêng ở núi
Suy nghĩ Tam-ma-địa như vậy.
Tám mươi câu-chi Lưỡng Túc Tôn
Lòng Từ cứu giúp người tu tập
Các trời thấy rồi cũng vui vẻ
Ẩn hình sớm tối, luôn giữ gìn.
Trí tuệ phá tối, như mặt trời
Sinh ra thắng pháp, giống cam lồ
Người ấy có thọ Trí ấn môn

Trong mộng thường gặp các Đức Phật
Các người đều giữ tâm dũng mãnh
Bền vững tu tập không thoái bỏ.

Đức Thế Tôn lại bảo Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Này Diệu Cát Tường! Nếu các Bồ-tát và chúng sinh, ở đời mạt pháp, mà muốn thành tựu Vô thượng Bồ-đề thì phải tu học tương ưng với pháp Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn thành tựu tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, thì phải tu học tương ưng với Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn thành tựu mười tám Thắng pháp bất cộng của Như Lai, thì phải tu học tương ưng pháp Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn thành tựu mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Tâm vô lượng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả thì phải tu học tương ưng với pháp Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn thành tựu năm loại mắt của chư Phật, thì phải tu học tương ưng với pháp Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn được thọ mạng rộng lớn và những thứ thù thắng, vi diệu, oai đức, tự tại để trang nghiêm cõi nước của chư Phật thì phải tu học tương ưng với pháp Trí ấn Tam-ma-địa sâu xa ấy. Muốn thành tựu các Đại Bồ-tát, Thanh văn lợi căn muốn được sắc thân, trí tuệ của Như Lai, với pháp môn Tổng trì vi diệu, thù thắng, rộng lớn và hiểu tâm, tánh, căn, hành, ngôn ngữ sai khác của tất cả chúng sinh. Muốn có đầy đủ thần thông, biện tài vô ngại, hiểu rõ các pháp; thì phải tu học tương ưng với pháp Trí ấn tam-ma-địa sâu xa ấy. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát, nếu tương ưng với pháp Tam-ma-địa ấy, thì sẽ được đầy đủ cùng khắp mọi thứ công đức như vậy, thành tựu đại pháp Bồ-đề vô thượng. Chỗ nương các pháp gọi là Đạo vô thượng. Trí xuất thế gian gọi là Chánh biến tri, Tự tánh vắng lặng gọi là Như Lai. Như thuyết tu hành nên không có gì bằng, vì chẳng phải ngang bằng nên không khởi không diệt. Xuất thế, rốt ráo lìa các nói năng, gọi là Đệ nhất đế, là Chân thật nghĩa đế. Không bị phá hoại, vững vàng điều phục đó gọi là pháp tối thắng không thể nghĩ bàn của Như Lai.

Này Diệu Cát Tường! Thuở quá khứ ta nhờ tu tập, an trụ, nơi pháp Trí ấn Tam-ma-địa ấy mới thấy Phật Nhiên Đăng, mới được Vô sinh nhẫn, thọ ký Bồ-đề.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thấu đạt Vô sinh nhẫn, được thọ ký Bồ-đề nhưng đối với vô lượng kiếp ở trong sinh tử thì làm thế nào tu được các hạnh khổ khó thực hành để được thành Bồ-đề?

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Thuở quá khứ, ta vì cầu Phật đạo mà thành thục căn lành thanh tịnh

cho tất cả các chúng sinh; vì sức đại nguyện trải qua vô lượng thời, siêng tu khổ hạnh, hóa độ lợi lạc hữu tình, theo căn tánh cao, thấp hay ở bậc trung của chúng, khiến cho chúng thấu rõ nhập vào pháp nghĩa của ba thừa, dần dần tu hành mà có sự chứng đắc.

Này Diệu Cát Tường! Khi ấy, ta nhờ vào hạnh nguyện đó mới đắc Bồ-đề và cả Niết-bàn!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu muốn tương ưng với pháp ấy
Đạt được vô lượng tuệ Như Lai
Mười phương, trăm ức các Thế Tôn
Thảy đều đến giúp người tu tập.
Là cam lồ của pháp sâu xa
Nếu hiểu được hết các diệu nghĩa
Gọi là Tổng trì Đa-la-ni
Người hay tu tập đều đạt được.
Hiểu rõ ngôn âm, diệt các tội
Phá hết dính mắc, cởi trói buộc
Niết-bàn không sinh cũng không diệt
Không đi, không đến, không nơi trụ
Trang nghiêm, mười Lực, các tướng tốt
Thành tựu tất cả công đức Phật.
Trong sạch, tròn đầy, âm giải thoát
Ứng trong vô lượng khắp muôn loài
Âm thanh phát ra đều hiểu rõ
Tất cả người nghe đều vui mừng
Xa lìa tà kiến, không phân biệt
Thanh tịnh hơn hết không còn nhơ
Hãy học tương ưng với kinh này
Rốt ráo đạt được đạo giải thoát.
Nếu người ở trong hăm mốt ngày
Một lòng suy nghĩ pháp như thế
Không sinh biếng nhác, bỏ thân duyên
Sớm tối tu tập được tăng trưởng.
Từ bi, xa lìa các ganh ghét
Giữ gìn giới cấm, dứt cãi tranh
Đạt được bình đẳng, Chánh biến tri
Thật lòng vui vẻ thường giải thoát.
Xa lìa tạo tác, các duyên khởi

Ví như hoa sen không nhiễm bùn
Bền vững, không khởi các tham, ái
Cũng như loài chim ra khỏi lồng.
Khi được pháp môn tối thắng này
Ba ngàn thế giới đều chấn động
Các trời tấu vang nhạc âm hay
Rải cúng hương bột và trầm thủy.
Trăm ngàn cờ phướn và áo trời
Tràng hoa tươi đẹp và chuỗi ngọc
Ngọc ma-ni, nón và lọng báu
Chuông vàng treo khắp, rất trang nghiêm.
Tất cả các trời đều ca múa
Các Rồng, Kim sí, Tu-la vương
Tỳ-kheo tăng cùng Ưu-bà-tắc
Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di
Mỗi vị đều cởi áp đẹp, tốt
Làm vật dâng lên cúng dường Phật
Cung kính ca ngợi, tâm suy nghĩ
Đạo vô thượng này, thệ nguyện cầu.
Ta nói pháp sâu xa như thế
Phát sinh tâm Bồ-đề không thoái
Hội này hà sa người tin hiểu
Rốt ráo đều được Vô sinh nhẫn
Các cõi nước khác, chúng vị lai
Xoay vần nghe pháp tâm vui vẻ.

Đức Thế Tôn nói kệ ấy xong, a-tăng-kỳ số các chúng sinh... đều hoan hỷ phát tâm Bồ-đề; lại có tám mươi na-dữu-đa số các vị Đại Bồ-tát, được nghe pháp ấy đối với đạo Vô thượng đạt được quả vị không thoái chuyển. Lại có sáu vạn ba câu-chi Đại Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Có sáu mươi ba câu-chi Đại Bồ-tát đắc Tam-ma-địa. Vô số chúng sinh đắc Thánh quả. Các Đại Bồ-tát từ mười phương đến, đều thấu tỏ được Trí ấn Tam-muội như thế.

Đức Phật nói kinh này xong, các vị Đại Bồ-tát đứng đầu như: Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng sáu mươi vị Bồ-tát không thể nghĩ bàn... và các Đại Bồ-tát trong hiền kiếp, các đại Thanh văn và phu nhân Hiền Cát Tường Kim Quang, tất cả thế gian trời, người bốn chúng, Càn-thát-bà vương, A-tu-la v.v... nghe pháp Phật nói đều rất vui mừng tin nhận và nguyện tu hành.

-oOo-

SỐ 635

KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN 1

PHẨM 1: ĐƯỢC TRÍ TÂM RỘNG LỚN

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại đỉnh núi Thứu sơn, thuộc nước Vương xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, cùng với tám ngàn Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì vô số trăm ngàn đồ chúng vây quanh mà thuyết pháp.

Khi ấy, có vị Long vương tên là A-nậu-đạt *(nhà Tấn gọi là Vô Nhiệt),* đời trước đã tạo gốc đức, tu hạnh Bồ-tát, vững trụ nơi Đại thừa, thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, dùng tướng đủ đầy, siêng năng cứu giúp chúng sinh, hóa độ vô cùng; đã từng hầu hạ chín mươi sáu ức các Đức Phật, chứa nhóm công đức, không sao kể xiết; dùng phương tiện quyền xảo, hiện khắp ở năm đường, trừ các ngu tối, khiến cho họ tu hạnh vô dục của Bồ-tát; ôm lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả, cứu giúp tất cả; vì xót thương các loại tội ác, nên hiện làm loài rồng hóa độ loài rồng đến vô số hằng ức, khiến chúng thoát khỏi hành động tai ương; vị này tự sống dưới ao, dẫn dắt các quyến thuộc có tới tám ngàn vạn chúng, lại dẫn mười bốn vạn thể nữ vây quanh cùng đi theo để ca hát, âm thanh hòa nhã, làm loài rồng cảm động, giúp thêm oai đức, thần thông biến hóa tự do…. Lúc này, vị Long vương ấy mang các thứ hoa, hương tốt đẹp nhất, cầm cờ phướn, lọng đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Khi đến nơi cúi đầu, đảnh lễ, cung kính, hỏi thăm Đức Như Lai, xong rồi, cầm đủ các loại hương hoa quý báu, phướn lọng năm màu, lại tấu cả âm nhạc, với lòng sung sướng, ý cung kính, cùng với quyến thuộc và các thể nữ cùng đến trước Đức Phật, quỳ dài, chắp tay ngay thẳng, bạch Đức Phật:

–Chúng con muốn hỏi Như Lai, là Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Tối Chánh Giác, về việc Bồ-tát nên hành đạo như thế nào? Nếu Thế Tôn cho

phép, con mới dám hỏi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Long vương:

–Tùy ý ông muốn hỏi gì thì hỏi, chớ ngại. Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ giải thích.

Bấy giờ A-nậu-đạt được sức oai thần của Thế Tôn chấp thuận cho hỏi, trong lòng hân hoan, liền bạch Đức Phật:

–Thưa Thiên Sư Tối Tôn! Bậc Thánh dẫn đường trong loài người, mạnh như sư tử, cảm biến vô lượng; con hỏi Như Lai và cùng khắp chúng sinh; cũng vì Đại sĩ Bồ-tát làm thầy thế gian, vượt qua pháp thế tục, chí hạnh thanh tịnh, biết rõ nhân duyên, tế độ quần sinh, làm người bạn không thưa thỉnh; tâm Như Lai cứu độ tất cả, để được an ổn; dụ dẫn, vỗ về để được an lập; Như Lai nắm giữ vô úy, mười lực, hàng phục các ma, hàng phục ngoại đạo; tâm không có hạnh ô uế, mặc áo giáp đại đức, kim cang vững bền, chí không mệt mỏi, nhân duyên tích đức, không thể kể lường; Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đã đầy đủ; tâm bình đẳng với tất cả, đoạn trừ tưởng vô uế, vứt bỏ hai kiến, dùng trí siêu việt, hiểu pháp nhân duyên đã nhập pháp yếu thâm áo khó vào, xa lìa Thanh văn, Duyên giác, một niệm cũng không bỏ Đại thừa, tâm Nhất thiết trí; ý hạnh kiên cường, thường được tự tại, thân sạch không nhơ, xán lạn rực rỡ, chí như hư không, vô số các kiếp, tâm không mệt mỏi, đạt được Tổng trì, từ bỏ tham nhơ, cao ngạo, xem thường, bình đẳng như Thiện Thệ, Không, Vô tướng, Vô nguyện, xem việc đã qua như mộng ảo, như bóng, như tiếng vang, như ngựa hoang, như trăng dưới nước; đối với các pháp ấy đều hiểu như nhau, không động, coi trọng lời dạy Tam bảo, tôn thờ, kính trọng, chuyển bánh xe pháp, không chỗ chướng ngại, vui mừng, tin thích, đều tự đạt được; như hoa Ưu-đàm, hằng ức năm mới nở, chí Như Lai thanh tịnh, an nhiên sống một mình, đầy đủ các tướng; thuở xưa, Như Lai đã cung kính, các Đại sĩ Hiền minh, Như Lai huân tu thượng nghĩa, trụ pháp mới được như vậy nên Long vương vì các vị Chánh sĩ ấy xin hỏi Như Lai. Cúi mong, Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, giải nói các việc làm của Bồ-tát Đại sĩ, được pháp môn du hý, nhập Kim cang đức, đạt được quả sâu xa, khiến cho người tu chứng được Tổng trì. Dùng hạnh bốn Đế mà tùy thuận, hóa độ, hàng Thanh văn, làm cho họ hiểu được chân lý cốt yếu, dắt dẫn chứng Duyên giác trong sạch khởi nhân duyên, khen cho một lòng mà được Đẳng chánh giác. Muốn đạt được các pháp, phải đi vào Đại thừa. Nhờ vào được Đại thừa, mới có thể hàng phục ma oán, làm tiêu tan những nghi ngờ những phiền não, vượt qua những tội khổ. Biết mọi ý chí hành động

của tất cả chúng sinh, chứa nhóm biện tài tối thượng, tung rải diễn giảng các pháp, tùy tất cả những mong ước mà hóa hiện đều họ ưa thích.

Lành thay! Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai, Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác; vì các bậc Đại sĩ Hiền minh, nên diễn nói cùng khắp; làm cho các Bồ-tát, đạt được trí lực, hàng phục tâm tự đại của mình, được pháp thượng lực, hiểu rõ hành động tai ương nên không tạo tác; làm cho các vị được sức mạnh bố thí, không tham tiếc vật mình có được, cho mà không mong báo đáp; lại làm cho các vị được sức mạnh trì giới, trừ hết các tội, vượt qua các nguyện; làm cho có được sức mạnh nhẫn nhục đối với các pháp khổ, ở nơi thọ sinh, không tiếc thân mạng, làm cho được sức mạnh tinh tấn, gom chứa các gốc đức, chí thường không mỏi. Làm cho được sức mạnh của định, khéo ở chỗ vắng vẻ, hiểu rõ yếu hạnh của định. Làm cho được sức mạnh của tuệ mà vượt qua tà kiến, nghi hoặc mờ mịt; biết dùng phương tiện quyền xảo để tế độ chúng sinh, khuyến trợ rõ ràng, đạt năm thông đầy đủ, Thiên nhãn không giới hạn, biết tâm, nghe suốt, thần túc, biết được kiếp quá khứ. Nhờ đó, việc du hóa đạt quả vui đại Biện tài. Biện tài về nghĩa của câu, nói không bao giờ cùng tận, khiến được Tổng trì, tâm không hoảng hốt, làm cho mau đạt được chánh định Hải ấn Tam-muội, tiến tới, tùy theo quả Phổ trí, đồng một vị, được chí định của Phật, đời sống an vui, vĩnh viễn phụng thờ bậc tôn quý, mà không bị ngăn che, chướng ngại, mau đạt được định pháp chí, tinh tấn định ý, nghe pháp lâu dài, hoàn toàn không hạn chế và chướng ngại. Tôn sùng ý định mọi người, khiến cho tất cả chúng sinh tôn thờ sự không thoái lui, được chí định thí, pháp thí, của cải thế tục, không có tiếc nuối, đầy đủ về giới, thực hành nhớ nghĩ vắng lặng, để mau thành Phật, tâm không hề quên chí định sinh lên trời, thường nhớ đến cõi trời Đâu-suất, Nhất sinh bổ xứ, lòng thích thú hạnh thanh cao cho Bồ-tát.

Long vương đã hỏi xong các nghi vấn, trong lòng vui mừng hớn hở, lại dùng bài tán tụng để hỏi tiếp Đức Thế Tôn:

Xin Đại nhân nói nghĩa hiện thế
Đức hạnh mà Bồ-tát đã nhập
Chí khí nội tánh, chỗ cần tu
Hưng phát đạo gì, làm sao hành?
Thuận theo lòng Từ, hành nhập Bi
Ý nghĩ luôn cứu độ chúng sinh
Định trí hằng hóa, khiến trong sạch
Mong ngài xót thương, mà rộng nói?
Dạy chúng con ngưng và dứt ý

Căn, Lực, Thần túc hành như vậy,
Nói đạo Thất giác, chỉ mọi người
Xin nói đức ấy để phụng trì.
Bố thí, trì giới, đầy đủ đức
Nhẫn lực, hành thiện và tinh tấn
Nhân duyên, trí tuệ, chuyển vô lượng
Làm sao độ chúng, mong Phật nói?
Biện tài thông đạt, khỏi ngu tối
Chí hạnh xét rõ, thường thanh tịnh
Các việc khởi sinh, liền biết rõ
Mong Phật nói cho các Bồ-tát
Đức tánh hân hoan, báo niềm vui
Bảy thứ Thánh tài là hạnh cao
Thích sự ở nhàn và tu tịnh
Cúi mong từ tôn, rộng nói cho.
Hạnh biện tài đủ, làm sao được
Tổng trì sâu xa, mãi an trụ
Hoằng dương chánh pháp không hề dứt
Nghe xong phụng hành mãi không quên
Niết-bàn trong sạch mà hành quán
Ý hiểu sâu xa, trí rộng lớn
Trí tuệ khó đầy, đức vô biên
Hiểu làm thế nào, hợp Bồ-tát.
Chế ngự ma lực cùng ý oán
Hủy hoại ngoại đạo, các loại tà
Đức dũng khó động như núi lớn
Trăng sáng cùng tột, rộng thuyết pháp
Hiểu không, Vô tướng, tánh sở tại
Hiểu rõ ngựa hoang và pháp huyễn
Thể hình mộng tưởng cho là không
Cúi mong Thế Tôn nói cho con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn mới bảo Long vương:

–Lành thay, lành thay! Thật vui không gì bằng, nên mới tự phát tâm, hỏi Đức Như Lai những nghi ngờ. Nay ông đã thưa hỏi được, là nhờ công đức đời trước, đã hiện rõ lòng Từ bi, vì các bạn hữu thân thiết, không sợ sinh tử, chẳng đoạn Tam bảo; mối nghi của Long vương là như thế! Vậy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ nói rộng, về những việc, Bồ-tát Đại sĩ cần phải tu hành, bên này bên kia vô hạn, được quả pháp tối quan trọng.

Khi ấy Long vương thưa:

–Hết sức tốt đẹp, thưa Thế Tôn! Con rất thích nghe, nghe xong, suy nghĩ, rồi thọ trì, tuyên bố cho mười phương, khuyên nhau tinh tấn, không hề mệt mỏi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Long vương:

–Có một hạnh pháp, Bồ-tát thực hành thì đầy đủ tướng tốt, được các Phật pháp.

Những gì là một? Đó là khởi lên ý đạo, không bỏ chúng sinh, gọi đó là một hạnh, đạt được các Phật pháp.

Lại có ba mươi hai việc tâm trí được cùng khắp, cần phải siêng năng, ưa thích tu hành, chuyên ý mà thực tập. Sao gọi là ba mươi hai việc? Đó là tu tập, chế ngự nội tánh, giữ chí cao tột, thực hành lòng đại Từ, tâm đại Bi vững chắc, chí nguyện không nhàm chán, phát khởi tinh tấn, đầy đủ sức mạnh, đạo đức to lớn, lại có thế lực vượt cao, yên lặng không phiền, nhẫn nhục, vì chúng sinh, tập gần bạn lành, chuyên làm việc pháp, chế ngự quyền hóa, thực hành đức nhẫn đầy đủ, thích việc giữ giới, không có ý tưởng dua nịnh, dứt sạch, giả dối, lời nói và hành động tương ưng nhau, tâm biết báo đền, thường có sắc xấu hổ, tự biết thẹn thùng, đã điều hòa được sự vui mừng hân hoan, căn hạnh cho đến niềm tin, đã chế ngự ý, gìn giữ công đức, chí xa lìa con đường nhỏ, thích hoằng dương hạnh Đại thừa, quán xem tất cả việc Tam bảo, khiến không đoạn mất.

Này Long vương! Đó gọi là ba mươi hai pháp, Bồ-tát làm vậy, sẽ được tâm trí rộng lớn.

Lại nữa, này Long vương! Có mười sáu việc, làm tăng tiến trí lực rộng lớn. Sao gọi là có mười sáu việc làm tăng tiến trí lực rộng lớn? Đó là thi hành các sự ban cho cứu tế, đầy đủ giới không khuyết, nhẫn nhịn điều đáng nhẫn, tinh tấn đối với quả cao cả, đặt thiền định trong các hành, đã đầy trí tuệ, tín hạnh đầy đủ, cúng dường hầu hạ Như Lai, vui chơi chỗ an tịnh, thích nhàn hạ, đầy đủ sáu pháp kiên cố. Có mười điều thiện tối thượng, trang nghiêm thân khẩu ý, đức đầy đủ, hạnh tiết thao, biết đủ, thích vắng vẻ, ba thân khuyên người, tu định quán cao tột, đầy đủ các đức. Đó gọi là mười sáu việc để thực hành pháp, làm ứng hiện tướng tốt đẹp và phước lành, diễn nói tâm đại trí, hiện ra giữ gìn Phật ở đời, tự do lưu truyền, hóa độ.

Lại nữa, này Long vương! Tâm trí rộng lớn ấy, nhờ hai mươi hai việc mà trừ tà chấp được nhanh chóng, rồi dùng chí Đại thừa ấy, để tu trí rộng lớn. Sao gọi là hai mươi hai việc? Đó là vượt qua tâm ý của Thanh văn,

Duyên giác, hạ thấp lòng cống cao, vô ngã, tự đại, tiêu trừ việc dua nịnh, chận đứng đủ loại lời nói thế tục; xa lìa, vứt bỏ không phải giới; nhổ gốc giận dữ, thoát khỏi việc của ma; trừ bỏ sự ngăn che, trở ngại; không quên lời thầy dạy, để diệt trừ tội lỗi; tự xét mình, thêm tình thương, không bàn việc quấy của người, tập xa lìa bạn ác, xa kẻ nghịch, thương người thiện, bỏ những gì không phải Lục độ; lại vứt bỏ tâm tham tiếc; thanh tịnh các giới cấm, trừ bỏ mọi tranh tụng, xa lìa sự lười biếng, với mê mờ, tự làm cho ngay thẳng, xả bỏ các sự vô tri, vứt bỏ sự không tiện lợi, vứt bỏ ác hạnh. Đó gọi là Bồ-tát trí rộng, trừ bỏ hai mươi hai tà chấp, mau đạt được sự quyền biến của trí tuệ, vĩnh viễn không còn lười biếng, thoái lui.

Lại nữa, này Long vương! Có hai mươi hai việc hăng hái; nếu siêng năng tùy thuận làm theo, sẽ được tâm trí rộng lớn, không gì hơn được, làm cho các ma Ba-tuần và quen thuộc của ma, cùng ngoại đạo, đều bị hàng phục. Sao gọi là hai mươi hai việc hăng hái? Vượt qua giới, hăng hái để đạt định; cũng hăng hái vượt qua trí, mà được tuệ hành; hăng hái vượt qua quyền hóa, cũng vượt qua tâm đại Từ, hăng hái vượt qua đại Bi. Nói tóm lại, vượt qua không, tướng, nguyện, ngã, nhân, thọ, mạng; vượt qua, những xa lìa các kiến chấp và nhân duyên phát sinh; vượt qua tâm tự tịnh, nhờ sự giác ngộ của Thần thánh; vượt qua sự nhớ nghĩ của thức là nên thấy hay không nên thấy; vượt qua hạnh vững chắc của Đại Kim cang. Này Long vương! Đó là hai mươi hai pháp hăng hái để tâm trí rộng lớn, làm cho tất cả chúng ma và thân quyến của chúng, cùng ngoại đạo tà vạy, không còn được tự tại, đều bị hàng phục, không dám chống lại.

Lại nữa, này Long vương! Trí tâm rộng lớn ấy phải nương vào hai hành xứ, mới đạt đến tâm trí rộng lớn.

Những gì là hai? Như lời đã nói, tu đúng hành xứ; các gốc công đức, quán đạo hành xứ. Đó là hai hành xứ, làm cho tâm trí rộng lớn.

Lại có hai việc làm tâm rộng lớn, không thể hủy hoại.

Những gì là hai? Đối với chúng sinh không có tâm đổi khác; đối với các tai ương, cứu giúp bằng tâm đại Bi. Đó là hai việc, làm trí rộng lớn, không thể hủy hoại.

Lại nữa, này Long vương! Tâm trí rộng lớn ấy, có hai thứ pháp, mà không có gì vượt qua; bè đảng của sinh tử và chúng Thanh văn, cùng với các Duyên giác, không thể vượt hơn.

Những gì là hai? Nắm giữ quyền biến phương tiện, đi sâu vào trí tuệ.

Đó là hai việc, hai pháp, làm trí rộng lớn.

Lại nữa có hai việc, ngăn chận trí tâm rộng lớn.

Những gì là hai? Xử sự không có tâm nghi ngờ, ngưng trệ; nơi nơi không an vui, muốn các an vui của thế tục. Đó là hai việc, ngăn chận tâm trí rộng lớn.

Lại có hai việc, giúp đạt được trí tâm rộng lớn.

Những gì là hai? Không lưu ý địa vị tu hành của Thanh văn, Duyên giác; chỉ quán sát cái đức vô cùng tốt đẹp của Đại thừa. Đó là hai việc, giúp đạt được tâm trí rộng lớn.

Lại có hai việc, làm tổn hại trí rộng lớn.

Những gì là hai? Tâm thường cho mình có nhiều tài nhưng lại ôm lòng nịnh hót bên trong. Đó là hai việc, làm tổn hại tâm trí rộng lớn.

Lại có hai việc, không làm tổn hại trí rộng lớn.

Những gì là hai? Chuyên tu tín tâm ngay thẳng; hành động dua nịnh. Đó là hai việc, không làm tổn hại trí rộng lớn.

Lại có bốn việc, ngăn che trí tâm rộng lớn.

Những gì là bốn? Thường làm loạn chánh pháp; đối với các Bồ-tát, Đại sĩ Hiền minh, không có lòng tôn thờ; thường không biết sự cung kính, không hiểu được việc của ma. Đó là bốn việc, làm ngăn che trí tâm rộng lớn.

Lại có bốn việc, không ngăn che được tâm trí rộng lớn.

Những gì là bốn? Giữ gìn chánh pháp; nghe pháp rồi cung kính thọ trì; tôn trọng Bồ-tát như là Thế Tôn; thường biết được việc của ma. Đó là bốn việc, không làm ngăn che tâm trí.

Lại có năm việc, đưa đến trí tâm rộng lớn.

Những gì là năm? Việc mình làm không có mong cầu; với sinh tử và hữu lậu thì dùng giới đức; không xả bỏ tất cả mà luôn có lòng đại Bi; ghét và yêu không hai, ban cho cả thân mạng; đem tài - lợi - tuệ ban cho khắp, lấy đó làm pháp cúng dường. Đó là năm việc, để được trí rộng lớn.

Lại có năm việc, để làm tiến triển trí tâm rộng lớn.

Những gì là năm? Bắt chước Thiện tri thức; không sợ sinh tử; chí cao xa, không bị ngăn che; bỏ tâm phi thời; cầu trí chư Phật. Đó là năm việc, phát triển trí tâm rộng lớn.

Lại có năm việc, làm tồn tại trí tâm rộng lớn, vượt qua sự nhớ nghĩ của các Thanh văn, Duyên giác.

Những gì là năm? Vượt qua sự giải thoát của Thanh văn; vượt qua sự giải thoát của Duyên giác; vượt qua trí tâm mọi người; vượt qua các chấp ngã; vượt qua sự trói buộc của tập. Đó là năm việc, vượt qua các pháp hành.

Lại có năm việc, làm cho trí tâm rộng lớn có sự vui mừng.

Những gì là năm? Vui mừng vượt qua ác đạo; vui mừng suy xét trí rộng lớn; vui mừng đầy đủ giác tuệ; vui mừng giữ giới không nhàm chán; vui mừng hiểu các hạnh. Đó là năm sự vui mừng của trí tuệ rộng lớn.

Lại có năm việc, phát khởi trí tâm rộng lớn, được năm Lực giúp đỡ, không chìm đắm trong sinh tử.

Những gì là năm? Đó là: Dùng nhẫn lực để không có sự oán hận; nhờ đức lực để có thể đầy đủ các nguyện; nhờ trí lực để hàng phục tánh tự tại của mình; nhờ tuệ lực để siêng năng nghe nhiều; nhờ vô úy lực để vượt qua các sự kiếp nhược. Đó là năm việc, nhờ các lực chưa đến giúp đỡ.

Lại có năm việc, làm cho trí tâm rộng lớn được ngay năm sự trong sạch.

Những gì là năm? Xa lìa cho hạnh ô uế, được trong sạch; các người đọa lạc, nhờ các căn không mê hoặc, nên được trong sạch; tùy thuận vào mọi lúc, mà quán trong sạch; thực hành cho được bình đẳng, quyền biến đạo trong sạch; chuyển hóa được tất cả các pháp, trở thành trong sạch. Đó là năm việc trong sạch của trí rộng lớn.

Lại có năm việc, để được trí sáng rộng lớn.

Những gì là năm? Đó là: Hiểu rõ vô dục; hiểu rõ tâm mình, tâm người; hiểu rõ năm cú; hiểu rõ được tuệ hành; mắt sáng vô ngại. Đó là năm việc đưa đến trí sáng rộng lớn.

Lại có năm việc, làm cho trí tâm rộng khắp.

Những gì là năm? Đó là: Năm giống, năm gốc, năm cành, năm nhánh, năm lá, năm hoa, năm quả.

–Sao gọi là năm giống?

Đó là nhật tu, chí tu; để tịnh nội tâm; bình đẳng quán sát người và vật; cầu tập hạnh giải thoát; quyền biến rộng rãi. Đó là năm giống.

–Sao gọi là năm gốc?

Đó là nhờ đại Từ bi, nên đối với gốc đức không nhàm chán, khuyên chúng sinh tiến tới, khiến họ thoát khỏi tiểu thừa, tâm chí không rơi vào các đường khác. Đó là gốc.

–Sao gọi là năm cành?

Đó là hiểu phương tiện quyền xảo, trí tuệ cứu giúp vô cùng, dẫn

đường chỉ nẻo mọi người, giữ gìn chánh pháp, bình đẳng quán sát sự mừng và giận. Đó là năm cành.

–Sao gọi là năm nhánh?

Đó là Bố thí rốt ráo, Trì giới rốt ráo, Nhẫn nhục rốt ráo, Tinh tấn rốt ráo, Thiền định rốt ráo, đó là năm nhánh.

–Sao gọi là năm lá?

Ưa thích nghe giới, mong cầu ở chỗ sạch không, ý muốn xuất gia, tâm theo giống Phật, vui trong vô ngại. Đó là năm lá.

–Sao gọi là năm hoa?

Được đầy đủ tướng tốt, nhờ chứa đầy công đức; đầy đủ các vẻ đẹp nhờ bố thí tất cả; đầy đủ bảy Giác tài vì tâm không xen tạp; có biện tài hiển lộ, vì không che giấu pháp; thấu đạt Tổng trì, nhờ nghe mà không quên. Đó là năm hoa.

–Sao gọi là năm quả?

Đạt được giới quả; được độ quả; đạt Duyên giác quả; lại được quả không thoái chuyển của Bồ-tát; được quả Phật pháp. Đó là năm quả.

Này Long vương! Đó là ba mươi lăm việc, làm cho trí rộng lớn, cây đạo của Bồ-tát tươi tốt. Nếu ai tu được như vậy, thành Phật không khó.

Đức Phật bảo Long vương:

–Nếu có Bồ-tát, muốn thọ trì trí tâm rộng lớn này; muốn trồng cây thâm diệu, hiển hiện rõ câu yếu hạnh; cần phải siêng năng tăng sự tu tập về cây báu trí rộng lớn này. Như vậy, này Long vương! Ta thấy tất cả các pháp công đức, không cái nào mà không có nghĩa, của cấy báu này cả! Các vị phát tâm với đạo Vô thượng chánh chân, đều nhờ câu chủ yếu của cây báu trí rộng này. Ví như Long vương muốn lựa chọn trồng giống cây thì nên biết gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả của cây có sinh trưởng tốt hay không. Cũng như vậy, này Long vương! Nếu có người có thể thọ trì giống trí tâm rộng lớn này, họ sẽ đạt được ba mươi bảy phẩm, pháp tối thượng tuệ của chư Phật, Hiền thánh. Cho nên, này Long vương! Muốn nhập vào trí rộng lớn, phải thực hành công đức; muốn chuyển pháp luân, phải thọ trì nó, siêng tu, đọc tụng, chuyên tâm thực tập, rộng vì tất cả chúng sinh mà trình bày cho rõ.

Như vậy, Long vương! Nên siêng năng, thọ học, pháp môn này.

Ngay khi Đức Phật thuyết phẩm Pháp ngữ, của trí tâm rộng lớn này; có bảy vạn hai ngàn chúng loài rồng, đều phát tâm với đạo Vô thượng chánh chân. Thái tử của Long vương, cùng với một vạn bốn ngàn các

thể nữ, cũng đều được pháp Nhẫn nhu thuận; năm ngàn vị Bồ-tát, nương theo gốc công đức có ở đời trước đều được pháp nhẫn.

Bấy giờ A-nậu-đạt, cùng các Long vương khác, cùng các quyến thuộc, nương vào thần lực chính mình, bay lên hư không, làm thành đám mây hương, phút chốc lan tỏa khắp, hương thơm hòa cùng với bột chiên-đàn, tạo thành cơn mưa nhỏ, mưa hương trên Đức Như Lai và chúng hội; và lại hóa làm các châu ngọc quý lạ, che kín các giao lộ, rồi tiếp tục che khắp cảnh giới cả nước Vương xá, làm cho mọi người đều vui mừng; ở trên hư không lúc này có đủ lời ca tụng Đức Như Lai Chí Chân; người đã chứa nhóm vô số điều tốt đẹp, Thánh đức vô lượng; người đứng riêng trên trời mây, hiện nữa thân, rực sáng cả hư không. Tất cả chúng hội, không ai mà không thấy điều ấy.

-oOo-

PHẨM 2: THANH TỊNH ĐẠO

Bấy giờ Long vương, lại bạch Đức Phật:

–Thật chưa từng có! Đúng vậy, thưa Thế Tôn, nếu Đức Như Lai, rộng vì chúng sinh, nói về tâm đạo thế tục và tâm trí rộng lớn hành đức sở ưng. Lại nữa, thưa Thế Tôn, Như Lai là Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác; xin Thế Tôn diễn nói về hạnh của Bồ-tát tu hành thuần tịnh, hiền minh, là do đâu mà được đạo thanh tịnh, khiến cho kết cuộc, mãi mãi không ô uế, không có sự biếng lười, không mệt mỏi, không thoái chí; đến khi đạt được mười Lực, bốn Vô sở úy, được đầy đủ pháp của chư Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nậu-đạt:

–Lành thay, Long vương! Hãy suy nghĩ cho kỹ, ta sẽ rộng nói về đạo phẩm thanh tịnh của Bồ-tát Đại sĩ.

Long vương A-nậu-đạt thưa:

–Hết sức tốt, thưa Thế Tôn, Rất mong được chỉ dạy; xin Thế Tôn nói cho.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Long vương:

–Bồ-tát tu hành, có tám con đường ngay thẳng, cần phải thọ trì.

Những gì là tám? Đó là:

1. Con đường Lục độ vô cực.

2. Con đường thực hành việc báo ân.

3. Con đường ngũ thông.

4. Con đường Tứ đẳng.

5. Con đường tám Chánh.

6. Con đường bình đẳng với chúng sinh.

7. Con đường ba giải thoát.

8. Con đường nhập pháp Nhẫn.

Như vậy, này Long vương! Đó là tám con đường chánh hạnh của Bồ-tát.

Sao gọi là con đường Độ vô cực của Bồ-tát?

Con đường Độ vô cực là, khi bố thí khuyên người đó mở trí rộng lớn. Vì sao phải như vậy? Không phải không khuyên bố thí mà thành trí rộng lớn; kỳ thật nhờ khuyến trợ ở gốc đức mà được tên gọi là Bố thí độ rốt ráo. Vả lại, thực hành Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ, cũng là để khuyến trợ tâm rộng lớn này, mới được tên gọi là Trí tuệ độ rốt ráo. Đó gọi là con đường Độ vô cực của Bồ-tát.

Ân của người hành đạo, bao gồm sự thọ nhận của tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy diễn giải, chỉ bày pháp độ. Bồ-tát thi ân bao trùm tất cả; lại dùng bốn ân mà thuyết pháp rộng rãi, khiến cho chúng sinh tùy thuận lãnh thọ các giới. Đó là con đường bốn ân.

Con đường Thần túc là, thấy khắp các cõi Phật, với Thiên nhãn thấy suốt đến hết tất cả loài chúng sinh. Lại thấy chư Phật Thế Tôn ở mười phương, có đệ tử vây quanh. Đều thấy được như vậy. Đối với các cõi Phật, dùng Thiên nhãn, những điều cần đạt được ta đã đạt được. Lại nữa, dùng Thiên nhĩ, nghe những lời của chư Phật, nghe xong thì thọ trì. Ở chỗ chúng sinh và các loại người đều hiểu rõ, đều biết hết, rồi tùy thuận mà thuyết pháp, biết được đời trước. Không quên công đức mà đời trước đã tạo. Lại có đầy đủ Thần túc, vượt qua vô số cõi nước của chư Phật. Người nào cần thần túc để được cứu độ, liền dùng tần túc rộng lớn mà độ thoát cho họ. Đó là con đường cảm ứng của thần túc.

Lại nữa, sao gọi là con đường Tứ đẳng phải đi?

Đó là, tùy theo ý chí tu hành phạm hạnh trong sạch, hợp cùng các sắc tướng khác Thiên tử, biết ý hạnh của họ, mà tùy thuận giáo hóa; đó chính là Từ, Bi, Hỷ, Hộ (xả), dùng đạo để tạo dựng, khiến cho chúng sinh được độ. Đó gọi là con đường Tứ đẳng hành của Bồ-tát. Với tám Chánh đạo đều phải làm tất cả, Thanh văn cũng từ đó, Duyên giác nương vào đó, Đại thừa cũng vậy. Đó gọi là con đường ngay thẳng tám nhánh của Hiền thánh.

Sao gọi là con đường giữ tâm bình đẳng với các chúng sinh?

Đối với các suy nghĩ: Làm vậy thì tốt hay không làm vậy là tốt? Làm thế kia thì được, làm thế này thì không nên? Người này có đức hiền, người kia không phải là kẻ có phước? Điều đó rất nên làm, điều này lại không nên? Bồ-tát thực hành bình đẳng, nên trừ hết những ý ấy. Đó gọi là con đường giữ tâm bình đẳng đối với các chúng sinh.

Sao gọi là con đường ba cửa giải thoát của Bồ-tát?

Nhờ đạt được Không, mà đoạn trừ được các vọng kiến. Nhờ được Vô tướng mà trừ bỏ được các niệm tưởng nên hay không nên. Nhờ Vô nguyện mà vĩnh viễn xa lìa ba cõi. Đó gọi là con đường ba cửa giải thoát của Bồ-tát.

Sao gọi là con đường đưa đến pháp nhẫn?

Đó là: Bồ-tát thọ lãnh lễ bái; Bồ-tát phải tự giác hành động tương ưng với nhẫn; để được chư Phật Thế Tôn quyết định thọ ký, để được đạo ý Vô thượng chánh chân.

Đó gọi là Bồ-tát không khởi còn đường nhẫn; Bồ-tát đạt được tám con đường ngay thẳng này; thì sự hoằng hóa, lưu truyền, ban cho phương tiện dẫn dắt chúng sinh sẽ không ngại.

Khi Đức Phật nói tám Chánh đạo xong; có hai vạn bốn ngàn Trời, Rồng và Người đều đạt được tám đạo hạnh này.

Do đó, này Long vương! Bồ-tát nhờ tám con đường chánh trực này, nên cùng về một chỗ. Không ai bằng được, không ai có thể so sánh với Bồ-tát này, cũng không có ai làm bạn; một mình đi trong ba cõi, nhờ giữ tâm trong sạch, tu hạnh trí tuệ, nên tự mình sẽ chứng được đạo quả, sáng suốt đạt các pháp, nhưng vẫn biết nó vốn là không. Đó gọi là Như Lai.

Này Long vương! Đó là tám con đường ngay thẳng. Vì tất cả các phàm phu, tất cả hành động của chúng sinh mà khởi lên các ngôn thuyết, nói lời cốt yếu, bình đẳng bốn bề, không nói dối, nói lời chưa ai nói.

Sao gọi là đối với đạo này thanh tịnh?

Vì đạo quả không nhơ, không có bụi bặm. Đạo này không tì vết, vốn không nhớ nghĩ vậy. Đạo này trí tuệ luôn chiếu sáng vậy. Đạo này không chìm đắm, vốn thanh tịnh vậy. Đạo luôn không sinh, vì không chỗ diệt vậy. Đạo vĩnh viễn vốn như không, vì không hiện hữu vậy. Đạo không nhơ bẩn, vì ba cõi trong sạch. Đạo này vắng lặng, vì vượt quá hạnh phàm phu vậy. Đạo không thể đến được, vì không có đi vậy. Đạo không có chỗ đến, vì không từ đâu lại. Đạo luôn luôn vô trụ, vì vượt qua các ham muốn. Đạo không có nơi chốn, vượt trên cái thấy mọi người. Đạo không ai hơn được, vì vượt qua các ma. Đạo lớn bao trùm tất cả, nên ngoại đạo không thể theo

kịp. Đạo vĩnh viễn xa lìa vọng chấp, vì tự nó lớn vậy. Đạo không chỗ hình dung nên không vào được. Đạo này rất xa, nên hy vọng vậy. Đạo là xa lìa vĩnh viễn, vượt trên hạnh phàm phu. Đạo có thể đưa đến quả chứng, vì người tu hành. Đạo là vận hành, nên phải siêng năng tu học. Đạo rất bình thản, trụ nơi chánh kiến. Đạo không ngăn trở, đừng hủy phạm. Đạo này vô ngại, vì bình đẳng chánh hạnh. Đạo này không bẩn, vì sạch ba độc. Đạo này trong sạch, vì hoàn toàn không chìm đắm. Đó gọi là sự trong sạch của Bồ-tát đạo; nếu Bồ-tát này đối với đạo trong sạch, chuyên cần tinh tấn tu học, lại thực hành tương ưng, thì vị ấy, đối với pháp tánh, tất sẽ được trong sạch; ngã tánh cũng được trong sạch, cũng sẽ vượt qua; nhờ pháp tánh tịnh, nên số tánh tịnh; nhờ số tánh tịnh, nên vô số tánh tịnh; nhờ vô số tịnh, nên được tam giới tịnh; nhờ tam giới tịnh, nên tánh của nhãn thức tịnh; nhờ nhãn thức tịnh, nên tánh của ý thức tịnh; nhờ ý thức tịnh, nên tánh không tịnh; nhờ tánh không tịnh, nên các pháp tánh tịnh. Nhờ được thanh tịnh, nên các pháp thảy đều thanh tịnh như hư không. Nhờ không… thanh tịnh, nên chúng sinh thanh tịnh. Nhờ tất cả thanh tịnh nên liền thấy không có hai, cũng không chấp vào hai. Nhờ không có hai thanh tịnh nên đạo thanh tịnh. Vì vậy nên nói đó là đạo thanh tịnh.

Vị ấy không có các nhớ nghĩ, cũng không nhớ nghĩ về đạo; các nhớ nghĩ ấy đều thanh tịnh, giống như Niết-bàn; với vị ấy hoàn toàn, không có cái gọi là không nhớ nghĩ, nên không có chỗ nhớ nghĩ, không có người nhớ nghĩ về đạo, cũng không có ý thức nhớ nghĩ. Đạo này hoàn toàn không có hành động của tâm ý thức, do đó, nên nói đó là đạo thanh tịnh.

Khi nói pháp Đạo phẩm thanh tịnh này, có hai vạn trời và người đều được pháp Nhẫn.

Bấy giờ A-nậu-đạt, lại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ tu sự thanh tịnh này như thế nào để hướng đến đạo?

Thánh tôn bảo:

–Này Long vương! Bồ-tát Đại sĩ muốn thực hành đạo ý thanh tịnh này, cần phải hiểu tịnh hạnh, phải khiến cho thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Thế nào là thân thanh tịnh? Thân mình đã là không, nên hiểu các thân khác cũng là không. Thân mình vắng lặng, nên hiểu các thân khác cũng vắng lặng. Thân mình đã giải thoát, nên hiểu các thân khác cũng giải thoát. Thân biếng nhác kiêu ngạo; nên hiểu các thân khác cũng biếng nhác. Thân như bóng hình, nên biết các thân khác cũng như bóng hình. Đó gọi là đạo thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại nữa, sao gọi là thân tịnh, thân hành vô sinh? Đó là vị ấy, vì có sinh tử quán với vô sinh. Tuy là vô sinh nhưng đồng với sinh tử. Như vậy, vị ấy biết thân thì cũng hiểu thân hành. Sao gọi là thân hành? Đó là pháp khứ lai sinh, pháp đến vô tận, pháp thấy tại ảnh, pháp hoàn toàn vô tận; cái vô tận ấy, gọi là thân hành.

Lại nữa, pháp của thân, do nhân duyên hội hợp. Cái nhân duyên ấy thì rỗng, không tướng, đương nhiên là không nhớ nghĩ.

Như vậy, này Long vương! Quán tượng pháp này, gọi là thân tịnh.

Lại nữa, nếu thân Như Lai vô lậu, không rơi vào ba cõi. Quán thân vô lậu, như như vốn không. Nhờ thân vô lậu, nên không rơi vào ba cõi. Thân vô lậu ấy hay nhập vào sinh tử, ngằn mé của vô lậu là không mệt mỏi, xả bỏ, thoái lui. Nhờ thân vô lậu mà hiện ra sắc thân. Hiện như vậy rồi, cũng không nhớ nghĩ pháp vốn diệt thân. Thanh tịnh như thân của Như Lai, nên thân của chúng sinh thanh tịnh, thân mình cũng thanh tịnh, giống như vốn là không vậy. Đó gọi là Bồ-tát hạnh cần phải thanh tịnh.

Thế nào là lời nói phải thanh tịnh? Lời nói của tất cả kẻ hiền hay ngu đều thanh tịnh. Vì sao? Vì tướng bình đẳng vậy. Phàm phu sức yếu, say đắm âm thanh; cái tin không thật chính xác buồn vui vô thường, thích nơi điên đảo; xem xét kỹ chúng sinh vốn không, hoàn toàn không có dâm, nộ, si, dục. Sao lại như vậy? Vì tạm dùng các chữ để nói, âm thanh có phát ra cũng đều là thanh tịnh. Không dục, nhuế, ngu, cũng không dính vào đó. Vì vậy, nên nói, tất cả lời nói đều thanh tịnh, dùng lời để mà nói.

Sao gọi là nói? Vì dục, nhuế, si mà nói chăng? Vì các ô nhiễm mà nói chăng? Người nói không dính mắc; không dính mắc ở mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm. Nói rằng hình tượng gió, khi nó động thì phát ra âm thanh. Nhân duyên hội hợp tai liền nghe âm thanh. Lời nói như tiếng vang; lời nói của người hiền, kẻ ngu đều như tiếng vang. Ai cũng có thể nói được, không phải trụ ở trong, cũng không phải phát ra ở ngoài, cũng chẳng phải ở giữa mà không thể được; nó vốn trụ nơi chỗ nhớ nghĩ niệm và chỗ của hành động. Người phát ra lời nói cùng với chỗ niệm tưởng là vô trụ, vô tưởng.

Do đó, này Long vương! Lời nói của Như Lai cũng với âm thanh của tất cả chúng sinh, đều là không, chẳng chân thật làm tổn hại pháp này vậy!

Long vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lời nói của Như Lai là không chính xác sao?

Đức Phật bảo:

–Này Long vương! Như Lai biết rõ chân lý. Vì sao? Vì Như Lai là chân lý, hiểu biết các pháp chẳng chân, chẳng thật.

Lại nữa, này Long vương! Lời của Như Lai nói ra, âm thanh tùy theo văn tự, là để đáp lại tất cả âm thanh của thế gian. Cho nên chúng sinh cũng có thể chuyển xe pháp, mà cũng không biết tùy thuận nghĩa của pháp. Vì dùng để đáp ứng nên mới có hành động, tùy thuận vào việc, diệt hết các khổ, nên hiểu rõ các pháp. Hiểu được như vậy, âm thanh của chúng sinh đã là không chỗ trụ; tại các phiền não mà thường có sự nhàn tịnh, hiện ra lời muốn nói, đắm trước cái vô trước; tiếng nói thành lời, là giảng luận đàm thoại. Nếu người như pháp, không có sai phạm. Đó gọi là lời thanh tịnh của Bồ-tát.

Sao gọi là tâm Bồ-tát là thanh tịnh?

Tâm đó là gốc, không thể nhiễm ố. Vì sao? Vì tâm vốn thanh tịnh vậy. Cho nên nói lòng dục ô uế, xấu xa; Bồ-tát đối với tâm ấy không có chỗ dính mắc; hiểu rõ quyền biến của tâm đối với nó vốn thanh tịnh.

Lại nữa, tâm hành không chọn gốc đức, gốc đức ấy lại biết rõ gốc tâm; dùng tâm hành này thương yêu chúng sinh, rõ biết nó là không, vô ngã, vô nhân. Gốc đức của tâm ấy, giúp xem xét nơi đạo, biết đạo kia bình đẳng. Người xem xét như vậy, gọi là tâm tịnh. Đem tâm tịnh này, so cùng với các việc dâm, nhuế, ngu là đồng nhau, nhưng vĩnh viễn không nhận sự ô uế của dâm, nộ, si, đồng hành động mà không dính mắc vào các ô uế.

Đó gọi là ba sự thanh tịnh của thân Bồ-tát.

Khi Đức Phật nói Pháp đạo phẩm thanh tịnh này, có ba vạn các Bồ-tát đạt được Bổ sinh xứ.

-oOo-

PHẨM 3: ĐẠO VÔ TẬP

Lại nữa, này Long vương! Vị Bồ-tát ấy nhờ tâm sáng này, sinh nơi dục giới; nhưng tại hình giới, ở chung với chư Thiên, giữa chúng Phạm thiên cùng an nhiên tốt đẹp; ở tại đó, hoặc động hoặc tĩnh không ai hơn được.

Lại nữa, Bồ-tát ấy hay hàng phục chư Thiên, dùng phương tiện để hóa độ, hoặc sinh ở Sắc giới, mà ở tại Dục giới, như đang có gia đình, cùng chúng sinh vây quanh, hoặc ngồi hoặc đứng; vị ấy không ở chung với chúng sinh ngã mạn, lười biếng, cũng không tự xem thường. Vị ấy nhờ đó, tịnh các định, chánh thọ, hoàn toàn dùng định tự thân, không theo định bên ngoài. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy dùng phương tiện quyền xảo nên tâm thanh tịnh.

Này Long vương! Nếu Bồ-tát, hiểu biết hạnh thanh tịnh, phải tu hành thanh tịnh, rồi mới tập đạo. Như vậy, này Long vương! Bồ-tát không tập, để cầu đạo tập; nhờ không tập, vô tập, dùng tập tưởng đạo, cũng không tập; đối với sự tu tập, để mong cầu đạo, cũng không cầu tập; hiểu rõ đạo tập, không tập sở sinh, mong cầu đạo tập; không tập hành diệt, mà làm đạo tập, cũng không cầu tập, để làm đạo tập. Không tập vô tập làm đạo tập; không tập sự chấp hay xả đế, tập đạo tập. Không có ngã, nhân và thọ giả; không có thân vô thường; không có thân tánh khổ; không có thân hữu ngã; không có thân mộng, huyễn, ngựa hoang, như bóng nắng, tiếng vang; cũng không có thân Không, Vô tướng, Vô nguyện; không có thân, vì pháp vô dục, hành tập đạo. Nói tóm lại, thân tánh tốt của các hữu tình, cũng không hưng khởi mười hai nhân duyên, cho đến pháp vô dục, già, chết; không số vô số; đạo tập vô nhị; bất tục, vô tục; bất lậu, vô lậu; bất phạm, vô phạm; tập của không hai để cầu đạo tập.

Lại nữa, các pháp, tập của vô tập là đạo vô tập. Đó gọi là tập đạo tập, bất tập. Ví như hư không, vô tập cũng không là vô tập. Phải tập như vậy, gọi là đạo vô tập, vô tướng, vô nguyện. Vị ấy không tạo tập, cũng chẳng vô tập. Phải tập như vậy, không ngẫu nhiên, chẳng tình cờ, vì các pháp là vô trụ. Siêng tập như vậy mới đúng đạo tập.

Ngay khi Đức Phật Thế Tôn thuyết hạnh thanh tịnh này, là Pháp đạo phẩm vô sở tập; có ba vạn hai ngàn vị trời và người ở thế gian, đều được nhẫn của pháp lạc, không từ đau sinh ra; có năm vạn trời và người, từ xưa không phát tâm Bồ-tát nay đều phát tâm với đạo Vô thượng Chánh giác. Có bảy vạn Bồ-tát chứng được pháp Nhẫn.

Bấy giờ tất cả hội chúng đồng lòng nói:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có tộc tánh nam và tộc tánh nữ được nghe pháp vô tập, đạo phẩm thanh tịnh này. Nếu nghe xong mà tâm ý không hoảng sợ, không bỏ, không thoái lui, tức họ đều thọ tập đạo Vô thượng chánh chân của Như Lai, họ sẽ chuyển được xe pháp mà chư Phật đã chuyển.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát ấy đều được đạo ý Vô thượng chánh chân; vì vô lượng người mà phân bố pháp này, cũng lại sẽ ngồi tòa Sư tử, ở nơi trên trời, dưới trời, trong nhân gian, rống lên thật lớn tiếng sư tử, giống như hiện nay Đức Như Lai đã làm, để hàng phục chúng ma, xô ngã ngoại đạo, hiển hiện cái lọng của cây pháp, thắp sáng đuốc pháp, trống pháp vang rền như sấm sét, làm tuôn mưa pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy các chúng sinh, rồng thần, người chẳng

phải người và bốn chúng, nghe pháp được nói ra ấy, không ai mà không vui sướng. Do đó, Đức Như Lai vì A-nậu-đạt muốn diễn rộng lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Đạo chẳng tập mà được
Và không khởi tập tưởng
Hành đạo ấy thêm sức
Xa lìa tập - niệm - hành
Không mong cầu tập đạo
Trừ sạch các tưởng khác
Đạo hoàn toàn không tập
Trong sạch tựa trăng sáng.
Nếu ai khởi tập tưởng
Không xứ cũng không tập
Đã qua vô tập xứ
Chứng được đạo tối thượng.
Đạo là niệm vô ngã
Cũng không cùng rỗng, tập
Đạo này không có hai
An lành mà vô thượng.
Thọ mạng cũng như vậy
Không người và lời nói
Đạo này không có người
Không mạng, cũng không trụ.
Các người có tập đạo
Muốn trụ nơi trống không
Họ cánh xa đường Thánh
Vì không đúng đạo tập.
Đạo cũng không có không
Vì xa bỏ hữu tập
Như gốc đồng một tướng
Vốn không, không với không.
Đạo là không khởi tướng
Cũng không có diệt tướng
Không khởi cũng không diệt
Đó mới là đạo tập.
Giọng ta giống như huyễn
Hiểu tướng, phải như vậy
Giữ tướng, hành sở tập

Đạo từ đâu sinh ra?
Đạo là vượt khởi đời
Nó không có thân tập
Cũng không diệt thân hành
Mới đạt được ở tập.
Là nhà của thân căn
Vốn không chỗ rộng nói
Nó không có mong cầu
Chẳng gì, không đạt được.
Người thực tập đạo này
Nên như như gốc không
Như vốn biết gốc không
Đó là đúng đạo tập.
Các pháp vốn là không
Sự hiểu giống như huyễn
Hiểu, hành được như vậy
Mới đúng là tập đạo.
Nếu ai không đến đạo
Việc làm như chẳng trụ
Không thể dứt việc làm
Phật pháp không nhờ đạo.
Nếu như đã tập đạo
Cùng với sự không tập
Đã diễn nói như vậy
Nhờ trụ nơi gốc không.
Đạo khác có giới hạn
Là chỗ nương Tiểu thừa
Đây là đạo Vô thượng
Chỗ khởi ra Đại thừa.
Ai hưng khởi đạo này
Để đạt được không trụ
Đó là rõ hạnh đức
Có thể hợp đạo tập.
Đạo chánh mà không hiểm
Ngay thẳng lại bình thản
Cần làm gần đạo này
Vĩnh viễn lìa tà đạo.
Nếu như vậy, Long vương

Tự ở trong cung mình
Bất động nơi xứ sở
Trút mưa đầy biển cả.
Đại sĩ cũng như vậy
Tập đạo như đã làm
Pháp thân mà không động
Có thể đầy biển trí.
Lại như, này Long vương
Ở trên mặt đất rộng
Dùng mưa rưới đầy khắp
Mà thân không dính ướt
Đức Bồ-tát cũng vậy
Thực hành sở tập này
Rưới pháp khắp chúng sinh
Trong lòng không dính mắc.
Cũng vậy, A-nậu-đạt
Long vương! Đại thần biến
Đạo đức lớn như vậy
Cảm động khắp mười phương.
Chúng sinh đạo tà kiến
Tùy thuộc vào chấp kiến
Người trụ nơi đạo này
Tùy thuận độ vô vi.
Đã trụ nơi đạo này
Quả Bồ-tát to lớn
Hàng phục ma Ba-tuần
Cùng với tà ngoại đạo.
Đắc đạo như Chân Như
Như đạo không lay động
Vượt qua các pháp tục
Cũng giống như hoa sen.
Tâm đạo không có ngu
Là hành vi dừng trụ
Ngàn số các chúng sinh
Hóa độ lập nên đạo.
Vì thường ở đạo này
Cho đến được năm tuần
Thần túc các cảm động

Vì chúng, rộng nói pháp.
Các việc đều thanh tịnh
Thân, miệng, cùng với ý
Nên mong đường Hiền thánh
Nhân tánh không thể biết.
Hạnh nhẫn là không chấp
Ai làm sẽ đến đích
Sẽ đến chỗ Như Lai
Chỉ dẫn các chúng sinh.
Sinh tử đã chấm dứt
Chỗ ấy là Như Lai
Tương tự như đến đó
Thật ra không chỗ đến.
Chỗ chúng sinh đến được
Phải nhớ chỗ cao kia
Học đạo Phật, tối thượng
Rong chơi bằng pháp huyễn.
Làm vậy là tập đạo
Chỗ tập đúng như đạo
Là hạnh nghi các đức
Được chư Phật khen ngợi.
Đức ấy không cùng tận
Trọn, không bao giờ hết
Người tập đạo như vậy
Không tập, cũng không trụ.
Nơi ấy không ác ma
Hoàn toàn hành không chấp
Ai thuận theo đạo này
Không khởi cũng không diệt.
Đã được ý chí hạnh
Tổng trì đại biện tài
Tuệ trí và giới nhẫn
Mãi tăng tiến như biển.
Thân, miệng, uế không còn
Tâm sáng đến trong sạch
Uế tiêu sạch dấu vết
Người tu theo đạo ấy
Được chứng đắc trí đạt

Chỗ thực tập thâm diệu
Tuệ khó động, không khởi
Giữ tập, đó là đạo.
Các Bậc Tối Chánh Giác
Quá khứ và tương lai
Hiện tại cũng như vậy
Đạo đặt ra, đời tựa.
Ngài đã lìa các nạn
Gặp đời nhiều tai nạn
Mãi làm đệ tử Phật
Ai nghe được pháp này
Tốt thay! Các chúng sinh
Rất tốt nghe pháp này
Ứng Chân thờ Như Lai
Nên ưa thích kinh này.
Nếu hiểu đạo tập này
Hãy đoạn các tình thái
Đức đầy, các tướng đủ
Được làm tướng ba cõi.

-oOo-

KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI

QUYỂN 2

PHẨM 4: THỈNH NHƯ LAI

Khi ấy A-nậu-đạt, tự mình cùng với các quyến thuộc, cúi lạy Đức Thế Tôn, quỳ gối chắp tay bạch Đức Phật:

–Xin thỉnh Thiên Tôn, hạ cố oai thần, đi đến ao lớn Vô nhiệt, an trụ ba tháng, để chúng con đem lòng thành cúng dường Thánh Tôn, cúng dường các Bồ-tát biện quả thần thông cùng với các đệ tử lớn của Thánh Tôn; mong Đức Phật thương xót, chấp nhận sự thỉnh cầu của con.

Vì sao? Vì chúng con cúng dường là để hướng đến Bậc Chí Chân Chánh Giác, vậy có phù hợp với nghi thức của Như Lai không? Cúi mong được nghe Đấng vắng lặng, cao tột chỉ dạy cho chúng con dùng pháp nào để cúng dường cho phù hợp; chúng con suy nghĩ rằng, được nghe lại hình tượng pháp cúng dường như vậy sẽ khiến tâm luôn an lạc. Đó có phải là cách phụng thờ Tam bảo không?

Đức Thế Tôn không nhận sự thỉnh cầu ấy.

Long vương lại thỉnh hai tháng, nhưng Đức Như Lai vẫn không nhận. Long vương lại thỉnh một tháng, nhưng Đức Thế Tôn vẫn không nhận. Long vương lại thỉnh nửa tháng, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Khi ấy Long vương cùng với quyến thuộc tùy tùng, thấy Đức Thế Tôn đã nhận lời, nên hân hoan sung sướng, liền sinh lòng lành, nhiễu quanh Phật ba vòng, nổi mây, ùn sấm chớp, mưa tuôn khắp mặt đất, bỗng nhiên, trong khoảng khắc, họ đều bay về cung điện của mình.

Khi A-nậu-đạt đến ngồi nơi chánh điện của mình, liền cho gọi năm trăm trưởng tử. Tên các trưởng tử là: Thiện Nha, Thiện Thí, Thiện Ý, Thiện Minh, Năng Diệt, Tịch Tướng, Cảm Động, Đại Oai, Cam Oai, Cam Quyền, Cam Đức, Phổ Xưng, Oai Dũng, Trì Mật, Nhẫn Lực, Hành Tường…

Năm trăm trưởng tử như vậy thuở xưa đã trồng đạo Vô thượng chánh chân rồi. Long vương liền bảo với họ:

–Này các con! Nay ta đã thỉnh Đức Như Lai, là Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác và chúng Bồ-tát, cùng các đệ tử của Ngài, suốt trong

nửa tháng. Đức Thế Tôn Chánh Giác đã đủ lòng đại Bi, thương xót, khởi lòng thương rộng lớn, chấp nhận lời thỉnh cầu của ta. Vậy các ngươi nên một lòng, cùng nhau siêng năng, hết lòng cung kính Đức Thế Tôn, Như Lai Chí Chân; siêng năng nhớ nghĩ đến vô thường, mỗi người phải vắng lặng, khiêm nhường, cung kính, ở đây chờ đợi Đức Như Lai; cần phải xả bỏ tâm ý dâm dục và những thú vui của loài rồng; trừ bỏ tham, nộ, hại; lìa dục, sắc, thanh, hương, vị, vật trơn mịn.

Vì sao vậy? Vì Đức Thế Tôn nhờ vô dục mà được an lành, tốt đẹp, nhân từ, tao nhã, suy xét rõ ràng, tùy thuận điều phục và vắng lặng; hiển lộ đầy đủ các đức, có người hầu đi theo vây quanh, vô lượng nghi dung; tất cả đều nhờ thực hành các giới chân chánh của chư Phật mà có. Vì vậy, các ngươi trong nửa tháng này, không được vào cung điện, phải trừ bỏ những nhớ nghĩ về dâm, nhuế, ngu si.

Lại nữa, khi Đức Như Lai tuyên giảng chánh pháp, chắc chắn có các Bồ-tát thần thông, Thích, Phạm, Thiên tử, trì thế túc tịnh ở các phương khác sẽ đồng đến dự hội.

Các ngươi phải siêng nhớ nghĩ, tập hợp các hiền thần, nghiêm sức cho rực rỡ, chớ có làm biếng, để các hội chúng, thấy xong, vui mừng nhảy nhót. Đó mới là chân chánh cúng dường Đức Như Lai.

Khi A-nậu-đạt đã ra lệnh xong liền vì Đức Như Lai, trong ao Vô nhiệt, dưới núi Tuyết sơn, hóa làm một tòa tịnh lưu ly, thật hoàn hảo, cao rộng đến bảy trăm do-tuần, rất đặc biệt và kỳ lạ, chung quanh thật đẹp; đặt tám vạn bốn ngàn các báu đủ loại, xen kẽ với những cây báu lạ, dùng các ngọc ngà châu báu để trang sức, có ánh sáng đẹp, trăm sắc tinh vi rực rỡ, tỏa ra hương thơm. Ở giữa các cây, hóa làm tám vạn bốn ngàn nhà bằng bảy báu, ánh sáng các ngọc báu phản chiếu thật đẹp, không có gì sánh bằng. Đặt ở mười vạn giao lộ, những lá phướn thêu, những xâu các ngọc trân châu đỏ đẹp lạ lùng, thòng xuống. Ở trên các điện có tòa Sư tử, gồm cả thảy tám vạn bốn ngàn tòa, tất cả đều cao rộng, trải lên trên sàng tọa những tấm dạ đủ màu, tuyệt đẹp, vô giá. Đặt ở các giao lộ, đủ các loại báu. Ở trên điện đường, có hai ngàn thể nữ loài rồng, hình sắc tuyệt đẹp, dáng vẻ đẹp vô cùng, sắc mặt rạng rỡ như hoa, miệng tỏa mùi hương thơm, tay cầm đủ các loại hoa, hương bột, hương xoa; tấu các kỹ nhạc, ca vịnh công đức của Phật, làm cho chúng hội thật vui vẻ. Ở trên hư không, hóa làm lọng báu lớn, bao trùm cả ngàn do-tuần. Châu ngọc chạm trổ trong lọng báu ấy, có vô số màu sắc, treo phướn làm bằng lụa đẹp, giữa phướn lụa ấy, treo các chuông linh báu, phong cảnh điều hòa, âm nhạc du dương.

Khi Long vương dọn món ăn trăm vị, chuẩn bị đầy đủ, các việc biến hóa đã xong, ông cùng với quyến thuộc, cung kính chắp tay, hướng về Đức Phật quỳ gối; từ xa thưa Đức Thế Tôn với ý cung thỉnh, dùng bài tụng ngợi khen:

Kho tuệ, trí lớn, tích lũy đức
Tuệ đạt, không đắm, khéo dẫn chúng
Tuệ lớn lan khắp, không chướng ngại
Sức tuệ tột đỉnh, giáng thần quang.
Hiểu tuệ, tâm hành, chỉ Đại nhân
Xem xét mười phương, loài chúng sinh
Thần Tôn tối thượng, nhận con thỉnh
Nhớ nghĩ xót thương, đến đúng thời.
Biết đủ không tham, sống giản dị
Phước nhiều, kỹ xét, Thánh Đạo Sư
Làm tốt, thật tin, biết ý chúng
Thời gian đã đến, xin hạ cố.
Đức Phật vang khắp, hạnh bằng vua
Làm bạn, không thỉnh khởi niệm khắp
Chí nhân, thanh tịnh, như hư không
Con chuẩn bị xong, chờ Thần Tôn.
Oai ngự mười phương, cứu giúp đời
Phật sự mười tám đều có đủ
Độ chúng đứng đầu, hạnh Từ bi
Nguyện Phật cùng chúng, thời đã đến.
Sắc tốt thẳng ngay, thân tướng đẹp
Ngọc quý đủ thứ, hoa trăm màu
Tâm Phật vui vẻ, ban tuệ pháp
Bậc Thượng Đại Nhân, xin xét thời.
Tiếng Phạm thanh tịnh, như sấm sét
Loan phụng reo mừng, sư tử bước
Đầy đủ diệu âm, ai cũng thích
Mọi người hy vọng được nhìn thấy.
Ba ngàn cõi Phật không đâu bằng
Không ai biết được tâm Như Lai
Thánh tôn thấy rõ hạnh chúng sinh
Việc tu, thường đúng thời mới dạy.
Biết lúc phổ độ, Phật quyền biến
Thấu rõ chúng sinh có Thánh thệ

Xét kỹ hành động, bằng mắt sáng
Oai thần đầy đủ, nguyện chiếu soi.
Chúng sinh thảy đều rất khát ngưỡng
Mười lực, giữ oai thế, không mạn
Đức của Đại Nhân mạnh mẽ thế
Tánh Thánh xót thương hơn thế nữa.
Hổ thẹn, đầy đủ đức cao tột
Nến cứu vớt chúng sinh vô biên
Thầy bạn vô song, cùng cứu đời
Lòng thương giáo hóa vô số rồng.
Ở đời, oai đức rộng, cứu tế
Biết rõ các hành nên như ý
Khai mở chỉ đường, chỉ Thiên Tôn
Thần túc nhẹ nhàng xin đến dự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết A-nậu-đạt thỉnh nguyện, thời gian đã đến liền bảo các Tỳ-kheo, đắp y, ôm bát cùng đến phó hội.

Long vương Vô Nhiệt quỳ gối từ xa, thưa:

–Chư Tôn đã chấp nhận con cúng dường nửa tháng, vậy bây giờ xin Chư vị quang lâm.

Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn vị Bồ-tát đều là những bậc Đại thần thông, đức đầy, quả đủ cùng hai ngàn đệ tử cũng là bậc Thần túc cao tột theo hầu; tất cả nhiễu quanh Đức Thế Tôn, rồi ra đi.

Đức Như Lai Chí Chân từ đỉnh núi Thứu, bỗng bay lên hư không, dùng thần lực mà đi, toàn sắc thân của Phật phóng ra vô số trăm ngàn ánh sáng, chiếu khắp tam thiên đại thiên cảnh giới, chỗ nào cũng rực sáng.

Các trời của cõi Dục và cõi Sắc, đều thấy Đức Thế Tôn, phát ra vô số ánh sáng, bay lên hư không; nên tự bảo nhau:

–Đức Thần tôn đi đến chỗ vua Vô Nhiệt, sắp đem pháp giáo hóa, diễn nói nghĩa sâu xa rốt ráo. Vì vậy nên mới có đại chúng vây quanh.

Ngay trong nữa tháng ấy, nhiều chúng của các trời, số đến trăm ngàn, được thấy Đức Thế Tôn và được nghe thuyết pháp. Họ lại được xem thấy, sự cảm biến trang nghiêm, do vua Vô Nhiệt tạo ra, nên khiến Đức Thế Tôn mới đi đến nơi đó.

Khi ấy, các Thiên tử ai cũng khởi ý nghĩ cúng dường Đức Như Lai; hoặc muốn rải hoa, hoặc làm mưa danh hương, hoặc tấu nhạc trời để ca ngợi công đức của Phật, hoặc treo đủ các loại cờ, phướn, lọng, hoặc kết dải lụa năm màu đi theo Đức Như Lai. Thân Đức Thế Tôn chiếu sáng rực rỡ,

hơn cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú và cả ánh sáng của các trời; oai thần của Đức Thánh Phật, chiếu sáng vô lượng; căn, định đều vắng lặng, dáng đi an ổn phúc lành; Thích, Phạm, Tứ Thiên, biến hiện các thứ oai lực, phụng kính, hầu hạ, theo sau Đức Như Lai.

Bấy giờ, Thánh Tôn đến dưới Tuyết sơn, đứng ở phía bên phải, bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông hãy đến cung điện, là chỗ ở của vua Vô Nhiệt và bảo rằng: "Đức Như Lai đã đến, đúng lúc, mời Đức Thế Tôn vào."

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên vâng theo Thánh chỉ, bay ngay vào ao lớn Vô nhiệt, hiện nơi hư không, cách mặt đất bảy trượng, hóa thân giống như vua Kim sí điểu, đứng trên cung điện Long vương A-nậu-đạt, bảo với Long vương:

–Đức Như Lai đã đến.

Các Long chúng và các thể nữ… không ai mà không ngạc nhiên kinh hoàng, hoảng sợ; lông trong người dựng đứng, chạy trốn bốn hướng, cùng bảo nhau rằng:

–Ao này từ xưa không có chim Kim sí điểu, vậy chim này từ đâu đến?

Khi ấy, A-nậu-đạt bảo các người trong cung, thái tử, quyến thuộc và an ủi họ:

–Các ngươi hãy an tâm, đừng hoảng, đừng sợ! Đó là Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, vâng lời Đức Như Lai, nên hiện thần biến ấy. Hiền giả Mục-kiền-liên đến đó bảo xong, trở về chỗ Đức Thế Tôn.

Lúc này, A-nậu-đạt liền cùng với các người con, thần dân, phu nhân, thể nữ, toàn thể người lớn nhỏ trong cung, cùng vây quanh, họ đều dâng hoa đẹp, hương bột thơm và các thứ hương thoa; cờ phướn, lọng, ca xướng, các thứ âm nhạc, hòa điệu nhịp nhàng, cùng đến nghinh rước Đức Chánh Giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng với các Bồ-tát, các đệ tử, các trời, rồng, các tôn thần vây quanh, đi đến cung điện Vô nhiệt, nơi đặt sẵn các tòa cao rộng. Đức Như Lai đến rồi ngồi vào tòa Sư tử cao rộng ấy. Tiếp theo là các Bồ-tát, sau đó là các chúng đệ tử đều ngồi vào chỗ của mình.

Long vương xem thấy Đức Thế Tôn và các Bồ-tát, chúng hội đệ tử đã an tọa xong, trong lòng hứng khởi vui sướng vô cùng, liền cùng mọi người trong cung, tự tay bưng dọn đầy đủ những món ngon bổ hơn thế gian, mời dâng trăm thứ ngon lạ có hương vị trời; hết lòng cúng dường Phật, đệ tử và các chúng hội, để mong mọi người đều no đủ.

Khi Đức Thế Tôn, Bồ-tát và các đệ tử đã ăn uống xong, lau tay, rửa bát, cũng đã hoàn tất; lúc ấy A-nậu-đạt mới thưa với Đức Như Lai, xin Đức Như Lai thuyết pháp.

Bấy giờ là sau giờ ngọ, Đức Thế Tôn ra khỏi thiền định, ngồi ngay thẳng để nói pháp. Chúng hội đến dự ngót cả ngàn do-tuần, từ khắp nơi đến, đứng đầy cả hư không, không có kẻ hở, trời, rồng, quỷ thần và người chẳng phải người, vây quanh Đức Chí Chân Chánh Giác. Mọi người trong hội thảy đều vui mừng.

-oOo-

PHẨM 5: HẠNH VÔ DỤC

Bấy giờ, Long vương với sắc mặt hân hoan, đến phía trước, quỳ gối, bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn nói pháp, cho chúng hội này được nghe; khiến cho tất cả thoát khỏi sinh tử; vĩnh viễn trừ bỏ các khổ do sự chấp vào tướng năm ấm; các hành vi trần lao, mê mờ nhơ bẩn; khiến cho chúng con mãi mãi không còn ý ba độc trói buộc và các chúng loài rồng được dứt bỏ sự tà vạy, u tối, ẩn nấp trong tâm ý họ, khiến họ đạt đến chỗ tốt lành, làm cho ai nấy đều vui mừng, tu hạnh Bồ-tát sâu xa, dù sau này Đức Như Lai có còn tại thế hay đã diệt độ; hãy khiến cho chúng con, ở tại đất nước mình, ra sức bảo vệ và gìn giữ chánh pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Long vương:

–Lành thay! Lành thay! Này A-nậu-đạt! Hãy lắng nghe nghĩa này cho kỹ, siêng năng nhớ nghĩ, để trình bày chỉ vẽ cho mọi người. Ta sẽ nói cho, khiến chúng hội này, nhiều người sẽ thoát khỏi tội khổ, nhổ tận gốc những ý tưởng lộn xộn, còn nghi ngờ trong tâm khiến cho họ hiểu được trí rộng khắp để thoát khỏi ba cõi.

Khi ấy Long vương thưa:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Mong Thế Tôn giảng nói, chúng con xin cúi đầu nhận lãnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Long vương:

–Có một pháp hạnh mà Bồ-tát nếu làm thì trời, người hết sức cung kính. Pháp đó là gì? Đó là quyết chí tu hành pháp sâu xa để thực hành vô dục.

–Sao gọi là tu hành pháp sâu xa để thực hành vô dục?

Này Long vương! Bồ-tát nương và tùy thuận vào nhân duyên mà không lìa ranh giới của hai kiến chấp. Người biết có và không, thấy được các pháp. Còn chấp vào nhân duyên, không thấy có pháp, không do duyên sinh, kẻ ấy nghĩ: Pháp dựa vào nhân duyên, không dựa vào nhân duyên, nên không nương vào ma. Người nương vào duyên, kẻ ấy không nói "Tôi", cũng không nói "Ta".

Vả lại, pháp dựa vào trong duyên, nên không có "Ngã" và "Ngã sở", cái dựa vào duyên thì không có chủ, cũng không nắm bắt được. Ai theo thuận duyên, phát sinh sự hiểu rõ, mau đạt được ý niệm về bốn thứ để dựa vào.

Sao gọi là bốn? Đó là:

1. Dựa vào nghĩa cùng tột, không dựa vào văn.

2. Dựa vào tuệ hành, không dựa vào thức niệm.

3. Dựa vào thuận nghĩa kinh, không dựa vào phan duyên.

4. Dựa vào pháp, không dựa vào người.

Sao gọi là nghĩa? Những gì là tuệ? Sao là thuận nghĩa? Sao là niệm pháp?

Nghĩa tức là nghĩa của Không; không nhận vọng kiến là nghĩa của Vô tướng; không chấp vào niệm thức, là nghĩa Vô nguyện; không chấp vào ba cõi là nghĩa vô số. Không chấp vào pháp số.

Vả lại nghĩa ấy, đối với pháp, phi pháp vốn không có hai; âm thanh là vô đắc; niệm tưởng là vô niệm; với pháp xứ thì vô trụ; vì vô nhân nên thọ mạng; âm thanh ngôn ngữ là không chỗ có.

Vả lại, là nghĩa, pháp nghĩa ấy là nghĩa vô dục.

–Sao gọi là Bồ-tát làm pháp nghĩa?

Đó là nghĩa không có sắc của con mắt, tiếng của lỗ tai, hương của mũi, vị của lưỡi, xúc của thân, pháp của tâm. Đó là nghĩa không sinh sắc; nghĩa không giảm sắc; nghĩa không vì thống, tưởng, hành, thức; nghĩa không có hành thức sinh diệt; nghĩa không có sự ham muốn sắc, vô sắc; nghĩa không có ý muốn về sắc và vô sắc sinh diệt; nghĩa không ngã; nghĩa không có ngã kiến dính mắc vào; nghĩa không có nhập; nghĩa không chấp vào nhân kiến; nghĩa không chấp vào có thân Phật; nghĩa không chấp vào chữ pháp. Không tính số thực có chấp vào nghĩa; cũng lại không có nghĩa chấp thí, giới, nhẫn, tấn, định, trí; hiểu nghĩa nhập vào tất cả các pháp. Đó gọi là Bồ-tát làm pháp nghĩa, nhờ theo nghĩa này mà không thoái lui. Đó gọi là nghĩa.

–Sao gọi là Tuệ?

Đó là Khổ không sinh tuệ, tập không nhớ nghĩ tuệ, tận hết các tuệ, Đạo không chí tuệ. Đối với pháp huyễn của ấm, các tánh, pháp tánh không hủy hoại tuệ. Đối với các tình, không giữ là tuệ, hiểu nhập vào các pháp, rõ biết chúng sinh, căn đầy tuệ đủ, ý chí nhớ nghĩ không quên; đối với các chánh ý, không ý không nhớ nghĩ; đối với các đoạn ý, là thiện và bất thiện như nhau; đối với các thần túc, thân tâm tạo ra tuệ.

Lại nữa, đối với các căn, rõ biết tuệ nặng hay nhẹ; đối với giác ý, biết các pháp tuệ; nhưng đối với các lực, để điều phục tuệ. Đạo là vô số đối với tuệ diệt tịch; quán tuệ biệt pháp, khởi thủy không sinh tuệ, vị lai không chí tuệ, ở giữa không trụ tuệ; đối với thân là hình tượng tuệ.

Nói tuệ là tiếng vang, pháp tâm tuệ huyễn. Đó là Bồ-tát rõ biết trí tuệ.

Lại nữa, sao gọi là thuận đạo nghĩa kinh?

Nhờ nhân duyên này phát sinh mà hành giả diệt được ngu si, diệt được lão tử, vô ngã. Nhưng đối với vô ngã, nhân và thọ mạng thì phải hiểu rõ về các vật. Nếu Như Lai có ngã, đều chẳng phải là chân pháp. Song đối với ba môn giải thoát, bình đẳng với ba đời, cầu ba vô trước. Đó là các pháp, thấy nó hoàn toàn vô sinh. Người quán rõ và hiểu biết, sẽ dứt lìa hết tình cảm thế tục.

Bồ-tát đạt đến trí tuệ không cùng, nên đối với các ý niệm, không còn nghi hoặc, nhập vào được hạnh này gọi là thuận nghĩa. Nó không đi về đâu, cũng chẳng từ đâu đến. Niết-bàn vô vi cũng không có từ đâu đến. Đó gọi là Thuận nghĩa.

–Sao gọi là như pháp?

Nếu các Đức Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, thì Pháp thân vẫn thường trụ. Đó gọi là Như Lai. Như như vốn không, không tăng giảm, chẳng hai, không hai, chân tế pháp tánh, gọi đó là Như pháp. Không hủy pháp hành báo, hay không hành báo, gọi đó là Như pháp.

Người tu Đại thừa, nhờ Lục độ mà được Vô cực. Duyên giác một thừa, theo nhân duyên mà giải thoát. Thừa Thanh văn nương âm thanh mà giải thoát. Đó gọi là Như pháp. Bố thí thì được phước lớn; giữ giới được sinh lên cõi trời; rộng nghe được trí nhiều; nhớ nghĩ thiền định thì được giải thoát. Đó gọi là Như pháp.

Vì không tu hạnh đó nên có sinh tử, tu hành thuần thục thì đạt được sự vô vi. Như pháp là vậy.

Kẻ ngu dùng sức mạnh của dục; kẻ trí dùng sức mạnh của tuệ. Đó gọi

là Như pháp.

Tất cả pháp ấy đều nương pháp tánh. Như vậy, này Long vương! Chúng nương dựa nhân duyên mà sinh khởi. Cho nên, cần phải có được sự nhớ nghĩ về bốn thứ để dựa vào.

Vì dựa vào nhân duyên, nên mới không dựa vào sự đoạn chấp có không. Đó gọi là: Người nào thấy nhân duyên khởi là người ấy thấy các pháp; ai thấy pháp, người ấy thấy Như Lai.

–Sao gọi là nhân duyên?

Này Long vương! Bình đẳng phát khởi, hay không phát khởi đối với pháp và phi pháp. Bình đẳng mà không chấp vào. Vả lại, Như Lai thì không chấp vào pháp duyên khởi cũng không có pháp khởi, không thể được. Người biết được pháp ấy tức là Như Lai.

Với nhân duyên khởi, dùng Tuệ nhãn thấy được; Tuệ nhãn thấy được tức là thấy các pháp. Người thấy các pháp, tức là Như Lai. Đó gọi là: Ai thấy được nhân duyên khởi thì thấy pháp, ai thấy pháp thì thấy Như Lai.

Lại nữa, Như Lai nhờ pháp mà thấy pháp.

Như vậy, này Long vương! Nếu dùng pháp này tu hành tương ứng để giải thoát, người đó, được gọi là Bồ-tát không có hạnh dục.

Này Long vương, Bồ-tát vô dục, không làm theo thói quen của dục, vui thích việc Hiền thánh, bỏ điều không phải Hiền thánh, siêng năng, ưa thích được ở vào dòng Hiền thánh, rộng rãi sai khiến các tuệ, vì pháp mà tạo sự giữ gìn; tu sự nghe nhiều, chí nhớ không quên, không bỏ giới thân, trí thân không nghiêng ngã, định thân không dao động; đối với tuệ, thân khéo trụ vững vàng; giải thoát tuệ kiến, thân vững vàng khó chuyển. Nhờ đó, giải thoát tuệ kiến vậy.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát vô dục, được vô số chánh pháp độ nghĩa của Phật, cũng có đầy đủ vô số yếu tuệ của chư Phật, lại được quả biện tài vô tận của chư Phật, được thông vô lượng thần túc của chư Phật. Nhân đó, đưa đến vô số hiểu biết quyền xảo của chư Phật vào khắp vô lượng hạnh của chúng sinh, vượt qua vô số cõi nước của chư Phật; nhờ đó thấy rõ vô số trăm ngàn Đức Như Lai, có duyên nghe được vô số các pháp, đạt được vô số nghĩa, vô số tuệ, hiểu vô số hạnh và độ vô số chúng.

Như vậy, này Long vương! Bồ-tát vô dục, thường nên trong sạch, tiêu trừ hết các ô uế để công đức vô lượng; tự do, không có chỗ dính mắc đối với ba cõi. Vì sao? Vì vô dục ấy, từ tâm sinh ra. Có ba việc từ tâm sinh ra.

Những gì là ba? Đó là từ tâm dục sinh; từ tâm ái sinh; do tâm sinh khởi.

Lại có ba thứ sinh quán nơi sinh khởi. Lại quán sự sinh khởi. Lại quán sở hành, quán tâm vô xứ.

Lại có ba sinh: Diệt tịch chuyên nhất, hiểu rõ nơi quán như pháp tùy hành.

Lại có ba sinh: Đức đủ nhân điều, dùng làm tịch tĩnh, từ hạnh chuyên cần sinh.

Lại có ba việc: Từ nơi hạnh ngay thẳng, không có dua nịnh, nhân từ điều nhẫn.

Lại có ba việc: Không đắm chìm nghi ngờ; thuận theo thiện, không thô tháo; chí đủ, sống đơn giản.

Lại có ba việc: Từ không sinh, lại từ vô tướng, cũng từ vô nguyện.

Lại có ba việc: Từ tâm sinh ra các pháp vô thường; các pháp đều khổ cũng do tâm sinh; các pháp vô ngã cũng từ tâm sinh.

Lại có ba việc từ tâm sinh ra: các pháp vô thường, các pháp vô ngã, diệt tận vô vi; tất cả đều từ tâm sinh ra.

Như vậy, này Long vương! Bồ-tát đẳng diệt cũng do tâm sinh. Đó là các vị ấy không xả bỏ trí tâm rộng khắp, thức hành bình đẳng với tất cả. Vì lòng đại Từ, nên không bỏ chúng sinh. Vì lòng đại Bi, nên không nhàm chán sinh tử. Vì lòng đại Hỷ, nên bình đẳng xa lìa sự mừng, giận. Vì quyết bảo vệ, nên có tuệ thí, mà không mong báo đáp. Vì các giới, học, hạnh, đức, nghĩa đầy đủ; nên bên trong tránh được lỗi của mình, không nói chuyện xấu của kẻ khác. Hay nhẫn chịu các hạnh không tốt của chúng sinh. Muốn làm cho người khác tâm vững chắc như kim cương, hợp tập các điều lành làm gốc của các đức hạnh, không tiếc thân mạng, đạt được đến tất cả định chánh thọ, tâm không mệt mỏi; không vì chánh thọ mà có chỗ sinh, hiểu trí, dùng quyền xảo tùy thuận chúng sinh, dùng tuệ chân thật, độ thoát các chí.

Người muốn đạt được Thanh văn thừa. Duyên giác thừa thì hiển hiện sự nhớ nghĩ Phật pháp, cầu các Phật pháp. Vì hay nhẫn chịu các khổ, nên rộng nói pháp; đừng vì lợi dưỡng mà cung kính, nên coi thường vứt bỏ; chí đủ, không nhàm chán các tướng đức hạnh; đầy đủ trí tuệ, học rộng nghe nhiều. Học tập theo bạn lành, nên gặp Thiện tri thức; vì khiêm nhường, cung kính, nên được hạnh khiêm cung; vì hàng phục tâm tự đại, nên chế ngự được tâm tự đại. Vì chí hạnh đầy đủ, nên ý hạnh đầy đủ; vì không có dua nịnh nên xa lìa dua nịnh. Vì nói và làm phù hợp nhau, nên không bị

khinh khi. Vì tu hành thành tín, nên nói lời chân thật. Vì lìa các sự lừa dối, nên diệt trừ lời nói dối; vì để sinh tâm thành tín, nên tâm luôn thành tín.

Như vậy, này Long vương! Nếu có Bồ-tát nào sinh tâm này, gọi đó là vô dục.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát vô dục thì ma không thể tự tiện hạn chế. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy, tương ưng với sự vô hạn, cũng không hành pháp có hạn.

Sao gọi là pháp hạn?

Dục, dâm, tức giận, si là pháp hữu hạn. Bồ-tát đối với chúng, không có chỗ dính mắc. Vì vậy, mà gọi Bồ-tát ấy, là vô hạn. Thanh văn thừa, Duyên giác thừa đều là hữu hạn. Bồ-tát trụ nơi phổ trí tâm rộng khắp, nên ma hoàn toàn không thể tự tiện hạn chế.

Hữu niệm, vô niệm tưởng niệm là hữu hạn. Bồ-tát nhờ lìa các tương ưng của niệm, nên ma không thể tự tiện hạn chế.

Như vậy, này Long vương! Có hai việc ma, mà Bồ-tát cần phải biết rõ, cần phải xa lìa.

–Hai việc đó là gì?

Đối với thầy bạn, đã không có tâm kính trọng mà còn tự đại, cống cao, khinh người. Đó là hai việc.

Lại có hai việc của ma: Đó là bỏ kho tàng sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát; tâm trở lại ưa thích thực hành các pháp của Thanh văn và Duyên giác.

Lại có hai việc. Những gì gọi là hai? Đó là: Không có trí tuệ mà muốn làm việc quyền xảo; ưa thích sống gần cùng các chúng sinh đạo lạc, vọng kiến.

Lại có hai việc: Nghe ít, trí kém mà tự cho là đạt được trí tuệ. Tuy có thông hiểu rộng rãi nhưng lại tự đại.

Lại có hai việc: Đức độ ít ỏi, mà mong được tôn quý. Hoặc tu đức hạnh mà lại thích Tiểu thừa.

Lại có hai việc: Không bảo vệ chánh pháp, không cứu giúp chúng sinh.

Lại có hai việc: Chí không thích học tập theo các Bồ-tát và tụ hội với chúng có trí sáng thông đạt. Chuyên làm việc bài bác, chê bai các Bồ-tát thanh cao, nhiều lần chủ tâm khởi sự ngăn che, làm trở ngại Pháp sư, làm chướng ngại sự giáo huấn của thầy, lại còn nhiều dua nịnh.

Lại có hai việc của ma: Bỏ các gốc đức, tâm còn lại toàn điều vô đức.

Lại có hai việc: Tuy ở chỗ an nhàn, nhưng vẫn mong tưởng đến tham sân si; ý thường náo loạn; nếu du hành trong các thôn ấp, tâm sinh tham lợi.

Lại có hai việc: Với loại phi nhân, lại nói pháp căn bản sâu xa, với người cần nói pháp thì lại không nói.

Lại có hai việc: Không hiểu việc của ma, xa lìa trí rộng khắp, ý thường thác loạn.

Như vậy, này Long vương! Sắc tướng các việc của ma là như vậy. Bồ-tát vô dục vĩnh viễn không có các việc ấy.

Lại nữa, này Long vương! Nếu có Bồ-tát, tu hành trong sạch thì phải vô dục; phải đạt đến mười sáu đại lực của Bồ-tát. Nhờ các lực này nên hàng phục, chế ngự ý chí mình mà hóa độ chúng sinh.

Những gì là mười sáu đại lực của Bồ-tát?

–Đó là: Chí lực, ý lực, hành lực, tàm lực, cường lực, trì lực, tuệ lực, đức lực, biện lực, sắc lực, thân lực, tài lực, tâm lực, thần lực, hoằng pháp lực, hàng phục chư ma lực. Bồ-tát vô dục được mười sáu lực lớn này.

Sao gọi Bồ-tát là Chí lực?

–Này Long vương! Bồ-tát chí lực có thể ngắm xem tất cả Tổng trì, do chư Phật nói ra. Đó gọi là Chí lực.

Ý của Bồ-tát này tương ưng với hạnh của chư Phật; đối với chúng sinh, không bị đoạn trừ chướng ngại. Đó là Ý lực.

Có thể đạt được tất cả âm thanh nói ra, hiểu rõ các nghĩa. Đó là Hành lực.

Lìa các việc ác, hưng khởi các pháp đức. Đó gọi là Tàm lực.

Gặp tất cả những tai nạn, vẫn không làm điều phi pháp. Đó gọi là Cường lực.

Dù có ức ngàn ma binh, vẫn không dám làm trái lại. Đó là Trí lực.

Thông đạt giữ gìn pháp, bình đẳng chỉ bày cùng học, không làm cho quên. Đó là Trì lực.

Không chấp, không quên, đối với trăm ngàn kiếp; những điều nói ra không ngại, không đoạn, tùy ý mà hiểu các pháp. Đó là Biện lực.

Nếu có các Thích, Phạm và Tứ Thiên vương đi đến, Bồ-tát vẫn im lặng, không đổi sắc. Đó là Đoạn chánh lực.

Nếu có mong ước được vật báu trên đầu, mới nghĩ đã liền có. Đó là Tài lực.

Hơn các ngoại đạo, độc tôn giữa mọi người. Đó là Thân lực.

Với tâm chúng sinh, có thể được nhất tâm. Biết tâm chúng sinh mà thuận hành hóa độ. Đó là Tâm lực.

Nếu chúng sinh, cần dùng thần túc để hóa độ, thì hiện thần biến để cho chúng thấy. Đó là Thần túc lực.

Nếu có thuyết pháp, để mọi người nghe, thì không nói nửa chừng. Họ nghe và làm theo, nên trừ hết các khổ. Đó là Hoằng pháp lực.

Nếu khi thiền định, chánh thọ, thì vâng theo chỉ giáo của Phật, được pháp hạnh Hiền thánh. Đó là Hàng ma lực.

Đó gọi là mười sáu đại lực của Bồ-tát.

Nếu có người tu hành, tâm chí mong ước mười sáu lực này, mà muốn thành tựu thì phải tu vô dục.

Này Long vương! Ví như tất cả dòng nước đều chảy về biển cả. Các hạnh của đạo pháp, ba mươi bảy phẩm đều trở về vô dục.

Lại nữa, này Long vương! Các cây cỏ thuốc, đều sống trên đất. Các pháp thiện hạnh đều nhờ vô dục.

Này Long vương! Ví như chúng sinh yêu thích Chuyển luân thánh vương; nếu có Bồ-tát vô dục, thì các trời, loài rồng, quỷ, người ở thế gian đều ưa thích.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì A-nậu-đạt và các thái tử nói bài kệ tụng:

Dục là tuệ Bồ-tát
Chí mong cầu Phật đạo
Phải nên lìa pháp uế
Thường siêng hành vô dục.
Tuệ giải pháp nhân duyên
Không dựa vào cái thấy
Thấy pháp do nhân duyên
Không duyên, không có pháp.
Duyên sinh đó không sinh
Nên chẳng phải tự nhiên
Duyên lành ấy cũng không
Biết không, nên vô dục.
Chấp duyên mà vô tướng
Thoát nguyện, tịch lại tịch
Đạm bạc như ngu dại
Nơi ấy ma không hại.
Thấy pháp, không chấp duyên

Với mình, không tôi, ta
Nếu không ta, không người
Biết đó là vô dục.
Không chủ, không gìn giữ
Không lấy, cũng không bỏ
Giải thoát không giữ, bỏ
Lìa dục, thường hiểu pháp.
Quán nghĩa, không trang sức
Tuệ hành thoát khỏi thức
Hiểu rõ thuận nghĩa kinh
Nương pháp không vì người.
Nghĩa không là pháp Phật
Giải thoát, không tướng nguyện
Không dựa vào thấy, nghĩ
Ấy nghĩa là vô dục.
Với pháp không có hai
Âm thanh không thể được
Dùng pháp khó lay động
Không nhập nghĩa, vô dục
Nghĩa pháp, nghĩa vô dục.
Mắt, tai, không sắc, thanh
Mũi, miệng, lìa hương vị
Thân tâm không cánh (xúc) pháp,
Không sắc sinh oai nghi
Cũng không lìa thống, tưởng
Cũng không nghĩa thức trụ
Được vậy, hợp nghĩa pháp.
Không trụ nghĩa ba cõi
Cũng không nghĩa tôi, ta
Thế Tôn không sắc thân
Không chữ, nghĩa nói pháp,
Chấp số nghĩa phi pháp
Thứ yếu, không nên làm
Chẳng giới, nhẫn, tấn, định
Tuệ, vô ngã, Thế Tôn.
Các pháp, hiểu vô nghĩa
Trí, gọi là pháp yếu
Với nghĩa, khác phi nghĩa

Vô dục là Phật pháp.
Vô sinh biết trí tuệ
Không khởi diệt có, không
Không sinh cũng không diệt
Như vậy cần phải tập.
Biết tiếng ta, như huyễn
Biết nó như pháp tánh
Hiểu bên trong, như không
Rõ vậy là vô dục.
Biết pháp đi về đâu
Biết rõ tâm chúng sinh
Dứt niệm để chánh ý
Vô dục, được tuệ này.
Ý đoạn, không có hai
Thần túc, tâm bay cao
Nhờ lực, nên không ngạo
Biết ngăn chận các căn,
Giác định hiểu nhờ trí
Biết rõ tám đường thẳng
Tuệ quán nơi diệt, hành
Biết chỗ pháp đi về.
Pháp, vốn không có sinh
Tương lai thì chưa đến
Pháp hiện tại, không dừng
Vô dục, biết như vậy.
Thân vốn không kiên cố
Nói không, như tiếng vang
Tâm huyễn, giống như gió
Vô dục, hiểu như vậy.
Biết nói thuận nghĩa kinh
Hiểu rõ nơi nhân duyên
Diệt gốc si sinh tử
Vô dục, là nghĩa tuệ.
Không ngã, nhân, thọ mạng
Hiểu rõ pháp, phi pháp
Nhờ thoát khỏi ba môn
Đã nói không, đừng chấp.
Vô sinh thấy Diệt, Đạo

Tập tuệ như hạnh tục
Không theo tâm ý sinh
Vô dục, biết hạnh này.
Pháp tánh luôn trụ vậy
Phật hưng và diệt độ
Không hai; hiểu, không hiểu
Vô dục, biết pháp này
Tích chứa như bản tế
Nó chứa đủ các pháp
Chứa không và nhân tế
Vô dục, được trí này.
Pháp tánh thường an trụ
Biết khởi, như diệt độ
Không biết, cho là hai
Pháp vô dục, như vậy.
Không hai, tốt, không tốt
Biết pháp không tội báo
Phật pháp không từ ngoài
Từ hạnh vượt vô cực (rốt ráo).
Nhờ lìa nhân Duyên giác
Tiếng giải thoát Thanh văn
Tuệ trí được giàu lớn
Giữ giới được sinh Thiên.
Nghe nhiều được trí tuệ
Giữ ý, độ chúng sinh
Đến Thánh cũng giữ ý
Pháp vô dục, như vậy.
Lực, thường chuyển các dục
Trí tuệ, đến pháp tồn
Bình đẳng nghĩ các pháp
Pháp tánh thường không được.
Biết rõ nhân duyên khởi
Nên đạt bốn đức hạnh
Biết nghĩa cùng với pháp
Thuận nghĩa, biết vô dục.
Quán duyên, nên thấy pháp
Nhờ pháp, thấy Thế Tôn
Bình đẳng pháp khởi, diệt

Vô dục, hiểu tôn pháp.
Dấu nhân duyên không có
Pháp âm thanh không chữ
Pháp ấy, thấy gốc không
Thánh gọi là Như Lai.
Dùng tuệ thấy nhân duyên
Không thấy, chẳng thấy pháp
Tuệ sáng, rõ nhân duyên
Gọi là thấy Thế Tôn.
Nếu cầu hạnh vô dục
Yêu thích các Hiền thánh.
Pháp tánh hoại, không bỏ
Vẫn giữ giống Hiền thánh
Thường hộ chánh pháp Phật
Vô dục, nghe không quên
Không lìa bỏ căn giới
Với định được bất động.
Biết thân, tuệ không động
Thường trụ thân giải thoát
Tuệ giải thoát sở kiến
Vô dục thường an trụ.
Người hiểu các Phật pháp
Vô lượng các Thánh đạo
Được đủ thần túc Phật
Hiểu đạt tất cả hạnh.
Biết hạnh tình ý chúng
Bỗng nhiên dạo các cõi
Được thấy các Như Lai
Nghe chư Phật thuyết pháp.
Nghe rồi hiểu rõ nghĩa
Bày cho vô lượng người
Biết được ức số hạnh
Chỉ được hướng vô số.
Vô dục thường tự tại
Hàng tâm nhập công đức
Phục ý kiến vô dục
Trọn chẳng đổi đời này.
Tâm đã thoát các ấm

Biết rõ chỗ khởi diệt
Quán diệt không chỗ có
Sở tập cũng là không.
Tánh nghe, chỗ tâm hành
Không dối, thường ngay thẳng
Không nịnh điều nhân thiện
Đức vô dục như thế.
Giải thoát, Không, Tướng, Nguyện
Hiểu khổ, biết sinh tử
Pháp vô ngã luôn vắng
Vô dục từ tâm hạnh.
Phổ trí tâm đẳng Từ
Dùng Bi độ chúng sinh
Vui không chán sinh tử
Giữ hạnh thật vô biên.
Đã cho không mong trả
Tự xét, lập các hạnh
Nhẫn nại, tốt, không tốt
Mong cứu thoát chúng sinh.
Siêng năng cần tu đức
Không tính đến thân mạng
Tiếp theo biết các định.
Cũng không tùy theo định
Tuệ định, đại tinh tấn
Với số, không rối rắm
Bốn Đế độ Thanh văn
Trí không chí diệt độ.
Vô dục đời gặp Phật
Họ có các pháp này
Ma không biết họ hành
Pháp an trụ biết vậy.
Vô dục thật không cùng
Hiểu là gốc tham cấu
Lìa dục đó không tưởng
Ma không biết nơi nào.
Nếu có tưởng, tôi, ta
Họ tự khởi việc ma
Như vậy vượt các hành

Các ma không thể biết.
Vô dục, chí không quên
Việc làm thường thanh tịnh
Vô dục, không ý chí
Hạnh hổ thẹn không hoại.
Nhờ nghe hạnh vô dục
Đẹp tuệ kính Như Lai
Họ trụ, như pháp trụ
Đó nên như Thế Tôn.
Chư Phật, Bậc mười lực
Bồ-tát muốn phụng thờ
Nghe hạnh vô dục này
Ý siêng, thường thọ trì.
Người nghe vô dục này
Tin, thích rộng phụng hành
Họ thường được vô dục
Được quả Phật không lâu.
Thánh nhờ vô dục này
Được vô cùng trong sạch
Vô dục được thành Phật
Hóa độ vô biên chúng.
Phật: Khứ, lai, hiện tại
Đã được các tướng đẹp
Cũng từ vô dục này
Và cũng hành pháp này.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp về phẩm Vô Dục này, có bốn vạn hai ngàn trời, rồng, quỷ thần và Nhân phi nhân ở trong hội đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân. Có một vạn hai ngàn người được Nhẫn bất khởi; lại có tám ngàn người được Nhẫn nhu thuận; ba vạn hai ngàn trời, người, quỷ thần và rồng được xa lìa trần cấu đều sinh Pháp nhãn. Lại có tám ngàn người được hạnh lìa dục. Tám ngàn Tỳ-kheo dứt sạch hết lậu. Ngay lúc ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, cùng khắp mười phương bỗng nhiên rực sáng. Trong ao Vô nhiệt, dưới núi Tuyết, khắp chung quanh đều hiện những điều chưa từng nghe thấy. Diệu hoa đẹp rực sáng đến tận đầu gối. Ở trong nước ao sinh ra nhiều việc khác thường, hoa sen tươi đẹp, lớn như bánh xe, ở trong hoa ấy, có nhiều hương thơm, có vô số sắc hoa, với trăm ngàn các loại. Tất cả đều do oai thần của Phật hiện ra; vì pháp này mà khởi tâm cúng dường để làm vui lòng Long vương Vô Nhiệt vậy.

-oOo-

KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI

QUYỂN 3

PHẨM 6: LÒNG TIN GẶP PHÁP

Bấy giờ, Long vương A-nậu-đạt trong lòng rất vui vẻ, cùng với năm trăm thái tử của Long vương, nhờ đời trước đã phát tâm đạo Vô thượng chánh chân; hôm nay nghe Đức Phật dạy như vậy, tất cả liền được pháp Nhẫn nhu nhuận, lòng mừng khôn xiết, đều muốn được cúng dường, liền vì Đức Như Lai trang hoàng các lọng báu, che trên Đức Thế Tôn, đồng thời thưa Đức Thế Tôn:

–Đức Thánh Sư Như Lai Chí Chân Chánh Giác đã vì chúng con mà xuất hiện ở đời.

Vì sao? Vì khiến cho chúng con được nghe đạo phẩm Phổ tín. Khi được nghe xong, ý không mệt mỏi, không còn biếng nhác thoái lui, cũng không còn hoảng sợ, nghe rồi, càng thêm chuyên tâm tập làm, thích nghe không chán tượng pháp như vậy.

Lại nữa, cúi mong Như Lai giải nói cho con: "Tại sao Bồ-tát được gặp Thế Tôn?"

Đức Như Lai đáp:

–Này các Hiền giả! Hãy siêng nhớ nghĩ, lắng nghe, ta sẽ nói cho.

Các Thái tử thưa:

–Thưa vâng! Chúng con xin được lắng nghe. Các Thượng sĩ ấy sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn.

Đức Như Lai bảo:

–Này Hiền giả Thọ Tín! Ai gieo trồng đức tin sẽ được gặp Phật.

–Sao gọi là tin? Tin là Chánh sĩ tu theo các pháp sáng, phụng thờ trước nhất.

–Sao gọi là pháp sáng? Đó là nương nơi pháp mà hành, không lìa gốc đức, ưa thích tập theo người hiền, hâm mộ tùy thuận Thánh chúng, siêng năng tâm thọ tín, chí không mệt mỏi, suy nghĩ và siêng năng nghe pháp để loại trừ sự ngăn che của ấm, tùy thuận tu tập với đạo được pháp lợi dưỡng

bố thí cùng khắp, đem giới cho người không có giới; bình đẳng tế độ các người nóng nảy giận dữ, nhưng thường ưa thích siêng cầu Phổ trí, tâm không lười biếng, thoái lui, tin Phật mãi mãi, chưa từng loạn pháp, ưa thích Thánh chúng, chí đạo dù khó cũng siêng năng, vui thích chánh chân, xa lìa sự cao ngạo, tự hạ thấp mình trước mọi người, thường có tâm bình đẳng, không dính mắc vào các cảnh giới; trọn bỏ thân mạng, không làm điều ác, tu tập đức tin chân thật; lời nói và việc làm đi đôi nhau, vượt qua chỗ chìm đắm, tâm không nhơ bẩn, hành động của thân, miệng, ý thuận theo lời dạy của Hiền thánh, rõ biết mọi việc, được sự trong sạch, biết đủ không tham, việc làm trong sạch, hiển nhập trí huyễn, tập cầu tuệ căn, dựa vào và tùy thuận bảy Thánh tài, tu niệm thành tín; đã đầy đủ Căn, Lực mà hành chánh kiến; đã thọ giáo thầy bạn thì khiêm nhường, lễ kính, sống đời giản dị; thường đến pháp hội; tâm không nhàm chán thoái bước đối với tai họa sinh tử; hiện ra đức vô vi, siêng năng tinh tấn, cầu được Phổ trí, để hoằng hóa đạo. Đối với pháp của Như Lai, hết lòng ưa thích xuất gia, tu vô số các phạm hạnh thanh tịnh, tạo lập Từ bi, cứu độ chúng sinh, chí mong được báo đền. Đối với người có báo ân và không báo ân đều bình đẳng đón tiếp, che chở; tâm không thương, ghét, không nghĩ điều lợi cho mình, luôn cung kính kẻ khác, tu hạnh nhẫn nhục, đều cho là đầy đủ, tự thấy mình không có điều ác, không nói sau lưng người khác, nội tâm đã vắng lặng, ý chí thích ở chỗ an nhàn, tâm thích sự vắng vẻ, luôn nhớ nghĩ đến tập pháp, vốn không tranh tụng; thấy lỗi của người cũng là lỗi của mình, cầu giới đầy đủ, tập hợp định hạnh, siêng năng, kính cẩn đối với đạo. Đó gọi là Hiền giả đã hành động thích ứng tục tín thọ tín như vậy. Đó gọi là cùng gặp Phật xuất thế.

Lại nữa, này các Hiền giả! Nếu ở thế tục, tạo tín không quên. Đó gọi là khởi tín tâm, gặp Phật xuất thế.

Lại nữa, này các Hiền giả! Sao gọi là tục tín?

–Người có tín tâm, tin các pháp là Không, để lìa vọng kiến. Tin biết các pháp, chính là Vô tướng, để lìa niệm tương ưng. Tin biết các pháp thảy đều Vô nguyện, không có đến, đi. Tin biết các pháp vô thức, vô niệm, yên lặng thân miệng ý, vắng bặt hữu thức. Tin biết các pháp, để lìa dục. Không có ngã, nhân, thọ mạng. Tin biết các pháp. Tin biết vốn không có, đến đi tự nhiên. Tin biết các pháp là chân tế, không dấu vết, vốn như không có dấu vết. Tin biết các pháp rồi, thảy đều tự nhiên, bình đẳng như hư không. Tin biết các pháp để dựa vào pháp tánh. Tin biết các pháp bình đẳng ba đời. Tin biết các pháp, dục xứ, tà kiến, thảy đều diệt tận. Tin pháp không chìm đắm để lìa gốc si mê, vốn không trong sạch. Tin biết các pháp, tâm luôn

trong sạch, cũng không làm hưng khởi các nhơ của sự ham muốn khác. Tin biết các pháp không có chỗ quán kiến. Tin các pháp là sự giúp đỡ v.v… dứt lìa các hành. Tin pháp là vô ngã, để vượt qua vui mừng hờn giận. Tin các pháp vô tâm, vô hình tướng, nên không thể bắt được. Tin các pháp là giả dối, như nắm tay không, đem dụ trẻ con. Tin pháp không dối, không có trên dưới, không chỗ lấy, bỏ. Tin các pháp trống không, giống như cây chuối. Tin pháp tự do, như thường vắng lặng. Tin pháp không thẩm xét, không trụ ba nơi. Tin pháp hoàn toàn không, không có chỗ sinh ra. Tin pháp như hư không vì bình đẳng vô số. Tin biết các pháp giống như Niết-bàn, mình luôn vắng lặng.

Như vậy, này Hiền giả! Với người thế tục, hưng khởi lòng tin này. Đó gọi là tạo niềm tin để gặp Phật pháp.

Lại nữa, này Hiền giả! Người có niềm tin, gặp được tên gọi Phật pháp. Đó được gọi là các pháp hoàn toàn không khởi.

Vì sao? Vì không phải do sắc sinh ra, không sắc, không sinh, do tập hóa chuyển. Không phải thống, tưởng, hành, thức; không phải thức khởi; không phải do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Không khởi chuyển tập; không phải do thân khởi chuyển, không si mê có không; không sinh, lão, tử. Vì khởi có không, như vậy gọi là gặp Phật xuất thế; không khởi có sinh, cũng không khởi có diệt.

Lại nữa, không khởi tập đối với không, diệt. Không nhờ chánh ý, không có tập chí ý mà gặp Phật xuất thế.

Nói tóm lại, cũng không nhờ ba mươi bảy Đạo phẩm pháp, khởi hay không khởi tập; cũng không dùng tập vô sinh của đạo; không nhờ khởi tuệ, cũng không diệt tuệ. Chẳng tuệ, không tuệ, tập không có hai mà gặp Phật xuất thế.

Khi Đức Phật đang nói về phẩm, nhờ đức tin mà gặp Phật xuất thế, Long vương Vô Nhiệt và năm trăm thái tử đều được pháp Nhẫn nhu thuận. Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tín tâm, được gặp Phật
Mà tập nơi bất sinh
Ai không phát tín tâm
Không gặp Phật ở đời.
Tu tín là cao tột
Đạt đến pháp thanh tịnh
Hành nghiệp có báo ứng
Không chống trái việc tu.

Tin tập các Hiền thánh
Siêng tu, thường lễ kính
Tâm không có biếng lười
Do tín này làm ra.
Siêng đi nghe thuyết pháp
Ấm cái, không thể động
Từ tín đến được đạo
Thực hành hạnh Nhu thuận.
Nhờ pháp được tiền của
Chuyển ban cho khắp nơi
Giữ giới và phá giới
Hành tín nên cho đều.
Vui với người giận dữ
Đạo tâm không lười biếng
Siêng cầu pháp Đại thừa
Tín, vui đến mọi người.
Lìa hẳn mọi cao ngạo
Chí luôn tự khiêm nhường
Chỗ ở không đắm chìm
Lập tướng tín, như vậy.
Chí tín, không tiếc thân
Trọn không tạo ác hạnh
Giữ lành, không nói dối
Nói, làm thường hợp nhau.
Tín vui không giới hạn
Thích hành nơi vô tâm
Thân, miệng, ý trong sạch
Tập theo Thánh, che chở.
Có hạnh tín tâm sạch
Thường được tuệ dẫn dắt
Biết căn bản của thân
Cầu hỏi, và nói ra.
Đẳng niệm nơi bảy tài
Được lực, căn đầy đủ
Lìa hẳn các tà kiến
Chí thường tập Đẳng hạnh.
Lễ bái, có tâm vui
Kính thờ như thầy mình

Tâm chứa tốt, khiêm cung
Tri túc, không thay đổi.
Trong tâm thường vô niệm
Chí nguyện nơi đạo pháp
Có người chán sinh tử
Dẫn, chỉ, đức vô vi.
Giải thoát việc đang làm
Thường cầu tâm vui vẻ
Mau lìa khỏi đời này
Tu phạm hạnh không mỏi.
Nhớ nghĩ các chúng sinh
Cứu họ không mong lợi
Báo đáp ân đã thọ
Vui tín nên cần cầu.
Không vui vì lợi mình
Không ghét người được cúng
Tâm nhân, nhẫn đầy đủ
Không nịnh, sống chất trực.
Hành tín tự mình thấy
Không nói xấu lỗi người
Căn lặng, tánh an nhiên
Chí ưa ở cảnh nhàn,
Trong tâm không huyên náo
Cố gắng lo làm ân
Nghịch ý cũng không cãi
Chỉ biết, sửa lỗi mình.
Cần cầu đủ giới hạnh
Chuyên tập nơi đạo định
Thích tín, ưa hạnh vui
Tướng người tín như vậy.
Ai vượt qua tục tín?
Thực hành và hiểu nó
Cùng pháp không tranh cãi
Điều Phật dạy sâu xa.
Thành tín, tin nơi không
Họ không có các kiến
Các pháp không có tướng
Không ý, lìa nhớ nghĩ,

Sẽ dứt lìa các niệm
Hiểu rõ việc đi đến
Pháp vốn không người tạo
Không có nơi thân tâm.
Tín là pháp vô dục
Lìa ngã, nhân, thọ mạng
Người tin, hiểu vốn không
Được đến chỗ không hai.
Nó vốn không chứa nhóm
Thể không như hư không
Chư pháp, tín cũng vậy
Liền đồng với pháp tánh.
Bình đẳng với ba đời
Các pháp không có lậu
Dục xứ cùng với tham
Ưa tin không thọ kiến.
Các pháp không có đắm
Nó vốn sáng, trong sạch
Khách dục không thể che
Tâm không có chỗ trụ.
Các pháp không thể thấy
Nhân duyên mà không khởi
Thường quán nơi hạnh cao
Không trụ thọ chỗ dở,
Không hợp cũng không lìa
Giải thoát, đồng không hợp
Tin thích nơi pháp không
Kẻ ngu bị mê hoặc.
Đạm bạc, ý không khởi
Dối trá như cây chuối
Miệng nói, vẫn tự nhiên
Không bỏ, cũng không lấy.
Các pháp không chỗ có
Cái thấy cũng không cần
Pháp thấy như hư không
Đẳng duyên nhiều vô số.
Các pháp như Niết-bàn
Vốn không, không thể thấy

Tin thích mà thực hành
Hiểu rõ thân hư không.
Ai có tín như vậy
Bồ-tát và người phàm
Đều sẽ được gặp Phật
Việc làm không có ác.
Không vì tạo sắc hạnh
Được gặp Phật ra đời
Không sắc, không có chỗ
Không đến, cũng không đi,
Với sắc, không có sinh
Không diệt, cũng không trụ
Đương lai không chỗ đến
Gặp Phật rộng nói pháp.
Năm ấm cũng như vậy
Hóa, tập, chuyển, vô sinh
Gặp Phật đang thuyết pháp
Tuệ đạt, các Bồ-tát,
Thân họ và hữu tình
Cũng tập, nhờ vô sinh
Phật hưng nhờ vô sinh
Thường cứu kẻ đạo lạc.
Si vốn không có sinh
Sinh tử, cũng như thế
Duyên này như vốn không
Từ pháp mà có Phật,
Không khởi, không có sinh
Không diệt, không có trụ
Nhờ đó, biết vô xứ
Xứ cũng không thể thấy.
Nó cũng không tự sinh
Cùng Phật mà rộng nói
Vô chí, không có trụ
Đó cũng do Phật chuyển.
Các loài cũng như vậy
Phật chủng thuận như pháp
Loại ấy cũng khởi không
Như Phật mà xuất hiện.

Nếu ai làm như vậy
Phật hiện vì người ấy
Ưa tin đại chúng này
Thật không có hạn lượng.

-oOo-

PHẨM 7: CHUYỂN BÁNH XE PHÁP

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các thái tử…

–Lại nữa, này các Hiền giả! Sao gọi là Bồ-tát được chuyển xe pháp, đó là nói theo ý nghĩa tượng pháp như vậy để thọ trì không quen mà tu hành. Các hữu tình không phát khởi ý đại Bi, nhưng vì hưng khởi Phổ trí, tùy thuận mong ước của mọi người, nên mới thuyết pháp rộng rãi tuyên bố, mở bày chí không mệt mỏi, vứt bỏ lợi dưỡng, khuyên nên nhớ nghĩ thuận thời, thọ trì gìn giữ tu hạnh. Đó gọi là Bồ-tát chuyển pháp luân.

Lại nữa, nếu Như Lai đã chuyển xe pháp, nhưng xe pháp của Như Lai là hành tượng nhập đức, nên phân tích trình bày; không dùng khởi pháp, cũng không diệt pháp, không dùng hành pháp của kẻ phàm phu thấp hèn, lại cũng không dùng pháp của Hiền thánh để chuyển bánh xe pháp.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không cắt đứt nửa chừng, bình đẳng dứt hết tốt xấu. Vị ấy nhờ vậy, nên xe pháp không bị cắt đứt.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, khởi lên do nhân duyên; chẳng khởi, không khởi, nhưng có sự chuyển vận. Vì lý do ấy, nên bánh xe pháp không khởi chuyển.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không dùng mắt, sắc, tai, âm thanh, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, cánh, tâm pháp, các tình mà chuyển; nó tùy theo hữu duyên chuyển; vì lý do ấy không có hai loại bánh xe pháp. Nếu có hai thì chẳng phải bánh xe pháp.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, cũng không dính mắc vào quá khứ, đương lai, hiện tại mà chuyển. Đó là bánh xe không chấp trước.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không do ngã kiến chuyển, chẳng phải do nhân, mạng thọ, chỗ trụ mà chuyển. Đó gọi là bánh xe Không.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không do thức, hành, tướng, diệt niệm mà chuyển. Đó là bánh xe Vô tướng.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không phải mong ước đối với Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới mà chuyển. Đó là bánh xe Vô nguyện.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không tính toán chúng sinh có sai khác mà chuyển. Không ở nơi hai pháp; đó là pháp của người phàm; là pháp Thánh giới; là pháp Thanh văn; là pháp Duyên giác; là pháp Bồ-tát; là pháp của Phật. Vì vậy gọi vị ấy là bánh xe không đổi khác.

Lại nữa, bánh xe pháp ấy, không dùng bánh xe pháp có trụ mà chuyển. Vì vậy, nên gọi là bánh xe không trụ vậy.

Tên của bánh xe pháp thế nào?

–Này chư Hiền! Vì bánh xe pháp chánh chân, chắc thật, thường không hủy hoại vậy. Nghĩa cơ bản của chữ bánh xe là bình đẳng ba đời, vì bánh xe không nơi chốn. Vì các tập kiến xứ, nhờ bình đẳng vượt qua, bánh xe trong sáng, hiu quạnh; thân tâm không đắm trước, không thể thấy bánh xe. Vì ý thức xa lìa, nên không có khe hở của bánh xe, không ở nơi năm đường. Xét kỹ về bánh xe. Không có chân đế hiển hiện. Bánh xe của sự thực hành tín tâm, bình đẳng giáo hóa chúng sinh, vì không lừa dối vậy. Bánh xe là không thể tận, vì chữ, không chữ vậy. Bánh xe của pháp tánh, bởi vì các pháp đều nương nhờ pháp tánh vậy. Bánh xe vốn chứa chân đế, vốn không chứa vậy. Bánh xe hoàn toàn không, như vốn không vậy. Không chỗ tạo ra bánh xe, vì không nhớ nghĩ đến các lậu. Bánh xe vô số, dẫn đến chí Thánh. Bánh xe như hư không, vì thấy rõ bên trong. Bánh xe không tướng, vì không nhớ nghĩ bên ngoài. Bánh xe vô nguyện, vì không có trong va ngoài. Bánh xe không thể được, tu để vượt qua.

Lại nữa, này các Hiền giả! Đức Như Lai dùng bánh xe pháp này, chuyển vận các ý hành của chúng sinh. Chuyển mà không chuyển. Nó không thể nắm bắt, vì pháp không có chỗ để xả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, khi giảng nói phẩm Chuyển bánh xe pháp này; thì trời, rồng, quỷ, người và các loại thần, trong lòng vô cùng hân hoan sung sướng, phát ra ánh sáng, ca tụng pháp ấy của Đức Như Lai. Đồng thanh ngợi khen:

–Lành thay Thế Tôn! Thật là khó gặp! Như Lai đã chỉ bày, chuyển nói bánh xe pháp này.

Người nghe phụng hành phải phù hợp với bánh xe pháp. Pháp này tên gọi là bánh xe chuyển hư không. Các Đức Phật quá khứ và đương lai, cùng Phật hiện tại đều thờ pháp này mà thành. Nếu ai có lòng tin, thì sẽ được độ thoát. Những người thực hành pháp này, ta nói là đã ngang bằng với Thế Tôn. Ta sẽ thay họ khuyên giúp cho các chúng sinh, để họ hưng khởi tâm này. Còn ai muốn nghe phẩm bánh xe pháp này; nghe rồi nên cầu

đạo hạnh cơ bản này, họ cũng không lâu sẽ được chuyển bánh xe pháp.

Bấy giờ, trong chúng nghe Đức Phật thuyết như vậy; có một vạn Thiên tử đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân; năm ngàn Bồ-tát mau được pháp Nhẫn.

Lúc này Đức Thế Tôn bảo các vị Hiền giả:

–Này các Chánh sĩ! Ai gìn giữ chánh pháp, thọ trì chánh pháp, làm chánh pháp lớn mạnh, đó gọi là bảo vệ pháp.

Vì sao? Vì đối với vị hành giả ấy, vĩnh viễn không bị hủy diệt, dù trời hay người đời, trọn không thể địch nổi vị ấy.

Bấy giờ, Vô Ưu đến trước Đức Phật, bạch:

–Lại nữa, thưa Thế Tôn! Nếu vị Chánh sĩ ấy, dùng pháp như vậy, mà được Tối giác; vậy vị ấy vốn có sự mê hoặc? Vả lại, hình tượng các Chánh sĩ như vậy, nên phải cùng nhau ủng hộ. Sở dĩ ủng hộ, là khiến cho các vị Chánh sĩ ấy mau phù hợp với pháp Đại thừa này; các vị ấy đều đã hành như vậy sẽ được chuyển bánh xe pháp. Lại có thể hiểu biết được pháp đại minh.

Thưa Thế Tôn! Cho nên, Thế Tôn mới vì những người ấy, mà dạy pháp cơ bản chính là ủng hộ họ, khiến họ phát Đại thừa. Và cũng để bảo vệ cho Pháp sư an lạc, kính lễ, thuận nghe giới cấm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi con của Long vương là Vô Ưu rằng:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ Vô Ưu! Các người phát Đại thừa, vì các Pháp sư cho nên an tâm ủng hộ. Đó gọi là bảo vệ pháp. Vì các Pháp sư làm chánh pháp lớn mạnh nên phải bảo vệ gìn giữ chánh pháp.

Lại nữa, này Vô Ưu! Người bảo vệ chánh pháp có mười công đức. Những gì là mười?

–Đó là:

1. Không có tánh tự đại, hàng phục sự cao ngạo.
2. Thực hành cung kính.
3. Không có hạnh dối trá.
4. Siêng suy nghĩ, yêu thích pháp.
5. Chí ưa tập theo pháp.
6. Ý thường xuyên tùy pháp.
7. Hành quán nơi pháp.
8. Ưa thích nói pháp.
9. Thích tu hành pháp.
10. Đến nơi nào cũng tùy thuận thuyết pháp.

Đó là mười hạnh nhờ bảo vệ chánh pháp.

Lại nữa, này Vô Ưu! Cũng có mười việc hầu hạ, để bảo vệ chánh pháp. Những gì là mười?

1. Tộc tánh nam và tộc tánh nữ nghe Pháp sư đến, đã từ xa lễ bái.

2. Suy nghĩ ưa thích được hầu hạ.

3. Pháp sư đến, liền kính yêu.

4. Cung cấp những nhu cầu về y phục, ẩm thực.

5. Hộ trợ các việc.

6. Đi đến đâu cũng khiêm nhường cung kính.

7. Nghe theo lời Pháp sư dạy, để nói cho người đồng học.

8. Ngăn chặn người nói xấu.

9. Thường Thích-ca tụng khen ngợi.

10. Làm cho tiếng tốt của Pháp sư được lan xa.

Đó là mười việc hầu hạ để bảo vệ chánh pháp.

Lại nữa, này Vô Ưu! Có bốn điều cần ban cho, để bảo vệ chánh pháp. Những gì là bốn?

1. Dùng bút mực, lụa trắng cung cấp cho Pháp sư.

2. Dùng y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc men để cúng dường.

3. Nếu theo Pháp sư để nghe thuyết pháp, thì dùng tâm không dối trá để khen ngợi.

4. Nghe rồi thì nhận lãnh gìn giữ, rộng nói cho người khác.

Đó là bốn việc cần ban cho để bảo vệ chánh pháp.

Lại nữa, này Vô Ưu! Có bốn việc sáng suốt tiến tới để giữ gìn chánh pháp. Những gì là bốn?

–Đó là:

1. Sáng suốt tiến tới sự cầu pháp.

2. Siêng năng rộng rãi giảng nói pháp.

3. Cung kính và đủ lễ Pháp sư.

4. Nếu có người pháp bỏ chánh pháp, dùng chánh pháp và sự tinh tấn để hàng phục họ.

Đó là bốn sự tinh tấn, để giữ gìn chánh pháp.

Bấy giờ, năm trăm thái tử của A-nậu-đạt, nghe Đức Phật dạy như vậy, lòng vui mừng sung sướng, ưa thích vô lượng, cùng nhau thưa:

–Những điều Đức Như Lai đã dạy, thật là hay không gì bằng, đã giải

trừ các hồ nghi của chúng con. Chúng con dùng cung điện và các quan cùng quyến thuộc của mình, dâng lên Đức Phật và cung cấp những vật cần dùng, dùng tâm kính thuận để thưa lại: Từ nay, Đức Thế Tôn ân cần thọ hóa, mãi không mệt mỏi, cho đến lúc Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn. Điều Đức Phật đã dạy, là biểu tượng của pháp báu. Chúng con phải cùng nhau kính thọ phẩm kinh quan trọng này, cầu mong thông đạt, khuyên nhau cố gắng tu hành. Vì vậy, thưa Thế Tôn! Chúng con xin hết lòng phát nguyện.

Lại nữa, nếu sau khi Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn, chúng con, đối với Đức Thánh Tôn, ở tại đất nước mình, cùng nhau đồng tâm cúng dường xá-lợi, hộ trì phụng thờ, lễ kính cho đến lúc không còn hiện hữu.

Bấy giờ Hiền giả Ca-diếp, bậc kỳ túc bảo các thái tử:

–Này các Hiền giả! Chư vị nói là chỉ riêng một mình các vị được cúng dường thân thần xá-lợi của Đức Như Lai. Những lời nói của quý vị, làm mất hết các gốc đức của chúng sinh, ngăn che sự thanh tịnh sáng suốt, làm mờ đạo chí hóa nên mới nói như vậy.

Vì sao? Vì Đức Như Lai vốn đã phát nguyện sẽ làm cho xá-lợi được ban cho khắp, giống như hạt cải, vì các chúng sinh rủ lòng đại Bi; sao các vị lại muốn cúng dường một mình?

Các Chánh sĩ ấy, liền trả lời Hiền giả Đại Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Tôn giả đừng dùng trí hữu hạn của Thanh văn mà hạn chế trí tuệ minh đạt vô cùng sâu xa của Đức Như Lai!

Vì sao? Vì Đức Như Lai có Phổ trí tâm thấy tất cả nơi; Như Lai dùng thần túc, cảm động biến hóa. Nếu Như Lai khởi niệm, có thể khiến cho các cung điện của trời, rồng, quỷ thần, ở tam thiên đại thiên thế giới đều có thể hoàn toàn là chỗ đặt để xá-lợi của Phật; khiến cho ai nấy cũng đều nghĩ rằng: "Riêng ta mới là người cúng dường xá-lợi của Đức Như Lai, người khác thì không được."

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đức Thế Tôn sau khi nhập Niết-bàn, tùy tâm chúng sinh mà có sự đặt để, phụng thờ xá-lợi.

Lại nữa, thưa Tôn giả Ca-diếp! Nếu Đức Như Lai, ở nơi trời Sắc cứu cánh, tạo chỗ đặt để xá-lợi, giống như hạt cải thì cũng có thể làm cho ánh sáng chiếu khắp trong cõi trời đất ấy. Đó là sức cảm động, oai thần biến hóa của Đức Phật Thế Tôn vậy.

-oOo-

PHẨM 8: GIẢI QUYẾT CÁC NGHI NẠN

Bấy giờ, Hiền giả Tu-bồ-đề bảo:

–Này các Tộc tánh tử! Vả lại, Đức Như Lai có diệt độ chăng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Ngay lúc khởi sinh đã có sự diệt độ.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Này các Tộc tánh tử! Vậy Đức Như Lai có sinh chăng?

Thưa rằng:

–Đức Như Lai vốn không sinh, không sinh mà sinh.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Như như vốn không, không sinh, chẳng sinh, hoàn toàn không sinh chăng?

–Đúng vậy, thưa Tu-bồ-đề! Sự sinh của Đức Phật, đúng là vốn không, nên không có sinh.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Sự sinh của Đức Phật như vậy, thì sự diệt thế nào?

Thưa rằng:

–Sự diệt cũng lại như vậy, như như vốn không; sinh nơi vô sinh, Niết-bàn diệt độ, cũng là vốn không.

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Không khởi mà sinh, thì diệt độ cũng vậy. Sự diệt như vậy, cũng là vốn không.

Khi nói lời ấy, ở nơi vực sâu trong ao Vô nhiệt, hiện ra một bông sen lớn, giống như bánh xe, với vô số vô lượng, những màu sắc khác nhau; dùng các báu và ngọc danh tiếng để trang sức thành ánh sáng. Ở giữa các hoa, có một bông sen lớn, màu sắc rực rỡ, hiện sự tốt đẹp lạ thường, bay vút lên cao.

Hiền giả A-nan ở trong ao lớn Vô nhiệt, thấy sự biến hóa lạ lùng như vậy, liền thưa hỏi Đức Thế Tôn:

–Nay có sự biến hóa này, là ứng hiện điềm lành gì, mà khởi lên sự cảm động như vậy?

Đức Như Lai đáp:

–Này A-nan! Hãy thong thả, rồi sẽ tự thấy.

Đức Phật mới nói xong, bỗng từ phương dưới, cho đến cõi Bảo sức thế giới của Đức Như Lai Bảo Anh, sáu vạn Bồ-tát cùng Bồ-tát Nhuyến Thủ, bỗng nhiên nhảy lên, di chuyển khỏi cõi Năng nhân, bay đến ao lớn Vô nhiệt; tất cả đều hiện trên tòa sen lớn thật đẹp đó.

Đồng tử Nhuyến Thủ liền ngồi ở tòa sen cao rộng.

Bấy giờ, chúng hội thảy đều thấy rõ, ngạc nhiên và kinh hoàng! Khi ấy, A-nậu-đạt và các Bồ-tát, Thích, Phạm, Trì Thế đều đến nhóm họp; các chúng thảy đều chắp tay cúi đầu đảnh lễ. Đồng tử Nhuyến Thủ lui ra, đứng trong hư không, cùng cầm lọng giao lộ bằng ngọc báu.

Cùng với Đồng tử Nhuyến Thủ, các Bồ-tát đang ngồi trên tòa sen, cũng đồng thời vọt lên hư không, cách mặt đất rất xa. Ở trên hư không ấy, làm mưa những hoa sen thật đẹp chưa từng thấy, để cúng dường Đức Như Lai. Từ trong các hoa, lại có tiếng phát ra:

–Đức Như Lai Bảo Anh thăm hỏi Đức Thế Tôn, sự đi lại có được vô lượng tốt đẹp, cơ thể có được khỏe mạnh, thần lực có được an hòa chăng?

Tiếng ấy lại nói tiếp:

–Đồng tử Nhuyến Thủ và các Bồ-tát, gồm sáu vạn người, cùng đến cõi Nhẫn, đi đến ao sâu của Long vương Vô Nhiệt để xem sự biến hóa cảm ứng ấy. Lại có ý thích muốn được nghe Long vương, hỏi về Đạo phẩm trang sức nhập vào trong pháp căn bản để nói; xin Đức Thế Tôn rộng khuyến pháp ngôn khiến cho mọi người có sự mừng vui.

Bấy giờ, Đồng tử Nhuyến Thủ và các Bồ-tát, từ hư không đi xuống, đến chỗ Bậc Chánh Giác, cúi đầu lạy Đức Như Lai, lòng mừng rỡ cung kính, đứng trước Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Bậc Thiên Sư mới bảo Nhuyến Thủ:

–Đồng tử đến đấy à? Vì mong ước điều gì mà cùng các Bồ-tát đến đây?

Nhuyến Thủ bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con ở tại thế giới Bảo sức, cõi của Phật Như Lai Bảo Anh, được nghe Đức Như Lai Năng Nhân Chí Chân rủ lòng thương xót đến mười phương chúng sinh, diễn nói pháp yếu này. Vì nghe pháp ấy, nên từ cõi kia, mới đi đến đây hầu hạ, lễ bái Đức Thiên Sư, nhờ đó mà được nghe Đức Như Lai giảng pháp.

Tôn giả Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Có phải các Đại sĩ này, ở gần cõi Phật Thế Tôn Bảo Anh, thuộc thế giới Bảo sức, rồi bỗng nhiên đi đến đây chăng?

Nhuyến Thủ đáp:

–Thưa vâng! Như Tôn giả Ca-diếp khi nhập định, với năng lực thần túc và phi hành cao tột; dù cho đến lúc mạng chung, rồi diệt độ ở trong đó, vẫn không thể đến cõi ấy được. Vì cảnh giới của nước ấy rất xa vậy.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Cõi ấy, cách nơi đây, trải qua sáu mươi hằng sa cõi Phật, mới đến cõi Phật Như Lai Bảo Anh.

Tôn giả nói tiếp:

–Quý vị, từ cõi ấy đến đây, thời gian bao lâu?

Đáp rằng:

–Thật lâu! Như tuổi cao, lậu tận, ý được giải thoát của Tôn giả vậy.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thật chưa từng có. Quả vậy, thì này Nhuyến Thủ! Thần túc của các Chánh sĩ này là như vậy sao?

Nhuyến Thủ lại nói:

–Tôn giả tuổi cao, lậu tận, ý giải thoát; thời gian lâu bao nhiêu?

Đáp rằng:

–Như trong khoảng khắc của sự chuyển ý.

Lại nói:

–Tôn giả tuổi cao đã giải thoát chăng?

Đáp rằng:

–Đã giải thoát.

Nhuyến Thủ lại hỏi:

–Ai buộc tâm mình mà có sự giải thoát?

Đáp rằng:

–Này Nhuyến Thủ! Vì tâm có cột, mở; chẳng phải sự giải thoát là có mở, để đạt tuệ kiến.

Hỏi rằng:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Nếu tâm không cột, cần gì phải mở?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Biết tâm không cột, thì đó là mở.

Hỏi:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Dùng những tâm gì, mà gọi là biết tâm? Dùng tâm quá khứ chăng? Dùng đương lai hay hiện tại? Tâm quá khứ đã diệt mất, tâm đương lai chưa đến, tâm hiện tại thì không dừng. Vậy dùng những tâm gì, mà biết tâm mình?

Đáp rằng:

–Tâm đã diệt ấy! Này Nhuyến Thủ! Tức không có sự toan tính của

thân tâm.

–Này Hiền giả! Tâm biết diệt chăng?

–Tâm diệt rồi, thì không thể biết được.

–Khi đạt đến đó hoàn toàn diệt hết tâm. Nó vĩnh viễn không có thân thức để được.

–Thật là bậc Đại Biện Tài. Này Đồng tử Nhuyến Thủ! Chúng tôi thấp kém, đâu có thể ứng đáp được những lời biện luận cao tột.

Nhuyến Thủ lại nói:

–Vì sao? Này Tôn giả Ca-diếp! Tiếng vang lẽ nào có ngôn từ chăng?

–Không, này Đồng tử! Là nhân duyên khởi vậy.

–Không nói chăng? Thưa Đại Ca-diếp! Tất cả âm thanh giống như tiếng vang chăng?

–Đúng vậy.

Nhuyến Thủ lại nói:

–Âm vang lời nói có thể đạt đến chăng?

–Không thể đạt đến.

Lại nói:

–Đúng vậy, thưa Đại Ca-diếp! Bồ-tát sử dụng biện tài quyền xảo, không thể nghĩ bàn, cũng không cắt đứt. Nếu Trưởng lão hỏi, từ kiếp này đến kiếp khác về cơ biện của Bồ-tát thì khó mà cùng tận.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn, gia khuyến cho Nhuyến Thủ, hãy vì đại chúng này mà rộng giảng thuyết pháp, khiến cho các chúng hội mãi mãi được an ổn, khiến cho tất cả được pháp yếu rực sáng.

Khi ấy, ở trong chúng, có một Đại Bồ-tát, tên là Trí Tích hỏi Đồng tử Nhuyến Thủ:

–Này Đồng tử! Vì sao Trưởng lão Ca-diếp tuổi cao, kỳ cựu mà lời nói khiếp nhược, thấp kém như vậy? Sao vẫn gọi Trưởng lão là tuổi cao?

Đồng tử Nhuyến Thủ đáp:

–Vì Trưởng lão là Thanh văn, cho nên mới biện luận không quả quyết.

Trí Tích lại hỏi:

–Có phải Trưởng lão không biết phát tâm Đại thừa chăng?

–Hoàn toàn không phải vậy. Vì Trưởng lão chỉ dùng sự giải thoát của Thanh văn thừa.

Hỏi:

–Lại nữa, này Nhuyến Thủ! Vì sao gọi là Thanh văn thừa?

Nhuyến Thủ đáp:

–Này Tộc tánh tử! Đức Thế Tôn là Bậc Năng Nhân, tùy theo các chúng sinh mà lập ra ba thừa giáo, phô diễn sự nói pháp. Có hạnh Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Đại thừa. Vì sao? Vì chúng sinh ý mang nhiều tham, chí khí thì thấp kém, nên mới nói ba hạnh.

Trí Tích lại hỏi:

–Này Nhuyến Thủ! Vì sao Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoàn toàn không có hạn lượng? Sao lại giới hạn chỉ có ba thừa?

Đáp rằng:

–Này Tộc tánh tử! Đó là các Đức Như Lai sử dụng quyền xảo, cho Không, Vô tướng, Vô nguyện, không có hạn lượng. Vì các chúng sinh hay dính mắc vào giới hạn, nên nói có hạn lượng; nhưng hoàn toàn không có giới hạn đối với người không giới hạn.

Hỏi:

–Lại nữa, này Nhuyến Thủ! Chúng tôi có thể thoái lui, để vĩnh viễn không cùng chúng sinh tâm chí thấp hèn hội hợp.

Nhuyến Thủ đáp:

–Này các Tộc tánh tử! Hãy kiên nhẫn, nên theo Long vương Vô Nhiệt, để nghe trí tuệ biện tài và vô lượng pháp.

Kỳ lão Ca-diếp hỏi Trí Tích:

–Thế nào, thưa Chánh sĩ! Như cõi Phật Như Lai Bảo Anh, Ngài sẽ nói pháp thế nào?

Trí Tích đáp:

–Chỉ có một pháp vị. Từ một pháp, tiếng nói sẽ diễn xuất vô lượng pháp nghĩa; chỉ luận về pháp không thoái chuyển của Bồ-tát, luận về yếu hạnh thâm sâu mầu nhiệm của chư Phật. Từ đó, giữ lấy giải thoát, không do các chúng xen tạp, nương nơi Phổ trí, hoàn toàn không có sự giải thoát nào khác, mãi mãi giảng về lời bàn thanh tịnh, thuần thục của Bồ-tát. Những vị ấy hoàn toàn không có hạnh khiếp nhược.

Bấy giờ, A-nậu-đạt hỏi Nhuyến Thủ:

–Nhân tôn Nhuyến Thủ đến đây để hầu hạ Như Lai. Vậy có bao nhiêu hình tượng để quán Đức Như Lai? Dùng sắc để quán chăng? Hay dùng thống (thọ), tưởng, hành, thức để quán Đức Như Lai?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy.

Lại hỏi:

–Nói một cách tóm lược, đó là dùng sắc khổ để quán chăng? Hay thống, tưởng, hành, thức khổ để quán chăng? Diệt sắc, thống, tưởng, hành, thức để quán chăng? Dùng hạnh Không, Vô tướng, Vô nguyện quán Như Lai chăng?

Trả lời:

–Chẳng phải vậy.

Lại hỏi:

–Có phải là dùng quá khứ, vị lai, hiện tại, tướng tốt, mắt thịt, mắt thánh, mặt tuệ để quán Như Lai chăng?

Đáp rằng:

–Chẳng phải vậy!

Hỏi:

–Thế nào Nhuyến Thủ! Dùng những tướng gì để quán Như Lai?

Đáp:

–Này Long vương! Quán Đức Như Lai, phải như Đức Như Lai.

Lại hỏi:

–Này Nhuyến Thủ! Như Lai là thế nào?

Đáp:

–Như Lai là Vô đẳng chi đẳng, sự bình đẳng không thể thấy, vì Như Lai là vô song, nên rất tươi đẹp.

Này Long vương! Như Lai là Bậc tôn quý, không cùng, không phải ngẫu nhiên Ngài vô song, không thể so sánh hay ví dụ, không trù lượng, không ai bằng, không thể so sánh, cũng không sắc tướng, Ngài không có hình tượng, không hình, không ảnh, không danh, không tự, không nói, không thọ. Này Long vương! Như Lai là như vậy. Nên xem xét như vậy để quán Như Lai. Cũng không dùng mắt thịt, mắt thánh, mắt tuệ để quán Như Lai.

Vì sao? Vì dùng mắt thịt để thấy cho rõ; nhưng Như Lai thì không tối, không sáng, cho nên không thể dùng mắt thịt để quán.

Lại nữa, mắt Thánh thì có tướng tạo ra, mà Như Lai thì bình đẳng, vượt qua tất cả, không đứng yên; cho nên không thể dùng mắt Thánh để quán.

Lại nữa, mắt Tuệ thì vốn biết là vô tướng, nhưng Như Lai thì đối với chúng, hoàn toàn không có; cho nên không thể dùng mắt Tuệ để quán.

Này Nhuyến Thủ! Thế nào là quán Đức Như Lai để được thanh tịnh?

Đáp:

–Này Long vương! Ai biết nhãn, thức, tâm không có khởi; lại biết sắc, thức, tâm không khởi diệt. Ai quán như vậy là quán Như Lai và sẽ được thanh tịnh.

Bấy giờ, các Bồ-tát ở cõi Bảo sức của Như Lai Bảo Anh đến dự, đạt được điều chưa từng có, nên thảy đều vui vẻ và nói:

–Thật là sự nhiệm mầu, sung sướng! Các chúng sinh này khéo gặp Đức Như Lai, nghe được Long vương hỏi về phẩm Giải quyết hồ nghi như vậy. Nghe rồi vui mừng, tin, thọ, không sợ, không hãi, không còn lo ngại gì, lại thêm thọ trì, đọc tụng, chỉ bày, ban cho. Chánh sĩ như vậy, nên ở trong nhà tuệ. Chúng tôi từ Đức Thế Tôn Bất Không đến đây, được nghe về tượng pháp cơ bản vô cực này.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Pháp này nếu được lan đến làng xóm, quốc gia nào thì nên biết nơi đó, Đức Như Lai mãi còn, trọn không diệt độ, chánh pháp không hủy hoại, việc đạo hóa sẽ thịnh vượng.

Vì sao vậy?

–Vì pháp phẩm này, có thể hành phục ma quân, chế ngự các ngoại đạo.

Bấy giờ, A-nậu-đạt bảo Nhuyến Thủ:

–Đồng tử Nhuyến Thủ là người khéo tu hành. Bồ-tát này được nghe pháp ấy, được thành Phật không khó, tự mình tiến bộ, khuyên hóa người khác, chuyên cần với đạo không mệt mỏi.

–Sao gọi là Bồ-tát cần tu hạnh lành?

Nhuyến Thủ đáp:

–Này Long vương! Như hạnh tham lam không có, hạnh ban cho cũng không, hiểu được như vậy, gọi là hạnh lành. Nói tóm lại, không có giới cùng với giới; ôm lòng sân hận với nhẫn nhục; lười biếng thoái lui với tinh tấn; loạn ý với nhất tâm, Như sự ngu là không thì trí tuệ cũng không. Đối với những việc ấy bình đẳng, gọi là hạnh lành.

Lại nữa, này Long vương! Như sự dâm dục, giận tức, ngu si là không; sự không dâm dục, giận tức, ngu si, cũng không. Như hạnh tham dự vào sự việc là không, sự không tạp loạn cũng không. Đối với những hạnh ấy, gọi là hạnh lành.

Lại nữa, này Long vương! Như hành tám vạn bốn ngàn là không, sự chánh chân giải thoát của Hiền thánh cũng là không. Đối với những hạnh ấy, gọi là hạnh lành.

Lại nữa, này Long vương! Nếu có các bậc Minh hiền tu Bồ-tát hạnh; không hành, không chẳng hành, cũng không thấy hành, không có mê hoặc hành, cũng không có niệm hành, lại không biết hành. Những hạnh như vậy, gọi là hạnh lành.

Long vương Vô Nhiệt hỏi Nhuyến Thủ:

–Đồng tử! Bồ-tát hành thế nào đối với vô sở hành?

Đáp rằng:

–Này Long vương! Từ lúc mới phát tâm hành Bồ-tát đạo đến lúc thành Phật, công đức đã làm đều do việc làm đầu tiên, chứ hành không sinh, hành không nơi nhận lãnh, hành không bỏ hay giữ, không có hành hiềm khích; hành lại không dính mắc, cũng không hành chân thật, không hành có hạn, cũng hành không mê hoặc, lại không hành dâm, hành không chỗ tạo ra, cũng không gìn giữ hành, hành không suy xét kỹ, cũng không hành tận đáy. Đó gọi là Bồ-tát hành mà không hành.

Nếu Bồ-tát dùng hành không sinh, không hành, chẳng hành, được ba mươi bảy phẩm, không có chỗ tạo tác, dùng trí tuệ để giải thoát, vĩnh viễn giải thoát đối với sự giải thoát, không vượt qua hai bên, rõ biết bản tế mà vẫn không giữ sự chứng đắc. Bồ-tát làm như vậy, gọi là Bồ-tát được nhẫn bất khởi. Hành như vậy gọi là hạnh lành. Khi nói lời ấy, có ba vạn bốn ngàn trời, rồng, quỷ thần, Bồ-tát là những người tu hành đều được Nhẫn vô tùng sinh pháp lạc.

-oOo-

KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI

QUYỂN 4

PHẨM 9: PHÁP NHẪN KHÔNG KHỞI

Bấy giờ A-nậu-đạt hỏi Nhuyến Thủ:

–Làm sao để được pháp Nhẫn không khởi?

Nhuyến Thủ đáp:

–Nhẫn không sinh nơi sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức. Đó gọi là Bồ-tát được Nhẫn không khởi.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát đã được pháp Nhẫn không khởi, thấy chúng sinh bình đẳng, nên được nhẫn này. Bình đẳng thấy các chúng sinh kia, như nó sinh ra. Bình đẳng thấy chúng sinh, cũng không có sinh. Bình đẳng nhìn thấy chúng sinh như tự nhiên. Bình đẳng nhìn thấy tất cả như tướng của chúng, cũng không cùng chúng mà thấy bình đẳng. Đó gọi là Bồ-tát bình đẳng thấy nhẫn không.

–Sao gọi là không? Mắt để biết sắc, tai để biết tiếng, mũi biết hương, miệng biết vị, thân biết cánh (xúc), tâm biết thọ pháp. Nếu như các tình không, thì nhẫn cũng không; nhẫn quá khứ cũng không, nhẫn hiện tại cũng không. Sự nhẫn như không, chúng sinh cũng không.

–Sao gọi là không? Vì dục là không; tức giận, ngu si là không. Như chúng sinh không, thì sự điên đảo cũng không; ham muốn nhơ bẩn khởi và diệt cũng đều là không. Làm trí hạnh như vậy, gọi là Bồ-tát hạnh.

Nếu ai không khởi pháp Nhẫn, bình đẳng đối với các chúng sinh, là đã hướng đến giải thoát. Vì sao như vậy? Vì Bồ-tát kia nghĩ rằng: "Nếu nó đã không, cho đến cái dơ của ngã và các chúng sinh là không, là không chỗ có; chế ngự dục như vậy, dục ấy đã giải thoát, ngay căn bản mình không có tất cả chúng sinh." Nhẫn như vậy, là tự tại đối với dục, là đã thoát khỏi dục, căn vắng lặng không nơi chốn, nó vĩnh viễn không diệt, không giải thoát, chẳng giải thoát, cũng không chứng đắc, để được giải thoát vậy.

Nếu người ấy vĩnh viễn giải thoát, cho nên đó cũng được tự nhiên trụ xứ.

Lại nữa, này Long vương! Nếu có Bồ-tát, thực hành tương ưng nhẫn

nhục thì cứu độ tất cả, không thấy khó nhọc.

Vì sao? Vì thấy các chúng sinh hoàn toàn, vốn không bị trói buộc, ngay căn bản đã tự giải thoát.

Vị ấy lại nghĩ như vầy: "Các chúng sinh này đều dính mắc vào một dục. Hành giả không chìm đắm nên giải thoát pháp bổn; tất cả chúng sinh dính mắc vào những suy nghĩ vọng tưởng không thật, Bồ-tát hiểu nó, nên hoàn toàn không dính mắc, nên đã giải thoát pháp bổn."

Lại nữa, này Long vương! Nếu Bồ-tát được pháp Nhẫn không khởi, tuy chưa đạt được chỗ yếu hạnh của Phật; nhưng Bồ-tát ấy không trụ nơi học và vô học của phàm phu, nhập khắp các nơi, tu tập cứu độ không mỏi; không ở chỗ dục mà có hạnh dâm; ở chỗ sân hận lại không sân hận; ở chỗ si mê mà không si mê. Không ở những chỗ ấy, trụ nơi vô dục, lìa bỏ các dục lạc, chế ngự tâm tánh, để dẫn hóa chúng sinh. Nhờ tự mình không có ham muốn nhơ bẩn, không tham đắm vào các việc làm ô uế; nên đối với cõi ma hay cõi Phật, đều có tướng tự nhiên mà không nghi hoặc. Cũng không nhớ nghĩ chỗ pháp tánh, hiện khắp các cõi chúng sinh, rõ biết các nơi, nơi pháp và nơi phi pháp; hiểu nhập hành xứ, dùng tuệ để quán; đối với chỗ của hành và chỗ của sinh tử, cũng không sinh tử, nhập theo sinh tử; các chỗ sở tại đều tạo gốc đức, giữ sự thanh tịnh, không hề mệt mỏi, hiểu rõ sinh tử, nhưng không sinh tử; không nương vào Hiền thánh, tự tu giải thoát.

Bấy giờ A-nậu-đạt bảo Nhuyến Thủ:

–Như lời Nhuyến Thủ đã nói: Bồ-tát không dùng tu mà hướng tới giải thoát. Người biết rõ sự học này, đó là Bồ-tát tu để hướng tới giải thoát.

–Sao gọi là Bồ-tát tu để hướng tới giải thoát?

Nhuyến Thủ đáp:

–Nhờ được không thoái chuyển, nên gọi là Bồ-tát tu để hướng tới giải thoát.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát hiểu biết: "Có nhớ nghĩ là chưa giải thoát; vì tùy theo các nhớ nghĩ của chúng sinh mà tạo ra sự tinh tấn để chuyển hóa thành không nhớ nghĩ. Lời nói còn có sự tôi, ta, cũng là chưa giải thoát."

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát ấy đã không tôi, ta, lại hướng đến các loại chúng sinh bị trói buộc, nhằm khởi lòng đại Bi, để độ thoát họ; tức vị ấy đã thấy sự sinh tử, hoàn toàn không có sinh tử. Sinh các chỗ sinh, chính nó không sinh. Chúng sinh không sinh đều thấy như nhau. Vì các chúng sinh chìm đắm và ỷ lại, nên sinh ra có thân, nhưng vĩnh viễn không

có sự sinh ra, cũng không có kết thúc. Đó là Bồ-tát trí tuệ cần tu để hướng tới giải thoát; nắm sự quyền biến, trở lại trụ nơi sinh tử; hiện tại chỗ đã sinh ra là nơi thọ thân; tế độ sự ngu tối, dẫn đường bằng trí tuệ, để được thoát khỏi tội khổ.

Bồ-tát nhờ dùng Không, nên phù hợp với sự vắng lặng, để hướng đến giải thoát; dùng quyền xảo mà trở lại sinh tử, vì các chúng sinh, nên hưng phát lòng đại Bi. Bồ-tát nhờ Vô tướng, tu hành hướng đến giải thoát; dùng quyền biến rộng rãi mà tuần hoàn rong chơi trong sinh tử, hướng đến các tùy niệm của chúng sinh, mà khởi lòng đại Bi. Bồ-tát nhờ Vô nguyện, tu hành hướng đến giải thoát, giữ sự quyền biến mà tuần hoàn, trở lại trụ nơi sinh tử, vì sự tùy nguyện của các loại chúng sinh, hướng đến sự phát tâm đại Bi, hóa hạnh Vô nguyện để giải thoát chăng?

Này Long vương! Bồ-tát hiểu việc nhập pháp không chỗ có, để không bỏ chúng sinh, nhập nơi vô ngã, nhân và thọ mạng, không làm mất đạo tràng; hiểu việc nhập vô lượng quả, đạt được ba mươi hai tướng của Đại nhân, cuối cùng là hoàn toàn vắng lặng, chẳng có gì mà không vắng lặng; cũng không náo loạn, bình đẳng vượt qua các hành; không có tâm, ý, thức; không trái với bản nguyện, vượt lên Phổ trí tâm, bình đẳng xa lìa các nhớ nghĩ, tìm đủ cách hiểu các thứ ý hạnh của chúng sinh, đạt được bậc Hiền thánh và chẳng phải Hiền thánh. Siêng năng dùng sự sáng suốt tiến tới lập Thánh pháp chân chánh, không có hạnh dâm dật, lập chí không xả bỏ, với người vắng lặng hay không vắng lặng thảy đều tế độ; không nhớ nghĩ, chẳng nhớ nghĩ, với người không ngay thẳng; dùng sự trang sức, nghiêm chỉnh cõi Phật để an lập họ, vượt qua thế tục, hướng đến giải thoát; giải thoát mà không lìa thế tục.

Như vậy, này Long vương! Nhờ dùng trí quyền xảo mà có định của Hiền thánh. Đó là Bồ-tát cần tu hành, để hướng đến giải thoát.

Này Long vương! Ví như hạnh của Thanh văn, tu hành cần hướng đến giải thoát gọi là Vãng hoàn (qua lại), để thành đạo nghiệp, không thể tiến tới, để phát tâm vô thượng, kiến lập đại Bi, hóa độ chúng sinh. Như thế Bồ-tát cũng phải tu hành giải thoát không còn lay động, thành không thoái chuyển, vậy có Vãng hoàn chăng?

Này Long vương! Tu hành cần hướng tới giải thoát, không còn nghi ngờ, sẽ được quả chí đạo. Lại như Bồ-tát, tu hành cần hướng đến giải thoát, hoàn toàn không quên quả vị của Thanh văn, để thọ đạo Bồ-tát, vì Thanh văn này, tu hành cần hướng đến giải thoát là có giới hạn. Như vị Bồ-tát thì hoàn toàn không có giới hạn.

Này Long vương! Ví như có hai người dân thường, ở trên đỉnh núi cao, muốn tự nhảy xuống. Trong đó, một người, thì sức khỏe hùng dũng, quyền xảo, sách lược thông thạo, luyện tập cơ nghi từ trước, hiểu rõ các sự biến hóa, không việc gì mà không thông suốt. Từ trên đỉnh núi mà tự nhảy xuống, cũng như bỗng nhiên lại qua đứng ở đỉnh núi khác. Nhờ có thế lực dũng mãnh, tráng kiện, nên thân người ấy, bay cao, hết sức nhanh nhẹn, nhẹ nhàng; kết quả do sức mạnh mà được, khiến cho người ấy không rớt, cũng không đứng nguyên chỗ. Còn người thứ hai, vì ý chí khiếp nhược, cũng không có quyền mưu, ở trên đỉnh núi, tự mình không thể nào nhảy xuống được.

Như vậy, này Long vương! Vị Bồ-tát ấy, đối với Không, Vô tướng, Vô nguyện, quán thấy các pháp, không sinh các ý nghĩ. Quán như vậy xong, lại có thể dùng năng lực của trí tuệ quyền xảo, vì các chúng sinh, trụ Phổ trí tâm.

Người trên đỉnh núi cao đó, gọi là người có vô số trí tuệ rộng lớn, hiện rõ sức lớn mạnh, lấy đó dụ cho Bồ-tát thực hành trí tuệ quyền xảo vậy.

Vị Bồ-tát tu hành trí tuệ quyền xảo, không có nơi sinh tử, không trụ vô vi. Đó là Bồ-tát mặc áo giáp Phổ trí, nhập vào sinh tử để cứu độ chúng sinh, khiến họ phát hạnh Đại thừa của Bồ-tát. Còn người yếu kém, đứng trên đỉnh núi kia, không thể nhảy xuống, ví như hàng Thanh văn, vì không vào sinh tử, nên vô ích đối với chúng sinh.

Như vậy, này Long vương! Nếu có Bồ-tát, nghe phẩm yếu hạnh tuệ giải thoát này, thì tâm họ đối với Đức Thế Tôn sẽ được vững chắc; đối với đạo ý Vô thượng Chánh chân, mau chứng quả Phật cứu giúp ba cõi.

Khi Đức Phật nói pháp này rồi, các Bồ-tát ở trong hội, gồm bảy ngàn người, đạt được không thoái chuyển.

-oOo-

PHẨM 10: CÁC PHÁP YẾU

Khi ấy, Thái tử của Long vương A-nậu-đạt, tên là Cảm Động, đến trước Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con dùng tâm vô tham, tự quy Tam Tôn, con muốn khiến cho kinh này được tồn tại lâu dài ở đời, để hộ trì chánh pháp.

Thưa Thế Tôn! Chí con phát đạo ý Vô thượng Chánh chân, nguyện tạo hạnh này là muốn được thành tựu, được rõ bản tâm, sáng tỏ gốc đạo và các gốc pháp. Nhờ đó, được thành Chánh giác tối cao của phật, rồi

con sẽ tuyên giảng đạo rộng rãi để hóa độ chúng sinh.

Lại nữa, thưa Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát nghe phẩm pháp Đại Đạo Thanh Tịnh này mà không tinh thích, không phụng hành; thì nên biết, các Bồ-tát ấy đã bị ma sai khiến, họ cũng không mau gần được hạnh Phổ trí tâm.

Vì sao? Vì từ phẩm pháp yếu nghĩa nầy của Thế Tôn, sinh ra Bồ-tát. Nhờ đó, được thành Phật và hàng phục ma, ngoại đạo. Các Đức Phật ở quá khứ, vị lai và hiện tại, đều do pháp này mà thành Chánh giác.

Bấy giờ, Hiền giả Tu-bồ-đề bảo thái tử Cảm Động:

–Đúng như vậy! Hiền giả hiểu rõ gốc tâm, sáng tỏ tận gốc đạo và cả các gốc pháp. Nếu để thành người giác ngộ các pháp, vậy phải dùng gốc tâm gì, để được biết rõ?

Đáp:

–Gốc ấy, thưa Tu-bồ-đề! Là các gốc lấy tâm làm gốc.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Tâm là gốc của cái gì?

Đáp:

–Tâm là gốc của dâm, nộ, si.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Dâm, nộ, si là gốc của cái gì?

Đáp:

–Lấy nhớ nghĩ và không nhớ nghĩ làm gốc.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Này Hiền giả! Thế thì gốc của dâm, nộ, si là từ không nhớ nghĩ khởi sinh sao?

–Thưa Tu-bồ-đề! Gốc của dâm, nộ, si; không từ nhớ nghĩ, chẳng từ nhớ nghĩ, nó cũng không sinh.

Lại nữa, cái gốc ấy lấy không khởi làm gốc. Thưa Tu-bồ-đề! Điều có thể nói, đó là gốc của tâm gì? Vì gốc của tâm, nó vốn thanh tịnh, gọi đó là gốc tâm. Như nó vốn thanh tịnh, nó sẽ không có dâm dục, nhuế nộ và si cấu?

Đáp:

–Này Tộc tánh tử! Dục sinh khởi, cái sinh ấy từ đâu sinh, mà luôn sinh mãi, không gián đoạn sao?

–Thưa Tu-bồ-đề! Cái dục sẽ sinh, nên đã được sinh, sinh mãi, đối với

bản tâm, không có dính vào sinh. Thưa Tu-bồ-đề, nếu tâm gốc ấy, có sự dính vào thì hoàn toàn không đạt đến sự thanh tịnh. Cho nên gốc của tâm hoàn toàn không có sự dính mắc. Do đó biết rằng dục cũng là trong sạch.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Tộc tánh tử! Làm sao để biết rõ dục?

–Do sự khởi sinh của nhân duyên. Nếu không có nhân duyên thì không có sinh khởi. Thưa Tu-bồ-đề! Người tu về nhớ nghĩ trong sạch, biết rõ dục không có.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Lại nữa, này Tộc tánh tử! Vì sao Bồ-tát phải tu về nhớ nghĩ trong sạch?

–Thưa Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với hành mà tu các hạnh. Đó là Bồ-tát tu tịnh hạnh vậy. Thưa Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát hoàn toàn vì chúng sinh, mặc áo giáp đại đức, hóa độ đến Niết-bàn. Đó là Bồ-tát tu hạnh nhớ nghĩ trong sạch.

Thưa Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy vì các Thanh văn và Duyên Nhất giác, tùy thuận mà thuyết pháp, nhưng không cho đó là sự hóa độ. Đó là Bồ-tát tu hạnh nhớ nghĩ trong sạch.

Thưa Tu-bồ-đề! Lại nữa, Bồ-tát ấy tự mình vắng bặc các dục, làm cho dục của chúng sinh được thanh tịnh. Đó gọi là Bồ-tát tu hạnh trong sạch.

Lại nữa, thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy ngay tại nơi nhớ nghĩ trong sạch mà thấy không tu. Lại đối với bất tịnh mà thấy tu tịnh. Đó gọi là Bồ-tát tu hạnh trong sạch.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với thái tử của Long vương Cảm Động:

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Thế nào là Bồ-tát đối với tịnh mà thấy không tu? Với người không tu mà thấy tu nhớ nghĩ trong sạch?

Đáp:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Người tu nhớ nghĩ trong sạch, là tu con mắt đối với sắc, lỗ tai với tiếng, mũi với hương, lưỡi với vị. Thân đối với cánh (xúc) tâm đối với pháp kiến sở thọ, thảy đều không tu, pháp tánh không hai đó là tu, không đắm trước ba cõi, gọi là Bồ-tát trụ. Trụ nơi phương tiện khéo léo, gọi đó là tu nhớ nghĩ. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành hạnh này gọi là tu hạnh nhớ nghĩ trong sạch.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Thái tử:

–Lành thay! Lành thay! Như lời Chánh sĩ Cảm Động đã nói, tu sự

trong sạch là như vậy. Đã là Bồ-tát thì cần phải tu hạnh trong sạch. Nay như lời thái tử đã nói, đều là nhờ oai thần của Phật. Nếu có Bồ-tát tu hành như vậy, mới là chấn hưng hạnh của Đại thừa. Nên biết, những vị ấy có trí rộng khắp vững chắc.

Khi ấy, thái tử Cảm Động, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát được tâm vô dục, cần phải tự quy Phật?

Đức Phật bảo:

–Này Tộc tánh tử! Nếu có Bồ-tát, biết rõ các pháp là không ngã, không nhân, không thọ mạng, không sắc, không tưởng, cũng không pháp tướng, không ở trong pháp tánh mà thấy Như Lai. Bồ-tát như vậy là tương ưng với vô dục, tự quy mạng Phật. Như pháp của Như Lai, ấy là pháp tánh, như pháp tánh ấy, là sự phổ biến cùng khắp. Nếu đạt được pháp của pháp tánh ấy, thì biết các pháp. Đó gọi là Bồ-tát, dùng tâm vô dục, tương ưng với tự quy Pháp.

Cái pháp tánh ấy, nó là vô số tập; cái vô số tập ấy, chính là Thanh văn. Lại như Bồ-tát, đều thấy vô số, ở nơi vô số, mà không có vô số, nó cũng là không hai. Đó gọi là Bồ-tát, dùng tâm vô dục tương ưng với tự quy Chúng.

Khi Đức Phật nói lời ấy, thái tử Cảm Động đạt được Nhẫn nhu thuận. Những người đến dự hội; các trời ở cõi Sắc, cõi Dục, các loài Rồng, Người, nghe phẩm pháp này là hai vạn chúng, thảy đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân.

-oOo-

PHẨM 11: THỌ PHONG BÁI

Bấy giờ, Long vương A-nậu-đạt cùng với phu nhân, thái tử và quyến thuộc trong cung, cùng vây quanh, mỗi người đều tự quay về với Tam tôn; họ dùng tất cả nhà cửa, cung điện và cả những vật có được ở trong ao của mình, đem cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, để làm tinh xá, rồi họ lại nói:

–Nay con đứng trước Đức Thế Tôn, xin phát khởi nguyện này: Từ ao lớn này chảy ra bốn sông, đầy khắp bốn biển. Thưa Thế Tôn! Từ dòng nước của bốn biển, nếu có rồng, quỷ, người, chim bay, thú chạy, loài hai chân, bốn chân đã có sinh mạng, khi uống nước này; xin nguyện cho tất cả đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân. Nếu ai, trước đây chưa phát tâm, thì khi

uống nước này rồi, khiến mau thành tựu hạnh, mau ngồi tòa Phật, hàng phục ma chúng và các ngoại đạo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn mỉm cười. Pháp của chư Phật, khi mỉm cười, thì từ miệng phóng ra ánh sáng năm màu, xán lạn, chói lọi với vô số ánh sáng, chiếu khắp mười phương, khắp vô số cõi Phật. Ánh sáng ấy, sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng, ngọc báu; sáng cả núi Tu-di, cả các trời, các cung ma và cung điện của Thích, Phạm; tất cả ánh sáng của trời đều bị mờ, không sáng kịp.

Bấy giờ vô số ức ngàn chúng trời không ai mà không vui mừng, phát nguyện được Thánh giác. Ánh sáng ấy chiếu tới A-tỳ, tới các địa ngục lớn. Ai thấy được ánh sáng ấy, liền thoát khỏi các khổ, đều được đạo ý Vô thượng Chánh chân. Ánh sáng ấy trở lại, vây quanh Đức Thế Tôn, đến vô số lần, rồi nhập vào đỉnh của Thế Tôn.

Bấy giờ, Hiền giả Phi Kỳ *(đời Tấn gọi là Biện Kỳ)* thấy ánh sáng ấy, liền từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, vạch vai áo bên phải, hướng về Đức Phật, quỳ gối, cung kính, khen tụng Đức Thế Tôn bằng bài kệ:

Sắc Phật vô lượng, thấy liền vui
Người hùng tối cao, là Thế Tôn
Diệt trừ tăm tối, khởi đại minh
Nắm giữ oai thần, ý nói cười?
Trăm phước ca ngợi, đầy bảy báu
Được trí quang minh, diễn tuệ hành
Pháp giảng cao tột, chỉ pháp vương
Nay Thế Tôn cười, điềm lành gì?
Thấy rõ, chân thật, luôn ưa tin
Căn định, vắng lặng, người cung kính
Hóa độ tất cả, nhờ tịch nhiên
Đức Phật vô cùng, vì sao cười?
Tiếng Phạm trong suốt, rất êm dịu
Âm diệu tao nhã hơn các nhạc
Âm thanh đầy đủ, không khuyết giảm
Giải thích vì sao Phật mỉm cười?
Biết mình giải thoát, nên tuệ độ
Thường hành trong sạch, ưa đạm bạc
Khéo hiểu các hành, đủ Phổ trí
Đạo vương Hiền thánh, nói nghĩa cười?
Trí hiện thông đạt, tuệ vô cùng

Sức đang vô lượng, thần túc đủ
Mười lực đã đầy, cảm động khắp
Vì sao Thiên sư hiện mỉm cười?
Thân sáng vô số, chiếu nơi tốt
Ngàn ánh sáng lớn, không thể che
Hơn cả trời, trăng và ngọc sáng
Hào quang oai Thánh, không ai bằng
Đầy đủ công đức như biển cả
Thuận hóa Bồ-tát, dùng trí sáng
Trí tuệ vô cùng, giải các nghi
Xin nói vì sao Phật mỉm cười?
Phật độ ba cõi, không cùng tận
Khéo dẫn chúng sinh trừ các dơ
Làm sạch dục bẩn, thành vô dục
Thiên nhan mỉm cười là vì ai?
Như Lai làm cho người cảm động
Chấn động Trời, Rồng, các Quỷ thần
Cúi đầu đảnh lễ Đấng Pháp vương
Mong nói ý cười, giải các nghi!

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả Biện Từ là bậc cao niên:

–Ông có thấy A-nậu-đạt, vì cúng dường Đức Như Lai, nên tạo ra sự nghiêm sức này chăng?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Lại nói:

–Vị Long vương này đối với chín mươi sáu ức các Đức Phật đã gieo trồng gốc đức, nên nay được thọ phong bái. Như đời trước của Ta, được Đức Thế Tôn Định Quang thọ ký: "Đời đương lai, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Như Lai Năng Nhân, là Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác, thông hạnh đầy đủ, là chúng thần tối cao, vô thượng pháp ngự, là Thiên nhân sư, hiệu là Phật, Thế Tôn."

Bấy giờ, Long vương là người con của trưởng giả Tỷ-thủ-đà-lai *(đời Tấn gọi là Tịnh Ý)*, nghe ta được thọ ký, nên liền phát nguyện: "Hãy khiến cho con đời sau cũng được thọ ký như vị Phạm chí này và đã được Phật Định Quang thọ ký." Con của Trưởng giả Tịnh Ý lúc đó, chính là A-nậu-đạt vậy.

Lại nữa, vị Long vương này vào thời hiền kiếp, ở trong ao này,

trang nghiêm các thứ châu báu tốt đẹp, giống như các cung điện cõi trời, rồi đem dâng cúng ngàn Đức Phật ở thời hiền kiếp. Các Đức Như Lai ấy đều biết ý của Long vương, các Ngài đều nói phẩm Pháp thanh tịnh này. Mọi người đều ngồi nơi đây, cũng như bây giờ vậy.

Lại giống như trước, Phật Câu-lâu-tần, Văn-ni Ca-diếp, đồng ngồi ở tòa Sư tử này và sau cùng là Đức Như Lai Lâu-chí, cũng sẽ chuyển nói yếu nghĩa của phẩm pháp này. Long vương Vô Nhiệt sẽ cúng dường một ngàn Đức Phật ở thời hiền kiếp để được theo nghe pháp này. Chúng hội của chư Phật cũng giống như bây giờ.

Long vương A-nậu-đạt, về sau vô số đời hầu hạ các Đức Như Lai, cung kính các vị Chánh giác, tu hành phạm hạnh, thường hộ chánh pháp, khuyến tấn các Bồ-tát.

Sau đó, bảy trăm vô số kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Như Lai A-nậu-đạt, Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác, Thông hạnh đầy đủ, Vô thượng pháp ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn.

Như vậy, này Hiền giả! Khi Như Lai Vô Nhiệt được thành Phật, nhân dân ở đó đều không tham dâm, không giận dữ, không ngu si; hoàn toàn không xâm hại nhau, không nói xấu nhau. Vì sao? Vì các chúng sinh ấy, chí hạnh đã đầy đủ.

Như vậy, này Hiền giả! Phật A-nậu-đạt, Bậc Như Lai Chí Chân sẽ thọ tám mươi ức năm. Chúng đệ tử của Ngài cũng thọ tám mươi ức năm. Hội đầu tiên của Phật đều là thanh tịnh. Từ đầu đến cuối giống nhau, không bị khuyết giảm. Có tới trăm ngàn hội như vậy, sẽ có Bồ-tát Thông Biện Thọ Quyết, bốn mươi ức người thảy đều tập hội. Lại nữa, các Bồ-tát hành giả phát tâm, không thể tính được.

Khi Như Lai Vô Nhiệt sắp thành Phật, cõi nước đó trong sạch, đất đai toàn màu xanh sậm của lưu ly vàng cõi trời xen kẽ với các báu dùng để trang sức, dùng các minh châu để làm lầu gác và chỗ kinh hành. Chúng sinh cõi đó, nếu nghĩ đến ăn, liền có món ăn trăm vị; họ đều đạt được năm thông. Nhân dân sống ở cõi ấy, dùng những châu báu kỳ lạ; y phục, ẩm thực, tự do vui thích, tất cả giống như trên cõi trời Đâu-thuật thứ tư. Họ không có hai niệm, lại không có tâm tham dục, không hạnh dâm. Các chúng sinh này tự tìm thú vui nơi pháp lạc. Nhân dân và cõi nước hoàn toàn không có những ham muốn xấu xa.

Nếu Đức Như Lai ấy mở trận mưa pháp, thì hoàn toàn không có ý gì phải lo lắng, sẽ có vô số oai thần biến hóa để giúp diễn thuyết, hóa độ rộng lớn; trình bày kinh pháp, hoàn toàn không chút khó khăn. Phật vừa mới

thuyết pháp thì chúng sinh liền được độ thoát.

–Vì sao? Vì tất cả chúng sinh ấy, tâm chí đều đã được thuần thục.

Lại nữa, Đức Như Lai ấy, tự mình đối với tam thiên đại thiên thế giới, chỉ dùng một pháp để giáo hóa, ngoài ra không có đạo nào khác.

Lại nữa, nếu khi Đức Như Lai muốn mở hội chúng, Ngài liền dùng thân phóng hào quang, làm cả cõi đều rực sáng. Nhân dân cõi đó vừa thấy liền có ý nghĩ: "Đức Thế Tôn Thánh Giác sắp diễn pháp để giáo hóa, cho nên mới phóng hào quang như vậy." Và họ sẽ nương theo thần túc của Phật thánh, bay đến chỗ Phật, để nghe pháp.

Lại nữa, Đức Như Lai ấy hoàn toàn không có sự bất định, nương theo thần lực của Đại thánh, bỗng bay lên không trung, cách mặt đất bảy trượng, tự nhiên ngồi trên tòa Sư tử, rộng vì chúng hội diễn giảng pháp mầu; mọi người đều thấy Phật, ví như khi xem thấy cung điện, mặt trời, mặt trăng ánh sáng lan khắp vậy. Chúng sinh nhờ trồng đức, cho nên được sinh đến cõi này.

Nhân dân nước ấy trông thấy tòa Sư tử của Đức Thế Tôn lơ lững trong hư không mà không có chỗ dính mắc, liền hiểu các pháp cũng không, không dính mắc. Ngay lúc đó tất cả đều đạt được pháp Nhẫn.

Đức Như Lai ấy, chỉ nói pháp môn nhập vào Kim cang định; vì không có lời lẽ tạp nhạp của Thanh văn, Duyên giác, cho nên Ngài chỉ diễn Kim cang định. Ví như kim cương có thể chạm bất cứ nơi nào, không vật gì mà không bị nó hàng phục. Những điều thuyết pháp của Đức Như Lai ấy, cũng như kim cương nó đập nát các nghi ngờ do đắm chìm nơi các kiến.

Như vậy, này Hiền giả! Đức Phật A-nậu-đạt nếu muốn hiện Niết-bàn; thế giới ấy sẽ có Bồ-tát đáng kính, tên là Trì Nguyện, được Ngài thọ ký, sau đó, Ngài mới nhập Niết-bàn. Khi Đức Phật vừa mới nhập Niết-bàn, Bồ-tát Trì Nguyện liền được quả Tối chánh giác Vô thượng, làm Phật bổ xứ, hiệu là Như Lai Đẳng Thế, là Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác, cõi Phật có Bồ-tát thần thông và chúng đệ tử cao tột, chúng hội nhiều hay ít, giống như Phật A-nậu-đạt.

Bấy giờ, thái tử của Long vương A-nậu-đạt, tên là Đương Tín, với tâm cung kính, mừng vui, dùng ngọc báu minh châu, đan kết thành lọng báu, dâng lên Đức Như Lai, rồi lại chắp tay bạch Đức Phật:

–Lúc đó ai là Bồ-tát Trì Nguyện?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được ý của thái tử Đương Tín, con của Long vương liền bảo Tôn giả A-nan:

–Bồ-tát Đại sĩ Trì Nguyện lúc ấy sẽ là Phật Bổ Xứ, nay chính là Đương Tín, con của Long vương vậy.

Đức Như Lai A-nậu-đạt vừa mới diệt độ, Bồ-tát Trì Nguyện liền thay ngôi Phật.

Lại nữa, Đức Như Lai Đẳng Thế, Bậc Vô Trước, Bình Đẳng, Chánh Giác vừa mới thành Phật cũng liền chuyển nói điểm chánh yếu của phẩm pháp này.

Ngay khi Đức Phật nói phẩm Phong Bái (thọ ký) này, có bốn vạn Bồ-tát đạt được Nhẫn không từ đâu sinh. Các Bồ-tát, Thích, Phạm, giữ đời, trời, rồng, quỷ thần, từ mười phương thế giới đến dự hội, khi nghe Đức Phật nói pháp Phong bái này rồi, thảy đều hoan hỷ, trong lòng hớn hở, liền sinh tâm tin thích, năm vóc cúi lạy Đức Phật, rồi trở về cung điện của mình, Long vương A-nậu-đạt cùng với các thái tử quyến thuộc vây quanh, ra lệnh cho Long tượng vương Y-la-man:

–Hãy vì Đức Như Lai, tạo ra giao lộ, xe báu đẹp lạ, làm cho rộng lớn, hết sức đẹp đẽ, để đem dâng lên Đức Chánh Giác Chí Chân.

Long tượng vương liền vâng lệnh, liền vì Đức Như Lai hóa làm xe giao lộ bằng ngọc bảy báu, rất cao rộng, trang nghiêm.

Đức Thế Tôn, Bồ-tát và các đệ tử đều ngồi lên xe. Long vương Vô Nhiệt, thái tử và quyến thuộc, trong lòng cung kính, cùng nhau đưa tay, đẩy xe từ trong cung điện ra khỏi ao lớn.

Đức Như Lai dùng thần chỉ, bay nhanh lên núi Thứu.

-oOo-

PHẨM 12: CHÚC LỤY PHÁP TẠNG

Bấy giờ, Đức Như Lai về đến núi Thứu rồi, liền bảo Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ và chúng Bồ-tát:

–Này các Tộc tánh tử! Nên đem đạo phẩm thưa hỏi của A-nậu-đạt này, kính trọng trình bày rộng rãi, khiến cho người chưa nghe thì được nghe.

Bồ-tát Từ Thị và Nhuyến Thủ cùng bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đức Như Lai rủ lòng Từ bi nói cho.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền phóng ra hào quang, sắc của hào quang vô số màu, trời đất chấn động sáu cách. Hào quang chói sáng khắp cả mười

phương. Các vị Bồ-tát đáng kính, đầy đủ thần thông ở mười phương cõi Phật liền tìm ánh sáng bay đến. Họ đều cúi lạy Đức Phật, rồi ngồi vào tòa.

Vua A-xà-thế, phu nhân, thể nữ, thái tử và quyến thuộc, cùng thần dân, trưởng giả, cư sĩ, Phạm chí, học giả cả nước, thấy ánh sáng này, lại nghe Đức Như Lai vừa từ ao Vô nhiệt trở về, họ đều bỏ công việc đang làm để đến núi Thứu. Họ đến trước Đức Thế Tôn, nghiêm túc cung kính, chắp tay, đảnh lễ, thăm hỏi Đức Như Lai sức khỏe có dồi dào chăng? Hỏi rồi liền thoái lui, ngồi nhìn Đức Phật mà không thấy chán. Ánh sáng từ thân của Đức Như Lai, chiếu sáng khắp vô cùng thế giới, các cõi trời, các địa ngục, chúng sinh nơi tăm tối, không đâu mà không có ánh sáng chiếu đến, tại các địa ngục đều rực ánh sáng.

Hào quang ấy lại phát ra tiếng nói:

–Đức Như Lai Năng Nhân, ở tại ao Vô nhiệt, rộng nói yếu pháp Đạo phẩm thanh tịnh. Nay Thế Tôn trở về Thứu sơn, lại tiếp tục trình bày, diễn nói để giáo hóa.

Tiếng nói ấy, thấu đến các địa ngục. Các loại chúng sinh, ở địa ngục trong mười phương, đã bị thống khổ, tức thì được thoát khổ. Họ từ xa đều thấy Đức Phật và các chúng hội, nên tự xót thương, than thở:

–Than ôi! Đức Thế Tôn! Chúng con thọ nhận sự đau khổ này, bị sự chua xót trong vô số địa ngục, lửa bốc cháy sáu bề, thiêu đốt khổ hại, dao nhọn cắt thân thành vạn mảnh, bị nạn nước đồng sôi, đủ các thứ biến hóa, các khổ thay nhau bức bách, chẳng thấy mặt trời, mặt trăng đâu cả. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Được kính thờ Đức Như Lai, được nhờ đạo hóa của Phật, nên được thoát ba khổ. Chúng con đời trước, tuy gặp chư Phật, không thọ pháp hóa, nên mới bị các khổ này. Mong nhờ Đức Như Lai, đã thuyết pháp phẩm, khiến cho các tội lớn của chúng con trở thành nhẹ nhàng.

Ngay khi ấy, tất cả chúng sinh, ở địa ngục trong mười phương, có đến một vạn ức ngàn người, đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân. Từ xa, vâng theo lời Phật Thánh, cùng nhau nói:

–Tất cả nỗi khổ đau vốn là trong sạch. Ai hiểu nguồn gốc thì không điên đảo. Chúng con chỉ ngồi, mà không hiểu rõ, cho nên mới chịu vô số các khổ, trong các địa ngục. Mong Thế Tôn khiến cho tất cả chúng sinh, mau hiểu được chánh chân.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ và Tôn giả A-nan:

–Này các Tộc tánh tử! Nên siêng năng thọ trì những điều căn bản đã nói của kinh này, gìn giữ, đọc tụng, lưu truyền rộng rãi. Vì người học hỏi

mà diễn nói pháp này; bảo cho bốn chúng càng để tâm tu tập. Đây là hạnh quan trọng của tuệ, là sự tích chứa bàn bạc của câu nghĩa.

Nếu tộc tánh nam và tộc tánh nữ, phát tâm vui vẻ, ưa thích kinh này, nên vì họ mà giải thích sự thâm sâu mầu nhiệm, tàng chứa các nghĩa sâu kín của nó. Đây là ngôi nhà đầu tiên của đạo, là chỗ quay về của các kinh, là sự tích chứa quan trọng của chư Phật, nó vi diệu vô lượng. Nếu khi truyền trao kinh này, hãy làm cho câu, chữ rõ ràng, rành mạch không thêm bớt.

Lại nữa, cũng tùy theo tộc tánh! Hoặc là hiền nam hay nữ, nếu ở thời quá khứ, với hằng sa chư Phật, đã làm công đức, thực hành đủ các thứ bố thí, thọ trì tụng những điều Phật đã thuyết pháp, nhất nhất phải chuyên tập, luôn luôn, siêng năng phụng hành. Hoặc lại có người Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ; thực hành sáu pháp Ba-la-mật này, trải qua ức trăm ngàn kiếp, hầu hạ chư Phật và các đệ tử của các Ngài bằng quần áo, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc men, hương hoa, các loại âm nhạc, dâng cúng các nhu cầu. Lại tạo tinh xá, chỗ kinh hành. Hầu hạ cung kính như vậy mà không hề tính toán, cho đến lúc các Đức Thế Tôn đã vui Niết-bàn. Rồi vì các Đức Như Lai, lại dựng tháp bảy báu, cúng dường tháp của các Đức Như Lai bằng hương hoa, các loại âm nhạc, dải lụa màu, cờ phướn, lọng, lại thêm đốt hương, thắp đèn; lại treo các ngọc báu dạ quang, minh nguyệt…. Cúng dường như vậy, nhiều vô số kể. Người đã làm, nếu tập hội các đức hạnh như đã kể, cũng hoàn toàn không bằng tộc tánh nam hay nữ, đã được một lần nghe Long vương A-nậu-đạt, hỏi về ý nghĩa phẩm pháp, để giải quyết các hồ nghi.

Vì sao? Vì pháp tạng này, sinh ra trí tuệ cùng tột, là yếu hạnh quan trọng của chư Phật và Bồ-tát. Huống chi, vị ấy lại phụng thờ, gìn giữ, tụng và đọc. Nhờ không có tâm hồ nghi nên hiểu rõ sự thâm diệu. Lại đem điều nghe được trình bày lưu truyền, các công đức của người ấy, không thể so lường được.

Bấy giờ Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ và Hiền giả A-nan đều bạch Đức Phật:

–Thật là chưa từng có! Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Nếu Đức Như Lai đem lòng lành đến cho tất cả, làm họ phát khởi lòng thương rộng lớn; và vì quá khứ, vị lai, hiện tại của các Bồ-tát, các hành giả, trời, rồng, quỷ thần, các chúng sinh trong mười phương mà rộng nói ý nghĩa về đạo phẩm vô cùng thanh tịnh của pháp này.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu tộc tánh nam và tộc tánh nữ, được nghe kinh về Long vương A-nậu-đạt thưa hỏi để giả quyết hồ nghi này mà không

liền thọ trì, luyện tập, đọc tụng, không tuyên bố rộng rãi cho các người tập học, cũng không khởi tâm khuyến trợ họ thì nên biết tộc tánh nam và tộc tánh nữ ấy đã bị chúng ma, quyến thuộc của ma và tà vạy ngoại đạo sai khiến sẽ luôn ở trong lưới hồ nghi trói buộc.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi:

–Vui thay lời nói ấy! Các ông hãy khuyến dụ, khích lệ tất cả, khiến cho họ tập pháp này, làm cho họ thực hành đúng như vậy.

Đức Như Lai lại nói:

–Nên lấy kinh này luôn vì bốn chúng mà tuyên bố rộng rãi.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ, Hiền giả A-nan, bạch Đức Phật:

–Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ thọ trì, trình bày, lưu truyền và diễn giảng pháp này.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Làm sao để phụng hành?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

–Này các Tộc tánh! Kinh này, tên gọi là Long vương A-nậu-đạt, thưa hỏi để giải quyết các hồ nghi, phẩm pháp thanh tịnh. Cũng có tên Hoằng Đạo Quảng Hiển Định Ý. Phải siêng năng thọ trì nghĩa quan trọng của kinh này.

Lại nữa, này các Tộc tánh tử! Đạo phẩm này là ngọc báu vì nó bảo về gìn giữ biển sâu thẩm của các pháp.

Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ và các Bồ-tát thần thông đã đến dự hội; các Thích, Phạm giữ đời, trời, rồng, quỷ, thần, cùng cất tiếng bạch Đức Phật:

–Thật hay! Thưa Như Lai! Chúng con rất thích nói pháp này. Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ ở tại xóm làng, cõi nước, huyện ấp; để có người thực hành pháp này, chúng con sẽ cùng nhau suốt đời bảo vệ và giữ gìn họ. Nếu có ai nghe pháp này, chúng con sẽ làm cho họ không bị tà vạy sai khiến. Chúng con cũng sẽ nhận giữ gìn kinh này, khiến cho kinh được lưu truyền rộng rãi, thường không gián đoạn.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ và các Bồ-tát:

–Lành thay! Này các Tộc tánh tử! Các ông đã nói, là sẽ khuyến khích và hỗ trợ các Bồ-tát hữu học ở thời vị lai, thật hết sức tốt đẹp.

Đức Phật nói như vậy xong, mười phương các Bồ-tát thần thông đến

dự hội, có tới bảy vạn hai ngàn người đều mau được Hiển định; năm vạn bốn ngàn trời, rồng, quỷ và người đều phát đạo ý Chánh chân Vô thượng; năm ngàn trời, người được sinh Pháp nhãn.

Long vương A-nậu-đạt, Bồ-tát Từ Thị, Đồng tử Nhuyến Thủ, tất cả Bồ-tát, Hiền giả A-nan, bốn chúng đến dự hội và các trời, rồng, các loại quỷ thần, người và chẳng phải người, nghe Đức Phật thuyết như vậy, ai cũng vui mừng, cúi lạy dưới chân Đức Phật, rồi ra về.

-oOo-

SỐ 636

KINH VÔ CỰC BẢO TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang ở tại vườn trúc La-duyệt-kỳ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, chín mươi ức vị Bồ-tát, đều như Văn-thù-sư-lợi. Khi ấy, đất xung quanh vườn Trúc tự nhiên mọc hoa Văn-đà-bát, có đủ màu sắc vi diệu thế gian không thể có. Mỗi hoa đều có trăm vạn cánh. Trên hoa đều có Đức Phật ngồi. Phía trên Đức Phật đều có các lọng báu đan chéo nhau, khoảng cách giữa các lọng báu lại phát ra tiếng các loại nhạc. Trước mỗi Đức Phật đều có Bồ-tát, giống như Văn-thù-sư-lợi, ngồi thưa hỏi. Đất của vườn Trúc bằng phẳng, như cõi Tam di Phật. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng trong đại thiên các cõi đều bị che khuất, không phát ra ánh sáng được. Trong một trăm ngày, chỉ thấy chư Phật. Các đại địa ngục đều được dừng nghỉ. Muôn loài cầm thú trăm ngày được an vui không ăn uống đều được Pháp vị vì thấy Phật vui vẻ, tâm quên cả ăn uống. Tất cả nhân dân đều được Pháp vị, trăm ngày an ổn, không có ý tưởng ăn uống hay ham muốn, tâm ý vui thích, phát ý vô thượng. Tất cả cây cối đều có âm thanh. Trong vườn Trúc, hóa ra trăm ao hồ. Trong ao hồ, mọc lên mười vạn loại hoa, hoa có tòa Sư tử xen kẽ nhau và có Bồ-tát ngồi trên tòa ấy, bên cạnh đều có trời, người đứng hầu. Giữa các bức màn đều có vạn thứ âm nhạc. Cây khô ngàn năm, nay đều đơm hoa kết lá. Tất cả cây cối đều hướng về nhau. Các người nữ ở xung quanh vườn Trúc, được thấy Phật đều hóa thành nam tử, không có ái dục và đồng đắc Pháp nhãn.

Khi ấy, Đức Phật nhập vào Tam-muội Bảo Như Lai, làm cảm động đến khắp chín vạn ức cõi. Bốn phương, bốn gốc, trên dưới đến cõi Phật Vô Cực đều sai Bồ-tát, đem hoa vi diệu, đi đến vườn Trúc, đảnh lễ cúng dường, rồi ngồi qua một bên. Thích, Phạm, Tứ vương, Ái Dục chư Thiên cùng với quyến thuộc ở trên hư không dùng hương hoa, các loại nhạc trời để cúng

dường. Các vua rồng lớn, vua A-tu-luân, Ca-lầu-la, Chân-đà-la. Ma-hưu-lặc... mỗi mỗi đều cùng với vô số quyến thuộc đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, cúng dường.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cảm động hôm nay là ứng với điềm lành gì?

Đức Phật nói:

–Ứng cái điều không ứng, chính là điềm ứng này.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nghĩa ứng cái điều không ứng là thế nào?

Đức Phật nói:

–Ông nên đem điều này, hỏi Bồ-tát Bảo Lai. Bồ-tát ấy sẽ giải thích nghĩa này cho ông.

Xá-lợi-phất liền hỏi Bồ-tát Bảo Lai:

–Thưa Nhân giả! Điều cảm động hôm nay là điềm ứng gì?

Bồ-tát Bảo Lai trả lời:

–Này Xá-lợi-phất! Vì sự nghi ngờ của La-hán còn nặng, cho nên chưa hiểu. Người còn tưởng có tưởng thì chẳng phải là Pháp tận, không tưởng không tác đó là Pháp bảo. Thuở xưa, khi tôi mới phát ý, cùng với ba mươi sáu ức người cầu đạo Bồ-tát, Thích-ca Văn cùng có trong số người ấy. Tất cả chỗ chí đều có khởi diệt, các pháp vốn không. Ví như ngựa qua bóng câu, không tưởng khởi tác. Đem cái tác pháp này mà diệt hạnh cầu nguyện, tưởng muốn đạt được điều ấy, tự nói được đạo. Tội căn khởi tưởng, hoại diệt các tuệ, cầu Tam tôn tưởng giữ được Niết-bàn, sự nghi ngờ diệt hết thân nhưng không cắt đứt sinh tử. La-hán được Niết-bàn ví như người ngủ say, thân nằm chết giấc một lúc trên giường, mạng không lìa thân. La-hán được thiền, vẫn còn nghi nặng.

Bồ-tát Bảo Lai lại hỏi Xá-lợi-phất:

–Ví như Long vương nổi mây làm mưa, bốn phía mù mịt, không biết từ đâu đến. Bồ-tát từ Địa thứ chín trở xuống đều đã đạt được sáu vạn Tam-muội. Những việc hưng khởi của các vị, chắc chắn không có hạn lượng thì sao lại nghi là từ đâu đến!

Xá-lợi-phất nói:

–Vì sự học của tôi không được Thiện tri thức, nên căn nghi ngờ của tôi chưa dứt. Nay nghe tôn pháp không được lợi ích gì. Ví như có người, vì trăm loài chim mà làm nhạc, nhạc tuy hòa diệu, nhưng chim lại không ghi nhận được gì. Nay tôi không hiểu pháp này cũng lại như vậy. Tất cả Bồ-tát

Đại sĩ mới tu học, nghe Tam-muội này, đức tôn vô lượng. Ví như ban đêm, tạm thấy ánh lửa sáng, sau khi lửa tắt, lại bị tối tăm không thấy gì. Nay tôi cũng lại như vậy, không có ích gì cho bản thân. Xin đào hầm lửa tám ngàn dặm, rồi nhảy vào hầm ấy. Như vậy ức kiếp sau đó mới ra khỏi. Lại rơi vào ba đường ác, bị mọi loài ăn thịt, trải qua ngàn ức kiếp sau, sinh làm người, cầu Thiện tri thức, vậy có được không?

Bồ-tát Bảo Lai đáp:

–Lửa tuy rộng lớn, nhưng không thể thiêu đốt được tâm nhơ bẩn. Cũng như người học mà không có phương pháp, không được Thiện tri thức, không được Nhất thiết trí.

Bồ-tát Bảo Lai bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không chủ tể, vậy ai là người thành Nhất thiết trí? Ai thành Chánh giác? Đệ tử Duyên giác cúi xin Như Lai gia đại ân mà giảng nói nghĩa ấy.

Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Lời ông hỏi rất sâu sắc, có ý muốn đoạn nguồn gốc sinh tử. Ta nay vì ông mà nói, vậy ông phải ghi nhận một cách triệt để về điều đó. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên thực hành chín pháp báu:

1. Thấy chư Thiên không có xứ sở, chỉ có danh tự.

2. Thấy nhân dân ở thế gian chỉ có danh tự.

3. Thấy năm nẻo đau khổ chỉ có tập.

4. Địa, thủy, hỏa, phong cũng vốn không.

5. Quá khứ, vị lai, hiện tại như cây chuối không tưởng.

6. Hiện sinh tử không có bản tế.

7. Quán các Tam-muội vắng lặng, không qua lại.

8. Nên quán mọi người trong đại thiên các cõi Phật không được Tam-muội.

9. Thấy trong đại thiên các cõi nước tất cả loài nhuyến động đều muốn được cứu độ để được bằng với Phật.

Đó là chín pháp báu. Người nào đạt được tưởng vô tác này, thì có thể cắt đứt tất cả đại tưởng.

Bồ-tát Bảo Lai lại hỏi:

–Các pháp là vô tưởng, vậy nên trụ vào đâu để được không chỗ trụ?

Đức Phật nói:

–Các pháp không trụ, nếu trụ tức là tưởng. Nếu niệm không khởi, thì chẳng phải tưởng, chẳng phải đạo, cũng là cắt đứt ý tưởng, cầu vô tưởng được trụ vô trụ.

Bồ-tát Bảo Lai lại hỏi:

–Nên hành theo duyên nào để vượt qua các dục?

Đức Phật nói:

–Các dục không nhơ bẩn, không vượt qua, không chủ tể, không qua, không lại, quán như hư không, ngang bằng với Niết-bàn không có tên gọi.

Bồ-tát Bảo Lai lại khen ngợi:

–Hay thay! Hay thay! Thật là sâu sắc vi diệu.

Bồ-tát Bát Thí bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn được ngồi dưới cây Phật, trang nghiêm các cõi, hướng dẫn, dạy dỗ, mười phương, khiến các cõi Phật như vườn trúc hôm nay và tất cả đều đạt được Vô sở tùng sinh. Vậy phải tu pháp nào để đạt được như thế?

Đức Phật nói:

–Này Bát Thí! Nên thực hành tám pháp ngay thẳng:

1. Ngay thẳng với tiếng vang vô danh.

2. Ngay thẳng với âm thanh vô danh.

3. Ngay thẳng quán cõi Phật trong mười phương, bình đẳng không có hai.

4. Ngay thẳng thấy pháp trong cõi đại thiên bình đẳng, không khác.

5. Ngay thẳng quán mười phương tất cả dục, khiến ngang bằng Phật.

6. Ngay thẳng đối với vô hình, thấy tất cả không có khởi diệt.

7. Ngay thẳng thấy nhập vào các Tam-muội, không có tưởng báo ứng qua lại.

8. Ngay thẳng thấy mười phương chư Phật vui Niết-bàn và không vui Niết-bàn, là bằng nhau không khác.

Đó là tám pháp. Từ pháp này, Bồ-tát mau chóng được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, hướng dẫn, dạy dỗ mười phương được như vườn Trúc hôm nay.

Bồ-tát Bảo Lai lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! hôm nay các vị thượng nhân đều từ xa đến diện kiến Đức Thế Tôn, vui mừng quên ăn, mới được nghe Tam-muội tối tôn này. Đó cũng là nhờ phước bản nguyện thuở xưa, nên mới được như thế.

Đức Phật nói:

–Cũng không phải bản nguyện, cũng không lìa bản nguyện; luôn thực hành tinh tấn để không mất các Tam-muội; luôn theo Thiện tri thức để lìa xa các việc; vắng lặng, không dự vào các chúng hội; ý chỉ tại Tam-muội. Thế nên mưa châu báu xuống chúng hội.

Bảo Lai lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát mới phát ý, muốn thực hành Tam-muội này, vậy nên thực hành cách nào mới được?

Đức Phật nói:

–Này Bảo Lai! Nên thực hành tám pháp báu, sẽ được Tam-muội này.

1. Được Tam-muội này, ngay trước Đức Phật.

2. Cúng dường La-hán Chân nhân trong mười phương, ức kiếp tu hành pháp Bồ-tát, không biếng nhác; nhất thời, nghe pháp Tam-muội tôn quý này, thân cận, trình bày, phụng thờ, không xa lìa.

3. Cúng dường Xá-lợi, xây nhiều bảo tháp, gieo trồng phước đức, không có khiếm khuyết; đối với pháp vô ích, thì nhất thời, chuyển đổi ý tu hành, hướng đến tuệ môn.

4. Được bốn Vô sở úy, không có chỗ xa lìa sinh tử trong mười phương.

5. Bồ-tát thấy năm nẻo khổ sở, phát ý muốn độ họ, dù có chết cũng phải cứu giúp, không coi việc đó là khó, lại muốn làm cho các chúng sinh đó, được an ổn, đạt đến Phật đạo.

6. Bồ-tát thờ người như kẻ nô tỳ thờ đại phu quý trọng, muốn độ các chúng sinh đó không cho là khổ. Vì sao? Vì biết chân như.

7. Bồ-tát quán thấy, chín mươi sáu thứ ngoại đạo, ở trong giác tri, muốn khởi pháp trụ.

8. Phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường Tỳ-kheo tăng, trải qua ức vạn kiếp, không bằng một lúc nghe Tam-muội này. Trong mười phương, nếu có ai thành Phật thì lấy gì làm chứng? Nghe Tam-muội này, liền chứng biết người ấy được thành Phật. Nếu có người phát ý, hướng đến Tam-muội này, hoan hỷ tin vui, trí tuệ hiểu biết là đã hiểu sáu vạn Tam-muội.

Đó là tám pháp báu. Ai hành trì Tam-muội này, liền được môn Đà-lân-ni.

Lúc đó, Đức Phật mỉm cười rạng rỡ, ánh sáng chiếu khắp nơi. Văn-thù-sư-lợi đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn mỉm cười không có hư dối, hễ cười tức là có ý.

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nên xét kỹ lời ta nói.

Lúc đó, Bồ-tát Bảo Lai từ cõi Phật Bảo Như Lai đến, cách thế giới này chín ức vạn cõi Phật. Nước ấy tên là Chư pháp tự nhiên. Thiện nam, thiện nữ ở cõi ấy, vãng sinh không từ bào thai, không bị đau khổ, không có ân ái đều sinh ra từ hoa hương tự nhiên, sinh ra liền đứng vững, không cần bú mớm; sớm chiều vui thích với tiếng nhạc, trong sạch, vắng lặng dùng làm Tăng pháp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe Tam-muội này, thì khử trừ tội lỗi trong sáu trăm bốn mươi vạn kiếp, tội hết, mạng chung được vãng sinh đến nước ấy. Cõi Phật Bảo Như Lai, không thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ánh sáng mặt trời, mặt trăng tuy có nhưng bị che lấp, không hiện. Nếu người được vãng sinh, thì mặt trời, mặt trăng, các sao liền xuất hiện. Khi thấy mặt trời, mặt trăng, các sao phát ánh sáng, tức là biết có người sẽ vãng sinh. Nhưng các Thanh văn thì không thể biết được việc này, chỉ có Phật Thế Tôn, Bồ-tát thần thông mới biết. Vì lý do đó, cho nên ta mỉm cười.

Hiền giả Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất đều đảnh lễ Đức Phật, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban cho ân lớn, trợ giúp oai thần, cho chúng con được đến cõi Chư pháp tự nhiên ấy để đảnh lễ, cúng dường, chốc lát rồi trở về.

Đức Phật cho phép hai Hiền giả đến nước ấy. Khi hai Hiền giả đến cõi đó thì đều thấy những cảnh tượng, không khác gì thành La-duyệt-kỳ, cũng có vườn Trúc, Thích-ca Văn Phật.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Lúc chúng ta đi, Đức Như Lai có theo đến không?

Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất đảnh lễ xong liền trở về, về đến nơi, thấy chúng hội cũng tiếp tục như cũ.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

–Vừa rồi, ông đến cõi ấy thấy được những gì?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì con thấy đều giống như ở đây. Công đức của chư Phật thật là sâu dày! Rất sâu dày! May mắn thay, chúng hội được thấy việc này.

Bồ-tát Tam-di, từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa sang y phục, đảnh lễ sát chân Phật, xin được hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Pháp vô sinh, có tưởng hay không tưởng? Tưởng chưa khởi có biết hay không biết Niết-bàn; vắng lặng, có định hay không định Niết-bàn; không khởi có hình, không thiết lập vô hình, nhưng lại dạy dỗ trong khoảng thời gian ấy, sinh tử năm nẻo, ai là chủ tể?

Đức Phật nói:

–Này Tam-di! Các pháp vốn không, tất cả trong sạch, do nhân duyên khởi diệt, cho nên sinh ra các pháp. Do không tạo không, vốn không chủ tể.

Bồ-tát Tam-di nghe Đức Phật dạy, các trời và người gồm tám vạn sáu ngàn, đều được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, bay lên hư không, cách đất một trăm sáu mươi trượng, rồi trở xuống, đảnh lễ sát chân Đức Phật. Lúc này, mặt đất của tam thiên đại thiên cõi nước chấn động mạnh.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi mặt đất chấn động mạnh đó là ứng hiện điềm lành gì?

Đức Phật bảo:

–Này Di-lặc! Nay không riêng gì ở đây đất chấn động, mà khắp cả mười phương các cõi cũng đều chấn động. Các cõi, cũng có tám vạn sáu ngàn trời, người được Vô sở tùng sinh, trụ tại hư không, cùng đều như thế!

Bồ-tát Di-lặc lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm sao để được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có sáu pháp để được pháp Nhẫn này:

1. Biết trời và người sẽ được thành Phật. Nếu ai chưa được ghi nhận thì ta sẽ đến đó ghi nhận cho họ, nhưng trời, người trong mười phương thì không thể biết.

2. Trong đại thiên cõi nước, nếu thiện nam, thiện nữ nào sẽ được thành Phật mà chưa được ghi nhận thì ta sẽ đến ghi nhận cho người đó; nhưng trời, người trong mười phương thì không biết được việc ấy.

3. Người trong các địa ngục, sẽ được thành Phật, ta sẽ đến đó ghi nhận cho những người ấy; nhưng trời, người trong mười phương thì không biết được việc đó.

4. Người trong mười phương lúc chết cũng như nơi sinh ra, ta đều biết việc đó; nhưng trời, người trong mười phương thì không thể biết được.

5. Tuổi thọ của trời, người trong mười phương hết, ta đều biết; nhưng trời, người trong mười phương thì không thể biết.

6. Chư Phật trong mười phương thủ Niết-bàn hay không thủ Niết-bàn ta đều biết; nhưng trời, người trong mười phương, lại không biết.

Đó là sáu pháp mau chóng được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội này rất là cao tột, muốn làm cho chúng hội đều đạt được Tam-muội này, vậy nên thực hành cách nào, để đạt được Tam-muội ấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nên thực hành chín pháp:

1. Thấy các pháp đều trong sáng, vô biên.

2. Thấy các trời cũng trong sáng, vô biên.

3. Thấy các sinh tử trong sạch, vô biên.

4. Thấy năm nẻo đều trong sạch.

5. Đối với dục, không có mong cầu, tất cả đều trong sạch.

6. Thấy sắc trong ba cõi đều trong sạch, không ngằn mé.

7. Thấy Niết-bàn đều trong sáng, không ngằn mé.

8. Thấy địa ngục đều trong sáng, không ngằn mé.

9. Thấy mười phương không có nêu danh.

Đó là chín pháp. Bồ-tát thực hành chín pháp này thì mau chóng được Tam-muội đó.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát được sáu vạn Tam-muội, Tam-muội này có hay không có giới hạn? Được sáu vạn Tam-muội là không có giới hạn chăng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tuy được sáu vạn Tam-muội, nhưng chỉ có danh, không thể cùng tận. Tam-muội đều đầy đủ.

Lại nữa, Tam-muội không những có một phẩm mà còn có: Tam-muội không nhớ nghĩ. Tam-muội có lìa dục. Tam-muội ngồi nghe mười phương Phật. Tam-muội hương hoa tự nhiên đến trang nghiêm các cõi Phật. Tam-muội thuyết pháp cho tất cả mọi người đều đạt được căn bản. Tam-muội phát xuất các pháp tưởng không hoàn lại. Tam-muội khi nói kinh hóa thành trăm thứ tiếng. Tam-muội hoa hương tự nhiên nói pháp ức ngàn vạn cõi Phật, Tam-muội hàng phục các quần sinh. Tam-muội phát ý sư tử bước đi một mình. Tam-muội mọi chỗ đều phát Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tam-muội dù ở chỗ nào cùng đều cúng dường. Tam-muội khi gió nổi lên như tiếng Phật nói kinh. Tam-muội hướng đến pháp môn, không có pháp môn nào, không được khai ngộ. Tam-muội dù ở nơi nào cũng hiện tướng sư tử. Tam-muội bay đi mười phương. Tam-muội hướng đến pháp môn không có pháp môn nào là không khai ngộ, Bồ-tát vô cực trong mười phương đều qua lại. Tam-muội ngồi biết ý của người khác trong mười phương. Tam-muội hoại diệt các tưởng. Tam-muội hoại diệt các thức. Tam-muội hợp các cõi nước mười phương thành một cõi. Tam-muội phát ý bất tận. Tam-muội nhìn ba cõi thấy không có người nào. Tam-muội trụ một cõi Phật đến một cõi Phật. Tam-muội dù ở nơi nào cũng khiến giáo pháp không bị đoạn tuyệt. Tam-muội dù ở đâu cũng thường gặp chư Phật. Tam-muội ngồi xem khắp mười phương, thấy đại binh, đại hỏa, đại thủy, đại phong, nhưng vẫn không sợ hãi, trái lại còn đến đó giáo hóa hướng dẫn. Tam-muội dù ở đâu cũng dùng pháp làm ứng khí. Tam-muội có thiện nam, thiện nữ, nghe Tam-muội này liền được ý tưởng qua lại không có thoái lui.

Tam-muội như vậy, không thể kể hết. Nay vì chúng hội, ta chỉ trình bày sơ qua. Còn có: Tam-muội vô danh. Tam-muội trụ các pháp. Tam-muội tên các tuệ. Tam-muội giáo pháp. Tam-muội diệt ý tưởng chứng La-hán, Bích-chi-phật. Tam-muội pháp bảo. Tam-muội tổng trì vô danh pháp. Tam-muội biết ý người. Tam-muội đoạn trừ mọi phiền hà. Tam-muội chế lực dục giác. Tam-muội diệt các lực trong mười phương. Tam-muội ánh sáng trí tuệ chiếu xứ sở. Tam-muội không thể tính đếm. Tam-muội khi thấy pháp cũng như bóng nước. Tam-muội tịnh tuệ không thể cùng tận. Tam-muội các ác trống không. Tam-muội không có nguyện tưởng. Tam-muội trụ thiền rồi đến Niết-bàn. Tam-muội ví như kim cang không có dơ uế. Tam-muội sáng vô cực. Tam-muội đoạn tận các phiền não. Tam-muội pháp thủy rộng lớn. Tam-muội trang nghiêm thuyền lớn. Tam-muội nhập vô danh. Tam-muội ý vui không cùng. Tam-muội tổng trì không chỗ quên. Tam-muội làm sáng lên chỗ tối tăm. Tam-muội đã vui làm vui thêm. Tam-muội hành Từ. Tam-muội đại ai thanh tịnh. Tam-muội nhập tâm bình đẳng. Tam-muội vượt tâm bình đẳng. Tam-muội đã thoát chưa thoát. Tam-muội ánh sáng chiếu khắp nơi. Tam-muội hiểu cái không chỗ hiểu. Tam-muội thoát tuệ thoát giáo. Tam-muội hiện hoa sen. Tam-muội lìa vô thường. Tam-muội trí tuệ tối tôn không chủ tể. Tam-muội dũng mãnh, không có gì là không nhiếp phục. Tam-muội mở toang các cõi. Tam-muội thanh tịnh vô hình. Tam-muội báu vô danh. Tam-muội như biển, không có gì là không thọ. Tam-muội thần túc rộng lớn. Tam-muội như khảy móng tay, không có gì nhanh bằng.

Bồ-tát Đàm-ma nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Vì hỏi tuệ trụ, cho nên nói không thể cùng cực. Ngay lúc đó, nghe những gì được nghe đều được như ý. Chính mình không cao ngạo, việc làm sẽ không quên, ý thường cung kính, theo như lời dạy để trau dồi trí tuệ. Vì dụng ý không chỗ thọ, cho nên không mất lễ tiết. Pháp được làm ra, không quên không loạn. Ý như châu báu, trừ các già bệnh, dùng ý làm pháp khí. Đấy là vui nhẫn nhục. Những gì suy nghĩ chỉ có tưởng, nói chắc chắn, cái vui chỉ có ở pháp ý tuệ. Bố thí không cần phải đúng lúc, thí rồi không luyến tiếc. Những gì ban ra không có thân hay sơ. Những gì nghe rồi ý quán sát chắc chắn, vui vẻ, không chỗ có được. Ý đã vui mừng thì thân thể nhẹ an. Ý không ở tại ngoại đạo, chỉ muốn nghe pháp vị và kinh Tỷ-la, chỉ muốn nghe phương tiện thiện xảo, chỉ muốn nghe bốn Tâm bình đẳng, muốn nghe pháp không bờ bến, như ý không có nhớ nghĩ gì khác. Ý muốn thọ phương tiện thiện xảo, muốn nghe pháp Vô sở tùng sinh, không tham quán; ý chỉ muốn thọ Từ độ, muốn biết tiếng vô thường, muốn biết ý vắng lặng, muốn biết không lại là không, muốn biết không tưởng, sinh tử và bố thí. Tất cả không muốn nghe, chỉ muốn nghe âm nhạc, rồi tùy theo âm nhạc đó mà trung thành tin ở mười phương, thực hành chân chánh để hàng phục các dục căn.

Bồ-tát Đàm-ma bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đã được Tam-muội Bảo Như Lai, tự tại và đầy đủ các tuệ, liền được ba thứ báu:

1. Ví như bóng in trong nước, bóng cũng không ở trong nước, cũng không ở ngoài nước. Trong khoảng thời gian Bồ-tát ngồi đó, thân ấy ở tại mười phương, thân ấy cũng không tại mười phương.

2. Trong khoảng thời gian Bồ-tát ngồi đó, phân thân đều hiện ngồi trước mười phương Phật, thân ấy cũng không ngồi trước mười phương Phật.

3. Ví như la lớn giữa núi rừng, tiếng ấy liền vọng lại; tiếng vang cũng không ở bên trong, cũng không ở bên ngoài. Trong khoảng thời gian Bồ-tát ngồi đó, các việc Bồ-tát nói đến, vang xa mười phương Phật. Các Bồ-tát trong mười phương, cũng không qua lại đến nơi ấy, nơi ấy cũng không đến các Bồ-tát.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đàm-ma:

–Này Đàm-ma! Đã được môn Đà-lân-ni, cũng giống như có người cầm cung, ráp tên, bắn đến điểm mình muốn bắn; khi bắn, tất cả đều trúng đích. Bồ-tát đem một tuệ, nhập vào vạn ức tuệ thì không có gì là không

hoàn thành, tất cả cũng lại như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đàm-ma:

–Này Đàm-ma! Ông có thấy khi A-tu-luân dấy binh, trong khoảng chốc lát, binh đã đến đông nghẹt cả sáu tầng trời. Bồ-tát từ Địa thứ chín trở xuống, khi muốn nói pháp, cũng lại như vậy.

Bồ-tát Bảo Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Người thanh tịnh thì nhiếp phục và tiêu diệt tham dục. Người có ý không tham dục thì không thể tận. Còn người có ác ý thì không thể hàng phục, ý lại động loạn lại bảo vệ ý ác của mình, thế nên không thể tận. Ý ấy sân tức, có hình dạng, ham muốn, cao ngạo, những gì cần làm thì không thể làm, luôn bị dục tác động. Bồ-tát luôn muốn bảo vệ ý ấy, biết không thể tận việc khử trừ các ô uế, nên biết ý không thể tận. Người bảo vệ không làm cho lười biếng, nên biết ý này không thể tận. Còn người cuồng loạn mà dùng pháp bảo vệ họ, thì nên biết ý ấy cũng không thể cùng. Người không có trí tuệ, muốn bảo vệ họ, biết ý không thể cùng cực. Tất cả dùng pháp thí và pháp thoát ban cho họ, nên biết ý không thể tận. Muốn dạy tất cả mọi người làm công đức, nên biết ý này không thể cùng tận.

Bồ-tát Bảo Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát có bốn pháp:

1. Ý khởi hạnh Đà-lân-ni không thể cùng tận.

2. Đà-lân-ni nhập vào hạnh không thể cùng tận.

3. Đem Đà-lân-ni dạy dỗ tất cả không thể cùng tận.

4. Học hỏi rộng rãi, nên Đà-lân-ni không thể cùng tận.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc không thể tận:

1. Thượng thoát, trung thoát không thể tận.

2. Con đường của bốn hạng Tỳ-kheo không thể tận.

3. Vua khả ý không thể tận.

4. Mười hai nhân duyên không có chủ tể, không thể cùng tận.

Đó là bốn.

Lại có chín pháp không thể cùng tận:

1. Lời vô ngã không thể cùng tận.

2. Tưởng vô tác không thể cùng tận.

3. Nói Niết-bàn vắng lặng không thể cùng tận.

4. Chỗ tế độ không thể cùng tận.

5. Dòng nước biển cả chảy không mệt mỏi không thể cùng tận.

6. Các ác không nhơ, không thể cùng tận.

7. Tiếng đau khổ không thể cùng tận.

8. Tưởng đến và đi không thể cùng tận.

9. Chỗ tế độ không chủ tể không thể cùng tận.

Đó là chín.

Lại có chín pháp không thể cùng tận:

1. Cõi nước của chư Phật không thể cùng tận.

2. Chỗ Bồ-tát đến không thể cùng tận.

3. Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể cùng tận.

4. Mất nguyện giữ lấy quả La-hán, Bích-chi-phật không thể cùng tận.

5. Bồ-tát mười phương, từ một cõi Phật bay đến một cõi Phật, không thể cùng tận.

6. Sáu pháp Ba-la-mật không thể cùng tận.

7. Ba môn Tam-muội không thể cùng tận.

8. Vượt qua Niết-bàn cũng như hóa, không thể cùng tận.

9. Tam-muội không thể cùng tận.

Đó là chín.

Bồ-tát Bảo Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát có ba mươi hai báu:

1. Tâm không dính mắc ái dục. Tức là nhẫn nhục không thể cùng cực.

2. Không khởi ngã, chẳng phải ngã, cũng không có chỗ tạo tác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

3. Không nhớ nghĩ đến tất cả thiện ác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

4. Đối với tất cả, tâm ý không hận thù. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

5. Không trút giận dữ cho mọi người. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

6. Không ôm ấp nhớ nghĩ việc ác của người khác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

7. Cũng không quấy nhiễu và trói buộc người khác. Đấy là nhẫn nhục

không thể cùng cực.

8. Không chơi đùa ở trong đại hội. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

9. Tự bảo vệ chính mình và cũng bảo vệ thân thể người khác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

10. Cấp dưỡng và bảo vệ cho người nghèo cùng, nhưng không hy vọng được báo đáp lại. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

11. Tự chế ngự mình, không theo ác tri thức. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

12. Đối với bản thân và người khác không có ý ái dục. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

13. Không khởi các tưởng, không nhớ nghĩ tốt xấu, dù chỉ một khoảng khảy móng tay. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

14. Giữ gìn công đức trang nghiêm thân tướng. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

15. Tin việc làm tốt, không lìa Tam-muội. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

16. Luôn giữ gìn miệng, để không nói dối. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

17. Tâm ý trong sạch. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

18. Gắn chặt với Thiện tri thức, đời đời luôn gần nhau; ở chỗ khác, không nói về lỗi lầm của vị ấy. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

19. Tự so với người khác, nếu họ có ác thì mình cùng có ác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

20. Nhớ nghĩ không có tà, tà tức là giác. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

21. Tâm nhu nhuyến, ý điều hòa. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

22. Bảo vệ người khác, khiến cho tâm người ấy, không khởi ác nữa. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

23. Người được sinh lên cõi trời thì phải dạy dỗ hướng dẫn các trời. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

24. Sinh lên cõi trời hay trên thế gian đều dạy hai đạo, chứ không dạy ba đạo. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

25. Đầy đủ các thứ tốt. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

26. Được âm thanh như tiếng Phạm thiên. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

27. Giải thoát dâm dật, giận dữ, si mê. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

28. Không tưởng nhớ đến các sắc và danh tiếng. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

29. Không dính vào công đức đã làm ra, chỉ muốn khởi lên các pháp. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

30. Hàng phục các ngoại đạo. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

31. Đã thoát khỏi mọi bệnh tật. Đấy là nhẫn nhục không thể cùng cực.

32. Đầy đủ pháp của chư Phật, khiến không ngộ nhận và tổn thương.

Đấy là ba mươi hai việc báu, không thể cùng cực.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lại có ba mươi ba việc được nhập vào là báu:

1. Muốn nhập vào âm hưởng, muốn nhập vào quán, quán không chỗ quán. Đó là báu.

2. Muốn nhập vào tâm, lìa tâm. Đó là báu.

3. Đối với tâm không chủ tể. Đó là báu.

4. Muốn nhập vào thân cầu thoát, vốn không thoát. Đó là báu.

5. Muốn nhập vào mười hai nhân duyên, không có trụ. Đó là báu.

6. Muốn nhập vào không đứt, lìa đối với không đứt. Đó là báu.

7. Muốn nhập vào vô thường, thấy vô thường là vô hình. Đó là báu.

8. Muốn nhập vào chủ vô danh, lìa đối với vô danh. Đó là báu.

9. Muốn nhập vào vắng lặng, không lìa khởi. Đó là báu.

10. Muốn nhập vào ba cõi, không lìa ba cõi. Đó là báu.

11. Thọ không chỗ để thọ. Đó là báu.

12. Muốn nhập vào quá khứ, vị lai, cũng vượt ra ngoài quá khứ, vị lai. Đó là báu.

13. Muốn nhập vào công đức, quán vốn không chủ tể. Đó là báu.

14. Muốn nhập vào cái không trong cái không không. Đó là báu.

15. Muốn nhập vào vô tướng, không khởi vô tướng. Đó là báu.

16. Muốn nhập vào nguyện, lìa nguyện. Đó là báu.

17. Muốn nhập không, lìa tưởng không. Đó là báu.

18. Muốn nhập vào Tam-muội, không có hợp. Vì sao? Vì pháp không

có hai. Đó là báu.

19. Không dùng Tam-muội, nhưng có chỗ phát sinh sở nguyện. Đó là báu.

20. Tam-muội không vì tất cả các pháp tác chứng. Đó là báu.

21. Muốn nhập vào đạo vô sinh, không có người độ. Đó là báu.

22. Muốn nhập vào vô sinh. Đó là báu.

23. Muốn nhập vào chỗ không lay động. Đó là báu.

24. Muốn nhập vào tất cả vô ngã, không lìa vô ngã. Đó là báu.

25. Muốn biết sinh tử ban đầu đều là không tướng. Đó là báu.

26. Muốn biết rõ Tam-muội ban đầu là không tướng. Đó là báu.

27. Muốn nhập vào tướng biết nó ban đầu là không tướng. Đó là báu.

28. Muốn nhập dục, ý hay dục. Đó là báu.

29. Muốn nhập vào không, nhớ nghĩ, không có nhớ nghĩ. Đó là báu.

30. Muốn nhập vào môn Đà-lân-ni, chỗ tổng nhiếp tất cả. Đó là báu.

31. Muốn nhập vào chỗ làm ác nhưng muốn không làm ác. Đó là báu.

32. Muốn nhập vào phương tiện khéo léo lấy ý làm pháp khí. Đó là báu.

33. Muốn tương ưng cùng vạn sự, không muốn nghịch nhau. Đó là ba mươi ba điều báu.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như muốn vào thành, trước hết phải đi từ cửa vào. Người muốn biết nhân duyên, không nên tranh cãi, muốn biết sự tranh cãi, không gì bằng tự giữ mình. Người muốn biết không nói năng không dục, không bằng sống thực tại. Người không muốn động, chớ được chuyển động. Người muốn không hy vọng thì không nên tưởng. Người không muốn sắc thì nên trụ ngay thẳng. Người không muốn có khác thì nên tự giữ vắng lặng. Người hay tự giữ mình, thì không thể xưng nói. Người không tự cao, tự hạ thì đầy đủ những sự tiện lợi, muốn làm điều gì cũng không mất. Được đạo cũng lại như vậy, không có nghi ngờ. Người không có nghi ngờ biết vốn là không. Người biết vốn là không không chỗ mất, ba đời bình đẳng, không có sợ hãi. Người ba đời không tăng giảm, không trụ sắc, đã không trụ sắc là không trụ các pháp. Người mắt thấy sắc chỉ là nhãn, chính con ngươi trụ, không phải là sắc. Tai nghe tiếng, tiếng không chỗ trụ. Mũi ngửi hương, hương cũng không chỗ trụ. Miệng biết vị, vị cũng không chỗ trụ. Ý cũng không biết thức, thức cũng không biết ý. Ý không chỗ trụ, như hạnh vốn không có tưởng, tuệ hạnh chắc chắn, chắc chắn như vậy,

không có ngã. Ngã này thấy được các pháp, chỉ thấy vô ngã. Tuệ không biết sở hữu, sở hữu cũng không biết tuệ. Tuệ không biết tập, tập không biết tuệ. Tâm Bồ-tát không lìa tâm.

Bồ-tát Đàm-ma bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đạo không hợp cùng với tưởng, vì có hợp là không.

Đức Phật nói:

–Này Đàm-ma! Các pháp không lấy tưởng làm chứng, chỉ dùng tiếng vang làm pháp. Ví như người thổi sáo, tiếng vi vu nhẹ nhàng khoái thích, hợp với tiếng ca. Các Tam-muội cũng lại như vậy. Các hóa cũng lại như vậy. Niệm cũng như vậy. Giác cũng như vậy. Sinh tử, vô danh, lìa vô danh. Niệm hóa giác cũng như vậy. Các danh không xứ sở, ngã không tưởng đến, tưởng vô tác là lìa và không lìa. Tác vô tác dùng làm tác tưởng, tưởng hành vắng lặng đều không sở hữu. Các pháp chẳng dục, tất cả đều như vậy.

Bồ-tát Bảo Lai bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vắng lặng không khởi, muốn cắt đứt đại nghi đều phải trở về chỗ cũ?

Đức Phật bảo:

–Này Bảo Lai! Các pháp xứ, không có xứ, hóa cũng không xứ, niệm cũng không xứ.

Bồ-tát Bảo Lai lại thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Sinh sinh xứ có sinh xứ không? Hóa hóa xứ có hóa hóa không? Niệm niệm xứ có niệm niệm không? Giác giác xứ có giác giác không?

Đức Phật nói:

–Này Bảo Lai! Sinh sinh lại sinh Niết-bàn sinh. Đây là hợp với ý của Như Lai. Sinh sinh lại sinh, không sinh Niết-bàn sinh. Đó là không hợp với ý của Như Lai. Hóa hóa lại hóa Niết-bàn hóa. Đó là hợp với ý của Như Lai. Hóa hóa lại hóa, không hóa Niết-bàn hóa. Đó là không hợp với ý của Như Lai. Niệm niệm lại niệm Niết-bàn niệm. Đó là hợp với ý của Như Lai. Niệm niệm lại niệm, không niệm Niết-bàn niệm. Đó là không hợp với ý của Như Lai. Giác giác lại giác Niết-bàn giác. Đó là hợp với ý của Như Lai. Giác giác lại giác, không giác Niết-bàn giác. Đó là không hợp với ý của Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ tụng:

Pháp pháp không có sinh
Hợp làm một thanh tịnh

Sinh sinh không lại sinh
Niết-bàn đều như vậy.
Hóa vốn từ là không
Hóa hóa không giải thoát
Hóa bằng với Niết-bàn
Vắng lặng không xứ sở.
Niệm vốn là không thức
Niệm phát ra từ không
Niết-bàn bằng với niệm
Niệm vững chắc như vậy.
Giác giác hạnh bình đẳng
Giác ngộ không chỗ đến
Giác ngộ không thường trụ
Đó chính là Như Lai.
Hóa xứ không có xứ
Giác ngộ không chỗ đến
Nếu hóa không xứ sở
Các pháp đều như vậy.
Sinh xứ vốn là không
Không sinh là xứ ấy
Hóa xứ vô danh xứ
Tất cả là Tam-muội.
Niệm xứ có niệm không
Từ không đến xứ ấy
Không phải vốn không thật
Tuệ ấy đã như vậy.
Hạnh giác không tương liên
Giác không lìa xứ ấy
Hạnh từ giác thấy nghĩa
Lìa giác không có thoát.
Không dứt pháp sở sinh
Sở tại thường như vậy
Trong ba ngàn trời, trăng
Chiếu sáng không gì hơn.
Pháp chẳng phải tư tưởng
Những gì cần thực hành
Với dục không khởi nhơ
Chẳng không cũng chẳng tưởng.

Ý Như Lai luôn sáng
Cũng không xứ, pháp, danh
Giải thoát chẳng luôn trụ
Tất cả như bản xứ.
Hoa hương tự nhiên đến
Phát xuất không xứ sở
Đã thanh tịnh không xứ
Sở hữu đều như vậy.
Cây khô lâu sống lại
Đều từ ý phát khởi
Đều thấy ánh sáng lớn
Ánh sáng không gì bằng.
Âm nhạc trên hư không
Ngày đêm thấy ánh sáng
Lúc đó trong đại hội
Đều phát ý Bồ-tát.
Nhân dân rất vui mừng
Đều được nghe kinh này
Chấn động ba ngàn cõi
Được thọ thân bất động.
Vì thấy pháp vắng lặng
Không danh là ứng ấy
Huống gì chỗ thế gian
Tất cả đều như vậy.
Thanh tịnh không vì định
Si, tuệ vốn không thế
Tịnh, si hợp bằng nhau
Tuệ vốn không giải thoát.
Tam-muội không chỗ khởi
Tất cả đều như vậy
Bồ-tát trụ đạo địa
Sinh đều từ nơi ý.
Năm việc không thể thân
Khiến đọa trong ba đường
Xa lìa hạnh như vậy
Thành Phật, đạt mười phương.
Trăm ngày được pháp vị
Phụng hành Tam-muội này

Đều từ các cõi đến
Bay lại chỗ của Phật.
Các trời và quốc vương
Đều được thấy thân Phật
Ý chí rất vui vẻ
Thân thể được nhẹ nhàng.
Không nên dùng sắc tướng
Quán pháp có Tam Tôn
Kinh Bát-nhã Tỷ-la
Xứ sở không ba ngàn.
Như Lai vốn phát ý
Nguyện không lìa mười phương
Thường làm vườn đại pháp
Xứ sở không ba ngàn.
Người ở trong ba cõi
Cho đến trời Đao-lợi
Đều Phật Hà-đà-na
Hiệu là Thiên Trung Thiên.
Phát ý đến nước ấy
Chốc lát lại trở về
Bồ-tát Ma-đề-na

Bay trở lại vườn Trúc.

Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Bảo Lai:

–Bồ-tát đến cõi này, bản nguyện thế nào? Quốc độ vô cực thế nào?

Bồ-tát Bảo Lai hỏi lại:

–Theo ông nghĩ, quốc độ vô cực thì như thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

–Quốc độ vô cực chỉ toàn là Bồ-tát không có La-hán và những hạng người khác. Tất cả những gì có được đều là bảy báu.

Bảo Lai nói:

–Ta phát nguyện đến đây không mong được độ. Những gì có được của quốc độ vô cực cũng không nguyện, pháp không khởi xứ, thì làm gì có tư tưởng. Tất cả cõi nước người có phát khởi ý nguyện, nay lại được thấy tưởng nguyện vô cực.

Xá-lợi-phất nói:

–Lúc nhân giả đến đây, mang theo hoa đẹp, ngọc lạ quý báu, chẳng

lẻ không tưởng đó ư?

Bảo Lai đáp:

–Hoa ấy không hình, chỉ để làm chủ, nhưng khi nó ở vườn Trúc này, thì dùng pháp trao truyền.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Người thấy tượng Phật, liền đảnh lễ Phật đạo, oai thần đâu phải tại tượng. Tuy không tại tượng nhưng cũng không lìa tượng, chỉ vì tưởng, nên gọi là có oai thần, xem xét kỹ thì không có gì. Nguyện là ví như trên cõi trời Đao-lợi, có hoa tên là Câu-kỳ, các trời không ai là không ham thích. Bồ-tát dùng pháp làm thống lãnh tất cả đạo nhãn, đạo vốn là cái mình có, chỉ dùng ý làm pháp khí.

Xá-lợi-phất nói:

–Chỉ có ý làm chủ ư?

Bảo Lai nói:

–Ý cùng hợp với các pháp, các pháp hợp với ý. Đạo là không chủ, do không khởi làm chủ, cho nên làm pháp khí.

–Này Xá-lợi-phất! Ông thấy hóa chưa?

Xá-lợi-phất đáp:

–Thấy rồi.

Bảo Lai hỏi:

–Hóa đạo tại đâu? Từ đâu mà đến và đi về đâu?

Xá-lợi-phất đáp:

–Hóa không có xứ sở.

Bảo Lai nói:

–Sao biết là hóa?

Xá-lợi-phất đáp:

–Chỉ thấy hóa lúc thành tựu, chứ không thấy gốc ngọn, cho nên gọi là hóa.

Bảo Lai nói:

–Thế nên nói không chỗ có.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Người thấy là thấy sai lầm, còn người không thấy, vậy thấy những gì?

Bảo Lai đáp:

–Các tưởng như hóa đó là thấy. Pháp chưa khởi như hóa, pháp vị lai vô danh gọi là thấy. Không tạo pháp, chưa làm ra pháp, đó là thấy. Không

có tạo hóa, chỉ khởi tưởng vô danh, đó là thấy. Chỉ có Như Lai tác không tạo tác, đó là thấy.

Xá-lợi-phất nói:

–Ở trong cái thấy này có qua lại không?

Bảo Lai đáp:

–Không có qua lại nên mới gọi là thấy. Nếu có qua lại, thì không phải là thấy. Đó là cái thấy điên đảo.

Xá-lợi-phất hỏi Bảo Lai:

–Có đoạn luân môn không?

Bảo Lai đáp:

–Người có Nhất thiết trí đã thấy môn vô hình. Đó là đã đoạn luân môn, không thể đến giải thoát. Người không giải thoát, có thể đến với không. Ví như hư không, không có chỗ nào là không nhập vào. Vì sao? Vì không có sử dụng. Thế nên không có chỗ nào là không nhập dụng. Do thoát đối với gốc, cho nên luân ấy không chuyển.

Bồ-tát Đàm-ma nói với Bảo Lai:

–Tôi muốn các vị mới học đều đạt được pháp này.

Bảo Lai nói:

–Người muốn đạt được định "không", thì nên thực hành chín pháp:

1. Nên định để khiến người trong mười phương, đều làm Bồ-tát.

2. Thấy các ác ý, khiến tâm không khởi. Đó là định.

3. Thấy năm nẻo khổ nhọc, đều muốn độ thoát. Đó là định.

4. Đối với ngu si, hẹp hòi, không khởi lên tôi, ta. Đó là định.

5. Thấy những sự tối tăm đều muốn làm cho được sáng. Đó là định.

6. Công đức làm ra, đều khiến không mất. Đó là định.

7. Thấy tất cả mọi người trong mười phương đều bình đẳng. Đó là định.

8. Quán các ý có thể phát sinh trong quá khứ, vị lai chớ lại "tác thức". Đó là định.

9. Khiến cho tất cả mọi người, trong các cõi Phật, có ý chí đều như Bồ-tát, không động chuyển, từ đó mau chóng được Tam-muội. Đó là định.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trong hội hôm nay, ai không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo:

–Này Di-lặc! Vào thuở xa xưa, thời Đức Phật Sa-hà-lâu-đà, ta mới phát ý, bị cấu nhiễm che lấp, không được đại tuệ, chỉ nghe Bồ-tát nói phát ý nên được xứ ấy, chỉ tưởng không, không được thầy giỏi, không được phương tiện, lìa xa Thiện tri thức, bị dục vọng lừa dối, ý dính mắc vào không đoạn mất Ba-la-mật. Sau sáu mươi hai kiếp, cùng với hội Phật pháp tự nhiên, đoạn trừ các nghi của ta liền đạt được vốn không, đứng giữa hư không, các căn liền đoạn, thấy được tuệ môn, chứng đắc hình không động. Từ đó chuyển các hành, liền đoạn pháp luân, rồi theo Chánh giác thọ Tam-muội này. Tuy sáu mươi hai kiếp phát ý, nhưng đối với pháp lại vô ích. Sau cùng với hội Phật pháp tự nhiên, liền được đại thọ, lúc đó mới phát ý. Khi phát ý, có chín mươi ức người đều cùng phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người mới phát ý có bao nhiêu pháp?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Người mới phát ý, có chín pháp.

1. Xa lìa chúng hội, chí thường vắng lặng.

2. Thường theo Thiện tri thức lãnh thọ giáo pháp không mất.

3. Xa lìa ác tri thức, không theo thờ họ.

4. Thường xa lìa năm loại:

- Sa-môn ác.

- Bà-la-môn ác.

- Huỳnh môn ác.

- Trâu ngựa ác.

- Rắn dữ, trùng độc, không nên theo hầu hạ năm hạng ấy.

Trong khoảng thời gian chưa thành đạo, năm hạng này dễ làm cho con người rơi vào địa ngục. Vì thế nên phải xa lìa.

5. Nên xa lìa những người mới phát ý, tâm đã cầu La-hán, Bích-chi-phật, nên cảnh giác việc ma, không nên theo họ.

6. Trong mộng chỉ thấy Đức Phật nói pháp sâu xa.

7. Phát ý chỉ vì pháp, chứ không phải vì ăn uống.

8. Không nên tham dự vào chúng hội đông đúc có chỗ hy vọng.

9. Phát tâm bình đẳng đối với mười phương và bình đẳng đối với Tam-muội, có chí muốn ngồi tòa Phật mà không có sợ hãi.

Đó là chín pháp.

Khi Đức Phật nói pháp này, sáu vạn Thiên tử Ái Dục đều được Tam-muội này. Các trời thì bay lên hư không, cùng khen ngợi:

–Hay thay! Hay thay! Ai nghe được pháp này, phước đức vô lượng.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Thiên tử được nghe pháp này, tự thọ trì công đức hay là thọ trì oai thần của Đức Phật?

Đức Phật bảo:

–Này Di-lặc! Nay các Thiên tử được nghe pháp này là vì đời xa xưa đã thờ hai vạn Đức Phật, cúng dường xá-lợi như núi Tu-di. Tuy có phước này, nhưng không có ích gì với Niết-bàn. Nay nghe Tam-muội này, khởi hoại các phước đời trước. Vì sao? Vì phước đời trước đã gieo trồng đều có sinh diệt. Nay Tam-muội này lấy không để hoại có.

Bồ-tát Di-lặc lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nghe Tam-muội này về sau không còn bị hoại diệt chăng?

Đức Phật bảo:

–Này Di-lặc! Tam-muội này hoàn toàn không bị phá hoại. Vì sao? Vì Tam-muội này không có danh xứ, không tưởng xứ, không niệm xứ, không hình xứ, không thức xứ, không oai thần xứ, không có kết hành cầu thoát xứ. Tam-muội thanh tịnh, đây không đến kia, kia không đến đây; không có nguyện tưởng, chẳng tưởng xứ. Không có tạo tác, đối với hóa không có hình xứ, không có sinh tử; đoạn, không đoạn xứ. Chỉ có danh, chỉ có tiếng vang, chỉ có văn tuệ xứ. Tuệ không chỗ đến, không làm thành khí. Vì thế, nên không thể hoại, không thể diệt. Vô sắc xứ, đối với dục, không làm ra thức xứ, không khởi hành xứ, không cảm nhận các vị, không có hình, không ra, không vào, không sinh xứ, không ứng xứ, vắng lặng không động, không ranh giới, không thể bại hoại. Người muốn bại hoại, thì người đó là kẻ căn tánh ngu si, là cửa ngõ sinh tử.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Có năm việc không ngay thẳng, không nên vâng theo:

1. Không nên đối với pháp có hai.

2. Không nên đối với pháp có chỗ khởi.

3. Không nên hiện các pháp, đúng sai, không có danh.

4. Không nên đối với quá khứ, vị lai có chỗ thấy.

5. Các pháp không thể đoạn.

Đó là năm.

Bồ-tát đạt được pháp vô khứ lai này, thì mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

KINH VÔ CỰC BẢO TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người còn có nhớ nghĩ về khổ vui, thì không lìa khổ vui. Đó là hai pháp. Bồ-tát không lìa chặng giữa, không lìa trên, không thoát ly, không chặng giữa, không chỗ xa lìa; đối với sở tác xa vô tác. Đó là khởi tác như huyễn. Lấy huyễn để thoát huyễn, trong huyễn không huyễn, trong huyễn không danh. Như vậy, cũng không từ nơi pháp được độ, cũng không lìa pháp được độ, trong thoát lại thoát. Đó là không có chủ, chỉ có danh mà thôi. Đối với chữ không biết danh, đó là đoạn pháp luân.

Xá-lợi-phất nói:

–Pháp luân vốn thanh tịnh, không chỗ có, vậy ai là người đoạn pháp luân?

Bảo Lai nói:

–Người nào không biết luân có xứ sở, thì đó là đoạn.

Phật bảo:

–Người còn tham pháp, là còn nguồn gốc của sinh tử, pháp diệt cũng là sự tạo tác của không trói buộc. Tạo tác của không tạo tác, là không lìa tạo tác. Người lìa mọi tham lam tức là không còn có đoạn. Người không tham lam, không khởi tức là đạo. Không thể chẳng thể, không sinh chẳng sinh, không thức chẳng thức, không chết chẳng chết, không đoạn chẳng đoạn, không xa chẳng xa… những gì có thể không thể thì không thể trụ vào vô tưởng. Lìa vô tưởng, chỗ niệm không niệm, chỗ nói không chỗ nói, Niết-bàn không diệt, lìa nơi không diệt, Niết-bàn không hình lìa nơi không hình, Niết-bàn diệt tận không chỗ tận.

Các pháp vắng lặng, lìa vắng lặng; các pháp không thể chẳng thể không có chỗ mất; đối với tuệ, lìa căn bản, thì chẳng phải gọi là vô tưởng. Chỗ sáng hay không chỗ sáng, đối với sáng, tối, biết là vô tướng. Ngu si, trí tuệ nhập vào vô tướng, đối với đạo hay không được đạo, hoặc khổ, hoặc vui đều biết là vô tướng. Khởi lên cái vô tưởng, đối với thanh tịnh, không có khó dễ, hóa độ không có chủ thể, chỗ đạt đến là lìa vô tướng.

Các pháp chẳng phải danh, lìa chẳng phải danh, hóa độ như nước chảy, đối với danh không chuyển. Như vậy, tức là đạo. Phật dùng Tam-muội hóa độ, làm cho người vừa ý, dùng vạn vật để tự trang nghiêm, chỉ trang nghiêm vô hình, trang nghiêm cho những ai nhận thức sai lầm, trang nghiêm làm cho thỏa mãn tâm ý, trang nghiêm tưởng đúng, tưởng sai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các hàng trời, người hôm nay đến tập hội, có bao nhiêu người đạt được Tam-muội này?

Phật bảo:

–Này Văn-thù! Nay các hàng trời, người trong hội, tất cả đều chứng đắc Tam-muội và đạt được công đức này, rồi đây đều sẽ thành Phật, nhận sự thọ ký của Thế Tôn, đoạn trừ năm đường.

Khi nghe Đức Phật dạy, trong chúng hội, có đến tám ngàn ức trời và người đều được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, liền bay lên hư không cách đất ba trăm trượng, trên thân đều có vạn ức hoa hương, sau đó, các vị ấy liền hạ xuống, đến đảnh lễ sát chân Đức Phật.

Bồ-tát A-lâu, Bồ-tát Ha-đề từ chỗ ngồi, đứng dậy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các thượng nhân này, bay lên hư không, hoa hương trên thân từ đâu mà có?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như tấm lụa sạch, vốn tự trong sạch nên rất dễ nhuộm năm màu tươi sáng. Lụa vốn tự trong sạch, sắc vốn cũng sạch, nhân duyên hai vật, nên được tươi sáng đẹp đẽ. Sắc cũng không nhập vào lụa, lụa cũng không nhập vào sắc, do nhân duyên sạch nên được phát sáng. Bởi Bồ-tát thanh tịnh, cho nên phát ra hương hoa. Nhân duyên ấy cũng lại như vậy, Bồ-tát cũng không tại hương hoa, hương hoa cũng không dính mắc Bồ-tát. Các hàng trời, người được đoạn niệm tưởng, được phát tuệ sáng, nên hoa hiện ra. Dùng hoa thanh tịnh, cho nên nhân duyên hưng khởi. Pháp cũng như vậy. Người không trụ, nên thành tựu các công đức. Người trụ tưởng hạnh là mở cửa sinh tử. La-hán, Bích-chi-phật xa lìa năm đường là vì nhận thức mười việc sai lầm:

1. Thấy các công đức đều là ngôn thuyết. Đó là nhận thức sai lầm

2. Thấy năm đường đau khổ, muốn nhập Niết-bàn. Đó là nhận thức sai lầm.

3. Thấy vạn vật vô thường, muốn mau chóng xa lìa. Đó là nhận thức sai lầm.

4. Cầu an vốn tự nó không căn bản. Đó là nhận thức sai lầm.

5. Biết ra khỏi vô gián, lại nhập vào đời vô xứ, tự mình không thoát khỏi, cầu mãi không dứt. Đó là nhận thức sai lầm.

6. Khi La-hán muốn Niết-bàn trong thân tự phát ra lửa, lửa cũng không xứ, liền khởi ý tưởng xuất lửa trong thân để tự thiêu đốt, cho nên biết không đoạn được sinh tử. Đó là nhận thức sai lầm.

7. Không có khả năng dứt sạch gốc ngọn mà tự cầu dứt sạch. Đó là nhận thức sai lầm.

8. Muốn ở trong Niết-bàn mà diệt tận các ác, không biết không chủ tể, trở lại muốn diệt tận. Đó là nhận thức sai lầm.

9. Bố thí không phát tất cả ý người, chỉ muốn pháp không đoạn. Đó là nhận thức sai lầm.

10. Đối với khổ, vui, bất đẳng, ngôn hạnh thanh tịnh, có hai pháp. Đó là nhận thức sai lầm. Người thực hành đạo Bồ-tát, nên biết việc này, mà mau chóng xa lìa.

Phật bảo Bồ-tát A-lâu, Bồ-tát Ma-đề:

–Nay các hàng trời, người trong hội này ở vào thuở xa xưa đều là người của thời Đức Phật A-ha-nậu, nay ở trước ta đều được ghi nhận; đời trước đã ở trong sáu vạn Đức Phật thọ trì Tam-muội này, nay đối với Tam-muội này đều sẽ được ghi nhận, về sau khi giáo pháp ta tới lúc diệt, khi đó sẽ có bốn mươi vạn người, giữ gìn giáo pháp, khiến không đứt lìa. Về lâu sau, có Sa-môn ác, hoặc có người phá giới thì mới là hoại giáo pháp của ta.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những Bồ-tát nào bảo vệ giáo pháp, khiến không bị cắt đứt?

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bốn mươi vạn Bồ-tát đều trụ từ Địa thứ tám trở xuống, đối với giáo pháp, không có ý tưởng phiền hà, thì mới có khả năng bảo vệ giáo pháp, khiến không bị cắt đứt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Còn những hạng người nào là phá hoại giáo pháp? Ngưỡng mong Thế Tôn chỉ dạy cho!

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có người chứng đắc La-hán, Bích-chi-phật, hoặc Sa-môn và hàng trời, người khởi ý tưởng phiền hà giáo pháp, mong cầu danh lợi, hoại loạn gốc tuệ, vọng pháp tăng giảm, trình bày lệch lạc,

lấy giả làm thật, dùng biện loạn đạo, không chỉ tuệ không mà dùng để nghiêm sức; nghe sự chứng đắc của Phật, chí muốn vượt hơn, không biết phương tiện mà không gắng công gieo trồng đức hạnh. Những hạng như thế là pháp tặc, phá hoại đạo của ta.

Lúc đó, trời A-tu-di, trời Phan-na-đề, trời Đề-lâu-ni, trời Câu-thuộc-đề, trời Thi-na-lợi, đều cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con trọn đời quy y, thọ trì giáo pháp; ngàn, ức, vạn kiếp không có dừng nghỉ, thường khiến chúng con được Tam-muội này.

Đức Phật nói:

–Nếu người có đức phụng hành Tam-muội, như pháp không mất, thì mau chóng được thành Phật, trong số đó, có người phát ý, thực hành Tam-muội này thì cũng ví như trên cõi trời Nê-hoàn, có một loại báu quý nhất trong các loại báu, tối thắng nhất trong thiên hạ. Khi nào có Đức Phật ra đời thì loại báu ấy mới xuất hiện. Báu ấy tên là Nhật tinh ma-ni châu. Ai có được ngọc châu này, đem đặt vào bình hoặc sờ tay vào, thì nhìn thấy bốn mặt, muốn trời mưa châu báu bao nhiêu ngày thì đều được như sở nguyện. Ngọc bảo châu tôn quý này, không có tham tiếc, nó sẽ mưa khắp cả ba cõi, khiến cho ai nấy đều được ngọc báu. Đức của Tam-muội này cũng lại như vậy.

Vua La-duyệt-kỳ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật là Đấng được tôn trọng nhất, là Bậc Thầy dẫn đường cho thế gian, thường có lòng đại Từ cứu giúp mười phương, nguyện xin mưa châu báu xuống nước của con, khiến cho nhân dân đều được phước lợi.

Vua vừa thưa xong, Đức Phật liền mỉm cười, thần quang chiếu sáng rực rỡ. Thấy thế, A-nan liền sửa y phục, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn cười, tất có điều cần nói, con nay muốn nghe ý ấy.

Phật bảo:

–Này A-nan! Ông có thấy đại vương này không? Đại vương này muốn trời Nê-hoàn mưa châu báu xuống nước La-duyệt-kỳ để cho nhân dân đều được nhiêu ích, nhưng lại không biết Bảo lai Tam-muội đã được báu này.

Phật dạy A-nan xong, liền bảo vua:

–Này đại vương! Thà thấy nhân dân trăm ngày không ăn đều được

an ổn, lấy pháp làm vị. Các người nữ lại được hóa thành nam tử, lợi ích của pháp như vậy, cũng không lớn lắm sao?

Nghe Đức Phật dạy như thế, tâm vua vui mừng, liền cởi châu báu, rải lên Đức Phật và Bồ-tát. Châu báu ấy, hóa thành tàn hoa, bay lên hư không. Khoảng cách giữa các tàn hoa đó đều phát ra trăm ngàn tiếng âm nhạc.

Thấy thế, vua vui mừng gấp bội, quên cả ăn uống, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tàn hoa này từ đâu mà ra?

Phật bảo:

–Này đại vương! Tàn hoa này từ không xứ mà ra.

Vua hỏi:

–Không xứ từ đâu mà ra?

Phật nói:

–Từ chỗ không khởi mà có.

Vua hỏi:

–Không khởi từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không chỗ sinh mà có.

Vua hỏi:

–Không chỗ sinh từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không động mà có.

Vua hỏi:

–Không động từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không tạo tác mà có.

Vua hỏi:

–Không tạo tác từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không danh mà có.

Vua hỏi:

–Không danh từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ vô sinh mà có.

Vua hỏi:

–Vô sinh từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không có âm thanh mà có.

Vua hỏi:

–Không có âm thanh từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không hai mà có.

Vua hỏi:

–Không hai từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ không hình mà có.

Vua hỏi:

–Không hình từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ tự nhiên mà có.

Vua hỏi:

–Tự nhiên từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ hóa mà có.

Vua hỏi:

–Hóa từ đâu mà có?

Phật nói:

–Từ lìa hóa mà có.

Vua hỏi:

–Lìa hóa từ đâu mà có?

Phật nói:

–Là lìa không hóa, vô tướng, biết xứ mà có.

Vua hỏi:

–Vô tướng biết xứ từ đâu mà có?

Phật nói:

–Vì đó là các pháp.

Vua nghe Đức Phật dạy, vui mừng càng tăng thêm gấp bội, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát này đều từ phương xa đến, trưa mai, con xin kính thỉnh đến cung của con.

Đức Phật cho phép, các vị đều nhận lời.

Sau khi các vị Bồ-tát đã nhận lời, vua liền về cung, trang nghiêm đầy đủ. Trên đường đi cho giăng màn, treo cờ phướn đẹp lộng lẫy. Các tòa trong cung đều làm bằng ngọc báu. Phu nhân, thể nữ ăn chay giữ giới, hết lòng cung kính.

Trưa hôm sau Văn-thù và Bảo Lai... cùng các Bồ-tát đến cung vua:

Bồ-tát Bảo Lai nhường Văn-thù:

–Nay các vị Thượng nhân, nên vào trước.

Các Bồ-tát nói:

–Đối với tuệ thì không xứ, đối với ý thì không hình, đối với niệm thì không tưởng, đối với pháp thì không sở thí, sở thí thì không lìa đạo, đã đoạn pháp luân; đối với pháp không có niệm tưởng, không có nhiều ít. Người như vậy, mới là tối tôn, sử dụng nhiều quyền biến; đối với Nhất thiết trí biết là vô tướng, đã mặc áo giáp chánh pháp, đối với Tam-muội không có tăng giảm. Đó là bậc Tối tôn, cho nên vào trước.

Bồ-tát Bảo Lai đáp:

–Nay các bậc Thượng nhân tuổi cao đức trọng, là bậc Tối tôn, cho nên phải vào trước.

Các Bồ-tát nói:

–Tuổi của chúng tôi cũng như cây khô, gốc rễ đã chết, không còn hoa lá để che mát cho thế gian nữa rồi, Nhân giả tuy trẻ, nhưng tuệ thì sâu dày, ví như cây báu, làm lợi ích rất nhiều cho thế gian. Vì thế Nhân giả là người tối tôn, là người tối tôn nên có thể vào trước.

Nghe các Bồ-tát nói thế, Bảo Lai vào trước, các Bồ-tát cùng vào cùng đến tòa ngồi. Phía trên các trời trỗi nhạc. Vua sai phu nhân và các thể nữ, đốt các danh hương, dâng lên cúng dường.

Sau khi các vị Bồ-tát thọ trai xong, vua hỏi Bồ-tát Bảo Lai:

–Thưa Nhân giả! Nay con muốn thấy chư Phật trong mười phương, vậy phải được hành pháp nào, thì mới được thấy?

Bồ-tát Bảo Lai đáp:

–Này đại vương! Muốn thấy chư Phật thì nên thực hành chín pháp:

1. Thấy mười phương chư Phật giống như đây, không khác.

2. Nên thấy con đường, không có đường tắc.

3. Thấy tất cả mọi người không có thoát.

4. Thấy ăn uống cũng như những gì đã thấy trong hóa.

5. Nên biết năm ấm không có thức tưởng.

6. Nên biết sáu tình quán nó như huyễn.

7. Nên biết cái mình xem xét chỉ là cái thấy sai lầm.

8. Đem pháp ban cho hết.

9. Nên biết chỗ cho và không chỗ cho.

Đó là chín. Ý bình đẳng, trống không, cái thấy không có đây, kia, chí vắng lặng, đạt được định thanh tịnh. Cái không thấy ấy, tức là thấy hết chư Phật.

Lúc đó, vua khen Bồ-tát Bảo Lai:

–Hay thay! Hay thay! Thật đúng như lời Bồ-tát nói.

Đức Phật liền nói kệ tụng:

Thường nên nguyện kiếp này
Sinh ra gặp Thế Tôn
Lãnh thọ trí tuệ lớn
Trừ sạch rễ ái dục,
Không tham, không ganh ghét
Không cho ác ý sinh
Ở trong vô số Phật
Được nghe Tam-muội này.
Vào trong ba ngàn cõi
Hành Tam-muội tối tôn
Không đối với mọi người
Chỗ có các ngọc báu,
Pháp không từ năm ấm
Cũng không lìa xứ ấy
Từ quán được thoát danh
Tất cả đều như thế.
Từ quán được hoan hỷ
Phát ý không chỗ sinh
Xứ ấy đã như thế
Là Đấng Thiên Trung Thiên.
Nếu ở trong ba cõi
Không sinh cũng không chết
Nê-hoàn và Niết-bàn
Tất cả cũng như thế.

Ý không nên nghĩ xấu
Việc làm không phi pháp
Nếu ở trong ba cõi
Giữ tâm khiến không khởi,
Tiếng vang vọng trở lại
Trong ngoài đều ứng nhau
Không khởi đều vắng lặng
Các pháp cũng như thế.
Ba ngàn các cõi Phật
Danh tự đều như vậy
Không nghe cũng không thấy
Phi pháp chỗ cần bàn.
Tam-muội không tính toán
Dùng số trì ra nhiều
Người tuệ hiểu lời này
Được vô thường xứ Phật.
Pháp thảy đều thanh tịnh
Rộng lớn không gì bằng
Thường tạo vô biên nước
Phủ khắp cả ba ngàn,
Ý nguyện Đà-lân-ni
Phát ý không có trước
Pháp đã là như vậy
Tất cả nên phụng hành.
Khi ta nghĩ cầu pháp
Đến nay bao nhiêu kiếp
Ý chí thường xuất gia
Với dục không chỗ cầu,
Thường theo Thiện tri thức
Được dự học chánh pháp
Khi ấy trong đại hội
Được nghe tôn Tam-muội,
Ý chí rất vui mừng
Liền bay lên hư không
Cách đất trăm, bốn trượng
Chắp tay đứng bên Phật.
Nay có các Bồ-tát
Ghi nhận đúng như vậy

Ý càng thêm vui mừng
Được nghe các Tam-muội,
Liền từ một cõi Phật
Bay đến các Đức Phật
Không lay cũng không động
Chấn động trong các cõi.
Long vương rất vui mừng
Liền mưa vạn thứ hương
Hóa thành các ao nước
Trên đến trong ba ngàn
Hoa hương tự nhiên có
Gió nhẹ tự nhiên thổi
Trăm thứ các âm nhạc
Đều trụ nơi không trung.

Lúc đó Bồ-tát Bảo Lai, hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Các hương hoa này, từ các cõi khác đến và các âm nhạc vang trong hội, đó là nhờ oai thần của Đức Phật hay là lực của Bồ-tát?

Văn-thù đáp:

–Sức thần biến của Đức Phật và Bồ-tát đều không thể thấy biết, tiếng nhạc này là tiếng nhạc vô danh, pháp âm sở tại xứ là vô danh. Nếu nhạc là nhạc xứ thì sở hữu như hóa, là nhạc. Pháp không hai, là nhạc. Đối với La-hán, Bích-chi-phật đều muốn độ thoát, là nhạc. Thấy các dị đạo, đều muốn làm cho thành Phật, là nhạc. Hóa độ không có chủ tể, là nhạc. Nhất thiết xứ không chỗ, không chỗ khởi, đối với Tam-muội không phiền hà, là nhạc. Nhất thiết, xứ không có danh, là nhạc. Các sở hữu đều như hóa, là nhạc. Phi âm xứ, vô sở sinh xứ, là nhạc. Pháp có chỗ cho, không có chỗ cho, là nhạc. Trong cõi đại thiên, vô thường xứ, là nhạc. Khiến tất cả mọi người được và tin không nắm bắt, là nhạc. Quá khứ, vị lai, hiện tại ba nơi, tận không chỗ tận, là nhạc. Khiến trở lại như cũ không chỗ thấy, là nhạc. Thấy pháp luân tức là không chỗ thấy, là nhạc. Trong ba ngàn cõi, tất cả bình đẳng, là nhạc. Tạng cây chánh pháp trong mười phương ba ngàn, là nhạc. Mười phương cõi, chỉ có danh, là nhạc. Sắc dục hợp, là nhạc. Đối với danh tự không có chủ tể, là nhạc. Không bờ bến, tất cả vắng lặng, là nhạc. Tất cả sáng hợp cùng với tối, là nhạc. Các sở hành không mất giới, là nhạc. Các sở niệm không lìa Tam-muội, là nhạc. Châu báu cả hư không hóa độ vô cực, là nhạc. Các tuệ giác không có xứ sở, là nhạc. Những gì có thể, là nhạc. Người không lãnh thọ tất cả quyết, là nhạc. Trong ba cõi không bằng nhau,

là nhạc. Ham thích pháp không tiếc thân mạng, là nhạc. Tất cả sáng, khiến càng sáng thêm, là nhạc. Các sở hữu chỉ là nhận thức sai lầm, người nhận thức đúng, là nhạc. Bố thí không mong báo đáp lại, là nhạc. Ý vô cực, làm vị thuyền trưởng giỏi, là nhạc. Vườn vô biên, giải thoát vô cực, là nhạc. Ý vắng lặng, là nhạc. Vô sở định, là nhạc. Các môn Tam-muội không có điên đảo, là nhạc. Cũng không tiếng, cũng không nghe, là nhạc. Các sở niệm không phải là ý chân chánh, là nhạc. Tất cả mọi người không giải thoát, là nhạc. Các sở độ cũng như huyễn, là nhạc. Mới phát ý Tam-muội, đều là nhạc. Chỗ của các Bồ-tát đến không có xứ sở, là nhạc. Ý của các Bồ-tát khắp mười phương, là nhạc. Không phải xanh vàng, trắng, đen, không có ngõ tắc, là nhạc.

Như vậy, này Bảo Lai! Muốn biết oai thần của Phật và Bồ-tát, tiếng nhạc của âm nhạc là như vậy.

Bồ-tát Bảo Lai nói kệ tụng:

Ý Văn-thù-sư-lợi
Tuệ tôn không có trước
Bố thí khắp ba ngàn
Trí ấy thật tối tôn.
Oai thần đã hành thí
Đều từ trong ba ngàn
Không ham muốn các nhạc
Chỉ vì không thoát thí.
Pháp nhạc là hơn hết
Đối với hóa không độ
Chỗ cho cùng pháp nhạc
Nếu không là không độ.
Pháp cùng nhạc song hành
Không có lỗi là báu
Nhạc không có chủ tể
Nếu không không xứ sở.
Thâm nhập các vi diệu
Hiểu rõ hết mọi người
Khiến họ được đại pháp
Siêng đoạn diệt gốc khổ.
Tất cả người thế gian
Đều có ý không hiểu
Dùng pháp làm giác ý
Dùng tuệ cứu tất cả.

Lúc đó, từ xa Đức Phật vì Bồ-tát Bảo Lai mà nói kệ:

Lìa không chẳng tưởng
Tưởng này chẳng không
Với pháp không khởi
Đó chính là khởi.
Ý nên mềm mỏng
Tịnh không sở hữu
Sắc dục đồng hợp
Nhập vào vô tướng.
Nói là không hình
Không lìa có hình
Pháp do như mộng
Không có ngằn mé.
Là tịch lìa tịch
Không lìa chẳng tạo
Các pháp không chủ
Có thể như hóa,
Đều không chỗ thọ
Pháp không chỗ xả
Nhận thức sai lầm
Tất cả đều vậy.
Chẳng sắc lìa sắc
Không lìa sắc này
Pháp ấy như sắc
Xứ này như vậy.
Chẳng phải âm vang
Không nghe chẳng thấy
Không thính không quán
Sở hữu như vậy,
Với hóa không danh
Tự nói là vậy
Pháp không tính toán
Hóa độ như vậy.
Không có thấy huyễn
Thấy cái lìa thấy
Lìa các tham dục
Phi pháp sở nghi.
Với dục không nhơ

Chẳng trước không lìa
Thấy đúng như vậy
Không có người thấy.
Với tịnh lìa tịnh
Mười phương không tạo
Có thể như thật
Như hóa không chủ.

Biết Đức Phật đã nói xong, ở trong cung Bồ-tát Bảo Lai nói kệ tụng:

Nghi vốn không hiểu
Pháp đều là vậy
Vốn trụ vô thường
Nghi tuệ như vậy.
Với tưởng không nhọc
Thức niệm không khổ
Nếu danh trụ chữ
Chẳng phải cầu pháp.
Với gốc không thể
Không hoàn không vậy
Có thể không thể
Xa lìa không thể.
Thoát sinh không diệt
Đó chính là diệt
Với diệt không tưởng
Đó là chẳng diệt
Với pháp không sinh
Cũng không tưởng thành.
Tại sao như vậy?
Các pháp đều không
Cũng không cầu nói
Ta lìa Niết-bàn
Vì sao như vậy?
Gốc ngọn thanh tịnh
Không tận mười phương
Nêu lên làm chứng
Có nói là ngã
Đó chính là chứng.
Luôn trong chánh niệm
Niệm trong mười phương

Pháp không hai pháp
Liền được vô danh.
Pháp chẳng tư tưởng
Có thể đạt được
Khởi hành như vậy
Không thấy tôn pháp.
Cốt yếu hiểu tuệ
Không sợ vi diệu
Thâm hành không chủ
Gọi là diệt môn.

Bồ-tát Bảo Lai hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Nay những người mới phát ý ở trong hội, tôi muốn làm cho họ được pháp vô cực, vậy phải làm cách nào mới đạt được?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đối với tưởng mà không khởi tưởng, thì là được pháp vô cực.

Bảo Lai lại hỏi:

–Sao gọi là không tưởng tác?

Văn-thù nói:

–Phải được chín pháp báu:

1. Ý không xứ sở, là báu.
2. Quán pháp không chủ tể, là báu.
3. Không thấy có đương lai, quá khứ, là báu.
4. Đối với pháp không có sự tạo tác, là báu.
5. Ban cho chỉ có ban cho kinh pháp, là báu.
6. Không lay chuyển, khi thấy đau khổ của năm đường, là báu.
7. Đã giác ngộ không xa lìa phương tiện khéo léo, là báu.
8. Thấy thẳng các pháp không pháp xứ có hai, là báu.
9. Đến Niết-bàn cũng như hóa, là báu. Đó là chín pháp báu.

Lúc đó Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Không có các mong muốn
Trụ vào trong vô thường
Hư không không có dơ
Phật cười có lý do.
Cười không chẳng lìa ngọn
Như gốc, không có cười

Đã trụ các pháp danh
Tất cả đều như cười.
Gốc ngọn đều tự nhiên
Không có người qua lại
Người cười có hoàn báo
Không hoàn cũng không cười.
Pháp, đều chỉ là một
Đã cười liền có hai
Với hai không danh tự
Thế nên là Tối Tôn.
Đã cười không chỗ nhiễm
Chỉ vì cho các pháp
Đã động, không chỗ động
Nên là Đấng Vô Thượng
Người cười không hoàn báo
Tất cả không chủ tể
Cười đó không lìa gốc
Nên là Thiên Trung Thiên.
Cái cười đã không khởi
Chỉ vì thấy sai lầm
Với pháp đều vắng lặng
Vắng lặng cũng vốn không.
Cái cười không lìa hóa
Dùng hóa ban cho nhiều
Với hóa không nêu danh
Thế nên mới là pháp.
Với pháp không có vậy
Chỉ vì cho không thoát
Đã thoát, không vì thoát
Phật cũng lại như vậy.
Nên ở trong đại hội
Luận bàn độ, không độ
Với pháp đã ban cho
Không có gì sánh bằng.

Xá-lợi-phất hỏi Bảo Lai:

–Thưa Nhân giả! Muốn làm cho tất cả những người có học trong mười phương, đều được các Tổng trì Đà-lân-ni, vậy phải tu pháp gì mới được môn ấy?

Bảo Lai đáp:

–Muốn được Tổng trì Đà-lân-ni cần phải thực hành ba mươi hai pháp báu:

1. Muốn làm cho tất cả người chưa phát ý, đều được độ như hóa, không có gì ngại.

2. Người chưa phát đạo ý Vô thượng Chánh chân, đều có thể làm cho họ trụ chánh pháp.

3. Thấy tam thiên đại thiên cõi nước đều bình đẳng không khác.

4. Nếu còn hạn trụ thì làm cho xa lìa các dục tại nơi tuệ môn, không động, không chuyển, đạt đến Niết-bàn.

5. Người nói có trời, không trời chí không lay động lui sụt.

6. Chí đạo vững chắc, ý không khiếp nhược.

7. Tất cả không trở lại thọ sinh, thấy quá khứ, vị lai không có hai.

8. Quán các thiền Tam-muội vắng lặng, không có xứ sở.

9. Các chỗ mình độ không có chủ tể, tất cả từ không đến không.

10. Chư Phật trong tam thiên đại thiên, ta đều theo để thọ lãnh giáo pháp.

11. Những vị từ phương khác, đến nghe kinh, đều khiến cho họ được thọ ký.

12. Các cõi Phật có hoa hương, người đến cũng không vui, người không lại cũng không mong cầu.

13. Những người phát ý, khiến được trụ trong pháp.

14. Quá khứ, vị lai ý không tăng giảm. Vì sao? Vì biết vốn không hai.

15. Muốn làm cho các loài côn trùng bò, bay, máy, cựa trong mười phương đều phụng trì cấm giới, trọn không hủy phạm.

16. Không có tà niệm tại mười phương, thay đổi tâm ý, trở về với gốc, tức hướng đến tuệ môn.

17. Không có điều gì là không nhẫn được, thường không có tà kiến, oán hận.

18. Từ quán đến quán, không có độ.

19. Như gốc không trụ, vô thường trụ xứ.

20. Chỗ mình độ không có chủ tể, như hư không, không có niệm tưởng.

21. Người ban cho bằng tuệ, không có nêu danh, với dục không chỗ dính mắc, khiến từ đó họ được giải thoát.

22. Không lìa những gì được nói ra đối lại với nguyên nhân tác thí, với mọi người trong một nước lớn, độ không thoát người nào.

23. Ở trong vô số cõi nước bay đến các cõi khác, ở trước chư Phật, không có trở ngại.

24. Thấy các cõi bình đẳng, không ai là không được độ thoát.

25. Tịnh, si, đồng, hợp, vốn trong sạch không khác.

26. Làm chủ ở trong đại thiên, xây cầu, đóng thuyền, khuyến khích người chưa được giác ngộ, từ tối tăm khiến được sáng suốt.

27. Làm thuyền trưởng giỏi trong biển cả, cứu vớt các quần sinh, không hề mệt mỏi nhàm chán.

28. Làm mọi lá chắn vô biên, chận đứng các nhơ bẩn.

28. Làm tuệ thí vô cực, không lìa mười phương.

30. Khởi lòng lành thương xót làm thấm nhuần tất cả. Những người chưa được hóa độ đều được hóa độ, cho nên hiệu là Thiên Trung Thiên.

31. Luôn thực hành tâm bình đẳng, không có nghiêng lệch, cứu tế không gì sánh bằng, cho nên hiệu là Vô Thượng Tôn Hựu.

32. Những gì Bồ-tát nói ra, không lìa kinh pháp, khắp trong cõi đại thiên, không ai là không được nghe như nhau, thế nên trong hư không, hoa tự nhiên sinh.

Đó là ba mươi hai pháp báu của Bồ-tát.

Lúc đó, Bồ-tát Bảo Lai nói kệ tụng:

Mười phương đều như hóa
Tất cả đều vô thường
Chân pháp chánh để lặng
Diễn nói độ chúng sinh.
Có tưởng không lìa tưởng
Tất cả thật vốn không
Như hoa chưa trổ lá
Sắc ấy không có gì.
Có tất cả các dục
Kiến lập ý dẫn đầu
Các báu vô thượng tôn
Hiệu là Thiên Trung Thiên.
Thế nên trong đại hội
Độ người chưa giải thoát
Bản ấy trụ vô thường

Nên gọi Thập Lực Tôn.
Tất cả thấy sai lầm
Thế gian gọi vô minh
Tất cả đều như hóa
Giải thoát khắp mười phương.
Hư không không thường xứ
Phật tạng đều trong đó
Giải thoát người chưa thoát
Dạy người khắp mười phương.
Cõi chư Phật mười phương
Hợp lại thành một nước
Tự nhiên chúng đại hội
Trong khắp cả mười phương.
Phật là Nhất Thiết Giác
Cười không lìa dung mạo
Không lìa sắc vàng ròng
Khai thị người chưa thoát.
Dẫn dắt khắp mười phương
Ý không lìa Pháp Vương
Sở thí không sở thí
Hoa tung khắp mười phương.
Hoa sen lớn màu vàng
Tràn ngập cả hư không
Khởi tưởng mà thi hành
Không trụ các cõi trời.
Ý Văn-thù-sư-lợi
Rộng lớn không gì bằng
Người sẽ được ghi nhận
Trụ ở trong hư không.
Bảo Lai tuệ ý tôn
Ánh sáng khắp trong cung
Vừa lòng các trời, người
Đều được đến pháp môn.
Các Bồ-tát mười phương
Cảm động các cõi nước
Nay Thiên tử trong hội
Được nghe tôn kinh này,
Thấy thấu triệt tất cả

Cho đến cung Khả ý
Hóa tòa làm giao lộ
Vạn thứ hương hoa trời,
Lắng nghe các Tam-muội
Ngồi quán các đại chúng
Công đức trồng thuở xưa
Phát ý cúng Thế Tôn.
Đạo là không trực kiến
Sở hữu đều như vậy
Giải thoát không số lượng

Ba cõi không cùng cực.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bảo Lai:

–Các âm như hóa, pháp được tạo ra không có tưởng, cũng không thể tận, cho nên có tự nhiên. Vậy phải dùng pháp gì để giải thoát?

Bảo Lai đáp:

–Có chín pháp báu:

1. Tự nhiên không có xứ sở, cũng như hóa.

2. Các pháp không xứ sở, cũng như hóa.

3. Vị lai không xứ sở, cũng như hóa.

4. Các sở hữu thế xứ, cũng như hóa.

5. Quán quá khứ xứ, cũng như hóa.

6. Quán thấy các pháp cũng như huyễn, không có xứ sở, cũng như hóa.

7. Sở kiến không có xứ sở, cũng như hóa.

8. Được đạo không giải thoát xứ sở, cũng như hóa.

9. Đạt được Niết-bàn vốn không trụ xứ sở, cũng như hóa.

Đó là chín pháp, có thể đạt được tuệ giải thoát.

Văn-thù lại hỏi:

–Vượt qua Niết-bàn đều cũng tự nhiên, vậy thì cái gì là gốc của hóa? Cái gì là chủ hóa? Hóa là có gốc, không hóa có sở, khởi xứ không đạo là có xứ không?

Bảo Lai đáp:

–Có chín pháp biết hóa không xứ:

1. Chẳng phải đạo không xứ. Đó là hóa.

2. Hóa chẳng phải xứ, không tưởng. Đó là hóa.

3. Hóa là không khởi hóa xứ, không xứ. Đó là hóa.
4. Không phải thường danh khi không có cùng tận. Đó là hóa.
5. Hóa xứ không xứ. Đó là hóa.
6. Đối với đạo không tưởng. Đó là hóa.
7. Hóa đối với khởi, không khởi. Đó là hóa.
8. Hóa đối với các dục không có xứ. Đó là hóa.
9. Hóa đối với việc mình độ không có xứ sở. Đó là hóa.

Đấy là chín pháp biết được gốc của hóa.

Lúc đó, Văn-thù-sư-lợi nói kệ đáp:

Mười phương không có hóa
Hóa, hóa không có hình
Tất cả báu vô thường
Thế nên là Hóa chủ.
Đạo là không hóa được
Cũng không lìa nơi ấy
Đã nói hình vô thường
Tự nhiên tại nơi ấy.
Các báu từ hóa được
Gốc lìa từ không có
Gốc ấy đồng hóa sinh
Nên là Đấng Nhân Trung
Dục là từ hóa khởi
Pháp vốn không có vậy
Hóa trụ vào năm đường
Không có thấy Hóa chủ.
Sinh tử và năm đường
Không tương liên với hóa
Do đời tham không dứt
Thế nên hiện Chánh giác.
Như Lai và Hóa chủ
Mười phương tôn vô cực
Giáo hóa khắp thế gian
Thế gian người không biết.
Pháp luân không sắc chuyển
Đối với hóa không chuyển
Sắc buộc, có tư tưởng
Pháp sâu dày không chuyển,

Tưởng sắc hóa mười phương
Không ai không thọ pháp
Trí tuệ lớn ban cho
Thế gian không người nói.
Các dục và La-hán
Không được giác là báu
Nên ở trong chúng hội
Rộng nói, không hai báu.
Trí tuệ không cùng cực
Ánh sáng không có hơn
Làm cầu, thuyền, mười phương
Đã nói không có hai.
Mười phương các cõi Phật
Khiến thảy đều bình đẳng
Cũng không bắt người ấy
Phát ý, có tâm khác.
Các vườn pháp mười phương
Mọi pháp vượt dơ bẩn
Cũng không từ thế gian
Với pháp, không giải thoát.
Với tuệ không có thoát
Không thấy người qua lại
Với lặng lại thấy lặng
Trong sáng, lại thấy sáng.
Pháp chẳng phải được tuệ
Tự nhiên vốn không vậy
Tuệ, tối, đều bằng nhau
Nên không có tướng thức.
Si, tuệ không đồng nhau
Tuệ ấy nhiều tối sáng
Ban cho chỉ là pháp
Như hoa mọc núi cao.
Các ác không thể tận
Sắc dục không thể tận
Niết-bàn và sinh tử
Tất cả đều như vậy.
Mười phương các Phật tuệ
Người vô tri, vô giác

Sở dĩ thấy pháp sáng

Nên nói đời không có.

Bồ-tát Đàm-ma lại hỏi Bồ-tát Bảo Lai:

–Này Nhân giả! Đối với hóa không khởi lìa, vậy ai thành chủ tể? Niết-bàn không sinh diệt, không xa năm đường, vị lai phát ý trụ pháp luân chuyển, trong sạch, không có các nhơ bẩn; tất cả chúng sinh ai là người được độ?

Bảo Lai đáp:

–Vui thay! Những lời Bồ-tát hỏi! Mục đích là muốn giải quyết tất cả nguồn gốc sinh tử, cần phải làm gì? Là Bồ-tát có chín pháp báu:

1. Đối với hóa hóa chủ hay không chủ.

2. Đối với Niết-bàn cùng với sinh tử, từ đầu không có biết nhau.

3. Đối với sinh tử, đối với diệt; không diệt.

4. Khiến tất cả cõi trời không sinh trở lại chỗ không sinh.

5. Đang khởi ý, chưa khởi ý; như xứ trụ.

6. Quán tam thiên đại thiên cõi Phật, không có người được độ.

7. Đối với niệm, không khởi xứ.

8. Khiến cho ba ngàn cõi Phật cùng giữ lấy Niết-bàn, thì ý cũng không vui; không giữ lấy Niết-bàn, thì ý cũng không giận. Vì sao? Vì các pháp là không xứ.

9. Tùy nguyện chứng La-hán. Ta đều làm cho phát ý. Nếu người có phát ý cầu nguyện, thì khiến không trở lại, không khởi các sinh, không có nguyện lại.

Đó là chín pháp.

Bảo Lai lại nói kệ:

Có thể không, chẳng thể
Với dục không chỗ dục
Đã độ, người không thấy
Nơi pháp chuyển vô thường.
Người tuệ đã không nói
Do độ người không qua
Nên thấy đại chánh pháp
Trên đời không có hơn.
Đạo là tên vô thường
Nên là báu mười phương
Người được hay không được

Sinh tử không có đường.
Bốn hạng không thể tận
Vừa ý, không biết đủ
Thế gian đều vui theo
Không xả, không được đạo.
Sợ sinh không giải thoát
Không sợ không giải thoát
Sinh tử nên nêu danh
Lập ra thành năm đường.
Người có báo không đáp
Có thể gọi là pháp
Pháp là vốn không hai
Có được bằng thật quán.
Không rộng cũng không ngắn
Vô cực không tính được
Bản tế như hình bóng
Không có người qua lại.
Với khởi không chỗ khởi
Pháp không có các dục
Sinh tử vốn không nơi
Hóa sinh tử như vậy.
Với sạch không có sạch
Với nhơ không có nhơ
Đều là người mười phương
Cắt đứt hết năm đường.
Ý trong cũng như nước
Tất cả không vết nhơ
Xanh vàng và đen trắng
Đều được thấy hình ấy.
Các pháp không quở trách
Tức được báu vô thượng
Tôi, ta cùng với người
Thế gian không có người.
Đế chẳng trụ, không trụ
Có được thật như vậy
Cái biết không chỗ thấy
Thế gian thật như thế.
Chẳng độ, không chẳng độ

Lúc đó ai không có
Mười phương lập Chánh giác
Đều được báu vô thượng.

Bồ-tát Đàm-ma hỏi Bồ-tát Bảo Lai:

–Thưa Nhân giả! Muốn khiến các hàng trời, người, trong mười phương tự nhiên đều khiến được như xứ ấy; vậy phải hành trì những pháp nào để đạt đến được?

Bảo Lai đáp:

–Có sáu việc để đạt được pháp này:

1. Khi nghe biết hội này, đó tức là báu.

2. Được nghe kinh này, đó tức là báu.

3. Đạt được công đức căn bản, đó tức là báu.

4. Người được nghe kinh pháp này, đều được sáu vạn Tam-muội, đó tức là báu.

5. Đã được sáu vạn Tam-muội rồi, muốn người trong mười phương phát tâm Vô thượng, đó tức là báu.

6. Đều khiến cho mười phương cùng được hội này ở nơi cây Phật, đó chính là báu.

Lúc nói kinh này, có chín mươi ức Bồ-tát; sáu mươi bảy ức các hàng trời, người, đều đạt được pháp xứ Vô sở tùng sinh; chín ức Bồ-tát được Tam-muội này; tam thiên đại thiên cõi Phật chấn động sáu cách, các trời ở trên hư không trỗi lên các loại âm nhạc, các rồng, A-tu-luân đều được nghe thấy Tam-muội sâu xa này.

A-nan sửa y phục, quỳ gối bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và phụng hành ra sao?

Phật bảo:

–Này A-nan! Kinh này tên là Vô Cực Bảo, phải nên phụng thờ.

Đức Phật nói kinh này xong, các hàng trời, người, A-tu-luân, Nhân phi nhân đều vui mừng đảnh lễ Đức Phật, rồi cáo lui.

-oOo-

SỐ 637

KINH BẢO NHƯ LAI TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Kỳ-đa-mật, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, thành La-duyệt-kỳ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo tăng, chín mươi ức vị Bồ-tát đều như Văn-thù-sư-lợi.

Lúc đó, nước La-duyệt và bốn phía ngang dọc của vườn trúc, trên đến cõi trời ba mươi sáu, dưới thấu vô cực cõi Phật, đều mọc hoa Văn-đà-bát với chín mươi vạn ức màu sắc, thế gian không thể có. Mỗi hoa có trăm vạn cánh, mỗi cánh đều có một Đức Như Lai. Có vạn lọng báu đan chéo nhau, trên mỗi lọng báu có vạn tiếng âm nhạc trỗi lên làm vui lòng nhau. Trước mỗi Đức Phật có một Bồ-tát, như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... thưa hỏi. Đất ở vườn Trúc khi ấy bằng phẳng như cõi Phật Tam-di. Lúc đó, ánh sáng của ba ngàn mặt trời, mặt trăng, ở cảnh giới chư Phật đều bị che lấp, không có ánh sáng. Đồng thời, các địa ngục lớn trong các cảnh giới của chư Phật, mọi sự đau đớn, khổ sở, không còn hành hạ, tất cả đều được an ổn; trong trăm ngày, được thấy mười phương chư Phật. Trong lúc đó, các loài cầm thú, phi điểu, trăm ngày cũng không nghĩ đến ăn uống, chỉ lắng nghe pháp vị, không cần biết mình là súc sinh, cũng lại thấy Đức Phật. Nhân dân trong nước La-duyệt, trong trăm ngày cũng lại không ăn năm vị, đều dùng pháp làm vị, đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các cây cối, trong tam thiên đại thiên cảnh giới Phật, tự có âm nhạc; dân chúng tự vui với âm nhạc ấy.

Lúc đó, vườn Trúc hóa thành ao nước. Trong ao, có mười vạn thứ hoa sen lớn như núi nhỏ. Mỗi hoa có bốn mươi vạn cánh, trên cánh đều có tòa Sư tử xen nhau. Trên mỗi tòa có một vị Bồ-tát, như Văn-thù-sư-lợi. Trước mỗi tòa có các trời đứng hầu Bồ-tát. Xen kẽ giữa các màn giăng, có vạn tiếng âm nhạc làm vui lòng nhau. Cây chết khô ngàn năm nay lại nở

hoa. Cây cối trong tam thiên đại thiên cõi Phật, nhành lá rũ xuống bốn mặt hướng về nhau. Lúc đó, các người nữ đang ở trong vườn Trúc nơi Đức Phật giảng đạo đều hóa thành nam tử, không còn ham muốn yêu thích, tất cả đồng đắc Pháp nhãn.

Khi ấy, Đức Phật hiện Bảo Như Lai Tam-muội rộng lớn, làm chấn động đến chín ức vạn cõi Phật. Như Lai chưa xả Tam-muội, mà ở phương Đông với vô cực cõi Phật đã sai vô số Bồ-tát, đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa vô hình, hoa có mười vạn màu sắc kỳ lạ, đến vườn Trúc, đảnh lễ Bậc Chánh Giác, rồi dùng hoa tung rải cúng dường, xong rồi lui ngồi vào tòa.

Ở phương Nam, có vô cực cõi Phật, lại sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm hai mươi vạn thứ hoa đến vườn Trúc; đến rồi, liền đảnh lễ Bậc Chánh Giác, đem hoa tung rải cúng dường, rồi lui ngồi vào tòa.

Ở phương Tây, có vô cực cõi Phật, lại sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm ba mươi vạn thứ hoa, màu sắc đặc biệt, đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Bậc Chánh Giác, dùng hoa rải lên chúng hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Ở phương Bắc, có vô cực cõi Phật, cũng lại sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm bốn mươi vạn thứ hoa, màu sắc kỳ lạ, đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Bậc Chánh Giác, đem hoa rải lên chúng hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Có cõi Phật ở góc phía Đông, lại sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa vô hình đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Đấng Chánh Giác, đem hoa rải lên Đức Phật và chúng hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Có cõi Phật ở góc phía Nam, cũng lại sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa vô tưởng dục đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Đấng Chánh Giác, đem hoa rải lên Đức Phật và chúng hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Có vô số cõi Phật ở góc phía Tây sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa vô hưởng đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Bậc Chánh Giác, đem hoa rải lên Đức Phật và đại chúng, xong rồi lui ngồi vào tòa.

Có vô cực cõi Phật ở góc phía Bắc sai vô số Bồ-tát đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa Văn-ni đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Đức Phật, đem hoa rải lên Đức Phật và chúng hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Có vô cực cõi Phật ở phương Trên sai vô số Bồ-tát, đều như Như Lai, mỗi vị cầm hoa loạn sắc, đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ bậc Chánh giác, đem hoa rải lên Bậc Chánh Giác và đại hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Có vô số cõi Phật ở phương Dưới đều sai vô số Bồ-tát như Như Lai, mỗi vị cầm hoa thơm ngát đến vườn Trúc; đến rồi, đảnh lễ Đấng Chánh

Giác, đem hoa rải lên Bậc Chánh Giác và đại hội, rồi lui ngồi vào tòa.

Chư Thiên ở phương Trên, nhờ công đức cao tột đời trước, nên được gặp Đức Phật, đại hội và Bảo Như Lai Tam-muội rộng lớn, mỗi vị đều tự trang nghiêm khiến cho các Thiên tử ở cõi trời phát tâm. Trời Phạm thiên đem vô số các trời, mỗi vị đều cầm hoa trời, hương trời. Phạm đa hội thiên lại cùng với vô số trời, mỗi vị đều cầm tạp hoa hương ở cõi trời. Biến tịnh thiên thì cầm loại hoa danh tiếng mà thế gian không thể có. Chư tôn thiên thì đem hết mọi loại âm nhạc ở cõi trời, tấu lên ở giữa hư không. Trong tam thiên đại thiên đều dùng pháp âm, suốt cả trăm ngày, lãnh thọ như vậy để đi đến vườn Trúc đảnh lễ Đức Phật.

Thiên tử Ái Dục lại đem vô số Thiên tử, mỗi vị đều cho mang theo các loại nhạc trời, đi đến vườn Trúc đảnh lễ Đức Phật; ở trên hư không, trỗi lên các bản nhạc, làm vui lòng các trời.

Các trời ở trên cõi trời Ca-dực, đem ngàn vạn thứ tạp hương, rải lên Đức Phật và các Bồ-tát, rải xong, đảnh lễ Đức Phật. Các trời hết cả cõi trời đều đến hội ở vườn Trúc, trên đến cõi trời ba mươi sáu, khoảng giữa không còn trống chỗ nào. Các Thiên tử, các đại Long vương đều đem theo vô số quyến thuộc, cầm các loại hoa quý đẹp, mà người thế gian không thể có được làm mưa xuống vườn Trúc. Các A-tu-luân vương dắt theo vô số quyến thuộc, mỗi vị đều cầm tạp hoa, tung xuống Đức Phật và các Bồ-tát như mưa.

Các Ca-lầu-la dắt theo vô số quyến thuộc đi đến vườn Trúc.

Các Chân-đà-la đều dắt theo vô số quyến thuộc đi đến vườn Trúc.

Các Ma-hầu-lặc dắt theo quyến thuộc đi đến vườn Trúc…

Khi ấy, Đức Phật liền hiện Bảo Như Lai Tam-muội, làm chấn động cả chín vạn ức cõi Phật. Thấy đất chấn động, Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay các Bồ-tát, các hàng trời, người từ phương xa đến, đều đã tập hội, trên đến tới cõi trời ba mươi sáu, mặt đất chấn động mạnh. Đó là điềm ứng gì?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Ứng cái không ứng mới chính là ứng.

Xá-lợi-phất lại thưa:

–Thưa Thiên Trung Thiên! Ứng cái không ứng là điềm ứng gì? Điều đó thế nào?

Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu không cắt đứt nghi, thì nên đến chỗ của Bồ-

tát Bảo Như Lai.

Xá-lợi-phất sửa sang y phục, đảnh lễ Thế Tôn không biết bao nhiêu lạy, rồi chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, mười phương trên, đến cõi trời ba mươi sáu, các Bồ-tát đều từ trăm ngàn ức cõi Phật đến tập hội. Những điềm ứng đó như thế nào, xin Thế Tôn nói cho.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu La-hán vốn còn nghi nặng, thì không thể hiểu được.

Bồ-tát Như Lai nói:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu luôn có ý tưởng, tưởng là sự tạo tác không tận, nếu không tưởng, không tạo tác.

Lúc đó, Như Lai Bảo Pháp nói:

–Này Xá-lợi-phất! Lúc ta mới phát ý, cùng với ba mươi sáu ức người cầu đạo Bồ-tát. Lúc đó, Đấng Chánh Giác cũng ở trong hội ấy. Tất cả đều khởi ngã không tạo tác. Các tạo tác, ngã không niệm không. Pháp đều không ngã, không cầu sinh tử. Sinh tử không có đạo, không có người cắt đứt. Hư không, không chủ tể. Ngã chẳng phải là sở hữu hiện pháp. Ví như ngựa hoang. Vô tướng khởi tác, đem pháp tạo tác này diệt hạnh cầu mong. Tưởng dục là mang lấy tội nặng. Rõ được tội, tự nói được đạo khởi tưởng tội tưởng, diệt hoại các tuệ, cầu được Tam tôn; từ đó khởi ý tưởng giữ lấy nghi hết, thân diệt, nhưng sinh tử không cắt đứt, cho là La-hán được giải thoát. Ví như người mới chết, thân nằm trên giường, trong nhất thời được nghe, chốc lát lại mất, mạng hết do không lìa ở thân. La-hán, Bích-chi-phật tự được thiền định, còn nhiều sự nghi ngờ phải trái chăng?

Như Lai bảo Xá-lợi-phất:

–Chỉ có ông mới hỏi Phật như vậy. Này Xá-lợi-phất! Ông có thường thấy rồng giăng mây xối mưa chưa?

Xá-lợi-phất đáp:

–Con có thấy, bốn mặt không biết mây từ đâu kéo đến. Huống gì Bồ-tát từ Địa thứ chín trở xuống đều đã đạt sáu vạn Tam-muội, lẽ nào lại nghi là từ chỗ nào đến?

Xá-lợi-phất thưa Như Lai:

–Tuy trí tuệ thì hiểu như vậy, nhưng tâm ý còn nghi ngờ thắt gút; nay đều được phá tan, không còn căn nghi; chỉ có học là vốn không đạt được,

tương đắc với Thiện tri thức, cho nên nay đoạn diệt ngã ý, nhưng con không thoát được pháp luân, làm cho con không dứt được căn nghi ngờ. Nay con nghe tôn pháp, nhưng không được ích lợi gì. Ví như, vì trăm loài chim mà làm âm nhạc, chúng hội không nghe biết gì. Như vậy nên vì người phát ý, vì các Đại Bồ-tát ngồi ở đây và cũng khiến cho các hàng trời, người trong đại hội được nghe tôn Tam-muội này, lẽ nào chỉ vì một người mà Như Lai lại hiện vời vợi như vậy, chỉ nên thân cận Thế Tôn. Đời trước, bởi do con không tương đắc cùng Thiện tri thức, cho nên, nay không thấy tuệ Tam-muội của Như Lai, mọi thứ nghi ngờ của tâm ý, nay đều được giải tỏa. Cũng như chỗ tối tăm được đem ánh lửa vào, mọi tối tăm đều biến mất, nhưng sau khi lửa tắt, bóng tối trở lại như cũ. Nay con nghe Tam-muội này cũng lại như vậy.

Thưa xong, Xá-lợi-phất chắp tay bạch Như Lai:

–Nay đây, chỉ có cách, là đào hầm lửa lớn tám ngàn dặm, lên đến cõi trời ba mươi sáu, rồi nhảy vào hầm lửa đó, trải qua ức vạn kiếp mới được ra, rồi lại rơi vào ba đường ác, bị các hàng trời, người ăn thịt, trải qua ngàn ức kiếp nữa, sau sinh làm người, như kẻ nô tỳ thờ đại phu, để cầu tương đắc với Thiện tri thức, tìm tâm của tôi như vậy, có thể được chăng?

Bảo Như Lai nói:

–Dù cho hầm lửa lớn, cho đến cõi trời thứ ba mươi sáu, vẫn không đốt nổi. Nếu phát ý căn bản còn mỏng manh, công đức cạn cợt, cội gốc của giác ngộ thì không có Nhất thiết trí, không có phương tiện khéo léo, không có được Thiện tri thức, cho nên không thể đạt được Tam-muội.

Xá-lợi-phất hỏi xong trở về ngồi như cũ.

Bồ-tát Như Lai sửa y phục, đảnh lễ Đấng Chánh Giác, thưa:

–Thưa Thế Tôn, Con có điều muốn thưa hỏi.

Phật nói:

–Hay thay! Hay thay, ông cứ thưa hỏi.

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không có chủ tể, vậy ai thành Nhất thiết trí? Ai thành Chánh giác? Ai thành A-la-hán? Bích-chi-phật? Cúi xin Đức Như Lai, vì các Đại Bồ-tát đang ngồi trong chúng hội, mà phân biệt, giải quyết mọi nghi ngờ đó.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này Bồ-tát Như Lai! Nay ông muốn cắt đứt các gốc rễ lớn của sinh tử trong mười phương. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên thực hành

chín pháp báu. Những gì là chín pháp báu?

1. Pháp báu thứ nhất là, thấy các trời không có xứ sở, chỉ có danh.

2. Pháp báu thứ hai là, nhân dân trong thế gian chỉ có chữ thôi.

3. Pháp báu thứ ba là, đau khổ của năm đường, chỉ có khổ tập.

4. Pháp báu thứ tư là, đất, nước, gió, lửa chỉ là vô thường.

5. Pháp báu thứ thứ năm là, quá khứ, vị lai, hiện tại như cây chuối, không tưởng.

6. Pháp báu thứ sáu là, hiện sinh tử, không bản tế.

7. Pháp báu thứ bảy là, quán các Tam-muội, vắng lặng, không có sự qua lại.

8. Pháp báu thứ thứ tám là, nên quán các cõi Phật, trong tam thiên đại thiên nhật nguyệt, thấy rồi không đạt được Tam-muội.

9. Pháp báu thứ thứ chín là, thấy nhân dân và các loài nhuyến động, trong tam thiên đại thiên nhật nguyệt đều muốn được độ để được bình đẳng như Phật.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Như Lai! Người đạt được tưởng vô tác này, thì có thể quyết định đoạn trừ cái tưởng lớn của mười phương.

Bồ-tát Như Lai, lại thưa Đấng Chánh Giác:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không thể dùng tưởng mà thấy biết được, vậy phải làm cách nào để trụ được vào pháp không chỗ trụ?

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Như Lai! Các pháp không trụ, đó là niệm và tưởng không khởi; cũng lại là tưởng, nhưng chẳng phải tưởng, chẳng phải đạo; đó cũng là tạo sự khởi tưởng, đoạn cầu.

Bồ-tát Như Lai thưa:

–Thưa Thiên Trung Thiên! Nên làm duyên gì, để vượt qua các dục?

Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Chỉ có ông mới hỏi Như Lai như vậy; La-hán, Bích-chi-phật không thể sánh kịp. Các dục không nhơ bẩn, các dục không có lỗi để cứu giúp, các dục không chủ tể, các dục không có sự qua lại, các dục như hư không, không có khả năng che lấp, ngang bằng với Niết-bàn, ngang bằng với không tên.

Bồ-tát Như Lai thưa xong, đảnh lễ đấng Thiên Trung Thiên, rồi lui về chỗ ngồi.

Bát Thí bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, Bồ-tát trong đại hội muốn ngồi dưới cây Phật, muốn được lập nơi Vô sở tùng sinh, muốn được trang nghiêm ngàn ức cõi Phật, muốn được dạy dỗ trao truyền cho mười phương; khiến cho mười phương cõi Phật, cũng giống như đại hội trong vườn Trúc ngày hôm nay.

Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Những lời của Bồ-tát Bát Thí hỏi, rất là sâu xa. Này Bồ-tát Bát Thí! Muốn làm cho đại hội trong mười phương, ngồi dưới cây Phật; muốn được kiến lập nơi Vô sở tùng sinh, muốn được trang nghiêm các cõi Phật, muốn được dạy dỗ, trao truyền khắp mười phương, làm cho các cõi Phật cũng đều như đại hội ở vườn Trúc ngày hôm nay thì nên thực hành tám pháp ngay thẳng:

1. Ngay thẳng với tiếng vang không tên.

2. Ngay thẳng với âm thanh không tên.

3. Ngay thẳng xem xét mười phương cõi Phật không có hai.

4. Ngay thẳng thấy pháp trong tam thiên đại thiên cõi nước đều đồng không lìa nhau.

5. Ngay thẳng xem xét tất cả dục trong mười phương, làm cho ngang bằng với Phật.

6. Ngay thẳng đối với pháp không tạo tác hình, thấy tất cả không sinh tử.

7. Cái thấy ngay thẳng đều nhập vào các Tam-muội tạng, đối với tưởng, vô trụ tương báo.

8. Ngay thẳng thấy mười phương Phật, Niết-bàn hay không Niết-bàn cũng lại đều bằng nhau.

Đó là tám ngay thẳng. Bồ-tát nào thực hành tám pháp này, thì mau chóng đạt được pháp Vô sở tùng sinh. Từ đó, được dạy dỗ, trao truyền, các cõi Phật và cũng từ đó, mau chóng đạt được đại hội vườn Trúc, như đại hội ngày hôm nay.

Bồ-tát Như Lai lại bạch Đấng Chánh Giác:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, mọi người đều từ phương xa đến, dự hội nơi vườn Trúc, đều được thấy Đức Phật như là ở cõi ấy vậy, vui mừng, không ăn uống đã bao nhiêu ngày. Các Bồ-tát, các hàng trời, người, từng vị một đều được thấy Phật đều được thấy các Tam-muội. Bản nguyện như vậy có thể đạt được chăng? Cúi xin Thế Tôn, nên vì các Đại Bồ-tát mới

phát ý mà trình bày pháp này.

Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Lời ông hỏi rất là sâu xa, tất cả những gì ông hỏi, đều là muốn cho các Bồ-tát đến tập hội, những người mới phát tâm, các hàng trời, người mà làm việc bắc cầu như vậy.

Phật nói:

–Này Như Lai! Các Đại Bồ-tát, các hàng trời, người, các vua rồng lớn, các vua quỷ thần, ngày hôm nay đến tập hội nơi vườn Trúc đều nghe thấy các Tam-muội, cũng chẳng phải là bản nguyện, cũng không phải lìa bản nguyện; đó là thực hành tinh tấn, không làm mất các Tam-muội, không mất Thiện tri thức, đời đời xa lìa các việc, vắng lặng, không dự vào chúng hội, chỉ nguyện được Tam-muội. Nay đem ngọc báu tinh Nê-hoàn để mưa châu báu xuống đại hội.

Bồ-tát Như Lai bạch Đấng Chánh Giác:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, các Đại Bồ-tát mới phát ý trong đại hội này, muốn thực hành Tam-muội này, nên làm thế nào để đạt được?

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Như Lai! Lời ông hỏi rất sâu. Nếu Đại Bồ-tát mới phát ý, muốn thực hành Tam-muội này thì nên thực hành tám pháp báu. Những gì là tám pháp báu?

1. Đạt được Tam-muội này, ngay trước Đức Phật. Đó là pháp báu thứ nhất.

2. Cúng dường các La-hán trong mười phương, theo hầu hạ đến ức ức vạn kiếp; nhất thời được nghe Tam-muội này thì liền hiểu và nên gần gũi những bậc tối tôn, để không xa Tam-muội. Đó là pháp báu thứ hai.

3. Cúng dường xá-lợi, trên đến cõi trời ba mươi sáu, khoảng giữa không có lúc nào khiếm khuyết, sửa ý đổi hạnh, hướng đến tuệ môn. Đó là pháp báu thứ ba.

4. Đạt được bốn Vô sở úy, không cùng với mười phương, với sinh tử không chỗ xa lìa. Đó là pháp báu thứ tư.

5. Bồ-tát thấy sự đau khổ của năm đường, tâm ý muốn đến hóa độ, đem thân mạng để cứu giúp, không dùng hình thức cần khổ đau đớn đến với họ, trái lại khiến họ mau chóng thành Phật. Đó là pháp báu thứ năm.

6. Bồ-tát kính thờ trời, người trong mười phương, cũng như nô tỳ thờ đại phu, không gây đau khổ mà lại quý mến cứu độ họ. Vì sao? Vì biết mong cầu vốn là không, vốn là không có chỗ khởi. Đó là pháp báu thứ sáu.

7. Bồ-tát xem xét thấy chín mươi sáu thứ ngoại đạo, nên tìm cách để cho họ giác ngộ, muốn khởi lên tưởng giữ lấy pháp trụ. Đó là pháp báu thứ bảy.

8. Thờ phụng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường Tỳ-kheo tăng, cúng dường vạn ức kiếp, không bằng nhất thời nghe Tam-muội Bảo Như Lai này. Mười phương sẽ thành Phật, vậy lấy gì làm chứng? Người nghe Tam-muội Bảo Như Lai này, thì người trong mười phương được Phật chứng. Nếu Bồ-tát mới phát ý, hướng đến Tam-muội này, vui vẻ hiểu Tam-muội này, tức là đã hiểu rõ vạn vạn Tam-muội và như vậy là đã được Tam-muội Như Lai. Đó là pháp báu thứ tám. Ai thực hành Tam-muội này, thì có thể đạt được môn Đà-lân-ni.

Bồ-tát Như Lai thưa hỏi xong, lui về chỗ ngồi. Lúc đó, Đức Phật liền mỉm cười.

Thấy Đức Phật mỉm cười, Văn-thù-sư-lợi, sửa sang y phục, đảnh lễ sát đất, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn không bao giờ cười mà không có lý do, đã cười tức có ý. Cúi xin Thế Tôn nói cho.

Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bảo Như Lai từ cõi Phật đi đến đây, trải qua chín ức vạn cõi Phật. Cõi ấy tên là Chư pháp tự nhiên vô yếm cảm hữu. Thiện nam, thiện nữ nào, được sinh qua cõi ấy, thì không sinh từ bào thai, không sinh từ đau đớn khổ sở, không sinh từ ân ái mà sinh ra từ trăm ức vạn hoa hương đủ loại. Khi vừa sinh ra, đứng được, không cần ẵm bồng. Có tiếng âm nhạc sớm chiều, làm vui lòng nhau. Chỉ dùng pháp vô tác, dùng pháp vắng lặng làm xướng nhạc. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, nghe Tam-muội này, sáu trăm bốn mươi kiếp về sau, tội hết, mạng dứt liền được lìa khỏi thế giới Ta-bà. Người lìa khỏi đó, chỉ vui với các Tam-muội. Cõi Bảo Như Lai không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tuy có nhưng không hiện. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào lìa khỏi thì ánh sáng của các sao, mặt trời, mặt trăng lúc đó mới xuất hiện. Đồng thời có chư Phật trong mười phương nói:

–Hôm nay có người lại đã lìa khỏi để sinh vào cõi Bảo Như Lai.

Mười phương Bồ-tát hỏi mười phương Phật:

–Lấy gì làm chứng.

Mười phương chư Phật đáp:

–Lấy ánh sáng xuất hiện của các sao và mặt trời, mặt trăng làm chứng.

La-hán, Bích-chi-phật số ấy như vậy. Các La-hán, Bích-chi-phật không thể biết được, người vãng sinh đến cõi ấy, chỉ có Bồ-tát mới biết được thiện nam, thiện nữ, vãng sinh ấy. Vì thế cho nên ta cười.

Hai vị Hiền giả Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất, đảnh lễ Đấng Chánh Giác, sát đất và thưa:

–Cúi xin Phật mở ân lớn, thương xót chúng con, ban oai thần thần túc cho chúng con. Nay chúng con muốn đến cõi Bảo Như Lai, nước của Chư Pháp Tự Nhiên, để xem xét trong chốc lát, rồi trở về.

Phật khen:

–Hay thay! Hay thay!

Xá-lợi-phất tối tôn và La-hán Tu-bồ-đề, nương oai thần của Phật, trong khoảng chốc lát, liền đến cõi Bảo Như Lai; thấy trong nước Bảo Như Lai, cũng giống như vườn Trúc ở nước La-duyệt-kỳ, cũng có Thích-ca Văn Phật và chúng hội, thấy phương Đông có vô số Bồ-tát, thấy phương Nam vô số Bồ-tát, mười phương trên đến cõi trời ba mươi sáu, chúng hội cũng như vậy. Thấy thế, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đức Như Lai có theo chúng ta đến cõi này không?

Quán sát trong chốc lát, Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất liền trở về vườn trúc, nơi chúng hội cũ.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

–Vừa rồi các ông quán sát cõi Bảo Như Lai, thấy nhân dân thế nào? Và dạy dỗ trao truyền được bao nhiêu?

Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con quán sát cõi ấy, cũng giống như đại hội ở vườn trúc ngày hôm nay.

Xá-lợi-phất đảnh lễ Đức Phật và khen ngợi:

–Công đức của Phật rất tôn quý, cho nên hôm nay, các hàng trời, người, nhân dân trong đại hội, mới được thấy sáng như vậy.

Bồ-tát Tam Di, từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa y phục, đảnh lễ Đức Phật sát đất, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi.

Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Ông cứ hỏi.

Bồ-tát Tam Di bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp vô sinh có tưởng không? Tưởng chưa khởi

có thức không? Niết-bàn vắng lặng có không? Niết-bàn không khởi, có hình không hay không hình? Tại đó, khi khai hóa dạy dỗ, lập nơi sinh tử ai là chủ tể? Lấy không tạo không, đó là chủ tể.

Tam Di nghe Đức Phật trình bày việc ấy như vậy. Đồng thời các trời và người có tám vạn sáu ngàn, đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh; liền bay lên hư không, cách đất một trăm sáu mươi trượng, rồi xuống đảnh lễ Đức Phật. Lúc đó, tam thiên đại thiên, mặt trời, mặt trăng đều chấn động mạnh.

Bồ-tát Di-lặc, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Vừa rồi cả mặt đất chấn động mạnh, đó là điềm ứng gì?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Sở dĩ cả mặt đất chấn động mạnh, không phải chỉ có tại nơi đây mà khắp cả mười phương các cõi Phật, cũng đều chấn động, cũng có tám vạn sáu ngàn trời, người được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, cũng bay lên trụ ở hư không. Do vậy nên cả mặt đất chấn động mạnh.

Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để đạt pháp ấy?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Bồ-tát phát ý nên thực hành sáu pháp. Những gì là sáu?

1. Biết người ở cõi trời ba mươi sáu sẽ thành Phật mà chưa được thọ ký thì ta đến đó thọ ký cho họ, nhưng các hàng trời, người khác trong mười phương thì không thể biết.

2. Các thiện nam, thiện nữ nào, ở trong tam thiên đại thiên mặt trời, mặt trăng, sẽ thành Phật; ta đều đến đó thọ ký cho họ, nhưng các hàng trời, người trong mười phương thì không thể biết được.

3. Những người ở trong trăm ngàn địa ngục, sẽ được thành Phật, ta sẽ đến đó thọ ký cho họ, nhưng các hàng trời, người trong mười phương thì không thể biết.

4. Người trong mười phương tuyệt mạng và sẽ sinh về đâu, ta đều biết, nhưng các hàng trời, người trong mười phương, không thể biết được.

5. Người trong mười phương thiên hạ thọ mạng hết ta đều biết, nhưng các hàng trời, người trong mười phương, không thể biết được.

6. Chư Phật trong mười phương có vị giữ lấy Niết-bàn, có vị không giữ lấy Niết-bàn, các hàng trời, người trong mười phương, không thể biết được.

Đó là sáu pháp trụ. Nếu Bồ-tát thực hành theo sáu pháp này, thì mau chóng đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội này rất là cao quý rất đáng tôn trọng! Nay con muốn, những người đến đại hội này đều đạt được Tam-muội này. Như vậy cần thực hành những pháp gì?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Muốn đạt được Tam-muội ấy, cần phải thực hành chín pháp. Những gì là chín pháp?

1. Thấy được các pháp đều trong sạch không có giới hạn.

2. Thấy các trời đều trong sạch.

3. Thấy các việc sinh tử cũng trong sạch không giới hạn.

4. Thấy năm đường đều trong sạch.

5. Đối với ham muốn không có chỗ mong cầu, tất cả đều trong sạch.

6. Thấy sắc trong ba cõi đều trong sạch không có ngằn mé.

7. Thấy các địa ngục đều trong sạch không giới hạn.

8. Quán thấy Niết-bàn đều không giới hạn.

9. Mười phương không có nêu tên.

Đó là chín pháp. Nếu người tu hành thực hành chín pháp này, thì mau chóng được Tam-muội ấy.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Như Lai nói, được sáu vạn Tam-muội. Tam-muội mà còn có ngằn mé thì không bằng được sáu vạn Tam-muội. Tam-muội ấy có ngằn mé chăng?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Tuy được sáu vạn Tam-muội, nhưng chỉ có tên gọi mà thôi, không thể cùng tận, Tam-muội đều đầy đủ.

Phật nói tiếp:

–Này Di-lặc! Tam-muội không chỉ có một mà còn có các Tam-muội như: Tam-muội không nhớ nghĩ; Tam-muội lìa dục; Tam-muội ngồi nghe mười phương Phật; Tam-muội dùng hoa hương trang nghiêm các cõi Phật; Tam-muội thuyết pháp cho tất cả mọi người đều trở về; Tam-muội thoát khỏi cái dục không còn tưởng nhớ đến; Tam-muội khi nói kinh, hóa ra trăm thứ tiếng âm nhạc; Tam-muội thuyết pháp trong ức ngàn vạn cõi Phật, hoa hương tự nhiên đến; Tam-muội điều phục các ma; Tam-muội phát ý sư tử,

hùng dũng bước đi một mình; Tam-muội chỗ hướng đến đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Tam-muội dù ở chỗ nào cũng đều cúng dường; Tam-muội nhất thời có gió loạn thổi đến đều như tiếng Phật nói kinh; Tam-muội hướng đến cửa, cửa đều mở; Tam-muội ngồi chỗ nào tòa Sư tử đều hiện; Tam-muội bay đến mười phương; Tam-muội về Bồ-tát mười phương, hướng đến pháp môn vô cực; Tam-muội biết được ý người trong mười phương; Tam-muội hoại diệt các tưởng; Tam-muội hoại diệt các thức; Tam-muội hợp mười phương các cõi thành một cõi; Tam-muội phát ý không cùng tận; Tam-muội quán thấy trong ba cõi không có người nào; Tam-muội từ một cõi Phật đến một cõi Phật; Tam-muội dù ở chỗ nào, cũng khiến chánh pháp không bị dứt lìa; Tam-muội dù ở chỗ nào, cũng được gặp Phật; Tam-muội ngồi thấy binh lớn, lửa lớn, nước lớn, gió lớn, trong mười phương, nhưng không sợ hãi, trụ vào sự hướng dẫn của chánh giáo; Tam-muội dù ở chỗ nào, cũng chỉ dùng pháp làm ứng khí; Tam-muội thiện nam, thiện nữ nghe Tam-muội này, được trụ vào tưởng không thoái lui; Tam-muội to lớn không thể cùng tận, trụ đại hội nói pháp; Tam-muội vô danh; Tam-muội trụ các pháp; Tam-muội tên các tuệ; Tam-muội giáo pháp; Tam-muội diệt hoại La-hán, Bích-chi-phật; Tam-muội pháp báu; Tam-muội tổng trì vô danh pháp; Tam-muội biết ý người; Tam-muội cắt đứt các phiền hà; Tam-muội lực ngăn chặn dục giác; Tam-muội mười loại lực; Tam-muội trí tuệ; Tam-muội ánh sáng sở hành xứ; Tam-muội không thể tính đếm; Tam-muội khi thấy pháp như bóng trong nước; Tam-muội tuệ trong sạch, không thể cùng tận; Tam-muội nhân không, các ác không có, không nguyện, không tưởng; Tam-muội trụ thiền mới đạt đến Niết-bàn; Tam-muội ví như kim cương không bị ô uế; Tam-muội sáng vô cực; Tam-muội vượt qua và dứt sạch các phiền hà; Tam-muội pháp thủy rộng lớn; Tam-muội trang nghiêm thuyền lớn; Tam-muội nhập vô danh; Tam-muội ý vui không thể tận; Tam-muội không quên tổng trì; Tam-muội ở trong tối, khiến được sáng; Tam-muội đã vui càng vui thêm; Tam-muội hành từ; Tam-muội thương xót lớn trong sạch; Tam-muội nhập tâm bình đẳng; Tam-muội xuất tâm bình đẳng; Tam-muội gọi đã thoát chưa thoát; Tam-muội chỗ ánh sáng chiếu đến; Tam-muội hiểu cái không hiểu; Tam-muội thoát tuệ thoát giáo; Tam-muội hiện hoa sen màu vàng ròng; Tam-muội không lìa vô thường; Tam-muội trí tuệ tối tôn vô sinh; Tam-muội dũng mãnh điều phục tất cả; Tam-muội mở toang các cõi; Tam-muội trong sạch đối với vô hình; Tam-muội ngọc báu vô danh; Tam-muội như biển không có gì là không thọ nhận; Tam-muội thần túc rộng lớn; Tam-muội trong khoảng khảy móng tay không có việc gì là không hoàn thành.

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Đã hỏi tuệ trụ, cho nên nói không thể cùng cực. Nên khi nghe được những gì cần nghe mà như ý thì không tự cống cao. Việc làm không giả dối. Ý luôn cung kính, y như lời dạy. Tập tuệ dụng ý không có chỗ thọ lãnh cho nên không mất lễ tiết. Pháp sở tác không dối, không loạn. Ý như châu báu trừ các già bệnh, lấy ý làm pháp khí. Đó là vui nhẫn nhục. Điều suy nghĩ chỉ có tưởng, các cái vui chỉ là pháp ý. Tuệ không có đầy đủ, bố thí không tiếc, ban cho không ai là không nhận được. Khi muốn hỏi điều gì, quán sát chắc chắn, vui vẻ không chỗ được. Ý ấy đã vui, thân thể đều an nhàn, ý không tại nơi ngoại đạo, chỉ muốn nghe pháp vị và kinh Tỳ-la, chỉ muốn nghe phương tiện, chỉ muốn nghe bốn Tâm bình đẳng, chỉ muốn nghe pháp vô đề, như ý không nghĩ gì khác. Ý muốn thọ phương tiện, muốn nghe pháp Vô sở tùng sinh, quán sát không tham lam, chỉ muốn từ độ, muốn biết tiếng vô thường, muốn biết ý vắng lặng, muốn biết không lại không, muốn biết không tưởng sinh tử và bố thí, tất cả không muốn nghe, chỉ muốn nghe âm nhạc, vui theo mười phương, hành động bằng sự trung tín, chân chánh hàng phục các dục căn.

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa y phục, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đã được Tam-muội Bảo Như Lai, việc làm tự tại, đầy đủ các tuệ, liền được ba loại báu. Những gì là ba báu?

1. Ví như bóng trong nước, bóng cũng không ở trong nước, cũng không ở ngoài nước. Bồ-tát ngồi nơi đây, thân ở khắp mười phương, thân ấy cũng không ở mười phương.

2. Bồ-tát ngồi nơi đây, phân thân đều hiện khắp mười phương, ngồi trước Phật; thân ấy cũng không ngồi trước Phật, khắp mười phương.

3. Ví như ở trong núi, kêu to lên, thì tiếng ấy liền vọng lại, tiếng vang cũng không ở bên trong, cũng không ở bên ngoài. Bồ-tát ngồi nơi đây, nói việc của Bồ-tát khắp mười phương, Bồ-tát trong mười phương cũng không đến nơi đây, Bồ-tát nơi đây cũng không đến mười phương.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Đàm-ma-kiệt! Đã được môn Đà-lân-ni, cũng giống như người bắn tên, bắn đến điểm mình muốn bắn, thì không có phát nào là không trúng, Bồ-tát trì nhất tuệ, nhập vào vạn tuệ, thì không có gì là không đạt được.

Phật nói:

–Này Đàm-ma-kiệt! Ông có thấy lúc A-tu-luân khởi binh, chỉ trong khoảng khảy móng tay, liền đến cõi trời thứ hai mươi tám, trung gian dày

đặc, không thiếu chỗ nào, Bồ-tát từ Địa thứ chín trở xuống, lúc thuyết pháp, cũng lại như vậy.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Người thanh tịnh tiêu phục tham dục. Người ý không tham dục, thì không thể tận. Người có các ý ác không thể bị loạn, ý ấy bảo hộ ý ác. Thế nên không thể cùng tận. Ý ấy sân giận dục hữu hình càng cao. Người không bị các nghiệp dắt dẫn, Bồ-tát thường muốn hộ trì ý này, biết không thể khử trừ hết, không thấy hết các dơ bẩn, nên biết ý này không thể tận. Người hộ trì không làm cho biếng nhác, nên biết ý ấy không thể tận. Người cuồng loạn thì nên lấy pháp báu hộ họ, nên biết ý ấy không thể cùng cực. Người không có trí tuệ thì cũng bảo hộ họ, nên biết ý ấy không thể cùng cực. Tất cả lấy pháp mà ban bố, đem pháp để giải thoát họ, nên biết ý ấy không thể tận. Muốn dạy dỗ tất cả đều khiến làm công đức; nên biết ý ấy không thể cùng cực.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát có bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Ý thực hành hạnh Đà-lân-ni không thể cùng tận.

2. Thực hành Đà-lân-ni không thể cùng tận.

3. Dạy mọi người thực hành điều đó, không thể cùng tận.

4. Học hỏi không nhàm chán, cho nên Đà-lân-ni không thể cùng tận.

Bồ-tát Như Lai lại nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Lại có bốn việc không thể cùng cực. Những gì là bốn?

1. Thượng thoát, trung thoát, không thể cùng tận.

2. Đường của bốn hạng Tỳ-kheo không thể cùng cực.

3. Điều vừa ý không thể cùng cực.

4. Mười hai nhân duyên không có chủ tể, không thể cùng cực.

Đó là bốn việc không thể cùng cực.

Bồ-tát Như Lai lại nói với Xá-lợi-phất:

–Lại có tám pháp không thể cùng tận. Những gì là tám?

1. Nói vô ngã không thể cùng cực.

2. Tưởng vô tác không thể cùng cực.

3. Nói Niết-bàn vắng vẻ không thể cùng cực.

4. Việc hóa độ của Bồ-tát không thể cùng cực.

5. Nước biển cả cứ chảy mãi không dừng, không thể cùng tận.

6. Các ác không nhơ bẩn không thể cùng cực.

7. Tiếng đau khổ không thể cùng tận.

8. Tưởng đi lại không thể cùng tận.

Đó là tám pháp hóa độ không chủ tể, không thể cùng cực.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Lại có chín pháp không thể cùng cực. Những gì là chín?

1. Các cõi chư Phật, không thể cùng cực.

2. Chỗ của các Bồ-tát đến, không thể cùng cực.

3. Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể cùng cực.

4. Mất ý nguyện giữ lấy La-hán, Bích-chi-phật, không thể cùng cực.

5. Bồ-tát trong mười phương, từ một cõi Phật, bay đến một cõi Phật không thể cùng cực.

6. Sáu pháp Ba-la-mật không thể cùng cực.

7. Tam-muội không thể cùng cực.

8. Vượt hơn Niết-bàn cũng như hóa, thấy rõ nó vô cực.

9. Ba cõi không thể cùng cực.

Đó là chín pháp không thể cùng cực.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát có ba mươi hai pháp báu. Những gì là ba mươi hai pháp báu?

1. Tâm không chìm đắm ái dục, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

2. Không khởi là ngã, chẳng phải ngã, cũng không có sự tạo tác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

3. Không nghĩ đến tất cả thiện ác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

4. Tâm ý không mãi mãi đối với tất cả, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

5. Không hướng những giận dữ về phía mọi người, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

6. Không ôm ấp việc loạn ác của người khác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

7. Không vọng nhiễu người khác mà có sự trói buộc, nhẫn nhục

không thể cùng cực. Đó tức là báu.

8. Không chơi giỡn trong đại hội, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

9. Tự bảo vệ chính mình và bảo vệ người khác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

10. Cung cấp và bảo vệ cho người nghèo cùng, mà không mong về sau được đền đáp lại, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

11. Tự bảo vệ chính mình, không theo bạn ác tri thức, không theo chúng hội, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

12. Đối với thân mình và thân người khác, ý không có ái dục, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

13. Không khởi các tưởng, không nhớ nghĩ đối với Bồ-tát, dù chỉ trong khoảng khảy móng tay, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

14. Bảo vệ, giữ gìn công đức trang nghiêm thân tướng, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

15. Tin rằng làm việc lành, thì không lìa Tam-muội, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

16. Miệng không nói dối, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

17. Tâm trong sạch, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

18. Gần gũi bạn lành tri thức, đời đời không xả bỏ, dù ở chỗ nào, cũng không vạch lỗi lầm hay nói xấu bạn lành tri thức, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

19. Tự tính biết, người khác có ác thì mình cũng có ác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

20. Mọi sự nhớ nghĩ không có tà, tức là sự tỏ ngộ, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

21. Tâm mềm dẻo, ý hòa hợp, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

22. Bảo vệ người ác khiến tâm không khởi, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

23. Sinh lên các trời, dạy dỗ các trời, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

24. Sinh lên các trời hay thế gian hướng dẫn dạy dỗ cả hai không rơi

vào ba đường ác, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

25. Đầy đủ các tướng tốt, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

26. Được âm thanh như tiếng Phạm thiên, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

27. Thoát khỏi dâm dật, giận hờn, ngu si, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

28. Không dính mắc vào các sắc và danh, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

29. Không dính mắc vào công đức đã tạo ra, chỉ muốn khởi các pháp, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

30. Hàng phục các ngoại đạo, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

31. Đã vượt khỏi những chức tước, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

32. Đầy đủ các pháp Phật, không làm thương tổn hủy hoại, nên nhẫn nhục không thể cùng cực. Đó tức là báu.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát có ba mươi hai việc gọi là báu nếu như được nhập vào. Những gì là ba mươi hai việc?

1. Muốn nhập vào tiếng vang, muốn nhập vào quán không có đối tượng để quán. Đó chính là báu.

2. Muốn nhập vào tâm lìa tâm, đối với tâm không có chủ tể. Đó là báu.

3. Muốn nhập vào thân, cầu thoát vốn không thoát. Đó là báu.

4. Không nhập vào mười hai nhân duyên không có trụ. Đó là báu.

5. Muốn nhập vào đoạn, lìa nơi không đoạn. Đó là báu.

6. Muốn nhập vào vô thường, quán vô thường là không hình. Đó là báu.

7. Muốn nhập vào vô danh chủ, lìa với vô danh. Đó là báu.

8. Muốn nhập vào vắng lặng, không lìa với khởi. Đó là báu.

9. Muốn nhập vào ba cõi, nhưng không lìa ba cõi. Đó là báu.

10. Muốn nhập vào thọ không chỗ để thọ. Đó là báu.

11. Muốn nhập vào tương lai, quá khứ cũng vượt ra ngoài tương lai, quá khứ. Đó là báu.

12. Muốn nhập vào công đức, quán gốc ngọn, không có chủ tể. Đó là báu.

13. Muốn nhập vào không, không trong cái không. Đó là báu.

14. Muốn nhập vào vô tướng nhưng không khởi vô tướng. Đó là báu.

15. Muốn nhập vào nguyện nhưng không khởi nguyện. Đó là báu.

16. Muốn nhập vào không, nhưng lìa tưởng không. Đó là báu.

17. Muốn nhập vào Tam-muội mà không có hợp. Vì sao? Vì pháp không hai pháp. Đó là báu.

18. Không dùng Tam-muội mà có chỗ sinh sở nguyện. Đó là báu.

19. Tam-muội không vì tất cả các pháp tác chứng. Đó là báu.

20. Muốn nhập vào đạo vô sinh có hóa độ. Đó là báu.

21. Muốn nhập vào vô sinh xứ. Đó là báu.

22. Muốn nhập vào chỗ không lay động. Đó là báu.

23. Muốn nhập vào tất cả vô ngã không lìa vô ngã. Đó là báu.

24. Ban đầu không muốn biết nhau cùng với sinh tử. Đó là báu.

25. Muốn cùng Tam-muội ban đầu không có chỗ hiểu biết. Đó là báu.

26. Muốn nhập tướng ban đầu biết tướng. Đó là báu.

27. Muốn nhàm chán ý dục. Đó là báu.

28. Muốn nhập vào không nghĩ là không hay có. Đó là báu.

29. Muốn nhập vào các môn Đà-lân-ni không có gì là không thông suốt. Đó là báu.

30. Muốn nhập vào các ác nhưng không làm ác. Đó là báu.

31. Muốn nhập vào phương tiện dùng ý làm pháp khí. Đó là báu.

32. Muốn tương ưng cùng với vạn sự không tách rời nhau. Đó là báu.

Đức Phật bảo Bồ-tát Như Lai:

–Này Như Lai! Ví như, có người muốn vào thành thì phải đi từ cửa. Muốn biết nhân duyên không chỗ tranh luận. Người muốn biết tranh luận, không bằng tự giữ lấy mình. Người muốn biết, không muốn nói năng rõ ràng, không bằng sống trong an nhàn. Người không động, chớ được chuyển dục. Người không hy vọng, không chỗ tưởng. Vì thế nên không có sự nguy ách của dục. Đó gọi là sẽ đến địa vị chân chánh. Người muốn không cùng với người khác, thì nên tự giữ lấy nhà của mình. Người có khả năng giữ, thì không thể nói hết. Người không tự cao, không tự hạ mình thì người ấy được đầy đủ. Người không dục thì không bị sai khiến. Người mong muốn có sự hướng dẫn, thì việc làm không bị sai. Được đạo cũng lại như vậy,

không có si mê. Người không si mê vốn biết không. Người vốn biết không, không bị mất. Ba đời bình đẳng không khác; ba đời không tăng giảm, không trụ sắc. Đã không trụ sắc là không trụ các pháp. Mắt thấy sắc chỉ là mắt, đối tượng trụ trong tinh thể của mắt là sắc. Tai nghe tiếng, biết tiếng không chỗ trụ. Mũi ngửi hương, biết hương không chỗ trụ. Lưỡi biết vị, vị cũng không chỗ trụ. Thân cảm giác trơn, láng, biết nó cũng không chỗ trụ. Ý không biết thức; thức không biết ý, không chỗ trụ. Như gốc hạnh không có tưởng, tuệ hạnh vững chắc, vững chắc như ngã, không có ngã, là ngã sở, không phải các pháp thấy ngã, chỉ thấy vô ngã, gọi là tuệ. Không biết các sở hữu, cũng không biết tuệ, dục không biết tập, tập không biết tuệ, tuệ không biết thân, thân không biết tuệ. Tâm ấy của Bồ-tát không lìa tâm phải trái ư?

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đạo không hợp với tưởng, vậy có hợp hay không?

Phật bảo:

–Các pháp không lấy đó làm chứng, chỉ lấy tiếng vang làm pháp. Ví như người thổi ống sáo dài, âm thanh nghe bi ai, khoái thích, rập ràng với tiếng ca. Biết rằng giọng ca, tiếng sáo hợp đồng thành một âm mà phát ra. Các Tam-muội của Bồ-tát cũng lại như vậy. Các pháp không sinh hoại, cũng lìa hoại diệt. Các hóa cũng như vậy, các niệm cũng như vậy, các giác cũng như vậy. Các sinh vô danh, lìa với vô danh; các niệm vô danh lìa với vô danh; các hóa vô danh lìa với vô danh; biết không có các danh lìa với vô danh; ngã không nơi, không tưởng đến, chỉ là lìa ý tưởng vô tác, chỉ dùng tác của vô tác, đã là tác tưởng, tưởng hành vắng lặng hoàn toàn không chỗ dính mắc. Pháp không phải dục, tất cả đều như vậy.

Bồ-tát Như Lai sửa lại y phục, bạch Đấng Chánh Giác:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp không khởi. Nay muốn hỏi lại Như Lai: Vừa rồi Bồ-tát Đàm-ma-kiệt đã hỏi, muốn giải quyết nghi ngờ lớn ấy.

Thưa xong, đều trở về chỗ cũ.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Như Lai! Các pháp nếu sinh ra nơi thì không có nơi, nếu hóa ra nơi, cũng không có nơi; các pháp nếu biết xứ, thì không biết xứ; các pháp nếu niệm xứ thì không niệm xứ.

Bồ-tát Như Lai thưa:

–Thưa Thiên Trung Thiên! Sinh ra nơi sinh thì có nơi sinh không? Hóa ra nơi hóa thì có hóa không? Không nơi nhớ nghĩ có nhớ nghĩ không?

Không nơi biết có biết không?

Phật đáp:

–Này Như Lai! Sinh sinh lại sinh Nê-hoàn sinh, đó là hợp, nhưng không hợp với ý của Như Lai. Sinh sinh lại sinh không sinh Nê-hoàn sinh, đó là không hợp, nhưng lại hợp với ý của Như Lai. Hóa hóa lại hóa Nê-hoàn hóa, đó là hợp, nhưng lại không hợp với ý của Như Lai. Hóa hóa lại hóa không hóa Nê-hoàn hóa, đó là không hợp, nhưng lại hợp với ý của Như Lai. Niệm niệm lại niệm Nê-hoàn niệm, đó là hợp, nhưng không hợp với ý của Như Lai. Niệm niệm lại không niệm Nê-hoàn niệm, đó là không hợp, nhưng lại hợp với ý của Như Lai. Giác giác lại giác Nê-hoàn giác, đó là hợp, nhưng không hợp với ý của Như Lai. Giác giác lại giác không giác Nê-hoàn giác, đó là không hợp, nhưng lại hợp với ý của Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù bèn nói kệ:

Pháp là không có sinh
Hợp lại thành một cõi
Sinh sinh không lại sinh
Nê-hoàn đều như vậy.
Hóa là từ vốn không
Hóa hóa không giải thoát
Hóa bằng với Nê-hoàn
Vắng lặng, không xứ sở.
Niệm là vốn không thức
Phát niệm do nơi không
Nê-hoàn bằng với niệm
Sở niệm chắc như vậy.
Giác giác bình đẳng đẳng
Giác ngộ không chỗ đến
Sở giác không thường trụ
Thế nên Đức Như Lai
Hóa xứ không có xứ
Giác ngộ không chỗ đến
Nếu hóa không xứ sở
Các pháp đều như vậy.
Sinh xứ vốn là không
Không sinh là xứ ấy
Hóa xứ không danh xứ

Tất cả là Tam-muội.
Niệm xứ có niệm không
Từ không đến xứ này
Vốn chẳng phải không đế
Tuệ ấy đã như vậy.
Giác không hành liền nhau
Giác không lìa xứ ấy
Hành từ giác thấy đế
Lìa giác không giải thoát.
Pháp đã sinh không dứt
Ở đấy thường như vậy
Trong ba ngàn trời trăng
Chiếu sáng không gì bằng.
Pháp có không tư tưởng
Đạt được hành trở lại
Với dục không khởi dơ
Chẳng không, cũng chẳng tưởng.
Ý Như Lai luôn sạch
Cũng không chọn tên pháp
Đã thoát chẳng thường trụ
Tất cả như nơi gốc.
Hoa hương tự nhiên đến
Chỗ ra không xứ sở
Ý thanh tịnh không xứ
Chỗ có đều như vậy.
Cây khô lâu sống lại
Đều từ ý phát khởi
Đều thấy ánh sáng lớn
Thế gian không gì bằng.
Hư không là âm nhạc
Ngày đêm ánh sáng hiện
Lúc đó cả đại hội
Đều phát ý Bồ-tát,
Nhân dân rất vui mừng
Đều được nghe kinh này
Chấn động ba ngàn cõi
Được thọ thân bất động.
Pháp vắng lặng hiện ra

Vô danh là ứng ấy
Huống gì đời có được
Tất cả đều như vậy.
Thanh tịnh không là định
Si, tuệ vốn không hiện
Thanh, si hợp làm gốc
Gốc tuệ không giải thoát.
Tam-muội không chỗ tạo
Tất cả đều như vậy
Bồ-tát trụ đạo địa
Từ ý mà sinh ra.
Năm việc không thể gần
Nay đọa trong năm đường
Xa lìa hạnh như vậy
Thành Phật đạt mười phương.
Pháp trăm ngày làm thời
Thờ phụng Tam-muội này
Đều từ các cõi đến
Bay đến trước Như Lai
Các trời và các vua
Đều được thấy thân Phật
Ý chí rất vui vẻ
Thân thể đều khinh an.
Không nên dùng sắc tưởng
Quán pháp có ba ngàn
Bát-nhã, pháp Tỳ-la
Xứ sở không ba ngàn.
Như Lai vốn phát ý
Nguyện không rời mười phương
Thường làm nước pháp lớn
Xứ sở không ba ngàn.
Trong ba cõi trở lên
Cho đến trời Đao-lợi
Đều A-đà-na Phật
Hiệu là Thiên Trung Thiên.
Phát ý đến nước ấy
Chốc lát lại trở về
Bồ-tát Ma-đề-na

Bay đến trong vườn Trúc.

Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Như Lai:

–Nay tôi có điều xin hỏi: Bồ-tát Như Lai từ cõi nào đến? Chủng loại ra sao? Bản nguyện thế nào? Quốc độ vô cực ra sao?

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Bản nguyện vô cực, trong nước vô cực, hoàn toàn là Bồ-tát, không có tên A-la-hán, không có tiếng người nữ, cung điện hoàn toàn bằng thủy tinh, cây bằng vàng ròng, lá bằng bạch ngân, trái bằng san hô, mã não, lóng lánh rực rỡ thế gian không hiểu nổi. Các Bồ-tát đều sinh từ hoa sen.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Ta phát nguyện đến nay đã qua không trở lại, vô nguyện, sở nguyện không cùng cực, cây cối bằng vàng bạc, ngọc báu, ta muốn, tưởng không muốn sao? Pháp là khởi nơi cái không khởi, mong ngọc báu không phải là tư tưởng sao? Trăm ngàn ức cõi Phật, người có khởi nguyện, nay lại trở về là tưởng nguyện không cùng cực.

Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Như Lai:

–Khi Như Lai đem ức vạn loại hoa đến đây, mỗi hoa đều có màu sắc khác nhau. Đó chẳng phải là tưởng sao?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Hoa không có hình, chỉ dùng hoa làm pháp khí mà trao tặng. Các Bồ-tát dùng hoa có trong vườn Trúc, như là dùng pháp mà trao truyền. Trong đó không có nguyện sinh, đem hoa làm chủ, không ở trong hoa mà sinh.

Bồ-tát Như Lai nói tiếp:

–Này Xá-lợi-phất! Có bao giờ ông thấy hình tượng Phật chưa?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi đã thấy. Mọi người đều đảnh lễ tượng Phật, oai thần của Đức Phật không ai là không quay về nương tựa.

–Như vậy tượng ấy có đạo oai thần không?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Oai thần ở chỗ nào?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Cũng không ở nơi tượng mà cũng không lìa tượng, chỉ có tưởng nên mới nói có oai thần, nếu xem xét kỹ thì không có oai thần

nguyện. Ví như trên cõi trời Đao-lợi có cây, tên là Câu-giả, trổ hoa dày đặc, các trời không ai là không ham thích. Bồ-tát dùng pháp làm tất cả tâm vương, làm nhãn mục vậy. Đạo là đều không, chỉ dùng ý làm pháp khí.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Chỉ có một mình ý, mà có chủ ư?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Ý hợp với các pháp, các pháp hợp với ý, đạo là không có chủ tể, chỉ dùng không khởi mà làm chủ. Vì thế nên làm pháp khí.

Bồ-tát Như Lai hỏi Xá-lợi-phất:

–Ông thấy hóa chưa?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi đã thấy.

Bồ-tát Như Lai nói:

–Hóa tại đường tắt đi chỗ nào? Đến chỗ nào? Từ đâu mà đến? Có đường đi không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Hóa không có đường tắt, thì làm sao biết được hóa?

Xá-lợi-phất nói tiếp:

–Chỉ thấy hóa thành, rõ không thấy gốc ngọn, cho nên gọi đó là hóa. Như Lai hóa không có sở hữu.

Xá-lợi-phất nói:

–Người thấy không thấy, vậy thấy sai lầm ư?

Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát Như Lai:

–Cái không thấy, vậy thấy những gì?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Các tưởng như hóa là thấy. Pháp chưa khởi như hóa là thấy. Pháp vị lai không có tên là thấy. Pháp không tạo ra là thấy. Pháp chưa tạo tác là thấy. Không có tạo hóa là thấy. Chỉ có khởi tưởng vô danh là thấy. Chỉ hóa không tạo tác là thấy.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào, đối với cái thấy có sự qua lại không?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Vì không qua lại cho nên mới nói là thấy. Giả sử có qua lại thì không gọi là thấy. Đó chỉ là cái thấy sai lầm. Việc của Bồ-tát

Như Lai thấy là vậy.

-oOo-

KINH BẢO NHƯ LAI TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Như Lai:

–Có đoạn bánh xe pháp không?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát nếu đã thấy môn không có hình tướng, thì đã đoạn luân môn, đã rỗng không, có thể khiếm khuyết, thoát hay không thoát ấy, có thể đạt đến rỗng không? Ví như hư không, không có gì là không nhập vào. Vì sao? Vì đều không có nơi dùng, thế nên không có gì là không nhập vào. Vì dụng thoát đối với căn bản, luân ấy không chuyển.

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt thưa với Bồ-tát Như Lai:

–Các Đại Bồ-tát mới học, tôi muốn làm cho được pháp định ấy.

Bồ-tát Như Lai trả lời:

–Này Đàm-ma-kiệt! Người muốn được Tam-muội này, nên thực hành chín pháp. Những gì là chín pháp?

1. Nên định mười phương thiên hạ mọi người đều thành Bồ-tát.

2. Thấy người có các ý ác, khiến cho tâm hiểu rõ không khởi. Đó là định.

3. Thấy năm sự đau khổ của năm đường, nếu muốn độ thoát họ. Đó là định.

4. Đối với ngu si, không khởi lên tôi, ta. Đó là định ý.

5. Thấy sự tối tăm đều làm cho cho sáng sủa. Đó là định ý.

6. Công đức làm ra khiến không mất. Đó là định.

7. Quán người trong mười phương thiên hạ, đều làm cho bình đẳng. Đó là định ý.

8. Quán quá khứ, vị lai, các khả ý vương, chớ làm cho khởi thức. Đó là định.

9. Khiến người trong ngàn ức cõi Phật, đều không động chuyển. Đó là định ý.

Từ chín pháp này mà Bồ-tát mau chóng được Tam-muội.

Bồ-tát Di-lặc hỏi Như Lai:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay những người đến hội, có những Bồ-tát nào không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Thuở xưa, thời Đức Phật Sa-lâu-đà, ta mới phát ý học, đều bị các bụi nhơ che lấp, không được tuệ lớn, chỉ nghe Bồ-tát nói phát ý nên đến nơi ấy khởi tưởng thức không, không được Thiện tri thức, không có phương tiện, xa lìa mọi sự hiểu biết khéo léo, bị dục vọng xí gạt, lừa đảo, cắt mất khả ý vương. Do vậy, khiến ta đánh mất Ba-la-mật, đánh mất ý. Sau sáu mươi hai kiếp, tự nhiên được dự hội pháp Phật, đoạn trừ tôi, ta, trở về với cái gốc, vui với chính mình, liền bay lên hư không, đoạn các khả căn, liền thấy tuệ môn, đạt được thân bất động, từ đó chuyển được hạnh nghiệp, liền đoạn bánh xe pháp; lúc đó thọ Tam-muội từ Đấng Chánh Giác. Tuy trải qua sáu mươi hai kiếp phát ý, nhưng đối với giáo pháp, thì lại không có ích gì, sau lại tự nhiên dự trong hội pháp Phật, đạt được đại thọ, liền mới phát ý. Lúc ta phát ý, cũng có chín mươi ức người gồm thiện nam, thiện nữ cũng mới phát ý. Như vậy là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Di-lặc hỏi Như Lai:

–Phát ý có bao nhiêu việc?

Như Lai đáp:

–Có chín pháp. Những gì là chín?

1. Sống vắng lặng xa lìa chúng hội.

2 Được thọ pháp từ Thiện tri thức, không mất.

3. Xa lìa bạn ác tri thức.

4. Nên xa lìa năm việc:

- Ác Sa-môn.

- Bà-la-môn.

- Huỳnh-môn.

- Ngựa hung, trâu dữ và rắn có nhiều độc, không nên sống chung với những loại ấy. Trong khoảng thời gian chưa được đạo, các hạng ấy dễ làm con người rơi vào địa ngục. Vì thế nên phải xa lìa.

- Nên xa lìa người mới phát ý cầu La-hán, Bích-chi-phật.

5. Nên cảnh giác các việc ma, không nên làm việc chung với họ.

6. Trong mộng chỉ thấy thuyết pháp sâu xa.

7. Phát ý chỉ vì giáo pháp, không phải vì ăn uống.

8. Không nên dự vào trong số chúng hội để mong cầu người, cho thức ăn uống.

9. Nên có tâm bình đẳng, đối với mười phương, tâm bình đẳng đối với Tam-muội; đối với chỗ Đức Phật ngồi không sợ hãi.

Đó là chín pháp phát ý của Bồ-tát.

Lúc Đức Phật hiện Tam-muội Bảo Như Lai, có sáu vạn các Thiên tử Ái Dục, đều được Tam-muội này. Đồng thời có các trời bay trên không khen:

–Khoái thích thay! Thiên tử Ái Dục được nghe Tam-muội này.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Thiên tử này được Tam-muội tối tôn vời vợi, là tự họ đạt được, hay là phát ý nhờ vào oai thần của Phật?

Phật bảo:

–Này Di-lặc! Các Thiên tử này trước sau cúng dường xá-lợi; sự cúng dường ấy lớn như núi Tu-di, nhưng lại vô ích với Niết-bàn, nay lại được Tam-muội này công đức trước đều tiêu tan hết. Vì sao? Vì Tam-muội là chỗ không tên, Tam-muội là nơi không tưởng, Tam-muội là nơi không nhớ nghĩ, Tam-muội là nơi không hình tướng, Tam-muội là nơi không thức, Tam-muội là nơi không oai thần, Tam-muội không có chỗ để mong cầu giải thoát, Tam-muội là nơi trong sạch, Tam-muội là không đây đến kia hay kia đến đây, Tam-muội không có chỗ tưởng hay chẳng tưởng, Tam-muội không có chỗ tạo tác, Tam-muội đối với hóa là nơi không hình, Tam-muội không sinh tử không đoạn không xứ, chỉ có danh mà thôi, Tam-muội chỉ có tiếng vang, Tam-muội chỉ có âm thanh, Tam-muội chỉ là chỗ khai tuệ, là chỗ tuệ vô sở sinh, Tam-muội là nơi không tạo ra vật dụng. Thế nên, Tam-muội không thể tiêu tan hết. Như vậy, xứ của Tam-muội không ra vào nơi trị, Tam-muội cũng là nơi không tạo ra thức, Tam-muội không có nơi khởi hành, Tam-muội không thọ các mùi vị nơi thọ, Tam-muội là nơi không hình, Tam-muội không ra vào nơi dục, Tam-muội là nơi không định các pháp, Tam-muội là nơi không sinh, Tam-muội là nơi không ứng, Tam-muội là nơi vắng lặng, Tam-muội là nơi không động, Tam-muội là nơi không có bờ bến, Tam-muội này không thể tan nát. Nếu có Tam-muội tan nát thì là cửa, phát sinh rễ lớn của ngu si, cho nên không tan nát.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Có năm điều, không ngay thẳng không nên theo. Những gì là năm?

1. Không nên đối với xứ pháp có hai.

2. Không nên với sở khởi.

3. Không nên quán các pháp là tạo tác hay không tạo tác có không có danh.

4. Không nên đối với quá khứ, vị lai mà có sở kiến.

5. Các pháp không thể đứt.

Đó là năm pháp. Đại Bồ-tát được việc làm không khứ lai thì mau chóng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người, đối với khổ vui mà không nói lìa khổ vui thì đó là hai pháp. Không chữ là Bồ-tát, Bồ-tát là không giữa chừng lìa, không dừng lìa và không thoát ly. Giữa chừng thì không có chỗ lìa đối với sự tạo tác, xa sự không tạo tác là tác. Đã khởi như huyễn, dùng huyễn để nói huyễn, trong cái huyễn đó nó lại không tên. Như vậy, cũng không từ pháp mà được độ, cũng không lìa pháp. Người được độ thoát, ở trong thoát lại thoát. Đó là không có chủ tể, chỉ có ở tên gọi, đối với chữ không biết danh. Đó là đoạn bánh xe pháp.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp luân tự nó vốn trong sạch không có chỗ có; vậy ai là người đoạn bánh xe pháp?

Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Người nào không biết luân có xứ, thì đó là đoạn.

Phật bảo Bồ-tát Như Lai:

–Người còn tham đắm pháp thì là cội gốc của sinh tử. Người diệt pháp cũng là kết quả của sự không còn trói buộc. Tạo tác của sự không tạo tác, thì đó là không lìa tạo tác. Lìa đối tượng tham là không có đoạn hữu. Người không khởi tham tức là đạo. Không thể, không phải không thể tức là đạo. Vô sinh bất sinh là đạo. Vô thức bất thức là đạo. Vô tử bất tử là đạo. Vô đoạn bất đoạn là đạo. Vô Viễn bất Viễn là đạo. Chư khả bất khả là đạo. Trụ vào vô tưởng, lìa vô tưởng, tức là đạo. Niệm cái không niệm là đạo. Chỗ nói, chỗ không nói, tức là đạo. Niết-bàn không diệt, lìa với không diệt là đạo. Niết-bàn không hình tướng, lìa không hình tướng, là đạo. Niết-bàn diệt tận, không có chỗ để tận, là đạo. Pháp tự vắng lặng lìa với vắng lặng; các pháp không thể không có chỗ mất, là đạo. Đối với tuệ, lìa căn bản, là

đạo. Không phải danh, không phải tưởng, là đạo. Chỗ sáng, chỗ không sáng, là đạo. Đối với sáng, tối biết không có tưởng, là đạo. Si, tuệ không có tưởng nhập, là đạo. Đối với đạo, không có được đạo, là đạo. Hoặc khổ, hoặc vui, không có tưởng thức, là đạo. Chỗ khởi lên, không chỗ tưởng, tưởng, là đạo. Đối với trong sạch không có khó dễ, là đạo. Hóa độ không có chủ tể, là đạo. Chỗ đạt đến không có tưởng, là đạo. Các pháp chẳng phải danh, lìa chẳng phải danh, là đạo. Bồ-tát hóa độ như nước chảy là đạo. Đối với danh không chuyển là đạo. Phật dùng Tam-muội độ người thành tựu như ý, dùng vạn vật tự trang nghiêm, nhưng chỉ trang nghiêm không có hình tướng, chỉ trang nghiêm cho những ai, nhận thức sai lầm, chỉ trang nghiêm các khả ý vương, chỉ trang nghiêm tưởng đúng tưởng sai.

Như Lai thưa hỏi xong, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trên cõi trời ba mươi sáu đều đến hội; vậy có bao nhiêu người thọ trì Tam-muội này?

Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Không những các trời đến hội, mà cả người đến hội này, cũng đều được Tam-muội đều sẽ thành Phật, sẽ thọ mười phương, sẽ đoạn khổ não của năm đường như hội ngày hôm nay.

Các Bồ-tát nghe Phật thọ ký, tám mươi ức các hàng trời, người đều được pháp Vô sở tùng sinh liền bay lên hư không, cách đất ba trăm trượng, trên thân tỏa ra vạn ngàn ức hương hoa, rồi xuống đảnh lễ Đấng Chánh Giác.

Lúc đó, Bồ-tát A-lâu, Bồ-tát A-đề từ chỗ ngồi, đứng dậy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát được thọ ký này, bay lên hư không, cách đất ba trăm trượng, trên thân có hoa thơm đẹp, vậy hoa thơm này từ đâu mà có?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như màu xanh, vốn từ màu trắng, dùng tạp sắc nhuộm vào, thì tùy theo màu xanh vàng, đỏ, đen mà cho ra màu sắc như mình muốn nhuộm, như vậy, các sắc đều hiện. Chỉ vì lụa trắng vốn sạch, chỉ vì màu xanh vàng, đỏ, đen vốn cùng sạch, cho nên hiện ra màu sắc ấy. Các màu ấy, cũng không nhiễm vào lụa trắng, lụa trắng cũng không nhập vào các sắc, chỉ do tất cả vốn sạch cho nên hiện ra sắc ấy. Các Bồ-tát được thọ ký, quán trên thân có các loại hoa, cũng lại như vậy. Bồ-tát cũng không từ hoa, hoa cũng không từ các Bồ-tát, chỉ có các hàng trời, người được đoạn pháp vô niệm, tuệ phát ra sáng sạch, cho nên hiện ra hoa, do hoa sạch, cho

nên hiện như vậy. Người không trụ thành tựu được các công đức, người còn trụ vào tưởng hành là mở toang cửa sinh tử. A-la-hán, Bích-chi-phật do đã xa lìa năm nẻo, chỉ có mười cái thấy. Những gì là mười?

1. Thấy các công đức đều nói là giải thoát. Đó là thấy điên đảo.

2. Thấy năm nẻo khổ nhọc, muốn giữ lấy Niết-bàn. Đó là thấy điên đảo.

3. Thấy chán vạn vật không có chủ, chỉ muốn mau chóng xa lìa. Đó là thấy điên đảo.

4. Cầu an vốn tự nó không có căn bản. Đó là thấy điên đảo.

5. Muốn thoát vô gián, nhập vào vô xứ, thế nhưng bản thân không thoát nổi, cầu mãi không thôi. Đó là thấy điên đảo.

6. Khi La-hán nhập Niết-bàn lửa trong thân tự phát ra, không xứ khởi tưởng, lửa trong thân phát ra tự thiêu đốt, cho nên biết không đoạn sinh tử. Đó là thấy điên đảo.

7. Chưa tự vô tận. Đó là thấy điên đảo.

8. Chỉ muốn thời dục, đối với Niết-bàn, thành tựu được tận, ác cũng không chủ, trở lại muốn diệt. Đó là thấy điên đảo.

9. Của bố thí không phát ý bao trùm khắp mười phương, chỉ muốn pháp không đoạn. Đó là thấy điên đảo.

10. Đối với khổ vui, hạnh không bình đẳng thanh tịnh, nói là có hai pháp. Đó là thấy điên đảo.

Trên đây là mười việc thấy điên đảo.

Phật bảo Bồ-tát A-duy-a-lâu, Bồ-tát Ma-đề:

–Này thiện nam! Các hàng trời, người này đều ở vào thời Đức Phật A-ha-nậu, nay ta đều thọ ký cho họ, cũng ở chỗ sáu vạn Phật thọ Tam-muội này, nay lại được ta thọ ký. Về sau, trải qua ức vạn năm, khi pháp của ta đứt lìa thì bốn mươi vạn người phát ý, trong hội ngày hôm nay sẽ nắm giữ chánh pháp, chuyển bánh xe không thoái, khiến chánh pháp không bị đứt lìa, những vị ấy, hộ trì chánh pháp, cho đến khi thành Phật, pháp không đoạn như hội ngày hôm nay. Các người phát ý này, trải qua ngàn năm, đệ tử ta sẽ cùng phá hoại giáo pháp của ta, như ác Sa-môn, hoặc nam, hoặc nữ.

Tu-bồ-đề bạch Đấng Chánh Giác:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát nào, tu những hạnh gì, có thể hộ trì chánh pháp, không để đứt lìa?

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bốn mươi vạn Bồ-tát đều trụ Địa thứ tám trở xuống, đối với chánh pháp, không có ý tưởng phiền hà, thì những vị ấy đã hộ trì chánh pháp, khiến mười phương không bị đứt lìa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vậy những hạng nào là phá hoại chánh pháp? Cúi xin Thiên Trung Thiên nói cho.

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có các La-hán, Bích-chi-phật, hoặc Sa-môn, các hàng trời, người khởi tưởng phiền hà; đối với tuệ lại cầu danh, phá tan gốc ngọn, tăng giảm tôn pháp. Kinh Kỳ-dạ nói: "Có những người, chỉ muốn ăn ngon mà vào đạo, hoàn toàn chẳng biết không, cái gì là không, chỉ muốn trang nghiêm cõi nước, chẳng phải là kẻ tôn pháp, nghe Phật có thể đạt được, liền cầu Phật, cũng không biết pháp, nói có hai pháp", thì những người ấy, làm nát tan pháp của ta.

Lúc đó, trời Thiên thượng tôn, trời A-tu-di, trời Phan-na, trời Tử-lâu-ni, trời Câu-thuộc-đề, trời Thí, trời Na-lợi, các trời này bạch Phật:

–Bạch Thiên Trung Thiên! Chúng con xin trọn đời quy y thọ trì, chánh pháp; ngàn, vạn, ức kiếp không hề lơi lỏng, chỉ mong sao cho chúng con được Tam-muội này.

Phật nói:

–Này các Thiện nam! Người chưa được Tam-muội mà phụng hành Tam-muội này, thì sẽ được tiện lợi.

Phật bảo Bồ-tát Như Lai:

–Này Bồ-tát Như Lai! Về sau, có người phát ý thực hành Tam-muội này, người đạt được Tam-muội này, cũng ví như Tinh Nê-hoàn, là loại ngọc quý báu nhất, trong các loại báu ở cõi trời. Khi nào có Đức Phật xuất thế, thì nó mới hiện. Loại ngọc đó được gọi là ngọc Tinh Nê-hoàn. Nếu ai có được viên ngọc báu này, đem đặt trên cành trúc, hoặc đặt trong lòng bàn tay liền thấy bốn phía hư không hiện trong viên ngọc này; nếu muốn mưa báu bao nhiêu ngày thì đều được toại nguyện. Người nào có được viên ngọc Tinh Nê-hoàn, thì không nên tham cho riêng mình mà phải làm sao cho mưa ngọc báu khắp cả ba cõi để cho ai nấy cũng đều được ngọc báu như vậy. Thực hành Tam-muội này, cũng phải như vậy.

Lúc đó, vua nước La-duyệt từ trong các quần thần, ra đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là Đấng Tối Cao trong hàng trời, người,

xin ban cho ân lớn, độ thoát mười phương. Vậy cúi xin Thế Tôn, đem ngọc báu Tinh Nê-hoàn của trời, làm mưa châu báu xuống nước La-duyệt, khiến cho nhân dân trong nước của con đều được châu báu này.

Vua vừa thưa xong, Đức Phật liền mỉm cười.

Thấy Đức Phật mỉm cười, A-nan liền sửa y phục, đảnh lễ Đức thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật cười, không bao giờ là dối được, đã cười thì nhất định có ý.

Phật bảo:

–Này A-nan! Vua nước La-duyệt từ các quần thần muốn xin ngọc báu Tinh Nê-hoàn cõi trời để mưa châu báu xuống nước La-duyệt, cho mọi người trong nước đều được báu này, nhưng không biết rằng, khi Đức Như Lai đến, họ đều đã được báu này.

Phật bảo vua La-duyệt:

–Này đại vương! Đại vương có thấy, nhân dân trải qua trăm ngày đều đã không ăn năm món, chỉ dùng pháp làm món ăn, người nữ hóa thành nam tử. Vậy đại vương có thấy không?

Vua thưa:

–Con đã thấy thưa Thế Tôn! Họ đều được Tam-muội.

Vua rất vui mừng, đem ngọc báu đang đeo trên mình, rải lên Đức Phật và các Bồ-tát. Ngọc báu đó đều hóa thành hương hoa xếp thành hàng, trên hư không. Khoảng giữa của các tràng hoa đó, đều có trăm ngàn thứ âm nhạc, làm vui lòng nhau. Thấy cảnh như vậy, vua liền vui mừng cũng trải qua trăm ngày không ăn.

Vua bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các loại hoa này từ vô xứ mà có phải không?

Phật đáp:

–Đúng vậy, từ vô xứ mà có.

Vua hỏi:

–Vô xứ từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Từ vô sở khởi mà có.

Vua lại hỏi:

–Vô sở khởi từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Từ vô sở sinh mà có.

Vua lại hỏi:
–Vô sở sinh từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ bất động mà có.
Vua lại hỏi:
–Bất động từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ vô tạo mà có.
Vua lại hỏi:
–Vô tạo từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ vô danh mà có.
Vua lại hỏi:
–Vô danh từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ vô sinh mà có.
Vua lại hỏi:
–Vô sinh từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ vô âm mà có.
Vua lại hỏi:
–Vô âm từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ không hai mà có.
Vua lại hỏi:
–Không hai từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ vô hình mà có.
Vua lại hỏi:
–Vô hình từ đâu mà có?
Phật đáp:
–Từ tự nhiên mà có.
Vua lại hỏi:

–Tự nhiên từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Từ hóa mà có.

Vua lại hỏi:

–Hóa từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Lìa không hóa mà có.

Vua lại hỏi:

–Lìa không hóa từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Lìa không hóa, từ vô tướng tri xứ mà có.

Vua lại hỏi:

–Vô tướng tri xứ từ đâu mà có?

Phật đáp:

–Đó là từ các pháp.

Vua thưa hỏi Đức Phật xong, suốt cả trăm ngày đêm, chỉ thích Tam-muội này, đảnh lễ Đức Phật rồi trở về chỗ ngồi, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Như Lai và các Bồ-tát các chư tôn, Hiền giả, đều từ xa đến, nay sợ cùng Phật gặp nhau nên chẳng dám đi; vậy con xin thỉnh Văn-thù, Bồ-tát Như Lai... đến cung của con, để thọ thực, cúi xin Như Lai chấp nhận.

Đức Phật im lặng là bằng lòng.

Được Đức Phật chấp nhận, nhà vua liền đảnh lễ, rồi trở về cung, ra lệnh quần thần, cấp tốc trang nghiêm trong nước, các đường hẻm đều được kết hoa đẹp, rải các danh hương, giăng hoa làm trướng, trong cung được quét dọn sạch, thế gian đẹp tuyệt vời, trăm tòa ngồi, được làm bằng hoa hương, lưu ly vàng, bạc. Đốc thúc người quét dọn trong cung sạch sẽ. Các phu nhân, thể nữ đều giữ mình sạch sẽ, ăn chay giữ giới.

Văn-thù, Như Lai... đều đến nước La-duyệt, rồi vào thành. Chưa đến cửa cung, vua ra nghênh đón các Bồ-tát.

Lúc đó, Bồ-tát Như Lai, Văn-thù-sư-lợi... sáu mươi ức vạn người đang đi vào cung, thì Như Lai nhường cho các Bồ-tát vào trước, nhưng chư tôn Bồ-tát lại không vào cung trước.

Thấy thế, Như Lai nói:

–Cớ gì, chư tôn Bồ-tát không vào trước? Bồ-tát chư tôn phải nên vào

trước.

Như Lai nói tiếp:

–Tôi không vào cung trước, Bồ-tát nên vào.

Các Bồ-tát nói:

–Thế nào là tôn? Đối với tuệ vô xứ là tôn, đối với ý vô hình là tôn, đối với niệm không tưởng là tôn, đối với pháp không sở thí là tôn, việc làm không lìa đạo là tôn, đã đoạn pháp luân là tôn, pháp không niệm không tưởng là tôn, đối với pháp, không có nhiều ít là tôn, muốn phương tiện rất nhiều là tôn, biết Nhất thiết trí vô tướng là tôn, đã mặc áo giáp chánh pháp là tôn, đối với Tam-muội không có nhiều ít là tôn. Vì thế nên Như Lai vào cung trước.

Như Lai nói với các Bồ-tát:

–Nói tôn, vậy những gì là tôn? Tuổi lớn là tôn.

Các Bồ-tát nói:

–Chúng tôi tuy tuổi lớn, nhưng cũng như cây chết khô vạn năm, gốc rễ vĩnh viễn không còn phát triển, không có hoa trái để che mát cho người thế gian. Nay Như Lai, tuổi tuy nhỏ, nhưng thâm nhập tuệ rất sâu xa. Ví như cây báu, người thế gian được hoa trái đó, thì không ai là không được độ. Vì thế cho nên phải vào cung trước.

Nghe các Bồ-tát nói thế, Như Lai liền vào trước. Chư Tôn thiên, tấu lên các bản nhạc theo hầu. Khi vào cung, Văn-thù và Như Lai... đều ngồi vào tòa.

Thấy chư vị đã ngồi vào tòa, vua sai phu nhân sớt thức ăn tám món vào bình bát của các vị Bồ-tát và trong cung lúc này được xông các tạp hương thơm ngát. Sau khi chư vị thọ thực xong, vua thưa Văn-thù-sư-lợi và Như Lai rằng:

–Nay con muốn được thấy mười phương chư Phật trong đại hội, vậy phải làm cách nào để thấy?

Như Lai đáp:

–Này đại vương! Muốn thấy được mười phương chư Phật, muốn thấy các tuệ, thì nên thực hành chín pháp. Những gì là chín?

1. Nên xem mười phương chư Phật cũng giống ở đây, không khác.

2. Nên xem đạo của ta, không có đường tắt.

3. Nên xem mọi người không có giải thoát.

4. Nên xem việc ăn uống như hóa đã thấy.

5. Nên quán năm ấm không có thức tưởng.

6. Nên biết sáu tình và xem nó như huyễn.

7. Nên biết sự xem xét chỉ là cái thấy điên đảo.

8. Nên bố thí đại pháp.

9. Nên biết cái mình ban cho không phải là ban cho.

Vua nghe Như Lai giải thích tâm rất vui vẻ, rồi lui về chỗ ngồi.

Lúc đó, Đức Phật lại vui vẻ mỉm cười, khen:

–Hay thay! Hay thay!

Và Như Lai vì vua mà nói kệ:

Thường nguyện trong kiếp này
Sinh ra gặp Thế Tôn
Lãnh thọ đại trí tuệ
Trừ sạch rễ ái dục,
Không tham, không ganh ghét
Không cho ác ý sinh
Từ nơi vô số Phật
Được nghe Tam-muội này.
Ở trong ba ngàn cõi
Hành Tam-muội tôn quý
Không đối với mọi người
Mà có các châu báu,
Pháp không từ năm ấm
Cũng không lìa xứ này
Từ quán được thoát danh
Tất cả đều như vậy.
Từ quán được vui vẻ
Phát ý không chỗ sinh
Xứ ấy đã như vậy
Nên là Thiên Trung Thiên.
Nếu ở trong ba cõi
Không sinh, cũng không chết
Niết-bàn lại Niết-bàn
Tất cả không có vậy.
Ý không nên nghĩ tà
Hay là làm phi pháp
Nếu ở trong ba cõi
Giữ tâm khiến không khởi.

Tiếng vang có vọng lại
Trong ngoài đều tương ưng
Không khởi đều vắng lặng
Các pháp cũng như vậy.
Ba ngàn các cõi Phật
Danh tự đều như vậy
Không nghe cũng không thấy
Phi pháp chỗ nên bàn.
Tam-muội không tính toán
Lấy số trì thành nhiều
Người tuệ hiểu lời ấy
Được biển vô thường Phật.
Pháp ấy đều thanh tịnh
Rộng lớn không gì bằng
Tạo ra nước vô biên
Che chở cả ba ngàn
Ý nguyện Đà-lân-ni
Phát tuệ không có trước
Pháp ấy đã như vậy
Tất cả nên phụng hành.
Lúc ý ta nghĩ cầu
Từ đó qua nhiều kiếp
Ý chí thường bỏ nhà
Với dục không chỗ cầu
Thường nương Thiện tri thức
Kiến lập trụ chánh pháp.
Lúc đó trong đại hội
Được nghe Tam-muội quý
Ý chí rất vui vẻ
Liền bay lên hư không
Cách đất trăm tư trượng
Chắp tay đứng bên Phật
Nay các Bồ-tát đây
Thọ ký cũng như vậy
Ý càng thêm vui mừng
Được nghe các Tam-muội
Liền từ một cõi Phật
Bay đến trước chư Phật

Không động cũng không lay
Kinh động trong các cõi,
Hoa hương tự nhiên đến
Gió mát tự nhiên thổi
Trăm thứ các âm nhạc
Đều trụ giữa hư không.
Long vương rất vui mừng
Liền mưa trăm thứ hương
Hóa thành các ao nhỏ
Lên đến cả ba ngàn.

Bồ-tát Như Lai nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nay tự nhiên hoa hương trong ba ngàn cõi, lại đến cả hội này, âm nhạc đều đầy đủ. Đó là thần túc của Như Lai, oai thần của Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Như Lai:

–Ông muốn biết oai thần của Phật và oai thần của các Bồ-tát, nhưng oai thần đó, không thể thấy biết. Vì tiếng nhạc ấy, là nhạc vô danh; tất cả các pháp có tại đó cũng đều là vô danh; hoặc khổ hoặc vui là nhạc, mọi vật như hóa là nhạc, pháp không hai pháp là nhạc, đối với La-hán, Bích-chi-phật đều muốn độ thoát là nhạc; thấy năm đường đều muốn khiến thành Phật là nhạc; độ chúng sinh nhưng không thấy chúng sinh mình độ là nhạc; tất cả không xứ sở, không khởi là nhạc; đối với Tam-muội không phiền hà là nhạc; tất cả xứ sở không có danh là nhạc, mọi sở hữu đều như hóa là nhạc; chẳng phải âm thanh và cũng không có chỗ phát ra âm thanh là nhạc; pháp sở thí hay không sở thí, không có sở hữu là nhạc; trong ba ngàn đều là vô thường là nhạc; tất cả mọi người đều làm cho tin được vô sở đắc là nhạc; quá khứ, vị lai, hiện tại ba thời, tận không có tận là nhạc, khiến trở về với căn bản không chỗ thấy là nhạc; thấy pháp luân là vì không chỗ để thấy là nhạc; tất cả trong ba ngàn cõi đều bình đẳng là nhạc; tạng pháp thọ trong ba ngàn mười phương là nhạc; các cõi trong mười phương chỉ có danh là nhạc; sắc dục hòa hợp là nhạc; đối với danh tự, không có chủ tể là nhạc; tất cả vắng lặng, không bờ bến, là nhạc; tất cả sáng cùng hợp với tối là nhạc; mọi hành động tạo tác, không mất giới là nhạc; mọi sự nhớ nghĩ không lìa Tam-muội là nhạc; hư không thật độ vô cực là nhạc; các tuệ giác không có xứ sở là nhạc; các sở khả là nhạc; tất cả quyết không thọ là nhạc; trong ba cõi không ai bằng là nhạc; cầu pháp không tiếc thân mạng là nhạc; tất cả sáng hợp lại sáng, là nhạc; các sở hữu chỉ là thấy sai lầm là nhạc; bố thí không mong cầu báo đáp lại là

nhạc; ý vô cực làm thuyền trưởng lớn là nhạc; vườn giải thoát vô biên vô cực là nhạc; ý vắng lặng là nhạc; vô sở định là nhạc; không đến các Tam-muội là nhạc, cũng không lắng, cũng không nghe là nhạc; các sở niệm chẳng phải là chánh đạo là nhạc; tất cả mọi người vô cực là nhạc; các sở độ ví như huyễn là nhạc; mới phát ý đầy đủ Tam-muội là nhạc; chỗ đến của các Bồ-tát không có xứ sở là nhạc; các Bồ-tát ý tại sinh đến mười phương là nhạc; không phải xanh vàng và đen, trắng, không có đường tắc là nhạc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Như Lai:

–Muốn biết oai thần của Phật, Bồ-tát và nhạc thì nhạc là như vậy.

Trên đây là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời năm việc, nói về nhạc, mà Bồ-tát Như Lai đã hỏi.

Bấy giờ, Bồ-tát Như Lai liền nói kệ:

Ý Văn-thù-sư-lợi
Tuệ tôn không có trước
Ban bố khắp ba ngàn
Trí ấy thật tôn trọng.
Oai thần đã thi hành
Đều trừ trong ba ngàn
Không mong muốn các nhạc
Chỉ vì không đoạt thí.
Thích pháp là tối đại
Đối với hóa, không độ
Ban bố cho pháp lạc
Hoặc không, không có ác.
Pháp cùng nhạc đều hành
Không có lỗi là báu
Nhạc không có chủ tể
Hoặc không, không xứ sở.
Thâm nhập các vi diệu
Hiểu rõ hết mọi người
Khiến họ được đại pháp
Cắt đứt rễ đau khổ.
Tất cả người thế gian
Đều có ý không hiểu
Lấy pháp làm ý giác
Dùng tuệ cứu tất cả.

Lúc đó, Đức Phật nói kệ:

Lìa không chẳng tưởng
Là tưởng chẳng không
Với pháp không khởi
Đó tức là khởi.
Ý luôn nhu nhuyến
Sạch, không sở hữu
Sắc, dục hòa hợp
Nhập vào vô tướng.
Đã nói vô hình
Không lìa có hình
Do pháp như mộng
Cái muốn không cùng.
Là vắng lìa vắng
Không lìa chẳng tạo
Các pháp không chủ
Sở khả như hóa.
Đều không chỗ thọ
Pháp cũng không xả
Nhận thức sai lầm
Tất cả đều vậy.
Chẳng sắc lìa sắc
Là sắc không lìa
Pháp ấy như sắc
Xứ đó như vậy.
Chẳng âm là vang
Không nghe không thấy
Không lắng không xem
Sở hữu như vậy.
Với hóa vô danh
Tự nói là vậy
Pháp không có chấp
Sở độ như vậy.
Với huyễn không thấy
Đã thấy lìa thấy
Lìa tham nhiễm dục
Phi pháp đã bàn.
Với dục không nhơ

Không đắm không lìa
Thấy đúng như vậy
Không có người ấy.

Biết được Đức Phật mỉm cười, ở trong cung, Bồ-tát Như Lai nói kệ:

Nghi vốn không hiểu
Là pháp tự nhiên
Vốn không thường trụ
Nghi tuệ không vậy.
Với tưởng không nhọc
Thức, niệm không khổ
Xưng tên trụ chữ
Chẳng phải cầu pháp.
Với gốc không vậy
Không thoái, không hoàn
Có thể không thể
Xa lìa không thể.
Với sinh không diệt
Đó tức là diệt
Với nghĩa không tưởng
Thì chẳng phải diệt.
Với pháp không sinh
Cũng không tướng diệt
Sở dĩ vì sao
Các pháp đều không.
Không cầu lời nói
Con lìa Niết-bàn
Sở dĩ vì sao
Gốc ngọn đều sạch.
Không tận mười phương
Lấy đó làm chứng
Có nói là ngã
Đó tức là chứng.
Không nên xa niệm
Niệm với mười phương
Chân pháp không phiền
Là thọ vô danh.
Pháp chẳng nhớ nghĩ
Có thể quay lại

Khởi hành như vậy
Không thấy tôn pháp.
Cốt yếu hiểu tuệ
Không sợ nhỏ mọn
Không thích lung tung
Gọi là tuệ môn.

Bồ-tát Như Lai hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Hôm nay, những người mới phát ý đến hội, tôi muốn làm cho họ được pháp vô cực, vậy phải làm cách nào để đạt được?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đối với niệm không tạo tác là có thể được pháp vô cực.

Như Lai lại hỏi:

–Những gì là niệm không tạo tác?

Văn-thù trả lời:

–Nên kiến lập chín pháp báu. Những gì là chín?

1. Ý không có xứ sở. Đó là báu.

2. Quán pháp không có chủ tể. Đó là báu.

3. Không thấy có quá khứ, vị lai. Đó là báu.

4. Đối với pháp không có người tạo tác. Đó là báu.

5. Nếu bố thí chỉ thí pháp âm. Đó là báu.

6. Thấy sự đau khổ của năm đường, ý không hề thoái lui. Đó là báu.

7. Giác ngộ không xa phương tiện. Đó là báu.

8. Nhìn thẳng các pháp không có hai. Đó là báu.

9. Đến Niết-bàn cũng như hóa. Đó là báu.

Bồ-tát Như Lai nói với Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Đó là chín Pháp báu.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Không nhân duyên không cười
Mọi việc đều vô thường
Nếu rỗng không như bản
Phật cười có lý do.
Cười rỗng không lìa ngọn
Như gốc không chỗ cười
Đã trụ các tên pháp
Tất cả đều như cười.

Gốc ngọn đều tự nhiên
Không có sự qua lại
Người cười có hoàn báo
Không hoàn cũng không cười.
Pháp chỉ là có một
Đã cười liền có hai
Với hai không tên, chữ
Thế nên là tối tôn.
Đã cười không cười suông
Chỉ vì các pháp thí
Lay động không lay động
Đó là Đấng Vô Thượng.

Văn-thù-sư-lợi đáp Như Lai bằng kệ:

Người cười không hoàn báo
Tất cả không chủ tể
Cười ấy không lìa gốc
Nên gọi Thiên Trung Thiên.
Người cười không chỗ hướng
Chỉ là thấy sai lầm
Với pháp đều vắng lặng
Vắng lặng vốn không vậy.
Người cười không lìa hóa
Lấy hóa làm đại thí
Với hóa không nêu danh
Vì thế mới là pháp.
Với pháp không có vậy
Chỉ là không thoát thí
Đã thoát không vì thoát
Phật đều là như vậy.
Nên ở trong đại hội
Bàn luận độ không độ
Thí pháp cho chúng sinh
Không có gì sánh bằng.
Là lặng lìa lặng
Không lìa chẳng tạo
Các pháp không chủ
Hướng đến như hóa.

Xá-lợi-phất lại hỏi Như Lai:

–Muốn làm cho chúng sinh trong mười phương phát ý thực hành Đà-lân-ni, vậy nên tu hành những pháp nào?

Như Lai đáp:

–Này Xá-lợi-phất! Nên thực hành ba mươi hai pháp báu.

Văn-thù-sư-lợi tiếp lời:

–Pháp báu thứ nhất là, muốn làm cho chúng sinh trong mười phương, người chưa phát ý như hóa mà độ.

Pháp báu thứ hai là, người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều làm cho trụ ở chánh pháp.

Pháp báu thứ ba là, muốn làm cho tất cả chúng sinh, trong tam thiên đại thiên mặt trời, mặt trăng đều xem là bình đẳng.

Pháp báu thứ tư là, nếu người tại trụ ý đều làm cho xa lìa các dục, tại tuệ môn khiến không có lay động để đạt đến Niết-bàn.

Pháp báu thứ năm là, người nói có trời hay không trời, thì chí không lay động thoái lui.

Pháp báu thứ sáu là, ý không lay động bỏ cuộc.

Pháp báu thứ bảy là, tất cả không lại thọ sinh, quán quá khứ, vị lai không có hai.

Pháp báu thứ tám là, quán các Tam-muội, thiền đều vắng lặng, không có xứ sở.

Pháp báu thứ chín là, các sở độ không có chủ tể, tất cả từ không dẫn đến không.

Pháp báu thứ mười là, ta được chư Phật trong ba ngàn nhật nguyệt thọ ký.

Pháp báu thứ mười một là, người đến nghe kinh của chư Phật, trong mười phương ba ngàn nhật nguyệt đều được Phật thọ ký, liền bay lên hư không, cũng như vậy.

Pháp báu thứ mười hai là, cõi nước chư Phật, hoa hương tự nhiên đến, dù có lọng báu bằng lụa xuất hiện, cũng không mừng, không xuất hiện, cũng không cầu.

Pháp báu thứ mười ba là, làm cho người phát ý, đều được trụ pháp, như xứ ấy.

Pháp báu thứ mười bốn là, quá khứ, vị lai không tăng giảm. Vì sao? Vì biết vốn không hai.

Pháp báu thứ mười lăm là, muốn làm cho những loài côn trùng, trong

mười phương đều thọ trì kinh giới Đức Phật, khiến không bị hủy hoại, tổn thương.

Pháp báu thứ mười sáu là, không có tà niệm trong mười phương, chuyển ý trở về với cái gốc, liền hướng đến tuệ môn.

Pháp báu thứ mười bảy là, thường hành nhẫn nhục.

Pháp báu thứ mười tám là, từ quán đến quán không có người cứu độ.

Pháp báu thứ mười chín là, trụ vốn là trụ xứ vô thường, như vậy là vô thường trụ xứ.

Pháp báu thứ hai mươi là, sở độ không có chủ tể, gọi là không, vì các dục đối với dục là vô thường xứ, cho nên gọi là đạo.

Pháp báu thứ hai mươi mốt là, thí tuệ tác, thí không có nêu danh, đối với dục không chỗ có thể, chỉ vì giải thoát.

Pháp báu thứ hai mươi hai là, điều nói ra không lìa so với nhân tác thí, do đại pháp, cho nên được độ, không giải thoát.

Pháp báu thứ hai mươi ba là, thường từ vô số cõi Phật bay đến trước một Đức Phật.

Pháp báu thứ hai mươi bốn là, người trong các cõi mười phương, không được giải thoát.

Pháp báu thứ hai mươi lăm là, tịnh, si đồng hợp, vốn sạch không khác.

Pháp báu thứ hai mươi sáu là, hăng hái làm cầu đò trong ba ngàn, tinh tấn học tập, như tối thấy được ánh sáng.

Pháp báu thứ hai mươi bảy là, thường làm vị thuyền trưởng giỏi đưa vô số người qua biển rộng vô cực.

Pháp báu thứ hai mươi tám là, luôn làm vô biên lá chắn, bít ba ngàn nhơ bẩn.

Pháp báu thứ hai mươi chín là, luôn trau dồi Tuệ vô cực, không lìa mười phương.

Pháp báu thứ ba mươi là, luôn khởi lòng lành lớn chấn động cả mười phương, độ những ai chưa độ, giải thoát cho những ai chưa giải thoát, nên hiệu là Thiên Trung Thiên.

Pháp báu thứ ba mươi mốt là, hành bình đẳng, không có gì sánh bằng, không có ai sánh kịp, thế nên hiệu là Vô Thượng Tôn, phát ý bình đẳng, nên gọi là Phật.

Pháp báu thứ ba mươi hai là, Như Lai là Đấng Chí Tôn, lời nói không

lìa pháp, vang khắp cả ba ngàn cõi hư không, là Đấng Tự Nhiên Vương, kiến lập hoa hương.

Đó là ba mươi hai pháp báu của Bồ-tát.

Mười phương đều đại hóa
Tất cả là vô thường
Chân pháp không phiền hà
Tức pháp độ mười phương.
Có tưởng, không lìa tưởng
Tất cả các báu rỗng
Hoặc hoa cùng với lá
Sắc ấy không có thể.
Tất cả các dục sở
Kiến lập khả ý vương
Các bảo vô thượng tôn
Hiệu là Thiên Trung Thiên.
Nên ở trong đại hội
Bàn luận độ không thoát
Vốn ấy vô thường trụ
Nên hiệu Thập Phương Tôn.
Tất cả là đảo kiến
Thế gian cho là chân
Mọi vật đều như hóa
Giải thoát khắp mười phương.
Hư không là vô thường
Tạng Phật đều trong đó
Đã thoát hay không thoát
Dạy dỗ khắp mười phương.
Các cõi Phật mười phương
Hợp lại thành một nước
Tự nhiên chúng đại hội
Đều đủ khắp mười phương
Phật là Nhất Thiết Giác
Cười không lìa dung nhan
Không lìa sắc vàng ròng
Khai thị người chưa thoát.
Vì mười phương dẫn đường
Ý không lìa pháp vương
Đã thí, không sở thí

Hoa rải khắp mười phương.
Hoa sen lớn sắc vàng
Tràn đầy khắp cõi nước
Khởi tưởng khởi tác hạnh
Không trụ trong các trời.
Ý Văn-thù-sư-lợi
Rộng lớn không gì bằng
Như mới được thọ ký
Bay lên trụ hư không.
Như Lai tuệ ý tôn
Ánh sáng khắp trong cung
Vừa lòng các trời, người
Đều được đến pháp môn.
Các Bồ-tát mười phương
Kinh động các quốc độ
Nay các trời trong hội
Được nghe tôn kinh này,
Thấy thấu triệt tất cả
Vừa ý người trong cung
Hóa làm tòa xen nhau
Vạn loài hoa hương trời.
Lắng nghe các Tam-muội
Ngồi quán trong đại chúng
Các công đức đời trước
Phát ý cúng dường tôn.
Đạo là không thấy đủ
Có được đều như vậy
Giải thoát không số lượng
Ba cõi không cùng cực.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bồ-tát Như Lai:

–Các âm như hóa, mọi việc làm ra đối với pháp không có tưởng, cũng không thể cùng cực, có sự tự nhiên, nên dùng cách nào, để giải thoát?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Lại có chín pháp báu. Những gì là chín pháp báu?

Pháp báu thứ nhất là, tự nhiên vô xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ hai là, các pháp vô xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ ba là, vị lai vô xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ tư là, các sở hữu đều thế trực xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ năm là, quán quá khứ xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ sáu là, quán thấy các pháp cũng như huyễn, cũng không có xứ, cũng như hóa.

Pháp báu thứ bảy là, sở khả vô xứ cũng như hóa.

Pháp báu thứ tám là, được đạo vô thoát xứ, cũng như hóa.

Pháp báu thứ chín là, được Nê-hoàn vốn không trụ xứ cũng như hóa.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi Bồ-tát Như Lai:

–Quá hơn Niết-bàn đều tự nhiên, vậy ai là hóa bản? Ai là hóa chủ? Hóa là có gốc, không hóa là sở khởi, xứ không phải phi đạo vô xứ.

Bồ-tát Như Lai nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Lại có chín pháp.

Pháp báu thứ nhất là hóa vô xứ. Hóa là phi đạo vô xứ. Đó tức là hóa.

Pháp báu thứ hai là phi xứ vô tưởng. Đó là hóa.

Pháp báu thứ ba là phi xứ hóa làm tác xứ. Đó là hóa.

Pháp báu thứ tư là chẳng phải thường danh khi sở hữu vô tận. Đó là hóa.

Pháp báu thứ năm là hóa xứ vô xứ. Đó là hóa.

Pháp báu thứ sáu là đối với đạo vô tưởng. Đó là hóa.

Pháp báu thứ bảy là đối với khởi không khởi. Đó là hóa.

Pháp báu thứ tám là đối với các dục mà không có chỗ dục. Đó là hóa.

Pháp báu thứ chín là đối với việc hóa độ, không thấy chỗ mình độ. Đó là hóa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ đáp Như Lai:

Mười phương không ai hóa
Hóa hóa không có hình
Tất cả báu vô thường
Thế nên là hóa sinh.
Đạo là không hóa ra
Cũng không lìa xứ ấy
Đã nói hình vô thường
Tự nhiên tại xứ ấy.
Các pháp hóa mà có
Vốn lìa từ không có
Nó vốn do hóa sinh

Thế nên Nhân Trung Tôn.
Người muốn từ hóa khởi
Pháp vốn không có vậy
Hóa mà trụ năm đường
Không có thấy hóa chủ.
Sinh tử và năm đường
Cùng hóa không liền nhau
Bởi đời tham không dứt
Thế nên hiện Chánh giác.
Như Lai và hóa chủ
Mười phương tôn vô cực
Trì hóa đại thí thế
Người thế gian không biết.
Pháp luân không sắc chuyển
Với thế gian không chuyển
Sắc buộc có nghĩ tưởng
Pháp sâu dày không chuyển.
Tưởng sắc hóa mười phương
Không ai, không thọ pháp
Bố thí đại trí tuệ
Thế gian không người nghe.
Các dục và La-hán
Bất hoàn cùng báu này
Nên ở trong chúng hội
Độ thoát báu vô thượng.
Trí tuệ không cùng cực
Ánh sáng không gì bằng
Làm cầu đò mười phương
Nói ra không có hai.
Các cõi Phật mười phương
Đều khiến hành bình đẳng
Cũng không khiến người ấy
Phát ý có tâm khác.
Các cõi pháp mười phương
Tất cả trụ thoát nhơ
Cũng không từ thế gian
Với pháp chẳng chiếm đoạt.
Với tuệ không giải thoát

Không thấy có qua lại
Với lặng lại thấy lặng
Trong sáng lại thấy sáng.
Pháp chẳng phải tuệ đắc
Tự nhiên không căn bản
Tuệ, tối đều cùng hợp
Đều không có biết nhau.
Si, tuệ không cùng hợp
Tuệ ấy các tối sáng
Bố thí chỉ là pháp
Như hoa mọc núi cao.
Các ác không cùng cực
Sắc dục không thể tận
Niết-bàn và sinh tử
Tất cả đều như vậy.
Người không biết không giác
Các tuệ Phật mười phương
Bởi do thấy tịnh pháp
Nên nói đời không có.

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt hỏi Bồ-tát Như Lai:

–Đối với hóa không khởi sự xa lìa, vậy ai thành chủ? Niết-bàn không sinh diệt, không xa năm đường, lại làm cho phát ý, chuyển trụ pháp luân không có các nhiễm ô, khiến đều không sinh, vậy ai là độ?

Bồ-tát Như Lai đáp:

–Những câu hỏi của Đàm-ma-kiệt là muốn dứt khoát cắt đứt gốc rễ sinh tử trong mười phương, nếu như vậy thì cần phải thực hành chín pháp báu. Những gì là chín pháp báu?

Pháp báu thứ nhất là, đối với vô là chủ. Đó là báu.

Pháp báu thứ hai là, đối với Niết-bàn và sinh tử, ban đầu không biết nhau. Đó là báu.

Pháp báu thứ ba là, đối với sinh, không sinh, đối với diệt, không diệt. Đó là báu.

Pháp báu thứ tư là, lên đến cõi trời ba mươi sáu, khiến không trở lại sinh vào cõi sinh tử. Đó là báu.

Pháp báu thứ năm là, đang khởi ý hay chưa khởi ý, đều như chỗ trụ. Đó là báu.

Pháp báu thứ sáu là, trong tam thiên đại thiên cõi Phật, quán sát rõ

không được độ. Đó là báu.

Pháp báu thứ bảy là, đối với nhớ nghĩ không nơi khởi. Đó là báu.

Pháp báu thứ tám là, làm cho ba ngàn cõi Phật đều giữ lấy Niết-bàn, ý cũng không vui, mà không giữ lấy Niết-bàn ý cũng không giận. Vì sao? Vì các pháp là không nơi chốn. Đó là báu.

Pháp báu thứ chín là, tùy ý nguyện giữ lấy La-hán, ta đều làm cho phát ý cầu nguyện, không để quay trở lại mới là nguyện. Đó là báu.

Không khởi các sinh, không có cầu nguyện trở lại. Đó là pháp báu của Bồ-tát.

Bồ-tát Như Lai đáp lời Bồ-tát Đàm-ma-kiệt bằng kệ:

Có thể hay không thể
Với dục, nhưng chỗ dục
Độ người không thấy độ
Pháp luân cõi vô thường.
Người tuệ không nói ra
Do độ người không đến
Nên thấy đại chánh pháp
Cao tột nhất thế gian.
Đạo là tên vô thường
Nên là báu mười phương
Đã được hay không được
Sinh tử không có đường.
Bốn hạng không thể tận
Vừa ý không có đủ
Thế gian đều ham thích
Không xả, không được đạo.
Sợ sinh không giải thoát
Người không sợ không thoát
Sinh tử nên nêu danh
Thành lập ra năm đường.
Có báo lại không đáp
Có thể gọi là pháp
Pháp là vốn không hai
Nghĩa là lý đã hiểu.
Vô biên cũng vô bờ
Không cùng không tính toán
Bản tế như bóng vang

Không có sự qua lại.
Đối với khởi không khởi
Pháp không có các dục
Sinh tử vốn không nơi
Hóa sinh tử là vậy.
Với sạch không có sạch
Với nhơ không có nhơ
Đều là người mười phương
Cắt đứt các năm đường.
Ý sạch cũng như nước
Tất cả không nhơ bẩn
Xanh vàng và trắng đen
Đều được thấy hình ấy.
Các pháp không phiền hà
Liền được báu vô thượng
Tôi, ta cùng với người
Thế gian không đạt được.
Không trụ lý không trụ
Chân lý đó là vậy
Cái hiểu không chỗ thấy
Thế gian đúng là vậy.
Không độ nhưng đều độ
Lúc đó ai không có
Mười phương lập Chánh giác
Đều được báu vô thượng.

Bồ-tát Đàm-ma-kiệt hỏi Như Lai:

–Muốn khiến trời, người trong mười phương, tự nhiên đều được như xứ ấy, nên thực hành sáu pháp báu. Những gì là sáu pháp báu?

Pháp báu thứ nhất là, khi nghe biết hội này. Đó là báu.

Pháp báu thứ hai là, những người đến hội thì được nghe kinh này. Đó là báu.

Pháp báu thứ ba là, chẳng phải là công đức đời này. Đó là báu.

Pháp báu thứ tư là, dám hỏi kinh pháp này, đã được sáu vạn Tam-muội, chỉ muốn làm cho người trong mười phương, phát ý vô thượng. Đó là báu.

Pháp báu thứ năm là, làm cho hội trong mười phương, đều được ở dưới cây Phật. Đó là báu.

Pháp báu thứ sáu là, Phật nói kinh pháp, khiến người trong mười phương đều đạt được. Đó là báu.

Lúc nói Tam-muội này, trong hội có chín mươi ức vạn Bồ-tát, các hàng trời, người có đến sáu mươi bảy ức vạn, đều được pháp Vô sở tùng sinh; cũng ngay lúc đó có chín ức vạn Bồ-tát đều được Tam-muội này, tam thiên đại thiên cõi Phật chín lần chấn động mạnh, các Thiên vương trong cõi trời ba mươi sáu, đứng trên hư không, nổi lên gió mát, trỗi âm nhạc, cúng dường Đức Phật, các đại Long vương, các A-tu-luân đều được thấy pháp này.

A-nan sửa y phục, lễ Phật sát đất, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Chúng con thờ phụng tu hành ra sao?

Phật bảo:

–Này A-nan! Kinh này tên là các Cõi Vô Cực Vườn Tự Nhiên, Hoa Hương Tự Nhiên, còn gọi là Hội Vô Cực Báu.

Khi Phật nói kinh này, có vô số hàng trời, người, A-tu-luân, Nhân phi nhân nghe kinh đều rất hoan hỷ lễ Phật, rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 638

KINH SIÊU NHẬT MINH TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Thanh tín sĩ Nhiếp Thừa Viễn.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang du hóa tại vườn cây Nại thị, Duy-da-ly, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm một vạn tám ngàn, Bồ-tát có tám vạn. Tất cả đại Thánh đều đã đạt thần thông, được Tổng trì, tóm thu mười lực trí tuệ, trụ ở chỗ vô sở trụ, vượt khỏi ba môn giải thoát, khéo léo sử dụng phương tiện, không ai là không hóa độ được, trí ba đạt không bị trở ngại, du hóa trong ba đời, độc tôn không ai sánh bằng, thấy được chỗ khởi lên của cội nguồn sinh tử, tùy bệnh cho thuốc, khiến được thuyên giảm, bảo vệ thành trì chánh pháp, cứu giúp quần sinh, thực hành bốn Tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ; bốn ân tùy thời, khai thông kiến tạo cầu đò, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, hóa độ không cùng; hiểu rõ pháp: Không, Vô tướng, Vô nguyện, đạt được pháp Nhẫn bất khởi, hiện ra giữa chúng sinh, hoàn toàn không chỗ khởi chấp, dạy dỗ, đốc thúc những người còn thoái lui, làm cho không còn rơi trở lại, tám không nghĩ bàn, cứu vớt tám nạn, hợp cùng Pháp thân, hiện ra Bồ-tát, hoặc làm Như Lai, Thanh văn, Duyên giác. Cũng như ánh sáng mặt trời tỏa rạng muôn nơi, qua lại mười phương, cũng không chu toàn. Quán tất cả các pháp đều như huyễn hóa, như mộng, như bóng ngựa đồng hoang, như hình bóng, tiếng vang đều không chỗ có. Trừ sạch tất cả các phiền não, lợi, suy, hủy, dự, khổ, vui, thiện, ác. Vượt qua các pháp có ở thế gian, bước đến đạo tràng, bình đẳng không tăng giảm. Tên của các vị là: Bồ-tát Phổ Minh, Bồ-tát Phổ Đạt, Bồ-tát Phổ Trí, Bồ-tát Phổ Tuệ, Bồ-tát Phổ Chí, Bồ-tát Quang Minh, Bồ-tát Quang Diễm, Bồ-tát Quang Đẳng, Bồ-tát Quang Anh, Bồ-tát Quang Tạo, Bồ-tát Từ Quang, Bồ-tát Từ Thí, Bồ-tát Từ Giới, Bồ-tát Từ Nhẫn, Bồ-tát Từ Tấn, Bồ-tát Từ Tịch, Bồ-tát Từ Trí, Bồ-tát Từ Cứu, Bồ-tát Từ Hộ, Bồ-tát Từ Vũ, Bồ-tát Từ Minh, Bồ-tát Từ Phổ. Các vị ấy đều là những bậc

đứng đầu, đầy đủ tám vạn đức.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói pháp Tuệ vô cực Đại thừa nghiệp, cho vô ương số trăm ngàn chúng quyến thuộc đang vây quanh. Lúc đó, trong thành, có đại trưởng giả tên là Thiện Bảo, cùng với ngàn người, mỗi người đều cầm hoa bảy báu, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi đem hoa báu rải lên Đức Phật, cùng phát lời nguyện:

–Chúng con xin nguyện: Sẽ làm cho các loài chúng sinh, trong mười phương, tâm nhu nhuyến như hoa, ý thanh tịnh như hư không.

Lúc đó, oai thần của Như Lai, khiến cho các hoa báu đều trụ trên hư không và kết thành lọng hoa trên đầu Đức Thế Tôn. Ánh sáng của lọng hoa, che chiếu đến các Bồ-tát ở cõi Phật trong mười phương, các hàng trời, người không ai là không thấy. Mỗi thế giới chư Phật, đều có vô số, tức trăm ngàn Bồ-tát cùng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, rồi ngồi sang một bên.

Lúc đó, Từ Phổ cùng tám vạn Đại sĩ và trăm ức trời Đế Thích, Phạm vương, ba mươi ức Phạm, các Thiên thần lớn Diệu Thiên, mười ức quyến thuộc của trời Tịnh cư, hai mươi ức theo hầu Ma Tử Đạo sư. Năm ngàn ức kỹ nữ theo nhau đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân, lui đứng một bên.

Vua A-xà-thế cùng tám vạn người; vua Ba-tư-nặc cùng năm vạn người; vua Duy-da-ly cùng các Tôn giả gồm tám vạn bốn ngàn người; vua Uất-thiền cùng hai vạn người; vua Du-đầu-đàn cùng chín vạn người; vua Câu-di-na-kiệt cùng sáu vạn người; các vua như vậy, đều đem theo số quyến thuộc không thể kể hết, đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát đất, rồi lui ngồi một bên.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, chư Thiên, Long thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, nhân phi nhân đông vô số ức, không thể ví dụ, cùng đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát đất, rồi phân ban theo từng bộ phận của mình, hoặc ngồi, hoặc đứng. Đức Phật ở trong chúng, oai thần rất là cao quý; như mặt trời mới mọc, như mặt trăng giữa các vì sao, như núi Tu-di sừng sững giữa biển cả chiếu giáp bốn thành. Thân Thế Tôn phóng ánh sáng vời vợi, Thánh tuệ vô biên, chiếu khắp tất cả không đâu là không mong độ thoát, tứ phẩm chiêm ngưỡng, như đi trong bóng đêm thấy được ánh sáng.

Lúc đó, trong hội có Bồ-tát Phổ Minh, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay, khen Đức Phật bằng kệ:

Đại Từ thương xót quần sinh
Làm bóng mát che người mù

Mở sáng mắt người tối tăm
Hóa chưa nghe bằng đạo sáng.
Cõi thế gian như hư không
Như hoa sen không dính nước
Tâm trong sạch hơn thế nữa
Cúi đầu lễ Đấng Vô Thượng.
Quán pháp vốn không sở hữu
Như bóng câu, trăng in nước
Bóng, vang, huyễn hóa, cây chuối
Hiểu ba cõi cũng như vậy.
Từ vô lượng kiếp, khó đếm
Tích công đức không biết được
Từ tâm đẳng, định rộng hóa
Chúng sinh loại đều nhờ ân.
Rõ ba cõi, giống như mộng
Giác đều diệt, được thích ứng
Gốc ngọn của mọi sinh tử
Nó hoảng hốt không sở hữu.
Ánh sáng Phật đều chiếu đến
Oai tướng tốt khó so lường
Đạo vời vợi không gì bằng
Nên cúi đầu lễ mười phương.
Vốn phát ý vì mười phương
Cứu nguy nạn, giúp quần sinh
Đã được nguyện hơn hư không
Ai nấy thảy đều mong ân.
Ngồi cây Phật, sức hàng ma
Được vô lượng thành giác đạo
Hiểu các pháp vốn tự nhiên
Với dị thuật không mong cầu.
Hoa bảy báu rải lên Phật
Tại hư không thành lọng hoa
Ánh sáng chiếu khắp mười phương
Quần sinh hợp nghe pháp hội.
Đức Thánh Tôn như Tu-di
Trí tuệ sáng hơn nhật nguyệt
Giảng chánh pháp không gì bằng
Nên đảnh lễ Bậc Đại Thánh.

Phổ Minh nói kệ khen Đức Phật, rồi quỳ gối chắp tay, thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nay những người trong đại hội này; có người phát ý Bồ-tát, hoặc chưa phát; có người được không thoái chuyển, hoặc chưa được; có người được pháp Nhẫn bất khởi, Nhất sinh bổ xứ, thành tựu đạo đức, hoặc còn đọa trong sự trói buộc của năm đường sinh tử. Cúi xin Đức Như Lai thương xót, vì họ diễn nói, thị hiện bảo tạng vô cực, khiến cho những người tâm chưa giải đạt được tỏ ngộ, người ngu tối thấy được ánh sáng đạt không thoái chuyển. Có Tam-muội tên là Phổ chiếu thâm thiển tiêu tan nhị pháp, có thể mau chóng đến đạo Vô thượng chánh chân không?

Phật khen:

–Hay thay! Này Phổ Minh! Ông có nhiều lòng thương xót, nhiều sự an ổn, thương nhớ các hàng trời và người trong mười phương, muốn làm cho được sở nguyện; vậy hãy lắng nghe, lắng nghe suy nghĩ thấu đáo!

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Con rất muốn được nghe.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Có Tam-muội tên là Siêu nhật minh, Bồ-tát đạt được Tam-muội này đều được nhập vào. Ví như ánh sáng của mặt trời xuất hiện thì không có gì làm trở ngại. Hóa độ trước sau, khiến thông đạt ba xứ, tâm ý thanh thản. Người chưa phát ý sẽ làm cho khởi tâm Bồ-tát; đã phát đạo tâm rồi thì đạt quả vị không thoái chuyển; đã đạt được thì không bị rơi trở lại, cho đến Nhất sinh bổ xứ; người đã được Bổ xứ rốt ráo rồi thì chứng đắc Vô thượng chánh chân, bình đẳng như hư không, không đến, không đi, không ra, không vào, không có gì là không hành trì, thực hành tám mươi việc, có như vậy mới đạt được định vững chắc này.

Những gì là tám mươi? Hiểu rõ nhãn không, trừ nhĩ thanh, không tỷ khứu, dứt sự đắm trước của lời nói, thoát khỏi thức, dứt tham dâm, dừng sân hận, buông ngu si, hiểu rõ sắc như bọt nước, thọ như bong bóng nước nổi, tưởng như bóng câu, hành như cây chuối, thức như huyễn, tâm vốn sạch, ý giống giấc mộng, nhớ nghĩ đồng với hình bóng, không thấy thân, không chấp nhân, không có thọ, không giữ gìn mạng, bốn đại đều không, năm ấm không căn, sáu suy không cội nguồn, bảy thức không chủ tể, hành tâm Từ, thương tất cả, ý hòa duyệt, bảo vệ các căn, không thương ghét, lìa các chống đối, hạnh không tan, không hợp hội, không ban cho, không keo kiệt, không giới, không phạm, không nhẫn, không giận, không tinh tấn, không biếng nhác, không vắng lặng, không náo loạn, không trí, không ngu, không bỏ thế tục, không chuyên đạo, giảng nói pháp không vì mình vì tất cả, không chỗ dính mắc, cũng không đoạn, cũng không buộc, không mở,

hành bình đẳng, dứt ngủ nghỉ, không bị che lấp, không thọ nhập, không theo chống đối, tâm tự hiểu, vâng lời Phật, không trái Pháp, không khinh chúng Tăng, thương mọi người trong mười phương, như cha nghiêm giáo, như mẹ nuôi dưỡng, ví như con vâng lời cha mẹ, nhớ ân như thân mình, không vì chính mình, không vì người khác, cũng không vì pháp, thực hành đạo Bồ-tát, giữ vững ý chí tao nhã, không bị tà tưởng, không nghĩ đến Thanh văn, không nghĩ đến Duyên giác, không cầu vọng tưởng, bỏ hạnh đây, kia, không dựa vào tất cả, không thấy ba đời, rõ được nguồn gốc ba cõi, không tâm ý thức, hiểu đạo như không; lìa quá khứ, vị lai và hiện tại, thâm nhập đại tuệ, tất cả vốn không, khéo thực hành những quyền biến.

Này Phổ Minh! Đó là tám mươi hạnh, nếu ai tu hành được vậy, thì mau chóng đạt Tam-muội Siêu nhật minh. Ví như mặt trời mọc, chỉ một lúc là chiếu khắp tất cả, trăm loại lương thực và cỏ cây đều được thành thục. Người được định này, bình đẳng nhập vào tất cả các hạnh thượng, trung, hạ; không đâu là không được hiện để độ hết tất cả. Như mặt trăng tròn xua tan bóng đêm. Dùng ánh sáng đại định, khử trừ ba tưởng nhơ bẩn che lấp, trừ sạch, để thấy được đạo Vô thượng. Như thầy thuốc giỏi lựa chọn trăm loại cỏ để trị các căn bệnh, khiến cho người bệnh được thuyên giảm. Bồ-tát dùng tuệ vô cực, tùy theo bản hạnh của chúng sinh, mà nói pháp, trừ sạch sắc, thọ, tưởng, hành, thức; cầu giữ được thần thông. Như vị thuyền trưởng, giữ vững con tàu, đưa người qua lại không bị đình trệ. Bồ-tát thị hiện Niết-bàn cứu người vô lượng, khai hóa tại nơi đó, rõ ba cõi đều không, thuận cả trước sau, cứu giúp tóm thu, hàng phục quần sinh mê muội. Như sư tử oai hùng, ẩn hiện trong rừng sâu, các thứ đều bị thu phục. Bồ-tát được định này, bước đi một mình trong ba đời; hàng phục, loại trừ sáu mươi hai kiến, chín mươi sáu đường tắc và những người bị đọa trong tà kiến, làm cho họ theo đạo giáo, đạt được tam phẩm. Như Chuyển luân vương, thống lãnh bốn thành, thiên hạ đều kính ngưỡng. Định tứ đẳng này, dùng bốn ý hạnh, phân biệt bốn đại, độ thoát sự sinh, già, bệnh, chết, ngã, nhân, thọ mạng, của chúng sinh; làm cho họ biết tất cả vốn là không, được đến đại đạo. Ví như biển cả, thâu nhận các sông suối, tích chứa các ngọc báu kỳ lạ, đặc biệt. Tất cả pháp môn Tổng trì, biện tài, các định ý môn đều tập trung vào Tam-muội ấy. Diễn giảng tuệ nghĩa vô thượng sâu xa, làm hưng thịnh ba ngôi báu, tẩy trừ ngu tối, vượt đến Nhật minh Tam-muội tôn định.

Lúc đó, Phật liền nói kệ tụng:

Như khi mặt trời mọc
Ánh sáng chiếu khắp nơi
Thóc lúa được chín muồi

Đại định hơn thế nữa.
Bình đẳng với tất cả
Các quần sinh, tạp hạnh
Đều hiện khắp tất cả
Ai nấy đều được độ.
Thầy thuốc trị các bệnh
Tùy thời mà cho thuốc
Định này ứng thời nghi
Tiêu trừ dâm, nộ, si.
Thuyền trưởng giỏi đưa người
Bờ này sang bờ kia
Bồ-tát cũng như vậy
Cứu giúp không cùng cực.
Ví như sư tử hùng
Độc bộ không sợ gì
Sáu mươi hai nghi kiến
Định này đều hàng phục.
Như Chuyển luân thánh vương
Vỗ về bốn thiên hạ
Bồ-tát cũng như thế
Tứ đẳng độ quần sinh.
Biển cả nhận vạn sông
Châu báu và ngọc lạ
Định này trùm các pháp
Bố thí bảy Thánh tài.
Giả sử có phát ý
Muốn đến tuệ vô thượng
Tôn trọng nghĩa định này
Mau được hiểu chánh chân.

Phật nói kệ xong liền bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát có bốn việc, mau chóng đạt được định này. Những gì là bốn?

1. Thương xót quần sinh như cốt tủy mình.

2. Gieo trồng các gốc đức không mong báo đền.

3. Quán bốn đại đều là không, giống như giấc mộng.

4. Biết năm ấm như ngựa hoang. Đó là bốn việc.

Đức Phật lại nói kệ:

Người muốn được định này
Thương xót loài chúng sinh
Như cốt tủy của mình
Tạo đức không mong đền.
Quán thân bốn đại không
Xem nó như giấc mộng
Biết năm ấm vốn không
Giống như con ngựa hoang.
Giả sử người trí hiểu
Không chấp có ngô ngã
Luyện tập tận nguồn gốc
Chóng được định ý này.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có bốn việc, mau chóng được định này. Những gì là bốn?

1. Nuôi dưỡng chúng sinh, thương chúng sinh như con đỏ.

2. Thường thực hành lòng lành cao cả, không phân biệt đây, kia.

3. Khuyến khích dạy dỗ người ngu si, chỉ rõ lẽ đạo.

4. Ngày đêm tinh tấn, chí đạo không mất.

Đó là bốn.

Phật lại nói kệ:

Nuôi dưỡng thương chúng sinh
Như cha mẹ yêu con
Lòng lành không mong trả
Bình đẳng với tất cả.
Khuyến hóa bày người ngu
Khiến thấy rõ đạo lớn
Sớm chiều vui chánh pháp
Mới mau được định này.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có sáu việc, mau chóng được định này. Những gì là bốn?

1. Bình đẳng ban cho.

2. Thờ phụng giữ gìn cấm giới, tất cả không phạm.

3. Ra sức nhẫn nhục, mặc áo giáp Đại thừa.

4. Tinh tấn tu hành, chưa từng biếng nhác phế bỏ.

5. Một lòng tóm thu ý, khiến không có các tưởng.

6. Trí tuệ sáng tỏ không chìm đắm trong ba cõi.

Đó là sáu.

Phật lại nói kệ:

Ban cho không cầu đáp
Giữ giới như núi đất
Tạo sức mạnh nhẫn nhục
Mặc áo giáp Đại thừa.
Khéo tu đại tinh tấn
Chưa từng có biếng nhác
Một lòng thiền Tam-muội
Trí tuệ không trở ngại.
Không tự quán duyên biến
Nó tạo lập từ đâu
Ba nơi bỗng hiện mất
Một lòng không chỗ trụ.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có mười việc, mau chóng được định này. Những gì là mười?

1. Đem sự an ổn đến cho mọi người.

2. Trừ sạch các hại, nhơ.

3. Tiêu hóa trần lao.

4. Hòa hợp biệt ly.

5. Buông bỏ lý tà kiến sáu mươi hai nghi.

6. Hiểu rõ, không có tôi, ta.

7. Thường tôn sùng mười đức.

8. Muốn cứu giúp tất cả nạn khổ trong ba đường.

9. Không bị lưới tà thuật làm mê hoặc.

10. Theo gốc không giáo, không hợp, không tan.

Đó là mười việc.

Phật lại nói kệ:

Cho chúng sinh an vui
Lìa các tưởng hại, nhơ
Tiêu hóa hết trần lao
Hòa hợp, loạn biệt ly.
Trừ sáu mươi hai kiến

Hiểu rõ không tôi, ta
Luôn tôn sùng mười đức
Muốn cứu vớt ba đường
Thương người bị tám nạn
Qua lại giáp khắp cả
Ví như người mù lòa
Không tự biết tối tăm.
Vì thế khởi đại Bi
Cứu thoát các nguy hiểm
Phân biệt tuệ sâu xa
Chóng được định ý này.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có bảy việc, mau chóng được định này. Những gì là bảy?

1. Tâm chuyên chí đạo không nhớ nghĩ gì khác.

2. Đối với pháp phải tự biết phân biệt lẽ vi diệu.

3. Vui với tất cả, quán sát chúng sinh.

4. Tin biết các pháp không có gốc ngọn.

5. Càng thêm tinh tấn, không phế bỏ đạo.

6. Tạo lập ý chí lớn, vĩnh viễn được an vui.

7. Tùy thuận mà bảo vệ chánh pháp, cho đến đạt được đại định.

Đó là bảy.

Phật lại nói kệ:

Giúp tâm chuyên chí đạo
Để không nghĩ gì khác
Phân biệt pháp: Vốn không
Vui hòa với mọi người.
Rõ ba môn giải thoát
Hiểu các pháp không rễ
Thường tu hạnh tinh tấn
Không phế bỏ đạo giáo.
Tạo dựng ý rộng lớn
Nuôi dưỡng đến cực vui
Giúp hiểu sự mê hoặc
Được định Siêu nhật minh.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh, Bồ-tát lại có mười pháp, mau chóng được định này. Những gì là mười?

1. Không ngã.

2. Không nhân.

3. Không thọ, không mạng.

4. Không Thanh văn.

5. Không Duyên giác.

6. Không ở hai pháp.

7. Không chấp trước Bồ-tát.

8. Không tưởng thấy Phật.

9. Không tại sinh tử.

10. Không ở Nê-hoàn.

Phật liền nói kệ:

Không thấy tôi, ta, người
Không chấp thân, thọ, mạng
Không có tâm Thanh văn
Trừ ý tưởng Duyên giác.
Không chấp pháp có hai
Không đắm trước Bồ-tát
Không tưởng thấy thân Phật
Không trụ có vô tế.
Rõ ràng không tự thấy
Mới thấy tất cả không
Nhân duyên không khởi lại
Mới được thành định ý.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có tám pháp, mau chóng được định này. Những gì là tám?

1. Bình đẳng, xem xét tà, chánh, không có hai tâm.

2. Thường nhớ nghĩ đến Tam bảo, không làm cho dứt lìa.

3. Giảng nghĩa pháp sâu xa chưa từng nói năng.

4. Nghiệp gắn liền với Đại thừa, không thích đệ tử (Thanh văn), việc làm thuận với chánh pháp, không bỏ Phật đạo.

5. Bình đẳng, có phương tiện đúng đắn trừ mọi khởi diệt.

6. Diệt sạch tưởng nhân duyên vĩnh viễn.

7. Ý chỉ vắng lặng, không bị náo loạn.

8. Nhất tâm định ý, xem thấy cả mười phương.

Đó là tám.

Phật liền nói kệ:

Bình đẳng quán tà chánh
Cả hai không xứ sở
Thường nhớ nghĩ Tam bảo
Khiến tuệ không đoạn tuyệt.
Diễn nói nghĩa sâu xa
Chưa từng sinh tưởng khác
Nghiệp gắn liền Đại thừa
Không hâm mộ Tiểu thừa.
Việc làm thường thuận pháp
Không bỏ Phật, chánh đạo
Phương tiện hành bình đẳng
Trừ các duyên khởi diệt.
Ý trụ vào vắng lặng
Chưa từng khởi náo loạn
Một lòng giữ định ý
Liền thấy Phật mười phương.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có bảy việc, mau chóng được định này. Những gì là bảy?

1. Hiểu sắc vốn không.

2. Tiếng như tiếng vang vọng lại.

3. Hương như gió thoảng.

4. Vị như duyên hợp.

5. Trơn láng có vui gì.

6. Hiểu thức như huyễn.

7. Các pháp giống như mộng.

Đó là bảy.

Phật liền nói kệ:

Hiểu sắc vốn là không
Âm thanh như tiếng vang
Hương thơm như gió thoảng
Trơn láng là lỗi lầm.

Rõ các thức huyễn hóa
Tất cả pháp như mộng
Hay phân biệt như vậy
Được định Siêu nhật minh.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh! Bồ-tát lại có năm việc, mau chóng được định này. Những gì là năm?

1. Tâm bình đẳng đối với nhân và phi nhân, trong mười phương.

2. Không dính mắc vào cái lợi cúng dường.

3. Nếu có giảng kinh, người đời sau không thấy sự khiếm khuyết.

4. Không trông mong vào tiền tài, châu báu, sắc đẹp của người khác.

5. Thâm nhập pháp vi diệu, khó có thể ví dụ.

Đó là năm.

Phật liền nói kệ:

Tâm bình đẳng mười phương
Nhân phi nhân, không khác
Nếu được sự cúng dường
Chí ấy không dính mắc.
Giả sử giảng nói kinh
Sau không chỉ khiếm khuyết
Không mong tài lợi người
Thâm nhập pháp vi diệu.

Phật bảo:

–Này Phổ Minh, Bồ-tát có năm việc, mau chóng được định này. Những gì là năm?

1. Vượt quá các pháp: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

2. Hiểu rõ ba đạt.

3. Trí biện tài vô ngại.

4. Thực hành đại trí tuệ, độ vô cực.

5. Khéo sử dụng phương tiện quyền biến, không có gì là không thông suốt.

Đó là năm.

Phật liền nói kệ:

Vượt Không, Vô tướng, Nguyện
Hiểu rõ trí ba đạt

Biện tài không thể lường
Nói ra như biển cả.
Tu hành trí tuệ lớn
Hóa độ không cùng cực
Thiện quyền bao trùm khắp
Định Nhật minh như vậy.

Lúc Phật nói pháp này, có ba mươi ức Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi; có tám vạn bốn ngàn người phát đạo ý Vô thượng Chánh chân; có ba vạn người xa lìa phiền não cấu bẩn, được Pháp nhã thanh tịnh; có tám ngàn Tỳ-kheo dứt sạch nhơ uế, ý tỏ, ba ngàn thế giới chấn động sáu cách; trời mưa hoa hương, các nhạc cụ tiêu sáo không thổi tự kêu, các loại chim bay, các cầm thú đều đến tập hội lắng nghe, mười phương Bồ-tát tự nhiên bay đến mỗi vị đều mang các loại hoa, nhiều như núi Tu-di tung rải lên Đức Phật, đem các loại y phục quý báu cúng dường Thế Tôn. Đại Thánh khó gặp, như hoa Ưu-bát-la đâu phải dễ gặp. Pháp hiếm có này, khó có thể được, Phật đại thần thông, từ vô số kiếp, tích lũy công đức, mở rộng lòng xót thương, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, phương tiên khéo léo đều là vì muôn người, tự nhiên đạt được công đức không bị mất. Ta vì lợi lành được thấy Như Lai, nghe pháp sâu dày vi diệu Siêu nhật minh định. Vui thay! Thích thay! May mắn gì mà ta được như thế?

Phật bảo các Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Thật đúng như lời các ông nói, tin vào pháp sâu dày và có khả năng tu hành thì sẽ mau chóng đạt được công đức mười tuệ của định Siêu nhật minh. Những gì là mười?

1. Đầy đủ bốn tâm bình đẳng.

2. Không nhàm chán bốn ân.

3. Tôn sùng đại tuệ.

4. Đại định thông suốt.

5. Đạt được thần thông.

6. Thành tựu sáu pháp Ba-la-mật, pháp Nhẫn bất khởi, phương tiện khéo léo.

7. Thấy mười phương Phật.

8. Có khả năng thống lãnh cõi nước.

9. Nhất sinh bổ xứ.

10. Đã đạt được đạo tràng Tam đạt trí.

Đó là mười.

Lúc nói pháp này, có vô số Bồ-tát, đạt được pháp Nhẫn bất Khởi, vô số người phát đạo ý Vô thượng Chánh chân.

Khi ấy, có Bồ-tát tên là Ly Cấu Mục bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát học? Sao gọi là Thanh văn học? Sao gọi là Duyên giác học.

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Không hạn chế, không chướng ngại, tâm ấy phóng khoáng an nhàn, là Bồ-tát học. Còn có hạn chế, chướng ngại, tâm ấy hạn chế thiên lệch là Thanh văn học. Ít quyến luyến Đại thừa, tới, lui không có trí tuệ, tâm còn bị cô lập, đó là Duyên giác học.

Ly Cấu Mục lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là không hạn chế? Sao gọi là không ngại? Sao gọi là phóng khoáng?

Phật nói:

–Này Ly Cấu Mục! Phát đạo ý Vô thượng Chánh chân; thương xót tất cả, muốn độ tất cả con người và côn trùng; Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, phương tiện khéo léo, chỉ vì tất cả không hề nghĩ đến thân mình; tuân theo bốn Tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Xả; tăng thêm bốn ân, tuệ thí nhân ái; lợi ích bình đẳng với mọi người; cứu giúp kẻ nguy ách, khốn cùng, thiếu thốn; giáo hóa họ tu đạo; vì những người trí tuệ, khuyến khích tu đạo Bồ-tát; tự xét về lỗi lầm của chính mình, không tìm sự khiếm khuyết của người khác; cung kính người khác như cha mẹ, như con, như thân mình không khác; đem thân kính đức, bình đẳng với mọi người; thương xót mọi người như thương con đỏ; cừu oán hay thân quen, tâm không đối xử sai khác; hiểu biết thân này là trống không; chúng sinh không có nơi chốn, tôi, ta tự nhiên, các pháp tự nhiên, đạo pháp tự nhiên, Phật pháp tự nhiên; tất cả vốn không, không hình dáng, không tướng mạo. Đó là không hạn chế.

Ở trong sinh tử, không cầu Niết-bàn, không thấy Niết-bàn, đối với Niết-bàn không cầu sinh tử, cũng không có đối tượng để thấy; không ghét sinh tử, cũng không trụ Niết-bàn, trụ nơi không chỗ trụ. Cũng như ánh sáng mặt trời, chiếu khắp tất cả, cũng không qua lại, ánh sáng không có nghĩ nhớ tưởng. Bồ-tát cũng như vậy, nhập vào tất cả, cũng không có chỗ nhập, cũng không có ý tưởng tới lui giáp khắp. Ví như trong biển cả có châu minh nguyệt bảy báu; rồng thần, thuồng luồng, rắn, rùa, ba ba đều ngậm ngọc châu đó, không tăng không giảm, nước ấy một vị, cũng không nhơ uế. Bồ-tát cũng như vậy, hiện có giữa sinh tử, ách nạn ba đường, nếu có đến cảnh

giới Niết-bàn vắng lặng cũng chẳng tăng giảm; tâm như minh châu, giống như nước sạch, nhất định không bẩn đục, cứu được khắp quần sinh; nhập vào các vị thông tuệ bình đẳng, chỉ dạy cho chúng sinh. Cũng như giữa hư không, mọc cây thuốc độc, cây thuốc đó cũng không làm hại hư không, cây thuốc cũng không đùng để trị bệnh. Bồ-tát cũng lại như vậy, ở trong sinh tử ba độc cũng không làm nhiễm uế, ở trong Niết-bàn trong sạch cũng không làm nơi đó thêm trong sạch, hóa độ muôn dân không ai là không được cứu giúp, tuy nói có vào, nhưng cũng không có ra, xoay tròn qua lại. Đó gọi là vô ngại.

Đạo tâm không hạn chế thì không có xứ sở, không nhân không tâm, cũng không có chúng sinh để độ. Tâm như tất cả pháp, như chỗ hướng tới, chỗ hướng tới bình đẳng thì bình đẳng; đó chính là Chánh đẳng Chánh giác. Không có ba cõi, không có địa vị Thanh văn, không có chỗ của Duyên giác, không có trụ Bồ-tát, không ở trong hữu vi, không ở trong vô vi, không có, không không, cũng không ở trong quá khứ, vị lai, hiện tại; cứu giúp không có đối tượng để cứu giúp, sinh không có chỗ sinh, dấu vết đạo vốn không, đến đi vốn không, quả Bất hoàn vốn không, Vô trước vốn không, Duyên giác vốn không, ba cõi vốn không, chúng sinh vốn không, Phật đạo vốn không, không kia vốn không, chân chánh vốn không, không đâu là không thích ứng. Đó gọi là tâm phóng khoáng.

Ly Cấu Mục lại thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hạn chế? Sao gọi là chướng ngại? Sao gọi tâm ấy còn hạn chế?

Phật nói:

–Này Ly Cấu Mục! Chán sợ các hoạn nạn của sinh tử trong ba cõi, cho rằng Niết-bàn là số một, không hiểu rõ tự nhiên; nhàm chán cái khổ của thân; sợ xoay tròn trong cái khổ cõi trần vô số kiếp; đối với Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ không mệt mỏi; cho cả đầu, mắt, tai, mũi, tủy, não, gân, thịt và từng bộ phận trên thân thể, cho đến luôn nhớ nghĩ đến Phật; nhưng lại khước từ không học pháp Bồ-tát để mong cầu diệt thân. Đó gọi là hạn chế.

Đã được La-hán, muốn có chỗ độ Tam-muội thiền tư, mới thấy được nhân tâm, không thể yên vui thấy tất cả gốc rễ, không ứng bệnh cho thuốc; thích được sống lâu, xem xét thân không sạch thối rửa bày ra đó, không cho nó là vui mà coi nó như kẻ thù, như rắn hổ mang, như độc, sớm chứng Niết-bàn. Đó gọi là chướng ngại.

Trụ trong Niết-bàn, thích sáng, ghét tối, không hiểu các pháp đều

không có gốc rễ mà cầu có nơi chốn, không biết tuệ rỗng. Đó gọi là tâm còn hạn chế thiên lệch.

Ly Cấu Mục lại thưa hỏi Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là đứng cô lập ở giữa?

Phật nói:

–Này Ly Cấu Mục! Người phát ý Bồ-tát, đối với Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đều là vọng tưởng. Muốn được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Thế Tôn, oai thần Thánh đức siêu xuất hơn mọi người; nhưng không hiểu rằng, những thứ ấy là không, chỉ là sự hóa hiện của Như Lai, thị hiện thân mạng, trở lại cầu cái cho là có; lại còn cho rằng có người muốn độ, có ý nghĩ tôi, ta, mà không biết là vốn không; không biết thực hành bốn Tâm bình đẳng, không biết bốn Ân, đắm chìm vào hạnh rỗng, không thấy được nhân vô vi, không biết tới lui, không biết tuệ rỗng không; muốn độ chúng sinh nhưng không hiểu được phương tiện khéo léo của pháp thân để có thể dùng mà cứu tế. Đó gọi là Duyên giác học.

Lúc nói pháp này, có vô số trời, người đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân.

Lúc đó, có con của trưởng giả, tên là Tịnh Giáo, cùng với năm ngàn chúng đi theo, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi lui ngồi một bên, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các chúng hôm nay, hâm mộ giáo pháp của Phật, muốn phát đạo ý, vậy phải tích tập những hạnh nào, thì mới đạt đến đạo tuệ, thi hành pháp gì để được cõi Phật thâu nhận?

Phật bảo:

–Này con của trưởng giả! Có một pháp hạnh ứng với đạo ý, đó là tâm tánh điều hòa, hướng đến mọi loài, với tâm bình đẳng là một.

Phật liền nói kệ tụng:

Tâm tánh luôn nhu hòa
Ý chí không thô bạo
Bình đẳng thâu tất cả
Mới ứng hạnh Bồ-tát.

Lại nữa, có hai pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là hai?

1. Tâm vắng lặng trong sạch, xa lìa mọi kiến chấp.

2. Hoàn toàn không chấp trước, chỉ có chí đại đạo.

Đó là hai.

Phật liền nói kệ tụng:

Tâm sạch luôn vắng lặng
Xa lìa các kiến chấp
Trừ sáu mươi hai nghi
Chỉ nhớ hạnh đại đạo.

Lại có ba pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là ba?

1. Hiểu rỗng không, không chấp trước.

2. Không tướng, không trói buộc.

3. Không nguyện, không thoát.

Đó là ba.

Phật liền nói kệ tụng:

Tâm thường hiểu rõ không
Vô tướng, không trói buộc
Vô nguyện, không giải thoát
Thoát ràng buộc ba cõi.

Lại có bốn pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Thường tuân theo Từ tâm, không có ý hại, nuôi lớn đạo hóa.

2. Thường tu Từ bi, tuôn lệ thương xót sự đau khổ sinh tử của chúng sinh.

3. Thường phụng hành ý vui, hướng đến quần sinh với nhan sắc vui vẻ, không có tâm yêu ghét.

4. Thường tu hành bảo vệ tâm, khuyến hóa giáo dục chúng sinh, khiến phát đạo ý; đã phát đạo ý rồi, đạt đến không thoái chuyển; đã không thoái chuyển rồi, đạt đến đạo tràng Vô thượng Chánh chân.

Đó là bốn.

Phật liền nói kệ tụng:

Hành bốn tâm bình đẳng
Ý chí hòa vui vẻ
Thương xót loài chúng sinh
Tuôn lệ vì chúng khổ,
Tâm muốn độ chúng sinh
Bình đẳng không yêu ghét
Giúp bảo vệ đạo pháp
Mới ứng hạnh Bồ-tát.

Lại có năm pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là năm?

1. Phụng trì cấm giới, không có sự hủy phạm.

2. Định ý nhiếp chí, khiến tâm đạm bạc.

3. Trí tuệ hiểu là không, nhưng không chỗ khởi.

4. Thoát khỏi năm ấm, khiến không nơi chốn.

5. Hiện ra ở ba cõi nhưng hoàn toàn không sở hữu.

Đó là năm.

Phật liền nói kệ:

Giữ giới không cho phạm
Tam-muội ý không loạn
Trí tuệ phân biệt không
Giải thoát năm ấm tụ.
Thấy nguy ách ba đời
Thị hiện vào trong đó
Tùy thời mà khai hóa
Khiến đạt được sở nguyện.

Lại có sáu pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là sáu?

1. Mắt thấy đều không.

2. Tai nghe không tiếng.

3. Mũi ngửi không hương.

4. Miệng nói không lời.

5. Thân không tồn tại thô, trơn.

6. Tâm không nghĩ tưởng.

Đó là sáu.

Phật liền nói kệ tụng:

Mắt nhìn thấy, đều không
Tai nghe không có tiếng
Mũi không đắm vào hương
Lưỡi không dính vào vị,
Biết thân do bốn đại
Tâm hiểu rõ vốn không
Như vậy, hiểu không hình

Mới ứng hạnh Bồ-tát.

Lại có bảy pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là bảy?

Là thâu tóm: Thân, miệng, ý, tịch, định; không loạn, không có sai trái. Đó là bảy.

Phật liền nói kệ:

Thường thâu giữ thân, miệng
Tâm yên tĩnh không loạn
Định Tam-muội vắng lặng

Thần thông tất thông đạt.

Lại có tám pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là tám?

1. Bố thí ba-la-mật không cùng.
2. Giữ giới ba-la-mật không cùng.
3. Nhẫn nhục ba-la-mật không cùng.
4. Tinh tấn ba-la-mật không cùng.
5. Thiền định ba-la-mật không cùng.
6. Trí tuệ ba-la-mật không cùng.
7. Phương tiện quyền xảo Ba-la-mật không cùng.
8. Thành tựu danh tuệ hạnh.

Đó là tám.

Phật liền nói kệ:

Bố thí độ vô cực
Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền
Trí tuệ tự nhiên đạt

Đạo sáng là tối tôn.

Lại có chín pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là chín?

1. Trừ năm ấm.
2. Bỏ sáu suy.
3. Diệt ba nhơ.
4. Đẩy lùi tám nạn.
5. Không chìm đắm ba cõi.
6. Không luyến tiếc ba đời.
7. Lìa tâm La-hán.
8. Xa lìa ý Duyên giác.
9. Chí gắn liền Đại thừa.

Đó là chín.

Phật liền nói kệ:

Trừ năm ấm, sáu suy
Lìa ba nhơ, tám nạn
Không dính mắc ba cõi

Ba đời không nơi chốn.
Xa lìa tâm La-hán
Không nhớ nghĩ Duyên giác
Hết lòng cầu Đại đạo

Đó là hạnh Bồ-tát.

Lại có mười pháp là hạnh của Bồ-tát. Những gì là mười?

1. Pháp báu Tam-muội.
2. Khéo trụ Tam-muội.
3. Không lay động Tam-muội.
4. Độ không chuyển Tam-muội.
5. Chứa hoa báu Tam-muội.
6. Mặt trời sáng rỡ Tam-muội.
7. Các nghĩa lợi Tam-muội.
8. Hiện tại Tam-muội.
9. Tuệ sáng rỡ Tam-muội.
10. Dũng mãnh phục Tam-muội, Siêu nhật minh Tam-muội.

Đó là mười.

Phật liền nói kệ:

Dùng pháp báu Tam-muội
Khéo trụ không chỗ động
Lập vững chắc không chuyển
Chứa hoa báu Tam-muội.
Rực rỡ các nghĩa lợi
Ánh sáng tuệ hiện tại
Dũng mãnh phục Tam-muội
Mới được Siêu nhật minh.

Lại nữa, này Ly Cấu Mục! Bồ-tát hành bố thí, trời, người thích theo hầu, khai hóa người keo kiệt tham lam, khiến không còn tham tiếc.

Bồ-tát giữ giới hạnh, trời, người thích theo hầu, hóa độ người buông lung, khiến cho không loạn động.

Bồ-tát hành nhẫn nhục, trời, người thuận theo, hóa độ người sân giận, không còn nhỏ nhặt.

Bồ-tát hành tinh tấn, trời, người thích theo hầu, hóa độ người biếng nhác, khiến họ nỗ lực siêng năng.

Bồ-tát hành thiền định, trời, người theo học tập, hóa độ người náo

loạn, khiến chí được an ổn vắng lặng.

Bồ-tát hành trí tuệ, trời, người thuận theo, hóa độ người bị chướng ngại, khiến thông đạt khuôn mẫu bậc Thánh.

Bồ-tát hành từ, trời, người vui theo, hóa độ người không có lòng nhân từ, khiến tâm bình đẳng nhân hậu.

Bồ-tát hành bi, trời, người vui theo, hóa độ kẻ ngu si mê muội, thương xót chúng sinh.

Bồ-tát hành vui đẹp, trời, người theo hầu, hóa độ người buồn rầu lo âu, tự vui với tiếng trống pháp.

Bồ-tát hành bảo vệ, trời, người vui theo, cứu độ giáo hóa những người không được sự giúp đỡ, hỗ trợ nuôi lớn tất cả. Bồ-tát giảng pháp, trời, người lắng nghe, hóa độ người ý chí còn phàm tục, khiến họ ham thích Thánh điển. Bồ-tát khiêm nhường, trời, người cung kính, hóa độ người cao ngạo phụng kính Tam bảo. Bồ-tát làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, trời, người vui với tuệ, hóa độ người không có nghĩa, khiến họ ban cho ân nghĩa rộng rãi. Bồ-tát hành bình đẳng, trời, người dự theo, giáo hóa người, tâm không rộng rãi, khiến họ tiếp dẫn những ai chưa thông đạt. Bồ-tát hành quyền xảo, nhiếp phục các chúng sinh, giáo hóa chúng làm lành, thành tựu sự hiểu biết bình đẳng để đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát hành ba mươi bảy Phẩm trợ đạo để nhiếp hóa chúng sinh; Ý chỉ, Ý đoạn, Căn, Lực, Giác, Đạo, nhiếp thủ chúng sinh, khiến được vắng lặng an nhiên; nếu khi thành Phật thì đều sinh vào nước đó. Bồ-tát ở trong đại hội giảng pháp sâu xa nhiệm mầu, khiến cho các loài côn trùng đều mong siêu độ; nếu khi thành Phật đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát thực hành mười đức, thâu tóm chúng sinh để được khai hóa, bảo vệ thân, miệng, ý. Bồ-tát nói kinh trừ khử tám nạn, thâu tóm chúng sinh thực hành tám Chánh đạo, nếu khi thành Phật đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát tự xét về mình, không tìm lỗi người khác, thâu tóm chúng sinh lìa mọi tà kiến, sáu mươi hai lưới nghi, nếu khi thành Phật đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát nói pháp, thâu tóm chúng sinh, giải thoát tám sự trói buộc, đạt đến tám giải thoát, nếu khi thành Phật, đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát nói pháp, trừ tám nghĩ bàn, đạt đến biển pháp môn không nghĩ bàn, nếu khi thành Phật, đều sinh vào nước ấy. Bồ-tát nói pháp, giả sử đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, thành tựu đầy đủ Phật sự sẽ thị hiện Niết-bàn, độ vô lượng người và đều làm cho được đạo.

Như vậy, này Ly Cấu Mục! Những việc làm gốc ngọn của Bồ-tát là như thế. Nếu ứng hợp với hạnh này, thì gọi là tự nhiên, thành lập cõi nước,

độ thoát quần sinh.

Lúc Đức Phật nói pháp này, Ly Cấu Mục, con của trưởng giả và năm ngàn chúng đi theo, đều phát đạo ý Vô thượng Chánh chân, đồng thời đạt được pháp Nhẫn bất khởi.

Lúc đó, có cư sĩ tên là Kiến Chánh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con thường nghe nói: Nếu nhớ nghĩ tới Phật, thì dù chỉ trong một lúc cũng sẽ thấy, nhưng bị tội che lấp, nên không thể tự đến được. Hôm nay, quả thật may mắn khó lường, được, chiêm ngưỡng Thế Tôn, không biết nhàn chán, nghe pháp không biết mệt mỏi. Cúi xin Thế Tôn ban cho ân lớn khiến cho các đời người gặp Thế Tôn.

Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Có bốn việc thường không lìa Phật. Những gì là bốn?

1. Thường nhớ nghĩ Như Lai, tạo lập hình tượng Phật.

2. Nghe nghĩa sâu xa của kinh, liền tin theo phụng hành.

3. Tuy không thấy Phật, nhưng lại hiểu rất rõ vốn là không.

4. Biết mười phương Phật chỉ là một Pháp thân.

Đó là bốn việc không lìa chư Phật.

Lại có bốn việc, tuy đối diện với Phật, nhưng không bao giờ thấy. Những gì là bốn?

1. Đang có Như Lai mà không đến nghe kinh.

2. Không gặt hái được nghĩa lý của kinh.

3. Không thể thờ phụng tu hành.

4. Không chỉ bày cho mọi người.

Đó là bốn việc, tuy mặt nhìn Phật nhưng không bao giờ thấy.

Nếu có thấy Phật mà tự chấp tôi, ta, không hiểu là chẳng phải thường, khổ, không; chẳng phải thân rơi vào bốn điên đảo. Nghe kinh đắm chìm vào âm thanh, không có khả năng phân biệt được tiếng vang; đối với người này thì thân diệt độ. Phật đã diệt độ, không hiện hữu ở thế gian, người ấy nghe kinh, vui mừng tâm được khai ngộ. Như trong bóng tối, không thấy được ánh sáng. Biết Như Lai tùy thế tục mà hiện hữu hóa độ, phụng hành đạo cấm, không trái kinh điển, lìa mọi tà pháp, sáu mươi hai kiến, thực hành bốn Tâm bình đẳng, không ghét, không thương. Phật tuy diệt độ, nhưng ý chí đạt như vậy, thường được thấy nhau.

Lại hỏi:

–Sao gọi là thấy Phật? Sao gọi là nghe Pháp? Nhân duyên gì cúng dường Tăng?

Phật nói:

–Thấy thân Như Lai thì xem xét mà biết rằng, nhờ hạnh gì mà được đến với Phật, vốn là do sáu pháp Ba-la-mật; thương xót tất cả như cha, mẹ, con; như thân mình, không tham bốn đại. Đó là thấy Phật.

Nghe nói kinh pháp, thì không dính mắc vào âm thanh, chỉ nắm bắt pháp; không chấp vào người, chỉ nắm lấy cốt lõi; không chấp vào tiếng, giữ lấy trí tuệ; không dính mắc vào thân hình, tóm thâu chánh lý; không bám víu vào lời nói. Đó là nghe kinh.

Nếu thấy được dấu vết đạo, tới lui, không trở lại, không dính mắc Duyên giác, Thế Tôn, Bồ-tát; tâm cúng dường, bình đẳng, khiêm tốn, ty thuận, không có lòng kiêu mạn. Đó là thấy được Thánh chúng.

Lại hỏi:

–Sao gọi là việc ma?

Phật nói:

–Ma có bốn việc. Những gì là bốn?

1. Thân ma. Là thân phạm các ác: năm ấm, sáu suy, không thuận theo pháp Phật.

2. Ma dục trần. Là tình thái ái dục, không bao giờ chấm dứt.

3. Tử ma sinh ra các tưởng đắm trước, không hứng khởi việc nhớ nghĩ pháp.

4. Thiên ma cùng quyến thuộc đến dò tìm, sự xin cầu không có nhàm chán; dừng ý, cắt ý, ma tức hàng phục. Ví như mài sát hai thanh gỗ vào nhau, liền phát ra lửa, lửa trở lại đốt gỗ. Lửa đó không từ nước mà có, không từ gió mà có, không từ đất mà có. Bốn ma ấy cũng lại như vậy, đều do tâm sinh, không từ bên ngoài mà có. Ví như họa sĩ vẽ một bức hình, tùy theo tay mà có nét vẽ lớn nhỏ; tuy nhân duyên đầy đủ và có mọi dụng cụ như màu, bảng, bút; nhưng họa sĩ không vẽ, thì không thể có hình tượng. Bốn ma cũng lại như vậy, tâm đã kiên cố, không mống khởi sai trái thì không có bốn ma. Vì sao? Vì năm ấm không nơi chốn, bốn đại vốn không, mười hai nhân duyên không có đầu mối; hiểu rõ như vậy thì không có việc ma. Chấp ngã, nhân, thọ mạng là bị cái thấy ma trói buộc, phân biệt không thân mới có khả năng hàng phục ma.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Pháp báu Tam-muội?

Phật nói:

–Là không cắt đứt Tam bảo: Phật, Pháp, Thánh chúng.

–Sao gọi là không cắt đứt? Là phát đạo ý Vô thượng Chánh chân, thành tựu các gốc của phước đức, như núi Tu-di; tin theo Đại thừa, tâm không lay động. Trước hết, thấy được điềm tốt ba ngàn cõi Phật, với ức, trăm, ngàn kho tàng thật đầy đủ, đạt được Tổng trì thù thắng nan đương, thành tựu thông đạt Thí độ vô cực. Lúc mới phát tâm, an ổn xả thân, thường ưu lo tất cả các thứ vui, không cho rằng cái vui là vui, bỏ mọi sự ham thích ở thế tục, với chánh pháp làm vui.

Sao gọi là vui thế tục? Là tôi, ta, người, cảm thọ, năm ấm, sáu suy, mười hai nhân duyên, kỹ nhạc, ăn uống, quan tước, bổng lộc, tiền tài, vật chất, giàu sang, vợ con, nô tỳ, kẻ hầu, ruộng vườn, nhà cửa, trâu, ngựa, xe cộ. Đó là thú vui của thế tục.

Sao gọi là vui với chánh pháp? Là hiểu biết: Không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, năm Thông, sáu Đạt, mười hai bộ kinh; diễn giảng đọc tụng đạo pháp của Bồ-tát; không nhàm chán bảy pháp tài, thực hành bốn Ân, bốn Tâm bình đẳng Từ, Bi, Hỷ, Xả, Ba-la-mật không cùng, thực hành các điều thiện, không có phá hại các loài chúng sinh, chỉ vì cõi nước, không khen chính mình, không chê người khác, tâm luôn thương xót tất cả trời, thần, quỷ, rồng; nhân dân lớn nhỏ đều nhìn thấy người ấy, không ai là không hưng khởi ý làm việc lành phước đức. Đó là vui với chánh pháp.

Lại hành mười việc. Những gì là mười?

1. Tín căn là thứ nhất.

2. Định căn là gốc.

3. Đại Từ làm đầu.

4. Đại ai là tối tôn.

5. Chí tánh điều hòa nhu thuận.

6. Các thông tuệ chân chánh.

7. Kiến lập chúng sinh.

8. Bốn ân làm đầu.

9. Đạo phẩm là cao tột.

10. Chí bảo vệ pháp Phật, dùng làm hơi thở của chính mình.

Đó là mười.

Lại nữa, có mười việc không phạm. Đó là thân không sát, đạo, dâm. Miệng không nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt. Ý không giận dữ, hồ nghi, tà kiến. Đó là mười hạnh.

Thương nhớ chúng sinh trong mười phương, như mẹ nhớ con. Đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức không loạn, không bị người thế tục làm mê hoặc, không bị vinh hoa lừa gạt, không theo tham dục, không theo sân giận, không theo ngu si, không chê bai Tam bảo, không ôm lòng dối trá, hứng khởi với sáu nhớ nghĩ về Phật, Pháp, Thánh chúng, thí, tín, tuệ; ra, vào, tới, lui, không có cao, ngạo. Người mới phát ý như trăng mới mọc, rồi sẽ tròn đầy; Trời, Rồng, Quỷ, Thần thấy đều ủng hộ; không bị tà ác làm hại, tâm gắn liền với ba ngôi, lấy đạo làm châu báu, biết đời là vô thường. Đó là Pháp báu Tam-muội.

Ly Cấu Mục lại thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là khéo trụ Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như mặt đất luôn phải thọ nhân các thứ tốt, xấu, lành, ác, thơm, hôi, không sạch nhưng không bị nhơ bẩn. Bồ-tát cũng lại như vậy, thọ nhận tất cả pháp, nhưng tự tu lập, trước thấy điềm tốt ba ngàn cõi Phật, bình đẳng như lòng bàn tay, trang nghiêm bằng các hoa sen báu, thành tựu Tổng trì thù thắng khó ví dụ, vượt qua Giới đô vô cực. Lại hành mười việc: Trừ khử tám trạng của nạn; là kiến lập công đức Phật; hóa độ Thanh văn, Duyên giác thừa; thanh tịnh thân, miệng, ý; các việc đều do đều từ Phật, Pháp; trang nghiêm chí tánh; vượt qua nguy ách của ba đường; đầy đủ các nguyện; kiềm chế tâm người. Đó là mười.

Thân thường thực hành Từ, không trộm, không dâm, giảng nói kinh điển không vì cái vẻ bên ngoài, chí thành hòa giải sự tranh cãi, lời nói dịu dàng không thô lỗ, chưa từng trau chuốc, xả bỏ tham lam, nhớ nghĩ bố thí, làm cho mọi người được an ổn điều hòa, lìa hết tà kiến, vui với chánh pháp, thường quán vô thường, khổ, không, chẳng có thân, đời là nhơ bẩn, lấy pháp làm kế sách, tâm tự tu lập, các hoạn nạn không thể làm hại, xem thân này chẳng ích gì, năm ấm chỉ làm tổn hại, muốn dứt trừ năm dục. Phật đạo là tối tôn, không ôm ấp sự hối hận, xem cõi trời là vô thường, xem người như giấc mộng, ba đường rất khổ, nên luôn xót thương họ, nên dùng cách gì để tự cứu mình, ra khỏi nạn sinh tử, năm ấm và giáo hóa người khác, chấp chúng sinh trong mười phương là ngã sở. Vì sao? Vì muốn độ thoát họ. Thấy ai đến xâm hại, không nghĩ đó là cái xấu của họ; nếu người làm lợi ích, cũng không riêng nghĩ đó là thiện. Thấy người đến mắng chửi, im lặng không chửi lại. Nếu người đến đánh đập ta, ta nhẫn chịu, không nên đánh trả. Nếu người sân tức, ta nên khởi lòng lành hướng đến họ. Nếu người chê bai xem thường, ta nên thương xót họ, không làm hại, lại tự hổ thẹn vì

từ vô số kiếp, ở trong sinh tử, năm ấm ngăn che, không tự thoát khỏi, tâm ý mê hoặc, trôi lăn trong năm sông, hoạn nạn trong bốn sự sợ hãi, không tự tỉnh giác. Có vật nên ban cho, biết tiền tài chẳng thường còn, thân không phải của ta, tìm cầu bạn tốt, lánh xa bạn ác, phát ý, hướng đến chư Phật, thường cầu tôn kinh, không ham mê danh tiếng thế tục, luôn thực hành sự cung kính, chí luôn tín; giới, văn, thí, tuệ đạo, không bị nghi hoặc phạm cấm, biếng nhác, xan tham, ngu si, xả bỏ đạo nghĩa; luôn nhớ nghĩ pháp, như đói tìm thức ăn. Mới vào đạo, như dòng suối phải từ xa mới ra biển cả. Như mẹ sinh con, phải cho bú mớm dưỡng dục, chỉnh đốn đời sống, cứu lấy thân mạng, không sống trong sự chất chứa cho nhiều; cung cấp cho cha, mẹ, anh, em, vợ con, nô tỳ, khách khứa; luôn nhớ nghĩ thương xót muốn làm cho chúng được độ, không đọa ba đường, thoát khỏi ba cõi, đem thân về nương tựa Tam bảo: Phật, Pháp, Thánh chúng; có được ba đạt, trí tuệ vô ngại, không bị ba cấu bẩn làm nhiễm ô. Thực hành như vậy, là khéo trụ Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Vô động Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như sư tử, là vua trong các loài thú, các thú sợ oai, không có loài nào là không khiếp phục. Trước thấy được điềm tốt ba ngàn cõi Phật, tự thấy phải nắm giữ năm binh dũng mãnh, để mau thành tựu Thiện trụ Tổng trì, đầy đủ siêu việt, Nhẫn độ vô cực.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Nhẫn nhục là gốc.

2. Tin vui là sức lực.

3. Dạy dỗ tất cả mọi người tham nhập pháp nhẫn vi diệu.

4. Cắt đứt mọi trói buộc.

5. Trừ khử ham muốn, nghi ngại.

6. Không mến mộ nguồn gốc của thân.

7. Không tiếc thọ mạng.

8. Dùng các thông tuệ.

9. Vượt ba môn giải thoát.

10. Quán pháp bình đẳng.

Đó là mười. Bảo vệ thân, miệng, ý, luôn dùng các pháp để hưng khởi nhân duyên.

Sao gọi là vui với chánh pháp? Là vui với giáo pháp của Phật, không

thích pháp thế tục; ưa nghe kinh điển, không nghĩ đến chuyện thế gian gièm pha; ưa cúng dường chúng Tăng, không vì các bè đảng thế tục; chỉ thích Tam bảo, không ưa ba cấu nhiễm; thích vượt ba xứ, không bị ô nhiễm; thích xét xem bốn đại: Đất, nước, gió, lửa; không có chấp ngã; thích đem an vui cho mọi loài, không làm nguy hại; thích bố thí tất cả, không có sự keo kiệt; thích thờ phụng giữ gìn cấm giới, không hủy hoại những gì mình đã tuân thọ; vui thích trong nhẫn nhục, không mất gốc đức; thích sức mạnh tinh tấn, không gây tội căn; thích thiền định để một lòng không bị loạn ý; thích trí tuệ sâu xa, không bị ngu hoặc; thích hóa trần lao, không bị xấu ác; thích cõi Phật trong sạch, không chán sự chỉ bày giáo hóa; thích trang nghiêm đạo pháp, không vì phi pháp; thích ba pháp môn giải thoát, lìa không, tướng, nguyện; thích pháp vô vi, không thích hữu vi; thích nhập vào pháp sâu dày không bị thất tiết; chí thích vui vẻ, lìa mọi giận hờn; thích pháp tự nhiên, cũng không bỏ mọi người; thích học tập bạn tốt, xa lìa sự gần gũi sâu nặng của thế tục; thường thích chí đạo, không tạo mê hoặc; thích giảng chánh nghĩa, không vì điển tích thế tục; thích kính mộ Bồ-tát không vì Thanh văn; thích cầu Chánh giác, không vì Duyên giác; thích hướng đến đại đạo, không vì tà thuật; thích gắn liền với tám bình đẳng, không bị tám tà; thích sáu mươi hai tuệ, không bị rơi vào sáu mươi hai kiến; thích pháp vô thượng, không ưa thấp hèn; thích sự nghiệp Đại thừa, bỏ pháp La-hán. Đó là vui với chánh pháp.

Lại có mười việc mau được định ý. Những gì là mười?

1. Lòng lành thương người, không gây tổn hại nguy khốn.
2. Thường thực hành mười việc lành.
3. Xa lìa hạnh ác.
4. Chuyên tâm tu đạo.
5. Khéo nghĩ pháp Phật.
6. Như đói cầu ăn, như khát cầu uống.
7. Tôn trọng nghĩa sâu xa.
8. Không có nhớ nghĩ sai lệch, khác biệt.
9. Lòng lành nhớ nghĩ mười phương.
10. Muốn độ tất cả, không hề nghĩ về mình.

Đó là mười.

Sao gọi là pháp Vô động Tam-muội? Vì thứ nhất là siêu việt, thứ hai là Tam-muội, không bị dục pháp làm mê hoặc, thờ phụng thực hành pháp Từ tâm của Bồ-tát, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí

tuệ để cứu độ chúng sinh, thoát nạn ba đường, tu tập đại Từ muốn cứu giúp ba cõi, xem tất cả mọi người như mình không khác, không nhớ nghĩ gì khác, chỉ thường nhớ nghĩ pháp, lấy nhớ nghĩ pháp làm căn bản và biết thế tục là tội lỗi, luôn thương xót quần sinh, để làm cho đến với đạo. Đó là Vô động Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là độ Vô động Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như lực sĩ dũng mãnh, cường tráng, chỉ cần vận công một cái, thì tất cả xiềng xích trói buộc đều bị đứt, oai hùng sức lớn bước đi một mình, không ai sánh bằng, trừ mọi dơ hại, oán thù, lao khổ cõi trần. Trước thấy điềm tốt ba ngàn cõi Phật. Bốn phương, bốn hướng có gió mạnh thổi đến làm rung bao nhiêu thứ hoa khắp cả cõi Phật. Phân biệt thành tựu Tổng trì khó đảm nhiệm, đầy đủ siêu việt Tấn độ vô cực.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Căn tinh tấn bình đẳng.

2. Tấn lực làm căn bản.

3. Phương tiện bình đẳng.

4. Ý chí làm đầu.

5. Khiến tất cả mọi người không ham thích thân.

6. Đem tâm khẩu thuận hóa chúng sinh.

7. Chỗ trụ không quay lại, nhưng không có nơi chốn.

8. Tinh tấn cao tột.

9. Hàng phục oán hận.

10. Siêng năng tu tập thành tựu các thông tuệ vi diệu.

Đó là mười. Nhớ nghĩ thân bốn đại cũng như rắn độc; sợ già, bệnh, chết không xả bỏ đầu, đuôi, không bị việc mê hoặc; Từ, Bi, Hỷ, Xả các loài chúng sinh, như cha, như mẹ, như con, như thân mình, bằng nhau không khác. Thường suy nghĩ về nghĩa đạo, không nghĩ đến tham lam, giận hờn, ngu si. Thực hành bố thí không có ý tưởng keo kiệt; phụng trì cấm giới không có ý tưởng phạm ác; nhớ nghĩ nhẫn nhục không nên có ý tưởng sân tức; thường tu tinh tấn không có ý tưởng biếng nhác; tinh chuyên, một lòng, không có ý tưởng loạn; hạnh trí tuệ chân chánh, không có ý tưởng mờ ám; thường cầu phương tiện, hết lòng khéo léo quyền biến; không có ý tưởng buông lung; luôn nhớ nghĩ đến việc khuyến khích, giáo hóa mọi người như độ chính mình. Tất cả cái có được không phải là cái của ta; nghĩ đến sự

hoạn nạn, đau đớn, khổ độc, ở địa ngục, cũng như thân mình đang chịu cảnh ấy. Thường xét lỗi mình, thay thế chịu tội cho người khác, không lấy đó làm oán hận. Nghĩ đến sự đói khát ở cảnh ngạ quỷ, mà đau thắt rơi lệ; muốn cứu giúp chúng, khiến chúng được an ổn tự nhiên, cho chúng thức ăn chánh pháp, trừ đói khát của năm ấm, sáu suy, thức ăn bằng tụng đọc, học tập kinh điển, uống nước bằng phân biệt nghĩa kinh. Tu sáu pháp hạnh, dùng làm hiền lương; ra vào, tới, lui, tinh tấn an lành. Nghĩ đến những loài bị đọa làm thú, mà thương xót trong lòng, muốn làm cho chúng được an ổn trả hết nợ trước, hiểu rõ tội cũ, khiến không tạo tội mới. Phụng hành các điều lành, không làm các ác; tự quán sát chính mình, đời đời không rõ, bởi do chấp trước tôi, ta, không tin đạo pháp. Nghĩ đến người phạm tội như rơi vào hố sâu, phụng hành tin giới, tâm như hư không. Người không hiểu được chánh pháp, luôn bị trôi lăn trong năm đường, cũng như bánh xe lăn. Cha mẹ ưu lo nhau, anh em nghĩ đến nhau, vợ chồng luyến ái nhau, tất cả đều do tâm không vững chắc mà có. Vốn là cha mẹ, trở lại thành con trai, con gái; vốn là con trai, con gái trở lại làm cha, mẹ; hoặc là vợ chồng trở thành oan gia, trên dưới điên đảo, gốc rễ không thường. Tâm ý Bồ-tát luôn từ sự nhớ nghĩ chúng sinh ấy, khai hóa khiến cho tin vào chánh đạo của Đức Phật; tin hiểu vào vô thường, khổ, không, chẳng có thân. Đó là độ Vô động Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bảo tích hoa Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như cây Trú dạ trên cõi trời Đao lợi, dùng các bản hạnh vượt qua năm căn, vượt ra khỏi tâm chúng sinh, trong sạch như hư không. Trước thấy điềm tốt ba ngàn cõi Phật, các tiếng âm nhạc hòa nhau trỗi lên. Thân được trang nghiêm bằng các chuỗi ngọc, dùng hoa Tự-di làm rực sáng thân thể, mưa hoa giải thoát và hoa sen xanh đầy khắp ở trên. Vì lý do đó cho nên các đức Tổng trì, liền vì thọ ứng Thiền độ vô cực.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Điều phục các căn dùng làm cái gốc của đức.

2. Nhất tâm làm tăng lực.

3. Phương tiện bình đẳng.

4. Định ý không loạn.

5. Cấm giới làm nguồn gốc.

6. Môn giải thoát là trên hết.

7. Hướng đến cốt yếu của định.

8. Không có sở hữu.

9. Tiêu diệt trần lao.

10. Suy nghĩ đầy đủ các định.

Đó là mười. Thương xót năm đường, công kích khử trừ năm ấm. Thành lập năm căn, khử trừ, hóa độ năm sắc. Tích chứa công đức, đầy đủ năm phẩm: Giới, định, tuệ, giải độ, tri kiến phẩm. Chí ngưỡng mộ năm phép thần thông, trông mong mười lực, tránh xa các tội lớn, dù ở chỗ nào, cũng tu pháp Phật, danh đức vang xa, thương xót ba cõi, không bị ngu muội, rõ đường thiện ác. Ví như vạn sông đều đổ về bốn biển. Bồ-tát thờ phụng tu hành pháp như vậy, tinh tấn không thôi, hướng đến đại đạo. Ví như trăng mồng mười, ánh sáng chuyển dần đến tròn đầy, đủ chiếu sáng chúng sinh. Bồ-tát cũng lại như vậy, công đức oai diệu, ngày càng tăng ích, vượt qua các nguy ách, thương xót khổ nạn của quần sinh.

Lại có năm hạnh. Những gì là năm?

1. Năm giới trong sạch, ví như gương sáng không có nhiễm ố.

2. Không phạm vào mười điều lành.

3. Đầy đủ giới sạch, không mất ý đạo.

4. Không bị tà tưởng.

5. Không tham thân mình.

Đó là năm.

Lại có năm pháp. Những gì là năm?

1. Trừ nóng giận, không có tâm khiếp nhược, bỏ ý keo kiệt, bỏn sẻn, trừ chí dua nịnh quanh co.

2. Phân biệt và hiểu rõ: "không".

3. Không chỉ miệng nói mà luôn một lòng sửa chữa để hạnh không bị loạn.

4. Biết giàu sang, thế lực chỉ là huyễn hóa, quán sắc như bọt nước, thọ như bong bóng nổi, tưởng như cây chuối, sinh tử như hình bóng, thức như huyễn.

5. Không bị sắc sai khiến, không bị thọ mê hoặc, không bị tưởng đẩy lùi, không bị tà hạnh, không bị thức làm thoái lui, hiểu rõ năm ấm là không.

Đó là năm.

Lại có năm việc. Những gì là năm?

1. Tham dâm.

2. Sân giận.

3. Say ngủ.

4. Đùa giỡn.

5. Hồ nghi.

Phải nên loại trừ năm sự ngăn che cản trở này. Nhìn thấu triệt, nghe rỗng suốt, bay đi nhẹ nhàng, biết tâm niệm của người khác, tự biết được chỗ sinh tử đưa đến, tự vui với năm thần thông, không bị năm ấm làm cho buông lung; thân tu đức hạnh, không làm phi pháp; khai hóa, thuyết pháp, làm an ổn cho số đông; không làm việc ác, nguy hại; lấy đạo làm sự nghiệp, ăn bằng sự học tập giáo pháp, hiểu nghĩa làm thức uống; không ham giàu sang phú quý, lấy pháp làm giàu; hiểu "không" làm sang. Đó là Bảo tích hoa Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Nhật quang diệu Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Trước thấy điềm tốt ba ngàn cõi Phật, các ao báu đầy tràn nước tám vị sạch trong, trồng các loại hoa sen xanh, hồng vàng, trắng, xung quanh lan can đều dùng bảy báu và đủ các loại hoa ngọc. Đáy hồ, rải cát vàng ròng, thân vui chơi nô đùa trong đó, thành tựu tuệ định, chứng minh Tổng trì, đầy đủ sự siêu thoát, Trí độ vô cực.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Tuệ làm cội nguồn.

2. Trí lực trên hết.

3. Chánh kiến là tối cao.

4. Ý bình đẳng là hơn hết.

5. Thân tu các đức.

6. Nhập vào các loại tướng của Thánh đế.

7. Vì tướng bình đẳng.

8. Tuệ không bị ngăn che.

9. Trừ các vãng kiến.

10. Không khởi pháp nhẫn.

Đó là mười việc.

Quán sáu tình vốn không có nơi chốn, không từ đâu đến, không đi về đâu, vốn tự nhiên không, duyên chống đối khởi lên. Ví như trời mưa, không từ rồng mà có, không từ nước mà có, không từ đất mà có, không từ tâm của

rồng mà có; đều do hội đủ nhân duyên nên mới mưa. Sáu tình các nhập cũng lại như vậy, do nhân duyên hợp thành, không thể độc lập. Sinh tử cũng vậy. Ví như họa sĩ vẽ tranh, người, nhà cửa, voi, ngựa, xe cộ. Khi chưa vẽ, thì không thấy có sản phẩm, nhưng khi có đủ các yếu tố dụng cụ như, vách, bảng, giấy, bút, lụa là, họa sĩ đặt bút vẽ thì sẽ có sản phẩm. Tốt xấu cũng lại như vậy, đều do nhân duyên hợp thành. Nếu lại hành đạo, do tu mười điều lành, sáu Độ: Bố thí vô cực, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, phương tiện khéo léo thì mới hợp thành. Không đắm vào thân Phật, cũng không lìa thân Phật, tâm ý không tưởng, tự nhiên như không, nhập vào đại Từ, lại tu đại Bi, Hỷ, Xả, các hạnh. Không vì thân mình mà vì tất cả, cũng không có sự mong cầu. Thân hành cẩn thận, miệng nói khiêm nhường hòa thuận, tâm nhu hòa, không dua nịnh quanh co, ngay thẳng, không tà vạy.

Lại có sáu việc mau chóng được đạo Vô thượng chánh chân. Những gì là sáu?

1. Thường nương tựa vào Phật mà trụ.

2. Nhập vào chánh chân tâm không quay trở lại.

3. Tự hiểu rõ ý hạnh bên trong của chính mình.

4. Được bạn tốt, nhân đó mà giao phó.

5. Chí nguyện rộng lớn, không biết nhàm chán.

6. Tâm luôn hòa hợp, đầy đủ trí tuệ.

Đó là sáu việc.

Bồ-tát hành đạo không cậy vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không dựa trong, ngoài, tùy gốc pháp giáo; không trái hạnh sâu xa tốt đẹp của Bồ-tát; không bỏ lòng lành lớn, không để mất lòng thương xót lớn, tùy theo sự thiếu thốn của người đời mà cứu giúp họ; tu đạo chánh hóa, không vì tà giáo, nhất tâm hướng đến trí tuệ, không để ngu muội che lấp. Phân biệt sáu suy, cũng như hóa huyễn, hình bóng, tiếng vang, bóng câu, như bóng trăng in nước, như giấc mộng, bất chợt, không biết. Đó là Nhật quang diệu Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Mau thành tựu các lợi nghĩa Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Trước thấy điềm tốt, thấy ba ngàn cõi Phật, có các ao báu, xem xét bên phải, bên trái của ao, vượt khỏi nguy ách địa ngục, thoát ra ngoài đồng hoang, mau được thành tựu kỳ đặt tụ lạc tổng trì, tức

đầy đủ sự siêu thoát, Quyền độ vô cực.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Nhập vào các chí hạnh.

2. Kiến lập chúng sinh.

3. Lòng đại Từ không cùng, lấy việc thương xót khắp tất cả, làm gốc.

4. Tâm tánh điều hòa nhu thuận, chưa từng mệt mỏi, nhàm chán.

5. Không thâu nhận đệ tử Duyên giác thừa.

6. Quán sát kỹ lưỡng chắc chắn.

7. Chế ngự đạo tâm.

8. Dùng các thông tuệ.

9. Kiến lập không thoái lui.

10. Hiểu rõ việc mở rộng trí.

Đó là mười việc.

Thường dùng tuệ chân chánh, xa lìa tà kiến, tự nhiên tu đạo, không bị thế tục làm mê hoặc, thâm nhập pháp vi diệu vô cực, dấn thân vào đạo và tục, ở trong tục mà không tục; đối với đạo không có nương cậy. Suy nghĩ, bước vào Thánh giáo, khai hóa chúng sinh, sinh, già, bệnh, chết, thường giữ gìn thân mình, khước từ sáu tình, không đọa sáu suy, không theo bảy tà, thường thu giữ bảy giác. Tâm hiểu rõ không tà, không phế bỏ tinh tấn, thuận theo chánh pháp, không trái với tâm hoan hỷ, không có oán hận. Tín căn không mê hoặc, an ổn không gian nguy, chí định không loạn. Tín tài, tín trí vốn không giới tài, không rơi vào Tiểu thừa, vào tài xấu hổ. Xấu hổ thấy mình chưa vượt qua ba cõi. Tài hổ thẹn, là thẹn với việc không có mở rộng tuệ. Tài nghe rộng, là nghe không ai sánh bằng; cho đến trí sâu xa là bố thí tài thí, dùng đại đạo trí tuệ tài, nhập vào trí tuệ độ hết tất cả.

Có mười việc đạt đến không thoái lui. Những gì là mười?

1. Nghe có Độ vô cực tâm không lay động thoái lui.

2. Có Phật, không Phật, tâm không lay động thoái lui.

3. Có Pháp, không pháp, tâm không lay động thoái lui.

4. Có Thánh chúng, không có Thánh chúng, tâm không lay động thoái lui.

5. Có đạo, không đạo, tâm không lay động thoái lui.

6. Có Bồ-tát, không có Bồ-tát, tâm không lay động thoái lui.

7. Có Pháp thân, không có Pháp thân, tâm không lay động thoái lui.

8. Có thế tục, không có thế tục, tâm không lay động thoái lui.

9. Có người, không người, tâm không lay động thoái lui.

10. Có mạng, không mạng, tâm không lay động thoái lui. Có thọ, không thọ, tâm không lay động thoái lui.

Đó là mười.

Bồ-tát bay đến mười phương giáo hóa chư Thiên và các quần sinh, lấy pháp làm cội gốc, lấy đạo làm cội nguồn, không chấp tôi, ta; hoặc vào địa ngục, cứu giúp khổ đau, hoặc vào loài cầm thú khai hóa, dứt sự ngu muội, hoặc vào ngạ quỷ an ủi, làm cho chúng thoát cảnh đói khát khổ độc triền miên. Bồ-tát tùy theo thế tục mà giáo huấn, hóa độ, khiến cho họ đều được như sở nguyện; không bị pháp thế tục làm nhiễm ô, trong sạch như ánh sáng mặt trời, trong suốt như trăng tròn. Bồ-tát được không thoái lui, có khả năng thực hành những quyền biến, có thể khai hóa, cứu giúp bảo vệ và độ thoát cho phần đông, các người bị khổ não đều được đại an. Các người không trí đều mở rộng được mưu trí. Đó là được thành tựu các lợi nghĩa Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Hiện tại chư Phật mục tiền lập Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như mặt trăng tròn, xua tan bóng đêm. Cũng giống như các việc làm mà chuyên tu thanh tịnh, sở nguyện viên thành, kiến lập đầy đủ cõi Phật thì giáo huấn, hóa độ chúng sinh. Trước thấy điềm tốt ba ngàn cõi Phật. Sư tử là chúa muôn thú, bờm rực rỡ như gấm lụa, thân nó cao lớn, oai phong, chế ngự muôn thú. Bồ-tát được thành tựu vô cực tám vạn bốn ngàn các Tổng trì môn, đầy đủ sự siêu thoát, thành tựu trí tuệ.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Một lòng định ý Tam-muội.

2. Không tưởng niệm.

3. Chí chuyên hướng đến Phật.

4. Đoạn trừ các tưởng.

5. Không vì các sự mong cầu.

6. Hiểu rõ pháp đều không.

7. Không sợ ba cõi.

8. Không thích vô vi.

9. Không chấp hữu vi.

10. Hiểu biết pháp thân.

Đó là mười.

Cái hướng để nghe là Phật hiện tại; luôn nhớ nghĩ về phương ấy; thấy Phật nói pháp cho chúng hội, cho bốn bộ đệ tử; xét bốn đại đều không, đất như bọt nước tụ, nước như giọt sương mai, lửa như điện chớp, gió như thoáng qua. Phân biệt bốn đại là do nhân duyên hợp lại mà thành, nó vốn chẳng có. Tự quán dáng hình, xét tất cả các căn vốn không có hình dáng. Tự quán thọ, biết vốn không thọ. Tự quán tư tưởng, xét tất cả tư tưởng, biết vốn không tư tưởng. Tự quán ý, biết vốn không ý. Quán thân mình biết đã là không, nên thấy tất cả cũng đều không. Thương xót tám nạn, buông bỏ tám việc của thế tục: Lợi, suy, chê, khen, có danh, không danh, khổ nhọc, an vui. Xả bỏ tám tà, không trụ tám chánh, bình đẳng đối với có và không, cũng không chỗ trụ. Thực hành bốn Tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bốn Ân cứu giúp chúng sinh, huệ thí nhân ái, làm ích lợi khắp cho tất cả. Nhất tâm hướng đến Phật, không có các tưởng niệm. Đoạn trừ năm ấm, sáu suy không nơi ở, tâm luôn được định, không thấy bốn đại, không thấy nhân dân, không thấy trời, đất, nhân vật, vĩnh viễn không thấy gì, lâu lâu mới thấy mười phương chư Phật. Ví như nước đục, không thấy được đáy, nhưng khi mặt nước lặng yên không động, thì thấy rất rõ. Bồ-tát cũng như vậy, vừa định không tưởng, quán không thấy gì. Năm ấm sáu suy, sáng như mây tan. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng xuất hiện, thấy Phật mười phương. Bởi lại quán sát, ta đến chỗ Phật, Phật lại ta chăng? Tâm tự suy nghĩ, Phật cũng không lại, ta cũng không đến. Ví như gương sáng, nước trong, dầu sạch, thì dễ xem hình thấy bóng, không vào, không ra. Bồ-tát cũng lại như vậy, thấy Phật trong mười phương không qua, không lại. Ví như trong mộng, thấy mình về cố hương, tự thấy cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Đến khi thức giấc, chẳng thấy có gì! Bồ-tát cũng như vậy, thấy Phật trong mười phương, sau khi xuất định, đều không thấy gì. Vì sao? Vì cái hiểu biết, vốn không. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, chỉ là hóa hiện, không hình bóng, không nơi chốn. Ví như hư không, không thể biết được, cái gì là không. Pháp thân là như vậy, không có nơi chốn. Được như thế, mới có khả năng thấy một cách thấu triệt, nguồn gốc của tất cả; ngồi đấy mà thấy mười phương không qua, không lại. Đó là Hiện tại chư Phật lập mục tiền Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Tuệ quang diệu Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Trước thấy được điềm tốt nơi ba ngàn cõi Phật.

Chuyển luân thánh vương tạo pháp vương giáo, có vô lượng vua tôi quần thần, trăm ngàn quyến thuộc theo hầu hạ; ở trong hư không cầm các hoa báu, che khắp thân, được thành tựu vô tận hạnh Tổng trì môn, cai quản sáu mươi vạn các tuệ Tổng trì, đầy đủ sự siêu thoát, giáo hóa chúng sinh. Ví như thần châu minh nguyệt, có thể làm cho các kẻ nghèo cùng khốn khổ, đều được đầy đủ may mắn; đầy đủ các pháp, dạy dỗ quần sinh, tùy theo mọi người mà ban cho tất cả kho tàng phước đức.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Dùng chánh pháp mà bố thí.
2. Dùng giới, nhiếp hóa kẻ không thuận.
3. Dùng nhẫn, nhiếp hóa kẻ cường bạo.
4. Dùng tinh tấn, nhiếp hóa người biếng nhác.
5. Dùng thiền định, nhiếp hóa loạn ý.
6. Dùng trí tuệ, nhiếp tà trí.
7. Khéo léo dùng sự quyền biến tùy thời giáo hóa.
8. Đem Đại thừa lưu truyền mở rộng làm lớn mạnh đại đạo.
9. Vượt qua tám nạn, độ thoát tám tà hạnh.
10. Tâm bình đẳng với tất cả, không có nghiên lệch.

Đó là mười.

Trụ tám không nghĩ bàn, không xả bỏ hạnh Bồ-tát; quán ba cõi như huyễn hóa, không thật. Tự nghĩ từ đâu mà đến và đi về đâu; không thấy đến đi, nhưng tùy theo đi đứng mỗi mỗi tự thành tựu. Ví như có người đi qua cánh đồng hoang vào nắng trời mùa hạ, không có một bóng người. Từ xa, anh ta trông thấy có dòng suối chảy, cạnh suối có cây lớn sum suê, hoa trái đầy cành, càng làm cho anh ta thêm đói khát, mệt lã người, nói không ra hơi, muốn đến nơi ấy nên cảm thấy nó rất gần, khi anh ta đi đến, chỉ còn vài dặm, thì không thấy có nước gì cả! Lúc đó, anh ta mới hiểu ra rằng, đó chỉ là bóng nắng, không phải là nước, nên không đi tìm nước nữa. Chúng sinh không hiểu ba cõi như huyễn hóa, chấp trước tôi, ta, có thọ mạng, nghe Phật nói kinh cho tất cả là vô thường, mới suy nghĩ hiểu rõ, không còn bị mê hoặc. Bồ-tát biết rõ tất cả, ở trong ba cõi như hóa, như huyễn, như hình bóng, như bóng câu, như mộng, như bóng trăng in nước đều biết vốn là không, nên không dính mắc, không trói buộc, không thoát, tất cả không cầu. Cũng như mẹ hiền nuôi dưỡng các con. Bồ-tát cũng như vậy, khai hóa tất cả, nhưng không dính mắc vào đó. Ví như người dẫn đường, đưa những người buôn bán trở về quê hương, không gặp ác tặc, an ổn về đến nhà. Bồ-

tát cũng lại như vậy, dùng định Tuệ quang diệu Tam-muội, dắt dẫn tất cả, khử trừ ba độc, tối tăm, dâm dật, giận hờn, ngu si, chỉ bày ba thừa, Đại thừa là cội gốc, tất cả đều được như sở nguyện. Ví như thầy thuốc giỏi, thấy các người bệnh mà cho thuốc, làm cho các người bênh ấy được hết bệnh. Bồ-tát cũng lại như vậy; dùng Tuệ quang diệu Tam-muội, thấy khắp các hoạn nạn, đau khổ bởi ba độc của chúng sinh trong năm đường; đem đại Từ bi mà khai hóa họ, khiến họ thờ phụng tu hành tuệ chân chánh vô cực. Người phát tâm hay chưa phát tâm, đều tinh tấn, kiên cố hồi hướng, tiến lên đến Nhất sinh bổ xứ, cho đến đạo Vô thượng chánh chân. Đó là định Tuệ quang diệu Tam-muội.

Ly Cấu Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Dũng mãnh phục Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ví như Chuyển luân thánh vương, công hạnh vô lượng, oai đức cao vời vợi và rất được tự tại, đối với tất cả pháp thì được tuệ vô tân, ở trong hư không, không dơ, lại trong sạch. Trước là thấy được điềm tốt của ba ngàn cõi Phật: Thân tướng Như Lai vàng tía, ánh sáng tròn đầy, cùng với vô số phạm đức, nói kinh trải qua ức trăm na-thuật, được thành tựu vô lượng hạnh Tổng trì môn, cai quản hằng sa trăm ngàn hạnh Tổng trì, đầy đủ sự siêu thoát, thành tựu nhiều Thánh trí.

Lại có mười việc. Những gì là mười?

1. Có chí về Nhất thiết trí thì không đâu là không thích ứng.

2. Không trụ hữu vi, không trụ vô vi.

3. Hành tâm Từ bao trùm khắp, bình đẳng với chúng sinh.

4. Hành tâm đại Bi, bình đẳng như hư không.

5. Không nghĩ đến đệ tử, không tưởng Bồ-tát.

6. Không có chí thế tục, cũng không có ý đạo.

7. Thường dùng đại tuệ tùy thuận giáo hóa chúng sinh.

8. Nhập vào tất cả sinh, cũng không chỗ sinh.

9. Hiện các cõi Phật, không xả bỏ Pháp thân.

10. Bình đẳng tâm tôi, ta cùng với Nê-hoàn.

Đó là mười việc.

Không dùng thân miệng để có chỗ nói làm. Tâm thường an định không thêm không bớt, hiện vào Dục giới độ các dục trần, đối với những ham muốn tự nhiên cũng không chìm đắm, tất cả không cầu. Ví như hoa sen không dính nước bẩn Bồ-tát hiện vào Sắc giới, đối với sắc tự nhiên

không có mong cầu. Cũng như dầu mè không hợp cùng với nước. Quán sắc là không sắc, tự xét nó vốn không và cũng không có chỗ để mà xét. Hiện cõi Vô sắc, tự nhiên không sắc, không sau, không trước. Ví như lửa cháy, không đốt hư không, cũng không tăng giảm, không đến, không đi, không chỗ đến đi; một mình bước đi trong ba cõi, vượt khỏi ba xứ. Ví như chim bay trong hư không, không có gì làm cản trở. Cứu thoát ba cõi đều tùy theo cái gốc ý chí, khiến mau chóng khai giải để được đến Đại thừa. Ví như thầy thuốc giỏi, dùng bao nhiêu thuốc, tùy theo con bệnh mà cho uống, uống xong, bệnh gió, lạnh, nóng được thuyên giảm. Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng thuốc chánh pháp của Phật, trị liệu bệnh; các bệnh dâm dật, giận hờn, ngu si đều được diệt trừ. Tâm ấy trong sạch, không hình, không tên; cũng như vua, dũng mãnh thống lĩnh đại quân, công phá ác nghịch. Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng đại Từ bi, khai hóa chúng sinh, lo lắng chu toàn cho người ngu muội, sáu mươi hai kiến đều rơi vào lưới tà và sự hồ nghi; sáu mươi hai cái chẳng phải chánh pháp lại khiến phát ý, tự ý tuân theo sáu Độ, đại Từ, đại Bi và các hạnh cốt yếu khiến đến được Đại thừa. Ví như thuyền trưởng giữ vững con tàu, qua lại thông suốt, đưa mọi người từ bờ này sang bờ kia tùy ý. Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng định Dũng mãnh phục Tam-muội, độ thoát vô lượng sinh tử, phiền não; đối với Thanh văn, hiện tùy tâm khai hóa; đối với Duyên giác hiện theo cái gốc mà trao truyền. Thị hiện thân Phật, chỉ bày dạy dỗ ba đường; hoặc hiện đại pháp tuệ vô cực, pháp Đại thừa sâu xa, không có ba đường ác, cũng không có ba thừa. Ví như người làm trò ảo thuật, ở giữa mọi người, tự hiện thân chết, lửa đốt, thú ăn. Thấy thế, ai nấy đều sợ hãi cầu xin, cho rất nhiều tiền, muốn người ấy mau sống lại. Biết được mọi người cho rất nhiều tiền của, anh ta liền từ đất ngồi dậy. Cũng lại như vây, không có chết, cũng không có sống. Bồ-tát cũng lại như thế, khai hóa chúng sinh trong sinh tử năm đường, hoặc phát tâm Bồ-tát, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Duyên giác, hoặc sinh lên trời, bỗng nhiên hiên Niết-bàn, mọi người khóc lóc cho là đã diệt tận. Lại hiện đến phương khác, Duyên giác, Thanh văn cũng lại như vây, cho là đã diệt độ, không còn trở lại. Như lửa tiêu diệt, cũng không nơi chốn đều quy về không. Bồ-tát tuy hiện Niết-bàn hợp cùng Pháp thân, cũng không đến, đi, qua, lại, thị hiện tùy chúng sinh mà hóa độ. Chỉ có Bồ-tát Đại sĩ mới đạt được như thế, hiểu biết pháp thân. Ví như mặt trời chiếu sáng, hiện ở khắp nơi trong nước, quận, huyện, ấp, thôn, xóm, làng. Mặt trời không thấp, cũng không dời đổi, ở tại nhân gian chiếu khắp cả, không đi, không lại. Bồ-tát cũng vậy, hiện khắp trong ba cõi, nhưng không qua lại khắp hết, độ thoát tất cả, nhưng không thấy có đối tượng mình độ. Đó là Dũng mãnh phục Tam-muội. -

KINH SIÊU NHẬT MINH TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

Ly Cấu Mục lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Siêu nhật minh Tam-muội?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Ánh sáng của Tam-muội ấy là vô lượng, không thể ví dụ, sáng hơn ánh sáng mặt trời. Vì sao? Vì ánh sáng mặt trời chỉ chiếu sáng việc hiện tại, nhân, vật, các loài côn trùng, trăm thứ lúa, cỏ, thuốc, cây cối, các hàng trời, rồng, thần, đều nhờ ánh sáng mặt trời mà được tồn tại tươi tốt. Nhưng ánh sáng mặt trời, không thể chiếu đến khoảng cách của hai núi Thiết-vi, cũng không thể chiếu đến cái gốc tâm của người để bàn cho mở ra đạt được…. Nó chỉ chiếu sáng cái có hình, không chiếu được cái không hình. Còn Siêu nhật minh Tam-muội thì đặc biệt hơn hẳn ánh sáng mặt trời. Vì sao? Vì ánh sáng ấy đặc biệt cao cả chiếu khắp mười phương không biên giới, không ngằn mé, ba cõi, năm đường, không đâu là không chiếu đến được. Bồ-tát Đại thừa chiếu sáng Thanh văn, Duyên giác thừa, chín mươi sáu ngõ tắt, sáu mươi hai kiến, tà nghi trói buộc tối tăm, làm cho tâm tỏa sáng, phát sinh ý đạo, được thành tựu nghiệp ba thừa, hoặc được sinh Thiên, hoặc được làm thân người đều mong được vào ánh sáng ấy; cả như trời Đao-lợi ở đỉnh Tu-di, cung trời Đế Thích, điện báu Tử cám, rực rỡ trên đó; cả trong bốn thiên hạ, bốn phương thành, các hàng trời, người, ngạ quỷ, ma quỷ, các thần Dạ-xoa. Siêu nhật minh Tam-muội cũng lại như vậy, tâm vững chắc không lay động, như núi chúa Tu-di; hóa độ năm đường, Thiên vương, Đế Thích; hóa độ sinh, già, bệnh, chết; trị liệu các bệnh bất hiếu, dâm dật, giận hờn, ngu si làm cho phát sinh ý đạo, buông bỏ Tiểu thừa, chí hướng về Đại thừa, phát ý thọ quyết, được nhẫn thọ quyết; chưa phát ý thọ quyết, thực hành sáu độ vô cực, không có vọng tưởng, chẳng biết thọ quyết. Siêu nhật minh Tam-muội rất sâu xa! Rất là sâu xa! Không thể xưng lường, không có cao thấp. Ví như hư không. Giả sử có người muốn đo lường hư không bằng thăng, hợp, đấu, hộc, hạn lượng nhiều ít. Hư không còn có thể đo lường tường tận biết được số ấy bao nhiêu; nhưng định Tuệ nhật minh thì không thể lường được. Ví như người vượt

hư không mười dặm, trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm, ức dặm, ức vạn dặm, vô ương số ức trăm na-thuật dặm. Hư không còn có thể biết được tận ngằn mé của nó, còn Siêu nhật minh định tuệ, đặc biệt cao cả hơn gấp bội, hơn nữa, không thể có hạn lượng. Đem ví dụ này để so sánh với ánh sáng đạo, thì không xa, không gần, không rộng, không hẹp.

Ly Cấu Mục lại thưa hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Đại Thánh vừa khen rất rộng lớn, rất xa, cớ sao nay lại nói không xa không gần, không rộng, không hẹp?

Phật bảo:

–Này Ly Cấu Mục! Bởi nói có hẹp, là vì ngày có rộng. Bởi nói có gần, là vì nói ngày rất xa. Không xa, không gần, không rộng, không hẹp, không thể so sánh ví dụ. Muốn làm cho mọi người hiểu là không có biên tế, như hư không, không ngằn mé. Vượt ra ngoài đó nữa, vi trần không sắc, khai nhập vô úy, không thể tính đếm so lường, dẫn dụ cho rõ nghĩa, cho đến đại đạo tuệ, không có ví dụ; vượt qua các Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, cho đến đạo Vô thượng chánh chân, là rất cao, rất quý không gì sánh bằng, không ai hơn được. Pháp tự nhiên không có tác giả, cũng không thể không tạo, không đến, không đi, rỗng không tự nhiên. Hiểu rõ tất cả vốn không, hiểu rõ tất cả gốc ngọn. Đã hiểu rõ các gốc, cũng không chỗ nương tựa, cũng không thể không nương tựa. Tuệ tự nhiên đều phân biệt rõ sự tự nhiên trong ba cõi. Ba cõi tự nhiên, người, vật tự nhiên; người, vật tự nhiên, sinh tử tự nhiên; sinh tử tự nhiên, vốn không tự nhiên; vốn không tự nhiên, Phật đạo tự nhiên. Hiểu rõ phân biệt đó, tất cả là tự nhiên, thì mới có khả năng đạt được Siêu nhật minh định, cứu giúp hết ba đời cho đến Tuệ vô cực. Đó là Siêu nhật minh Tam-muội.

Lúc đó, có con gái của một trưởng giả, tên là Tuệ Thí, cùng với năm trăm người nữ khác, đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân, rồi lui ngồi một bên nghe Phật nói về Siêu nhật minh định, lòng rất vui mừng liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay, tuy là thân nữ, nhưng nguyện phát ý đạo Vô thượng chánh chân, muốn chuyển thân nữ để mau chóng thành Chánh giác, độ thoát mười phương.

Lúc đó, có một Tỳ-kheo, tên là Thượng Độ, bảo Tuệ Thí:

–Này Tuệ Thí! Nếu là thân nữ, thì không thể thành Phật đạo. Vì sao? Vì thân nữ có ba việc ngăn cách, năm việc chướng ngại. Những gì là ba?

1. Thuở nhỏ phải chịu quy chế của cha mẹ, xuất giá chịu phép chế của chồng.

2. Không được tự do.

3. Tuổi lớn khó có con.

Đó là ba.

Sao gọi là năm chướng ngại?

1. Người nữ không được làm Đế Thích. Vì sao? Vì dũng mãnh, ít dục, mới được làm thân nam. Còn người nữ, vì có nhiều thói xấu phức tạp, cho nên không thể làm Đế Thích.

2. Người nữ không được làm Phạm thiên. Vì sao? Vì người nam có khả năng thờ phụng tu hành trong sạch, không có nhơ bẩn, tu được bốn tâm bình đẳng; quyết tu được bốn Thiền thì mới bay lên Phạm thiên. Còn người nữ do nhiều dâm dật, giận hờn, không có bản lãnh, cho nên không được làm Phạm thiên.

3. Người nữ không được làm Ma thiên. Vì sao? Vì phải có đầy đủ mười việc lành, tôn kính Tam bảo, hiếu thờ song thân, khiêm nhường tùy thuận Trưởng lão mới được làm Ma thiên. Còn nếu coi thường, cao ngạo không thuận, chê bai chánh giáo, mà người nữ hay có, cho nên thân nữ không được làm Ma thiên.

4. Người nữ không được làm Chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì thực hành đạo Bồ-tát là thương xót quần sinh thờ phụng nuôi dưỡng Tam tôn, Tiên thánh, Sư phụ; mới được làm Chuyển luân thánh vương, thống lãnh bốn thiên hạ, giáo hóa nhân dân tu tập mười điều lành, tôn sùng đạo đức, làm Đấng Pháp Vương, dạy dỗ mọi người. Còn người nữ do che giấu tám mươi tư thói xấu, không có hạnh trong sạch, cho nên không được làm Thánh đế.

5. Người nữ không được làm Phật. Vì sao? Vì thực hành tâm Bồ-tát là thương xót tất cả, đại Từ, đại Bi; mặc giáp Đại thừa, tiêu trừ năm ấm, hóa độ sáu suy, hành sáu độ rộng lớn; hiểu rõ tuệ hạnh sâu dày: Không, Vô tướng, Vô nguyện, vượt ba môn giải thoát; hiểu không ngã, không nhân, không thọ, không mạng; hiểu rõ vốn không, pháp nhẫn là không khởi. Phân biệt tất cả như huyễn hóa, như mộng, như hình bóng, như cây chuối, bọt nổi, sóng nắng, bóng câu, điên chớp, bóng trăng in nước; năm xứ vốn không, không tưởng ba đường, mới được thành Phật. Còn nữ thì đắm sắc dục, đắm tình, che dấu thói xấu, thân, miệng, ý trái nhau; cho nên thân nữ, không được thành Phật. Năm việc này đều có gốc ngọn.

Lúc đó, nữ Tuệ Thí trả lời Thượng Độ:

–Tất cả đều do gieo trồng gốc đức thì sẽ được kết quả. Vốn đã có nam nữ báo ứng chăng? Vốn đã có năm xứ Thích, Phạm, Ma vương, Chuyển luân Thánh đế, Đại đạo, Tiểu đạo ư?

Thượng Độ trả lời:

–Không.

Tuệ Thí hỏi:

–Giả sử vốn là không, vậy do nhân gì mà có?

Đáp:

–Do nhân hạnh mà thành.

Tuệ Thí nói tiếp:

–Ví như họa sĩ, đầu tiên là lau tường, bảng cho sạch; hợp đầy đủ các màu sắc, rồi vẽ tượng, chia màu, tùy ý mà thành. Năm đường cũng như vậy, vốn không nơi chốn, tùy hạnh nguyện mà thành. Ví như người làm trò ảo thuật, hóa làm mặt trời, mặt trăng, Đế Thích, Phạm thiên, Chuyển luân thánh vương, trời, rồng, quỷ, thần, nhân dân, cầm thú tùy ý mà hiện; trong một khoảng nháy mắt, làm sao biết được nơi chốn đó. Sinh tử cũng như vậy, vốn không chỗ để có, theo chỗ hành của tâm mà đạt được. Cho đến Như Lai, không huyễn, không hóa, không hợp, không tan, cũng không nơi chốn mới được thành Phật. Vì sao? Vì giữ năm giới được sinh làm người, tu mười điều lành được sinh lên trời; keo kiệt, bỏn sẻn thì đọa ngạ quỷ, cấu xé nhau thì làm súc sinh, ác thì đọa địa ngục. Thực hành bốn Tâm bình đẳng, không hiểu hạnh không, sinh lên Phạm thiên. Nương tựa không mà cầu độ, tiên tan tâm dính mắc vào không, sinh lên trời Vô tưởng. Tưởng sáu Độ vô cực, không lìa ba cõi, sợ khổ, chán thân, ghét nạn sinh tử, chí gắn liền với Niết-bàn, nên làm La-hán. Phát ý Bồ-tát, muốn độ tất cả, không hiểu vốn không, đắm chìm vào thân tướng Phật, muốn mau thành Phật, không được thầy giỏi, không rõ sự khéo léo của quyền biến ở trung đạo, được đạo Duyên giác. Chỗ hành này có hợp có tan, nên không thể thành đạo Vô thượng chánh chân. Tất cả đều không tướng, thì làm gì có nam nữ?

Thượng Độ lại hỏi:

–Tu những hạnh nào mới thành Chánh giác?

Tuệ Thí đáp:

–Không sinh sắc hạnh, không quán bất không hạnh, không diệt sắc hạnh, không xả chấp hạnh, cũng không tạo hạnh. Không sinh thức hạnh, không quán bất không hạnh, không diệt thức hạnh. Không sắc sinh hạnh, không thức sinh hạnh, cũng không quy hạnh, không đến, không đi; vĩnh viễn không nơi chốn, không chỗ trụ hạnh, không nương ba cõi, không xả năm ấm, không thọ năm ấm, không xả tục hạnh, không tưởng đạo hạnh. Đó là đạo hạnh được đến Chánh giác.

Không nương bốn Tâm bình đẳng, không tưởng hạnh sáu Độ vô cực; đối với ba môn giải thoát, không có chỗ cho hạnh nương tựa; đạt được pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mới là Bồ-tát. Ưng thuận pháp hạnh, không trái hạnh Chánh giác bình đẳng. Như vậy, này Thượng Độ! Người thực hành pháp này, lẽ nào có khía cạnh, nơi chốn, nam nữ trong ba cõi ư?

Đáp:

–Không.

Người không tạo hạnh, thì lấy gì thành lập? Vì lý do đó, cho nên, ta thành Phật có gì là khó? Giữ không có đối tượng để giữ, thành không có đối tượng để thành, giác không có đối tượng để giác, không lấy, không bỏ; cho nên mới gọi là Phật. Cũng không có danh hiệu, chỉ là giả lập.

Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Này Tuệ Thí! Thật đúng như lời ngươi nói, tất cả không nơi chốn, tùy theo hạnh mà thành tựu, không hợp, không tán, không hưng thịnh, không suy, không thấy, không nghe, không nhớ nghĩ, không biết, không lời, không nói, mới thành Chánh giác.

Đức Phật vừa nói xong, Tuệ Thí liền chuyển thân nữ, thành thân nam bay lên hư không, rồi xuống đảnh lễ sát chân Đức Phật, đạt được pháp Nhẫn bất khởi.

Lúc đó, có năm trăm người nữ vui mừng phấn khởi, nói kệ tụng:

Vốn tự mình xem xét
Nói nam có thường chủng
Mạnh yếu có phẩm loại
Nữ, nhất định không đổi.
Hôm nay mong ân Phật
Mới biết không vững chắc
Năm đường như huyễn hóa
Tùy hạnh mà thành tựu.
Ba cõi do tâm tạo
Không hiểu vốn không thật
Tự chấp có ngô ngã
Trói buộc đọa địa ngục.
Ví như người bắt cá
Dùng móc câu để bắt
Chẳng phải mình đã có
Cho rằng mình có được.
Ba cõi như nhà trọ

Bốn đại không ngã sở
Hiểu các pháp như mộng
Tức không còn lấy, bỏ.
Chỉ Phật thấy thương xót
Ân từ bao trùm khắp
Khiến chuyển nữ thành nam
Gặp định Siêu nhật minh.
Thành Phật được cõi nước
Giáo hóa các trời người
Độ thoát hết chúng sinh
Chóng thành Vô thượng chân.

Phật bảo năm trăm người nữ:

–Này các thiện nữ! Các ngươi cứ như sở nguyện sẽ mau chóng đạt được ý chí như vậy.

Nghe Phật dạy như thế, năm trăm người nữ vui mừng và liền thành nam tử. Đồng thời, Phật thọ ký cho Tuệ Thí và năm trăm người nữ ấy:

–Về sau mười kiếp, các ngươi đều sẽ thành Phật, hiệu là Tuệ Kiến Như Lai, Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Trừ minh, kiếp tên là Quang minh. Phật trụ trăm ức vạn năm ở đời để nói pháp. hằng sa Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi. Nhất sinh bổ xứ cũng lại như vậy. Các A-la-hán không thể kể hết. Cách ăn mặc của nhân dân lúc đó, cũng như ở trời Đao-lợi thứ hai.

Nghe Phật thọ ký, cả trăm ngàn người trong đại hội, đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Vô số Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi. Tám vạn Tỳ-kheo sạch hết lậu hoặc, ý thông. Mười vạn trời, người xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Đại địa chấn động, trên hư không rải hoa như mưa, các thứ nhạc cụ tiêu sáo... không trỗi tự kêu. Ức trăm chư Thiên, ở trên hư không, đều khen ngợi bằng kệ tụng:

Chánh pháp Phật sâu dày
Khó gặp, khó được nghe
May thay cho chúng con
Nhờ phước báo đời trước
Nên nay mới nghe được
Không gì vui thích bằng.

Phật lại bảo:

–Này Tuệ Thí! Người thế gian bị trói buộc trong sinh tử, chỉ vì không

hiểu pháp sâu xa, chấp vào tôi, ta, người. Cũng giống như con tinh tinh, bị người dụ say bằng rượu, biết không thể thoát được, cuối cùng bị người bắt. Người đời cũng như thế, bị ràng buộc trong cái họa của năm ấm, sáu suy, thường chấp tôi, ta, không biết, khổ, không, vô ngã, phi thân. Phạm vào vô số tội, không tự chế ngự, bị ba độc, năm triền cái trói buộc, không được giải thoát, làm ngược lại đạo chân đế. Như cây sinh ra lửa, không biết lửa sẽ trở lại đốt cây. Không hiểu hạnh không, chấp tôi, ta; người cũng lại như vậy, tự sai lầm đọa vào chỗ tối tăm, rơi vào ba đường ác. Ví như bọn giặc cướp, hung ác, dữ tợn, tự cho mình là dũng kiện. Người thế tục đắm chìm trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chìm đắm trong dơ uế, bị tội lỗi che lấp, không hiểu nghĩa pháp sâu dày mầu nhiệm. Bởi có si mê, ân ái, nên sinh làm người, mười hai kết sử trói buộc, dính vào lưới sáu mươi hai kiến, bị các tà mê hoặc, chín mươi sáu lối tắc. Thông suốt các pháp, phân biệt rỗng không, đều như huyễn, như hóa, như mộng, như cây chuối, như bóng câu, như trăng in nước, như tiếng vang. Không chấp tôi, ta, biết sắc tự nhiên, thì thọ, tưởng cũng tự nhiên. Thọ tưởng tự nhiên, thì hành thức tự nhiên. Hành thức tự nhiên, thì bốn đại tự nhiên. Bốn đại tự nhiên thì ba cõi tự nhiên. Ba cõi tự nhiên, thì Niết-bàn tự nhiên. Niết-bàn tự nhiên thì mới có khả năng đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh; không còn ở trong sinh tử, không còn ở trong diệt độ. Như thế là ứng hợp với tuệ Đại thừa sâu xa mầu nhiệm. Ví như có người bị bệnh nặng, muốn tự mình cứu chữa, lẽ ra phải uống trúng thuốc, trái lại uống thuốc độc, thân đã bệnh, lại còn bị độc làm thương tổn đến ngũ tạng. Nếu không tức tốc uống thuốc giải độc, thì cũng có thể làm chết người, hối hận không kịp. Kẻ sĩ học đạo, cũng lại như vậy, vốn phát ý đạo thực hành hạnh Bồ-tát, thờ phụng tu hành bốn Tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Xả, tuân hành sáu Độ mà còn khởi tưởng, có sự hy vọng, liền bị rơi vào Thanh văn, Duyên giác thừa. Giả sử vừa mới thành tựu, không thích nguyên nhân tạo ra, được đến với Đại thừa, nhưng còn chậm chạp không hiểu rõ, từ đó rơi vào trong Tiểu thừa. Ví như thức ăn của người dân thường, Chuyển luân thánh vương ăn vào, thành ra độc dược. Ví như cam lồ có mùi vị cao tột, thuốc này có công năng trị rất nhiều bệnh cho mọi người. Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng pháp Đại thừa, trị liệu được rất nhiều hoạn nạn sinh, già, bệnh, chết, dâm dục, giận hờn, ngu si, nguy ách, các tưởng.

Lúc Phật nói pháp này, có cả ngàn trời, người phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Có năm trăm Thiên tử đạt được pháp Nhẫn bất khởi.

Lúc đó, có Bồ-tát tên là Tuệ Anh hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Sao gọi là Bồ-tát nghe rộng, biết nhiều?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Từ vô số hằng sa đẳng kiếp, tích lũy công đức không biết nhàm chán, nghe bốn Tâm bình bình đẳng, cũng không nhàm chán; tu pháp bốn Ân cũng không nhàm chán; hành sáu Độ vô cực, cũng không nhàm chán; Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng không nhàm chán; đại Từ, đại Bi cũng không nhàm chán; tinh tấn tu năm Thần thông, cũng không nhàm chán; giáo hóa chúng sinh, cũng không nhàm chán; vì Đại thừa giáo, cũng không nhàm chán; hiện Thanh văn, Duyên giác hóa độ hết tất cả, cũng không nhàm chán; hiện ra Niết-bàn, trụ trong Niết-bàn, trở lại cõi sinh tử, cũng không nhàm chán; không đi, không lại, không chỗ nào là không đến. Ví như hư không, không chỗ nào là không có; không ra, không vào, không chỗ nào là không thông đạt, không chỗ nào là không xuất hiện. Đó gọi là nghe rộng biết nhiều.

Không lấy quá khứ làm tính đếm; không cho vị lai có giới hạn trở ngại, không chấp hiện tại có nơi chốn, không có giới hạn trở ngại với ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại, bình đẳng với ba đường; không tưởng ba cõi; không nhớ nghĩ Niết-bàn; không đạo, không tục, không bám lấy, chẳng xả bỏ. Đó gọi là nghe rộng biết nhiều.

Đối với cái nghe, không có đối tượng để nghe; đối với cái thấy, không có đối tượng để thấy; đối với cái nói, không có đối tượng để nói; đối với việc hóa độ, không thấy có đối tượng mình hóa độ. Đó gọi là nghe rộng biết nhiều.

Tuệ Anh lại hỏi:

–Sao gọi là hạnh? Sao gọi là thành tựu?

Trả lời:

–Phát ý Bồ-tát, thực hành bốn Tâm bình đẳng, đại Từ, đại Bi, Tuệ vô cực. Bố thí nhiếp hóa mọi người, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, để cứu độ chúng sinh, dần dần thực hành tinh tấn. Đó là hạnh.

Thực hành vượt quá hơn các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, không thấy tôi, ta, không thấy ba đời, không thấy Niết-bàn cùng với sinh tử. Đó gọi là thành tựu.

Bồ-tát Tuệ Anh lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con người sinh từ đâu đến và đi về đâu? Già, bệnh, chết từ đâu đến và đi về đâu? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; từ đâu đến và đi về đâu? Đất, nước, lửa, gió, không, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm từ đâu đến và đi về đâu?

Phật bảo:

–Này Tuệ Anh! Đều không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Duyên hợp thì có, duyên tan thì diệt; như huyễn như hóa, như bức họa, như tiếng trống, như mưa, như điện, đều từ nhân duyên; có duyên có sinh, không duyên không đối. Sinh tử cũng như vậy, giống nhau không khác.

Tuệ Anh lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là không từ đâu đến, không đi về đâu? Do nhân duyên hợp thành?

Phật dạy:

–Này Tuệ Anh! Tu hạnh người, thì được làm người; tu hạnh trời thì sinh lên trời; tạo nghiệp địa ngục thì đọa địa ngục; gây nghiệp súc sinh thì chịu làm súc sinh; tạo nghiệp ngạ quỷ thì đọa làm ngạ quỷ. Không có năm hạnh thì không có năm đường. Không có năm đường thì không có ra vào. Đó gọi là cái gốc của con người.

Không có ba cõi *(cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc)*. Do không có tâm ý thức cho nên không có ba cõi. Đó gọi là gốc con người.

Chưa có người và vật, có sắc không thấy. Sao gọi là có sắc không thấy? Đó là sắc đất, sắc nước, sắc lửa, sắc gió. Chất cứng gọi là đất. Chất ướt gọi là nước. Chất sáng gọi là lửa. Thâu tóm gọi là gió. Trời đất chưa định vị, chưa có ba cõi. Bốn sắc này là tự nhiên vậy không có tác giả, tự nhiên động khởi; chỉ có đạo có tên, cho đến bổ xứ có tên. Đấy là sắc vô tượng, cũng gọi là tâm sắc. Những bậc không thoái lui thấy tâm tâm sắc; hàng Nhất sinh bổ xứ thấy bốn sắc tâm. Như Lai thấy chưa có căn bản của bốn sắc tâm. Ở trong ba cõi, thì không như vậy. Đó là tâm sắc. Vì gọi là gốc của tâm, cho nên nói là như vậy. Vì đối với pháp Bồ-tát, cho nên nói là như vậy. Không có tâm sắc, chí ba cõi tự nhiên, tự nhiên như không mới gọi là đạo. Đối với các pháp này, không hợp, không tan. Vì sao? Vì giả sử nó hợp thì đó là gốc của người. Giả sử nó tan, thì đó là sinh tử. Thấy cái khổ của sinh tử và cái vui của Niết-bàn thì gọi là Thanh văn. Ở tại trung gian, không làm ích lợi gì cho tất cả, thì gọi là Duyên giác. Không hợp, không tan, không ở trong Niết-bàn, không ghét sinh tử; thì mới gọi là Pháp thân. Pháp thân thì vô hình, nhập khắp tất cả, cũng không chỗ nhập, không chỗ nào là không nhập.

Lúc Phật nói pháp này, có năm ngàn trời, người được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh. Vô ương số người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Lúc đó, A-nan hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Người muốn phát ý đạo, tu hạnh Bồ-tát, lấy gì làm

gốc?

Phật bảo:

–Này A-nan! Tinh tấn không biếng nhác, phân biệt tuệ rỗng không, muốn độ tất cả, không thấy tôi, ta và thọ mạng. Đó chính là gốc.

Lại hỏi:

–Có nhanh chậm không?

Phật nói:

–Cũng có, cũng không.

Lại hỏi:

–Sao gọi là có? Sao gọi là không?

Phật nói:

–Có là từ tinh tấn không biếng nhác, tích lũy công đức, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, phương tiện quyền biến, khéo léo, Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Ân không hạnh; được đạo Vô thượng chánh chân, không từ biếng nhác mà có. Đó gọi là có.

Không là đạo, không nơi chốn, không hình, không tên. Ví như hư không, không từ tạo tác, nhưng có thể đạt được, không chỗ tạo tác, không tâm ý thức, không trong, không ngoài, cũng không ở giữa, không lấy, không bỏ, mới ứng nhập đạo. Đó gọi là không. Vì sao? Vì số kiếp trải qua xa xưa, không thể kể được. Lúc đó có Chuyển luân thánh vương, tên là Tự Tại. Vua có một ngàn người con, dũng mãnh kiệt xuất, trong nước có đầy bảy báu, vua làm chủ trong bốn thiên hạ, cai trị bằng chánh pháp, không có hình phạt. Lúc đó, có Đức Phật, hiệu là Bảo Diệu Như Lai, Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật, Thế Tôn. Giáo pháp Đức Phật nói ra đầu, giữa, cuối đều tốt lành. Phân biệt nghĩa lý vi diệu đầy đủ, trong sạch tu phạm hạnh. Diễn pháp truyền rộng khắp nơi. Bồ-tát đến hội, có vô số ức chúng, Thanh văn, Duyên giác không thể tính hết. Lúc đó, Chuyển luân thánh vương cúng dường hầu Phật trải qua một năm. Ngàn người con, quần thần và đại chúng tập hợp, đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi lui ngồi một bên. Đức Phật giảng nói về hạnh của Bồ-tát một cách rộng rãi cho ngàn Thiên tử và quần thần đại chúng, làm an ổn cho nhiều người, cứu giúp bảo vệ cho nhiều người, Đức Phật là bậc cao tột, tôn quý nhất trong tất cả mọi người. Nghe Đức Phật dạy xong, vua và các con, cùng quần thần, đại chúng hầu hạ đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, ngày đêm tinh tấn, không dám ngơi nghỉ, luôn cúng dường Như Lai, để tất

cả được an vui.

Lúc đó, ngàn người con đều ở trước Đức Phật, tự thử nghiệm công đức của mình. Mỗi vị đều tự dò xét kế sách, coi ai sẽ thành Phật trước. Người được thượng sách ông theo thứ lớp sẽ thành Phật, kẻ biếng nhác, đức mỏng, tụt lùi sau cùng. Lúc đó, ai nấy đều dò xét kế sách của mình. Trong đó, có một thái tử, được kế sách cuối cùng và là người thành Phật cuối cùng, nên lòng buồn rầu, không thể kiềm chế, muốn tự mình lặn xuống như núi Thái như băng lở, rồi tự than trách:

–Sao ta thành Phật cuối cùng!

Đức Phật bèn bảo thái tử đó:

–Này thái tử! Chớ nên buồn rầu, đạo không có hạn lượng, cũng không xa gần. Nếu có khả năng phân biệt hiểu rõ "không", không tuệ, thì là tại tiền.

Nghe Đức Phật dạy như thế, thái tử phấn khởi, phát ý đạo Vô thượng chánh chân, được pháp Nhẫn bất khởi, thực hành đại Từ, đại Bi, hiểu tất cả pháp như huyễn, như hóa, như hình bóng, như tiếng vang, như bóng câu, như giấc mộng, như cây chuối, như bóng trăng in trong nước.

Trong ngàn người con, người thành Phật thứ tư, hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, còn các thái tử khác lần lượt thành Phật, người thành Phật cuối cùng, hiệu là Lâu-do.

Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Muốn biết Chuyển luân thánh vương lúc đó, nay chính là Định Quang Như Lai. Thái tử không có kế sách hiểu rõ "không" vốn không, tinh tấn không biếng nhác. Và người được thành Phật trước hết, chính là ta đây, còn các người con khác, đều thành Phật trong Hiền kiếp. Nên biết nghĩa này: Đạo không xa gần, hiểu rõ nghĩa không, phân biệt sự vi diệu, biết pháp tự nhiên mới mau chóng thành Phật.

Khi ấy, cả chúng hội không ai là không vui mừng đều phát ý đạo, thực hành hạnh Bồ-tát. Năm ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn. Vạn người khác được pháp Nhẫn nhu thuận.

Lúc đó, Nhật thiên vương, cùng vô ương số trăm ngàn trời, người đến chỗ Phật đảnh lễ sát đất, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì những hạnh gì, mà Nhật thiên vương chiếu sáng khắp bốn thiên hạ? Vì nhân duyên gì, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, xua tan bóng tối?

Phật bảo:

–Này Nhật vương! Có bốn pháp được làm Nhật vương. Những gì là bốn?

1. Thường ưa làm việc ban cho.

2. Thân cẩn thận thờ phụng thực hành cấm giới, không phạm.

3. Chí gắng công đốt đèn thờ Phật trong chùa miếu.

4. Đối với cha, mẹ, Sa-môn, đạo nhân thì gieo trồng đức sáng.

Đó là bốn.

Phật liền nói kệ tụng:

Thường vui cùng bố thí
Phụng giới cấm, không phạm
Thường đốt đèn cúng Phật
Nếu ở trước cha, mẹ
Vui thích chánh điển Phật
Không chê bai kinh pháp
Kính Sa-môn, Đạo sĩ
Nhân đó làm mặt trời
Thân phóng ngàn ánh sáng
Chiếu khắp bốn thiên hạ
Những chỗ bị tối tăm

Đều mong được ánh sáng.

Phật bảo:

–Này Nhật Vương! Lại có mười việc để làm Nhật thiên vương. Đó là thân không giết hại, trộm cắp, tà dâm. Miệng không nói hai lưỡi, nói ác, nói dối, nói thêu dệt. Ý không giận hờn, ganh ghét, ngu si. Đó là mười.

Phật liền nói kệ:

Tự mình khéo thu giữ
Không giết, trộm cắp, dâm
Không hai lưỡi, ác khẩu
Nói dối và thêu dệt
Tâm không ôm ganh ghét
Không giận hờn, độc hại
Lìa sáu mươi hai kiến

Nhật quang chiếu bốn phương.

Phật bảo:

–Này Nhật Vương! Lại có bốn việc được làm Nhật vương. Những gì

là bốn?

1. Bố thí người nghèo cùng.

2. Thờ phụng và giữ trọn năm giới.

3. Tuân kính Tam bảo.

4. Đốt đèn sáng ở những nơi có: Vua, cha, thầy, chùa.

Đó là bốn.

Phật liền nói kệ:

Ban cho người nghèo đói
Thường giữ thờ năm giới
Đốt đèn nơi chùa Phật
Cung kính hầu Tam bảo
Tâm nhớ giữ điều lành
Xua tan ác thế gian
Tự giữ thân, miệng, ý

Được Nguyệt quang chiếu soi.

Lúc đó, Nhật vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đại Thánh bỏ qua oai thần tôn kính, đến cung của con, con xin cúng dường một bữa ăn đạm bạc. Đồng thời cũng làm cho các đạo ngự, hư không thần, trời đang mong đại ân, được nghe pháp sâu xa mầu nhiệm, mà phát ý đạo, sự hóa độ sẽ vô lượng.

Lúc đó, Phật im lặng nhận lời.

Nhật vương đã thấy Phật đồng ý nhận lời, liền đi quanh Phật ba vòng, rồi về thắng cung, bày biện sửa soạn, trăm món ăn, bao nhiêu món ngon, ngọt, giường, ghế, đồ ngồi được trang sức đẹp đẽ, sáng sủa; tạo ra Phật tòa, cao đến bốn ngàn dặm. Thiết lễ xong, Nhật vương đứng ở cung điện, cung kính khép nép, vọng đến thỉnh Phật một lần nữa, dùng kệ ca ngợi:

Ban cho hết tất cả
Không tiếc gì mình có
Không trông mong đáp lại
Được Phật độ mười phương.
Trí tuệ như hư không
Hóa độ không trở ngại
Tất cả đều mong ân
Giờ đến xin Thế Tôn.
Từ tâm ban chúng sinh
Chưa từng có nguy hại

Thương xót người chưa độ
Dạy dỗ bằng pháp báu.
Oai thần chiếu quần sinh
Cứu thoát người nghèo thiếu
Tuệ tài đều bảy báu
Đến giờ xin Thế Tôn.
Thấy chúng sinh mê hoặc
Đau khổ trong năm đường
Thường rủ lòng thương lớn
An ủi người sợ hãi.
Khai hóa bằng giáo pháp
Chỉ bày không ai bằng
Đạt đến "không" không tuệ
Giờ đến xin Thế Tôn.
Ánh sáng hơn trời, trăng
Oai đức hơn Tu-di
Trí tuệ vượt hư không
Độc tôn không thể ví.
Nhật, nguyệt xua bóng tối
Chỉ vậy, vạn vật thành
Phật chiếu người năm đường
Khiến được năm loại mắt.
Hư không còn độ được
Nước biển biết bao nhiêu
Tu-di mười phương cõi
Cũng biết được cân lượng.
Như Lai thánh trí tuệ
Công đức rộng vời vợi
Không hạn vượt khắp cả
Giờ đến thỉnh Thế Tôn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo cả đại hội:

–Đã đến giờ, tất cả nên chuẩn bị đến cung Nhật vương.

Nghe Phật dạy thế, tất cả đều tuân theo.

Phật cùng đại chúng bay lên hư không, đến cung Nhật vương, ngồi vào tòa Sư tử. Chúng hội ngồi xong, vương hậu, thái tử, chư Thiên, quyến thuộc đảnh lễ sát đất với lòng chí thành, cúng dường Đức Thế Tôn, tự tay sớt trăm món ăn ngon, ăn xong dọn rửa sạch sẽ. Nhật vương liền lấy một

ghế thấp, đặt ngồi trước Phật, cung kính nghe pháp.

Phật bảo:

–Này Nhật Vương! Tất cả ba cõi, những gì có hình dáng đều từ tâm ý. Tâm ý thì không hình, nhưng có chỗ để tạo, tùy nghiệp mà lập thân, giàu sang, phú quý, bần cùng, ty tiện, chung quy đều vô thường; như bong bóng nước, chốc lát bị hoại diệt. Tất cả cái có được ở thế gian, cũng lại như vậy. Nên đặt niềm tin và nương tựa vào đạo đức chánh chân, ngoài ra không có gì đáng nương tựa. Vứt bỏ các nghiệp, hết lòng thực hành pháp hạnh. Sao gọi là pháp hạnh? Là hạnh vô sinh ngoại trừ các sở sinh. Hạnh chân đế chỗ tồn tại thù thắng. Hạnh nhập đạo, không có chỗ quên mất. Hạnh Bố thí, không chỗ keo kiệt. Hạnh Trì giới, đạt được các nguyện. Hạnh Nhẫn nhục, không làm loạn mọi người. Hạnh Tinh tấn, chưa từng động chuyển. Hạnh Nhất tâm, ý hành thường đạt. Hạnh Trí tuệ, thấy bằng Thánh nhãn. Hạnh tâm lành, chịu tất cả khổ. Hạnh tâm thương xót, ý bình đẳng đối với chúng sinh. Hạnh tâm vui, dùng pháp khai hóa. Hạnh tâm bảo vệ, an ủi tất cả. Hạnh thần thông, đạt được sáu thông. Hạnh chỉ có không, không có tâm tức hại. Hạnh tiêu diệt, độ các quần sinh. Hạnh bốn Ân, hợp tụ cứu mọi người. Hạnh nghe rộng, tùng thọ thành đạo. Hạnh không khởi, để quán sát tự nhiên. Hạnh đạo phẩm, không đạt được hữu vi. Hạnh vốn không, không tội phước báo. Hạnh duyên khởi, biết rõ vô minh, sáng suốt không cùng tận. Hạnh các lao nhọc, hiểu người, vật tự nhiên. Hạnh các pháp, hiểu rõ tuệ không, được bình đẳng giác. Hạnh phục ma, không ai có khả năng làm khuynh động, tuy ở trong ba cõi nhưng không bị đọa. Hạnh sư tử, khéo thắng không sợ, vững mạnh không sợ hãi, hướng đến vô úy. Hạnh ba đạt, không có quái ngại, một lòng hiểu đạo tràng, đầy đủ trí lớn. Hạnh giáo hóa, tất cả không đâu là không chu toàn. Hạnh giải hóa sáu mươi hai kiến, cứu chúng sinh thoát khỏi lưới trói buộc, chín mươi sáu đường tắt, hướng dẫn vào một đạo. Như vậy, này Nhật vương! Bồ-tát thực hành các hạnh thích ứng này, mà thuận với đạo hạnh. Đã thuận với đạo hạnh thì ứng với đại Từ. Đã thuận với đại Từ thì ứng với đại Bi. Đã thuận với đại Bi thì ứng với áo giáp lớn. Đã thuận với áo giáp lớn thì rống tiếng sư tử. Đã rống tiếng sư tử thì ứng với hóa huyễn. Đã thuận với hóa huyễn thì vào năm đường. Đã thuận với năm đường thì tùy thời mà vào. Đã tùy thời mà vào thì không có gì là không biến. Đã không có gì là không biến thì không đi, không lại; độ không thấy có đối tượng để độ; sạch không thấy có đối tượng để sạch; sáng không có đối tượng để sáng; hiểu không có đối tượng để hiểu mới là Chánh giác.

Phật bảo:

–Này Nhật vương! Muốn đạt được việc quá khứ, vị lai, hiện tại, mười phương chư Phật, Pháp thân bình đẳng nên luôn tin vui phân biệt nghĩa này; muốn biết sinh tử mười hai nhân duyên từ đâu hưng thịnh phát ra, các họa trong ba nẻo, sự che lấp của năm ấm nên hiểu nghĩa này, tin theo thờ phụng tu hành. Muốn hiểu cốt yếu của mười hai bộ kinh điển, khai mở ba đạt giáo, vượt qua ba thoát môn, đến với ba đạt trí nên hiểu nghĩa này. Cũng như quận, nước, huyện, ấp, xóm, làng, trăm thứ lúa cây cối, thuốc, quả, đều từ đất mà sinh trưởng. Bồ-tát nhập vào tuệ này, không chỗ nào là không hóa độ. Tất cả đều được thành lập, cho đến đạo Vô thượng chánh chân. Thanh văn, Duyên giác đều nương theo nhân đó.

Khi Đức Phật nói pháp này, Nhật thiên vương, vương hậu, thái tử, quyến thuộc, chư Thiên tự nhiên tâm đều được pháp Nhẫn bất khởi. Mười ức trời, người phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Lúc đó, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi, đứng dậy, đứng giữa hư không, có vô ương số trăm ngàn quyến thuộc vây quanh liền nói kệ tụng:

Trời, người không hiểu rõ
Từ trong vô lượng kiếp
Mê hoặc trong năm đường
Như cá mắc lưỡi câu.
Ba cõi cũng như huyễn
Hoảng hốt không thấy nơi
Sinh là không tự biết
Bị ý thức sai khiến.
Đọa trong bốn điên đảo
Thật là đáng thương xót
Tự chấp thân là thường
Không tin vào chân đạo.
Tất cả từ không sinh
Phản ác nghe không tuệ
Như người từ thân sinh
Lại không hiếu cha mẹ.
Thú lại hóa thành cọp
Bất chợt lại làm người
Trở lại hại trong nhà
Không phân biệt thân sơ.
Người vốn từ không sinh

Thêm không cũng như vậy
Mê loạn từ ấm nhập
Như người say khỏa thân.
Thú lại biến làm người
Mới biết thân thuộc mình
Đã phân biệt vốn không
Mới hiểu tất cả không.
Không là không niệm không
Không cũng không thấy không
Đã đạt không sở sinh
Mới hiểu được tự nhiên.
Muốn cầu hạnh Bồ-tát
Độ thoát loài chúng sinh
Nên hiểu tất cả pháp
Tự nhiên như huyễn hóa.
Phân biệt tuệ này rồi
Chu toàn không xa lìa
Thâm nhập pháp vi diệu
Mở quyền tuệ độ người.

Lúc Phật nói pháp này, có vô số ức trời, các thần hư không đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Số Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn bất khởi đông không thể kể. Phật trở về vườn cây Nại thị trong thành Duy-da-ly.

Khi ấy, trong thành có đại trưởng giả, tên là Giải Pháp Độ đời trước, đã từng cúng dường vô số trăm ngàn Đức Phật, gieo trồng gốc đức không có hạn lượng, đảnh lễ chư Phật, cung kính khó lường, học hỏi lãnh thọ lời chánh pháp. Đối với ý đạo Vô thượng chánh chân chí không lui sụt, pháp Nhẫn bất khởi, vượt ngoài trí tuệ, hóa độ vô cực, thiện quyền cứu giúp không thể bàn tính. Ông ta cùng với quyến thuộc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ xong rồi ngồi sang một bên, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúng dường Thế Tôn được công đức gì?

Phật bảo:

–Này trưởng giả! Đem hoa rải cúng dường Đức Phật thì đời đời ngay thẳng, mọi sự ăn mặc, tự nhiên có. Người đốt hương xông ướp, thì được thân thể thơm khiết, danh đức vang xa. Người đốt đèn cúng Phật, thì được Thiên nhãn minh tuệ, không ở chỗ tối tăm. Người cúng dường cờ phướn, hiện tại luôn giàu có, của cải vô hạn. Người cúng lọng báu bằng lụa tối thượng thì được nhà cửa mát mẻ, không bị nắng chói mưa chan. Người đem

âm nhạc ca xướng cúng Phật, tháp, chùa thì được Thiên nhĩ, nghe thấu triệt. Người cúng dường giày dép, xe cộ thì bay đi nhẹ nhàng. Một lòng hướng đến Đức Phật thì biết được mạng đời trước, lấy lòng lành mà xem xét chúng sinh biết được tất cả tâm. Người ban cho pháp thì được sạch các nhơ bẩn. Người ban cho thức ăn thì thường gặp pháp hội. Người ban cho y phục, thì được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Sau khi ta diệt độ. Có ai cúng dường hình tượng, xá-lợi thì công đức cũng đều như vậy; thuận với chánh pháp, nhân đó được đạo Vô vi.

Trưởng giả Giải Pháp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có sự cúng dường nào, hơn cả sự cúng dường hoa hương, cờ phướn, lọng báu, xướng ca, giày dép, xe cộ, đồ ăn, thức uống, y phục này không?

Phật đáp:

–Có.

Trưởng giả lại thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Đó là những gì?

Phật bảo:

–Này trưởng giả! Đó là phát ý Bồ-tát, thương nhớ chúng sinh, bị các hoạn nạn, từ xưa đến nay và tìm cách cứu độ họ. Đại Từ, đại Bi, không chán sinh tử, tìm cầu nghĩa sâu xa của Tam tạng tổng trì. Trí tuệ không cùng, ưu lo khôn lường, san bằng ba đường, hướng dẫn đến Tam bảo; phân biệt Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vượt qua ba môn giải thoát, được ba đạt trí, thấy được gốc rễ của người vốn không có nơi chốn đều do nhân duyên sinh. Xem xét tất cả pháp cũng không đến, đi. Sáu tình tự nhiên như bong bóng trên mặt nước; Tứ đế, vô đế như bóng câu. Khi hiểu rõ vốn không rồi, mới là chánh đế. Từ, Bi, Hỷ, Xả; dùng pháp bố thí, nhân ái với chúng sinh, khuyến khích làm lợi ích quần sinh, bình đẳng lợi ích tất cả, sáu Độ không cùng, phương tiện khéo léo, tùy thuận hóa độ, không chán sinh tử. Cũng như chim bay trên hư không, ham thích cả bầu trời. Ví như nô đùa trong vườn rừng hoa trái, sông suối, nhưng không trái với lời dạy chân chánh vi diệu của Đại Thánh. Không sợ bốn ma, hàng phục các tà sáu mươi hai kiến, giáo hóa chín mươi sáu mê hoặc của các ngoại đạo, xả bỏ hạnh Thanh văn, Duyên giác. Biết rằng không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, tuân tu đạo Vô thượng chánh chân. Đó là sự cúng dường cao tột hơn cả. Tự xét thân mình như huyễn hóa, biết rõ mười hai nhân duyên không đầu mối. Vì sao? Vì vốn không có si, duyên chống đối mà khởi lên. Từ si đến hành, từ hành đến thức, từ thức đến danh sắc, từ danh sắc đến sáu

nhập, từ sáu nhập đến xúc, từ xúc đến thọ, từ thọ đến ái, từ ái đến thủ, từ thủ đến hữu, từ hữu đến sinh, từ sinh đến tử, từ tử đến lo buồn khổ não. Hiểu biết vốn không, si mà còn không có thì làm gì có hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử, lo buồn khổ não; vĩnh viễn không có! Các duyên đều trừ bỏ, không ở trong ba cõi, không thích Niết-bàn, không nhớ nghĩ đạo lớn, không tưởng đến đạo nhỏ, dạo chơi trong sinh tử. Cũng như mặt trời, mặt trăng; không ra, không vào. Người thế gian có ra, có vào. Bồ-tát cũng như vậy, khai hóa tất cả, hiện sinh trong ba cõi, nói ba thừa giáo, liền hiện diệt độ. Đối với tất cả mọi người, thấy các sinh diệt; đối với pháp Bồ-tát thì không có sinh diệt. Cúng dường như thế là cúng dường đặc biệt hơn cả, là rất tôn quý, cao cả, không bờ bến.

Khi Đức Phật nói pháp này, có mười vạn trời, người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Trưởng giả Giải Pháp và các quyến thuộc đều không thoái lui sụt nơi pháp Nhẫn bất khởi.

Lúc đó, Bồ-tát Điều Ý bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là điều? Sao gọi là bảo?

Phật nói:

–Này Điều Ý! Nếu có người đánh mắng, chửi, đánh đập, nguyền rủa ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Có người đến làm nhục, khinh thường, lăng mạ, phỉ nhổ ta, tâm ta không thay đổi. Nếu có người đến khen ngợi, cung kính, tuyên dương công đức của ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Nếu có người đến đảnh lễ, quy mạng, bái lạy, tôn kính ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Giả sử đem giàu sang và thú vui ái dục của Chuyển luân thánh vương đến dụ dỗ ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Nếu đem những cảnh khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đến làm khổ ta, nhưng tâm ta vẫn không thay đổi. Biết mạng là chẳng phải thường, khổ không chẳng phải thân, đến để khuấy đông ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Nếu đem pháp Thanh văn, Duyên giác đến dụ dỗ khuyến khích ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Giả sử dùng trí tuệ không không của Bồ-tát và Đại thừa đến giáo hóa ta, tâm ta vẫn không thay đổi. Đó gọi là điều.

Sao gọi là bảo?

Phật nói:

–Này Điều Ý! Phát tâm Bồ-tát, muốn độ hết tất cả, đó là bảo. Tôn kính chư Phật, không theo ngoại đạo, đó là bảo. Hiểu kinh thuận giáo, không nghịch với giáo hóa, đó là bảo. Khiêm nhường tôn trọng chúng Tăng và Thánh chúng, đó là bảo. Bố thí tất cả, không trông mong đền đáp, đó là bảo. Thực hành đúng giới cấm, phát nguyện Bồ-tát, đó là bảo. Sức nhẫn

nhục, ý phục không loạn, đó là bảo. Tinh tấn siêng năng, cẩn thận tu đạo, nghiền ngẫm nghĩa chính yếu, đó là bảo. Một lòng thực hành thiền định, chân chánh không tà mê, đó là bảo. Trí tuệ thấu triệt, không đọa sáu tình, đó là bảo. Phương tiện quyền biến khéo léo, đều được như sở nguyện, đó là bảo. Lòng lành giáo hóa rộng khắp nơi, chí không nhỏ nhặt, đó là bảo. Thường ôm lòng thương xót những việc nguy ách, đó là bảo. An hòa vui vẻ, không mừng không lo, đó là bảo. Ủng hộ tất cả, không ai là không cứu độ, đó là bảo. Dùng pháp bố thí, không đạo, không tục, đó là bảo. Vỗ về, dạy dỗ chúng sinh, không có chỗ thương, ghét, đó là bảo. Luôn làm việc lợi ích, không tạo sự tổn hại, đó là bảo. Bình đẳng lợi ích tất cả, không có ý thiên vị, tà vạy, đó là bảo. Thường giữ lòng khiêm nhường, trung thành, chưa từng coi thường, đó là bảo. Nếu ai đến mắng chửi ta, nhưng ta không kết hận, đó là bảo. Giả sử có ai đến đánh đập ta, ta coi như không có thân này, đó là bảo. Giả sử có người trút lòng giận dữ hại ta, nhưng ta vẫn đem lòng nhân từ đáp lại, đó là bảo. Nếu như ai có xem thường ta, nhưng ta cũng không nghĩ đến cái xấu của họ, đó là bảo. Hiểu biết chẳng có thân, không chấp tôi, ta, đó là bảo. Hiểu rõ tất cả đều khổ, không thích buông lung, đó là bảo. Vật chẳng phải của ta có, không để sắc làm mờ mắt, đó là bảo. Xả hạnh Thanh văn, không tu Duyên giác, đó là bảo. Còn tu thần hóa từ năm đến sáu, đó là bảo. Buông bỏ sáu mươi hai tà kiến không đọa vào, đó là bảo. Không an ổn nơi Niết-bàn, không gặp nguy trong sinh tử, đó là bảo. Luôn đem đại pháp, khai hóa những ai chưa nghe, đó là bảo. Vì tất cả mọi người mà thị hiện cây cầu chánh pháp, cứu độ, thâu tóm, hàng phục các ách nạn, đó là bảo. Hiểu rõ ba cõi là không, tất cả đều tự nhiên, đó là bảo.

Bồ-tát Liên Hoa Tịnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát được đến tịnh hạnh?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Liên Hoa Tịnh! Không bị ái dục làm nhiễm ố, đó là thanh tịnh. Tâm thường trong sạch, không có sân tức ác độc, đó là thanh tịnh. Đối với bụi trần trong ba cõi, mà không bị nhiễm và trở ngại, đó là thanh tịnh. Không ham diệt độ, không nhẫn sinh tử, đó là thanh tịnh. Không chấp đầu đuôi, ra vào, vô vi, đó là thanh tịnh. Thường hành đại Từ, không xả bỏ lòng thương lớn, đó là thanh tịnh. Không tưởng đạo lớn, không cầu đạo nhỏ, đó là thanh tịnh.

Bồ-tát Quang Anh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chiếu ánh sáng khắp nơi là nhân gì?

Phật bảo:

–Này Quang Anh! Là nhờ thắp đèn trong chùa miếu, học hỏi trí tuệ, nghiên cứu rộng rãi không chán, hiển bày trao truyền đạo sáng, khiến chúng sinh thông đạt được thật giả, tuân tu học tập Thánh điển mười hai bộ kinh, vượt qua biển các cõi hai mươi sáu thứ dẫn dắt, chí luôn gắn liền với Đại thừa, tiêu trừ các hoạn nạn của mọi người, đạt đến tuệ vi diệu. Nhờ thế mà Bồ-tát chiếu ánh sáng khắp nơi.

Bồ-tát Giải Phược bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ nhân duyên gì mà Bồ-tát giải thoát tất cả trói buộc?

Phật bảo:

–Này Giải Phược! Hiểu rõ ba cõi là không, đối với quá khứ, vị lai và hiện tại, không có chỗ cho tưởng đắm vào, trừ khử ba dơ bẩn. Phân biệt sắc là không, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Tất cả vốn là không, không đắm, không đoạn, dù có một, cũng không mong cầu, cũng không xả bỏ. Đó là Bồ-tát giải thoát tất cả trói buộc.

Bồ-tát Bảo Sự bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là báu? Thế nào là đá?

Phật bảo:

–Này Bảo Sự! Quy y Phật, Pháp, Thánh chúng... không vì phi pháp, xả bỏ chín mươi sáu thứ con đường tắt. Không thích Thanh văn, Duyên giác, chí theo đạo lớn, đại Từ, đại Bi cứu vớt chúng sinh, thoát khỏi mê hoặc của năm đường. Đó là bảo.

Nhận thức sai lầm về mười hai nhân duyên, không biết pháp lớn là không, không tuệ. Đó là đá.

Bồ-tát Ân Thí bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát thi ân chúng sinh?

Phật bảo:

–Này Ân Thí! Khiến cho những ai chưa phát ý đều phát ý; những ai thoái lui làm cho không thoái lui; đối với các sở sinh làm cho không sở khởi; những ai chưa đầy đủ, thì được đến Nhất sinh bổ xứ. Đó là Bồ-tát thi ân đối với tất cả.

Bồ-tát Đế Thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có khả năng hóa độ các trời?

Phật bảo:

–Này Đế Thiên! Ở tại cõi Dục hiện dục là vô thường. Ví như người trong mộng thị hiện hạnh thanh tịnh. Ở trong cõi Sắc, hiện hạnh đại Từ của

Bồ-tát. Ở trong cõi Vô sắc, hiện pháp sâu dày mầu nhiệm. Không chỗ nương tựa, không nương vào cõi Dục, không nương vào cõi Sắc, không nương vào cõi Vô sắc, không nương vào Tiểu thừa, không nương vào đại đạo. Đó là Bồ-tát có khả năng giáo hóa các trời.

Bồ-tát Thủy Thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát hiểu biết, vốn thanh tịnh?

Phật bảo:

–Này Thủy Thiên! Bồ-tát hiểu biết tất cả các pháp đều như huyễn, như hóa, tất cả vốn là không. Ví như nguồn nước ban đầu, vốn trong sạch, không có dơ dục. Vì sao? Vì nếu để cho nước cố định, thì nước sẽ trong sạch như cũ. Do hiểu rõ vốn không, cho nên đạt được Pháp thân.

Bồ-tát Đại Đạo sư bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi Bồ-tát là vị hướng dẫn tất cả?

Phật bảo:

–Này Đại Đạo sư! Bồ-tát thấy người tham lam keo kiệt, liền hướng dẫn, làm cho họ bố thí. Thấy người buông lung liền hướng dẫn làm cho biết giữ giới. Người giận hờn, hướng dẫn làm cho tu hạnh nhẫn nhục. Người biếng nhác, hướng dẫn họ tinh tấn. Người loạn ý khiến cho họ nhất tâm. Người ngu tối, hướng dẫn họ được trí tuệ. Người không có đạo tâm, hướng dẫn họ hướng đến Đại thừa. Đó là Bồ-tát hướng dẫn tất cả.

Bồ-tát Long Thí bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát không tiếc thân mạng?

Phật bảo:

–Này Long Thí! Bồ-tát xem xét thấy, mọi vật trên đời đều là vô thường, khổ, không, chẳng có thân; ngã chẳng có thân, thân chẳng phải có ngã; tất cả như bóng nhờ hình mà hiện. Sinh tử cũng như vậy, từ tâm mà thành. Hiểu rõ tất cả đều không rồi, thì không có mong cầu, vì tôi, ta tự nhiên mà tôi, ta tự nhiên thì sinh tử tự nhiên; sinh tử tự nhiên thì Niết-bàn tự nhiên; Niết-bàn tự nhiên thì đại đạo tự nhiên. Đó là Bồ-tát không tiếc thân mạng.

Khi ấy, Phạm thiên bạch Phật:

–Sâu xa thay pháp lớn! Thật khó mà được gặp, phải từ vô số kiếp, tích hạnh bồi đức thì mới được nghe âm thanh phảng phất. Hạnh phúc thay, được gặp Đại Thánh, nghe được pháp này, cúng dường Bồ-tát chánh điển, hiểu rõ sâu xa, giáo hóa bằng nghĩa cốt yếu vi diệu. Do vốn thường nghe, hiểu rõ thông đạt pháp này, khiến chúng sinh nương hạnh, lập hiệu. Người

nghe được kinh này là vì đã thấy Đức Phật. Tai nghe tuệ vi diệu, cung phụng Thánh chúng, cứu trời, người, vớt ba cõi, khiến phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Hình thể hiểu ba thoát, không phế bỏ ba đạt, tuy chưa đến đạo, nhưng đức lần lần tăng thêm. Như mặt trăng mới mọc. Như sư tử con không sợ nạn gì, tự tại do mình. Các trời, rồng, thần đều bảo vệ. Chúng ma, tà ác, đều tự nhiên quy phục. Ở tại châu thành, quận, nước, huyện, ấp, không ai là không kính trọng, ra vào ứng tiếc với mười phương chư Phật, oai thần gia hộ.

Lúc đó, Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vui thay! Sâu xa thay! Hồng ân Đại Thánh, hiện oai thần trong đời xấu ác, khiến cho chúng con được thân cận an trụ và gặp sự giáo hóa vi diệu này. Bồ-tát thuần tuệ như Thiên Trung Thiên. Ví như có người phát nguyện, đi vào trong biển lớn lấy được viên ngọc châu như ý. Vì tất cả nguyện, người ấy vui mừng khôn xiết. Chúng con cũng như vậy, được đến trong đại hội, chiêm ngưỡng thấm nhuần lòng từ, lắng nhận vị cam lồ. Việc làm to lớn của Bồ-tát, cũng giống như vào biển lớn lấy ngọc bảo châu, bố thí cho mọi người, chỉ bày mọi người, đồng chí hướng, tu hạnh Bồ-tát. Các chúng các trời chưa tin theo, thì nương vào phước của đồ chúng để làm cho an ổn tự nhiên, mở tâm thọ học. Còn người tin theo rồi, thì càng tăng thêm gấp bội, làm cho tinh tấn vững chắc không còn thoái lui.

Phật khen:

–Hay thay! Này Tứ Thiên vương! Thật đúng như lời ông nói, đại pháp này, khó có thể thấy nghe; nếu sai lầm một ly, thì vĩnh viễn trái với chánh pháp, trăm ức ngàn kiếp chưa từng được gặp. Cũng giống như một cây kim, rơi xuống đáy biển cả, cho người xuống tìm kiếm, như thế có dễ không?

Tứ Thiên vương thưa Phật:

–Rất khó! Thật rất khó, thưa Thiên Trung Thiên!

Phật bảo:

–Người nghe pháp cốt yếu sâu xa của Bồ-tát này, mà không tin theo, không phúng tụng, thì nhiều kiếp sai lầm không thể gặp lại. Thế nên các ông, muốn đạt được điều đó, để thấy Phật nghe pháp sâu xa, mau chóng đạt đến đạo Vô thượng chánh chân thì nên giữ gìn, thọ trì, đọc tụng, rồi đem triển khai, giải bày cho những ai chưa nghe, để họ mong được pháp điển, nhân đó mà tu hành, lần lượt giáo hóa nhau, phước đó khó đo lường. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, phụng sự tất cả chư Phật, trong tam thiên đại thiên thế giới, suốt trăm ngàn kiếp, không thiếu thứ gì, sau khi

chư Phật diệt độ đều xây tháp bảy báu đồ sộ, trên đến hai mươi bốn tầng trời, cúng dường cờ phướn, lọng báu, các loại nhạc, ca tụng trăm ngàn kiếp. Như thế phước đó có nhiều không?

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Rất nhiều, nhiều đến vô cực thưa Thiên Trung Thiên! Không thể ví dụ.

Phật bảo:

–Nếu có người thọ trì Tam-muội thập pháp Siêu nhật minh định, sáu Độ không cùng, khéo quyền biến phương tiện này thì phước đó nhiều hơn người kia. Vì sao? Tuy cúng dường hầu hạ chư Phật, nhưng không bằng người vâng thọ pháp điển của Đại Thánh đã di chúc lại. Những người học hạnh của các Bồ-tát đều từ kinh sâu xa mầu nhiệm mà được thành Phật.

Bồ-tát Tuệ Thí bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này rất sâu xa! Rất sâu xa! Nếu có người tin theo, không chê bai, thì nên biết người này đã được chư Phật gia hộ; còn những ai nghe rồi, mà không vui mừng, còn hồ nghi, chế nhạo, không ghi chép, đọc tụng, tự mình đã không tụng, lại ngăn chặn người khác, không cho tuân học, thì tội này không thể lường, đời đời tự sai lầm, rơi vào ba nẻo. Tự uống thuốc độc, còn cho người khác uống; tự làm nguy ách thân mạng, rơi vào chỗ tối tăm, lại còn làm nguy ách cho người khác. Đại pháp này là đầu mối của các ánh sáng. Bỏ lớn gom nhỏ, tội ương như thế không có hạn lượng, sinh ra cách xa Tam bảo, sống trong tám chỗ. Những gì là tám?

1. Đất biên cương hẻo lánh.

2. Ngoại đạo.

3. Nghèo cùng.

4. Thấp hèn.

5. Chết yểu.

6. Xấu xí.

7. Bị mọi người ghét.

8. Sinh làm kẻ man rợ!

Bởi sinh trong tám chỗ trên, cho nên không hiểu chánh pháp, lại sinh ra chê bai, không tin, không thích sự nghiệp Đại thừa. Rốt cuộc rơi vào tám ác không kịp hối!

Phật khen:

–Hay thay! Thật đúng như lời ông nói, không có sai khác. Ta nhớ

thuở xa xưa vô số ức kiếp, lúc đó ta phát ý Bồ-tát, mới học xuất gia, lìa dục, được làm Tỳ-kheo, tên là Pháp Lạc, rất ưa thích lối văn tạp cú trau chuốt, chí không thích sự giáo hóa sâu xa mầu nhiệm của Đại thừa, cho đó là giả tạo, không phải là chánh điển của Phật, chỉ nương bốn bộ A-hàm mà cầu quả chứng, dùng lời dạy dỗ cao thượng. Lúc đó, có người học cao tin Đại thừa tên là Trí độ vô cực, giảng "không" không tuệ sâu xa không bờ bến. Vị ấy từ lâu đã tu phạm hạnh, đều cùng đọc tụng, trình bày yếu chỉ, tuyên bố lưu truyền rộng rãi. Bốn chúng đều nghe. Lúc đó, Tỳ-kheo Pháp Lạc ngồi phía trên nghe tụng tuệ phẩm, liền chê bai, cho đó không phải là lời Phật dạy, rồi tự ý chọn sự học tập tu hành riêng mình. Bởi do tội này, nên đọa vào địa ngục lớn, trải qua nhiều kiếp, chịu vô ương thống khổ ở mười tám tù ngục.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như cõi Phật, kiếp tận, thiêu hoại, thủy tai lan tràn thì sự thống khổ đó, có hết không?

Phật nói:

–Không thể hết. Vì sao? Vì nếu cõi Phật ấy tận, thì dời qua các ngục tù ở cõi Phật khác. Vì sao? Vì đại tôn pháp này là nguồn cội của ba đường, là cha mẹ của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Giả sử có chê bai thì tội ương không bao giờ mất.

Này A-nan! Ông có biết Tỳ-kheo Pháp Lạc thuở đó là ai không?

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

–Chính là ta đây. Vì thế cần phải giữ gìn thân, khẩu, ý, chớ ảo vọng chê bai, chế nhạo. Đã đọa đường ác, còn phải chịu tra khảo, đến lúc đó, hối hận cũng không kịp!

Này A-nan! Đời sau, thấy có người học pháp, trí tuệ thông đạt, tuyên giảng Đại thừa, thì đó là đệ tử Phật; chớ có hồ nghi, ghét người cúng dường, chế nhạo cho người đó là vô trí! Bởi do tánh ghét người mà chê bai sự sâu dày của kinh, cho là tuyên nói không đầy đủ.

Ta nay nêu ra một ví dụ: Có cha mẹ, sinh ra hơn mười người con, anh em ghét nhau và chế nhạo song thân. Như vậy, này A-nan, Người ở đời sau, sẽ ganh ghét bạn đồng học, chê bai chánh pháp, người ấy chịu tội, không thể kể hết, không thể ví dụ.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử, mình tự giác, ăn năn, hối cải lỗi lầm, thì tội ấy sẽ thế nào?

Phật bảo:

–Này A-nan! Nếu ăn năn hối cải, thì tội lỗi của người ấy dần dần nhẹ bớt, tuy về sau có chịu tội, nhưng mau chóng được giải thoát. Vì thế nên tự xét lại chính mình, sửa đổi tâm khẩu, chớ xem nhẹ những lời nói không thật.

Này A-nan! Người thọ trì đọc tụng kinh điển này, diễn nói cho mọi người, truyền bá khắp nơi, phước ấy khó mà lường hết. Các Trời, Rồng, Thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc đều ủng hộ người học kinh này. Chư Phật Thế Tôn đều ủng hộ. Như sư tử dũng mãnh, các loài cọp, sói, beo, hùm không dám nhiễu hại, người học kinh này cũng vậy, bước đi ra vào luôn được tự tại, chưa từng có ác mộng, trong mộng chỉ thấy tháp Phật. Chí vắng lặng, như bốn hàng Đạo sĩ nói kinh, Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều muốn gặp mặt. Chư Phật, Thế Tôn cũng lại như vậy, bốn Đại Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương cũng đều muốn gặp và ủng hộ. Bởi do ham thích pháp Bồ-tát sâu dày, Triếp tạng Siêu nhật minh tôn định.

Phật liền nói kệ tụng:

Người học kinh điển này
Chư Thiên đều ủng hộ
Rồng, Thần, A-tu-luân
Chân-đà, Ma-hưu-lặc
Ca-lưu-la, tất cả
Không dám làm nhiễu hại
Oai thần mười phương Phật
Đều cùng đến trao truyền.
Thiên, Đế Thích, Phạm vương
Đại thần tốt các trời
Và hư không giữ đời
Khát khao đều muốn thấy.
Cuộc sống luôn an vui
Chưa từng có thô bạo
Trong mộng thấy chùa tháp
Không thấy nhân duyên ác.
Bản thân hiểu rõ kinh
Thường hay phân biệt nói
Người nghe thông đạt rõ
Không nghi ngờ Đại thừa.

Người không trí ít phước
Không tin chê chánh pháp
Cho giả tạo mà thành
Chẳng phải lời Phật nói.
Do ganh ghét người học
Chế nhạo lời tao nhã
Như anh em ghét nhau
Rồi chê bai song thân.

Lúc đó, có Bồ-tát, tên là Đại Quang bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là quang? Sao gọi là minh?

Phật bảo:

–Này Đại Quang! Hiểu rõ tuệ sáng, tâm như hư không, thấy các việc trong mười phương, quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời, không bị trở ngại. Đạt được quyền trí, thần thông mỹ mãn; thấy được cội gốc của tất cả chúng sinh. Không có tưởng nhân duyên quá khứ, vị lai, hiện tại, không ngại bốn đại, không ngại Thiết vi, Đại thiết vi, Bảo sơn; đối với đất, nước, gió, lửa ra vào không ngại. Vì sao? Vì đất đều không, nhập không hiểu đất, đất lại không không, ngã không được như trước; nước không được nhập là vì không. Chuyển tướng khai thông. Như trên thân thể con người, có chín mươi chín vạn lỗ chân lông. Người đã được thần thông không thấy có thân, quán sát nó như hư không, không có trở ngại. Đó gọi là quang.

Thấy tất cả tâm đã sinh, chưa sinh, có chí, không chí tâm đạo, tâm tục, tâm khổ, tâm tận, tâm không nhơ đều hiểu rõ, vì đó mà giảng nghĩa, khiến cho ai nấy đều được như sở nguyện. Đó gọi là minh.

Khi Đức Phật nói pháp này, có vô số Bồ-tát đạt được thần thông, có vô lượng ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Này A-nan! Nên thọ trì kinh điển này, tuyên nói, chỉ bày cho những ai chưa nghe, làm cho được lưu truyền, chúng sinh mong được độ để đạt đến chánh chân.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên thọ trì những điều cần thiết, vậy kinh này tên là gì?

Phật bảo:

–Này A-nan! Kinh này tên là Siêu nhật minh Tam-muội, còn có tên là Thập định, lời dạy chính xác của Phật thành tựu cho hầu hết. Ví như ánh sáng của mặt trời, chiếu sáng bốn phương, trăm thứ lúa, cỏ cây, vận vật

biến hóa, đều nhờ đó mà sinh trưởng, thành thục. Định này cũng như vậy, cứu vớt tất cả sinh tử trong mười phương, năm đường. Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, đại đạo đều do định này mà thành tựu việc cứu độ người. Nếu trong ngàn vạn kiếp, thờ phụng tu hành sáu Độ mà có vọng tưởng thì không bằng người đạt được định Siêu nhật minh này, chiếu được ánh sáng đại tuệ khắp mười phương. Công đức người này, hơn cả người kia.

Phật dạy như vậy, Hiền giả A-nan, các Đại Bồ-tát, các hàng Trời, Rồng, Thần, A-tu-luân... không ai là không vui mừng đảnh lễ rồi cáo lui.--

SỐ 639

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Cao Tề, Tam tạng Na-liên-đề-da-xá, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời Bà-già-bà ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo là năm ngàn người và tám mươi na-do-tha Bồ-tát, đều là những vị Nhất sinh bổ xứ, trong đó Bồ-tát Ma-ha-tát A-thị-đa là đứng đầu. Vua Tứ thiên, vua Thích thiên, vua Đại Phạm thiên là chủ của thế giới Ta-bà cùng với chư Thiên phước đức tăng thượng khác, A-tu-la nương oai thế tăng thượng, Long vương, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... vây quanh trước sau chiêm ngưỡng Đức Như Lai.

Khi ấy trong chúng Bồ-tát có một Bồ-tát tên là Đồng tử Nguyệt Quang, ở trong quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, trồng các căn lành, tự biết được kiếp trước, tin thích Đại thừa, an trụ Đại thừa, tương ưng với lòng đại Bi, từ chỗ ngồi đứng dậy bày áo vai phải, gối phải quỳ xuống đất, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con có điều muốn thưa hỏi, cúi mong Thế Tôn cho phép, để con được trừ bỏ nghi kết trong lòng.

Phật bảo:

–Này Đồng tử! Tùy ý ông cứ hỏi bất cứ điều gì, ta sẽ giải thích cho, để ông được hoan hỷ. Ta là Bậc Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Tri Kiến, ở trong tất cả pháp có sức vô úy, mà được tự tại và tương ưng với tri kiến giải thoát không chướng ngại.

Này Đồng tử! Như Lai không có điều gì mà không biết, không có điều gì mà không thấy, không có điều gì mà không chứng, không có điều gì mà không phân minh, biết được vô lượng, vô biên thế giới.

Này Đồng tử! chư Phật Thế Tôn đối với tất cả các chỗ thưa hỏi đều có thể tùy thuận giải đáp, khiến mọi người được hoan hỷ.

Bấy giờ Đồng tử dùng kệ để hỏi rằng:

Các Đức Phật làm những hạnh gì?
Vì hay thương đời phóng quang minh
Có thể đắc trí khó nghĩ bàn
Cúi mong cứu hộ giải thích cho.
Hạnh gì nói được pháp cao này?
Cõi người, Ngưu vương, Thiên cung kính
Trí tối thượng không thể đo lường
Mong Phật vì con khéo phân biệt.
Con vì tin sâu nên thưa hỏi
Chân thật không có tâm quanh co
Không ai có thể chứng biết con
Chỉ có Nhân Tôn mới thấy rõ.
Con có lạc tâm rộng thù thắng
Sư tử họ Thích biết hạnh con
Tâm con không vướng ngôn ngữ vậy
Mong Phật vì con nói trợ đạo.
Pháp gì hay đưa chư Phật đến
Mà được tăng trưởng trí vô biên
Nơi tất cả pháp đến bờ kia
Mong Phật vì con khéo tuyên nói.
Mong nói pháp hạnh con trưởng dưỡng
Khiến được thành tựu trí minh lợi
Thâm tâm trì giới không hủy phạm
Xa lìa tất cả các sợ hãi.
Làm sao nơi giới mà không bỏ?
Làm sao nơi tuệ mà không giảm?
Làm sao an trụ A-lan-nhã?
Làm sao để được tăng trí tuệ?
Làm sao vào được pháp thắng diệu,
Thích giữ cấm giới không hối hận?
Làm sao với giới không khuyết tổn?
Làm sao để được ba nghiệp tịnh?
Làm sao biết được tánh hữu vi,
Tâm không nhiễm uế, đến Phật đạo?
Làm sao để được thân nghiệp tịnh,
Làm sao trừ được miệng, ý ác?
Làm sao lìa được tâm tạp nhiễm?

Cúi mong Thế Tôn nói cho con.

Bấy giờ, Phật bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Nếu Đại Bồ-tát tương ưng với một pháp thì mau chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các pháp như vậy cũng đều được thành tựu tức khắc. Thế nào là một pháp? Nếu Đại Bồ-tát đối với chúng sinh khởi tâm bình đẳng, tâm cứu hộ, tâm vô ngại, tâm không độc. Đó là tương ưng với một pháp, mau chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể đạt được sự lợi ích của công đức như vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu ai thọ trì một pháp này
Hay thuận Bồ-tát chánh tu hành
Do nhờ công đức của pháp này
Mau được thành tựu đạo Vô thượng.
Nơi tất cả xứ, tâm vô ngại
Bồ-tát dũng mãnh mới làm được
Không hề khởi tư tưởng yêu ghét
Như vậy sẽ được diệu công đức.
Nếu có thể tu tâm bình đẳng
Thì sẽ chứng được quả bình đẳng
Pháp hành như vậy đều bình đẳng
Sẽ được tướng bàn chân bằng phẳng.
Người tu bình đẳng lìa tâm sân
Hay trừ tất cả phiền não chướng
Do nhân duyên ấy bàn chân bằng
Nên được màu hoa sen dưới chân.
Một mình hiển hiện ở mười phương
Phước đức sáng ngời khắp cõi Phật
Thì được bước lên Tịch diệt địa
Điều phục vô lượng các chúng sinh.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh khởi tâm bình đẳng, tâm cứu hộ, tâm vô ngại, tâm không độc, làm con mắt cho thế gian, chứng được Tam-muội, gọi là Tam-muội thể tánh các pháp bình đẳng không hý luận. Từ Tam-muội ấy thành tựu mười pháp. Những gì là mười?

1. Thân giới.
2. Khẩu giới.
3. Ý giới.
4. Nghiệp thanh tịnh.

5. Vượt qua các nhân duyên.
6. Hiểu rõ các ấm.
7. Được cõi nước bình đẳng.
8. Trừ các tướng nhập.
9. Đoạn diệt các ái.
10. Chứng được vô sinh.

Lại có mười pháp:

1. Nhập tánh các pháp.
2. Hiển bày các nhân.
3. Không hoại các quả.
4. Hiện thấy các pháp.
5. Tu tập chánh đạo.
6. Cùng Phật đồng sinh.
7. Trí tuệ sáng thông.
8. Nhận trí ưa thích của chúng sinh.
9. Đạt được Pháp trí.
10. Nhập trí vô ngại biện.

Lại có mười pháp:

1. Trí khéo biết văn tự.
2. Đã vượt qua các Pháp sự.
3. Đắc trí âm thanh.
4. Ở trong cõi giới bình đẳng.
5. Đắc cõi giới bình đẳng, tâm sinh vui thích.
6. Đắc nơi hỷ phần.
7. Được tâm không quanh co.
8. Oai nghi điều phục.
9. Được tâm chất trực.
10. Nhan sắc không sân hận.

Lại có mười pháp:

1. Mặt thường vui vẻ.
2. Lời nói hòa nhã.
3. Trước tiên luôn thăm hỏi.
4. Thường không làm biếng.

5. Cung kính bậc tôn trưởng.
6. Cúng dường bậc tôn trưởng.
7. Đời sống tri túc.
8. Tu điều thiện không chán.
9. Thanh tịnh sự tà mạng.
10. An trụ nơi thanh vắng.

Lại có mười pháp:

1. Trí an trụ khắp nơi.
2. Chánh niệm không quên.
3. Được trí ấm phương tiện.
4. Trí giới phương tiện.
5. Trí nhập phương tiện.
6. Chứng các thần thông.
7. Diệt các phiền não.
8. Đoạn trừ tập khí.
9. Tâm thường dũng mãnh.
10. Trụ nơi pháp quán bất tịnh.

Lại có mười pháp:

1. Biết phương tiện phạm.
2. Đoạn diệt dòng chảy các cõi.
3. Đoạn các kết sử.
4. Đã vượt qua các cõi.
5. Khéo biết kiếp trước.
6. Không nghi nghiệp quả.
7. Tư duy đối với pháp.
8. Mong cầu đa văn.
9. Được trí lanh lợi.
10. Được bậc điều phục.

Lại có mười pháp:

1. Không ỷ lại sự trì giới.
2. Không vọng tưởng phân biệt.
3. Không có khinh tháo.
4. Trụ nơi không thoái.

5. Xuất sinh pháp lành.
6. Nhàm chán pháp ác.
7. Không tạo phiền não.
8. Không xả bỏ sự học.
9. Phân biệt các thiền định.
10. Được trí ưa thích của tất cả chúng sinh.

Lại có mười pháp:

1. Khéo phân biệt sinh xứ.
2. Được trí cùng tận.
3. Trí khéo biết ngôn ngữ.
4. Xả bỏ duyên tục.
5. Nhàm chán ba cõi.
6. Không khởi tâm hạ liệt.
7. Không đắm trước các pháp.
8. Nhiếp thọ chánh pháp.
9. Thủ hộ chánh pháp.
10. Biết luật phương tiện.

Lại có mười pháp:

1. Diệt trừ các sự tranh cãi.
2. Không chống trái.
3. Không tranh tụng, đánh nhau.
4. Nhẫn bình đẳng.
5. Đắc nhẫn địa.
6. Tự thâu nhiếp nơi nhẫn.
7. Khéo chọn các pháp
8. Tâm thích giới đầy đủ.
9. Phương tiện quyết định, khéo hỏi và đáp.
10. Trí khéo phân biệt cú nghĩa.

Lại có mười pháp:

1. Trí phương tiện đối với pháp xuất sinh.
2. Phát sinh trí khéo biết nghĩa và phi nghĩa.
3. Trí về đời trước.
4. Trí về đời sau.

5. Trí hiện tại.
6. Trí ba đời bình đẳng.
7. Trí khéo biết tam luân.
8. Tâm an trụ.
9. Thân an trụ
10. Khéo gìn giữ oai nghi.

Lại có mười pháp:

1. Không hủy hoại oai nghi.
2. Phân biệt oai nghi.
3. Oai nghi đoan nghiêm, tao nhã.
4. Khéo hiểu và nói về nghĩa lý.
5. Đắc thế trí.
6. Thích bố thí, không xan tham.
7. Tự tay bố thí.
8. Thường bố thí không ngừng.
9. Cho tất cả.
10. Có tâm xấu hổ.

Lại có mười pháp:

1. Có tâm biết thẹn.
2. Xả bỏ tâm ác.
3. Không bỏ hạnh Đầu-đà.
4. Đối với đức tin không hề bị che lấp.
5. Thường hành hỷ hạnh.
6. Đem chỗ mình ngồi dâng cho các bậc tôn trưởng.
7. Xả bỏ tâm kiêu mạn.
8. Khéo nhiếp tâm.
9. Khéo biết tâm tương ưng.
10. Khéo biết tâm sinh khởi.

Lại có mười pháp:

1. Khéo biết nghĩa trí.
2. Khéo biết pháp trí.
3. Xa lìa vô trí.
4. Khéo nhập vào tâm vi tế.

5. Biết tự tánh của tâm.
6. Khéo biết pháp phương tiện tới lui.
7. Khéo biết tất cả trí ngôn ngữ.
8. Khéo đắc từ ngữ sai biệt vô ngại.
9. Đắc trí phương tiện quyết định nghĩa.
10. Xả bỏ điều chẳng phải nghĩa lý.

Lại có mười pháp:

1. Thân cận người lành.
2. Cùng làm việc với họ.
3. Nghe theo lời dạy của họ.
4. Xa lìa người ác.
5. Thông suốt việc tu thiền.
6. Không đắm trước thiền vị.
7. Thần thông du hý.
8. Đạt được trí thế gian.
9. Xa lìa sự phô trương giả danh.
10. Không chán lìa hữu vi.

Lại có mười pháp:

1. Được lợi không mừng.
2. Gặp suy thoái không buồn.
3. Được khen không vui.
4. Bị chê không lo.
5. Được tôn vinh vẫn không thích.
6. Bị hủy báng vẫn không nản.
7. Không khổ.
8. Không vui.
9. Không thân cận người tại gia.
10. Không ở trong Tăng chúng.

Lại có mười pháp:

1. Bỏ sự không cung kính.
2. Thực hành sự cung kính.
3. Đầy đủ lễ nghi.
4. Bỏ tâm không lễ nghi.

5. Không bị nhiễm ô nhà thế tục.
6. Gìn giữ Phật pháp.
7. Yên lặng, ít nói.
8. Lời nói, hành động không thô tháo.
9. Cung người đàm luận, khéo dùng phương tiện.
10. Hàng phục các oán thù.

Lại có mười pháp:

1. Khéo biết thời tiết.
2. Đối với các người phàm phu có tưởng không thể biết
3. Không khởi tâm khinh người nghèo hèn.
4. Có người xin liền cho.
5. Với các người nghèo khổ cứ để họ xin, đừng gây chướng ngại.
6. Không khởi tâm ghen ghét người phá giới.
7. Có ý nghĩ muốn cứu người khác.
8. Khéo biết việc mình làm.
9. Nhiếp thọ chánh pháp.
10. Xả bỏ của cải.

Lại có mười pháp:

1. Không kinh doanh, tích tụ.
2. Khen ngợi người trì giới.
3. Chê trách người phạm giới.
4. Cung kính sự phụng trì giới, không có tâm dối láo.
5. Tất cả vật sở hữu đều có thể đem cho.
6. Thành tâm khuyến thỉnh.
7. Nói thế nào làm thế ấy.
8. Tôn thờ người trí.
9. Đối với các pháp quyết định, hết lòng ưa thích tu hành.
10. Được trí ví dụ.

Lại có mười pháp:

1. Phương tiện đối với đời trước.
2. Lấy việc tu thiện làm đầu.
3. Có các phương tiện.
4. Đoạn trừ các tướng

5. Xả bỏ các tưởng.
6. Khéo biết sự tướng.
7. Hay diễn nói các kinh.
8. Khéo đắc phương tiện nơi các việc thuận, nghịch.
9. Quyết định đối với chân lý.
10. Chứng được giải thoát.

Lại có mười pháp:

1. Lời nói chân thật, ngay thẳng.
2. Hiển lộ trí tự tánh.
3. Lời nói không nghi ngờ
4. Đưa tưởng về không.
5. Tu nơi Vô tướng.
6. Biết tánh Vô nguyện.
7. Đắc bốn Vô úy.
8. Kiên cố đối với giới.
9. Nhập vào chánh đạo tròn đủ.
10. Đạt được trí tuệ.

Lại có mười pháp:

1. Buộc tư tưởng vào một duyên.
2. Ít bận tâm về người thân.
3. Không khởi tâm ô trược.
4. Xả bỏ các kiến.
5. Đắc Đà-la-ni.
6. Đắc trí.
7. Đắc sự sáng suốt.
8. An trụ.
9. Trụ trì.
10. Chánh cần.

Này Đồng tử! Đó gọi là Đại Bồ-tát từ Tam-muội các pháp thể tánh bình đẳng không hý luận ấy, thành tựu các công đức lợi lạc như vậy.

Này Đồng tử! Tam-muội như vậy gọi là nhân, gọi là tương ưng, gọi là giáo huấn, gọi là pháp môn, gọi là làm, gọi là đạo hạnh, gọi là không nghi, gọi là Đạo sư, gọi là hành thuận nhẫn, gọi là nhẫn địa, gọi là trừ bỏ

sự không nhẫn, gọi là trí địa, gọi là xa lìa vô tri, gọi là kiến lập nơi trí, gọi là phương tiện địa, gọi là Bồ-tát du hành, gọi là thân cận thắng trượng phu, gọi là xa lìa kẻ ác, gọi là Như Lai nói về Phật địa, gọi là người trí tùy hỷ, gọi là kẻ ngu vứt bỏ, gọi là Thanh văn khó biết, gọi là không phải địa vị của ngoại đạo, gọi là chỗ thâu nhiếp của Như Lai, gọi là chỗ rõ biết của Đấng Thập Lực, gọi là chư Thiên cúng dường, gọi là Phạm vương lễ bái, gọi là Đế Thích đi theo sau, gọi là rồng, thần cúi lạy, gọi là Dạ-xoa tùy hỷ, gọi là Khẩn-đà-la khen ngợi, gọi là Ma-hầu-la-già xưng dương, gọi là chỗ tu của Bồ-tát, gọi là chỗ mong cầu của bậc trí, gọi là được đạo Vô thượng, gọi là chẳng phải bố thí tài vật, gọi là thuốc trừ bệnh phiền não của chúng sinh, gọi là kho trí, gọi là Biện tài vô tận, gọi là xuất sinh các lời dạy, gọi là trừ các bệnh khổ, gọi là biết ba cõi, gọi là thuyền bè đưa người, gọi là thuyền chở qua bốn dòng nước, gọi là phát sinh danh dự, gọi là Như Lai tán thán, gọi là sự lợi ích của Như Lai, gọi là hào quang khen ngợi của Đấng Thập Lực, gọi là xuất sinh đạo đức của Bồ-tát, gọi là lòng Từ diệt trừ sự tức giận, gọi là lòng Bi dứt trừ sự não hại, gọi là tâm hoan hỷ tịch tĩnh, gọi là người xả bỏ buồn rầu, gọi là hơi thở sống động của người Đại thừa, gọi là có thể rống tiếng sư tử, gọi là Phật đạo, gọi là tất cả Pháp ấn, gọi là dẫn đạo Nhất thiết trí, gọi là khu vườn du hý của Bồ-tát, gọi là sự phá tan ma quân, gọi là đường an toàn, gọi là thành tựu các nghĩa tốt lành, gọi là ngăn chận kẻ thù địch, gọi là dùng pháp hàng phục oán thù, gọi là sự vô úy chân thật, gọi là sức mạnh không vọng cầu như thật, gọi là cội gốc của mười tám Bất cộng pháp, gọi là trang nghiêm Pháp thân, gọi là oai lực của các hành, gọi là trang nghiêm Phật tuệ, gọi là bỏ các trói buộc của ái, gọi là trưởng tử của Phật vui mừng, gọi là trí Phật tròn đủ, gọi là không phải địa vị của Bích-chi-phật, gọi là tâm thanh tịnh, gọi là thân thanh tịnh, gọi là thành tựu giải thoát, gọi là không có các tạp dục, gọi là không có các tạp nhuế, gọi là không phải địa vị ngu si, gọi là trí A-hàm, gọi là có thể sinh khởi các kỹ thuật, gọi là trừ các vô minh, gọi là giải thoát tròn đầy, gọi là sự vui mừng của người thiền định, gọi là con mắt cần thiết để người thấy, gọi là thần thông du hý, gọi là có thể hiện bày thần túc, gọi là Văn trì Đà-la-ni, gọi là nhớ nghĩ và thọ trì không quên, gọi là sự gia trì của chư Phật, gọi là phương tiện của Đạo sư, gọi là sự không tương ưng, vi tế khó biết, gọi là xả bỏ văn tự, gọi là biết sâu nghĩa trí, gọi là trí của tri kiến, gọi là trí phân biệt, gọi là trí bất khả ngôn thuyết, gọi là trí có thể điều phục sự sai, gọi là trí người chất trực, gọi là trí thiểu dục, gọi là tinh tấn nhiếp trì, gọi là có thể gìn giữ không quên, gọi là có thể tiêu trừ các khổ, gọi là các pháp vô sinh, gọi là một lời diễn thuyết có thể biết được sự sinh diệt trong các loài.

Đó gọi là Tam-muội tất cả pháp thể tánh bình đẳng không hý luận.

Khi Phật nơi pháp môn này, trong hội có tám mươi na-do-tha người, trời được Vô sinh pháp nhẫn, chín mươi hai na-do-tha trời, người được Nhẫn tùy âm thanh, bảy mươi sáu na-do-tha người, trời được Thuận nhẫn, sáu vạn người, trời được xa lìa trần cấu được Pháp nhãn thanh tịnh, một ngàn vị Tỳ-kheo hết các hữu lậu, tâm được giải thoát, hai trăm năm mươi Tỳ-kheo-ni hết các hữu lậu, tâm được giải thoát, năm trăm Ưu-bà-tắc được quả A-na-hàm, tám trăm Ưu-bà-di được quả Tư-dà-hàm.

Bấy giờ tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, đó là: Động biến động, đẳng biến động; dũng biến dũng, đẳng biến dũng; khởi biến khởi, đẳng biến khởi; hống biến hống, đẳng biến hống; chấn biến chấn, đẳng biến chấn; giác biến giác, đẳng biến giác.

Vọt lên ở Đông thì chìm mất ở Tây; vọt lên ở Tây thì chìm mất ở Đông; vọt lên ở Nam thì chìm mất ở Bắc; vọt lên ở Bắc thì chìm mất ở Nam; vọt lên ở giữa thì chìm mất ở một bên; vọt lên ở một bên thì chìm mất ở giữa. Nhờ pháp lực nên bỗng nhiên khởi lên ánh sáng chưa từng có, có thể chiếu sáng ở những nơi tăm tối xa xôi, cho đến địa ngục A-tỳ, không chỗ nào không rực sáng.

Lúc ấy, khoảng giữa núi Thiết vi của thế giới, chúng sinh tăm tối lại được thấy nhau, thảy đều kinh ngạc nói rằng:

–Tại sao ở đây bỗng nhiên có những người này?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Ta nhớ kiếp xưa sáu vạn Phật
Vốn sống ở tại núi Kỳ-xà
Khi ta cầu đạo thời quá khứ
Theo các Thế Tôn nghe định này.
Lúc đó sáu ức Phật sau cùng
Vì thế gian nên phóng ánh sáng
Tên là Phật Ta-la Thọ Vương
Ta theo vị ấy hỏi định này.
Lúc ấy ta sinh dòng Sát-lợi
Là Bậc Tối Tôn giữa các vua
Có đến năm trăm các người con
Đầy đủ tất cả các tài nghệ.
Lúc ta là Vô Thượng Tôn ấy
Tạo dựng Già lam đến ức kiếp
Toàn dùng đại chiên-đàn thắng diệu

Xen lẫn vàng bạc và các báu.
Lúc ta làm vua, người yêu kính
Tên là vua Tỳ-sa-mô-đạt
Rộng bày nhiều thứ cúng dường Phật
Trọn một vạn tám trăm ức năm.
Lúc đó Lưỡng Túc Tôn tối thắng
Danh hiệu là Ta-la Thọ Vương
Trong suốt bảy ức sáu ngàn năm
Sống ở thế gian hoằng hóa đạo.
Có tám mươi ức các Thanh văn
Ba Minh, sáu Thông thường tại định
Thân cuối cùng ở trong lậu tận
Thánh chúng như vậy không hủy báng.
Ta dâng các thứ thật tối thắng
Cúng dường bậc độ các ác thú
Vì muốn lợi ích các người, trời
Cho nên mới cầu Tam-muội này.
Ta cùng vợ con đều xuất gia
Giữ lời Phật dạy không ai bằng
Trong một ngàn bốn vạn ức năm
Ta thường thưa hỏi Tam-muội này.
Tám vạn na-do kệ xưng tán
Kệ tụng khác nhau tám ức triệu
Phật ấy đem ra dạy mọi người
Một phẩm duy nhất luận định này.
Đầu, mắt, tay chân cùng vợ con
Các thứ trân bảo và ẩm thực
Tất cả của cải đều bỏ hết
Vì để cầu Tam-muội như vậy.
Nhớ xưa trăm ức các Như Lai
Lại có hằng hà sa số Phật
Chư Phật sống tại núi Kỳ-xà
Tuyên thuyết định thắng tịch như vậy.
Đồng một danh hiệu là Thích-ca
Con Phật đồng tên La-hầu-la
Thị giả đồng tên là Hoan Hỷ
Vương thành đồng tên Ca-tỳ-la.
Bậc trí tuệ đệ nhất ở đời

Đồng tên Mục-liên, Xá-lợi-phất
Thế giới cùng tên là Ta-bà
Chư Phật đều sinh đời ác trược.
Ta dùng phẩm vật dâng Thế Tôn
Vì muốn thực hành hạnh Bồ-đề
Các vật cúng dường đều dâng lên
Vì muốn trì tụng chánh định này.
Phát tu thắng hạnh được định này
Đắc định này hành dụng vô lượng
Bậc an trụ tất cả đức hạnh
Được Tam-muội này chẳng khó khăn.
Không đắm các vị, lìa náo động
Không gần thế tục, không ganh ghét
An trụ đại Bi, lìa sân hận
Được Tam-muội này chẳng khó khăn.
Xa tục không sợ mất lợi danh
Thanh tịnh tà mạng không phiền não
Với giới trong sáng không sợ hãi
Được Tam-muội này đâu khó khăn.
Tinh tấn, dũng mãnh thường không nghỉ
Ưa thích nhàn tịnh hành Đầu-đà
An trụ vô ngã, diệu pháp nhẫn
Được Tam-muội này đâu khó khăn.
Khéo điều phục tâm không hý luận
An trụ oai nghi, tất cả hạnh
Thích hành bố thí không keo kiệt
Được Tam-muội này đâu khó khăn.
Các tướng tốt đẹp của Như Lai
Cùng với mười tám pháp Bất cộng
Lực, Vô úy thảy được không khó
Bởi hay thọ trì định này vậy.
Mắt Phật nhìn thấy các chúng sinh
Giả sử một lúc đều thành Phật
Mỗi Đức Phật ấy có thọ mạng
Ngàn vạn ức kiếp khó nghĩ được.
Mỗi Phật đều có vô lượng đầu
Giống như số cát trong biển cả
Mỗi đầu đều có vô lượng lưỡi

Số lượng cũng như cát đại hải.
Cứ mỗi một lưỡi đều xưng dương
Công đức một bài kệ trì định
Nói một phần nhỏ không hết được
Huống chi biên chép và thọ trì.
Nếu có thuận định, đức Đầu-đà
Thiên, A-tu-la, Quỷ hộ trì
Và các vị vua thường theo hầu
Do trì tịch định khó thấy này.
Vì có vô biên vô ngại biện
Tuyên thuyết vô lượng trăm ngàn kinh
Trong mọi thời gian thường không dứt
Vì trì kinh này, nghe tạng này.
Nếu muốn được thấy Phật Di-đà
Cùng với thế giới an lạc kia
Sau này đời ác rất đáng sợ
Cần phải nghe trì Tam-muội này.
Ta nay vì ông mà phó chúc:
Nhân Trung Tôn ta, tự khuyên ông
Sau ta Niết-bàn, lúc mạt thế
Phải nên nghe, trì Tam-muội này.
Tất cả chư Phật ở mười phương
Trong đời quá khứ và hiện tại
Các vị đều học Tam-muội này
Được đến vô vi, Phật Bồ-đề.

Này Đồng tử! vì nghĩa này nên nếu có Đại Bồ-tát, muốn ở trong công đức chân thật của Như Lai mà khai thị biện thuyết nghĩa lý của danh hiệu không thể cùng tận. Tất cả những điều được Phật nói ra, nay ngươi phải nên đọc tụng thọ trì, vì người khác rộng nói Tam-muội như vậy.

Này Đồng tử! Sao gọi là công đức chân thật của danh hiệu Như Lai? Nếu Đại Bồ-tát trụ nơi thanh vắng, hoặc nơi nhàn tịnh dưới gốc cây, một mình ngồi im lặng, phải học như vầy: Đức Như Lai, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tích tập công đức thắng diệu của Như Lai, tu các thiện căn mà không hoại mất, dùng sức đại nhẫn, được các tướng tốt và các vẻ đẹp để tự trang nghiêm thân, là sắc khả ái thuộc loại bậc nhất, người xem không chán, kính tin, yêu thích. Với các bậc trí tuệ không ai có thể hơn được, năng lực chẳng thể hoại,

hóa độ các chúng sinh, là cha của Bồ-tát, vua của Hiền thánh, là Đạo sư hướng tới Niết-bàn, trí tuệ vô biên, biện tài vô lượng, Phạm âm thanh nhã, âm thanh lời lẽ thông suốt, tướng tốt hy hữu. Người có mắt chiêm ngưỡng, tùy ý quán nhìn, muốn không xem nữa nhưng vẫn không được. Được thân không ai bằng, không bị dục nhiễm, không bị sắc nhiễm, hơn cả vô sắc giới, xa lìa các khổ, vứt bỏ các pháp, giải thoát các cõi, chẳng nhập tương ưng, đoạn trừ các trói buộc, sạch hết khát ái, vượt qua bốn dòng sông, trí tuệ tròn đầy, an trú Niết-bàn, ở nơi thật tế.

Này Đồng tử! Đó là ta nói rõ công đức chân thật của Như Lai. Đại Bồ-tát trú nơi Tam-muội ấy thì có thể đạt được công đức chân thật của Như Lai. Nếu mở bày và diễn nói về danh nghĩa của nó thì không bao giờ cùng tận tất cả những điều chư Phật nói ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nơi vô lượng số trong ngàn kiếp
Công đức Như Lai khó nói hết
Từ lâu huân tập nhiều thiện căn
Để cầu được thắng định như vậy.
Thân mỹ nữ trang nghiêm vi diệu
Sắc đáng yêu tối thượng lạ lùng
Xưa ta quyết thí, lòng không dối
Để cầu được thắng định như vậy.
Bỏ cả tài sản và tôi tớ
Ma-ni đại bảo và vàng bạc
Dùng tâm thắng thượng mà bố thí
Vì để cầu Tam-muội như vậy.
Dùng ngọc báu ma-ni, anh lạc
Mão trời, ấn tay và dây vàng
Xưa từng dâng thí các Đạo Sư
Để cầu được thắng định như vậy.
Các diệu hương hoa, vô lượng quả
Đều là hương Kiền-đà-bà-sư
Ta dùng hoa ấy rải tháp Phật
Tâm thắng diệu, thuần chí tăng thượng.
Ta dùng vô lượng các pháp thí
Hoan hỷ khai đạo các chúng sinh
Với các danh văn và lợi dưỡng
Ta không hề khởi tâm nơi ấy như vậy.
Xưa ta huân tập đức Đầu-đà

Một mình dưới cây, im không nói
Từ bi vô lượng thương chúng sinh
Để cầu quả Bồ-đề vô thượng.
Với người đồng giới không cạnh tranh
Thường nói yêu thương, giọng êm dịu
Ngôn từ nhỏ nhẹ, người thích nghe
Mọi người nhìn thấy không nhàm chán.
Sống ở Tha-xá-ly-gia-xan
Vô lượng ức đời không ganh ghét
Hoan hỷ, thường tự đi khất thực
Các nơi mời thỉnh đều vứt bỏ.
Nếu ai nghe nhiều, hay thọ trì
Nơi bốn câu kệ Tam-muội này
Như vậy tức là cúng dường ta
Đem tâm thù thắng mà tôn kính.
Xưa ta hành các thứ bố thí
Với giới mãi mãi không vi phạm
Dùng vô lượng thứ cúng dường Phật
Để cầu mong tịch định như vậy.
Ta ở trong vô lượng thế giới
Đầy ngọc Ma-ni đem thí khắp
Nghe Tam-muội này trì bài kệ
Phước ấy lớn hơn không thể lường.
Nếu có tất cả các loại hoa
Và các diệu hương rất hy hữu
Cúng dường tất cả các Như Lai
Thích tu thiện căn vô lượng kiếp.
Các kỹ nhạc có trên thế gian
Ẩm thực ngon bổ và y báu
Tâm tăng thượng trong vô lượng kiếp
Thường đem cúng dường các Thập Lực.
Nếu ai hưng khởi nguyện Bồ-đề
Sẽ được Đại Pháp vương vô thượng
Nếu ai với kinh Tam-muội này
Nghe một bài kệ, phước hơn kia.
Trong dòng sông Hằng bao nhiêu cát
Bao nhiêu kiếp số nói lợi ấy
Phô diễn đức ấy không cùng tận

Nhờ thọ trì vô lượng phước định.

Này Đồng tử! Chính vì nghĩa này nên Đại Bồ-tát cần phải chí tâm thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết cho người khác, phân biệt, hiển bày, giáo hóa rộng khắp, cho chúng sinh tu Tam-muội này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Chỗ Phật kia ta nghe như vầy
Được lợi ích vô thượng thắng diệu
Cho nên nay ta nói cho ông
Thắng Tam-muội chư Phật từng nói.
Chỗ bảy ức ba ngàn vạn Phật
Thời quá khứ ta từng cúng dường
Tất cả các Đức Như Lai ấy
Cũng nói Tu-đa-la như vậy.
Nhờ đó mới vào tâm đại Bi
Cho nên nói rõ Tam-muội này
Nếu có người tập học, nghe nhiều
Được trí Như Lai sẽ không khó.
Nếu có thể vào thời mạt thế
Đạo sư thế gian đã diệt độ
Có kẻ báng pháp, Tỳ-kheo ác
Với người đa văn, không ưa thích.
Tuy nói giới pháp để mưu sinh
Nhưng mình không thích hành giới pháp
Tuy nói thiền định để mưu sinh
Nhưng mình không thích hành thiền định.
Tuy nói trí tuệ để mưu sinh
Nhưng mình không thích hành trí tuệ
Tuy nói giải thoát để mưu sinh
Nhưng mình không thích hành giải thoát.
Tuy nói tri kiến để mưu sinh
Nhưng mình không thích hành tri kiến
Như người miệng nói hương chiên-đàn
Là hương tối thượng trong các hương
Có người hỏi kẻ nói hương ấy:
"Ông biết thứ hương ông đã nói?"
Đáp rằng: "Tôi thật không nghe hương
Chỉ nhờ nói hương để mưu sống."
Sau Phật diệt độ, đời ác thế

Có các Tỳ-kheo không giữ giới
Chỉ nói giới pháp để mưu sinh
Tự mình không thể hành giới pháp.
Sau Phật diệt độ, đời ác thế
Có các Tỳ-kheo không thiền định
Tuy nói pháp định để mưu sinh
Tự mình không thể hành pháp định.
Sau Phật diệt độ, đời ác thế
Có các Tỳ-kheo không pháp tuệ
Tuy nói pháp tuệ để mưu sinh
Tự mình không thể hành pháp tuệ.
Sau Phật diệt độ, đời ác thế
Có các Tỳ-kheo không giải thoát
Tuy nói giải thoát để mưu sinh
Tự mình không thể hành pháp giải thoát.
Sau Phật diệt độ, đời ác thế
Có các Tỳ-kheo không tri kiến
Tuy nói tri kiến để mưu sinh
Tự mình không hành pháp tri kiến.
Ví như kẻ nghèo bị người khinh
Sau đó phú quý người cung kính
Người, Trời, Rồng, Quỷ, Cưu-bàn-trà
Quyết không cúng dường người không định.
Nếu được Tam-muội vi diệu địa
Bậc trí liền được kho trí rộng
Được các hàng trời, người cung kính
Hay dùng thượng thí, cho chúng sinh.
Ta nghe được lợi ích như vậy
Hết sức cao tột, Phật nói ra
Thân thuộc, tài sản đều xả hết
Vì muốn nghe nói Tam-muội này.
Đồng tử Nguyệt Quang tâm hoan hỷ
Chắp tay hướng Phật nói lời rằng:
"Sau khi Phật tiên đã diệt độ
Con xin hộ trì thắng pháp Phật.
Với thân mạng mình hay thí xả
Cùng các thú vui ở thế gian
Sau này đời ác thật hãi hùng

Con hộ trì định thắng diệu này.
Con thấy thế gian khổ vô lượng
Khởi tâm đại Bi mà cứu họ
Với họ, lại khởi tâm đại Bi
Nói họ nghe thắng Tam-muội này".
Trong chúng, năm trăm người đều đứng
Cũng xin hộ trì Tam-muội này
Khi ấy Đồng tử là thượng thủ
Cùng trì Tam-muội thù thắng này.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Gọi Tam-muội ấy thế nào cho đúng?

Phật bảo:

–Này Đồng tử! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho. Đó là:

1. Có thể vắng lặng nơi tâm.
2. Tâm không khởi lên.
3. Trí không hòa hợp.
4. Bỏ gánh nặng xuống.
5. Được trí Như Lai.
6. Thành oai lực của Phật.
7. Điều trị sự đắm trước dục.
8. Diệt trừ sân nhuế.
9. Đoạn trừ ngu si.
10. Trụ tâm tương ưng.
11. Xả tâm không trụ
12. Ưa thích thiện pháp.
13. Tước đoạt hữu vi.
14. An trụ chánh tín.
15. Đêm vẫn tỉnh thức.
16. Không bỏ thiền định.
17. Tăng trưởng thiện căn.
18. Không thích sự sinh.
19. Không tạo các nghiệp.
20. Không chấp nội nhập.
21. Không chấp ngoại nhập.

22. Không khen thân mình.
23. Không chê người khác
24. Không ở nhà thế tục.
25. Giới hạnh thuần thục.
26. Không khinh chê ai.
27. Có đại phước đức.
28. Tự tri.
29. Không khinh tháo.
30. An trụ oai nghi.
31. Bỏ lời nói thô ác.
32. Không có tâm sân hận.
33. Cứu hộ mọi người.
34. Che chở Thiện tri thức.
35. Hộ trì lời bí mật.
36. Không sinh tâm độc hại đối với các chúng sinh.
37. Không não loạn người trì giới.
38. Luôn nói lời êm dịu.
39. Không nương vào ba cõi.
40. Thuận nhẫn nơi Nhất thiết trí.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Ta đã từng mở cửa cam lồ
Ta đã nói tự tánh các pháp
Ta đã chỉ lỗi lầm sinh tử
Ta mở bày lợi ích Niết-bàn.
Ta đã dạy lìa ác tri thức
Phải thường thân cận Thiện tri thức
Lìa các huyên náo, ở tịch tĩnh
Thường tu tâm Từ không gián đoạn.
Phải thường hộ trì giới thanh tịnh
Hoan hỷ ưa thích hạnh Đầu-đà
Nếu thường huân tập nơi tuệ xả
Được Tam-muội này sẽ không khó.
Người ấy hay được tịch diệt địa
Quyết không rơi vào hàng Thanh văn
Nhất định sẽ chứng trí tuệ Phật

Liền được vô lượng công đức Phật.
Thấy các chúng sinh có trí tuệ
Vì họ chỉ bày, thuyết Phật tuệ
Nếu ai hay cầu trí vô thượng
Được Tam-muội này đâu có khó.
Hoặc vì ăn, khởi tâm ganh ghét
Nên biết ăn rồi, thành bất tịnh
Dụng công vô lượng mới được thành
Nếu quán sâu vậy mới đắc định.
Không vật nào đem định này tới
Chỉ do tịnh giới mới sinh ra
Thể tánh chư pháp thường tịch diệt
Phàm phu vô trí không thể hiểu.
Nếu ai trụ tâm nơi tịch định
Người ấy luôn luôn thường có Phật
Nhân tôn hằng thấy các chúng sinh
Thường tu định tịch diệt như vậy.
Nhớ nghĩ tướng tốt, đức hạnh Phật
Hay khiến các căn không loạn động
Tâm không mê loạn hợp với pháp
Được nghe, được trí như biển cả.
Bậc trí trụ nơi Tam-muội này
Nhiếp niệm hành nơi chỗ kinh hành
Hay thấy ngàn ức chư Như Lai
Cũng gặp vô lượng hằng sa Phật.
Nếu người trong tâm có mê hoặc
Ở trong Phật pháp bị hạn lượng
Ở trong vô lượng không hạn lượng
Các Đức Như Lai khó nghĩ bàn.
Tất cả thế gian không ai bằng
Huống lại có người hơn người ấy
Các trí, các đức đều tương ưng
Người ấy không nghi sẽ thành Phật.
Được thân Như Lai sắc vàng tía
Tất cả đoan trang để gần đời
Duyên nơi tâm an trụ như vậy
Mới gọi là Bồ-tát đắc định.
Nhờ nương tướng Phật là hữu tác

Hay trừ tất cả tưởng hữu tướng
Sau đó an trụ nơi vô tướng
Mới thấu đạt được các pháp không.
Có thể an trụ nơi Pháp thân
Biết tất cả hữu nhưng vô hữu
Đã tu tập tướng vô hữu rồi
Sau đó quán Phật không sắc thân.
Nay ta vì ông nên khéo nói
Người người hướng đến chỗ như vậy
Nghĩa là giác biết các sự duyên
Vô lượng suy nghĩ thường không dứt.
Nếu ai hay sinh tâm như vậy
Niệm tướng tốt và trí tuệ Phật
Người có thể tu niệm như vậy
Một lòng hướng về không thoái chuyển.
Hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành
Không nghi hoặc nơi trí chư Phật
Được không nghi rồi phát nguyện rằng:
Khiến con được Phật Tam Giới Tôn
Chắc sẽ gặp được các Như Lai
Vào trong Phật pháp được phân minh
Nơi Tam-muội này mà khởi lên
Cúi đầu đảnh lễ mười phương Phật
Thân, miệng và ý đều thanh tịnh
Tán thán chư Phật thường không dứt.
Thường tu như vậy nhớ tướng Phật
Ngày đêm hằng thấy các Như Lai.
Gặp lúc sắp chết, bệnh ngặt nghèo
Bệnh đau bức bách không chịu nổi
Niệm Phật Tam-muội thường không xả
Không để khổ thống đoạt nhất tâm.
Người ấy vì tự biết pháp này
Nên biết tất cả các pháp không
Nhờ trụ các giáo môn như vậy
Với Bồ-tát hạnh không chán ghét.
Được nghe lợi ích như vậy rồi
Cầu trí vô đẳng của Như Lai
Sau đó không sinh tâm hối tiếc

Bồ-đề tối thượng không đạt được.
Nay ta vì ông nói vô lượng
Ông đối pháp này nếu không thành
Như người tuy giữ thuốc diệu mầu
Tự thân mình bệnh không thể trị.
Cho nên cần phải biết lựa chọn
Nghĩa là cầu Tam-muội thù thắng
Giới, văn, bố thí thường tu tập
Được Tam-muội này sẽ không khó.

-oOo-

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

QUYỂN 2

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đồng tử Nguyệt Quang:

–Vào thời quá khứ lâu xa, hơn a-tăng-kỳ kiếp vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, khi ấy có Đức Phật hiệu là Thanh Đức Như Lai, Bậc Ứng cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời.

Này Đồng tử! Bấy giờ Thanh Đức Như Lai Ứng Chánh Biến, hội chúng đầu tiên của Đức Phật ấy tập hợp tám ức Thanh văn, đều là các bậc A-la-hán, lậu hoặc đã hết, đạt được tự lợi, sạch hết hữu kết, nương nơi chánh giáo, tâm khéo giải thoát, có thể đạt được tất cả tâm tự tại.

Hội chúng thứ hai gồm có bảy ức chúng, hội chúng thứ ba gồm có sáu ức chúng. Tất cả những vị đó đều là Đại A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, đạt được tự lợi, sạch hết các kết, nương vào chánh giáo, tâm khéo giải thoát, có thể đạt đến tất cả tâm tự tại.

Này Đồng tử! Bấy giờ Đức Phật ấy thọ bốn vạn năm, lúc ấy Diêm-phù-đề được an ổn, giàu có, sung sướng, dân chúng phồn thịnh, khắp nơi sung mãn.

Này Đồng tử! Bấy giờ ở Diêm-phù-đề có hai vị đại vương, một vị tên là Kiên Cố Lực, vị thứ hai tên là Đại Lực. Hai vị đại vương này mỗi người thống lãnh một nửa cõi Diêm-phù-đề. Lãnh thổ của hai vua an ổn, giàu có, sung sướng, dân chúng phồn thịnh, khắp nơi sung mãn.

Khi ấy Như Lai Thanh Đức xuất hiện ở đời tại nước của vua Đại Lực. Này Đồng tử! Bấy giờ vua Đại Lực thỉnh Như Lai Thanh Đức và Tỳ-kheo tăng tròn một ngàn năm. Vị vua ấy đem tất cả sự tùy thuận thanh tịnh, không lỗi lầm, dùng tất cả y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang, mà cúng dường.

Này Đồng tử! Đức Như Lai Thanh Đức và Tăng chúng Thanh văn được nhiều lợi dưỡng, cung kính tán thán. Lúc đó có các Bà-la-môn, các trưởng giả, tịnh tín đối với Đức Như Lai Thanh Đức và Tỳ-kheo tăng liền phát ý dũng

mãnh, học vua Đại Lực cách cúng dường. Nghĩa là dùng tiền của thế gian làm vật cúng dường thù thắng thì người ấy không biết cách thực hành cúng dường. Vậy thực hành cúng dường bằng cách nào?

–Đó là thọ trì năm giới, tám giới, xuất gia đi đến chỗ Đức Phật, thân cận thưa hỏi để thấy pháp nhẫn sâu xa.

Này Đồng tử! Lúc đó Như Lai Thanh Đức nghĩ như vầy: "Các chúng sinh này ý chí hạ liệt, không thể thọ trì năm giới, tám giới, xuất gia đến chỗ Phật thân cận, thưa hỏi để thấy pháp nhẫn sâu xa, tu các phạm hạnh tịch tĩnh, viễn ly, thọ giới cụ túc, được phần Tỳ-kheo và đem thiện căn rốt ráo thọ hành. Tịch diệt như vậy thì nhạc cụ, diệu lạc vô thượng thảy đều xa lìa, chỉ dùng của cải thế gian để cúng dường ta. Các chúng sinh này chỉ mong sự vui nhỏ mà cho là vui cùng tột. Các chúng sinh này chỉ trọng pháp hiện tại và pháp đời sau mà không thể yêu quý căn lành cứu cánh.

Sao gọi là coi trọng pháp hiện tại? Đó là ưa thích ngũ dục.

Sao gọi là quý trọng căn lành đời sau? Đó là ưa thích sinh lên trời.

Sao gọi là căn lành cứu cánh? Đó là sự thanh tịnh cứu cánh, tốt đẹp cứu cánh, phạm hạnh cứu cánh, cùng tận cứu cánh, tối hậu cứu cánh, Niết-bàn cứu cánh.

Nay ta muốn nói pháp như vậy khiến cho chúng này sinh hạnh bố thí, không vì sự cúng dường tối thắng cứu cánh, chỉ vì hạnh vô thượng mà cúng dường ta."

Này Đồng tử! Lúc ấy Như Lai Thanh Đức muốn giác ngộ cho vua Đại Lực và các trưởng giả Bà-la-môn đó... nên nói bài kệ:

Nếu người hành bố thí tài thực
Còn tâm bỉ thử không kính nhau
Việc làm như vậy không đáng khen
Chư Phật, bậc Trí đã xa lìa.
Nếu nói bậc Trí tuệ vô ngã
Thắng nhân như vậy nên phụng sự
Nơi Thánh đế ấy tin bất động
Phụng kính như vậy Phật mới khen.
Nếu đem tài thực mà dâng thí
Chỉ được ít lợi nơi hiện tại
Có thể xa lìa thí như vậy
Người ấy thành tựu hạnh xuất gia.
Nếu ai hay khởi tâm không của
Lại hay hiển thị pháp không của

Cũng hay tịnh tín người không của
Người đó mau thành đạo Vô thượng.
Không có ở trong năm dục lạc
Với vợ và con sinh ái trước
Kẻ ngu mãi sống ở trong nhà
Người đó đâu hay được lậu tận.
Nhàm chán năm dục như hầm lửa
Hay lìa ái nhiễm với vợ con
Sợ hãi cư gia cầu ra khỏi
Thành tựu Bồ-đề mới không khó.
Không có chư Như Lai quá khứ
Cùng với hiện tại và vị lai
Thường ở tại gia, sống trong dục
Mà có thể đắc đạo thắng diệu.
Vứt bỏ ngôi vua như nước miếng
Sống nơi xa lìa, chỗ thanh nhàn
Đoạn trừ phiền não, hàng phục ma
Ngộ rõ đạo vô vi ly cấu.
Nếu hằng sa đời rất hùng mạnh
Ngàn vạn ức năm mà cúng dường
Có thể chán sợ ở tại gia
Công đức như vậy mới tối thượng.
Chẳng phải ẩm thực và y phục
Các diệu hoa hương và hương xoa
Những thứ như vậy cúng dường Phật
Như kẻ xuất gia phụng hành pháp.
Nếu ai thích cầu đạo Bồ-đề
Hay lợi chúng sinh, chán thế gian
Hướng đến không nhàn đi bảy bước
Phước báo như vậy mới tối thượng.

Này Đồng tử! Khi vua Đại Lực nghe Như Lai Thanh Đức, Bậc Ứng Chánh Biến Tri nói về nghĩa lợi của sự xuất gia tu hành như vậy xong, lại suy nghĩ rằng: "Như ta đã hiểu nghĩa lý lời Phật dạy, Đức Như Lai chẳng phải nói Đàn ba-la-mật để được thanh tịnh cứu cánh, tốt lành cứu cánh, phạm hạnh cứu cánh, tận cùng cứu cánh, tối hậu cứu cánh, Niết-bàn cứu cánh."

Vua Đại Lực lại nghĩ như vầy: "Không phải sống tại gia mà có thể đắc sự tu hành vô thượng, đắc sự lợi lạc, tu hành vô thượng, nhưng ta hiện

nay xa lìa hạnh này. Nay ta cần phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia hành đạo!"

Này Đồng tử! Khi ấy vua Đại Lực cùng với quyến thuộc là tám vạn người vây quanh trước sau, đến chỗ Đức Phật Thanh Đức, đảnh lễ dưới chân, nhiễu bên phải ba vòng, rồi ngồi sang một bên.

Này Đồng tử! Bấy giờ Như Lai Thanh Đức biết vua Đại Lực cùng với quyến thuộc trong tâm có sự ưa thích liền vì họ phân biệt, chỉ bày, tuyên nói Tam-muội tất cả các pháp thể tánh bình đẳng không có hý luận.

Này Đồng tử! Khi vua Đại Lực nghe Tam-muội này, vui mừng khôn xiết, trong lòng hết sức yêu thích, liền ở chỗ Đức Phật Thanh Đức xả bỏ ngôi vua, chánh tín xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Khi vua đã xuất gia, thì có thể rộng nghe, đọc tụng, nhớ nghĩ, gìn giữ, phân biệt nghĩa lý, tu hành tương ưng với Tam-muội này. Nhờ căn lành này, nên ở trong hai ức kiếp không đọa ác đạo, tuần tự được lại gặp hai ức chư Phật, ở trong Phật pháp thường được xuất gia, ở nơi mỗi mỗi Đức Phật, vua thính thọ, đọc tụng, phân biệt nghĩa lý, tu hành tương ưng với Tam-muội này. Nhờ căn lành này nên tuần tự tròn một trăm ức kiếp được thành Phật đạo, hiệu là Như Lai Trí Dũng, Bậc Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, làm lợi ích vô lượng, vô biên chúng sinh, sau đó mới nhập Bát-niết-bàn.

Này Đồng tử! Ông hãy quán thần lực của Tam-muội này thì có thể khiến cho Bồ-tát chiêu cảm được trí Phật.

Này Đồng tử! Vua Đại Lực ấy đã dẫn tám vạn quyến thuộc đến nghe Tam-muội này, làm cho họ vui mừng vô hạn, tâm rất ưa thích. Họ cũng theo vua, chánh tín xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp y. Các người xuất gia ấy nghe Tam-muội này thì liền đọc tụng, thọ trì, phân biệt, giải thuyết, tu hành tương ưng. Nhờ căn lành này nên ở trong hai ức kiếp không đọa ác đạo. Trong mỗi mỗi kiếp họ gặp một ngàn vạn Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật ấy thường được xuất gia. Đã xuất gia rồi nghe Tam-muội này thì đọc tụng, thọ trì, ứng dụng trong sự tu hành. Nhờ căn lành này nên sau đó tròn một trăm ngàn kiếp mỗi vị ở mỗi thế giới đều thành Phật đạo, đồng một danh hiệu là Như Lai Kiên Cố Dũng Kiện, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh rồi sau đó các Ngài mới nhập Vô dư Niết-bàn.

Này Đồng tử! Tam-muội này có đại oai lực như vậy, hay khiến cho

các Bồ-tát đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên nói bài kệ:

Ta nhớ đời quá khứ lâu xa
Chẳng nghĩ bàn kiếp có Đức Phật
Hay làm lợi lạc cho chúng sinh
Hiệu là Thanh Đức Đại Tiên Tôn.
Hội đầu tập chúng tròn tám ức
Đều là các đệ tử Thanh văn
Hội hai tập chúng số bảy ức
Hội ba sáu ức A-la-hán.
Đã sạch hết lậu, không phiền não
Các sức thần thông đã rốt ráo
Đức Phật sống đến bốn vạn tuổi
Thế giới quốc độ rất nghiêm tịnh.
Cõi Diêm-phù-đề có hai vua
Tên là Đại Lực, Kiên Cố Lực
Lãnh thổ của hai vị vua này
Mỗi vua thống lĩnh nửa Diêm-phù.
Phật sinh trong nước vua Đại Lực
Các vị trời, người dâng cúng dường
Nhà vua tịnh tín nơi Đức Phật
Cung kính cúng dường tròn ngàn năm.
Vô lượng dân chúng học theo vua
Cúng dường Đức Như Lai các thứ
Dùng của cải đời phi pháp cúng
Phật và Thanh văn đều đầy đủ.
Bấy giờ Thế Tôn mới nghĩ rằng:
"Ta nói pháp này để bỏ dục
Sẽ khiến nhà vua sinh nhàm chán
Ở trong pháp ta mà xuất gia".
Khi ấy Nhân Tôn nói kệ rằng:
"Vứt bỏ pháp ác là Phật giáo
Tại gia lỗi nhiều, đủ các khổ
Tu hành như pháp là cúng Phật".
Khi vua nghe nói kệ như vậy
Đến chỗ thanh vắng nghĩ như vầy:
"Nay ta không thể ở gia đình
Mà làm pháp cúng dường tối thắng".

Liền bỏ ngôi vua như nhổ đàm
Cùng với tám vạn các quyến thuộc
Đồng lúc đi đến chỗ Đức Phật
Đầu mặt đảnh lễ đứng trước Phật.
Phật biết tâm họ đều ưa thích
Nên nói định tịch diệt khó thấy
Họ nghe, ái kính và vui mừng
Mọi người hoan hỷ liền xuất gia.
Khi xuất gia rồi với định này
Đọc tụng, thọ trì, rộng phân biệt
Lần lượt trong số hai ức kiếp
Chưa từng đọa lạc ba đường ác.
Vị ấy nhờ các thiện nghiệp này
Được thấy trăm ức các Như Lai
Ở trong Phật pháp thường xuất gia
Tuyên thuyết Tam-muội thù thắng này.
Về sau họ sẽ được thành Phật
Đồng hiệu: Kiên Cố Đại Tinh Tấn
Lợi ích vô lượng ức chúng sinh
Sau nhập Niết-bàn như lửa tắt.
Vào thuở xa xưa vua Đại Lực
Thành Phật từ lâu hiệu Trí Dũng
Lợi ích vô lượng trăm ức chúng
Chứng Bồ-đề rồi nhập Niết-bàn.
Đã nghe lợi ích lớn như vậy
Mạt thế trì kinh, Phật khen ngợi
Nếu hay phụng trì Phật pháp tạng
Họ sẽ mau chóng thành Thế Tôn.

Này Đồng tử! Đó là Đại Bồ-tát vì yêu thích định này nên phải tu tập định này trước tiên.

Này Đồng tử! Vì sao Bồ-tát đối với Tam-muội này phải tu trước tiên?

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát dùng tâm đại Bi làm đầu. Nếu Phật ở tại thế hay Phật đã diệt độ, thường xuyên cúng dường, đó là: Vòng hoa, hương bột, hương xoa, dù lọng báu, âm thanh, ca múa, hát xướng, kỹ nhạc, y phục, ẩm thực, thuốc thang, chữa bệnh. Dùng căn lành này đều để hồi hướng Tam-muội như vậy. Lại không mong cầu các việc khác mà để cúng dường Phật, không cầu sắc đẹp, không cầu tiền của, không vì sinh lên trời, không

cầu quyến thuộc, chỉ niệm pháp Tam-muội này. Bồ-tát ấy vẫn ở trong pháp, không thấy có Phật, huống lại ngoài pháp mà thấy có Phật sao!

Cho nên, này Đồng tử! Đó là cúng dường Phật chân chánh mà cũng không thấy có Phật để thành, không chấp ngã tưởng, không cầu quả báo. Bồ-tát ấy Tam luân thanh tịnh, dùng vòng hoa, hương bột, hương xoa, phan, lọng, dù báu, âm thanh, ca múa, hát xướng, kỹ nhạc, y phục, ẩm thực, thuốc thang, chữa bệnh... cúng dường Đức Như Lai để hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ căn lành này nên được công đức không thể nghĩ bàn, quả báo không thể nghĩ bàn. Được Tam-muội này nên mau thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Nếu ai dâng hương Vô Biên Trí
Hay được vô lượng quả báo hương
Trong ngàn vạn kiếp lìa đường ác
Hoàn toàn không có các xú uế,
Trong ngàn vạn kiếp hành thắng hạnh
Cúng dường trăm vạn ức Như Lai
Thành Phật đạt được thắng giới hương.
Nếu lại rõ hiểu không chúng sinh
Thí hương, nhận hương cả hai không
Nếu hay khởi tâm thí như vậy
Sẽ được Thuận nhẫn thắng nhu nhuyến.
Nếu người tu nhẫn tăng thượng này
Bị người cắt thân giống như trước
Trong ngàn vạn ức hằng sa kiếp
Nhưng tâm kiên cố không thoái chuyển.
Vì sao mà được gọi là Nhẫn?
Vì sao lại gọi là Tùy thuận?
Vì sao được gọi Không thoái chuyển?
Vì sao lại gọi là Bồ-tát?
Tự tánh hân hoan không ngã chấp
Vì không ngã tưởng, không phiền não
Hay biết các pháp đều tận diệt
Do nhân duyên này gọi là Nhẫn.
Điều chư Phật học, tùy thuận học
Người trí như pháp thường tu hành
Biết pháp chư Phật không nghi hoặc
Cho nên được gọi là Tùy thuận.

Nếu tu hành lúc đời có ma
Hiện làm thân Phật nói lời rằng:
Phật đạo khó được, làm Thanh văn
Không chịu tín thọ là Không thoái.
Giác ngộ các chúng sinh ác kiến
Họ không thể chứng đạo cam lồ
Khuyên bỏ ác đạo, trụ thiện đạo
Cho nên được gọi là Bồ-tát.
Người nhẫn trụ nơi đạo tùy thuận
Nhờ không ngã pháp, khiến khai ngộ
Cho đến trong mộng không khởi niệm
Còn có chúng sinh, tưởng thọ mạng,
Nếu ma vô lượng như hằng sa
Hóa làm thân Phật đến chỗ ta
Hoặc nói trong thân có thần ngã
Liền nói Vô ngã, ngươi "phi Phật".
Nhờ trí liễu đạt các pháp "Không".
Biết rồi không sống cùng phiền não
Do hý luận nên nói là Có
Thấy rồi vắng lặng, hành thế gian.
Ví như người đời đã sinh con
Tùy ý của mình đặt tên gọi
Tìm tên khắp nơi cũng không có
Nên biết tên ấy không chỗ đến.
Lập danh Bồ-tát cũng như vậy
Bồ-tát khắp nơi không thể tìm
Cho đến thật tế cầu không được
Người biết như vậy gọi Bồ-tát.
Giả như trong biển đốt lửa cháy
Bồ-tát không hề khởi thân kiến
Bồ-tát được trụ sơ phát tâm
Đoạn sạch ác kiến, hết phiền não.
Không thấy có các pháp sinh diệt,
Gọi là Chúng sinh và Thọ mạng
Thể các pháp không, giống như huyễn
Việc này ngoại đạo không thể biết.
Hoặc sinh tham trước việc ăn uống
Khởi tâm luyến tiếc nơi y bát

Cùng với trạo cử và khinh tháo
Thì không thể biết Phật Bồ-đề.
Ham thích ngủ nghỉ và lười biếng
Gian ngụy, hung bạo không thu nhiếp
Không lòng tịnh tín nơi chư Phật
Thì không thể biết Phật Bồ-đề.
Hủy phá giới cấm không hổ thẹn
Ở trong Phật pháp không uy tín
Không kính các phạm hạnh đồng tu
Thì không thể biết Phật Bồ-đề.
Không hủy tịnh giới, có hổ thẹn
Ở trong Phật pháp rất ưa thích
Hay cung kính người đồng phạm hạnh
Thì mới biết được thắng Bồ-đề.
Lấy cảnh giới Thánh làm niệm xứ
Hoan hỷ chính là giường, ngọa cụ
Lấy thiền làm cơm, định làm canh
Như vậy mới biết Phật Bồ-đề.
Vô ngã, nhẫn là chỗ kinh hành
Ở trong rừng không hành chánh niệm
Hương hoa thất giác rất đáng yêu
Ngửi xong liền thành đạo Vô thượng.
Thể đạo Bồ-tát chỗ tu hành
Không phải việc làm của người khác
Gọi là Thanh văn và Duyên giác
Chỉ có người trí không tham đắm.
Ví thọ mạng ta rất lâu dài
Như cát sông Hằng, vô lượng kiếp
Nối sợi lông Phật đức vô tận
Chút đức của Phật nói không hết.
Nếu nghe lợi ích lớn như vậy
Không sợ những điều Thế Tôn nói
Mau tự dạy người giữ định này
Được Bồ-đề vô thượng không khó.

Này Đồng tử! Cho nên Đại Bồ-tát phải biết nhập vào ba pháp nhẫn một cách khéo léo. Đó là biết nhẫn thứ nhất, nhẫn thứ hai và nhẫn thứ ba. Trong nhẫn này phải biết một cách khéo léo. Lại đối với trí ấy cũng phải biết một cách khéo léo. Vì sao? Vì nếu Đại Bồ-tát đối với trong Nhẫn trí

mà biết một cách khéo léo thì Đại Bồ-tát ấy mau được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cho nên, này Đồng tử! Đại Bồ-tát nếu cầu mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cần phải thọ trì ba môn pháp nhẫn này, thọ trì rồi phân biệt, nói rộng cho người khác nghe, làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sinh, cứu giúp thế gian, làm lợi ích an lạc chư Thiên và loài người.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Đồng tử Nguyệt Quang liền nói câu kệ tụng pháp môn nhập vào ba nhẫn này:

Đối với chúng sinh không tranh cãi
Miệng không nói ra lời vô ích
Thường hay an trụ pháp lợi sinh
Gọi đó tên là Nhẫn đầu tiên.
Biết tất cả pháp giống như huyễn
Liền nơi tướng này không chấp thủ
Hay ở trong trí không tăng giảm
Nên gọi là Thắng nhẫn đầu tiên.
Đã tu học các Tu-đa-la
Trí và khéo nói hằng tương ưng
Không nghi hoặc trí Phật vô lượng
Đó gọi là Thắng nhẫn đầu tiên.
Nếu nghe tất cả, khéo thuyết pháp
Giống như Phật thuyết không có nghi
Hay tin tất cả, các pháp Phật
Đó gọi là Thắng nhẫn đầu tiên.
Với kinh liễu nghĩa thường tuyên diễn
Diễn thuyết như chỗ Phật đã nói
Nếu nói: Ngã, nhân và chúng sinh
Liền biết phương tiện mà tiếp dẫn.
Các dị kiến của nhiều ngoại đạo
Với họ, tâm Bồ-tát không đông
Lại đối vơi họ càng xót thương
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ hai.
Các Đà-la-ni đến trước mặt
Với môn Tổng trì không nghi hoặc
Những lời nói ra đều chân thật
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ hai.
Giả sử tướng bốn đại chuyển biến
Đó là đất, nước, gió và lửa

Với Bồ-đề Phật vẫn không lùi
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ hai.
Các nghề công xảo ở thế gian
Bồ-tát thảy đều khéo tu học
Không thấy có người giỏi hơn mình
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Sức Xa-ma-tha được điều phục
Núi Tỳ-bà-xá-na bất động
Tất cả chúng sinh không thể khinh
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Những lời nói ra thường tại định
Đi, đứng, nằm, ngồi luôn thanh tịnh
Chánh định kiên cố đến bờ kia
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Trụ nơi chánh định được thần thông
Đến nhiều cõi Phật để thuyết pháp
Sức thần túc bậc Trí không giảm
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Hoặc khi tu tịch định như vậy
Tất cả các loại quần sinh khác
Không thể biết ngằn mé tâm họ
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Giả sử các chúng sinh thế giới
Cùng lúc thành Phật diễn nói pháp
Người đó đều hay thọ lãnh hết
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ
Hai phương Trên, Dưới cũng như vậy
Ở trong các phương đều thấy Phật
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Có thể biến hiện vô lượng thân
Tất cả đều có sắc vàng ròng
Đến vô lượng cõi để thuyết pháp
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Các cõi Diêm-phù, thế giới Phật
Tất cả đều thấy hình Bồ-tát
Chư Thiên và người đều hay biết
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.

Trong pháp chư Phật, chỗ Phật hành
Có các oai nghi của Đạo sư
Bậc Trí có thể khéo tu tập
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Có các chúng sinh trong thế giới
Đều đến khen ngợi Bồ-tát này
Bồ-tát với họ tâm hân hoan
Là chưa tu học nơi trí Phật.
Có các chúng sinh trong thế giới
Mắng nhiếc, hủy báng Bồ-tát này
Với họ, nếu khởi tâm sân hân
Nên biết chưa tu học trí Phật.
Nếu được lợi dưỡng tâm không mừng
Khi bị chống trái không buồn khổ
Tâm mình an trụ giống như núi
Gọi là tướng Thắng nhẫn thứ ba.
Một là tùy thuận âm thanh nhẫn
Hai là tư duy tùy thuận nhẫn
Ba là nhẫn tu tập vô sinh
Học ba nhẫn này được Bồ-đề.
Nếu nơi ba Thắng nhẫn như vậy
Bồ-tát nào có thể đắc được
Thiện Thệ khi thấy Bồ-tát ấy
Liền thọ ký Vô thượng Bồ-đề.
Nếu ai một mình nghe thọ ký
Số ức chúng sinh không nghĩ bàn
Đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề:
Ta cần phải làm Nhân trung tôn.
Nghe nói tiếng thọ ký như vậy
Tức thời đại địa sáu chấn động
Hào quang chiếu khắp mười phương cõi
Mưa hoa thắng diệu nhiều vô lượng.
Nếu nơi ba Thắng nhẫn như vậy
Chỉ có Bồ-tát mới đạt được
Lại không còn thấy có chúng sinh
Nơi đó sinh diệt cũng như vậy.
Nếu nói ba Thắng nhẫn như vậy
Chỉ có Bồ-tát mới được vậy

Đã già, hiện già đều không thấy
An trú trong pháp được như vậy.
Bồ-tát biết rõ các thứ pháp
Thể tánh không tịch giống như huyễn
"Không" ấy cũng lại chẳng sinh diệt
Vì thể các pháp vốn không tịch.
Nếu có chúng sinh đến cung kính
Lễ bái, tôn trọng và cúng dường
Với họ Bồ-tát không ái kiến
Vì thâm đạt thể tánh thế gian.
Nếu có chúng sinh lại đánh mắng
Với họ, Bồ-tát không khinh ghét
Lại khởi lòng Từ với người ấy
Vì muốn khiến họ được giải thoát.
Nếu dùng dao gậy và ngói đá
Với họ trong lòng không tức giận
An trụ trong pháp nhẫn vô ngã
Bồ-tát không sợ, khởi sân hận.
Bồ-tát rõ biết vô số pháp
Thể tánh không tịch, giống như huyễn
Nếu hay an trụ trong pháp này
Làm Bậc cúng dường cho trời, người .
Có người tay cầm dao bén nhọn
Cắt đứt từng phần cơ thể ta
Tâm hay nhẫn chịu không tức giận
Thêm lớn tình thương, trước không hoại.
Khi dùng dao cắt từng chi tiết
Bồ-tát liền sinh ý nghĩ này:
"Nếu ngươi chưa chứng đạo Bồ-đề
Ta nguyện chớ chứng được Niết-bàn".
Nhẫn lực như vậy tối vô thượng
Vì nhờ an trụ nhẫn vô ngã
Là đại danh xưng các Bồ-tát
Tu tập vô lượng na-do kiếp.
Lại hơn số ấy như hằng sa
Vẫn chưa thể chứng được Bồ-đề
Ngay trong lúc đó tu hạnh Phật
Huống là giác trí đâu thể nói.

Dù nói ức kiếp chẳng nghĩ bàn
Đức hiệu của Phật vô cùng tận
Khéo an trụ nơi nhẫn vô ngã
Là đại danh xưng các Bồ-tát.
Nếu muốn hay biết được Bồ-đề
Cần phải trụ nơi diệu trí tụ
Nếu tu pháp nhẫn chư Phật dạy
Được Thắng Bồ-đề sẽ không khó.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Vào thời quá khứ rộng lớn lâu xa hơn a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng vô số không thể nghĩ bàn, khi ấy có Đức Phật tên là Vô Sở Hữu Khởi Như Lai, Bậc Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Sao gọi là Như Lai Vô Sở Hữu Khởi, Bậc Ứng Chánh Biến Tri?

Này Đồng tử! Khi Đức Phật này sinh ra thường bay trong hư không cao đến bảy cây Đa-la, bước bảy bước mà nói rằng: "Tất cả các pháp đều vô sở hữu! Tất cả các pháp đều vô sở hữu!" Tiếng nói vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Khi ấy Địa thần từ từ loan truyền nhau biết. Cho đến trời Phạm thiên rằng: "Trong thế giới này có Phật ra đời, hiệu là Như Lai Vô Sở Hữu Khởi, Bậc Ứng Chánh Biến Tri. Lúc mới sinh, bước đi bảy bước ở trên hư không, nói rằng: "Tất cả các pháp đều vô sở hữu!"

Này Đồng tử! Do nhân duyên đó nên hiệu của Phật là Vô Sở Hữu Khởi. Khi Đức Phật ấy thành Chánh giác, tất cả cây cối, rừng rậm, cỏ thuốc đều phát ra tiếng nói: "Tất cả các pháp đều vô sở hữu!"

Này Đồng tử! Thế giới lúc ấy đều phát ra các âm thanh cũng nói rằng: "Tất cả các pháp đều vô sở hữu!"

Này Đồng tử! Bấy giờ Đức Như Lai Vô Sở Hữu Khởi khi đang thuyết pháp có một vị vương tử tên là Tư Duy Đại Bi, hình mạo đoan chánh, ai cũng yêu thích, tâm hành điều hòa, nhu nhuyến.

Này Đồng tử! Khi ấy vương tử đi đến chỗ Đức Như Lai Vô Sở Hữu Khởi, đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi lui về ngồi một bên. Bấy giờ Đức Như Lai Vô Sở Hữu Khởi biết vương tử Tư Duy Đại Bi thâm tâm ưa thích liền nói: "Tam-muội thể tánh tất cả pháp bình đẳng không hý luận."

Vị vương tử nghe xong, được tâm tịnh tín, xuất gia hành đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Khi đã xuất gia, vương tử đọc tụng, thọ trì, vì người khác phân biệt, hiển bày rộng rãi Tam-muội này. Nhờ căn lành này nên vương tử ấy trong hai mươi kiếp không đọa ác đạo, cứ trong mỗi kiếp gặp

được hai ức Đức Phật, hơn hai mươi kiếp thì được thành Phật đạo, hiệu là Như Lai Thiện Tư Nghĩa, Bậc Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời.

Này Đồng tử! Ông nên quán thấy Tam-muội này có oai lực ấy có thể khiến cho Bồ-tát chiêu cảm được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát nên an trụ trong pháp Nhẫn sâu xa ấy. Vì sao Đại Bồ-tát có thể an trụ trong pháp Nhẫn sâu xa?

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát nên quán như vầy: Tất cả pháp giống như huyễn hóa, như mộng, như ngựa hoang, như tiếng vang, như ánh nắng, như trăng dưới nước, như tánh của hư không; nên biết như vậy.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát nếu quán như thật về tất cả pháp như huyễn hóa, như mộng, như ngựa hoang, như tiếng vang, như ánh nắng, như trăng dưới nước, như tánh của hư không. Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ Nhẫn sâu xa.

Nếu thành tựu được Nhẫn sâu xa, Bồ-tát ở nơi pháp nhiễm mà không nhiễm, ở nơi pháp sân mà không sân, ở nơi pháp si mà không si. Vì sao? Vì Bồ-tát này không thấy nơi pháp, cũng vô sở đắc, không thấy người ô nhiễm, không thấy nghiệp ô nhiễm, không thấy người sân, không thấy việc sân, không thấy nghiệp sân, không thấy người si, không thấy việc si, không thấy nghiệp si.

Đại Bồ-tát đối với pháp như vậy đều không chỗ thấy, đều không chỗ đắc. Đó là hoặc nhiễm, hoặc sân, hoặc si. Bồ-tát ấy vì không chỗ thấy, nên liền không chỗ bị nhiễm, không chỗ sân, không chỗ si. Bồ-tát ấy như thật không nhiễm, không sân, không si, nên tâm không điên đảo, được gọi là định, gọi là không hý luận, gọi là đáo bỉ ngạn, gọi là đất bằng, gọi là đến chỗ an ổn, gọi là đến chỗ vô úy, gọi là thanh lương, gọi là trì giới, gọi là bậc trí, gọi là bậc tuệ, gọi là phước đức, gọi là thần túc, gọi là nhớ nghĩ, gọi là thọ trì, gọi là trí tuệ, gọi là người ra đi, gọi là người hổ thẹn, gọi là người tín nghĩa, gọi là người công đức Đầu-đà, gọi là người không đắm trước nữ sắc, gọi là người không nhiễm trước, gọi là bậc Ưng cúng, gọi là người đã dứt sạch các lậu hoặc, gọi là người tự tại không phiền não, gọi là tâm người giải thoát, gọi là tuệ người giải thoát, gọi là người điều phục, gọi là Đại long, gọi là việc làm đã xong, gọi là không còn gì để làm nữa, gọi là xả bỏ gánh nặng, gọi là đã được tự lợi, gọi là sạch hết hữu kết, gọi là nương chánh giáo, tâm khéo giải thoát, gọi là đến tất cả tâm tự tại, gọi

là Sa-môn, gọi là Bà-la-môn, gọi là người tắm rửa, gọi là người đã qua sông, gọi là bậc biết rõ ràng sáng suốt, gọi là người nghe, gọi là Phật tử, gọi là Thích tử, gọi là người vứt bỏ gai góc, gọi là người vượt qua hầm hố, gọi là người nhổ tên độc, gọi là người không nóng, gọi là người không còn bụi bặm, gọi là Tỳ-kheo không ngăn che, trói buộc, gọi là Trượng phu, gọi là Thiện trượng phu, gọi là Thắng trượng phu, gọi là Đại trượng phu, gọi là Sư tử trượng phu, gọi là Đại long trượng phu, gọi là Ngưu vương trượng phu, gọi là Khéo điều phục trượng phu, gọi là Dũng kiện trượng phu, gọi là Trượng phu gánh vác, gọi là Tinh tấn trượng phu, gọi là Hung dữ trượng phu, gọi là Như hoa trượng phu, gọi là Liên hoa trượng phu, gọi là Phân-đà-lợi trượng phu, gọi là Điều ngự trượng phu, gọi là Mặt trăng trượng phu, gọi là Mặt trời trượng phu, gọi là tác nghiệp trượng phu, gọi là Lưỡng túc trung thượng, gọi là tận cùng bờ trí, gọi là hơn bậc Đa văn tối thắng, gọi là đã tu phạm hạnh, gọi là việc làm rốt ráo, gọi là không nhiễm tất cả điều ác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng:

Khi kiếp tận, ta họa
Thế giới trở thành không
Như trước, sau cũng vậy
Ví các pháp cũng thế.
Xem khởi tạo thế gian
Đều như trụ trên nước
Như dưới trên cũng vậy
Các pháp cũng như thế.
Như bầu trời không mây
Bỗng nhiên nổi âm u
Biết nó từ đâu sinh
Các pháp cũng như thế.
Như Lai Niết-bàn rồi
Ý tưởng thấy hình Phật
Như trước, sau cũng vậy
Các pháp cũng như thế.
Giống như đống bọt nước
Bập bềnh trên dòng thác
Thấy nó không chắc thật
Các pháp cũng như thế.
Như trời mưa trên nước
Bọt nước nổi nơi nơi

Sinh đâu liền diệt đó
Các pháp cũng như thế.
Ví như trong ngày xuân
Ánh sáng chiếu rực rỡ
Bóng nắng giống như nước
Các pháp cũng như vậy.
Như bẹ thân cây chuối
Nếu chặt tìm chỗ cứng
Trong ngoài đều không chắc
Các pháp cũng như vậy.
Như huyễn, tạo nhiều thân
Là nam, nữ, voi, ngựa
Tướng ấy chẳng chân thật
Các pháp cũng như thế.
Ví như có đồng nữ
Đêm nằm mộng sinh con
Sống mừng, chết ưu khổ
Các pháp cũng như vậy.
Như người mộng hành dâm
Tỉnh giấc chẳng thấy gì
Ngu si trọn chẳng được
Các pháp cũng như vậy.
Như trăng sáng bầu trời
Bóng hiện nơi ao sạch
Mặt trăng đâu vào nước
Các pháp cũng như vậy.
Như người tự ưa thích
Lấy kiếng soi mặt mình
Bóng gương chẳng thể nắm
Các pháp cũng như vậy.
Như ngựa hoang thấy nước
Người ngu muốn đến uống
Không thật, sao cứu khát!
Các pháp cũng như vậy.
Như người ở hang núi
Tiếng ca khóc, nói cười
Tiếng vang chẳng thể cầm
Các pháp cũng như vậy.

Như bảng cấm các nước
Thiện ác theo đó làm
Không ngôn giáo chẳng có
Các pháp cũng như vậy.
Như người uống rượu say
Thấy mặt đất xoay chuyển
Kỳ thật đất chẳng động
Các pháp cũng như thế.
Pháp duyên khởi không có
Không có lại chẳng có
Người phân biệt có không
Tức là khổ không diệt.
Nơi "có" không phân biệt
Tranh luận tịnh, bất tịnh
Xa lìa hai bên ấy
Bậc Trí trụ trung đạo.
Quán thân lúc ban đầu
Nơi thân, không tưởng thân
Nếu hay biết như vậy
Chính là tánh vô vi.
Mắt, tai, mũi vô hạn
Lưỡi, thân, ý cũng vậy
Người phân biệt nơi căn
Thì không dùng Thánh đạo.
Với các căn vô hạn
Thể ngoan không, vô ký
Muốn mong vui Niết-bàn
Phải tu nghiệp Thánh đạo.
Diễn thuyết bốn Niệm xứ
Ngu bảo thân chứng mạn
Thân chứng không ngã mạn
Vì hay diệt các mạn.
Diễn thuyết về bốn Thiền
Ngu bảo đắc thiền hành
Người diệt mê không mạn
Nhờ tuệ quán đoạn mạn.
Diễn thuyết bốn Chân đế
Kẻ ngu bảo thấy Đế

Thấy thật thì không mạn
Thế Tôn nói như vậy.
Tuy đọc hết các kinh
Ỷ đa văn, hủy giới
Đa văn không thể cứu
Phá giới khổ địa ngục,
Tự thị việc trì giới
Mà không học đa văn
Phước báo trì giới hết
Trở lại thọ các khổ,
Đa văn cùng trì giới
Cả hai không ỷ lại.
Khinh mạn người phước mỏng
Do đó sinh các khổ
Mạn là gốc các khổ
Các Đạo sư đã nói
Có mạn khổ tăng trưởng
Lìa mạn khổ liền diệt.
Đời tuy tu Tam-muội
Mà không lìa ngã tưởng
Lỗi lầm lại khởi lên
Giống như Ưu-điệt-ca.
Nếu tu sự vô ngã
Trong đó sinh vui mừng
Là nhân vui Niết-bàn
Chẳng do pháp thế gian.
Như bị lũ giặc vây
Vì sống, muốn chạy trốn
Không chân, không thể chạy
Liền bị giặc giết hại.
Kẻ si phá giới vậy
Muốn ra khỏi thế gian
Không giới, không thể đi
Bị lão, bệnh, tử giết.
Như giặc mạnh cầm đao
Cướp giật hại khắp nơi
Phiền não cũng như vậy
Hại căn lành chúng sinh.

Nhiều người nói ấm không
Không biết ấm vô ngã
Nếu hỏi ấm có không
Nhăn mày, giận đối đáp.
Nếu biết ấm vô ngã
Nghe chửi, tâm không giận
Mê hoặc buộc, thuộc ma
Ngộ không, không phẫn nộ.
Như người bệnh, thân đau
Nhiều năm khổ bức não
Bệnh này qua nhiều năm
Muốn tìm thuốc chữa lành.
Người ấy hỏi nhiều nơi
Liền gặp được thầy hay
Thầy thương cho thuốc tốt
Bảo uống, sẽ lành bệnh.
Người ấy được thuốc hay
Không uống, bệnh không lành
Không phải lỗi thầy thuốc
Nên biết lỗi người bệnh.
Nơi pháp này xuất gia
Đọc tụng Đạo phẩm giáo
Nói và làm không giống
Làm sao được giải thoát?
Thể tánh các pháp không
Con Phật quán việc ấy
Tất cả hữu đều không
Ngoại đạo không hề có.
Trí ngu không tranh nhau
Dũng mãnh nên lìa bỏ
Bị mắng không trả thù
Pháp ngu ngươi chớ ghét.
Trí, không ngu qua lại
Khéo biết tánh huân tập
Tuy lại cùng thân nhau
Sau trở thành oán ghét.
Trí không thân với ngu
Biết chí họ không bền

Thể tánh tự phá hoại
Đừng làm bạn với ngu.
Nếu nghe lời như pháp
Người hủy giới không vui
Tự nhiên khởi sân hận
Nên biết là người ngu.
Người ngu hợp người ngu
Như phân trộn với phân
Trí với trí cùng ở
Như hợp hai đề hồ.
Không xét lỗi thế gian
Không tin vào nhân quả
Không tin lời Phật dạy
Ở đời bị xa lìa.
Bần cùng không của cải
Không sống, cầu xuất gia
Đã xuất gia pháp ta
Lại tham trước y, bát,
Họ gần ác tri thức
Phá hủy cấm giới ta.
Không tự quán việc mình
Trong tâm không an trú
Ngày đêm sống phi pháp
Làm ác không biết chán.
Thân tâm luôn phóng dật
Miệng thường nói lời thô
Luôn rình mò lỗi người
Thấy rồi nói người khác.
Tự che lỗi của mình
Là tướng rất ngu si
Người ngu ham ăn uống
Không thể biết độ lượng.
Nhờ Phật được ăn uống
Vẫn không tâm báo đền
Được món ăn thượng diệu
Không đúng với pháp ấy
Ngược lại ăn bị hại
Như voi ăn sen bùn.

Tất cả món thượng vị
Người trí tuy ăn vào
Căn vắng lặng không tham
Chọn món ăn như pháp.
Tuy có người trí sáng
Hỏi kẻ ngu đâu đến?
Không thân luyến với họ
Chỉ khởi lòng xót thương.
Người trí lợi kẻ ngu
Kẻ ngu làm suy tổn
Ta thấy lỗi này rồi
Như nai ở chỗ vắng.
Người trí thấy lỗi này
Không ở chung với ngu
Nếu lui tới kẻ ngu
Mất trời huống Bồ-đề.(*)
Người trí thường Từ bi
Từ, Bi hợp với hỷ
Thường Xả tất cả hữu
Tu định, chứng Bồ-đề.
Ngộ đạo, trừ lo sợ
Thấy người già chết khổ
Nên khởi lòng xót thương
Nói lời hợp chân nghĩa.
Nếu người biết Phật pháp
Lìa ngôn thuyết Thánh đế
Nếu ai nghe pháp này
Lìa tham thực, Thánh thương.

Này Đồng tử! Vì nghĩa lý đó nên muốn được thành tựu hạnh kiên cố, Bồ-tát nên học như vậy. Vì sao? Này Đồng tử! Nhờ hạnh kiên cố nên Bồ-tát đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khó khăn, huống gì là Tam-muội này vậy.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang bạch Phật:

–Hy hữu thay Thế Tôn! Như Lai, Bậc Ứng Chánh Biến Tri đã khéo nói về hạnh kiên cố này để nhập vào pháp Tam-muội ấy. Ngài đã khéo nói, khéo kiến lập tất cả sở học Bồ-tát. Đó chính là tất cả hành xứ của Như Lai,

---

** Sinh Thiên còn khó huống chi được quả Bồ-đề.*

không phải là địa vị của Thanh văn, Bích-chi-phật làm được, huống gì là ngoại đạo!

Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ trụ hạnh kiên cố này. Vì sao? Vì con muốn sở học như Phật. Nay con muốn học vì con muốn biết quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy. Con muốn phá hoại ma Ba-tuần và quyến thuộc của chúng. Con muốn giải thoát tất cả khổ cho chúng sinh. Cúi mong Đức Như Lai và Tỳ-kheo tăng cùng các quyến thuộc chứng minh, chấp nhận sự thỉnh cầu của con, là vì thương xót con.

Bấy giờ Đức Như Lai và Tỳ-kheo tăng im lặng chấp nhận. Đồng tử Nguyệt Quang thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng sáng ngày mai đến thọ thực và được Phật chấp nhận.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang đã được Đức Như Lai chấp nhận sự cúng dường nên vui mừng khôn xiết, hạnh sâu xa, liền từ tòa đứng dậy, bày áo vai bên phải, đảnh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi cáo từ ra về.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang hướng về thành Vương xá để trở về nhà mình. Về đến nhà thì ngay đêm ấy liền chuẩn bị các thứ ẩm thực thượng vị nhiều vô số. Tại thành Vương xá, nơi nơi đều treo lụa năm màu, rải các loại hoa, dựng tràng phướn lọng, đốt các hương thơm, bố thí các mùng màn, quét sạch đường sá, vứt bỏ ngói gạch. Tại ngã tư đường rưới nước làm cho sạch sẽ, rải tung bột chiên-đàn và các loại quý báu khắp nơi; lại tung các loại hoa, các thứ hoa báu xen kẻ trên mặt đất giống như hình vẽ; lại dùng vô lượng vật dụng chạm trổ, trang nghiêm các nẻo đường. Trong thành, khắp nơi đều có hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đà, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi. Ở trong nhà toàn dùng chiên-đàn ngưu đầu rải quanh, dùng các thứ trang nghiêm, giăng các trướng báu. Vì Đức Phật Thế Tôn mà Đồng tử bày những món ăn thượng vị.

Khi Đồng tử làm những việc trang nghiêm thành quách, đường sá, nhà cửa như vậy, bày các vật cúng dường suốt đêm đầy đủ đến lúc sáng sớm, cùng với tám mươi na-do-tha Bồ-tát, mà Bồ-tát A-dật-đa-làm thượng thủ. Các vị ấy là Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Hương Thượng, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Man Thắng, Đồng tử Bồ-tát Văn-thù Sư Lợi, Bồ-tát Dũng Kiện Quân, Bồ-tát Diệu Tý, Bồ-tát Bảo Hoa, Bồ-tát Bất Hư Hiện. Các Đại Bồ-tát như vậy đối với các Bồ-tát khác làm bậc Thượng thủ, cùng các chúng Đại Bồ-tát như vậy, vây quanh trước sau, ra khỏi đại thành Vương xá, đến chỗ Đức Như Lai, sửa lại y phục, đầu mặt đảnh lễ, nhiễu quanh bên phải ba vòng, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đã đến giờ thọ thực, trai soạn đã dọn xong, mong Thế Tôn hạ cố vào thành Vương xá đến nhà con, vì lòng xót thương mà thọ nhận sự cúng dường của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, trước đó đã đắp y, cầm bát, cùng Đại Tỳ-kheo cả thảy đến trăm ngàn vị, vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Đại Bồ-tát, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... vô lượng trăm ngàn vị đồng tử đã thiết lễ cúng dường, cung kính tán thán đại oai lực của Phật, đại thần túc của Phật, đại biến hiện của Phật, đại oai nghi của Phật, đã phóng ra trăm ngàn vạn ức na-do-tha ánh sáng, tấu lên trăm ngàn loại kỹ nhạc, mưa các thứ hoa trời. Vì thọ nhận sự cúng dường của Đồng tử Nguyệt Quang, nên Đức Phật vào thành Vương xá.

Đức Phật với sự tích tập vô lượng căn lành từ lâu, nên lúc bàn chân có bánh xe ngàn căm bước vào thành thì hiện ra vô số sự thần biến chưa từng có. Chư Phật Như Lai, nếu khi vào thành, pháp như vậy là đều hiện sự thần biến ấy. (Nay các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói).(*)

Khi Đức Phật vào thành, có thần đức nói kệ tụng rằng:

Đại Tiên vào thành vua
Chân Ngài bước vào thành
Oai lực động đại địa
Chúng sinh đều hoan hỷ.
Các người thiếu ăn uống
Được lìa khổ đói khát
Thân ấy đều no đủ
Nhờ Phật vào cổng thành.
Người điếc, đui, câm, ngọng
Kẻ bần cùng, phước mỏng
Các căn đều đầy đủ
Nhờ Phật vào cổng thành.
Ngạ quỷ cõi Diêm-la
Ăn đờm, mủ, phân, tiểu
Được món ăn của trời
Nhờ Phật bước vào thành.
Các núi và núi báu
Các thứ hoa quả rừng
Khom mình hướng về Ngài
Nhờ Phật bước vào thành.

(*) *Trong đoạn văn tường thuật lại xuất hiện câu thoại trực tiếp. (ĐT.15, p.559b).*

Biển cả, thành, tụ, ấp
Đất có sáu chấn động
Không bức não chúng sinh
Nhờ Phật bước vào thành.
Người, Trời, Cưu-bàn-trà
Hoan hỷ ở không trung
Cầm lọng báu che Phật
Phát tâm đại Bồ-đề.
Các âm nhạc không đánh
Tự nhiên phát tiếng hay
Mọi ngươi đều hoan hỷ
Nhờ Phật bước vào thành.
Trăm ngàn vạn ức cây
Dâng Phật đủ hoa quả
Chư Thiên đứng giữa không
Chẳng phải người bày cúng.
Trăm ngàn các Ngưu vương
Vua thú, sư tử rống
Voi, ngựa đều cúi lạy
Nhờ Phật bước vào thành.
Các đại vương trong nước
Thấy Thế Tôn Thập Lực
Đạo sư sắc thắng diệu
Hoan hỷ nên đảnh lễ.
Mọi người tâm mừng khen
Hoặc tung các diệu hoa
Chắp mười ngón tay lại
Khen Phật là đại Bi.
Hoặc tung các anh lạc
Ấn Cừ tý kim ngân
Hoặc tung lên sư tử
Phát tâm đại Bồ-đề.
Người nữ dâng tóc vàng
Hoặc rải các hoa thơm
Hoặc cởi vàng, anh lạc
Trang điểm nơi thân thể.
Có người tung hoa vàng
Các vật để trang sức

Tuy bỏ không một lòng
Mong cầu chư Phật đạo.
Dân chúng mặc y đẹp
Hoặc lại rải đảnh châu
Và giăng các lưới báu
Vì Phật vào cổng thành.
Nếu người bệnh khổ bức
Cung tên ưu sầu bắn
Tất cả đều an lạc
Nhờ oai đức Đạo Sư.
Câu-sí-la, anh võ
Khổng tước và Tần-già…
Các chim trong không trung
Phát tiếng hay, hòa nhã.
Các chim tâm vui mừng
Khi phát diệu âm này
Diệt được người tu hành
Phiền não, tham, sân, si.
Vô lượng ức chúng sinh
Nghe tiếng được thuận nhẫn
Làm Thánh thọ ký họ
Vị lai đều thành Phật.
Thấy thân Phật Thập Lực
Chúng sinh thích trí Phật
Con làm sao để được
Phật biết muốn thọ ký.
Mỗi lỗ chân lông Phật
Phóng trăm ngàn ánh sáng
Chiếu khắp các cõi Phật
Do Phổ Nhãn vào thành.
Trời, trăng bị khuất lấp
Lửa trời ma-ni báu
Các ánh sáng không hiện.
Vì Phật vào cửa thành.
Trăm ngàn hoa sen nở
Ngàn cánh ra khỏi bùn
Đấng Thập Lực bước lên
Cùng chúng dạo khắp thành.

Đường đi thật sạch sẽ
Toàn trải bằng hương quý
Khắp thành đốt hương thơm
Mùi thơm rất đáng yêu.
Đường sá thật tráng lệ
Trừ khử hết ngói, gạch
Nhờ công đức Thập Lực
Đủ các thứ hương hoa.
Trăm ngàn ác Dạ-xoa
Thấy thân Phật sắc vàng
Khởi tâm đại Bi mẫn
Tịnh tâm quy y Phật.
Các Thiên cung trống không
Đều đến chiêm ngưỡng Phật
Hư không mưa các hoa
Khi Phật vào thắng thành.
Nếu có người rải hoa
Chỗ đức Nhân Thiên Sư
Thành lọng hoa che Phật
Thân trang nghiêm tốt đẹp.
Người, Trời và Tu-la…
Thấy Phật, Bậc Thập Lực
Tâm hoan hỷ vui mừng
Chưa từng có nhàm chán.
Bên phải trăm ngàn Phạm
Bên trái trời Đế Thích
Vô số trời trong không
Cung kính Tam Giới Tôn.
Khi Phật thần biến xong
Khai thị thắng diệu pháp
Trăm ngàn chúng nghe xong
Phát tâm đại Bồ-đề.
Tướng tốt, hoa làm thân
Như sao đầy bầu trời
Phật đi đường của vua
Như trăng tròn trên trời.
Như báu tịnh ma-ni
Trong sạch, không tỳ vết

Phóng ánh sáng mười phương
Cõi Phật chiếu cũng vậy.
Các vị trời vây quanh
Nhân Tôn vào thành vua
Đi trên đất như vẻ
Vào nhà của Nguyệt Quang.
Thành quách đều trang nghiêm
Trăm ngàn ức phướn lọng
Chiên-đàn rải mặt đất
Tung hoa để trang nghiêm.
Đi Phật đi trên đường
Phát lòng thương rộng lớn
Miệng phóng vô lượng quang
Tỏa hương mà thuyết pháp.
Thấy thân Phật liền vui
Hoan hỷ chẳng nghĩ bàn
Khi nào chúng ta được
Cúng dường Bậc Pháp Vương.
Vô lượng người phát tâm:
"Sáng mai ta thỉnh Phật
Bậc thương đời cứu độ
Rất lâu khó gặp được".
Hoặc dọn sạch đường thành
Thắng diệu tự trang nghiêm
Đủ các hoa, anh lạc
Cúng Phật, vì Bồ-đề.
Hoặc vòng hoa Chiêm-ba
Bà-sư, Mục-đa-già
Hoặc là giăng vải lụa
Phát chí tâm thuần nhất.
Hoặc tại gia, tâm tịnh
Y đẹp tự trang nghiêm
Dùng lụa đẹp, các hoa
Cúng dường chúng Tỳ-kheo.
Với hoa Ưu-bát-la
Lại tung hoa Diệu kim
Các thứ báu ma-ni
Hoặc tung bột chiên-đàn.

Hiện các việc hy hữu
Không thể tính số lượng
Khi Phật đi vào thành
Nhiều người phát tâm đạo.
Không phiền não thấy đế
Trời Thiện hiện, Thiện kiến
A-ca-ni ly dục
Tất cả đến xem Phật.
Thân ngọt ngào quả lớn
Trăm na-do-tha chúng
Như ma-ni chiếu sáng
Đều đến chiêm ngưỡng Phật.
Vô số Tịnh Thiên tử
Và các trời Thiểu tịnh
Vô lượng Tịnh Thiên tử
Đều đến xem Đại Tiên.
Các Thiên tử Thiểu quang
Và trời Vô lượng quang
Các Thiên tử Quang âm...
Cũng đều đến xem Phật.
Thiên tử trời Phạm phụ
Cùng với trời Phạm chúng
Các định tạng Đại phạm...
Đều đến xem Thế Tôn.
Tha hóa Thiên hoan hỷ
Hóa lạc Thiên thiện tâm
Chúng Đâu-suất, Diêm-ma
Thiên vương Tam thập tam,
Bốn phương bốn Thiên vương
Tài chủ Tỳ-lâu-lặc
Ác Nhãn Đề-lại-tra
Liền đến lễ kính Phật.
Vua Dạ-xoa đại lực
Cùng quyến thuộc tâm tịnh
Cùng thân tộc trên không
Mưa các diệu hoa trời.
Hằng Túy cầm hoa trời
Nắm các thứ vòng hoa

Cùng quyến tộc hoan hỷ
Cúng dường Thắng trượng phu.
Bách Khí Túc Dạ-xoa
Cùng vợ và quyến thuộc
Tự tấu âm nhạc hay
Cúng dường Đức Như Lai.
Vui mừng say sưa hát
Là vua Khẩn-na-la
Sống ở đỉnh Hương sơn
Vui mừng đến tập hội.
Bà-nhã Thiểm-bà-lợi
La-hầu Tỳ-ma-chất
Cùng đại oai đức khác
Mưa các loại vật báu.
Hơn vô lượng La-sát
Nhiều chúng đang vây quanh
Đều cầm các diệu hoa
Cung kính tung lên Phật.
Đại Long vương A-nậu
Nữ thiện học âm nhạc
Tấu trăm thứ tiếng hay
Thành tâm cúng dường Phật.
Năm trăm Nậu Long tử
Cầu trí Bồ-đề rộng
Cùng quyến thuộc vây quanh
Đều cúng Vô thượng tôn.
Long vương A-ba-la
Chắp tay hướng về Phật
Cầm trân châu Long thắng
Trên không cúng dường Phật.
Long vương Mục-chân-đà
Nỗi vui mừng khôn xiết
Tung các áo đẹp quý
Tịnh tâm mà cúng dường.
Họ khởi tâm kính Phật
Niệm vô lượng công đức
Các thân quyến vây quanh
Đều đến khen ngợi Phật.

Nan-đà, Bạt-nan-đà
Đức-xoa, Hắc-cù-đàm
Cùng quyến thuộc đến Phật
Quỳ gối lạy Thiện Thệ.
Long vương Y-la-bát
Trăm quyến thuộc khóc lóc
Nhớ nghĩ Phật Ca-diếp
Chán ghét sự thọ sinh.
Xưa ta mãi nghi hoặc
Phá Tiểu Y Lan Diệp
Nên sinh nơi nạn xứ
Không thể biết Phật pháp.
Rất ghét thân rắn này
Muốn mau bỏ loài rồng
Biết được pháp thanh lương
Đã đạt được đạo tràng.
Hằng ngàn Long vương khác
Hải long, Ma-na-tư
Đem áo rồng thượng diệu
Đến dâng Nhân Trung Tôn.
Điều-đạt ném đá Phật
Dạ-xoa trú hư không
Tên là Kim-tỳ-la
Cung kính đến trước Phật.
Thành A-tra Dạ-xoa
Đại Dạ-xoa Không Thiên
Giao hẹn cùng tập hội
Cúng dường Bậc Đại Tiên.
Dạ-xoa Khôi Mao Châm
A-tra-bà đáng sợ
Tuyết sơn, Đà-đa-sơn
Lừa Dạ-xoa quy Phật.
Các thân hình khác nhau
Mặc áo rách đáng sợ
Quỷ Đa-na-do-tha
Dâng vật quý cúng Phật.
Kim sí điểu Thực Hải
Biến thành Bà-la-môn

Mão báu tự trang nghiêm
Trên hư không lạy Phật.
Các thành ở Diêm-phù
Tất cả trời Đại lâm
Thần của thành đồng đến
Cúng dường Thế Gian Giải.
Vô lượng Lâm thiên đến
Cùng với các thọ thần
Cùng tất cả thần sông
Vân tập đến Pháp vương.
Thần núi Phong Nham Lãnh
Trời Đội Phụ cùng đến
Thần suối với ao hồ…
Cùng Hải thần vui đến.
Trời, Người, Quỷ, Tu-la
Ca-lâu với Cưu-bàn…
Ngạ quỷ, Phú-đơn-na
Đều đến cúng dường Phật.
Chư Thiên, chúng Tu-la
Ly mạn, đều cúng dường
Thấy Phật vào Vương thành
Nhìn mãi mà không chán.
Hơn tu Bồ-tát hạnh
Cúng dường Phật Thế Tôn
Phật làm tịnh nghiệp này
Chúng sinh nhìn không chán.
Núi Tu-di luân thảy
Và các núi Diêm-phù
Không thể làm chướng ngại
Chư Phật chiếu sáng khắp.
Các biển Ta-bà này
Đất đai đều bằng phẳng
Cõi Phật đều biến khắp
Rải các hoa khắp đầy.
Trăm ngàn các ánh sáng
Phóng dưới chân Pháp vương
Địa ngục đều mát mẻ
Trừ khổ được an lạc.

Đấng Thập Lực thuyết pháp
Trời, người được tâm tịnh
Vô lượng trăm ngàn chúng
Quyết định nơi Phật đạo.
Vô đẳng đẳng vào thành
Hiện sự thần biến này
Vô lượng trăm ngàn kiếp
Phật nói vẫn không cùng.
Thắng đức tụ như vậy
Ngưu vương vượt bờ kia
Tất cả đức cứu cánh
Cúi lạy Phật phước điền.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi đến chỗ ở của Đồng tử Nguyệt Quang, ngồi lên tòa đã đặt sẵn. Các Tỳ-kheo thứ lớp ngồi xong, khi ấy Đồng tử Nguyệt Quang biết Đức Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo đã ngồi xong, tự tay bưng dọn các món ăn tuyệt hảo. Đó là: Khư-thiền-ni, Bồ-thiền-ni, Lê-kha-na, Chư-sa-ni... Lại đem nước uống, dùng thức ăn trăm vị, làm cho Đức Như Lai và đại chúng được no đủ. Khi thấy chư Tôn đã no đủ, Đồng tử vui mừng nhảy nhót, hết sức hân hoan.

Đức Phật và đại chúng đã thọ thực xong, cất bát, rửa tay. Đồng tử dùng y giá trị vạn ức dâng lên Như Lai. Chúng Tỳ-kheo tùy theo thứ lớp: Thượng, trung hay hạ, đồng tử đều thứ lớp dâng cúng. Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang dâng y lên Phật và Tăng xong, bày áo vai bên phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay đảnh lễ, đứng trước Đức Phật, im lặng, nói bài kệ để hỏi Đức Thế Tôn:

Bồ-tát, bậc Trí làm hạnh gì
Thường hay biết rõ các pháp tánh?
Làm sao thay vào nghiệp đã tạo?
Cúi mong Đạo Sư nói cho con.
Làm sao biết được kiếp quá khứ?
Làm sao không vào bào thai nữa?
Làm sao để được chúng không hoại?
Làm sao để được vô lượng biện?
Định tuệ Vô thượng Lưỡng Túc Tôn?
Như điều con hỏi xin Phật nói
Biết được tâm hạnh các chúng sinh
Với tất cả pháp không còn nghi.
Phật biết thể tánh tất cả pháp

Pháp lìa ngôn ngữ, dùng ngôn thuyết
Như sư tử hống, dã can sợ
Phật hàng ngoại đạo cũng như vậy
Biết việc làm của chúng sinh
Thông đạt các pháp đến bờ kia
Trí tuệ vô ngại, cảnh giới tịnh
Cúi mong Thế Tôn nói cho con
Biết đời quá khứ và vị lai
Với đời hiện tại Phật biết rõ
Trí vô ngại ba đời biết được
Cho nên con hỏi Thích sư tử
Các Phật pháp tất cả ba đời
Thế Tôn Pháp vương đều biết rõ
Với thể tánh pháp khéo giác ngộ
Cho nên con hỏi Đại trí hải
Hay lìa tất cả lỗi các pháp
Vì hay đoạn trừ tâm ô uế
Cắt đứt tất cả dây si uế
Mong Phật nói cho hạnh Bồ-đề
Mà Phật đạt được các pháp tướng
Như tướng sở đắc nói cho con
Con nghe pháp tương như vậy rồi
Nương tướng đã nghe hành Bồ-đề
Hành tướng chúng sinh nhiều sai biệt
Con làm hạnh gì để hiểu được?
Mong nói cho con pháp nhập hạnh
Con nhờ nghe được nên mới biết
Tất cả các pháp đều sai biệt
Thế thì không tịch, tánh xa lìa
Bồ-đề làm sao hay biện chứng?
Mong nói cho con pháp mẫu này
Với tất cả pháp đến bờ kia
Ngôn thuyết pháp cú đã tu học
Chính mình không nghi trừ nghi người
Vì con hiển thị Bồ-đề Phật.

-oOo-

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

QUYỂN 3

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết Đồng tử Nguyệt Quang trong lòng thầm nghĩ, nên nói kệ dạy rằng:

–Nếu Bồ-tát tương ưng với một pháp thì đều có thể đạt được công đức tối thắng, mau chóng thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sao gọi là một pháp? Này Đồng tử! Đó là, nếu Bồ-tát đối với thể tánh của tất cả pháp, mà rõ biết như thật.

Này Đồng tử! Sao gọi là đối với thể tánh tất cả pháp mà rõ biết như thật?

–Nghĩa là tất cả pháp xa lìa danh tự, xa lìa âm thanh, xa lìa ngôn ngữ, xa lìa văn tự, xa lìa sinh diệt, tướng của nhân, tướng của duyên, tướng của phan duyên. Đó gọi là vô tướng, xa lìa nơi tướng, chẳng phải tâm xa lìa nơi tâm mà biết các pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Các pháp chỉ nói một
Đó là pháp vô tướng
Là bậc Trí nói ra
Như thật mà rõ biết.
Nếu nói pháp như vậy
Bồ-tát mới rõ biết
Liền được Vô ngại biện
Nói ức Tu-đa-la.
Được Đạo sư gia hộ
Hiển thị nơi thật tế
Không phân biệt giả danh
Không có điều để nói.
Dùng một biết tất cả
Dùng tất cả biết một
Tuy có các ngôn thuyết
Nhưng không khởi kiêu mạn.
Tâm ấy hay biết rõ

Tất cả pháp không tên
Tùy thuận học các tên
Mà diễn thuyết chân thật.
Các âm thanh nghe được
Biết rõ gốc âm thanh
Biết rõ nguồn gốc rồi
Không bị nhiễm âm thanh.
Biết ngằn mé âm thanh
Tướng các pháp cũng vậy
Nếu hay hiểu một pháp
Không còn đi đầu thai.
Tất cả pháp không sinh
Rõ biết vô sinh này
Biết sinh nói kẻ sinh
Thì biết được kiếp trước.
Nếu đối với kiếp trước
Biết được tạo nghiệp gì
Nếu thường biết nghiệp tạo
Được quyến thuộc kiên cố.
Nếu nơi pháp không này
Bồ-tát hay biết rõ
Không có gì không biết
Chẳng phải bờ phiền não.
Nơi cõi chẳng phiền não
Phàm phu vọng phân biệt
Cho nên trong ức kiếp
Mãi lưu chuyển sinh tử.
Không thể biết vọng tưởng
Giống như Đại Đạo Sư
Vì không tạo ác nghiệp
Nên không đọa ác đạo.
Vì các phàm phu này
Không thể biết nghĩa này
Mới khởi tâm hủy báng
Pháp diệt khổ như vậy.
Các pháp không thể được
Chẳng không các pháp tưởng
Nếu hay biết như vậy

Tưởng ấy cũng không thấy.
Ta biết tưởng như vậy
Phàm phu vọng phân biệt
Nơi pháp lìa phân biệt
Người trí không mê hoặc.
Đó là cõi bậc Trí
Chẳng phải cảnh giới ngu
Là việc làm Bồ-tát
Là không, không phân biệt.
Đó là Bồ-tát địa
Việc làm của Phật tử
Phật pháp diệu trang nghiêm
Gọi là tịch diệt không.
Tất cả Bồ-tát này
Đoạn tập khí các cõi
Không bị sắc hủy hoại
An trụ nơi Phật tánh.
Tất cả pháp không trụ
Vì không có trụ xứ
Nếu ai biết như vậy
Được Bồ-đề không khó.
Tu Thí, Giới, Văn, Nhẫn
Tập gần Thiện tri thức
Nếu ai biết nghiệp này
Mau chứng đạo Bồ-đề.
Người này thường được chư Thiên kính
Càn-thát, Dạ-xoa và Ma-hầu
Rồng, Quỷ, La-sát, Khẩn-na-la
Tất cả thường đến cúng Bồ-tát.
Hằng được chư Phật hết lời khen
Đem lại lợi ích các thế gian
Trí tuệ tương tục, thích tịch diệt
Bồ-tát thắng diệu thương xót thân.
Nếu có Bồ-tát hay biết không
Lợi ích vô lượng ức chúng sinh
Trong chúng nhu hòa, diễn thuyết pháp
Người nghe vui thích nên ái kính.
Trí tuệ rộng lớn càng thêm sáng

Nhờ trí tuệ này hay thấy Phật
Cũng thấy cõi tịnh diệu trang nghiêm
Nghe nhận điều chư Phật thuyết pháp.
Biết tất cả pháp như huyễn hóa
Giống như hư không, tự tánh không
Hay biết thể tánh là không vô
Hành dụng như vậy, không ô nhiễm.
Có người tu hành Bồ-tát hạnh
Ở trong các việc không đắm trước
Biết tất cả pháp như biến hóa
Nhưng với các cõi hiện biến hóa.
Hay vì chư Phật làm Phật sự
Thể tánh huyễn pháp không đến, đi
Tùy nguyện quá khứ được lợi ích
Là người hay an trụ Bồ-đề.
Hằng nhớ ân tất cả Như Lai
Mong nối giống Phật, không đoạn tuyệt
Được thân tịnh diệu và sáng rỡ
Được thành tựu ba mươi hai tướng tốt.
Vô lượng thứ lợi ích khác nữa
Hành thắng Bồ-đề sẽ đắc quả
Thành tựu đại lực, không thể động
Oai đức các vua không thể bằng.
Phước đức tròn đủ, rất đoan nghiêm
Phước và công đức, oai quang chiếu
Chư Thiên thấy oai không dám nhìn
Là người trí tuệ hành Phật pháp.
Trụ nơi tâm Bồ-đề kiên cố
Cùng các chúng sinh làm bạn lành
Người ấy không còn các tối tăm
Hiển bày đạo Bồ-đề diệu thắng.
Lìa đường ngôn ngữ, không còn dục
Các pháp vắng lặng như hư không
Có người biết được nghiệp như vậy
Thành tựu vô lượng thắng biện tài.
Diễn thuyết trăm ngàn Tu-đa-la
Chỉ bày nghĩa vi tế pháp ấy
Bậc Trí luôn thành vô ngại tuệ

Hay biết thể tánh pháp vi tế.
Thường khéo biết chúng sinh tín tâm
Học tập tất cả âm ngôn ngữ
Vì người chỉ bày lý nhân quả
Hay được việc thắng diệu như trên.
Trì đủ các lực không giảm thiểu
Bậc phạm hạnh vào chúng không sợ
Hằng nhớ gìn giữ không quên mất
Vì luôn khéo rõ biết pháp tánh.
Tai không nghe lời, không ái ngữ
Thường luôn nghe nhận tiếng an vui
Miệng thường tuyên nói lời đẹp lòng
Người đó khéo biết pháp tánh vậy.
Hằng niệm trí tuệ đều thành tựu
Trong lòng thanh tịnh không uế trược
Nói trăm ngàn kinh không ngừng trệ
Hễ có diễn thuyết không hư ngụy.
Phân minh câu chữ rồi tu học
Khéo hiểu ngàn ức các ngữ ngôn
Nghĩa thú, danh từ đều khéo hiểu
Nhờ ngộ pháp tánh, có đức ấy.
Dạ-xoa, La-sát, Thiên, Tu-la
Ca-lâu, Khẩn-na, Ma-hầu-trà
Được tám bộ chúng thường kính yêu
Bởi nhờ ngộ giải pháp tánh vậy.
Chúng thần ác tâm Tỳ-xá-xà
Uống máu, ăn thịt rất độc hại
Có người thọ trì tịch định này
Thì họ thường theo làm hộ vệ.
Nghe lời rộng lớn bậc Trí giả
Trong lòng hoan hỷ, lông dựng đứng
Với Bồ-đề ấy thường vui kính
Được phước rộng lớn khó nghĩ bàn.
Phước báo như vậy khó biết được
Trong trăm ngàn kiếp nói không hết
Hộ trì Pháp bảo tạng Thiện Thệ
Vô lượng vô biên vô số kể.
Liền đem cúng dường tất cả Phật

Các Thế Tôn quá khứ, vị lai
Cùng với hiện tại khắp mười phương
Vì có thể tuyên thuyết tịch định.
Nếu ai vì ưa thích phước đức
Cúng dường Đấng Thập Lực Đại Bi
Vô lượng vô số ức chư Phật
Thời gian như cát trong biển cả.
Lại có người khác thích phước đức
Nơi thắng nghĩa này trì bài kệ
Vào lúc kiếp tận thời ác thế
Phước đức như vậy rất thù thắng.
Nếu ai có thể nghe bài kệ
Người ấy liền cúng tất cả Phật
Vào đời sau cùng, thời ác thế
Đó là cúng dường trên tất cả.
Người ấy liền được lợi ích lớn
Thọ nhận cung kính của thế gian
Các Thập Lực sinh con tối thắng
Với Ngài mãi mãi đem cúng dường.
Ngài thấy ta ở núi Kỳ-xà
Ta liền được thọ ký Bồ-đề
Ta đã phó chúc Di-lặc Tôn
Phật kia cũng riêng thọ ký rằng:
Người ấy lại làm Phật Di-đà
Vì nói vô lượng thắng lợi ích
Hoặc lại đi đến nước An lạc
Lại muốn thích thấy Phật A-súc.
Vô lượng vô biên trăm ngàn kiếp
Người ấy không đọa các ác đạo
Nơi Bồ-đề này hành thắng hạnh
Thành tựu vô lượng các khoái lạc.
Công đức vô lượng, lợi ích lớn
Nay ta đã tuyên thuyết như vậy
Nếu muốn được công đức như ta
Nên trì kinh này đời sau cùng.

Này Đồng tử! Vì nghĩa lý ấy cho nên Đại Bồ-tát có thể biết thể tánh các pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy sẽ được công đức lợi lạc như thế, khen ngợi công đức chân thật của Như Lai, không hủy báng Như Lai là lời

nói không chân thật. Vì sao? Vì Như Lai đã đắc các pháp là chỗ biết của đời, người này biết như thật đối với pháp ấy, cũng biết vô lượng công đức của Như Lai, có thể biết như thật về Phật pháp chẳng nghĩ bàn. Vì sao?

Này Đồng tử! Đức Phật có vô lượng, vô biên công đức không thể nghĩ bàn, xa lìa nơi tâm. Chính vì nghĩa này nên những người khác không thể nghĩ bàn, không thể so sánh. Vì sao?

Này Đồng tử! Vì tâm không có tánh, lại không có hình sắc, không thể nhìn thấy.

Này Đồng tử! Thể tánh của tâm như vậy, tức là thể tánh công đức của Phật, thể tánh công đức của Phật như vậy, chính là thể tánh của tất cả các pháp. Chính vì nghĩa ấy, này Đồng tử! Nếu Bồ-tát nói và rõ biết như thật về nghĩa thể tánh của tất cả pháp, đó là Bồ-tát vắng lặng nơi tâm, khéo hiểu ba cõi, xa rời thiện căn, biết rõ như thật, tri kiến như thật, nói như thật, không có nói khác, tùy theo lời nói mà thực hành, không có chấp trước, vượt qua tất cả cảnh giới các phiền não, vượt qua Dục giới, Sắc giới, giải thoát khỏi vô sắc giới, vượt qua cảnh giới của tên gọi, vượt qua cảnh giới âm thanh, khéo rõ biết và xa lìa pháp văn tự, khéo rõ trí phân biệt văn tự, khéo hiểu lìa pháp ngôn ngữ, rõ biết văn tự, giỏi về văn tự, khéo nơi văn tự trí sai biệt, rộng biết trí văn tự, khéo hiểu trí sai biệt tất cả pháp, khéo đối với tất cả pháp rộng lớn bằng trí sai biệt, khéo phân biệt tất cả xứ bằng trí về pháp, cùng tương ưng với Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, Ma vương Ba-tuần và các ma dân, không thể phá hoại.

Khi Đức Phật nói pháp này, có tám ức na-do-tha các trời, người... được pháp Nhẫn tu vô ngại, tất cả đều được chư Phật thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trải qua bốn trăm tám mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các thứ danh hiệu, quốc độ khác nhau, nhưng thọ mạng thì giống nhau. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu có các Bồ-tát trí tuệ
Hướng đến đạo Bồ-đề thắng diệu
Các ngôn thuyết giỏi nơi thắng nghĩa
Hay hành thể tánh tất cả pháp.
Miệng thường tuyên thuyết lời chân thật
Khen thật Đức Phật nên diễn nói
Hay biết tất cả pháp chư Phật
Ba cõi tôn kính không còn nghi.

Tất cả các pháp đồng một nghĩa
Nhờ pháp Không nên biết như thật
Chúng không có các tướng dị biệt
Với một nghĩa này đã tu học.
Không tưởng phân biệt, tưởng phân biệt
Tưởng chúng sinh, thọ mạng, ngã, nhân
Tưởng tận và vô tận như vậy
Đoạn các tưởng này không còn sót.
Không thấy Như Lai có sắc tướng
Bởi biết các pháp tự tánh không
Cũng không có tướng đẹp tùy hình
Vì đã đoạn tất cả điên đảo.
Tất cả chư Phật khó nghĩ bàn
Xa lìa nơi tâm, thể tịch diệt
Nếu ai có thể biết như vậy
Mới thấy Vô Thượng Lưỡng Túc Tôn.
Nếu ai hay biết tưởng thần ngã
Trong đó phát sinh thắng trí tuệ
Biết được các pháp như vậy rồi
Liền đắc cái gọi thanh tịnh nhãn.
Người ấy không có các chướng ngại
Đại trí biết rõ đạo xuất ly
Sung mãn, đầy đủ hai loại nhân
Không có tất cả các mong ước.
Với chỗ chân thật, thấy như thật
Không có tất cả lời không thật
Người ấy có đủ các ngôn luận
Tùy thuận tất cả pháp nghi thức.
Người trí vượt ra khỏi Dục giới
Vượt Sắc, Vô sắc, chốn phiền não
Hay lìa nhiễm trước nơi ba cõi
Hành ở thế gian, lợi chúng sinh.
Vượt lên tất cả các danh tự
Và vượt âm thanh thể tánh không
Tuy diễn thuyết pháp đã lâu xa
Đối với ngôn thuyết không nương trú.
Xa lìa các tưởng và hý luận
Đoạn trừ điên đảo các ác kiến

Đối với trí tuệ, khéo quyết định
Người ấy dũng mãnh hành như không.
Nếu ma nhiều ức na-do-tha
Vì để loạn ý nói lời rằng:
Ai hay chiếu sáng ma quân này
Không theo ma lực, tự tại nhiếp.
Vứt bỏ tất cả các việc ma
Giới hạnh thanh tịnh, không phiền não
Nếu ai vui sâu với Thiền lạc
Thì có thể biết thế gian Không.
Nếu nói ngũ ấm là thế gian
Đã biết pháp ấy thể không tịch
Đã không có diệt cũng không sinh
Tất cả các pháp như hư không.
Thà phải vứt bỏ thân mạng mình
Trọn không hủy phạm lời Như Lai
Hộ trì nơi giới đến bờ kia
Tùy theo sở nguyện được vãng sinh.
Du hành vô lượng các cõi Phật
Gặp nhiều na-do-tha ức Phật
Trọn không mong ước sinh lên trời
Xa lìa tất cả ước nguyện vui.
Người ấy không bỏ sự tinh tấn
Trong thời gian ngắn hành pháp hạnh
Ở trong mười phương chỗ chư Phật
Khéo hay ca vịnh và xưng tán.
Khi ấy thân Đồng tử Nguyệt Quang
Được nghe định tịch diệt như vậy
Vứt bỏ tất cả sự lợi dưỡng
Tu hành pháp chư Phật khen ngợi.
Nếu có muốn được trí tự nhiên
Ta vì tất cả người thế gian.
Cần phải học Thắng Tam-muội này
Nếu học như vậy hơn trời, người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Này Đồng tử! Đại Bồ-tát đối với trí Tam-muội nói rõ này, cần phải khéo tu tập, vì người khác hiển bày.

Này Đồng tử! Thế nào là hiển bày? Đó là đối với tất cả pháp, khởi tâm bình đẳng, không có bỉ thử, không có phân biệt, không có không phân biệt, không tạo, không khởi, không sinh, không diệt, tất cả vọng tưởng phân biệt, nhớ nghĩ, khởi tưởng, thảy đều dứt trừ, chỗ tâm phan duyên, chỗ ý suy nghĩ và các giả danh cũng đều đoạn trừ, cũng đoạn trừ tất cả các giác quán ác, đối với ấm giới, nhập, không có tự tánh, đoạn trừ tham, sân, si. Đó gọi là: Niệm tuệ giải thoát, tàm, quý, kiên cố, nghi quỹ tu hành ứng hợp với hành xứ. Đó là chỗ không nhàn, chỗ trí tuệ, dứt hẳn đến, đi, tất cả sở học Bồ-tát, là tất cả hành xứ Như Lai, thành tựu tất cả công đức.

Này Đồng tử! Đó gọi là hiển thuyết về Tam-muội này vậy. Nếu ai có thể hiển thuyết về Tam-muội như vậy, liền không xa lìa các định, tâm ấy không mất tất cả Tam-muội, không có mê hoặc, khởi tâm đại Bi, làm lợi ích vô lượng, vô biên chúng sinh.

Ngay lúc đó Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Bình đẳng, không hiểm trở
Tịch lặng mầu khó thấy
Đoạn trừ tất cả tưởng
Nên gọi là Tam-muội.
Không vọng tưởng phân biệt
Lìa kiến không thể giữ
Tâm ấy chẳng thể nắm
Đó gọi là Tam-muội.
An trụ định như thật
Không giữ tất cả pháp
Vì như thật không thủ
Nên nói định Tịch diệt.
Pháp không có mảy may
Cũng không chút khả đắc
Vì không chút khả đắc
Nên gọi là Tam-muội.
Hữu đắc hay vô đắc
Đó gọi là vọng tưởng
Lìa phân biệt nơi pháp
Nên gọi là Tam-muội.
Nhờ tiếng nên nói nghĩ
Tiếng này chẳng thật có
Giống như tiếng dội lại
Lại giống như hư không.

Chúng sinh vô sở trụ
Chỗ trụ bất khả đắc
Tiếng đắc cùng bất đắc
Tự tánh bất khả đắc.
Hoặc bỏ, hoặc đọa lạc
Bỏ đạo bất khả đắc
Tiếng bỏ cùng không bỏ
Nơi đạo biết như vậy.
Còn có định là thủ
Còn không định cũng vậy
Vô trước hành Bồ-đề
Chứng Thánh đạo cũng thế.
Địa bình đẳng lìa hiểm
Định tuệ này vô tướng
Phật tử tu tập nó
Khéo tu định tương ưng.
Văn tự chẳng có thể
Vào nghĩa thú sâu này
Bỏ các việc ngôn ngữ
Lược định vô sở thủ.
Bồ-tát được định này
Như nói trụ tương ưng
Dù lửa thiêu thế giới
Trong ấy không bị cháy.
Vô lượng kiếp hỏa thiêu
Như hư không, không cháy
Nếu biết pháp như không
Người ấy lửa không đốt.
Nếu khi thiêu cõi Phật
Trong định phát nguyện này
Diệt sạch hết lửa ấy
Người và đất không hoại.
Thần túc ấy vô biên
Đạo hư không không ngại
Tùy học định mà trụ
Bồ-tát gặt công đức
Hoặc sinh hoặc biến mất
Không khởi cũng không diệt

Nếu hay biết như vậy
Được định này không khó.
Thế gian có sinh diệt
Chỗ Như Lai đã nói
Nếu hay biết định này
Nên biết thân cận đời.
Nơi thế gian không nhiễm
Thế pháp không thể ngại
Thân nếu không chướng ngại
Qua lại cõi chư Phật.
Thường thấy nơi tịnh độ
Và thấy Đạo sư đời
Nên được nghe chánh pháp
Diễn thuyết tại các cõi.
Cũng không khởi vô tri
Vào lúc nói pháp tánh
Hay thông đạt các pháp
Như tùy theo pháp tánh.
Diễn thuyết trong ức kiếp
Biện tài không đoạn tuyệt
Hay biến làm nhiều thân
Các Bồ-tát khác nữa.
Biến hóa các Bồ-tát
Qua lại các cõi Phật
Trên hoa sen ngàn cánh
Kiết già mà an tọa.
Hiển thị Bồ-đề Phật
Tu-đa-la Tổng trì
Cùng hằng ức kinh khác
Nhờ tu tập Tịch định.
Chỉ trừ bất thoái chuyển
Người chẳng nghĩ bàn khác
Không thể hết biện tài
Hiển thị Bồ-đề Phật.
Bỏ đi các lầu gác
Các thứ báu nghiêm sức
Tung rải các diệu hoa
Hương thơm thật đáng ưa.

Tung rải các hương bột
Cùng đốt các hương thơm
Hoặc tung vô lượng báu
Vì chứng được Bồ-đề.
Bồ-tát bậc cứu tế
Vô lượng đức như vậy
Đoạn trừ các phiền não
Đạt thần túc thù thắng.
Không khởi sinh phiền não
Thanh tịnh thật chói sáng
Vô vi không thể hoại
Là cảnh giới Bồ-tát.
Tịch tĩnh, càng tịch tĩnh
Lìa não, không phiền não
Vượt qua sự hý luận
Thích pháp không hý luận.
Văn tự không thể vào
Vì các pháp vô tướng
Trí biết chỉ âm thanh
Cho nên gọi là định.
Thắng tịch diệt vô tận
Vô công dụng, không thấy
Tất cả cảnh giới Phật
Thật tế không nhà cửa.
Theo chư Phật tu học
Tự tánh tất cả pháp
Học công đức Phật này
Được công đức cứu cánh.
Chẳng đây cũng chẳng kia
Bản tế không phân biệt
Cho nên tất cả Phật
Đạt công đức bờ kia.
Với vị lai không bỏ
Vì đã biết pháp tánh
Vô công dụng hý luận
Đạt công đức bờ kia.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang bạch Đức Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai, Bậc Ứng Cúng Chánh Biến

Tri, mới có thể khéo nói về thể tánh bình đẳng của tất cả các pháp. Đó là nói về thể tánh bình đẳng của tất cả các pháp mà Bồ-tát phải học. Nếu Bồ-tát có thể tu học Tam-muội đã được nói ra ấy, sẽ mau chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Con lại muốn nói! Bạch Như Lai! Con lại muốn nói. Bạch Thiện Thệ! Con muốn nói một phần nhỏ.

Đức Phật nói:

–Này Đồng tử! Nếu muốn nói cứ nói.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang, ở trước Đức Phật, chắp tay hướng về Đức Phật, xưng dương thật đức bằng bài kệ khen ngợi:

Thấy sinh, bị già, bệnh chết, khổ
Tham sân và si thường mê hoặc
Xưa Phật đã phát tâm Bồ-đề
Mong thành Chánh giác mở các trói.
Lành thay, vô lượng kiếp tu hành
Bố thí, điều phục, ngăn các lỗi
Trì giới, Nhẫn nhục, siêng Tinh tấn
Khéo tu Thiền định và Trí tuệ.
Vì không hy vọng, bỏ ngôi vua
Vợ con, của cải đều bỏ hết
Đầu, mắt, tay chân và thọ mạng
Tâm ấy ban đầu không mệt mỏi.
Cấm giới trong sáng, sạch không nhơ
Vứt bỏ thân mạng thường hộ trì
Khéo hay cấm chế thân, miệng, ý
Quy mạng Thiện Thệ, điều phục tâm.
An trụ trí tuệ trong sức nhẫn
Dù bị cắt thân, không phẫn nộ
Nhờ lòng từ máu biến thành sữa
Quy mạng Như Lai, rất kỳ đặc.
Thành tựu oai lực, trụ Thập lực
Dùng trí vô lượng rõ các pháp
Phật đem lòng thương đến thế gian
Cứu độ lợi ích các cõi khác.
Đã biết bản thể các pháp không
Thấy các thế gian đều hư vọng
Ngộ đạo khế hội tánh vô ngã

Biết giải thoát ấy, không chỗ thoát.
Xa lìa phiền não và phóng dật
Hàng phục ma lực và ma quân
Biết đạo vô cấu, trí vô ngại
Nói pháp thanh tịnh, vô ngại tịch.
Giả sử tinh tú trên trời rớt
Đất biển thành ấp đều hoại diệt
Hư không, vô vi tánh đổi khác
Như Lai hoàn toàn không nói dối.
Thấy sự khổ não các chúng sinh
An trụ, đắm trước trong phân biệt
Vì họ hiển bày lìa đắm trước
Gọi là tịch diệt, không thậm thâm.
Chẳng thể nghĩ bàn vô số kiếp
Đại hùng dũng mãnh, học từ lâu
Tu học tất cả, không đắm trước
Nên Phật không có các lỗi lầm.
Phật đã tu học tất cả pháp
Như pháp sở đắc vì người nói
Đó chẳng phải phàm phu, ngu si
Lại chẳng phải tất cả ngoại đạo.
Tâm thường an trụ nơi ngã tưởng
Gọi là các phàm phu lỗi lầm
Nếu hay biết được pháp vô ngã
Không có tất cả các lỗi lầm.
Đại hùng đã nói lời chân thật
Hằng thường an trụ nơi thật pháp
An trụ thật pháp như vậy rồi
Lại hay diễn thuyết lời chân thật.
Quá khứ từng tu hạnh chân thật
Mới hay xứng đáng nơi bản nguyện
Đạt được diệu quả báu chân thật
Nhờ vậy hay nói lời chân thật.
Đã hành hạnh chân thật đầy đủ
Khéo hay biết được chân thật tế
Đã tu hạnh chân thật như vậy
Quy mạng Nhân tôn đại trí tuệ.
Trí Ngài tối thắng không ai bằng

Trí tuệ đầy đủ, rất sáng rạng
Cuối cùng đạt được thắng trí tuệ
Quy mạng bậc Trí tuệ ngôn thuyết.
Hay cùng chúng sinh làm bạn hữu
Từ lâu tu tập tâm Từ bi
Hay khéo an trụ nơi bất động
Bất động giống như núi Tu-di.
Làm thầy trời, người, đầy đức lớn
Giáo thọ Đại chúng, các quần sinh
Thiện Thệ thắng trí tuệ thậm thâm
Trong chúng vô úy, làm chấn động.
Sư tử rống vô úy như vậy
Như vua sư tử oai hùng mãnh
Hàng phục tất cả các ngoại đạo
Giống như sư tử vồ chồn hoang.
Đại hùng điều phục kẻ không điều
Điều phục lại hay khéo điều ngự
Hay khiến thành tựu làm thiện hữu
An trụ kiên cố mà không hoại.
Thấy các chúng sinh kia khổ não
Nương vào hoàn toàn nơi ngã kiến
Vì họ diễn xướng pháp vô ngã
Không có tham ái và không ái.
Người phàm phu ngu si không học
Nương nơi hiểm nạn, đường không lành
Vì họ hiển thị đạo chân thật
Đó là hướng đến đường Niết-bàn.
Nếu ai đắm trước vào ngã tưởng
Người ấy liền sống rất khổ não
Bởi vì không hiểu pháp vô ngã
Là có thể diệt trừ khổ não.
Trong kiếp số chẳng thể nghĩ bàn
Đại trí từ lâu từng tu học
Tu học xa lìa đắm trước rồi
Cho nên không có các tội lỗi.
Diễn thuyết các pháp cú lìa tội
Thế Tôn xa lìa các lỗi lầm
Khéo nói lời chân thật vi diệu

Miệng thường giải thoát trăm điều sợ.
Vô lượng na-do trăm ngàn, ức
Thiên, Long, Dạ-xoa giữa hư không
Ưa thích pháp Tối thánh vô thượng
Người nghe ai cũng hợp nghĩa chân.
Lời Như Lai hoan hỷ, thiện mỹ
Ôn hòa, hợp thời, vừa lòng người
Tiếng hòa hợp, vi diệu vô lượng
Thương xót giải thoát vô số người.
Âm thanh kỹ nhạc. trăm ngàn loại
Một lúc tấu lên tiếng hòa hợp
Là tiếng vui thích ở cõi trời
Một tiếng Như Lai bao trùm khắp.
Các loại chim Ca-lăng-tần-già
Đồng lúc cùng phát tiếng vi diệu
Hay khiến người khác sinh vui thích
Gặp âm thanh Phật chẳng thể sánh.
Tấu lên âm nhạc của hoan hỷ
Khéo hợp tất cả các cung đàn
Thổi loa, trống, sáo, đàn, không hầu
Gặp âm thanh Phật, đều không hiện.
Tiếng ca múa vua Khẩn-na-la
Đã từng khéo học trăm ngàn nhạc
Nếu ai nghe được đều hoan hỷ
Gặp âm thanh Phật đều không hiện.
Tiếng Câu sí, Anh vũ, Xá-lợi
Khổng tước, Ai loan và Uyên ương
Có tất cả tiếng chim hay ấy
Gặp âm thanh Phật đều không hiện.
Tiếng mỹ diệu, vui thích, khả ái
Những ca vịnh hay ở thế gian
Dồn tất cả lại đồng tấu lên
Tiếng Phật Tối Thắng vượt hơn chúng.
Chư Thiên, Dạ-xoa, vua Tu-la
Tất cả quần sinh trong ba cõi
Thân Phật thượng diệu và tối thắng
Phật phóng hào quang liền che hết.
Sắc thân Như lai như hoa nở

Với tất cả tướng tốt rực sáng
Sinh ra quả phước rất thanh tịnh
Hào quang chiếu sáng khắp mười phương.
Tiếng ốc, tiếng trống và tiêu sáo
Tiếng hay đồng, bạc, sinh và tiêu
Các âm như vậy cùng hòa hợp
Không bằng một phần trăm tiếng Phật.
Càn-thát, Tu-la và Ma-hầu
Các tiếng hay ho của Dạ-xoa
Cùng với tiếng hay khắp ba cõi
Với Phật trăm phần không bằng một.
Tất cả ánh sáng của Phạm thiên
Và các thân sáng trời Hữu đảnh
Thế Tôn nếu phóng ánh hào quang
Sáng kia không bằng một phần trăm.
Thân, khẩu, ý nghiệp đều thanh tịnh
Vì Bố thí tịnh, đời không nhiễm
Bảo tụ công đức Nhân Trung Vương
Công đức tự nhiên không ai bằng.
Tán thán Thập Lực lời thật xong
Đồng tử vui mừng nói như vầy:
"Vì con cúng dường pháp vương, Phật
Nguyện phước này thành Thích-ca Văn".
Phật biết tịnh hạnh tối thắng kia
Thiện Thệ bấy giờ liền mỉm cười
Di-lặc thấy Phật cười, thưa hỏi
Cúi mong Nhân Tôn nói duyên cớ.
Bấy giờ đại địa sáu chấn động
Trời, Rồng hoan hỷ giữa hư không
Hân hoan chiêm ngưỡng Lưỡng Túc Tôn
Xin Phật nói cho nhân duyên cười.
Trí tuệ chư Phật đã rõ biết
Chẳng phải Thanh văn đệ tử Phật
Nay an trú ai đạo Tối thắng?
Xin Ngài xót thương, nói cho con.
Ngoại trừ Đức Mâu-ni, từ bi
Tất cả thế gian, ai làm được
Có thể trao cho quả Pháp vương

Xin Phật thọ ký quả Bồ-đề.
Nay con khéo hỏi Thế Đạo Sư
Thích-ca, Ngưu vương, đại oai đức
Đã đến bờ, trí tuệ quang minh
Đoạn trừ tham, sân, si ô uế.
Không thể nghĩ bàn hằng sa ức
Kiếp số Đạo Sư đã tu hành
Để cầu hạnh Bồ-đề thắng diệu
Vì nhân duyên gì hiện mỉm cười?
Hay bỏ thân mình với tay chân
Vợ con, quyến thuộc người thân yêu
Thường hay tu hành Thắng hạnh này
Cho nên con hỏi Đấng Mâu-ni?
Voi, ngựa, xe cộ và trâu, dê
Nô tỳ, ma-ni, trân châu vàng
Không thấy sở hữu các vật báu
Khi hành Bồ-đề mà không bỏ.
Trí ấy tối thắng, đều hiển hiện
Biết các việc làm của chúng sinh
Tín tâm, tánh dục đã khéo biết
Xin nói duyên gì hiện mỉm cười?
Ai từng cúng dường Nhân Trung Tôn?
Nay ai thành tựu lợi lạc lớn?
Ai có thể hành việc Phật hành?
Vì ai mà hiện sự mỉm cười?
Mặt đất bấy giờ sáu chấn động
Ức hoa sen đẹp mọc từ đất
Hoa này chiếu sáng đủ ức cánh
Sắc vàng rực sáng thật khả ái.
Phật tử ngồi trên hoa sen kia
Bồ-tát đại thần thông bậc nhất
Vô lượng Pháp sư đến vân tập
Cho nên con mới hỏi như vậy.
Đánh trống, khua linh, thổi tù và
Kỹ nhạc ức số như hằng sa
Những loại âm nhạc nhiều như vậy
Trong đó, tiếng Phật tối thắng diệu.
Câu sí, Tần-già, ngỗng và hạc

Các chim cùng lúc đến vân tập
Đồng thời hót lên tiếng thật hay
Không thể sánh bằng âm thanh Phật.
Ai từng bố thí, trì giới cấm
Tu tập trong vô lượng ức kiếp
Ai lại cúng dường Nhân Trung Tôn?
Mâu-ni vì ai hiện mỉm cười?
Ai xưa khởi tâm đại cung kính
Đã từng thưa hỏi Lưỡng Túc Tôn
Nhờ nhân duyên gì được Bồ-đề
Mà nay hiện sự mỉm cười này?
Tất cả Đấng Thập Lực quá khứ
Ở đời hiện tại cùng vị lai
Đạo sư trời, người đều biết rõ
Cho nên con hỏi Bậc Nhân Trung.
Rõ biết thứ lớp tâm chúng sinh
Với thần túc Phật không suy giảm
Lại biết tâm ưa thích chúng sinh
Cho nên con hỏi Mâu-ni sư.
Tu hành hạnh tối thắng vô thượng
Nhờ pháp tương ưng đã khéo học
Đạo Bồ-đề Phật làm sao được?
Cho nên con hỏi Lưỡng Túc Tôn.
Các pháp vi tế khó thấy được
Không tịch khó gọi, khó nghĩ bàn
Tu hành sở hành của Thập Lực
Cho nên con hỏi Thế Đại Sư.
Có thể khéo tu tâm Từ bi
Nơi chỗ chúng sinh chẳng nghĩ bàn
Thường không khởi các chúng sinh tưởng
Cho nên con hỏi Lưỡng Túc Tôn.
Cảnh giới sở hành khó nghĩ bàn
Nơi ngằn mé ấy bất khả đắc
Đã vượt qua được cảnh giới tâm
Cho nên con hỏi Lưỡng Túc Tôn.
Bố thí, trì giới rốt ráo rồi
Bậc trí sáng trong rõ ba đời
Xa lìa tất cả các tội ác

Vì nghĩa lý gì hiện mỉm cười?
Xá-lợi, Mục-liên, Cư-luật-đa
Và đệ tử khác các Như Lai
Chẳng phải là việc làm của họ
Chỉ cảnh giới Phật tối vô thượng.
Nơi tất cả pháp đến bỉ ngạn
Sở học các cõi đã cứu cánh
Đạo Sư phát sinh lòng thương lớn
Tiếng tuyên xướng vi diệu bậc nhất.
Vô lượng a-tăng kiếp quá khứ
Cũng từng hỏi nghĩa lý như vậy
Được làm người thân Đấng Cứu Thế
Nay đã chứng quả nói cho con.
Dạ-xoa, La-sát, Rồng, Bàn-trà
Chiêm ngưỡng Lưỡng Túc Tôn tối thắng
Tất cả cung kính đứng chắp tay
Đều hỏi Thế Tôn vì sao cười.
Nhiều chúng Bồ-tát đều vân tập
Thần thông đầy đủ, nhiều ức cõi
Tâm Như Lai sinh Tối trưởng tử
Tất cả cung kính đều chắp tay.
Đạo Sư Thế Tôn chẳng duyên cớ
Trượng phu tối thắng hiện mỉm cười
Ngôn ngữ vi diệu, âm thanh trống
Vì nhân duyên gì hiện mỉm cười?
Bồ-tát Hương Tượng phương Đông đến
Từ thế giới của Phật A-súc
Vô số chúng Bồ-tát vây quanh
Vì hỏi Thích-ca nên đến đây
Lại nữa, Diệu thế giới An lạc
Bồ-tát Quán Âm, Đại Thế Chí
Vô số chúng Bồ-tát vây quanh
Đến hỏi Lưỡng Túc Thích Sư Tử.
Vô lượng ức chỗ Phật quá khứ
Cúng dường vô biên các Như Lai
Giống như số cát trong biển cả
Vì hành thắng Bồ-đề vô thượng.
Chỗ tất cả chư Phật khen ngợi

Công đức Bồ-tát đã cứu cánh
Mười phương thế giới đều nghe biết
Văn-thù-sư-lợi đứng chắp tay.
Du hành qua vô số cõi Phật
Đệ tử lớn như vậy khó thấy
Công đức Phật tử đã khéo học
Tất cả chắp tay đứng cung kính.
Căn, khí tối thắng không ai bằng
Bậc điều phục nhu nhuyến như vậy
Thọ trì tất cả tạng Phật pháp
Xin Phật tuyên thuyết lời hòa diệu.
Thế Tôn Đạo Sư đâu vô cớ
Trượng phu tối thắng hiện mỉm cười
Tiếng trống vi diệu xin diễn thuyết
Vì nhân duyên gì hiện mỉm cười?
Câu sí, chim yến, ngỗng, khổng tước
Tiếng rống Ngưu vương như sấm sét
Xin phát nhạc trời âm tuyệt diệu
Cúi mong diễn thuyết tiếng thêm vui.
Khéo tập Từ bi lìa các lỗi
Trí tuệ hiện tiền đoạn ngu si
Hiểu nghĩa chân thật lìa văn tự
Trong trăm ngàn kiếp đã tu trì.
Quyết định không tịch biết các hữu
Hiển bày các cú nghĩa khổ diệt
Phá hoại tất cả trí ngoại đạo
Không vô chúng sinh và thọ mạng.
Chư Phật tu hành trăm ngàn hạnh
Trăm ngàn thứ phước để trang nghiêm
Trăm ngàn chư Thiên đều khen ngợi
Trăm ngàn Phạm thiên cũng như vậy.
Dạ-xoa, La-sát đều tịnh tâm
Ma-hầu, Kim sí, Rồng hoan hỷ
Miệng thường tuyên thuyết không chướng ngại
Chỗ khởi của nghiệp quả tịnh diệu.
Tất cả chư Phật đã diệt độ
Cùng với hiện tại, đời vị lai
Rõ biết tất cả không chướng ngại

Từ chỗ sinh ra các công đức.
Đại hải, đại địa và các núi
Tất cả thảy đều sáu chấn động
Chư Thiên, Tu-la, Rồng, La-hầu
Rải các hoa hương rất thắng diệu.
Đoạn trừ tham, sân và hôn, mạn
Liễm thúc tâm ý đều thanh tịnh
Âm thanh tịch tĩnh, gọi vô tướng
Đại Thánh, sư tử rống như vậy.
Đầy đủ biện tài, danh xưng lớn
Nơi mắt nơi pháp khéo bình đẳng
Thế gian ai bằng, ai qua nổi
Cúi mong Đại Bi nói nghĩa cười?
Câu sí, Tần-già và Khổng tước
Mạng mạng các chim, âm thanh diệu
Cùng lúc hót lên thật khả ái
Chẳng thể bằng một âm của Phật.
Trống lớn, chiêng vàng, các trống nhỏ
Tù và, tiêu, sáo, đàn không hầu
Ngàn thứ âm nhạc đồng tấu lên
Một âm của Phật cũng hơn xa.
Ngàn thứ âm nhạc cõi trời hay
Và tiếng ca hay các Thiên nữ
Hợp lại cùng hát, người yêu thích
Một lời của Phật cũng hơn xa.
Đạo Sư của đời dùng một âm
Tùy sức tín tâm hiểu khác nhau
Tất cả đều bảo Phật vì mình
Mong đại Sa-môn nói duyên cười?
Diệu âm thỉnh chư Thiên và Rồng
Ca-lầu, Càn-thát, Tỳ-xá-xà
Chúng nó không thể diệt phiền não
Chỉ âm thanh Phật hay đoạn trừ.
Tuy lại khởi ái tâm, không nhiễm
Hành Từ liền được lìa lỗi sân
Hay sinh trí tuệ, lìa ngu si
Người được như vậy, lìa các cấu.
Tiếng Phật không thoát ra ngoài chúng

Hay đoạn trăm thứ các nghi ngờ
Với âm thanh ấy không cao, thấp
Diệu âm Mâu-ni tịch bình đẳng.
Giả sử cõi ba ngàn tan nát
Một niệm biển cả đều khô cạn
Trời, trăng có thể rơi xuống đất
Thế Hùng hoàn toàn không nói dối.
Sáu mươi loại ngữ ngôn thanh tịnh
Tiếng rống rất hay, không sợ hãi
Tiếng Phạm Như Lai xin nói cho
Tịch Tĩnh nhân gì hiện mỉm cười?
Tất cả quần sinh trong ba cõi
Có thể rõ biết việc làm ấy
Quá khứ, hiện tại và vị lai
Xin Nhân Tôn nói vì sao cười?
Tất cả Như Lai, Bậc Đại Bi
Ở trong các lực được cứu cánh
Nhan sắc Như Lai như trăng rằm
Đâu phải vô cớ hiện mỉm cười?

Ngay khi ấy Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng để trả lời Đại Bồ-tát Di-lặc:

Đúng như Đồng tử Nguyệt Quang ấy
Tán thán Như Lai không ai bằng
Tán thán Như Lai như vậy rồi
Sau lại vì đời được khen ngợi.
Ngày xưa ở thành Vương xá này
Đã từng xem thấy nhiều ức Phật
Nơi chỗ Phật ấy thường thưa hỏi
Định tịch diệt, thắng diệu như vậy.
Khi tu hành đạo hạnh Bồ-đề
Trong tất cả đời làm con ta
Thường hay đầy đủ vô ngại biện
Thường hằng an trụ nơi phạm hạnh.
Người ấy lúc đời cuối, hãi hùng
Chỉ có Di-lặc mới chứng biết
Trong tất cả thời trụ phạm hạnh
Hay phân biệt rộng Tam-muội này.
Muốn cầu Tam-muội thù thắng này
Khen đạo đang hành, sẽ đạt được

Vô lượng ức Phật đều nhiếp thọ
Cúng dường Đại Đạo Sư tối thắng.
Ta ở trong trí nên ký thuyết
Nơi hạnh thù Thắng Nguyệt Quang này
Ở thời cuối cùng, không chướng ngại
Nơi phạm hạnh ấy và thọ mạng.
Biết được ngàn ức các Như Lai
Như xem quả xoài trong bàn tay
Lại trải qua hằng sa số ấy
Ở đời vị lai tu cúng dường.
Chư Thiên và Rồng có tám ức
Chúng Dạ-xoa có bảy ngàn ức
Vị lai cúng dường Lưỡng Túc Tôn
Bọn họ đều có thể hộ giúp.
Được nghe thọ ký như vậy rồi
Hoan hỷ, yêu thích đều sung mãn
Nguyệt Quang bay cao bảy Đa-la
Đứng trên hư không, lời hy hữu:
Ô hay, Phật nói không gì hơn
An trụ trí giải thoát thần thông
Nhờ an trụ thắng trí quyết định
Tất cả dị luận không thể phá.
Xa lìa hai bên, chứng giải thoát
Quán sát sự việc, không đắm trước
Ở trong ba cõi, trí vô ngại,
Hoàn toàn không có các hý luận.
Tất cả hý luận mà không nhiễm
Giác quán các kiến đều đoạn trừ
Khéo tu nơi đạo, không nương tựa
Không bị người phá, không chống người.
Lại nơi ba cõi không nương tựa
Đoạn trừ các kết, hành thanh tịnh
Dây ái trói buộc đều xa lìa
Các hữu tương tục đều diệt sạch.
Hiểu rõ tự thể tánh phi hữu
Thuyết pháp ly ngôn đều biết rõ
Kẻ vô trí nơi điên đảo ấy
Như sư tử rống bắt dã can.

Nay Phật vì hiện Diệu pháp tạng
Con nay đạt được Diệu bảo tụ
Đoạn trừ tất cả các đường ác
Nay con được định Phật không nghi.
Sắc vàng trăm phước, tay trang nghiêm
Xin đem tay báu xoa đầu con
Đối với trời, người trước đại chúng
Cúi mong Nhân Tôn quán đảnh con.
Con nhớ quá khứ lúc tu hành
Nơi cờ sư tử trong Phật pháp
Nơi có Tỳ-kheo rất thông duệ
Tên gọi Hiền Thí làm Pháp sư.
Con làm vương tử, tên Hiệt Tuệ
Thân gặp bệnh khổ rất nguy khốn
Lúc đức Hiền Thí làm Pháp sư
Nhu nhuyến, ngay thẳng, đầy đức tốt.
Năm trăm lương y, không giảm thiểu
Thảy đều đi đến trị cho con
Quyến thuộc, thân thích đều sầu lo.
Bấy giờ Đại Sư nghe con bệnh
Liền đến chỗ con mà thăm hỏi
Hiền Thí liền sinh tâm xót thương
Vì con mà thuyết Tam-muội này.
Con được nghe Tam-muội này rồi
Không cần của cải, tâm ưa thích
Nhờ rõ biết thể tánh các pháp
Lúc ấy bệnh khổ liền tiêu trừ.
Tỳ-kheo thực hành hạnh Bồ-đề
Được thành Phật đạo hiệu Nhiên Đăng
Khi xưa ta, vương tử Hiệt Tuệ
Nhờ Tam-muội này trừ khổ não.
Do nhân duyên ấy nên đồng tử
Ta nhớ việc này nên dặn ngươi
Nhẫn sự mắng nhiếc và hủy nhục
Thọ trì, đọc tụng định như vậy.
Tỳ-kheo mạt thế có vô lượng
Phóng dật, phá giới nhiều keo kiết
Đắm trước y bát, ưa làm ác

Khởi tâm bài báng Tam-muội này.
Tật đố, khinh tháo, thả các căn
Sống nhà thế tục vì tham lợi
Thường nương quán Sổ tức kiếm sống
Nên họ hủy báng Tam-muội này.
Buông tay, duỗi chân, mặc tình láo
Đi chạy nói cười tự ngắm bóng
Bạn bè múa tay, tùy theo đường đi
Nếu vào tụ lạc hiện tướng lạ.
Như vậy chẳng hợp nghi thức người
Ngày đêm đam mê nơi đồng nữ
Nơi sắc, thanh ấy, thường đắm trước
Dạo chơi thôn ấp hiện tướng này.
Tâm thường ưa thích sự ăn ngon
Cười đùa, ca múa và âm nhạc
Mua bán đổi chác thường cầu lợi
Ưa thích uống rượu và cỡi ngựa.
Ham thêm cất chứa nhiều ẩm thực
Chết rồi đọa lạc ba đường ác
Chuyên lo khai khẩn và cày ruộng
Bảo trì tự kỷ nơi trú xứ.
Nghe người khác dạy, truyền thơ tín
Vứt bỏ giới cấm và oai nghi
Thân cận bạch y, trái lời Phật
Hủy phá cấm giới, trụ ác đạo.
Làm Phật thường không khen ngợi nghiệp
Đó là lường cân, hay lừa dối
Tạo tác các nghiệp ác như vậy
Vì ác hạnh này, đọa ác đạo.
Có nhiều của cải vàng với ngọc
Vứt bỏ người thân mà xuất gia
Không thể an trụ tu tịnh giới
Trở lại mua bán, tạo nghiệp xấu.
Trâu, ngựa, đực mái cùng trứng sữa
Chỉ ỷ tiền, lúa là hơn hết
Vì sao xuất gia, cạo râu tóc
Mà không giữ giới và nghi thức?
Thời quá khứ ta hành Bồ-đề

Ở trong ngàn kiếp tu khổ hạnh
Để cầu định tịch diệt như vậy
Người ngu nghe vậy liền chê cười.
Hành phi phạm hạnh thích nói dối
Thường tham lợi dưỡng rơi ác đạo
Mặc áo phạm hạnh để dối đời
Hủy báng giới, định, nói phi pháp.
Đây, kia thay nhau cùng phá hoại
Không thể đúng pháp cầu lợi dưỡng
Chỉ muốn tìm lỗi lầm của nhau
Chết rồi đọa lạc ba đường ác.
Trong trăm ngàn người không được một
Là người có thể trụ nhẫn nhục
Bè đảng, đấu tranh, vô lượng người
Vứt bỏ nhẫn nhục, thường giận nhau.
Đều tự xưng tán là Bồ-tát
Muốn tiếng tăm mình lan các nước
Nếu được hư danh tự vui mừng
Còn không khéo làm, huống chi đạo!
Ta từng không nghe cũng không thấy
Người dục lạc không có tịnh hạnh
Bài báng pháp này, không hâm mộ
Sao thể đạt được đạo Bồ-đề?
Không mưu sinh, nên xuất gia
Không cầu tất cả Bồ-đề phật
Người ngu an trụ trong ngã kiến
Nghe nói vô ngã liền kinh sợ.
Đây, kia cùng nhau hằng tranh luận
Ngã mạn, tự cao, xâm lấn nhau
Tự cho mình đúng, người khác sai
Thường làm bất thiện, vọng hoan hỷ.
Thành tựu các công đức tịnh giới
An trụ tâm Từ, hành nhẫn nhục
Điều phục, nhu nhuyến và thuần thiện
Những thiện nhân ấy đều bị khinh.
Nếu ai đương lai khởi tâm ác
Hết sức chống lại điều bất thiện
Ưa thích đấu tranh, làm phi pháp

Bọn họ lúc đó được cúng dường.
Ta nay cùng khéo khuyên bảo ông
Với ta ông nên sinh tịnh tín
Chỗ Như Lai ấy đã thuyết giáo
Bọn người ác ấy chớ thân cận.
Kẻ lắm tham ái và sân nhiều
Người nhiều ngu si và hôn mạn
Không hổ, không thẹn, không điều phục
Với họ, ông mau khởi sức nhẫn.
Nay ta đã nói vô lượng đức
Tỳ-kheo nơi đó không an trụ
Đâu phải miệng nói, được Bồ-đề
Cần phải kiên cố làm mới được.

-oOo-

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

QUYỂN 4

Bấy giờ Bà-già-bà, ở trong đại chúng chỉ giáo việc lợi lạc rồi, liền từ tòa đứng dậy, đi đến thành Vương xá vào núi Kỳ-xà-quật trải tòa mà ngồi. Các chúng Tỳ-kheo và chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, vây quanh trước sau.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang cùng tám trăm ức người và Thiên, Long, tám bộ quỷ thần... với mười na-do-tha các chúng Bồ-tát ở thế giới khác, cầm các vòng hoa báu, hương xoa, hương bột, y phục, phướn hoa, các thứ âm nhạc, dựng lên dù lọng, treo các phướn lụa, ra khỏi thành Vương xá, hướng đến núi Kỳ-xà-quật, đi đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh nhiều lần, dùng các hương hoa, y phục, bảo cái, tràng phan, tấu các âm nhạc, thiết bày sự đại cúng dường. Khi đã cúng dường xong, cúi đầu cung kính, vì để hỏi pháp, nên ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang nói như vầy:

–Con đối với Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri có điều muốn thưa hỏi, cúi mong Như Lai cho phép.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Đồng tử:

–Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, cho phép ông muốn hỏi gì cứ hỏi! Điều ông hỏi sẽ đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta sẽ phân biệt, giải thích để tâm ông được hoan hỷ.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang được Phật cho phép liền bạch rằng:

–Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp, mới có thể được Tam-muội tất cả pháp thể tánh bình đẳng không hý luận như vậy?

Khi ấy Phật bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp mới có thể được Tam-muội tất cả pháp bình đẳng không hý luận như vậy? Những gì là bốn?

1. Khéo học sự nhu nhuyến, đồng ở an ổn, đạt đến chỗ điều phục, có thể nhẫn được sự hủy nhục, thấy pháp, trừ ngã mạn, đó là pháp đầu tiên. Bồ-tát nếu có thể thành tựu như vậy thì liền có thể đạt được Tam-muội tất cả pháp thể tánh bình đẳng không hý luận như vậy.

2. Lại nữa, này Đồng tử! Đại Bồ-tát thành tựu, giới thiện, giới thanh tịnh, giới thanh tịnh thiện đệ nhất, giới không uế trược, giới không khiếm khuyết, giới không thủng lậu, giới không xen tạp, giới vô định sắc, giới tự tại, giới không chỗ nương thể chê trách, giới không thoái lui, rơi rớt, giới không nương tựa, giới không thủ trước, giới vô sở đắc, giới Thánh khen ngợi, giới bậc Trí khen ngợi. Này Đồng tử! Đó là pháp thứ hai, Bồ-tát đầy đủ pháp này, có thể đạt được Tam-muội thể tánh bình đẳng của tất cả các pháp không hý luận.

3. Lại nữa, này Đồng tử! Đại Bồ-tát sợ ba cõi nên khởi tâm sợ hãi, vì nhàm chán ba cõi nên khởi tâm không nhiễm ô, vì không đắm trước ba cõi nên khởi tâm cấp bách, vì để giải thoát khổ ba cõi cho chúng sinh nên khởi tâm đại Bi, vì hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên phát tâm đại tinh tấn. Này Đồng tử! Đó là pháp thứ ba. Bồ-tát thành tựu như vậy, mới có thể đạt được Tam-muội tất cả pháp thể tánh bình đẳng không hý luận.

4. Lại nữa, này Đồng tử! Đại Bồ-tát cầu sự nghe nhiều, không bao giờ chán, vì tôn trọng pháp nên không cầu tài lợi, vì tôn trọng trí tuệ nên không cầu tiếng tăm, tùy theo chỗ nghe, rồi thọ trì, đem nói rộng cho người khác, hiển bày nghĩa lý ấy, vì lòng xót thương nên không vì người thân thuộc Bồ-tát lại nghĩ như vầy: "Làm sao trước hết có thể khiến chúng sinh nghe pháp thì đối với Vô thượng Bồ-đề, họ mau chóng được không thoái chuyển." Đó là pháp thứ tư. Bồ-tát thành tựu như vậy có thể được Tam-muội thể tánh tất cả pháp bình đẳng, không hý luận.

Đồng tử nên biết! Pháp môn Tam-muội này được vô lượng chư Phật đã diễn thuyết, vô lượng chư Phật khen ngợi, vô lượng chư Phật hiển thị, vô lượng chư Phật tu tập.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Ta nhớ vô số, vô biên kiếp
Có Phật hiệu là Âm Thanh Thân
Đức Như Lai Âm Thanh Thân ấy
Ở đời thọ mạng sáu ngàn năm.
Tiếp theo Phật ấy lại có Phật
Tên Trí Tự Tại, đời mến yêu
Đức Trí Tự Tại, Chánh Biến Tri
Thọ mạng một vạn hai ngàn tuổi.
Tiếp theo Phật ấy có Đức Phật
Oai Đức Tự Tại, thế lực lớn

Đức Phật Oai đức, Nhân Trung Tôn
Thọ mạng bảy vạn sáu ngàn tuổi.
Tiếp theo Phật ấy lại có Phật
Hiệu Đại Tự Tại, trí Tự nhiên
Đức Đại Tự Tại, thầy, trời, người
Thọ mạng trọn cả ngàn vạn năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Tên Phật ấy là Phạm Thanh Sư
Đức Phật Phạm Thanh, Lưỡng Túc Tôn
Thọ mạng trọn cả một ức năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Hiệu Chúng Tự Tại, Tối Thắng Ly
Đức Chúng Tự Tại, Bậc Vô Tỷ
Thọ mạng trọn cả sáu ức năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Tên Phật ấy là Thanh Tự Tại
Đức Thanh Tự Tại, Bà-già-bà
Thọ mạng trọn cả ngàn vạn năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Hiệu là Thanh Thượng, đèn soi đời
Đức Phật Thanh Thượng, Thế Đạo Sư
Thọ mạng một vạn bốn ngàn năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Hiệu Mãn Nguyệt Diện, danh rộng khắp
Đức Mãn Nguyệt Diện, danh rộng khắp
Ở đời thọ mạng một ngày đêm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Tên Phật ấy là Nhật Diện Mãn
Đức Phật Nhật Diện, Bậc Vô Tỷ
Thọ mạng một vạn tám ngàn năm.
Tiếp theo Đức Phật lại có Phật
Hiệu Phật ấy là Phạm Diện Thân
Đức Phạm Diện Thân, Lưỡng Túc Tôn
Thọ mạng hai vạn ba ngàn tuổi.
Tiếp theo Phật ấy lại có Phật
Tên Phật ấy là Phạm-bà-tâu
Đức Phạm-bà-tẩu, Thiên Nhân Sư
Thọ mạng một vạn tám ngàn tuổi.

Các Phật như vậy, cùng một kiếp
Con số hai trăm Thế Đạo Sư
Nay ông nghe ta nói tên Phật
Đều là bạn thân trong ba cõi.
Phật Vô Hủy Thân, Phật Phổ Âm
Phật Biến Oai Đức, Phật Biến Thanh
Phật Thanh Cúng Dường, Phật Danh Thanh
Phật Thanh Thân Dũng, Thanh Thân Tịnh.
Phật Trí Khởi, Trí Tri Thiện Thính
Trí Quang Ánh Tế, Trí Đẳng Khởi
Phật Trí Diễm Tụ, Phật Trí Dũng
Phật Phạm Thượng, Phạm Mạng, Phạm Thiện
Phật Thiện Phạm Thiên, Thắng Phạm Thanh
Phật Phạm Âm, Phạm Thiên, Phạm Thí
Phật Oai Lực, Oai Chủ, Thiện Oai
Phật Oai Đức, Tự Tại, Khởi Oai.
Phật Oai Đức Nhãn, Phật Thiện Thắng
Bố Thượng, Bố Tuệ, Thiện Khả Bố
Phật Khả Bố Diện, Phật Bố Khởi
Phật Khả Bố, Bố Thượng, Kiến Thật
Thiện Nhãn, Nguyệt Thượng, Thắng Đạo Sư
Phật Thâm Viễn Âm, Vô Biên Âm
Phật Tịnh Âm, Tự Tại Tịnh Âm
Phật Vô Lượng Âm, Thiện Hiện Thanh
Phật Ma Lực Âm, Hoại Thiện Nhãn
Phật Thiện Nhãn, Tịnh Diện, Tịnh Nhãn
Phật Vô Lượng Nhãn, Phật Phổ Nhãn
Phật Thiện Phổ Nhãn, Phật Thắng Nhãn
Phật Nhãn Ánh Tế, Phật Bất Hủy
Phật Điều Phục Thượng, Phật Điều Phục
Phật Thiện Điều Tâm, Phật Thiện Điều
Phật Tịnh Căn, Tịch Ý, Tịch Thượng
Tịch Đức, Cực Tịch, Đáo Bỉ Ngạn
Bậc Như Lai Tịch Tâm, Vô Thượng
Phật Trụ Biên Tịch, Thiện Điều Tâm
Phật Thiện Điều, Tịch Căn, Định Ý
Phật Tịch Thượng, Tịch Đức, Xí Thạnh
Phật Độ Tịch, Bỉ Ngạn, Định Dũng

Phật Chúng Nhân-đà-la, Vương Chúng
Phật Chúng Tự Tại, Ánh Tế Chúng.
Chúng Thắng Tịnh Trí, Đại Chúng Chủ
Phật Chúng Chủ, Dũng Kiện Đại Chúng
Chánh Biến Tri Thắng Chúng Giải Thoát.
Phật Kiến Pháp, Pháp Tràng, Pháp Khởi
Phật Pháp Thể, Tánh Khởi, Pháp Lực
Phật Pháp Phật, Diệu Pháp, Dũng Kiện
Phật Tự Tánh Pháp Khởi Quyết Định.
Như Phật Tự Tánh Pháp Khởi này
Gồm có tám ức, cùng một tên
Phật này xuất hiện kiếp thứ hai.
Các Như Lai này ta từng cúng.
Phật Tự Tánh Pháp Khởi, Quyết Định
Nếu ai được nghe tên của Ngài
Nghe xong, thọ trì, được tịnh nghiệp
Thì mau đạt được Tam-muội này.
Ta nay đã nói vua Mâu-ni
Sau Đức Phật đó có Phật khác
Vô số kiếp không thể nghĩ bàn
Phật hiệu Thiện Thắng, Phật Âm Vương.
Đức Thiện Thắng Vương Như Lai ấy
Thọ mạng bảy vạn sáu ngàn năm
Hội đầu tiên của Như Lai này
Có chúng La-hán ba mươi ức.
Sáu Thông, ba Minh, căn điều phục
Đủ đại oai đức, bốn Thần túc
Thọ thân cuối cùng hết các lậu
Không bị nhiễm ô bởi tám pháp.
Bấy giờ lại có chúng Bồ-tát
Gồm có cả thảy vạn vạn ức
Được sáu thần thông, đủ biện tài
Học không rốt ráo nơi các pháp.
Dùng sức thần thông, dạo ức cõi
Lần lượt giáo hóa hơn hằng sa
Hỏi các Như Lai chỗ hành đạo
Trở về trú nơi thế giới mình.
Thông suốt tất cả Tu-đa-la

Du hành thế giới làm đèn sáng
Đó là Phật tử đại thần lực
Vì lợi chúng sinh đi các nước.
Xa lìa xú uế, hành phạm hạnh
Không vì dục lạc tạo các ác
Thường làm chư Thiên được vui sướng
Ở trong các cõi không nương tựa.
Ở chỗ nhàn hạ thường khất thực
Ở nơi không tịch, hành Đầu-đà
Nghe nhiều, khéo nói, phước đức lớn
Ở nơi ba cõi không đắm trước.
Vui nơi thiền định, không sợ hãi
Nơi nghĩa quyết định, được biện tài
Nơi nghĩa câu, từ đã khéo học
Chỗ hỏi Phật tử điều rốt ráo.
Nhiếp hộ tất cả các nghiệp thiện
Nơi vô lượng kiếp tu hành xong
Thường được chư Phật đều khen ngợi
Diễn thuyết cú nghĩa đạo giải thoát.
Trì giới thanh tịnh, không ô nhiễm
Như xe trong nước không đắm trước
Ở nơi ba cõi thường nhàm chán
Không bị thế pháp làm nhiễm ô.
Tâm ấy thanh tịnh, nghiệp thanh tịnh
Ít muốn, biết đủ, đầy oai nghi
Tương lai an trụ trong Thánh đức
Cũng trụ ba Minh, đạo thù thắng.
Cần phải tu hành, không phải nói
Tự an trụ pháp, vì người nói
Vì các Như Lai khéo nhiếp thọ
Giao phó tất cả tạng Phật pháp.
Ở trong ba cõi sinh sợ hãi
Dùng tâm tịch tĩnh, thường tu định
Thường được gia hộ bởi chư Phật
Nói ngàn ức loại Tu-đa-la.
Nếu nói ức loại Tu-đa-la
Xa lìa tất cả thế gian giáo
Tin nơi không tịch, nói nghĩa sâu

Tiếng tăm vô lượng, đức như biển.
Đồng tử! Ta ở vô lượng kiếp
Thường khen ngợi họ không gián đoạn
Nay ta chỉ nói một phần nhỏ
Giống như giọt nước trong biển cả.
Khi ấy Phật Thiện Thắng Âm Vương
Nói định tối thắng tịch diệt này
Lúc đó cõi tam thiên đại thiên
Chư Thiên và người đều đông đủ.
Khi Đức Phật nói tịch định này
Lúc đó đại địa sáu chấn động
Số chúng trời, người như hằng sa
An trụ không thoái đạo Bồ-đề.
Có Nhân Trung Tôn, Vương tối thượng
Hiệu Công Đức Lực, đại oai thần
Có cả thảy năm trăm người con
Nhan mạo đoan chánh, rất đẹp đẽ.
Có tám ức phu nhân mỹ diệu
Đều là quyến thuộc trong cung vua
Vua Công Đức ấy sinh con gái
Cả thảy một ngàn bốn trăm ức.
Vua ấy, ngày mười lăm tháng tám
Liền muốn thọ trì Bát trai giới
Cùng với tám ức na-do người
Đồng thời đi đến chỗ Như Lai.
Cúi lạy Lưỡng Túc Tôn Vô Thượng
Liền ở trước Phật, ngồi một bên
Như Lai biết tâm vua ưa thích
Ngài liền nói Thắng Tam-muội này.
Đức vua nghe xong Tam-muội ấy
Vứt bỏ ngôi vua như nhổ dãi
Cùng bỏ tất cả người thân ái
Ở chỗ Đức Phật mà xuất gia.
Phu nhân hậu cung, con thuận thảo
Và các cung nữ đều xuất gia
Quyến thuộc hậu cung và thân tộc
Bảy mươi sáu vạn na-do-tha.
Vợ con đức vua đã xuất gia

An trụ dũng mãnh thường tinh tấn
Kinh hành không nghỉ tròn tám năm
Trong khi kinh hành thì mạng chung.
Đại Thánh Vương này mạng chung rồi
Sinh lại nước mình nơi cung vua
Bỗng nhiên hóa sinh, không thai nhiễm
Bấy giờ Như Lai còn tại thế.
Vua cha tên là Kiên Cố Lực
Mẹ vua tên là Đại Trí Tuệ
Nhà vua sinh rồi thưa phụ mẫu
Phật Thắng Âm Vương trụ thế chăng?
Khi ấy Như Lai Thắng Âm Vương
Từng nói cho ta Thắng Tam-muội
Chẳng phải nhân duyên, chẳng vô duyên
Ở trong các cõi chỉ nói một.
Là ấn khởi tánh tất cả pháp
Nói ra vạn ức Tu-đa-la
Tài sản vô thượng của Bồ-tát
Nay Phật vẫn nói Tam-muội chăng?
Thuyết pháp không hoại nơi nhân quả
Hay tu tám Thánh đạo tối thắng
Trí tuệ Như Lai thấy thế gian
Rõ biết các pháp nhập Thánh đế.
Thân nghiệp, khẩu nghiệp đều thanh tịnh
Ý nghiệp thanh tịnh, tri kiến tịnh
Vượt qua tất cả các phan duyên
Phật ấy vẫn nói Tam-muội chăng?
Hay biết các ấm, giới bình đẳng
Xa lìa tất cả tướng các nhập
Chứng nơi nhẫn tịch diệt, vô sinh
Phật này vẫn nói Tam-muội chăng?
Biện tài vô ngại, nhập tịch trí
Thấu hiểu văn tự, trí sai biệt
Có thể vượt lên các chấp trước
Phật ấy vẫn nói Tam-muội chăng?
Biết các âm thanh được hân hoan
Gặp chư Phật rồi vui khôn xiết
Được con đường Thánh thẳng, nhu nhuyến

Phật vẫn nói Tam-muội này chăng?
Không khởi sân hận, thường thuận hòa
Nói lời hay đẹp, luôn mỉm cười
Thấy các chúng sinh, trước an ủi
Phật vẫn nói Tam-muội này chăng?
Cung kính Tôn trưởng, không giải đãi
Lễ bái cúng dường mãi chiêm ngưỡng
Thân mình thanh tịnh, đủ bạch pháp
Pháp vương vẫn nói Tam-muội chăng?
Nơi các bạch pháp thường không chán
Sống nơi không nhàn lìa tà mạng
Nhớ nghĩ các địa không quên mất
Pháp vương vẫn nói Tam-muội chăng?
Nơi ấm, trí thiện xảo, thần thông
Xa lìa phiền não bậc điều phục
Hay đoạn phàm phu, nói lời đạo
Pháp vương vẫn nói Tam-muội chăng?
Thường hay siêng tu các thắng hạnh
Xa lìa phạm giới, biết trì, phạm
Và lìa tất cả các ái thân
Pháp vương vẫn nói Tam-muội chăng?
Vượt qua tất cả các hữu sinh
Tự biết kiếp trước lìa các nghi
Trong lòng kính pháp, nghe Tổng trì
Nay Phật vẫn nói Tam-muội chăng?
Pháp sinh thắng trí tuệ lợi lạc
Tin thích bất động như núi chúa
Được môn Tổng trì không thoái chuyển
Thế Thân vẫn nói Tam-muội chăng?
Thường cầu tất cả pháp bạch tịnh
Ở trong ác pháp thường xa lìa
Tâm không du nhập bạn phiền não
Như Lai vẫn nói pháp này chăng?
Các học cứu cánh, được tự tại
Nơi các thiền định đã cùng tột
Trí tuệ hay khiến tin, hoan hỷ
Mâu-ni vẫn còn thuyết pháp chăng?
Tăng trưởng trí Thắng trí, sinh trí

Trí tuệ vô lượng, trí bình đẳng
Trí tùy sinh biết nơi các thú
Vua Mâu-ni thuyết thắng pháp này.
Tín tâm xuất gia bỏ thế tục
Không đắm ba cõi, không nương tựa
Điều phục tâm mình khiến hân hoan
Là Phật nói Thắng Bồ-đề này.
Ở trong các pháp không chấp trước
Thường hay thọ trì tất cả pháp
Nơi các nghiệp quả tin bất động
Thế Tôn tối thắng nói pháp này.
Trí quả báo, giới luật trì, phạm
Diệt trừ tất cả các tranh luận
Hay nói không trái, không tranh cãi
Mâu-ni Lưỡng Túc, nói pháp này.
Thọ trì nhẫn nhục không sân hận
Thiện xảo nơi các sự hỏi đáp
Trí sai biệt biết các pháp cú
Thế Tôn Đại Bi nói pháp này.
Biết ngằn mé quá khứ, vị lai
Hay biết tánh Phật pháp ba đời
Trí phần đoạn biết được ba đời
Thế Tôn tự nhiên nói pháp này.
Thường hay trụ tâm vào một chỗ
Thường hay an thân nơi Thánh địa
Nơi các oai nghi thường không đổi
Nhân Trung Ngưu vương nói pháp này.
Có hổ, có thẹn, tự trang nghiêm
Biết được thế gian, đúng thời nói
Tất cả thường duỗi tay bố thí
Thế Thân Vô Thượng nói pháp này.
Thường hay nhiếp tâm có hổ thẹn
Cũng luôn xa lìa ác, bất thiện
Đầu-đà tùy thuận, thường khất thực
Bậc Mâu-ni Vương nói thắng pháp.
Tâm thường hổ thẹn, thường hân hoan
Cúng dường Thế Tôn, hằng cung kính
Xa lìa kiêu mạn, tu lễ bái

Như Lai nói pháp thắng diệu này.
Ngăn tâm hạ liệt, khiến an nhàn
Tự hay đo lường ngằn mé trí
Xa lìa vô tri, các chướng ngại
Thắng nhân như vậy nói pháp này.
Hay nhập tâm trí, ngôn ngữ trí
Quyết định hay biết các ngôn từ
Xa lìa tất cả việc không lợi
Như Lai Pháp Vương nói pháp này.
Thường được thân cận Thiện tri thức
Xa lìa tất cả người bất thiện
Thường được tin Phật, không phóng dật
Mâu-ni nói pháp Vô thượng này.
Biết đời giả danh, chỉ ngôn thuyết
Thường chán tất cả khổ thế gian
Với lợi, được, mất không mừng, lo
Mâu-ni nói pháp tối thắng này.
Nếu được cung kính, không tự cao
Không được cung kính, tâm buông xả
Nếu được xưng tán, tâm không mừng
Là Thế Gian Sư nói pháp này.
Thường bỏ tất cả các ác đạo
Không giao thông với người thế tục
Nơi chúng xuất gia không liên can
Bậc Trí Tự Nhiên nói pháp này.
Người dũng xa lìa chỗ làm sai
Thường an trụ nơi việc Phật làm
Đầy đủ oai nghi, tâm điều phục
Đó là gốc pháp Phật đã nói.
Thường xa tất cả pháp phàm ngu
Cũng lìa các pháp nhà ô uế
Thường hộ tất cả các Phật pháp
Pháp này được nói bởi Đại Trí.
Ít nói, tốt đẹp khéo tương ưng
Đối với người thường nói nhỏ nhẹ
Như pháp hàng phục các oán địch
Mặt trời giáo pháp Đại trí tuệ.
Biết thời, tiết lượng việc ăn uống

Cẩn thận chớ tin pháp phàm phu
Nếu gặp duyên khổ, tâm không buồn
Là giáo pháp thiện thắng của Như Lai.
Nếu thấy người tham được của cải
Thấy người phá giới khởi lòng thương
Dùng lòng Từ mẫn để khai hóa
Đó là Thắng pháp Như Lai dạy.
Thường dùng pháp nhiếp hóa chúng sinh
Và bỏ tất cả các tài sản
Đối với tám pháp không chứa nhóm
Như Lai Đại Thánh đã dạy vậy.
Khen người trì giới, trách phá giới
Kiên trì tịnh giới không dối trá
Không chứa của cải, thường xả bỏ
Là giáo pháp tối thắng Như Lai.
Hết lòng thưa hỏi các Sư trưởng
Tùy theo lời dạy đều làm theo
Thường hay thân cận các Pháp sư
Giáo pháp tối thắng Như Lai vậy.
Tâm thường ưa thích, hằng cung kính
Cũng thường an trụ nơi chánh kiến
Nơi các thiện nghiệp hay quyết định
Giáo pháp tối thắng Như Lai vậy.
Tạo các thiện hạnh là trên hết
Phương tiện thiện xảo, vứt bỏ tướng
Xa lìa nơi tưởng và việc tưởng
Giáo pháp vô thượng của Như Lai.
Với Tu-đa-la hay rõ biết
Cú nghĩa chân thật khéo tu học
Chứng trí giải thoát thường thiện xảo
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Mở miệng nói ra lời chánh ngữ
Tâm, cảnh tương xưng lời quyết định
Tuyên nói điều gì không nghi ngờ
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Thường nên tu tập các pháp không
An trụ sức giới, không sợ hãi
Du hành tất cả nơi tịch định

Là tối thắng giáo của Như Lai.
Không cầu thân ái và lợi dưỡng
Trong lòng không có các quanh co
Xa lìa tất cả các ác kiến
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Nơi Đà-la-ni được thắng biện
Trí tuệ chiếu sáng, rộng vô biên
Thuyết pháp không dứt, biện tài tịnh
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Nơi bốn pháp môn tụ tập lâu
Hay nhập vào hạnh tối hiền thiện
Với lời Phật dạy, vâng tu hành
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Nơi lời Phật dạy tùy thuận nhẫn
An trụ nhẫn ấy lìa các lỗi
Xa lìa phi trí, trụ nơi trí
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Nhờ trí trụ nơi phương tiện địa
Tụ tập hạnh thiện xảo Bồ-tát
Làm chỗ tu hành của Trượng phu
Là tối thắng giáo của chư Phật.
Thường lìa phương tiện không đúng pháp
Như Lai nói đó là Phật địa
Nếu có trí tuệ, Phật tùy hỷ
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Phật địa rộng lớn chẳng hai thừa
Phàm ngu không trí sinh hủy báng
Người trí được chư Phật nhiếp thọ
Là tối thắng giáo của Như Lai.
Như Lai khéo biết pháp môn này
Chư Thiên cung kính nên cúng dường
Ngàn ức Phạm chúng thường tùy hỷ
Như Lai vẫn nói Tam-muội chăng?
Vô lượng trời, rồng thường lễ bái
Khẩn-na, Kim sí thường tán thán
Dưới cây Bồ-đề đã chứng đắc
Như Lai vẫn nói Tam-muội chăng?
Thường vì chỗ người trí mong cầu

Chính là tài sản thiện thắng pháp
Chẳng phải tài thí vui bậc nhất
Như Lai vẫn nói Tam-muội chăng?
Kho tàng trí tuệ nói không cùng
Có thể nói ức kinh vi diệu
Khéo biết ba cõi trí như thật
Như Lai vẫn nói Tam-muội chăng?
Nói về thuyền bè qua bờ kia
Không bị bốn giòng làm trôi nổi
Khiến cho tiếng tăm được tăng trưởng
Cho nên nói định Tam-muội này.
Tán thán mười loại lực tối thắng
Và khen Nhân trung Đại Ngưu Vương
Công đức Bồ-tát nhiều vô tận
Chính nhờ được Tam-muội này vậy.
Nói về tâm Từ, trừ sân hận
Làm người đại Bi, đại Hỷ, Xả
Nơi bậc Đại thừa được sức sống
Chính nhờ nói Tam-muội này vậy.
Làm sư tử hống nói Thắng hạnh
Đó là trí Phật, thắng A-hàm
Ấn thể tánh tất cả các pháp
Tam-muội như vậy Phật đã nói.
Chiêu tập trí Nhất thiết chủng trí
Là khu vườn người cầu Bồ-đề
Nó hay phá hoại chúng ma quân
Gọi là Phật nói Định thắng tịch.
Hay sinh công đức của Chánh giác
Là Ấn tự tánh tất cả pháp
Ấn Diệu pháp, vô sinh, tịch diệt
Đạo Sư đã nói Thắng Tam-muội.
Với người trụ pháp làm đèn sáng
Ở trong oán thù mà không thù
Như pháp hàng phục các ma quân
Đạo Sư nói Thắng Tam-muội này.
Hiển thị sự biện tài vô ngại
Các Lực giải thoát và các Căn
Mười tám pháp Bất cộng tối thắng

Do Tam-muội ấy được pháp này.
Cầu mong thật pháp Bậc Thập Lực
Bản nhân thắng trí của chư Phật
Phật Đại Trượng Phu đã thuyết pháp
Vì xót thương, cứu hộ thế gian.
Phật tử tối thắng đã nhiếp thọ
Người cầu giải thoát còn dục lạc
Nghe tịch tĩnh này khó thấy định
Là điều yêu thích các Phật tử.
Các Phật đầy đủ sự trí tuệ
Trí tuệ Bồ-tát khởi tâm cầu
Trong tâm thanh tịnh không phiền não
Nên tu định tịch diệt như vậy.
Thân nghiệp thanh tịnh, miệng cũng vậy
Như Lai chỉ bày cửa giải thoát
Không có tạp uế, ái dục trói
Cần phải siêng tu Tam-muội này.
Không sinh tham ái và sân nhuế
Mau chóng đạt được Đại trí tuệ
Hay khởi ánh sáng diệt vô minh
Cho nên phải tu định tịch diệt.
Người cầu giải thoát được viên mãn
Người cầu Tam-muội liền đạt được
Lìa sự khen chê, mắt Như Lai
Cần phải tu tập Tam-muội này.
Thần thông du hành nhiều cõi Phật
Thần túc thấy công đức chư Phật
Đà-la-ni môn được không khó
Cần tu định thắng tịch như vậy.
Gia trì niệm căn, được Bồ-đề
Cũng hay gia trì thấy nhiều Phật
Dùng trí vi tế nói vô sinh
Tu Tam-muội này được không khó.
Hành không đúng pháp khó giác ngộ
Nhờ xa lìa tất cả văn tự
Không dùng âm thanh mà hiểu rõ
Không từng nghe định nên không biết.
Trí tuệ Bồ-tát đã hiểu rõ

Như Pháp Vương nói mà hay biết
Tịch diệt không hủy đo lường được
Chỉ vì cứu độ thế gian vậy.
Dũng mãnh, tinh tấn khéo gìn giữ
Kiên cố hộ niệm hằng không mất
Trí tuệ dứt khổ và diệt trí
Phật vẫn nói Tam-muội này chăng?
Diễn thuyết tất cả pháp không sinh
Cũng nói tất cả các cõi sinh
Chư Phật Như Lai diệu trí tuệ
Phật vẫn nói Tam-muội này chăng?
Pháp này Đồng tử đã hiển thị
Tám mươi ức ngàn na-do-tha
Được âm thanh nhẫn, thắng, tùy thuận
Không thoái chuyển với Thắng Bồ-đề.
Vua Kiên Cố Lực bảo con rằng:
"Đức Phật Thế Tôn nay vẫn còn".
Vua hỏi Đồng tử như thế này:
"Con ở chỗ nào nghe pháp này?"
Con thưa: Lắng nghe Sát-lợi vương,
Con từng gặp được mười ức Phật
Cứ trong mỗi kiếp đều cúng dường
Thưa hỏi đầy đủ tịch định này.
Đã qua trong chín mươi bốn kiếp
Thường được hiểu rõ trí túc mạng
Từ đó không sinh trong bào thai
Chính nhờ tu sức Tam-muội này.
Ở chỗ Đức Phật hằng nghe pháp
Nghe rồi thâm tín mà tu tập
Con thường tin kiên cố như vầy
Chắc chứng Bồ-đề quyết không nghi.
Khi thọ trì, đọc tụng Tam-muội
Nếu có người đến hỏi với con
Cho đến trong mộng, không nghi hoặc
Cần phải thành tựu đạo Vô thượng.
Con nhờ đó được không tham ái
Tự biết quyết định sẽ thành Phật
Cũng thường sinh ưa thích như vầy:

Không biết khi nào được Bồ-đề?
Vì học thọ trì Thắng Tam-muội
Nếu có Tỳ-kheo dạy cho con
Con sinh cung kính với người đó
Cũng như cung kính với chư Phật.
Người kia dạy con một bài kệ
Khi tu hành thuận nhẫn Bồ-tát
Lòng thành chiêm ngưỡng như thầy hay
Khiêm hạ cung kính mà cúng dường.
Chỗ Tỳ-kheo trung niên, già, trẻ
Hổ thẹn, khiêm hạ sinh cung kính
Cung kính nơi ấy được danh xưng
Đời sau phước đức, đang tăng trưởng.
Với chuyện tranh cãi, không ưa thích
Lúc đó con an trụ thiểu sự
Rõ biết ác nghiệp sinh ác đạo
Biết được thiện nghiệp sinh thiện đạo.
Không nên nói pháp kẻ phóng dật
Với họ nghe toàn lời thô bỉ
Cũng tự suy tư nghiệp ác mình
Đã tạo nghiệp rồi không hề mất.
Lúc đó con không sân, không mạn
Phật nói nhẫn lực siêng tu hành
Chư Phật luôn luôn khen sự nhẫn
Tu nhẫn dễ được đạo Bồ-đề.
Con vốn trì giới luôn thanh tịnh
Cũng khiến chúng sinh trụ tịnh giới
Luôn luôn tán thán giới tối thượng
Do sống tịnh giới, người tín thọ.
Luôn luôn khen ngợi chỗ nhàn tịnh
Cũng tự an trụ trì tịnh giới
Khuyên người tu hành tám trai giới
Cũng lại dạy người học Bồ-đề.
Khuyên người tu tập tịnh phạm hạnh
Cũng lại dạy họ trụ nghĩa pháp
Vì họ hiển bày đạo Bồ-đề
Sau khi mạng chung thấy nhiều Phật.
Con nhớ khi ở kiếp quá khứ

Có Phật hiệu là Diệu Thanh Nhân
Trước Đức Phật ấy phát nguyện lớn
Hằng trụ sức nhẫn không lay động.
Khi xưa phát thề sâu như vậy
Trải qua tám ức bốn vạn năm
Khi ma hủy báng đến ma nhục
Tâm con như trước không biến động.
Bấy giờ hàng phục ma quân xong
Biết sức từ nhẫn con kiên cố
Đem tâm thanh tịnh lạy dưới chân
Năm trăm chúng phát tâm Bồ-đề.
Thời quá khứ con không keo kiệt
Luôn luôn tán thán hạnh bố thí
Giàu có của cải có tiếng tăm
Gặp thời đói kém làm thí chủ.
Nếu có Tỳ-kheo trì định này
Có thể tu tập, nói cho người
Liền tự thường hằng cúng dường họ
Nhờ có tâm này khiến thành Phật.
Lúc con có nghiệp vô thượng ấy
Thấy Phật Thế Tôn, Nhân Trung Tôn
Đời đời thường thọ giới Cụ túc
Được làm Tỳ-kheo, nghe Pháp sư.
Con thường thích tu hạnh Đầu-đà
Cũng ở rừng Lan-nhã không tịch
Không vì ăn uống mà dối láo
Được một phần nhỏ, đều thấy đủ.
Mọi lúc con không hề ganh ghét
Con thường không đắm trước tại gia
Không đắm trước nhà, không ganh ghét
Ưa thích nhàn tịnh, không thoái lui.
Lúc đó con luôn hành hạnh Từ
Nếu bị chửi mắng không sân hận
Dùng tâm Từ bi, khéo điều phục
Vòng hoa danh tiếng khắp mười phương.
Thường tập thiểu dục mà tri túc
Thích sự khổ hạnh, tu nhàn tịnh
Cũng thường khất thực, không mệt mỏi

Thệ nguyện kiên cố không lay động.
Tập hành tín tâm, thường thanh tịnh
Ở chỗ Như Lai tín thăng thượng
Bởi nhờ tin Phật có lợi lạc
Các căn không khuyết thường đoan chánh.
Như điều Phật nói liền thực hành
Thành tựu hạnh kiên cố như vậy
Hạnh kiên cố này có lợi gì?
Chư Thiên cúng dường vui khuyến thỉnh.
Con đã nói công đức diễn thuyết
Thượng đức thế gian và đức khác
Nếu có người trí nên tu học
Làm người hành đạo cầu Bồ-đề.
Nay con hằng nhớ hạnh khó làm
Mà thuở xưa kia thường tu tập
Nếu nay diễn thuyết thời gian lâu
Cùng họ theo đến chỗ Đức Phật.
Bồ-tát thắng trí đạt lợi này
Đạt được đầy đủ năm thần thông
Nhờ sức thần túc đến chỗ Phật
Cùng Phạm thiên vương cả ngàn vạn.
Vua Kiên Cố Lực tâm hoan hỷ
Cùng các quyến thuộc, ức vạn chúng
Đồng đi đến chỗ Đức Như Lai
Đảnh lễ dưới chân đứng trước Phật.
Khi Phật biết tâm vua hoan hỷ
Liền nói cho vua Tam-muội này
Đức vua nghe Tam-muội này xong
Vứt bỏ ngôi vua mà xuất gia.
Vua đã xuất gia, với định này
Thọ trì đọc tụng, nói cho người
Mãi về sau, hơn sáu mươi kiếp
Thành Phật hiệu là Liên Hoa Thượng.
Vua có sáu trăm ức quyến thuộc
Đồng lúc theo vua đến chỗ Phật
Họ nghe Thắng Tam-muội như vậy
Vui mừng vô hạn cũng xuất gia.
Họ xuất gia rồi, với định này

Thọ trì, đọc tụng, nói cho người
Hơn sáu mươi na-do-tha kiếp
Cùng trong một kiếp đều thành Phật.
Hiệu Phật Thiện Điều Phục Trí Thượng
Vô lượng người, trời cùng cúng dường
Mỗi một Đức Phật tiếng tăm lớn
Độ thoát chúng sinh hằng hà sa.
Vua Kiên Cố Lực là thân ta
Tu hành hạnh Bồ-đề thắng diệu
Thuở xưa ta có năm trăm con
Bọn họ sau này làm hộ pháp.
Nơi ngàn ức kiếp ta như vậy
Dũng mãnh tinh tấn, lìa giải đãi
Chuyên tâm cầu Thắng Tam-muội này
Chính là Vô thượng Bồ-đề vậy.
Đồng tử! Nếu có các Bồ-tát
Muốn đạt được như thắng định này
Tinh tấn, dũng mãnh, không tiếc mạng
Cần phải học ta siêng tinh tấn.

-oOo-

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

QUYỂN 5

Đức Phật lại bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Nếu Đại Bồ-tát đối với kinh điển Tam-muội này mà thọ trì, đọc tụng, vì người giải thuyết như pháp tu hành thì sẽ được bốn công đức.

Những gì là bốn?

1. Thành tựu đầy đủ phước đức.

2. Không bị oan gia làm hại.

3. Thành tựu trí tuệ vô biên.

4. Thành tựu vô lượng biện tài.

Này Đồng tử! Nếu có Đại Bồ-tát có thể đối với kinh điển của Tam-muội này mà thọ trì, đọc tụng, hộ niệm, tư duy, rộng nói cho người khác thì sẽ đạt được bốn loại công đức như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Phước đức thành tựu hằng đầy đủ
Ở trong mọi lúc thường không đoạn
Nhờ thọ trì Tam-muội như vậy
Đạt được cảnh giới chư Như Lai.
Công đức dũng kiện được gìn giữ
Ở trong mọi lúc thường thành tựu
Tu hành định thắng tịch như vậy
Đạt được thắng Bồ-đề vô thượng.
Sẽ không có tất cả oán địch
Thường không bị oán địch làm hại
Thành tựu trí tuệ đều viên mãn
Ở trong mọi lúc thường không đoạn.
Người ấy thành tựu trí vô lượng
Cũng lại đầy đủ tuệ vô biên
Vô lượng, vô biên thắng biện tài
Vì nhờ thọ trì thắng định vậy.
Thành tựu đầy đủ phước đức tụ

Cũng thành hạnh Bồ-tát thắng diệu
Không có tất cả các oán địch
Nhờ trì thắng định tịch diệt này.
Trí tuệ rộng lớn thật vô biên
Cũng thành vô biên thắng biện tài
Âm thanh mỹ diệu thật đáng ưa
Nhờ nói thắng định như thế đó.
Được bậc trí bạn lành mến yêu
Có thể tuyên thuyết về tự nghĩa
Mọi người đều biết kho phước này
Nhờ tuyên thuyết thắng định như vậy.
Được lợi dưỡng lớn, y phục đẹp
Cũng được món ăn rất thắng diệu
Nhan mạo đoan chánh thật khả ái
Nhờ thọ trì tịch định như vậy.
Thấy nhiều chư Phật bạn thế gian
Dùng vật tuyệt hảo cúng chư Phật
Không có tất cả các chướng nạn
Nhờ trì thắng định như vậy đó.
Ở trước Đức Phật mà tán thán
Tâm vui nói hằng trăm diệu kệ
Nơi trí tuệ ấy không hao tổn
Vì nhờ nói tịch định như vậy.
Thế Tôn Thập Lực ngồi ở trước
Tướng tốt trang nghiêm thân khả ái
Trong sạch thanh tịnh như núi vàng
Nhờ tu thắng định như vậy đó.
Trí ấy chưa từng có tổn giảm
Trí tuệ đa văn cũng sung mãn
Thành tựu đại pháp tạng tối thắng
Nhờ nói Tam-muội như vậy đó.
Trí tuệ rộng lớn, không hạn lượng
Nhiều hằng trăm kiếp nói không hết
Nghe tịnh định sâu xa như vậy
Như lời Phật dạy mà an trụ.
Không sinh tất cả các nạn xứ
Phật tử như vậy luôn làm vua
Trị nước như pháp, thường an ổn

Nhờ thọ trì thắng định như vậy.
Vô lượng vô biên ức số kiếp
Thập Lực nói công đức lợi lạc
Dù nói phần nhỏ cũng không hết
Giống như giọt nước trong biển cả.
Bấy giờ Đồng tử rất hân hoan
Liền từ tòa, sửa y, đứng dậy
Chắp mười ngón tay hướng Đức Phật
Hết sức hoan hỷ tán thán rằng:
Thế Tôn, Đại Hùng rất kỳ đặc
Vì thân với đời, làm ánh sáng
Bậc Đại Mâu-ni nói công đức
Hiển thị thắng lợi ích như vậy.
Đại Thánh Thế Hùng nói cho con
Mong Phật xót thương cứu hộ con
Người nào có thể đời mạt thế
Lắng nghe Tu-đa-la như vậy?
Ca-lăng, Tần-già, tiếng diệu âm
Sấm sét sâu xa, tiếng hân hoan
Đầy đủ vô lượng thắng trí tuệ
Phật bảo Đồng tử Nguyệt Quang rằng:
"Nay ông lắng nghe, ta sẽ nói
Hạnh vi diệu, tối thắng, vô thượng
Nếu người muốn thọ trì nơi pháp
Lắng nghe kinh Tam-muội như vậy.
Hết lòng cúng dường tất cả Phật
Dùng tâm thanh tịnh cầu trí Phật
Lại nên tu tập tâm Từ bi
Lắng nghe Tu-đa-la như vậy.
Thành tựu Đầu-đà lìa lỗi lầm
Tu hạnh tịch tĩnh, rừng công đức
An trụ trí thượng diệu đại thắng
Lắng nghe thọ trì kinh Tam-muội.
Các chúng sinh làm điều ác hạnh
Cùng với người hủy phá cấm giới
Các bọn Tỳ-kheo ác như thế
Không thể nghe kinh Tam-muội này.
Dũng mãnh tu hành các phạm hạnh

Tâm ấy không có các uế trược
Thường được chư Phật đều gia hộ
Kinh này sẽ trao tay người ấy.
Nếu ai đối với vô lượng Phật
Hầu hạ, cung kính tu cúng dường
Người ấy khi sinh đời mạt thế
Kinh này sẽ đến tay người đó.
Nếu ai đối với đời quá khứ
Ở trong ngoại đạo, làm hạnh ác
Người ấy nghe Tu-đa-la này
Trong tâm không vui, sinh ganh ghét.
Ở trong Phật pháp được xuất gia
Không vì Niết-bàn cầu sinh sống
Vì tham, tật đố tự trói buộc
Nên mới bài báng kinh điển Phật.
Tham đắm nhà người, sinh keo kiệt
Nên bị ma Ba-tuần sai xử
Chuyên cầu lợi dưỡng phá cấm giới
Ở trong Phật pháp ắt không tin.
Bởi kiếp trước không trồng căn lành
Chưa được trí tuệ sinh kiêu mạn
Nương vào ngã kiến, phàm phu ngu
Tâm cũng không tin đời mạt thế.
Nơi thế gian này, trong thiền định,
Liền bảo đã được tưởng chứng quả
Cho mình La-hán, nhận cúng dường
Họ sẽ hủy báng thắng Bồ-đề.
Tất cả những chỗ ở Diêm-phù
Hủy báng tất cả tháp miếu Phật
Nếu ai hủy báng Bồ-đề Phật
Mắc tội to lớn hơn người kia.
Nếu ai sát hại A-la-hán
Tội ấy vô lượng, vô biên số
Nếu ai hủy báng Tu-đa-la
Mắc phải tội báo hơn người kia.
Ai hay với kinh, tâm dũng mãnh
Ở thời mạt thế trong ác trược
Khi chánh giới, chánh pháp hủy hoại

Nói rõ Tu-đa-la như vậy.
Đồng tử buồn khóc, rồi đứng dậy
Vòng tay, cúi đầu phát nguyện rằng:
Sáng nay con nơi Sư Tử Hống
Ở trước Pháp Vương, Bậc Tối Thắng,
Sau khi Đức Như Lai diệt độ
Con ở thời ác thế, mạt thế
Xả bỏ thân mạng không tiếc nuối
Hoằng dương Tu-đa-la như vậy.
Hay nhẫn kẻ ngu, nói lời đạo
Hủy báng không thật, rất tổn nhục
Chửi mắng, khinh khi và khủng bố
Dũng mãnh tinh tấn mà nhẫn thọ.
Trừ khử tất cả các nghiệp ác
Ở đời quá khứ đã tạo ra
Trong lòng không sinh sự sân hận
Ắt sẽ an trụ trong Phật pháp.
Tay sắc vàng Diêm-phù tịnh diệu
Xoa trên đảnh Đồng tử Nguyệt Quang
Như Lai phát ra tiếng hòa nhã:
"Đồng tử Nguyệt Quang đại oai đức".
Nay ta đang gia hộ cho ông
Ở đời mạt thế về sau này
Không để ông bị các chướng nạn
Mạng khó phạm hạnh các chướng ngại.
Lại có người khác nhất thời khởi
Tỳ-kheo trì pháp tám trăm người
Tự nói: "Ta ở đời mạt thế
Ắt sẽ hộ trì kinh điển này".
Bấy giờ nhiều ức Dạ-xoa, Rồng
Tức thì từ tòa mà đứng dậy
Lại có tám na-do-tha khác
Thưa thỉnh Thế Tôn lời như vầy:
Chúng con ở chỗ Tỳ-kheo này
Vừa nói từ tòa mà đứng dậy
Vào thời mạt thế, đời ác thế
Con quyết ủng hộ Tỳ-kheo ấy.
Nên biết khi nói kinh như vầy

Bởi nhờ thần lực Phật gia hộ
Tất cả hằng hà sa số cõi
Vô lượng cõi Phật đều chấn động.
Tùy chỗ chấn động các thế giới
Tùy chỗ ứng hóa thành nhiều Phật
Do Phật Thích-ca biến hóa ra
Diễn thuyết Tu-đa-la như vậy.
Tất cả hiện có các cõi Phật
Ức chúng sinh không thể nghĩ bàn
Đều được lắng nghe thắng pháp này
An trụ trí Như Lai chư Phật.
Ở trong cõi Phật, thế giới này
Số có chín ức chúng chư Thiên
Tất cả đều phát tâm Bồ-đề
Liền ở chỗ Phật rải diệu hoa.
Có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Ưu-ba-bà-tố, Ưu-bà-di
Số đến bảy ức sáu ngàn vạn
Đều được nghe Tu-đa-la này.
Đức Mâu-ni vương thọ ký họ
Ắt sẽ thấy Lưỡng Túc Tôn ấy
Số lượng giống như hằng hà sa
Đều được tu tập hạnh Bồ-đề.
Cúng dường cung kính chư Phật ấy
Vì để cầu trí tuệ Như Lai
Đều hay ở chỗ chư Phật kia
Được nghe diệu kinh điển như vậy.
Trải qua trong số tám ức kiếp
Đều sẽ được thành Bậc Như Lai
Bậc phước đức ấy trong một kiếp
Độ thoát chúng sinh khiến an lạc.
Ở chỗ Đức Như Lai Di-lặc
Đặt bày thắng cúng dường vô thượng
Khéo trì chân diệu pháp Phật ấy
Đều được vãng sinh nước An lạc.
Đức Như Lai lìa cấu uế đó
Tên của Phật là A-di-đà
Nơi ấy rộng bày thắng cúng dường

Để cầu Bồ-đề vô thượng vậy.
Trải qua bảy mươi a-tăng-kỳ
Đầy đủ trong số kiếp như vậy
Không rơi vào tất cả ác đạo
Được nghe Thắng kinh điển như vậy.
Nếu ai về sau, đời vị lai
Lắng nghe Tu-đa-la như vậy
Nghe xong, khóc lóc mà rơi lệ
Ta đã cúng dường nơi người ấy.
Nay ta khuyên bảo cho tất cả
Những người hiện tại ở trước ta
Do đây nên được đạo Bồ-đề
Vì vậy phó chúc kinh điển này.

Cho nên, này Đồng tử! Đại Bồ-tát nếu muốn cầu Tam-muội như vậy, pháp chẳng nghĩ bàn chư Phật đã nói như vậy cần phải biết một cách khéo léo, đối với pháp Phật chẳng nghĩ bàn, cần phải thưa hỏi, cần phải thâm tín pháp Phật chẳng nghĩ bàn, cần phải thiện xảo, cầu pháp Phật chẳng nghĩ bàn. Nghe pháp Phật chẳng nghĩ bàn chớ ôm lòng sợ hãi, chớ tăng thêm sự sợ hãi, chớ luôn luôn sợ hãi.

Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang thưa Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đối với pháp Phật chẳng nghĩ bàn cần phải biết một cách khéo léo? Thế nào là đối với pháp Phật chẳng nghĩ bàn cần phải cầu thỉnh, thưa hỏi? Thế nào là đối với pháp Phật chẳng nghĩ bàn cần phải thâm tín thanh tịnh? Thế nào là nghe pháp Phật chẳng nghĩ bàn không sinh sợ hãi, mãi không sợ hãi?

Bấy giờ có con của Càn-thát-bà tên là Ban-giá-thi-khí, cùng với năm trăm người con khác của Càn-thát-bà, đồng lúc đem âm nhạc, nhiều loại nhạc khí, đi theo sau Đức Phật, muốn tấu lên cúng dường Đức Phật.

Bấy giờ Ban-giá-thi-khí, nghĩ như vầy: "Như ta trước đây đối với Đế Thích Kiều-thi-ca và trời Tam thập tam đã bày biện cúng dường. Nay ta nên đem ca vịnh, âm nhạc cúng dường Đức Như Lai, Bậc Thiên Trung Thiên, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri."

Khi ấy Ban-giá-thi-khí, con của Càn-thát-bà, cùng với năm trăm người con khác của Càn-thát-bà đều cùng lúc đánh đàn lưu ly, tấu lên lời ca vi diệu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như vầy: "Ta dùng thần lực du hý vô tác, khiến cho Đồng tử Nguyệt Quang ấy ở trong pháp Phật chẳng nghĩ bàn,

được trụ nhất tâm. Lại khiến cho con của Càn-thát-bà là Ban-giá-thi-khí... nhạc khí và âm thanh ca hát của họ, làm cho hiện ra sự thù diệu."

Khi ấy Đức Phật dùng thần lực nên khiến cho năm trăm âm nhạc, khéo tương xứng hòa nhã, phát ra âm thanh vô dục, âm thanh thuận với pháp, âm thanh phù hợp với pháp. Đó gọi là tương ưng với pháp Phật chẳng nghĩ bàn.

Bài kệ nói rằng:

Trên một sợi lông, hiện nhiều Phật
Con số giống như cát sông Hằng
Quốc độ cõi Phật cũng như vậy
Thể cõi Phật ấy: Không, Vô tướng.
Trên đầu sợi lông, hiện năm đường
Đó là: Địa ngục, các súc sinh
Với các ngạ quỷ và trời, người
Thảy đều mát mẻ, không bức não.
Nơi lỗ lông kia hiện biển, ao
Cùng các dòng sông và giếng, suối
Thảy đều không bức hại lẫn nhau
Gọi là Phật pháp chẳng nghĩ bàn.
Trên một đầu lông hiện các núi
Chiết-ca-bà-la và Tu-di
Mục-chân-lân-đà, Đại mục-chân
Đó là Phật pháp chẳng nghĩ bàn.
Trên đầu sợi lông hiện địa ngục
Tiêu nhiệt, Hàn băng và Phẩn niệu
Có các chúng sinh sống ở đó
Thọ lãnh vô lượng sự khổ não.
Trên đầu sợi lông, hiện Thiên cung
Cung đẹp, rộng lớn, sáu mươi dặm
Lông chứa chư Thiên số vô lượng.
Chứa đủ chư Thiên rất khoái lạc
Trên đầu lông ấy, Phật xuất thế
Trong đó Phật pháp rất thạnh vượng
Người không trí tuệ không thể thấy
Túc nghiệp như vậy hành bất tịnh.
Trên đầu lông, nghe Phật Niết-bàn
Hoặc lại nghe rằng pháp diệt tận
Trên đầu sợi lông hoặc lại nghe

Nay Phật hiện tại đang thuyết pháp.
Hoặc lại có người trên sợi lông
Cho: Thọ mạng mình vô cùng tận
Hoặc trên đầu lông, nghe mạng yểu
Sinh ra liền diệt, chẳng lâu dài.
Hoặc lại nơi lông, tưởng như vầy:
Ta được thấy Phật, bày cúng dường
Phật cũng không hiện, không cúng dường
Nghĩ tâm mình tưởng mà hoan hỷ.
Giống như có người ở trong mộng
Đam mê năm dục, hưởng khoái lạc
Thức rồi không thấy sự dục lạc
Chỉ vì trong mộng, vọng thấy vậy.
Cái thấy, cái nghe, nhớ nghĩ pháp
Giống như mộng tưởng, không chân thật
Nếu ai chứng được Tam-muội này
Đều hay biết rõ pháp như vậy.
Ở trong thế gian hằng thọ lạc
Gọi yêu, không yêu, không tham trước
Thường hay ưa thích ở núi rừng
Hằng thọ cái vui như Sa-môn
Nếu ai không có các chấp trước
Xa lìa tất cả các ngã sở
Du hành thế gian như tê giác
Như gió trên trời không chướng ngại.
Tu tập nơi đạo, khởi thật trí
Tất cả các pháp không, vô ngã
Nếu ai hay tu pháp như vậy
Người ấy biện tài vô cùng tận.
Người này mãi thọ sự khoái lạc
Trong lòng không đắm việc thế gian
Tâm ấy giống như gió trên trời
Với yêu, không yêu, không đắm trước.
Với người không yêu, khó sống chung
Với người thân ái khó xa lìa
Vứt bỏ hai loại bạn như vậy
Chuyên cầu chánh pháp là người vui.
Nếu ai lắng nghe, tham ái khởi

Người ấy sẽ khởi tâm sân hận
Bị ngu, si, hôn, mạn trói buộc
Vì lực ngã mạn nên khổ não.
Nếu ai hay trụ nơi bình đẳng
Khéo hay khiêm hạ, không cao mạn
Yêu hay không yêu khéo giải thoát
Người ấy thường sống hạnh hoan hỷ.
An trụ nơi giới, khéo thanh tịnh
Nhờ tâm vô cấu, vui Thiền định
Hằng thường thích sống trong núi rừng
Người ấy mãi lìa các lưới nghi.
Nếu ai nghi hoặc, có điên đảo
Ngu si mãi thích các dục lạc
Giống như chim Thứu tham thi thể
Người ấy tự mình theo ma lực.

Khi nói kệ xong, Đồng tử Nguyệt Quang ở trong Phật pháp thậm thâm chẳng nghĩ bàn được an trụ nhất tâm, có thể diễn thuyết Tu-đa-la.

Bấy giờ Càn-thát-bà Ban-giá-thi-khí… được âm thanh Nhẫn tùy thuận, vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng chúng sinh ở trong trời, người đều được an ổn, lợi ích.

Bấy giờ Đức Phật bảo Đồng tử Nguyệt Quang:

–Đại Bồ-tát đối với các pháp lợi lạc công đức thiện căn cần phải khéo quyết định, không nên nhiều việc, nên lìa ác tri thức, cần nương vào Thiện tri thức khéo biết chỗ thưa hỏi thích ứng, vui thích nghe pháp không hề nhàm chán cần phải hoan hỷ, cần phải cầu pháp, thường nhiếp nơi pháp, nên nói chánh pháp, cần phải khéo léo thưa hỏi Bồ-tát, đối với Bồ-tát nên nghĩ đó là thầy của mình, đối với Pháp sư cần phải tôn trọng tưởng như thầy mình.

Này Đồng tử! Nếu có Bồ-tát có thể thọ trì và thực hành pháp này thì người ấy được đầy đủ biện tài chẳng nghĩ bàn, được niềm tin, thâm nhập vào biển Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, ở trong người và trời có thể làm đèn sáng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Ở thời quá khứ nhiều ức kiếp
Không thể đo lường, chẳng nghĩ bàn
Bấy giờ có Phật, Lưỡng Túc Tôn
Hiệu Nhân-đà-la Phan Tràng Vương.

Lúc đó Phật nói Tam-muội này
Rằng không chúng sinh, không thọ mạng
Giống như bọt nước và điện chớp
Các pháp cũng như trăng dưới nước.
Thọ mạng chúng sinh chẳng thể nắm
Mất ở cõi này, sinh cõi khác
Những nghiệp đã làm không hề mất
Nghiệp báo trắng, đen cũng không mất.
Nhân quả tương ưng, thắng pháp môn
Cảnh giới Phật vi tế khó thấy
Văn tự, cú nghĩa chẳng thể nắm
Diệu Bồ-đề này Phật đã nói.
Đại trí tuệ tích tụ Tổng trì
Ức na-do-tha Kinh từ định xuất
Vô số chư Phật đã hành đạo
Như Tam-muội này là Phật nói.
Khéo hay hoại diệt các bệnh hoạn
Chúng Bồ-tát tích tập công đức
Tất cả chư Phật đều khen ngợi
Hằng ức chư Thiên đều cúng dường.
Nơi các phàm phu nói lời thật
Thường lìa tất cả pháp ngoại đạo
Chư Phật ngợi khen giới thù thắng
Như điện trong không khó nắm bắt.
Vô lượng ức chỗ Phật quá khứ
Bậc trí tu hành nơi giới, thí
Phải sớm xa lìa ác tri thức
Được của cha truyền thật vô thượng.
Nếu có Tỳ-kheo là Pháp sư
Tuệ Nhật Tử tu hành phạm hạnh
Nghe được pháp này mà tùy thuận
Phát tâm Bồ-đề thật tối thượng.
Đức Phật Nhân-đà-la Phan Tràng
Bảo Tỳ-kheo Pháp sư kia rằng:
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo! Khó thứ nhất
Đối với Bồ-đề phát tâm khó
Giữ giới giống như ngọc ma-ni
Thân gần bạn lành, thuận Bồ-đề

Với ác tri thức, luôn xa lìa
Mau được quả Vô thượng Bồ-đề.
Xưa kia ở cõi Diêm-phù này
Hai con trưởng giả không phóng dật
Ở trong Phật pháp mà xuất gia
Giống như tê giác sống núi rừng.
Đạt được bốn Thiền, có thần thông
Giỏi các kệ luận, không sợ hãi
Đất và hư không đều biết rõ
Đi trên hư không như chim bay.
An trụ ở trong chốn Hàn lâm
Rừng hoa tươi tốt, rất kỳ đặc
Tất cả chim lạ đều bay đến
Hai trưởng giả tử cùng nói chuyện.
Bây giờ có vua đang đi săn
Nghe tiếng nói chuyện liền đi đến
Đức vua cung kính lắng nghe pháp
Đối với Pháp sư thêm ái kính.
Đức vua cùng nhau đến thăm hỏi
Nói lời ấy rồi, ngồi ở trước
Nhà vua có rất nhiều quyến thuộc
Đi theo nhà vua sáu ức người.
Một trong hai vị là Pháp sư
Thấy vua bảo rằng: Hãy lắng nghe!
Chư Phật ra đời rất khó gặp
Cúi mong đại vương chớ phóng dật.
Thọ mạng quá nhanh, chẳng dừng lâu
Như nước trên núi đổ xuống biển
Bị già, bệnh, chết làm bức bách
Không ai cứu được, nghiệp như mình.
Cúi mong đại vương giữ chánh pháp
Kiến lập pháp chư Phật Thập Lực
Về sau mạt thế, đời ác trược
Cần phải trụ đó như bạn pháp.
Như vậy vô lượng, người thông tuệ
Vì lòng Từ nên nói với vua
Vua và sáu ức các quyến thuộc
Đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Khi vua nghe Tịnh pháp cú này
Lời vi diệu, tịch diệt, nhu nhuyến
Thiện tâm vui sướng mà ái lạc
Đầu mặt lễ kính rồi tạ từ.
Khi ấy vô lượng Tỳ-kheo khác
Vì lợi dưỡng nên vào cung vua
Vua biết bọn họ hạnh không chánh
Với người có đức, không cung kính.
Pháp Đạo sư quá khứ khó diệt
Thời vị lai ác thế tăng trưởng
Con người đạo đức rất là ít
Có nhiều vô lượng kẻ phóng dật.
Các Tỳ-kheo cang cường, xan, mạn
Vì cầu lợi dưỡng, đắm các kiến
Ở trong Phật pháp không hiểu chánh
Đem các phi pháp nói cho vua
Cần phải giết chết Pháp sư kia
Vì nói với vua pháp Không, Đoạn
Khuyên vua và tôi tu Không, Đoạn
Chẳng chỉ cho vua chân Niết-bàn
Nơi nghiệp báo ấy đều tán hoại
Kẻ nịnh nói ấm vốn không vô.
Nếu có thể giết Pháp sư ấy
Sẽ khiến đại pháp được lâu dài
Bấy giờ thường có Thần hộ vua
Thiện tri thức quá khứ của vua.
Luôn luôn giúp vua lìa các ác
Trời ấy nói vua lời như vầy:
Vua cẩn thận chớ khởi tâm ấy
Lời ác tri thức rất đáng sợ.
Chớ đối với Pháp sư thông tuệ
Nghe lời người ác mà giết hại!
Đại vương lẽ nào chẳng nhớ lại
Tỳ-kheo giữa rừng đã nói rằng:
Về sau mạt thế, thời ác trược
Vua nên an trụ bạn như pháp
Trời vì đức vua nói lời thật
Nơi pháp chư Phật chớ xa lìa.

Nhà vua lại có người em ác
Ở tại biên cương giữ cõi nước
Lúc Tỳ-kheo ác đến giáo hóa
Bảo giết Pháp sư nói: Không, Đoạn.
Khuyến ta thuở xưa từng tu hành
Không muốn cho ta cầu Niết-bàn
Đại vương anh ngài rất ngu, ác
Trong lòng không muốn để ngài sống.
Có hai Tỳ-kheo là ác sư
Dùng sức thần thông bay lên không
Vì ta biết được sẽ đến đây
Nay đã nói hết cho đại vương.
Ngài nên giết ngay hai tà sư
Như vậy kịp thời, sau khỏi hối
Vương đệ tức thời liền cầm gậy
Theo lời người ác nên đến đó.
Cùng với tất cả các quân chúng
Đi đến trong rừng chỗ Tỳ-kheo
Ở rừng ấy có Rồng, Dạ-xoa
Biết em của vua ác tâm đến.
Mưa cát, gạch, đá rất hãi hùng
Vua và binh chúng đều chết sạch
Nay phải thấy lời ác tri thức
Diệt sạch chúng đại vương như vậy.
Nơi chỗ Pháp sư, khởi tâm sân
Trong sáu mươi đời đọa A-tỳ
Khi ấy ác Tỳ-kheo chấp trước
Khuyến hóa Sát-lợi vương như vậy.
Về sau suốt cả mười ức đời
Chịu vô lượng khổ ở địa ngục
Vị trời khuyên dẫn đức vua ấy
Và các người ủng hộ Pháp sư.
Thấy được hằng hà sa số Phật
Hầu Phật, cúng dường và tu hành
Quyến thuộc của vua đủ sáu ức
Đều đi theo vua để nghe pháp.
Và họ đã phát được đạo tâm
Thế giới khác nhau được thành Phật

Đức Phật thọ mạng nhiều ức năm
Trí tuệ vô đẳng, chẳng nghĩ bàn.
Chư vị đều tu Tam-muội này
Nói xong, thảy đều Bát-niết-bàn
Được nghe trí thắng diệu như vậy
Tích tập pháp công đức tịnh giới
Dũng mãnh, tinh tấn, không phóng dật
Thường xa tất cả ác tri thức.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát phải không đắm trước thân, có thể vứt bỏ mạng sống. Vì sao? Này Đồng tử! Nếu đắm trước thân thì tạo nghiệp bất thiện, cho nên, Bồ-tát phải biết sắc thân và Pháp thân. Vì sao? Vì Pháp thân của chư Phật chẳng thuộc về Sắc thân. Đức Phật dùng Pháp thân hiển hiện, chẳng phải Sắc thân vậy.

Này Đồng tử! Cho nên Đại Bồ-tát muốn hành hạnh Phật, muốn cầu thân của Như Lai, muốn cầu trí Như Lai, muốn biết thân Như Lai, muốn biết trí Như Lai, đối với kinh điển của Tam-muội này cần phải thọ trì, đọc tụng, rộng nói cho người khác, tu tập tương ưng.

Này Đồng tử! Thân của Như Lai xuất sinh vô lượng phước đức. Đức Như Lai chỉ nói một nghĩa, nghĩa là các pháp từ nhân sinh ra, là lìa các tướng, vì sâu xa vậy; pháp không hạn lượng, vì không ngằn mé vậy; pháp không có tướng, vì không tánh tướng; pháp không có tướng, vì lìa các tướng; pháp không lay động, vì khéo an trụ; pháp không có hai, vì chỉ có một tướng; pháp không thể thấy, vì vượt qua cảnh giới của mắt; pháp không thể suy nghĩ vì vượt qua lĩnh vực của tâm; pháp không động chuyển, vì lìa hý luận; pháp không thể nói, vì vượt qua âm thanh; pháp không có chỗ ở, vì lìa nhà cửa; pháp không có hang, nhà, vì lìa ngôn âm; pháp không có chỗ dựa, vì vượt qua các kiến; pháp không có các lậu, vì vượt qua các quả báo; vì tâm kiên cố, nên lìa các dục; vì tâm bất hoại, nên lìa các sân hận; nhờ chánh trí kiên cố, nên vượt qua các si mê; có điều để nói, vì các pháp là không; không có sinh, vì đoạn các sự sinh, vì vô thường, chỉ có ngôn thuyết; vì thoát ly khỏi âm thanh, nên tịch diệt nơi âm thanh; có âm thanh, vì tư tưởng vậy; đồng tư tưởng vì hòa hợp; lìa thế tục vì đệ nhất nghĩa đế; dùng sự mát mẻ mà lìa sự nóng bức não; vì Đệ nhất nghĩa đế, nên dùng lời như thật; không nhiệt não vì nhờ Niết-bàn vậy; nhờ không thể phá hoại, nên không ai hơn được; vì không thủ trước, nên diệt trừ nghĩa hý luận; vì không hý luận nên lìa phan duyên; vì không có ngằn mé, nên chỉ nói phước; vì không có vi trần nên nói vi tế; thứ lớp đại thần thông, do bản nghiệp xuất

sinh, vì được năng lực tự do tự tại; không phá hoại được, vì nó kiên thật; vì không có ngằn mé, nên gọi là vô tận; vì to lớn nói đại Bi bản nghiệp vậy. Đó là thân của Đức Như Lai.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu ai muốn thấy thế gian thân
Và biết thân Phật làm thế nào?
Với Tam-muội này đã tu tập
Liền hay biết được thân Như Lai.
Phật từ phước đức mà sinh ra
Thân Phật thanh tịnh rất sáng rạng
Tướng Phật bình đẳng như hư không
Các thứ sai biệt, bất khả đắc.
Bồ-đề chư Phật đã như vậy
Tướng trạng, diện mạo cũng như vậy
Tướng trạng, diện mạo không thể được
Thân tướng Như Lai cũng như thế.
Tướng mạo Bồ-đề cùng với thân
Thế giới chư Phật cũng như vậy
Các lực, các thiền, các giải thoát
Như vậy đều đồng chỉ một tướng.
Thể tánh chư Phật là như đây
Như Lai Thế Thân cũng như vậy
Không ai có thể thấy được Phật
Mắt thịt làm sao thấy Chánh giác?
Vô lượng số người nói như vậy
Ta từng được thấy các Đức Phật
Thân tuyệt đẹp, sắc vàng tuyệt diệu
Đều chiếu sáng tất cả thế gian.
Được chư Phật Như Lai gia bị
Nhờ sức Ngài nên có thần thông
Liền có thể thấy được thân Phật
Các thứ tướng tốt tự trang nghiêm.
Tùy tướng cao lớn mà thị hiện
Thế gian không thể thấy tướng Ngài
Nếu ai hay biết thân tướng ấy
Phật với thế gian không sai khác.
Nếu ai hay biết thân lượng Phật
Nghĩa là tất cả các Như Lai

Thân Phật không thân, không sai khác
Người và Tu-la cũng như vậy.
Tất cả các tâm đều không tịch
Thọ các quả báo tướng cũng vậy
Tướng mạo danh sắc đã như vậy
Đầy đủ thanh tịnh, có ánh sáng.
Không có ai hay biết
Tu định tịch tĩnh này
Chỉ Bậc Thế Gian Thân
Ức kiếp tu khó nghĩ.
Vô lượng pháp bạch tịnh
Từ Tam-muội này có
Nhờ sức báo định này
Không ai thấy thân ta.
Nếu có tâm như vậy
Danh sắc cũng như thế
Tâm loại không giống nhau
Tướng danh, sắc cũng vậy.
Nếu dùng tưởng thô lớn
Danh sắc tùy thuộc nó
Danh sắc hoặc thô, tế
Đều do tưởng nghĩ sinh.
Nếu người tưởng vi tế
Danh, sắc cũng như vậy
Danh sắc không đắm trước
Thân tâm ấy chiếu sáng.
Ta nhớ đời quá khứ
Bảy mươi a-tăng-kỳ
Ba loại ác tưởng này
Từ gốc chưa từng khởi.
Nhờ dùng tâm vô lậu
Ức kiếp chẳng nghĩ bàn
Vì lợi ích chúng sinh
Họ không thấy thân ta.
Nếu ai dùng vật này
Tâm ý được xả bỏ
Người này với vật kia
Liền không cùng hòa hợp.

Tâm ta được giải thoát
Trong tất cả vật dụng
Hay biết được tánh mình
Nên khởi sinh trí tuệ.
Với ngàn ức cõi Phật
Trong đó ta hiện hóa
Vì chúng sinh thuyết pháp
Cho nên không thể thấy.
Không tướng, không hình mạo
Giống như nơi hư không
Thân ta không thể nói
Vì đoạn đường ngôn ngữ.
Pháp thân rất hùng mãnh
Thân ấy từ pháp sinh
Chưa từng có sắc thân
Nói đó chính là Phật.
Nếu nói về thân này
Nghe xong liền hoan hỷ
Các ma Ba-tuần kia
Không thể làm gì được.
Nghe pháp thâm diệu này
Mà không sinh hoảng sợ
Không vì sự sinh sống
Phỉ báng Bồ-đề Phật.
Ngàn ức Tu-đa-la
Trí như thật diễn thuyết
Vì chúng sinh chiếu sáng
Nơi nơi đều đến đích.

Này Đồng tử! Đó là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, nếu muốn biết nghiệp tướng sắc thân của Như Lai, hoàn toàn không thể biết được hoặc xanh, hoặc sắc xanh, hoặc tương tự xanh, hoặc tướng mạo xanh; hoặc vàng, hoặc sắc vàng, hoặc tương tự vàng, hoặc tướng mạo vàng; hoặc đỏ, hoặc sắc đỏ, hoặc tương tự đỏ, hoặc tướng mạo đỏ; hoặc trắng, hoặc sắc trắng, hoặc tương tự trắng, hoặc tướng mạo trắng; hoặc hồng tía, hoặc sắc hồng tía, hoặc tương tự hồng tía, hoặc tướng mạo hồng tía; hoặc pha lê, hoặc màu pha lê, hoặc tương tự pha lê, hoặc tướng mạo pha lê; hoặc lửa, hoặc sắc lửa, hoặc tương tự lửa, hoặc tướng mạo lửa; hoặc vàng bạc, hoặc sắc vàng, hoặc tương tự vàng, hoặc tướng mạo vàng; hoặc như điện chớp, hoặc

sắc như điện chớp, hoặc tương tự điện chớp, hoặc tướng mạo như điện chớp; hoặc tươi sáng, hoặc sắc tươi sáng, hoặc tương tự tươi sáng, hoặc tướng mạo tươi sáng; hoặc Tỳ-lưu-ly, hoặc sắc Tỳ-lưu-ly, hoặc tương tự Tỳ-lưu-ly, hoặc tướng mạo Tỳ-lưu-ly; hoặc trời, hoặc sắc của trời, hoặc tương tự trời, hoặc tướng mạo trời; hoặc Phạm, hoặc sắc Phạm, hoặc tương tự Phạm, hoặc tướng mạo Phạm.

Này Đồng tử! Đó là thân của Như Lai. Tất cả thân tướng của Như Lai không thể lường được, vì không thể nghĩ bàn, cũng không thể nói được. Sắc thân đã thành tựu, chư Thiên, người đời không thể suy lường được, là dài, ngắn, rộng hẹp, tất cả loại như vậy, không có hạn lượng, bằng nhau, chẳng thể nghĩ bàn. Những loại như vậy, không thể đếm được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Trong tất cả thế giới
Tất cả các vi trần
Cùng với nguồn ao suối
Bao nhiêu nước biển cả.
Dẫu toán thuật có giỏi
Không thể biết hết được
Cũng không biết số bụi
Cùng với số giọt nước.
Đức Như Lai Đạo Sư
Nói ví dụ ấy rồi
Số giọt nước vô hạn
Số bụi cũng như vậy.
Ta thấy các chúng sinh
Nhiều như số bụi ấy
Phát tâm và khởi tín
Trong một lúc đều biết.
Nếu nơi tự thân ta
Hiển hiện sắc da ngoài
Các chúng sinh tín dục
Không ví dụ biết được.
Hoặc tướng cùng với nghiệp
Sắc tượng ấy như vậy
Không ai biết được Phật
Tướng ta đúng như vậy.
Phật xa lìa nơi tướng
Hiển bày nơi Pháp thân

Thậm thâm, không hạn lượng
Là Phật, chẳng nghĩ bàn.
Chánh giác chẳng nghĩ bàn
Thân Như Lai cũng thế
Pháp thân không nghĩ bàn
Vì hiển bày Pháp thân.
Tâm nghiệp không thể biết
Thân này không thể nghĩ
Cùng với thân tướng ấy
Đều không thể đo lường.
Pháp ấy vô hạn lượng
Ức kiếp đã tu tập
Được thân khó nghĩ này
Phát ánh sáng thanh tịnh.
Chúng sinh không thể nắm
Nắm lấy không thể được
Cho nên thân Như Lai
Khó lường, không thể nghĩ.
Với các pháp vô lượng
Mà nắm nơi hạn lượng
Trong pháp không phân biệt
Phật không có phân biệt.
Nơi phân biệt hạn lượng
Nói về không phân biệt
Tuy nghĩ không phân biệt
Phật ấy không nghĩ bàn.
Vô hạn như hư không
Không thể đo lường được
Thân Phật cũng như vậy
Giống như bầu Thái hư.
Nếu có các Phật tử
Như thật biết thân ta
Thì sẽ được thành Phật
Chẳng nghĩ bàn trên đời.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát có bốn thứ ngôn luận không thể nghĩ bàn và sự diễn thuyết cũng không thể nghĩ bàn, khó thể cùng tận. Những gì là bốn?

1. Ngôn luận các hành không thể nghĩ bàn.

2. Ngôn luận quở trách hữu vi không thể nghĩ bàn.

3. Ngôn luận trợ giúp phiền não không thể nghĩ bàn.

4. Ngôn luận thanh tịnh không thể nghĩ bàn.

Này Đồng tử! Đó là bốn loại ngôn luận không thể nghĩ bàn của Bồ-tát và sự diễn thuyết cũng không thể nghĩ bàn, khó thể cùng tận.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại pháp. Những gì là bốn?

1. Pháp các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Pháp quở trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Pháp phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Pháp thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại tương ưng. Những gì là bốn?

1. Các hành tương ưng chẳng thể nghĩ bàn.

2. Tương ưng sự trách mắng hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Tương ưng phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Tương ưng thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn cửa. Những gì là bốn?

1. Cửa các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Cửa chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Cửa phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Cửa thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại cửa.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại hành thuyết. Những gì là bốn?

1. Hành thuyết về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Hành thuyết về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Hành thuyết về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Hành thuyết về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại hành thuyết.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ âm thanh. Những gì là bốn?

1. Âm thanh về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Âm thanh chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Âm thanh về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Âm thanh về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại âm thanh.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ tiếng. Những gì là bốn?

1. Tiếng về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Tiếng chê trách về hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Tiếng phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Tiếng thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại tiếng.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại ngôn ngữ đạo. Những gì là bốn?

1. Ngôn ngữ đạo các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Ngôn ngữ đạo chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Ngôn ngữ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Ngôn ngữ đạo về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại ngôn ngữ đạo.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ mật thuyết quyền xảo. Những gì là bốn?

1. Mật thuyết quyền xảo về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Mật thuyết quyền xảo về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Mật thuyết quyền xảo về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Mật thuyết quyền xảo về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại mật thuyết quyền xảo.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ biết về chư Thiên. Những gì là bốn?

1. Biết các hành chư Thiên chẳng thể nghĩ bàn.

2. Biết sự chê trách hữu vi chư Thiên chẳng thể nghĩ bàn.

3. Biết sự phiền não chư Thiên chẳng thể nghĩ bàn.

4. Biết sự thanh tịnh chư Thiên chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại biết về chư Thiên.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ thấy biết đối với người. Những gì là bốn?

1. Biết các hành của người chẳng thể nghĩ bàn.

2. Biết chê trách hữu vi đối với người chẳng thể nghĩ bàn.

3. Biết phiền não đối với người chẳng thể nghĩ bàn.
4. Biết sự thanh tịnh của người chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại biết đối với người.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ biết về danh tự.
Những gì là bốn?
1. Biết danh tự các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Biết danh tự về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Biết danh tự phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Biết danh tự về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại biết về danh tự.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại biện tài. Những gì là bốn?
1. Biện tài về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Biện tài về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Biện tài về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Biện tài về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại biện tài.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ quyết định. Những gì là bốn?
1. Quyết định các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Quyết định về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Quyết định về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Quyết định về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại quyết định.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại nhập. Những gì là bốn?
1. Nhập các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Nhập chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Nhập phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Nhập thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn thứ nhập.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ độ. Những gì là bốn?
1. Độ các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Độ chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Độ phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Độ thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn thứ độ thoát.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Kim cang cú. Những gì là bốn?

1. Kim cang cú các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Kim cang cú sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Kim cang cú phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Kim cang cú thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu kim cang.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn chú thuật cú. Những gì là bốn?

1. Chú thuật cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Chú thuật cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Chú thuật cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Chú thuật cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu chú thuật.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ ra khỏi. Những gì là bốn?

1. Ra khỏi các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Ra khỏi sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Ra khỏi phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Ra khỏi thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn thứ ra khỏi.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ Tu-đa-la cú. Những gì là bốn?

1. Tu-đa-la cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Tu-đa-la cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Tu-đa-la cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Tu-đa-la cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu Tu-đa-la.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Từ cú. Những gì là bốn?

1. Từ cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Từ cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Từ cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Từ cú về sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Từ cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Thi thiết cú. Những gì là

bốn?

1. Thi thiết cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Thi thiết cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Thi thiết cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Thi thiết cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Thi thiết cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Minh cú. Những gì là bốn?

1. Minh cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Minh cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Minh cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Minh cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Minh cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Tín nghĩa cú. Những gì là bốn?

1. Tín nghĩa cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Tín nghĩa cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Tín nghĩa cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Tín nghĩa cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Tín nghĩa cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại hành cú. Những gì là bốn?

1. Hành cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Hành cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Hành cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Hành cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Hành cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Bất tư nghì cú. Những gì là bốn?

1. Bất tư nghì cú các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Bất tư nghì cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Bất tư nghì cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Bất tư nghì cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại chẳng thể nghĩ bàn cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại vô biên cú. Những gì là bốn?

1. Vô biên cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Vô biên cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Vô biên cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Vô biên cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Vô biên cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Vô hạn lượng cú. Những gì là bốn?

1. Vô hạn lượng cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Vô hạn lượng cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Vô hạn lượng cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Vô hạn lượng cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Vô hạn lượng cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Vô cùng cú. Những gì là bốn?

1. Vô cùng cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Vô cùng cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Vô cùng cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Vô cùng cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại vô cùng cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Bất khả xưng cú. Những gì là bốn?

1. Bất khả xưng cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Bất khả xưng cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Bất khả xưng cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Bất khả xưng cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Bất khả xưng cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại A-tăng-kỳ cú. Những gì là bốn?

1. A-tăng-kỳ cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. A-tăng-kỳ cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. A-tăng-kỳ cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. A-tăng-kỳ cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại a-tăng-kỳ cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Vô lượng cú. Những gì là bốn?

1. Vô lượng cú về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Vô lượng cú về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Vô lượng cú về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Vô lượng cú về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Vô lượng cú.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại câu không thể đo lường. Những gì là bốn?

1. Câu không thể đo lường về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Câu không thể đo lường về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Câu không thể đo lường về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Câu không thể đo lường về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu không thể đo lường.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại câu không hành. Những gì là bốn?

1. Câu không hành về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Câu không hành về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Câu không hành về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Câu không hành về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu không hành.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại câu trí. Những gì là bốn?

1. Câu trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Câu trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Câu trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Câu trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại câu trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí tụ. Những gì là bốn?

1. Trí tụ về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí tụ về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí tụ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí tụ về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí tụ.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí tánh. Những gì là bốn?

1. Trí tánh về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí tánh về chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí tánh về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Trí tánh về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại trí tánh.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại biện tụ. Những gì là bốn?
1. Biện tụ về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Biện tụ về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Biện tụ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Biện tụ về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại biện tụ.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại biện tánh. Những gì là bốn?
1. Biện tánh về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Biện tánh về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Biện tánh về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Biện tánh về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại biện tánh.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Tu-đa-la. Những gì là bốn?
1. Tu-đa-la về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Tu-đa-la về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Tu-đa-la về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Tu-đa-la về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại Tu-đa-la.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Tu-đa-la tụ. Những gì là bốn?
1. Tu-đa-la tụ về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Tu-đa-la tụ về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Tu-đa-la tụ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Tu-đa-la tụ về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại Tu-đa-la tụ.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Đa văn. Những gì là bốn?
1. Đa văn về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Đa văn về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Đa văn về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Đa văn về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại Đa văn.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ tài sản. Những gì là bốn?
1. Tài sản về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Tài sản về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Tài sản về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Tài sản về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại tài sản.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ học. Những gì là bốn?
1. Học về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Học về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Học về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Học về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại học.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ cảnh giới. Những gì là bốn?
1. Cảnh giới các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Cảnh giới sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Cảnh giới phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Cảnh giới thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại cảnh giới.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ nghiệp. Những gì là bốn?
1. Nghiệp về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Nghiệp về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. Nghiệp về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. Nghiệp về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại nghiệp.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ an trụ. Những gì là bốn?
1. An trụ các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. An trụ sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.
3. An trụ phiền não chẳng thể nghĩ bàn.
4. An trụ sự thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.
Đó là bốn loại an trụ.
Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ tu đạo. Những gì là bốn?
1. Tu đạo về các hành chẳng thể nghĩ bàn.
2. Tu đạo về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Tu đạo về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Tu đạo về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại tu đạo.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí đoạn phiền não. Những gì là bốn?

1. Trí đoạn phiền não về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí đoạn phiền não về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí đoạn phiền não về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí đoạn phiền não về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí đoạn phiền não.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ trí phiền não. Những gì là bốn?

1. Trí phiền não về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí phiền não về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí phiền não về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí phiền não về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí phiền não.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí ác đạo. Những gì là bốn?

1. Trí ác đạo về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí ác đạo về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí ác đạo về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí ác đạo về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí ác đạo.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí chẳng phải trí. Những gì là bốn?

1. Trí chẳng phải trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí chẳng phải trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí chẳng phải trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí chẳng phải trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí chẳng phải trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ trí tất định. Những gì là bốn?

1. Trí tất định về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí tất định về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí tất định về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí tất định về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí tất định.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí không sai mất. Những gì là bốn?

1. Trí không sai mất về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí không sai mất về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí không sai mất về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí không sai mất về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí không sai mất.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí vô minh. Những gì là bốn?

1. Trí vô minh về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí vô minh về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí vô minh về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí vô minh về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí vô minh.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại khổ trí. Những gì là bốn?

1. Khổ trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Khổ trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Khổ trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Khổ trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại khổ trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí lo buồn. Những gì là bốn?

1. Trí lo buồn về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí lo buồn về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí lo buồn về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí lo buồn về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí lo buồn.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí về nghèo khổ. Những gì là bốn?

1. Trí nghèo khổ về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí nghèo khổ về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí nghèo khổ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí nghèo khổ về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí nghèo khổ.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại sinh trí chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là bốn?

1. Sinh trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Sinh trí về trách mắng hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Sinh trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Sinh trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại sinh trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại nội trí. Những gì là bốn?

1. Nội trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Nội trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Nội trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Nội trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại nội trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại ngoại trí. Những gì là bốn?

1. Ngoại trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Ngoại trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Ngoại trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Ngoại trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại Ngoại trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí xấu hổ. Những gì là bốn?

1. Trí xấu hổ về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí xấu hổ về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí xấu hổ về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí xấu hổ về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí xấu hổ.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí thẹn thùng. Những gì là bốn?

1. Trí thẹn thùng về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí thẹn thùng về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí thẹn thùng về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí thẹn thùng về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí thẹn thùng.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại thật trí chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là bốn?

1. Thật trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Thật trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Thật trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Thật trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại thật trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí tu tập. Những gì là bốn?

1. Trí tu tập về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí tu tập về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí tu tập về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí tu tập về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí tu tập.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ sự trí. Những gì là bốn?

1. Sự trí về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Sự trí về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Sự trí về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Sự trí về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại sự trí.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí về Phú-già-la (Bổ-đặc-già-la). Những gì là bốn?

1. Trí Phú-già-la về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí Phú-già-la về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí Phú-già-la về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí Phú-già-la về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí Phú-già-la.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ trí chấp trước. Những gì là bốn?

1. Trí chấp trước về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí chấp trước về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí chấp trước về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí chấp trước về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Này Đồng tử! Đó là bốn loại trí chấp trước chẳng thể nghĩ bàn và sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói hết.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí lìa ác đạo. Những gì là bốn?

1. Trí lìa ác đạo về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí lìa ác đạo về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí lìa ác đạo về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí lìa ác đạo về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí lìa ác đạo.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại trí đoạn trừ vô minh. Những gì là bốn?

1. Trí đoạn trừ vô minh về các hành chẳng thể nghĩ bàn.

2. Trí đoạn trừ vô minh về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn.

3. Trí đoạn trừ vô minh về phiền não chẳng thể nghĩ bàn.

4. Trí đoạn trừ vô minh về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Đó là bốn loại trí đoạn trừ vô minh.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn thứ Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn và sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nói không bao giờ hết.

Những gì là bốn?

1. Ngôn thuyết về các hành chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ nhất.

2. Ngôn thuyết về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ hai.

3. Ngôn thuyết hỗ trợ phiền não chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ ba.

4. Ngôn thuyết hỗ trợ thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ tư.

Đó là bốn loại chẳng thể nghĩ bàn, cùng với sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nói không bao giờ hết.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại pháp Đà-la-ni. Những gì là bốn?

1. Pháp các hành chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ nhất.

2. Pháp chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ hai.

3. Pháp phiền não chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ ba.

4. Pháp thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ tư.

Này Đồng tử! Đó là bốn loại Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn, cùng với sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nói không sao hết.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại tương ưng Đà-la-ni. Những gì là bốn?

1. Tương ưng các hành chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ nhất.

2. Tương ưng sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ hai.

3. Tương ưng phiền não chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ ba.

4. Tương ưng thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ tư.

Này Đồng tử! Đó là bốn thứ Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn, cùng với sự giảng thuyết chẳng thể nghĩ bàn, nói không bao giờ hết.

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát lại có bốn loại Đà-la-ni môn. Những gì là bốn?

1. Môn về các hành chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ nhất.

2. Môn về sự chê trách hữu vi chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ hai.

3. Môn về phiền não chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ ba.

4. Môn về thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, trí ở trong đó gọi là Đà-la-ni thứ tư.

Này Đồng tử! Đó là bốn loại Đà-la-ni môn chẳng thể nghĩ bàn và sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nói không bao giờ hết, cho đến trí đoạn trừ vô minh, đều có bốn loại Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn, cùng với sự diễn thuyết cũng chẳng thể nghĩ bàn, nói không bao giờ hết, giống như đã nói ở trên.

Này Đồng tử! Đà-la-ni này chính là trí tuệ. Trí tuệ như vậy có thể rõ biết tất cả các pháp, chỉ có danh tự, cho nên gọi là trí pháp vô ngại. Trí pháp như vậy, có thể thấu đạt ngôn nên gọi là Nghĩa vô ngại. Trí pháp như vậy, hay biết ngôn từ sai biệt của các pháp nên gọi là Từ vô ngại, hoặc nói văn tự ấy, hoặc hiển thị, hoặc thi thiết, hoặc thứ lớp không đoạn, hoặc mở rõ, hoặc rộng phân biệt, hoặc khai thị làm cho đơn giản, hoặc bình đẳng chỉ khắp, lời lẽ không bị nuốt, không rít rắm, không ú ớ, không khiếp nhược,

lời nói không đắm trước, ngôn từ phóng khoáng, vượt trên sự phóng khoáng gọi là Nhạo thuyết vô ngại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Chỗ hiện bày ngôn âm
Phát thanh cũng như vậy
Như sự xuất âm thanh
Trí Phật cũng như vậy.
Tất cả trí chư Phật
Tiếng nói ra cũng thế
Sự thi thiết như vậy
Ánh sáng tiếng cũng thế.
Ánh sáng tiếng như vậy
Tên giới cũng như thế
Danh tự giới như thế
Tên Phật cũng như thế.
Danh hiệu Phật như thế
Công đức Phật cũng vậy
Ta biết một chúng sinh
Biết họ bao tên gọi.
Vô lượng ngữ ngôn Phật
Trước ta đã tuyên thuyết
Tên giới cùng tên Phật
Tên chúng sinh cũng vậy.
Hữu vi nhiều lầm lỗi
Đức Niết-bàn cũng thế
Phật lợi ích như vậy
Dùng ví dụ hiển bày.
Có tất cả chúng sinh
Đã phát tâm hiển thị
Một sợi lông Đạo Sư
Phát ánh sáng cũng vậy.
Tất cả các chúng sinh
Danh hiệu và tín dục
Như Lai vượt trên chúng
Dùng tiếng, thân thuyết pháp.
Tên tất cả chúng sinh
Hiển thị một chúng sinh
Như vậy tên một người

Hiển thị các chúng sinh.
Tất cả bình đẳng nhập
Chánh giác dạy như vậy
Nói vô lượng danh tự
Vì các Bồ-tát vậy.
Sao nay ta có thể
Nói ức vô số kinh
Thọ trì kinh điển này
Hiển bày không khiếp nhược.
Nơi chúng vô ngại biện
Diễn thuyết ức kinh điển
Như hư không vô biên
Biện tài cũng như vậy.
Công đức Bồ-tát này
Thanh tịnh dẫn chúng sinh
Thọ trì kinh điển này
Thành được trí vô tận.
Luôn luôn hiển thị nói
Nơi pháp hay tín thọ
Tăng trưởng trí tuệ ấy
Giống như cây núi Tuyết.

Này Đồng tử! Bồ-tát này hành pháp vô ngại, ở nơi pháp thấy pháp mà được an trụ.

Này Đồng tử! Sao gọi là Đại Bồ-tát hành pháp vô ngại, ở nơi pháp thấy pháp nên được an trụ?

Này Đồng tử! Đại Bồ-tát này biết chẳng phải sắc không khác với sắc mà nói pháp, biết chẳng phải sắc chẳng khác sắc mà có thể hay tu hành, biết chẳng phải sắc chẳng khác sắc mà cầu Bồ-đề, biết chẳng phải sắc chẳng khác sắc nên giáo hóa chúng sinh, biết chẳng phải sắc chẳng khác sắc mà thấy Như Lai, chỉ không hoại nơi sắc mà thấy Như Lai. Chẳng phải khác sắc, chẳng phải khác tánh sắc mà thấy Như Lai, sắc và tánh sắc cùng với Như Lai bình đẳng, không có hai. Nếu ai có thể thấy các pháp như vậy, gọi là hành pháp vô ngại; thức, tưởng, thọ, hành cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Nhờ sắc hiển Bồ-đề
Nhờ Bồ-đề hiển sắc
Thì không có tương tự

Tối thắng đã nói rõ.
Phật nói sắc tướng thô
Tánh sắc rất thâm áo
Sắc ngang với Bồ-đề
Sai biệt không thể được.
Như Niết-bàn thậm thâm
Nhờ tiếng mà tuyên thuyết
Niết-bàn bất khả đắc
Nói năng cũng như vậy.
Âm thanh và lời nói
Cả hai bất khả đắc
Trong pháp không như vậy
Niết-bàn bất khả đắc.
Nói Niết-bàn tịch diệt
Tịch diệt không thể được
Tất cả pháp không sinh
Như trước sau cũng vậy
Thể tánh tất cả pháp
Niết-bàn cùng tương tự
Người biết chân xuất gia
Cùng tương ưng Phật pháp
Nếu thấy sắc thân Phật
Nói đã thấy Như Lai
Thân ta chẳng sắc tượng
Không thể thấy Ngài được.
Biết được tự tánh sắc
Sắc tướng ấy như vậy
Ai biết được tánh sắc
Là hiển thị thân lớn.
Các ngũ ấm như vậy
Ta đã biết tướng mạo
Đạt tự thể tánh pháp
An trụ nơi Pháp thân.
An trụ Pháp thân rồi
Thuyết pháp cho chúng sinh
Pháp vi diệu Như Lai
Không thể dùng lời nói.
Lý sâu không thể biết

Nghe Bậc Chánh Giác nói
Chỉ âm thanh ngôn ngữ
Ta đã được Sơ quả.
Nếu trừ tất cả tưởng
Xa lìa việc hý luận
Nếu không có hữu tưởng
Thì thấy Thế Đại Sư.
Nếu ai hay biết Không
Liền biết được sắc tướng
Không có khác nói không
Riêng có tự tánh sắc.
Nếu ai biết được sắc
Thì có thể biết Không
Nếu ai ngộ được Không
Thì biết được tịch diệt.
Nếu ai biết được sắc
Là sắc tướng như vậy
Không bị ức ma loạn
Thoái chuyển quả Bồ-đề.
Ai không biết đạo này
Đắm trước sẽ thoái bước
Phi vật chấp tưởng vật
Vật chấp tưởng phi vật.
Cuồng vì gần tài lợi
Thoái thất ở trong pháp
Phi quả chấp tưởng quả
Quên mất pháp Sa-môn.
Giải đãi, ít tinh tấn
Mà không trụ giới tụ
Không đúng người hành pháp
Đó là trái lời Phật.
Hoặc lại có người nói:
Tôi hành nơi Bồ-đề
Người không tuệ khó dạy
Chẳng cung kính lẫn nhau,
Mong cầu danh tiếng tốt
Không khéo trụ giới cấm
Mãi nghĩ lúc nào được

Danh tiếng lan khắp nơi.
Chỉ vì cầu lợi dưỡng
Tụ tập thật nhiều người
Ngạo mạn, cùng phóng dật
Chuyên tâm tìm cầu lợi
Ưa sống nhà bạch y
Vì cung kính lợi dưỡng
Tạo chùa và tháp miếu
Họ đều vì danh lợi.
Dựa vào tâm chấp trước
Thường thèm khát ái dục
Chuyên tạo nghiệp thế tục
Sống trong cảnh giới ma
Nói với người bạch y:
"Ái dục như lửa cháy"
Nếu vào nhà thế tục
Thường để ý người nữ.
Bạch y đối người này
Thường nghĩ là Đại sư
Rình mò việc người chồng
Cùng phụ nữ nhiễm hợp
Nhà ấy dùng đồ ngon
Cung cấp Tỳ-kheo này
Lại ở chỗ vợ người
Tưởng như vợ của mình.
Bạch y ở chỗ vợ
Vẫn không sinh ganh ghét
Mà Tỳ-kheo xuất gia
Sinh ganh ghét vợ người.
Người tục ở nhà mình
Khéo gìn giữ năm giới
Huống đã được xuất gia
Bỏ tất cả giới cấm.
Nhạc cụ của âm nhạc
Dùng để cúng dường ta
Hành cúng dường tối thắng
Mạt thế chẳng thành tựu.
Tự phá các cấm giới

Thấy người trì giới luật
Nói với người thế gian
Người ấy nào khác ta.
Nghe khen người giữ giới
Phá giới, làm việc ác
Nghe nói chân Phật pháp
Bảo chẳng phải Phật nói.
Tâm không có hổ thẹn
Đánh mất của Sa-môn
Nếu khuyên lời chân thật
Bài báng lời ta nói.
Giới không được trọn vẹn
Vứt bỏ đạo giáo ta
Hủy báng nơi chánh pháp
Ngục A-tỳ là nhà.
Ta chưa từng thấy nghe
Tu tập hạnh như vậy
Ngu si sống kẻ ác
Hay đạt được trí Phật.
Các người gièm pha ấy
Nhiều quanh co dối trá
Ta biết rõ người ấy
Trí biết hằng không dứt.
Nếu ta trong một kiếp
Nói các lỗi lầm họ
Tự cho là Bồ-tát
Chỉ nói được phần nhỏ.
Đồng tử! Ông nên biết
Ác nào họ cũng làm
Về sau đời mạt thế
Cẩn thận chớ làm bạn.
Dùng tâm không loạn động
Dẫn dắt cùng trò chuyện
Vâng làm mà cúng dường
Vì để cầu Phật đạo.
Nên hỏi sự buồn lo
Nếu là bậc Kỳ túc
Nên cúng dường cung kính

Đầu mặt lạy dưới chân.
Chớ tìm lỗi của người
Họ sẽ đến đạo tràng
Chớ sinh ý sân hận
Thường khởi tâm Từ bi.
Nếu thấy lỗi vị ấy
Đừng đối mặt nói lỗi
Thường nghĩ việc đã làm
Sẽ được quả như thế.
Nếu ở chỗ trẻ, già
Lúc nói thường mỉm cười
Phát ngôn, trước thăm hỏi
Diệt trừ tâm ngạo mạn.
Y phục và ẩm thực
Thường đem dâng cúng dường
Làm tâm thí như vậy
Tất cả sẽ thành Phật.
Nếu thỉnh hỏi Trưởng túc
Vì mong cầu pháp thí
Trước nên nói như vầy:
"Tôi học tập ít ỏi".
Rồi lại nói như vầy:
Các vị, bậc Trí tuệ
Ở trước bậc Đại nhân
Tôi đâu dám tuyên thuyết.
Khi nói chớ vội vàng
Xem pháp khí hay không
Đã thấy căn khí rồi
Không hỏi cũng cứ nói.
Nếu ở trong đại chúng
Thấy người phá giới cấm
Chớ khen đức trì giới
Nên khen hạnh bố thí.
Nếu thấy người thiểu dục
Cùng trì giới tương ưng
Nên khởi tâm đại Từ
Khen thiểu dục, trì giới.
Nếu phá ít cấm giới

Người trì tịnh giới nhiều
Được bè bạn tối thắng
Liền khen ngợi trì giới.
Trước quán sát đại chúng
Đều ưa các pháp lành
Có bao nhiêu thiện pháp
Nên khen ngợi tất cả.
Thí, giới, đa văn, nhẫn
Tinh tấn và thiểu dục
Tri túc, hạnh viễn ly
Hiển thị pháp như vậy.
Tán thán pháp như vậy
Nói rõ đạo thế tục
Các việc không xót thương
Lòng từ chớ sân hận.
Ở chỗ không, thiền lạc
Xa lìa chúng huyên náo
Ngươi nên khen đức ấy
Tên gọi Tổng trì môn.
Thường thích chỗ không nhàn
Chớ chuyên làm nghiệp thí
Một lòng tu an tọa
Chớ bảo giới tối thắng.
Đã trụ tịnh giới rồi
Hay tích tập đa văn
Vì cầu Tam-muội này
Thường cúng dường xá-lợi.
Hay dùng lọng tràng phan
Vòng hoa, hương xoa, bột
Vì cầu tịch định này
Nên cúng dường chư Phật.
Dùng kỹ nhạc tuyệt diệu
Ca hay cùng hòa tấu
Để cúng xá-lợi Phật
Tâm dũng kiện oai mãnh.
Tất cả các vòng hoa
Tất cả hương, y phục
Đều đem cúng dường Phật

Để cầu trí Phật vậy.
Các phước phần chúng sinh
Bình đẳng thí tất cả
Để cầu trí vô ngại
Là chư Phật vô thượng.
Ta từng ở trước Phật
Đặt bày cúng vô số
Dùng tâm không thiên lệch
Để cầu tịch định này.
Phật ra đời khó gặp
Được thân người cũng khó
Tín Phật pháp cũng khó
Xuất gia đủ giới khó.
Nay ngươi được gặp Phật
Đã phát tâm Bồ-đề
Chớ bỏ nguyện kiên cố
An trụ nơi hạnh lành.
Nếu thọ trì kinh này
Vào thời sau mạt thế
Mau được vô ngại biện
Thọ trì không quên mất.
Thọ trì một bài kệ
Phước tụ khó nghĩ bàn
Huống lại thọ trì hết
Như nghĩa thọ đầy đủ.
Chúng sinh đều thành Phật
Dũng mãnh đều cúng dường
Cung kính và tôn trọng
Hết số kiếp chúng sinh.
Nếu ở Tam-muội này
Thọ trì một bài kệ
So với công đức trước
Mười sáu không bằng một.
Ta biết trí tuệ Phật
Lợi ích chẳng nghĩ bàn
Thọ trì Tam-muội này

Sở hành tất cả Phật. [*]

-oOo-

[*] *Số kinh 639 này gồm 10 quyển, trong tập LSPBĐTK 60: từ Q.1-5; tập LSPBĐTK 61: từ Q.6-10.*